

TIỂU THUYẾT LÃNG MẠN NHẤT NĂM 2008

Julia Gregson

PHÍA ĐÔNG MẶT TRỜI

TIỂU THUYẾT
EAST OF THE SUN



Chương I

London, tháng chín năm 1928

Phụ nữ, có trách nhiệm, hai mươi tám tuổi, yêu trẻ em, có kiến thức về Ấn Độ, nhận làm bảo mẫu trong chuyến đi từ Tilbury tới Bombay với thù lao thanh toán bằng một nửa chi phí cho lộ trình.

Điều kỳ diệu cuối cùng cũng đã đến với Viva Holloway, sau khi cô phải mất ba đồng sáu xu trả cho mẫu quảng cáo của mình trên ấn bản tháng Chín của tờ Quý cô. Năm ngày sau, Viva có mặt tại một nhà hàng ở Derry & Toms, nội đô thành London, chờ đợi cuộc hẹn với khách hàng đầu tiên của mình, quý bà Jonti Sowerby đến từ Middle Wallop, Hampshire.

Thay vì mặc bộ váy bằng lụa may mắn tìm được trong một lần dạo chợ mua bán đồ cũ từ thiện, Viva đến với cuộc hẹn phỏng vấn trong bộ dạng của một người đánh máy thuê, công việc cô đang nhận làm tạm thời dăm bữa nửa tháng, cô ghét cay ghét đắng bộ âu phục được may từ thứ vải len xù xì xám xịt đang khoác trên người. Mái tóc dày đen nhánh thường ngày vẫn rủ từng lọn hoang dại buông hồ xuống bờ vai giờ được Viva buộc túm lên thành búi ẩm ướt thắt chặt trên đầu.

Cô bước vào phòng trà được trang hoàng lộng lẫy tràn ngập những tiếng rì rầm cười nói, xen lẫn giữa những tiếng ồn ào là giai điệu rời rạc của người nghệ sĩ đang nhún nhá từng phím trên chiếc dương cầm đặt trong góc phòng. Một người phụ nữ nhỏ nhắn, mảnh dẻ, trên đầu đội một chiếc mũ màu xanh khá đặc biệt (nom hết như một chiếc lông kín đặc được trang trí bằng những sợi lông chim tua tủa đâm ngược ra sau) nhanh nhẹn đứng dậy vẫy chào Viva.

Ngô`i sát bên cạnh bà ta là một cô gái khá bụ bẫm, im thin thít từ giây phút đầu tiên, tên cô, Victoria, con gái của Sowerby.

Một tách cà phê được mang ra, nhưng khá nhạt, không có bánh ngọt đi kèm. Từ sáng đến giờ Viva vẫn chưa có chút gì bỏ bụng, ánh mắt cô liếc nhanh về phía chiếc bánh ngọt được trang trí bằng những hạt óc chó nom khá ngon miệng nằ`m im lìm trong tủ kính phía dưới quầ`y hàng.

“Trông cô ta mới kinh khủng làm sao”, bà Sowerby lập tức quay sang than vãn với cô con gái, như thể không hề nhận thấy một Viva bằ`ng xương bằ`ng thịt đang ngô`i ngay trước mắt.

“Mẹ”, Victoria phản đố`i, giọng cô gái trẻ khá lạ, và khi bắt gặp ánh mắt cô gái ngược lên nhìn mình, Viva chợt nhận ra Victoria sở hữu một đôi mắt tuyệt đẹp: to tròn, sâu hun hút và xanh thẳm thẳm như những đóa xa cúc lam. Tôi xin lỗi vì đã không thể ngăn những lời bà ấy vừa thố`t ra, hai đóa xa cúc lam như muố`n nói với Viva như thế.

Cuố`i cùng thì Sowerby cũng chịu đi thẳng vào vắ`n đề`, bằ`ng chắ`t giọng khô khan, hướng về Viva, bà tóm tắt vắ`n đề` của họ, rằ`ng Victoria chuẩn bị sang Á`n Độ để làm phù dâu cho cô bạn gái thân nhắ`t của mình, Rose, con bé, theo như những gì bà Sowerby kể lại bằ`ng chắ`t giọng lè nhè đầ`y ấ`p sự khoe khoang, “đang chuẩn bị đính hôn với đại úy Jack Chandler thuộc trung đoàn kỵ binh số` 3 tại nhà thờ thánh Thomas ở thành phố` Bombay”.

Người bảo mẫu họ thuê trước đây, bà Moylett, đã quyế`t định từ chố`i không đi cùng vào phút chót - nguyên nhân từ chố`i, theo như những gì Sowerby kể lại, là bởi bà Moylett đột nhiên được một quý ông già cả thuê mướn làm bảo mẫu cho gia đình ông ta.

Viva đặt tách cà phê xuống bàn, trong mắt người đàn bà đứng tuổi trước mặt, cô như một thứ gì đấy được gọi tên bằng hai tiếng tuyệt vọng, gánh trên vai niềm khao khát không thể che giấu về mong muốn những khó khăn của mình sẽ nhanh chóng được bà ta giải quyết.

“Tôi khá hiểu Bombay”, cuối cùng Viva cũng lên tiếng, chỉ dựa vào một sự thật duy nhất: tròn mười tám tháng, cô từng nếm ngửa trên cánh tay mẹ mình để cùng bà bước dọc thành phố Bombay; vài năm sau, khi Viva tròn năm tuổi, một lần nữa cô có mặt trên bãi biển, ngon lành mút que kem mát lạnh ngọt lịm dưới nắng trời Bombay, và lần cuối cùng, ấy là khi cô lên mười, bàn chân Viva lại chạm vào Bombay, kể từ đấy, chưa một lần cô quay lại thành phố này. “Chắc chắn Victoria sẽ được trông nom cẩn thận”.

Cô gái hướng ánh mắt đầy ắp hy vọng vào Viva. “Chị có thể gọi tôi là Tor nếu thích”, Victoria nhẹ nhàng. “Các bạn đều gọi tôi bằng tên ấy”.

Khi người bồi bàn đến bên cạnh, bà Sowerby bắt đầu cao giọng phàn nàn về đồ uống, rồi yêu cầu một chút nước thuốc hãm thay cho thứ “trà Anh tầm thường”.

“Một nửa máu trong người tôi thuộc về nước Pháp”, bà giải thích, không quên bĩu môi như để chứng minh cho điều mình vừa nói.

“Cô biết gì về những chiếc rương đựng hành lý khổng lồ?”. Bà Sowerby vừa nói vừa kiểm tra một chiếc gương của mình bằng chiếc gương nhỏ xíu gắn trên mặt trong của hộp phấn bỏ túi. “Đấy là một trong những điều bà Moylett đã hứa hẹn sẽ giúp đỡ chúng tôi”.

Đến lúc này thì phép màu thực sự xảy ra với Viva: một tuần trước, khi cô sục sạo nghiên ngẫm đến nát tờ Người tiên phong với hy vọng tìm được một công việc thích hợp, tình cờ cô đã đọc được

mẫu quảng cáo của một người thợ may tên Ram về vớ nỉ bà Sowerby đang quan tâm.

Viva bình tĩnh nhìn thẳng vào mắt bà Sowerby. “Sản phẩm của hãng Viceroy là tốt nhất”, cô nói. “Mặt trong chúng được viền thép trước khi bọc vải bạt bên ngoài. Bà có thể tìm mua tại cửa hàng Quân trang và quân dụng. Tôi không nhớ chính xác giá thành của loại rương này nhưng tôi đoán khoảng hai mươi lăm si-ling một chiếc”.

Không gian bên trong nhà hàng đột nhiên xao động. Tiếng leng keng lách tách của dao nĩa thìa ly chạm vào nhau đột nhiên im bặt. Một quý bà xinh đẹp, khá quý phái trong bộ váy áo nhạt màu chậm rãi bước vào, miệng khẽ nhoẻn cười khi tiến về phía bàn bà Sowerby.

“Xin giới thiệu, đây là bà Wetherby”. Tor tươi cười đứng dậy ôm hôn chào đón người phụ nữ xinh đẹp vừa bước vào.

“Cô ngồ i xuống đây”, Tor nom hoạt bát hẳn lên, vỗ nhẹ vào chiếc ghế bên cạnh chỗ cô ngồ i. “Cháu và mẹ đang nói với nhau về công việc, kinh khủng, những chủ đề tế nhạt”.

“Phải đấy, Victoria”. Bà Sowerby xen vào, “bé giọng thôi, không cả cái nhà hàng này nghe hết chuyện của chúng ta đấy”. Rồi bà quay sang Viva. “Bà Wetherby đây là mẹ của Rose, con bé sắp đính hôn với ngài đại úy Chandler ở Ấn Độ ấy. Con bé xinh đến nao lòng”.

“Tôi không thể chờ đến lúc được gặp bạn ấy”. Tor đột nhiên hào hứng, khuôn mặt cô bừng lên rạng rỡ. “Rose rất vui tính, một người bạn hoàn hảo, bất kể ai tiếp xúc với Rose đều yêu quý bạn ấy - bọn tôi chơi với nhau từ hồi còn để chỏm, đến trường cùng nhau, cười chung những chú ngựa Pony xinh xắn...”.

Viva bỗng thấ y cơn đau nhói lên trong lờ ng ngực, những cảm xúc thân quen chợt ùa về - những kỷ niệm không bao giờ quên về những người bạn thân thiế t từ thời thơ ấ u.

“Victoria”, bà Sowerby mắ ng khẽ cô con gái. Những chiế c lông chim xanh thẳ m trên mũ rừ xuô ng im lìm ngang chân mà y khiế n bà trông giồ ng như một chú chim bé bỏng đang bị kẻ khác làm mế ch lòng. “Mẹ không chắ c chúng ta phải kể cho cô Holloway đây nghe mọi chuyện. Chúng ta vẫn chưa quyế t định, đúng không nào? Hơn nữa, Rose yêu quý của chúng ta đang ở đâu?”.

“Tại tư gia của bác sĩ”. Giọng bà Wetherby trở nên lúng túng. “Cháu biế t đầ y...”. Nhấ p một ngụm cà phê, Wetherby trao đổi với bà Sowerby một ánh nhìn thoáng qua, như ra đầ u. “Hai mẹ con cô đã có cả một buổi sáng tuyệt vời nhấ t bên nhau từ trước đầ n nay trước khi cô để con bé rời khỏi xe”, giọng bà Wetherby nhẹ như thờ. Bọn cô cùng đi mua quầ n áo, vợt tennis, một giờ sau cô gặp lại Rose tại Beauchamp, con bé chuẩn bị sắ p xế p đầ đặ c đưa về nhà chồ ng. Cuộc đời tẻ nhạt của con bé cuố i cùng cũng hoàn toàn chắ m dứt sau đầ m nay. Cô không nghĩ mình có thể mua đượ nhiề u áo quầ n đầ n thế chỉ trong một ngày. Giờ thì, cô gái xinh xắ n này là ai vậy?”.

Lập tức Viva đượ giới thiệu với bà Wetherby như một “bảo mẫu chuyên nghiệp”. Wetherby mỉm cười, điệu đầ đặt một tay lên vai Viva, vui vẻ chào hỏi cô bằ ng tắ t cả niề m hứng khởi có trong người bà.

“Tôi vừa mới phỏng vắ n cô ta xong”, bà Sowerby nhanh nhẩu nói với Wetherby. “Cô ta hiểu rõ Á n Độ như lòng bàn tay, không chỉ có thế, cô ta còn biế t khá rõ mọi vắ n đầ liên quan đầ n rương hòm hàng hóa - cô ta bảo sản phẩm của Viceroy là tồ t nhấ t”.

“Các cô gái bao giờ cũng nhạy cảm”, giọng bà Wetherby đột nhiên đượm mùi âu lo. “Chúng chỉ cảm thấy an tâm khi có ai đi theo cùng và để mắt đến mọi chuyện”.

“Nhưng tôi e là chúng tôi chỉ có thể trả cô năm mươi pao cho việc trông nom cả hai con bé”, giọng bà Sowerby chặc nịch, “không thêm không bớt một xu nào nữa”.

Viva nhanh chóng lăm nhăm vài phép tính trong đầu, giá vé một chièo từ London đi Bombay là tám pao. Cô đã để dành được một trăm hai mươi pao, chắc chắn cô sẽ cần nhiều tiền hơn khi đặt chân đến Bombay.

“Nghe có vẻ hợp lý”, Viva thản nhiên trả lời, cô giữ giọng thật nhẹ nhàng như thể những lời mình vừa thốt ra chỉ là những thứ quen thuộc vẫn xảy ra mỗi ngày.

Tor thở phào, rồ i rít. “Ôn Chúa!”. Cô gái không giáu giếm niềm hân hoan. “Tuyệt thật đấy!”.

Viva bắ t tay chào tạm biệt ba người đàn bà trước mặt, nhanh nhẹn rời khỏi nhà hàng bắ ng những bước dài hoan hỷ; những điề u sắ p tới mới thật sự là một miế ng bánh ngọt ngào: một con bé nhút nhát với cặp mắ t xanh biế c, cùng một bà mẹ nom rõ ngớ ngẩn rõ ràng đang trong cơn tuyệt vọng; bạn gái của con bé, Rose, chuẩn bị kế t hôn và không còn lựa chọn nào khác.

Cuộc hẹn tiế p theo diễn ra tại khách sạn Hải quân, tại đây Viva sẽ gặp gỡ bà Bannister cho những nhiệm vụ sắ p tới: bảo mẫu cho một nam sinh đé n gặp bô mẹ cậu bé đang sinh số ng ở Assam. Cô quờ tay vào túi xách tìm mẫu giấ y ghi cuộc hẹn. Tên cậu bé, Guy Glover.

Ít phút sau Viva đã đố i mặt với bà Bannister, một quý bà mặt mũi lúc nào cũng cau có, hai hàm răng sin sít, có vẻ là một người khá

nóng nảy. Chẳng phải ngoài bốn mươi, Viva thậm đoán, mặc dù chưa bao giờ cô được xem là người chính xác trong trò đoán tuổi người đời. Bà Bannister gọi hai tách trà ấm, không bánh ngọt, không cả bánh qui đi kèm.

Bannister nhanh chóng đi thẳng vào vấn đề, bởi theo như lời bà ta nói, thì đúng ba giờ rưỡi bà phải bắt chuyến tàu trở về Shrewsbury. Anh trai của bà ta, chủ đồn điền chè xanh ở Assam, và vợ của ông ấy, Gwen, đang rơi vào tình thế “tiền thoái lương nan”. Con trai của họ, Guy, đứa con duy nhất, đột ngột nhận được yêu cầu rời khỏi trường học. Tháng bé chỉ mới mười sáu tuổi.

“Thằng bé khá khó tính, nhưng như tôi đã nói, ẩn sau vẻ khó tính ấy là một đứa trẻ cực kỳ tốt bụng”, bà cô của khách hàng trấn an Viva. “Nó đã theo học tại trường thánh Christopher suốt mười năm nay và chưa một lần quay trở lại Ấn Độ. Vì một số lý do khác nhau, tôi không có thời gian để giải thích với cô tại sao chúng tôi lại không thể tiếp tục chăm sóc thằng bé ở đây mặc dù chúng tôi rất muốn điều ấy. Nhưng sau tất cả, bố mẹ Guy đã quyết định sẽ tốt hơn cho nó khi ở Ấn Độ. Nếu cô chăm nom nó cẩn thận, họ sẽ thanh toán toàn bộ chi phí cho chuyến đi của cô”.

Viva có cảm giác khuôn mặt cô lúc này đang đỏ ửng vì vui sướng trước những lời bà Bannister vừa thốt ra. Nếu toàn bộ chi phí chuyến đi lần này được bố mẹ cậu bé thanh toán, cô sẽ giữ được nguyên vẹn năm mươi pao của bà Sowerby, cô có thể dùng nó để trang trải cho một kỳ nghỉ xả hơi ở Ấn Độ, ơn Chúa vì điều đó. Phấn khích với viễn cảnh trước mắt, thậm chí trong đầu của Viva lúc này không mấy may một chút nghi ngờ tại sao một thiếu niên ở tuổi mười sáu lại không thể tự mình thực hiện được một cuộc hành trình không lấy gì làm khó khăn, hay chí ít, cô không hề thắc mắc tại sao bố mẹ của cậu bé, ông bà Glover, lại không thể quay về nước Anh để đón đứa con trai duy nhất của hai người.

“Tôi gửi cô bản đồ trường học của Guy và một khoản tiền tạm ứng trước”, Bannister nhanh nhẩu. “Cảm ơn cô đã nhận lời”. Bà nhanh chóng kết thúc mọi thủ tục và đứng dậy.

Nhìn điệu bộ vội vàng đến hấp tấp của Bannister khi rời khỏi nhà hàng bước đến bên cạnh xe taxi, chiếc áo choàng mưa của bà ta khẽ phấp phồng phấp phật sau lưng theo chiều gió, Viva chợt bùng lên nổi áy náy, cô tự hỏi tại sao người ta lại có thể dễ dàng bị lừa dối đến thế, đặc biệt là khi họ đang muốn nghe về điều mình đang nóng lòng chờ đợi. Viva không phải hai mươi tám tuổi như lời cô nói với các khách hàng, cô chỉ mới hai lăm, và Án Độ trong cô chỉ là một chấm nhỏ ký ức mơ hồ xa xôi từ những ngày còn thơ ấu, bao nhiêu năm đã trôi qua, ngấn ấu y lân vật đổi sao dời. Những gì Viva biết về Án Độ lúc này có lẽ giống như những gì cô biết về một nơi xa xôi nào đấy nằm trong lòng mặt trăng vẫn treo trên đầu London bao nhiêu năm qua.

Chương 2

“Cô ta cũng được đấ y chứ?”, Sowerby hỏi Wetherby sau khi Viva khuấ t dạng. “Cô gái khá xinh”, bà trả lời, ngắ n gọn như thể đấ y là điề u kiện tiên quyế t giúp Viva được lựa chọn, “nế u phải trả giá cho bộ trang phục kinh hoàng ấy. Trời đấ t quý thầ n ơi, là phụ nữ Anh với xồ ng áo đấ y”. Mồi trên bà trề ra hế t cỡ khi phát âm từ “xồ ng áo”, nhưng mặc kệ, Tor vẫn không buồ n phản ứng lại những gì mẹ cô vừa nói.

Dẫu sao bọn họ cũng đã thuê được một bảo mẫu, bước thứ hai của kế hoạch cuố i cùng cũng đã đầ u vào đấ y. Màn kịch cam với nội dung xoay quanh chủ đề cân nhắ c tính toán chuyện tiề n bạc một cách chi li của bà mẹ có thể đã đánh lừa được ai đấ y, nhưng nó không qua được mắ t cô. Hai người đã có một cuộc tranh cãi kịch liệt nhuố m đấ y mùi vị chua chát và đủ sắ c màu cay đắ ng trong mùa hè năm ấy khi cô cho rằ ng có thể một gã người lông lá đội lố t khi sẽ sẵn sàng nhận việc này, lúc bắ y giờ bà mẹ chỉ thủng thắ ng một câu, “như thế càng tuyệt”, để rồ i người tuyệt vọng lại là bà khi chứng kiế n Tor quyế t định ra đi.

Đề giờ đây, có vẻ cô không còn chịu nỗi cảm giác hờ i hộp đang mỗi lúc một duề nh lên trong người. Vé tàu đã được giao vào sáng hôm nay, cô sẽ rời khỏi nơi này trong hai tuầ n nữa. Hai tuầ n! Hai mẹ con có đủ một ngày ở London để mua sắ m váy áo cùng những đồ ùng câ n thiế t được người hướng dẫn viên ở Bombay lên một danh sách dài dắ ng đặc gửi sang từ trước.

Mẹ cô, người đàn bà của những nguyên tắ c và quy định, trong tấ t cả mọi vậ n đề - chẳng hạn, chỉ được uố ng nước chanh và nước lọc vào thứ Ba, thứ Tư thì không được phép đặ ng vào bất kỳ một

mẫu bánh ngọt và phải nói “bing” trước khi bước chân vào mỗi căn phòng bởi điê`u này về` lâu dài sẽ giúp chiế`c miệng trở nên duyên dáng và quyê`n rũ hơn bội phâ`n - cuô`i cùng cũng đã nói lỏng chúng, thậm chí bà còn hào phóng gặt đầ`u khi cô con gái chỉ vào chiế`c bánh ngọt được điểm xuyê`t bằ`ng những hạt óc chó thơm nức tại tiệm Derry & Toms. Giờ đây cô hiểu đã đê`n lúc mình phải tỏ thái độ rạch ròi dứt khoát, mọi thứ liên quan đê`n mẹ đã khiê`n cô nổi giận: cái bĩu môi đầ`y miệt thị của bà ngay khi mới đặt chân đê`n một thành phố` của nước Pháp, những chiế`c mũ kiểu cách rồ`i rắ`m, loại nước hoa luôn khiê`n bà mê mẩn (hiệu Guerlain’s Shalimar); đầ`y là còn chưa kể đê`n một loạt những quy tắ`c liên quan đê`n đám đàn ông, đê`n tác phong chuyện trò, mọi thứ, cô đê`u có thể chịu đựng được - bởi cô sẽ sớm cuô`n gói khỏi bà, đi, ra đi, mãi mãi, tràn trề` hy vọng sẽ không bao giờ phải quay trở lại, và những năm tháng tồ`i tệ nhấ`t của đời cô sẽ bị bỏ lại sau lưng, mãi mãi trở thành quá khứ.

Sau tuầ`n trà, bà Wetherby đứng dậy đi đón Rose ở tư gia của bác sĩ. Mẹ của Tor nhắ`m nháp chút nước chanh nóng - nhà hàng không thể bói đâu ra nước sắ`c thuô`c hãm kỹ cho bà - tay kia vẫn nắ`m chặt chiế`c bút chì và cuô`n sổ nhỏ với một danh sách dài dằ`ng đặc mớ váy áo câ`n mua.

“Con gái yêu. Phải tìm vài chiế`c quầ`n ô`ng tùm. Có thể con sẽ câ`n chúng khi đi săn ở Ấ`n Độ”.

Bà Sowerby cao giọng khiê`n Tor có cảm giác như thể mẹ cô cô` tình như vậy để gây sự chú ý với đám thực khách xung quanh, chẳng phải một lâ`n, họ đã từng là những con người dễ kích động.

“Ci Ci bảo không biế n mình thành kẻ ngớ ngẩn khi tìm mua những chiế c quầ n kiêu như thê ở London. Cô ấy biế t một gã ở Bombay có thể may chúng với giá vài xu”.

Ci Ci Mallinson với bà Sowerby là chỗ bà con họ hàng gầ n, Ci Ci chính là người sẽ hướng dẫn Tor khi cô đê n Bombay. Thậm chí bà ấy còn dũng cảm đê n mức dám nhận lời tổ chức lễ kêt hôn cho Rose khi chưa một lâ n gặp mặt. Trong bức thư được viế t trên thứ giấ y nâu xin cứng queo đê n độ có thể vỡ vụn khi uớ n cong, những con chữ xiên xẹo của Ci Ci cho biế t thông tin về những buổi tiệc, những câu lạc bộ thể dục thể thao, những mớ c ngày tháng đánh dấ u các cuộc đua tranh, cả bữa tiệc khiêu vũ không lô do chính ngài thồ ng đố c trực tiế p đứng ra tổ chức.

“Một ý tưởng tuyệt vời”, bà ấy dành những dòng cuối cùng để ca ngợi về buổi tiệc khiêu vũ vừa diễn ra gầ n đây tại một nơi được gọi là Câu lạc bộ thuyề n buồ m Bombay. “Tấ t cả các chàng trai lịch thiệp đê n từ nước Anh đê u có mặt, mọi cô gái đê u có đủ mười phút với mỗi người trong bọn họ, sau đấ y sẽ tiế p tục - cực kỳ vui vẻ và đủ lâu để tìm hiểu nhau nế u cảm thấ y ưng ý”. Trước khi kêt thư, Ci Ci không quên cảnh báo, “Dân ở xứ này luôn nỗ lực hê t mình để giữ vững tinh thầ n, thê nên đừng quên mang theo một số tạp chí Vogue có in hình các cô gái xinh đẹp của chúng ta, và nế u chưa cảm thấ y đủ tế nhị, mang thêm vài chiế c váy lụa hồ ng mặc trong tiệc trà - cái váy của cô đã bị lũ kiế n đói khát ở đây nghiề n toi tả mấ t rồ i!”.

Ít phút sau, giữa hai mẹ con chỉ còn lại sự im lặng đê n nao lòng. Tor cảm nhận được dòng tâm tư phức tạp và bó i rồ i đang đuồi nhau dưới cánh mũ của mẹ. Có những điề u không hê xa lạ với cô: Tor từng mỉm cười rấ t nhiề u, hoặc giả giá nó giố ng con bé Rose, mọi phí tổn cho chuyề n đi sang Á n Độ có thể tiế t kiệm được kha khá; nế u nó ít ăn bánh ngọt lại, uớ ng nhiề u nước chanh và nước lọc vào

thứ Ba; học thêm tiếng Pháp. Bà Sowerby luôn cố gắng áp đặt mọi thứ lên cô để rồi ngán ngẩm kết luận, Tor là nỗi thất vọng trần trụi của mình.

Nhưng xem kìa, lần này thì khác hẳn, thật kinh ngạc làm sao, một vệt nước mắt đang từ từ lăn xuống gò má, cắt ngang lớp phấn nền trắng tinh trên khuôn mặt bà Sowerby, chậm rãi lăn xuống khóe miệng và mất hút sau vành môi.

“Đến đây nắm lấy tay mẹ, con yêu”, bà gằn như nức nở, nhưng vẫn cố gắng kiềm chế cơn xúc động bằng hơi thở khá sâu. Tor không thể làm được điều mẹ cô đang mong đợi, cô đứng dậy gạt chiếc ghế sang bên. Bà Sowerby cảm thấy đau nhói trong lòng. Tor không thể làm gì khác. Đã quá muộn, những vết thương lòng đã kịp cày xới tan hoang tâm can cô.

Không thể gọi được một chiếc taxi trong những ngày như thế này, lại không phải là công dân thường xuyên bắt đầu ngược xuôi trên những chuyến xe buýt, phải mất hơn một giờ đồng hồ Tor mới kiếm được một chỗ trên cùng của chiếc xe buýt hai tầng, cô lặng lẽ ngấm nhìn màn mưa đang phủ dày lên những nhánh cây ngọn cỏ trong công viên thánh Jame. Chiếc xe buýt ịch chạy dọc đường Piccadilly hướng đến phố Swan & Edgar, và Tor, vẫn cảm nhận được mùi hương quen thuộc của mẹ hãy còn lẫn khuất đâu đây, rất gần bên cô, trái tim cô như vỡ òa giữa những cung bậc thăng trầm của nỗi buồn đang ngự trị, giằng xé trong lòng.

Từ trên xe buýt, Tor có thể nhìn thấy vòm trời khổng lồ của London kéo dài đến tận cuối đường chân trời: những cửa hiệu rực rỡ hai bên cửa sổ ken dày hình nộm mặc dù loại váy áo với muôn ngàn màu sắc sặc sỡ, những con người thú vị, một thế giới rộng lớn hơn đang chờ đón cô ở phía trước.

Những tia nắng lướt qua khuôn mặt của mẹ cô khi bà Sowerby đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ. Những chiếc lông chim xanh biếc tô điểm trên chóp mũi của bà khẽ gập gù như thể chúng vẫn còn đậu trên mình một chú chim sống động nào đấy.

“Con gái, nhìn kia!”, bà kêu lên. “Kia là Ritz - ôi lạy Chúa, mẹ nhớ London biếc t nhường nào”, bà thở hắt ra. Khi chiếc xe buýt chạy dọc đường Piccadilly, mẹ cô không ngót chỉ tay vào những thứ được bà gọi là “những nà - hàng lịch sử” (khi mẹ cô bị kích động, bà thường gặp khó khăn trong khâu phát âm), nơi mà ngày xưa bà và bố cô thường dấn nhau đến đấy thưởng thức mỗi khi rùng rinh trong túi, cái thời Tor còn chưa ra đời: đây, nhà hàng Capriati; kia là I&O - “bếp trưởng cực chán” - cả kia nữa, tiệm Café Hoàng gia.

Tor nghe thấy vài cô gái bán hàng gõ i ở băng ghế sau cười khúc khích và nhạo lại, “bếp trưởng cực chán”.

Nhưng lần đầu tiên, cô tự nhủ sẽ không buồn phản ứng lại bọn họ - cô chuẩn bị đặt chân đến Ấn Độ, trong hai tuần. Khi bạn mỉm cười, cả thế giới sẽ mỉm cười lại với bạn.

Hai người xuống xe trước trung tâm thương mại Swan & Edgar. Mẹ cô, thường ngày vẫn tự hào khoe khoang là chỗ thân tình với vài quản lý ở đây, đã yêu cầu sự phục vụ của Madame Duval, một bà góa, lúc nào cũng tận tình và là chỗ thân quen với mẹ từ những ngày xa lắc xa lơ. Bà Sowerby giải thích với Tor như thế.

Ở tầng trên, Tor dán mắt vào Madame Duval lúc bảy giờ đang ngậm một nhúm kim may trong miệng, khi thấy bà Sowerby đã vội vã rút những mũi kim ra ngoài để cất lời chào hỏi, câu chuyện giữa hai người đàn bà lâu ngày gặp lại vẫn chỉ xoay quanh chuyện đám con gái và những lời tán dương dành cho bà khách hàng dù có tuổi vẫn giữ được phom người mảnh mai như thời thiếu nữ. Tor im lặng lắng

nghe niêm sung sướng của mẹ cô bắt đầu cuộn lên theo những lời tán dương của bà Duval, từ lời khuyên mà cô đã được nghe đến món tai vè nước chanh đến kết hợp với khẩu phần ăn chặt chẽ của bà. Tor đã khôn khéo đến thế nào khi phải tuân thủ nghiêm ngặt thứ nguyên tắc ăn kiêng đến suýt chết đói áy của bà, và trong những đợt ép mình như thế, bà Sowerby chỉ đồng ý mua cho Tor những bộ váy áo với kích cỡ cực nhỏ nhằm mục đích hăm dọa ép buộc cô phải tuân thủ để đạt được một thân hình gầy ngoảnh theo ý muốn của bà. Nhiều khi cô nghĩ mẹ chỉ muốn ép cô vào khuôn khổ hồng đạt được thân hình thon gọn mảnh mai cho đến một ngày, khi bà đón nhận một thực tế phũ phàng: cuộc chiến âm ỉ kinh hoàng giữa bọn họ đã xảy ra - gầy như choáng váng - áy là khi mẹ cô tìm thấy Tor trong một đêm khuya muộn, sau một bữa tiệc tẻ nhạt nơi cô ngồi chờ tương chừng đến mọc rề nhưng vẫn không có ma nào đến mời Tor nhảy, đang ngấu u nghiền ngôn hết ổ bánh mì trắng kẹp mứt ngọt này đến ổ khác trong nhà nghỉ mùa hè.

Đây là đêm đầu tiên khi mẹ cô, một người thành thạo nhiều ngoại ngữ, đã nói với Tor về một thuật ngữ trong tiếng Đức, Kummerspeck để giải thích cho một loại béo bệnh chỉ có ở những người dùng đồ ăn thức uống để thỏa mãn niềm đam mê ăn uống hồng tăng cân một cách nhanh chóng của bọn họ. “Nó có nghĩa là béo yếu béo xấu”, bà kết luận, “giống như con bây giờ”.

“Đây rồi, tôi có một chiếc cỡ lớn hơn”. Jolly Madame Duval quay lại mang theo một cặp quần hơi quá khổ. “Có thể vừa. Hè này chúng ta không định đi tập ở câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ nào à?”.

“Không”, bà Sowerby trả lời, như thường lệ. “Con bé sẽ đi nghỉ ở Ấn Độ, phải không Victoria?”.

“Vâng”. Tor nhướn mắt nhìn qua đầu hai người đàn bà đang đứng chắn trước mặt, cô thấy dáng mình hiện lên mô n một trong

chiếc gương lớn treo sát vách tường. Mình béo quá, cô chợt nghĩ, hơi đầy đà.

“Ấn Độ! Tuyệt quá”. Giọng bà Madame Duval gằn như reo lên với mẹ cô. “Một cuộc phiêu lưu. Cô bé may mắn ạ”.

Bà Sowerby cảm thấy khoan khoái. “Chính xác, rất vui vẻ”, bà đáp lại bằng tiếng Pháp. “Khi những cô gái đến đây, bọn họ gọi chúng là câu lạc bộ Buông câu. Chẳng là ở đây luôn đây ắp các anh chàng trẻ tuổi”.

“Không, mẹ”. Tor đính chính, “người ta gọi bọn con là phi đội Buông câu”.

Bà Sowerby phớt lờ cô con gái. “Và những cô nàng nào không thể kiếm cho mình một người đàn ông ở đây”, bà Sowerby dừng lại ném vào Tor một cái nhìn tinh nghịch, nửa như bỡn cợt, nửa như thách thức, “được gọi là tay trắng trở về”.

“Ôi, thế thì không hay ho cho lắm”, Madame Duval phụ họa, và ngay lập tức không quên đỡ lời, “nhưng chuyện này không xảy ra với Victoria yêu dấu của bà đâu nhỉ?”.

“Xì...”, bà Sowerby buông một cái bĩu môi đánh thượt theo thói quen mỗi khi ngắm mình trước gương. Bà đưa tay chỉnh lại chiếc mũ trên đầu. “Hãy hy vọng là không”.

Con ghét mẹ. Tor tưởng tượng ra hình ảnh cô chộp lấy một chiếc kim gằn đây và chọc thẳng vào người bà Sowerby, Tor hả hê với những tiếng kêu gào đau đớn của mẹ mình đang cuộn lên trong đầu. Con hận mẹ, cô nghĩ. Con sẽ không bao giờ quay trở về nữa đâu.

Chương 3

Chỉ còn một sự sắp đặt cuối cùng dành cho Viva khiến cô có cảm giác gập ghềnh như rơi vào tình trạng mê sảng giữa những trạng thái kích động tinh thần tột cùng. Một cuộc hẹn vào lúc bảy giờ tại câu lạc bộ trường đại học Oxford và Cambridge đóng trong khuôn viên khu vực mua sắm sầm uất Pall Mall với William, viên giám hộ đồng thời là người thực thi di chúc của bố mẹ cô.

Chính là William chứ không phải ai khác, là kẻ hai tháng trước đã bắt đầu dàn xếp một cách gập ghềnh như tình cờ toàn bộ chuỗi sự kiện dẫn đến cuộc ra đi của cô đến Ấn Độ xa xôi, bắt đầu từ một bức thư - với những hàng chữ run rẩy xiên xẹo được viết trên loại giấy rẻ tiền - gửi cho Viva tiết lộ về một chiếc rương bị bố mẹ cô để quên tại Ấn Độ. Người viết thư, tự xưng là bà Mabel Waghorn đến từ Simla, cho biết chiếc rương chứa đầy quần áo và một số tài sản cá nhân đang được cất giữ trong một nhà kho sát bên khuôn viên tư gia của bà. Mùa mưa đã đến, những cơn mưa tầm tã kéo dài từ ngày này sang ngày khác ở đây khiến bà Mabel lo lắng chiếc rương có thể sẽ mục nát. Bà còn cho biết, sau đám tang những chiếc chìa khóa mở nắp chiếc rương của bà đã bị William Philpott thu giữ, hiện anh ta đang ở tại Inner Temple Inn, London - một khi những chiếc chìa khóa còn chưa nằm trong tay cô, cô có thể đến đây yêu cầu được nhận lại chúng.

William lập tức gửi ngay một lá thư phúc đáp. Những con chữ tù túng dù đã được nắn nót một cách cẩn thận mang theo những thông điệp không mấy dễ chịu.

“Xin thứ lỗi cho tôi vì đã thẳng thắn đến mức tàn nhẫn”, trong thư anh ta viết, “nhưng tôi nghĩ cô không cần phải đưa ra bất kỳ

phản ứng nào trong chuyện này. Tôi sẽ gửi cho bà già ấy một ít tiền để bà ta đóng khư những chiếc rương. Tôi đang giữ những chiếc chìa khóa mà cô mong muốn”.

Dẫu có ghét cay ghét đắng khi phải đồng tình với anh ta, nhưng Viva vẫn phải thừa nhận có lẽ William đã đúng. Quay trở lại Án Độ lúc này giống như việc châm ngòi và ném thẳng một quả bom vào giữa tâm điểm cuộc đời cô.

Và cô sẽ tìm được gì ở đây? Một giấc mơ nhuộm đầy sắc màu cổ tích của một đứa trẻ về kho báu đang bị lãng quên như trong câu chuyện của Rider Haggardish hay những ảo tưởng về một cuộc đoàn viên sum họp với gia đình đã thất lạc từ lâu của mình?

Không, chuyện này thật lố bịch, rốt cục rồi cũng chỉ còn lại khổ đau mà thôi. Trong lúc miên man đến ám ảnh, Viva có cảm giác cô đang lạc lối trong đêm tối.

Cuối cùng, sau sáu tháng và hai lần đổi chủ với chỉ một công việc tẻ nhạt duy nhất của một nhân viên đánh máy ở London - lần đầu cho một nghị sĩ nghiện rượu sáng say chiều xin, lần sau cho một nhà máy sản xuất khóa kim loại - Viva tìm được công việc cô hằng yêu thích, trợ lý cho Nancy Driver, một phụ nữ hơi lập dị, nhưng tốt bụng, một nhà văn đang gây ấn tượng với những cuốn tiểu thuyết lãng mạn, một người chủ luôn hào phóng với những lời khuyên chí lý chí tình dành cho cô. Công việc mới giúp cô kiếm được ba mươi si-ling mỗi tuần, đủ để cô chuyển từ YWCA đến một căn phòng chật chội với không gian đủ để vừa ngủ vừa tiếp khách ở khu phố phố Earls Court. Những trang mới tốt đẹp trong cuộc đời bắt đầu được cô tự tay viết nên, cả những trải nghiệm đầu tiên về sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, về niềm đam mê, những xúc cảm tốt đẹp mà cô cảm nhận được trên từng tế bào trong cơ thể mình. Viva đã tìm thấy - hay chỉ là vô tình trượt chân

vào - những điều cô đang mong muốn mình sẽ đạt được trong cuộc đời này.

Cô cảm thấy kinh hoàng khi phải gặp William thêm một lần nữa - mối quan hệ của hai người quá phức tạp và... biết nói thế nào nhỉ? Khá bản thủ. Viva viết một bức thư đề nghị anh ta gửi những chiếc chìa khóa cho cô theo đường bưu điện, nhưng William dứt khoát từ chối.

Tại sao phải cho đi những cơ hội mới mẻ tuyệt vời trong cuộc đời và nhận về mình những mâu thuẫn vật đến vỡ vụn để rồi tiếp tục quay quắt giữa những khao khát và ước muốn bằng ảo tưởng được chứng kiến lại những món đồ trong quá khứ của bố mẹ cô?

Thực ra, trong vùng ký ức nhập nhòa của cô, không có nhiều dành cho kỷ niệm về gia đình mình từ những ngày thơ ấu. Thời gian đã xóa nhòa mọi vết thương, những kỷ niệm cay đắng, thời gian cùng những hoài niệm xa xôi về ngôi trường nội trú, và cuối cùng là London - nơi lần đầu tiên cô không quen biết bất kỳ ai trong cái thành phố xa lạ này. Thực ra, một trong những điều cô cảm thấy thích thú nhất ở thành phố này - ngoài những phù hoa có sức hấp dẫn đến hiển nhiên, là nhà hát, những phòng tranh, lối mòn thư thái tản bộ ven dòng sông lững thững trôi - chính vì nơi đây không có nhiều những kẻ thích quan tâm đến người khác bằng những câu hỏi đậm tính tò mò cá nhân riêng tư. Ở đây cô chỉ gặp đúng hai người như thế: người đầu tiên, người duyệt các mẫu đơn ở YWCA, đã thách thức về khoảng trống mà cô đã không đi vào trong phần "Nguyên quán", người thứ hai, Fran, cô bạn thân thiết cùng nghề đánh máy có thân hình hơi quá khổ nằm ở giường kê bên trong phòng lưu trú tập thể. Viva trả lời cả hai, rằng bố mẹ cô đã chết trong một vụ tai nạn ở Ấn Độ, từ nhiều năm trước. Có vẻ đây là câu trả lời tốt nhất giúp cô thoát khỏi cả hai ra khỏi nỗi ám ảnh có tên tò mò. Cô không hề tiết lộ với bọn họ chút gì về Josie.

Mình không phải kể cho bọn họ nghe về những điếu chị ấy đã phải vất vả để nhường nào để học tập cùng William.

Khi chạy những bước dài trên các bậc tam cấp của tòa nhà, Viva đã nhìn thấy anh ta đang đứng đợi cô bên ngoài tiền sảnh được xây dựng theo lối kiến trúc La Mã của câu lạc bộ Oxford và Cambridge. Một con người khó tính, khoác trên mình bộ âu phục được may từ loại vải có những viên sọc mảnh dẻ trên mình, lần cuối cùng cô nhìn thấy loại vải này là khi chúng được dùng để bọc tay cầm trên những chiếc ghế đặt trong căn hộ của anh ta ở Westminster. Trong đầu cô còn nhớ như in hình ảnh William tỉ mỉ xếp ngay ngắn thành hàng thẳng lối những chiếc dây đeo quần ngay trên thân những chiếc quần đùi của anh ta, tiếp đến là một chiếc cổ áo đã được hồ vải cứng gấu, cuối cùng là chiếc cà vạt bằng lụa thẳng mượt.

“Trông cô rất ổn, Viva”. Giọng William khá mạnh, hơi cao, vút lên trên những mái vòm của tòa nhà Inner Temple tạo nên hiệu ứng âm thanh khá lạ tai. Anh ta đang là luật sư ở Inner Temple. “Tôi rất làm”.

“Cảm ơn anh, William”. Cô tự nhủ cần phải bình tĩnh. Trước khi đến đây cô đã lựa chọn trang phục khá cẩn thận: một chiếc váy lụa màu san hô - đồ bỏ đi của Driver - rất mềm mại và mịn màng. Một đóa hồng tím đã hơi ngả màu xám hờ hững cài trên vạt áo, lý do khiến bộ váy áo bị Driver cho đi.

“Tôi đã đặt sẵn một bàn cho chúng ta”. William dắt cô vào phòng ăn, mùi thịt quay tràn ngập căn phòng.

“Không cần phải thế đâu”, cô vội vã từ chối. “Tôi chỉ đến lấy những chiếc chìa khóa rồi nhanh chóng rời khỏi đây thôi”.

“Rồi cô sẽ có chúng thôi”, William điềm tĩnh trả lời.

Người bồ i bàn dẫn cả hai đế n cạnh một chiế c bàn đôi nằ m trong góc phòng ăn rộng rãi. William đã có mặt ở đây từ trước. Một chiế c phong bì dày cộm - Viva đoán những chiế c chìa khóa đang được cất giữ trong đấ y - nằ m im lìm dưới lọ hạt tiêu bằ ng bạc.

Bồ i bàn mang đồ ể ăn ra cho hai người, xúp nầu và đùi cừ cồ c-lê t cho William, Viva gọi cá bơn nướng, món ăn đơn giản và nhanh chóng nhấ t trong cuố n thực đon, lại khá thích hợp với cái bụng đang sôi sùng sục vì đói của cô.

Cô liế c nhanh qua mặt anh ta. Vẫn bộ dạng oai vệ trong bộ Âu phục hoàn hảo đế n từng đường kim mũi chỉ, với diện mạo đầ y quyề n uy, nét điển trai còn phẳ ng phấ t đầu đó trên khuôn mặt lạnh lùng của William - cho dù những vế t tích của con số t rét trong những ngày tháng ở Á n Độ vẫn còn đọng lại trên màu da vàng vọt của anh ta.

“Cô có chấ c mình muố n có chúng không?”. Anh đặt tay lên chiế c phong bì.

“Tầ t nhiên”, cô trả lời. “Cảm ơn anh rấ t nhiề u”. Cô cô ắ gắ ng lắ y lại tinh thầ n trước khi cuộc phỏng vấ n bắ t đầ u, thậm chí cô biế t chấ c mình không câ n phải giới thiệu về bản thân.

William thản nhiên chờ đợi cô mở lời, những móng tay được cắ t tỉa cẩn thận khẽ gõ nhịp nhàng lên mặt bàn, những chiế c móng tay bé xiu cong cong hình bán nguyệt, cả lớp biểu bì bảo vệ dưới chân móng cũng được tỉa tốt một cách cẩn thận. Hẳ n anh ta phải mắ t rấ t nhiề u thời gian để chải giũa tỉa tốt chúng trong phòng tắ m.

“Cô đang định quay trở lại Á n Độ?”.

“Vâng”.

“Một mình?”.

“Một mình”. Cô lặp lại lời anh.

Cô nghe thấy tiếng huyết sáo phát ra từ miệng William, rất khẽ. “Tôi có thể nhắc cho cô biết một thực tế. Rằng cô không có một xu trong túi, hoặc nếu có, rất ít”.

Cô cố kiềm chế bản thân, giữ im lặng. Mình không nhất thiết phải đáp trả.

William miết mạnh lát bánh mì, những vụn bánh rời ra tung tóe trên mặt đĩa. Anh dán ánh mắt lạnh lẽo xám xịt vào mặt cô gái - đôi mắt ấy từng có lần tỏa ra những ánh nhìn đầy ắp niềm chân thành, không hề giấu giếm. Bô-i bòn mang xúp ra cho anh.

“Đấy, với tất cả sự chân thành”, William thận trọng nháp môi một thìa xúp nhỏ, “tôi cho rằng đấy hoàn toàn là một kế hoạch tệ hại. Hoàn toàn vô trách nhiệm”.

“Xúp đã vừa miệng chưa, thưa ngài?”, gã bô-i bòn nom khá hoạt bát đứng bên cạnh bàn ăn chen ngang. “Thêm một chút bơ cho quý cô đây chứ?”.

Cô phẩy tay ra hiệu cho gã lùi vào trong.

“Ngồi yên chỗ của cô”, giọng William lạnh tanh khi thấy cô xô ghế chuẩn bị đứng dậy.

Anh ta chờ cho đến lúc gã bô-i bòn biến ra khỏi tầm nhìn.

“Nhìn xem, Viva”, William tiếp tục, “cho dù bất cứ điều gì đã xảy ra giữa hai chúng ta, tôi vẫn thấy mình cần phải có trách nhiệm với cô. Tôi không cho phép điều đấy xảy ra nếu cô không trình bày chi tiết kế hoạch của mình với tôi”.

Cô nhìn anh bắ`ng ánh mắ`t xa lạ: “Anh đang nghi ngờ chuyện gì đã xảy ra giữa tôi và anh?”.

“Không”. Lầ`n đầ`u tiên ánh mắ`t của hai người nhìn thẳng vào nhau. “Sẽ không có gì ở Á`n Độ dành cho cô cả”, anh nói, “tôi chỉ sợ rồ`i cô sẽ lại thắ`t vọng và tràn trề` đau khổ mà thôi”.

Cô ném vào anh một cái nhìn giễu cợt. “Nhưng đã quá trễ, William ạ”, cô tiế`p tục. “Anh có nghĩ vậy không?”.

Cô đã thiế`t tha được gặp anh đế`n nhường nào, như thể lữ vật hoang chuyên lang thang sục sạo trên những góc phồ`i tăm gầ`n chỗ anh ngủ, hy vọng đế`n mỗi mòn dù chỉ một cái liế`c mắ`t của anh; đã nhiề`u đêm rờng cô nghẹn ngào dầ`m mình trong bóng tồ`i, chiế`c gồ`i dưới đầ`u ướt đẫm nước mắ`t, cô` gắ`ng khóc mà không phát ra một tiế`ng nắ`c nghẹn ngào.

“Viva, tôi...”.

“William, làm ơn”.

Cô nhậ`t chiế`c phong bì lên. “Tôi sẽ tự mình làm điề`u này”, cô dứt khoát. “Một trong những lợi thề` của một đứ`a trẻ mồ` côi, là tôi được tự do làm bắ`t cứ điề`u gì mình thích”.

“Cô sẽ tự xoay sở bắ`ng cách nào?”.

“Tôi đã tìm được hai người sẵn sàng trả tiế`n tàu xe cho mình - tôi sẽ làm bảo mẫu cho bọn họ, và tôi có vài địa chỉ người quen ở Á`n Độ”.

“Bảo mẫu! Cô có thắ`y mình có đủ trách nhiệm không đầ`y?”.

“Tôi còn dự định sẽ trở thành nhà văn”.

“Tôi đã bắt đầu”, cô thông báo. Tất nhiên không bao giờ cô để anh biết cô đã vật lộn, đã khôn khổ đến nhường nào.

William lắc đầu, liên tục miết những ngón tay vào hai mắt mình như thể muốn chặn đứng những kế hoạch ngớ ngẩn đến mức rõ ràng của cô gái.

“Tiện thể, cô có nhìn thấy một vết rách ở phía sau lưng váy của mình không?”. William ra đòn quyết định. “Màu vải khá hợp với cô. Nhưng nếu là tôi, tôi sẽ không mặc nó ở Ấn Độ - ở đây các chàng trai không thích loại đàn bà con gái ở trong rừng ra”.

Cô phớt lờ lời anh ta vừa nói. Những chiếc chìa khóa đã nằm trong túi cô, đây là điều duy nhất cô muốn trước khi đến đây, cô cảm thấy một nguồn sức mạnh đang cuộn lên trong mình, như những luồng ô xi đang rần rạt chảy trong từng mạch máu căng tràn của cơ thể. Đột nhiên cô cảm thấy bụng mình sôi lên từng đợt bởi cơn đói.

Cô nâng ly vang Château Smith Haut-Lafitte ngang tầm mắt, khẽ hướng về phía William.

“Chúc tôi may mắn đi, William”, giọng cô hồ hởi. “Ngày hôm nay tôi đã đặt vé cho chuyến đi của mình trên con tàu Kaiser. Tôi sắp rời khỏi nơi này”.

Chương 4

Miền Trung Wallop, Hampshire, tháng mười, năm 1928

Vào cái đêm trước khi rời khỏi nước Anh, Rose Wetherby đột nhiên cảm thấy lo sợ, cô thực sự thấy mình hèn nhát, suýt nữa cô đã định đến gặp bố mẹ mình chỉ để nói: “Họm đã, gạt chuyện này sang một bên được không? Con không muốn đi nữa”. Nhưng tất nhiên, đã quá muộn.

Bà Pludd, đầu bếp đã trung thành với gia đình cô suốt mười bốn năm qua trong mười chín năm cô tồn tại trên đời đã nấu cho Rose một bữa tối toàn những món cô thích: thịt băm hầm khoai tây, bánh tráng miệng làm bằng quả lý gai giã nát trộn kem tươi. Trong bữa tối, Rose chỉ ước cô không bị ai quấy rầy hỏi han đến khâu vị, bởi những món ăn ưa thích thường ngày giờ chỉ khiến tâm trạng cô thêm tuyệt vọng, mọi người cố gắng tỏ ra bình thường, tránh không nhắc đến chuyện ra đi như thể không có gì đặc biệt sắp xảy ra. Bố cô tối nay trông nhợt nhạt hơn thường lệ, cố gắng chọc mọi người bằng câu chuyện hóm hỉnh ông vẫn thường để dành kể trong những dịp đặc biệt: một câu chuyện hài nhạt nhẽo, về một thằn lằn luôn cho rằng những chú chim cú cu chỉ làm tổ trong những chiếc đồng hồ treo tường, khi hai mẹ con cô vờ ra vẻ thích thú trước câu chuyện và cố gắng bật ra những tràng cười hưởng ứng không đúng lúc, ông đã đáp lại bằng một nụ cười méo xệch, nom đến thâm thối. Thìa thịt băm hầm khoai tây trong miệng cô bỗng chốc đắng ngắt, trôi tuột xuống dạ dày một cách vô vị, ánh mắt Rose nhìn ông rom róm.

Con sẽ nhớ rất nhiều, bố ạ. Jack sẽ không bao giờ có thể thay thế được bố trong trái tim con. Nỗi xúc động đột ngột trào lên

trong lòng cô.

Sau bữa tối, cô thơ thẩn đi dạo ngoài vườn. Làn khói mỏng manh sót lại trong đám tro tàn được ai nhóm đống lá khô trong góc vườn cháy từ chiều đến giờ đang dật dờ uốn quanh những cành tuyết tùng lòa xòa sát mặt đất. Một ngày đẹp trời, dấu hơi lạnh. Bầu trời trong sáng không một gợn mây như một tấm gương khổng lồ vừa được lau chùi cẩn thận, những giọt sương sớm mai đọng trên cỏ cây long lanh như những hạt ngọc, bừng sáng dưới ánh mặt trời, cả khu vườn khoác trên mình chiếc áo rạng rỡ của mùa hè. Lần khuất giữa những sắc màu rạng rỡ, vẫn sót lại dăm ba cành khô quắt queo của dây hồng Virginia đã đến kỳ úa tàn, năm cô đơn bên mép rào xanh ngắt màu lá.

Cô quay đầu nhìn về phía ngôi nhà thân yêu, nơi lưu giữ bao nhiêu kỉ niệm đời mình: tiếng cười lảnh lót len lỏi giữa những tàng cây, tiếng nhắc nhở của mẹ “đã đến giờ lên giường, các công chúa”, những thanh âm vui vẻ của chiếc chuông bên thềm nhà vang lên khi cô và Tor cùng anh trai Simon, đã có thời trở thành thần tượng của các cô gái trong gia đình, rượt đuổi nhau qua mọi ngõ ngách trong vườn nhà, ấy là khi bọn cô cùng nhau chơi bóng cric-kê, hoặc vờ đóng giả làm những cô gái Đức, cùng nhau chơi trò cướp biển ven suối. Trong những ngày vui vẻ ấy, anh Simon thường nhe răng ngoác miệng đóng giả ngoáo ộp dọa hai cô em gái sợ chết khiếp.

Copper, chú ngựa giống Pony cuối cùng của cô, đang dỏng đầu bên cánh cổng gỗ chầy chềnh. Rose âu yếm nhét vào miệng Copper một quả táo, khẩu phần nhỏ nhoi trong bữa tối của chú, rồi lặng lẽ đưa mắt quan sát từ phải sang trái, không thể chịu đựng nổi nữa, Rose đổ gục thân hình bé nhỏ của cô vào hình hài to lớn vững chãi của Copper đang đứng im lìm trước mặt, để mặc hai hàng nước mắt chạy dài xuống đôi gò má, cô bắt đầu nức nở. Không một điều gì

trong những ngày tháng đã qua khiên cô có cảm giác như lúc này, cả những khi cô ngỡ mình đã chạm tay vào hạnh phúc.

Copper âu yếm dụi đầu vào người Rose, những giọt nước mắt của cô nhỏ xuống chiếc bờm mượt mà của nó. Cô biết mình sẽ không bao giờ còn gặp lại Copper, hai chú chó Rollo và Mops đáng yêu nữa. Thậm chí, cả bố mẹ cô. Con rùng mình chợt ứa đến choán lạnh cả cơ thể nhỏ bé của Rose khi cô nghĩ về người bố thân yêu. Từ mùa đông năm ngoái, ông đã phải vật lộn khổ sở đến nhường nào để chống chọi với căn bệnh viêm phổi mỗi ngày một thêm nặng, căn bệnh đã đẩy cơ thể ông vào trạng thái hoạt động bất thường và được ông tếu táo gọi là cỗ động cơ hết thì, còn viên bác sĩ khám bệnh thì nghiêm trọng với kết luận bệnh viêm phổi đã di căn đến tim, đã vô phương cứu chữa, và ông đành bó tay. Họ kể cho nhau nghe về đám cưới sắp tới của cô con gái, như thể người bệnh bị ép buộc để cử hành hôn lễ ấy, dẫu ngay sau đây cả hai đều hiểu có thể ông sẽ không bao giờ thực hiện được điều này.

Cả Rose nữa, cô thừa hiểu những dòng tâm tư đau đớn đang ứa về trong buổi tối hôm nay cuối cùng rồi cũng sẽ hướng về Simon. Simon yêu quý của cô, người anh trai cao lênh khênh nom đến vụng về, chỉ một nửa thứ được gọi tên là trưởng thành xuất hiện trong con người anh cô, nhưng dẫu sao, Simon vẫn thừa hưởng những đức tính tốt đẹp của bố, là lòng dũng cảm và phẩm chất kiên gan bền chí rắn rỏi đến mức sắt đá. Anh trai Simon yêu quý của Rose đã hy sinh tại nước Pháp, ngay trong những ngày tháng cuối cùng của cuộc chiến, chỉ mười ngày nữa là đến sinh nhật lần thứ hai mươi mốt của anh cô. Cha mẹ Rose gằn như không bao giờ đã động đến sự mất mát ấy, nhưng nỗi đau vẫn lẫn khuất đâu đây, trong mọi ngõ ngách của ngôi nhà, trên từng nhánh cây, ngọn cỏ ngoài vườn, như tảng băng trôi dưới ánh mặt trời không biết ngày tan chảy.

Cô ngò ì lạng trong nhà kho chật chội phía cuối vườn, một vệt sáng từ trên thu phòng của bố cô hắt xuống tạo thành một lằn ánh sáng mỏng manh xẻ đôi bãi cỏ giữa vườn, tạo thành hai nửa chữ nhật tối ì đén sâu thẳm. Rose dõi mắt theo lằn ánh sáng, bắt gặp hình bóng quen thuộc của ông đang cúi đầu vào cuốn sách mở tung trước mặt. Bố luôn hướng sự tập trung trong tĩnh lặng mỗi khi ông cầm bút, luôn cố gắng để không bao giờ phải bận tâm vào những điều vụn vặt có thể khiến ông rơi vào trạng thái bối rối. Thỉnh thoảng ông gõ nhẹ nõ điều giữ đám tro thuốc vào chiếc gạt tàn bằng đồng thau được ông mang từ Ai Cập về, rồi nhẹ nhàng bật chiếc máy hát cạnh bàn lắng nghe những giai điệu đầy ắp tình yêu của Mozart.

Cô ước mình có thể chiêm được một điều thuốc vào lúc này, như Tor bạn cô vẫn làm. Khói thuốc giúp người ta tĩnh tâm mỗi khi tinh thần bất ổn, Tor đã chẳng có lần nói như thế với cô.

Rose vẫn ngò ì trong yên lặng, cố gắng giữ lòng mình thật bình tĩnh. Con gái của một người lính không bao giờ rơi lệ.

Quay vào nhà bằng lối cửa sau, Rose chậm rãi bước về phòng mình, tiếng mẹ cô vọng ra từ trong phòng ngủ của bà, “Không sao chứ, con yêu?”.

“Vâng, con không sao, thưa mẹ”, cô trả lời. “Rất ổn, mẹ chờ một lát, con sẽ vào chúc mẹ ngủ ngon”.

Trong phòng Rose, những bộ váy mới mua treo ngoài tủ quần áo khẽ lay nhẹ như những hồn ma đang chờ đợi phút giây nhập thể đén với cuộc đời mới. Rose và mẹ Jonti đã trải qua một ngày dài thú vị ở London cùng với cô bạn Tor thân thiết. Bà Jonti sắm sửa cho Rose đầy đủ đồ đạc của một cô con dâu trước khi về nhà chồng: mười ba cặp quần ngắ n may bằng chất liệu vải bông nhẹ bồng,

mấy chiếc áo nịt ngực có dây đeo ở phía sau, thêm vài chiếc quần túm may bằng thứ vải mát mềm mại, hai chiếc váy lót dài bằng lụa, và một chiếc váy ngủ phơn phớt màu đào cực kỳ quý nũ, được tô điểm thêm vài sợi đăng ten trước ngực áo khiến Rose bỗng trở nên lạ lẫm và quý nũ bội phần khi mặc nó. Khi bà chủ hiệu phục trang lấy số đo của Rose, đã không ngớt lời xuýt xoa khen ngợi thân hình “cân đô i đến hoàn hảo” của cô, bất giác Rose đưa mắt nhìn bóng mình trong gương, mỉm cười.

Đôi bờ vai mảnh mai, vòng eo mềm mại, cả hai núm vú nhỏ nhắn trinh nguyên ế áp thẹn thùng ẩn hiện dưới làn vải mỏng. Làn tới khi lò ng vào người chiếc váy ngủ này, chắ c hẳn lúc ấy cô đang trên giường cưới cùng Jack Chandler. Bóng mẹ hiện ra trong gương, sát ngay sau lưng cô, khuôn mặt mẹ choáng váng, hẳn bà cũng đang sững sờ bởi những đường nét hoàn hảo của cô con gái. Bà vờ làm bộ nhăn nhó chọc cười, rồi khép hờ mi mắt. Những gì đang diễn ra quá mới mẻ với cả hai mẹ con cô.

Có lẽ giờ là thời điểm thích hợp nhất để tham khảo mẹ cô về những điề u nhạy cảm trên giường ngủ, nhưng Rose đã không đủ can đảm để thốt thành lời, cô vẫn còn thẹn thùng. Những thắc mắc của Rose trong lĩnh vực này rồi cũng được giải đáp trong một cuộc trò chuyện đầy lúng túng với bác sĩ Llewellyn, một người bạn thân thiết của gia đình cô, thường xuyên cùng bố Rose kết hợp thành một cặp ăn ý trong những đợt đi săn lý thú. Phòng mạch của ông nằm trên phố Harley. Nhiệt tình nhưng đôi chút thẹn thùng, tránh không nhìn vào mắt cô, viên bác sĩ thận trọng khám xét vùng sâu kín nhất trên cơ thể Rose, cơn đau ập đến khiến Rose choáng váng, lập tức viên bác sĩ đưa cho cô một miếng bọt biển nho nhỏ. Ông bảo Rose sẽ cần đến nó khi cô không còn là một trinh nữ. “Cháu nhét nó vào trong như thế, như thế”. Lung áo may bằng vải len thô của ông căng phồng khi viên bác sĩ cố gắng khom người ở

tư thế ngồ i xồm và đút miêng bọt biển vào giữa hai chân ông để minh họa cho Rose hiểu được vấn đề. Bác sĩ Llewellyn trao cho cô một chiếc túi nhỏ chứa những đồ dùng vệ sinh của các cô gái, những thứ trong chiếc túi phải được giặt sạch và phơi khô mỗi khi Rose không dùng đến.

Rose thắ c mắ c với mẹ về những điề u khủng khiếp sắp tới sẽ khiến cô phải dùng đến những thứ mà bác sĩ Llewellyn trao cho được cất kỹ trong chiếc túi nhỏ ấy, nhưng bà Jonti, sau khi để cô lại một mình sau cánh cửa phòng khám của viên bác sĩ giải phẫu, đôi gò má bà đỏ rằ n bởi sự lúng túng đến ngỡ ngàng đang chiế m hế t tâm can, vội vã lui gót trong im lặng. Rose muố n hỏi Tor, một buổi tối cô đã lắ y hế t can đảm thổ lộ nỗi thắ c mắ c của mình với cô bạn thân thiế t, khi cả hai khoác lác với nhau về những lầ n vụng trộm hôn hít với đám con trai, nhưng đáp lại lời cô chỉ là đôi mắ t tròn xoe ngạc của Tor. Không cầ n hỏi gì thêm, Rose thừa hiểu cô bạn cũng đang mù tịt như mình.

Cô lên giường với một chồ ng tạp chí dành cho phụ nữ trong tay, bạn đồ ng hành thân thiế t của Rose trước mỗi giấ c mơ kể từ khi được bà Sowerby giới thiệu. Ở nhà mẹ chỉ đặt mua hai tờ Ngựa và Chó săn cùng tạp chí Rừng keo, mặc dù những tờ tạp chí ngồ n một khoản kha khá trong kế hoạch chi tiêu của cô, nhưng Rose lại tìm thắ y trong chúng những thông tin bổ ích. Trong tờ Thế giới phụ nữ, một biên tập viên có tên Mary đã tiế t lộ độc giả có thể gửi thư tới tòa soạn để được biế t bá t cứ điề u gì mình thắ c mắ c.

“Cô Mary yêu quý”, một cô gái tâm sự. “Cháu chuẩn bị kết hôn, và cháu đã mang những thắ c mắ c của mình về sự thật đời số ng sau hôn nhân ra hỏi mẹ cháu. Bà ấy đã bực mình mắ ng cháu là một cô gái không lành mạnh, rằ ng cháu sẽ sớm biế t được sự thật sau ngày lễ kết hôn”. Dưới bức thư ký tên Ignorant Betty.

Mary đã phúc đáp như sau: “Gửi đến tòa soạn cho cô một chiếc phong bì trống đã dán sẵn tem thư, cô sẽ trực tiếp viết thư trả lời mọi bí mật cháu muốn biết”.

Nhiều lần Rose đã định viết thư gửi cho Mary ở Thế giới phụ nữ, cả ý định gửi một chiếc phong bì trống dán loại tem đủ giá trị để có thể chuyển thẳng sang Bombay cũng đã manh nha hình thành trong đầu cô, nhưng rồi nỗi lo sợ Ci Ci Mallinson hoặc chồng của cô ấy, ông Geoffrey sẽ bóc bức thư và biết được mọi bí mật khiến Rose chùn bước. Cô lật đến trang có nội dung xoay quanh sức hấp dẫn mãnh liệt của các cô gái lúc nào cũng tỏ ra bí ẩn đối với các chàng trai. “Hãy cứ để mặc anh ta thỏa sức phỏng đoán về mình”, tác giả bài báo viết. “Và lại, bạn sẽ trở nên quý hơn nếu, trừ phi bạn đại dốt tiết lộ tất cả mọi niềm hy vọng, nỗi sợ hãi của mình với anh ta, hãy tỏ vẻ quan tâm đến bản thân anh ta”.

Rose gặp Jack ở tiệc sinh nhật lần thứ hai mươi mốt của bạn cô, Flavia, tại Câu lạc bộ Savile, London. Jack đã tâm sự với cô, anh đã là một người đàn ông tự do quá lâu, những năm tháng một mình đã khiến Jack già dặn và từng trải hơn các cậu ấm đồng trang lứa khác. Jack, một anh chàng điển trai, vóc người cao lớn, mái tóc vàng nâu khỏe khoắn. Không giỏi khiêu vũ, nhưng ngay từ lần đầu tiên nhìn thấy nhau, cảm giác chũnh choáng đã khiến hai trái tim đang độ cặp kê rung động, suốt cả buổi tiệc tối hôm ấy, Jack và Rose e thẹn dè dặt qua từng giai điệu mượt mà lãng mạn của bản hòa âm đến từ xứ sở New Orleans xa xôi.

Jack thì thầm vào tai hỏi cô có muốn ra ngoài đi dạo, không gian yên tĩnh bên ngoài câu lạc bộ giúp họ không phải hét vào mặt nhau mỗi khi cần trao đổi. Ngồi trên bậc cầu thang ven bậc cửa, Rose đã hỏi Jack về đất nước Ấn Độ, những câu chuyện của Jack đã ngay lập tức khiến cô sững sờ. Cô nhìn thấy trong bóng dáng cao lớn của Jack hình ảnh một người đàn ông trưởng thành, những

điều anh đã làm được khiến cô phải tròn mắt kinh ngạc vì ấn tượng: sẵn lộn lỏi bằng vũ khí thô sơ, xua đuổi lũ hổ hung dữ lúc nào cũng rình mò chờ tìm cơ hội giết chết gia súc và con người, giúp dân Ấn Độ học nhiều điều thuộc về nền văn minh phương Tây. Jack luôn kể về mình với thái độ nhũn nhặn, anh nói với Rose, rằng những gì anh đã làm được chỉ là những việc đơn giản mà bất kỳ một người đàn ông nào cũng vui vẻ nhận lời khi được yêu cầu. Rose lắng nghe Jack với tất cả sự ngưỡng mộ, cuối cùng cô kết luận, anh là một chàng trai dũng cảm.

Cô muốn dành trọn đời mình cho Jack bằng thứ tình yêu “hết mình đến tận cùng hơi thở, đến đâu bạc răng long” như một bài báo trong Thế giới phụ nữ đã phân tích, nhưng cô sẽ cố gắng, như bài báo đã định hướng, “luôn gọi cho anh ham muốn khám phá và phải tạo được những bí ẩn kích thích trí tưởng tượng trong cuộc sống thường nhật”. Đến bây giờ, những điều bí mật đã trở nên dễ dàng hơn với cô - Jack đã ngỏ lời cầu hôn sau bốn tuần kể từ lần gặp đầu tiên, và một tuần sau lời cầu hôn được đưa ra, anh đã nhanh chóng quay trở lại Ấn Độ. Nhưng thử thách thực sự, mong đợi duy nhất đang được cô và anh đếm từng ngày đợi chờ trong mỗi mòn nhưng nhớ, sẽ xảy ra khi chỉ còn lại hai người bên nhau giữa Ấn Độ bao la.

Có tiếng gõ nhẹ ngoài cửa phòng, là bố cô. Rose hy vọng người bố thân yêu sẽ không nhìn thấy đôi mắt đỏ mọng của cô khi ông bước vào. Ông chậm rãi đưa mắt nhìn quanh căn phòng, dừng lại ở chiếc rương hành lý, sau vài giây xúc động, ông đưa mắt ngắm bộ váy áo hồng nhạt yêu kiều của cô con gái, lướt qua bức chân dung của Jack đặt ngay ngắn trên bàn phía đầu giường.

“Con sẽ không sao chứ, Froggie?”. Ông âu yếm hỏi cô.

“Vâng, con sẽ ổn thôi bố”.

Ông đứng bên chiếc giường của cô con gái bé bỏng, nhẹ nhàng gõ gõ xuống bên cô. Hai tiếng “con sẽ” được cô cất lên da diết đưa ông về với buổi lễ kết hôn sắp tới. “Bố sẽ rất vui và cố gắng giữ mãi niềm hạnh phúc này”, ông an ủi con gái. “Thật sự, bố thấy ghen tị với chàng rể của mình, Frog”.

“Ôi không, bố!”.

“Bố hạnh phúc vì điều này”. Những ngón tay của ông, ôi những ngón tay nhăn nheo, khẳng khiu bởi thời gian đang hiện rõ trước mắt cô, dưới ánh sáng của ngọn đèn thả lên trong căn phòng. Những ngón tay gầy gò của ông đang xúc động cô gắng bắt chặt vào chiếc khăn trải giường. “Con gái yêu của ta”.

Ông quay mặt đi, cô gầy như khụy xuống khi nghe tiếng nấc vội vàng đang được bố cô cố gắng nuốt vào trong để nhen ngào, cả nhịp thở gấp gáp đang dày vò hai lá phổi yếu ớt của ông. Lần đầu tiên cô nhìn thấy bố khóc. Những cành tuyết tùng tối tăm ào ạt lay động trong gió, rì rào ngoài cửa sổ phòng ngủ, từng tán cây như những bàn tay khổng lồ đang cố gắng túm chặt lấy Rose, như muốn giữ chặt lấy cô trong căn chòi bằng gỗ để chơi được cô và Tor chung tay xây dựng từ những ngày còn thơ ấu.

“Những anh chàng bánh bao giỏi đánh chuyên bắm váy phụ nữ này là ai thế nhỉ?”, giọng ông như lạc hẳn đi, vừa nói ông vừa nhặt tờ Vogue lên và liếc vào những gương mặt ngoài trang bìa. Những kỷ niệm về trò chơi mà hai bố con cô vẫn thường hào hứng với nhau từ những ngày thơ bé chợt ùa về: ông hóa thân thành gã đại tá Bluff hung dữ, vờ nhe răng trợn mắt giương móng vuốt găm gào đuổi theo cô, hình ảnh hung dữ duy nhất được ông thể hiện trong khi chơi đùa cùng cô con gái, không bao giờ trở thành sự thật trong đời

sống thường nhật. “Những bộ đồ tuyệt vời! Hẳn người Anh phải tiêu tốn khá nhiều tiền bạc vào chúng”.

Cô vòng tay ôm ngang lưng ông, âu yếm dụi đầu vào vạt áo gi-lê may bằng thứ vải nhung mềm mại, im lặng lắng nghe từng giọt yêu thương trào dâng trong lòng. Bộ đạo này gây quá! Cô hít hà những mùi hương lẩn khuất trong lớp áo dày cộm khoác trên người ông. Đây là mùi xà phòng thơm bộ cô vừa tắm xong, mùi của lũ chó vẫn rong ruổi cùng ông trong từng đợt săn đuổi thú hoang đọng lại trên từng thớ vải... Rose siết mạnh vòng ôm như thể không muốn rời tay khỏi ông.

“Ngủ ngon, bộ thân yêu. Ngủ ngon”.

Mãi một lúc sau cô mới cất nổi thành lời, rất nhẹ, gần như thì thầm.

Ngủ ngon, đừng trở giặc, ơi những chú bộ chết, xin hãy thôi quý rầy.

“Ngủ ngon, con gái, con gái yêu của ta”. Rose cảm nhận được cơn run rẩy lan ra từ cơ thể gây yếu của ông trong vòng tay siết chặt sau lưng của cô.

“Bộ có thể tắt giùm con ngọn đèn không?”.

“Chắc chắn rồi, bộ sẽ tắt”. Cánh cửa vang lên một tiếng kêu kệt khô khô c, bóng tối ập vào tràn ngập căn phòng. Rose hiểu, cả bộ cô cũng hiểu: đêm nay sẽ là đêm cuối cùng hai bộ con cô cùng nằm chung dưới một mái nhà.

Chương 5

Ngày mai, con tàu mang tên Kaiser-i-Hind, tên một loài bướm được mệnh danh là hoàng đế của các loài bướm ở Ấn Độ, sẽ nhổ neo rời khỏi nước Anh. Chiếc taxi chở Viva hôm nay chạy trên đại lộ thẳng băng hướng đến trường trung học Thánh Christopher nằm trong khuôn viên làng Colerne, rât gần xứ Bath. Mùa này hoa đỗ quyên đã buông những chùm dài tím ngắt rủ bóng mờ màng hai bên đường.

Chiếc taxi ào qua một vũng lầy giữa đường, những tia nước lập tức bắn tung tóe, rơi rụng lên tận vỉa hè, lòng rỗng trên những cành đỗ quyên đang co ro trong màn mưa. Chiếc taxi nhắm đến trước một ngôi nhà khá lớn, vốn đã u ám với lối kiến trúc thời nữ hoàng Victoria, giờ lại càng thêm ảm đạm trong màn mưa. Một cô hầu gái dẫn Viva vào phòng khách, cô đưa mắt nhìn quan căn phòng, lơ thơ dăm ba món đồ nội thất được sắp đặt không lấy gì làm ấm cúng, không gian đượm mùi lạnh lẽo. Một ngọn lửa leo lét trong lò sưởi sát vách tường, hai chiếc ghế đầu nằm im lìm hai bên lò sưởi.

“Tôi đến để đón Guy Glover”, Viva thông báo với cô hầu gái. “Tôi là bảo mẫu của cậu ấy, có trách nhiệm tháp tùng và chăm sóc Guy trong chuyến đi sang Ấn Độ sắp tới”.

“Cậu Glover đang ở trong phòng khách riêng”, người hầu gái trả lời, “nhưng trước hết, cô cần phải gặp ngài Partington, giáo viên phụ trách của Guy, ông ấy muốn có đôi lời với cô”.

Một người đàn ông yếu ớt, nom rõ bạc nhược với mái tóc trắng nhò màu khói thuốc nhẹ nhàng đẩy cửa bước vào. Người hầu gái

giới thiệu ông Partington với Viva. Trông ông ta hơi già so với chức vị hiệu trưởng của một trường trung học, cô nhủ thầm. “Cô Viva Holloway, nếu tôi không nhầm thì...”, bàn tay ông già yếu ớt chìa ra với cô. “Cô sắp có một cuộc hành trình đến Ấn Độ”. Ông Partington vừa nói vừa đưa tay búng những bụi phấn bám trên vạt quần rồi vuốt nhẹ lên cổ họng.

“Đúng vậy, vào sáng sớm mai, từ Tilbury. Chúng tôi sẽ phải xuống tàu tối nay”.

“Cô biết gì về Guy?”. Viên hiệu trưởng già trước mặt lên tiếng sau một hồi im lặng, vẻ ngượng ngịu. “Ý tôi là, cô có phải là bạn của gia đình cậu bé không?”.

“Không, bố mẹ của cậu ta liên hệ với tôi thông qua một mẫu quảng cáo đăng trên tờ Quý cô”.

“Kỳ lạ”, ông già lầm nhảm.

“Ý ông là gì?”.

“Cái cách mà người ta dẫn dắt cuộc đời mình ấy. Hết xì!”. Có vẻ như một cơn khó thở vừa cuộn lên trong cổ họng ông già. “Thế, hết xì xì! Thực tình cô không biết chút gì về bọn họ sao?”.

“Không”.

“Tôi có một thứ cho cô khi mang cậu bé đi cùng”. Ông Partington rút từ trong ngăn kéo bàn ra một lá thư rồi rón mình chuyển qua bàn cho Viva. “Có vẻ, hết xì! Chưa có ai nói với cô cả”.

Bố n mắt nhìn nhau.

“Nói với tôi chuyện gì?”.

“Rằng Guy đã bị đuổi học. Hai đứa trẻ chung phòng với cậu ta bị mất tiền, một đứa khác bị mất đồng hồ đeo tay. Rồi cậu ta sở hữu trong người một món tiền khá lớn, rất khó hiểu phải không, hả t xì!”. Chiếc khăn tay được Partington móc ra hơi trễ, những đám bụi nước từ trong hốc mũi của ông ta bất ngờ thốc ra theo đà há t hơi vương vãi trên sàn nhà, quanh chỗ Viva đang đứng. “Bố mẹ của cậu ta theo định kỳ chỉ gửi về cho con trai một khoản sinh hoạt phí khá eo hẹp. Thậm chí học kỳ vừa rồi Guy đã phải hỏi vay chúng tôi để có tiền trang trải. Nhưng vấn đề nằm ở chỗ, hoàn cảnh của cậu ta chắc chắn gây ảnh hưởng đến những học trò khác”, ông già lướt nhanh ánh mắt nhợt nhạt qua mặt Viva, “Một thiết sót có thể thông cảm được trong vấn đề niềm tin. Vài tháng trước chúng tôi đã gửi một bức thư cho bố mẹ của cậu ta trong đó nói rõ từng chi tiết liên quan đến cậu con trai, nhưng bọn họ không hề có một dòng hồ i âm nào ngoài một bức điện tín được gửi đến từ tuấn trước chỉ để thông báo cô sẽ đến đón Guy qua Ấn Độ”. Partington tiếp tục rút từ trong ngăn kéo ra một lá thư nữa. “Cô có thể chuyển bức thư này tới bọn họ giùm chúng tôi không? Chỉ là kết quả thi cử và thông báo đuổi học của cậu ta. Tôi sẽ là một thảm họa khi những bức thư này được trao tận tay bọn họ. Nhục nhã. Há t xì! Trong một ngày đẹp trời, với những cơn gió trong lành và thư thái, hẳn cậu ta sẽ có khả năng vượt qua được chuyện này một cách hoàn hảo - tất nhiên còn tùy thuộc vào tâm trạng của cậu ta”.

“Tùy vào tâm trạng của cậu ta?”. Đút gọn những lá thư vào túi xách, Viva nhún mày hỏi Partington, cố gắng để giữ bình tĩnh.

“Guy không phải là một đứa bình thường như bao đứa trẻ khác, tâm thần của cậu bé có vấn đề. Nhưng bố mẹ của cậu ta đã cam đoan với chúng tôi rằng cô là một người bảo mẫu chuyên nghiệp và có trách nhiệm, vậy nên tôi...”, tiếng chuông báo hiệu giờ giải lao đột

ngọt réo lên át đi những lời sau cùng của Partington, dứt hồ i chuông, bên ngoài hành lang ngay lập tức ồn ào như ong vỡ tổ.

“Đã đến lúc tôi phải đi”.

Partington nhẹ nhàng bắt tay Viva. Ông già chỉ tay ra phía cánh cửa đồ i diện rồi hồ i hạ lui gót khỏi phòng khách, hẳn Partington đang muố n rời khỏi chỗ này thật sớm, càng nhanh càng tốt.

Viva chậm rãi bước dọc hành lang, tiế n vào một phòng khách khác, lạnh lẽo không kém; một chiếc bàn có ngăn kéo và những ô nhỏ đựng đồ` sứ trang trí đặt ngay ngắ n giữa phòng, chiếc bàn khá cao so với bình thường, còn bóng loáng nước sơn với những họa tiế t khá tinh tế ; giữa bàn là một bình gốm màu xanh ngọc chứa những chiếc lông chim công đã` y màu sắ c đang tua tủa vươn mình cong vút tưởng chừng kéo dài đến tận trầ n nhà. Một thiế u niên cao lớn mặt nhợt nhạt đứng bất động bên cạnh chiếc bàn, không một nụ cười, không biểu lộ dù chỉ một chút cảm xúc. Chiếc áo choàng đen lượt trượt trùm kín cả cơ thể cao lớn, xen giữa chiếc cắ m đã` bắt đầu lún phún râu là những nốt mụn đỏ tắ y mọc một cách lộn xộn.

“Xin chào, tên tôi là Viva Holloway. Cậu là Guy Glover?”. Cô cất lời trước.

“Tên tôi đã` y”, cậu bé trả lời, vẫn không nhúc nhích.

“Rấ t vui được gặp cậu”, Viva chìa tay cho cậu bé, Guy hờ hững bắt một cách miễn cưỡng.

“Khá quyế n rũ”, Guy lảm bảm. “Hẳn rồi”.

Cuố i cùng thì cậu bé cũng mỉm cười, nụ cười của Guy khiế n Viva nhớ lại những chiếc răng vầu của bà dì, hai dì cháu nhà Guy quả có những hàm răng giố ng nhau đến ngỡ ngàng. Cặp mắ t của cậu bé

không ngót dán vào Viva, một chút ác cảm bất đầu nhen nhúm trong cô, nhưng rất nhanh chóng Viva đã dập tắt cảm giác ấy.

“Ừm, chúng ta đi dọn đồ của cậu được chưa nhỉ?”, cô phá tan bầu không khí im lặng. “Taxi đang chờ ở ngoài, chúng ta sẽ đi thẳng đến Tilbury”.

“Ai trả khoản này?”. Giọng thảnh bẻ sắc lạnh.

“Trả khoản gì?”.

“Tất nhiên, tiền đi taxi. Tôi thì không một xu dính túi”.

“Dì của cậu”, Viva dứt khoát, cố gắng kiềm chế để không tỏ thái độ bực bội. Bà dì của nó đã thỏa thuận với Viva sẽ chi trang trải năm bảng cho phí tổn của chuyến đi.

Trong lúc rôi rít để bắt kịp những bước dài nhanh nhẹn của thảnh bẻ hướng lên tầng trên tòa nhà, Viva cố gắng xua tan những dự cảm bất an đang chực chờ bùng lên trong lòng sau khi nghe những lời ông Partington nói với cô chỉ mới dăm mười phút trước đây. Hành lý của cô đã được gói ghém cẩn thận, toàn bộ chuyến đi đã được lên kế hoạch một cách tỉ mỉ, cô không có đủ khả năng để cường điệu những hành động vô đạo đức của thảnh bẻ, và lại, Viva tự bào chữa, nhiều đứa trẻ ở tuổi Guy vẫn thường có tính tấy máy những thứ vật vãnh đây thôi. Ngày xưa cô và đám bạn mình chẳng đã thỉnh thoảng vẫn hái trộm lê trong vườn nhà hàng xóm, hoặc tiển xa hơn một chút, là tìm cách thó những chiếc bút chì trong các cửa hiệu bán bánh kẹo và đồ tạp phẩm gần trường học đây thôi. Đôi khi trẻ con ăn cắp chỉ vì những lời thách thức của chúng bạn, không nhằm một mục đích nào khác. Và đây là một phần của những năm tháng dẫn người ta đến với trưởng thành.

“Cậu đã ở đây bao lâu?”. Hé t bậc thang cuối cùng, Viva bắt kịp thắ ng bé, hôn hên hỏi.

“Mười năm”.

“Phi thường! Cực lâu đấ y nhé”.

“Ừm”.

“Chắ c hẳn sẽ cảm thấ y gắ n bó khi rời xa”.

“Không hẳn”. Rõ ràng từng câu từng chữ được thắ ng bé cá t lên không hề biểu thị một cảm giác nào ngoài hai chữ hờ hững. Cánh cửa căn phòng ở tầ ng trên cùng khá lớn, sau khi thắ ng bé dùng chân đạp mở cánh cửa, đập vào má t Viva là một dãy khoảng mười chiế c giường trắ ng tinh xê p ngay hàng thẳng lố i, không một chút thừa thấ i, những tấ m ra trái giường màu xanh lá cây phủ dài đế n tận sàn nhà. Cuối căn phòng, một ô cửa sổ mở toang như một chiế c phễu khổng lồ ðang sẵn sàng đố c ngược những cơn mưa xuố ng tận cánh đò ng ướt sũng màu nước bên ngoài.

Guy dẫn Viva đế n cạnh một chiế c giường giữa phòng, phía dưới chân giường là hai chiế c va-li gọn gàng nằ m chờ sẵn.

“Mấ y cái rương lớn chứa đò của tôi đã được chuyển đi từ trước”, thắ ng bé lắ m bắ m với cô.

“Kia”, giọng thắ ng bé ráo hoảnh. “Tấ t cả đã gọn gàng”.

“Tôi giúp cậu nhét những thứ này vào va-li được không?”, cô chỉ vào đoạn dây liế c dao cạo và chiế c áo khoác nhàu nhĩ của Guy nằ m chơ trên giường. Một chiế c áo khoác cũ mềm, sòn nước vải, lỗ chỗ những vết mờ hôi màu vàng xỉn nhờ nhờ bám dưới cánh tay và nách áo.

“Không được, tôi vẫn ở lại”.

“Vậy thì”, Viva cố gắng giữ giọng của cô thật vui vẻ, “chúng ta đi được chưa nhỉ? Tôi đã nói chuyện với ông Partington rồi”.

“Rồi”. Guy chậm rãi đi một vòng quanh chiếc giường của nó rồi đưa mắt nhìn quanh căn phòng lần cuối cùng.

“Bạn có muốn mang theo nó không?”. Viva nhặt một bức ảnh năm úp trên giá rửa mặt đặt trong phòng ngủ. Khi cô lật ngửa bức ảnh lên, đập vào mắt Viva là chân dung một người đàn ông to lớn, vai ngang cuồn cuộn đang cố biểu đạt những nét hài hước trên gương mặt một cách ngượng ngịu trước ống kính của người thợ chụp ảnh, sau lưng người đàn ông là triền cát trắng xóa chạy dài đến bất tận.

“Bố tôi”, Guy buột miệng, vừa nói nó vừa mở khóa rồi cố gắng nhồi bức ảnh vào giữa một đống quần áo lộn xộn đang chực xổ ra khỏi không gian chật chội của chiếc va-li.

“Bạn có chắc cái khung ảnh sẽ không vỡ chứ?”. Cô nghe một tiếng tách khô khốc vang lên, rất mỏng.

“Tôi sẽ đánh liêu với nó vậy”, Guy nói rồi dứt khoát sập khóa va-li.

Viva xách hộ cậu bé một chiếc va-li bước ra ngoài men theo những bậc cầu thang xuống dưới, Guy xách chiếc còn lại. Cả hai nhanh nhẹn sải chân bước qua những hành lang dài hun hút. Viva đưa tay sập mạnh cánh cửa taxi, chiếc xe nhanh chóng lao về hướng nhà ga xe lửa. Đến lúc này Viva mới nhận ra, rằng không một ai: không bạn trai, không bạn gái, không người hầu, không đầu y tá, không giáo viên, không hiệu trưởng, không cả người gác cổng

trong trường học để nói với Guy một câu, đầu chỉ là một lời tạm biệt.

Khi chiếc taxi chạy đến cuối con đường trong khuôn viên trường học, ngang qua cánh cổng sắt chuẩn bị lao ra ngoài, từ trong xe, Guy nhòm người quay đầu ra sau nhìn về phía ngôi trường, thì thào: “đồ hoang thai”, rồi dứt khoát ngoi xuống ghế, đoạn quay sang Viva nở một nụ cười cực kỳ giả tạo, “tôi xin lỗi, liệu cô có nghe được những gì tôi vừa nói không nhỉ?”.

Viva im lặng. Điều tốt nhất bây giờ với mình có lẽ nên yêu cầu tài xế taxi vòng xe và trả thẳng bé lại cho trường học, Viva như thào. Và rồi cô sẽ giải thích: “Tôi rất tiếc, nhưng tôi không nghĩ mọi chuyện lại thành ra thế này”. Nhưng nếu như thế, nghĩa là không có vé, và không cả Ấn Độ đang thôi thúc ở phía trước. Cuối cùng, rất dứt khoát, Viva yêu cầu bác tài đánh xe chở cô và Guy đến thẳng nhà ga xe lửa đóng ở xứ Bath.

Chương 6

Cảng Tilbury, ngày 17 tháng mười năm 1928

Khi Tor và Rose đến nơi, tàu Kaiser-i-Hind đang bị một đám đông như ong vỡ tổ vây quanh, đám thủy thủ người Ấn Độ trên đầu chít những chiếc khăn đỏ tươi màu lửa, tất bật lên xuống với đồ đạc hành lý trong tay. Tor nhoẻn miệng mỉm cười, cô liếc trộm người đàn ông đang lưỡng lự bước trên ván cầu tàu: một chàng trai răn rỏi, da nâu khỏe khoắn đượm màu nắng gió, khoác trên người bộ đồ phục hải quân vừa vặn, quân hàm đại úy dính trên cầu vai. Chàng trai như một hình ảnh tương phản với đám người xung quanh, những con người thành phố bần hàn, sáng sủa, đám người hậu tời tở nhợt nhạt. Chàng trai bất ngờ quay đầu lại và trao đổi nhanh với Tor một cái nhìn đầy ý nghĩa.

Và Tor đột nhiên cảm thấy ngột thở, trái tim cô loạn nhịp.

Gần cầu dẫn lên tàu, bố mẹ của Rose đang trao đổi điếu gì đầy với bảo mẫu Viva Holloway, đứng ngay bên cạnh Viva là một thiếu niên cao lớn, mặc áo khoác dài màu tối, chắc là một khách hàng khác của chị ấy.

Từ sáng sớm, mọi người đã rờn rợn kéo nhau đến chiêm ngưỡng và khám phá con tàu, một con tàu sang trọng và rộng rãi đến kinh ngạc. “Như một khách sạn năm sao”, mẹ Tor xuýt xoa, “không thua gì Meurice cả”. Sàn gỗ bóng loáng như thể vừa mới được đánh xi bóng, những chiếc ghế bành to lớn đầy rẫy trong phòng hút thuốc, vách tường phòng ăn trang hoàng bằng những bức tranh khổng lồ đầy màu sắc, thảm Ba Tư, hoa tươi tràn ngập khắp lối đi, khi vừa bước chân vào phòng dạ tiệc, đập vào mắt mọi

người là một dãy bàn dài tiệc đứng ngồ`n ngộn những chú gà tây quay sẵn vàng uôm, những khoanh đùi lợn muố`i chấ`t ngắ`t và những xe đẩy đầ`y ấ`p kẹo ngọt, bánh flăng, kem tươi, salad trái cây và đặc biệt, mắ`t Tor sáng lên khi nhìn thấ`y nó, bánh trứng đường vị chanh, món ăn yêu thích nhấ`t của cô.

Một hồ`i chuông lanh lảnh dóng lên, không khí trên khoang tàu bỗng chố`c trở nên chộn rộn, tiế`ng chân người hồ`i hả như đang chạy đua với thời gian, những mệnh lệnh, những yêu câ`u nhanh chóng được ban ra, ban nhạc trên bê`n cảng bắ`t đầ`u chơi những giai điệu rộn rã hơn, đám người đưa tiễn vội vã lục tục kéo nhau rời khỏi con tàu quay trở lại bờ.

Hình ảnh cuố`i cùng về` mẹ lọt vào mắ`t Tor là khi bà đứng bên cạnh bồ` cô trên câ`u cảng, nhỏ bé và yên lặng đế`n nao lòng, đuôi nheo của một lá cờ đủ màu chấ`p chói bay sau lưng mẹ. Khi Tor cúi đầ`u nhìn xuố`ng, cô bắ`t gặp ánh mắ`t bà Sowerby lúc bắ`y giờ đang ngẩng lên nhìn mình, mẹ Tor kín đáo đưa tay khê nâng áo ngực của bà ra dầ`u và trao cho cô một cái nhìn đầ`y ý nghĩa. “Chú ý dáng đứng”, Tor đọc được những gì đang má`p máy nơi cửa miệng bà Sowerby, lập tức cô đứng thẳng người lên. Ôi những câ`m đoán cồ` hủ của bà, Tor chưa chấ`t với ý nghĩ đang giẫ`ng xé trong đầ`u, vẫn đeo đuổ`i đế`n tận phút giây cuố`i cùng.

Một giờ sau, Tor và Rose đã đứng bên nhau trên boong tàu khoang A, gió từ ngoài khơi lơ`ng lộng thổi vào quầ`n chặ`t từng nê`p áo váy trên mình cả hai, đám mòng biển ô`n áo xoắ`n xuýt bay theo đưa tiễn con tàu từ bê`n cảng Tilbury đã lâ`n lượt quay đầ`u trở về` đầ`t liề`n.

Chiế`c áo khoác mới tinh tươm của Rose đột nhiên bị một cơn gió tinh nghịch thố`c tới, thổi tung phồ`ng lên trên đầ`u cô như một quả kính khí câ`u tí hon, cả hai bắ`t chặ`t nhìn nhau cười vui vẻ.

“Cậu không sao chứ?”, Tor âu yếm hỏi bạn. Rose chột lóng ngóng như thể cô vừa bị bắt gặp đang khóc trộm.

“Tớ không sao, Tor - thực ra tớ đang rất xúc động. Có lẽ tớ sẽ xuống buồm tàu để kiểm tra tư trang hành lý. Cậu đi không?”.

“Tớ sẽ xuống đây sau năm phút nữa”, Tor trả lời. “Tớ phải tống khứ cái áo nịt ngực chật chội của mình xuống biển cái đã”.

Chiếc áo nịt ngực ấy. Một lần khi Tor đang ở trong phòng ngủ để gập xếp quần áo thì mẹ cô mang nó vào, một chiếc áo nịt ngực màu hồng, nhăn nheo và nhỏ thó như đồ dùng của lũ trẻ con mới lớn.

“Mẹ mang nó từ Paris về đây”, giọng bà Sowerby thì thào, “ngạc nhiên chưa? Nó sẽ giúp con có một vòng eo hoàn hảo”. Bà nở một nụ cười bí hiểm nom đến ngây ngô rồi xỏ hai tay vào quai áo bé tin hin. “Nếu con không mặc cái áo này vào, đảm bảo hai trái tuyết lê của con sẽ chảy dài nhàu nhĩ như một mớ giẻ rách, và mẹ cảnh báo cho con biết, con gái ạ, Ci Ci Mallinson là một kẻ rất rất tinh ý đây”, người mẹ tiếp tục lôi bà già hướng dẫn khó tính ở Bombay ra dọa cô con gái.

Và mặc dù với ý định tốt đẹp cố gắng tránh không tạo ra xung đột với mẹ trước khi ra đi, Tor vẫn phải cao giọng với bà và nhấn mạnh từng chữ một: “Mẹ, thời buổi này không một đứa con gái nào còn mặc cái đồ dơ hơi này nữa”. Tất nhiên điều cô vừa nói có thể hoàn toàn không chính xác, và cô quyết định nhấn mạnh thêm bằng mớ lý lẽ hết sức phi lý, rằng: “Và lại, nào con có thể tan chảy bởi sức nóng do nó gây ra, con sẽ không thể chịu đựng được điều này đâu”.

Trong tích tắc, Tor có cảm giác như cô vừa nhận một cái tát vào mặt, mẹ có thể là người đầu tiên xuống nước mỗi khi bị chọc tức,

nhưng những gì bà nói chỉ là, “ôi, đồ` đồ`ng bóng”. Rồi bà đưa tay phe phẩy như thể đang xua đuổi một con côn trùng dơ dáy đang vè vè trước mặt, Tor có thể nhận thấy sự khinh miệt hiện lên trong ánh mắt mẹ cô, với những tia nhìn còn tồi tệ hơn cả sự giận dữ. Để rồi phát phì ra và xâu xí như một con vịt ú, ánh mắt bà Sowerby như muốn nói, tôi bó tay với cô.

Phải mất một lúc sau tất cả mới ổn định.

Còn lại hai người trong buồng, Rose và Tor ngồi trên giường nhìn nhau cười ngặt nghẽo. Căn buồng chật chội khá bừa bộn, cả hai đã nhanh chóng biến sàn buồng thành một đống bừa bộn gồm những xô`ng áo váy quăn, thật khó khăn để kiếm chiếc không mở những túi đồ` một cách cẩn thận. Cả Tor và Rose tỉ mỉ kiểm tra hai chiếc giường bằng đồ`ng thau sáng bóng, bộ chăn gối sang trọng, những ngăn tủ quăn áo mang đậm phong cách xứ Lilliput. Rose treo chiếc váy cưới của cô lên giá đỡ, chiếc váy khẽ lay động như một hồn ma trong túi đựng quăn áo. “Lát nữa tớ sẽ mang nó đi gửi ở chỗ viên quản lý, cô quả quyết với Tor. “Nó chiế`m quá nhiều không gian trong này”.

Đang vui vẻ trò chuyện sau dăm ba phút nghỉ ngơi yên tĩnh, cả hai nghe thấy tiếng gõ cửa từ bên ngoài vọng vào, không phải chờ lâu, người phục vụ nhỏ bé xuất hiện trước ngưỡng cửa buồng tàu (“ý con là một người tí hon, bé tẹo như một chú khỉ”, sau này trong bức thư gửi về nhà, Rose đã mô tả về người phục vụ trên tàu như thế, “với bộ đồ`ng phục trắng và xanh nước biển tuyệt đẹp”). Người phục vụ mỉm cười với cả hai. “Tên tôi là Soday Ram”, gã giới thiệu. “Các cô có muốn tám không?”.

“Xin lỗi?”. Rose lịch sự hỏi lại. “Tôi không biết đề` tài ông muốn tám là gì?”.

Tor hiểu rõ Rose đang muố n trêu đùa người phục vụ. Cả hai cô ắ ng nín cười.

“Các quý cô có muố n tám không?”. Người phục vụ kiên nhẫn lặp lại câu hỏi.

Rô i gã dẫn cả hai cô vào tận buồ ng tá m chậ chội, không quên mang theo hai chiế c khăn tá m dày cộm cùng những bánh xà phòng thơm còn chưa bóc nhãn, tận tình hướng dẫn cho Tor và Rose biế t cách mở khóa vòi nước để đón nhận dòng nước nhờ nhờ một màu nâu nhạt, cũng như cách để giặ t nước bồ n câ u, toàn những thao tác mới mẻ và lúng túng đố i với cả hai. Khi người phục vụ lui gót khỏi buồ ng tàu, hai cô gái như vỡ òa vì những tràng cười, đế n nổi nước mắ t nước mũi giàn giụa, vừa cười Tor và Rose vừa đấ m nhau nhại lại giọng nói của gã phục vụ, “các quý cô có muố n tám không, ôi trời ơi, tá m mà gọi là tám” cho đế n khi cả hai đê u thành thực với lô i phát âm nhừa nhựa đặc sệt Á n Độ á y. Người hạnh phúc hơn cả hẳn phải là Tor, bởi cuố i cùng cô cũng đã nhìn thấ y nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt xinh đẹp của Rose. Cô bạn thân vẫn chưa dứt cơn cười, Tor để mặc Rose thoải mái với cơn khoái chí, ngay cả khi cô biế t Rose có thể gặp nguy hiểm bởi những tràng cười bá t tận không thể kiề m chề .

“Rose”, Tor nhại âm vực Á n Độ ngay khi cánh cửa buồ ng vừa khép lại. “Đi vào phòng tá m, cọ rửa dạ dày của cô cho thật kỹ vào để chuẩn bị chơi trò đuỏi hình bá t chữ. Tớ có một ngạc nhiên cho cậu đây”.

Rô i một tiế ng “tách” khô khô c vang lên, Tor lôi từ trong rương hành lý của mình ra món đồ đượ c cô cho là có sức há p dẫn nhấ t, ra vẻ nghiêm trang kính cẩn nâng bằ ng hai tay. Là một chiế c hộp bằ ng da màu đỏ, trên nắ p khắ c hình chú chó Nipper và một cái

máy ghi âm đang chĩa loa vào mõm của chú chó. Cầm chiếc hộp trên tay, cả cơ thể Tor run lên vì vui sướng.

“Tớ vẫn chưa mở nó”, cô nói. Cô cẩn thận lôi đôi tất lụa nhét trong hộc loa ra ngoài, đôi tất lụa được cô nhét vào đậy phòng méo mó khi lỡ va chạm với vật khác.

“Nhắm mắt lại!”. Tor móc từ trong túi lụa ra một chiếc hộp thiếc nhỏ và một chiếc kim màu đỏ (hơi sắc sỡ) được bọc cẩn thận trong một miếng vải sợi bông hình vuông. Vài giây sau, căn buồng chật chội đột nhiên ngập tràn những âm thanh cao vút, xen lẫn những tiếng lũng bùng của bản Shoo Fox quen thuộc của J. B. White.

“Ôi Tor”. Rose Charlestoneb bỏ nhào từ trong phòng tắm ra ngoài, chân vẫn còn mang tất. “Ôn Chúa, tạ ơn Người vì đã cho cậu bên tớ”.

Cả hai cuốn lấy nhau khiêu vũ theo bản nhạc cho đến khi kiệt sức ngã vật ra giường.

Mở mắt, Tor chợt nhìn thấy bức thư của ngài thuyền trưởng gửi cho từng hành khách nằm im lìm ở đầu giường, cô rướn người cầm bức thư rồi đọc to cho cả Rose nghe.

“Chúng tôi trân trọng kính mời quý vị đến dự buổi tiệc cocktail tối hôm nay tại phòng Taj. Cuộc hành trình sẽ kéo dài trong hai tuần lễ, chúng tôi sẽ cập bến ở Marseilles, Malta, Port Said và Bombay. Mỗi tối đều có tiệc khiêu vũ diễn ra ở phòng Ba Tư cùng ban nhạc Savoy Havana”.

“Ôi, Tor, thôi đi”. Rose dốc ngược ly rượu uống nốt những giọt cuối cùng rồi đặt xuống giường. “Cái quái gì thế?”. Một tiếng kéo cọt vang lên từ bên cửa sổ mạn tàu, liền sau đó là tiếng lịch

bịch của động cơ, rồi những tiếng chân người thậm thịch chạy trên đầu hai cô gái.

“Gió thổi mà, bạn thân mê n”. Tor nhón mày nhìn ra phía cửa sổ buồng tàu, chỉ có những cơn sóng đang duềnh dàng vỗ vào mạn tàu, bầu trời xám xịt một màu mây ứot.

“Những cơn gió đang theo chúng ta xuống tận độ sâu không thể dò đến được”.

“Tớ không còn một giọt rượu bạc hà nào nữa”, giọng Rose lè nhè, da mặt cô đã bắt đầu chuyển màu nhợt nhạt.

“Tớ sẽ rớt ngay đây”, Tor trả lời, “nếu không có thể tớ sẽ chết vì kích động mất”.

Chương 7

Vịnh Biscay

Đại dương: như một lòng chảo khổng lồ` lóng lánh được viê`n bằ`ng những lớp bọt biển trắ`ng xóa, những tảng băng lững lờ trôi, tiế`ng gầ`m gào ì oàm thoang thoảng vị mặn của những con sóng. Mới đầ`u ở Tilbury còn nhuố`m màu nâu đục, hết như màu vỏ khoai tây bị gọt rời khỏi củ, giờ chỉ toàn một màu xanh thẳm đầ`n nao lòng.

“KHÔNG ĐƯỢC VIÊ`T NHỮNG LỜI SÁO RỔNG”, Viva Holloway nguệch ngoạc những chữ in hoa lên một trang tạp chí có bì`a bọc da mới mua của cô. “KIÊ`M MỘT VIỆC GÌ ĐẦ`Y THÍCH HỢP HƠN MÀ LÀM”.

Thói quen viê`t những ghi chú tầ`m phào ra giấ`y của cô thường xuấ`t hiện vào thời điể`m Viva rơi vào trạng thái căng thẳng. Từ những ngày còn là một cô bé, cho đầ`n những năm tháng ẩ`n mình trong trường nữ tu ở xứ Wales, cô thường tưởng tượng trong đầ`u những mệnh lệnh được phát ra từ người cha thân yêu của mình, ông Alexander Holloway, một kỹ sư hỏa xa, lìa trầ`n ở Simla, người mỗi ngày vẫn dõi theo cô từ thiên đườ`ng, giám sát mọi động tĩ`nh của cô con gái bé bỏng. Nhiề`u năm về` trước, ở London, đạo á`y Viva tròn mười tám tuổi, những mệnh lệnh ám ảnh vẫn tiế`p tục ùa về` trong đầ`u cô, tràn ngập những lời khuyên làm thê` nào để tồ`n tại trong cái thành phố` rộng lớn và tồ`i tệ á`y, không một người bà con thân thích, và Viva nghèo đầ`n mức không thể nghèo hơn; á`y là quãng thời gian luôn mang lại những cơn rùng mình, cả những hớ`i tiế`c, một chút nông cuồ`ng của tuổi trẻ pha lẫn sự thương hại chính bản thân mình mỗi khi cô nhớ lại.

Viva lật sang trang khác.

“NHỮNG VIỆC CẦN LÀM Ở ÁN ĐỘ”, cô tiếp tục ngoặc ngoạc.

NGỒI VÀO BÀN VIẾT ÍT NHẤT MỘT TIẾNG RỒI MỖI NGÀY.

TÌM VIỆC LÀM NGAY LẬP TỨC, KHÔNG LÀM NGHỀ GIỮ TRẺ HOẶC LÀM NGƯỜI BẦU BẠN TÂM SỰ THUÊ.

VIẾT THƯ CHO MABEL WAGHORN VỀ VIỆC ĐẾN NHẬN NHỮNG CHIẾC RƯƠNG CỦA GIA ĐÌNH.

“Mình sẽ KHÔNG đi Simla”, cô nhún mạnh ý nghĩ trong đầu bằng cách viết ra bên lề, “cho đến khi mình kiếm đủ tiền để làm việc đó. MỘT KẾ HOẠCH TÔI TỆ!”.

“PHI ĐỘI BUÔNG CÂU, tác giả Viva Holloway”, cô bắt đầu viết những chữ in hoa đầu tiên, miệng cắn chặt nắp bút, Viva tô vẽ trang trí thêm những đường diềm uốn lượn men theo hai chữ cái P&B của tựa đề mà cô vừa viết ra.

“Có ba phụ nữ đi trên chuyến tàu mang tên Kaiser-i-Hind”, cô bắt đầu dòng đầu tiên.

Viva ngừng viết, ngẩng đầu nhìn ra đại dương bao la, cô gắng suy nghĩ xem liệu mình nên gửi bài viết bằng thư tay hay đánh điện gửi thẳng trực tiếp, như thế thì tốn kém quá. Đích đến cuối cùng của bài báo sẽ là một căn buồng vừa để ngủ vừa dùng để tiếp khách chật chội và tồi tàn ở Bloomsbury, nơi tờ Tiếng nói, một tạp chí bệnh vực nữ quyền được hai chị em nhà Thyme, Violet và Fiona, rất nổi đình nổi đám trong các cuộc đấu tranh đòi quyền đi bầu

cử cho phụ nữ Anh sáng lập, đóng trụ sở. Viva biế t đế n Tiế ng nói nhờ bà chủ Driver giới thiệu.

Nế u những người biên tập ở tờ Tiế ng nói thích câu chuyện của cô, họ sẽ trả cho Viva một khoản nhuận bút khoảng mười bảng cho một ngàn từ. “Quên những câu chuyện liên quan đế n săn voi và đò gia vị đi”, Violet, một trong hai người sáng lập tờ Tiế ng nói, từng có thời gian ngô ì tù chung với Emily Pankhurst, một phụ nữ với tầu thuồ c lúc nào cũng gắ n trên môi, tuyên bố với Viva. “Hãy tập trung vào những vấ n đê mà những phụ nữ trong cuộc hành trình đế n Á n Độ thực sự gặp phải, đặc biệt là suy nghĩ của bọn họ khi giấ c mơ sụp đổ”.

“Trượt hế t”, Viva viế t, “những memsahib - tiế ng Hindi, có nghĩa là “bà chủ” - tất cả những bà chủ đế n từ Châu Âu đang có mặt trên chuyế n tầu đê u ngô ì ở ghế hạng nhấ t”. (“kiểm tra xem liệu có ai đi vé hạng hai”, cô viế t với câu nhắ c nhở lên lê trang báo do chưa có thời gian kiểm chứng nhắ m để nhắ c nhở chính mình).

Tôi đã được diện kiế n bọn họ trong phòng ăn sang trọng của con tàu, những chiế c lông chim trang trí trên những chiế c mũ khá bắ t mắ t, rấ t đa dạng - nhiề u quý cô thích tô vẽ bằ ng những chiế c lông chim xơ xác có xuấ t xứ từ tỉnh lẻ: kế t hợp với vải len thô xám xịt, váy lụa thắm màu vỏ khoai tây, xỏ đôi bàn chân trong những chiế c tất dày cộp trước khi giấ u kín chúng trong những đôi giày đáp ứng đầ y đủ yêu câ u ăn chắ c mặc bê n. Nhiề u cô phản ứng cứ như thể trái tim họ đang tan vỡ bởi một Á n Độ xa xôi trong tưởng tượng.

Cũng có nhiề u quý cô cực kỳ thanh lịch và sang trọng, có thể những quý cô này biế t bọn họ sẽ có nhiề u việc khác để làm khi đế n đầ y, ngoài chuyện vui chơi ở các câu lạc bộ, sân tennis hay những cuộc đi săn, nơi những đám người bé nhỏ với ngoại hình

giống hệt nhau sẽ dán cặp mắt chim ưng như bị thôi miên, bị quyên rũ vào bọn họ, những cô gái đã quyết định sẽ không để bị gạt sang một bên trong các cuộc đua tranh trình diễn thời trang phù phiếm.

Ngay sau đây, chúng ta sẽ lại bắt gặp các quý cô lẳng lơ trẻ tuổi lúc nào cũng sẵn sàng bị kích thích, những quý cô tạo thành cái câu lạc bộ được người đời mỉa mai gọi họ bằng một cái tên hết sức tàn nhẫn, Phi đội Buông câu. Họ đến Ấn Độ với mục đích tìm kiếm các đực lang quân, mang theo bên mình những chiếc lưới câu đã được dính mỡ có từ những năm đầu thế kỷ XIX.

(“CHÍNH XÁC THÌ KHI NÀO CÓ ĐIỀU KIỆN, MÌNH PHẢI TRÒ CHUYỆN CÙNG BỌN HỌ”, cô nguếch ngoác bên lề).

Hầu hết họ có mặt ở đây sau khi nhận thấy London đã hết thời cơ dành cho bọn họ, và ở những nơi, có lẽ, bọn họ đã ngã xuống trước thành trì vững chãi của cái gọi là thị trường môi giới hôn nhân đượm mùi sơn phấn. Ấn Độ, nơi những người đàn ông thuộc tầng lớp dành cho các quý cô ấy chiếm một tỷ lệ khá lớn, ba chọn một, sẽ là cơ hội cuối cùng để các quý cô có thể kiếm được một tá m chông.

Viva đặt bút xuống bàn và bắt đầu suy nghĩ về Rose, một thiêu nữ yêu kiều như những bông violet tím đại xứ Devon, một cô gái - Tor hoàn toàn chính xác - có vẻ đẹp làm say đắm lòng người. Rose là hiện thân của nét thơ ngây trong trắng đặc biệt của nước Anh: làn da trắng muốt, vẻ e ấp đầy quyên rũ, luôn thẹn thùng ngơ ngác trước đám đàn ông.

Với một số người, chuyên hải trình lãn này đã trở thành một cơn ác mộng thực sự: Những con tàu to lớn như thế này đã mang theo những con người từng có lần chạm mặt thân thiết ở

Cawnpore đến với Ấn Độ. Nhiều người sẽ nhanh chóng nhận ra điều gì khiến họ thực sự muốn đắm đầu vào cối chét dưới cái nóng của mặt trời nơi đây; hoặc giả họ sẽ dính đạn, tội tệ hơn, lũ trẻ của bọn họ sẽ lìa đời bởi những căn bệnh nhiệt đới, nhẹ hơn, mảnh đất này sẽ đánh cắp tuổi thanh xuân, trí minh mẫn cùng cơ hội học hành của họ một cách nhanh chóng.

Viva đặt bút xuống. Đã đến, tất nhiên, thời điểm để kể về cái chét của cha cô, một cách tự nhiên nhất. Hoặc cô có thể lựa chọn không kể. Kinh nghiệm cuộc đời đã dạy cô, rằng tiết lộ bí mật nghĩa là bạn đang chịu đựng sự thương vay khóc mướn từ người khác, sự lúng túng của bọn họ, những bản kê khai dài dằng dặc của những con người hiểu hơn ai hết đang tồn tại những kẻ đã đánh mất người thân yêu của mình ở những đất nước xa xôi, hoặc giả, tội tệ đến mức không thể tội tệ hơn, những nỗ lực hướng đến những phạm trù đạo đức cao cả sẽ giúp bọn họ có ý thức trước vấn đề. Và lại, câu chuyện về một vụ tai nạn xe hơi giờ đây qua giọng kể của cô có vẻ dễ dàng đến mức người đọc có cảm giác đây là một câu chuyện hoàn toàn có thật.

Rồi cũng đến đám phụ nữ rơi vào tình cảnh hết như tôi lúc này: những người đàn bà cô đơn, không một quý ngài chờ đợi, không nguyện ước với bất kỳ ai, những con người yêu mến đất nước Ấn Độ xa xôi và mong muốn đến đây để làm việc. Các bạn thấy đây, chưa có ai viết về những con người này - những nữ gia sư, tầng lớp giáo viên, các cô bảo mẫu - nhưng chúng tôi sẽ có những câu chuyện thú vị để kể cho các bạn nghe về mình.

“Đúng không nhỉ? Mong muốn đến đây để làm việc?????”, cô nguyệt ngoạc từng chữ, tự vấn chính mình. Tốt thôi, sẽ làm việc ngay từ bây giờ. Cô sẽ mô tả lại bộ cánh của bọn họ, thứ được gọi là quần áo lỗi thời cô đang khoác trên người. Giờ cô quay trở lại với bộ váy áo may bằng loại vải len xù xì dày cộm của bà Driver. Buổi sáng

hôm ấy cô đã quay lại trong bộ váy áo của bà, một chiếc váy màu hồng phấn, lưng may theo kiểu váy ba-lê viền bằng loại vải sẫm màu, bước ra khỏi trường học với một chiếc vòng bạc xâu kính khủng lủng lấp lánh trên cổ, chút trang sức được thừa hưởng từ mẹ cô.

Viva gục đầu vào một thanh chắn ngang và ngồ i yên cho đến khi cô cảm thấy nhẹ nhõm hơn đôi chút, những câu văn vừa định viết ra trước đây giờ chòng chành trong đầu cô, thoả t ản thoả t ả hiện như ché ỉu, như nhạo báng, thế ỉ giới quanh chỗ cô ngồ i quay cuồ ỉng từng đợ t không ngó t. “Các bạn thầy đấ ỷ, tôi có mặt trên đời này không phải để dành cho một cuộc hôn nhân, tôi được tạo ra để khoác ba lô trên vai và lên đường”.

Khi Viva đứng dậy, bầ u trời lúc này như một tấ m màn màu xám không lồ ỉ, đôi chỗ điểm vài vệt son vàng pha lẫn tím sẫm ở cuồ i những vệt mây, và những con sóng vẫn không ngó t cuộn lên, gầ m gào từng đợ t tương chừng đế n bấ t tận. Màn đêm đang dầ n buông, chút ánh sáng ít ỏi còn lại của ngày đang từ từ biế n mấ t. Tiế ỉng cười nói cùng với tiế ỉng dương câ m từ đâu đó dưới khoang tàu lọt vào tai cô, những âm thanh vui vẻ và dịu dàng ấ ỷ lọt thỏ m giữa muôn ngàn tiế ỉng gầ m rú của những cơn sóng.

Lầ n thứ hai ngắ ỉng đầ u lên nhìn ra xung quanh, Viva nhìn thầy Guy Glover đang ngồ i trên một chiếc ghé ỉ xé p đặt cạnh một ô cửa kính đóng chặt ngăn không cho những cơn gió biển hoang dại từ ngoài khơi ào đế n thồ c thẳng vào người thắ ỉng bé. Nó mặc một chiếc áo bành tô màu đen, điế u thuồ c leo lét vẽ thành một hành khố i lả lướt vươn lên từ giữa hai ngón tay kẹp chặt. Khi Guy bắ t gặp ánh mắ t Viva đang nhìn mình, nó dấn mắ t chắ m chắ m vào cô một hồ i lâu rô i thản nhiên nhét điế u thuồ c cháy dở vào miệng, đôi mắ t nó nhìn cô như muồ n nói, thử cô ỉng ngăn tôi đi. Rồ i nó rít một hơi thật dài và khoan khoái nhả những màn khố i trắ ỉng xóa, đôi môi nó chu lên như một chú cá mồi tí hon, những cơn gió nhanh

chóng cuồn đám khói thuốc do nó phả ra về trời. Hút xong, nó thản nhiên dí đọt thuốc xuống dưới gót chân và thông dong rảo bước ngang qua chỗ cô ngồi. Thật đáng thương, Viva trộm nghĩ, giấu mình trong chiếc áo choàng đen quá khổ ấy, nó đang cố gắng hết mình để trở thành cái gì? Có lẽ nó đang cố biến mình thành nhân vật Valentino trong bộ phim Anh chàng đào hoa, với áo choàng tay trần và dao găm nhét trong ủng, hoặc có thể nó đang cố học đòi làm một tay chơi nửa mùa sau một đêm lênh đênh trên biển, cố gắng quyết định xem nên chọn trinh nữ nào giữa vô vàn trinh nữ có mặt trên con tàu sang trọng này để bê lên giường.

Nó chỉ là một đứa trẻ, Viva cố gắng trấn an mình, trước cái nhìn thách thức ném thẳng vào mặt của thằng bé, một đứa trẻ đầy tự ti và nghèo khổ. Không việc gì phải ngại.

“Tôi muốn báo cho cô biết”, nó gào lên như thể đang thi thố với những đọt sòng, “trên tàu này có vài người mà bố mẹ tôi hẳn sẽ muốn mình chào hỏi bọn họ khi gặp mặt, những con cừu đực khù khoả m đến từ Lucknow. Bọn chúng sẽ mời chúng ta vài ly trong phòng hòa nhạc vào tối mai. Tôi muốn cô cùng đi tới đấy”.

Ái chà chà, nó còn tự nguyện mời mọc cô kia đấy.

“Tất nhiên”, Viva trả lời, “có lẽ cậu, tôi và hai cô gái của chúng ta sẽ ăn tối cùng nhau trước đã. Nhóm chúng ta cần phải biết đôi chút về nhau”.

Dứt lời, Viva tự hỏi liệu không biết cô có nên nhắc nhở hai cô bé phải luôn nhớ khóa chặt cửa buồng, bởi Guy là đứa từng có tiền sử bị đuổi học vì thói ăn cắp vặt.

Thằng bé nhìn Viva với thái độ không bình thường. “Tôi thà không làm như thế”, nó nói. “Tôi không muốn ngồi chung bàn với những người khác”.

khi đề cập đến những cơ hội cho cô tìm thấy những thứ cần tìm trong đây - nhưng rõ ràng bà ta đã gieo vào đời cô một niềm hy vọng mong manh không dễ dàng từ bỏ. Tại sao?

Viva mở màn để tâm trí mình quay về với không gian chật chội dưới tầng hầm ngôi nhà cũ kỹ bên cạnh khuôn viên quảng trường Nevern, chắc chắn, nơi ấy không phải là không gian đầy ắp niềm vui và hạnh phúc, chỉ một chiếc bếp hơi hình tròn, một chiếc giường chật chội. Nhưng đây sao, nơi ấy vẫn được gọi là nhà.

Phòng tắm dùng chung với viên quản lý thư viện già nua và một cô gái thường xuyên chờ đón các cuộc viếng thăm chóng vánh của các quý ông - hồ hững che chắn bởi một tấm màn cũ kỹ. Nơi ấy có một cái bồn tắm màu xanh nhờ nhờ màu sơn sần cũ, lúc nào cũng ẩm ướt và những chiếc tất, ôi những chiếc tất nhàu nhĩ, lúc nào cũng tong tong rỉ rả những nước, cả mẫu xà phòng tắm nhày nhựa cùng chiếc nôi hơi bằng sắt hoen rỉ hiệu Winterbourne, cái nôi hơi mà chỉ cần cô quẹt nhẹ một que diêm để làm nóng những bộ phận bên trong nó thì ngay lập tức một tiếng nổ đanh gọn như thể một tiểu núi lửa tinh giãc vang lên, và rồi chỉ sau ba phút hầm hấp nóng như thiêu lại quay về lạnh căm như cũ.

Vào mùa đông, Viva vui mình giữa một đống áo ấm chui đầu cùng những vạt áo choàng lướt trượt, huyết quản trong cơ thể cô dường như trở nên mỏng manh hơn kể từ dạo cô trở về từ Ấn Độ. Mỗi ngày cô vẫn bước chân ra khỏi nhà từ tờ mờ sáng để làm những công việc tạm bợ đăng kiếmsố ng cho qua ngày, chỉ trở về căn phòng chật chội dưới tầng hầm cũ kỹ khi ngoài trời màn đêm đã duềnh dàng cùng mịt mờ sương mù giăng kín.

Một người già dặn có thể sẽ không bán cần nhiều đến tình cảnh khốn khổ như lúc này, nhưng với cô, đang ở thời thanh xuân căng tràn nhựa sống, vẫn phải từng ngày tự quyết định trước những

tấn bi kịch của tôi tại, và sự độc lập đã như một hoạt chất gây nghiện. Không còn những phòng ngủ tập thể nơi trường học, không cả những không gian tạm bợ nơi những người bà con thân thuộc phải căng mình quyết định nên bỏ nên giữ những món đồ gì trong đây chỉ để giúp cô có được một khoảng trống dù chật chội cho riêng mình. Căn phòng này là của cô. Với tất cả niềm háo hức phấn khích hệt như một đứa trẻ, cô đã sơn bốn vách tường bằng một màu hồng đầy mê hoặc. Trên chiếc giường đơn xộc xệch được kê gần chiếc lò sưởi cũ kỹ, là nơi cô đặt báu vật gia truyền duy nhất của mình lên đây, một chiếc chăn bông được chắp vá từ những mảnh vải vụn đầy màu sắc một cách khéo léo, những vụn vải loại vẫn thường được sử dụng để may sari, thú vải bóng loáng ánh lên những nét màu sắc tương phản của những viên đá quý: màu xanh ngọc, màu vàng tươi, màu hồng ngọc và màu lục bảo, với những đường viền được thêu tay đủ loại hình thù chim cá cực kỳ sống động. Chiếc chăn đã từng ủ ấm cho bố mẹ cô trong những năm tháng ở Simla, ở Nepal và Pakistan, theo chân gia đình cô đến tận ngôi nhà truyền của họ ở Srinagar. Viva còn sở hữu một cây đèn bằng đồng thau, một ít dụng cụ làm bếp được cô giấu kín dưới gầm giường (“Không được đun nấu”, tấm biển cấm treo dọc hành lang đã nói rõ như thế), những thùng sách xếp chồng lên nhau, cả những thùng giấy đánh máy và một chiếc máy đánh chữ hiệu Remington đặt ngay ngắn trên một chiếc rương hành lý. Học nghề thư ký là bước đường cùng, chỉ là một công việc tạm bợ. Nghề duy nhất cô muốn hơn tất cả mọi nghề nghiệp khác trên đời này này chính là viết lách, làm một nhà văn. Mỗi đêm sau khi kết thúc công việc, cô quấn mình trong những chiếc áo dày cộp, khoan khoái lập lờ với điệu thuốc hiệu Abdullah trên môi, cô chỉ cho phép mình được hút ba điếu như vậy mỗi ngày, khẽ chạm tay vào bức tượng thần Ganesh tí hon bằng thủy tinh xanh - một vị thần Ấn Độ chở che cho giới văn sĩ khỏi những điếu vụn vật khác - trước khi cầm bút.

Cô tìm thấy niềm vui đầu tiên trong căn phòng chật chội ấy, giữa những tiếng lách tách đều đặn của phím chữ, tiếng lọc xọc xủng xoảng thốt thường vọng đến từ Winterbourne, khi hệ thống nhà tiêu công cộng tự động cuối cùng ấy được giặt nước. Đến giữa đêm, uể oải và mệt mỏi, cô ngã vật xuống giường, vùi đầu giữa gối và nhanh chóng chìm sâu vào giấc ngủ muộn màng.

Về sau, thông qua trung tâm môi giới nơi thuê Viva công việc đánh máy tạm thời, cô được giới thiệu đến làm việc cho bà Nancy Driver, một công việc thực thụ: một nhà văn chuyên viết về đề tài lãng mạn, hai trong số những tác phẩm của bà được viết ở Ấn Độ, nơi người chồng đã quá cố của Nancy từng là thiếu tá trực thuộc trung đoàn kỵ binh Ấn Độ. Bà Driver luôn mất khá nhiều thời gian cho việc đánh chữ những tác phẩm của mình, lúc nào cũng cúi tiết với những phím chữ mỗi khi lơ ngơ vào người chiếc váy choàng may từ loại vải làm bằng lông lạc đà, với mái tóc cắt ngắn đúng kiểu Eton, với lối chuyện trò vô vấp, lúc nào cũng sùng sục khí thế, hết như một mẹ già khó chịu, nhưng cô cũng chỉ hy vọng có ngàn ấy.

Viva và bà Driver đã trao đổi chương trình làm việc với nhau một cách thẳng thắn. Vào lúc mười một giờ ba mươi, ngay sau khi Driver hoàn tất chuỗi công việc tắm gội và kết thúc bữa sáng, bà sẽ ngồi ngay vào bàn và bắt tay viết liên tục trong khoảng một giờ đồng hồ, lúc bảy giờ Viva sẽ phải phôi hơ cùng bà, khá chật vật trong những ngày đầu tiếp xúc với công việc. Sau bữa trưa, trong lúc bà chủ nghỉ ngơi thư giãn với một ly rượu nâu sánh màu cùng một điếu xì gà trên tay, Viva sẽ đánh máy toàn bộ mớ chữ nghĩa, thành quả sáng tác trong buổi sáng của bà Driver. Nếu bên lề mỗi trang bản thảo viết tay xuất hiện một chữ thập được viết bằng mực đỏ, nghĩa là ở những đoạn ấy, cô được phép thêm thốt một vài tình tiết được gọi bằng hai tiếng “ủy mị” vào đây. Bà Driver đã hoàn

toàn sai lầm, khi tin chắc một thiêu nữ phơi phới xuân thì như Viva, với vẻ bề ngoài khá bắt mắt, chắc hẳn sẽ mang trong đầu vô vàn những hình ảnh yêu đương tương tượng đầy lãng mạn và hứng thú.

Bà Driver là người đặt mua tạp chí Chuẩn mực, và cũng chính bà chứ không phải một ai khác, là người đầu tiên giới thiệu những vần thơ của T. S. Eliot với Viva. “Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe những vần thơ ấy”. Bà ngả người ra thành ghế, cặp mắt khẽ mơ màng khép kín, điếu xì gà vẫn âm ỉ cháy dở trên tay, đôi môi bắt đầu ngân nga:

Những ngày tháng 4 khó khăn ấy, đang dần hồi sinh

Những nhành tử đinh hương đậm chồi từ miền đất chết, bắt tận

Những ký ức, những khát vọng, đang cựa mình chuyển động

Những rễ cây già uể oải vươn mình chào đón vạt mưa xuân.

Trong căn hộ những ngày tháng ấy, chỉ có tiếng lách tách đều đặn của những phím chữ, tiếng lẩm nhẩm đầu môi đọc chỉnh bản in, hòa quyện với mùi cà phê thoang thoảng khắp mọi góc ngách... Những buổi đầu làm quen với công việc viết lách, Viva đầy ắp ngỡ ngàng, như một đứa trẻ chập chững những con chữ đầu tiên ở trường mẫu giáo. Trước đây, cô từng cố gắng thử sức với những câu chuyện của mình, nhưng khi đã hoàn thành chúng, cô lại chầm dứt ngay ý định gửi đến các tòa soạn. Giờ đây, Viva được tận mắt chứng kiến sự vất vả giằng xé trong Driver khi thấy bà phải vật vã đấu tranh hòng tìm thấy “lời đi đúng đắn” cho mình, cả cái cách bà tập trung sự chú ý lên những điếu tưởng chừng vật vãnh nhứt nhứt rồi cẩn thận ghi chép kết quả quan sát được vào những cuốn sổ tay chi chít chữ của mình, cả cái cách bà rồn rảng kể về những câu chuyện viết

dở mỗi khi rơi vào tình cảnh bẽ mặt, những bản thảo dang dở được bà thẳng tay ném vào ngăn kéo bàn suốt hàng tháng trời chỉ để chờ đợi những khoảnh khắc vụt đến của cảm xúc.

“Không bao giờ có phép lạ cả”, bà chủ đã có lần tiết lộ với Viva. “Mỗi người nấu nướng theo cách của riêng mình”.

Bà Driver cẩn mẫn chỉ cho Viva cách tỉa tóc trau chuốt những câu chuyện của cô (“Phải thật sắc bén, bớt dãn vật đau đón lại, bóc cục phải thật chặt chẽ”, bà viết những lời khuyên chân thành của mình bên lề những trang bản thảo của Viva). Trong sáu tháng cuối cùng làm việc với nhau, Viva đã chấp bút hoàn thành được mười ba câu chuyện có chủ đề về những người hùng vai năm tác rộng thân mười thước cao hạnh ngộ với những giai nhân tóc vàng, yêu đôi và mờ nhạt. Mười câu chuyện đã bị thẳng tay loại bỏ không thương tiếc, chỉ ba trong số những tác phẩm ấy của Viva được một số tạp chí chọn đăng.

Và, ôi niềm hạnh phúc sướng vui vô bờ bến khi giây phút biết tin tác phẩm của mình được chấp nhận. Viva nhận được một bức thư phản hồi vào một tối tháng mười một ẩm ướt, sau khi cô vừa kết thúc công việc cùng Driver, cô cứ thế nắm chặt bức thư trong tay, lao ra khỏi căn phòng bé tin hìn dưới tầng hầm của ngôi nhà cạnh khuôn viên quảng trường Nevern, hồ hởi quỳnh quáng băng mình trong bóng đêm dày đặc. Viva tin chắc - giờ ngòi hồ i tưởng lại cô thấy sao mà lộ bịch đến thế - rằng bước ngoặt vĩ đại nhất cuối cùng rồi cũng đến với cuộc đời mình, rằng kể từ giờ phút này, cô có thể kiếm sống nhờ ngòi bút của mình. Từ không một việc làm dẫu chỉ là những công việc vặt vãnh tồi tệ, không cả những khu nhà nội trú tập thể nơi trường học, không có cả một căn phòng cho riêng mình. Cô chỉ có tuổi trẻ và sức khỏe, chỉ dám chỉ tiêu ba đồng ghi-nê một tuần cho toàn bộ nhu cầu cá nhân, và giờ đây, hoan hô, cô sắp trở thành một nhà văn.

Vậy thì tại sao, khi mà mọi thứ vừa xảy ra với cuộc đời cô đang tiến triển đúng hướng thì Viva lại đột ngột quyết định thay đổi toàn bộ kế hoạch của mình? Chắc chắn không phải bởi lý do đến từ một bức thư được bất ngờ gửi tới địa chỉ của cô, trong đó y một bà già đã tiết lộ, rằng trong khuôn viên nhà kho chật chội của bà ta đang lưu giữ chiếc rương chứa đựng những đồ vật của bố mẹ cô. Hoặc giả, một lý do để quay trở lại Ấn Độ xa xôi, một đất nước lạ kỳ, khi tất cả những câu chuyện từng xảy ra với cô ở đây chợt ùa về trong tâm trí, những câu chuyện, những sự kiện cô vẫn còn nhớ như in - một cơn nhức nhối thường trực dày vò tâm can như thể cô vừa mất đi một phần sự sống trên cơ thể mình.

Snow vẫn chìm sâu vào giấc ngủ mệt mỏi, tiếng ngáy cùng những lời lầm nhảm không đầu không đuôi phát ra từ miệng Snow trong giấc ngủ như thể cô ta đang đánh vật với lũ yêu ma quỷ quái ùa về trong giấc mơ. Khi Viva ném mình xuống chiếc giường của cô, chiếc máy đánh chữ đột nhiên đổ nhào xuống sàn tàu, tạo ra một âm thanh khô khốc bởi tiếng kim loại va vào nhau, tiếp theo là tiếng sột soạt của những trang giấy bị bung ra, tả tung vương vãi trên sàn tàu.

Viva nhẹ nhàng quỳ gối nhặt nhanh những trang giấy đang tung tóe khắp buồng, cô ngược ánh mắt hờ hững nhìn lên ô cửa sổ đầu giường, những con sóng biển khoác trên mình chiếc áo choàng xanh thẫm của đại dương đang cuộn đến xoắn xuýt bên ngoài ô kính, để lại những vệt nước uớt lượn nhẹ nhàng như một cơn rã n. Viva bước đến bên cạnh chậu rửa, vục tay múc nước khóa đầu y mặt. Còn một tiếng rưỡi nữa mới đến giờ ăn tối. Cô quyết định sẽ bắt tay viết những trang bản thảo đầu tiên trước khi giờ ăn diễn ra. Lòng cô đang băn khoăn lựa chọn giữa hai đề mục, liệu cô nên đặt tên cho bài báo của mình là “Phi đội Buông câu” hay là “Giá của một đức ông chồng ở nước Ấn”. Vào cái ngày mà ngay cả những ký ức nhập nhòa

gợi nhớ về` câu chuyện sẽ thiêu cháy cuộc đời cô cùng với nỗi tủ hỏ
xót xa.

Chương 8

Thủ phủ thành Poona

“Thưa ông chủ”, giọng của người giúp việc nhẹ nhàng gọi Jack Chandler vọng ra sau cánh cửa phòng tắm. “Ngài làm ơn tỉnh giấc đi, đã đến giờ lên đường rồi. Jaldi!”.

“Ta không ngủ quên đâu, Dinesh”, Jack Chandler lớn tiếng nói vọng ra. “Ta đang mãi suy nghĩ”.

Jack đã nằm trong bồn tắm suốt một tiếng đồng hồ, ngoài trời đã nhò nhò một màu tối, những ngọn đèn vẫn còn nằm im lìm trong bóng tối, chỉ lác đác vài bóng được bật lên. Cặp mắt nhắm nghiền, đầu óc anh miên man suy nghĩ về cuộc hôn nhân sắp diễn ra, tại sao đám đàn ông lại dúi trá đến thế, và Jack không thể dứt tâm trí mình khỏi Sunita, người con gái mà anh sẽ phải sớm nói lời vĩnh biệt.

Thông thường, chạng vạng luôn là thời khắc tuyệt vời nhất của ngày, khi Jack trút bỏ bộ quần áo bám đầy mùi mồ hôi người lẫn với mùi khai nồng của những chú ngựa để ngâm mình vào bồn nước nóng, chậm rãi hưởng thụ niềm khoan khoái len đến từng chân tơ kẽ tóc, với một ly uryt-ky sóng sánh trong tay, những lúc như vậy, Jack cho phép anh được đắm mình trong cảm giác xa hoa, hết như bao kẻ nhạt nhẽo khác quanh mình, cho đến khi được Dinesh lôi vào người bộ quần áo mới trước khi khép cửa đến với câu lạc bộ. Nhưng tối nay thì khác, tâm trạng của Jack đang ngập chìm trong lo âu khắc khoải. Jack đã lên kế hoạch viết một bức thư cho Rose và mang ra cảng Port Said để gửi về Anh, nơi chuyến tàu chờ

nàng đến với Jack sẽ gặp bên trong khoảng mười hai ngày nữa, theo như tính toán của anh.

“Rose thương yêu”, Jack bắt đầu những dòng đầu tiên. “Ngày hôm nay anh đã đến nhà thờ nơi chúng ta sẽ tổ chức lễ kết hôn và...”, mới chỉ được ngẫm nghĩ chữ, Jack đã bực bội vò nát bức thư trong tay, anh đang đấu tranh với những suy nghĩ tầm thường hiển hiện trong đầu, cả sự bất lực khi không tìm được ngôn từ thích hợp ở thời điểm mà, không còn nghi ngờ gì nữa, cả anh và Rose nên thẳng thắn với nhau, dẫu chỉ một lần.

Nhưng mỗi ngày qua đi, Jack bắt đầu cảm nhận được sợi dây liên hệ mơ hồ giữa anh và Rose thông qua những bức thư cứng nhắc, những bức thư mang đậm lối suy nghĩ cũng như văn phong của một người trưởng thành mà các ngôi trường ở nước Anh vẫn thường chỉ dẫn định hướng cho mọi người trong chương trình sinh hoạt diễn ra vào mỗi sáng Chủ nhật hàng tuần. Cảm giác hời hợt trong những bức thư đầu tiên của hai người dần dần cạn kiệt, đề tài trao đổi đã uể oải chuyển sang những kế hoạch tán tỉnh bằng những lời yêu thương ong bướm tràn đầy âu yếm - vị hôn thê bé bỏng của đời anh, vợ hiền yêu dấu của lòng anh - những ngôn từ giờ đây mỗi khi đọc lên luôn khiến Jack cảm thấy sao mà mình giả tạo đến thế, một cách thẳng thắn thì, nghe ra đầy ắp sáo rỗng và suông sã.

Jack vươn mình đứng lên khỏi bồn tắm: một chàng trai cao lớn, gương mặt đẹp và sáng, đôi mắt cương nghị, bờ vai săn chắc, đôi chân cuồn cuộn cơ bắp đứng vóc dáng của một kỵ binh. Ở tuổi hai tám, trông Jack thay đổi khá nhiều, phong trần và dạn dày sương gió hơn so với sáu năm về trước, khi lần đầu tiên anh đặt chân lên đất nước Ấn Độ. Đạo đức, Jack chỉ là một chàng trai mới lớn ngông nghênh, vừa tốt nghiệp Học viện quân sự hoàng gia Anh được một năm, gây gò khuôn mặt bởi những ngày tháng rèn

luyện kiệt sức trong môi trường quân đội. Mọi bài tập được đề ra chỉ nhằm một mục đích duy nhất: bóp chết sự ủy mị yếu đuối đang tồn tại trong mỗi chàng trẻ tuổi mới chớm dậm chân bước vào đời quân ngũ.

“Thưa ngài, làm ơn...”, Dinesh mỉm cười xuất hiện nơi ngưỡng cửa phòng tắm, chiếc khăn bông ngay ngắn trên tay. Một người bị nạn từ một trang trại bị lũ lụt tàn phá tan hoang ở Bengal, quyết định rời bỏ quê nhà để đến với Poona ba năm trước. Lần đầu tiên Jack nhìn thấy Dinesh là khi gã đứng cô đơn trước cửa nhà một người bạn của anh ở Delhi, ngỡ ngàng đến tội nghiệp trước những xa hoa lộng lẫy của đám người quanh mình. Dinesh vui vẻ chấp nhận công việc của một người đầy tớ và xem đây như một vận may trong cuộc đời đầy rẫy những tấn thảm kịch. Một dấu hiệu của nghiệp chướng, của bánh xe may rủi của gã, đang đổi hướng lăn những vòng chắc chắn về phía có viễn cảnh tốt đẹp hơn đang chờ đón.

Đến hôm nay thì Dinesh và Jack đã là một cặp chủ tớ cực kỳ ăn ý. Sự thật là Jack, đang tiến triển rất tốt trong mối quan hệ giữa một sĩ quan trẻ tuổi với một đầy tớ người Ấn, hơn là mối quan hệ giữa một sĩ quan trực thuộc binh đoàn kỵ binh với người hầu của mình, đặc biệt Jack đã có thể - sau khi mất khá nhiều thời gian cho chuyện học hành, nhất là đối với một người không có những năng khiếu thiên phú trong lĩnh vực ngôn ngữ như Jack - chuyện trò với Dinesh bằng tiếng Hindu hết sức trôi chảy, bằng chứng khiến Dinesh, một kẻ, giông như những tôi tớ tốt bụng khác, luôn cảm thấy hãnh diện mỗi khi gặp gỡ với đám đồng nghiệp bày tỏ đang hầu hạ cho các ông chủ sĩ quan người Anh khác, những kẻ tôi tớ đồng cảnh như Dinesh chỉ được phép sử dụng duy nhất một ngôn ngữ là tiếng Anh mỗi khi muốn giao tiếp với các ông chủ. Tất cả mọi hoạt động của Jack đều có Dinesh bên cạnh, gã nấu nướng, giặt giũ, hầu hạ, chăm sóc ông chủ một cách cẩn trọng, nhóm cho Jack

bếp lửa sưởi ấm khi đêm lạnh ủa về. Bả̀ng tất cả niề̀m đam mê và lòng kính trọng, Dinesh phục vụ Jack vô điề̀u kiện, luôn tỏ ra quan tâm chăm sóc khúm núm trước ông chủ của gã, chỉ với một niề̀m tin mù quáng, rằ̀ng những vòng xe chở vận may đang quay về với gã. Toàn bộ đám thuộc hạ của Jack - gồ̀m Dinesh, một ông già chuyên làm việc giặt giũ, một bà đầ̀u bếp cùng cô con gái của bà ta - đầ̀u nhận thức được địa vị của mỗi người trong căn nhà; luôn để mắ̀t theo dõi lẫn nhau như một đám điề̀u hâu, cú vọ, chực chờ có cơ hội là hóng hót ra vẻ tôn ti trật tự xã hội theo kiểu người trên bắ̀t nạt kẻ dưới. Sự xuấ̀t hiện trong tương lai của Rose, không còn nghi ngờ gì nữa, chắ̀c hẳn sẽ khiế̀n đám điề̀u hâu, cú vọ tở tá́y hoang mang xù lông, từ đây sự yên ổn thanh bình vớ̀n có trong căn nhà của Jack sẽ chắ̀m dứt, và Jack vẫn chưa tìm được ngôn từ thích hợp để giải thích cho Rose hiểu được vớ̀n đầ̀u trong mỗi bức thư anh gửi.

Jack đẩy cửa bước vào phòng ngủ, một căn phòng đơn sơ, trầ̀n hơi thấ̀p so với chiề̀u cao của anh, một chiế̀c quạt đầ̀u cỡ lò đờ quay, thổi những luồ̀ng gió yế̀u ớt quanh căng phòng, một chiế̀c màn chố̀ng muỗi giăng lơ lửng nơi đầ̀u giường. Một tá́m thảm chùi chân đặt ngay ngắ̀n trên sàn nhà, chỉ duy nhấ̀t một bức tranh mờ ảo hiện phong cảnh khu du lịch nổi tiế̀ng hồ̀ District ở nước Anh được treo trên vách tường, tài sản bỏ quên của gia chủ thuê ngôi nhà này trước Jack. Sáu tuầ̀n trước, Jack đã đầ̀n cửa hàng nội thấ̀t của quân đội hỏi mua một chiế̀c giường đôi, nhưng ở đây mọi việc tiế̀n triển khá chậm chạp, có lẽ anh phải đầ̀n đố̀c thúc đám bán hàng thêm một lầ̀n nữa.

Dinesh cầ̀m cây đèn bão đã được thắ̀p sáng trong tay, bóng tồ̀i trong căn phòng nhanh chóng bị xua tan, cẩn thận lau khô những giọt nước còn đọng trên cơ thể Jack bả̀ng chiế̀c khăn tá́m của anh,

nhanh chóng giúp Jack mặc quần đùi, cạp quần mở rộng cạp quần dài để anh có thể dễ dàng xỏ chân vào từng ống.

Bữa tối, Dinesh dọn cho Jack món ke-gi-ri. Bình thường, ke-gi-ri là món ăn khoái khẩu của anh, nhưng buổi tối hôm nay thì khác, Jack gậy gót vài thìa quanh đĩa cơm rồi gạt sang một bên - khi bực mình người ta không dễ dàng nuốt nổi đâu là món ăn ưa thích.

Anh nổi cơn giận, lòng đầy hoài nghi giữa những suy nghĩ trái chiều. Sáu tháng trước, trong buổi đầu gặp gỡ Rose, Jack đang ở thời kỳ tẻ nhạt, trống rỗng nhất của cuộc đời, anh khao khát được gặp gỡ chuyện trò với bất kỳ ai, những câu chuyện có chủ đề xoay quanh chính trị và polo, về hội hè, tiệc tùng, đình đám, về những thực đơn thường nhật cơ bản của đám đông nghiệp cộng sự hỏ lỏn trong văn phòng và tại câu lạc bộ. Vậy mà giờ đây, như thể đang tởn tại một tiểu yêu tinh đóng rỏ trong đầu anh, rót vào tai anh những lời có cánh của cuộc sống độc thân: Không phải giải thích trình bày với bất kỳ ai khi bước chân từ câu lạc bộ giải trí về nhà, có thể tùy tiện làm việc đến tận nửa đêm khi bầu nhiệt huyết còn căng tràn trong cơ thể, như những ngày còn cộng tác với Awali Riots ở Punjab mới đây. Và mỗi lần tưởng tượng đến khả năng ngài đại tá chỉ huy của Jack, người luôn trung thành với ý kiến phản đối đám thuộc cấp của ông kết hôn ở độ tuổi thiếu chín chắn, có thể sẽ gạt anh ra khỏi những kế hoạch, những hoạt động chuyên môn lớn lao lại khiến Jack cảm thấy ghen tở.

Rồi cũng nhanh như khi xuất hiện, những luồng suy nghĩ đang giằng xé trong đầu đột ngột biến mất, Jack buông một tiếng thở dài nỏ nỏ. Sao ta không thành thật một lần, ít nhất là với chính mình? Hình ảnh Sunita lại ùa về chiếm trọn từ trái tim đến tâm trí anh đêm nay. Sunita, ôi Sunita yêu dấu, người duy nhất ngây thơ còn lại không biết gì về những đổi thay lớn lao sắp tới.

“Thưa ông chủ, xe ngựa sẽ đến trong mười phút nữa. Ngài có muồn tráng miệng chút gì không ạ? Chúng ta có sữa đông và thạch”.

“Không, cảm ơn, Dinesh. Món ke-gi-ri rất tuyệt”. Dinesh dọn bàn ăn. “Chỉ là hôm nay ta không thấy đói”.

Jack bước ra trước hiên nhà, chiêm một điếu thuốc. Không khí khá nóng nực và ẩm ướt, mùa này ở Poona luôn là vậy - cây nhiệt kế thủy ngân treo bên hiên nhà chỉ mức 27°C.

Tấm màn treo trước hiên nhà khẽ lay động, phát ra những tiếng kẽo kẹt mỏng như tờ. Một chú chó hoang quanh quẩn bên hàng dậu chờ đợi thời cơ lén nhào vào nhà bếp để kiếm chút thức ăn thừa thãi sót lại sau bữa tối, Jack nghe rất rõ tiếng cười nói rộn ràng vọng ra từ khuôn viên dành cho đám người hầu, bay qua khoảng sân đất dơ dáy bụi bặm đập vào tai anh, cả tiếng trống bì bùm từ ngoài xa vọng đến.

Liệu cô ấy có cảm thấy bí bách ở nơi đây? Liệu lũ chó hoang với cái đuôi trụi không một cọng lông lúc nào cũng vênh lên ngoe nguẩy có làm cô ấy hoảng sợ? Cả những bữa tiệc cocktail sơ sài như bữa tiệc vừa diễn ra tối hôm qua mà anh buộc phải tham dự một cách miễn cưỡng do có mặt ngài đại tá chỉ huy có khiến cô cảm thấy tẻ nhạt như anh đã từng? Mảnh đất này là nơi anh bắt đầu đánh mất tinh thần, nhiệt khí của chính mình. Đơn giản bởi Jack chưa hiểu rõ về cô.

“Xe ngựa đã đến, thưa ông chủ”.

Gia đình Sunita sinh sống trong khu vực phố cổ - hơn hai mươi phút đi xe ngựa mà cách biệt với anh bằng cả thế giới. Không xa xôi gì cho cam. Sau lễ cưới, đa số đàn ông trai tráng đều muồn tiếp tục tán tỉnh bạn đời của mình trong những ngày tháng sau hôn nhân, nhưng Jack thì không. Cha của Jack - một con người nồng nhiệt, giờ

đây đã thuộc về quá khứ - từng là một kỵ binh, một người hùng trong mắt Jack từ những ngày anh lên tám - một nhà thám hiểm, một người thích phiêu lưu, đôi khi là một vận động viên môn cricket hàng đầu của hạt. Một người cha, như ông thường xuyên nhắc nhở Jack, hiểu rất rõ về những cuộc giao tranh đích thực, chủ yếu diễn ra ở Mesopotamia, miền đất nằm giữa các dòng chảy của những con sông. Không dừng lại ở đây, ông còn là một tay sát gái có hạng, và những lời ong bướm tán tỉnh dõng dạc của ông đã thấm đẫm tận cuộc đời của anh, như một liều thuốc độc rỉ rả chậm rãi đầu độc theo năm tháng.

“Mọi đàn ông đều dõng dạc như nhau”, mẹ Jack đã có lần thốt lên chua chát như vậy với anh và ba cô chị gái. “Bọn họ không thể tự giúp đỡ chính bản thân mình”.

Ba năm trước, sau một trận cãi vã kịch liệt dưới mái nhà chung ở thành Oxford, không khí trong gia đình trở nên căng thẳng hơn bao giờ hết, cha của Jack đã quyết định ăn riêng, không chung mâm chung bữa với những người thân trong gia đình. Và Jack đã phải khổ sở đến thế nào trong những ngày tháng ấy, anh luôn có cảm giác ngột ngạt như thể đang sống trong một chuồng chó chật chội và tù túng.

Ba ngày trước lễ Giáng sinh, mẹ anh, một phụ nữ với khuôn mặt lúc nào cũng ửng đỏ, cặp mắt hoang dại sau những ngày tháng chìm mình trong rượu gin, đã dõng dạc tuốt sự thật của những bất hòa đổ vỡ om sòm trong gia đình vốn diễn ra bấy lâu nay với đám con trẻ. Cha của Jack, đã có người đàn bà khác của đời mình, một cô gái còn trẻ mà ông tìm thấy ở Oxford. Tệ hơn, cô gái đang mang trong mình giọt máu của ông.

Ruột gan Jack nhói đau, anh cảm thấy lợm giọng khi nghe những lời mẹ nói, khi phải chứng kiến khuôn mặt đau khổ dùm đó đến tội

nghiệp của bà. Jack cúi gập mặt, cảm giác day dứt ủa về như thể anh chính là nguyên nhân gây ra nỗi khổ đau tức tưởi ấy. Anh không hề muốn Rose rồi sẽ lại phải gánh chịu nỗi đau ngày nào, hết như mẹ mình. Bỗng những lý lẽ cổ hủ xa lạ đang khấn khoản trong anh, Jack cảm thấy phải thành thật với chính bản thân mình. Anh biết mình thừa hưởng một cách xuất sắc bản năng phóng khoáng đến hoang dã của người cha: yêu cuộc sống, mê tốc độ khi dán mình trên lưng ngựa, hội hè đàn đúm nhậu nhẹt, quan hệ lang chạ, chung đụng thân xác vô độ... Nhưng anh vẫn lấy làm tự hào về bản thân bởi luôn biết dừng lại đúng lúc, bởi biết suy nghĩ thấu đáo chí lý trước mọi vấn đề. Nếu anh chấp nhận cuộc hôn nhân, nghĩa là những bản năng thừa hưởng từ người cha sẽ phải được tiết chế. Anh muốn mang hạnh phúc đến cho Rose, tạo cho cô niềm tin và sự chân thành.

Lần đầu tiên Jack gặp cô là tại một bữa tiệc dành cho giới thượng lưu ở London, hôm ấy anh đi theo hộ tống một người bạn của mẹ mình, theo kiểu rời rã đi theo cho có bạn có thuyề. “Để làm cảnh ấy mà”, bạn của mẹ Jack thẳng tuột ruột ngựa, mặc kệ anh gập như phát cáu bởi bị chọc tức và xem thường. Trước khi đến đây, anh đã phải cuốc bộ một quãng khá dài dọc theo đại lộ Park Lane, với tâm trạng không được thoải mái, pha lẫn chút rụt rè e ngại. Lần đến London gần đây nhất của Jack là trong những ngày tháng cuối cùng của cuộc chiến, thành phố như một bãi chiến trường khổng lồ hoang tàn và đổ nát, ngập chìm trong tuyệt vọng và tội ác, đầy rẫy những vòng hoa tang và những đám tang đưa tiễn người chết trong tĩnh lặng, những góc công viên nhếch nhác bản thủ... Vậy mà giờ đây, khi trở lại, Jack đã thấy một London hoàn toàn thay đổi, những hoang phế cũ kỹ ngày nào giờ đã được khoác bằng chiếc áo mới, đèn xe giăng kín người ngựa nệm như mắ cửi, hồ i hả ngược xuôi dọc ngang trên đại lộ Park Lane, các cô gái với

những mô t đầu tóc kinh dị, không hề ngại phả thẳng khói thuốc đang rít trên môi vào mặt người đối diện.

Để giúp Jack thoát khỏi không khí ngột ngạt tương chừng đến ngột thở trong gia đình, mẹ anh thường nhờ những người bạn của bà dẫn Jack đến với không khí vui vẻ của tiệc tùng, nhưng bà không thể ngờ, chính những buổi tiệc đã nhanh chóng quật ngã anh. Một lần, tại một bữa tiệc, Jack đã tận mắt chứng kiến một cặp đang trần truồng quăn lầy nhau giữa một đống áo khoác bành tồ trong một căn phòng trống, khi chứng kiến cảnh tượng đậm mùi xác thịt ấy, khuôn mặt đỏ bừng vì ngượng ngịu, Jack những tưởng sẽ nhào vào dằn cho hai kẻ dâm loạn kia một trận nên thân, nhưng rồi anh đã kịp trấn tĩnh quay đi. Lần khác, cũng tại một bữa tiệc, Jack ngỡ ngác khi chứng kiến một đám người đang phẫn khích tộ độ chúi mũi vào những nhúm bột trắng tinh hít hà điên loạn, khi anh ngây thơ buột miệng hỏi bọn họ đang làm gì thì nhận được những tràng cười ném thẳng vào mặt, một kẻ trong đám đông nhể nhại với anh, “Tinh bột muỗi đã y, thặng dằn. Là cocain, cocain, hiểu chưa?”.

Nhưng Rose thì khác, cô không hề thích thú với những chuyện như thế. Một lần tại câu lạc bộ Savile, lúc bảy giờ Jack đang đứng dưới mái vòm được trang trí bằng những hình ảnh vẽ các tiểu thiên thần bụ bẫm, áo khoác buổi tối ấm áp bao quanh cơ thể anh, Rose nhẹ nhàng xuất hiện bên cạnh, hôm ấy cô mặc một bộ váy đã cũ và hơi rộng so với vóc dáng mảnh mai của mình. Rose đến bên Jack, đẹp dịu dàng với mái tóc vàng óng ả buông hờ trên bờ vai, nụ cười e ấp trên khóe môi. Ban nhạc bắt đầu chơi bản fôc-trôt rộn rã, cô rướn hai hàng mi nhìn Jack, miệng khẽ nhoẻn cười.

“Nhảy với anh bản này nhé”, anh thì thào vào tai cô, rất nhanh chóng, Rose đi những bước nhịp nhàng dưới vòng tay dịu dặt của Jack. Cả hai gập như hét vào mặt nhau một cách tuyệt vọng trong tiếng nhạc ồn ã khi anh nhậm nhịp bước dẫm lên ngón chân cô.

“Em có bảo mẫu theo cùng để giám sát trong buổi tối hôm nay không?”, Jack thăm dò Rose sau vài điệu nhảy.

“Có”, cô tiếp tục trao cho Jack một nụ cười đủ để khiến anh ngẩn ngơ, “nhưng không may là bà ấy lại đang chơi bài bridge ở tầng dưới”.

“Em đã xem những bức tranh ở dưới kia chưa?”, Jack hỏi. “Trong phòng đọc ở tầng dưới có treo một số bức chân dung rất tuyệt”.

Kiểu tán tỉnh ỡm ờ cổ lỗ sĩ nhât trên thế giới và xưa như trái đất, nhưng Rose vẫn trả lời, bằng cái vẻ ngây thơ ngọt ngào đầy hấp dẫn: “Em chưa, nhưng em rất muốn được xem chúng”.

Và rất nhanh chóng, trong cái nóng ngọt ngào của căn phòng đọc kín mít, dưới bức tranh vẽ một người đàn ông đang đánh vật với một chú ngựa giống đang sùi bọt mép, cặp mắt hoang dã, Jack nhẹ nhàng ôm gọn cô trong vòng tay, từ từ hôn lên đôi môi mềm mại của Rose, lúc bấy giờ đang hững hờ chôn cựa trong thẹn thùng yếu ớt, cơ thể cô mềm mại trong vòng tay ôm cứng của Jack.

“Ừm”, Rose khẽ liếm nhẹ đôi môi của cô sau khi đón nhận nụ hôn nồng nàn của Jack, như một đứa trẻ đang thèm thuồng nếm những vệt kẹo ngọt cuối cùng đọng lại trên khóe môi, “em không nghĩ trước đây mình từng được hôn như thế này - không giống tạo nào”.

Trong khoảnh khắc, cả căn phòng như chao đảo. Rose mảnh mai, ngọt ngào và mỏng mỏng nằm gọn trong vòng tay săn chắc của Jack, cơ thể cô tỏa ra mùi hương dịu dàng của loài hoa viôlét xứ Devonshire, hệt như mùi nước hoa mẹ anh vẫn dùng mỗi ngày. Hình bóng Sunita, cô nhân tình bé bỏng của Jack chợt ùa về chiếm trọn tâm trí anh, Jack chợt nhận ra mình nợ nàng nhiều đến nhường nào. Sunita đã dạy cho anh tất cả. Sau ba năm cô đơn với quãng đời

độc thân tẻ nhạt ở Mofussil, anh đã hùng hục lao vào nàng như một chú bò tót trong mùa động dục, rồi nàng tắm rửa, kỳ cọ cho anh như một đứa trẻ, chầm chậm cuốn anh vào điệu luân vũ muôn đời của cuộc truy hoan. Những lời ong bướm lá lơi, cười nói chòng ghẹo tuôn ra như suối nguồn ân ái, Jack như một nhạc công đang căng mình chơi một bản giao hưởng bằng cây sáo tây của chính mình, nàng dâng cho anh trọn vẹn cả giàn nhạc.

Cả hai dấn nhau trên con đường dẫn vào nhà nàng: những dãy nhà xộc xệch méo mó san sát bên nhau, những ban công bằng sắt hoa văn sơ sài. Đám phu xe rối rã ngồ i hóng hót bên những góc đường, mỗi mắ t chờ đợi khách đi, và nàng, như thường lệ, luôn thả p một cây nế n bên ngoài thề m nhà chỉ đường cho anh. Trong phòng mình, nàng có một tủ kính nho nhỏ để bày những món quà xinh xắ n do anh tặng - một chiế c hộp bằng thiế c mua ở chợ đồ cở thành London, một lọ nước hoa, một chiế c khăn quàng cổ. Những món quà được nàng hãnh diện bày biện ở góc ngoài cùng của chiế c tủ kính. Nhưng tồ i hôm nay, sau cuộc trò chuyện, món quà anh dành cho nàng lại là một tờ séc, một món quà có giá trị phải can đảm đế n nhường nào anh mới dám trao nó, như một sự đảm bảo cho tương lai của nàng. Trái tim anh tan nát khi đôi chân run rẩy bước lên những bậc thề m. Lầ n đầ u tiên trong cuộc đời, nàng sẽ có cảm giác mình như một gái điế m, và anh, sẽ không khác loài câ m thú là bao. Nhưng không còn cách nào khác, anh buộc phải làm như thế , bởi Jack Chandler sẽ kế t hôn.

Chương 9

Gibraltar

Người nhận: Ông bà Percival Wetherby

Park House

Miền trung Wallop

Hampshire

Ngày 21 tháng Mười năm 1928

Bố mẹ kính yêu của con,

Chúng con đã cập cảng Gibraltar, tàu sẽ chỉ neo lại đây chừng một tiếng đồng hồ, con tranh thủ thời gian viết vài dòng về cho gia đình.

Khi viết những dòng này, con đang nằm trên giường của mình - Tor đang ngủ - và vừa mới đọc xong cuốn sách thành ngữ Tây Ban Nha. Từng câu từng chữ trong cuốn sách vẫn hiển hiện trong đầu con: Gracias a la vida que me la dado tanto. (Cảm ơn cuộc đời đã cho con nhiều đến thế). Thật thú vị, phải không bố, mẹ? Câu thành ngữ khiến con nhớ lại những điều tốt đẹp mà bố mẹ đã dạy cho con từ những ngày còn tấm bé: không chỉ một mái ấm để nuôi dưỡng mình nên người ở Park House, còn là những chú ngựa Pony đáng yêu, lũ chó lúc nào cũng bả ng háng khắp mọi góc ngách của ngôi nhà, là những chuyến dã ngoại cắm trại lý thú, quãng thời gian gia đình mình bên nhau mới tuyệt vời làm sao!

Con hy vọng mẹ và bố đừng buồn khi không còn cô nàng ếch xanh bé bỏng Froggie sớm hôm bầu bạn bên cạnh hai người, nhưng mẹ và bố phải vui lên, bởi cô nàng đang rất hạnh phúc với viễn cảnh tốt đẹp đang chờ đón mình ở phía trước. Tor và con đang có những khoảnh khắc tuyệt vời bên nhau.

Hành khách đi chung ở khoang hạng nhất khá dễ chịu, và làm ơn, mẹ đừng quá lo lắng khi thấy chị Holloway còn quá trẻ để làm một bảo mẫu tận tụy. Chị ấy rất dễ thương, luôn để mắt đến chúng con, và quan trọng hơn cả, Holloway hiểu rõ Ấn Độ như lòng bàn tay bởi chị ấy từng lớn lên ở đây. Hằng đêm trên con tàu đều diễn ra những buổi tiệc, những chương trình giải trí đúng đắn và có kiểm soát, rất dễ dàng để bọn con tìm thấy những nơi ấy. Một trong những người bạn mới đáng yêu nhất của Tor và con là Nigel, cậu ấy đang làm công việc của một nhân viên bưu điện ở khu vực miền Tây Ấn Độ. Nigel khá trầm tính, nhưng rất thông minh và cực kỳ hài hước. Không giống như đa số hành khách trên con tàu Kaiser này, trái tim cậu ấy đang từng giây từng phút run rẩy mỗi khi tiêng gòn đến cô hương, trở về với mảnh đất quê nhà nơi Nigel từng nhiều năm gấn bó, lần này cậu muốn được ở lại mãi mãi. Cậu ấy kể năm ngoái có một người đàn ông bán xú nơi Nigel đang làm việc đến gặp cậu với một bên tai của vợ ông ta gói trong một mẫu giấy báo, người đàn ông bán xú ấy trong một cơn ghen tuông giận dữ đã điên cuồng cắt phăng một bên tai vợ mình, đến khi tỉnh giận, ông ta đã hối hận tột độ và tìm gặp Nigel để nhờ cậu chữa lại vành tai cho vợ mình!

Hành khách đi trên chuyên tàu còn có những người quản lý đoàn điên trông chề, sĩ quan quân đội, trẻ con và vú em của chúng.

Bọn con còn gặp Jane Burrell (rất bắ ng nhắ ng) đi cùng ba người bạn của cô ấy. Frank, viên bác sĩ mà bọn con làm quen trên chuyên tàu, một người chân thành và đáng tin cậy, anh ấy sang

Ấn Độ để thực hiện một vài cuộc nghiên cứu về bệnh sốt rét. Con không thể nhớ chính xác đề tài của viên bác sĩ là gì, nhưng quả thật đây là những kiến thức khoa học chưa bao giờ con nghe nói đến. Anh ấy luôn để mắt đến bọn con và kể cho cả hai nghe về những cuộc tự sát diễn ra trong lòng đại dương, cả những chiến dịch được thực hiện trong những cơn bão có gió mạnh lên tới cấp chín. Một bác sĩ vui tính và khá điển trai. Con nghĩ Tor đã chú ý đến anh chàng này!

Sau đây.

Xin lỗi, vẫn chưa hết! Con sẽ gửi bằng đường bưu điện ở Malta.

Nhóm tám người bọn con đã lên bờ, mọi người ở đây đều đổ dồn vào bọn con. Frank (viên bác sĩ) dẫn cả bọn vào một nhà hàng khá lớn ven cảng, sàn nhà vương vãi những mùn cưa và một cô gái Tây Ban Nha khá đầy đà chao đảo chạy bàn trên đôi xăng-đan bé tí của mình như thể đang làm xiếc.

Khi bọn con rời khỏi nhà hàng thì bên ngoài đã sẩm tối, con và Tor cùng đám đông thực khách chung chuyến tàu thông thả tản bộ hướng về bến cảng. Từ đằng xa con có thể nhìn thấy những quầng sáng chói lọi từ những ngọn đèn đủ màu sắc trên bến cảng hắt đến, cả những giai điệu du dương phảng phất đâu đó theo làn gió khẽ khàng lọt vào tai con, những giai điệu và màu sắc của những ngọn đèn như thôi thúc bước chân con tiến về phía trước, chúng khiến tâm hồn con thư thái lạ kỳ, và cuộc đời tuyệt diệu mới đáng sống làm sao.

Mẹ thân yêu!

Con cần sự giúp đỡ của mẹ. Chẳng là con đang nghiên ngẫm cuốn sách nghi thức hôn lễ, con có cảm giác mình như một trái bóng đang nhanh chóng bị xì hơi khi đọc nó. Như đoạn này chẳng hạn,

người ta bảo ngôn từ thường là những thứ lỗi thời nhưng nếu phải chuẩn bị nướng một cái bánh mì dành cho một ai đấy, thì nó chắc chắn phải được dành cho một người bạn cũ thân thiết. Con nên hỏi ai bây giờ? Ci Ci Mallinson thì gần như xa lạ, chắc chắn sẽ không nhận được câu trả lời thỏa đáng. Mẹ có thể viết thư hỏi Jack hộ con không? Liệu ở Ấn Độ, việc cô dâu phải tham gia vào bữa sáng trong ngày đính hôn có phải là một nghi thức có tính bắt buộc? Theo mẹ thì con có nên mặc chiếc váy lụa màu hồng nhạt có đính nhiều trong buổi sáng hôm ấy, hay chỉ cần một bộ nào khác đơn giản hơn thôi?

Mẹ hãy trả lời cho con và gửi theo địa chỉ tới Văn phòng của Cook, số 15 đại lộ Sultan Hussein, cảng Port Said. Hoặc giả mẹ cũng có thể đánh điện tín trực tiếp tới đấy cho con. Tiếng chuông báo hiệu kết thúc bữa sáng đã điểm, tiếng chân người đang hối hả gập gáp qua lại trên sàn tàu, sát ngay trên đầu con.

Nhớ hôm ấy âm cho con sớm. Cho con gửi một nụ hôn thật dài tới chú thỏ Copper yêu quý và một nắm cà rốt cho chú.

Nhớ và yêu rất nhiều,

Rose.

Viết xong bức thư, cô ngã ra giường ngủ, đầu óc miên man về người bố thân yêu, cả chuyến cắm trại dã ngoại mà hai bố con cô đã tham gia vào mùa hè năm ngoái.

Hôm ấy bố đã dẫn cô đi câu tại một con suối đầy ắp cá hồi chảy ngang qua làng Crickhowell, thuộc xứ Wales, nơi bố cô rất yêu thích và đã nhiều lần đến đây suốt nhiều năm qua. Mọi vật dụng cá nhân cần thiết cho chuyến dã ngoại được bố chắt chiu ở khoang sau chiếc Daimler già nua cũ kỹ của ông. Những ngày ấy Rose đã lơ mơ ý thức được đôi chút về bản thân, cô muốn mình

phải dũng cảm như anh trai Simon - người anh trai mà bố cô đã đau đớn đến nhường nào khi hay tin Simon hy sinh - nhưng trong chuyến du ngoạn cuối cùng ấy, chỉ còn lại hai bố con cô bên nhau, cảnh vật đã thay đổi. Ông tâm sự rằng cả cuộc đời mình, ông chỉ có một ao ước, ao ước đến tột bậc, hơn tất cả mọi điều quý giá khác trên cõi đời này, ấy là cô con gái thân yêu của mình tìm được đức lang quân xứng đáng. Rose im lặng lắng nghe như nuốt từng lời của bố, lòng đầy lo âu, giọng ông run rẩy, đầy ắp cảm xúc khi nói với cô, rằng tìm được một tá m chôn xứng đáng là người quân tử chính là món quà tuyệt vời nhất của đời cô. Dứt lời, bố cúi đầu nhìn vào bếp củi, bóng ông cong cong trên chiếc ghế đầu, đổ sụp lên mặt đất dưới ánh lửa sắp tàn. Để giờ đây, trên con tàu đang chòng chành giữa đại dương bao la sóng nước, tự trong sâu thẳm, Rose hiểu hơn bao giờ hết, rằng khi đặt chân đến Ấn Độ, nếu mọi chuyện không hoàn hảo một trăm phần trăm như cô vẫn hình dung, thì ngay lập tức Rose sẽ chẳng ngần ngại quay trở về với mái ấm của mình ở quê nhà, để chờ đợi cho người bố thân yêu đang mỗi ngày một héo hon vì mòn mỏi đợi chờ và trông ngóng.

Chương 10

Kaiser-I-Hind, 150 dặm từ cảng Port Said

Tor choàng tỉnh, bóng tối tràn ngập quanh chỗ cô nằm. Những tiếng động từ buồng của thặng nhóc bên cạnh vọng đến ập vào tai Tor, nhưc nhói. Những âm thanh đều đặn vang lên bắt đầu từ mỏng tang rồi đột nhiên trào lên chát chúa, như thể một vật nào đó y ban đầu còn oằn mình giữa yếu ớt khi bị dốc ngược lên rồi đột nhiên vỡ òa gãy nát khi bị ném thẳng xuống sàn tàu, hòa nhịp cùng mớ âm thanh đổ vỡ chát chúa là tiếng kéo kẹt đay nghiến của thành giường đến rợn người, rồi đột nhiên những tiếng động im bật. Không gian lại rơi vào câm lặng.

Tor nằm dán mình trên giường, bấn loạn. Nhiêu lâu cô bắt gặp nó đứng một mình trên boong tàu, rít thuốc như một thặng nghiện, mặt vô hồn nhìn ra đại dương bao la. Không xa xôi gì, chỉ vài hôm trước thôi, tại một buổi khiêu vũ trong khuôn viên phòng Siena, chỉ một mình thặng bé đã lôi cuốn được sự chú ý của toàn bộ hành khách có mặt trong buổi tối hôm ấy. Lúc bảy giờ ban nhạc đang hào hứng chơi những nốt cao trào nhất, và điệu van-xơ đang mê hoặc bao bước chân của thực khách, từ những ngài đại tá đến các quý bà lớn tuổi. Đột nhiên thặng nhóc xuất hiện, một mình nhào ra giữa sàn nhảy bắt đầu vung tay múa chân những bước man dại. Đám thực khách tặc lưỡi khó chịu, không ai buồn mở miệng với nó, nhưng Tor thì khác, dẫu sao thì cô với thặng nhãi cũng là hàng xóm trên con tàu, thế nên cô mới mỉm cười ra hiệu cho nó biết, rằng mọi người đang khó chịu vì hành động của nó, nhưng rất nhanh chóng, thặng nhãi phớt lờ cô và quay mặt đi, tiếp tục với những động tác điên rồ của mình.

Tiếng động từ bên phòng thẳ ng nhóc đột ngột im bật, Tor không biế t làm gì cho hế t thời gian, cô tiế p tục vùi đầ u vào chiế c gô i êm ái, cô ắ ng dứt mình ra khỏi hình ảnh thẳ ng nhóc hàng xóm quậ phá, mơ màng chìm đầ n vào giấ c ngủ.

Năm tiế ng sau, ánh nắ ng mặt trời lọt qua ô cửa kính bé xíu bên mạn tàu rớt vào chỗ nắ m đánh thức Tor dậy. Cô ể oải vươn vai bước ra cạnh ô cửa, tắ m mình trong vuông nắ ng nhỏ nhoi như một chú mèo lười vẫn thường làm vào mỗi sáng sớm. Tor luôn cảm thấ y khoan khoái dễ chịu vào những buổi sáng như thế này, kể từ ngày cô đặt chân lên con tàu, bởi ý nghĩ đang mơn man trong tâm trí, tuyệt vời làm sao, mình đã tự do.

Chi mới ba tháng trước đây thôi, Tor không bao giờ được phép đánh phá n lên mặt theo ý mình mà không có ý kiế n của mẹ, không được phép nắ m nướng sau một giờ rưỡi chiề u, không được một mình lang thang trong thành London mà không có bảo mẫu đi kèm, và mỗi tuầ n phải đầ u đặn đầ n lớp học ứng xử cùng cô Craddock ở Salisbury.

Nhưng hôm nay, Tor được bắ t đầ u một ngày mới của cô với trà nóng cùng những dư âm về câu chuyện tâm phào gô i lê đôi mách với cô bạn thân Rose từ tồ i hôm qua. Các hoạt động vào mỗi buổi sáng, kể cả những cuộc gặp gỡ bên bàn ăn với Frank, bác sĩ trưởng của con tàu, một anh chàng điển trai, mới hôm qua thôi còn bắ t ngờ xuấ t hiện bên cạnh cô và Rose khi cả hai thư thái trên boong tàu ngắ m đại dương bao la trước tâm mắ t. Cũng hôm qua, vào lúc sáu giờ, Viva, chị bảo mẫu khá dễ chịu khi luôn để Tor và Rose được tự do bên nhau suố t cả ngày, xuấ t hiện trước cửa buồ ng cả hai (lúc bắ y giờ Tor và Rose đầ u thố ng nhắ t gọi buồ ng tàu là bishi, tiế ng Maratha mà cả hai học được từ những hành khách đi chung trên con tàu) để thông báo về bữa tiệc dành cho các quý cô sẽ diễn ra vào tồ i nay.

Tôi hôm qua, ngay trong khuôn viên bishi này, câu chuyện của hai cô gái chỉ xoay quanh những phẩm chất tốt đẹp mà một người đàn ông cần phải có, và Tor, không hề có ý gì khác, đã kể với Viva, một người bạn luôn biết lắng nghe vào thấu hiểu, về Paul, chàng trai đã khiến trái tim cô tan nát vào mùa hè năm ngoái.

“Anh ấy lớn hơn em ba tuổi”, cô nhớ lại, cố gắng tránh cơn xúc động đang ứa về trong giọng nói, “và thú vị gặp ngàn lần những chàng trai em từng gặp mặt. Anh ấy dẫn em đến những buổi hòa nhạc mà ở đây, Paul có thể đọc thuộc lòng từng nốt nhạc trong bản giao hưởng đang được các nghệ sĩ chơi trên sân khấu, cho em mượn cuốn sách có tựa đề Giữa cuộc hành quân. Chị đã đọc nó chưa, Viva? Một cuốn sách đáng để đọc - và anh ấy thực sự không đơn giản như em nghĩ. Thậm chí anh ấy còn can thiệp vào chuyện màu sắc quần áo em khoác trên người. Chị biết không, chính anh ấy là người nói cho em biết em sở hữu một làn da màu ô-liu đây”.

“Thế cậu còn nhớ những lời hứa hẹn đắm mùi yêu thương trong bức thư anh ta gửi cho cậu không?”. Rose lên tiếng sau khi im lặng lắng nghe câu chuyện từ đầu đến giờ, đầu trong mùa hè năm ấy cô đã chứng kiến cô bạn gái thân thiết của mình thôn thức cả ngày trong căn phòng u ám.

“Ừm, để xem nào, tiếp tục nhé”. Tor vờ vĩnh, “họm tí đã, để tớ nhớ thêm chút nữa”, mặc dù câu chuyện mấy năm về trước còn khắc sâu trong tâm trí cô. “Thế giới này thật rộng lớn”, Tor tiếp tục câu chuyện với giọng điệu trầm bổng, như thể cô đang diễn kịch, “đầy rẫy của cải vật chất và những con người thú vị. Quên quá khứ đi được chưa nhỉ?”.

“Nhưng anh ta theo như lời em kể cũng thú vị đây chứ?”. Viva cười lớn - có vẻ cô thích thú khi được lắng nghe những câu chuyện

của hai cô gái mặc dù chưa bao giờ Viva kể cho họ nghe bất cứ điều gì về bản thân mình. “Diễn biến tiếp theo của câu chuyện là gì?”.

“Anh ta biến mất”. Tor chung hứng, cô muốn kết thúc câu chuyện. Nó không hề buồn cười chút nào và cô nhận thấy mình cần phải thoát ra khỏi những tâm sự bồi bồi như mớ bông bong này. Và sự thật, cho đến tận hôm nay vẫn còn nhuốm đầy mùi vị cay đắng, khi mùa hè đầu tiên ở sau lưng, cô đã mơ về ngôi nhà và những đứa trẻ của cả hai.

Nhưng rồi, vì lý do nào đấy đến tận giờ này cô vẫn không thể cắt nghĩa được, mọi thứ đột nhiên trở nên nhớ nhàng.

Một buổi sáng, cô còn nhớ rất rõ, hôm ấy mới chỉ chớm thu, Paul đến gặp mẹ Tor - lúc này đã quý mẹ anh ta hơn bao giờ hết - và hỏi bà bằng thứ tiếng Pháp khá hoàn hảo của mình, rằng liệu anh ta có thể cùng Tor du ngoạn đến Magdalen, trường cũ của mình ở Oxford hay không. Mẹ Tor sung sướng cứ như thể đang được nghe lời cầu hôn, đã lập tức đồng ý vô điều kiện, thậm chí bà còn không tìm thấy lý do gì để phải gửi cả bảo mẫu đi theo chăm sóc và giám hộ con gái mình.

Ngày hôm sau, cả hai đến Bodleian từ sáng sớm để tìm kiếm một số bản thảo cổ xưa có giá trị lịch sử phục vụ cho nghề nghiệp của Paul. Sau bữa trưa, dưới rặng liễu rủ bóng ven một chân cầu xanh rêu màu thời gian, anh gặp một chiếc khăn rơi nhẹ nhàng kê dưới đầu cô. Thật bất ngờ - bất ngờ mà ngay cả chính cô lúc này vẫn không thể nào hiểu nổi vì sao - Tor mê mèm người nằm xuống bãi cỏ ven bờ sông, ánh mắt cô lơ mơ nhìn thấy đám ba chú vịt đang dập dềnh trôi trên sóng nước, mùi cỏ non ngai ngái ngọt ngào thoảng bên mũi cô, bầu trời lơ ng lơng xanh ngắt đứng lặng trên đầu, bên cạnh cô lúc này là một gã bánh bao lõi đời, Tor mụ mị xoay

người về phía Paul, run rẩy chạm tay vào khuôn mặt điển trai trước mặt và trao cho anh ta nụ hôn đầu đời.

Thật bất ngờ, anh nhồm đậy, gập như hét lên với cô.

“Làm ơn, đừng làm như vậy nữa”. Paul cúi đầu tí mị rút những bông cỏ may găm đầu hai ống quần.

“Tại sao, như thế là ngớ ngẩn à?”, Tor cố tỏ ra bất cần.

Paul vụt đứng dậy, cúi đầu nhìn Tor, bầu trời vẫn đứng lặng lơ lửng trên cao, ngay trên đầu anh.

“Anh không thể làm điều này”, giọng Paul chùng xuống.
“Chuyện này thật lố bịch”.

Miệng bánh kẹp trở nên cứng ngắt, cô có cảm giác mình đang nhai sỏi trong miệng. “Em không hiểu”, giọng cô buồn bã, đến giờ này cô vẫn không thể nào hiểu nổi. “Em nghĩ chúng mình... Em nghĩ anh yêu em”.

“Em đã làm cái điều đại dột khủng khiếp mà một kẻ trưởng thành vẫn thường làm”, giọng Paul gay gắt như thể mọi lỗi lầm đều thuộc về cô; dứt lời anh quay lưng bước đi, để mặc Tor cảm lạnh đến mức bước chân anh in dấu quanh chỗ cô ngồi, bẽ bàng và tan nát khi Tor nhận ra cô vừa đánh mất chính bản thân mình, đánh mất người con trai ấy.

Một tuần sau Paul xuất hiện, vẫn vẻ ngoài quyên rũ và triu mến như cũ, anh gặp Tor để thông báo với cô về công việc mới đang chờ mình ở Roma, Paul ngàn lần xin lỗi Tor vì anh không thể hứa hẹn gì với cô lúc này. Anh bảo rằng Tor là cô gái tuyệt vời, rồi cô sẽ tìm được hạnh phúc của mình, rằng sẽ có ai đầy xứng đáng với cô hơn anh, người ấy hẳn sẽ rất may mắn khi có được Tor.

Về phần mẹ, bà không nói một lời với Tor suốt hai ngày liền. Chỉ có Rose ở bên cô, Rose là người duy nhất an ủi Tor, trao cho cô vòng tay sẻ chia trong cơn suy sụp, chính Rose chứ không ai khác nói với Tor rằng Paul chỉ là một cỗ xe ngựa tồi tàn, một con lợn đực bản thủ không hơn không kém, rằng anh ta sẽ phải nuôi tiêc suốt cả phần đời còn lại bởi đã để mất Tor. Những lời an ủi của Rose đã phần nào có tác dụng, và lời gợi ý về cuộc hành trình trên con tàu mang tên Kaiser như một liên lạc hiệu nghiệm nhất vào lúc này, nhưng trái tim Tor đã tê tái và ngỡ ngàng sau cú sốc đầu đời, đây là lý do vì sao cô đã không hào hứng dấn thân vào chuyến đi ngay từ đầu.

“Có khá nhiều trò vui trên con tàu mà những người trẻ tuổi hẳn đều lấy làm thích thú”, giọng của thiếu tá Smythe, một trong những hành khách đi trên Kaiser, đây ăp niêm hứng khởi khi ông tiêc lộ với cô chỉ một đêm trước khi con tàu nhổ neo. Và những trò vui ấy gồm: khiêu vũ, trò chơi, làm quen tán tỉnh, nhưng vết thương lòng mà Paul đã gây ra khiến cô trở thành một kẻ đây ăp niêm khao khát. Khao khát và ham muốn về một thế giới mà anh đã từng có lần mơ về lơ mờ hiện lên trong tâm trí cô, một thế giới rộn ràng và đây ăp những thứ quý giá và những con người thú vị, khao khát được yêu thương ủa về phủ đây trên làn tóc buông hồ chảy dài trên bờ vai mảnh mai, trên bầu ngực thanh xuân căng tràn nhựa sống. Phải chăng tất cả đã quá xa vời và Tor không bao giờ có được những khao khát cháy bỏng ấy?

Mặt trời đã lên cao, mặt biển xanh thẫm như một viên ngọc bích khổng lồ. Soday bước vào buồng của các cô gái với khay đồ ăn trên tay.

“Trà nào, các quý cô”. Không một lời đáp trả, hay thậm chí không cả một lời trách cứ, viên phục vụ buồng rón chân bước qua những xô ng áo và mớ khăn choàng lông mà Tor đã vung vãi lên khắp sàn

tàu tôi hôm qua. “Trà và bánh quy hương trái cây, rất nóng hôi, irrawaddy”. Cả Tor và Rose, không ai hiểu irrawaddy nghĩa là gì, nhưng mỗi sáng mai khi nghe giọng Suday vang lên đánh thức, hai cô gái lại ôm bụng cười rũ rượi trên giường ngủ khiên viên phục vụ cũng phải bật cười vui vẻ, những lúc như vậy, cả ba giống như những đứa trẻ.

“Tớ rất quý Suday”, giọng Tor chan chứa tình cảm khi bóng người phục vụ khuất sau cánh cửa. “Nào, lên trên giường với tớ, Rose, tớ đang muốn gup”.

Gup, từ mới được các cô sử dụng để chỉ hành động buôn chuyện tầm phào trên trời dưới biển, nhưng từ mới được Rose và Tor lượm lặt trong những buổi lắng nghe ngài đại tá trò chuyện về chủ đề “Nhà bếp Hin-đu dành cho các quý bà châu Âu ở xứ Án” do đại tá Gorman trình bày tại phòng Wellington. Những buổi nói chuyện đều được Rose lắng nghe như nuốt từng lời, Tor thì chỉ có mặt cho bạn mình thêm bầu bạn thêm bạn.

“Những âm thanh kinh khủng tôi qua có nghĩa là gì nhỉ?”.

“Âm thanh nào?”.

“Âm thanh do thặng nhóc buồng bên cạnh gây ra à? Cậu không nghe thấy à?”, Tor nói. “Ôi Chúa Ôi! Ôi Chúa ơi! Ôi! Ôi! Ôi!”.

“Kinh khủng quá”. Cặp mắt Rose mở to, xanh biếc. “Hắn nó gặp ác mộng”.

“Tớ không biết”.

“Nhưng cậu có sang đây hỏi thăm thặng nhóc không?”.

“Tớ cũng định thế, nhưng sau đấy thì buồn ngủ quá”.

“Ôi chúc mừng cậu. Quyết định sáng suốt đấy. Chỉ là một thằng nhóc mới lớn đang muốn thám hiểm rừng già thôi mà”.

“Tớ biết, mình cũng hơi tệ. Nhưng quả là tớ có làm vài ly rượu mạnh và rồi tớ ngủ quên mất”.

“Tốt hơn hết chúng ta sẽ hỏi thăm thằng nhóc sau”, Rose dịu dàng. “Và nên nói cho Viva biết. Lúc này chị ấy hẳn đang ngồi ở phòng viết”.

“Tớ đã dặn cậu như thế nào, quên chuyện này đi”. Tor vừa nói vừa nhóp nhép nhai chiếc bánh thứ hai. “Nếu có chuyện không hay xảy ra, tớ sẽ là một kẻ hung bạo”.

“Ôi, thôi cậu đừng có đóng kịch kiểu như vậy nữa”, Rose cúi nhẹ vào đầu ngón chân Tor, “và đừng để vụn bánh rơi lên người tớ đấy. Có lẽ thằng nhóc đã tống quá nhiều thức ăn vào bụng như ai đấy và bị chứng trotagees”. Trotagees là từ Hin-đu mà cả hai học được để chỉ bệnh tiêu chảy.

Đừng kể hôn, Rose thân yêu của tớ, Tor thâm tha thiết, tiếng cười lạnh lốt của Rose dội vào tim Tor buốt nhói, cô cảm nhận rất rõ làn hơi ấm tỏa ra từ Rose đang nằm bên cạnh, rất gần. Tớ sẽ nhớ cậu đến nhường nào.

“Tớ đi tắm đây”, vài phút sau Tor ưỡn oải nói. Hai cô gái kết thúc bữa sáng, tiếp tục nằm tắm mình trên vạt nắng vàng rộm vương vấn từ cửa sổ boong tàu rớt xuống chiếc gô i trắng tinh trên giường.

“Họm chút đã, tớ vẫn chưa xong câu chuyện của mình mà”. Rose đuổi người về thành thôi. “Tôi qua cậu đã nhảy với ai nào? Tớ thì bị

bà Llewellyn-Pearse níu chặt tay áo chỉ để kể cho nghe về bốn mươi bảy loại đồ quỳên mà bà ấy được chứng kiến ở Simla hồ i năm ngoái. Tớ phải thề lên hẹn xuống với bà ấy rằng sẽ cho cậu chứng kiến những bức hình ấy đấy”.

“Ôi Chúa ơi, tuyệt vời nhé! Philip, trông anh ta như một gã thích khoa trương vậy. Đại tá Green thì phả đấy hơi thở sặc mùi tỏi vào gáy tớ. Rose này, nếu tớ nhường cho cậu một thỏi sô-cô-la thì cậu có để tớ đi tắm không? Tớ hoàn toàn kiệt sức rồi đấy”.

“Thế còn Frank thì sao?”. Đôi mắt Rose tròn xoe. “Cậu có nhảy với Frank, Frank, Frank, Frankee không?”.

“Ôi, Frank”. Tor có tỏ ra bình thản khi nhắc đến cái tên ấy. Lần đầu tiên kể từ thất bại trong mối quan hệ với Paul, trái tim Tor lại đập rộn ràng khi chàng trai có tên Frank bước đến trước mặt và chìa tay một cách lịch thiệp chỉ để mời cô nhảy. Nom anh thật lãng tử trong chiếc áo khoác màu đen và mái tóc rói bù không được chăm chút cẩn thận. Một bác sĩ cũng khá thú vị đấy chứ, mặc kệ rồi đây mẹ sẽ có suy nghĩ một người làm nghề bác sĩ không thể xứng đáng với Tor. Nhưng nguy hiểm đấy! Trái tim cô mách bảo. Cảnh báo đỏ! Đừng có đại dột tiết lộ cho bất kỳ ai về anh.

“Một chàng trai khá ngọt ngào”, Tor thản nhiên. “Ý tớ là, anh ấy đã hỏi tớ liệu cậu và tớ đã có kế hoạch gì khi tàu cập cảng Port Said hay chưa. Chẳng là anh ấy biết một nhà hàng rất tuyệt ở đấy - mọi người đều muốn đến tận nơi để thưởng thức khi tàu cập cảng”.

“Ôi bạn thân mến, cậu biết là chúng ta không thể tới đấy được kia mà”, Rose cao giọng. “Chẳng phải chúng ta đã hứa với mẹ cậu sẽ không lên bờ cho đến khi con tàu cập cảng Gibraltar đấy thôi, cậu biết rõ điếu đấy mà”.

“Chỉ vì mẹ tớ luôn bị ám ảnh bởi tin đồn về nạn buôn bán nô lệ da trắng áy mà”, Tor thờ ơ. “Thật lố bịch, và Frank là một người đàn ông trưởng thành: anh áy từng làm việc trên nhiều chuyến tàu, ừm, ít nhất thì cũng đã có mặt trên hai chuyến, và anh áy biết phải làm thế nào nếu có bất cứ chuyện gì xảy ra với chúng ta”.

“Ừm, hãy nghĩ thật kỹ trước khi quyết định chuyện này nhé”, giọng Rose đã y nghi ngại.

“Cậu cứ nghĩ thật kỹ đi, Rose, tớ đi tắm đây”. Tor rời khỏi giường, dậm chân bước qua mớ quần áo rơi vãi trên sàn tàu. “Và nếu cậu đang nhanh chóng đến với hôn nhân, tớ nghĩ cậu cần phải học cách sống cho mình đã”.

Khuôn mặt Rose đột nhiên tối sầm sau lời nói của Tor. Biết mình lỡ lời nhưng đã không kịp rút lại nữa, Tor chỉ ước cô đã không thốt ra những lời vừa rồi với bạn mình.

“Tớ không hề có ý khuyên răn dạy bảo gì cậu”, giọng Rose đờ đẫn. “Chỉ là tớ thấy cậu còn chưa biết gì về anh ta và...”.

Tor biết tổng điều Rose đang định nói với cô: Tớ không muốn thấy cậu lại đau khổ thêm một lần nữa. Nhưng chỉ vài phút sau đây, khi chỉ còn lại Tor một mình trong phòng tắm, cô cắn chặt hai hàm răng của mình vào chiếc khăn tắm, dứt khoát, tớ không quan tâm. Tớ đã sẵn sàng để tiếp tục thêm một lần nữa, lúc này tớ chấp nhận mọi chuyện.

Chương II

“Giá của một đức ông chồ`ng?”. Phác thảo chương sáu. Tác giả: Viva Holloway.

Viva lặng lẽ ngồ`i trên giường, chiế`c máy đánh chữ cũ kỹ nằ`m im trên gồ`i. Cô đang cố`nén để không bật ra tiế`ng nằ`c bởi cảm giác buồ`n chán và thắ`t vọng đang cuộn trào trong lòng. Snow bước vào, rồ`i rít xin lỗi - Xin lỗi, xin lỗi, xin lỗi! - và nhanh nhẹn thu dọn đồ`ng bừa bộn được cô gọi tên bằ`ng giọng điệu khá hài hước “hành lý”: đồ` lót, vài chiế`c váy cáu bản màu sắ`c loang lổ cùng những cuố`n sách.

“Trông cô có vẻ không thoải mái khi ở đây?”, giọng Snow mỉa mai. “Sao cô không tìm đế`n phòng viế`t mà sáng tác nhi?”.

Cô đã đế`n đầ`y, và cô` thích nghi. Nhưng không thể. Bớ`n quý bà thượng lưu có mặt trên con tàu - thật kinh hoàng với bớ`n cái miệng lúc nào cũng phát ra những tràng cười đing tai nhức óc, mặc sức hào hứng về` những câu chuyện bằ`ng đồ`ng tạp âm om xòm đầ`y trơ trẽn - đã đánh bật sự yên tĩnh ra khỏi phòng viế`t. Ngày hôm qua, khi phòng viế`t đã trở về` với không khí yên tĩnh vớ`n có (nhờ có một cuộc thi đầ`u thể thao diễn ra trên boong tàu lôi kéo mọi người lên đầ`y), lúc bắ`y giờ cô đang tranh thủ viế`t đế`n bản thảo chương bớ`n thì một viên quản lý trẻ tuổi bước vào, khá điển trai, hơi lãng tử trong bộ đồ`ng phục của hãng vận tải hàng hải P&O, nhẹ nhàng đế`n sau lưng Viva và ngay lập tức khiế`n đôi gò má cô ửng hỏ`ng khi hỏi: “Cô đang viế`t về` những bí mật, thưa cô?”.

Lát sau, đã nghe tiế`ng của anh ta vui vẻ chồ`ng gheo thân mật với Marlene và Suzanne từ trên boong tàu vọng xuố`ng - các cô gái rú rít

khoái chí với anh chàng, có vẻ viên quản lý trẻ tuổi cũng hào hứng không kém, liên tục cười nói cợt nhả - Viva chợt nghĩ, nếu cô là một nhà văn đích thực, hẳn sẽ không bỏ lỡ cơ hội để tìm hiểu về chàng trai rõ hơn. Có thể cô cũng sẽ vờ ve vãn tán tỉnh anh ta đôi chút, cố gắng kết thân tâm sự với chàng trai, và sẽ đề nghị anh ta kể cho cô nghe những hoàn cảnh khó khăn trên con tàu này. Nhưng Viva hoàn toàn không có được những kỹ năng của một nhà văn chuyên nghiệp, hơn nữa cô khá e thẹn trước đàn ông. Cảm giác áy cũng xuất hiện trong Viva khi cô đứng trước Frank, viên bác sĩ trẻ tuổi làm việc trên con tàu, một chàng trai mà Viva sẽ không ngần ngại khi kết luận, rằng Frank là người đàn ông dành cho các quý cô. Rõ ràng Tor và hâu hết đám thiếu nữ trên chuyên tàu đều rung động trước Frank. Ngày hôm qua cô còn nhìn theo bước chân của viên bác sĩ trẻ tuổi khi anh ta bước đi trên boong tàu. Có gì đảỵ như nhẹ nhàng, như thanh thoát pha lẫn chút tự mãn, dương dương tự đắc trong từng bước chân của Frank. Và những cái đầu đàn bà chết sững khi anh ta bước ngang qua bọn họ.

Viva đặt một trang giấy vào chiếc máy đánh chữ, rồi thừ người khe khẽ ư ử rên rỉ, bởi cô đang cảm thấy nỗi thất vọng tràn trề trào dâng trong lòng. Đã khởi đầu hết sức bay bướm với “Phi đội Buông câu”, giờ lại dứt khoát đổi thành “Giá của một đức ông chông?”, để rồi Viva nhận ra có quá nhiều khó khăn khiến cô gằn như không thể kết thúc được bài viết của mình. Cứ mỗi lần đọc lại bản thảo, cô lại phát hiện thêm những lỗi ngớ ngẩn và càng ngày càng phát cáu với chính mình. Trong những đêm sau khi lắng nghe những câu chuyện ngô ì lê đôi mách của Rose và Tor, trở về phòng, cô không biết chuyện trò với ai ngoài Snow. Cô gái trẻ tuổi, vị khách chung buồng với Viva luôn tỏ ra lịch sự với cô, mang đồ đến cho cô những buổi tối vui vẻ mỗi khi cả hai cùng nhau bước qua phòng ăn, đại loại như vậy, nhưng xét cho cùng, cô vẫn chỉ là một bảo mẫu, và các cô gái vẫn âm thầm giữ một khoảng cách nhất định với

Viva. Mỗi lần ngồi trong phòng viết, hay trên boong tàu, cô đều nghe lỏm được câu chuyện diễn ra giữa bọn họ.

Tớ đã bảo mẹ thả nó ra ngoài bãi cỏ, tớ sẽ săn tìm nó vào mùa đông tới... Ôi, tất nhiên cô ấy hoàn toàn là một Able Smith thực thụ... Như một người đàn ông bé nhỏ... bộ cánh của Christopher ấy à, chỉ một nửa giá ấy thôi... Tất nhiên chúng tớ biết họ, bọn tớ đi săn ở đây vào mùa đông năm ngoái... Chúng tớ kéo nhau đến bữa tiệc của bọn họ như một gánh xiếc ấy.

Giọng điệu đầy ắp sự tự tin và cái lười thay xong áo xoành xoạch liên tu bất tận mỗi ngày của bọn họ khiến cô trở nên cáu bẳn với chính bản thân mình. Tại sao cô lại phải muốm những kẻ mình không hề có ý định kết bạn cùng chấp nhận? Chuyện này thật ngớ ngẩn, lố bịch, hết sức phi lý.

Những ngày tháng bấp bênh ấy rồi cũng đã bị bỏ lại phía sau, hết sức đặc biệt, ấy là khi công việc của cô không được suôn sẻ cho lắm, cả những điều từng khiến cô không đủ tự tin để sống một cuộc sống tự do phóng khoáng, vượt trên mọi khuôn phép xã hội thông thường, để giờ đây có thêm một kẻ đặt chân lên chính con tàu này, không đơn thuần chỉ là kẻ trong cuộc, một trong số vô vàn những bảo mẫu tồn tại trong cuộc đời này. Có thể cô đã từng sống trọn cuộc đời mình, trong những năm tháng cô đơn đầy ắp tủi hờn thời thơ ấu, bố mẹ hun hút trên từng chuyến đi; và có lẽ, bởi cô đã cam chịu chấp nhận mình là một kẻ luôn thèm khát nỗi cô đơn, cô chấp nhận bầu bạn chuyện trò với chính mình, với ngọn đèn le lói soi đường cô đi trong đêm tối, với những cuốn sách, những bài báo của cô. Không phải lúc nào bạn cũng được lựa chọn.

Viva quyết định dứt mình ra khỏi dòng ký ức ám đạm đang trĩu nặng trong lòng. Cô thích Tor và Rose hơn cả. Những cô gái mới lớn ngờ nghệch tràn đầy sức sống, nhưng những câu chuyện hóng hớt

vào mỗi tôi của các cô gái luôn đầy ắp tiếng cười. Ở Tilbury, Viva đã lặng lẽ quan sát Rose từ xa khi cô gái tạm biệt những người thân của mình để bước chân lên con tàu, cô nghe rất rõ cả những lời chúc tốt đẹp mà cô dành cho họ, những con người hoàn toàn yêu quý Rose vô điều kiện. Chúng kiến hình ảnh thân thương ấy, tim Viva chợt nhói đau: một gia đình hạnh phúc, những con người đang đưa tiễn trên bến cảng dưới kia nhỏ bé và năng động như một đàn kiến đang cố gắng giúp cô gái bước sang một trang mới của cuộc đời. Người chinh lại chiếc mũ hơi lệch trên đầu cô gái, khẽ nắm chặt bàn tay nhỏ bé của cô, đầy quyết tâm. Ông bố, vẻ ngoài bảnh bao vẫn không thể giấu được nỗi buồn đau tro ng vắng hiện trên khuôn mặt già nua hóc hác trước giờ phút chia tay cô con gái rượu bé bỏng của mình.

Có tiếng gõ nhẹ ngoài cửa buồng.

“Viva”, Snow bước vào nhìn cô, “suýt chút nữa thì tớ quên nói với cậu, tớ vừa đâm sầm vào một thằng nhóc nhọt nhọt đang thơ thẩn ngoài hành lang. Nó muốn biết liệu cậu có thể đứng dậy và đến phòng ăn để giành trước chỗ ngồi đầu tiên hoặc thứ hai trong bữa trưa hôm nay không”.

Khốn nạn! Khốn nạn! Khốn nạn! Viva giận dữ gào lên trong đầu.

“Thế cậu nói gì với thằng nhóc?”.

“Tớ bảo cậu sẽ nói chuyện với nó ngay khi cậu kết thúc bất cứ việc gì cậu đang làm”.

Rõ ràng Snow chính là người bắt đầu khám phá mối quan hệ của hai người trong những lúc rảnh rãng, rỗi rãi. Cô từng nhiều lần thắc mắc với Viva, rằng tại sao bố mẹ của thằng nhóc lại không tìm một ông già để làm cái công việc đưa đón chăm sóc giám hộ cho

nó, hay ít nhất cũng phải là một bà già, và rằng có vẻ Viva chắc chắn sẽ có “những ngày vô cùng vui vẻ trên con tàu” nếu không có mặt thằng nhóc. “Nhưng không sao, bạn thân mến”, vài ngày trước Snow lại quây rối cô bằng những lời sẻ chia đầy ắp nỗi niềm cảm thông ấy, “chúng ta chỉ ở trên con tàu này hai tuần, và Án Độ đầy rẫy đàn ông luôn háo hức chào đón các quý cô trẻ trung xinh đẹp như cậu đang chờ đợi ở phía trước”, cứ như thể những bài báo của cô chỉ là chút tự hào được bày ra hòng che giấu cho những tham vọng sâu xa.

Nhưng Snow, công bằng mà nói, vẫn có những rắc rối của riêng mình - đến từ một trường học mới mở ở một địa hạt mới, thừa mứa nỗi cô đơn và đầy ắp sự sợ hãi, luôn thiếu u tiên bạc, và luôn dằn vặt đầy mặc cảm tội lỗi về bà mẹ già đang bị bỏ rơi ở nhà dưỡng lão Dorset dành cho tầng lớp thượng lưu.

Khuya muộn, khi Viva bước chân vào phòng ăn dành cho hành khách hạng nhất, cô mới nhận ra thực khách vẫn còn ngò i lại chật cứng cả căn phòng rộng lớn, tiếng chuyện trò xì xầm to nhỏ cuộn lên từng đợt không ngớt. Cuối cùng Viva cũng tìm thấy Guy Glover lặng lẽ trong một góc phòng, xanh xao, đầy cam chịu chờ đợi trong nhẫn nại. Khi Viva lách qua những bàn ăn giữa phòng tiến về phía nó, Guy ngẩng đầu lên rồi ưỡ oải vẫy tay ra hiệu với cô.

Viva nhận thấy ngày hôm nay Guy đã không cạo râu cẩn thận, vẫn còn những mẩu lông tơ lún phún mọc nham nhở trên cằm, cả một vết xước được nó cấu thả bằng lại bằng một mẩu vải bông dùm dó.

Một người bồi bàn trao cho Viva cuốn thực đơn. Một tràng cười bất chợt vang lên từ bàn bên cạnh. “Những con người trẻ tuổi” là cụm từ được các quý bà có tuổi trên con tàu dùng để gọi bất kỳ ai dưới ba mươi, bất đầu quây quần ăn tối cùng nhau. Rose và Tor

ngồi cùng bàn với hai cô gái khác mà Viva không hề biết tên, có mặt cả một viên chức trẻ tuổi tên Nigel. Mái tóc dài vàng óng của Rose xỏ tung khi cô ngả đầu cười lớn. Một sĩ quan hải quân trẻ tuổi đang châm thêm rượu vang vào ly của Tor. Cô gái tên Tor ấy từng có lần thú nhận với Viva rằng mình đã bị “giam cầm” quá lâu, giờ đang đá lông nheo với chàng sĩ quan trẻ tuổi.

“Xin lỗi, tôi đến muộn”, Viva cất lời trước.

“Tôi không để ý đâu”. Guy ném vào cô một cái nhìn đầy miễn cưỡng rồi nhanh chóng đổi về phía khác.

“Cậu gọi chưa?”.

“Chưa”.

Viva cầm cuốn thực đơn trong tay, có cảm giác cô đang bắt đầu một sứ mệnh nặng nề.

“Cô thích dùng gì?”.

Ồi Chúa ôi, giá mà tôi biết được mình muốn gì.

“Hôm nay có Sole Véronique, tôi nghĩ món ấy rất tuyệt đấy”.

Thực sự cô vẫn chưa thể bắt được mạch câu chuyện, cần phải ngoài lề vài điếu nữa. “Có cả bò bít tết Rossini, tôm hùm dứt lò”. Những món ăn trên con tàu Kaiser đều thuộc loại hảo hạng, nhiều món được chế biến bằng lò nướng than mà cô chỉ mới được nghe kể trước đây. “Tuyệt”, Viva trả lời, “còn có cả pommes dauphinoise cơ đấy”.

“Tôi đọc được thực đơn”. Giọng Guy đầy mỉa mai khi thả ng nhóc vợ cuốn thực đơn dành cho nó.

“Xin lỗi”, Viva cô nén tiếng thở dài.

“Nước nhé?”.

“Vâng, và”, nó ném vào cô cái nhìn vô hồn, không hề che đậy sự ngỗ ngược vốn có, “một chai Pouilly-Fuissé. Bôi bàn!”.

Đêm đầu tiên cô đã khiến thằng nhóc khó chịu ra mặt khi hỏi Guy liệu bố mẹ có đồng ý cho phép nó uống rượu hay chưa, và có vẻ thằng nhóc vẫn chưa tha thứ cho cô. “Cô có thấy rõ không cô bảo mẫu, rằng tôi đã mười tám tuổi?”. Nó gằn như gằn từng tiếng một. Bà Bannister lại cho cô biết nó mới mười sáu tuổi, và lại trông Guy không có vẻ gì là già hơn so với tuổi mười sáu, nhưng cuối cùng cô vẫn bỏ qua. “Không còn là một thằng nhóc tám tuổi thò lò nữa. Tôi không thể hiểu nổi tại sao bố mẹ lại có suy nghĩ kiêu cho mình một cô bảo mẫu”.

“Còn thức ăn thì sao đây?”, cô lái câu chuyện sang chủ đề khác. “Cậu đã sẵn sàng gọi món chưa?”.

“Chưa”. Đầu Guy biến mất sau cuốn thực đơn mở rộng.

Cô phết bơ lên bánh mì, từ tôn thưởng thức mẫu bánh, im lặng lắng nghe tiếng cười nói của đám đông thực khách đầy ắp trong căn phòng, bản Clair de Lune phát ra từ chiếc dương cầm rót vào tai cô những giai điệu du dương trầm bổng.

Đúng như, Viva mơ hồ, điểu mình tưởng tượng về những dự cảm đầy bất hạnh của một cuộc hôn nhân. Một bức tranh bất tận về những bữa ăn rề rà kéo dài đến lê thê mà bạn không hề muốn chung bàn với ai đấy, một không gian nơi mà những cuộc trò chuyện lại chỉ là những điểu vụn vặt có khả năng khiến bạn mệt mỏi, một khuôn mẫu của thứ công việc vất vả trong gia đình nhuốm đầy dư vị tinh thần.

“Tôi gọi một khoanh thịt bò Rossini”, cuối cùng thì cô cũng đưa ra quyết định. “Tái thôi”.

Khi đồ ăn được mang ra, Viva im lặng lắng nghe tiếng dao nĩa leng keng va vào nhau khi người bồi bàn bày biện ra đĩa, rồi lại im lặng nhìn người bồi bàn mang những chiếc đĩa vào trong; kín đáo quan sát đôi vợ chồng già đang nhả nha thưởng thức bữa tối muộn ở bàn bên cạnh trong im lặng.

Chiếc xe đẩy mang theo món tráng miệng dừng lại bên cạnh bàn hai người, bồi bàn dọn ra bánh trứng vị chanh cùng thạch trái cây, một ít kem và mứt Ấn Độ, ngay khi vừa nhón một chút mứt bỏ vào miệng, lập tức Viva cảm nhận được vị tanh dịu nhẹ dợn lên đầu lưỡi.

“Cần thêm rượu nữa không, thưa cậu?”. Người bồi bàn mỉm cười, khuôn mặt anh ta rạng rỡ khi quay sang Viva. “Chúng tôi có loại vang Beames de Venise hảo hạng uống kèm với kem lạnh kiểu Anh, cô dùng một chút nhé?”.

“Cảm ơn, tôi chỉ cần một chút bánh trứng vị chanh”. Cô uống hết chút vang còn lại trong ly của mình. “Tôi nghĩ chúng tôi đã dùng đủ”.

“Cho tôi thêm một chai Beames de Venise”, kẻ cực kỳ khó chịu này giờ im lặng lập tức mở miệng yêu cầu bồi bàn. Khi nó cúi đầu nhìn chằm chằm vào mắt cô, Viva chợt liên tưởng đến hình ảnh một chú bò tơ đang chuẩn bị lao đầu về phía trước.

“Ai sẽ trả tiền cho chai vang ấy?”. Cô cố để không hét lên với nó sau khi người bồi bàn vội vã chạy đi.

“Bố mẹ tôi”, nó thản nhiên trả lời. “Đừng có nhặng xị lên như thế”.

“Bố mẹ cậu vẫn còn ở Bombay khi chúng ta đến đây?”. Cô cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi hỏi nó, Viva thừa biết câu hỏi của mình sẽ dẫn đến đâu.

“Tôi không biết”. Ánh mắt nó đang nhìn ai đó ở sau chỗ cô ngồi, bằng cái kiểu kẻ áy thú vị và có sức hấp dẫn hơn cô bội phần. Đột nhiên cô chợt nảy ra ý định sẽ phải khiến nó cảm nhận được chút gì đó - thật đau đớn, ngưng đọng, cảm giác từng tồn tại trong cô.

“Bố mẹ tôi cũng không có ở đây”, giọng cô xót xa.

“Tại sao?”. Câu hỏi đầu tiên nó thốt lên với Viva.

“Cả bố mẹ và chị gái tôi đều chết ở Ấn Độ khi tôi lên mười. Đây là lý do vì sao tôi về lại nước Anh. Một trong những lý do chính thôi thúc tôi quay trở lại Ấn Độ lúc này chỉ để nhận lại một vài món đồ của bố mẹ mình”.

Guy nhìn chằm chằm vào Viva, vẻ vô hồn vô cảm hiện rõ trên gương mặt nó khiến cô có cảm giác những gì mình vừa kể không hề lọt vào tai thính nhóc. Nó nhòm người đứng dậy, động thái hơi mạnh của thính nhóc khiến chiếc ghế sau lưng nó ngã chổng chơ trên sàn nhà.

“Bọn họ bị ám sát sao?”. Những biểu cảm trên khuôn mặt nó cho thấy Guy đang hết sức thành thật khi buột miệng hỏi câu áy, một sự chân thật nhuốm màu sợ hãi đầy cường điệu. “Người Ấn Độ giết họ?”. Khuôn mặt nó chợt nhăn nhó, đầy giận dữ.

Cảm giác xấu hổ chợt cuộn lên trong Viva, cô không thể tin nổi mình lại có thể thốt ra những lời vừa rồi với bất kỳ ai, nhưng đã quá muộn - có vẻ thính nhóc đang bị hấp dẫn, đang phát khiếp vì câu chuyện mà Viva vừa kể với nó.

“Không”. Cô giơ tay cô gắ ng kéo nó ngồ ì lại xuô ng ghê .

“Hay họ bị bắ n chề t?”.

Đôi vợ chồ ng già bàn bên cạnh đang nhìn cô chắ m chắ m.

“Không phải”, Viva trả lời.

“Vậy thì tại sao?”

“Đơn giản là họ chề t, thề thôi”. Giọng cô thì thầ m. Viva cảm nhận được cơn rùng mình ủa về choán ngọp trong cô. “Thực sự tôi không muồ n kể về chuyện này. Chỉ là một vụ tai nạn xe hơi, tôi không biề t nó xảy ra ở đâu cả”. Cô ghét cay ghét đắ ng mỗi khi có ai đắ y quan tâm hỏi han về cái chề t của bồ mẹ mình một cách chi tiề t.

“Tôi không biề t phải nói gì cả. Hãy cho tôi biề t mình phải nói gì”. Guy gầ n như gào toáng lên với cô, Viva ước gì có thể khiề n nó ngậm miệng ngay lập tức - lúc này cô chỉ muồ n Guy trở về là một thầ ng nhóc lúc nào cũng lặ ng cam như trước. Nó dứt khoát rời khỏi bàn ă n.

Khi Viva bước lên boong tàu để tìm Guy, một cơn gió thổi thồ c tới mang theo luồ ng không khí ấ m áp mơn man trên từng chân tơ kẽ tóc của cô, bóng trắng nắ m im lìm giữa những chùm mây đầ y hình thù lạ mắ t.

“Guy”, cô gọi tên nó, nhưng tiề ng cô gọi lọt thỏm và mắ t hút giữa tiề ng sóng ì oàm vỗ hai bên mạn tàu và tiề ng nhạc ô n ào từ phòng khiêu vũ vọng lên. “Guy?”. Viva đã bước đế n khu vực xuô ng cứu hộ, một cơn gió mang theo hơi ấ m từ biển cả tiề p tục đùa nghịch với những lộn tóc của cô. “Guy, cậu đang ở đâu?”.

Sau một hồ i tìm kiế m trong vô vọng qua mọi hành lang góc ngách trên khoang hạng A, cuối cùng cô cũng tìm thấy nó, lần trở n trong một chiếc xuồ ng cứu hộ, đuổi người trên chiếc áo khoác dài thướt của mình, khoan khoái nhả những vòng khói thuốc mờ ảo lên không.

“Xem nào”, cô thở phào, “còn khô i kẻ có cha mẹ chệ t ở Á n Độ, vậy nên cậu đừng quá lo lắ ng chuyện này như thế nữa. Thực tình tôi không hề buộc tội cậu chỉ vì lý do cậu có thích tôi hay không”.

Mặt trăng đột nhiên biế n mấ t sau một đám mây đen khổng lồ , Viva kịp nhìn thấy đôi dòng nước loang loáng chạy dài trên hai gò má nó, nổi xúc động đầ y ấ p niề m tuyệt vọng đang dâng lên trong đôi mắ t Guy. Nó đang say, cô chắ c mắ m, và đang rắ t đau đón.

“Sao cuộc số ng lại khủng khiế p đế n thế?”. Nó buộ t miệng.

“Không phải tâ t cả đề u khủng khiế p”, cô an ủi nó. “Mọi thứ thay đổi, theo chiề u hướng tô t lên. Có lẽ tôi không nên kể cho cậu nghe câu chuyện của mình, tôi không biế t vì sao mình lại làm như thế”.

“Họ đã rời xa, đế n nơi tô t đẹ p hơn”.

“Đúng thế”.

“Những người thân yêu trong gia đình cô”. Mặt trăng đột ngột lộ ra soi sáng khuôn mặt xám nhợt của nó. “Đã đế n nơi khác tô t đẹ p hơn”, nó lầm bầm. “Mãi mãi”.

Viva chắ c chắ n nó lại đang chìm vào dòng tâm tư của đời mình.

“Không”, cô nhanh nhẹn trả lời. “Không, tôi không tin. Không tin điề u đó. Cậu thì sao?”.

Nó đột ngột đứng dậy và nhìn chằm chằm vào cô.

“Nhìn xem, thử quên tôi một lúc đi”, cô nói với nó, rồi chợt nhận ra có thể đây là cơ hội duy nhất của mình. “Tôi muốn biết đôi chút về cậu. Có thể cậu nghĩ tôi là một bà già lắm cảm, nhưng tôi không phải là người như vậy, và tôi vẫn nhớ rất rõ cảm giác khi bị ai đẩy phá tan không gian nơi ta từng gắn bó để đẩy mình vào một không gian khác, đẩy chính là...”. giọng cô run rẩy, nhưng đẩy là những gì tốt đẹp nhất cô có thể làm lúc này.

“Không, không phải thế”, nó ngắt lời cô. “Không phải như vậy. Nghĩ xem, tôi xin lỗi... tôi phải về ngủ đây”.

Khi nó búng mình nhảy khỏi chiếc xuồng cứu hộ, miếng gạch băng vết xước gây ra bởi vết dao cạo râu trên cằm nó rơi xuống, một giọt máu rỉ ra. Viva im lặng nhìn theo dáng đi quả quyết của Guy, bóng nó mất hút sau cánh cửa.

“Tôi nhìn thấy rồi đấy”, Viva cao giọng.

“Em xin lỗi”, một giọng nói nhẹ nhàng vang lên sau chõng ghé xếp năm cách chỗ Viva đứng không xa. “Thực tình em không cố ý nghe lén”. Một bóng người hiện ra sau chõng ghé: là Rose với một chiếc váy trắng mỏng tang như sương như khói, mái tóc vàng óng ả của cô gái sáng lên dưới ánh trăng.

“Em lên đây để hóng gió và suy nghĩ”, Rose nhoẻn miệng mỉm cười với Viva. “Dưới kia ồn ào quá”.

“Em nghe thấy hết rồi chứ?”, Viva hỏi.

Rose thoáng bô i rô i.

“Không phải tất cả. Trước đây em vẫn thường cãi nhau với anh trai của mình - không quá nghiêm trọng đấy chứ?”.

“Không biết chị có thể chịu đựng nổi nó không”. Viva lắc đầu. “Nó quá khinh người, lúc nào cũng tỏ vẻ khinh khỉnh và đầy miệt thị”.

“Em sẽ nói với chị những gì nhỉ?”, Rose mỉm cười với cô. “Xuống dưới kia và nhấm nháp vài ly đi. Em nghĩ điều tồi tệ nhất khiến nó không thể là em trai của chị ấy là bởi chị không có khả năng cho nó một đồng bôn penny. Vừa ý rồi chứ”.

Rose cười lớn, thoải mái và nô ngấm. Cô đảo tròn mắt liên tục hệt như một đứa trẻ, hãy cứ để mặc bản thân được thoải mái và tự do với thực tại.

Viva ngược nhìn lên trời đêm, mặt trăng đang chơi trò cút bắt với con tàu, tỏa ra thứ ánh sáng vàng nhạt dịu dàng khiến triệu triệu ngôi sao đều lu mờ trước nó.

“Có thể nó sẽ thấy xa lạ khi trở lại Án Độ”. Rose nhấp một ngụm rượu mạnh. “Sau nhiều năm trời đã ngẩng một mình”.

“Mười năm”, Viva trâm ngâm. “Và thật tồi tệ khi rời Án Độ lúc còn là một đứa bé - chỉ một khoảnh khắc, nắng vàng và tự do, trời xanh diều vọi, và những con người mà ta hằng yêu mến quanh mình. Tiếp theo, ừm, nó không kể gì nhiều với chị về những điều đầy, cứ như thể hành động đập vỡ tảng băng đóng cứng trong một bồn rửa tay tại một ngôi trường xa lạ và không lấy gì làm thân thiện”.

“Giống như cảm giác bị đập khỏi thiên đường”, Rose ví von.

“Chính xác, nhưng Án Độ không chỉ có thiên đường. Còn có cả những điều khủng khiếp nữa”.

“Ví dụ? Nhưng không có gì quá kinh khủng chứ?”.

“Ừm, như nắng nóng chẳng hạn. Em không bao giờ tưởng tượng nổi cái nóng đến thế nào đâu, không giống như ở Anh. Lúc nào cũng ửng ửng như có búa nện trong đầu ày. Ruột nhặng, nghèo đói, rách rưới. Nhưng nếu em yêu tất cả những điều ày, như chị đang yêu, chắc hẳn em sẽ thấy khác, nó sẽ đọng lại trong tâm trí em, khá lâu đấy. Rồi em sẽ thấy”.

Lần đầu tiên cả hai có một cuộc nói chuyện thoải mái và tâm đầu ý hợp đến thế kể từ khi đặt chân lên tàu. Dẫu một phần trách nhiệm của cô có thể mang Viva đến gần hơn với những giọt nước mắt, nhưng chắc chắn cô vẫn hài lòng với nó.

“Thật kỳ quặc khi nghĩ em kết hôn quá sớm”, Rose tiếp tục câu chuyện. Vạt khăn choàng vai xô tung lật phất lên tận đầu mũi thanh tú đến hoàn hảo của cô, Rose đưa tay gạt nhẹ vạt khăn xuống dưới. “Có nhiều điều buộc chúng ta phải suy nghĩ về chúng”.

Khiếp đảm, Viva chột nghĩ. Tất cả chúng ta.

Hôm trước Rose đã thú nhận với cô, như thể đấy là một lời bông phèng hay ho nhất được thốt ra từ Rose, rằng cô và vị hôn phu sắp cưới mới chỉ gặp nhau vắn vắn đúng bốn lần, nếu tính cả lần gặp gỡ gần Salisbury.

Viva tự hỏi: Làm thế nào mà cô gái ày lại có thể chấp nhận yêu đương một cách thiếu cân trọng thế kia? Tại sao bố mẹ cô ày lại cho phép điều ày xảy ra? Nó không giống như một cuộc hôn nhân được sắp đặt từ trước ở Ấn Độ, nơi hai bên gia đình hứa hôn đến biết nhau từ bao đời nay.

“Ừ, chị có thể hình dung được chuyện này”, Viva nói. Cô muốt chạm nhẹ vào bàn tay mềm mại trắng muốt như trẻ con ày của Rose, rồi vòng tay ôm lấy cô gái, nhưng không thể. Thay vào đấy, cô liên tưởng đến hình ảnh bà mẹ của Rose trong chiếc váy cưới của

cô con gái, đến đôi mắt biếc nâu như biếc cười lúc nào cũng đầy ắp niềm hoan. Chúng khiến đầu óc bạn phải quay cuồng mỗi khi nghĩ đến. Mình đã thực sự đông cứng, đóng băng ngay từ khoảnh khắc ấy.

“Nhìn kìa, ôi!”, Rose chỉ tay về phía đường chân trời. “Chị có thể nhìn thấy vùng ánh sáng từ Port Said hắt đến”.

Viva vẫn đứng yên. Cô không nên kể những chuyện đã qua với Guy.

“Đến đây đi, nhìn xem, thật tuyệt vời. Phải đây là Port Said không nhỉ? Chắc chắn là Port Said rồi”.

Hai cô gái im lặng ngắm quanh ánh sáng yếu ớt hình vòng cung đang dịu dàng tỏa sáng trong đêm tối, uốn lượn trên mặt biển bao la trước khi lọt vào tầm mắt của họ. Một phố biển xứ người, nơi ấy người dân đang đánh răng và tất tả rửa dọn chén đĩa, vừa làm vừa mơ màng nghĩ đến chuyện lên giường yên giấc.

“Có thật là chúng ta được phép ngủ lại trên boong tàu không nhỉ? Nghe thật thú vị”.

Nếu nhìn vào khuôn mặt rạng ngời lấp lánh niềm hạnh phúc của Rose lúc này, hẳn bạn sẽ đồng ý với Viva, cô gái ấy mới dễ thương làm sao, ngọt ngào và ngây thơ, như một đứa trẻ.

Chị hy vọng anh ta sẽ là một người đàn ông tốt, Viva thầm nghĩ. Chị hy vọng anh ta sẽ đối xử thật tốt với em. Đúng là đánh bạc với trời.

“Tor rất hào hứng được lên bờ”, giọng Rose đầy âu lo. “Frank đi với một nhóm bạn, anh ấy hỏi liệu chúng ta có thể đi cùng không. Chị nghĩ gì về lời mời của Frank?”.

“Không chắ c lắ m”, Viva trả lời. “Ngoài việc có vẻ anh ta khá tự tin về bản thân mình và tỏ ra có sức hấ p dẫn với phái yế u. Chị hy vọng Frank sẽ không làm tổn thương cô á y”.

“Em cũng thế”. Rose phụ họa. “Trước đây cô á y từng rơi vào quãng thời gian khá tồ i tệ. Em không hiểu tại sao đám đàn ông lại tỏ ra không má y thiện cảm với Tor”.

Cô á y đã cô gắ ng hế t sức, Viva nghĩ. Cô á y không hế có ý gì khác nhưng rõ ràng đã rắ t cô gắ ng, bởi cô á y hiểu mình không đủ quyế n rũ như những cô gái xinh đẹp khác.

“Hôm qua đại tá Patterson kể với em Frank có một người anh trai chế t ở Ypres”, giọng Rose thoảng bên tai cắ t ngang dòng suy nghĩ của Viva. “Đấ y là lý do vì sao anh ta trở thành bác sĩ. Đại tá Patterson cho rằ ng bê ngoài Frank luôn biểu lộ sự vui về á y là bởi anh ta đã vượt qua được nỗi đau má t mát người thân. Ngài đại tá bảo ông hiểu rõ tâm trạng của Frank, đơn giản bởi con trai ông á y cũng chế t ở đấ y”.

“Em chắ c chứ?”. Viva choáng váng trước thông tin do Rose tiế t lộ. Mình đã ở bên cạnh mọi người suố t cả quãng thời gian ở đây. Mình đã vội vã viế t về họ trước khi mình hiểu cuộc số ng của họ, mình những tưởng đấ y là sự thân thiế t, kiểu như sự cởi mở không biên giới, nhưng thực ra lại rắ t yế u đườ i và đầ y ấ p tâm trạng.

“Đấ y là tâ t cả những gì ngài đại tá nói với em”, đôi mắ t xinh đẹp của Rose đột nhiên loáng nước. “Anh trai em qua đời ở Pháp - Trước đây em là đứa thường xuyên so đo tranh giành với anh á y, bởi em quá trẻ con và luôn muố n làm mọi thứ mà anh á y đang làm. Ôi không, không nên nói về chuyện này nữa. Thật tồ i tệ. Đôi khi em không thể chịu đựng nỗi cảm giác đau đớn mỗi khi nhớ về nó. Có lẽ đấ y là một phầ n lý do vì sao bố mẹ lại đờ ng ý để em đi, bởi họ

cũng như em, rất khó khăn và đôi khi không thể chịu đựng nổi không khí lạnh lẽ trong gia đình. Vả nữa đây là”, giọng cô bé trở nên đầy tự tin, “Frank biết một nhà hàng rất tuyệt ở trên bờ, và dự định thực hiện một chuyến đi đến khu vực quần thể Kim tự tháp. Tor thì luôn háo hức được đến đây, nhưng em đã hứa với bố mẹ mình sẽ không đi đâu nếu không có mặt cô bảo mẫu. Chị đồng ý đi với bọn em nhé?”.

“Chị cũng muốn lên đây”. Viva cố giữ không để lộ niềm háo hức trong lòng ra ngoài. “Ý chị là, chị không biết chuyện này có nên không nhưng...”.

“Có nhiều người đang đến đây”, Rose ngắt lời Viva, “chỉ là các chàng trai, em không muốn có chuyện không hay. Mọi người đều thích ngò i lê đôi mách. Em không nên để ý, nhưng em vẫn phải làm thế”.

“Chị hiểu”, Viva trả lời, “tất nhiên cả chị cũng thế”.

“Nhưng còn thặng nhóc thì sao?”, đột nhiên Rose tỏ ra lịch sự một cách cẩn trọng. “Ý em là, nó có thể đi cùng nếu thích, nhưng có lẽ trong mắt nó chúng ta giống như một nhóm góm giếc và cỏ lỗ sĩ”.

“Nó không tuyệt vời như chúng ta vẫn nghĩ trước đây”, Viva trả lời. “Những gì nó từng thốt ra bốc mùi như một đống phân lạc đà, như những xưởng sản xuất nước hoa. Thật hay ho”.

“Thực sự nó có thể chỉ muốn có một ngày dành riêng cho mình”. Giọng Rose đầy ắp hy vọng. “Nhưng chị có thể mang nó theo cùng nếu buộc phải làm như thế”.

Không, không. Viva trầm nghĩ. Mình không cần phải làm như vậy. Nó sẽ có một ngày tuyệt vời dành riêng cho mình theo ý muốn.

Viva đã quyết định như vậy, và một ngày nào đấy, cô sẽ phải trả giá cho quyết định của chính mình.

Chương 12

Cảng Port Said, 1300 dặm từ Bombay

Tor tỉnh dậy khá sớm, những âm thanh náo nhiệt trên bến cảng Port Said từ xa vọng đến, cả cảm giác nôn nao hồ i hộp về một ngày trước mắt kích thích cô tột độ. Cô quơ vội mớ quần áo rồi nhẹ nhàng đi vòng qua chỗ Rose năm bước vào phòng tắm, khẽ đóng nhẹ cửa buồng, việc đầu tiên Tor làm là lờ ng vào người chiếc váy lụa trắng tinh khôi mà mẹ cô đã gả n như năn nỉ cô chọn nó tại cửa hiệu Swan & Edgar. Tor kiểng chân lên ghế đầu, tỉ mỉ quan sát bóng mình trong gương, rồi lại lột chiếc váy ra khỏi người. Trông có vẻ yếu điệu và thông thạo quá.

Chiếc váy bằng vải lanh đi cùng áo khoác ngắn có vẻ đứng đắn và bình thường hơn. Mười phút sau, mồ hôi mồ kê nhễ nhại và đầy bó i rồi, cô đứng trước một đống áo quần, khoác trên mình chiếc váy may từ vải bông mềm mại màu xanh lá cây nhẹ nhàng, đôi hoa tai cẩn ngọc bích khẽ đong đưa theo nhịp lắc vai. Tor đứng trước gương, cô tưởng tượng xem liệu Frank sẽ nghĩ gì khi nhìn thấy cô trong bộ dạng này.

Cô khẽ gạt chiếc gương chế ch ngược lên trên để quan sát khuôn mặt mình rõ ràng hơn, mấp máy môi vờ thực hiện một cuộc trò chuyện giả tưởng để kiểm tra cử chỉ điệu bộ của mình khi nói. Sau một hồ i lâu tia tốt, Tor đứng im, rồi bất chợt phá lên cười.

“Ôi Chúa ơi”, cô lẩm bảm, trở về với thực tại. “Tại sao mỗi lần mình thích một chàng trai là đầu óc mình lại nghĩ về mẹ nhỉ?”.

Ngâm mình trong bồn tắm ấm áp, Tor thả hồ n mơ màng về buổi chiều kinh hoàng trước ngày cô chuẩn bị lên tàu đến với Á n

Độ. Phải nói, hôm ấy là một bước ngoặt trong cuộc đời cô. Sau nhiều tháng trời rông rã tranh cãi về chuyện đi ở của Tor xảy ra giữa bố và mẹ, cuối cùng bố cô, người luôn dành hầu hết quãng thời gian trong ngày để chăm mình trong túp lều chhut đá y sách vở (được ông tể u táo gọi đùa là thành trì của khoa học), hao tâm tổn lực dành hết trí tuệ vào công cuộc nghiên cứu giống bọ rùa, đôi khi ông thư giãn bằng âm nhạc và im lặng kiên nhẫn chịu đựng những nỗ lực thay đổi điên cuồng cả đức ông chông lẩn gia đình của bà vợ khó tính.

Buổi sáng, sau một đêm dài thao thức trằn trọc, Tor quyết định sẽ tâm sự với mẹ toàn bộ câu chuyện nhuốm đầy dư vị chua chát và cay đắng của thất bại trong mối quan hệ với Paul.

Lúc bảy giờ hai mẹ con Tor đang có mặt tại phòng phân loại hoa. Bà mẹ, với thái độ căm cău biểu hiện ra mặt, đang mạnh tay kéo xoèn xoẹt những cuống và lá cho tới tận rễ ném thẳng đống rác bả vừa tạo ra vào chiếc giỏ đan bằng dây thép vững chãi.

“Con xong việc chưa?”, đúng vào lúc con hờn giận trong Tor chuẩn bị bùng phát thì mẹ cô lên tiếng. “Mẹ đang cố gắng hết sức để chân thành với con, con gái ạ”. Bà đặt chiếc kéo xén hoa đang cầm trên tay xuống. “Con biết đấy, khi còn trẻ, con luôn nghĩ quỹ thời gian dành cho mình trong việc tìm kiếm và lựa chọn để kết hôn với một đấng nam nhi bao giờ cũng bất tận, nhưng sự thật hoàn toàn không phải như thế. Bởi vậy nên nếu mẹ không phải là người nói cho con biết điều này, thì ai sẽ nói?”. Đột nhiên, hết sức bất ngờ, còn tệ hơn cả một cơn thịnh nộ, bà nhẹ nhàng nắm lấy tay Tor, một nụ cười đầy ắp tiếng nuối và xót xa chợt nở trên môi người mẹ. “Con yêu”, sau một hồi im lặng, bà tiếp tục. “Biết nói thế nào đây. Con là một cô gái khá quyết tâm, rồi con sẽ đấu tranh vì những mục đích đã xác định, để giành hạnh phúc về mình. Khi con đặt hết tâm trí mình vào cuộc đấu tranh tìm kiếm này,

cũng là khi con của mẹ trở nên xinh xắn và quý nũ nhấ t. Thế nhưng con lại không phải là một bức tranh cọ màu hoàn hảo đê n từng nét vẽ, và bởi vậy, con”, người mẹ gắ n mạnh từng tiế ng một. “Sẽ. Phải. Làm. Việc. Nhiê u. Hơn. Nữa. Phải hế t mình hơn nữa, bởi đấ y hoàn toàn giồ ng như một công việc thực thụ”.

Đê n bây giờ, Tor vẫn nhớ như in những lời mẹ nhô i vào đầ u cô. Một trong những bài học đượ bà nhai đi nhai lại với Tor, thì tình yêu giồ ng như một điệu vũ ba-lê, như một lời nói đố i vô hại, như một vòng xoay, hay gắ n gũi hơn, tình yêu giồ ng như một lời nói đố i có tác dụng gây cười giúp chúng ta xua tan nỗi đau đón chán ngán chấ t chứa trong lòng. Thậm chí, để phụ họa cho những lời rao giảng của mình, bà mẹ còn cô gắ ng nhoẻn miệng nở một nụ cười đúng điệu “đã hế t rô i những ngày đón đau” khá đặc biệt khi nhô i nhét vào đầ u cô con gái mớ triế t lý tình yêu sặc mùi thực tế .

“Mẹ! Làm ơn thôi đi!”, Tor đưa tay bịt kín hai tai. “Con đang cô gắ ng để kể cho mẹ nghe về Paul và chuyện gì thực sự xảy ra giữa bọn con. Con chỉ muố n nói với mẹ, rằ ng thậm chí anh â y còn chẳng buồ n muố n hôn con”.

Đê n đây thì bà mẹ thực sự nổi giận, khuôn mặt bà nhanh chóng chuyển màu sang ửng hỏ ng đầ y căm phẫn.

“Con đê n cuộc hẹn với đầ u tóc như của một thắ ng con trai, hế t sức lô bịch. Con mong chờ điê u gì? Con lỏ ng vào chân đoi giày không khác với đoi giày của một đứ a bé là bao. Lại còn bộ cánh nhố nhắ ng khoác trên người nữa. Nê u cả mẹ lẫn bố đê u chấ t bốp dành toàn bộ số tiề n kiế m đượ cho chuyện chung diện của con, thì ít nhấ t con cũng phải tỏ ra nỗ lực để biế t cách biế n mình thành một cô công chúa xinh đẹ p chứ. Thế đấ y. Những gì mẹ nói là vô lý à?”.

Nỗi xúc động ùa về trào dâng trong lòng cô - Tor có cảm giác một cơn sóng gồm những dải lụa màu mơ chín vàng tươi đang dâng trên đầu. Cô thoáng rùng mình.

“Con có thể biến mình thành một cô gái xinh đẹp nếu con thực sự cố gắng nhiều hơn nữa”, giọng mẹ cô văng vẳng bên tai.

Tor nhét chiếc váy vào lại trong tủ, mệt mỏi lê thân đến ngồi bên bàn trang điểm. Ai đấy chứ không phải là Tor đang nhìn chằm chằm vào cô từ trong gương. Cô mở ngăn kéo bàn, lục lọi tìm kiếm, rất nhanh chóng, Tor tìm thấy bên cạnh những chiếc trâm cài đầu, lần khuất giữa miêng nùi bông thoa phấn là một hộp thuốc lá. Đôi mắt mở to thất thẫn, cô chậm rãi rút những hơi dài từ chiếc tàu nhỏ xinh làm từ gỗ mun. Dốc cạn ly rượu trên tay, Tor thổi nhẹ vào miệng chai được khắc hoa văn trên thân cùng một nhúm tua rua điểm xuyết trên nắp.

Cô quyết một chút son lên môi rồi cẩn thận quan sát mình trong gương, im lặng. Khá lâu sau đấy, Tor buột miệng, “Con không muốn giống như mẹ, con thực sự không muốn”.

Bố cô đã đứng sau lưng Tor tự bao giờ. Ông lặng lẽ bước đến bên cô con gái lúc này đang run rẩy vì nước nỡ. Lần đầu tiên kể từ những ngày thơ ấu, ông ôm Tor vào lòng, siết chặt.

“Ta nghĩ tốt hơn hết con nên đi Ấn Độ”, sau một hồi im lặng, ông nhẹ nhàng nói với cô con gái. “Tôi nay ta sẽ nói chuyện với mẹ con”.

Đến lúc này thì Tor thực sự bối rối, lòng đầy do dự. Điều duy nhất khiến tâm trạng cô không được thoải mái chính là Frank, vẫn để nằm ở chỗ, cô đã hoàn toàn bị Frank chinh phục. Khi anh

hỏi cô, bằng vẻ thờ ơ vô tình nhất có thể, rằng liệu Rose và cô đã có kế hoạch gì khi con tàu cập cảng Port Said, ấy là khi Tor đang hóng hót cùng mọi người về Jitu Singh ở quầy bar. Jitu là một vương công trẻ tuổi, một con người hòa nhã và lịch thiệp, từ Oxford trở về quê quốc, nghe đâu trong đoàn tùy tùng của ông ta có đến mười hai người hầu chỉ để phục vụ cho chuyện ăn mặc nghỉ ngơi của mình. Mười hai người chỉ để lo về những bộ đồ ng phục trách tình mà Jitu đang khoác trên mình, mười hai người lo lắng cho những bữa ăn đặc biệt của ông ta. Trong khi đấy, Frank làm việc năm tiếng một ca, lúc nào cũng nhăn nhó và nhàu nhĩ nom đến đáng yêu. Frank nói với cô, mười hai giờ trưa ngày mai, anh sẽ hát ca trực, lúc ấy anh có thể gặp gỡ và ăn trưa cùng mọi người. Nhìn nụ cười trên môi Frank, cô có thể cảm nhận được những giọt mồ hôi ướt át đang rịn ra trên những đầu ngón tay đang bám chặt vào ly rượu của mình, tim cô đập loạn xạ. Tor bắt đầu biết trông ngóng kiếm tìm hình bóng anh mỗi ngày, hào hứng nhảm đi nhảm lại như một người điên về những điều cô dự định sẽ nói khi gặp anh. Mới hôm qua thôi, anh còn cùng cô tản bộ trên boong tàu, giữa những lời chào hỏi buổi ban mai đầy lịch thiệp được đám hành khách đủ mọi lứa tuổi gửi đến Groan, thì thào với nhau về những bản khai đang gây xôn xao dư luận của ai đấy. Bạn thân của bà vợ bị sát hại trong một con giạn dữ thiêu u kiêu chết, Frank thì thào khi cả hai ngang qua chỗ ngài thiêu u tá Skinner đang ngồi lặng lẽ cạnh máy chiếu bàn bày trò ném vòng cùng gia đình ông ta. Một trong những thủ lĩnh của băng đảng buôn lậu thuốc phiện khét tiếng, giọng Frank nhẹ như thổi khi hướng về phía quý cô có tên Warner đang chăm chú đọc kinh thánh trên chiếc ghế xếp.

“Ừm, hoàn toàn chỉ là dự định”, cô nói với anh khi Frank đề nghị về chuyên du ngoạn ngắn ngủi đến Cairo khi con tàu cập cảng Port Said. “Nghe có vẻ khá thú vị”.

Cô lấ y làm tự hào về` chính bản thân mình khi thồ t ra được những lời á y, như thể bọn cô luôn bận rộn với khá nhiề u lựa chọn nơi đây.

“Mười giờ sáng mai anh sẽ có mặt gầ n văn phòng viên quản lý để lấ y thư”, Frank nói với cô. “Không câ n phải tìm anh để nói câu trả lời trước thời điể m á y”.

Nghe mới dễ chịu làm sao.

“Bánh nướng phế t mật ong nào”, giọng Rose lạnh ló t từ ngoài cửa, “có thay đổi kế hoạch sử dụng nhà tá m trước khi đế n Bombay à?”.

“Ôi Chúa ơi!”, Tor rên ri. “Mấ y giờ rồ i?”.

“Đừng lo, mới chín giờ thôi, nhưng cậu ra mà xem, Port Said đã ở trong tâ m mắ t - cả những con thuyề n chở những con người bé tẹo đang rao bán đủ thứ. Tớ không thể chờ thêm được nữa”.

Năm mươi phút sau, Tor nhìn thấ y Frank đứng một mình gầ n văn phòng viên quản lý.

“Chào Frank”, cô có cảm giác mình là một con ngô c với điệ u cười toe toét nom rõ ngớ ngẩn khi nhìn thấ y Frank. “Anh ngủ ngon chứ?”.

Ôi, một câu hỏi mới tuyệt vời và độc đáo làm sao.

“Không ôn lắ m”, Franh trả lời. “Anh bị dựng dậy giữa đê m, khá bận rộn”.

“Lại có thêm những bê bớ i mới à?”.

“Khá nhiều là đáng khác”, anh nói. Thoáng chần chừ hiện lên trên khuôn mặt Frank. “Nhưng anh không được phép kể với em, hay ít nhất cho đến khi chúng ta dùng đủ ba ly xi rô lựu tại quầy bar Windsor”.

“Quý sự! Anh thật là”, giọng cô hoan hỉ. “Thế thì anh có thể gọi một ly được rồi, bởi chúng ta đang trên đường đến đây”.

“Anh không thể, phải sau bữa trưa anh mới hết ca làm”, Frank nói, “nhưng anh đã tìm cho em một người tài xế tốt bụng, rất an toàn; ông ta sẽ chở em tới nhà ga vào lúc mười hai giờ mười lăm phút cho kịp giờ tàu chạy, chúng ta sẽ đến Cairo sau bốn giờ, bữa trưa sẽ diễn ra trên tàu. Sáng nay em có thể đi mua sắm nếu thích”.

Cô chột đồ mắt, cảm nhận được luồng hơi nóng chạy dọc cơ thể khi liếc trộm cánh tay rám nắng cuộn cơ bắp của Frank. Rõ ràng anh áy rấn rỏi và mạnh mẽ hơn nhiều so với một Paul Tattershall nhợt nhạt và lẳng tử. Cô hy vọng sẽ không mất nhiều thời gian trước khi anh buộc chặt đời cô.

Khi lên trên boong tàu, trong khuôn viên dành cho hành khách hạng A, Tor nhanh chóng tìm thấy Viva và Rose đang chuẩn bị lên bờ. Hôm nay là một ngày đẹp trời, ánh nắng rạng rỡ soi sáng mọi góc ngách, bầu trời xanh ngắt với vệt trái dài tới tận đường chân trời. Dưới đất, bên cảng náo nhiệt với vô vàn người xe ngược xuôi mua bán. Một người đàn ông đang làm trò ảo thuật lôi những chú chim ra khỏi vạt áo dưới nách ra ngoài, vừa lôi vừa rít lên những tiếng kêu chói tai âm ỉ, đám trẻ con quây tròn quanh ông ta bắt đầu múa túi trút những đồng xu tưởng thưởng.

Một ngọn gió đi hoang tình nghịch thổi tung vạt váy màu xanh lá non của Tor lên cao, ngay lập tức khiến cô lúng túng, Tor ngượng

nghe người dựa vào thân tàu. Chưa dừng lại ở đây, điều khiến cô ngỡ ngàng chín người bắt đầu xuất hiện.

“Mẹ, nhìn này! Là nữ hoàng”. Một thằng nhóc, cổ tay quấn dây vòng đeo, đứng trên một chiếc thuyền nhỏ trôi ngang phía dưới con tàu, ngay chỗ Tor đang đứng, miệng la lớn. “Mẹ sẽ mua nó!”. Thằng nhóc khễ nghiêng đầu sang một bên rồi trao cho Tor một nụ cười tinh quái.

Ấy là lần đầu tiên Tor nhìn thấy một người khác giới trong bộ dạng gần như trẻ trâu - chỉ một cái khăn quấn hờ hững ngang eo thằng nhóc, buộc bằng một sợi dây mỏng manh như sợi chỉ.

“Làm ơn đi mẹ. Là Nữ hoàng đây, rất xinh”.

Cô và Rose bắt đầu dúm nhau cười khúc khích, nhưng rồi lập tức cả hai im bật. Một cơn gió ào tới thổi tung mảnh khăn che hờ hững phía dưới bụng thằng nhóc. Từ Rose, Viva, Snow đến ngài sĩ quan Chorley Haughtington, tất cả đều nhìn thấy một “đồ vật” của thằng nhóc - một khúc thịt màu đỏ ngửa dài ngoẵng một đầu bị bao quanh bởi đám lông màu hung đỏ mọc tua tủa, khá um tùm. Nó không hề nhỏ bé tẹo nào. Snow ôm bụng cười ngặt nghẽo. Miệng Tor khô khốc. Cuối cùng cũng rõ, cô thậm nghĩ, chút bí mật của đám đàn ông, cái ống thông nước của bọn họ; vật có khả năng điều khiển hệ bài tiết và phá hủy bao cuộc đời ấy. Rose nắm chặt bức thư của Jack trong tay, vội vã quay mặt sang hướng khác, đây sợ hãi.

Và Tor, người duy nhất thực sự biết Rose đang nghĩ gì trong đầu, nhanh chóng nắm chặt tay bạn. Hôn nhân là bước tiến vĩ đại trong bóng tối, thực sự là nỗi ám ảnh kinh hoàng mỗi khi bạn nghĩ về nó.

Bảy tiếng đồng hồ sau, Tor, Viva, Rose và một nhóm bạn cùng đi trên chuyến tàu đã có mặt tại quán bar Windsor, trong khuôn viên khách sạn Shephard, Cairo. “Phải thiên đường lại bắt đầu được tạo ra từ đất nung thêm một lần nữa không nhỉ?”. Tor đưa mắt nhìn quanh không gian sang trọng của quầy bar khách sạn, lơ đãng hỏi.

“Bạn thân yêu, tớ nghĩ chính xác phải là đất liềm”, Nigel đùa cợt.

Nigel, một viên chức trẻ tuổi, một trong những người bạn thân thiết của các cô gái trên chuyến tàu liềm này. Một chàng trai có mái tóc hung nhuộm màu cát cháy, khuôn mặt khá điển trai, tuy sáng sủa nhưng vẫn thoáng đôi chút xanh xao và nhợt nhạt.

“Cho em nước chanh và soda”, Rose nói với Frank khi anh bắt đầu gọi phục vụ.

Tor đưa mắt nhìn trộm Frank, trông anh mới tuyệt vời làm sao trong bộ cánh áy, chiếc áo khoác may từ loại vải lạnh dễ nhàu. Cô luôn có ấn tượng với những người đàn ông không mấy cầu kỳ tươm tất trong khâu ăn mặc.

“Một ly quý bà màu hồng cho em”, Tor nói, rồi quay sang Rose, “cậu cũng thử một ly đi”.

“Nhìn kia xem”, Nigel vẫy cánh tay đang cầm chiếc ly của mình về phía những tấm thảm đỏ cô Windsor, sàn nhà bằng gỗ bóng loáng chạy dài đến tận vách tường được trang trí bằng những điêu thú. “Tất cả từng thuộc về một câu lạc bộ sĩ quan người Anh rất nổi tiếng; nhưng giờ thì đã sớm đi vào lịch sử”.

“Nigel là một kẻ cực kỳ thông minh”, Rose giải thích với Viva. “Cậu ta...”.

“Nigel, đừng có bắt đầu bằng cái giọng mỉa mai tởm lợm ấy”, giọng Tor gần như van vỉ. “Chúng ta đang có một ngày vui vẻ trên đất liền đây”.

“Nhưng đây là sự thật, các cậu nghĩ mà xem”, Nigel hướng ánh mắt sang Viva.

Viva nhìn thẳng vào mắt Nigel, khẽ mỉm cười chua chát, không nói một lời. Ngày hôm nay Tor luôn có cảm giác mình đã trở thành một cô gái tuyệt đẹp, cô diện chiếc váy màu hồng nhạt, chiếc vòng to dùng lông lẳng trên cổ, mái tóc buông hờ rớt bởi đây nghệ sĩ, hơi giống tuýp các cô gái nổi loạn đây cá tính. Mình phải là chính mình, Tor đã quyết định như vậy, và thích thú thán phục chính bản thân cô bởi cái cách mà từ trước đến nay chưa bao giờ Tor dám thể hiện ngay cả khi cô đã cố gắng hết sức. Frank đang dán mắt vào cô, hai người đàn ông trong đoàn không hẹn mà gặp đều hăm hở chờ đợi cô lên tiếng.

Tor say đắm từng tiếng cười trầm ấm của Frank đang vang vọng bên cô. Bàn tay rạm nắng của anh đang cầm chắc chiếc ly. Khi Frank quay người sang phía Viva để chuyện trò cùng cô, Tor kín đáo ngấm anh từ chỗ ngồi, Tor ao ước mình có được thần thái tĩnh lặng như Viva. Chị ấy luôn giữ mình tránh không sa đà vào những cuộc vui. Nhưng Frank vẫn kiên trì kể một câu chuyện khôi hài hòng cuốn Viva vào không khí vui vẻ quanh bàn ăn. Đột nhiên khuôn mặt Viva ửng đỏ, cô rướn hẳn người về phía trước, thì thầm điếu gì đây với Frank, nhỏ thôi nhưng rất dứt khoát, Tor không thể nghe rõ câu chuyện đang diễn ra giữa hai người, nhưng rõ ràng sau câu nói của Viva, Frank đang ôm bụng cười nghiêng ngả.

Sao mình không bao giờ hiểu được điếu đơn giản ấy? Tor thầm nghĩ, có bàn tay ai đang bóp nghẹn trái tim cô. Rằng những kẻ quyết rũ bao giờ cũng có sức hấp dẫn với tất cả mọi người - bọn

họ không phải là những kẻ duy nhất mình ta tìm thấy. Ngay như Paul kinh khủng là thế, vẫn hoàn toàn mê hoặc được mẹ kia mà.

“Thử một chút nhé”. Viva chuyển cho Tor một đĩa ô-liu, kéo cô về với thực tại. “Và cho chị biết có phải Frank đang nói láo không nhé. Anh ta bảo các nhà khảo cổ học trong khi khai quật một hầm mộ pha-ra-ông ở Moukel al Tes đã tìm thấy bên trong nó một núi tóc, những chiếc kẹp và vô số bình đựng dầu bôi mặt”.

“Có lẽ anh ấy nói láo”, Tor không chắc có điều gì như gấu t gông, như chua chát trong giọng nói của mình hay không.

“Anh không nói dối”. Frank quay sang nhìn Tor, lập tức cô cảm thấy nhẹ nhõm, lòng đầy vui sướng.

“Tại sao lại không nhìn nhận tầm quan trọng của bọn họ ngang hàng với chúng ta? Chúng ta đâu có phát minh ra những thứ hão huyền”.

“Nó khiến tôi nhớ đến một câu nói mang tính đúc kết”, Viva nhanh nhẩu. “Họm đã”. Cô chau mày nghĩ ngợi trong chốc lát. “Tôi tin chắc không điều gì xuất hiện trong cuộc đời một con người lại quan trọng hơn lời buộc tội rằng anh ta có hay không có sức hấp dẫn. Trích Tolstoy”.

“Tuyệt vời”, Frank giễu cợt. “Hoàn hảo đối với trường hợp của tôi”.

Tor, chưa một lần đọc bất kỳ một trang nào của Tolstoy, vẫn nhoẻn miệng mỉm cười ra vẻ hiểu biết.

Frank rời ánh mắt khỏi Tor. “Cô định ở đâu khi đến Ấn Độ?”. Anh hỏi Viva.

Viva thoáng lưỡng lự.”Tôi vẫn chưa biết. Tôi có một số giới thiệu từ trước, nhưng có lẽ ban đầu tôi sẽ sống một mình”.

Cô nhặt một chiếc đĩa với những họa tiết Thổ Nhĩ Kỳ khá tinh xảo lên, khẽ xoay xoay trong tay.

“Cô chắc sẽ sống ở đây một mình chứ?”.

“Có thể”.

Mọi người đều im lặng chờ đợi những lời tiếp theo của Viva, nhưng cô đã quay trở về với vẻ kín đáo bí ẩn thường ngày.

“Thế cô có định chuyển lên phương Bắc - không phải đây là nơi cô từng lớn lên hay sao?”. Rõ ràng Nigel đang rất tò mò.

“Có thể”, Viva trả lời. “Tôi vẫn chưa quyết định”.

Đây là bí mật, phải luôn tạo cho mình vẻ bí hiểm. Thế nhưng cô đã tiết lộ với tất cả.

“Vậy thì”, Nigel quay sang Tor lúc này cũng đang chìm trong im lặng, “còn cô, cô có dự định gì sau khi đến Bombay?”.

“Ừm...” Tor cảm thấy nhẹ nhõm cả người khi bị Rose cắt ngang điều định nói, chẳng phải cô đang có ý định lảng tránh câu hỏi của Nigel đây thôi.

“Cô ấy sẽ là phù dâu chính của tớ”, giọng Rose đầy quả quyết, “và là người bạn tốt nhất trong số những người bạn tốt nhất của tớ trên thế gian này”.

“Đây là công việc trọn thời gian à?”. Frank giễu cợt.

“Tất nhiên”, Rose đáp, không mấy may lưỡng lự, “yêu cầu của em rất cao”.

Chưa bao giờ Tor được nghe ai nói về vai trò sắp tới của cô ở Án Độ bằng giọng điệu ngây ngô và trăn trọc đến thế.

“Ngay khi Rose vào lò nướng”, cô mơ màng nhả một ngụm khói thuốc lên không, “em sẽ đẹp tất cả để du ngoạn khám phá đây đó”.

“Ôi!”. Rose bật đứng dậy. Nhìn điệu bộ của Rose như thể cô vừa nhận một cái tát đầy bất ngờ vào mặt. “Xin lỗi”, cô nói, gạt ghê ngòi của mình ra sau rồi vội vã bước về phía phòng vệ sinh dành cho quý bà.

“Cô ấy không sao chứ?”. Viva hướng ánh mắt vào Tor, hỏi.

“Chắc chắn cô ấy ổn”. Tor khá lúng túng. Chưa bao giờ cô thấy Rose tỏ thái độ phản ứng giận dữ như thế cả. “Em sẽ đi xem cô ấy thế nào. Có thể cô ấy hơi khó ở”.

Cả hai dắt nhau quay trở lại bàn tiệc ngoài quầy bar. Lúc này Nigel đang chăm chú đọc một cuốn thơ Ả rập. Frank và Viva đã biến mất.

“Mọi người đi đâu hết rồi?”. Tor hỏi.

“Biết hết rồi”. Nigel hờ hững trả lời. “Trong lúc cô đi vắng, một ông tướng nào đấy cùng đi trên Kaiser đột nhiên xuất hiện yêu cầu Viva quay trở lại con tàu ngay lập tức. Có vẻ như đã có tai nạn xảy ra ở trên boong”.

“Vậy còn Frank?”.

“Anh ta đi cùng cô ấy”.

“Vậy còn chúng ta?”. Tor buồn bã.

“Anh ta gọi cho cả bọn một chuyến xe quay trở lại Kaiser”.

“Chu đáo quá nhỉ?”. Tim Tor lại nói đau, rồi lạnh lùng hóa đá.
“Anh ta luôn chu đáo trong mọi chuyện”.

Chương 13

Poona

“Sunita”, Jack Chandler cất tiếng gọi từ ngoài cửa. Anh đang đứng trước hiên nhà Sunita, ngay dưới giàn hoa giầy và hoa phong lữ đỏ thắm trong những chiếc bình đất nung xinh xắn, đám bụi nước còn đọng lại trên những cánh hoa, từng chiếc lá cho thấy cô ấy vừa mới hoàn thành công việc chăm bẵm tưới tiêu buổi sáng cho những bình cây cảnh của mình. Jack cúi đầu khẽ chạm nhẹ vầng trán của anh vào cửa nhà. Sunita, Sunita, anh xin lỗi.

Đứng trên thềm nhà, bên ngoài cánh cửa, anh có thể nghe rõ tiếng vòng cổ trên mình Sunita kêu leng keng theo từng nhịp bước chân cô đang tiến về phía mình.

“Jack”, cô đứng dậy, sau cánh cửa mở rộng, miệng mỉm cười nhìn anh trìu mến. Đôi bàn tay cô buông hờ thảnh thơi, anh thích ngắm Sunita trong những lúc như thế này. Cô đang khoác trên mình bộ sa-ri mà anh yêu thích nhất: chiếc váy dài được tạo thành từ những vòng quăn của mảnh vải màu xanh lá cây dịu mát, điểm xuyết dưới chân váy là những bông hoa cà tím tím nhỏ bé dịu dàng, những bông hoa li ti gọi cho Jack nhớ đến những đóa hoa tím nhạt phủ dày lên những dây đậu Hà Lan mọc trong vườn nhà mẹ anh ở Dorset.

Cô chắp hai tay trước ngực khẽ cúi đầu đón anh bằng hành động chào hỏi truyền thống của người Ấn thay cho lời nói.

“Ôi, đóa đậu ngọt ngào của anh”, Jack buột miệng.

“Đóa đậu ngọt ngào?”. Cô lặp lại lời anh, đầy bối rối.

“Một loài hoa bé bỏng và dễ thương”.

Anh thấ t thầ n bước theo mùi hương tinh dầ u hoa hồ ng tỏa ra từ cơ thể người con gái uyển chuyển trước mắ t, tiế n vào căn phòng đơn sơ nơi từng chứng kiế n những thay đổi của đời anh. Mái tóc dài mượt mà của cô bắ t ngờ xõa xuố ng khi Sunita khẽ chúi người về phía trước chầm nước vào ly.

“Trông anh có vẻ mệt mỏi”, giọng cô nhẹ như thờ. “Em làm món gì cho anh ăn nhé? Sáng nay em dạo chợ và mua được hai trái xoài cực ngon”.

Sunita là cô gái rấ t sành sỏi về các giồ ng xoài.

“Anh chỉ câ n uố ng một chút thôi”, anh nói với cô. Thực tình Jack không có hứng thú với chuyện ăn uố ng lúc này. “Cảm ơn em, Sunita”.

Nhìn những đầ u ngón tay nhỏ nhấ n khẽ khàng nâng lên hạ xuố ng những trái xoài căng mọng, Jack chợt cay đắ ng nhận ra những điề u anh sẽ phải sớm cho vào dĩ vãng: vóc dáng mảnh mai dịu dàng á y, khóe miệng xinh xắ n nở nụ cười hàm tiế u á y, cả thầ n thái cam chịu đế n thản nhiên của cô. Sunita thuộc dòng giới Rajput, tổ tiên cô là những chiế n binh dũng cảm, cô hội tụ đủ những đức tính tô t đẹp của giồ ng nòi, là sức mạnh tiề m tàng ẩn chứa bên trong sự mê m mỏng nhẹ nhàng đế n hòa nhã.

“Sunita, anh...”. Anh ngập ngừng nắ m lầ y tay cô, khẽ khàng mân mê những đường vân hồ ng hào trên mười đầ u ngón tay thon thả. Cô khép nhẹ bờ mi, mơ màng vuố t ve mái tóc anh.

“Chúng ta có nhiề u thời gian để trò chuyện cùng nhau trong khi anh nhắ m nháp một chút”.

Anh ngoan ngoãn nhá p từng ngụm rượu mạnh trong chiếc ly cô trao. Ngoài kia màn đêm đã bắt đầu ủa về, nhanh như nó vẫn thế khi ngang qua mảnh đất xứ Á n này. Bầu trời đang hưng hửng, đột nhiên vụt lóe sáng lên cuối cùng như một tấm màn lửa khổng lồ rồi tắt cả chìm vào tĩnh lặng, bóng tối ủa về trên từng ngõ ngách.

Jack và Sunita là một cặp từ ba năm nay. Cô được một sĩ quan đồng đội của Jack giới thiệu cho anh trước khi anh ta kết thúc nhiệm vụ ở Á n Độ và quay trở về quê quốc. Một cô gái thuộc tầng lớp thượng lưu bản địa, không phải là gái làm tiên, là hậu duệ của những vũ công Nautch nổi tiếng luôn hợp hôn những chàng trai đến từ nước Anh xa xôi bằng những điệu luân vũ và những lời ca bay bổng của họ. Phong cách lịch thiệp của những con người thú vị, trước khi đất nước Á n Độ, theo như những gì anh nhìn nhận, “gần như trở thành một miến khăn lót bàn và đầy khó khăn ngay khi người Anh kiểm soát chặt chẽ họ”.

Trước khi gặp Sunita, anh đã thử gặp gỡ tìm hiểu với đám ba cô gái cùng chung niềm đam mê thể thao ở Sandhurst, chủ yếu là những cô con gái của các sĩ quan lâu năm trong quân đội, các cô gái đều giống anh ở một điểm: rất thận trọng với chuyện hẹn hò trai gái. Sau đây là quãng thời gian ngắn ngủi lén lút qua lại với vợ của một sĩ quan cấp thấp ở Jaipur. Một quý cô đầy đà, lùn tịt, lúc nào cũng cảm thấy cô đơn bởi sống xa đàn con đang ngày đêm miệt mài đèn sách trong trường nội trú ở nước Anh và đức ông chồng biền biệt ngày này sang tháng khác với những sứ mệnh và nhiệm vụ cao cả. Một quý cô có cặp mộng tuyệt vời - nảy nở, tròn trịa và sẵn chắ c - đây là tất cả những gì thuộc về cô ta còn đọng lại trong anh đến giờ này. Thêm những lần vụng trộm lần mò sờ mó một số quý bà quý cô khác nữa, nhưng tất cả chỉ có thế.

“Đấy”. Sunita nhẹ nhàng gỡ đôi giày dưới chân Jack, bắt đầu xoa bóp mùi đất ngón chân anh.

“Sunita...”. Anh không muốn mình trở thành một kẻ vô lại: khi nói ra những điều anh sẽ phải nói, chào tạm biệt nàng bằng kiểu chào xalam lần cuối và rũ áo ra đi.

“Đây nữa”. Khi cô đưa tay lần mở cúc áo ngực anh, Jack bắt đầu có cảm giác mồ hôi đang rịn ra ướt đẫm lưng áo. Anh phải nhanh chóng ngăn cô lại, ngay lập tức, không được để cho chuyện ấy xảy ra nữa.

Nhưng người anh cứng đờ, bất động. Hương thơm quyên rũ tỏa ra từ cơ thể cô, tiếng ào xào mảnh như tơ như cước của mái tóc dày đen mượt đang cọ xát trên khuôn ngực anh; cảm giác mê mẩn bắt đầu trào dâng trong anh, lan đến tận chân tơ kẽ tóc. Căn phòng chật hẹp trở nên mờ ảo, và Jack gần như tan biến trong nó.

Làn da êm ái của cô dịu dàng run rẩy trong vòng tay anh, Jack cảm nhận được từng chi tiết xương sườn đang uốn éo nhịp nhàng theo nhịp thở gấp gáp của cô dưới làn vải mượt mà của tấm sa-ri. Jack nhẹ nhàng đặt cô nằm xuống giường, đồ ập thân mình to lớn của anh lên cơ thể mảnh mai của cô, môi tìm môi say đắm. Như bao lần trước, lần này anh lại để cả thể xác lẫn linh hồn mình trôi nổi, phiêu dạt cùng cô trong bóng tối, giữa bốn bề hạnh phúc tĩnh lặng vây quanh.

Dịu dàng và kiên nhẫn như một người mẹ, cô áp ủ, dịu dặt anh qua những ngày dài bắt đầu từ những hành vi ứng xử dễ dàng nhất, từ quan điểm nhìn nhận chính xác đến khô khan của anh với thế giới bao la đầy màu sắc bên ngoài; trước đây anh chỉ là một gã khờ, một nông phu hùng hục trong lĩnh vực quan hệ gái trai, với cái lưỡi của một gã tá điền. Anh như một gã choai nhà quê đến mùa

động dục, với giọng điệu và ngôn ngữ của một tân binh, không biết ngôn từ bay bướm nào khác ngoài: Anh muốn xuyên thủng em. Đâm thật mạnh nhé? Em sẵn sàng chưa?

Cô ngắm anh trong bóng tối i lờ mờ vây quanh gian phòng bằng đôi mắt xanh đen màu rong biển của mình, cô vờn anh như một nghệ sĩ bậc thầy đang làm xiếc với nhạc cụ của mình. Thỉnh thoảng cô tỏ ra nồng nhiệt ve vuốt anh, đến khi anh cương cứng cô lại buông tay thích thú nhìn ngắm không chớp mắt. Cô mang lại cho anh cảm giác cực khoái mà trước đây chưa bao giờ anh cảm nhận được, cơ thể anh căng cứng, kéo dài tưởng chừng đến bất tận, cô tạo cho anh cảm giác mê đắm đến tột cùng, cho đến khi cô giải thoát anh.

Sunita là một cô gái tinh tế, xinh xắn, có giáo dục, thân nhân tốt: cha cô là một người có tư tưởng tự do tiến bộ, một luật sư hành nghề ở Bombay. Nhưng cô không phải là một người vợ thích hợp. Không bao giờ là một người vợ. Không dễ dàng để giải thích chuyện này bằng ngôn từ, ngay cả khi đã có lần anh trực tiếp đối diện với sự thật, thế nhưng mọi ngôn từ đã trở nên bất lực không thể thốt nổi thành lời. Vấn đề nằm ở chỗ: Anh yêu cái trung đoàn kỵ binh và những đơn vị của mình bằng tất cả niềm đam mê, phải nói, tình yêu của anh dành cho họ giống như nỗi ám ảnh. Không một cô gái nào, cả người Anh cũng như người Ấn, hiểu được chúng có ý nghĩa với anh đến nhường nào, và giống như một nhóm gồm những chàng trai đã nhanh chóng biến mất từ một nơi nào đấy để đâm mình vào các cô gái bản địa, bắt đầu với cuộc sống được họ gọi tên bằng hai tiếng “hoang dã”.

Tất cả những người đàn ông anh biết, trong một số lĩnh vực nào đấy, đều trượt dài theo bản năng: đâm ô sa đọa và đầy rẫy ham muốn khao khát bản năng như những cậu chàng vừa bước qua ngưỡng cửa dậy thì còn ngò i trên ghế nhà trường, từ công khai cho

đến bí mật trong mối quan hệ cặp kê luyện ái với đám đàn bà con gái. Và Sunita chính là phương thuốc giúp anh hàn gắn những tổn thương vô hình ấy của tâm hồn Jack. Nhưng ngay cả khi anh đã sẵn sàng chấp nhận cô, thì tự trong sâu thẳm tâm hồn mình, Jack biết rõ không đời nào anh kết hôn với cô. Xét cho cùng thì hai người vẫn là một cặp có quá nhiều khác biệt.

Em dang tròn thể xác cho Người. Không vẩn đục gì. Linh hồn em nguyện gắn chặt cùng Người.

Trở ngại bắt đầu từ đây. Nếu quả thật anh có một linh hồn (thứ mà thỉnh thoảng anh vẫn hoài nghi về mình, một cách nghiêm túc), hẳn nó sẽ, bằng hàng trăm hàng ngàn cách khác nhau, bị ép buộc trui rèn cho khác với nàng. Ấy thế mà cuối cùng cái đêm đau đớn đầy định mệnh đang chờ đón hai người ở phía trước ấy, hẳn sẽ dễ dàng hơn rất nhiều nếu anh kết hôn với một cô gái như Rose.

“Tôi nay trông anh rất lạng lẽ”, trong lúc hai người làm tình với nhau, cô chợt hỏi. “Anh đang nghĩ chuyện gì à?”.

Khẽ trườn người sang một bên, cô nhanh chóng thoát khỏi vòng tay anh và nhồm dậy với tay túm lấy mảnh sa-ri quấn quanh người. Anh đón chiếc áo ngủ dài thân từ tay cô và lờn vào người.

“Sunita, anh sắp kết hôn”, anh thở gập. “Anh xin lỗi”.

Anh cảm nhận rất rõ hơi thở đột ngột đổi nhịp của cô trong vòng tay mình.

Im lặng. Chỉ còn tiếng cánh quạt vo ve tràn ngập căn phòng nhỏ bé, tiếng đập cánh của đám côn trùng ngoài hiên nhà, tiếng bánh xe nghiền lên mặt đường mơ hồ vọng vào.

“Em biết sẽ có ngày anh kết hôn”, cuối cùng cô cũng lên tiếng.

Cô nhòm dậy bước đến bên cạnh chiếc bàn giữa phòng. Ngọn nến đang rỉ rả những giọt sáp bỏng cháy lên tấm bưu thiếp anh gửi cho cô trong một lần trở về nước, ba tuần sau khi anh gặp Rose. Một tấm thiệp lộ bích - giờ đây anh chỉ có cảm giác xấu hổ bởi đã gửi nó cho cô - in hình một chú vịt đang cố gắng guồng chân trên một chiếc xe đạp tí hon. Cô đã giữ nó như một tặng phẩm linh thiêng, như bao món quà khác anh đã tặng cho cô trước đây: một cái túi xách, một chiếc xe hơi đồ chơi, một lọ nước hoa với hương thơm được gọi tên bằng Đêm Paris huyền thoại, lọ nước hoa vẫn còn nằm im trong hộp giấy xinh xắn. Tất cả những món quà anh tặng được cô xếp gọn gàng trên một giá gỗ, hiện lên mờ ảo dưới ánh sáng của ngọn nến được thắp sáng trên đầu tượng thần Shiva.

“Bao giờ thì hôn lễ sẽ diễn ra?”.

Thân hình cô bất động, vòng eo quen thuộc vẫn yêu kiều như mới hôm qua.

“Tháng tới”.

“Anh có biết gì cô ấy không? Hay chỉ thông qua mối lái?”. Cô quay người đối diện với anh, một nụ cười xuất hiện trên khóe môi.

“Anh biết cô ấy. Không nhiều lắm. Bọn anh gặp nhau trong lần cuối cùng khi anh trở về thăm nhà ở nước Anh”.

“Cô ấy xinh chứ?”.

“Ừ, nhưng...”.

“Cô ấy là người tốt?”.

“Ừ, anh tin cô ấy là người tốt”.

“Cứ nói với cô ấy, rằng em sẽ làm một con bé hậu hạ ngũ c
nghệ ch cho cô ấy nếu chưa tìm được ai sai bảo khi đến đây”.

Nói xong cô buông tay ra khỏi ngọn nến, ghé miệng vụt thổi tắt nó đi. Bóng tối ùa về chiế m trọn căn phòng. Cô là con gái của những chiế n binh. Chưa bao giờ anh nhìn thấy cô khóc, cả trong giờ phút cay đắng này cũng thế .

“Cô ấy thật may mắn, Jack”.

“Anh hy vọng chúng ta sẽ không sao”, anh lý nhí. “Bên i thám đoàn đang ở ngoài kia”.

“Bên i thám đoàn nào? Ý anh là gì vậy, Jack?”.

“Không có gì”.

“Cha em cũng muố n em kế t hôn”, cô nói. Lúc này cô đã đến ngò i trong lòng chiế c trường kỷ, men theo nửa vòng ánh sáng nhạt nhạt từ ngoài hấ t vào qua ô cửa sổ. Giọng cô buồ n bã, u uẩn. “Anh ta nhiề u hơn em mười bốn tuổi, nhưng là một người tốt bụng, lại đẹp trai nữa. Một người thích hợp để kế t hôn”.

Không ai trong chúng ta được quyề n lựa chọn, anh nhủ thầ m. Cô gái tên Rose được lựa chọn bởi những lý do dù nhiề u hay ít sau đây: chung một đảng câ p, cùng tiế ng nói, cùng quan điể m, không có gì ở cô khiế n lũ ngựa của anh, những ngài đại tá sĩ quan chỉ huy của anh, cả những đò ùg đội thân thiế t của anh phải giật mình khi được anh giới thiệu về cô.

“Anh có nghĩ em nên kế t hôn với anh ta không?”.

“Ôi Sunita, làm sao anh biế t được. Anh không thể...”. Nói đê n đâ y anh vự t im lặ ng. Nê u cô tở ra cứ ng rắ n như thế , anh cũ ng phải can đả m.

Jack gầ n như vẫ n chưa biế t gì về ` người con gái anh sẽ kê t hôn cùng. Đấ y là nhữ ng gì ngự trị trong anh lúc này, khi chỉ còn lại mình Jack cô đon thỏ n thức trên cuố c xe trở về ` nhà. Anh đã có một đê m thao thức mệ t nhò ai giữ a nhữ ng con vậ t vấ sũ ng lạnh mồ ` hôi. Jack hy vộ ng ngày mai sẽ không còn nhữ ng đay dứ t giắ ` ng xé â y ngự trị trong anh.

Chương 14

Cảng Port Said, mười ngày trước khi cập bến Bombay

Khi Viva quay trở lại Kaiser, cô đã nhìn thấy ông Ramsbottom, một người bạn của bố mẹ Guy đang đứng một mình cuối ván cầu lên xuống của con tàu. Những giọt mồ hôi trên trán ông lấp lánh dưới ánh mặt trời, khuôn mặt ông đanh lại, giận dữ, thậm chí ông còn không thèm nhìn cô.

Viva nuốt nước bọt, miệng cô khô khô c. “Có chuyện gì xảy ra vậy? Guy đâu?”.

“Tốt hơn hết cô nên lên đây mà nói chuyện với nó”, giọng ông Ramsbottom cau kinh. “Tôi sẽ nói chuyện về thái độ của cô sau”.

Nói xong ông già quây quả quay người bước đi, Viva vội vã chạy theo tám lưng vuông vắn to bè trước mặt, đôi giày thể thao dưới chân ông Ramsbottom đang giẫm mạnh lên cầu tàu, phát ra những tiếng rì rào rít đay nghiến đầy giận dữ. Cô nhảy ba bậc cầu thang một xuống dưới lòng tàu, đám thủy thủ nhìn cô đầy kinh ngạc.

“Cô không có quyền giao phó thằng nhóc cho chúng tôi”, những lời bóng gió mỉa mai của Ramsbottom bay qua tám lưng phè phè của ông già ném thẳng vào mặt cô. “Đúng là tôi có biết đôi chút về bố mẹ nó, nhưng không hề biết gì về nó cả. Thật là phiền phức, ôm rom nặng bụng”. Tiếng đé giày của ông vẫn đều đặn nghiến lên sàn tàu, nhức nhối. “Ý tôi là, cô ở chỗ quái nào suốt cả ngày hôm nay? Tôi không có trách nhiệm chăm sóc thằng nhóc, vợ tôi thì thót tim vì nó”.

“Được rồi”, cô cố xoa dịu. “Cho tôi biết nó không sao chứ?”.

“Cô sẽ gặp nó ngay thôi - nó đang bị giữ trong phòng kín của con tàu, một phòng giam hay đại loại là một căn phòng thổ tả nào đấy mà họ vẫn gọi như thế”. Ông già vẫn chưa hết cơn giận, vừa nói ông vừa phì phào thở.

Một nhân viên an ninh khoác trên người đồ ng phục của con tàu dẫn hai người đến một hành lang chật hẹp, tối tăm, mùi nước tiểu trộn lẫn với mùi nước lau sàn hiệu Dettol xộc vào mũi Viva, gất bần.

“A, cô bảo mẫu Holloway đây rồi i. Ơn Chúa, cuối cùng thì cô cũng xuất hiện”. Một người đàn ông có mái tóc đỏ quạch, khuôn mặt phùng phùng đầy giận dữ ngồi sau bàn làm việc lập tức lên tiếng khi nhìn thấy Viva. “Tên tôi là Benson”. Hai người đàn ông đưa mắt nhìn nhau, cái nhìn giữa những người đàn ông với nhau, đầy ắp hoài nghi về người đàn bà trước mặt họ. “Trong khi cô vắng mặt, quý cậu Guy tỏ ra trên mức bận rộn với những trò quậy phá tung bừa của mình”.

“Tôi có thể gặp cậu bé được không?”, cô hỏi.

Ramsbottom nhả m mắt chắp hai tay trước ngực như muốn nói: “Trách nhiệm của tôi đến đây là hết”. Viên quản lý mở cửa buồng giam.

Khi cô bước vào, Guy đang nằm dài trên một chiếc giường chật hẹp, mặt nó quay vào trong, đối diện với vách. Căn phòng nóng hầm hập, trong này nhiệt độ hẳn phải lên đến gần 40°C, nhưng Guy lại cuộn mình trong một chiếc chăn màu xám. Chiếc áo khoác dài lượt trượt của nó treo hờ hững trên móc áo gá n trên vách tường. Đứng giữa căn phòng chật chội, Viva nhanh chóng hiểu được điều gì đang xảy ra với Guy: Người nó nòng nặc mùi rượu trộn lẫn với mùi chua nòng của mồ hôi.

“Guy”, cô bước đến cạnh giường lay nó, “đã có chuyện gì xảy ra thế?”.

Khi nó quay người lại đối diện với cô, khuôn mặt nó biến dạng như thể vừa có ai đóng dấu lên đây: hai mắt sưng húp, tím tái, môi sưng vù khác thường. Một vết rách nơi khóe miệng đang rỉ ra một dòng máu đỏ tươi chưa kịp khô.

“Sao cậu không đến phòng y tế?”, cô thở gập.

Guy đưa mắt nhìn ra sau lưng cô, lớn giọng gằn từng tiếng một với viên quản lý lúc bấy giờ đang dán đôi mắt đầy cảnh giác vào nó.

“Tôi muốn cô ấy biến khỏi chỗ này”, giọng nó líu nhíu, hẳn là bởi vết thương trên miệng. “Không phải lỗi của cô ấy. Lão già Ramsbottom ngốc nghếch đừng có đổ hết tội lên đầu cô ấy”.

“Guy! Im lặng, làm ơn đi”. Viva nhẹ nhàng gõ cửa xuống cuối giường, cánh cửa từ từ khép lại trước mắt cô.

“Ông ta đi rồi”, cô thì thầm, “giờ thì nói cho tôi biết đã có chuyện gì xảy ra, nhanh nào”.

“Không có gì cả”, nó làu bàu trong miệng. “Đây là tất cả những gì cô muốn biết”. Nói xong nó nhăn nhó, khuôn mặt nó dúm dọ hệt như một đứa trẻ chuẩn bị mê u máu, rồi nó nhắm nghiền hai mắt, vờ như chìm vào giấc ngủ.

“Cô Holloway”, Benson đột nhiên xuất hiện trở lại trước ngưỡng cửa, “nó vừa được tiêm một liều giảm đau, nếu cô không phiền, tôi nay cô hãy ở bên cạnh xem chừng nó”, nói đến đây anh ta dịu giọng, “chúng tôi cũng muốn hỏi cô vài chuyện”.

“Rất sẵn lòng”. Cô đưa tay chạm nhẹ vào chân Guy. “Bạn có chắc không cần tôi giúp gì không?”.

“Cô có thể kiếm hộ tôi một chai thuốc tây, tôi có thể uống hết”. Nó lại quay mặt vào tường. “Đùa thôi”, Guy làu bàu.

Ngay cả trong tình cảnh tồi tệ nhất, nó vẫn không cần đến cô.

“Thằng nhóc phải được bác sĩ chăm sóc”, cô nói với viên quản lý.

Hai người đang ngồi trong góc kín của một căn phòng. Những giọt mồ hôi rịn trên khuôn mặt Benson nhanh chóng hòa vào nhau chảy xuống ướt nhòe những con chữ trên tờ giấy đặt trước mặt anh ta. Mái tóc dày đỏ quạch dính bết vào hai bên thái dương. Benson với tay bật chiếc quạt.

“Nóng kinh người”, giọng viên quản lý khá vui vẻ. “Tôi nhớ ngày hôm qua họ thông báo nhiệt độ ở Bab-el-Mandeb lên đến 430C”.

“Có chuyện gì xảy ra với nó?”, cô hỏi. “Tại sao thằng nhóc lại phải tiêm thuốc?”.

“Thưa cô”, một người phục vụ bước vào trao cho Viva một tách trà, Viva lơ mơ nhận thấy con tàu đang bắt đầu nhả neo tiếp tục tiến về phía trước. “Cô bỏ quên những món đồ vừa mua hôm nay trên boong tàu, thưa cô Holloway”. Người phục vụ trao tận tay Viva gói đồ có cuốn sổ tay và cuộn giấy trà m trong đậy. Cảm giác xâu hổ chợt ùa về trong Viva. Chuyện này hoàn toàn là lỗi ở cô, lẽ ra cô không nên để Guy một mình trên tàu.

“Đã có chuyện gì xảy ra?”. Lần thứ ba cô hỏi viên quản lý khi chỉ còn lại hai người trong căn phòng. Anh ta vẫn không trả lời.

“Mắt nó sưng phồng”, giọng cô bắt đầu gay gắt. “Phải có bác sĩ khám cho nó”.

“Tất nhiên rồi”. Viên quản lý khẽ đưa tay gãi gãi vầng trán ướt đẫm mồ hôi của mình. “Tôi sẽ sắp xếp cho cậu ta một bác sĩ ngay bây giờ đây, nhưng trước hết chúng tôi muốn đưa thằng nhóc quay trở về buồng của nó”.

“Không tốt hơn khi chuyển nó đến phòng y tế sao?”.

Benson bắt đầu sắp xếp lại mớ giấy tờ lộn xộn trên bàn. Khi anh ta mở nắp bút bắt đầu chú tâm đi vào một mẫu đơn vừa tìm thấy trước mặt, Viva tự hỏi không biết cô có thể yêu được một người đàn ông với những nhúm lông vàng hoe mịn màng phủ kín nơi đầu gối hay chẳng.

“Chuyện này khá phức tạp”. Anh ta xoay ghế đối diện với Viva. “Trong lúc cô lên bờ du ngoạn, mua sắm, hay đại loại để làm bất cứ điều gì cô muốn trên đây, cậu Glover đã gây gỗ, tá n công và làm bị thương một hành khách trên tàu”. Cặp mắt xanh lơ của Benson dán vào cô. “Một hành khách người Ấn Độ, tên Azim. Đi cùng gia đình, bọn họ là những người Hồi giáo khá nổi tiếng đến từ phương Bắc. Ngài Azim đã bắt gặp Glover cùng với một cặp khay măng-sét và một thanh gươm trang trí bằng bạc giá u trong túi áo khoác. Một cuộc hỗn chiến lập tức diễn ra, ban đầu thì không có gì nghiêm trọng, nhưng sau đây, theo như những gì ngài Azim kể lại, trong một phút tranh cãi thiếu kiềm chế, cậu Glover đã thoi vào mặt ông ấy trước, chưa dừng lại ở đây, cậu ta còn bổ thêm vài cú vào đầu và tai ông ấy. Azim phải nằm lại trong phòng y tế năm giờ liền. Bác sĩ đã cho ông ấy về lại buồng của mình. Azim tuyên bố ông ấy không hề tá n công cậu bé. Nhưng có thể thay đổi”.

Những giọt mồ hôi vẫn nhỏ tong tong từ trên trán của Benson xuống, vài giọt rơi lên mặt bàn tõe ra bám lên vạt váy Viva. “Ai đánh Guy đến nỗi ấy?”, cô hỏi.

“Ừm, vớ n đê` nắ m ở đấ y. Không ai cô` ý đánh cậu ta cả. Cậu bé của cô được hai nhân viên trên tàu canh chừng khoảng hơn nửa tiế ng đờ ng hò , tự nó đập đầ u vào những thanh chắ n bắ ng sắ t trong buồ ng giam.

“On Chúa, Ngài mới nhân từ làm sao!”. Cô nhìn Benson với ánh mắ t đầ y ắ p hoài nghi. “Tại sao nó lại phải làm như vậy?”.

“Chúng tôi không biế t, bây giờ chúng tôi đang đau đầ u tìm cách nào tô t nhấ t để đờ i xử với nó. Cô thừa biế t với khoảng hai trăm năm mươi hành khách ngồ i khoang hạng nhấ t, chúng tôi buộc phải cân nhắ c thật kỹ lưỡng. Đấ y là vớ n đê` hoàn toàn có thật”, Benson đống nắ p bút rô i nhìn thẳng vào mắ t Viva, “thắ ng nhóc bảo nó làm như thế` là vì cô. Nó mế` n cô và có ai đó thôi thúc trong đầ u bảo nó làm như thế`”.

Đầ u óc Viva choáng váng, cộng với mùi nước tiểu và mùi dung dịch Dettol xộc lên khiế` n cô buồ n nôn.

Khuôn mặt Benson không biểu lộ cảm xúc.

“Thật là điên rồ`”, cô lầm bầm.

“Có thể”, Benson phụ họa, “Nhưng, giả sử Azim không tá n công thắ ng nhóc, thẳng thắ n mà nói, cậu bé của cô đã may mắ n khi ông á y đã không làm như thế`. Cuố i cùng, đây là những lựa chọn do chúng tôi đề` xuấ t: hoặc chúng tôi sẽ chuyển vụ này cho cảnh sát, nghĩa là khi đế` n Suez cô sẽ phải lên bờ cùng thắ ng nhóc trong một khoảng thời gian không thể xác định; hoặc chúng tôi sẽ tạm giữ thắ ng nhóc ở đấ y bởi những ô` n ào mà nó đã gây ra. Chúng tôi câ` n phải đảm bảo không có những chuyện như thế` này tiế p tục xảy ra trên con tàu. Giờ cô định thế` nào? Cô là người biế t rõ nó nhấ t. Người đại diện hợp pháp nhấ t cho thắ ng nhóc ở đây chính là cô, mặc dù, xin thứ lỗi nế` u tôi nói thẳng, tôi thực sự lắ y làm ngạc nhiên

khi bố mẹ nó lại dễ dàng trao hết trách nhiệm quản lý cho một cô gái chỉ ngần ấy tuổi như cô”.

Cô nhìn thẳng vào mắt viên quản lý, cô gắng để nghĩ ra điều gì đây để đáp lại lời anh ta. Một cơn đau đột ngột kéo đến trong đầu Viva, cổ họng khô khô c, ly xi-rô lựu cô vừa uống không lâu trước đây như thể là những ngậm chất lỏng cuối cùng rơi vào miệng cô từ hàng tháng trời trước đây.

“Ông có biết Frank Steadman?”, cuối cùng cô cũng lên tiếng. “Anh ấy là một trong những bác sĩ làm việc trên con tàu này. Tôi không biết nhiều về Frank, nhưng tôi cần phải nói chuyện với anh ấy trước khi đưa ra quyết định của mình. Anh ấy có thể giúp tôi kiểm tra tình hình sức khỏe của Glover”.

“Nghe có vẻ là một ý kiến hay ho đây chứ, cô Viva”. Khuôn mặt viên quản lý giãn ra, có vẻ đã nhẹ nhõm hơn trước, một nụ cười xuất hiện trên miệng anh ta. “Những chuyện tởm tể kiểu như vậy vẫn xảy ra trên biển. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi sắp xếp cho phép đưa cậu Glover về lại buồng của mình? Tôi sẽ đề nghị bác sĩ Steadman đến gặp cô ở đây”.

Hai người trao đổi với nhau một cái nhìn rất nhanh, đây thật trọng. Rồi cô dứt khoát quay lưng bước về phía cánh cửa, ra khỏi căn phòng.

Phải hai thủy thủ to lớn mới xô c nổi Guy, lúc bấy giờ vẫn còn lảo đảo trong cơn mụ mị bởi liều thuốc giảm đau, trở về căn buồng dành riêng cho nó và tống lên chiếc giường chật chội. Khi những người thủy thủ lui gót, Viva cài chặt cửa buồng, run rẩy đổ cả thân mình xuống một chiếc ghế. Guy nhanh chóng chìm vào giấc ngủ, mí mắt bầm tím khê giật giật, vết máu trên khóe miệng đang dần khô.

Đến lúc này cảm giác khinh bỉ xem thường chính bản thân mình mới ùa về trong Viva, khi cô ngò i bên cạnh canh chừng giấc ngủ của Guy. Cô không ưa gì thắ ng nhóc, đắ y là sự thật, nhưng thật xắ u xa khi cô bỏ nó lại trên tàu.

Trước khi bỏ đi, Benson đã một lâ n nữa cảnh báo cô sẽ là người trực tiế p chịu trách nhiệm nế u xảy ra chuyện kiện cáo liên quan đế n pháp luật về vụ xô xát của Guy. Khi cô hỏi anh ta điề u đắ y có nghĩa là gì, Benson đã trả lời Viva “đắ y không phải là trách nhiệm của tôi trên con tàu này” để giải thích cho cô hiểu về sự phức tạp khi dính dáng đế n pháp luật, hẳn anh ta có hàm ý, rắ ng cô và Guy có thể đã gây ra chuyện nghiêm trọng.

Cô mơ màng chìm vào giấc ngủ mệt mỏi, những tiế ng gõ cửa mỏng manh vang lên ngoài buồ ng tàu khiế n cô choàng tỉnh.

“Tôi vào được chứ? Bác sĩ Steadman Frank đây”.

Gánh nặng như vừa được nhắ c khỏi vai cô, bắ u máu nóng trong cơ thể Viva bắ t đầ u chảy trở lại.

“Anh vào đi và đóng cửa lại giùm tôi”, giọng cô thì thắ m.

Frank bước vào, trở về với bộ đồ ng phục trá ng tinh quen thuộc mỗi ngày của mình, trong bộ đồ ng phục á y, anh hoàn toàn biế n thành một người khác: rắ t lạnh nghề , và có chút gì như lạnh lùng, như vô cảm. Cô cảm thắ y dễ thở hơn đôi chút: trong tâm trí cô lúc này, những đùa cợt hay thân mật suồ ng sắ sẽ là những khái niệm không thể nào chịu đựng nổi. Frank kéo ghé đế n ngò i cạnh giường Guy, một chiế c túi xách bắ ng da đặt ngay ngắ n dưới chân anh.

“Đừng có đánh thức nó dậy”, anh thì thắ m với cô. “Và cho tôi biế t chuyện gì đã xảy ra”.

Khi cô vừa mở miệng chuẩn bị kể lại với Frank, đột nhiên mí mắt sung húp của thằ ng nhóc động đậy.

“A, bác sĩ”, cặp môi sung vù của nó nhanh nhẩu. “On Chúa, cuối cùng ông cũng xuất hiện”. Khi thằ ng nhóc cô ỏ nhóm người ngồ i đây, một đờ ng hồ lồ n những mùi tổng hợp gồ m mùi chua thiu, mùi mô ỏ hôi, mùi thức ăn từ dạ dày nôn ra.

“Ổ yên đầ y”. Frank tiế n sát bên cạnh chỗ nằ m của Guy, nhẹ nhàng kiểm tra đườ i mắt của cậu bé. “Tôi phải quan sát thật kỹ bên trong”.

Viva chột nhận ra khuôn mặt của Guy lúc này đang mê m oạt dưới những đầ u ngón tay của Frank, một nụ cười méo mó đầ y đau đớn xuất hiện trên khỏ e miệng bị rách của Guy. Có vẻ nó đang thích thú vì đượ c quan tâm chăm sóc.

Frank xắ n tay áo, để lộ đôi tay trầ n rắ m nắ ng rắ n rỏ i. Anh cẩn thận xem xét kỹ lưỡng khuôn mặt cậu bé.

“Cậu may mắ n đầ y, không một cú nào thoi trúng tròng mắ t cả”, Frank nói. “Cuối cùng thì, chuyện quái gì đã xảy ra với cậu?”.

“Một lời đe dọa”.

“Đe dọa như thế ỏ nào?”.

“Như bình thường vẫn thế ỏ”.

“Tôi không thể giúp đượ c gì nếu cậu cứ ỏm ỏ chơi trò mèo vờn chuột ngu ngồ c như vậy với tôi”. Giọng Frank vẫn hế t sức mê m mông. “Cứ như thế cậu đã nhận đượ c một cú thoi trời giáng vào mặt. Phải thế ỏ không?”.

“Đấy là chuyện của tôi, không phải của ông”. Thằng nhóc trở mình quay mặt vào trong.

“Thôi nào”, Frank vẫn kiên nhẫn nói với thằng nhóc cho dù nó đã quay mặt làm ngơ không buồn cạy răng nữa lời. “Trước khi cậu ngủ, tôi phải làm vệ sinh cho đôi môi sưng vù của cậu và đặt thuốc vào trong mí mắt cho chỗ sưng xẹp xuống, rồi có lẽ, ừm”, anh đưa mắt nhìn Viva như tìm kiếm sự chấp thuận từ cô, “tôi có thể ở lại một mình nói chuyện với Guy, như hai người đàn ông”.

“Tất nhiên”, Viva nhanh nhẹn trả lời. Cô nhặt chiếc áo loang lổ vết máu của Guy lên rồi nói, “tôi sẽ đưa nó cho người phục vụ buồng của Guy giặt hộ. Và nói với nó”, cô trao cho Frank một cái nhìn đầy hàm ý, “làm ơn đừng có gây phiền chuốc toái cho mọi người nữa. Benson nói tôi nên khóa trái cửa mỗi khi ra ngoài”.

“Quay trở lại sau khoảng nửa tiếng nữa”, Frank nói, “có thể cô sẽ phải giúp tôi thực hiện một chút tiểu phẫu cho Guy và giúp cậu bé yên giấc”.

Con đau vẫn giằng xé gặm nhấm trong đầu cô, ngất ngây và buồn nôn. Viva nhanh chóng bước ra ngoài hành lang, cô hy vọng khi ngang qua buồng của Rose và Tor sẽ không phải chạm trán họ.

Cô đưa mắt liếc đồng hồ đeo tay. Phải mất một lúc sau cô mới xác định được thời gian chính xác. Cô đã ra ngoài được mười phút và sẽ trở lại trong mười phút nữa.

Điều tồi tệ nhất khi chúng ta lên đèn trên đại dương bao la với một con tàu ấy là khi chẳng may có sai lầm nào đấy xảy ra, chúng ta sẽ không thể tìm được một chốn chốn nương thân an toàn cho mình. Nếu quay trở lại buồng của mình, Viva sẽ thấy Snow đã có mặt trong đấy từ bao giờ, không nghi ngờ gì nữa, cô sẽ nhận được một đống những lời khuyên quý báu từ cô bạn chung buồng, theo

kiểu tở - đã - chẳng - nói - với - cậu - như - thế - rồi - còn - gì. Nếu lúc này mà mò xuống phòng ăn, hẳn cô sẽ phải chạm trán Ramsbottoms. Người duy nhất cô cảm thấy an toàn chính là Frank.

Thật thiếu bước những bước chậm rãi trở về buồng tàu, đầu óc Viva không nguôi nghĩ về Frank. Anh ta có vẻ thuộc tuýp người vui vẻ, lúc nào cũng vô tư lự, dẫu thỉnh thoảng lại tỏ vẻ bóng gió xa xôi tán tỉnh lãng nhãng, có lẽ nhờ vào đôi mắt xanh biếc lúc nào cũng lim dim mơ màng, cả nụ cười hút hồn túc trực trên môi.

Nhưng nếu Rose đã đúng và quả thật nếu có một người anh trai chết trận ở Ypres, hẳn Frank đã phải đau khổ biết nhường nào, có lẽ ẩn sau vẻ bề ngoài lúc nào cũng vui vẻ ấy là cả một trái tim đầy ắp khổ đau chắt chứa, anh ta đã che giấu rất khéo những vết thương lòng của mình. Cô tự hỏi, không biết người anh trai ấy hy sinh trực tiếp trên chiến trường, hay may mắn hơn, anh ta có cơ hội được ra đi trong một bệnh viện dã chiến tạm bợ giữa chiến trường ác liệt, ngập ngụa bùn đen và máu đỏ, dẫu thế nào đi chăng nữa, thì cuộc sống xa xỉ đang diễn ra trên con tàu sang trọng này đã khiến Frank nổi giận - đã hơn một lần anh đùa cợt về đám hành khách xếp những hàng dài dãn đặc trước cửa phòng làm việc của mình để chờ đến lượt được thụ tai và thay mới lọ muôi người.

Thật ngớ ngẩn khi nghĩ về điều đấy. Viva tự hỏi liệu anh ta đã bao giờ đề cập về nó, và bất đầu nhen nhúm ngọn lửa nghi ngờ trong cô.

Khi cô mở cửa bước vào, Frank vẫn ngồi trên ghế bên cạnh chiếc giường Guy đang nằm. Anh giăng một chiếc áo sơ mi che kín ô cửa kính hứng ánh sáng mặt trời trong căn buồng, khiến nó trở nên nhờ nhờ một màu tối, chỉ còn lại mờ mờ bóng người câm lặng trong căn buồng chật chội.

“Nó thế nào rồi?”, cô lên tiếng.

“Bị kích động trong thoáng chốc”, Frank thì thào. “Nhưng đã chìm vào giấc ngủ ngay sau đấy. Nó sẽ ngủ đến tận sáng mai”.

“Chúng ta nói chuyện trong này được chứ?”.

“Ừm, đấy không phải là ý hay”, anh nói, “nhưng một chút thôi cũng được, tôi không thể kiếm được chỗ nào tốt hơn”.

Im lặng trong thoáng chốc.

“Cô bao nhiêu tuổi rồi?”, Frank bất ngờ hỏi cô.

“Tôi hai mươi tám tuổi”, cô trả lời.

“Trông cô không giống hai tám tuổi”.

“Không giống?”. Cô không muốn nói dối anh nhưng có vẻ khá quan trọng để có thể giữ cho câu chuyện của cô vẫn vẹn nguyên tính chân thật.

“Cô có biết gì về bố mẹ của thằng nhóc không?”.

“Tôi gặp dì của nó, một lần tại buổi phỏng vấn xin việc. Bà ấy bảo bố của Guy là một người kinh doanh trang trại trồng chè ở đâu đó gần Assam. Ban đầu họ đã thuê một bà bảo mẫu có tuổi, nhưng không hiểu sao đến phút chót bà ta lại từ chối”.

“Lẽ ra họ không nên đẩy cô vào tình thế này”. Frank đặt tay lên mái tóc, khẽ lay lay đầu mình.

“Tình thế gì?”.

“Cô có thể vào phòng tắm cùng tôi không?”, anh hạ giọng, gần như thì thào với cô. “Tôi không muốn thằng nhóc nghe được

những gì mình sắp nói”.

Cả hai rón rén bước vào phòng tắm, lúng túng ngó i đồ i diện nhau ở hai đầu chiếc bồn.

Chiếc áo choàng tắm may bằng loại vải lụa in những họa tiết cánh hoa của Guy móc sau cánh cửa, một chiếc bàn chải lông dùng để phết bộtạo râu cáu bản nằ m lăn lóc trong chậu rửa tay, lông tóc dính bết vào mũ xà phòng tắm đã đông cứng. Người phục vụ buổi hằ ã không lau dọn trong này.

“Xem nào”, Frank lên tiế ng, “trước khi chúng ta bắt đầ u, cô phải hiểu đây là chuyện riêng tư bí mật giữa hai chúng ta, và tôi không biế t mọi câu trả lời đầ u nhế”.

“Tôi hiểu”.

“Tôi có thể nói thẳng đượ chứ?”.

“Tắ t nhiên”.

Frank thoắ g chút trá m tư, có vẻ anh đằ g không biế t phải bắt đầ u từ đầ u. “Chúng ta bắt đầ u từ việc làm thế nào cô có thể xoay sở đượ với Guy?”.

“Một cách trung thực?”.

“Tắ t nhiên”, anh liế c cô thật nhanh rô i nỏ n miệng mỉm cười, “luôn luôn thành thật”.

“Tôi không thể chịu đượ đượ nó”.

“Hằ ã rô i, không hằ ã nghi ngờ gì về điề u đầ y cả”, Frank nói.

“Nghĩ mà xem, tôi biế t các cậu bé ở tuổi nó đầ u cố gắ ng thể hiện mình thông qua chuyện trò giao tiế p”, cô nói, “nhưng nó thì

ngược lại, gằn như tuyết đọng không hé miệng nói một câu trong hai tuần cuối, và rồi khi nó cạy răng, chút ngôn từ ít ỏi thốt ra từ miệng nó ngay lập tức khiến tôi có cảm giác nó căm ghét mình”.

Frank im lặng, ra vẻ tư lự suy nghĩ trong chốc lát. “Nó không ghét cô”, cuối cùng anh lên tiếng trở lại. “Nó căm ghét chính bản thân mình”.

“Tại sao?”.

“Tôi không biết. Cô đã bao giờ nhìn thấy nó một mình trong một buổi cảnh nào đấy, như ở trường học chẳng hạn?”.

“Ừm, tôi chỉ bắt xe đến đấy để đón nó, nhưng hôm nó rời trường, các cậu bé khác đều ra sân chơi thể thao hết. Căn phòng ký túc xá nó ở vắng hoe”.

“Nghĩa là không bình thường, phải thế không? Nó lại bảo với tôi khi rời khỏi trường nó cảm thấy rất hạnh phúc”.

“Chắc chắn nó đã như thế”.

“Cô có biết tại sao không?”.

“Tôi biết. Đấy hoàn toàn là lỗi của tôi. Lẽ ra tôi phải nói chuyện này sớm hơn. Nó đánh cắp máy món đồ của những thằng bé khác. Tôi không xem đấy là vấn đề quá nghiêm trọng”.

“Nó lấy những gì?”.

“Không nhiều nhận gì, chỉ là máy món vật vĩnh”.

“Thôi cô cũng đừng dằn vặt chính mình nữa”, Frank nói. “Trộm cắp vật có thể sẽ dẫn đến những vấn đề nghiêm trọng hơn về sau”.

“Ví dụ như?”.

“Tôi vẫn chưa biết vẫn sẽ là gì. Khi cô ra khỏi phòng, nó bảo với tôi nhiều khi nó nghe thấy giọng nói của một ai đấy vắng vắng bên tai. Nó bảo giọng nói ấy đến từ đài vô tuyến”.

“Nhưng những âm thanh ấy hoàn toàn...”.

“Tôi hiểu. Nó còn bảo có điều gì đấy thôi thúc, mách bảo nó chọn cô làm mẹ mình. Nó nói nó căm ghét con người thật hiện tại của mình”.

Viva nôi da gà.

“Tôi nên làm gì?”. Rồi không chờ câu trả lời của Frank, cô nói nhanh. “Tôi không thể bỏ mặc nó được. Anh có nghĩ nó nguy hiểm không? Liệu chuyện vừa qua có lại tiếp tục xảy ra?”.

Frank đặt tay lên vai cô.

“Chuyện này đòi hỏi cô cần phải xử lý thật khéo léo. Thực sự tôi cũng không biết nên phải làm gì. Những phản ứng của thằng bé quả thật hơi cực đoan. Tôi sẽ nói chuyện này với người có kinh nghiệm hơn mình, bác sĩ Mackenzie. Trong những ngày tới cô hãy để mắt đến nó, tôi sẽ cố gắng thuyết phục thằng bé tiếp tục điều trị. Chúng tôi sẽ cố gắng nhanh chóng chữa lành những vết thương trên mặt nó. Chỉ mười ngày nữa con tàu sẽ cập cảng Bombay, thời tiết hẳn sẽ rất nóng với bất kỳ kẻ nào có ý định quậy phá trên Ấn Độ Dương”.

“Thế còn lựa chọn khác?”.

“Tôi nghĩ cô nên rời khỏi con tàu khi cập cảng Suez, nhưng nếu như thế nó sẽ phải chờ đến khi bố mẹ nó đến đón,

sẽ không giúp được gì cho tinh thần của thằng nhóc lúc này cả”.

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu thằng bé không đồng ý đi điều trị?”.

“Thế thì còn một lựa chọn nữa là giam lỏng thằng nhóc ngay trong buồng của nó. Người ta sẽ trang bị cho cửa buồng của Guy một ổ khóa ngoại cỡ, nhưng làm thế nào mà cô có thể nở để chuyện ấy xảy ra được, đúng không?”.

Cô thoáng rùng mình, lắc đầu liên tục. “Tôi thực sự không biết nên làm thế nào cả. Anh có biết buồng của nó nằm bên cạnh buồng của Tor và Rose không?”.

“Không”, Frank thờ ơ. “Tôi không biết”.

“Tôi có nên nói với các cô gái chuyện này không?”.

“Không phải lúc này. Không nên khiến các cô gái hoảng sợ”.

“Nếu là tôi, anh sẽ làm gì?”. cô hỏi.

“Tôi sẽ xem xét vào ngày mai. Tôi sẽ hỏi ý kiến bác sĩ Mackenzie; cô sẽ không đơn độc trong chuyện này đâu. Và”, Frank đứng dậy, nhìn đồng hồ đeo tay. “Đã mười rưỡi. Tôi sẽ lên trên kiểm chút gì để uống, cô có thể nghỉ ngơi được rồi”. Anh nhìn cô thêm một lần nữa. “Cô không sao chứ?”.

“Tất nhiên. Sao anh lại hỏi thế?”.

“Trông cô khá nhợt nhạt”.

“Tôi ổn, cảm ơn anh rất nhiều”. Viva không muốn để Frank biết về cơn đau nửa đầu đang giằng xé trong cô.

“Hôm nay hẳn là một ngày kinh hoàng đối với cô”.

“Không. Không. Không sao cả”. Cô bước theo Frank. Theo bản năng cô sẽ không nhờ giúp đỡ, thói quen cô không thể phá vỡ. Cô bắt tay Frank. “Cảm ơn anh”, cô nói. “Anh đã giúp đỡ tôi rất nhiều”.

Frank mỉm cười với cô, nụ cười đủ khiến những cô gái khác run rẩy chực ngã quy vì nó.

“Một phần sứ mệnh của dịch vụ P&O thôi, thưa quý cô”. Frank nhanh chóng quay trở về với vẻ tếu táo như mọi ngày.

Anh tắt bớt một ngọn đèn trong buồng tàu và đến cạnh giường chỉnh lại chiếc chăn đắp trên người Guy cho ngay ngắn. Viva lấy áo choàng và túi xách của Frank trao cho anh.

“Đừng lo lắng quá”, anh nói. “Tôi đảm bảo rằng bé sẽ không sao”. Anh vỗ nhẹ vào tay cô một lần nữa rồi mở cửa bước ra ngoài. Bóng một cô gái lờ mờ hiện ra giữa hành lang vắng vẻ. Là Tor. Cô gái đang khoác trên người một chiếc áo choàng cộc tay có mũ che đầu, một sợi dây thừng thắt ngang cổ Tor đang tồng teng theo từng nhịp bước chân như một chiếc thòng lọng. Một đầu sợi dây buộc chặt một chai rượu với dòng chữ “Đến giọt cuối cùng” in đậm trên vỏ nhãn. Khi nhìn thấy Frank và Viva trước cửa buồng, nụ cười vụt tắt trên môi Tor.

Chương 15

Eo biển Babel-El-Mandeb ngày 28 tháng Mười năm 1928

Mẹ kính yêu,

Con nhận được thư của mẹ khi con tàu cập cảng Cairo, con rất xúc động khi đọc những dòng mẹ viết. Mẹ, cảm ơn mẹ rất nhiều về những thông tin hữu ích về thiệp ghi chỗ ngồi trong tiệc cưới, về hoa cưới và hoa cài trên ngực áo. Mẹ thật chu đáo biết bao khi nhắc nhở cả những chuyện này với Jack - chắc chắn anh ấy có thể gửi chúng cho Ci Ci Mallinson nếu cảm thấy quá phức tạp! Con không cho là anh ấy sẽ có suy nghĩ mình đang chuẩn bị dấn thân vào cuộc hôn nhân với một người con gái ghê gớm, anh ấy hẳn sẽ lầy lăm hãnh diện khi có một bà mẹ vợ sâu sắc và chu đáo như mẹ.

Ở đây rất nóng, nóng kinh khủng mẹ ạ. Ông Bringley, một viên quản lý đồn điền đang ở Ấn Độ, một trong những người bạn thân thiết mới quen của bọn con trên Kaiser, vào mỗi sáng mai vẫn chạy bốn mươi vòng trên boong tàu (với bộ quần áo thể thao thùng thình luôn phấp phật trước gió biển). Ông đã cảnh báo với bọn con nhiệt độ trong bóng râm ngày hôm nay có thể vượt quá 38°C. Sau bữa tối, những người phục vụ sẽ mang những tấm nệm trên giường ngủ của bọn con lên boong tàu - cánh đàn ông sẽ nằm một phía, đám đàn bà con gái sẽ nằm ở hướng khác!!! Hoàng hôn đã chìm khuất cuối đường chân trời, kênh đào Suez rộng lớn đã bị bỏ lại sau lưng, giờ như một dải lụa mỏng đang từ từ nhạt dần trong ánh sáng yếu ớt cuối cùng của ngày. Con tàu đang ngang qua vịnh Suez, một vùng vịnh khá hẹp, chỉ rộng chừng mười dặm, nhờ đây bọn con có thể chiêm ngưỡng được những hình ảnh sống động đầy màu sắc từ boong tàu - những chú lạc đà, những người đàn ông nô nức nhau thành hàng

dài dả`ng đặc, những người đàn bà, các cô gái đội trên đầ`u những chiếc bình xuấ`t hiện trên mọi ngã đường đổ ra bờ vịnh... hệt như những bức tranh được mô tả trong kinh thánh.

Con vẫn tiế`p tục những bài học tiế`ng Hindi trong nhà bê`p từ ngài đại tá Gorman. Bearer, khana kamre ko makhan aur roti lana, ek gilass pani bhi - đạo tì, lấ`y cho ta một ly nước, thêm bơ và mút cho phòng ăn. Có lẽ con phát âm chưa chuẩn lấ`m. Tor và con cùng luyện nói với nhau trong buồng kín, bọn con cười đế`n vỡ bụng vì thứ ngôn ngữ á`y. Những quý bà quý cô bọn con quen trên tàu đầ`u gọi đầ`y là bishis.

Vợ của ông Bingley, một quý bà cực kỳ dễ thương, đã cho con mượn cuố`n Thánh kinh tuyệt đố`i câ`n thiế`t, á`y là con đang nói đế`n cuố`n sách có tựa đề` Quản gia người Á`n hoàn hảo và công việc bê`p núc, tác giả là bà Steel, từng số`ng ở Á`n Độ từ những ngày thơ á`u - toàn những thông tin hữu ích, từ công thức nấ`u nướng, danh mục những công việc câ`n thiế`t phải thuê người hầ`u, đế`n những cửa hàng mua sắm tô`t nhấ`t... Mẹ thấ`y đầ`y, con phải rèn luyện học hỏi khá nhiề`u để chuẩn bị cho cuộc số`ng của một pukkamem.

(Lời khuyên của bà Steel về` bí quyế`t đố`i xử với những người hầ`u vụng về`, chính là những lời quở trách la mắ`ng, sau đầ`y là một lượng lớn đầ`u thầ`u đầ`u). Memsahib tum ko zuroor kaster ile pila dena hoga - các quý bà Á`n Độ sẽ trao cho bạn những lọ đầ`u thầ`u đầ`u.

Mẹ thử áp dụng chiêu á`y với bà Pludd ở nhà và cho con biế`t kế`t quả thề` nào nhé!

Mẹ yêu đầ`u!

Cái nóng đang bủa vây quanh người khiến con không thể viết thêm được nữa, và lại tiếng chuông vừa rúc lên báo hiệu những trò chơi trên boong tàu đã bắt đầu. Còn rất nhiều câu hỏi con muốn gửi về cho mẹ nhưng hạm đã, con sẽ suy nghĩ về chúng sau vậy.

Con gái yêu của mẹ,

Rose.

Tái bút: Tor không được ốm lắm, nhưng không có gì đáng lo cả, có lẽ bởi thời tiết quá nóng. Cô ấy đang dần quen với nhiệt độ và bắt đầu cảm thấy khá hơn. Mẹ đừng nói chuyện này với cô Sowerby nhé.

À quên, tối thứ Bảy sẽ có một bữa tiệc hóa trang được tổ chức trên tàu, tâm trí con hoàn toàn trống rỗng, hồ hững với những hoạt động não nhiệt ở đây.

Chương 16

Từ khi đặt chân lên Kaiser, Tor luôn háo hức trông đợi buổi tiệc Đêm Ả-rập được tổ chức trên con tàu. Vào một đêm trăng tròn, chỉ một ngày trước khi Kaiser băng qua biển Đỏ, những hành khách từng niê`u lầ`n du ngoạn bằ`ng đường biển đê`u đờ`ng ý đầ`y là một trong những cảnh quan tuyệt vời và ngoạn mục nhấ`t dành cho những ai ngang qua đây, những lời thán phục của đám hành khách có kinh nghiệm khiê`n Tor nôn nao trông ngóng chờ đợi khoảnh khắ`c tuyệt diệu khi con tàu mỗi lúc một tiế`n gầ`n đế`n biển Đỏ. Cô sẽ mặc bộ trang phục được mang từ nước ngoài về` - một chiế`c váy dài, ôm sát cơ thể, được may từ loại lụa vàng óng mượt - với ó`ng tầu thuố`c lá xinh xắ`n hờ` hững trên tay, môi đỏ quyê`n rũ và vẻ ngoài bá`t câ`n đế`n lạnh lùng. Đầ`y là một chiế`c váy chỉ dành cho đám đàn bà con gái lả`oai lúc nào cũng rắ`p tâm mô`i chài quyê`n rũ cánh đàn ông, không một bà mẹ nào, đặc biệt là mẹ Tor sẽ dứt khoát ngăn cá`m nê`u biế`t cô con gái của mình có ý định lờ`ng nó vào người.

Vài ngày trước, khi cô lôi chiế`c váy ra khỏi va-li mang vào treo trong phòng tá`m lò` mờ hơi nước cho thẳng nế`p gắ`p, Tor thoáng rùng mình khi tưởng tượng ra hình ảnh cô trong bộ dạng á`y. Cô quyê`t định sẽ đeo thêm một chiế`c mặt nạ` ngắ`n màu vàng lên mặt, thêm một chuỗi ngọc trai dài lên cổ, thêm một chút son tươi lên môi. Cô sẽ trở thành một nữ thầ`n Ai Cập, nhân vật cô chỉ lò` mờ biế`t đế`n qua những lầ`n hóng hót, kiế`n thức về` họ trong cô chỉ là những mẫu vụn vặt chắ`p vá, nhưng chắ`c hẳn là một người đầ`y chuyên quyê`n và độc đoán, một nhân vật với những ánh hào quang lộng lẫy vây quanh mình, vượt trên mọi khuôn khổ phép tá`c. Mỗi khi nghĩ về` buổi tiệc sắ`p tới, cô lại đắ`m mình trong những hình ảnh giàu trí tưởng tượng với Frank. Trong thước phim quay chậm

đầy ắp mơ mộng đang choán ngập tâm trí cô ấy, anh từ từ gỡ chiếc mặt nạ vàng che nửa khuôn mặt cô, ánh mắt anh đã mấp mí nhìn sâu vào mắt cô không chớp. Anh sẽ thì thào vào tai cô, rằng Tor là cô gái có đôi mắt tuyệt vời nhất mà anh từng nhìn thấy. Rồi anh dịu dàng dắt cô đi giữa những cảm xúc hỗn hợp và đẩy kích thích bước vào căn buồng bé nhỏ của mình, nơi đây anh biến nàng thiếu nữ tên Tor thành người đàn bà của đời mình. Một lần nữa - có điều gì không phải trong cô? Tâm trí cô lại choán ngập bởi hình ảnh về ngôi nhà và những đứa trẻ, những cuốn album chật cứng những bức ảnh đầy ắp kỷ niệm.

Buổi sáng trước khi bữa tiệc diễn ra, Tor thức dậy từ rất sớm, tiếp tục cấu tiết xi và bản thân mình. Chiếc váy vàng khiêu gợi khẽ lay nhẹ trên móc áo treo ngoài cửa tủ, như mia mai, như chàm chọc cô về những dự định ngu ngơ khờ dại trước đây. Mất bao lâu, Tor tự hỏi, để lòng chiếc váy vào cơ thể đây đây không một chút hấp dẫn đối với đám đàn ông như cô? Thứ duy nhất còn lại khiến cô thích thú lúc này chỉ là chiếc mặt nạ, bởi cô đang cảm nhận được nỗi xót xa chua chát đang dâng lên trong lòng.

Cô đã mạnh mẽ nắm tay vào chiếc ghế, bắt đầu cân nhắc trở lại. Ghen tuông là thứ cảm xúc đầy xấu xa, cô dứt khoát. Từ cái lần nhìn thấy Viva và Frank bước ra khỏi căn buồng của tầng nhóc, có điều gì vỡ òa trong cô, bức tranh đẹp đẽ đầy ắp màu sắc tươi đẹp ấy vụn tan biến trong Viva, chỉ còn lại những hình ảnh về nhân vật phản diện xấu xa đầy ám đạm như những thước phim của Abbott và Costello mà cô từng xem ngày nào, với một cây chìa xia rom khô trong tay, với đôi mắt cú vọ và những làn khói vật vờ tỏa ra từ hai bên tai.

Ánh mắt của hai con người ấy khi họ nhìn nhau - đầy ẩn ý - nó khiến cô cay đắng chấp nhận sự thật, rằng Frank hầu luôn vui vẻ trong những lần dạo chơi cùng cô trên boong tàu, đã không hề, và

không bao giờ biểu hiện chút cảm xúc nào được xem là yêu mê n
đô i với cô. Tại sao, với những ký ức đã y bẽ bàng về Paul
Tattershall còn chưa kịp cuốn gói rời xa cô, thì giờ đây Tor lại tưởng
tượng về anh như một điều gì đã y hoàn toàn bí ẩn với chính mình.
Nhưng lần này, Tor tự nhủ, cứ n chặt rãng vào một góc gô i, lần
này mình sẽ xử sự như một cô gái trưởng thành. Châm dứt mọi quan
tâm thái quá chính là thông điệp nghiêm khắ c nhắ t mà cô gửi cho
chính bản thân mình chỉ vài ngày trước đã y, dứt khoát tô ng cổ bọn
họ ra khỏi tâm trí.

Vẫn còn cơ hội cho cô và Rose để có thể lắ p đã y những khoảng
trố ng chua chát và cay đắ ng á y, bắ ng cách tiế t lộ cho Frank
biế t sự thật, rắ ng Viva sẽ trở thành nhà văn, rắ ng có thể cô á y sẽ
không đế n Simla, nơi bố mẹ cô á y đã bị sát hại - không một ai
thực sự biế t rõ về cái chề t của họ - nơi á y có chiế c rương bí ẩn
đang chờ đợi Viva đế n khám phá, chiế c rương có lẽ chứa đã y đầ
trang sức và những vật quý giá; rắ ng có thể trong lúc chờ đợi, cô á y
sẽ cố gắ ng tồ n tại nhờ vào trí thông minh của mình ở Bombay.

Vắ n đầ cô t lỗi mà mình đang gặp phải lúc này, Tor quyế t
định, á y là mình hoàn toàn mù tịt, thực sự không biế t giữa ăn
uố ng, tình yêu, và bạn bè, điề u gì mới là niề m vui, là đam mê thực
sự của đời mình.

Tor rón rén bước trong căn buồ ng chật chội, men theo nửa bóng
bình minh hãy còn nhập nhoạng tranh sáng tranh tồ i, câ m mẫu
thiếp mời được cài hờ hững sau một chiế c gương, chăm chú đọc
những dòng chữ được viế t nắ n nét trên đã y.

THUYỀ N TRUỜ NG VÀ THỦ Y THỦ ĐOÀN XIN TRÂN TRỌ NG
KÍNH BÁO, KHÔNG CHỈ CÓ RƯỢ U SÂM BANH, ĐỒ Ă N
PHƯƠNG ĐÔNG MÀ CÒ N VÔ SỒ , VÔ SỒ NHỮ NG ĐIỀ U LÝ

THỨ KHÁC ĐANG CHỜ ĐƯỢC PHỤC VỤ CÁC BẠN KHI TRĂNG LÊN VÀO LÚC 7 GIỜ TỐI NAY.

Nghe mới kinh khủng làm sao. Cô bà n câ n cân nhắ c về khả năng bỏ cuộc - Rose sẽ giải thích với mọi người, rằng cô vừa lên cơn sốt, hoặc bị chứng tiêu chảy Delhi thông thường nên buộc phải nằm lại nghỉ ngơi trong buồng tàu. Nhưng như thế có thể Frank sẽ xuất hiện, đầy quan tâm và sốt sắng, với Viva theo sát bên cạnh.

Mình đang tan chảy, mình đang nổi cơn thịnh nộ, mình đang bốc cháy.

Thật khó tưởng tượng nổi nếu Rose rơi vào những cảm xúc cực đoan ấy, cô ấy không thể tan chảy, nổi cơn cuồng nộ và hùng hực cháy như Tor. Cuộc sống luôn nhuộm đầy màu hồng với Rose, có lẽ bởi cô ấy là một cô gái xinh đẹp. Còn cuộc đời mình, lúc nào cũng cảm thấy nặng nề.

Không phải mọi thứ liên quan đến Frank đều tuyệt vời và hoàn hảo, cô nhũ thân. Một nụ cười khiến ta mê mẩn, một tính cách hài hước, nhưng không đủ cao lớn đúng tuýp đàn ông có khả năng khiến ta yên lòng khi nghĩ đến, hơn nữa nếu quan sát thật kỹ, và nghiêm khắc mà nói, thì đôi chân của anh ta hơi vòng kiềng. Và mẹ của Frank có giận đến run người lên khi anh ta trở thành một bác sĩ, cho dù thực sự không phải là một bác sĩ chuyên nghiệp trên một con tàu, thì anh ta trong cuộc hành trình đến với đất nước Ấn Độ ấy, lại chọn đi về phương Bắc chỉ để khám phá và nghiên cứu những đề tài khủng khiếp.

Và nếu anh ta yêu mến Viva hơn cô, tốt thôi. Cô sẽ không bao giờ có ý định tổ chức một bữa tiệc để ăn mừng điều này, hay thậm chí chỉ là mang đến cho hai người bọn họ cảm giác thỏa mãn với viễn cảnh ấy. Nếu cứ tạo cho mình một cuộc sống vui vẻ, thoải mái

và hạnh phúc là hành động rửa hận tuyệt vời nhất, thì đây chính là những gì cô đã làm trong buổi tối hôm nay. Cô đã nhảy nhót, vui vẻ bồn chồn với mọi người mà không cần quan tâm, không buồn quan tâm đến bất cứ ai, bất cứ điều gì. Vẫn còn vô khối đàn ông muốn được khiêu vũ cùng cô.

Chiều muộn, khi Tor đặt chân đến buổi tiệc Đêm Ả-rập, boong tàu đã nêch chặt hành khách. Bầu trời trong những giờ phút cuối cùng của ngày được nhuộm hồng bởi màu đỏ sẫm của rượu vang và màu đỏ tươi của những răng san hô. Những mặt người trở nên huyền ảo dưới ánh sáng kỳ vĩ đặc biệt của thời điểm hoàng hôn buông trên đại dương. Thủy thủ đoàn và nhân viên phục vụ trên con tàu đã phải hối hả chuẩn bị cho bữa tiệc suốt cả ngày hôm nay, với khăn trải bàn màu hồng nhạt, trái cây và đồ ăn ngọt ngào phủ kín từng bàn - xoài, đu đủ, vả, và đủ loại mứt ngọt - trên mỗi bàn được trang trí thêm một ngọn đèn mang đậm phong cách Thổ Nhĩ Kỳ, những dây đèn màu lấp lánh rải đều trên những chái song lan can bao quanh boong tàu, khu vực dành cho các hoạt động thể thao lúc này đã được trang trí biến thành một chiếc rạp khổng lồ nguy nga theo phong cách Hồi giáo.

Một ngọn đuốc khổng lồ đặt giữa lễ hội, vây quanh là đám đông cuồng nhiệt khoác trên mặt những chiếc mặt nạ đầy màu sắc, xỏ chân trong những đôi dép quai đúng kiểu người Thổ, những sợi dây thừng thắt nút chằng chịt trên những bộ sa-ri khoác trên người. Đại tá Kettering, lướt thướt trong chiếc áo cap-tan lấp lánh thân mình theo những giai điệu Ả-rập đang được ban nhạc Ai Cập chơi hết mình trên sân khấu.

Tor hít một hơi thật sâu. Thẳng lưng. Đầu ngẩng cao. Mỉm cười. Tiến lên. Đích đến của cô là một góc trên boong tàu nhuộm đầy màu đỏ thắm kỳ ảo của đủ loại sắc màu ánh sáng, nơi nhóm bạn của

Tor đang vui vẻ cười nói và say sưa thưởng thức những ly rượu sảng sảng hơi men.

“Đúng là thiên đường”, giọng của Nigel vang lên lúc bây giờ đang cong người hết sức điệu đà. Tối hôm nay Nigel mặc một chiếc áo khoác dạ tiệc được may từ loại vải sakin mịn màng sáng màu, đầu đội một chiếc mũ đuôi seo kiểu Thổ. “Xem ai đây nào, xin chào Nefertiti, nom cô, ừm, cô ấy mới quyên rũ làm sao”.

“Cảm ơn lời khen của cậu, Nigel”. Tor hôn nhẹ vào má Nigel.

“Xin lỗi, cậu là ai?”. Tor đưa mắt sang cô gái cao lớn đứng bên cạnh Nigel, nom khá vụng về trong bộ sa-ri, hỏi.

“Không chắc lắm, hình như là Jane Ormsby Booth”, một giọng nói nhẹ nhàng cất lên, khá hiền hậu. “Một cô gái đến từ một đất nước xa xôi”.

“Cảm ơn, bạn thân mến”. Tor đón ly sâm banh từ Nigel rồi nhanh chóng tìm cho mình một chỗ sát lan can. Chiếc mặt nạ nhỏ bé vàng chói được cô gỡ ra cất vào chiếc túi xách mang theo bên mình. “Một buổi tối tuyệt vời đấy chứ?”.

“Bữa tiệc cuối cùng trên biển trước khi chúng ta đặt chân lên Ấn Độ”, Jane nói. “Sau đấy chúng ta sẽ đi đâu chinh lại mình trước thực tế của cuộc sống trên bờ như thế nào nhỉ? Mình...”

Chưa kịp nói hết câu, Jane đã bị những âm thanh trầm trộ thán phục đồng thanh vang lên từ giữa đám đông ngắt lời, những tiếng xuýt xoa ngưỡng mộ không ngớt khi Rose xuất hiện trong chiếc váy lụa màu hồng rạng rỡ, ban nhạc bắt đầu hứng khởi với bản “Cô ấy có ngọt ngào?”, và Rose nhẹ nhàng tung tăng hướng về phía những chiếc bàn nơi cánh sĩ quan và những hành khách đang quây quàn bên nhau. “Tôi là nàng Scheherazade”, cô tinh nghịch

đưa cọt cùng họ, “tôi biết rất nhiều câu chuyện cổ tích, và không hề có ý định kể cho bất kỳ ai trong số các chàng trai ngỗ i đây nghe”. Cánh đàn ông cười vang, hoan hỷ theo từng nhịp bước chân Rose.

Ban nhạc bắt đầu bùng nổ, tiếng kèn trum-pét hòa quyện cùng những âm thanh của các loại nhạc cụ khác chiếm trọn không gian rộng lớn trên boong tàu. Marlene và Suzanne xuất hiện trong bộ trang phục dạ hội lộng lẫy được thiết kế bằng những đường xẻ cực kỳ táo bạo, những chiếc mặt nạ gắn chặt trên khuôn mặt của mọi người; dẫn đầu là Jitu Singh, hiện ngang băng qua boong tàu, ánh mắt rạng rỡ lấp lánh niềm vui, hàm răng đểu đặn sáng bóng trong ánh sáng mờ ảo của đêm Ả-rập huyền bí. Tôi nay Jitu Singh mặc một chiếc áo khoác lụa màu xanh nước biển, quần thụng thùng thình nhét trong đôi dày da mềm cao cổ, hệt như tài tử điện ảnh Valentino, một chiếc thắt lưng da thắt ngang eo, vài viên đạn dính trên bề mặt chiếc thắt lưng, đầu Jitu Singh đội một vòng khăn xếp bằng lụa được trang điểm bằng một viên kim cương cực lớn.

“Jitu”, đám đông gọi vang lên, “lại đây và cho chúng tôi biết ông là ai”.

Jitu âu ý m vỗ nhẹ vào hông Marlene và Suzanne rồi nhanh nhẹn tiến lên cúi người chào theo kiểu xalam đầy trang trọng, rồi ưỡn ngực đứng thẳng người, mắt mở to bắt đầu máp máy đôi môi.

“Tên tôi”, Jitu giới thiệu, “là Nazim Ali Khan. Tôi là hoàng đế của bộ tộc Mughal. Tôi mang theo rất nhiều vàng bạc, châu báu và nguyên liệu sản xuất hương thơm”.

Khi Jitu lịch thiệp nâng cánh tay của Tor lên ngang mặt và kính cẩn đặt vào đây một nụ hôn, cô ước gì Frank có thể chứng kiến cảnh

tượng ấy.

Khi những tia sáng rạng rỡ cuối cùng của ngày biến mất khỏi bầu trời, những ngôi sao bắt đầu xuất hiện trên nền trời thẫm màu. Khách khứa tham gia buổi tiệc đã tận dụng đủ trên những tấm đệm mượt mà êm ái đặt ngay ngắn trong chiếc rạp khổng lồ. Sau khi tất cả đã ổn định chỗ ngồi, mọi người bắt đầu tham gia trò chơi đoán chữ có tên gọi “Tôi là ai?” Trong đó mỗi người chơi được yêu cầu viết tên một người nổi tiếng trên một băng giấy và dính chặt lên trán mình, những người còn lại sẽ dự đoán đây là tên của ai. Trò chơi thực sự lôi cuốn mọi người đến phút chót, không khí vui vẻ tràn ngập boong tàu, trò chơi chỉ kết thúc khi những hành khách đứng tuổi bắt đầu lục tục kéo nhau về buồng nghỉ ngơi.

Tor ngồi bên chiếc bàn vương vãi những dải giấy và tàn thuốc, ánh mắt cô mê mẩn dõi theo những cặp đôi đang xoắn xuýt lấy nhau trong những góc khuất trên boong tàu. Nửa vạt váy trên lưng cô ướt đầm bởi mồ hôi, hai gót chân bắt đầu nhức mỏi. Nigel ngồi sát bên Tor, im lặng. Khi cô bắt đầu dớm mình dồn chút năng lượng ít ỏi còn lại trong cơ thể để đứng lên quay trở về buồng tàu thì Frank bắt ngờ xuất hiện bên cạnh Tor. Trông anh nhợt nhạt và đầy mệt mỏi.

“Một buổi tối tuyệt vời chứ, Tor?”. Anh hỏi cô, vẫn giọng điệu lịch thiệp đầy xã giao như thường lệ.

“Trên cả tuyệt vời”, cô trả lời. “Còn anh thì sao?”.

“Anh hơi mệt. Anh cần kiếm chút gì đây để uống”. Anh rót đầy rượu vào ly. “Em uống không?”.

“Không, cảm ơn anh”.

Cả hai im lặng lắng nghe tiếng sóng ì oạp vỗ hai bên mạn tàu, xen lẫn giữa những thanh âm dịu đặt đến rên rĩ của cây kèn trumpet đang phiêu diêu trên sân khấu. Im lặng.

“Tor”, anh lên tiếng.

“Vâng?”.

“Ở lại đây thêm chút nữa”.

Anh nhìn sâu vào mắt cô, Tor cảm thấy tim mình như ngừng đập, cô khép nhẹ bờ mi, những tưởng anh chuẩn bị đặt lên môi cô một nụ hôn say đắm. Nhưng thay vào đây, anh đưa tay gỡ nhẹ mẫu giấy còn dính lại trên trán cô, khẽ liếc mắt lướt qua dòng chữ viết trên đây rồi chuyển nó sang cho Tor.

“Virginia Woolf”, anh nói. “Anh không hề nghĩ đây lại là em”.

“Sao anh lại không nghĩ đây là em?”, cô hỏi. Tor hy vọng câu hỏi của cô sẽ xua tan cảm giác bối rối đang ùa về trong lòng, nhưng Tor đã nhầm, mỗi khoảnh khắc trôi qua, cô càng cảm thấy bồn chồn đến nao lòng, Tor cố gắng để không run rẩy dưới ánh trăng nhạt nhòa trên đầu. “Hay anh nghĩ em là Theda Bara, nữ hoàng của đất nước Xô-t-len?”.

Frank khẽ lắc đầu, từ chối trò chơi cô đang định dẫn anh vào.

“Anh không biết”, cuối cùng anh dứt khoát. “Anh không nghĩ em là ai cả”.

Tor dễ dàng cảm nhận được hơi nóng bốc lên từ khuôn mặt mình, cô đang mất hết can đảm trước anh. Lập tức cô đứng dậy và lớn tiếng gọi. “Jitu, đừng ngơì một mình ở đây nữa, lại đây và uống cùng chúng tôi chút gì đi”.

Không phải bởi Tor muốn được gần bên anh ta, chỉ là trong cô bắt đầu trào lên những toan tính đầy tăm tối.

“Không một ai trong chúng ta hiểu”. Frank buồn bã dán ánh mắt ủ rũ của anh vào ly rượu sóng sánh trên tay. “Chúng ta...”.

Anh chưa kịp nói hết câu, Jitu đã đi tới bên cạnh. “Tôi có mặt theo lời triệu hội của nữ thần”, Jitu láu lỉnh nói, nghiêng xuống bên cạnh Tor. “Một người trăn mắt thịt như tôi có thể khiêu vũ cùng cô ấy ư?”.

Tor mở túi xách lôi ra chiếc mặt nạ của mình, yếu đuối đeo lên mặt. Không gian mờ ảo xung quanh khiến cô rơi vào tâm trạng chán chường, bối rối và chua xót. Một giọt nước mắt từ từ nhỏ xuống mẫu giấy bìa làm mặt nạ cô đang khoác trên mặt. Tor thẫn cảm tạ bóng tối đã che giấu hộ cô, không để Frank kịp nhìn thấy giọt nước mắt bề bàng vừa rơi xuống.

Cô mỉm cười với Jitu, chìa tay cho ông ta. “Cô ấy sẽ khiêu vũ cùng người. Cảm ơn vì đã đến mời cô ấy”.

Jitu dẫn Tor ra sàn nhảy, ôm chặt cô trong vòng tay thành thực của ông ta. Vài cặp đôi đang dìu nhau giữa sàn nhảy, má áp má đầy âu yếm. Ban nhạc đang chơi những giai điệu buồn bã của bản “Anh không dành tình yêu cho em”. Tor cứng đờ cả người khi nhìn thấy cảnh tượng Marlene đang khóa chặt môi với một sĩ quan kỵ binh mà cô ta chỉ mới làm quen vài tiếng trước đây, trước mọi ánh mắt của đám nhân viên phục vụ.

“Tôi thích bài hát này”, cô thì thầm bên tai Jitu, vòng tay của ông ta đang từ từ lặn xuống phía thắt lưng cô. “Nó thật săn chắc”. Ông hờn hờn đáp lại lời cô.

Tại sao cô lại luôn mở miệng về những điều cô hoàn toàn mù tịt? Những giai điệu của ca khúc chỉ khiến cô thêm đau khổ, lúc này cô chỉ muốn được đuổi người thanh thoi trên giường êm nệm ấm.

Jitu bắt đầu sờn tới gần cô hơn, những ngón tay bè bè của ông ta bắt đầu lên mò rờ rẫm từng đốt xương sống trên lưng cô. Đôi mắt sắc lẹm của ông ta dán chặt vào cô, như thể muốn nói, “Tôi có thể đi xa hơn không? Em cảm thấy thế nào?”.

“Jitu này”, cô cố gắng thoát khỏi vòng tay chặt cứng của ông, “buổi tối hôm nay của ông tuyệt vời chứ?”.

Ông ta phác một cử chỉ đặc sệt kiểu Án, không đồng tình mà cũng chẳng phủ nhận, chỉ có mái đầu của ông ta càng cúi sát hơn về phía trước.

“Cũng khá thú vị. Một bữa tiệc có đầy đủ những thứ thiết yếu”.

“Ông thật hài hước khi dùng những từ ngữ ấy để diễn tả về buổi tiệc”.

“Em biết mà”.

“Không, tôi thực sự không biết”.

“Chỉ còn băng qua một vùng biển nữa thôi, là anh đã đặt chân về nhà mình”.

“Nhưng điều đó đã y không tuyệt à?”.

“Ít nhất là với anh. Anh đã rời xa quê nhà khá lâu rồi”. Jitu thở dài, và lại sờn tới gần bên cô hơn, hơi thở mang theo mùi hạt tiêu phả vào mặt cô, nồng nàn. “Anh đã có những ngày tháng tự do ở Oxford và London”, ông nói. “Em biết đây, tiệc tùng, những người

bạn đến từ nhiều nơi trên thế giới. Anh sẽ nhớ rất nhiều những cô gái tinh nghịch kiểu như em”.

Tor chỉ muốn ông ta buông tay ra khỏi người cô ngay lập tức. Ông ta thừa thãi bản năng của một con đực, mùi đàn ông tỏa ra từ người Jitu nõng nặc. Nhưng cô chính là người đã triệu hồi ông ta bước ra từ bóng tối, chính cô chứ không phải ai khác mới là người mời gọi và yêu cầu ông ta khiêu vũ cùng mình. Để rồi giờ đây, sau những bước nhảy thuân thục và chuyên nghiệp mà Tor không hề ý thức được, ông ta đã dìu cô từ khoảng trống rộng rãi tràn ngập ánh trăng giữa sàn nhảy vào góc khuất nhập nhòa bóng tối dưới chân ống khói của con tàu.

“Em có một đôi mắt đẹp tuyệt trần”, ông thì thầm vào tai cô khi tấm lưng rộng lớn của Tor chạm vào vách tàu. “To, tròn và xanh biêng biếc”.

“Cảm ơn ông, Jitu”, cô lí nhí đáp lại lời ông.

Jitu nhanh nhẹn luôn một tay vào giữa hai chân Tor và cúi xuống cố gắng hôn lên môi cô.

“Jitu!”, cô đẩy ông ra khỏi người mình, kinh hãi.

“Tôi nay em đã uống khá nhiều”, ông hờn mát, rồi lại sấn đến bên cô. “Em thật tàn nhẫn”, ông thở gáp.

Tor cảm thấy chiếc lưỡi của ông ta đang dấn sâu vào miệng cô, Jitu nắm lấy tay cô đặt lên vật to tròn đang từ từ trôi lên sau làn vải quàn mềm mại của ông ta.

“Vì Chúa, Jitu. Dừng lại đi!”. cô gằn như van vỉ.

Tor dồn hết sức mạnh đẩy ông ra khỏi người mình, trước khi đâm bổ xuống những bậc cầu thang thoát khỏi boong tàu, Tor

ngoái đầu nhìn về phía chân ống khói của con tàu, cô vẫn nhìn thấy Jitu đứng đấy, đưa tay phát mạnh lên một bên đầu của mình. Ông ta đang bói rô-i, giống như cô đã từng.

Chương 17

Buổi sáng sau bữa tiệc đêm Ả-rập đầy náo nhiệt ấy, Viva mặt mày tái mét, rã rời vì thiếu ngủ, mệt mỏi cuộn mình trong chiếc ghế xếp đặt trong bóng râm, cố gắng dứt tâm trí ra khỏi Guy. Con tàu vừa băng qua địa danh Điểm Nóng, vây quanh Kaiser lúc này là những chiếc xuồng bé nhỏ, tất cả đều cũ kỹ và mong manh, trên mỗi chiếc xuồng đều chèo vênh một cậu bé Ả-rập đứng đầu mũi, tất cả gài n như trăn truông, chỉ quấn độc một chiếc khố mỏng tang quanh bẹn. Đám trẻ con người Ả-rập đang chờ đợi những đồ ng xu được tung từ trên tàu xuống mặt biển lúc nhúc từng đàn cá mập lượn lờ. Cứ mỗi lần ai đẩy trên tàu ném một nắm xu anna xuống biển, đám trẻ con trên những chiếc xuồng lập tức phóng mình vào lòng đại dương sâu thẳm, mắ t hút giữa muôn trùng sóng nước, sau một khoảng thời gian khá lâu, những cái đầu trẻ con ướ t sũng nước lại nhô lên, những mái tóc xoắn tít đỏ quạch màu nắng, đôi khi ánh vàng dưới ánh sáng mặt trời hệt như màu cây lá móng, lần lượt nôi đuôi nhau trô i lên mặt biển, miệng chúng trắ ng lóa những đồ ng xu được cắ n chặt giữa hai hàm răng.

Hình ảnh tương phản giữa cuộc số ng nhọc nhắ n, gian khổ mà số ng động của những cậu bé Ả-rập với cuộc số ng tẻ nhạt luôn giấ u mình giữa những vỏ bọc hệt như một chú ô c sên của thiếu niên da trắ ng tên Guy, kể suố t những ngày gài n đây chỉ ru rú trong căn buồ ng chật chội, quả thật không phải là điề u dễ dàng chấ p nhận với những người trong cuộc. Viva thao thiế t nhìn xuống mặt biển, nhìn đồ ng hồ thêm một lần nữa rồi thở dài, quay lưng trở về căn buồ ng của Guy.

Cô bật quạt, mùi ẩm mố c cũ kỹ cuộn lên theo làn gió bay quanh căn buồ ng chật chội, dăm ba mẩu giấ y kẹo nhẹ nhàng cuố n tung

lên cao.

“Sáng nay cậu đã cảm thấy tốt hơn chưa Guy?”, cô nhẹ nhàng hỏi.

“Không”, nó chồm lên. “Tôi muốn cô biến khỏi chiếc vô tuyến của mình ngay lập tức”.

Tim cô lắng xuống, Viva có cảm giác nó đã ngừng đập. Chúa ơi, cô ghét cay ghét đắng tất cả những gì lại nhai phát ra từ một chiếc vô tuyến.

“Tôi không hiểu ý cậu là gì”, cô nói với nó.

“Cô thừa hiểu”, nó cộc cằn. Rồi lại ném vào cô cái nhìn rực sáng, cái nhìn như muốn nói, thằng - này - không - phải - loại - vật - cứt - mũi - chưa - sạch - đâu - nhé. “Cô hiểu, cô thừa hiểu”.

“Guy”, cô hạ giọng, cô xuống nước thêm một lần nữa. “Hôm nay bác sĩ Mackenzie sẽ đến khám cho cậu. Ông ấy cần phải đưa ra quyết định nên đối xử với cậu như thế nào là tốt nhất. Năm ngày nữa chúng ta sẽ đặt chân đến Bombay, bố mẹ cậu sẽ đón cậu ở đây”. Guy nhắm nghiền hai mắt trong khi Viva vẫn kiên nhẫn thuyết phục nó. “Vấn đề nằm ở chỗ, bác sĩ Mackenzie đã cho tôi biết có nhiều bệnh nhân đang phải vật lộn với chứng đau dạ dày tại khu điều trị y tế trên tàu, nhưng ông ấy vẫn có thể sắp xếp một phòng điều trị tốt nhất dành cho cậu”.

“Tôi không đau ốm bệnh tật gì cả”. Nó cắn chặt hàm răng vào môi dưới, nhướn mày nhìn thẳng vào mắt Viva. “Tại sao cô lại kể với mọi người chuyện của tôi?”.

Cô vờ không nghe thấy câu hỏi của nó.

“Hôm nay cậu muố n tôi làm gì?”, cô hỏi. “Có lẽ khoảng ba mươi phút nữa Frank sẽ đế n khám cho cậu”.

“Cô ở yên đầ y cho đế n khi Frank xuấ t hiện, đế n lúc ấy cô có thể đi”. Nó ngoác miệng ngáp một hơi rõ dài rô i dui đầ u vào gồ i.

“Trước khi đi ngủ, Guy ạ, tôi nghĩ cậu nên vào phòng tắm rửa ráy một chút và đờ ng ý để nhân viên phục vụ vào lau dọn qua căn buồng của mình cho sạch sẽ”, cô gầ n như nài nỉ. “Hãy hoàn thành trước khi bác sĩ Mackenzie có mặt ở đây”.

“Không thể”, nó làu bàu. “Tôi quá mệt”.

Trong lúc Guy chìm sâu vào cơn ngủ mệt nhoài, Viva yên lặng ngồ i bên cạnh giường canh chừng nó, lòng đầ y lo âu. Bác sĩ Mackenzie đã có lâ n xuố ng đây để nói chuyện với nó, nhưng ông chỉ kiên nhẫn được đúng năm phút, sau đầ y ông tỏ thái độ cự tuyệt, cố gắ ng tránh để không phải mang Guy lên phòng điề u trị y tế của con tàu.

Còn Frank, kể từ sau vụ ảu đã xảy ra khi con tàu cập cảng Port Said, hắ ng đêm anh vẫn đế n để ngồ i cùng Viva canh chừng Guy trong căn buồng chật chội của nó. Khi Guy đã chìm sâu vào giấ c ngủ, cả hai ngồ i bên nhau trong bóng tớ i nhạt nhòa, say sưa chuyện trò cùng nhau về đứ loại chủ đề - từ những cuố n sách yêu thích, những giai điệu từng khiế n trái tim họ cá t lên thành lời, đế n những mảnh đầ t xa lạ mà cả hai đề u ước ao một lâ n đặt chân đế n - những câu chuyện được cả hai chia sẻ cùng nhau không hê nhuố m màu cá nhân riêng tư, cho đế n một đêm, khi Frank kể cho cô nghe về người anh trai Charles của mình.

“Anh ấy không hy sinh ở Ypres”, anh thì thầ m. “Nhu thế sẽ dễ dàng hơn khi phải trả lời mọi người về cái chế t của anh trai mình. Anh ấy buộc phải nắ m lại trong trung tâm điề u dưỡng thương

bệnh binh, bị thương khá nặng ở cổ họng và khí quản, không thể nói được nhưng anh đã viết ra giấy ý nguyện của mình. Charles muốn tôi ở bên cạnh anh ấy đến giây phút cuối cùng của cuộc đời. Anh ấy muốn tôi trò chuyện cùng, bàn tay yếu ớt của Charles đã cố gắng nắm lấy tay tôi, ánh mắt của anh ấy nhìn tôi đầy triu mến. Lúc ấy tôi chỉ biết lắc nhai trong vô thức với anh trai mình”.

“Anh đã nói những gì?”. Viva có cảm giác cả cơ thể cô đang đông cứng lại - những cung bậc cảm xúc đang tràn ngập căn buồng bé nhỏ.

“Tôi không còn nhớ rõ nữa”, giọng Frank xa xăm, “có lẽ chỉ toàn những chuyện ngớ ngẩn: những trận đấu cric-kê trong nội bộ gia đình mình ở Salcombe trong những ngày hè sôi động, những chuyến dã ngoại cắm trại ở khu Núi Mới, cùng nhau thưởng thức món bánh Eccles trong những tiệm bánh xinh xắn bên những góc đường thành Lyon, cả những lần tham quan Bảo tàng quốc gia, nơi lần đầu tiên hai anh em tôi được chiêm ngưỡng tận mắt những kiệt tác của họa sĩ Turner, những bữa ăn gia đình đơn sơ mà ấm cúng. Không dễ dàng với anh ấy khi hồi tưởng lại những kỷ niệm của đời mình - đôi khi anh ấy thì thào điếu gì đấy vào tai tôi, lúc ấy tôi sẽ cố gắng nhớ để có thể kể lại cho anh ấy nghe”.

Giai đoạn ấy, anh đã trải qua năm đêm lạ kỳ và đau buồn nhất trong cuộc đời mình, mãi về sau, anh mới cảm thấy bớt căng thẳng đôi chút. Một tối anh ra ngoài, lần mò xuống phòng ăn vắng vẻ đánh cắp một thanh sô-cô-la, khi đã ngấu nghiến hết thanh kẹo, cảm giác tội lỗi chợt trào lên ngập tràn tâm can Frank, nhưng rồi anh nhanh chóng an ủi mình, và hoàn toàn khuây khỏa khi ý thức được thực tế phũ phàng, rằng anh trai Charles của mình sẽ không còn sống được bao lâu với những vết thương nặng nề trên cơ thể anh ấy.

Viva thần thờ sau khi lắng nghe những tâm sự bộc phát từ Frank. Cô phải nói gì đây? Điều gì sẽ xảy ra nếu Frank bỗng nhiên nức nở trước mặt cô?

“Đã bao giờ anh nghĩ, đây chính là lý do khiến anh trở thành bác sĩ?”, cuối cùng cô cũng lên tiếng.

“Có lẽ thế”, Frank trả lời, anh đứng dậy. “Lúc ấy tôi đang ở độ tuổi đẹp nhất của cuộc đời, rất nhạy cảm và đầy ắp cảm xúc. Tuổi mười tám - và khi ra đi, Charles lớn hơn tôi mười tuổi”.

Frank quay mặt về phía Guy, khẽ khàng chỉnh lại tấm chăn trên người thằn nhóc. “Tôi cảm thấy lo lắng cho ông tướng này”, giọng anh trở nên linh hoạt, “và cô nên dành nhiều thời gian hơn cho thằn nhóc bé. Nó có thể vắt kiệt sức lực của cô, đây không phải là một công việc vui vẻ”.

Bác sĩ Mackenzie sẽ có mặt sau nửa tiếng đồng hồ nữa. Cô kiên nhẫn ngồi chờ ông trong căn buồng chật chội của Guy.

Nhưng bất chợt, giữa mây đen giăng kín bỗng le lói ánh mặt trời. Khi cô vừa rón rén nhẹ nhàng bước vào phòng tắm để rửa mặt, căn buồng vẫn im ắng đến nao lòng, đúng lúc ấy cô nghe thấy tiếng hát của thằn nhóc khe khẽ vang lên sau bức tường chật chội. Những giai điệu cô vẫn được nghe từ thời thơ ấu, người vú em vẫn thường hát ru cô trong những lần quấy khóc “humpti-tumpti gir giya phat”.

Cô nhô đầu ra khỏi cánh cửa. Lập tức đồng hồ phủ kín dưới tấm chăn trên giường ngủ im bật.

“Talli, talli, badja baba”, cô tiếp tục bài ca bỏ dở của Guy, có tiếng sụt sịt khe khẽ vọng ra từ dưới tấm chăn, dấu hiệu tốt lành đầu tiên cô chứng kiến trong buổi sáng hôm nay.

“Phải tất cả bọn họ đều hát chung bài hát ấy không nhỉ?”. Nó hát chiếc chăn ra khỏi đầu mình, ngược đôi mắt đỏ hoe to tròn lên nhìn cô, hỏi.

“Có lẽ thế”, Viva trả lời. “Vú em của tôi còn kể cho tôi nghe rất nhiều câu chuyện bắt đầu bằng câu Ecco burra bili da - có một chú mèo khổng lồ“, giọng Viva ngân nga, như một người Ấn Độ thực thụ.

“Cậu có thể kể cho tôi nghe bất cứ điều gì nếu cậu muốn”. Giọng cô nhẹ nhàng, đầy thuyết phục.

Tâm trí cô quay cuồng, rồi bắt chợt trống rỗng.

“Kể cho tôi nghe về trường học của cậu, nhé”.

“Ừm, ecco burra bili da”, cô khẽ khàng hát như thể để giết thời gian trong lúc kiên nhẫn chờ đợi. “Tôi sẽ kể cho cậu nghe về cái lần đầu tiên tôi từ Ấn Độ trở về, khi tôi nhìn thấy mái trường thời thơ ấu của mình... Tất nhiên là nếu cậu muốn nghe”.

Đông thù lù kín mít trên giường khẽ động đậy. Cô lại nghe thấy tiếng sột sạt khe khẽ phát ra từ đáy, nhẹ thôi, rất mỏng.

“Đấy là một trường nữ tu ở miền Bắc xứ Wales. Năm ấy tôi tròn bảy tuổi. Mẹ, chị gái và tôi trở về cùng nhau trên một chuyến tàu, ba chúng tôi lưu lại trong một khách sạn đơn sơ gần nhà ga Waterloo, London. Tại khách sạn, chị Jossie và tôi được khoác vào người chiếc váy màu xám, áo sơ mi và cà vạt màu xanh nước biển. Câu chuyện của tôi có khiến cậu cảm thấy tế nhị không Guy?”.

“Không, không hề, cô cứ kể tiếp đi”, Guy sốt sắng.

“Mẹ tôi đã biết ngôi trường từ trước, nhưng hai chúng tôi thì không. Tôi còn nhớ rất rõ mẹ dắt hai chị em bước trên bãi biển cơ

man đá cuội, đang tung tăng bên mẹ, bắt chợt tôi ngược mắt nhìn lên khoảng trống hoang vắng, xám xịt năm chơ vơ ven rìa một vách đá nhô ra phía biển. Để an ủi mẹ lúc này đang bắt đầu sụt sùi, tôi cuống quýt nói: “Mẹ đừng lo, chắc chắn không phải là nơi ấy đâu”. Nhưng bà đã gằn như tuyệt vọng khi nói với chúng tôi, rằng đây chính là ngôi trường”.

“Ở đây họ đánh cô à?”. Khuôn mặt nó lộ ra dưới tấm chăn, miệng mở tròn ngơ ngác. “Bọn họ cũng là những kẻ xấu xa khủng khiếp sao?”.

“Họ rất nghiêm khắc, chúng tôi bị đánh vào tay bằng những chiếc thước kẻ rằn rạch và buộc phải hành xác để sám hối, nhưng đây không phải là những điều tồi tệ nhất. Điều khiến tôi gằn như phát cuồng, ấy chính là nỗi nhớ nhà, nhớ Án Độ lúc nào cũng quay quắt trong lòng.

Ở Án Độ, chúng tôi vẫn thường dạo chơi trên những bãi biển tràn ngập ánh nắng, cát dưới chân mịn màng, êm ái và mượt như lụa. Ở Án Độ, chúng tôi được tắm mình trong làn nước biển ấm áp như sữa. Còn ở trường, chúng tôi phải nghiên rặng nhón chân bước đi trên những con đường đầy sỏi lạo xạo và sắc lẹm, sợ hãi khi phải đối diện với những con sóng xám xịt luôn sẵn sàng vỗ thẳng vào mặt những cú trời giáng không thương tiếc. Các nữ tu luôn có những kiểu trừng phạt khác nhau, rất độc đáo - một trong số họ, chị Philomena thường mang theo bên mình một cây nạng gỗ nhằm mục đích buộc chúng tôi phải chen nhau đứng trong một cái bồn tắm nếu có đứa nào ngỗ nghịch, sau đây chị sẽ dùng vòi nước phun thẳng vào người cả đám”.

Guy húng hắng ho.

“Tiếp tục đi”, giọng nó tỏ ra hăm hờ, “câu chuyện của cô đang hay”.

Viva thoáng lưỡng lự. Đã đến đoạn cô không biết có nên kể cho nó nghe hay không.

“Quả thực tôi đã khổ sở đến thế nào với cuộc sống trong ngôi trường căm đoán ấy, đến nỗi tôi quyết định sẽ tự hành hạ bản thân để nhanh chóng khiến mình thực sự bị ốm. Đêm xuống, tôi dốc hết khẩu phần nước ít ỏi trong chiếc bình dành cho mình ra ngoài chiếc áo cánh đang khoác trên người, rồi đến ngòai trước cửa sổ được mở to với hy vọng mình sẽ nhiễm cảm, lúc đấy mọi người sẽ thương xót cho tôi, và mẹ sẽ xuất hiện để đưa tôi quay trở lại Ấn Độ”.

“Rồi chuyện gì xảy ra?”. Hơi thở của Guy hơi nặng mùi khi nó mở to miệng, há hức. Cô tự nhủ cuối câu chuyện sẽ phải nhắc nhở nó làm vệ sinh răng miệng trước khi bác sĩ Mackenzie xuất hiện.

“Không có gì đặc biệt cả. Tôi bị viêm họng, ho dữ dội và mất một tuần nằm điều trị trong phòng y tế, rồi sức khỏe tôi tốt trở lại. Tôi có thêm nhiều bạn mới”.

Khốn nạn chưa. Không khéo léo chút nào cả, khi Guy là một đứa trẻ không hề có bạn ở trường.

“Nhìn lại những năm tháng đã qua”, cô nhanh chóng tiếp tục mạch câu chuyện, “tôi chỉ ước giá như có ai đấy nói với mình, rằng những năm tháng ngòai trên ghế nhà trường là quãng thời gian đẹp đẽ nhất của cuộc đời bạn, nhưng những năm tháng ấy giờ đã trôi xa, đã thực sự trôi xa, nhanh hơn tôi nghĩ, giờ đã đến thời điểm của những điều lớn lao khác, như một cuộc sống độc lập, tự kiếm tiền, tự đưa ra những quyết định cho đời mình... Tất cả đều là những điều thực sự thú vị”.

“Tôi không nghĩ cuộc đời mình rồi sẽ có những điều thú vị”, nó nhồm người dậy, vói tay lấy một chiếc thuốc lá rồi nhét lên môi, châm lửa. Khi những vòng khói thuốc bắt đầu tan vào khoảng không chật chội trên đầu, nó nhìn thẳng vào mắt cô.

“Cô thấy đấy, sớm muộn gì rồi tôi cũng sẽ quyết định tự kết liễu cuộc đời mình”.

“Guy, làm ơn đi, cậu đừng đùa cợt với tôi kiểu đấy”.

“Tôi không đùa”, nó thản nhiên đến lạnh lùng. “Tôi ước gì nó đã xảy ra”.

Cô hiểu mình cần phải bước đến bên cạnh Guy, đặt tay lên vai nó, để an ủi, để đồng cảm. Nhưng mùi hôi của những chiếc tất dưới chân nó, con nóng đang hâm hấp tỏa ra trong người, cả khuôn mặt đang sa sầm của nó đã khiến cô chùn bước.

“Guy, làm ơn đứng dậy bước ra khỏi giường, vệ sinh răng miệng của cậu, bước ra ngoài vận động một chút đi. Ngoài kia có rất nhiều thứ cho cậu nhìn ngắm, kênh đào khá hẹp, từ trên boong tàu cậu có thể nhìn thấy lũ trẻ, đàn chim hồng hạc, chim bồ nông và cả đám ngỗng trời nữa. Những cảnh tượng hết sức phi thường đang chờ cậu ở ngoài kia. Đứng dậy đi, để tôi giúp cậu ngò ì dậy, tôi sẽ cùng cậu ra ngoài”.

“Tôi có thể tự giúp mình được, nhưng tôi vẫn còn ý định kết liễu cuộc đời, cô biết đấy”. Miệng nó nhả nhở, một nụ cười rất trẻ con. “Tốt hơn hết cô nên nói những điều ấy với bác sĩ Mackenzie khi cô gặp ông ấy. Hẳn bác sĩ cũng nên được biết chúng”.

“Ừm, cậu tự đi mà nói với ông ấy, bác sĩ sẽ đến đây để khám cho cậu trong buổi sáng hôm nay”.

“Tôi không muốn ông ta bước chân vào đây. Tôi đã thay đổi ý định”, nó nói. “Ông ta cũng đang ở trên làn sóng vô tuyến của tôi”.

Cô nhìn nó chầm chầm. Khu vực da quanh quầng mắt thẫm nhóc vẫn khá vàng và đôi chút quầng vẫn thâm tím, nhưng rõ ràng vết thương đang mỗi ngày một lành lặn trở lại. Chính đôi mắt của nó và mối quan hệ thờ ơ đầy xa lạ giữa hai người là nguyên nhân khiến cô cảm thấy trĩu nặng trong lòng. Đây là khoảnh khắc Viva quyết định sẽ nhận sự giúp đỡ.

Phòng khám bệnh của con tàu nằm ở khoang B, mở cửa từ chín rưỡi sáng cho đến tận đầu giờ chiều, ngay trước giờ ăn trưa. Năm giờ hai mươi phút, Viva có mặt trước cửa phòng khám bệnh, cô đã nhẹ nhàng đặt chân vào cánh cửa.

Cô cuống quýt chạy xuống cầu thang, đến gõ cửa buồng Tor và Rose, không hy vọng có thể tìm thấy ai đang ở lại trong buồng vào lúc này.

Cánh cửa hé mở, Tor hiện ra, chân trần, hai má loang lổ những chấm kem dưỡng da chưa kịp thoa đều.

“Xin lỗi, em có thể giúp chị được không?”. Viva hỏn hển. “Chị có chuyện muốn nói với em”.

“Ô?”, có vẻ Tor đang thay đổi thái độ lạnh nhạt của mình.

“Chị vào được chứ?”.

Cái nhún vai của Tor đầy thờ ơ nhưng cô vẫn bước lùi ra sau cánh cửa, nhường đường cho Viva.

“Chị xin lỗi vì đã đột ngột bỏ đi vào hôm ấy”, Viva bắt đầu trước, nét mặt Tor tỏ ra nghiêm trọng. Cô tiếp tục, “em biết đấy, hôm ở Shepherd, những tưởng chúng ta đã có một ngày vui vẻ”.

“Mình chị vui vẻ thôi, có lẽ thế”. Tor hờ hững.

Viva mất mười phút để giải thích với Tor chuyện liên quan đến Guy mấy hôm trước, cả hành vi khó hiểu của thằng bé trong những ngày gần đây, và tâm trạng bối rối của cô khi đứng trước quyết định sẽ phải đối xử như thế nào với Guy cho hợp lẽ.

“Trước đây chị già u bọn em là bởi chị không muốn cả hai phải lo lắng”, Viva nói. “Frank đã giúp chị rất nhiều, anh ấy đã chữa trị cho Guy, tiếp thêm nguồn sức mạnh tinh thần cho chị. Nhưng đến giờ bọn chị đều thông nhất với nhau không thể cứ già u em chuyện này mãi được. Thực ra Guy bị đuổi khỏi trường, bởi nó đã ăn cắp đồ đạc của những cậu bé khác. Lý do thuyết phục nhất được đưa ra để giải thích cho hành vi của nó - bố mẹ Guy không gửi đủ tiền chi tiêu cho nó - chị không trao đổi với nó trước khi tiết lộ cho bọn em biết chuyện này, nhưng chị buộc phải nói, để bọn em cảnh giác đề phòng”.

Bất ngờ, Tor vòng tay ôm chặt lấy Viva.

“Em xin lỗi”, cô nói. “Em rõ cũng thật ngớ ngẩn - vì những phản ứng đại dốt của mình ấy”. Viva cú nhẹ lên đầu Tor, rồi lại vòng tay ôm chặt lấy cô gái thêm một lần nữa. “Chị cũng đã bắt đầu phát ngán với em rồi đấy, nhưng quên chuyện ấy đi, đây mới là điều quan trọng”.

Tor mở nắp chai uýt-ki ngọt hiệu Drambuie, rót đầy ra hai ly, và nói: “Chị có chắc thằng nhóc đang rơi vào tình trạng tồi tệ như chị nghĩ không? Ý em là, ở độ tuổi của nó, em cũng nổi loạn không kém đâu. Em thường xuyên có ý nghĩ tự sát trong những ngày ấy”.

“Không đâu, Tor, chị cũng có ý nghĩ như em. Nhưng mọi chuyện không đơn giản như chúng ta tưởng, nó tồi tệ hơn nhiều”.

“Thời điểm ấy cả bố em cũng tỏ ra hết sức kỳ quặc”, Tor tiếp tục, “nhưng ấy là bởi di chứng do hơi độc từ lò trong những năm tháng chiến tranh ảnh hưởng. Vả nữa là phải mang lại cho thằng nhóc nhiều niềm vui, tạo cho nó cảm giác háo hức chờ đợi mỗi khi ngày mới bắt đầu. Em có thể mang chiếc máy hát của mình đến để cùng nó lắng nghe vài giai điệu”.

“Ôi Tor, em quả là một cô gái tốt bụng”.

“Thực ra em không tốt như chị nghĩ”, giọng Tor chùng xuống. “Nhưng chỉ trong chớp mắt nữa thôi, chúng ta sẽ đặt chân đến Bombay, chắc chắn chúng ta sẽ khiến thằng nhóc phải mỉm cười thích thú trước cuộc sống, điều mà bố mẹ nó đã thất bại thảm”.

Rose xuất hiện trước ngưỡng cửa, khuôn mặt ửng hồng bởi đã đổ sức vào trò chơi ném vòng trên boong tàu.

“Có sự kiện gì đang diễn ra ở đây vậy?”, giọng Rose vui vẻ. “Một tử điếm à? Cho em nhập hội với nhé?”.

Tor ngò ì xuống, mông lung với những ý nghĩ đang quay cuồng trong đầu, một lúc sau cô lên tiếng: “Em nghĩ không nên áp dụng những hình phạt khắc khe hay đại loại là những gì như thế với một đứa trẻ nghèo khổ”.

“Đừng có cảm giác ép buộc mình phải đồng ý đâu nhé”, Viva nói, rồi quay sang Rose, lúc này đang ấp úng. “Chị sẽ cố gắng tìm hiểu”.

“Ừm, nhưng trước hết mình sẽ phải nói chuyện với Frank đã”, Rose nói.

“Tất nhiên rồi”. Tor mỉm cười. “Bọn tớ vừa nói chuyện về bác sĩ Frank xong”.

“Và cậu không quên vài chuyện đậy chứ, bạn thân mến?”. Rose nhìn Tor chằm chằm.

“Tớ quên gì?”.

“Những tiếng động mà thằng nhóc gây ra ấy”.

“Tiếng động nào vậy Rose?”, Viva thắc mắc.

“Cậu nói đi”, Rose há t cằm về phía Tor.

Tor vờ rên rỉ dầy kiểu cách. “Ôi Chúa ơi! Ôi! Ôi Chúa ơi! Chẳng là em cứ tưởng ai đậy đang chuẩn bị ám sát nó. Thậm chí em đã định sang bên đậy để giúp đỡ”.

“Tớ i hơn hết nên để nó một mình”.

“Tại sao?”, Hai cô gái trẻ đồng thanh hỏi.

“Ừm”. Viva cúi mặt nhìn xuống thảm trải buong. “Đấy chỉ là những âm thanh do bọn con trai gây ra khi chúng thủ dâm mà thôi”.

“Chúng làm gì cơ?”, Rose ngơ ngác.

“Ừm, em biết đậy, chúng kích thích một số bộ phận nhạy cảm trên cơ thể mình để đạt được khoái cảm ấy mà”.

Cả ba cô gái, không hẹn mà gặp đều u gương chín người, gò má ửng đỏ.

“Cái gì thế?”, Rose bô i rôi hơn cả. “Sao hai người lại đi nói với nhau về chuyện này?”.

“Ừm, để tìm hiểu thôi mà, bọn chị chỉ muốn biết cơ thể của một người đàn ông sẽ như thế nào trong khi anh ta quan hệ”.

“Ôi Chúa ơi”. Rose cả tin. “Nhưng nó còn quá trẻ. Chị chắc điê`u mình nói là đúng chứ?”.

“Không, tất nhiên là chị không chắc lắm, nhưng có thể là như vậy. Chị chỉ chắc một điê`u, rằng nó không cần đế`n sự giúp đỡ của bọn em”.

Cả hai dán mắt vào Viva, những ánh mắt mở to choáng váng và á`n tượng.

“Phải đấ`y là những gì chị định nói?”, Tor như bưng tỉnh. “Thôi nào, Viva, thử một lần trong đời để lọt thông tin ra ngoài đi. Chị biết nhiê`u thứ hơn bọn em kia mà”.

“Đề` sau đi, không phải bây giờ”.

“Chị phải hứa sẽ quay lại và kể toàn bộ câu chuyện cho bọn em nghe đấ`y nhé? Hôm nay bọn em chưa hóng hót được chuyện gì hay ho cả”. Khuôn mặt của Tor ửng hỏ`ng. “Và em đang tưởng tượng đế`n thời điể`m khi ai đấ`y biết tất cả mọi bí mật”.

Khuôn mặt Rose vẫn ngơ ngác đế`n tội nghiệp, Viva miễn cưỡng đưa ra quyê`t định.

“Chị không phải là một chuyên gia”, cô nói. “Trước đây chị chỉ có duy nhấ`t một tình yêu, chị sẽ kể cho bọn em nghe về` anh á`y sau”.

“Hả`n phải lã`ng mạn như một câu chuyện tình thực thụ”. Tor mơ màng.

“Có lẽ thế`”, giọng Viva xa xăm, cô đang dẫ`n lòng, cô` gắ`ng để tâm trí mình không nghĩ về` anh.

Chương 18

Ấn Độ Dương, 500 dặm từ Bombay

Rose đã quyết định sẽ tránh không chạm mặt với thằng nhóc ở buồng bên cạnh càng nhiều càng tốt, nhưng tự trong thâm tâm, mỗi lúc cô càng cảm thấy khó chịu và xa lạ với mối quan hệ mờ nhạt giữa mình và nó. Viva đã nói với Rose, rằng đã mười năm nay thằng nhóc chưa một lần gặp mặt bố mẹ nó, rằng con khủng hoảng tinh thần trong nó mỗi lúc một lớn dần lên thêm khi con tàu càng ngày càng tiến dần đến Ấn Độ. Thậm chí giờ đây, ngay cả trong giấc ngủ, nó luôn vùi đầu dưới những lần chần kín mít.

Nỗi sợ hãi bắt đầu cuộn lên trong cô khi nghĩ về nó. Liệu Jack có nhận ra cô sau sáu tháng xa nhau? Giả sử anh không nhận ra cô, thì liệu anh có cảm thấy thất vọng vì điểu điểu? Nụ hôn đầu vụng trộm trao nhau ở Cầu lạc bộ Savile - dưới trăng mờ đầu yêu, trên những bậc cầu thang, hẳn lúc điểu cô đã nhìn thấy bóng dáng của những thiên sứ tí hon đang rộn ràng nhảy múa bay lượn trên đầu hai người - sẽ không còn là những du vị hoàn hảo, giờ đây chỉ còn hiện tại, tất cả phụ thuộc vào cái nơi bạn sẽ gặp người ấy và tâm trạng của chính bạn trong phút giây gặp gỡ. Khi cô bước từ trên tàu xuống, những cơn gió phàn phật trong nắng trời gay gắt, liệu anh có nhìn vào cô và nhủ thầm, một sai lầm to lớn? Hay cô sẽ nhìn vào anh và chợt nhận ra, mình đã nhầm người - anh ấy không phải là người mình mong đợi?

Cô nhẹ nhàng chải tóc, mình có nên gọi đầu hôm nay không nhỉ? Cô tự hỏi. Con tàu đang lênh đênh giữa Ấn Độ Dương, mọi người bắt đầu chộn rộn, không khí trên con tàu trở nên sôi động hơn. Ai ai cũng ướt đẫm mồ hôi khi mặt trời đứng bóng.

Ngay cả Tor, tâm trí Rose quay trở về với cô bạn thân thiết từ thời thơ ấu, chưa bao giờ tỏ ra hấp tấp vội vàng như cô trong quyết định trao trọn cuộc đời mình cho một người đàn ông mà cô ấy gần như không biết gì nhiều về anh ta, hơn nữa, cô ấy có vẻ đang hào hứng cùng Viva trong sứ mệnh giúp đỡ thằng nhóc ở bên cạnh.

Sáng hôm ấy, Tor mang chiếc máy hát xách tay của cô ra ngoài, dò tần số bắt kênh 78, những âm thanh méo mó rì rẹt về tình trạng “thời tiết có thể có bão” lọt vào tai Rose, giọng nói qua chiếc vô tuyến vẫn lên trầm xuống bổng như hát, “trời mưa suốt cả ngày lẫn đêm...”.

Tâm trạng của thằng bé, theo như lời của Tor và Viva thì, hết sức thất thường. Nhưng Tor lại phát hiện ra một chi tiết hết sức thú vị, rằng nó có một niềm đam mê cháy bỏng dành cho nhạc jazz và phim ảnh. Trong những khoảnh khắc dễ chịu ít ỏi của thằng bé, Tor đã liên lấu trò chuyện với nó về những đam mê ấy hết như những người bạn thân thiết.

Rose đã sai lầm khi để mình bị cuốn vào những lý lẽ rườm rà của câu chuyện. Thực ra, quan tâm đến hoàn cảnh của thằng bé cũng giúp cô trấn tĩnh được phần nào. Cứ cho cô là một kẻ ích kỷ, nhưng thực lòng mà nói, cô không muốn bước xuống con tàu với một thằng nhóc kỳ cục có mối liên hệ mờ nhạt với mình suốt những ngày dài lênh đênh giữa đại dương bao la. Có thể lúc ấy nó lại đang phì phèo thuốc lá trên môi, mặt mày cau có, người lấc lư nhún nhảy, hoặc biết đâu đấy, nó lại chẳng lòng vào người chiếc áo choàng dài lướt thướt hết như một tiểu ma cà rồng thì sao? Jack sẽ nghĩ gì khi nhìn thấy cảnh tượng ấy?

Tốt hơn hết cứ giao phó nó cho bác sĩ Mackenzie, cô đã khá kiên quyết trong vấn đề này với Frank khi cả nhóm gặp gỡ nhâm

nhì ngoài quầ y bar. Nhưng Tor, trước đây đầ u tỏ ra không bao giờ quan tâm đầ n thầ ng bé, thì nay lại khiể n Rose phậ ý khi bắ t ngờ trở thành một cô gái biể t cảm thông sâu sắ c đầ n hoàn cảnh của nó. Cô á y còn thuyể t phục Rose, rằ ng bọn họ đã tạo được một vòng kiểm soát khá an toàn quanh thầ ng bé, rằ ng cô sẽ không phải lo lắ ng gì cho đầ n khi họ trao Guy cho bồ mẹ của thầ ng nhóc trong vài ngày tới.

Dẫu sao giờ đây họ cũng đã bỏ lờ cơ hội của chính mình: những con hầu của Á n Độ Dương tồ i tậ đã khiể n ba hành khách phải nằ m xuồ ng. Không còn giường trồ ng trong trung tâm cá p cứu khám chữa bệnh của con tàu.

Tor thân yêu, cô nhũ thầ m, cùng với chiể c máy hát yêu quý của cô bạn, những giai điệ u thân thương và cả niể m khao khát vô biên về một cuộc số ng tươi đẹ p. Rõ ràng cô á y vẫn đầ y ấ p cảm xúc mỗi khi nghe ai đầ y nhắ c đầ n Frank, dẫu ánh mắ t to tròn đầ n ngơ ngác á y luôn tỏ vẻ thản nhiên vẫn không thể che giấ u nôi những cơn sóng tình cảm đang chực chờ cuộn lên trong lòng Tor, bão bùng.

Ý nghĩ Tor đang che đậ bí mật với mình khiể n Rose buồ n bã, nhưng cô lại cảm thầ y bót căng thẳng khi không phải tranh cãi với Tor những chuyện liên quan đầ n Frank. Dẫu là một chàng trai có khiể u khôi hài và khá hấ p dẫn phái yế u, nhưng Frank vẫn không phải là người thích hợp. Trướ t hế t, chính là bởi cái nghề bắ c sĩ của anh ta, cô Sowerby sẽ không cho Frank là chàng trai phù hợp với Tor. Hơn nữa, Rose nghi ngại, Frank có vẻ khá tự do và phóng tú ng, anh ta thuộc tú ng người ưa bay nhảy nay đây mai đó. Kiể u của những chàng trai từng dạn dày chinh chiể n, có lầ n mẹ cô đã nói với Rose về điề u này.

Rose một mình miên man với những ý nghĩ ám đạm về tình yêu và những nguy cơ do nó mang đến. Mẹ đã cảnh báo cho cô biết, rằng hậu hết các cô dâu đều nhút nhát trước ngày cưới; có lẽ không còn gì hơn thế. Những gì cô cần làm lúc này là phải chấm dứt những ý nghĩ vẩn vơ trong đầu, gói ghém chúng lại. Cô phải kiểm tra lại đường viền trên chân váy, có thể cô sẽ cần phải khâu lại nó cho thật chặt.

Một chiếc túi vải nho nhỏ mềm mại rơi xuống sàn nhà khi cô mở cửa tủ tìm va-li đựng đồ may vá. Lạy Chúa! Đây là thứ mà cô đã dặn lòng phải mang theo bên mình: thứ làm từ bọt biển có tác dụng kế hoạch hóa dành cho các cô gái đang độ tuổi cặp kè mà bác sĩ Llewellyn đã trao cho cô. Ông đã tận tình chỉ dẫn cho cô, phải ngâm trong giấm chua và tập làm quen với nó vài lần trước đêm tân hôn, nhưng chỉ nghĩ đến việc phải tự tay nhét nó vào cơ thể, cô đã cảm thấy ghê tởm.

Quả là khoảnh khắc tốt đẹp đối với bất kỳ ai. Nắm chặt chiếc túi vải trong tay, Rose bước vào phòng tắm và khóa trái cửa. Cô vén váy, cởi bỏ đồ lót và thọc vật mềm mềm bằng bọt biển vào khe hở giữa hai chân, cô đang tập làm quen với điều được bác sĩ gọi là tạo kênh đào sinh nở.

Chưa kịp định thần, cô cảm thấy hoảng loạn - cô không chỉ thúc một cái vào hành lang trơn tuột ẩm ướt ấy - và rồi, ôi không, cô đã làm được điều đáng sợ, cô cảm nhận được cơn đau xé lòng khi cố gắng nhét vật thon dài làm từ bọt biển vào trong mình. Thực tế, cô nghĩ, mặt đỏ gay và hơi thở hổn hển, có vẻ không khả thi, khi cứ cố nhét vào khe hẹp chật chội không đủ không gian dành cho nó. Cô dặng chân, gập người xuống dưới và sau một cú thúc mạnh tay đi kèm một tiếng rên đầy đau đớn, vật trơn nhỏ làm từ bọt biển tuột khỏi tay Rose, bắn vào tấm gương trước mặt. Cô ngó i bệt xuống

nề n phòng tắm ẩm ướt, nước mắt lã chã, ghen ngào bởi cảm giác tủi hổ và giận dữ đang cuộn lên trong lòng.

Tại sao mọi người, cả mẹ nữa, không một ai nói cho cô biết về điều này? Những cơn mưa lời khuyên từ bạn bè và gia đình trút lên đầu cô trước ngày ra đi - những lời khuyên về quần áo, thắt lưng, giày dép, cả những kinh nghiệm ứng phó xử lý vết rằn cấn, rồi những lời mời tiệc tùng đến những địa chỉ cần thiết khi có chuyện xảy ra - không một lời nào, không một ai đã động với cô về chuyện này.

Rose nhặt mẫu bọt biển lên đặt dưới vòi nước, khi cô chưa kịp rửa xong thì đã nghe tiếng Tor và Viva lạo xạo bên ngoài cửa buồng. Rose hốt hoảng nhét nó trở lại vào trong chiếc túi vải nhỏ xinh bên mình, đoạn vắn tròn rồi nhét vào túi áo, mở cửa buồng tắm bước ra ngoài.

“Có chuyện gì xảy ra vậy?”. Về lo lắng hiện trên khuôn mặt Tor. “Trông cậu thật đau khổ”.

“Tớ hoàn toàn ổn”.

“Không, cậu không ổn chút nào”, Tor sốt sắng. “Thôi nào, đừng có ngớ ngẩn như thế nữa. Cậu vừa mới khóc xong”.

“Ừm...”, Rose liếc khe Viva. Cô ấy vừa trao đổi với Tor điều gì đây có vẻ khá vĩ mô và hơi khó hiểu liên quan đến chuyện con tàu cập cảng sớm. Không khí trong căn buồng đột ngột chùng xuống khi nước mắt Rose lã chã tuôn rơi.

“Em có muốn chị ra ngoài không?”, Viva hỏi.

“Không, chị cứ ở lại đây”, Tor cản, mặc cho Rose đang muốn Viva rời khỏi căn buồng.

“Mọi người vì một người và một người vì mọi người”.

Rose nhướn miệng mỉm cười. “Em xin lỗi”, cô nói với Viva, “nhưng em đúng là một con ngớ c”.

Với hy vọng mong manh, rằng có thể Viva biết giải quyết vấn đề, có thể đây sẽ là cơ hội cuối cùng của Rose. Cô lấy chiếc túi vải ra khỏi người, run rẩy bày mẫu bột biển thon dài ra trước mắt các cô gái.

“Đây là vật dùng để giúp sinh đẻ có kế hoạch”. Khuôn mặt cô nhăn nhó đến thảm hại bởi đang cố gắng để không phát ra tiếng khóc. “Chị có biết em sẽ phải làm gì với nó không?”.

“Cái gì vậy?”. Tor nhanh nhẩu cướp miếng bột biển từ tay bạn. “Trông nó mới đáng yêu làm sao”.

“Ôi Tor, cậu thôi đi”. Rose gãi t gông. “Nó không dễ thương như cậu nghĩ đâu, nó kinh khủng lắm”. Rose chộp lấy vật kia từ tay bạn, chìa nó sang cho Viva. Sau một hồi xem xét, Viva lắc đầu: “Xin lỗi”, cô nói, “chị cũng chẳng biết gì về nó cả. Hượm đã”.

Cô cuống quýt chạy về buồng mình rồi nhanh chóng quay trở lại với một cuốn sách dày cộp trên tay, bìa nâu in đậm tiêu đề Cuộc hôn nhân lý tưởng.

“Chị tìm thấy nó trong một hiệu sách gần bảo tàng Quốc gia”, Viva hỏn hển. “Chị không thể chịu đựng nỗi cảm giác mù tịt trước một điều gì đấy, nên chị đã mua nó”.

Cả ba cô gái chụm đầu ngò trên chiếc giường chật chội, Viva ở giữa, cuốn sách mở trong lòng cô.

“Để tớ giúp cậu tìm đến trang nói về những thứ được làm từ bột biển nhé?”. Giọng Tor đầy hời hởi. Cô quơ cuốn sách từ tay Viva.

“Nó ở gần cuối - giờ qua đi. Đây, mục lục, vắn đề của cậu năm ở đâu?”. Cô lật vài trang. “Chúng ta đang ở phần này: tình yêu là một khái niệm khá trừu tượng; tình yêu là cảm xúc cá nhân; ngôn ngữ của ánh mắt; năng lực tình dục của những người phụ nữ nhỏ bé - nó có ý nghĩa quái quỷ gì thế nhỉ? Vệ sinh thân thể, làm sạch tâm hồn, ngay khi những ánh hào quang cuối cùng của ngày vụt tắt. Chắc chắn sẽ phải có đoạn nói đến những vật được làm từ bọt biển, chúng ta cứ tìm thật kỹ xem sao”.

“Đừng lo lắng”. Ánh mắt Rose dán vào tấm chăn Ba Tu với những họa tiết cực kỳ xinh xắn trên giường. “Tớ sẽ tìm thấy nó cho cậu”.

“Xem nào, Rose”, giọng Tor nghiêm nghị. “Giờ không phải là lúc để cho cậu trốn tránh nữa. Cậu định làm gì ở Poona khi chị Viva không có mặt ở đây? Chuyện này thật ngớ ngẩn”. Không để cho Rose kịp mở miệng, Tor tiếp tục. “Lần đầu tiên tớ có kinh nguyệt, không một ai nói cho tớ biết chuyện gì đang xảy ra cả, và tớ đã định ninh là mình sẽ chảy máu đến chết. Lúc ấy mẹ tớ đang ở London, tớ đã nói với bố mình, và ông ấy gần như suýt ngã t vì ngượng. Ông ấy quẳng cho tớ một nhóm giẻ rách cùng chiếc cà vạt nhà binh cũ kỹ của mình, rồi ông không bao giờ đề cập đến chuyện ấy thêm một lần nào nữa”.

Rose nhồm dậy. Cô ghét cay ghét đắng kiểu chuyện trò như thế này, vậy mà Tor vẫn không để cô yên.

“Rose, ngồ i xuống đi”. Tor lên giọng. “Chị Viva này, chúng ta nên kiếm cho mình một ly Drambuie trong khi nghiên cứu cuốn sách này”.

“Đang là buổi sáng đây, Tor”, giọng Rose dầy hờn dỗi.

“Tớ không quan tâm”, Tor tỏ vẻ sành điệu, “nhập một ngụm đi nào”.

Rose lưỡng lự nhập một ngụm Drambuie, thêm một ngụm nữa, cảm thấy phấn chấn vì thứ chất lỏng hùng hực chảy trong cổ họng.

“Cuốn sách này chẳng có tác dụng gì cả”, Tor kết luận sau một hồi lật giở.

“Viva, chị đã hứa sẽ kể cho bọn em nghe, chị là người nhiều tuổi nhất ở đây. Bắt đầu từ chuyện hôn hít và sau đây là những việc khác nhé. Ý em là, trước đây em cũng từng hôn đám đàn ông, cả Rose cũng đã từng, nhưng đàn ông khi tuyệt nhất sẽ như thế nào?”.

“Thực sự, chị không phải là chuyên gia trong lĩnh vực ấy”. Viva nhìn xa xăm ra ngoài cửa sổ.

“Viva! Chị kể đi!”, Tor nói như ra lệnh.

“Thôi được, đây là những gì chị biết về chuyện hôn hít đây nhé”, cuối cùng Viva cũng đồng ý, đầy miễn cưỡng. “Nhưng trong thâm tâm, chị chỉ có một mối tình, không phải là hàng ngàn đâu nhé. Điều đầu tiên cần phải ghi nhớ là nếu em đứng sát bên cạnh bất kỳ một người đàn ông nào, trên thực tế tất cả bọn họ đều muốn được hôn em. Nếu anh ta tiến tới, khi một người đàn ông khẽ nghiêng đầu về phía em, tốt hơn hết nên nhanh chóng bước sang hướng khác nếu không muốn xảy ra một vụ va chạm khủng khiếp khi hai chiếc mũi cọ vào nhau”. Những tràng cười sảng khoái lập tức tuôn trào. “Chưa hết, mặc dù chị không có nhiều trải nghiệm trong chuyện ấy, nhưng chị nghĩ có những nụ hôn khiến ta có cảm giác như những giai điệu, như một bản nhạc, có cả đấm say và khao khát; đôi khi những nụ hôn mang lại cho ta cảm giác mê mại, và chị nghĩ hãy để cánh đàn ông chủ động dẫn dắt, chị em

chúng ta không nên há p tá p để rô i tạo ra những nụ hôn kém phần thi vị trong khi đớ i tác của mình đang cố gắ ng để trao cho chúng ta những nụ hôn đê mê hay đại loại là những nụ hôn lãng mạn kiểu như thế ”.

“Em đã hôn Jack”, Rose rời mắ t khỏi tá m chăn trên giường, “nhưng chắ c chắ n một điề u chưa bao giờ em làm được như chị vừa nói - nghe có vẻ chúng đòi hỏi phải có kỹ thuật cao. Nhưng công bắ ng mà nói, chị quả là một cô gái may mắ n”, ngập ngừng trong thoáng chố c, cô khéo léo nói tiế p, “bởi đã có người chỉ dạy tận tình cho chị biế t phải làm những gì”.

“Chị? May mắ n?”. Viva nhìn xuô ng giường. “Có lẽ thế ...”. Cô vờ đưa ly lên miệng nhắ m nhấp khá lâu với chút rượu còn lại. “Anh á y không phải là một thầ y giáo, ít nhắ t là như vậy”. Cô gầ n như lắ p bắ p. Ký ức về người đàn ông á y khiế n cô chạnh lòng. “Kế t thúc chuyện này ở đây”. Tor đớ c chai rót thêm vào ly của mỗi người một ít rượu, vừa rót vừa nói: “Em cũng có một câu hỏi khá quan trọng dành cho chị Viva”.

“Hỏi đi”, Viva nhắ p một ngụm, “nhưng chân thành mà nói, chị không đặt nhiề u hy vọng vào những lời khuyên sáng suố t đâu nhé, chỉ đơn giản chúng là của chủ nhân cuố n sách mà thôi”.

“Ừm, em sẽ hỏi chị ngay đây, bởi vì em nghĩ có thể chị sẽ biế t”. Tor hạ giọng, trông cô khá lúng túng. “Em nghĩ mình đã gây ra chuyện cực kỳ ngu ngô c với Jitu Singh vào tớ i hôm trước”.

Rose thở há t.

“Không, không phải chuyện nghiêm trọng, không như cậu nghĩ đâu Rose”, Tor trá n an bạn. “Ôi bạn thân mê n của tôi, cậu nhìn mặt mình mà xem, mặt cậu đang trắ ng bệch ra đấ y”.

Cô kể về buổi tối hôm ấy, cô đã ve vãn ông ta như thế nào, đã rủ ông ta cùng khiêu vũ và cuối cùng Jitu đã vô lý cô như thế nào cho Viva và Rose nghe.

“Vấn đề nằm ở chỗ”, Tor kết luận, “em nghĩ mình là một con ngốc, nhưng có phải tất cả đàn ông Ấn Độ đều thô bỉ như thế cả không? Liệu bọn em có cần phải can trọng khi đi cùng họ không?”.

“Tất nhiên không phải tất cả bọn họ đều thô bỉ”, Viva trả lời, “nhưng chị nghĩ chúng ta đã đánh giá sai về họ”.

“Như thế nào?”.

Viva im lặng, thoáng trầm ngâm hiện trên khuôn mặt cô. Một lúc sau cô lên tiếng trở lại: “Ừm, những kẻ như Jitu có lẽ luôn nghĩ, với bọn họ phụ nữ da trắng sẽ dễ dàng kéo lên giường hơn so với đám đàn bà con gái bản xứ ở nước mình. Bọn họ chúng kiến chúng ta tự do đi lại với cánh đàn ông không hề có mối quan hệ nào với mình, chúng kiến cánh chúng ta tự do nhảy nhót chuyện trò ngả ngón với cánh đàn ông. Ở Ấn Độ, chỉ gái điếm và vũ nữ mới có hành động ấy. Chị không ám chỉ gì em đâu Tor, nhưng thực sự, ở đất nước của Jitu, những người Ấn Độ quan niệm đàn ông có quyền được ong bướm, hay ít ra họ khá cởi mở trong chuyện tán tỉnh theo cái cách mà không một người đàn bà nào có đủ can đảm để làm như họ, vậy tại sao chúng ta lại không nên đánh giá sai về bọn họ?”.

“Vậy thì, có phải họ phát cuồng vì chúng ta?”, Tor sốt sắng.

“Chị không biết điều đấy có thật không”, Viva trả lời. “Hồi còn ở Anh, chị đã làm việc cho một nữ nhà văn từng có nhiều năm sống ở Ấn Độ, có lần bà ấy bảo hầu hết đàn ông Ấn Độ đều không thấy phụ nữ châu Âu có điều gì hấp dẫn bọn họ cả. Trong con mắt của họ, chúng ta chỉ là một cục bột nhào chưa được hấp chín. Nhưng dầu sao thì bọn họ cũng là đàn ông, và bởi chúng ta là

đàn bà, và một người đàn bà da trắng luôn là của hiế m, là một sự tò mò hiế u kỳ, đôi khi là biểu tượng của thân phận, địa vị xã hội”.

“Nhưng có phải bọn họ luôn có thừa bậ u nhiệt huyế t trong người hay không?”, Tor thực sự muố n biế t.

“Có lẽ thế”, Viva trả lời. Khuôn mặt cô chợt ửng đỏ khi nói, “chị không chắ c”.

Không hẹn mà gặp, ba cô gái cùng thở hắ t, như thể vừa cùng hít phải luồ ng khí độc từ đâu đó vắ t ngang căn buồ ng chật chội. Cả ba nhìn nhau rô i phá lên cười, vẻ thẹn thùng bẽn lễn hiện rõ trên từng khuôn mặt.

“Kế t luận thế này, chúng ta phải thật cảnh giác”. Tor nói.

“Đúng thế”.

“Nghe thật là ly kỳ”.

“Thôi nào các cô gái, làm ơn đi”, Rose lên tiế ng, “tớ nghĩ chúng ta nên đứng dậy và kiế m chút gì bỏ bụng đi, đã đế n giờ ăn trưa rô i”. Cô thực sự muố n chắ m dứt chuyện này ở đây. Căn buồ ng khá nóng nực, Rose có cảm giác ngắ t ngắ y như thể cô sắ p ô m đế n nơi.

“Phải uồ ng thêm một ly để chúc mừng đã, tớ không biế t là chúc mừng cái gì, nhưng có lẽ chúng ta sẽ cụng ly vì những tia nắng mặt trời ở ngoài kia”. Nụ cười trên khuôn mặt Tor nom rõ ngớ ngẩn.

“Cậu rõ là một con ngô c”. Rose câ u nhẹ vào tay bạn, nhủ thầ m, rô i tớ sẽ nhớ cậu đế n nhườn nào, Tor ạ.

Khi cả ba đã đứng bên ngoài cánh cửa buồ ng tàu, Rose nói, “Viva, chị sẽ đế n dự đám cưới của em ở Bombay chứ?”.

Viva mỉm cười, gật đầu.

Chương 19

Poona

Suốt sáu năm trời kể từ ngày khoác lên mình bộ quân phục của một sĩ quan kỵ binh, Jack đã trải qua khá nhiều sự kiện kinh hoàng trong cuộc sống. Chỉ bốn tháng sau lớp huấn luyện cơ bản diễn ra ở Poona kết thúc, anh được điều đến nhận nhiệm vụ tại một đơn vị quân sự đóng trên khu vực đồi núi hẻo lánh, giáp với Peshawar, biên giới Tây Bắc, điểm nóng tiềm ẩn nhiều mối đe dọa nguy hiểm nhất trên thế giới. Sau những đêm dán mình trên lưng ngựa tuôn tra dọc đường biên giới hiu quạnh, tâm thế luôn ở trạng thái sẵn sàng đón nhận cái chết từ những bóng đen ẩn nấp đâu đó trên tàng cây, trong bụi rậm, sẵn sàng nhắm đạn vào bạn, thì cả tinh thần lẫn thể xác của bạn lúc nào cũng căng như sợi dây đàn.

Án Độ trở thành nỗi ám ảnh, nỗi khiếp đảm kinh hoàng đối với Jack. Có lần, anh chứng kiến một đám đông ở Bombay giận dữ lôi một người tài xế ra khỏi chiếc xe ô tô của anh ta, đổ đầy một can xăng lên cơ thể người đàn ông xấu số và châm lửa thiêu sống giữa thanh thiên bạch nhật. Tất cả chỉ vì người tài xế đã quẹt nhẹ vào một đứa trẻ khiến nó ngã sấp xuống đường trong lúc ông ta lái xe.

Nhưng còn một nỗi sợ hãi mơ hồ mới hình thành trong anh, ăn sâu vào tâm tiềm thức của Jack như thể một tấm màn tắm tội. Ý nghĩ chỉ còn vài chục tiếng đồng hồ nữa sẽ chạm mặt Rose, rằng chỉ mười ngày nữa anh sẽ kết hôn khiến Jack thực sự hoảng loạn. Anh không biết gì về em cả. Sáng nay Jack thần thờ tỉnh dậy trên chiếc giường quen thuộc, đầu óc rối rời bởi giữa những ý nghĩ đang mỗi lúc một lớn dần trong anh. Mấy tháng qua anh đã cố gắng làm quen với hình ảnh cô trong tâm trí mình - người con gái với vẻ

ngoài thẹn thùng e ấp như một nữ sinh trung học ấy, cả nụ hôn say đắm vội vã trao nhau trong phòng đọc của câu lạc bộ Savila, một điểm dã ngoại trong ngôi nhà của bố mẹ cô ấy - nhưng rồi cô gái ấy đã đột ngột rời khỏi anh, chỉ còn mùi hương thoang thoảng mơ hồ của cô vương vãi ở lại bên anh, như dấu vết của giấc mơ đêm qua còn quanh quẩn đâu đây. Để rồi khi tỉnh giấc, chỉ còn lại sự thật trớ trêu như những trò đùa của con tạo, như một cơn ác mộng triền miên không có hồi kết thúc.

Các quý bà quý cô ở câu lạc bộ đều nói với Jack, rằng hẳn anh phải cảm thấy kích động và hồi hộp đến thế nào, hẳn anh phải cảm thấy mình là một kẻ dốt trá đố trên trời. Mới hôm qua đây thôi, người của tờ Thư tín tiên phong còn gọi cho anh để xác nhận tên thật từ thời thiếu nữ của cô gái ấy - Wetherby? Phải Wetherby? - và rằng liệu có phải cô ấy thực sự đến từ nước Anh? Jack đã phải chật vật che giấu sự ngỡ ngàng trong giọng nói khi anh cung cấp cho họ những sự thật về thân nhân của Rose. Lọ cúc vạn thọ được người hầu đặt bên bức chân dung của Rose trong phòng ngủ càng khiến tâm trạng Jack thêm trĩu nặng, cảm giác xa u xa và dốt trá lại ùa về trong anh mỗi khi nhìn vào bức ảnh ấy.

Những ý nghĩ giằng xé trong lòng khiến anh có cảm giác như mình đang mỗi ngày một lún sâu vào cơn mê, và lần đầu tiên sau nhiều năm, Jack khao khát được ở bên cạnh cha mình hơn bao giờ hết. Anh muốn được một lần nữa cùng cha rong ruổi trên lưng ngựa như những ngày xa xưa bình yên ấy, anh thêm được nghe giọng nói cục mịch chân chất của cha, những lời chân thành của ông khi nói về tâm trạng lo âu khác khoải của những chàng trai trong những ngày trước lễ kết hôn... Giờ đây tất cả đã ở lại sau lưng Jack, anh chợt nhận ra một điều: những người đàn ông trưởng thành đều có cảm giác bố ỉu rồi xáo trộn trong quãng thời gian trước lễ kết hôn

của mình, và họ thực sự không bao giờ có cảm giác yên ổn trong thời điểm ấy.

Jack nhìn đồng hồ, còn hai mươi hai tiếng nữa con tàu sẽ cập cảng. Nỗi hoảng loạn đang lan dần khắp cơ thể anh, nó di chuyển từ những cơ bắp rã rời trên cổ, trên hai vai lan dần xuống dạ dày đang sùng sục sôi réo. Sáu giờ tối nay, anh sẽ phải chạy xe đến nhà của Ci Ci Mallinson ở Bombay để thưởng thức vài “món đồ uống”, theo như lời bà ta nói, trước khi Rose đến nơi.

Còn hai mươi mốt tiếng đồng hồ để ra đi. Để tĩnh tâm, Jack bước ra khỏi nhà thờ thần xuống khu chuồng ngựa. Anh tiến vào gần nơi chú ngựa yêu thích của mình đang thung thủng đứng nghỉ. Chú ngựa có tên Bula Bula, tiếng Urdu có nghĩa là chim sơn ca. “Yên nào, anh bạn”. Jack nhìn thấy một vết xước trong khoang miệng của chú ngựa khiến hơi thở của nó trở nên khác thường. “Ồi B.B của ta. Cậu bé ngoan cường của ta”.

Jack đưa tay vuốt dọc bộ bờm mượt mà của Bula, nhẹ nhàng xoa lên từng sợi lông dài mượt bằng mười đầu ngón tay của anh, cảm nhận được niềm hạnh phúc của Bula khi nó không ngót dụi đầu vào ngực anh, đầy âu ým.

“Chào ngài”, người giữ ngựa đột ngột lộ đầu ra từ dưới bụng Bula, ngoác miệng cười chào Jack rồi quay trở lại với nhiệm vụ chăm sóc ngựa của anh ta: năm phút để chải bờm và vệ sinh lưng cho mỗi chú ngựa, mười phút cho bụng và thêm năm phút nữa dành cho đầu. Cùng với sợi dây cương sáng bóng, miếng vải lót yên với hai màu vàng và xanh da trời làm chủ đạo, tra đầu vào những chiếc móng sắt gắn chặt dưới chân của Bula, lau rửa bụi bặm bám trên khuôn mặt, siết chặt chiếc cổ mượt mà sáng bóng của chú thêm một lần nữa. Jack cảm thấy thư thái đôi chút. Có tiếng vó ngựa lộc cộc từ ngoài vọng vào, Maxo và Tiny đang ghim cương bên ngoài bãi cọc rào

và cất tiếng gọi Jack. Từ trong chuồng ngựa, anh đưa mắt nhìn ra phía hai chàng trai đang đứng, ánh nắng chói chang hắt từ ngoài vào khiến Frank phải nheo mắt. Những chàng trai khỏe mạnh đang đứng đây chờ anh, những người đồng đội thân thiết nhất của Jack.

Năm phút sau, cả ba đã rạp mình trên lưng ngựa vùn vụt lao đi trong bụi đỏ mịn mù, miệng hét vang đầy phấn khích nhắm thẳng đến sân bóng polo. Tại đây họ sẽ tham gia trò chơi polo trên lưng ngựa tập thể, sau đây sẽ cuốn nhau nhắm hướng con đường ngoằn ngoèo bụi tung mù mịn phóng thẳng đến trường đua, khéo léo điểu khiển chú ngựa của mình nhảy qua những rào chắn đặt chỉ chít trên một khoảng sân rộng lớn. Quấn áo bám đầy bụi đỏ, những tấm lưng ướt đẫm mồ hôi.

Cũng chính nơi đây, giữa trường đua mênh mông này, anh tìm thấy chính mình, cuồng nhiệt hét gào, la hét đầy phấn khích, cảm thấy thoải mái và dễ chịu bởi Jack biết không một ai được chứng kiến những phản ứng của anh lúc này. Những cảm xúc trong anh dữ dội tuôn trào, cứ như thể hôm nay là ngày cuối cùng của cuộc đời anh.

Ba tiếng sau, Jack đã có mặt trong văn phòng của đại tá Atkinson. Mày râu nhẵn nhụi, đồng phục tinh tươm, tâm trạng thư thái.

Chỉ huy trưởng của Jack, một con người vui vẻ, khá dễ chịu với bộ mặt lúc nào cũng hồng hào tràn đầy nhiệt huyết. Ông có thể nói thành thạo tiếng Urdu, luôn say đắm với những bộ môn nghệ thuật sân khấu nghiệp dư. Jack yêu quý và ngưỡng mộ bản lĩnh của người chỉ huy mỗi khi ông đưa ra những quyết định điểu hành cứng rắn và cương quyết trước đoàn quân. Nhưng hôm nay thì khác, khuôn mặt hồng hào của Atkinson chầy dài, buồn rười rượi mãi miết mãi

mê chiế'c chặn giấ'y hình móng ngựa trên tay, đầ'y lo âu. Rấ't nhanh, Jack đã hiểu lý do vì sao.

“Tô' i qua tô' i vừa nhận được một tin cực xấ'u đê'n từ Bannu”, Atkinson nói. “Ba chiế'n sĩ của chúng ta trong lúc thực hiện nhiệm vụ ở đầ'y đã rơi vào ổ phục kích, cuô' i cùng tấ't cả đê'u biế'n mấ't. Tô' i sẽ ban hành một thông báo vào sáng hôm nay. Chỉ huy trưởng Reynolds ở Bannu đã quả quyế't chấ'c chấ'n sẽ có những cuộc nổi dậy ở đầ'y trong nay mai”.

“Tô' i rấ't lầ'y làm tiế'c về' tình hình tô' i tậ' y, thưa chỉ huy”.

“Tấ't cả chúng ta đê'u lầ'y làm tiế'c, nhưng vấ'n đê' nằ'm ở chỗ, chuyện này hoàn toàn chưa có hồ' i kế't và tô' i buộc phải điề'u động thêm một số' lực lượng ở đây chỉ viện cho Bunna. Tô' i chỉ định cậu làm chỉ huy nhóm của mình đê'n đầ'y. Thời gian không có nhiề'u nữa”.

“Khi nào thì chúng tô' i sẽ lên đường, thưa chỉ huy?”.

“Vài tuầ'n nữa, cũng có thể sớm hơn. Tô' i xin lỗi vì có thể sẽ làm gián đoạn lễ kế't hôn của cậu, nhưng tô' i không còn lựa chọn nào khác”.

Ngài đại tá có vẻ đang nổi giận nhiề'u hơn là ăn năn hồ' i hận vì đã phá ngang kế' hoạch đám cưới của Jack. Ở đây tấ't cả binh sĩ đê'u biế't, không bao giờ ông tán thành thuộc câ'p của mình kế't hôn dưới tuổi ba mươi.

“Không phải lỗi của ngài, thưa chỉ huy. Đây là vấ'n đê' thuộc về' danh dự”. Và như thường lệ, cảm giác phấ'n khích lại ùa về' trong Jack.

“Liệu vợ cậu có đờ'ng ý không?”.

Cảm giác khô khô'c trong miệng lại trào lên, nhịp đập của trái tim đột nhiên bấ'n loạn.

“Tôi chấ'c là cô â'y sẽ đờ'ng ý, thưa ngài”.

“Vậy thì, Chandler này?”.

“Vâng, thưa ngài?”.

“Chúc cậu may mắ'n”.

“Cảm ơn ngài”.

Chương 20

Bombay, 6284 dặm từ London, múi giờ chênh lệch: sớm hơn năm tiếng rưỡi

ngày 31 tháng mười năm 1928

Khi Nigel đến trước cửa buồng, hành lý của Tor và Rose đã được đóng gói gọn gàng, đặt ngay ngắn trước ngưỡng cửa.

“Thông điệp đến từ thuyền trưởng”, Nigel cà lăm cà giựt. “Dịch vụ cuối cùng được phục vụ trên chuyến tàu sẽ diễn ra vào lúc bốn giờ ba mươi phút tại đại sảnh. Còn bây giờ là thông điệp của tôi, tôi có một chai sâm banh để dành thưởng thức cùng các quý cô tại buồng của mình vào lúc một giờ”.

“Ôi, Nigel”. Tor vòng tay ôm chầm lấy Nigel. “Bạn có chắc mình sẽ sống sót mà không có bạn tớ bên cạnh không?”.

Nigel ôm lấy Tor, khuôn mặt ửng đỏ thẹn thùng.

“Kh...ô...ng chắc lắm”, lại lắ p bắ p, lần này có phần run rẩy. “Tớ sẽ viết thư và nói cho cậu biết sau”.

Tor biết, chỉ ngày mai thôi, Nigel sẽ đón tàu ngược lên Cherrapunji. Ấy là mảnh đất ẩm ướt nhất trên thế giới, Nigel từng có lần nói với cô như vậy về khu vực đồi núi heo lánh xa xôi nơi anh làm việc. Nigel còn thản nhiên như không hề có chuyện gì nghiêm trọng xảy ra khi kể cho các cô gái nghe với giọng điệu khá hài hước câu chuyện về ba người đồng nghiệp của mình đã nổi cơn điên rủ nhau tự vẫn sau những ngày dài sống trong cảnh hiu quạnh tẻ nhạt, hoàn toàn tách biệt với thế giới bên ngoài.

“Nhưng ít nhất tớ sẽ không còn bị tra tấn bởi giọng ca kinh hoàng của các cậu nữa”.

Ấy là Nigel đang nói đến giọng hát của Tor và Rose mỗi khi các cô cùng gân cổ gào lên bản dân ca tôn giáo của những người nô lệ da đen ở Mỹ có tên “Ôi nổi đau”. Cứ mỗi lần Nigel có ý định kể một câu chuyện tội tệ nào đấy liên quan đến Ấn Độ là cả Tor và Rose lại đồng thanh gào toáng lên bản dân ca ấy.

“Tớ lượn đây, còn phải thu dọn hành lý nữa”, Nigel nói, “nhớ đừng bỏ lỡ chai sâm banh lúc một giờ đấy nhé, gọi cả chị Viva đến nữa”.

“Tớ sẽ báo với chị ấy nhưng tớ nghĩ chắc hẳn tôi qua Viva không hề chộp mắt được chút nào đâu. Thằng nhóc Glover đang rất kích động bởi sắp được gặp lại bố mẹ nó”.

“Thật tội nghiệp cho nó”, khuôn mặt của Nigel dịu xuống, đầy nghiêm trọng, “cả chị Viva nữa, cuộc sống ở Ấn Độ rồi sẽ không dễ dàng với chị ấy đâu”.

“Ôi, chị ấy sẽ ổn thôi, chị ấy đã trưởng thành, lại sắp trở thành một nhà văn nữa, cậu biết đấy”, Tor bộc tuếch. “Vả lại chị ấy sẽ nhận được một số đồ đạc của bố mẹ để lại - hẳn bọn họ để lại cho cô con gái của mình một món kha khá”.

“Có thể chị ấy sẽ sống không dễ dàng đâu. Tốt thôi, ý của tớ là. Chị ấy là một người khá lập dị, chị ấy quá tự do”.

“Nigel! Tớ hy vọng cả cậu cũng không phải lòng chị ấy đấy nhé”.

“Ôi, im cái miệng của cậu đi Tor”. Nigel đột nhiên găt gỏng. “Cậu có thể lo lắng cho những người mà cậu hoàn toàn không có tình ý gì với họ kia mà”.

“Nhưng Viva là người chỉ dẫn cho bọn tớ mọi kiến thức về Ấn Độ. Chị ấy được sinh ra ở đây. Viva bảo với tớ chị ấy luôn có cảm giác quen thuộc như ở nhà khi ở Ấn Độ hơn là ở London”.

Khi rời khỏi Ấn Độ, Viva vẫn chỉ là một đứa trẻ”, Nigel nói. “Ấn Độ giờ đã khác. Kinh khủng hơn nhiều so với những ngày chị ấy ra đi. Dân bản xứ không hề có thiện cảm với những người như chúng ta, và tớ cũng không trách cứ gì họ cả”.

Nhưng Tor đã nhanh chóng đưa tay bịt kín hai tai của mình, miệng hát vang “ôi nổi đau, ơi cơn đau...” cho đến khi Nigel im bặt và rên ư ử hệt như một chú chó con, ra vẻ những gì mình vừa nói chỉ là những chuyện hài hước tầm phào.

Cuối cùng Viva cũng xuất hiện, trông cô nhợt nhạt và bẽn lẽn hơn bao giờ hết. Cô, Tor, Rose, Frank, Jane Ormsby Booth và Marion cùng một vài người bạn mới quen nữa chen chân tụ tập trong căn buồng của Nigel.

“Ôi, tuyệt vời”. Tor khép hờ mắt nâng ly sâm banh lên ngang mũi hít hà. “Đúng là một ý tưởng không thể chê vào đâu được”. Cô đang cố gắng vui vẻ và thoải mái trước Frank sau cuộc trò chuyện đầy bối rối và ngượng ngịu giữa hai người tối hôm qua.

“Đừng có ực quá nhanh đây, bạn thân mến của tôi”. Nigel đặt chai xuống bàn và nhặt một cuốn sách lên. “Tôi sẽ đọc tặng tất cả các bạn một bài thơ ngắn. Làm ơn yên lặng nào, hồi những kẻ phạm phu tục tử đây bất hạnh”, Nigel khiếm đảm các cô gái đang xì xầm lập tức im bặt, “các bạn chỉ cần giữ yên lặng trong hai phút thôi, rồi các bạn sẽ không hối tiếc vì đã lắng nghe. Bài thơ có tựa đề là “Ithaka”, nhưng có lẽ nó nên được gọi là “India”.

Nigel ngò i xuống bên cạnh Viva, bắt đầu ngâm nga từng câu:

Hành hương đế n Ithaka
Đường dài với bao hy vọng
Chờ mong khám phá phiêu lưu
Những Laistrygonians hung dữ
Cyclops độc nhãn khổng lồ`
Thầ n biển Poseidon cuồ ng nộ
Không câ n lo sợ mảy may:
Một lâ n trải nghiệm trong đời
Chẳg bao giờ bạn tìm thấ y chúng
Tinh thầ n hãy cứ giương cao
Với bao phiêu lưu chờ đón.
Những Laistrygonians hung dữ
Cyclops độc nhãn khổng lồ`
Thầ n biển Poseidon cuồ ng nộ
Không còn hiện hữu trên đời
Khi bạn không mang theo họ
Dọc đường thiên lý xa xôi.

“Xin lỗi”, Jane Ormsby Booth ngắt t lời Nigel, “tôi không hiểu
lắ m về thi ca. Bài thơ ấy nói lên điề u gì?”.

Viva và Frank đồ ng thanh ra hiệu cho cô im lặng. Nigel tiế p tục:

Đường dài với bao hy vọng.
Một sớm mùa hè thanh cao
Niềm vui dâng tràn sự sống
Bàn chân bạn đến nơi này
Bên cảng lãn đầu gặp mặt
Với bao tưởng tượng trong đầu.
Dừng chân ở phố Phoenician
Đôi trao mua bán vải thú
Ngọc trai, san hô, hồ phách
Nước hoa đủ loại hương thơm
Hay qua phố cổ Ai Cập
Thỉnh giáo những điều cao xa
Từ bao học giả ẩn dật...

“Lúc tàu cập bến ở Ai Cập cậu có lên bờ không?”, Jane thì thầm hỏi Tor. “Những cửa hiệu ở đây... Ôi! Xin lỗi!”.

“Tiếp tục đi chứ, Nigel”. Tor đưa tay che kín miệng Jane. Im lặng. Chỉ còn tiếng sóng biển rì rào vọng vào.

Nigel tiếp tục với bài thơ đang đọc dở. Thật kỳ lạ là những lúc đây ắp cảm xúc ngâm nga thơ ca, Nigel không bao giờ cà lăm cà giựt.

Gạt Ithaka ra khỏi tâm trí

Bạn định đến đây trong đời
Vậy thì xin đừng vội vã
Hãy chờ đến cuối cuộc đời
Khi bạn tìm về bến cảng
Bạn đã già dặn hơn xưa
Cùng bao điều trong hành lý
Bạn đã góp nhặt trên đường
Xin đừng mong đợi Ithaka
Sẽ mang giàu sang phú quý
Nơi ấy Ithaka đảo nhỏ
Chỉ cho bạn những phiêu lưu
Trong hành trình đầy kỳ diệu.
Oi Ithaka xinh đẹp
Thieu cô bạn sẽ không còn
Lên đường phiêu lưu tìm kiếm
Giờ đây bên bạn, Ithaka
Không còn điều gì dâng tặng
Nếu bạn nhận thấy Ithaka
Nghèo nàn và đầy thất vọng

Không phải Ithaka dờ i lờ
Chỉ khi bạn đã y kinh nghiệm
Sáng suố t theo những tháng năm
Bấ y giờ bạn sẽ chợt hiểu
Những điề u từng có ở Ithaka.

Không khí im lặng bao trùm lên căn buồ ng chật chội sau khi Nigel kờ t thúc bài thơ. Chậm rãi, Nigel bật nắ p chai sâm banh và rót đã y vào ly mỗi người. “Vì những hành trình kỳ diệu”, Nigel nâng ly. “Và cho những điề u ở Ithaka của chúng ta”, Tor nhìn thấ y ánh nước loang loáng trong đáy mắ t Nigel.

“Hoan hô, Nigel”, Viva đứng dậy, cô đặt một tay lên vai Nigel. “Ai là tác giả của bài thơ ấy?”.

“Cavafy”. Nigel nhìn vào mắ t cô. “Tôi biế t chị thích nó”.

“Tôi rấ t thích”, Viva trả lời, họ nhìn sâu vào mắ t nhau.

“Đây tới những bển cảng của người Phoenician và tới cả Bombay nữa”. Frank nắ m tay Tor đặt lên người anh khiế n cô khúc khích cười.

“Dành cho những cuộc hành trình nhuồ m đã y màu sắ c thầ n thoại”, Viva cao giọng.

“Và dành cho tâ t cả chúng ta, những người đã biế n nó thành một cuộc hành trình đã y thú vị”, Tor hào hứng, tâ t cả đờ u cười vang, chỉ trừ một người, là Rose trầ m ngậm nhìn ra phía ngoài xa, nơi ấy chỉ có đại dương bao la chạy dài đờ n cuồ i chân trời.

Chương 21

Bombay

Viva mất ngủ một buổi sáng để phân loại đồ ng áo quần ôi chua dậy mùi của Guy mà thắ ng nhóc đã dứt khoát không chịu gửi đi giặt giũ từ nhiê`u ngày qua, vừa làm cô vừa dán ánh mắ t thận trọng vào nó. Đắ y cũng là một cách để cô cảm thắ y mình bận rộn trong những thời khắ c như thế` này, khi mà chỉ còn dăm ba tiế ng đồ`ng hồ` nữa là con tàu sẽ cập bắ n. Sáng sớm hôm nay, trong khi đứng trên boong tàu nhìn ngắ m Bombay mờ mờ ẩn hiện phía đường chân trời, nỗi nhớ Josie lại trào lên trong cô. Cũng vào một ngày đẹp trời, ánh nắ ng chan chứa như ngày hôm nay, cô đã nắ m tay Josie và bắ cô, hãy còn trẻ, khá lực lưỡng và điển trai đã bước ra khỏi đám đông để đón hai chị Viva; mẹ cô, vẻ mặt rạng ngời hạnh phúc, cười nói huyền thuyên để che giắ u những bấn lեն thẹn thùng trong bà, những hình ảnh quen thuộc khi cả gia đình Viva được đoàn tụ lại ùa về` trong cô, đắ y ắ p kỷ niệm.

Dán mắ t vào quầ ng sáng lung linh cuối đường chân trời, cảm giác buồ n nôn và những cơn đau lại ùa về` trong cô, như thể một người đang cố` gắ ng đứng dậy trên chiế c chân gãy chưa kịp lành của mình. Tá t cả đã ra đi, mọi người đã ra đi. Mười bắ n năm qua cô đã quen với cảm giác mắ t mát á y, nhưng đắ n sáng hôm nay, những về` t thương lòng lại ùa về`, rỉ máu.

“Thưa cô Holloway?”, trợ lý của người phụ trách tài vụ trên con tàu xuấ t hiện bên cạnh Viva, trao cho cô một xắ p giắ y biên nhận ghi nợ về` những dịch vụ mà cô và Guy đã sử dụng ở quầ y bar yêu câ`u ký tên vào đắ y. Dạ dày cô lại co thắ t, quặn đau. Hai người đã tiêu hắ t ba mươi bảng trong khi bắ mẹ của thắ ng bé chỉ gửi cho cô

hai mươi lăm bảng dùng để chu cấp trang trải cho chuyến đi của Guy. Chỉ chưa đầy một tiếng đồng hồ nữa thôi, cô sẽ gặp họ.

Trong tưởng tượng của cô, bố của Guy là một người đàn ông cao lớn, lực lưỡng, cứ nhìn thẳng ng bé là biết, nhưng chắc hẳn ông ta phải có nhiều răng nanh hơn nó. Tôi xin lỗi, Viva tưởng tượng những điều ông ta sẽ nói với cô khi gặp mặt, nhưng hãy để tôi được thẳng thắn. Cô cho phép một đứa trẻ mới mười sáu tuổi uống rượu, và rồi cô lên bờ du ngoạn, vứt nó lại một mình khi con tàu cập cảng Port Said?

Thực ra, cô vẫn còn một trăm bốn mươi bảng để dành còn lại trên thế giới này, được cô đánh điện để gửi tại nhà băng Grindlays ở Bombay, một phần của khoản tiền được dùng trong những lúc khẩn cấp, dành cho chuyện ăn ở, phần còn lại sẽ được Viva sử dụng làm chi phí cho chuyến đi đến Simla nhận lại những chiếc rương đồ đạc do bố mẹ cô để lại. Nếu không tìm được việc làm ngay khi đặt chân đến Bombay, Viva đã tính toán rất kỹ, cô chỉ đủ tiền để sống trong một tháng.

Lúc này cô có thể cảm nhận rất rõ dư vị của Ấn Độ từ trên con tàu - mùi gia vị, mùi phân gia súc, bụi bặm, mùi thối rửa, rất khó xác định nguồn gốc và không dễ quên lãng. Tiếng kèn trum-pet, tiếng trống rộn rã hòa cùng hàng trăm hàng ngàn tiếng rao bán đậu phộng và đậu xanh của những người bán dạo từ trên bến cảng vọng xuống con tàu.

Viva nhìn đồng hồ, cô vịn núm chỉnh từ một giờ lên mười một giờ ba mươi lăm phút. Giờ này nếu còn ở Earl's Court, cô đang ngồi trong căn phòng chật chội dưới tầng hầm của mình, nhìn ngấm những bước chân đang hối hả qua lại trên phố, bì bõm giữa màn mưa trắng xóa tủa về bên xe buýt và bên tàu điện ngầm.

Ở Bombay, trong mùa đông đến sớm, cô có cảm giác từng tế bào da mỏng manh trên cơ thể mình đang nở tung như những cánh hoa chờ đón ánh mặt trời mỗi buổi sáng mai.

“Viva! Viva!”, Tor quỳnh quáng chạy về phía cô, vừa chạy vừa gọi văng lên, vẻ mặt đầy kích động.

“Rose ổn chứ?”. Viva vội vã hỏi.

“Không, tất nhiên là không ổn, Rose đột nhiên cảm thấy bồn chồn trước khi xuống tàu. Cô ấy đã quyết định không gặp Jack trên cầu cảng vì sợ nhiều người sẽ chú ý đến bọn họ. Nigel xuống trước để tìm kiếm anh ấy, sau khi tìm thấy sẽ dẫn Jack lên buồng của bọn em để gặp Rose”.

“Anh ta sẽ mặc gì? Quân phục hay quần áo ngày thường?”.

“Không biết, cả Rose cũng thế. Đây không phải là điều một người chuẩn bị kết hôn cần phải biết sao?”. Đôi mắt Tor tròn xoe, tinh nghịch.

“Chúa ơi, kinh khủng quá!”.

“Ôi, Viva”. Tor chộp lấy tay cô, siết chặt. “Chị phải hứa không được bỏ rơi em sau khi chúng ta đến nơi đây nhé. Chị phải dẫn em đi chơi lòng vòng, em sẽ dẫn chị đến với các buổi tiệc”.

Viva mỉm cười, im lặng. Làm thế nào để cô có thể giải thích cho một người như Tor hiểu về những khó khăn tài chính mà cô đang vấp phải. Khoản chi phí hàng tháng của cô, dẫu nhỏ bé nhưng không thể không lo lắng, nó quan trọng và hoàn toàn tự nhiên như dòng máu đang chảy trong huyết quản của Viva.

“Tôi nay chúng ta sẽ có một buổi tiệc nho nhỏ uống mừng tại một nhà hàng có tên là Taj, chị biết chứ?”.

“Biết”.

“Chị sẽ không bỏ trốn ngay khi con tàu cập cảng đây chứ?”.

“Chắc chắn chị sẽ không”. Viva cảm thấy nghẹt thở, một chút ngưng ngừng trong vòng tay ôm chặt của Tor. Chưa bao giờ cô diễn tốt trong những khoảnh khắc như thế này cả. “Có lẽ chị phải xuống dưới đánh thức Guy dậy”, Viva đưa mắt nhìn vào đồng hồ đeo tay, nói với Tor.

“Cậu ta không sao chứ?”.

“Vẫn chưa ổn lắm. Chị sẽ hạnh phúc biết mấy nếu ngày hôm nay kết thúc”, cô nói.

Nó bước đến bên cánh cửa, ngoác miệng ngáp một hơi thật dài, ánh mắt hờ hững, thờ ơ và lãnh đạm, rõ ràng không giống như thái độ cô từng biết về nó. Vẫn quấn trên người bộ quần áo ngủ của đàn ông, với chiếc cạp râu ria lởm chởm.

“Làm ơn đi Guy”, Viva năn nỉ, “gần mười hai giờ mười lăm rồi. Cậu đi rửa mặt, chải tóc tai cho gọn gàng đi”. Sự kiên nhẫn gần như biến mất. “Cậu đã mười sáu tuổi rồi đây, Vì Chúa”. Cô muốn nói với Guy, “không phải lên sáu”.

“Tôi vẫn chưa thể”, nó nói. “Có ai đang ở trong phòng tắm, cái người vẫn xuất hiện trong chiếc máy vô tuyến của tôi ấy”.

Tôi hôm trước - trong lúc đang gói ghém hành lý, cô và nó vừa thu xếp vừa trò chuyện với nhau, khi mà Viva bắt đầu có cảm giác câu chuyện chuẩn bị diễn ra bình thường một cách hoàn hảo - đột nhiên nó lặc đàu, rùng mình rên rỉ từng chập không ngắt, hết như một hồn ma bóng quế dưới địa phủ, khiến tóc tai Viva dựng ngược, khiếp đảm.

“Sao tôi lại làm những chuyện như thế?” Nó nhìn cô bằng ánh mắt giận dữ.

“Bình tĩnh đi, Guy. Nếu cậu có điều gì lo lắng, hãy kể với tôi”, Viva khản khoản. “Tôi không muốn lại có chuyện xô xát âm ỉ xảy ra”.

Sau vài phút trầm tĩnh, nó nói với cô bằng giọng điệu khá từ tốn, “Ngày mai khi bố mẹ tôi đến đón, cô có gặp họ cùng tôi không? Có thể bọn họ sẽ hỏi rất nhiều, toàn những câu hỏi nhảm chán”.

Nó nốc cạn thứ chất lỏng trong chiếc ly đang cầm trên tay.

“Tôi sẽ ở lại với cậu, Guy”, cô nói. “Nhưng hãy cho bố mẹ cậu thời gian, cậu sẽ sớm tìm lại cảm giác thân quen như ngày nào”.

“Họ đã hoàn toàn trở nên xa lạ”, nó dằn từng tiếng. “Nhưng cảm ơn cô vì lời khuyên”.

“Tôi biết mình đúng”, cô gạt nó. Viva và Frank đã thông nhát với nhau phải giữ cho Guy luôn ở trạng thái cân bằng, và tối hôm qua, Frank đã cho nó uống hai viên thuốc an thần màu hồng nhạt.

Lúc này, con tàu đã cập bến. Viva nghe thấy một cú va chạm khá mạnh cuối cùng, thêm một cú rùng mình của con tàu báo hiệu Kaiser đã cập bến an toàn. Những âm thanh náo nhiệt trên bến cảng mỗi lúc một lớn dần.

“Ra ngoài, ra ngoài tìm kiếm những kẻ phá hoại”. Giọng Guy đầy kích động. “Tất cả cái đái phát thanh chế t tiết trong đầu giùm đi”.

Chương 22

Cuối cùng Rose cũng quyết định bước lên boong tàu. Một tay cô nắm chặt tay Tor, những ngón tay còn lại bám chặt vào cánh tay bên kia của cô bạn.

“Anh ấy ở đâu? Cậu đã nhìn thấy anh ấy chưa?”, Rose hỏi Tor, lúc này đang khe khẽ lắc mái đầu.

“Vẫn chưa. Nhưng tớ nhìn thấy chị Viva”.

Hai cô gái nhìn xuống những mặt người mò mò phía dưới, nhìn theo bóng Viva ẩn hiện giữa đám đông. Vài giây sau, Tor bóp chặt tay Rose. “Ôi lạy Chúa!”. Cô gào như hét lên. “Nhìn kia!”.

Nigel đang đứng bên cạnh một chàng trai cao lớn, tóc vàng, lịch lãm trong bộ vest may bằng vải kaki, trên tay là một bó hoa loa kèn Canna màu hồng nhạt. Khi nhìn thấy bóng Rose và Tor trên boong tàu, Nigel đưa tay vẫy chào hai cô gái, một cái vẫy tay hào hứng. Cả hai đều hiểu, họ có thể tin tưởng vào bản tính thận trọng của Nigel.

Bàn tay Rose siết chặt cổ tay Tor.

“Tớ sẽ quay lại buồng”, cô đột ngột nói với Tor. “Tớ không muốn để mọi người nhìn thấy. Cậu có thể chờ ở đây và đưa anh ấy xuống dưới gặp tớ chứ?”.

“Tất nhiên, bạn thân mến”. Tor nói. “Anh ấy rất đẹp trai đấy Rose”. Mặc dù cô chỉ nhìn thấy vẻ lạnh lùng trên khuôn mặt anh ta, với điệu bộ khá nghiêm nghị và cứng rắn.

“Ừ”, giọng Rose nhút nhát.

“Khi gặp anh ấy, Rose, cậu đừng có quên mỉm cười đấy”, Tor nói. “Mỉm cười và thật thoải mái. Ôi Chúa ơi, tớ lại giống hệt mẹ mình rồi”.

Rose không trả lời. Cô đưa mắt nhìn xuống dưới cầu thang một lát nữa.

“Cậu sẽ sớm gặp anh ấy thôi, Rose”.

“Ừ”, Rose thì thầm, “tớ biết”.

Cô nhìn xuống một lát nữa rồi nhanh chóng chạy về phía buồng tàu, Rose bôn chồm có gắng ngó ở tư thế thật thoải mái trên chiếc ghế đan từ sợi liễu gai đặt giữa hai chiếc giường. Những bước chân nhịp nhàng nện lên sàn tàu ngay trên đầu cô, tiếng đé dày lớp cộp băt đầu vọng từ ngoài hành lang vào. Rose gằn như nín thở chờ đợi, tim cô đập rộn rã. Khi tiếng gõ cửa băt đầu vang lên ngoài cửa buồng, Rose bật dậy khỏi ghế.

“Rose”, một giọng nói trầm ấm vang lên. Anh hiện ra trước ngưỡng cửa, chiếc mũ cầm một bên tay, tay kia cầm bó hoa loa kèn màu hồng nhạt.

Trông anh cao lớn hơn so với trong trí nhớ của cô, nhìn gằn, nom anh không đẹp trai lắm, có thể bởi khuôn mặt anh hơi nhăn nhó.

“Chào em!”, anh cất tiếng. Cô không còn nhớ trước đây anh có bao giờ thân mật như thế hay chẳng. Jack trao cho cô bó hoa loa kèn. “Của em đây. Ở đây chúng mọc hoang như cỏ dại”.

Anh đặt chiếc mũ xuống giường, có lẽ anh ấy chuẩn bị hôn mình, Rose thì thầm nghĩ, nhưng thay vào đấy, anh chỉ nhã nhặn hỏi “anh ngó được chứ?”. rồi nhẹ nhàng ngó xuống, dang rộng đôi

chân rắ n chắ c của mình theo tư thê ́ như thê anh đang chuẩn bị chụp một bức ảnh.

“Hoa đẹp quá, Jack”. Cô đưa bó hoa lên ngang mũi, mùi hương thoang thoảng tỏa ra từ những cánh hoa khiê ́ n lòng cô dịu lại. “Cảm ơn em”, anh khẽ nói.

“Anh bạn Nigel dễ mê ́ n xuô ́ ng dưới tim anh”, Jack nói. “Cậu â ́ y có vẻ là một người tử tê ́”.

“Vâng, cậu â ́ y là một công chức nhà nước, cậu â ́ y biê ́ t khá nhiê ̀ u chuyện thú vị. Ôi ngớ ngẩn quá, em không thể nhớ được gì nữa. Em có thể tìm cho anh”, cô cứ huyên thuyên như thê anh đã biê ́ t tâ ́ t cả mọi thứ về ̀ Nigel. “Chúng thực sự rắ t dễ thương”.

Nụ cười gượng gạo đầ ́ y lúng túng lại hiện ra trên khóe miệng Rose, mắ t hút vào những cánh hoa đang được cô giơ cao cô ́ tình che nửa khuôn mặt của mình, cô bắ t đầ ́ u có cảm giác đang dầ ̀ n hình thành một khoảng tro ́ ng mơ hồ ̀ trong trái tim mình.

“Khá bụi, anh sợ là”, Jack nói. Trông anh mới to lớn làm sao với tư thê ́ ngồ ̀ i dang rộng đôi chân như thê ́ . Có vẻ chỉ mình anh thôi cũng đã chiê ́ m trọn cả căn buồ ̀ ng. “Chúng ta phải đi xe máy từ đây đế ́ n Poona. Anh hy vọng là em sẽ không cảm thắ y phiê ̀ n lòng khi anh không có xe hơi để đế ́ n đón em. Anh quên nói với em điê ̀ u này”.

“Tắ t nhiên em không phiê ̀ n đâu Jack”, cô nói, một lâ ̀ n nữa anh lại hắ ng giọng.

Cô ước giá có mẹ bên cạnh giờ này để có thể pha vào dăm câu ba điê ̀ u hài hước chọc cho cô cười và ứng đố ́ i với những người xa lạ.

“Em và Tor đã có một cuộc hành trình khá thú vị”, sau một hồi im lặng cô tiếp tục. “Cuộc sống thực thụ đang chuẩn bị rơi tõm xuống địa ngục”. Nụ cười vụt tắt trên khuôn mặt Jack.

Ồi không! Thật ngớ ngẩn khi thốt ra những lời ấy, cô thà kêu lên. Giờ thì anh ấy sẽ im lặng không nói một lời nào với mình nữa. Ân hận quá.

“Ừm, em phải chuẩn bị rời khỏi nơi này thôi”, anh nói, rồi lại im lặng.

Chiếc quạt ngừng quay, bàn tay của cô nắm gọn trong vòng tay ngưng nghịu và ướt át mồ hôi của anh.

“Ừm, có một thay đổi nho nhỏ về kế hoạch đám cưới của chúng ta, anh muốn là người đầu tiên nói với em điều này trước khi ai đó nói cho em biết”.

Những lời anh vừa nói như một tia chớp chợt lóe lên trong tâm trí cô: mọi thứ đã chấm dứt, tất cả chỉ là một giấc mơ.

“Có một cuộc đụng độ mới diễn ra ở khu vực biên giới Tây Bắc, anh sẽ sớm giải thích tất cả cho em hiểu”. Mồ hôi đang túa ra ướt đầm vạt áo anh mặc, cả lúm đồng tiền trên bảu má của anh nữa, cô nhìn thấy rõ ràng, tất cả. “Thượng cấp đã ra lệnh cho anh cùng một nhóm sĩ quan nữa chuẩn bị lên khu vực biên giới để thị sát tình hình, vẫn chưa biết chính xác bao giờ bọn anh sẽ lên đường. Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào về vấn đề thời gian, Ci Ci Mallinson bảo em có thể đến ở cùng bà ấy. Thời điểm chuyển mùa sẽ bắt đầu vào tháng Mười một, lúc ấy sẽ có vô số tiệc tùng, rất vui vẻ”.

Cô cười phá lên, một tràng cười hoang dại. “Anh yêu”. Cả hai tiếp “anh yêu” cũng mới xa lạ làm sao. “Bất cứ điều gì anh nghĩ cũng đúng hết”.

Một tia sáng vụt lóe lên trong đáy mắt, khuôn mặt anh giãn ra như thể vừa trút được gánh nặng trên vai.

“Anh rất biết ơn vì em đã không làm om xòm chuyện này”, anh nói. “Anh đã sợ điều duy nhất khiến em tin tưởng ở Ấn Độ chính là không có bất kỳ một sự thu xếp nào đã được tiến hành”.

Mười phút sau, trong khi cả hai đang sánh bước bên nhau trên ván cầu xuống tàu, một người đàn bà mảnh khảnh đội một chiếc mũ chụp hình quả chuông, son môi tô đậm rẽ đám đông bước về phía Jack và Rose.

“Ôi”, bà điệu đà thốt lên, “cuối cùng thì Romeo cũng hạnh ngộ Julietta sau bao chờ đợi. Tôi là Cecilia Mallinson, cứ gọi tôi là Ci Ci”. Khi Ci Ci hôn nhẹ lên má Rose, cô ngửi thấy mùi thuốc lá, mùi nước hoa lẫn với hương bạc hà thoang thoảng hết như mùi nước sát trùng súc miệng tỏa ra từ người bà ta.

“Mọi thứ ổn cả chứ?”, Tor thì thầm với Rose khi cả đoàn đi ra phía chiếc xe của Ci Ci.

“Ổn hết, cảm ơn cậu”. Rose thì thầm, hai môi vẫn gắn chặt vào nhau. “Rất thú vị”.

Cô đột ngột kêu lớn. “Ôi không, tớ quên chưa tạm biệt chị Viva. Không thể tin được!”.

“Đừng lo”, Tor trấn an bạn, “chị ấy hiểu cậu đang có tâm trạng, cả chị ấy cũng thế - bố mẹ của thằng nhóc ấy đã đến. Tớ đã đưa chị ấy địa chỉ của bọn mình”.

Hai người bám theo chớp mũ nho nhỏ của bà Mallinson đang lập lờ giữa biển người phía trước, đi đầu là những người làm nghề khuôn vác đang đội trên đầu những rương hòm hành lý cao nghêu

của đám đông hành khách bám sát sau lưng. Một con bé mặt mũi nhem nhuốc, tóc tai rối bời từ đâu vụt đến trước mặt Rose, giật tay áo cô chèo khéo.

“Không cha, không mẹ, cô mua cho cháu đi”. Con bé bắt đầu chặc vạt áo nài nỉ.

“Kệ nó, cứ lờ đi”, Ci Ci quay đầu lại nói. “Cứ thẳng tiến về phía trước, chúng chỉ đang dựng cảnh với những mưu đồ bất lương thôi”.

Rose cảm thấy những giác quan của cô đang xoay vòng vòng - có quá nhiều điều ngoại cảnh đang cùng lúc tác động lên cô: ánh nắng mặt trời chói chang trên đầu, mùi hôi thối của cống rãnh dưới chân hòa lẫn với mùi hương trầm thoang thoảng quanh quần áo đây, những bộ sari đủ màu sắc chen lẫn lộn lờ phía trước, những mặt người đen nhem. Tại một góc phố, một người đàn ông đang chăm chú quan sát qua một mẫu gương vỡ, tỉ mỉ tỉa tóc đám lông mũi của ông ta bằng một cây kéo cũ kỹ.

Đi được nửa đường thì cả đoàn phải dừng lại: một đám đông kèn trống inh ỏi xuất hiện trước mắt họ; chính giữa đám đông là một chiếc kiệu sơn son thiếp vàng bóng loáng, trên kiệu là một chú voi hình nộm được làm từ giấy bô i.

Ci Ci Mallinson áp hai bàn tay với những ngón tay được sơn móng màu hồng điệu đà lên che hai bên tai, mặt mày cau có khi đám rước diễu hành ngang qua. “Kinh khủng quá”, bà thốt lên.

Ngược lại, Tor tỏ ra khá kích động khi nhìn thấy đám rước, cô liên tục nhón chân trở lên để nhìn cho rõ.

“Đấy là Ganpati”, Jack cao giọng, “thần tài của người Ấn Độ”.

Rose bẽn lẽn liếc Jack dưới ánh nắng mặt trời rạng rỡ, sau một hồi đấu tranh tư tưởng, cuối cùng cô cũng đi đến quyết định, rằng anh đúng là một người đàn ông đẹp trai. Rất mạnh mẽ và quyết n rũ.

Cả đoàn lên chiếc xe nhỏ nhấ n hợp mô t của Ci Ci Mallinson chạy thẳng về nhà bà - một chiếc Ford mẫu T màu xanh thẳm. Tor ngồ i ở ghế trước, liên tục cười nói huyền thuyên, ngạc nhiên thắ c mắ c về đủ thứ cô nhìn thấ y hai bên đường. Rose ngồ i cạnh Jack, đầ u óc thơ thần đoán già đoán non cặp đầ u gồ i màu nâu vuông vắ n và mạnh mẽ của anh sẽ dừng lại ở đầ u, cả vị trí bắ t đầ u của chiếc váy lụa màu hồ ng nhạt mà cô đang khoác trên người. Khi Ci Ci bẻ ngoặt tay lái cô tránh một chú ngựa còm nhom đang đứng chắ n giữa đường, Rose đã phải căng người đầ u tranh hế t sức để giữ cho đôi chân của cô không chạm vào đôi chân sắ n chắ c của anh - chuyện này sẽ rắ t bắ t ngờ, hấ y còn quá sớm để làm như thế .

Rose nhìn vào kính chiế u hậu treo trước đầ u xe, đôi mắ t cô sáng lắ p lánh, tinh nghịch phản chiế u qua chiế c gương xinh xắ n. Cô chọt thẹn thùng, ửng hồ ng gò má, trái tim cô bắ t đầ u rộn ràng. Bàn tay Jack đã nắ m chặt bàn tay cô.

Chương 23

Ngày 2 tháng Mười một năm 1928. YWCA, Bombay. Trích nhật ký của Viva Holloway.

Mình phải viết vào đây trước khi mọi chuyện rơi vào quên lãng. Guy Glover quả là một thằng nhóc đê tiện, nó đã giăng bẫy mình. Nó đã van nài mình ở lại bên cạnh để cùng gặp gỡ bố mẹ nó, ông bà ấy đã phải ngồi trên tàu hỏa suốt bốn ngày trời để đi từ Assam, nơi bố Guy đang quản lý một đồn điền trồng chè, đến đây đón nó. Tâm trạng Guy không được bình thường trước khi cuộc hội ngộ diễn ra (thay đổi thái độ thường đến kinh hoàng trong những ngày cuối cùng trước khi gặp mặt: nó bảo lại tiếp tục nghe thấy những giọng nói ra lệnh từ chiếc đài phát thanh, toàn những lời xúi dục hành động xuân ngũ; nó không ngủ, bố mẹ mùi, không thêm tắm rửa...), mình đã nghĩ đây là việc nên làm, và lại mình cũng muốn nhận nốt số tiền công mà bọn họ đã đồng ý trả cho mình trước chuyến đi.

Mười phút trước khi họ đến nơi, nó bắt đầu rít thuốc như điên, rồi lại đứng dậy, bước ra ngoài, đập đầu vào tường. Khi mình đến để chăm sóc, nó đã khiến mình ngạc nhiên đến suýt ngã ngựa khi nói: “Tôi đã cố để thích cô, nhưng cô lại khiến cho mọi việc trở nên khó khăn đối với tôi thêm bội phần”. Những gì mình định nói với nó là thế này: “Guy, sao cậu không ngồi xuống và uống một tách trà nhỉ?”. Thật lố bịch làm sao, ôi dân Anh!

Cuối cùng thì, ơn Chúa, bọn họ cũng xuất hiện. Bà mẹ, Gwen Glover, một phụ nữ nhếch nhác, cục mịch như một con gà gô mái xệ, dầm nước mắt; ông bố, quý ngài G, một kẻ khoác lác lúc nào cũng

chực nôi con à m ã, mặt mũi đỏ gay đỏ gắ t đã lập tức bóp chặt tay Guy và vỗ mạnh vào vai nó khi vừa mới gặp mặt.

“Ồn rô ì, cậu bé, cuô ì cùng thì con cũng có mặt ở đây”, vân vân và vân vân. “Cũng dễ thương và hơi nóng nhỉ?”. dành cho mình, và “Hai cô cháu vui vẻ cả chứ?”. Vui vẻ! Từ á y không phải của mình khi nói về chuyê ãn đi.

Chừng dăm, mười phút đầ u tiên của cuộc hạnh ngộ, Guy diễn khá tốt vai của một thắ ãng con trai ngang tàng, nhưng khi mọi người bắt đầ u thu dọn hành lý cho nó thì thắ ãng nhóc đột ngột rời khỏi căn buồ ãng, không quên đóng sắ m cánh cửa sau lưng.

Trong lúc Guy biế ãn ra khỏi buồ ãng, mình đã chuyển cho bó mẹ nó hai bức thư của nhà trường nhờ gửi. Ông Glover lập tức dứt tọt hai bức thư vào túi áo. Ông ta chỉ đơn giản giải thích với mình, rắ ãng không có thời gian để đọc chúng ngay bây giờ. Mình tự hỏi liệu ông ta có biế t về câu chuyện ăn cá p vật của cậu quý tử hay không, cả những kắ t quả của các kỳ thi nữa, thôi thì đủ thứ tồ ì tậ hắ m bà lắ ãng liên quan đế ãn nó.

Mình đã cô ã giải thích (rắ t nhanh chóng, và có lẽ, với tắ t cả nỗi lo âu về những hệ lụy không được tốt đẹp cho lắ m) về tình trạng căng thẳng thắ ãn kinh của Guy diễn ra trong suốt chuyê ãn đi, cả những yêu câ u nghiêm túc của bác sĩ đố ì với trường hợp của nó, và sau đầ y - có vẻ rắ t công bắ ãng khi kể với họ - chuyện nó đã đập đầ u à m à m vào lan can trên boong tàu.

“Toàn những chuyện ngược đời”, ông Glover cúi kính, mặt mũi ông ta càng đỏ hơn trước. “Phải cô đang ám chỉ tinh thắ ãn của con trai tôi không được bình thường?”.

“Đúng thắ ”, mình đã trả lời như vậy. Có lẽ lúc á y mình không nên dứt khoát, mình nên lập lờ nước đôi với ông ta thì hơn.

Bà Glover bắt đầu rấm rứt khóc, vừa nỉ non bà vừa léo nhéo điếu gì đó kiểu như “em biết mà, sớm muộn gì cũng xảy ra chuyện này”, và, “vấn đề chỉ là thời gian”.

Ông Glover lập tức lớn tiếng nạt nộ: “Im miệng đi, Gwen”, rồi quay sang mình, “Cô quả là can đảm”. Rồi ông ta bỏ ra ngoài tìm Guy.

“Ngồi xuống giường đi Guy”, ông nói. Bắt đầu thể hiện vai trò của một người đàn ông là chủ một gia đình chưa bao giờ gặp phải tình trạng lộn xộn ngổ ngàng kiểu như thế này trong đời.

“Cô Holloway phàn nàn con đã gây ra một cuộc ẩu đả trên tàu. Thúi cho thằng cha nào đã y hay bị đâm cho rách mặt hay đại loại như thế”.

Có vẻ Guy đã quên phứt lời tuyên bố đầy tình cảm với mình vài phút trước đây. Nó nhìn xoáy vào mình, lạnh lẽo và lắ c đầu. “Cô ta nói dối”, nó nói. “Cô ta còn nốc rượu như hũ chìm, lại còn bảo bô i bàn tính vào hóa đơn của con để bô trả”.

Chính tại thời khắc ghê tởm ấy, viên quản lý của Guy xuất hiện với một xấp giấy biên nhận tiền nợ nhà hàng trong tay. Ông G. run rẩy như thể một quý cô đang được ai đây dúi vào tay một con chuột chết dơ dáy, đón xấp giấy nợ từ tay viên quản lý rồi trái tất cả lên giường. (Bà G. lúc này đang vắn vẹo vạt vấy, thút thít như một đứa trẻ).

Ông G. lôi một xấp giấy trắng cùng một mẫu bút chì màu bạc trong người ra, bắt đầu lẩm nhẩm tính toán: “Một chai Pouilly-Fuissé, một chai Beaumes de Venise...”, khi ông ta dừng lại, hóa đơn lên đến gần mười bảng - thằng ranh đã rấ t tinh quái khi dừng lại ở đây.

Cả khuôn mặt của quý ông G. sung phồng chực vỡ tung bởi cơn thịnh nộ chât chứa bên trong. Mình bị nó tô cáo là một kẻ say xỉn, là một kẻ dốt trá vô trách nhiệm. Nếu mình mà là một đệ tử của lưu linh, mình sẽ có những đánh giá cảm nhận tốt đẹp hơn về nó, sẽ chỉ nói những điều mà nó không bao giờ có được; bởi mình thương hại cho hoàn cảnh của nó, mười năm xa cách bố mẹ, hẳn cũng sẽ dễ dàng thông cảm cho trạng thái kích động khi sắp được gặp lại người thân. Kết luận, ông ta không hề có ý định thanh toán nốt chi phí tiền công cho mình, như thế mình cũng lấy làm hoan hỉ lắm rồi vì đã may mắn không bị ông ta dốt đến trao cho cảnh sát.

Có lẽ ẩn bên trong vẻ bề ngoài nóng nảy, lúc nào cũng âm ỉ quát nạt áy của ông ta, vẫn có những điều khiếm khuyết quý ông G. phải sợ hãi: Khi mình mời ông ta đến gặp bác sĩ trên con tàu để xác minh những gì mình nói, ông ta đã không dám trả lời, thay vì tỏ ra cao thượng thanh toán hết chi phí cho những hóa đơn của quầy bar, ông ta lại ra điều kiện sẽ chỉ thanh toán nếu mình ký vào bản giao kèo đồng ý trả góp lại cho ông ta khoản chi phí đã bỏ ra cho mình. Trong lúc câu chuyện đang ở hồ ỉ cao trào đầy ắp kịch tính, thì Guy, một thằng khờ hoặc giả là một kẻ ranh mãnh, thản nhiên đứng nhìn chằm chằm vào vách tường như thể nó vô can trong chuyện này.

Cả gia đình bọn họ đã đi chuyên tàu đêm quay về Assam. Hành động thể hiện thiện chí cuối cùng của mình dành cho Guy là nhét gói thuốc an thần vào túi áo nó. Nó bước đi giữa ông bà G., rồi đột nhiên quay đầu chạy ào trở lại ôm chặt lấy mình, thì thào: “Non illegitimi te carborundum - đừng để những thằng con hoang đánh gục cô”. Nó mới trơ trên làm sao!

Giờ chỉ còn lại một mình mình trơ trọi trên cảng Apollo, với vài chục phu khuôn vác bu quanh. Mình bắt một chiếc xe ngựa hai bánh bảo chở đến YWCA, một khu nhà trọ rẻ tiền, sạch sẽ và khá

an toàn để ở theo như những gì Snow đã quảng cáo khi còn ở trên tàu.

Mình phải trả hai rúp mỗi đêm cho một phòng đơn. Nếu ở phòng đôi thì hai người sẽ chỉ phải trả ba rúp nhưng thực lòng mình không muốn chung chạ với bất kỳ ai, không phải bởi sau tất cả những gì đã xảy ra. Phòng của mình, dẫu hơi chật chội (chỉ nhỉnh hơn mười mét vuông một chút, nhưng có cửa sổ mở ra phía một cây cổ thụ cực đẹp (phải mua sách chăm cây). Quản lý nhà trọ có vẻ khá thân thiện, tuy đôi khi hơi độc đoán. RẤT NHIỀU NỘI QUY, QUY ĐỊNH.

Mình chỉ có khả năng trả tiền thuê theo ngày, nhưng chút tiền còn con mỗi ngày phải thanh toán ấy cũng đủ gieo rắc nỗi kinh hoàng trong mình. MÌNH KHÔNG MỘT XU DÍNH TÚI, chính xác là gàn như thế, và nếu tám séc tiền nhuận bút cho bài báo đầu tiên của mình không đến được tận tay, mình sẽ phải ngay lập tức bắt đầu một cuộc tìm kiếm bất cứ chút công việc nào được trả công dù nhỏ nhất nhất ở đây.

Sau đó.

Chuông báo tắt đèn bắt đầu từ 10 giờ 30 tối; cửa lối đi chung đóng vào lúc 11 giờ.

Lần theo bóng tối chạng vạng, mình bước ra phố, không khí có vẻ ấm áp và dễ chịu. Ở một góc đường, một ông già đang ngồi trên hai đầu gót chân, chế biến món bhel puris trong một cái chảo chiên khổng lồ. Mùi thơm của món ăn đã đánh gục mình. Chào mừng trở về nhà, mình đã nghĩ thế. Ông già bán hàng có vẻ rất khoái chí với cô nàng thực khách là mình, cả tiếng xuýt xoa khi mình xì xụp món puri của ông ta. Sau khi mình xơi xong đĩa puri, ông già đã kính cẩn mang thau nước nhỏ đặt cạnh chiếc chảo ra rửa

tay cho mình. Sau đấy ông lấy ra một trái dưa, thành thực gọt vỏ và xắt ra thành từng miếng nhỏ mang ra cho mình. Tuyệt vời, vừa ăn mình vừa lo lắng về khoản tiền mình phải trả thêm cho ông già. Mình thực sự rất lo lắng về chuyện tiền nong.

Sáng hôm sau.

Bị đánh thức bởi đủ âm thanh từ dưới phố, tiếng đàn ông gào, tiếng bò rống, tiếng động cơ xe, cả tiếng cười của ai đấy ở phòng bên cạnh trộn lẫn vào nhau xoáy vào tai mình, buốt nhói.

Sau bữa sáng - một chiếc bánh mì dẹt không có men và một đĩa đậu lăng. Ngon tuyệt - mình bước khỏi phòng tiền về phía bảng thông báo lướt mắt qua mẫu yết thị đăng quảng cáo máy công việc dành cho “các cô gái Anh đáng kính”.

Giáo viên tại một trường dòng địa phương. Yêu cầu: Phải là người cực kỳ mộ đạo (mà mình chỉ là một kẻ đạo đức giả trước tôn giáo) để có thể giảng dạy trong những ngôi trường kiểu như thế.

Bạn đồng hành cùng quý bà Van de Velde, đang sống gần đền Jain trên đồi Malabar. Phải là người đáng tin cậy phù hợp với các công việc tổ chức sự kiện, biết chơi bài brit cùng bà. Trừ phi phải rơi xuống tận cùng của thất vọng, mình nghĩ, mình sẽ tránh không bao giờ trở thành một người đồng hành tì tê giám sát bất kỳ ai nữa, dẫu chỉ trong chốc lát. G.G đã đủ để khiến mình khiếp đảm đến tận cuối đời.

Công ty quảng cáo: Ngài J. Walter Thompson đang cần một thư ký người Anh, kỹ năng đánh máy tốt, có khả năng ghi tốc ký. Địa chỉ: tòa nhà Laxmi, tên của vị thần nữ thịnh vượng. Lỗi hẹn. Đáng tiếc mình không có khả năng ghi tốc ký. Mình chỉ có thể viết thôi.

Việc làm sẽ - phải - đến với mình.

Chương 24

Bombay, năm tuầ̀n sau

Một tuầ̀n trước lễ kẹ́t hôn của Rose, Tor ngồ̀i bên hiên nhà Ci Ci ở khu vực đò̀i Malabar, chân duỗi dài, thích thú đón nhận những ngọn gió hiu hiu mang theo hương thơm thoang thoảng của những hoa lá cỏ cây mọc ven sườn đò̀i mơn man lên thịt da mát rượi. Tor đang viế́t một bức thư gửi về cho mẹ cô sau chuỗi ngày dài lênh đênh trên biển không một chút hò̀i âm về quê nhà. Lập cập với cây bút trong tay, lúng túng đặt đầ̀u bút lên mặt giấ́y, cô không biế́t phải bắ́t đầ̀u từ đâu, như thế nào, có vẻ Rose đã bót căng thẳng sau khi biế́t tin đám cưới của mình bị hoãn. “Nó giúp tớ có thời gian và không gian để thở”, Rose giải thích với Tor, lúc này tỏ ra khá cẩn trọng trước những ý kiế́n chấ́t chứa lo âu của cô bạn thân. Thẳng thắ́n mà nói, Tor đã rùng mình khi nghĩ đế́n cảnh phải trải qua thêm hai tuầ̀n số́ng cùng Rose trong ngôi nhà đẹp như tranh như thơ trên đò̀i Malabar này.

Từ nơi đang ngồ̀i bên hiên nhà, Tor có thể nhìn rấ́t rõ những triề̀n cỏ xanh ngút ngàn lượn sóng chạy dài xuống tận biển Ả-rập; một hàng hiên ngập tràn những giàn hoa giấ́y xen kẽ đua nở cùng những dây hoa nhài thoang thoảng hương thơm tinh khiế́t; bầ̀u trời trong xanh không một gợn mây; đám gia nhân, các cô hầ̀u gái, những người làm vườn đang miệt mài quét dọn ngăn nắ́p sạch sẽ, người cào cỏ, kẻ giặt giũ, nhật nhạnh thu vén sao cho mọi thứ thật hoàn hảo.

Đúng vào khoảnh khắ́c á́y, sáu gia nhân đang dựng một chiế́c rạp cực kỳ lộng lẫy đúng kiểu vương công hoàng tộc theo như yêu

câu của Ci Ci để dành cho kế hoạch tiếp đón quan khách đến dự lễ thành hôn sẽ diễn ra vào tuần tới.

Rạp cưới được làm từ loại vải màu hồng cánh sen, dát quanh bằng những mẫu kính nhỏ nhỏ sáng long lanh, cùng vô vàn đồ trang trí đẹp mắt - tiêu biểu cho “phong cách” nổi tiếng của Ci Ci. Trong khi những ngôi nhà rộng lớn khác trong khuôn viên dành riêng cho đám nhà giàu đến từ Châu Âu giữa lòng Bombay này đều khoác lên mình những cái tên nặng nề kiểu như Mon Repos hay Laburnum, thì ngôi nhà của Ci Ci lại mang tên Tambourine, trông lục lạc. Bên trong đại sảnh lát đá cẩm thạch sáng bóng, một chú chim bằng thủy tinh được treo lơ lửng bên cửa sổ trở ra hướng Tây đón ánh nắng mặt trời. Mỗi khi có một cơn gió khẽ lay qua, chú chim lại xoay tròn, những tia nắng mặt trời vàng rực chiếu lên mình chú chim thủy tinh đang xoay tít trông hệt như một con chim lửa đang khiêu vũ dưới ánh mặt trời bên khung cửa sổ.

Tor cắn nhẹ đầu bút, nghĩ ngợi về những điều hấp dẫn nơi này, nhân vật duy nhất luôn tỏ ra xằng xái bận bịu quanh đây là Geoffrey, một người đàn ông cao lớn, da dẻ hồng hào, béo tốt với hai hàng lông mày chổi xể, người có đôi chút trách nhiệm về nền công nghiệp vải bông ở Ấn Độ, nền sản xuất mà theo như nhìn nhận và đánh giá của ông thì đang trên bờ vực thẳm. Thế nhưng ngay cả khi Geoffrey vẫn đều đặn biến mất vào mỗi buổi sáng, lẳng xằng tẩu tẩu trong chiếc xe cũ kỹ của ông chạy đến những nơi chỉ có Chúa mới biết là đâu, rồi lại xuất hiện trở lại khi hoàng hôn dần buông tím lựng sau đôì, ở cái thời khắc mà mọi người đang quây quàn bên hiên nhà nhâm nhi những giọt ulyt-ky trộn lẫn soda thơm lừng đến mê người.

Tor vắn lòng nấp bút, thở dài. Quá khó khăn, có quá nhiều điều mẹ cô hẳn đang sốt ruột chờ đợi được nghe ở quê nhà. Chắc hẳn mối quan tâm hàng đầu của bà lúc này sẽ là: “Con đã gặp

được nhiều chàng trai để mê ở đây chưa?”. Để đầu đi những câu hỏi thô thiển theo kiểu “Liệu chi phí cho váy áo, vé tàu... có đáng là những khoản đầu tư có giá trị không đây, con gái?”. Và câu trả lời đơn giản dành cho những câu hỏi kiểu như vậy - tham dự những bữa tiệc và những buổi dã ngoại triền miên do Ci Ci tổ chức - lúc nào cũng dễ dàng: “Mẹ, mọi việc vẫn tiến triển theo chiều hướng đây hứa hẹn”.

Trên thực tế, một buổi sáng trong khi cả nhà đang quay quẩn nhâm nhi cà phê bên hiên nhà, Ci Ci đã lên tiếng, rất lạnh lùng, đủ khiến Tor phải sững sờ, khá chi tiết về hình mẫu đàn ông mà Tor nên tìm kiếm trong thời gian ở đây.

“Công chức nhà nước là những con sâu rọu đứng đầu danh sách những kẻ yêu mùi cô”, bà lè nhè, “và rất dễ chết hoặc sống sót - cháu sẽ nhận được ba trăm bảng mỗi năm nếu trở thành góa phụ, vậy nên trong một số trường hợp”, một cái nháy mắt nhanh chóng chớp qua, “thì chết vẫn tốt hơn sống. Tất nhiên ta chỉ đùa thôi, cô gái xinh đẹp ạ”.

Tor gằn như quên bém danh sách những người mà Ci Ci đã đề nghị giới thiệu, thực sự cô chỉ còn nhớ vài sĩ quan kỵ binh đứng đầu bản danh sách ấy - tốt nhất vẫn là người Anh, hơn là người Á, nếu không sẽ là một sự sỉ nhục trong mắt Frank.

Ngày 4 tháng Mười hai năm 1928

Mẹ kính mến,

Con e mình không thể viết được nhiều trong bức thư này bởi con chuẩn bị ra ngoài. Tất cả bọn con đều rất hồi hộp và phấn khích chờ đợi đám cưới của Rose sẽ diễn ra trong một tuần nữa. Hôm nay bọn con có kế hoạch đi mua sắm lần cuối ở chuỗi cửa hàng Quân đội và Hải quân đóng trong khu vực phòng thủ chiến

lược của thành phố. Con rất lầy lẫm làm buồn khi hay tin ông T. bị thương ở cổ tay. Ngày mai con sẽ viết một bức thư thật dài để kể cho mẹ nghe tất cả mọi chuyện. Con rất khỏe và cảm ơn mẹ rất nhiều về những mẫu vải may váy mà mẹ đã tư vấn. Con sẽ tìm hiểu xem liệu có thể mua được cho mẹ với giá rẻ ở đây không.

Yêu mẹ và bố rất nhiều,

Victoria

Ci Ci bất ngờ xuất hiện sau lưng Tor, bà đang khoác trên mình chiếc áo choàng dài thân màu tím hoa cà kiểu Nhật Bản, chân xỏ trong đôi dày mềm giống loại giày múa ba-lê, mang theo mùi nước hoa Arpège, hương thơm yêu thích của bà. Tor đã phải chật vật đến thế nào để đánh vật với bức thư gửi về nhà, hết như một đứa trẻ ở trường tiểu học. Mấy dòng ngắn ngủi trong bức thư của cô bỗng chốc trở nên ngắn ngủn và tẻ nhạt.

“Sáng nay cô bé mô` côi của chúng ta như thế nào?”, Ci Ci âu yếm lùa những ngón tay mảnh dẻ của bà lên đường rẽ ngôi trên mái tóc của Tor.

“Cô bé mô` côi” chỉ là cách gọi khôi hài, một bí mật nhỏ giữa Tor và Ci Ci. Thật ra Ci Ci có hai đứa con - một trai một gái đang gửi học trong trường nội trú ở Anh - với những bức chân dung được vẽ lơ mờ như ma quỷ hiện hình đặt trang trọng trong những chiếc khung bằng bạc xếp ngay ngắn trên kệ lò sưởi. Bà hiềm khi kể về chúng, có chăng chỉ là những câu đùa hóm hỉnh, kiểu “những chú chuột nhắt yếu mềm của tôi”, hay “những sinh vật rừng rợn”. Thỉnh thoảng bà nổi hứng cao giọng đọc to chút thông tin ít ỏi của những đứa con được gửi sang từ nước Anh.

Có vẻ những đứa con không hề ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống của Ci Ci. Những gì bà nói về Flora, con bé có mặt trong bức

chân dung, thừa hưởng đôi mắt trung thành thao thiết của cha nó, tròn mười hai tuổi, độ tuổi âm ương lắm phiến toái mà cũng nhiều âu lo, và rằng bà chỉ hy vọng đến kỳ nghỉ sắp tới nó sẽ suy nghĩ trưởng thành hơn một chút, “nửa đường thành người” là được.

“Tuyệt!”. Ci Ci liếc mắt qua xô giấy mời đặt trên chiếc ghế nệm cạnh bàn cà phê. “Hôm nay chúng ta sẽ có khá nhiều nhu cầu, ta không biết có thể liệu mình có thể chịu đựng nổi không nữa”.

Bà bóc chiếc phong bì đầu tiên. “Buổi trình diễn Chrysanthemum, ngày mười tháng Một, tại câu lạc bộ Willoughby, sau buổi biểu diễn là tiệc trà được tổ chức trên bãi cỏ. Cảm ơn nhiều, thưa bà Hunter Jones, nhưng tôi không đến dự”, vừa nói Ci Ci vừa gập tấm thiệp mời thành một mũi tên giấy rồi thẳng tay phi vào sọt rác. “Quý bà tế nhị nhất mà ta từng biết”.

Tor khúc khích cười.

“Phiến cháu rót thêm cho ta nửa tách cà phê nữa nhé?”. Ci Ci vạch những đầu móng tay sơn đỏ chót lên một chiếc phong bì khác. “Không đường... Lời mời này nghe có vẻ thú vị hơn một chút: một chuyến dã ngoại dưới trăng trên bãi biển Chowpatty cùng gia đình nhà Prendergast. Ông bà ấy có một cậu con rất đẹp trai. Xếp tấm thiệp mời này vào nửa có thể tham dự, con yêu”.

Tor đặt tấm giấy mời lên bệ lò sưởi, trước ánh mắt đầy ắp hy vọng của Flora đang nhìn ra từ tấm chân dung. Những tấm thiệp mời được xếp thành chồng cao ngang bức ảnh đã bắt đầu che khuất khuôn mặt con bé, những lời mời tham dự các buổi tiệc trọng đại, những chuyến dã ngoại, những trận đấu polo và những cuộc săn bắn đầy thú vị.

“Ôi, tuyệt quá!”, Ci Ci đang cầm trên tay một chiếc phong bì lớn màu hồng với một đường viền lượn sóng hoa hòe hoa sói lờ lợc ở mặt sau, thốt lên. “Ôi, thú vị thật đấy”. Bà đang đọc nội dung in trên tấm thiệp mời. “Goofers hẳn sẽ thích nó. Cooch Behar mời chúng ta

đi săn cùng ông ấy trong ba tuần. Ông ấy đang sở hữu những vùng đất cực kỳ thú vị dành cho những cuộc

đi săn”.

Ba tuần, Tor nghĩ thầm. Lúc ấy thì Rose đã kết hôn và ra đi. Sao mà mình thờ ơ khi nghe đến chuyện này thế không biết.

“Những vị trí đáng tiếc đã được đánh số”, Ci Ci đọc tiếp, “thế nên làm ơn phúc đáp sớm ngay khi có thể. Sớm ngay khi có thể. Ta nghĩ ông ấy đã đi Oxford. Chúng ta sẽ tìm một người trông trẻ cho cô con gái mồ côi của mình, phải thế không, cô bé xinh đẹp. Ta nghĩ con vẫn sẽ ở lại đây?”.

Khi Ci Ci nhướn mắt ngược lên, Tor cảm thấy đôi chút hoảng sợ. Còn nơi nào khác dành cho cô? Cô không còn kế hoạch nào khác.

“Cháu sẽ ở lại đây đến chừng nào cô chán đuổi cháu đi thì thôi”, Tor tỏ vẻ nhún nhường.

“Chúng ta sẽ xem xét thái độ cư xử của cháu”, Ci Ci nói.

Một tuần đã vùn vụt trôi qua - chỉ còn hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa là đến lễ thành hôn của Rose. Tor tỉnh giấc, cơ thể ướt đẫm mồ hôi. Vật đầu tiên đập vào mắt cô khi Tor mở mắt là chiếc váy cưới màu ngà voi của Rose treo ngoài cánh cửa tủ quần áo, chiếc váy phù dâu dành cho Tor treo bên cạnh như một bà chị phục phịch của nó.

Tor đến bên cạnh cửa sổ, cô nhìn ra phía khu vườn, Pandit và những người giúp việc đang hoàn tất những chi tiết trang trí cuối cùng cho rạp cưới, lúc này đã hiện nguyên hình là một chiếc rạp khổng lồ cực kỳ nguy nga và tráng lệ. Cô nhìn thấy một đoàn gia nhân đang rờn rợn nôi đuôi nhau đi từ nhà ra vườn. Họ đang cặm những bó đuốc được thắp từ dầu lửa bao quanh rìa bãi cỏ. Xong xuôi lại quay sang đánh bóng những chiếc gương thủy tinh, chuyển những chiếc bàn từ trong nhà ra ngoài vườn. Rất nhiều những chiếc bàn được mang ra chen chân xếp kín giữa vườn.

Mười một giờ, cô và Rose đến hiệu làm đầu trong khuôn viên khách sạn Taj Mahal làm lại tóc. Tại đây, mái tóc dài mượt mà vàng óng ả của Rose khiến đám nhân viên phải thốt lên đầy kinh ngạc. Cả hai đều có chung tâm trạng sốt ruột chờ đợi đến thời khắc đặc biệt của ngày hôm nay, mỗi phút giây trôi qua tưởng chừng kéo dài lê thê như cả một thế kỷ, “ôi lạy Chúa, bọn mình chỉ còn mười chín tiếng nữa thôi đấy”, một lát sau lại, “giờ thì chỉ còn mười tám tiếng thôi nhé”, cứ thế đến hết ngày.

Khi màn đêm ập đến đổ bóng bao trùm lên vạn vật, cũng là thời điểm bữa tối cuối cùng của Tor và Rose bên nhau, cả hai lần theo những bậc thềm bước xuống hàng hiên, lặng lẽ hơn bao giờ hết khi dắt nhau tiến về phía trước. Tối nay Rose chỉ muốn được ở bên Tor, lần đầu tiên Ci Ci (lúc bây giờ đã bước vào trong nhà kiểm tra bữa tối) đã cho phép các cô gái được quyết định tự chủ.

Tor và Rose ngồi bên nhau trước hiên nhà lắng nghe hơi thở của đại dương bao la từ ngoài xa vọng về. Hàng trăm hàng ngàn ngọn đèn cặm dọc theo con đường chạy men theo bãi biển mê mại nhìn từ xa như đàn đom đóm lập lòe nhảy múa trước mắt Tor và Rose.

Im lặng.

“Tớ đang hóa đá, Tor”, giọng Rose mơ hồ xuyên qua bóng tối i duềnh dàng trước mặt. “Có phải tớ đang phạm phải những điều ngu ngốc không nhỉ?”.

“Cậu sẽ ổn thôi”, Tor nắm lấy tay bạn, thậm chí hy vọng mình sẽ thốt ra những lời hay ho trong thời điểm này. “Rồi cậu sẽ rất xinh đẹp”.

Chỉ là những lời vụn vặt, nhưng thực sự, cô không thể biết liệu mình có hạnh phúc với một người theo như nhìn nhận của cá nhân cô, là chỉ biết đến công việc như Jack hay không.

“Không phải là vấn đề lễ cưới, mà là những chuyện khác kia. Có vẻ không bình thường khi không có bố và mẹ bên cạnh tớ lúc này. Tớ...”. Một tiếng nấc nhẹ thoảng qua tai Tor, sau đây là tiếng thở hắt. “Ý tớ là, tất nhiên là tớ biết vì sao họ không thể sang đây được. Tớ ghét bố, bởi ông cứ đau ốm triền miên như thế, nhưng...”.

Ci Ci bất ngờ xuất hiện trước ngưỡng cửa, đôi chân nhún nhảy tiến về phía các cô gái, theo sau bà là hai người hầu bê một khay đồ uống cùng vài băng nhạc Jazz vừa được gửi đến từ London trong ngày hôm nay mà bà muốn các cô gái nghe chung với mình.

Ci Ci thả p sáng hai ngọn đèn và yêu cầu Pandit rót cho bà một ly rượu gin thật đầy.

“Tôi nay trông các cô như những góa phụ đến từ xứ sở Hy Lạp”, bà nói với Tor và Rose. “Cạn ly đi nào”.

Bố tiếng đồ ng hồ trước đám cưới, mặt biển chuyển sang màu ngọc bích xanh thẳm, rồi chợt bùng sáng long lanh khiến Rose sững sờ.

Khi Tor bước vào phòng, Rose đã tắm xong, cô hãy còn thức và đang đứng ngắm mình trước tấm gương đặt trong góc phòng. Trên người Rose chỉ mặc mỗi bộ đồ lót may bằng loại vải lụa mềm mới tinh và đôi tất dài nhạt màu đi dưới chân.

Câu đầu tiên Rose nói khi nhìn thấy Tor: “Bạn biết không, tớ thực sự lấy làm mừng vì bố không thể sang đây dự đám cưới của mình, như thế sẽ tốt hơn cho ông”. Có lẽ đây là những lời ruột gan chắt chứa trong lòng suốt bao ngày qua, chỉ đến buổi tối hôm nay cô mới đủ can đảm thốt ra với Tor. Trên làn da nhợt nhạt sau làn vải mỏng của chiếc áo lót xuất hiện đôi nốt phát ban mỗi khi Rose rơi vào trạng thái hoảng sợ, cô đang tỉ mỉ chà những giọt kem calamin lên từng nốt ửng đỏ.

Sau bữa sáng đầy nghẹn ngào, cả hai gần như không thể nuốt được gì vào bụng, Rose và Tor lại kéo nhau vào lại trong phòng, sau khi rửa mặt sạch sẽ, Rose bắt đầu đánh một lớp phấn nền mỏng lên phần da phía sau hai bên tai, rồi đánh lót thêm một chút phấn màu tím phơn phớt hiệu Devonshire.

“Bạn đã sẵn sàng chưa?”, Tor hỏi, cô đã xác định mình sẽ là người động viên an ủi chính của Rose trong thời điểm này, nhưng sao Tor vẫn có cảm giác cô hoàn toàn bị động trong chuyện này.

“Sẵn sàng”.

Tor gỡ váy cưới ra khỏi móc áo rồi cẩn thận nhìn vào người Rose, chiếc váy cưới bằng lụa trắng ngà nhẹ nhàng ôm lấy thân hình Rose, tạo nên những đường cong đầy quyến rũ. Rose ngẩn người ngắm mình trước gương không chớp mắt.

“Thật kỳ lạ”, Rose thốt lên đầy kinh ngạc. “Caramba”.

“Giờ đến lượt khăn voan che mặt nào”, Tor mở nút thắt.

Cô nhẹ nhàng ghim chặt tấm khăn voan che mặt mỏng tang quanh khuôn mặt trái xoan của Rose, trông cô ấy ngây thơ quá, Tor nhủ thầm, trẻ trung và tràn đầy sức sống. Lần cuối cùng cô giúp Rose như thế là trong lúc thay đổi phục trang trước giờ biểu diễn một vở kịch tại trường trung học. Rose đóng vai đức mẹ đồng trinh Mary, còn Tor hóa thân thành chủ quán trọ thành Jerusalem. Tor còn nhớ như in, tối hôm ấy cô phải quấn vào người hai cái áo thụng loại được mặc trong lúc làm vườn và được may dính sát vào nhau.

“Xong”. Tor bước lùi ra sau. “Nhìn cậu mà xem. Cậu sẽ thực hiện được bất kỳ mục tiêu nào trong bộ dạng như thế này”. Cô cố chọc để khiến Rose mỉm cười, mà sao trong đáy mắt của bạn mình chỉ thấy đầy ắp nỗi hoảng sợ tràn ngập tâm can.

Có tiếng gõ cửa từ ngoài vọng vào.

“Chỉ còn một tiếng nữa là đến giờ làm lễ”, giọng Ci Ci lạnh lót.

“Ôi, phiền phức quá!”, Tor chật vật chui mình vào chiếc váy dành cho phù dâu, có vẻ cô đang gặp khó khăn với những chiếc cúc khuy bất m. “Ôi Chúa ơi”.

“Xong rồi đây”. Rose giúp bạn, rồi âu yếm đặt một nụ hôn lên trán Tor. “Trông cậu mới xinh đẹp làm sao, Tor”, Rose thì thầm. “Lần tới chúng ta làm việc này, sẽ là dành cho cậu”.

Mười rưỡi, Pandit đưa đội khăn xếp lựa đồ, lái chiếc xe Daimler lượn một vòng quanh khu vực phía trước ngôi nhà. Geoffrey, lưng áo ướt đẫm mồ hôi, ngồi bên cạnh Pandit ở băng ghế trước. Ci Ci đội một chiếc mũ chụp hình quả chuông màu tía, chính giữa căm một chiếc lông chim khổng lồ màu hồng, nom khá lạ mắt nhưng rất thời trang. Khi Geoffrey bắt đầu bài đọc thoại về trụ sở của những công ty mà họ vừa chạy ngang qua, rồi lại lè nhè chuyển

sang chuyện thời gian thời tiết, Ci Ci bất ngờ quát: “Thôi đi, Geoffrey - con bé không muốn nghe những chuyện như thế trong ngày kết hôn của nó đâu”.

Nhưng Rose có vẻ đang chẳng buồn quan tâm lắng nghe bất kỳ ai quanh cô lúc này. Ánh mắt Rose xa xăm nhìn về con đường cuốn tung bụi mù phía trước, đôi môi cô mấp máy.

Khi họ đến nơi, không khí ở nhà thờ Thánh Thomas đang hết sức ngột ngạt, cha xứ đang có vẻ hết sức khó chịu, cũng đứng thôi, bởi ông đã phải chạy xe từ Poona đến đây, sau khi mọi kế hoạch bị thay đổi, đã phải bó tùm tịt cả đồ nghề hành lễ tống ra khỏi chiếc xe của ông và nhét vào lại trong phòng áo lễ của nhà thờ. Khúc nhạc hi được cử hành, Rose và Tor chậm bước đi giữa hai hàng ghế, giữa những chiếc mũ nhấp nhô của đám đông tiến về phía lễ đài. Khi những chiếc mũ đủ màu sắc quay ngược ra sau để nhìn ngấm cô dâu, Tor không thể nhận ra bất kỳ ai quen thuộc ngoài Ci Ci, lúc bấy giờ đang đứng cách Geoffrey vài bước chân. Geoffrey có vẻ đang cảm thấy tổn thương sau khi bị Ci Ci quát vào mặt, ngay trước mặt nhiều người, một hành động không nên xảy ra tại nơi công cộng.

Và Jack, trông nghiêm nghị và điển trai trong bộ đồ phục nhà binh màu vàng và màu xanh nước biển, với những hàng cúc bấm đồ thau sáng choang, được tô điểm thêm bằng những dải viền tua rua rủ xuống hai bên cổ vai, đột nhiên xuất hiện từ sau bệ thờ tiến ra đứng bên cạnh Rose. Tor thậm chí mong Jack sẽ ngoảnh mặt sang phía Rose và anh sẽ cảm thấy ghen tở, bởi nom Rose lúc này thánh thiện như một nàng công chúa, nhưng Jack vẫn thản nhiên nhìn thẳng về phía trước, khẽ háng giọng một hai lần rồi đứng im. Cha xứ nhanh nhẹn tiến hành các thủ tục cần thiết, thậm chí ông còn đọc sai họ của Rose. Về phần cô dâu, Rose gằn như chỉ lý nhí Con đồ ng ý, nhỏ đến nỗi ngay cả Tor đứng sát bên cạnh cũng không thể nghe thấy.

Rồi mọi thủ tục cử hành hôn lễ cũng hoàn tất, mọi người dắt nhau bước ra ngoài nhà thờ ngập tràn ánh nắng. Mười hai chàng trai đồng đội của Jack xuất hiện, đứng thành hàng thẳng lối tạo thành hình cánh cung dọc theo con đường. Rose lướt mắt hồ hững nhìn lướt qua bọn họ trước khi đồng đạo bạn bè của Ci Ci từ trong nhà thờ tóa ra, không gian bắt đầu tràn ngập tiếng cười nói xôn xao. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi diễn ra ngay sau đây, tim Tor chợt nhói đau như thể bị ai đây dùng tay bóp nghẹn lấy từ bên trong. Rose lướt nhanh qua hàng binh sĩ như một chú thỏ tội nghiệp đang sợ hãi cô băng mình qua những thanh gươm tua tủa vắt chéo bên mình những kỵ binh đồng đội của Jack. Chỉ còn Tor trợ trợ đứng lại phía trước đoàn người, đôi mắt cô nhắm chặt bởi những tia nắng mặt trời chói chang phản chiếu lên những thanh gươm sáng bóng hắt vào.

“Đừng bỏ rơi tớ tại tiệc cưới”, giọng Rose thì thầm bên tai Tor trước khi cô cùng Jack mất hút trong chiếc Daimler.

Quay trở về Tambourine, Tor gặp lại Rose đã đứng chờ sẵn ở đây, nhợt nhạt và nom quá trẻ để trở thành một người vợ. Trông Rose thật tội nghiệp khi bơ vơ giữa những tiếng ồn ào huyên náo của hàng trăm khách mời dự tiệc cưới đang ào ào trong vườn nhà Ci Ci. Tor cố tìm bóng Viva, đã hứa sẽ đến dự lễ kết hôn của Rose, nhưng cuối cùng cô đành thất vọng.

Ci Ci từ trong đám đông bước ra, dúi vào tay hai cô gái hai ly sâm banh sòng sánh, hét lớn: “Đến đây vui vẻ đi”.

Tor nhanh chóng nốc cạn ly rượu, thêm một ly nữa. Cảm giác căng thẳng trong buổi sáng hôm nay đã kết thúc, cô lấy làm hạnh phúc vì đi về đó.

Sau khi đã no say, Ci Ci đứng hẳn trên một chiếc ghế, cầm một chiếc loa đưa lên miệng bắt đầu gào toáng lên, “Tất cả mọi người chú ý nào”. Rồi bà thông báo giữa những tràng cười nói ào ào đến bất tận, đại khái Geoffrey sẽ có một bài phát biểu trước khi tất cả cùng hòa giọng hát vang bài ca “Giấc mộng đêm hè” và ngã rạp trên thảm cỏ cùng những ly rượu sóng sánh bởi thời tiết đã trở nên nóng nực, và bởi mọi người bắt đầu có nhu cầu buồn chuyện. Bài phát biểu sẽ diễn ra ven hồ nước nhỏ ngay giữa vườn.

Đám đông khách mời lục tục mang theo ly tách trên tay kéo nhau bước dưới giàn đậu tía đang bung từng chùm tím ngát hồ hững trên vai áo người ngang qua, hướng đến chỗ có nhiều bóng râm giữa vườn, tại đây có một hồ nước nhỏ, một dòng suối nhân tạo róc rách chảy từ trên cao xuống vai hai tượng thần nữ tạc bằng đá đang hoan hỉ khiêu vũ giữa màn bọt nước li ti trắng xóa. Ci Ci cố gắng chỉ huy tiệc cưới bằng cách nắm tay Jack và Rose hấp tấp kéo về phía hồ nước, nhưng Jack, trông hãy còn xúc động và Rose Tor thậm chí, không hề tự nhiên một chút nào, đã giật tay của anh khỏi bàn tay Ci Ci và chậm rãi bước những bước nặng nề theo đám đông khách khứa tiến về phía trước.

Khi mọi người đã tụ tập đông đủ, Geoffrey Mallinson đứng dậy, trên tay vẫn nắm chắc ly rượu, màn bọt nước li ti từ hai bức tượng thần nữ giữa hồ nhẹ nhàng đậu sau lưng ông. “Đa số các bạn đều đã biết đến tôi với tư cách là chủ tịch của liên minh hiệp hội trò chơi bóng”, ông bắt đầu bài phát biểu một cách tế nhị. “Chúng ta đã từng diện kiến ở câu lạc bộ, trên trường đua, trong câu lạc bộ thể thao, cho đến khi...”.

“Ôi vì Chúa, Geoffrey, tua nhanh nhanh đi”, giọng Ci Ci rõ mồn một.

“Nhưng ngày hôm nay”, Geoffrey tiếp tục, “tôi có mặt ở đây với tư cách đại diện cho bố của Rose Wetherby, người tôi chưa từng được hân hạnh gặp mặt nhưng đã nghe tiếng là một ông bố tốt. Hẳn ông ấy sẽ tự hào biết bao nhiêu khi được chứng kiến cô con gái xinh đẹp của mình trong ngày hôm nay, cô gái ấy đang đứng trước mặt chúng ta, kiều diễm như một đóa hồng trong buổi sáng ban mai tinh khiết”.

Tor cảm thấy nhẹ lòng đôi chút khi nhìn thấy nụ cười xuất hiện trên khuôn mặt xinh đẹp của bạn mình, Rose đang mỉm cười nhìn Geoffrey rồi thì thầm hướng ánh mắt về phía đám đông khách khứa xa lạ. Có tiếng gọi thì thào từ giữa đám đông vọng ra, hướng về phía Tor, “ở đây, ở đây này”. Cuối cùng Tor cũng nhìn thấy Viva đang lẩn khuất giữa đám đông, và mặc dù mới chỉ là thời khắc bắt đầu của một tiệc cưới như đúng nghĩa của nó, nhưng Geoffrey đã đập đồ tất cả khi ông nâng ly gào toáng lên với tất cả khách khứa: “Cùng nâng ly chúc mừng cho Rosemary”.

Từ trước đến nay, không ai gọi cô ấy là Rosemary. Đây không phải là tên của Rose.

Bốn giờ chiều, mặt trời bắt đầu đứng bóng, bầu trời trong xanh lồng lộng không một gợn mây, vài người khách, đúng như Ci Ci dự đoán, bắt đầu choáng váng ngã quỵ bởi nắng gắt.

Khi Rose từ trong nhà bước ra với bộ quần áo đi đường trên người, Tor chạy đến bên cạnh để từ biệt bạn. Cô muốn nói điều gì đấy để lấp đầy khoảng trống đang hình thành trong trái tim Rose sau một ngày dài hư ảo và xa lạ như ngày hôm nay. Tor muốn cảm ơn Rose vì đã xem cô như người bạn thân thiết nhất từ trước đến nay, cô muốn hôn tạm biệt và chúc Rose sẽ sớm có những đứa con xinh xắn như mẹ nó. Nhưng giờ phút cuối cùng ấy, bỗng nhiên Tor chợt thấy tâm trí mình trống rỗng và đau đớn đến lạ

thường, cô không thể thốt nổi thành lời khi đứng trước Rose, những gì cô làm được chỉ là đưa tay khẽ bẹo má cô bạn thân, hệt như điệu bộ của một bà cô già chưa chồng, rồi gọn lỏn: “Cuối cùng rồi cậu cũng ra đi”, như thể cô không thể chờ đến khoảnh khắc chứng kiến Rose cất bước. Đến một lời chào từ biệt thật hài hước, Tor cũng không thể thốt nổi thành lời.

Sau khi chiếc xe chở Jack và Rose mất hút trong đám bụi cuốn cuộn cuối con đường, Tor quay vào nhà và bước lên phòng, sụi người lên chiếc giường trống trải. Cô khép mắt, từ từ chìm vào giấc ngủ chập chờn trong gần nửa giờ đồng hồ. Trong giấc ngủ mệt mỏi, Tor vẫn mơ hồ nhận ra tiếng cười nói từ dưới vườn vọng lên, cả tiếng loảng xoảng của chén đĩa được mang đi sau những tiếng kêu của đám khách mời cuồng nhiệt của Ci Ci.

Tỉnh giấc, Tor bước đến bên cửa sổ, lặng lẽ ngắm ráng chiều đỏ ối đang từ từ buông trên mặt biển phía ngoài xa, nỗi nhớ nhà chợt bùng lên trong cô. Lần đầu tiên Tor thấy nhớ nhà sau ngần ấy ngày xa cách, những thanh âm màu sắc của quê nhà mênh mông tràn ngập trong cô, là hàng triệu hàng triệu con người nơi ấy đang được sinh ra, trưởng thành và qua đời mà không hề hay biết đến cô nơi đây, bé nhỏ và thờ ơ như một hạt bụi dưng dưng đứng bên rìa thế giới.

Tor lột phăng chiếc váy phù dâu khôn khéo ra khỏi người, rồi cứ để nguyên chỉ với bộ đồ lót trên mình, cô nhảy tót lên giường, kéo chăn quấn kín cơ thể rồi tiếp tục chìm vào giấc ngủ mệt mỏi.

Tiếng Ci Ci lớn giọng gào tên cô từ dưới cầu thang vọng lên khiến Tor tỉnh giấc.

“Tor, xuống đây nhập cuộc với ta đi, đang nhâm nhi chút đỉnh ngoài hiên đây”.

“Cháu xuông ngay đây”, Tor miễn cưỡng nói vọng xuông. Cô không dám từ chối, Tor luôn có cảm giác ngại ngùng xen lẫn sợ hãi khi phải đối diện với Ci Ci.

Cô nhanh nhẹn mặc đồ vào người và bước xuông cầu thang. Ci Ci đang khoác trên người bộ kimono, nệm lót thảm trong chiếc trường kỷ đan bằng sợi liễu gai đặt trước hiên nhà, bóng tối bắt đầu vây quanh chỗ bà nệm.

“Ta gầy như kiệt sức”, giọng bà thều thào. “Cháu thế nào?”.

Hắn Ci Ci phải nhìn thấy khuôn mặt nhàu nhĩ của Tor gầy như sắp khóc khi bà đẩy ly rượu về phía cô. Hai người im lặng ngó bên nhau nhấm nháp những ngụm ứt-ky trong lúc đám gia nhân đang lăng xăng thu dọn rác rưởi đổ vỡ phía dưới vườn. Ci Ci bất chợt ngẩng đầu lên trời, cao giọng: “Đám cưới lớn nhất Bombay cuối cùng cũng kết thúc, con yêu. Nhưng giờ đây con bé hẳn đang rất hạnh phúc”. Bà mỉm cười, nhìn Tor bằng ánh mắt tinh nghịch. “Chú rể quả là một đấng tu mi nam tử ngời ngời”.

Tor nhìn sang Ci Ci. “Cháu không thích anh ta”, cô nói. “Cháu nghĩ anh ta...”.

“Anh ta thế nào?”, Ci Ci ngắt lời, đầy tò mò.

“Khá lạnh lùng”, Tor dũng cảm. “Cháu tưởng anh ta phải hạnh phúc hơn thế chứ”.

“Ngớ ngẩn quá, Tor yêu quý”. Ci Ci phản đối. “Không ai trong chúng ta hiểu rõ cậu ấy cả”. Như thể bà đang chứng minh cho một điều gì đấy. “Vả lại”, bà tiếp tục, “đa số đều thực sự không phải là những người tình ngây thơ trẻ con khi bọn họ kết hôn ở đây”.

Một thoáng im lặng ngại ngùng trôi qua. Cả hai cùng đưa ly lên môi nhấp những ngụm cay nồng, rồi Ci Ci nắm lấy tay Tor, bà khẽ vạch đầu móng tay lên những đường chi vận mệnh giữa lòng bàn tay Tor, nhẹ nhàng nói: “Có thể chúng cho biết điều gì đây? Có lẽ là những điều tốt đẹp”.

“Tất nhiên rồi”.

“Khoan hãy bắt ngả như thế, con yêu. Ta không muốn để con trở về với hai bàn tay trắng đâu nhé”.

Tor cau mày. Ci Ci cười như thể những gì bà vừa nói chỉ là một nhúm bông phèn, nhưng Tor biết bà không hề đùa.

Ci Ci nhét một điều thuốc vào ống tẩu, châm lửa và khoan khoái nhả những ngụm khói lên cao, khuôn mặt bà trở nên trầm tư như thể đang tập trung tính toán chuyện gì đây hết sức nghiêm trọng.

“Con gái”, bà cất tiếng sau một hồi lâu im lặng trầm tư theo làn khói thuốc dật dờ quanh mình, “con có phiền không nếu ta thẳng thắn? Chỉ vì ta nghĩ có thể giúp được con đôi chút”.

“Tất nhiên ạ”. Tor đã sẵn sàng để lắng nghe những lời tử tế nhất.

“Con là một cô gái hơi đầy đặn, đúng không nào? Nhưng con sẽ không như vậy nếu thực sự không muốn thế. Con sẽ lấy lại vóc dáng bình thường nếu hai tuần không bánh ngọt, chỉ có chanh và nước lọc vào buổi sáng, và đúng hơn là ta còn nghĩ”, Ci Ci rướn người đưa tay mân mê một lọn tóc của Tor, “chúng ta cần phải hỏi ý kiến bà Fontaine về chuyện đầu tóc của con. Chỉ cần tia bút chùng một, hai phân thôi, con sẽ dễ dàng vắn chúng với một cái que đây. Con có muốn vắn chúng với một cái que nhỏ không?”

“Vâng ạ”, Tor lí nhí trả lời, cô có cảm giác mình có thể chết vì ngưng, nhưng cô vẫn cố nở một nụ cười với Ci Ci. “Tất nhiên là cháu thích chứ”.

Nhưng đến tối hôm sau, đã có chuyện kinh ngạc xảy ra. Ci Ci lên phòng Tor cùng với Pandit, trên tay ông ôm một chồng váy áo may bằng thứ vải lụa sáng màu, những chiếc áo lót của phụ nữ được kết chuỗi, khăn choàng vai, băng buộc đầu, lông chim cài mũ, vòng đeo cổ cùng những đôi hoa tai lấp lánh ánh kim. Ci Ci túm xấp quần áo trên tay Pandit hờ hững ném xuống giường.

“Con gái, làm ơn ủng hộ ta, giữ lấy chúng giùm”, bà nói. “Ta cần phải sắm thêm một số món đồ mới”.

“Cháu không thể!”, Tor hãy còn sáng suốt sau cuộc nói chuyện ngưng ngưng và kinh khủng tối hôm qua.

“Tại sao lại không nào?”, Ci Ci nói. “Đồ mới lúc nào chẳng tốt hơn, với lại có nhiều món nom rõ ngay thơ”.

Sáng hôm sau, Ci Ci lái xe chở Tor đến khách sạn Taj Mahal, nơi quý bà Fontaine khéo tay người Pháp chỉ bí mật nhận tư vấn đầu tóc cho một số ít khách hàng thân quen. Tại đây, sau khi khẽ chọc ngón tay vào búi tóc trên đầu Tor, Fontaine trề môi: “Cái quái gì đây?”. khiến Ci Ci phá lên cười sảng khoái. Suốt một tiếng tiếp theo, quý bà Fontaine, người được Ci Ci thán phục gọi bằng hai tiếng nghệ sĩ, nhảy múa bay lượn quanh Tor, chỉnh sửa, tỉa tót, và khi những đụn tóc bị tỉa rơi rụng rơi tã dưới chân cô mỗi lúc một dày thêm, Tor vẫn ngò ì im quan sát nữ nghệ sĩ qua một tấm gương, bỗng chốc cô giật mình khi nhìn thấy cô gái xa lạ là mình hiện lên trong gương. Quý bà Fontaine bày cho cô cách sử dụng phấn côn để nhấn mạnh những vị trí mà theo như con mắt nhìn nhận của bà là những điểm nổi bật trên khuôn mặt cô. “Một đôi mắt tuyệt vời”.

Hơn một tiếng đồng hồ sau, Tor đã ngồi cùng Ci Ci tại quầy bar trong khuôn viên câu lạc bộ du thuyền Bombay, lòng đầy hồi hộp pha lẫn đôi chút sợ sệt bởi những thay đổi hình dạng bên ngoài của mình. Cô đã không để mái tóc mình bị cắt ngắn kể từ cái ngày bé tí bị bà Doreen của tiệm làm tóc Basingstoke cắt cho một mái đầu cụt ngắn hết như một thặng con trai. Nhưng lần này thì khác, mái tóc ngắn của Tor trông rất khéo léo, vẫn mềm mại và mượt mà nhưng không kém phần hiện đại.

Bên trong quầy bar, hai sĩ quan hải quân trẻ tuổi đang nhâm nhi chuyện trò với nhau bất chợt im lặng khi Tor bước chân qua ngưỡng cửa. Một người kín đáo đưa mắt liếc nhìn cô.

“Ta sẽ gọi một chai sâm banh Cinderella cỡ nhỏ”. Lần đầu tiên Ci Ci nhìn cô với ánh mắt của một đồng minh. “Ta nghĩ kể từ bây giờ sẽ phải uống khá nhiều đây”.

“Cháu có cảm giác như vừa có điều kỳ diệu xảy ra áy”, Tor không thể kìm được nụ cười nở toét trên khóe miệng.

“Đấy gọi là phép lạ”, Ci Ci nói. Bà nháy mắt: “Và nó diễn ra với những tấm gương - rồi con sẽ thấy, con gái”.

Chương 25

Ngày 7 tháng Một năm 1929, YWCA, Bombay. Trích nhật ký của Viva Holloway.

Nhận được thư của William. Mình đã quên mất sự có mặt của anh ta trong phút giây chia tay mọi người trên cầu cảng khi Kaiser nhỏ neo, có lẽ là bởi “sự xuất hiện của phiên tòa không mong muốn”, cộng với niềm hy vọng tương lai của mình sẽ “hạnh phúc và có ích”. Và rằng chúng ta có thể gặp lại nhau trong chuyến trở về của mình.

William, mình muốn nói với anh, chúng ta sẽ không gặp lại nhau nữa. Sai lầm lớn nhất của mình. Đúng thế, của riêng mình - đủ lâu để hiểu nhau hơn, nắm chặt những cọng rom trong tay, hay những mẫu củi khô trong trường hợp này - không nên đổ lỗi cho người khác, nhưng dẫu sao thì, chúng ta vẫn sẽ không thể gặp lại nhau nữa đâu.

Ngày hôm nay: Viết thư cho Tor và Rose, đến Grindlays để xem có thư từ bưu kiện gì gửi cho mình hay không. Hôm nay đã tiêu hết năm ru pi, không tiêu hoang nữa. Học thêm được mười từ mới tiếng Maratha.

Kế hoạch ban đầu của cô là thẳng tiến đến Simla để nhận lại chiếc rương do bố mẹ để lại, xong nhiệm vụ ấy, hẳn cô sẽ thảnh thơi hơn đôi chút với bản danh sách chi toàn những sứ mệnh đầy khó khăn và vất vả của mình, rồi cô sẽ chú tâm vào công việc trong suốt quãng đời còn lại. Nhưng kế hoạch cuối cùng lại đổ vỡ, đơn giản bởi hiện tại cô gần như không còn một xu dính túi; hơn nữa, có vẻ tâm trí cô đang chơi trò cút bắt với chính mình: cô Viva thú nhất

ở trong đầ u bảo: “Cứ đi đi”, nhưng cô thứ hai lại ngấp ngừng do dự, cô thứ ba thì chỉ im lặng, lòng đầ y lo âu.

“Cô là một con ngô c”, một giọng nói văng vẳng trong đầ u Viva, “khi nghĩ mình có thể một thân một mình vượt đại dương sang đây và xây dựng một cuộc số ng mới chỉ với hai bàn tay trắ ng, không một ai thân thích bên cạnh”. Đôi khi giọng nói ấy lại vang lên đầ y giễu cợt: “Một nhà văn, thật khôi hài - thậm chí cô còn là một kẻ thắ t bại trong tình yêu lẫn cuộc số ng kia mà”. Những lúc như vậy, cô lại để tâm trí mình trượt dài trong vũng lầ y tăm tồ i nhắ t của ký ức. Cô gặp lại mình năm mười tuổi, nhỏ bé bên chiế c va li to sụ giữa nhà ga xe lửa Simla. Chị Josie và bô cô đã mắ t, mẹ chỉ cho cô đường đế n mộ của hai người. Mẹ đẩy ào cô lên tàu. Tại sao mẹ lại không muố n cô ở bên cạnh nữa? Tại sao mẹ lại đóng sắ m cánh cửa rô i dứt khoát quay lưng bước đi? Cô đã làm gì sai sao? Lúc ấy mẹ có hôn tạm biệt mình không?

Khi những giọng nói ấy tranh giành nhau vang lên trong đầ u, chúng khiế n cô thêm ghét cay ghét đắ ng những lời bà Driver đã nói trước đây, rằ ng trên thực tế cô có thể làm bá t cứ điề u gì cô muố n nếu cô luôn giữ được sự cân bằ ng trong tâm trí. Liệu điề u gì sẽ xảy ra nếu đầ y chỉ là những lời động viên ủy mị rác rưởi, một lời nói dồ i độc ác nhắ t trong những lời dồ i trá ác độc?

Cô đã phải đầ u tranh dắ n vật giữa những cảm giác đau khổ ấy suốt mắ y ngày qua, nhưng đế n sáng hôm nay, không hiểu vì lý do nào đầ y thôi thúc trong cô, khiế n cô muố n tìm hiểu, cô tỉnh giắ c, cảm giác phoi phoi tràn đầ y niề m lạc quan. Cô mở mắ t, nằ m trên giường lắ ng nghe tiế ng chim hót gọi ngày mới lạnh ló t trên cành đa ngoài vườn, mỉm cười với những lựa chọn trong đầ u: mình sẽ chìm hay bơi? Và cô biế t chính xác mình đã sẵn sàng để bơi trở lại.

Một công việc. Đây là điều đầu tiên cô cần lúc này: một chiếc cốc lề vưng chãi làm chỗ dựa cho những thứ xung quanh có thể sụp đổ bất cứ lúc nào. Cô bước chân xuống giường, mở sổ tay tra cứu. Trước khi ra đi, bà Driver đã nghếch ngoạc vài chữ lên một mẫu giấy rồi dúi vào tay cô, trong đây có tên vài người quen của bà ở Bombay mà Driver cho rằng họ có thể sẽ ít nhiều giúp đỡ được cô. Đúng đây những cái tên là cô Daisy Barker, trùng tên với một người cô nhìn thấy trên bảng thông báo của YWCA khi Viva đến nơi. Dòng tiếp theo, bà Driver viết: “Ông Woodmansee, phóng viên đã về hưu của tờ Thư tín tiên phong (một cái tên nghe cũ kỹ, nhưng có vẻ sẽ cho cô những lời khuyên có giá trị).

Viva mở bút gạch hai vạch dưới tên Barker. Sau bữa sáng, cô sẽ gọi cho Barker. Hãy làm ơn đưa ra ít nhất một quyết định, cô bước dọc hành lang, tiến vào nhà tắm công cộng nơi chiếc ròng rọc gỗ trên bề nước bị vũng xuống dưới sức nặng của những chiếc tất ướt và những chiếc áo coóc-xê sưng nước vấy trên mình. Cô múc nước đổ đây chậu, từ từ trút bỏ quần áo.

Cô chậm rãi gội rửa kỹ càng từng chi tiết trên cơ thể, cảm giác khoan khoái ủa về như thể trong cô tràn ngập niềm tin vào chính mình. Xong xuôi, Viva mặc chiếc váy lụa màu đỏ vào người, cài chiếc trâm cài đầu bằng bạc lên tóc. Cô có thể là một kẻ nghèo kiệt xác nhưng đúng là trông cô hãy còn rất quyến rũ.

Phòng ăn tại Y là một căn phòng khá sáng sủa năm tại tầng một của tòa nhà nhìn ra một công viên đầy bụi rậm. Mỗi buổi sáng, tại đây phục vụ hai loại tiệc điểm tâm: một loại dành cho các cô gái Anh, thực đơn gồm có trứng tráng, xúc xích, bánh mì, mứt marmalade kèm đồ uống là loại trà nhạt không bao giờ được pha bằng thứ nước đủ nóng; còn loại thứ hai, dành cho người Ấn, thực đơn khá khiêm tốn, chỉ một chiếc bánh sữa nhỏ được gọi bằng cái tên cụt ngủn pavs, một ít trứng và poha, com nghiền.

Cô lấ y một ít trứng, xúc xích và một chút com vào đĩa, để n ngồ i bên chiế c bàn cạnh cửa sổ. Từ đây cô có thể quan sát rấ t rõ cảnh vật bên ngoài, một cậu bé đang thả diê`u dọc lố i mòn trong công viên. Con gió buổi sáng nâng cánh diê`u nhẹ bẫng lên khỏi đôi tay mũm mĩm của thắ ng bé. Nó vừa quỳnh quáng chạy vừa cười vang đầ y thích thú. Có tiế ng hát từ dưới nhà bê p vọng lên, cả hơi nước nóng mang theo mùi ca-ri ướp trong những món ăn chuẩn bị nấ u cho bữa trưa theo gió len đế n tận chỗ ngồ i của Viva. Cô nhậ nha ăn hế t chút thức ăn cuố i cùng trong đĩa.

Sau bữa sáng, Viva thu hế t chút can đảm còn lại trong mình gọi cho Daisy Barker.

“A lô?”.

Một giọng nói thanh mảnh từ đầ u dây bên kia vang lên, nhanh nhẩu nhưng có vẻ thân thiện. Viva xin hẹn gặp Barker trong ngày hôm nay, Barker bảo sáng nay cô á y có giờ tại một lớp học ở trường đại học, nhưng sau bữa trưa Viva có thể đế n gặp cô tại căn hộ mới của Barker ở Byculla. Cô có biế t địa điể m á y không? Không, ừm, tim Viva đập thình thịch, nhưng Barker đã nhanh chóng chỉ dẫn rấ t chi tiế t cho cô đường đế n khu Byculla. “Cô muố n đi bắ ng xe buýt hay xe kéo tay?”. Barker hỏi thêm, Viva cảm thấ y nhẹ nhõm cả người. Bởi taxi ở thời điể m này hoàn toàn nắ m ngoài khả năng của cô.

Viva quyế t định tạt ngang qua văn phòng Thos. Cook trên đường Hornby để xem liệu hôm nay có thư từ nào gửi đế n hay không, sau đầ y cô sẽ đế n ngân hàng Grindlays để kiểm tra chút tài khoản còm côi của mình ở đầ y, nế u câ n thiế t, sẽ phải trình bày với viên quản lý vậy.

“Xin chào, mời quý cô”, một người bán rong nước ép trái cây ngồi bất chèo chân trên một chiếc chõng tre cũ kỹ đặt tại một góc đường chào mời Viva. Mỗi sáng cô vẫn thường ra đây mua của ông già một tách, vị dịu ngọt của thứ nước ép từ trái cây luôn khiến cô nhớ đến Josie, một tín đồ trung thành của loại nước ấy, luôn nài nỉ vú em mua cho hai chị em cô mỗi khi có dịp ra ngoài.

Ôi Josie. Cô nhấp một ngụm nước ép. Chị yêu dấu của em.

Khi vạch nước trong cốc chạm vào môi cô, miệng ông già bán nước mở tròn hệt như chim mẹ đang nhìn chim con uống nước. Đã nhiều lần Viva quan sát ông già bán dạo nước ép khi cô ngồi bên cạnh cửa sổ trong quán Y, cô đơn trên góc đường bụi bặm, suốt mười, mười hai, có những hôm là mười sáu tiếng đồng hồ một ngày, nhẩn nại giữa bao bước chân hờ hững ngang qua, ông vẫn ngồi ở góc đường ấy cho đến khi những ngôi sao mọc sớm lấp lánh trên nền trời tím thẫm, lúc bảy giờ ông già mới chậm rãi châm lửa thắp sáng ngọn đèn dầu trước mặt, rồi quăn một tấm chăn cũ kỹ quanh mình, tiếp tục ngồi bán đến tận nửa đêm. Có lẽ, mình không nên quá bi quan về cuộc sống nặng nề như hiện tại, Viva nhủ thầm mỗi khi nghĩ đến ông già bán nước ép.

“Ngon tuyệt”. Cô trả chiếc cốc lại cho ông già, người bán nước trao cho Viva một nụ cười như thể cả hai là những người bạn thân thiết từ bao năm nay.

Cô tiếp tục nhắm hướng đường Hornby thẳng tiến. Một chú chim đang bước những bước của riêng mình, cô nhủ thầm, rảo chân bước nhanh trên con đường bụi bặm. Một chiếc xe bò kéo bất ngờ từ phía sau vọt lên, suýt chút nữa thì tông nhẹ vào cô. Khi Viva đến nơi, người nhân viên mặc đồng phục ở văn phòng Thos. Cook & Những cậu con trai đang nhét những bức thư vào những chiếc hộp đồng nhỏ. Hòm thư của cô, hộp số sáu, gõ cửa ra vào. Cảm

giác âu lo xen lẫn sợ hãi lại vụt đến khi Viva thò tay vào trong ví tìm chiếc chìa khóa mở hòm thư.

Có hai bức thư trong hộp của cô - một là thư đến từ Cửa hiệu Quân trang quân dụng hải quân quảng cáo cho một số mặt hàng đặc biệt sẽ có mặt trong tuần này được họ gọi tên là “những chiếc kim gập chặt như nệm bằng bạc” và “ghế xếp dành cho hai người ngồi màu be và các màu tối bóng”. Không một thông tin nào từ ông Glover, bản án tổng giam đã bị ngăn chặn, cô tự khôi hài với chính mình, trong lúc đang cúi người tìm kiếm trong hòm thư thêm một lần nữa thì người nhân viên bước đến trao cho cô một phong bì với những con chữ to sụ, bay bướm kiểu vẫn thường được các cô gái mới tốt nghiệp trường trung học yêu thích. Là thư của Tor.

Chị bảo mẫu thân mến,

Một tin cực kỳ thú vị cho chị đây. Em sẽ ở một mình trong ngôi nhà này suốt hai tuần tới, trong khoảng từ 20 tháng Một trở đi. Có cả một chiếc xe hơi nữa!!! Ông bà Mallinson tham dự một cuộc đi săn dài ngày. Chị hãy làm ơn làm phúc đến đây ở với em bà u bạn cho vui, thậm chí chỉ một đêm thôi cũng được, nếu chị không thể sắp xếp để ở cùng em trong hai tuần. Ở đây có rất nhiều phòng trống yên tĩnh cho chị viết lách. Em sẽ cố gắng rủ Rose cùng đến, ba chúng ta tha hồ buôn chuyện. Hiện tại em có khá ít thời gian rồi, gần như không đủ cả thời gian để thở nữa, chỉ viết cho chị được ngắn này thôi.

Hôn chị,

Tor.

Tái bút: Có thông tin gì mới từ ông tướng Guy kinh khủng kia không?

Bước ngược đường Hornby trở về nhà, tâm trí Viva giả ng xé giữa lời đề nghị của Tor và hoàn cảnh hiện tại. Bữa tiệc đám cưới diễn ra tại nhà Mallinson vừa qua sao mà ló bịch đến thế. Ở đây có đủ gia nhân phục vụ, thừa thãi đồ ăn thức uống tuyệt hảo, cộng thêm niềm vui được gặp lại Tor và nghe thêm những tin tốt lành về cô ấy. Còn gì thú vị hơn nữa?

“Cô lưu trú ở đâu tại Bombay, cô gái bạn của Tor?”. Bà ta hỏi cô bằng cái giọng lè nhè đầy giả tạo khi cả hai vấp gặp nhau tại bàn phục vụ rượu sâm banh. Viva trả lời: “YWCA”. Ci Ci há hốc miệng, rồi chọc đầu móng tay vào cánh tay của Viva, nói: “Cô thật là kinh khủng, cô gái. Tôi nghe nói các cô gái ở đây đều là những kẻ có trái tim đã hoàn toàn tan vỡ”. Rồi Ci Ci quay sang nói với một người bạn của bà ta đang đứng gần đây: “Không giống Ấn Độ chút nào cả, cậu biết đấy”.

Có lẽ lúc ấy Ci Ci đã chế nhạo hơi men, hoặc cũng có thể bà ta đang ở trạng thái kích động, bởi đã đánh vật từ đầu đến cuối buổi tiệc đám cưới, nhưng ham muốn đến cháy bỏng được một lần chậm chậm rót rượu qua cái đầu mũ ni che tai coi trời bằng vung của quý bà Mallinson mỗi lúc một trào lên mạnh mẽ trong cô. Ngay cả lúc này, mới chỉ nghĩ đến chuyện đây thôi cũng đã khiến cô sôi sục.

Bà ta dám cả gan chế nhạo các bà mẹ, đám nhân viên công chức nhà nước, thậm chí cả tầng lớp giáo viên đang cư ngụ ở YWCA? Bà ta không hiểu gì về những con người ấy, thậm chí bà còn không biết họ đã phải làm việc vất vả đến nhường nào.

Ci Ci thuộc loại đàn bà luôn có suy nghĩ phụ nữ Ấn Độ chỉ là những kẻ dốt nát, luôn bị chà đạp áp bức. Bà ta thực sự là một mẹ già ngốc nghếch đến hoàn hảo.

Vậy thì đâu mới là một Án Độ thực thụ mà Ci Ci Mallinson từng nói đến, và, giả dụ bà ta là một phần của nó, thì tại sao lại có hai cánh vệ vũ khí trong tay, cả những chú chó béc-giê giống Đức lưng lửng canh ngoài cổng ngôi nhà của bà ta? Trong cuộc nói chuyện bất chợt giữa cuộc chè chén bên cạnh lò sưởi mát trong khu vườn ngày hôm ấy, bà ta đã lái nhai với mọi người về cộng đồng dân cư bản xứ đến liên tu bất tận.

Bữa trưa, Viva đến ngồi bên cạnh vòi phun nước công cộng được chạm trổ những hình thù rắn rít, hồ báo, đến chim muông và cả những chú chó sơn màu đỏ chói hết sức sống động, lót dạ bằng một trái xoài mua ở chợ Crawford. Giờ đây cô đang ngồi trên xe buýt, nhắm hướng Byculla, nơi có ngôi nhà của Daisy Barker thẳng tiến. Mùi dứa dứa từ mái tóc của người phụ nữ ngồi bên cạnh dịu dàng bên cánh mũi, cả cơ thể mềm mại và êm như gỗ của bà ta khẽ chạm vào người cô khiến cảm giác đói bụng lại cô đơn trào lên trong lòng Viva. Chúng chỉ gọi lại những cảm giác cô không hề muốn nhớ lúc này. Người phụ nữ ngồi bên cạnh cô đang ẵm một đứa bé trong lòng. Đứa bé đang say sưa ngủ, hàng lông mi khép kín chảy dài, hai bả má nhỏ xíu bụ bẫm như quả hạnh, người mẹ nhẹ nhàng phe phẩy bàn tay xua đuổi máy con ruồi đang vo ve chực đậu xuống mặt đứa bé. Một người đàn ông đầu tóc đã mढ़a mढ़a hôi đang cầm trên tay một chiếc áo vest cộc tay, hào hứng kể một câu chuyện cho một người đàn ông khác đang ngồi ở băng ghế dưới cùng của chiếc xe buýt nghe. Khi câu chuyện giữa hai người đàn ông đến hồi kết thúc, cả xe chợt vỡ òa bởi những tràng cười nghiêng ngả, Viva cũng cười theo đám đông mặc dù cô không hiểu được bất kỳ một từ nào trong câu chuyện người đàn ông vừa kể.

Sau mười bốn giờ, người phụ lái vẫy tay với Viva: “Đến Byculla, thưa cô. Xuống xe từ từ thôi nhé, cảm ơn”.

Viva bước xuống xe, sau một hồi xem xét tấm bản đồ mang theo trong người, cô bước dọc con đường chật chội dẫn đến một không gian khá bí bách với nhiều ngõ hẻm hun hút đầy bất an. Mặt đường đầy rẫy ổ gà, vương vãi đủ loại rau củ đã thối rữa, thi thoảng còn gặp những vũng nước tù đọng đục ngầu bởi cơn mưa tối qua để lại. Viva gặp một đứa bé đang ngơ ngác nhìn cô bên lề đường, tấm áo rách như xơ mướp của đứa bé cụt ngùn thóc lên tận giữa lưng. Bất gặp ánh mắt tò mò của đứa bé xoáy vào mình, Viva vội quay mặt đi.

Daisy đã chỉ cho Viva biết nhà của cô ở gần bệnh viện Mái ô, nhưng tất cả những gì Viva có thể tìm thấy là một dãy những cửa tiệm xiêu vẹo, tối tăm như những chiếc cối chày dựa lưng vào một vách tường. Thò đầu vào một cửa tiệm, Viva nhìn thấy một ông già đang là ủi một chiếc áo sơ mi bên vòm cửa thấp tè.

“Đâu là...?”, cô hỏi bằng tiếng Hindi, rồi Viva giơ cao hai tay vẽ một chiếc ô theo trí tưởng tượng trên đầu mình.

“Nó nằm ở đằng kia”. Ông già chỉ tay về phía góc đường tiếp theo nơi có một tòa nhà xiêu vẹo với những căn hộ cũ nát cùng những vòng ban công bằng sắt đã nhò nhò một màu rỉ sét ở mặt tiền của từng ngôi nhà; đá sỏi chúng đều đã nứt gãy chông chênh. Viva tiếp tục bước về phía trước, tiến đến trước cửa ngôi nhà và rung chuông, ô cửa chớp trên đầu cô được chock lên.

“Xin chào, xin chào”, một giọng nói trang trọng như thể giọng người lễ tân mời khách bước vào cung điện Buckingham rơi xuống chỗ Viva đang đứng. “Có phải là cô Holloway không?”. Một người phụ nữ thấp đậm trên đầu đội một chiếc mũ đi nắng khề nheo mắt cúi đầu nhìn cô từ trên ban công. “Chờ một chút, tôi sẽ xuống dẫn cô lên nhà”.

Có tiếng đé` dày lọc cọc nện dọc câ`u thang, mỗi lúc một lớn dần rô`i dừng lại sau cánh cửa. Rấ`t nhanh, cửa được mở ra, một người phụ nữ hiện ra trước mặt Viva, có vẻ đứng tuổi, Viva thầ`m đoán người phụ nữ đang đứng trước mặt cô ít nhấ`t cũng phải ba lăm tuổi. Chiế`c kính không gọng gắ`n trên khuôn mặt thông minh, người phụ nữ mặc một chiế`c áo dài bắ`ng vải bông khá giản dị.

“Xin lỗi vì tiếng đé`p lê hơi nặng”, Daisy nói. “Tôi chỉ mới chuyển đé`n đây vào tuầ`n trước. một nửa đầ`u của tôi vẫn còn nằ`m trên chiế`c xe bò kéo xộc xệch ở Colaba”. Daisy huýt sáo một hơi rõ dài rô`i cười vang như một thiế`u nữ.

Hành lang thoảng mùi cà ri để lâu ngày, cả mùi nước xít còn trùng, nhưng khi vừa đặt chân vào căn hộ của Daisy, lập tức Viva thích ngay từ cái nhìn đầ`u tiên. Trầ`n nhà cao ráo, bắ`n bức tường trắ`ng tinh sạch sẽ, không gian thoáng đãng, đầ`y ấ`p không khí, những chiế`c nệm sáng màu được bố` trí khá hài hòa với những kệ sách dày cộp. Trên chiế`c bàn đặt giữa phòng khách, chiế`c máy đánh chữ nằ`m im lìm bên cạnh những xấ`p giấ`y trông như những bài kiểm tra được nếp gọn gàng thành từng chồ`ng ngay ngắ`n.

“Ra đây xem tâ`m nhìn mới của tôi này”. Daisy dẫn Viva ra ban công rộng lớn bên ngoài phòng khách, đứng ở đây có thể nhìn thấ`y những mái nhà trắ`ng xóa nhấ`p nhô trước mặt, cả một nóc giáo đường vươn cao lộng gió. “Sẽ là một vị trí lý tưởng để tổ chức các bữa tiệc”, Daisy nói, vài giọt hoa nắ`ng nhảy nhót trên khuôn mặt nhợt nhạt của cô. “Tớ`i hôm qua chúng tôi còn chơi cả câ`u lông ở đây đầ`y. Cô dùng trà nhé? Bánh xăng-đuých? Cô đã đói bụng chưa?”.

Suố`t tuầ`n trà, Viva đã tự nhủ lòng mình sẽ thích Daisy. Ân sau đôi mắ`t nhân hậu là một tinh thầ`n đầ`y nghị lực, Daisy thuộc tuýp người luôn biế`t chèo lái mọi chuyện diễn ra thật êm ả như chúng vẫn thấ`. Hé`t tách trà thứ hai, Daisy bắ`t đầ`u kể cho Viva nghe về` cái

phong trào được đặt tên là Hòa giải mà cô đang tham gia, một phong trào được những phụ nữ từng tốt nghiệp đại học Oxbridge sáng lập với tôn chỉ “chúng ta hoàn toàn có lợi và đặc ân khi đến với đất nước Ấn Độ để giảng dạy cho những người phụ nữ đang theo học tại trường đại học nơi đây”.

Phải ngò i chuyện trò thêm một khoảng thời gian khá lâu nữa Viva mới biết được, rằng Daisy, trong bộ váy giản dị đến tột tòn, với một giọng nói thanh mảnh ấy lại có một người cha thuộc dòng dõi quý tộc hiện đang sở hữu một gia sản khá lớn ở Norfolk, nhưng hoàn cảnh thuận lợi ấy không hề ảnh hưởng đến những sở thích trong cuộc sống của cô. Daisy đã thuyết phục để được làm những điều như những người bình thường vẫn làm, hầu như khi cô chỉ nhận được những lời chế giễu cười nhạo của những kẻ thông thái có cùng đặc quyền đặc lợi với mình.

“Phụ nữ Ấn Độ, ở trường đại học?”, Viva thốt lên đầy kinh ngạc - không một ai theo học đến bậc đại học từ cái nơi cô từng đến. “Xin thứ lỗi, nhưng em nghĩ đa số mọi người ở đây đều thất học?”.

“Ừm, rất nhiều người mù chữ, đây là sự thật”. Daisy thoáng trầm ngâm. “Nhưng Bombay rất tiến bộ trong một số lĩnh vực và chúng ta đã có những nữ luật sư ở đây, cả nhà thơ, bác sĩ, nghệ sĩ, kỹ sư nữa. Chính họ là những con người tạo nên sự huy hoàng cho đất nước này: những con người thông minh, ham hiểu biết, đầy nhiệt huyết. Nếu cô có hứng thú, cô có thể gặp gỡ với họ”.

Giữa cuộc nói chuyện, Daisy cho biết cô đã tham dự một khóa đào tạo dài sáu tuần ở trường đại học, hiện tại cô đã cải thiện được khá nhiều tiếng Urdu của mình.

“Cô có biết tiếng Urdu không? Ôi, một ngôn ngữ rất phong phú! Nếu cô cảm thấy hứng thú với thơ ca, tôi sẽ cho cô mượn một số cuốn về đề tài này. Sẽ là một cuộc khám phá rất thú vị!”.

“Em rất thích”.

“Mà cô này?”, ánh mắt Daisy như cười với cô sau đôi tròng kính. “Trước đây đã bao giờ cô sống ở Ấn Độ chưa?”.

“Em đã ở đây cho đến năm lên mười tuổi. Sau đây bố mẹ qua đời trong một vụ tai nạn xe hơi ở miền Bắc”. Những lời dõ dặt trả lời đến giờ này đã được cô thốt ra hết sức dễ dàng. “Rồi em quay về nước Anh, lần này em trở lại để nhận một số đồ đạc do bố mẹ để lại trước khi qua đời. Một chiếc rương đang được gửi ở Simla”.

“Tội nghiệp quá, hẳn cô đã rất buồn vì chuyện đấy”.

“Ừm...”, Viva không biết nói gì.

“Thế cô có kế hoạch gì cho công việc không?”.

Viva háng giọng. “Em muốn trở thành một nhà văn”. Nói đến đây bất chợt Viva im bặt, cô có cảm giác mình lại tiếp tục lừa dối khi nói “em đã có một số tác phẩm xuất bản ở nước Anh”.

“Chúa ơi, thú vị thật đấy”.

“Cũng không hẳn, em có cảm giác sợ hãi, hiện tại thôi. Em chỉ ước chúng qua nhanh. Thực ra, em đang tìm một công việc gì đấy để có thể trang trải cho cuộc sống nơi đây”.

Daisy châm thêm trà vào tách của hai người.

“Nhưng cô chỉ mới đặt chân đến đây chưa lâu”. Cô phá vỡ bầu im lặng. “Và lại khá khác thường khi quyết định sống ở Ấn Độ vào

lúc này - mọi thứ đang thay đổi: ấy là về mặt lý tưởng, tôi mạo muội cho rằng, trong quan điểm của một nhà văn”.

Daisy kể cho Viva nghe về Đảng quốc đại Ấn Độ, những con người đang quyết tâm hơn bao giờ hết cho công cuộc cách mạng nhằm đưa đất nước Ấn Độ thoát ra khỏi cái bóng bảo hộ của nước Anh, và làm thế nào mà Gandhi, “một nguôn cảm hứng thực thụ”, lại nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhiều người dân Ấn Độ đến thế.

“Chị có nghĩ là người Ấn đã thực sự bắt đầu có thái độ căm ghét người Anh hay không?”, Viva hỏi, bối rối như bao lần trước.

“Không, tôi không cho là vậy”, Daisy nói. “Ấn Độ là đất nước của những con người bao dung - họ là những con người nồng nhiệt và thân thiện nhất trên thế giới, nếu họ không rơi vào trạng thái quá khích, lúc bấy giờ mọi thứ có thể sẽ thay đổi như cô nghĩ”. Daisy gõ móng tay lách cách lên mặt bàn. “Một số cái đầu nóng có thể sẽ thổi bùng ngọn lửa. Vậy nên phải thật cảnh giác”, Daisy nói, “cả cẩn trọng nữa. Nhưng thôi, quay trở lại với chủ đề chính nhé”. Daisy rút ra một cuốn sổ tay cùng một chiếc bút, bắt đầu tập trung hết mực vào chúng. “Cô định ở lại Ấn Độ trong bao lâu?”.

“Ít nhất là một năm”.

“Cô có nói được tiếng Hindi không?”.

“Một ít thôi ạ”.

“Rất tốt. Nhưng hãy cố gắng học thêm cả tiếng Marathi nữa - nó sẽ tạo ra sự khác biệt”.

Daisy cho biết cô quen Lloyd Woodmansee. “Ông ấy thường biên tập những bài chính trên tờ Thời báo Ấn Độ, ngoài ra còn làm

việc cho tờ Tiê`n phong nữa. Tôi không chắ`c là ở đầ`y họ có sử dụng nhiê`u tác phẩm của các nhà văn nữ hay không, nhưng nê`u có thì chắ`c cũng chỉ để viê`t những bài về` váy áo và các cuộc triển lãm trình diễn hoa cúc, nhưng có thể ông á`y sẽ giúp được cô. Ông á`y đã già quá rô`i, lại đang gặp vận rủi nữa. Nhớ mang đê`n tặng cho ông á`y một cái bánh sô-cô-la”. Daisy khéo léo lấ`y từ trong túi xách tay ra một mẫu giấ`y và viê`t lên đầ`y họ tên cùng địa chỉ của ông già. “Ông á`y đang sô`ng tại khu vực đô`i diện với chợ Crawford”.

“Thông thường thì người ta sẽ yêu câ`u bao nhiêu trong trường hợp em may mắ`n tìm được một câu chuyện để viê`t?”. Tim Viva đáp ròn ràng.

“Thường là không. Tôi e là, trừ phi, cô biê`t đầ`y, trừ phi cô là Rudyard Kipling. Ta không phải trả một cắ`c cho những điê`u mà mình sẽ làm cho họ”.

“À”,

“Ôi không... xin lỗi”.

“Không sao đâu”. Viva quay lưng. “Cảm ơn rấ`t nhiê`u vì chị đã giúp em, chị thật tô`t bụng”.

Daisy đặt hai tách trà trở lại lên khay, tỉ mỉ xé`p chúng thật cẩn thận.

“Có phải cô đang gặp khó khăn trong vấ`n đê` tài chính?”, Daisy bắ`t ngờ hỏi.

Viva gậ`t đầ`u, nỗi xót xa tũ`i hồ trào lên thành giọt nước mắ`t lăn dài trên gò má. “Em chỉ còn đúng hai mươi lăm bằ`ng”, cuố`i cùng cô cũng lên tiê`ng. “Chuyê`n đi vừa qua nhê` ra em được thanh toán nhưng cuố`i cùng chủ thuê lại thay đổi ý định”.

“Như thế là không công bằng”.

“Vâng”, Viva phụ họa, “không công bằng”.

“Họm đã, ngò i chờ tôi một lát”, Daisy như vừa chợt nhớ ra điều gì. “Tôi có ý kiến thế này, không to tát gì cho cam nhưng tôi nghĩ nó có thể giúp cô vượt qua được hoàn cảnh khó khăn hiện tại”.

Trong gần nửa tiếng đồng hồ tiếp theo, Daisy kể với Viva về một phần trong số những công việc liên quan đến lĩnh vực đào tạo của tổ chức Hòa giải là nhận hỗ trợ cho hai mái ấm tình thương dành cho trẻ em ở Bombay: một ở Byculla, có tên là Tamarind. Tại đây trẻ em đường phố sẽ được cung cấp một bữa ăn giữa ngày và được dạy những bài học đầu tiên làm quen với việc đọc và viết. Tại Tamarind đang nuôi dưỡng một số trẻ em lang thang cơ nhỡ, ở đây đang cần một người trợ lý. Tiền công khá khiêm tốn, chỉ một ru pi mỗi ngày, nhưng giờ giấc khá thoải mái, hẳn sẽ thích hợp với những người làm nghề viết lách như Viva. Công việc diễn ra trong một căn phòng bé tí hon, không có đồ đạc gì quan trọng, nằm trong khuôn viên ngôi nhà của một đệ tử của giáo phái Bái hỏa tôn thờ thần lửa, ông Jamshed, người có các cô con gái đang theo học tại trường đại học.

“Lũ trẻ ở đây sẽ kể cho cô nghe đủ chuyện có thể viết thành những cuốn sách”, Daisy nói, “chắc hẳn những câu chuyện của chúng ăn đứt mấy bài về váy áo và hoa hòe cúc mai”.

Viva trầm tư. Cô đặt tách trà của mình xuống. “Em sẽ nhận việc này”, cô nói.

“Tuyệt”. Daisy bắt tay cô.

Hai người tiếp tục câu chuyện, khoảng trời bên trên ban công chợt bừng sáng một màu hồng rạng rỡ, từ dưới phố vọng lên tiếng rao “nước sạch, thừa các quý bà” của người chở nước thuê.

“Có lẽ”, Daisy nói, “chúng ta nên thuê một chiếc xe buýt để về nhà. Sắp tới rồi”.

Lần đầu tiên suốt những ngày dài đằng đẽ vừa qua, Viva không còn cảm giác âu lo sợ hãi về những thời khắc sắp đến. Mọi việc vẫn chưa như cô mong muốn, nhưng ít nhất thì cô cũng đã tìm được một sự khởi đầu mới.

Chương 26

Poona, tháng một năm 1929

Vào cái ngày Viva bắt đầu công việc đầu tiên của cô ở Bombay ấy, Rose đang ngồi trầm tư trên chỗ ngồi cạnh cửa sổ trên chuyên tàu tốc hành Deccan Express. Cô và Jack đã là vợ chồng được ba tuần nay, hai người đang trên đường đến Poona, khu doanh trại đầu tiên cả hai sẽ chuyển đến sau ngày cưới. Ba tuần là quãng thời gian đủ dài để Rose biết anh thuộc tuýp đàn ông không thích bị quấy rầy trong lúc đọc sách và đây chính là kế hoạch của Jack, kể từ bây giờ, sẽ có nhiều điều quan trọng hơn cô.

Quan điểm ấy được hình thành, nhẫn nại mà cương quyết, trong phòng ngủ của một nhà nghỉ cũ kỹ ở Mahabaleshwar, nơi Jack và Rose dành bốn ngày cho tuần trăng mật muộn màng của hai người.

“Tuyệt”, cô vỗ tay đầy phấn khích khi nghe anh giải thích hai người sẽ dành một hoặc hai ngày ghé lại Bombay trên đường trở về Poona. “Em sẽ gặp lại Tor, và có thể là cả chị Viva nữa”.

Đã mấy tuần nay cô không nhận được bất kỳ chút thông tin nào về họ. Anh khẽ cau mày, cô nhìn thấy rất rõ những thớ thịt trên má anh đang co giật liên tục, Rose bắt đầu cảm thấy bất an, dè chừng.

Anh bảo với cô sẽ đi kiểm tra một con ngựa ở ngoài chuồng, sau đây cả hai có thể ra ngoài mua sắm một số vật dụng cần thiết cho nhà mới. Rose cảm thấy đôi chút thất vọng, nhưng cô vẫn cố để không bữu môi tỏ vẻ hờn dỗi với anh.

“Còn vô khô i thời gian ngay sau khi chúng ta ổn định cuộc sống”, đột nhiên anh trở nên dịu dàng, vòng tay ôm lấy cô, “nhưng chúng ta cần phải dịch chuyển”.

Dịch chuyển là hai tiếng vẫn thường được Jack sử dụng, trong những lúc chuyện phiếm, hoặc những khi tâm trạng anh thoải mái, muốn đùa cợt vui vẻ với Rose, anh lại thốt lên mấy từ như “avante”, hoặc “jaldi”, tiếng Hindi có nghĩa để chỉ hành động thúc giục.

Nhiều lần cô bắt gặp anh đang đứng nhìn những người dân bản địa với ánh mắt ngạc nhiên đầy sững sờ. Rất nhiều người trong số họ có thể dành hàng tiếng đồng hồ chỉ để ngắm mơ mộng ngắm nhìn vạn vật quanh mình. Anh không thể là người như thế được.

Yên lặng, Rose nhẹ nhàng gỡ cánh tay của Jack đang ôm hờ quanh người, cô mở cuốn sổ tay bìa bọc da màu hạt dẻ cùng chiếc bút màu vàng, quà tặng của người cha trước khi cô con gái rượu ra đi.

“Bố mẹ kính yêu của con”, cô nắn nót viết. “Quý cô đã có chôn này đang ngồi trên xe lửa. Bọn con vừa rời khỏi Bombay một giờ trước, phải trải qua hành trình dài chừng một trăm năm mươi dặm, hiện tại con đang rất nóng lòng chờ đợi để được nhìn thấy khu phố mới dành cho những cặp vợ chồng sĩ quan mới cưới. Địa chỉ mới của con là số 2 Larches, Khu doanh trại quân sự Poona. Từ cửa sổ, con có thể nhìn thấy rất rõ những sườn núi hoang dã ken dày cây cối chạy dài đến bất tận, phong cảnh ở đây rất hoang dã, một Ấn Độ cực kỳ lãng mạn”.

Thực ra, lại bản thủ với vẻ bề ngoài lúc nào cũng nhờ nhờ một màu nâu sẫm - mặc dù Jack đã quả quyết với cô, trong lúc anh đang chú ý vào tờ Tiền phong nghiên ngẫm từ những bản tin thể thao

đến các mẫu quảng cáo đăng đủ loại trên đây, rằng khi gió mùa đến, những cánh rừng sẽ lại xanh ngắt t đến ngút ngàn màu lá ngay lập tức.

Tâm trí Rose chuyển sang những hình ảnh kém lãng mạn mà cả hai đều nhìn thấy - cứ mỗi lần nghĩ đến chúng là khuôn mặt cô lại ửng hồng - vào sáng sớm. Giữa cánh đồng rộng lớn nằm ở khu vực ngoại ô Bombay, cô và Jack đã nhìn thấy máy chực người dân bản địa cùng lúc kéo nhau đi đại tiện dưới ánh nắng ban mai ngập tràn mặt đất. Điều thứ hai.

“Đừng nhìn”, Jack gằn như ra lệnh cho cô, nhưng những chiếc cômông trần đã đập vào mắt, góm ghiếc và súng sốt, thoát nhìn trông như những cây nấm xin màu khổng lồ.

“Bọn con đã có một tuấn tuyệt vời bên nhau”, cô viết tiếp.

Tuấn trắng mặt diễn ra không mấy suôn sẻ. Đêm đầu tiên sau đám cưới ở Mahabaleshwar, cô và Jack lặng lẽ ăn tối bên nhau ở nhà nghỉ, trong một căn phòng ẩm ướt, ánh sáng mờ mờ tỏ tỏ, cùng một vài cặp đôi khác ở các bàn kế bên. Tất cả đều lặng lẽ, không ai nói với ai một lời. Đã mấy lần Rose cố gắng khơi gợi nhưng câu chuyện vẫn diễn ra khá e dè và giả tạo. Cô kể đôi chút về miền trung Wallop và những chú ngựa giống Pony xinh xắn. Cô hỏi anh về lịch sử của trung đoàn kỵ binh số 3, nơi anh từng có một thời gian dài gấn bó. Khuôn mặt Jack đột nhiên ửng hồng, cô chưa bao giờ thấy anh sôi nổi đến thế khi kể về cái trung đoàn lâu đời và vĩ đại nhất của mình, nhưng hiện tại anh cảm thấy hạnh phúc với trung đoàn kỵ binh Ấn Độ ở đây, hơn là với bất kỳ một trung đoàn Anh quốc với những con người lúc nào cũng có thái độ kiêu kỳ đến khinh khỉnh nào khác, bởi anh từng sát cánh bên các đồng đội người Ấn, đã được chứng kiến những hành động dũng cảm của những con người nơi đây.

Sau khi uống cạn ly vang - mùi vị khá khó chịu và hơi đắng, khiến cô có cảm giác chướng choáng, bởi cô hiếm khi uống rượu vang - Jack nhìn cô bằng ánh mắt biết cười, rồi đột nhiên anh rướn người về phía trước, thì thầm với cô: “Em rất xinh đẹp, em có biết đi đâu đây không Rose?”.

Cô khẽ lắc đầu rồi cúi xuống nhìn vào đĩa của mình. Jack vẫn thì thầm bên tai: “Em có muốn quay trở lại phòng nghỉ với anh không?”.

Những cặp đôi trong phòng ăn quay đầu nhìn theo cô khi cả hai dấn nhau bước lên lầu. Rose nhìn thấy nụ cười bí mật trao nhanh giữa một người đàn ông và một người phụ nữ khi cô ngang qua chỗ họ ngồi, bởi cả hai đã nhìn thấy một bông hoa giấy được dùng để ném trong ngày lễ kết hôn còn đậu lại trên áo khoác Rose. Có lẽ họ đã nghe thấy tiếng cô khi ngang qua phòng ngủ của hai người để xuống phòng ăn. Những ngón tay Rose run rẩy khi cô nhét khúc bọt biển vào đúng chỗ cần nhét. Hai lần tuột khỏi tay Rose, một lần văng ra khỏi bồn tắm. Cô phải lồm cồm bò sát sàn nhà tìm kiếm, kinh hoàng khi nhìn thấy một con rắn và một con bọ cạp ẩn mình dưới gầm bồn tắm ẩm ướt. Trong khi cô đang rửa khúc bọt biển, cô nghe thấy tiếng mở cửa rồi tiếp theo là tiếng đóng cửa phòng ngủ từ ngoài vọng vào.

“Em không sao chứ?”, Jack gọi.

“Em ổn... cảm ơn anh”, Rose bô i rồi trả lời.

“Ra đây nào, em yêu”, năm phút sau anh lại gọi cô.

Cô dặng hai chân trên chiếc ghế đầu đặt trong phòng tắm, nghiêng rặng cô nhét miếng bọt biển vào mình. Mồ hôi đầm đìa, Rose mím môi cô không bật ra tiếng khóc, rồi cô cũng nhét được nó vào chỗ cần nhét. Chiếc váy mặc ở nhà màu lụa đào có vẻ hơi lố

bịch trong căn phòng đơn sơ này, Rose làm rách một đường khi cô lóng ngóng xỏ chân vào đường viê`n trên thân váy.

Khi cô bước vào phòng ngủ, anh không nói một lời nào. Jack đang nằ`m dưới vuông màn được vén gọn phía trên giường, khoác trên mình chiế`c áo choàng với những họa tiế`t hình cánh hoa, giả vờ chăm chú vào tờ báo trên tay. Chiế`c quạt trầ`n vo ve kêu trên đầ`u.

Khi anh giậ`t tầ`m trái giường, cô nhìn thầ`y những chiế`c khăn tắ`m trắ`ng tinh được rải đầ`u trên tầ`m chắ`n đắ`p. Anh nhìn cô, không một nụ cười. “Chúng ta không câ`n phải làm chuyện á`y nế`u em không muố`n”, anh nói.

“Em thực sự muố`n”, cô nói, không dám nhìn thẳng vào anh.

Tor đã nói với cô sẽ không có cảm giác đau đứ`n nế`u cô thực hiện tư thê` giố`ng như đang cưỡi ngựa, nhưng sao Rose vẫn cảm thầ`y đau đứ`n xé mình. Khi kế`t thúc, cả hai mô` hôi mô` kê khẽ nhại, đầ`y lúng túng, tự động tuộ`t khỏi nhau, bô`i rồ`i đứ`n độ không một ai dám nhìn vào mắ`t người kia. Không, đầ`y không phải là một sự khởi đầ`u tồ`t đẹp, hai đêm sau đầ`y, mọi việc vẫn không hê` tiế`n triển. Tô`i qua, anh đã nằ`m lỳ trong bô`n tắ`m gầ`n một tiế`ng đồ`ng hồ`, chìm ngậ`p trong cảm giác lúng túng, dạ dày đau thắ`t. Anh mở vòi để mặc cho nước xồ`i xả chảy hòng che đi những tiế`ng ho khan lọt vào tai cô, nhưng như thê` cũng đã đủ khiế`n cả hai phải cảm thầ`y xắ`u hổ đứ`n nghẹn lời.

Đứ`n bô`n giờ sáng, anh gắ`t gồ`ng nói với cô: “Chúc em ngủ ngon, Rose. Anh biế`t em vẫn còn thao thức”. Rose bả`i hoải, đôi mắ`t vẫn mở to nhìn vào bóng tô`i dày đặc trước mặt, lắ`ng tai nghe tiế`ng côn trùng đập cánh ngoài cửa sổ, tiế`ng ngáy đầ`u đặn của anh bên cạnh, cô cứ nằ`m im như thê`, rầ` rời cho đứ`n khi thiế`p đi lúc nào không hay.

Con tàu rùng rùng băng qua những ngọn đò i rậm rịt cây cô i nham nhở một màu khô cằn nứt nẻ vì thiêu nước. Người nhân viên phục vụ trên toa tàu dừng lại bên cạnh chỗ ngồi của hai người, mời Rose và Jack thứ trà màu gạch, một ít bánh trái cây và vài viên kẹo ngọt. “Anh không ăn chúng đâu, em yêu”. Jack gạt tờ báo sang một bên. “Anh cá Durgabai đã nấu đủ đồ ăn cho cả trung đoàn sáng hôm nay”.

Durgabai là tên của một trong số bốn người làm mà cô vẫn chưa gặp mặt. Ôi lạy Chúa, cô đúng là có vận đề về thân kinh, cả Jack nữa, lúc này trông yên lặng hơn thường lệ, có lẽ cũng giống như cô. Một người đàn ông có thể đọc một tờ báo trong bao lâu được nhỉ?

Sáu tiếng đồng hồ sau, họ đã đến nơi. Jack và Rose lên một chiếc taxi tại ga Poona rồi vùn vụt lao đi qua những con phố với những hàng cây được xén tỉa cẩn thận hai bên đường. Chiếc taxi chở họ qua những câu lạc bộ, đến sân bóng polo, rồi dừng lại trước một ngôi nhà gỗ cấp bốn nho nhỏ. Jack yêu cầu Rose nhắm mắt, anh bế cô bước qua ngưỡng cửa, bập chân cô va vào ổ khóa, Rose cảm nhận được cơn đau ứa đến. Cô vẫn mỉm cười, im lặng tận hưởng những cử chỉ âu yếm lãng mạn mà Jack đang mang đến cho cô.

Cô mở mắt, nhìn thấy lớp mờ hơi đang rịn ra thấm ướt dưới cánh tay Jack khi anh đặt cô xuống.

“Đẹp quá”, cô thì thầm, nghiêng đầu đón nụ hôn của anh.

Rose hy vọng Jack sẽ không nhận thấy những thất vọng trong cô. Cô đã nhìn thấy, cái gì nhỉ? Những căn nhà giống như nhiều ngôi nhà cấp bốn bằng gỗ xinh xắn và rộng rãi trên đường đến đây, mỗi ngôi nhà đều có một hàng hiên rộng rãi và một cây cỏ thụ mọc phía trước. Không gian tĩnh lặng như một khu vườn chết hay như một hành lang tối tăm ẩm thấp thoảng mùi mốc. Nhưng anh

đã cho cô biết trước, ngôi nhà của họ chỉ là một trong những ngôi nhà dành cho gia đình sĩ quan cấp thấp, rằng họ sẽ chuyển đến một ngôi nhà khác rộng rãi hơn sau khi anh được thăng chức.

“Vây”, khuôn mặt anh chợt rạng rỡ, “em ở đây không sao chứ?”.

“Anh yêu, em thực sự thích nơi này, thật đấy”. Cô trả lời anh. “Sao anh lại nghĩ là em sẽ không thích nó?”.

Cảm giác ngượng nghịu bắt đầu dâng lên trong cô, nó chỉ ủa về khi cô thốt ra những tiếng ấy. Em thích nó khi được ở đây, được nhìn thấy anh! Vâng, em đã sống những ngày dài hoang vắng, đến hôm nay mới thật sự chạm tay vào hạnh phúc! Hẳn sẽ phải có những từ ngữ khác nữa để diễn tả những gì mới lạ ở đây.

Anh dẫn cô vào phòng khách, nhỏ bé và gập ghềnh như trống trơn, chỉ một chiếc tràng kỷ bằng tre năm đời diện với một chiếc lò sưởi bằng điện cũ kỹ. Một bức tranh treo ngay ngắn trên tường, có lẽ là phong cảnh của một vùng đất hoang nào đấy ở Xcôt-len mọc đầy thạch nam, giữa bức tranh là một chú nai đực đang đong chiếc sừng chỉ chít những nhánh gạc như mắt nhìn chằm chằm vào cô. Có tiếng chim từ ngoài cửa sổ vọng vào, không gian đột nhiên im ắng đến lạ thường, như thể cả ngôi nhà đang im lặng chờ đợi lời giới thiệu ra mắt của cô. Rose tò mò dán mắt vào bức tranh.

“Ôi, chú hươu tội nghiệp”, cô buột miệng, “nó thật là dễ thương”. Rồi cảm giác ngượng ngùng lại bùng lên, cô đỏ mặt, im lặng.

“Đề xem nào, chúng ta sẽ cần khá nhiều đồ đạc đây”, Jack nói, miệng anh trở nên nhỏ bé khi Jack nghiêng người bước chéo sang góc khác của căn phòng, “thêm một ít đồ ở cửa hàng tạp hóa nữa”.

“Em rất thích công việc bày biện sắp xếp nhà cửa”, cô nói. Thực tế, ngoài việc thay áo cho những con búp bê trên giường ngủ và

đính lại những chiếc nơ hoa hồng trên ngực áo cho chắc chắn, Rose chưa bao giờ đụng tay vào một công việc nào khác khi còn ở nhà.

“Chúng ta sẽ phải tính toán lại chuyện tiền nong một chút”. Jack đứng quay lưng về phía cô. “Nhiều người vẫn thuê đồ đạc để sử dụng, đặc biệt khá phổ biến trong những năm gần đây”.

“Thuê? Chúa ơi, từ trước đến nay em chưa bao giờ nghe nói đến chuyện này cả”.

“Ừm, ở đây mọi thứ diễn ra rất nhanh. Mọi người vận động mọi lúc mọi nơi - mà thôi, anh sẽ kể với em chuyện này sau vậy”. Anh lại đưa tay lên nhìn đồng hồ.

Cô nhìn anh chầm chầm, im lặng; bóng anh cao lớn, cơ thể to lớn của anh không thích hợp khi ở trong ngôi nhà nhỏ bé này. Cả hai sánh bước bên nhau dọc hành lang, tại đây cô nhìn thấy một bộ sưu tập gồm những tấm bưu thiếp đặt ngay ngắn trên một chiếc bàn bằ ng đồng nho nhỏ.

“Chúng được gửi đến cho em đây”, anh nói, trao xấp bưu thiếp cho cô. “Các quý bà quý cô ở câu lạc bộ không thể chờ đến lúc được gặp em. Chỉ một vài trong số họ là những kẻ độc ác, còn lại đa số đều là những con người dễ mến”. Anh cầm một chiếc phong bì lên đọc lớn,

“Gửi tới bà Jack Chandler”.

“Có một cái của Tor”. Làn da u tiên trong ngày hôm nay, một nụ cười đúng nghĩa nở trên môi cô. “Em không biết số còn lại là của những ai”. Rose không nhận ra nét chữ và địa chỉ của một bệnh viện Án Độ in trên góc trái của chiếc phong bì.

Jack bảo cô để sau hẵng xem những tấm bưu thiếp. Anh chỉ còn nửa tiếng đồng hồ cho bữa trưa và muốn chỉ cho cô phòng bếp trước. “Tất nhiên, anh yêu”, cô nói. “Em cũng không muốn đọc chúng ngay bây giờ”. Cô nhét xấp bưu thiếp vào túi áo, nhưng trong đầu cô lại tự nhủ mình: đây là lần thứ hai trong ngày hôm nay cô ngăn mình ra xa khỏi Tor.

“Người làm ở đâu nhỉ?”, cô đột nhiên hỏi Jack.

“Em đã muốn gặp mặt bọn họ rồi kia à?”, anh âu yếm hỏi cô. “Anh đã nói với em là bọn họ đang trở về nhà của mình cho đến khi em có cơ hội tìm hiểu và làm quen với mọi chuyện ở đây”.

“Tất nhiên, tất nhiên là như vậy rồi!” , Rose nói, mặc dù cô chỉ muốn tìm một chỗ để ẩn nấp. “Nhưng em có thể đi xem phòng ngủ trước được chứ?”. Cô cố gắng giữ sao cho giọng nói của mình thật vui vẻ.

“Ừm, không nhiều nhận gì”. Anh mỉm cười với cô, một nụ cười bên lên đủ khiến trái tim cô chết nghẹn. Đây là cơ hội cho cả hai người.

Hai người bước ra khỏi phòng bếp, anh vòng tay qua eo cô, nhẹ nhàng đặt cô xuống một khoảng không gian nho nhỏ, giống như một hành lang hẹp và ngắn, thì thầm: “Phòng của chúng ta”.

“Em chưa bao giờ ngủ trong một căn phòng ngay dưới chân cầu thang cả”, cô vui vẻ nói với anh, cố gắng giữ giọng mình nghe sao thật thoải mái. Anh mở toang cửa sổ, một tia nắng từ ngoài rơi thẳng vào nhà rơi xuống mặt sàn thấp tối. Ở giữa căn phòng là một chiếc giường đôi với một chiếc khăn trải giường bằng vải bông êm ái trắng tinh giăng kín mặt giường, ai đây đã xếp sẵn từ trước những que nhựa nho nhỏ tạo thành hai chữ CHÚC MỪNG chính giữa giường.

“Chắc hẳn đây là tác phẩm của Durga và Shukla”, giọng anh êm ái. “Bọn họ thật dễ thương”.

Cô khẽ lắc đầu, hai má lại ửng hồng. Nhìn chiếc giường rộng rãi, bất giác người cô cứng đờ, thẹn thùng.

“Quần áo của chúng ta đâu nhỉ?”, cô hỏi nhanh, mặc dù đang là ban ngày, nhưng ánh mắt trêu mê của anh khiến trái tim cô muốn nhảy ra khỏi lồng ngực.

“Ở đây”. Anh tiến lên phía trước, mở cánh cửa thông sang một căn phòng khác. “Anh nghĩ hơi lộn xộn một chút, nhưng anh không chắc là em có muốn để những người làm chạm tay vào đồ đạc của mình hay không”.

“Em sẽ tự sắp xếp tất cả”, cô nói. Cô muốn chứng tỏ mình là một người phụ nữ đảm đang, hết như một người mẹ, có thể thu vén sắp xếp mọi việc trong gia đình mà không cần phải lớn tiếng ồn ào. “Đấy là công việc của em”.

“Em đừng quên mình đang có trong nhà bốn người giúp việc đấy”, anh nói. “Em không cần phải đụng tay nếu thực sự không muốn”.

“Em hiểu”, Rose nói với Jack, “nhưng em thích tự tay mình làm việc nhà”.

“Ừm, vậy thì em cứ việc”, anh nói. Giọng anh có vẻ bực bội, pha lẫn đôi chút châm biếm chua cay, hay đơn giản chỉ bởi Rose bắt đầu đọc quá nhiều điếu mà không hề chọn lọc?

“Nhưng em vẫn mong được diện kiến bọn họ”, cô nói, như thể để xoa dịu cơn bực trong anh.

Hôm nay, từng người một lần lượt bước ra giới thiệu với cô.

Người đầu tiên, tên Durgabai, hầu gái kiêm nấu bếp, một người phụ nữ gốc Maharashtra, khá dễ nhìn, sở hữu đôi mắt to tròn nâu sáng và đôi gò má hơi cao; tiếp theo là Shukla, cô con gái lên bảy của Durgabai, bản sao thu nhỏ của bà, bên lên bếp sau váy mẹ.

Tiếp đến là Dinesh, mảnh khảnh, khẽ cúi mình chào Rose nhưng không hề có một nụ cười nào trên môi. Jack bảo Dinesh là người khâu vác cho anh từ ba năm trước. Cuối cùng là Ashish, đảm nhiệm công việc giặt giũ. Ashish là thợ giặt ở Ấn Độ, một chân bị tật teo tóp và đôi mắt mờ đục lúc nào cũng thẹn thùng như một cô gái. Durgabai tỏ ra thân thiện với Rose, bà mỉm cười cúi đầu chào cô: “Xin chào, thưa bà” như để xoa đi cảm giác lúng túng ngượng nghịu trong những người còn lại.

Suốt bữa trưa - gồm có đậu Hà Lan, súp thịt và một khoanh thịt cừu sây khô - Rose kể với Jack, chủ yếu là để tạo không khí vui vẻ trong bữa ăn, rằng cô nhận thấy rất khó khăn để nhớ được hết những cái tên Ấn Độ, cho dù khuôn mặt của bọn họ đôi khi khiến cô lúng túng, bởi chúng trông không khác nhau là bao.

Jack đặt con dao mỏng dính xuống bàn và nói, gần từng tiếng một, rằng tốt hơn hết là cô nên tập trung hơn nữa, bởi vì có thể những lời cô nói sẽ khiến bọn họ cảm thấy bị xúc phạm nặng nề. Jack kể cho cô nghe câu chuyện về một viên thiêu tá người Ấn Độ ở trung đoàn của anh, ông ta có thể nhớ tên của tất cả mọi người chỉ trong vòng một tuần.

Cô ỉu xiu, chán nản. Thật ngớ ngẩn khi thốt ra những lời vừa rồi. Khi cô ngẩng đầu lên nhìn, Rose bắt gặp hai cặp mắt đen lay láy đang tò mò nhìn mình sau khe cửa.

Jack quát vài câu bằng tiếng Hindi, tiếng cười khúc khích sau cánh cửa đột nhiên im bật.

“Anh nói gì vậy, Jack?”, cô hỏi anh.

“Anh chỉ bảo nếu ông ấy không dừng cái việc nhìn ngắm quý bà đây, buộc anh sẽ phải đến tận nhà để nhìn ngắm vợ ông ấy”.

“Jack!”, cô thốt lên. “Anh thật là tinh nghịch”.

“Thưa bà”, Durgabai xuất hiện bên bàn ăn, trực tiếp nói với cô. “Xin thứ lỗi vì đã làm gián đoạn bữa ăn, nhưng người giặt giũ đã đến chờ ngoài cửa hậu”.

Rose nhìn Jack với ánh mắt mong chờ đợi. “Em nên nói thế nào?”.

Jack đặt dao và nĩa xuống bàn. “Bảo với ông ấy quay lại đây sau khi chúng ta kết thúc bữa trưa, rằng chúng ta không muốn bị quấy rầy khi đang dùng bữa. Một bài thực hành dành cho em đây”.

“Chúng tôi đang dùng bữa”, giọng cô run run. “Chúng tôi không muốn bị quấy rầy. Xin lỗi”. Cánh cửa lập tức được đóng lại.

Cô nuốt vội mẫu thức ăn trong miệng, rồi nhìn xuống bàn tay của mình. “Em không biết mình có thể thành thực trong chuyện này được không”, giọng cô lý nhí. “Có quá nhiều điều để học”.

“Cứ từ từ”, Jack nói. Anh khẽ gật đầu và thở dài.

Sau bữa trưa, Jack dắt Rose ra ngoài để chỉ cho cô thấy cái mà anh vẫn gọi là “không gian sống” - một mảnh đất trồng đồ bê tông với một bãi cỏ nhỏ xíu ở giữa cùng vài chậu đất sét chứa dăm cành hồng héo hon như thể chúng đang khao khát đến mòn mỏi những giọt nước tinh khiết tưới lên mình. Tất cả năm gọn trong vườn rau của ngôi nhà.

Cuối mảnh vườn là một hàng lưới mắt cáo, xa xa phía sau hàng lưới, Rose nhìn thấy một phụ nữ đang cho con bú giữa bụi đỗ mịt mù bên ngoài một túp lều.

“Anh có thường dùng bữa trưa ở nhà không?”. Cô ân cần hỏi anh khi cả hai thong thả tản bộ trên lối mòn nho nhỏ rải đá cuội.

“Không, ít khi lắm, anh bận đủ thứ chuyện”, Jack nói, rồi nhanh chóng an ủi cô. “Nhưng anh sẽ siêng về nhà để được nhìn thấy em”.

“Cảm ơn anh”. Cô trao cho anh một cái liếc nhanh như điện xẹt. “Ôi trời”, cô ngẩng đầu nhìn bầu trời xanh ngắt không một gợn mây, “có phải đang là mùa đông không nhỉ? Nóng như mùa hè ấy”.

“Đúng thế, hơi nóng”. Anh nói. “Nhưng không giống với cái nóng của mùa hè”.

“Em thích thời tiết nóng”.

“Tốt”.

Anh bảo cô chờ một chút, rồi quay vào trong nhà. Còn lại mình Rose đứng dưới nắng trời, cô đơn với chiếc mũ cát trên đầu, hơi chật chội. Rose nghe thấy tiếng lọc xọc của dòng nước bị giạt chảy trong nhà vệ sinh, rồi có tiếng Jack khạc nhổ. Một lúc sau anh xuất hiện trở lại trước cô, khuôn mặt anh hào hứng như thể vừa chợt nhớ ra điều gì đầy mới mẻ định nói với cô.

“Rose”, anh nói, “có thể ngày mai bà Clayton Booth sẽ gọi cho em. Bà ấy là một mỏ thông tin về chuyện mua sắm, người làm và những việc đại loại như thế”. “Anh hy vọng em sẽ không phiền khi anh sắp xếp để bà ấy chỉ dẫn cho em”.

“Tất nhiên là không rồi, Jack”, cô nói. Có tiếng lá xạc xào từ phía mảnh lưới mắt cáo vọng lại, cô nhón chân, định hôn Jack.

“Em yêu”, Anh nhẹ nhàng gạt cô sang một bên, “đừng làm thế ở nơi công cộng. Cả những lúc có mặt người làm nữa”.

“Ôi”.

“Bởi như thế sẽ xúc phạm đến bản tính nhút nhát của họ”.

“Em xin lỗi, Jack”.

“Ôi Rose, em đừng như thế, còn rất nhiều điều để học hỏi”.

Cô đã làm gì thế này? Chết tiệt, cô chỉ muốn chạy ào vào nhà và khóc cho thỏa. “Xin lỗi”, cô lí nhí, gằn như nghẹn thở.

Khi anh quay vào trong nhà để lấy vài món đồ, Rose chơ vơ đứng giữa mảnh vườn, tự hỏi phải chăng cô vừa gây ra lỗi lầm tệ hại nhất trong đời mình.

Sáng hôm sau, khi tỉnh giấc, Rose chợt nhớ cô vẫn chưa đọc bức thư của Tor - nó vẫn nằm im trong túi áo của cô cùng một lá thư khác nữa.

Rose lặng lẽ rời khỏi giường, lục túi áo lôi ra hai chiếc phong bì. Một bức thư của Viva, chị ấy đã thuê được một phòng nhỏ, sống một mình, thật kinh ngạc. Lá thư còn lại chứa tấm thiệp mời của Tor rủ cô đến ở cùng khiếm hai hàng nước mắt đã tuôn rơi trên khuôn mặt xinh xắn của Rose. Cô thêm được đến bên Tor, nhưng chợt nhận ra giờ đây cô đã không còn như trước, chuyện đi hay ở phụ thuộc vào nhiều điều khác nữa. Rose bần thần ngồi xuống trước bàn trang điểm, chậm rãi chải những nét nhát nhùng lên mái tóc óng ả, tự hỏi không biết Jack có thích Tor không. Có lẽ không. Câu trả lời tự mình khiến Rose cảm thấy hoang mang, tại sao hậu hế t đám đàn ông lại không nhìn thấy những nét đáng yêu nơi bạn mình - hài hước, tốt bụng và chân thành.

Cô nhẹ nhàng đặt chiếc lược xuống bàn, quay đầu lại nhìn Jack. Anh đang chìm sâu vào giấc ngủ, một cẳng chân sạm nâu thò ra dưới tấm chăn.

Rose nhìn Jack khi anh ngủ, những tiếng ngáy sảng khoái phát ra giữa đôi môi của Jack, anh vòng hai tay lên đầu rồi nhét chúng xuống dưới gối. Cô thấy rất rõ chùm lông màu đỏ hồng hun tủa tủa dưới hai nách Jack, những ngón tay mới đêm qua còn miệt mài lần tìm trên người cô. Ôi lạy Chúa, mình quả là một con ngốc, Rose chỉ chiết bản thân, cảm nhận được cơn nấc nghẹn đang chực chờ bùng nổ trong lòng. Điều gì sẽ xảy ra ra với cô? Bất cứ là gì, cô không nên khóc, không được khóc.

Chương 27

Bombay, tháng hai năm 1929

Cái nóng đã bắt đầu ủa về ngang qua Bombay, cảm giác nóng nực giống như đang dầm mình trong luồng hơi nước nóng bỏng khiến con người ta lúc nào cũng cảm thấy bất hảo, chỉ khao khát chờ đón một cơn mưa trút xuống gội rửa mọi bí bách đang ám ảnh trong người.

Tor nhanh chóng bị nổi rôm, đang dầm mình trong bồn tắm thì cô nghe tiếng chuông điện thoại đổ ngoài nhà.

Vài giây sau, giọng Ci Ci cầu kính gọi toáng từ ngoài cửa: “Có anh chàng nào đây tên là Frank, bác sĩ làm việc trên tàu, muốn biết thông tin về cô nàng nào đây tên là Viva. Chẳng biết cậu ta đang nói về cái quái gì nữa”.

Tim Tor đáp rộ rã.

“Xin chào, kẻ xa lạ ở miền xa lạ”, cô lên tiếng khi gọi lại cho Frank hai mươi phút sau đây. “Ngọn gió nào mang anh đến đây thế?”.

Frank đề nghị gặp nhau, lúc bảy giờ anh sẽ kể cho cô nghe mọi chuyện xảy ra với anh trong những ngày qua. Nhưng trong khi chờ đến lúc gặp, liệu cô có thể cho anh biết đôi chút tin tức về Viva. Frank đang có một số tin khẩn muốn báo với cô ấy.

“Ừm, nghe có vẻ thú vị đấy chứ”, Tor lè nhè. “Có thể thử nghe nhóc kia biết chút gì chẳng?”.

Có lẽ anh sẽ giải thích, hoặc cũng có thể là không, thế nhưng Ci Ci đã đột ngột xuất hiện sau lưng Tor, phì phò vừa phun khói thuốc vừa ra dấu cho Tor biết cô chỉ còn thời gian để đọc cho Frank địa chỉ của Viva và rút tay ra khỏi ống nghe điện thoại.

Thành thật mà nói, Tor chỉ cảm thấy một cơn co thắt nhói đau ngấn ngùi cuộn lên trong lòng ngay sau khi gác máy. Tự sâu thẳm trong trái tim mình, Tor biết Frank thích Viva hơn cô. Và lại, hiện tại cô đang có nhiều việc để làm. Tor đang phải sống những ngày vật lộn với sứ mệnh vẫn được Ci Ci gọi là một “amour fou”, một đam mê cuồng nhiệt.

Số phận bắt đầu từ ngày 21 tháng Mười hai năm 1928, lúc mười giờ ba mươi tối, khi cô đánh mất sự trong trắng vào tay Oliver Sandsdown trong một túp lều ven biển Juhu. Về sau cô đã cẩn thận ghi lại sự kiện ấy vào một cuốn nhật ký nho nhỏ có bìa bọc da, được mẹ đưa cho cô để ghi lại những chuyện xảy ra trong chuyến du lịch, “Juhu, ơn Chúa”, sau đây là một đường vạch màu vàng dưới môc ngày tháng, vẽ thêm vài ngôi sao bên cạnh. Tôn thất duy nhất trong buổi tối hôm ấy chỉ là chiếc áo khoác lụa Trung Quốc của Ci Ci bị một vết nhựa thuốc lá dính trên ống tay áo.

Ollie đã quay lại bữa tiệc Giáng sinh mà Ci Ci và cô được mời đến dự tại câu lạc bộ Du thuyền Bombay. Ollie, một chuyên viên ngân hàng thương mại hai mươi tám tuổi, thích rong ruổi trên đại dương bao la, làn da rám nắng bởi những chuyến lênh đênh cùng câu lạc bộ du thuyền. Không cao lớn, hơi đen, mặc dù không được Ci Ci duyệt - Ollie còn cách những yêu cầu của bà một khoảng khá xa - nhưng Tor vẫn nhận thấy ở anh có những nét quý hiếm khó cưỡng, có thể bởi anh thuộc tuýp người đáng tin. Trong buổi đầu gặp gỡ, anh và cô cùng khiêu vũ, nụ cười xã giao luôn nở trên khuôn mặt anh, câu nói “Anh thực sự muốn lên giường cùng em” khiến cô phì cười, sao mà thô thiển đến thế. Trên đường chạy xe ra bờ biển, Tor và

Ollie cùng hát vang: “Ôi, ta yêu biển t nhường nào khi trở về bên biển”, chiếc xe dưới tay lái của anh lờn lên như một chú ngựa bất kham. Đến trước biển, cả hai cùng tụt giày, cát dưới chân cô ấm áp, lèn chặt những kẽ ngón chân, bóng trắng loang loáng giăng tràn mặt nước thứ ánh sáng màu xanh diệu kỳ, biển như dát bạc. Cuối đường chân trời, bóng những người ngư phủ đang buông lưới nhập nhòa thoắt ẩn thoắt hiện dưới trăng. Khi anh hôn cô - không phải nụ hôn kiểu hầy - xem - anh - có - thể - dẫn - em - đi - đến - đâu của một chàng trai mới lớn - thực sự là một nụ hôn nồng nhiệt đầy ắp ham muốn và đòi hỏi của một người đàn ông trưởng thành. Đôi chân cô run rẩy chực khuy ngã.

Túp lên thoáng mùi ẩm ướt lẫn mùi cá khô không lấy gì làm dễ chịu, tro troi một chiếc giường lưới giữa lều, anh nhanh chóng dìu cô nằm xuống, không một nghi thức lãng mạn nào trước khi chuyện ấy diễn ra. Xong việc, anh kéo cô đứng dậy, chỉnh lại chuỗi hạt ngọc trai trên cơ thể trần truồng của cô rồi cả hai đuối bắt nhau xuống tận mép nước. Mẹ cô thường bảo chuỗi ngọc trai sẽ không chịu được sự nhip nhàng tuôn hoàn của những cơn sóng khi đeo nó trên người và ủa vào lòng biển, nhưng lúc này cô không buồn quan tâm đến điều ấy. Vùng vẫy trong biển đêm cho cô có cảm giác như đang bơi trong sữa ấm, niềm vui sướng tràn ngập tâm can. Cảm giác cô chưa bao giờ có được từ trước đến nay. Cô vui vẻ bởi thấy anh không phải loại người luôn tỏ ra thận trọng, kiểu người thích sử dụng ngôn ngữ để diễn tả mọi chuyện. Anh ôm cô trong lòng biển, dùng những ngón tay vạch vào những mảng lân quang dập dềnh trên mặt nước tạo thành những chuỗi kim cương lấp lánh, tinh thần cô vui vẻ tràn ngập niềm sáng khoái. Tuyệt vời! Không thể tin được! Hoàn hảo. Không một chút âu lo phiến muộn vương vẩn trong cô lúc này, Tor chắc cô đã hoàn toàn bị những khoảnh khắc vui vẻ ấy chinh phục.

Sau khi đã thỏa thuê vùng vẫy, anh dìu cô lên bờ, lau khô người cô bằng một cái khăn tắm cũ kỹ, vụng về ù cô trong chiếc áo khoác của mình, những ngón tay anh lóng ngóng cài nhâm hàng khuy áo.

Cô những hy vọng trong giờ phút ấy anh sẽ lãng mạn thêm một chút nữa, rồi hai người sẽ ngồi bên nhau trên cát biển mịn màng, quan sát bóng dáng của những người ngư phủ đang thả tản bộ về nhà sau một ngày đánh bắt, rồi cô và anh sẽ kể cho nhau nghe về những câu chuyện cuộc đời, nhưng những gì anh nói với cô chỉ là mấy lời thông báo vắn tắt, rằng có vài người bạn của anh đang ở trên phố, rằng anh muốn cùng họ đến quán bar Hải cảng để làm vài ly trước khi đi ngủ. Rât nhanh chóng, hai người chia tay trong tiếng sóng ì oàm trước bãi tắm của khách sạn Taj Mahal.

Oliver không phải là chàng trai duy nhất thích cô. Còn có Simon, cựu sinh viên trường đại học Eton, đến Ấn Độ theo mùa, chủ yếu để săn bắn, đã mời cô đi ăn tối tại câu lạc bộ du thuyền Bombay. Và Alastair de Veer, một công chức nhà nước với vẻ bề ngoài lơ phờ, đã đi từ điệu nhảy phộc-trốt trên hiên nhà sang khung bột tinh thần Viva bằng hàng chục cú điện thoại mỗi ngày, rõ ràng anh ta đã khiến cô cảm thấy khó chịu. Chuyện yêu đương xoay như chong chóng, thường là thế, nếu cô thành thật, hành động nhanh hơn suy nghĩ một chút thì cô có thể kiểm soát được chuyện tình cảm của mình, vậy nên cuộc gọi của Frank không may mắn khiến cô hời hợt một chút nào.

Kể từ sau cái đêm đáng nhớ trên bãi biển Juhu, cô và Oliver có thêm vài chiếc u hện hò bí mật trong căn hộ của anh ven bãi Colaba. Cứ vài ngày một lần, cô lại phải dùng phấn trang điểm để che đi những vết thâm tím trên cổ và vai phải của mình do Oliver gây ra trong những lúc cuồng nhiệt.

Ci Ci đã cảnh báo cô: “Đừng có để cho anh ta đánh dấ u lên cơ thể cô như thế”. Bà nhướn cao hàng lông mày khi nhìn vào vai Tor. “Thật dung tục”.

Tor ngượng chín cả mặt, cô ắ gắ ng đổi chủ đề câu chuyện giữa cô và Ci Ci bắ ng cách hỏi xin bà một ân huệ lớn, rấ t lớn. Rắ ng liệu bà có cảm thấ y chán ngán đế n cùng cực hay không khi Rose đế n chơi một hai ngày vào tuầ n tới, liệu lúc ấy bà có xem đấ y là những ngày tắ m tồ i nhấ t hay không?

Ci Ci lập tức thuyế t giảng cho Tor nghe về khái niệm những - ngày - tắ m - tồ i bắ ng dẫn chứng là cái ngày đầ u tiên bà đặt chân đế n Bombay. Chỉ những ngày dài chìm ngập trong chủ nghĩa khoái lạc khi ta không chấ p nhận sự thật, rắ ng ta đã trưởng thành, những ngày rắ rời với chè chén no say, tiế p xúc với những mặt người hoan hỷ, làm bấ t cứ điề u gì ta muố n. Có quá nhiề u điề u quan trọng xa vời trên đời này, bà kế t luận.

Rồ i Ci Ci mỉm cười, tiế p tục: “Một ý tưởng khá hay đấ y, con gái ạ”. Tim Tor đập rộn ràng. Chuyế n đã ngoai sâu trong nội địa của ông bà Mallinson cuố i cùng bị hủy bỏ, Tor câ n phải thông báo cho Viva và Rose biế t để hoãn lại lời mời đế n ở cùng cô. Nghĩ đế n chuyện ấy càng khiế n cô cảm thấ y xấ u hổ, bởi cô đã mong chờ giây phút được hạnh ngộ cùng Rose suố t bao ngày nay. Có những thời điể m, như hiện tại chẳng hạn, mọi thứ diễn ra và xoay như chóng chóng, khi không có ai bắ t tay vào làm một điề u gì đấ y. Rose thực sự câ n được lắ ng nghe, được quan tâm chia sẻ, nhưng ngược lại, Ci Ci, lúc nào cũng khô i hài và có nhiề u điề u để nói, rấ t thú vị nhưng không phải là người bạn cảm thấ y đủ tin cậy và an toàn để chia sẻ. Bà thường thiế u kiên nhẫn trong chuyện này, hơn nữa Tor bắ t đầ u có suy nghĩ Ci Ci chỉ thích nói về những con người tẻ nhạt như thể bọn họ không còn gì khác ngoài nỗi chán ngán chấ t chồ ng trong cuộc số ng, hoặc chỉ thích đọc to những bức thư của mấ y đứa con gửi về

từ nước Anh xa xôi bằng cái giọng the thé quen thuộc ấy của bà. Cô con gái tên Flora, gần đây đã phải nhập viện điều trị bởi căn bệnh kinh khủng có tên gọi là bệnh chốc lở, có vẻ đang rất nhớ nhà, từng dòng từng chữ gửi về trong thư của cô bé gọi cho người đọc về nỗi khát khao tình cảm gia đình tưởng chừng đến tuyệt vọng.

Những diễn biến bất thường trong những ngày gần đây khiến Tor có cảm giác những con người ở đây đều biết một điều gì đấy, chỉ mình cô là không. Hay cô đã ở đây quá lâu so với thời gian được chào đón, nếu đúng thế thì quả là xấu hổ bởi cô vẫn còn khá nhiều thời gian thú vị nơi đây.

Dẫu sao thì Ci Ci cũng đã nhanh chóng quay trở lại với thái độ nhiệt tình trước sự xuất hiện của Tor trong nhà bà, thậm chí bà còn gợi ý cho cô mượn xe chạy lòng vòng. Nếu những móng tay của bà không sơn một lớp sơn bóng loáng, ẩm ướt, hẳn Tor đã không ngần ngại ôm chầm lấy Ci Ci và trao cho bà một nụ hôn biết ơn.

“Cô có chắc về lời đề nghị liên quan đến chiếc xe không đấy? Sao cô lại tốt bụng với cháu thế?”.

Ci Ci, kiểu người không bao giờ thích thú với trò ôm ấp ủy mị, bật ra một cái hôn gió gửi đến Tor: “Bởi con là một cô gái thú vị, vui vẻ và quan trọng là bởi những ngày cuối cùng của con ở đây không còn nhiều. Sáng nay ta vừa nhận được thư của mẹ con, bà ấy bảo ta đặt vé cho con quay về nhà sau khi mùa xuân kết thúc vào cuối tháng Hai”.

Tor choáng váng trước thông tin Ci Ci vừa cung cấp. Cô không muốn tin đấy là sự thật. Chắc chắn sẽ có ai đấy cầu hôn cô, hoặc giả sẽ có thay đổi. Cô cần phải gặp lại Rose, càng nhanh càng tốt, điều này hết sức quan trọng với Tor.

Đầu dây bên kia là tiếng Jack trả lời điện thoại.

“Làm ơn cho phép Rose đến đây cùng em vài ngày?”, cô năn nỉ, hết nhu một đứa trẻ. “Em sẽ cứ gào thét này đến phát sốt lên mà ắt nếu anh không đồng ý”.

Và, ôi trời, một kẻ huênh hoang không thể tin được, anh ta trả lời cô bằng giọng điệu hết sức nghiêm trọng.

“Anh sẽ kiểm tra lịch, nhưng anh nghĩ mọi chuyện sẽ ổn thôi”.

Rồi anh ta chuyển giọng đều đều rên rỉ với cô về những chuyến viếng thăm nhà ngài đại tá cùng những đồng đội của mình như thể cô vừa hỏi anh về họ. Nhưng rõ ràng cô đâu có hỏi Jack chuyện ấy. Có tiếng lạo xạo trên đường dây điện thoại rồi có tiếng va mạnh từ đầu bên kia vọng đến.

“Tor, ôi Torrie yêu quý”, giọng Rose như hát. “Tớ mừng quá, lại được nghe giọng cậu”.

“Rose, chuyện này gặp rắc rối”, cô nói. “Cậu phải đến đây với tớ. Cậu có thể mua vé của chuyến tàu tốc hành Deccan Express, rồi tớ sẽ cho cậu biết chuyện quái quỷ gì đang xảy ra”.

“A, cái gì cơ?”. Giọng Rose mất hút giữa những tiếng lách tách.

“Trông việc, uống sâm banh, ăn sô-cô-la. Rose. Tớ sắp nổ tung rồi, có nhiều điều tớ cần phải kể với cậu”.

“Chờ tớ một tích tắc thôi”, có tiếng trao đổi thì thầm từ đầu bên kia vọng đến.

“Tốt rồi, bạn thân mến”. Giọng Rose trở lại bên ống nghe. “Jack bảo ngồi ở toa dành riêng cho các quý cô quý bà đảm bảo an toàn tuyệt đối”.

Tor không cần Jack nói với bạn mình điều gì cả.

Khoảng một tiếng sau thì chính Jack lại khiến Tor ngạc nhiên khi anh gọi lại cho cô, thì thầm: “Anh muốn dành cho Rose một bất ngờ. Em có thể mua một chai sâm banh cho cô ấy khi cả hai ra ngoài ăn trưa không? Nhớ nói với cô ấy đây là quà của anh”.

Cô tự hỏi, không biết Ollie có nghĩ được như thế hay không.

Cánh đàn ông đều nhận thấy Rose là cô gái có sức hấp dẫn mãnh liệt. Từ lâu Tor đã chấp nhận sự thật ấy. Cô cũng hiểu mình cần phải cố gắng nhiều hơn nữa.

Thứ Năm tuần sau, Tor rạp mình trên chiếc xe của Ci Ci, mồ hôi túa ra đầm đìa vì sợ hãi. Chuyển tàu chở Rose sẽ đến ga trong nửa tiếng đồng hồ nữa, cô đang chạy xe như bay, tự hỏi không biết thực sự cô có quá cường điệu về khả năng lái xe của mình hay không. Đôi mắt mở to, tập trung hết cỡ để chạy xe, cô rẽ phải sang đường Marine Drive. Ở đây xe cô không đông đúc lắm, Tor dừng xe trước một cột đèn giao thông, hít một hơi thật sâu. Khi ngọn đèn chỉ mới chuyển sang màu vàng, cô nhanh chóng giạt số ngoặt sang trái, bất ngờ rơi vào giữa vòng vây quay cuồng của những chiếc xe kéo tay, những chiếc xe bò, xe đạp, ngựa, khí và xe máy. Tim Tor đập rộn ràng.

“Cứu”, cô gào lên, cố gắng bẻ lái tránh cậu bé kéo xe bất ngờ xuất hiện ngay trước đầu mũi.

“Ôi không!”, Tor hét văng với chiếc xe bò kéo đang thông thả băng ngang đường.

“Xin lỗi”, cô rồ i rít với người bán chuối đang oằn lưng gánh trên vai những kiện hàng nặng nề, chân trằn bước ngang qua đường.

Mười phút sau, Tor chạy xe qua cánh cửa không lồ, nguy nga của nhà ga Victoria Terminus. Cô bẻ lái tránh một người ăn mày rồi phanh kít chiếc xe tại bãi đậu dưới một góc cọ.

Tor há p tá p nhảy khỏi xe, chạy xuyên qua đám đông tiến vào sân ga để tìm chuyến tàu đến từ Poona mang theo cô bạn gái thân thiết của mình. Những mặt người đen nhem bước xuống từ khoang hạng nhất, lẫn giữa những màu áo hồng nhạt và vàng rực, Tor nhìn thấy Rose, đang khoác trên mình chiếc váy màu xanh da trời mua trong một lần dạo phố cùng Tor ở London. Vây quanh Rose là đám phu khuân vác đang nhặng xị tranh giành để gánh hành lý cho cô.

“Ôi Rose”. Tor dang rộng hai tay ôm chầm lấy bạn. “Chú lợn con yêu đầu của tớ. Tớ nhớ cậu đến phát điên lên được”.

Trên đường vào lại thành phố, Tor không thể nhịn được ý định phô trương khoe khoang với bạn. “Thuộc lá, làm ơn lấy hộ tớ đi Rose”, cô nói. “Trong cái hộp bên tay trái cậu ấy. Ôi!” , cô nhanh nhẹn bẻ lái tránh một người bán lạc lộc rong tại một góc phố. “Xin lỗi!”, Tor gào toáng lên, giọng cô đã y phẫn khích.

Khi chiếc xe đang chạy dọc đường Hornby, cả hai cùng đồng thanh hét lên khi đập vào mắt Tor và Rose là hình ảnh một thằng bé cùng cha nó đang úp mặt vào một bức tường ven đường thân nhiên đá bậy.

“Thật kinh khủng, đây là lý do vì sao ruồi muỗi lúc nào cũng như vãi trâu ở đây”, giọng Tor gay gắt, rồi đột nhiên cả hai cùng cười rung cả chiếc xe. “Tớ nghĩ chúng ta nên gạt chuyện này ra khỏi đầu. Đúng là man di mọi rợ!”, Tor nói, hết như giọng điệu của một bà hiệu trưởng.

Tor kể với Rose, tuần trước Frank vừa gọi cho cô xong, rồi cô đột ngột phanh kít chiếc xe ngay trước mặt một người đàn ông đang

điều khiển chiếc xe bò chắt dầy cam bằng ngang qua đường. Khi những tiếng nổ của động cơ xe nhỏ dần, nhỏ dần rồi tắt lịm, khuôn mặt của một gã trẻ tuổi bắt hình ảnh xuất hiện bên ngoài ô cửa kính ngay chỗ Tor ngồi. Đôi mắt gã tròn tròn, nhìn cô vẻ khinh bỉ, đôi môi đỏ tía của gã xoắn lại. Gã ở rất gần Tor, chỉ cần với tay là có thể chạm vào người cô.

“Biến khỏi Án Độ đi”, gã trẻ tuổi rành mạch.

“Cái gì?”, Rose buột miệng, kinh ngạc.

“Biến khỏi Án Độ”, gã lặp lại. Cái nhìn của gã ném vào cô đầy phần nộ.

“Tôi không muốn”, Rose đáp trả, rồi chiếc xe lại vọt đi bỏ lại phía sau gã trẻ tuổi đang dứ dứ nắm đấm về phía họ, miệng hét lên điều gì đấy cả hai không nghe rõ.

Khi biết chắc đã ở khoảng cách an toàn, Tor và Rose nhìn nhau cười rũ rượi, nhưng sao vẫn cảm nhận được từng nhịp run rẩy trong từng tiếng cười của hai người.

“Tôi không muốn”, Tor nhại giọng Rose. “Nghe thấy câu ấy, hẳn tôi nay tháng cha sẽ không nhắm mắt được nữa”.

“Tôi ghét cay ghét đắng khi bị người khác nhìn với ánh mắt không chút thiện cảm như lúc này”. Rose ngừng cười, đưa tay cuốn cửa sổ lên. “Cậu có nghĩ trong này hơi nóng không?”.

“À, ừ, Geoffrey và Ci Ci bảo tình hình mỗi lúc một tệ”, Tor nói. “Kinh doanh đô tiêu dùng, cậu biết đấy, những luật lệ quy định, Gandhi đang kích động tất cả, nhưng họ cũng bảo chắc chắn đa số dân cư bản địa sẽ rơi vào trạng thái sợ hãi nếu người Anh dồn loạt quay về quê quốc. Thế Jack của cậu nói gì?”.

“Không nói gì nhiều về những chuyện ấy”, Rose hướng ánh mắt của cô ra ngoài đường phố đông đúc. “Thực sự thì, anh ấy không nói gì với tớ cả”.

Cả hai lại khúc khích cười như những đứa trẻ, nhưng ơn Chúa, bọn họ đều thấy khuấy khuấy trong lòng.

“Dàn khung của cậu rất tuyệt, thời tiết sẽ sớm trở nên nóng nực. Chỉ là suy nghĩ thôi nhé”, Tor thật thà nói. “Kể về cuộc sống của cậu, mái tóc của cậu đi”.

Rose cuộn mái tóc của mình lại, quay đầu ngắm mình trong gương. “Bọn tớ bị hạn chế nước dùng ở doanh trại”.

“Thế Jack có lấy làm phiền không?”.

Thoáng ngập ngừng hiện trên khuôn mặt Rose, cô im lặng, mông lung.

“Thực sự anh ấy chưa bao giờ nói thích những chuyện ấy cả”. Rose luôn tay vào mái tóc rồi xô tung cho chảy xuống bờ vai như một dải lụa mềm mại. “Tớ thực sự không hiểu”.

Tor cảm thấy vui vẻ khi nghe những lời Rose nói về Jack, ngay cả khi đây chỉ là những lời bóng gió chớ ngढ़i mờ nhạt về anh ta.

Nếu Rose cứ mãi hiềm hậu dịu dàng như trước, hẳn Tor sẽ lo âu nhiều hơn cho bạn.

Ngày hôm sau, Câu lạc bộ du thuyền Bombay lúc một giờ mười lăm phút chật ních người khi cả hai đến ăn trưa. Rose vẫn chưa quen với mái tóc đã được xén gọn của mình, hãy còn đôi chút thận trọng, bám sát sau lưng Tor băng qua phòng ăn rộng lớn đã chật cứng. Tiếng xì xầm chuyện trò to nhỏ chợt lắng xuống, một ông già

hấp tấp vịn chặt chiếc kính một mắt, há hốc miệng tròn mắt nhìn Rose không chớp mi.

“Rose”, Tor thì thầm, “mái tóc mới đã phát huy tác dụng”.

“Thực đơn hôm nay quá tuyệt”. Một chàng trai người Ý khá điển trai giũ má y chiếc khăn ăn cỡ lớn bằng vải lanh trắng tinh phủ lên vạt váy của hai người. “Tôm hùm tươi từ dưới cảng đánh lên, cá bơn kiểu Véronique, thịt gà Nhật, có cả gà lôi đúng mô-t nữa. Sâm banh được ướp lạnh, thưa cô”. Chàng trai thì thầm bên tai Tor.

“Tor”, Rose hốt hoảng, cố gắng hạ thấp giọng, “tớ không muốn làm kẻ phá đám, nhưng không thể...”.

Tor giờ tay vẫy Rose. “Yên nào, cô bé. Sâm banh là do vị hôn phu của cô, đại úy Jack Chandler gọi hộ đấng, có thể hơi nhỏ mọn một chút bởi anh ấy khiên cậu nhớ đến bữa tiệc của chúng ta”.

“Jack!”. Rõ ràng Rose đang kinh ngạc tột độ. “Cậu có chắc đấng là của anh ấy không?”.

“Chắc chắn”. Họ nhìn nhau trong thoáng chốc.

Người bồi bàn rút sâm banh ra hai chiếc ly, Rose khẽ chun mũi khi nhìn thấy những bọt nước sủi tăm sóng sánh.

“Cậu có thể tin được đến hôm nay chúng ta thực sự là những kẻ sành điệu như thế nào không?”, cô nói sau khi nhấp một ngụm. “Trở thành người lớn mới tuyệt vời làm sao”.

“Rose”. Tor đặt ly của mình xuống bàn. “Tớ mới ở đây có ba tháng. Tớ không muốn quay về nhà. Tớ không thể...”.

“Làm ơn đừng”, giọng Rose trĩu mến, “tớ sẽ không chịu nổi đâu. Tớ...”.

“Thôi đừng nói đề n chuyện này nữa”, Tor đột ngột cắ t ngang. “Quá nghiêm trọng đố i với những ly sâm banh tuyệt vời này”.

“Thôi được”, Rose nói. “Nhưng dẫu sao, tớ vẫn tin chắ c một nửa thành Bombay đang phát cuồ ng vì cậu”.

Tor tròn xoe mắ t, im lặng giờ cao ba ngón tay lên ngang mặt.

“Ôi Tor! Đồ` quý!” . Rose đưa tay che miệng. Cô là người bạn đáng tin cậy nhắ t để tâm sự những điề u bí mật. “Có ai đặc biệt rô` i à?”.

“Ừm. Có một chàng tên là Oliver, anh ấy là một chủ nhà băng, bọn tớ đã có một khoảng thời gian khá thú vị bên nhau.

“Tor, tớ tin chắ c là cậu đang ngượng ngùng kìa. Anh ta thích hợp để lắ y làm chồ ng chứ?”.

“Tớ không biế t”. Tor cắ n một mẩu bánh mì. “Có lẽ là không - cậu còn có thể nói được gì nữa? Anh ta hài hước, rắ t mạnh mẽ, nhưng...”.

“Tor, tớ có thể nói với cậu một điề u hế t sức quan trọng được không?”, Rose cắ t ngang lời Tor. “Đừng, khi cậu định làm bất cứ điề u gì, cứ bỏ nhào vào nó. Đắ y là cơ hội lớn lao nhắ t trong cuộc đời cậu, và vế t thương cậu dính phải từ những ngày ở miề n Trung Wallop không khùng khiế p như cậu nghĩ đâu. Ít nhắ t cậu phải hiểu rắ ng, cậu có thể, ý của tớ là, cậu sẽ yêu một người nào đắ y”.

Tor và Rose nhìn nhau, rắ t nhanh chóng. Trái tim Tor chọt nhói đau khi cô nhìn vào khuôn mặt đắ y ấ p cảm xúc của Rose. Cô định hỏi “mọi việc ổn cả chứ, Rose? Anh ấy có làm cậu hạnh phúc không?”. Nhưng cô biế t không nên hỏi Rose những điề u ấy. Đơn giản, Rose là con gái của một người lính.

“Tất nhiên là vậy rồi”, cuối cùng cô nói. “Mọi thứ đều rất tuyệt”.

Cô còn biết nói gì đây khi mọi chuyện đã lỡ làng, và hình bóng anh đêm đêm vẫn giày vò cô trong đầu đón.

Sau hai tiếng trò chuyện, bô i bàn tiếp tục phục vụ bàn của Tor và Rose cà phê và mút ngọt. Tor dựa hẳn lưng vào thành ghế, khoan khoái đưa mắt quan sát quanh phòng ăn.

“Ôi lạy Chúa!”. Cô gập người như nhảy dựng ra khỏi ghế. “Tớ có nhìn nhầm không, hay cậu có thấy điều gì đang nhìn thấy không?”.

Một nhóm chừng tám người, cả Anh lẫn Á n, cách chỗ Tor và Rose đang ngồi hai bàn, đang nhón nháo đứng dậy chuẩn bị rời khỏi phòng ăn.

“Ôi không!”. Tor nắm chặt hai tay. “Là nó”.

Rose nhướn mắt về hướng Tor đang nhìn: “Ai?”.

Guy Glover cũng đã nhìn thấy họ. Một chiếc máy chụp ảnh vấp vào trên lưng Guy, khi nhìn thấy Tor, nó liền bật dậy, vênh vào sai những bước dài tiến đến trước bàn nơi Tor và Rose đang ngồi.

“Chúa ơi”, nó lè nhè, “ngạc nhiên chưa”.

“Cậu làm gì ở đây thế Guy?”, Tor không buồn đáp lại nụ cười của nó. “Chị Viva bảo cậu bị ốm và phải nhanh chóng rời khỏi đây”.

“Đúng là tôi có ốm thật”. Ba người ngồi chung bàn với nó ở đầu kia, gồm một người Á n trông giống như dân da trắng và hai cô gái xinh đẹp người Á n Độ, đứng nhau đứng dậy. Cả ba đang chờ Guy cùng rời khỏi nhà hàng. “Nhưng giờ thì tôi đã khỏe hẳn”. Nó nuốt nước bọt, cục yết hầu dưới cổ họng Guy phập phồng lên xuống.

“Thực ra”, nó nói, mắt đảo liên lảo, “tôi đã tìm được một việc cho mình. Hiện tại tôi là một thợ chụp ảnh”.

“Thợ chụp ảnh?”. Tor thốt lên kinh ngạc. “Cho ai?”.

“Cho một hãng sản xuất phim ở đây”, Guy nói. “Bọn tôi đang thực hiện quay một bộ phim ở Bombay, có vài cô đào người Anh tham gia và bọn họ cần... Xem nào, một công việc cực kỳ tẻ nhạt nhưng tôi phải đi thôi. Cả đoàn đang chờ tôi ở ngoài kia”.

“Giờ thì cậu ngon lành rồi nhé”. Giọng Tor lạnh băng. “Viva hẳn sẽ thấy an ủi phần nào khi biết tin này”.

“Đúng thế, quả có tốt hơn, cảm ơn cô”.

Khi nó vỗ tay vào túi áo, bắt đầu từ trái sang phải, Tor nhận thấy những đầu ngón tay của nó vẫn bám đầy cấu bẩn.

“Mẹ kiếp”, nó thản nhiên nói. “Tôi để quên danh thiếp ở nhà rồi. Nếu các cô gặp Viva, nhờ nhắn dùm rằng tôi vẫn chưa quên cô ấy. Viva đã mang đến vận may cho tôi. Thêm một câu nữa”, nó lùi ra sau một bước, nhón miệng mỉm cười với Rose, “tóc đẹp đấy, tôi rất thích. Nó khiến cô trông giống như một chàng trai xinh xắn ấy”.

Chương 28

“Tóc đẹp đấy, tôi rất thích”. Khi bóng Guy mất hút sau cánh cửa, cả Tor và Rose đứng thanh nhai lại lời nó rồi ôm bụng cười nghiêng ngả. Dứt tiếng cười, Rose tỏ ra trầm ngâm, cô không tự tin lắm về diện mạo mới của mình.

Tôi qua, khi đứng ngắm mình hàng giờ trước tấm gương trong phòng tắm nhà Mallinson, Rose tự đặt mình vào vị trí của Jack, cô giật mình khi chợt nhận ra cảm giác kinh hoàng đang trào lên trong lòng. Trong ánh sáng chập chờn, một cô gái xinh đẹp, đầu tóc quần áo rất thời trang đang nhìn cô qua tấm gương. Nhưng sao xa lạ thế, cô như đã biến thành một người khác, bỗng chốc mọi can đảm trong cô biến mất, Rose nổi giận với chính mình: Vì Chúa, thật ngớ ngẩn khi để một mái đầu với kiểu tóc thế này, liệu Jack có thích nó hay không; con người anh vẫn còn nhiều điều cô chưa cảm nhận hết được.

Khi con tàu từ từ tiến vào nhà ga Poona, ánh mặt trời trải vàng lên những chậu hoa loa kèn ken dày trong khuôn viên nhà ga, bầu trời lơ lửng, xanh ngắt một màu ngọc lam. Cô nhìn thấy Jack trên sân ga, bộ quần áo kỵ binh khoác trên người, đầu anh khể lể lúc lắc khi nhìn thấy cô. Chờng tôi, cô nhủ thầm, phu quân của tôi. Như thể thay đổi đại từ nhân xưng sẽ giúp Rose cảm nhận được điều gì mới mẻ hơn ngoài những cảm xúc đang ngự trị trong cô.

Con tàu đang chậm rãi dừng bánh, tiếng phanh hãm rít rói chói tai cuộn lên. Cô thò đầu ra khỏi cửa sổ khoang tàu, kêu lên: “Jack!”. Cô chỉ cho anh thấy mái tóc mới của mình. “Anh thích nó không?”.

Jack sững người, khuôn mặt anh bỗng chốc lạnh băng, rồi anh lắc đầu với cô.

Jack đã không nói dối. Cô hoàn toàn hiểu - anh từng chỉ cho cô thấy, rằng đây là vấn đề thuộc về niềm kiêu hãnh. Nhưng không tốt hơn sao khi ta cứ sống tử tế hơn là trung thành tuyệt đối - ý nghĩa đặc biệt của những điều thực sự không quan trọng chút nào trong cuộc sống lứa đôi?

Con tàu rít lên một tiếng cuối cùng rồi dừng hẳn. Những người khuôn vác thuê trong bộ đồ ng phục áo khoác đỏ tươi rùng rùng ào về phía hai người, nhưng Jack đã xua bọn họ đi chỗ khác. Anh hôn nhẹ lên má cô rồi vòng tay qua eo nhẹ nhàng cuối cô xuyên qua đám đông trên sân ga.

“Em thích nó”, cô gằn như hét lên, mặc dù anh chẳng nghe thấy những lời cô nói. “Em thực sự thích nó”.

Cô cố khơi gợi đàm câu ba điều với Jack: cô bảo mua cho anh một chiếc áo sơ mi tại cửa hàng Quân trang quân dụng và Hải quân, anh chỉ trả lời cô thật tốt bụng, rồi chuyển đề tài sang những bữa tiệc tối mà cả hai sẽ phải tham dự vào tuần tới, về trận đấu polo anh sẽ chơi vào thứ Sáu. Nhưng âm vực đều đều ngán ngảm trong giọng nói của Jack nói cho cô biết anh đang rất bực mình.

Về đến nhà, cô nhìn quanh mảnh vườn nhếch nhác. Không ai tưới nước cho hàng phong liễu, những cánh lá đã ngả màu, rũ rượi, nhưng giờ không phải thời điểm thích hợp để truy vấn chuyện này. Dinesh, trông dữ tợn như một chiến binh, hùng hục vác hành lý của cô vào nhà, có vẻ ông ta không muốn tỏ ra thân thiện với cô. Ông ta cảm thấy bực bội khi mình xuất hiện trở lại trong ngôi nhà này, ông ta chỉ muốn phục vụ mỗi mình Jack mà thôi, cô nhủ thầm.

“Cứng cổ lên, cô gái”, Rose thì thào với chính mình. “Không có gì ghê gớm để mình phải buồn bã như thế cả”.

Không lâu sau đấy, Jack rời khỏi nhà, anh đóng sập cánh cửa sau lưng, không một nụ cười, không lời chào tạm biệt, không gì cả. Sau khi bóng Jack mất hút ngoài cửa, cô chạy ào vào phòng tắm ngã m lại mái tóc mình, một khuôn mặt xanh nhợt, hóc hác đến thể cảm đang nhìn cô qua tấm gương treo trong phòng tắm. Cô lùa những ngón tay vào mái tóc cắt ngắn ngang vai của mình, cô đã từng thích thú với khoảng trống hờ hững bên bờ vai sau khi mái tóc dài bị xén gọn, nó mang lại cho cô cảm giác tự do, nhưng giờ đây khi nhìn lại mái tóc, cô không chặc kiêu đâu mới có biến mình thành một con ngóc, một đê tài khôi hài cho những ai nhìn thấy và hóng hớt về nó, rồi rũ rượi cười như thể đang chứng kiến một màn hài kịch đặc sắc về nhân vật Friar Tuck, giống như cô và Tor từng nhiều lần trở thành hai nhà phê bình bất đắc dĩ khi nhìn thấy mái tóc cắt ngắn mới được tia tốt của ai đấy. Nhưng với Jack thì khác, phản ứng của anh có ý nghĩa với cô biết nhường nào. Thật ngổn và trẻ con.

Cảm giác mệt mỏi vẫn còn trong cô sau một quãng đường dài ngoi trên tàu, có thể ngâm mình trong nước mát, gội sạch bụi đường sẽ giúp cô trấn tĩnh trở lại, Rose nghĩ. Cô bước ra ngoài vườn tìm người gánh nước, Rose nhìn thấy Shukla đang ngoi lội vò hành trên bậc thềm trước túp lều của mẹ cô bé. Con bé bất ngờ vụt đứng dậy, nó định đóng cửa nhưng Rose đã kịp liếc mắt nhìn thấy mấy bức tượng trông rõ là loại rẻ tiền được trang trí bằng những vòng hoa trên cổ. Mùi cay nồng của hành tỏi khiến cô chun mũi.

Bỗng chốc Rose chợt nổi giận, cô không thể kiên nhẫn thêm được nữa, người gánh nước đâu rồi nhỉ? Tại sao những việc tưởng chừng đơn giản nhất ở đây lại trở nên phức tạp đến bức mình? Ở nhà, mỗi khi muón tắm cô chỉ việc mở vòi nước, còn ở đây, Durgabai, vốn

chẳng ưa gì Dinesh lại phải nhờ ông ta tìm Ashish, người giặt giũ, hiện đang sống trong một túp lều xiêu vẹo phía cuối dãy nhà, người có nhiệm vụ mỗi ngày phải đi dọn quần áo bẩn trong những ngăn tủ để mang đi giặt và đổ đầy nước vào các bồn tắm. Sau đây nước sạch mới được đun nóng rồi đổ đầy vào những chiếc can dẹt có dung tích khoảng mười lít, được xếp thành hàng dài dãn dọc từ ngoài sân vào tận trong nhà.

Ashish khôn khéo, không thể tin được ông ta còm nhom như một đứa trẻ lên mười. Một kẻ tiện dân, Jack từng có lần giải thích, thuộc về tầng lớp có địa vị thấp kém nhất trong số những kẻ thấp nhất trong xã hội Ấn Độ.

Trong lúc chờ đợi, Rose ngồi trong phòng ngủ, hờ hững liếc qua những công thức chế biến món ăn in ở nửa sau cuốn Quản gia người Ấn hoàn hảo. Mứt cam tráng miệng, thạch bột sắn, thạch bột cọ sagu, nghe cứ như chuẩn bị bữa tối ở trường trung học vậy.

Gần đây Jack bắt đầu bóng gió gợi ý rằng sau khi tham dự các bữa tiệc do bạn bè của anh tổ chức để chào đón sự có mặt của Rose ở Poona, có lẽ hai người cần phải sớm tổ chức một bữa tiệc ở nhà mình để đáp lễ. Hoàn toàn hợp lý, nhưng bết núc còn là việc quá mới mẻ đối với cô, miệng Rose khô khốc khi nghĩ đến hình ảnh một thân một mình cô xoay như chong chóng để nấu nướng, tổ chức một bữa tiệc ngay trong nhà mình. Những lời bóng gió mỉa mai nham hiểm của các quý bà quý cô ở câu lạc bộ sẽ nhấm vào bất cứ kẻ nào thất bại trong việc tổ chức tiệc tùng, và Rose sẽ không là ngoại lệ. Này em, món này dai như ủng áy. Thứ nước xốt này kinh khủng quá, sao lại cho những ba miếng pho mát vào khi đang nóng rẫy thế này.

Cô cố nhớ lại mấy món tráng miệng mà bà Pludd từng thực hiện: bánh hấp nhân táo, bánh flăng - nguyên liệu khá đơn giản - nhưng việc trình bày hết sức chi tiết của các tác giả trong Quản gia

người Ấn hoàn hảo, từ bệnh sán xơ mít ở trẻ em đến chế tạo những chiếc bánh thả nỉ đơn giản, đã vô hình trung khiến các bà nội trợ cảm thấy khó khăn khi đọc cuốn sách. Đầu tiên người ta bảo với cô cần phải xác định lựa chọn loại đồ ngọt nào: dạng bột hay dạng kem, được pha chế thêm chất lỏng có tác dụng cô đặc hay dạng thạch, bánh ngọt hay bánh put-đinh. Công thức làm bánh flang sô-cô-la luôn đính kèm một cảnh báo hết sức nghiêm ngặt: “Những người Ấn Độ khi làm bánh không bao giờ đun sôi đủ lửa. Họ sử dụng quá nhiều bột mì và luôn để mặc chúng ở trạng thái chưa hoàn toàn chín”. Thực tình, từ trước đến nay Rose không phải là cô gái thích ăn đồ ngọt, đọc xong những lời chỉ dẫn trong cuốn sách, bất giác cô thờ dãi đánh thọt.

Bốn giờ. Đã bốn giờ và Jack sắp về nhà về ăn tối. Cô xuống bếp nấu cho Jack bữa tối với những món ăn anh yêu thích, gồm có thịt bò bít-tết, bánh put-đinh hình bầu dục, phải đảm bảo, chỉ là những món dễ làm.

Phấn chấn và tràn đầy nhiệt tình, cô sai Dinesh đến cửa hiệu nhà Yusuf Mehtab, một trong những tiệm bán thịt ngon nhất Poona. Dinesh thật thà và nhẹ nhàng nói với cô, đây là món ăn ưa thích của Jack. Hẳn anh sẽ cười lớn khi nhìn thấy cảnh cô vừa tỉ mỉ quan sát những chỉ dẫn vừa chụm những ngón tay của mình thành hình chiếc tù và, nói như ra lệnh với cuốn sách đang trải rộng trước mặt mình: “Làm ơn, cho tôi một miếng thịt bò mộng sấn”.

Tiếp theo, cô lấy máy chiếc đĩa hiệu Bakelite có lòng đĩa hơi lõm từ trong tủ chén bát ra ngoài, mở nắp bình đựng bột mì lấy ra một ít, thêm một chút nước cho ẩm rồi đậy kín, đảm bảo sao cho đĩa bột mì hơi ẩm ấy vẫn có thể dùng được sau một thời gian dài chờ đợi. Rồi cô chợt nhớ đã quên bảo Dinesh mua thêm hai thìa xúp mỡ nước, bởi theo như kinh nghiệm được bà Pludd tiết lộ, một chút mỡ bọc bên ngoài miếng thịt sẽ giúp nó có được một lớp vỏ cứng nom

vuông vắn và tươi ngon hơn. Ừm, có lẽ bơ sữa trâu lỏng cũng có tác dụng như thế.

Shukla ra ngoài tìm mua một chút rau củ, lát sau mang về máy cọng cải bắp còn non đã hơi úa, nhưng có còn hơn không - người bán rau chỉ đến Poona cung cấp mặt hàng này mỗi tuần hai lần.

Thiếu u hoa tươi. Rose theo chân Durgabai và Shukla ra vườn. Chỉ còn giàn hoa giáy vẫn nở bung hết mình bên hàng phong lữ héo úa. Durgabai thắt chiếc giỏ đan bên mình, Shukla cầm chặt cây kéo trong tay.

“Không sao”, Rose nói. “Tôi có thể hái được”. Cô cắt một nhánh hoa giáy khá rậm.

“Làm ơn, thưa bà”. Đôi mắt của Durgabai mở to, giọng năn nỉ khi thấy cô nhặt giỏ hoa với hai bông hoa giáy đựng trong đấ y. Chồng của Durgabai là một người tàn tật. Ông ta luôn lún sâu trong túp lều lụp xụp của mình mỗi khi nhắc thấy bóng Rose. Một gia đình khôn khổ, có lần Jack nói với cô, lúc nào cũng nơm nớp sống trong nỗi sợ hãi mất việc làm, bị tống ra đường. Rose hiểu, và cô cảm thông, nhưng cô vẫn muốn tự tay mình cầm lấy cái kéo, cắt những bông hoa trong vườn nhà. Đấ y là một trong những công việc ít ỏi cô cho phép mình được đụng tay vào.

Khi Dinesh mang thịt về nhà, suýt chút nữa thì cô đã bật khóc. Cô có thể ngửi thấy mùi thịt bò từ ngoài cửa, và khi Dinesh đặt miếng thịt lên chiếc bàn trong phòng bếp, Rose im lặng nhìn lớp cơ bắp cuộn cuộn phập phồng trên bắp tay Dinesh khi ông dùng dao cắt tảng thịt bò. Rose muốn Dinesh cắt thành những miếng nhỏ hình bầu dục, cô dùng ngón tay chỉ vào mạng sườn của mình để ra hiệu cho ông, cuối cùng, Dinesh lại xắt miếng thịt bò thành

những khúc thừa theo dài ngoẵng, hết như những chiếc xúc xích xâu xí.

“Cảm ơn, Dinesh”. Rose cất tiếng thừa vào túi. Hơn một lần, cô đã được nghe những quý bà quý cô ở câu lạc bộ truyền đạt kinh nghiệm, rằng phải trừng phạt những sai lầm kiểu như vừa rồi một cách cao thượng, nhưng trước hết cô cần phải hỏi Dinesh về những khúc thịt cắt hỏng, và ông ta sẽ phải cố gắng hết mình, ai mà biết được, có thể sẽ có những khúc xúc xích ấy là bởi một sự hiểu lầm, hoặc giả ông ta nghĩ cô muốn ám chỉ đến những khúc ruột. Cô đã khiến ông ta lúng túng khi hiểu nhầm, rằng có thể cô đã làm việc này đến cả triệu lần mỗi ngày.

Trước khi bắt tay vào nấu nướng, cô cố gắng nhớ lại quá trình làm việc trong một ngày của Jack, để Rose có thể quyết định thời điểm dứt bánh vào lò cho đúng giờ. Thông thường, anh sẽ kết thúc công việc vào ba giờ chiều, sau đấy Jack sẽ đến sân bóng polo luyện tập với các đồng đội trong trung đoàn kỵ binh số 3, mọi người vẫn thường gọi đội polo của anh bằng cái tên quen thuộc: Những kẻ lập dị. Sau những trận đấu trên sân polo, thường thì Jack và cô sẽ đưa nhau đến câu lạc bộ, trước khi Jack đưa cô đến đây, anh đã kể cho cô nghe vài chuyện về những đồng đội của mình, những con sâu rượu đúng nghĩa, và thường tỏ ra hết sức thân thiện lấy lòng các bà vợ những vị sĩ quan chỉ huy cao cấp. Những câu chuyện được anh kể bằng giọng điệu khôi hài nhưng cô biết, Jack thực sự nghiêm túc. Anh thậm chí còn khuyến khích cô uống những loại đồ uống được pha chế từ hỗn hợp rượu ứt-ky và sô-đa, như thế trông phong cách của cô sẽ giống một người trưởng thành hơn.

“Đấy không phải là những loại đồ uống thông dụng”, anh trấn an cô, “nhưng chúng lại có tác dụng chữa một số bệnh đơn giản”. Anh cũng cảnh báo cô về thói quen ngò-i lê đôi mách. “Các bà cô già

luôn giở ng nhau ở chỗ thường xuyên thì thâm hóng hót bàn tán bởi bọn họ không có việc gì để làm”, anh ám chỉ đến các bà vợ.

Cứ như thế, những câu chuyện này liên tiếp tới những câu chuyện khác, những dị bản về một Jack mà cô vẫn chưa hiểu, hay chỉ là những ý niệm lơ mờ thoáng qua, khi anh loạng choạng chân nam đá chân xiêu về nhà sau những đêm tiệc tùng, người nôn ng nặc mùi rượu và hào hứng đòi hỏi chuyện gì i chẵn với cô. Lần cuối cùng gần đây anh làm chuyện ấy với cô mới thật kinh khủng: khuôn mặt Jack đỏ gay, dữ dội như muốn ngấu u nghiền cô, thậm chí anh còn chẳng buồn cởi áo.

“Thoải mái, thả lỏng người, thư giãn đi, cứ để mặc anh xâm chiếm em”, giọng anh câu kính, những tiếng nấc nghẹn của anh gọi cho cô nhớ đến những tiếng gào thét với đồng đội “Bỏ đi! Để đây cho tôi!”. trên sân bóng polo khi anh muốn ghi bàn. Thật kinh khủng - cô ghét cay ghét đắng những khoảnh khắc ấy.

“Anh về muộn”. Rose ngẩng đầu nhìn lên chiếc đồng hồ treo tường trong phòng ăn, cô gấ ng trấ n tĩnh trước mùi cay nồng từ mấy món ăn đang nấ m trong lò nướng bay ra, hay đây chỉ là mùi hương tỏa ra từ ngọn nến đang leo lét nhỏ những giọt sáp nóng hổi lên giá đỡ trước mắt cô.

Chín giờ mười lăm phút, có tiếng máy xe dừng trước hiên nhà, tiếp theo là tiếng đóng cửa xe âm ầm ầm vọng vào. Cô vụt đứng dậy, Jack ngật ngưỡng bước vào nhà, cuố n theo nôn ng nặc hơi men. Khuôn mặt anh chột cau có khi nhìn thấy mái tóc của cô - hay Rose đang tưởng tượng ra điề u đây? - như thể ngầ m nhấ c cho cô biết anh hãy còn nhớ và Rose vẫn chưa được tha thứ.

“Chào anh”, Rose từ tồ n, cô cô tỏ ra thật nhẹ nhàng như mẹ vẫn phản ứng mỗi khi bố cô nổi giận. “Anh uố ng một chút gì nè nhẹ

trước khi ăn tô i nhé? Chúng ta có thịt bò bít-tết và bánh nướng”.

“Không, cảm ơn”, anh gọn lỏn, “anh đang rấ t đói bụng”. Anh đưa mắt nhìn về phía đám khói đang cuộn tỏa ra từ phía nhà bếp.

Rose run rẩy trong bóng tô i, cô thả p thêm một ngọn đèn dầ u hồng xua đi bóng tô i đang chực kéo nhau ùa vào. Hô i chiề u, cô đã cố gắ ng sắ p xếp sao cho phòng ăn nom thật đặc biệt, thật không dễ dàng gì với một căn phòng còn thiế u thố n đủ đồ dùng cá n thiế t. Cô đã bảo Shukla đánh bóng dao nĩa và cắ m ba cành hoa giấ y vào một chiế c bình mang ra đặt giữa bàn ăn.

Jack túm lắ y bình hoa. “Anh đẹp nó qua chỗ khác nhé?”. anh hỏi cô. “Mùi hương của chúng có thể khiế n anh mắ t cảm giấ c với mắ y món ăn”.

Hoa giấ y thì làm gì có hương, nhưng không sao.

“Không sao đâu”, cô thản nhiên trả lời. “Anh cứ để chúng lên nóc tủ chén bát”.

Lúc bắ y giờ Dinesh hớn hở dọn thịt bò và bánh nướng ra bàn ăn, ông ta lúc nào chẳng phấ n khích và lắ y làm hãnh diện khi được trực tiế p phục vụ những món ăn yêu thích của Jack.

Shukla lúc nào cũng cúi gắ m mặt xuô ng đầ t đầ y ngườ ng, hắ p tắ p mang rau xanh ra bày lên bàn, những ngọn rau cải mắ t hút dưới lớp tảo nghiề n nát lố ng bõ ng nước.

“Chúng ta bắ t đầ u được chứ?”. Một tiế ng nỏ lép bép vang lên khi Rose dắ n tay dao vào chiế c bánh nướng, vừa chăm chú nhìn vào lớp vỏ cứng bọc bên ngoài chiế c bánh, cô vừa nói dắ m câu ba điề u tro ́ ng rồ ng về mắ y chuyện thú vị liên quan đế n niề m vui

được gặp lại Tor, cả nỗi mong muốn của cô về việc sẽ mời Tor đến nhà chơi, có thể lúc ấy bọn cô sẽ cùng nhau đi săn.

Vụn bánh tung tóe khi anh nhá n lưỡi dao vào phần bánh của mình.

Cả hai lặng lẽ nhai. Cảm giác bẽ bàng lại trào lên trong Rose: chiếc bánh do chính tay cô làm khá tởm: thịt hơi nặng mùi, nước sốt vón cục trắng ỉn bởi bột mì đã không được đánh đều tay.

Jack nhá p một ngụm rượu vang rồi hờ hững nhìn sang hướng khác. Đám người làm đứng xếp hàng bên bậu cửa im lặng chờ đợi phản ứng của anh. Cô đặt dao và nĩa của mình xuống bàn, những tiếng va chạm khô khốc vang lên trong không khí im lặng đến nghẹt thở.

“Đừng ăn nữa Jack”, cô nói. “Mấy món này thật kinh khủng”.

Cô cảm nhận được dòng nước mắt nóng hổi đang từ từ lăn xuống đôi gò má. Anh vẫn nhai nha nhai.

“Nó không có thuốc độc”, anh chổng lón, “thế thôi”.

“Nó thật ghê tởm. Anh làm ơn bảo đám người làm đi ngủ được không?”. Cô cúi đầu nhìn chằm chằm vào chiếc khăn trải bàn, nước mắt đã chã tuôn rơi. Rose có cảm giác như đang chịu cực hình, chịu sự tra tấn khi bị người khác chứng kiến trong tình cảnh này.

Jack đứng dậy, thở dài nã nê. Anh bước đến trước cửa phòng bếp.

“Đi! Nhanh nào, Durgabai và Dinesh, bà chủ và tôi cần một chút riêng tư”.

Khi cánh cửa được khép lại, anh đến ngồi bên cạnh cô.

“Em xin lỗi”, cuối cùng cô cũng lên tiếng. “Em xử sự như một con ngốc hoàn hảo”. Cô nấc lên, đầu đau khổ, rồi dùng khăn ăn lau dòng nước mắt.

“Có chuyện gì với em vậy, Rose?”.

“Anh không thích mái tóc mới của em, đúng không?”, cô cay đắng nức nở.

“Ừm”, anh gật đầu như lặng người. “Nếu em đã hỏi như thế, thì không, anh không thích nó chút nào. Nhưng vì Chúa, Rose, em đừng bao giờ khóc lóc trước mặt đám người làm trong nhà nữa được không?”.

“Em xin lỗi”, giọng cô hãy còn run rẩy.

Anh đứng dậy bước về phía cửa sổ. Cô nhìn theo dáng anh, cô gắng kiềm cơn xúc động chực trào dâng trong lòng, cô chỉ muốn gào lên với anh, rằng tất nhiên đây không phải bởi mái tóc ngắn của cô.

Chiếc ghế nghiêng mạnh lên sàn nhà phát ra tiếng động chói tai khi cô đứng dậy. “Nếu anh không phiền, em đi ngủ đây”.

“Không sao”, Jack trả lời, “anh nghĩ em nên đi nghỉ”.

“Bình thường em không xử sự như thế này”, cô ngập ngừng khi bước chân qua ngưỡng cửa.

“Tốt”, anh nói, không hề mỉm cười, trước khi cô kịp khép chặt cánh cửa sau lưng.

Tối hôm ấy Rose chợt phát hiện ra một điều, rằng khóc lóc không bao giờ là cảm giác dễ chịu cả, nó chỉ khiến đôi mắt bạn sưng húp và khát nước đến rã rời chân tay.

Nhưng trước lúc rạng đông, khi cô đã mệt nhoài giữa những dằn vặt day dứt và bất đầu tin chắc hôn nhân chỉ là điều uất hạnh thì anh xuất hiện, từ căn phòng trống bên cạnh nơi anh đã ngủ cả đêm hôm qua. Jack nhẹ nhàng trườn lên chiếc giường hạnh phúc của hai người, vòng tay ôm ngang eo cô, thì thầm: “Ôi, Rose ngọc khiết của anh, đừng như thế nữa”.

Hành động của anh càng khiến tình hình trở nên tồi tệ hơn. Cô cười gượng gạo: “Chắc anh nghĩ mình đã cưới một con ngọc” . Cô áp đầu má nóng hổi của mình vào ngực anh, rụt rè vòng tay ôm anh trong bóng tối nhập nhòa của đêm sắp tàn.

“Nhưng đây là sự khác biệt”. Ngực anh phập phồng khi nói. “Có thể một chút khó khăn, nhưng anh sẽ quên chuyện này”.

Cô muốn anh cứ mãi ôm mình như thế. Đây là tất cả những gì cô muốn. Nhưng những ngón tay của anh đã luồn sâu vào vạt váy ngủ, vuốt ve cô bé của cô. Bỗng chốc Rose cảm thấy bối rối.

“Đừng từ chối anh, Rose”, Jack hôn hên. “Hãy để anh...”.

Lần đầu tiên trong đời, cô đã hoàn toàn cảm nhận được điều gì đây, không giống như những thứ từng tràn ngập trong giấc mơ của cô - những điều đã không bao giờ xuất hiện trong khuôn trăng mặt và đã gây thất vọng tràn trề trong cô - nhưng chỉ là chút vụt thoáng qua của những cảm xúc nhuốm đầy dư vị thú tính giữa cho và nhận, những thứ hay ho hơn ngàn vạn ngôn từ.

“Đừng lại, anh là một kẻ ngọc”. Một lúc sau anh đã lại vui vẻ chòng ghẹo cô. “Như thế là đủ rồi nhé”.

“Em không bao giờ khóc”, cô quả quyết với anh thêm một lần nữa. “Anh cứ hỏi Tor”.

“Anh sẽ hỏi, anh sẽ sớm gặp lại cô ấy ngay thôi”. Anh vuốt ve bầu vú của cô.

Lần đầu tiên trong đời, cả hai nắm gọn trong tay nhau, chìm sâu vào giấc ngủ muộn màng.

Chương 29

Khi Frank gọi cho Viva thông báo anh đã trở lại Bombay, và đang nóng lòng muốn được gặp cô, trong khoảnh khắc, Viva không thể thốt nổi thành lời.

“Frank trên tàu Kaiser ày”, anh giải thích. “Cô còn nhớ tôi chứ?”.

“Tất nhiên là tôi vẫn nhớ”, cô nói. Viva mỉm cười, một cơn xúc động vụt thoáng qua khiến cô nóng ran mặt mày.

“Tôi muốn đến thăm cô và kể cho cô nghe về Guy Glover”.

“Tôi nay tôi bận rồi”, cô dứt khoát. “Ngày mai thì sao?”.

Anh bảo ngày mai cũng không sao.

Cô đọc địa chỉ cho anh, rất nhanh sau đây anh gác máy. Khi những ngón tay của cô rời khỏi ống nghe điện thoại, cô cảm nhận rõ ràng những giọt mồ hôi ẩm ướt túa ra trên những đầu ngón tay đã in dấu trên ống nghe điện thoại, những dấu vân ướt át hết như những con sao biển tí hon lăn mình trên cát.

Sau cuộc trò chuyện với Frank qua điện thoại, cô đứng dậy nhìn quanh căn phòng của mình, cố gắng đặt mình vào vị trí của anh. Một tháng trước, khi đặt chân vào căn phòng chật chội này, cô đã ngán ngẩm đến tột cùng, những tưởng trước đây đã rơi xuống tận cùng của thế giới, ày vậy mà khi đứng giữa căn phòng kinh khủng này, cô lại có cảm giác mình đang tiếp tục rơi sâu hơn nữa.

Căn phòng miễn phí, đúng như Daisy đã hứa, nằm trên tầng áp mái của cửa hiệu ông Jamshed đóng trên phố Jasmine, một con phố trung tâm, nhưng đêm đêm trên bốn bức tường tróc vôi nham

nhỏ, lũ thằn lằn vẫn phóng mình đuổi nhau ràn rạt trên đầu cô, tro trọi một bóng đèn mắt chụp, thảm trải nhà mỏng tang xơ xác, chiếc bếp ga ri sét năm nếp mình dưới tấm rèm cửa cũ kỹ đang đưa vật vờ ngay trên đầu. Căn phòng gọi cho cô nhớ đến những phòng ngủ tồi tàn nhất ở London, ẩm thấp và nóng nực. Đêm đầu tiên trong căn phòng miễn phí này, cô đã ngồi hàng giờ trên ban công chật chội, nhắm nha hút thuốc và nhìn ngắm những hình thù mờ ảo ẩn hiện trên con đường tăm tối không xa ngay dưới chỗ cô ngồi, tự hỏi không biết điều tồi tệ nào đã dẫn mình đến với nơi đây. Hôm sau, cô dành trọn một ngày để cọ rửa căn phòng sạch như lau. Cô đốt một chút trầm hương để xua đi mùi thức ăn kinh khủng lâu ngày đang ám ảnh quanh căn phòng, rồi cô mang tấm chăn của bố mẹ ra trải lên giường, những mảnh vải đủ sắc màu đỏ, xanh, hồng... chập vấp trên tấm chăn khiến nó chợt bừng sáng lấp lánh như một tấm kính màu khổng lồ khi mặt trời lên cao, rót vào căn phòng chật chội của cô máy vạt nắng rồi nhẹ nhàng đậu xuống sàn nhà.

Đêm thứ hai, Daisy đến thăm cô mang theo một chiếc đệm được thêu hoa văn sắc sảo, một tờ giấy in một bài thơ Ba Tư cổ cùng một nhánh dạ lan hương trên tay.

Khi gia sản tan thành mây khói

Ta nhận ra mắt mát đã nhiều

Chỉ còn lại cửa hàng trống rỗng

Với hai ổ bánh mì im lặng giữa cô đơn.

Bán một ổ, với chút tiền ít ỏi

Mua nhánh dạ lan hương, ta nuôi dưỡng tâm hồn.

Viva đã đóng khung bài thơ và treo lên đầu giường ngủ của cô.

Tuần tiếp theo, cô cùng Daisy đến khu phố chợ Chor Bazaar tìm mua một bộ dao kéo nĩa thìa, một chiếc ấm đun nước và một chiếc ghế hây còn mới, về sau được cô bọc lại bằng một tấm khăn choàng Kashmiri đã cũ. Ở đây cô còn tìm được một tấm gương tráng men xanh ngọc cũ kỹ, Viva mua nó và treo trên bồn rửa mặt. Cuối cùng, căn phòng nom đã sáng sủa hơn một chút, giống như cô.

Đêm đầu tiên ở nhà mới, ông Jamshed, một tín đồ Bái hỏa giáo có học thức, to lớn, vui vẻ và lúc nào cũng ồn ào huyên náo đã sốt sắng vẫy cô trên ngưỡng cửa khu nhà như thể cô là một đứa con gái chậm chạp. Khi cô đến bên cạnh, ông nhiệt tình mời cô ngồi trên chiếc ghế đặt cạnh cửa sổ, từ đây cô có thể thấy rõ môn một những cánh bồ câu đang chao lượn trên trời chiêu thăm màu hoa đào, lấy nước mời cô uống và giới thiệu với Viva các cô con gái của ông, Dolly và Kaniz, những cô gái xinh xắn với mái tóc buộc túm trên đầu, son môi tươi rói chơi cút bắt nhau như chong chóng quanh ông bố. “Chúng thường xuyên quấy rầy tôi”, ông kể với Viva, khuôn mặt ông bừng sáng, ánh mắt rạng ngời lấp lánh niềm hạnh phúc.

Bà Jamshed, một phụ nữ đầy đà, lúc nào cũng then thùng e lệ, cố năn nỉ mời bằng được cô ở lại và dùng bữa tối với gia đình ông bà. Viva cùng gia đình ông Jamshed quây quăn bên bàn ăn trước hiên nhà, bữa tối có cá nhồi lá, cơm trắng, rau và cuối cùng tráng miệng bằng sữa trứng ngọt. Bà Jamshed nhiệt tình nhồi đồ ăn vào đĩa của Viva cho đến khi cô có cảm giác bụng mình sắp nổ tung. Cuối bữa ăn, ông Jamshed giới thiệu với cô từ russa, một thuật ngữ trong tiếng Ấn chỉ phương pháp nấu nướng và bày biện đồ ăn thức uống bằng tất cả tình yêu của người đầu bếp; và rằng trong bữa ăn ở một gia đình Ấn Độ, trừ khi cô để lại một chút đồ ăn

thừa trong đĩa, còn nếu không thì cô vẫn tiếp tục được chủ nhân phục vụ cho đến khi cô cảm thấy bụng mình sắp nổ tung vì quá no mới thôi.

Công việc của Viva ở mái ấm tình thương Tamarind đã bắt đầu hai ngày sau đây. Cô chấp nhận công việc này chỉ với mục đích duy nhất: lấy giấy nhồi dài, kiếm đủ tiền để có thể viết lách, có thể cô sẽ viết được vài câu chuyện hay ho khi làm việc ở đây, rồi Viva sẽ đến Simla để nhận lại món đồ do bố mẹ cô để lại, món đồ giờ đây được cô chua chát gọi bằng cái tên “chiếc rương bị quên rửa”.

Sáng nay cô bước xuống xe buýt, tâm trạng đầy ắp lo âu. Nhìn từ xa, mái ấm Tamarind nhỏ bé và liêu xiêu trong nắng, ngôi nhà trước đây thuộc về một thương gia buôn hoa giàu có. Khi đến gần, Tamarind vẫn phảng phất đâu đó những nét yêu kiều một thời đã phai tàn theo năm tháng, là những ô cửa sổ tinh xảo, những chôn song được trau chuốt tỉ mỉ, những nét chạm trổ tinh vi... tất cả đã nhờ nhờ một màu hoen rỉ, trầm mặc và cô lẻ.

Joan, một bà đỡ vui tính người Xcôt-len, vừa dẫn cô đi một vòng qua những hành lang tắm tội để giới thiệu về máy phòng ngủ tập thể sơ sài. Vừa đi Joan vừa hào hứng kể cho cô nghe về chuyện công tác vào sâu trong nội địa mới đây của bà để điểu tra tình hình về các bà đỡ tại những ngôi làng ở khu vực nông thôn cùng tỉ lệ tử vong của bọn họ.

Nhà tình thương được mở cửa để đón nhận những trẻ em Hindu và trẻ Hồi giáo, mục đích cuối cùng vẫn là đưa các em về nhà hoặc tìm cho chúng một gia đình thích hợp.

“Đừng bao giờ có ý nghĩ chúng ta đang ban ơn khi làm những việc ấy”, Joan nói. “Nếu lũ trẻ đang chế t đối, chúng sẽ biế t ơn nếu chúng ta cho thức ăn. Nhưng cũng có nhiề u đứa ghét cay ghét đắng

kiểu đồ i xử nặng tính nhân ái bao dung nơi đây, bởi chúng cảm thấy mất tự do, đặc biệt là những đứa lớn tuổi. Có những đứa thậm chí còn muố n ở lại trong các khu ổ chuột dột nát nhấ t hơn là chuyển đê n sô ng tại đây”.

Những vách tường tróc lở nham nhở, những căn phòng tro ng tênh không một chút đò đặc đáng giá nói lên sự thiê u thố n nơi đây. Sô tiê n ủng hộ dôi dư của các nhà hảo tâm được dành cho việc điê u trị chữa chạy y tê cho những đứa trẻ đau ô m. Khi Joan dẫn Viva ngang qua khoảng sân trong, một toán bé gái bắ t ngờ túa ra xuấ t hiện bên cạnh hai người, ô n ào và thân thiện, chúng chạy đê n nắ m tay Joan, mỉm cười với Viva. “Chúng muố n hát tặng cô một bài”, Joan giải thích. Khi những đứa trẻ bắ t đầ u cá t nhịp, Viva như thầ m, mình sẽ không bao giờ nhìn thấ y những nụ cười rạng rỡ, những ánh mắ t trong sáng này trên khuôn mặt của người châu Âu. Cuộc sô ng nghèo nàn vấ t vủ, nhưng bọn trẻ nơi đây mới yêu đời biê t bao.

Bữa trưa được dọn ra trên những chiế c bàn kê trên niễng đặt ngoài mảnh sân con con trước hiên nhà, Viva dùng bữa cùng bọn trẻ, cô được giới thiệu với Clara, một nữ y tá người Ai-len to lớn, làn da nhợt nhạt lắ m tắ m tàn nhang, khuôn mặt mờ tồ i, có vẻ là một người khó tính. Clara múc những muôi dhal to tổ chẳng đồ đánh bệ t vào từng chiế c đĩa, trong khi bọn trẻ bắ t đầ u cá m mặt vào ăn, cô ta đứng ở bên kia dãy bàn, cầu nhàu với Viva rằ ng, cô từng làm việc trong một trại trẻ mồ côi khác ở Bombay, và rằ ng “chắ c chắ n chỗ này là Ritz nê u đem so với nơi đầ y”.

Joan giải thích với cô, rằ ng nhiê u trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi ở Á n Độ thực chấ t chỉ là những trại buôn người khủng khiếp không hơn không kém, ở đầ y bọn trẻ bị đánh đập, bóc lột, thậm chí nhiê u bé gái còn bị bán cho những lão già có tiê n thích chơi tro ng bởi. “Chúng ta phải mắ t rắ t nhiê u thời gian để tạo dựng niê m tin

từ phía người dân bản xứ. Chúng ta phải rất, rất thận trọng, phải vậy không Clara?”. Mặt Clara vẫn khó như đăm. Cô ta ném về phía Viva một cái nhìn đầy giễu cợt như thể muốn nói “cô không thích hợp với chỗ này đâu”. Những ngày sau đấy, khi Viva được phân làm việc cùng ca với Clara, cô luôn cảm nhận được thái độ e dè kín kẽ đến khó chịu của người đồng nghiệp, có lẽ trong mắt Clara, Viva chỉ là một kẻ học việc không bao giờ thích nghi được với hoàn cảnh nơi đây.

Cô đang làm gì ở đây? Không phải y tá, lại càng không phải là người làm từ thiện, thậm chí cô còn không chắc mình có yêu trẻ hay không nữa. Điều duy nhất cô nghĩ trong những ngày đầu tiên đến làm ở đây chỉ là phải làm sao cho mọi việc thật xuôi chèo mát mái.

Ban đầu người ta chỉ phân công cho cô làm những việc hết sức đơn giản, khá dễ dàng. Joan sắp xếp cho cô ngồi cạnh một người phụ nữ gốc Maharashtra, sau một chiếc bàn đặt giữa sân, chờ đón bọn trẻ đến với trung tâm Tamarind. Viva có nhiệm vụ ghi lại họ tên những đứa trẻ đã được người phụ nữ gốc Maharashtra phỏng vấn vào một cuốn sổ bọc da cỡ lớn, chú thích ngày tháng đến với nhà tình thương của từng đứa, địa chỉ của chúng. Nếu có thể, ai đã từng chữa trị cho chúng, loại thuốc nào chúng đã sử dụng và liệu bác sĩ có muốn chúng quay lại để kiểm tra lần thứ hai hay không. Hầu như tất cả bọn trẻ đều chưa từng được điều trị trước đây.

Không bao giờ có đủ bác sĩ để khám chữa cho chúng, Joan, Clara và thỉnh thoảng cả Daisy cũng có mặt để xắn tay áo vào công việc nhằm giảm bớt những vất vả cho bác sĩ và những thiếu thốn thuốc thang điều kiện y tế, họ chỉ gửi những trường hợp nặng nhất, cấp thiết nhất đến bệnh viện để điều trị.

Mới sáng nay thôi, một nhóm trẻ em với những ánh mắt nấn nỉ cầu xin đã trở thành những cá nhân riêng biệt. Cô gặp Rahim, một nam thiếu niên Hồi giáo tộc lạc, luôn sẵn sàng nổi giận với bất kỳ ai, gây trơ xương với khuôn mặt đỏ hoa chảnh chít, có ông bố bị hất xăng vào người và cuối cùng chết cháy trong một cuộc tranh giành mà Clara cho là đáng để các băng đảng xã hội đen. Rahim muốn gửi đưa em gái lên sáu của nó ở đây để rảnh rang ra ngoài kiếm chút tiền. Cô còn gặp Sumati, mười hai tuổi. Sau khi mẹ con bé qua đời bởi bệnh lao, nó trở thành trụ cột của gia đình gồm bốn chị em, lay lắt qua ngày bằng nghề moi rác, nhưng cuối cùng con bé cũng kiệt sức.

Giữa trưa, ngôi nhà gập ghềnh như nổ tung bởi máy thả bóng bóng ào ào từ ngoài đường ulla vào, chân trần bản thủ, gập ghềnh như trần truồng chỉ với mảnh khố quấn quanh bẹn, chí chóc tranh giành nhau món xúp được cung cấp miễn phí ở trung tâm từ tay những người phụ nữ địa phương làm việc trong trường. Chúng ngủ tạm bợ trong những thùng giấy bìa cứng vẫn được người dân thẳng tay vứt đi cạnh đường ray xe lửa, Daisy giải thích. Chúng lang thang cả ngày hàng dặm đường để xin chút cơm thừa canh cặn, vài muống dhal và dăm ba mẫu trái cây, tắm gội rửa ráy qua loa từ vòi nước lắt ph trong sân trung tâm Tamarind, dùng những ngón tay làm bàn chải răng. Daisy bảo chúng luôn có suy nghĩ mình là những đứa trẻ may mắn nhất còn tồn tại trên đời này bởi được phép làm những việc ở Tamarind.

“Chúng khiến chị phải bận tâm, đúng không?”, Viva hỏi. Tất nhiên là vậy rồi.

“Cô biết đây, một ngày nào đây”, Daisy lên tiếng trước khi cô đứng dậy, “có thể cô sẽ có nhiều chuyện để viết hơn là những cái tên của chúng trong máy cuốn sách của mình. Cô có thể viết về những câu chuyện đời thường của bọn trẻ”.

Buổi sáng thứ hai của tuần tiếp theo, mọi việc lại thay đổi. Joan với khuôn mặt đỏ gay, phục phịch vừa chạy qua mảnh sân con vừa hỗn hển thông báo “địa ngục lại tiếp tục mở toang cánh cửa” tại một khu ổ chuột hình thành sau nhà máy sản xuất bông gòn đã y.

Một đường ống dẫn nước bị vỡ, hai mươi người đã chết đuối. Nửa tiếng sau, một đám đông quần áo người ngòm bám đầy bùn đất hôi hám ủa tới, chạy bộ có, đi bằng xe kéo tay có, thậm chí cả bằng xe bò kéo và trên những chiếc taxi ọp ọep. Tất cả đều kêu gào khóc lóc cầu mong sự giúp đỡ.

Người lớn được chuyển đến bệnh viện địa phương, ở đây họ sẽ có một chỗ nương tựa tạm thời; đám trẻ con một thân một mình không có người lớn đi kèm đã kéo nhau về đây. Những bộn tã m bằ ng thiế c bắ t đầ u đượ c mang ra giữa sân, thêm mấ y chiế c bế p đầ u đượ c châm lửa để hâm nóng đồ ă n thức uồ ng.

“Tốt hơn hết cô nên dừng công việc của mình lại và đến đây giúp chúng tôi một tay”. Clara nhanh chóng gắ p cuố n sổ của Viva lại, trước khi dúi vào tay cô một chiế c tạp đê ̣ còn kịp trao cho Viva một cái nhìn nửa châm chọc, nửa hắ n học. “Cô đang ở tận cùng của thế giới rồi đây”.

Một bé gái có tên là Talika được moi ra từ đám đông trẻ con đang dứ m dó trước cổng trường Tamarind. Con bé chừng bảy tuổi, gầ y tro xuong trông đê ̣ n thẳ m hại, đôi mắ t nâu to tròn ngơ ngác và mái tóc rồ i bù , cả cơ thể của con bé lọt thỏ m trong chiế c váy hoa quá khỏ . Trên cổ Talika đeo một vòng giấ y với dòng chữ “Hari kiti” - Làm ơn giúp cháu.

Khi Talika kiệt sức khụy ngã dưới chân Viva, con búp bê bằ ng vải bé nhỏ của con bé rơi xuố ng vũng bùn bên cạnh. Viva có cảm giác đầ u tóc rồ i bù của nó vừa đập nhẹ lên mũi giày của cô, Viva rúng

động, những cảm xúc khác nhau chợt ùa về: Nỗi đau bởi hình ảnh thể lương cảm động đang diễn ra trước mắt, giận dữ bởi hoàn cảnh khó khăn mà cô đang vấp phải; cả nỗi khiếp sợ dành cho đứa bé, đang rũ rượi thò lò mũi xanh ri lên tất cô như dòng nhót nhãi của lũ ốc sên do bị cảm lạnh. Viva sợ hãi với nỗi ám ảnh giờ đây cô trở thành người duy nhất được hy vọng có thể làm điều gì đó y cho con bé.

Một dãy lê u vải đã chiếu nhanh chóng được dựng lên ngay giữa khoảng sân chật chội. Daisy và Clara tất bật chạy vòng quanh nhét những chiếc bôn tắm bằng thiếc cùng một mẫu xà phòng tắm, một chiếc khăn bông vào từng túp lê u.

Viva dìu Talika vào sau một túp lê u. Không anh chị em, nên trước đây cô chưa bao giờ phải chăm sóc ai như thế. Cả hai đều lúng túng.

“Cởi đồ ra”. Cô chỉ vào chiếc váy bám đầy bùn đất của đứa bé, cặp mắt tròn xoe của Talika vẫn dán vào cô, im lặng. Rồi nó chậm rãi đặt con búp bê bằng vải của mình xuống, từ từ trút bỏ chiếc váy đang khoác trên người. Con bé khẽ rùng mình khi bước chân vào bôn nước lạnh, nhưng rồi nó cũng ngoan ngoãn dùng xà phòng chà xát, gột rửa toàn bộ cơ thể. Những ngón tay của Viva miệt mài kỳ cọ trên cơ thể con bé, vừa làm cô vừa cúi gằm mặt nhìn chằm chằm xuống đất. Từ túp lê u bên cạnh vọng sang tiếng hát và tiếng cười đùa vui vẻ của Daisy khi cô giúp bọn trẻ tắm. Viva có cảm giác đông cứng cả cơ thể.

Cô dội nước lên mái đầu nhỏ bé của Talika, nhắm mắt khi nhìn thấy những dòng bùn bẩn xám xịt trôi từ đầu tóc con bé xuống mặt đất. Cô dùng bánh xà phòng đặc biệt được Daisy đưa sang dùng để diệt chấy rận mạnh tay cọ xát trên đầu tóc con bé. Talika vẫn không khóc, ngay cả khi xà phòng bắn vào mắt nó. Con bé đứng

yên, tê cứng vì choáng váng. Sau khi được lau khô, Joan xuấ t hiện mang cho Talika một chiế c váy khác vừa vặn hơn với con bé cùng một con bú p bê bằ ng vải hã y còn khá mới - con bú p bê cũ của Talika đã đượ c mang đi giặt giũ và xông nước cho thơm. Sau đầ y con bé đượ c sắ p xế p vào phòng ngủ tập thể dưới tâ `ng một cùng mười bé gái khác, nó sẽ ở đây cho đế n khi có người thân đế n đón hoặc khi Talika muố n đượ c tự do ra ngoài đườ ng phồ để sinh số ng. Con bé đượ c phát một tá m nệm, một cuố n vở và một chiế c bút chì.

Cuố i ngày hôm â y, khi Viva đang đứng bên cạnh công trung tâm, đầ u óc choáng váng, mệt mỏi bởi những gì vừa trải qua, cô lại nhìn thấ y Talika. Con bé đượ c phát một cái chổi gắ p đôi chiề u cao cơ thể của nó, đang chậm rãi lia những nhát chổi gom lớp lá me vương vãi trên sân trường. Có vẻ con bé rấ t chăm chú và tuân thủ nghiêm ngặt công việc đượ c giao. Cô cũng đã có một công việc để làm, và cô sẽ làm thật tốt. Nế u con bé nắ m giữ đượ c vận mệnh cuộc đời nó, thì mình cũng làm đượ c, Viva tự nhủ, và cô cảm thấ y phá n chấ n với ý nghĩ vừa chớm hình thành trong đầ u.

Tô i nay Frank đã hẹn sẽ đế n thăm cô, sáng nay trên đườ ng đế n chỗ làm, cô đã tự hỏi không biế t bao nhiêu lâ n tại sao Frank lại tỏ vẻ nghiêm trọng đế n thế , giọng anh có gì đầ y hơi khác thường khi trò chuyện với cô qua điện thoại. Có thể đầ y là một tin vui, cô nghĩ, phá n chấ n bước chân khỏi vỉa hè trầ y vỡ gạch lát để trèo lên xe buýt, rằ ng Guy không phải là lý do duy nhấ t đượ c anh đưa ra để gặp cô, có thể anh đã kịp gâ y nhớ nhưng quyế n luyế n cho vài cô gái ở Lahore. Giữa cô và anh chưa xảy ra chuyện gì để đượ c gọi là lưu luyế n và gắ n bó, Viva tự nhủ, khẽ đưa tay vẫy chào người đàn ông trong tiệm rượu vang vẫn vui vẻ chào cô mỗi sáng mai khi Viva ngang qua đây. Guy đã gắ n kế t cô và Frank lại với nhau, trong những đêm chong đèn thức bên nhau canh cho Guy ngủ trong căn buồ ng của nó trên con tàu Kaiser, cả hai có cảm giác như bị bỏ rơi, cô đọc bên nhau

giữa đảo hoang không một bóng người. Chính những thời khắc ấy đã thôi thúc trí tò mò, cũng có thể chỉ là những suy nghĩ viên vông khi muốm được hiểu cận kề về anh, được anh quan tâm một cách đặc biệt, tin cậy và nồng ấm.

Sau tám tiếng tắm rửa cho bọn trẻ, dọn giường cho chúng và làm vài công việc lặt vặt trong văn phòng, Viva trở về nhà trong ánh nắng chiều nhuốm màu bụi hồng. Frank! Hình ảnh anh cứ lờn vờn trong đầu cô suốt cả ngày hôm nay, nhưng giờ đây, trên đôi chân bước những bước vội vã, với nửa vạt váy sau dính bết vào lưng, Viva bỗng hoảng sợ khi nghĩ đến việc có thể Frank sẽ đến quá sớm, cô cần thời gian để tắm rửa, để chợp mắt một chút, để trấn tĩnh lại, thôi không nghĩ đến những điều có thể khiến cô bị tổn thương.

Cô mệt mỏi trèo lên những bậc cầu thang, thắm hy vọng Jamshed không bất ngờ từ đâu đó vọt ra như thỉnh thoảng ông vẫn làm, rồi khẳng khẳng năn nỉ mời bằng được cô vào nhà uống chút gì đấy, cùng gia đình ông “chuyện trò huyền thuyên”.

Như mọi ngày, sau khi tắm rửa và ăn nhẹ một chút gì đấy, cô sẽ châm đèn bắt đầu gõ i viết, nhưng tối hôm nay thì khác, cô nằm dài trên giường, mắt khép hờ. Sau một hồi mông lung, cô chợt nhận ra mình cần phải chọn một bộ quần áo thích hợp để chào đón Frank. Chiếc váy màu đỏ - quá nổi, không hợp với buổi tối hôm nay. Vậy thì áo và váy màu cánh đào thì sao - quá tế nhị. Khi đã gằn như lựa chọn được một bộ, thì chính cô lại quyết định gạt phắt nó đi. Không cần quan tâm đến chuyện Frank sẽ thích mình mặc gì là ý nghĩ cuối cùng thoảng qua trong đầu trước khi Viva chìm vào giấc ngủ.

Viva bật dậy khi nghe thấy tiếng gõ cửa từ ngoài vọng vào, cô nhìn thẳng về phía cửa phòng. Qua tấm kính mờ cũ, Viva thấy

thấp thoáng một bóng người đang nhấp nhô bên ngoài. Cô mặc vội chiếc áo khoác vào người, lóng ngóng bật đèn.

“Chờ một chút”. Cô dò dẫm tìm cây nến. “Mất điện”. Ở đây bao giờ chẳng thế.

“Viva”. Giọng anh nghèn nghẹn sau cánh cửa.

“Frank, chờ một chút”.

Khi cô mở cửa, anh đứng đậy, trong ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn được ông Jamshed để một đầu câu thang. Trông anh gầy hơn so với một Frank mà cô từng nhớ, có vẻ cao lớn hơn trước, nhưng mái tóc màu kẹo bơ ả, nụ cười ả, không thể khác được.

“Tôi đến muộn”, anh nói. “Có một ca khẩn cấp ở bệnh viện và không có ai giúp tôi xử lý nó cả”.

Frank nhìn cô như thể không dám tin cô đang đứng trước mặt anh.

“Tôi vào được chứ?”, anh hỏi.

“Chờ một chút”. Cô giữ chặt chiếc khoác đang mặc trên người. “Tôi thấy buồn ngủ. Tôi...”.

Cô ghét cay ghét đắng suy nghĩ rằng anh sẽ bóc trần cô chỉ sau vài cái nhìn. “Ôi, chờ một chút”.

Nói xong cô đóng chặt cánh cửa, cuống cuống tìm kiếm trong bóng tối, va chân vào thành giường khi chui đầu vào chiếc váy lụa đỏ. Cô cài một chiếc trâm bằng bạc lên tóc rồi thả thêm hai cây nến nữa.

“Xong”, cô thở phào, mở cửa trở lại, “giờ thì anh có thể vào, hơi lộn xộn một chút, tôi nghĩ thế”.

Anh vẫn đứng im trước ngưỡng cửa như thể đang chần chừ không biết có nên bước chân vào. Cô có thể cảm nhận được ánh mắt anh đang lướt lên mọi đồ vật trong căn phòng: chiếc giường, cái máy đánh chữ, bức tranh Talika đã vẽ tặng cô treo trên tường nhà, phía trên bàn làm việc của cô.

“Cô không khóa cửa sao?”, anh hỏi.

“Thỉnh thoảng thôi, không phải lúc nào cũng khóa. Chủ nhà đã làm một cái then cài ở cửa dưới”. Ánh mắt đầy hoài nghi của anh khi Frank quan sát căn phòng khiến Viva cảm thấy khó chịu. Căn phòng của cô không có gì khiến anh phải tò mò cả.

“Cô có thường xuyên bị cắt điện không?”.

“Mọi lúc”, cô trả lời. “Nhưng ông Jamshed bảo với tôi thời tiết đang dần nóng lên, lũ chuột cống thường gặm nhấm cáp điện sẽ bắt đầu chết mòn do thời tiết. Nghe có vẻ cường điệu nhỉ?”.

Cô hơi huyên thuyên. Toàn những điều bậy bạ không đâu.

“Có thể”. Cái cách anh mấp máy môi khi thốt ra hai tiếng “có thể” rồi giả vờ im lặng suy nghĩ khiến cô có ý nghĩ anh cũng đang có cảm giác then thủng, và không hiểu vì lý do nào đấy, ý nghĩ ấy khiến cô bức bối. Không khí thoải mái giữa hai người đột nhiên biến mất, và Viva không chắc liệu cô có muốn nó trở lại hay không.

Ánh sáng bập bùng của máy ngọn nến càng khiến không khí giữa hai người trở nên gượng gạo, mong manh, và rồi khi cả hai quyết định sẽ ra ngoài, Viva cảm thấy nhẹ nhõm. “Tôi không thể

ngĩ được điề`u gì khi ở trong bóng tồ`i nhập nhòa như thể` này”, Frank nói. “Đề`tôi mời cô ra ngoài ăn tồ`i nhế`”.

Hôm a`y là một buổi tồ`i a`m áp ở phồ` Jasmine, ánh sáng vàng vọt từ những ô cửa sổ vuông vắ`n trên những mái nhà xiêu vẹo hắ`t xuố`ng đường, vây quanh hai người, đường phồ` ngập tràn bước chân người thơ thẩn trở về` nhà sau khi những cửa hàng đã cửa đóng then cài. Ở một góc đường, dăm ba cô gái làm tiề`n - cô nào cũng lòe loẹt son phắ`n và lắ`p lánh trang sức quắ`n quanh người - lượn lờ tìm khách.

“Nế`u anh không ngại phải cuố`c bộ chừng mười phút”, cô nói, “có một quán cà phê tên là Moustafa’s cách đây vài phồ`. Ở đầ`y có món pani puri nổi tiề`ng nhắ`t Bombay”.

“Nghe có vẻ hắ`p dẫn đầ`y chứ”, anh nói. Nụ cười của anh dành cho cô khiế`n Viva bỗng chồ`c rụt rè e thẹn đế`n lạ, bao nhiêu tự tin như những ngày còn đi chung trên chuyế`n tàu giờ lữ lượt kéo nhau biế`n mắ`t.

Tại góc đường kế` tiế`p, một toán đàn ông đang ngô`i trong một tiệm cà phê ven đường rôm rả chuyện trò trà thuố`c, mùi thuố`c lá ẩm mố`c dậy khắ`p không gian, tràn ra tận ngoài phồ`. Khi một người trong đám bọn họ quay đầ`u ra ngoài nhìn chắ`m chắ`m vào cô, Viva cảm nhận được cái nắ`m tay chặt cứng của anh bao bọc bên ngoài bàn tay cô.

“Cô vẫn đế`n đầ`y một mình à?”, anh hỏi.

“Vâng”, Viva trả lời, “tôi chẳng sợ gì cả”.

“Có thể cô nên biế`t sợ”.

“Tại sao lại phải sợ những điều mà anh không kiểm soát được?”, cô nói. Khi mà điều tồi tệ nhất cũng đã xảy ra, cô tự nhủ. “Nhưng dù sao thì tôi cũng không tin có chuyện tất cả mọi người ở đây đều là những người tốt”, cô cao giọng. “Bọn họ khiến chúng ta phải cảm thấy hổ thẹn”.

“Cô chỉ có một thân một mình”, anh nói, “đừng có mang tất cả ra mà ban phát cho bọn họ”.

Mấy lời cuối của anh khiến cô cảm thấy bức mình. Anh chẳng có quyền gì để nói với mình bằng cái giọng ấy cả, cô nghĩ, rồi vội dậm chân bước nhanh lên trên, vượt qua anh hai bước chân hướng đến quán ăn. Cô đã mệt mỏi với đám đàn ông lúc nào cũng giả vờ tỏ ra quan tâm lo lắng - chính William đã gieo vào trong cô mầm móng ấy - khi mà những gì bọn họ thực sự hành động chỉ là quăng quật cái cơ thể to lớn của mình ra xung quanh, hay chỉ ham muốn những điều khác nữa.

“Xem này”, anh hỏn hển nói khi đã bắt kịp cô, “tôi đã rất lo lắng, cô sẽ hiểu khi nghe tôi giải thích. Guy Glover có liên lạc với cô không?”.

“Không”. Cô dứng chân dưới một cột đèn đường mù mờ, đám thiêu thân vo ve quanh quàng sáng nhạt nhòa trên đầu cô. “Nhưng Rose viết thư cho tôi bảo cô ấy và Tor đã chạm trán nó tại Câu lạc bộ du thuyền Bombay. Tôi nghĩ thằng nhóc đã nói gì đấy về việc sẽ trả khoản tiền mà nó đã nợ tôi”.

Frank quay lại nhìn cô.

“Đừng nhận”, anh nói nhanh.

Cô nhìn vào mắt anh. “Tại sao lại không? Tôi đã làm việc vì khoản tiền đó. Và nó nợ tôi. Có thể thằng nhãi ấy sẽ có đủ khả

năng để trả nợ - Rose bảo hiện tại nó đang làm công việc của một thợ chụp ảnh cho một số xưởng phim”.

“Đừng nhận khoản tiền ấy”, anh nhắc lại với cô. “Hứa với tôi là cô sẽ không nhận nó. Nếu cô cần tiền, tôi sẽ cho cô vay hoặc cô có thể hỏi xin bố mẹ mình”.

“Tôi không có bố mẹ”, cô nói. “Họ đã chết từ nhiều năm trước”.

“Tôi xin lỗi”.

“Không phải lỗi của anh”, một câu trả lời trơn tru quen thuộc bao năm qua của cô.

“Tất nhiên tôi biết đây không phải là lỗi của tôi”, anh nói, khuôn mặt Frank bỗng chốc buồn bã. Anh định nói với cô điều gì đây, nhưng Viva đã ra hiệu cho anh dừng lại. “Đến nơi rồi”, cô hớn hờ. “Xin giới thiệu, đây là Moustafa’s”.

Cô thích Moustafa’s bởi những bộ bàn ghế cũ kỹ nơi đây, cả những bức tranh phờ phờ u ám lượn xưa cũ của thành Acropolis. Chủ quán cà phê, một người đàn ông Hy Lạp râu ria bờm xờm, nhiệt tình và hài hước. Tối nay ông chủ mặc một chiếc áo dài chui đầu kiểu Casomia, khi nhìn thấy Viva và Frank bước vào, người đàn ông lập tức tươi cười bước tới, mang cho hai người một chai rượu vang, cẩn thận rót vào hai chiếc ly, rồi lại xăng xái chạy vào trong mang ô-liu, quả hạnh và máy miến ng bánh ngọt ra phục vụ.

“Nếu cô chia sẻ với tôi về gia đình, tôi nghĩ cô sẽ cảm thấy nhẹ lòng hơn”, Frank nói với cô khi chỉ còn lại cả hai bên bàn cà phê.

“Cảm ơn”, cô trả lời. Cô cảm thấy đôi chút hối tiếc vì đã khiến anh trở nên thận trọng hơn trước. “Nhưng thực sự không có gì nhiều

đề kể”. Cô nhớ lại cảm giác choáng váng đến lạnh người khi cô kể cho William nghe tất cả, và rồi chuyện gì đã xảy ra ngay sau đây. Váy áo của cô vương vãi trên sàn nhà anh ta, còn quần áo của William được treo thẳng thớm trên móc, một sự thật chứa đựng quá nhiều sai lầm.

“Kể cho tôi nghe về Guy đi”, cô đề nghị. “Tôi nghĩ đây là lý do vì sao chúng ta có mặt tại đây”.

Frank im lặng trong chốc lát. “Thôi được”, cuối cùng anh cũng lên tiếng, “tôi sẽ kể với cô những gì tôi biết”.

Anh tiếp thêm rượu vào ly của cô, kiên nhẫn chờ đợi trong lúc cô uống cạn ly rượu.

“Tháng trước, bố mẹ của Guy đã thông cáo nó ra khỏi nhà, tôi nghĩ bọn họ đã quá ngán ngẩm với nó. Mẹ của thằng bé viết thư cho tôi, một bức thư thông thiết, kèm theo cả những lời xin lỗi nữa. Bà ta bảo vợ chồng mình mù tịt về tình trạng của cậu con trai. Sau khi Guy đi, bà đã dọn dẹp phòng nó và phát hiện ra một số thứ lặt vặt: bản đồ, những cuốn nhật ký. Bà ta bảo những cuốn nhật ký đề cập khá nhiều về cô - theo kiểu giống như một thiên thần báo thù trong bóng tối”.

“Ôi Chúa ơi!”, Viva cảm thấy kiệt sức. “Điều này có nghĩa là gì? Nó bị điên?”.

“Tôi không chắc. Tôi đã tham khảo một số tài liệu chuyên ngành tâm thần kể từ khi gặp Guy, bởi cô biết đây, nó đã gây ấn tượng cho tôi. Cả những âm thanh nó nghe thấy... Có một khái niệm chuyên môn mới được gọi là bệnh tâm thần phân liệt, một gã tên là Freud đã sáng tác ra nó. Nó có nghĩa tâm trí bị chia tách ra thành nhiều vùng. Trước đây, tất cả những liệu pháp điều trị cho những người mắc chứng tâm thần phân liệt đều có chung quan điểm khi

xem bọn họ là những kẻ sa đọa, yếu đuối, nhưng gần đây người ta đã đánh giá lại, bắt đầu cho đây là một dạng bệnh lý thuộc về tinh thần. Tất cả những điều này có thể chỉ là những phán đoán vớ vẩn, cũng có thể thằng nhóc đơn giản chỉ là một đứa hoạn đầ u, một kẻ luôn thay đổi chính kiến và hành vi ứng xử sao cho thích hợp với tình hình, với thời cuộc. Nhưng vấn đề nằm ở chỗ, thực tình tôi không muốn làm cô sợ hãi, nhưng tôi nghĩ nó có thể là một thằng nhóc nguy hiểm. Cô còn nhớ đến hình ảnh về người đàn ông bị nó đánh trên tàu chứ?”.

Cô nhìn anh bằng ánh mắt nghi ngờ, tự hỏi không biết liệu anh có đang cố gắng nghiêm trọng hóa vấn đề để gây ấn tượng với cô hay không.

William từng thể hiện rất tốt chiêu bài này: lôi tuột cô vào một góc tối ven đường, nơi không hề có mặt một chiếc xe hay một con ngựa, hoặc thuyết giảng cho cô nghe hàng giờ liền về đám đàn ông quanh cô cùng những thứ tiện lợi liên quan đến bọn họ - bất giác cô cảm thấy buồn cười khi hồi tưởng lại những gì đã qua.

“Tôi hút thuốc có làm phiền cô không?”, Frank hỏi, anh nhìn thẳng vào mắt cô.

“Không sao đâu”, cô điềm tĩnh trả lời.

“Cũng có thể không có gì nghiêm trọng cả”, anh nói. “Đơn giản tôi chỉ muốn nói với cô sự thật”.

“Anh có nghĩ bố mẹ của thằng bé đã biết nó bị điên?”, cô hỏi.

“Cũng có thể. Điều này giải thích vì sao bọn họ lại cần một người bảo mẫu đi theo trông nom cho một thiếu niên ở độ tuổi như nó”.

“Thôi được”, sau một hồi im lặng cô tiếp tục lên tiếng, “nhưng tôi vẫn chưa biết mình nên xử sự như thế nào trong chuyện này”.

“Đầu tiên cô phải nhớ luôn khóa cửa, cẩn thận hỏi thăm bất cứ ai đến gõ cửa phòng trước khi quyết định mở. Một trong những tấm bản đồ mà bà mẹ tìm thấy chính là sơ đồ của một ngôi nhà ở phố Jasmine. Bà ta có linh cảm Guy sẽ thuê cho nó một phòng gần đây. Có thể thấy nó đang cố gắng tiếp cận gần hơn với cô”.

“Ôi lạy Chúa”. Viva lắc đầu. “Lộn xộn quá. Chắc chắn tôi sẽ không tiếp khách trong phòng mình”, cô nói, nhìn thẳng vào mắt anh.

Ánh mắt anh nhìn cô lạ lẫm.

“Tốt”, anh nói.

“Tất cả chỉ có thế?”, cô hỏi.

“Không, không hẳn. Còn một chuyện nữa. Cảnh sát cũng đã đến tìm tôi. Tôi không biết sao họ lại tìm mình, nhưng họ bảo nếu tôi biết bất kỳ thông tin gì về cái tổ chức liên hiệp Hồi giáo toàn Á, một đảng phái chính trị đang vận động thành lập một đất nước Hồi giáo độc lập ngay trong lòng Ấn Độ, thì phải thông báo cho họ biết”.

“Sao Guy lại can thiệp vào mấy thứ đấy? Nó chưa bao giờ thốt ra một lời liên quan đến chính trị”.

“Không? Ừm, có thể nó không nhưng rất nhiều thanh niên người Anh ở đây đang làm việc cho tổ chức ấy, một số thanh thiếu niên tự coi mình là những kẻ cực đoan, số khác lại có tư tưởng xem đấy như một đường lối để thành lập một quốc gia độc lập ngay chính trong lòng Ấn Độ. Một số đơn vị nghiệp dư của nó ở hãng phim

không đơn giản như mọi người vẫn nghĩ: họ là những nhà cách mạng, những cái đầu cực nhạy với chính trị, có lẽ mục đích của bọn họ là tìm cách thâm nhập vào thế giới nơi có khá nhiều người châu Âu và người Ấn Độ đang chung sống tự do bên nhau. Một số trong bọn họ là những kẻ chống đối kịch liệt những tư tưởng chính trị phi bạo lực của Gandhi. Cô có hiểu gì về chuyện này không?”.

“Không nhiều lắm”.

“Ừm, nghĩa là đến một thời điểm thích hợp nào đấy, toàn bộ người Anh sẽ bị tống cổ khỏi Ấn Độ, những kẻ thuộc cái tổ chức liên hiệp nói trên sẽ hoan hỉ khi thấy chúng ta cuốn gói khỏi đất nước này với những cái mũi nhòe nhoẹt máu”.

“Tôi vẫn không biết mình sẽ phải làm gì với những điều anh vừa kể”, Viva nói.

Frank phả một ngụm khói thuốc ra ngoài. Về lo lắng hiện rõ trên mặt anh.

“Tôi cũng thế, cũng có thể tôi đã sai khi nhận xét về tình hình chung, nhưng rõ ràng Guy đã trở thành nỗi ám ảnh và cô đã ở trong danh sách của nó, tôi sợ nếu nó đã quyết định tìm đến cô, thì nó sẽ không bao giờ bỏ cuộc, và rồi cảnh sát có thể nghĩ cô có can dính với nó”.

Trong lúc trò chuyện, Viva chợt nhìn thấy Moustafa đang ngồi trong một góc quán cà phê như khuất khỏi tầm nhìn của cô, phe phẩy tờ thực đơn, câu chuyện giữa Viva và Frank đột nhiên bị ông ta xen ngang khi Moustafa bước đến bên cạnh khẳng khẳng năn nỉ bằng được hai người thử dùng món ăn tuyệt vời nhất trong buổi tối hôm nay của tiệm ông, bánh mì dẹt làm từ bột mì trắng ăn cùng thịt sốt viên cay xé lưỡi.

“Cô thầy đã y, ông ta đã đúng”, Frank mỉm cười. “Hãy gạt thằn nhóc quỷ tha ma bắt ấy sang một bên và thưởng thức đồ ăn ở đây”.

Cả hai cùng vui vẻ thưởng thức đồ ăn, sau đã y bước ra phớt với tách cà phê trên tay. Không gian về đêm khá ấm áp và dễ chịu. “Ai đã y đang hát”, anh thì thào, rồi một giọng hát mỏng tang lọt vào tai cô, tiếng hát từ ngôi nhà bên đường lọt ra, có cả những âm thanh dồn dập của tiếng trống Ấn Độ phụ họa. Là một giọng nữ, hát bằng giọng mũi trầm buồn, nhịp nhàng lên xuống theo từng quãng âm.

“Tôi bắt đầu thầy yêu mảnh đất này”, cô nói với anh. “Nó đã thực sự khiến tôi phải chú ý thêm một lần nữa”.

“Tôi cũng thế”, anh nói. “Mà không thể biết vì sao”.

Điều cô từng cảm nhận thực sự không còn là vẩn đục nữa - những ngại ngùng thẹn thùng ban đầu giữa hai người đã biến mất. Theo những dòng rượu tuôn chảy trong buổi tối hôm nay, khi anh kể cho cô nghe về Chekhov và những chuyện liên quan đến ông ta mà anh vừa phát hiện ra, khuôn mặt Frank trở nên rạng rỡ. Nhìn thái độ hài lòng đầy ắp niềm vui của anh, Viva tự nhủ không biết liệu cô có đánh giá sai về Frank. Anh là một người đàn ông thông minh, tràn trề tình yêu cuộc sống. Viva thích cái cách Frank giải bày những luồng mạch tâm tư trong đầu với cô, cả cái cách anh chín chắn phân tích đánh giá những ý nghĩ hệt như một triết gia trước khi Frank nói lên chính kiến. Hàng cúc lỏng chỉ trên chiếc áo khoác vải lanh của anh khiến cô cảm thấy thích thú khi nghĩ đến hình ảnh tự tay mình sẽ khâu chúng lại thật chặt cho anh, những cảm xúc dịu dàng mà cô đã cố chôn chặt trong lòng bấy lâu nay. Thái độ dửng dưng không mấy may chuyên của Frank trước những đợt

tấn công là lời ong bướm của các cô gái trên tàu Kaiser đã khiến cô có suy nghĩ khác, có thể nói, gần như là một cơn xúc động thực sự.

Cô muốn cứ mãi giữ chặt những cảm xúc đang tràn ngập trong mình.

Rất nhanh, Viva cũng quay trở về với thực tại, cô hỏi Frank về những công việc anh đang làm ở bệnh viện.

“Nó giống như những điếu xuất hiện trong tầm nhìn của Blake về thiên đường và địa ngục ấy”, anh ví von. “Có những việc giống như từ thời nguyên thủy để lại, nhưng rất thú vị. Mới chỉ hai tháng ở bệnh viện, tôi phải cáng đáng trách nhiệm nhiều hơn công việc mười hai năm ở nước Anh”.

Rồi anh đã làm cái việc mà William chưa bao giờ làm được: chấm dứt huyền thoại về mình và chuyển sang hỏi han về cuộc sống của cô.

“Cô đã đến Simla chưa?”, anh hỏi.

Viva kinh ngạc, cô nhớ từng có lần kể cho anh nghe chuyện về chiếc rương nhưng lại không đề cập đến bố mẹ mình. Đôi khi thật khó khăn để lảng tránh sự thật, ngay cả chỉ trong suy nghĩ.

“Chưa”, cô trả lời, “vẫn chưa”.

“À”, anh cao giọng. “Đấy là nơi bố mẹ cô từng sống”. Như một lời thăm hỏi, hơn là một câu chốt vắn; qua ánh mắt rạng ngời của Frank, cô có thể nắm bắt được những suy nghĩ đang hình thành trong đầu anh và cố gắng để hòa nhịp.

“Vâng”, cô trả lời, “từ nhiều năm về trước”.

“À”. Khi anh cứ mãi nhìn cô, Viva bắt đầu cảm thấy lúng túng, thêm một chút sợ hãi, cô nhanh chóng hướng sự chú ý của anh bằng cách kể cho Frank nghe về những đứa trẻ cô gặp ở trung tâm nuôi dạy trẻ tình thương Tamarind, về niềm lạc quan yêu đời, về lòng dũng cảm đến kinh ngạc của chúng, cả bản năng sinh tồn mãnh liệt tồn tại trong từng đứa trẻ nơi đây.

“Cô sẽ viết về chúng chứ?”, anh hỏi. Frank vẫn còn nhớ đến công việc yêu thích của cô, niềm hạnh phúc bất chợt trào dâng trong lòng Viva. Cô không biết phải nói thế nào với anh. “Đấy là điều cô từng nói. Đi để viết”.

“Giá tôi có thể làm được điều đấy”, cô nói, “sẽ tốt biết bao”.

“Cô sẽ làm được”, anh quả quyết. “Tôi có thể cảm nhận được điều ấy. Cô sẽ làm được”.

Tất cả chỉ có thế. Ngay cả khi anh không hề có ý định hôn cô trên đường quay về nhà, Viva vẫn không lấy làm thất vọng.

Frank nói đúng, cô tự nhủ, mình sẽ làm được.

Một tiếng sau, cô nằm dài trên chiếc giường quen thuộc, buồn bã dán mắt lên tấm rèm cửa sổ đang che khuất những vì sao nhạt nhòa ngoài trời đêm, Viva hiểu hơn bao giờ hết, rằng cô chỉ cần một công việc, không phải một người đàn ông.

Chương 30

Bombay, tháng tư năm 1929

Tháng Tư đến mang theo cái nóng hầm hập rót trên đầu Bombay, cả thành phố như oằn mình dưới miệng của một cơn rồng lửa khổng lồ. Đúng vào những tháng ngày nóng nực ấy, Rose và Viva nhận được điện thoại của Tor. Ông bà Mallinson cuối cùng đã đầu hàng trước cái nóng, quyết định kéo nhau đi nghỉ mát tại một khách sạn thuộc khu vực miền núi Mahabaleshwar trong ba tuần. Tor được tự do sử dụng ngôi nhà, và cô muốn cả hai đến ở cùng mình. Sau những lời giải thích ngắn gọn, Tor thúc giục, “đây là tình trạng khẩn cấp”, và cô chỉ ước giá mà mình có đủ rượu gin để uống và tắm trong những ngày sắp tới, cứ nghĩ đến điếu ả ấy cô lại có cảm giác ngượng ngùng, pha lẫn đôi chút xấu hổ.

Rose - một người bạn đáng tin cậy - đã lập tức gọi lại cho Tor ngay sau đấy, cho biết nếu thuận tiện thì cô có thể đến ở cùng Tor trong một tuần. Jack hoàn toàn đồng ý (Ôi, hoan hô Jack, Tor thắm mĩa mai trong đầu) bởi thời tiết ở Poona cũng đang nóng nực chẳng kém gì Bombay, và anh biết Rose sẽ cảm thấy thoải mái hơn nhiều khi ở nhà Ci Ci.

“Nếu chúng ta đi bơi”, cô báo trước, “phải bơi ở những chỗ riêng tư một chút và cậu không được cười nhạo khi nhìn thấy bộ dạng của tớ trong bộ đồ tắm - tớ giờ trông như một chú cá voi con ả y”. Rose đã có bầu được bốn tháng.

Viva đã khiến cô kinh ngạc, khi nhanh chóng trả lời Tor. Rằng hiện tại chị ấy đang làm việc cho một mái ấm tình thương nuôi dạy trẻ mồ côi, chỉ có thể đến chơi cùng cô một hoặc hai đêm. Viva phải

làm việc vào ban ngày nhưng buổi tối bọn họ có thể vui vẻ bên nhau. Tor gần như không thể chờ đợi thêm một phút giây nào nữa trước khi gặp lại Viva và Rose.

Ồn Chúa vì cuối cùng Viva và Rose cũng sẽ đến chơi với mình, Tor tự nhủ. Cô có cảm giác mình sắp phát điên.

Ba rưỡi chiều hôm ấy, khi giọt thủy ngân trong chiếc nhiệt kế chạm đến vạch 41,20C, cô tiếp tục tắm thêm một lần nữa. Tor gọi Balbir, người gánh nước, lên phòng mình và yêu cầu đổ đầy nước vào bồn tắm bằng loại nước nóng nhất mà ông có thể tìm thấy. Ông già lấy nước - mồ hôi mồ kê nhễ nhại, làn da nâu bóng ướt sũng - tròn tròn hai mắt như không muốn tin vào lời yêu cầu điên rồ vừa được Tor thốt ra. Quý cô này có bị ám đầu không khi ra lệnh đổ đầy nước nóng vào bồn tắm trong thời tiết hè mập như lúc này?

Rose xuất hiện. Bụ bẫm hơn nhưng vẫn nhợt nhạt và xinh đẹp như ngày nào - mái tóc của cô giờ đã mọc dài gấp đôi trước đây. Cô khoác trên mình chiếc váy bà u màu xanh, khi Rose dang rộng hai tay ôm chặt lấy Tor và nói: “Chao ôi, tớ nhớ cậu biết nhường nào”, Tor cảm nhận được vòng tay siết chặt có Rose quanh cô, cả chiếc bụng lùm lùm của cô bạn đang ép mạnh lên người cô, Tor cắn chặt môi để không bật ra tiếng khóc. Tại sao lúc nào Rose cũng làm mọi việc một cách dễ dàng, còn cô lại luôn biến mọi chuyện thành sai lầm?

Khuôn mặt Rose rạng ngời hạnh phúc khi gặp lại cô, và Tor, không muốn lập tức phá hỏng những phút giây vui vẻ buổi đầu gặp lại, đã nhanh nhẹn dẫn Rose ra ngôi nhà uổng trà và nhấm nháp một ít bánh ngọt.

Rose thoải mái duỗi người trên ghế. “Ôi, ơn Chúa”, cô khoan khoái thở, vấp chéo đôi chân hãy còn những nét hoàn hảo của mình. “Chỉ cần giảm nóng đi một nửa thì hạnh phúc đến nhường nào”.

Câu chuyện bắt đầu rôm rả từ đây, sau tuần trà, Rose thiu thiu ngủ trên chiếc ghế trước hiên nhà. Nhìn giấc ngủ bình yên của bạn, Tor bất chợt nhớ về những ngày thơ ấu, sau một ngày dài hào hứng săn bắn, Rose sẽ ngấu nghiến những quả trứng luộc rồi đổ sập xuống chiếc bàn trong nhà bếp ngủ vùi không biết đến trời đất trăng sao.

Chỉ đủ thời gian cho một lần tắm nữa trước khi bữa tối bắt đầu. Pandit đã lặn măt tắm, có lẽ giờ này ông ta đang ăn tối trong túp lều của mình. Lúc chiều ông ta còn không hề giấu giếm về cau có trên khuôn mặt, dậm chân thành thịch khi bước xuống cầu thang. Hẳn Pandit sẽ hót lại mọi chuyện với Ci Ci ngay khi bà quay về nhà.

Mười lăm phút sau, Tor trằn truông ngồ i trong bồn tắm, nước mắ t lã chã. Chúa ơi, làm ơn. Làm ơn đi, thưa Ngài. Làm ơn đừng để con có đứa bé ấ y. Rồi cô lại nố c một ngụm rượu gin từ chiếc cốc vai dùng để đựng nước đánh răng đặt trong phòng tắm, nức nở. “Hức hức, góm ghiế c quá!”. Trước đây cô chưa bao giờ thích mùi vị của rượu gin cả. Sau dăm phút ngâm mình trong bồn tắm, cảm thấ y mệt mỏi và choáng váng, Tor đứng dậy nhìn chiếc bóng méo mó mờ ảo của mình đồ dài trong phòng tắm mịt mù hơi nước. Cô bước chân ra khỏi bồn tắm, chậm rãi lau khô cơ thể, vừa đánh răng vừa chờ đợi một phép lạ bất chợt xuấ t hiện trong thời điểm này. Vẫn không có gì xảy ra - chỉ có tiế ng con chim nhại vẫn thẳ m thiế t khản đặc bên ngoài cửa sổ: nóng quá, nóng quá, nóng quá...

Đã đế n lúc mặc quầ n áo vào người, để kích lệ chính mình, Tor chọn chiếc váy màu xanh thẳ m yêu thích, kế t hợp cùng chiếc áo

khoác thêm thùa hoa bướm của Ci Ci - hơi chật một chút, bởi cô đã tăng cân so với những ngày trước đây, khi mới đặt chân đến Bombay - một chuỗi hạt với hai hàng ngọc trai chạy dài từ cổ xuống ngực, “chỉ một hàng thì nom có vẻ rụt rè bẽn lẽn quá”, là châm ngôn của Ci Ci. Xong xuôi, cô bước xuống nhà dưới. Cô đã xác định sẽ không làm hỏng buổi tối hôm nay.

“Tor, cậu không sao chứ?”. Giọng Rose lo lắng khi cô bước chân vào phòng khách. “Trông cậu nhợt nhạt quá, cậu ốm hay gặp chuyện gì khó xử à?”.

Pandit bước vào trong bộ đồ phục buổi tối trắng xóa, hàng ria mép vênh ngược, thách thức. Đặt khay đồ uống gồm một bình soda cùng hai ly rượu ứt-ki, thêm một bát ô liu và mấy chiếc bánh pho mát xuống bàn, ông lên tiếng hỏi Tor và Rose bao giờ thì hai cô có thể dùng được bữa tối.

Tor luôn ăn rất nhiều mỗi khi rơi vào trạng thái lo lắng, cô nhanh chóng xoi gọn mấy chiếc bánh pho mát. Đâu rồi những ý nghĩa tốt đẹp về những chế độ ăn kiêng kham khổ do Ci Ci đề ra cho cô?

“Tiếp tục nào, bạn mến”, Rose lên tiếng sau khi bóng Pandit khuất sau cánh cửa. “Đang đến hồ i quan trọng”.

Tor hít một hơi thật sâu, chuẩn bị lên tiếng thì tiếng chuông cửa bất chợt vang lên.. Viva xuất hiện, ngồi sau lưng xe máy một người bạn của cô ở trung tâm nuôi dạy trẻ tình thương. Cô nhanh nhẹn ào vào nhà, mái tóc rối bù, chiếc cặp cũ kỹ đựng mấy bộ quần áo lủng lẳng trong tay.

“Xin lỗi, chị tới muộn”, Viva nói. “Có một cuộc biểu tình khá lớn đối diện với nhà ga VT. Những người tham gia biểu tình đang đổ t

quốc kỳ Anh, có cả cảnh sát, súng phun lửa nữa. Chị thực sự không nghĩ mình lại có thể đến được đây”.

“Ôi, bọn họ có mặt ở đây mọi lúc ấy mà”, Tor lên giọng trăn an Viva. “Nó khiến em mất thêm thời gian khi chạy xe ngoài đường lúc này; phớt xá thì chạt ních những kẻ ủng hộ Gandhi la liệt đứng ngoài. Có thể bọn họ gọi đây là một cuộc biểu tình trong hòa bình, nhưng nó khiến giao thông bị đình trệ hàng tiếng đồng hồ liên. Chị có nghĩ tình hình này sẽ sớm kết thúc không?”.

“Không, chị không nghĩ thế”, Viva trả lời. “Một số trẻ em ở trung tâm nuôi dạy trẻ tình thương là những thiếu nữ tôn sùng Gandhi. Chị nghĩ ông ấy sẽ thay đổi tất cả”.

“Ôi trời, lại chính trị”. Tor phẩy tay ra hiệu giải tán chủ đề bà người đang đề cập. “Geoffrey Mallinson từng bị ám ảnh bởi một điều, rằng người ta sẽ thực sự phạt ông ấy bởi đã đề cập đến Gandhi - Ý của em là, mọi người không thấy chán khi ngoài đây quay cuồng với mớ tã lót của ông ta hay sao? Xem nào, ai muốn được tắm rửa một chút trước khi bữa tối bắt đầu, chị Viva nhé?”.

Tor dẫn Viva lên phòng tắm cần đá cẩm thạch hết sức thanh lịch của Ci Ci. Cô đổ nước vào bồn rửa giúp Viva lau sạch những bụi bặm bám dày trên khuôn mặt. “Cảm ơn vì chị đã đến, Viva”. Tor nói. Viva nhúng hẳn khuôn mặt của mình vào bồn rửa. “Ôi, nước, nước”, cô thì thào. “Tuyệt quá. Những gì chảy ra từ vòi nước ở chỗ chị chỉ là thứ nước nhờ nhờ màu rỉ sắt, đôi khi có cả ruồi chết. Có phiền không nếu chị tắm qua một chút trước khi dùng bữa tối?”.

Pandit lại tiếp tục nhấc những bước nặng nề lên cầu thang cùng với người lấy nước.

Bữa tối đến sớm diễn ra trong căn phòng ngập tràn ánh nến, những chiếc quạt chậm rãi chạy trên đầu khiến không khí có vẻ

dị đi đôi chút. Những ô cửa sổ kiến trúc kiểu Pháp mở tung, không gian phẳng phất hương hoa trinh nữ và hoa đại. Bên ngoài khu vườn nhật nhòa những đường nét không rõ hình hài, bóng trắng yếu ớt dát vàng lên bãi cỏ, kéo dài đến tận mô đất trồng nhấp nhô phía ngoài xa.

Mái tóc của Rose bùng sáng dưới ánh nến. Khi Viva và Tor hỏi về đứa bé trong bụng, cô hạnh phúc xác nhận, một niềm vui bất ngờ cực kỳ dễ thương. Thực tình, không một ai trong hai người mong đợi điều đầy xảy ra, nhưng Jack đã rất vui vẻ khi biết tin, và cô cũng thế.

“Chúng tôi cậu đã trưởng thành rồi đấy, Rose”, Tor nói, cặp mắt mở to.

“Ừ, đúng thế”, Rose đồng tình với bạn, nhưng điều khiến cô lo lắng lúc này là trung đoàn của Jack có thể sẽ sớm bị điều động đến Bannu, khu vực biên giới Tây Bắc, khá nguy hiểm. Nhưng trong buổi tối hôm nay, bên cạnh những người bạn thân thiết của mình, cô đã thấy tinh thần nhẹ nhõm đi rất nhiều, Rose thản nhiên nói. “Ngạc nhiên chưa, nhìn ánh trăng mà xem”, cô thốt lên. “Không phải đấy là cảnh tượng đẹp để nhất chúng ta từng được chứng kiến hay sao?”.

Cả ba cùng ngẩng đầu nhìn lên trời đêm loang loáng ánh trăng, nhưng ngay sau đấy Tor đặt thìa xúp của mình xuống. “Họm đã, Rose, chuyện này là thế nào? Cậu sẽ đi cùng Jack đến đấy sao?”.

“Tôi vẫn chưa biết - người vợ có bao giờ được quyết định trong những chuyến đi xa đâu cơ chứ”.

Rose điềm tĩnh trả lời, nghe ra trong giọng nói của cô có gì như hài hước, nhưng Tor đã nhìn thấy những cơn co giật nhẹ nhàng

rình trên lớp cơ mặt hai bên bả u má của bạn. Rose phản ứng hết như cái ngày cô lên tám, khi ấy cô đánh mất một món đồ chơi quý giá.

“Nhưng em lại không đề cập đến chuyện này?”, giọng Viva khá gay gắt. “Ý của chị là, em đang có thai cơ mà”.

“Không, em không nói”, Rose trả lời. “Giờ đây em đã là vợ của một quân nhân, vả lại, thực sự đây không phải là lỗi của Jack”.

Trái tim Tor đột nhiên đập rộn rã.

Cuộc sống mới bắt đầu bẽ mặt làm sao, cô nhủ thầm. Bóng tối đã duỗi lên đặc quánh bên ngoài cửa sổ. Bóng ba người đồ dài dưới ánh nến, nhấp nhô trên những ô cửa sổ mờ tối. Rose, mười chín tuổi và đang có bả u, ngàn dặm xa xôi, mai mốt có thể sẽ theo chân Jack đến với mảnh đất đầy rẫy những hiểm nguy chực chờ; Viva ẩn dật trong căn phòng chật chội, ẩm thấp và hiu hắt, với những xác ruồi tuôn chảy từ vòi nước cũ kỹ, rỉ sét; và cô, cũng chẳng khá gì hơn; mà thôi, có lẽ để đề cập sau món tráng miệng hằng nói.

“Viva này”, Rose đặt thìa kem của cô xuống. “Còn chị thì sao? Công việc của chị thế nào? Lúc nào chị cũng tỏ ra hết sức bí hiểm”. Cô âu yếm dụi nhẹ vào bắp tay Viva.

“Chị ư?”, Viva trả lời. “Chị không hề có ý đây”.

“Ừm”, Rose sôi nổi, “chị rất khác so với những cô gái mà bọn em đã gặp, dễ dàng thích nghi, theo chiều hướng tốt đẹp, ý em là thế”. Rose háp háp.

“Đúng thế”, Tor phụ họa. Kể từ khi Viva bước chân qua ngưỡng cửa trong buổi tối hôm nay, Tor đang cố xác định xem liệu Viva đã gạt được những gì ra khỏi con người chị ấy: niềm khao khát hay sự nhụt khí về mặt tinh thần.

“Chị tự vạch kế hoạch cho chính mình”, Rose tiếp tục, “chị tự kiếm tiền. Chẳng lẽ những chuyện ấy không khiến chị cảm thấy lúng túng hay sao?”.

“Lúng túng?”, Viva mỉm cười. “Dùng từ khôi hài quá. Thậm chí chị còn chẳng bao giờ có ý nghĩ ấy trong đầu nữa kia”.

“Thế chị vẫn giữ nguyên ý định trở thành nhà văn đầy chứ?”, Tor hỏi.

“Ừm, vẫn còn, hay ít nhất là chị vẫn nuôi hy vọng. Chị vừa có một bài viết về mái ấm của những đứa trẻ mồ côi đăng trên tạp chí Rừng đen”.

Viva hết sức hào hứng khi kể với Tor và Rose về bài báo của mình, đầu cô đã cố tỏ ra bình thản.

“Tạp chí Rừng đen. Tuyệt vời, rất kinh ngạc”, Rose thốt lên. “Sao chị không kể ngay từ đầu?”.

“Bởi vì thực tình chị cũng không tự tin lắm về mình”, Viva trả lời. “Những tuấn đầu tiên ở đây với chị thật kinh khủng. Rất khó khăn để có thể trang trải những chi phí tại YWCA, nhưng rồi chị cũng tìm được việc làm ở mái ấm tình thương. Rồi chị bắt tay vào viết vào các buổi tối”.

“Trời đất, chị cừ quá”. Tor thốt lên, rồi cố gắng nhòe miệng mỉm cười, đoạn nâng ly nhấp một ngụm. “Thế còn bây giờ?”.

“Ừm”, Viva ngập ngừng, “chị vẫn cố gắng khai thác những câu chuyện của bọn trẻ tội nghiệp tại mái ấm tình thương nơi chị đang làm việc, chúng sẽ kể cho chị nghe bằng ngôn ngữ của mình”.

“Tuyệt vời”, Tor háo hức. “Nghe mới thú vị làm sao”.

“Nhưng cũng phải công nhận”, Rose xen vào, “chắc hẳn đôi khi chị phải cảm thấy rất chán nản, chán nản đến tận cùng - với những đứa trẻ mồ côi khôn khéo ấy”.

“Đấy chính là vấn đề”, đôi mắt Viva vụt sáng, “thực sự đấy là lý do vì sao chị cảm thấy hạnh phúc khi được làm việc ở đấy. Không có nhiều lo lắng, không phải nói với nhau bằng thứ ngôn từ đã được lên khuôn, không có quá nhiều hiểu lầm. Bọn trẻ tuy cùng cực và khôn khéo, nhưng luôn yêu đời, lúc nào cũng đầy ắp hy vọng. Tiếng cười tràn ngập không gian chúng ở, lúc nào cũng có thể nghe thấy tiếng bọn trẻ cười nói, nhiều hơn cả chúng ta, cả bọn trẻ ở Anh cũng không cười nhiều như chúng”.

“Thật vậy, chị là người da trắng và chị đang giúp đỡ bọn trẻ ở đấy, nhưng thỉnh thoảng chị cũng chán ghét chúng, chán ghét sự nghèo đói khổ sở của chúng, tình cảnh túng thiếu của chúng, đựng vào cái gì chúng cũng không có. Đấy là những điều chị đang suy nghĩ về cuộc sống của chính mình: những dỗi trá, những điều chúng ta đã làm để có được một cuộc sống đơn giản hơn, bằng phẳng hơn, bằng cách nhét chúng ta vào những chiếc hộp được đánh dấu bằng đủ loại màu sắc, từ đen, trắng, tốt, xấu... khi mà tất cả chúng ta đều trở thành nạn nhân của những định kiến khắt khe do chính chúng ta tạo ra. Một dẫn chứng thuyết phục cho các em: ở trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi, có hai quý bà thuộc đẳng cấp địa vị cao hơn không bao giờ ngồi chung bàn ăn với chị. Trong mắt bọn họ, chị chỉ là một kẻ ti tiện bản thủ, một kẻ thuộc tầng lớp tiện dân. Một ví dụ khác nữa nhé, một bé gái Hồi giáo ở trung tâm đã buộc phải chuyển đến Coventry với lý do tôn giáo của con bé không thích hợp với nơi đây, và bọn chị thực sự không thể làm được gì khác. Ôi những định kiến, chúng đã ăn quá sâu vào tiềm thức của chúng ta”.

“Thật quái đản”. Rose cẩn thận xếp khăn ăn lại rồi đặt lên chiếc đĩa bạc. “Em thực sự khâm phục chị. Em không nghĩ mình lại có thể làm được những điều ấy”.

“Không, em vẫn có thể”, Viva thẳng thắn. “Cuộc sống của chị có thể dễ dàng hơn so với cuộc sống của em. Đây chỉ là vấn đề thuộc về lựa chọn”.

À, lựa chọn, Tor nhủ thầm. Tâm trạng cô rõ ràng tồi tệ hơn khi tập trung lắng nghe bài thuyết giảng của Viva, nhưng những gì cô vừa được nghe đã nhanh chóng chìm ngấm vào tận vùng sâu thẳm nhất của tâm tư. Cô đã làm được gì, thực sự đã làm được những gì trong bốn tháng qua? Không gì cả ngoài tiếp tục biến mình thành một đứa con gái đầy đà, và quan trọng hơn cả, cũng chính nơi đây cô đã đánh mất trình tiến của mình, và sẽ còn triền miên với những tiệc tùng chật ních suốt sắp tới, để rồi tự ném mình vào trạng thái bất ổn đến cùng cực.

“Thế còn em thì sao, Tor?”, Viva nhìn cô qua ly gin sảng sảng.

“Ôi, em có bao nhiêu là niềm vui ở đây”, Tor cười quýt trả lời. “Vô số niềm vui - đủ chật tắp đầy lên một chiếc kính khí cầu”.

Cô thực sự vẫn chưa muốn tiết lộ điều đầy - đặc biệt vào giờ phút này.

Cả ba ngồi trước hiên nhà, nhâm nhi cà phê và một chút rượu bạc hà cùng hàn huyên sau những ngày xa cách. Tor bắt đầu thấy chột nh choáng. Trong khi cả ba đang ăn tối, một người giúp việc đã thả p sáng những ngọn đèn hai bên lối mòn chạy giữa khu vườn dẫn thẳng ra phía biển. Từ trên hiên nhà, cả ba có thể nghe được tiếng sóng biển ù ù ào ào từ ngoài vịnh vọng về, những thanh âm đều đặn, mịn màng và đầy ắp khao khát.

“Tor, cậu quả may mắn khi được ở đây”, Rose lên tiếng. “Tớ nghĩ đây là ngôi nhà tuyệt vời nhất mà tớ từng được đặt chân vào”.

Đôi mắt tròn xoe ngấn nước. Cô đút tay vào túi áo rồi lấy ra một mẫu giấy, giơ cao.

“Tàu Nữ hoàng Ấn Độ”. Rose đọc to. “Quý cô Victoria Sowerby, ngày 25 tháng Năm. Vé đơn”. Rose sấp ngửa xem xét tấm vé. “Ôi không, không nạn, Tor”, rồi cô dịu giọng, thủ thỉ. “Tớ không thể chịu nổi. Cậu quả là can đảm trong suốt buổi tối hôm nay”.

Mẹ cô từng có lần cảnh cáo, rằng khóc lóc sụt sùi ở nơi công cộng hoàn toàn chỉ là đặc ân thuộc về những kẻ không bao giờ có triển vọng thành công trong cuộc sống, nhưng Tor vẫn mặc lòng để nước mắt tuôn rơi - nghẹn ngào nức nở - cô đang khiến mọi việc trở nên nghiêm trọng, rồi tinh rồi mù.

Viva và Rose ngồi bên cạnh cùng nắm lấy tay Tor. “Em xin lỗi”, cô nức nở qua dòng nước mắt. “Em đúng là một kẻ vô tích sự, đã phá hỏng buổi tối của hai người. Em biết sớm muộn gì mình cũng sẽ phải quay trở về nhà, nhưng vẫn hy vọng mẹ đã quên em - em buộc phải về trong tháng Năm”. Cô tiếp tục nức nở, sụt sùi đưa tay lau dòng nước mắt ướt mềm trên má.

Bóng mờ người hầu lượn lờ phía trong nhà, cả những ánh mắt kín đáo dòm ngó sau mấy khe cửa. Rose đề nghị cả ba nên lên phòng Tor cho kín đáo.

“Chúc ngủ ngon, Pandit. Ngủ ngon, Arun”, Tor cao giọng hoan hỉ trong khi bước lên những bậc cầu thang quay trở về phòng ngủ như thể cô không buồn quan tâm đến thế giới xung quanh.

Phòng ngủ của Tor hơi nóng, cả ba lại kéo nhau ra ban công, thoải mái đuổi người trên ba chiếc ghế mây; Tor ở giữa, Viva và Rose mỗi

người một bên. Cả ba nhanh nhẹn lộn phăng những đôi tất đang xổ dưới chân, khoan khoái với cơn gió từ ngoài biển thổi vào mơn man những đôi chân trần mát rượi.

“Thế chuyện gì đã xảy ra với Ollie?”, Rose hỏi. “Em biết t”, cô nói với Viva, “anh ta gần như phát điên vì Tor”.

Tor cảm thấy được an ủi phần nào khi nghe những lời của Rose.

“Chị biết t đây”, Tor giải thích với Viva, “suýt chút nữa em đã đính hôn với một chàng trai tên là Ollie. Anh ta là một nhà môi giới chứng khoán. Bọn em gặp nhau tại một bữa tiệc ở Taj và đã cuối cùng cuồn cuộn vào nhau”.

Cuối cùng cuối cùng vào nhau thực ra chỉ là mấy lời thổi phồng hơi quá, nhưng chỉ khi nói theo cách ấy mới khiến cảm giác đau đớn trong cô nhẹ đi đôi chút.

“Bắt đầu đến với tình yêu, em đã ép mình ăn kiêng và thực sự đã giảm cân được khá nhiều”, Tor quả quyết với Viva và Rose như thể hai người cần phải tường tận mọi chuyện trước khi họ tin vào câu chuyện cô kể. “Bọn em đã có vài tuần tuyệt vời bên nhau - chị biết t đây, những chuyến dã ngoại, tiệc tùng triền miên, thỏa thuê bơi lội dưới trăng. Anh ta mua tặng em rất nhiều quà: hoa, đồ trang sức, cả một đôi giày màu đỏ đánh xi sáng bóng đựng trong một chiếc hộp bìa cứng thiếc nữa”.

“Giày đỏ xi bóng!”, hai cô gái cùng đồng thanh thốt lên.

“Ừm, cậu biết t thích những đôi giày màu đỏ mà”, Tor quay mặt sang phía Rose. “Tớ không biết cậu còn nhớ hay không nhưng cậu không thể kiếm được một đôi giày da xi bóng thích hợp ở đây và Ollie biết t một người. Ôi, anh ta khá hài hước”. Tor rên rỉ toàn những chuyện vớ vẩn không đâu.

“Rồi chuyện gì xảy ra?”, Rose hỏi. Một đám côn trùng màu xanh bắt ngờ ập đến đâm nhào vào ngọn đèn gần chỗ Tor ngồi, những chiếc cánh tuyệt vọng quấy đạp trước khi cháy xèo xèo trong ánh lửa bập bùng. Rose nhặt những xác côn trùng lá tả dưới đất rồi ném thẳng ra ngoài ban công.

“Ừm, bọn tớ đến dự một bữa tiệc khá lớn ở Taj Mahal, trong một đêm trăng tròn, một buổi tối tuyệt vời. Cả khu nhà bừng sáng bởi những ngọn nến. Ánh trăng đã lên cao. Anh ta thì thào với tớ, rằng tớ là cô gái xinh đẹp nhất trong buổi tối hôm ấy, và rằng anh ta yêu tớ”. Tor nhìn hai người với ánh mắt thách thức: đây là câu chuyện của cô và cô có thể kể nó bằng bất cứ giọng điệu nào theo ý muốn, ngoài ra, còn không có chuyện bẽ bàng mà cô sẽ kể.

“Ci Ci bỏ tớ lại một mình tại bữa tiệc. Bà ta bảo Ollie sẽ đưa tớ về nhà, và lại dấu sao thì tớ cũng hoàn toàn không muốn làm một kẻ phá bình trong mắt bà ấy, bởi Ci Ci ra về cùng một người đàn ông khác. Rồi tớ và Ollie ngồi bên nhau trên một chiếc xe ngựa hai bánh. Khá lãng mạn đấy chứ, lọc cọc hết phố này đến phố khác trong một đêm sáng trăng. Bọn tớ đi về phía bãi biển, nhìn ngắm những ngọn đèn nhạt nhòa trên những con tàu đang neo đậu ngoài khơi xa. Khi bọn tớ chạy ra khoảnh đất trống gần ngã tư rẽ vào thành phố, anh ta đã nhìn thẳng vào mắt tớ, ngỏ lời cầu hôn”.

Thực ra, điều anh ta nói với cô trong cái đêm đáng nhớ ấy, hay chỉ là mấy câu làm bà m trong miệng bởi Ollie đã hơi quá chén, rằng nếu anh ta khôn ngoan thì cô thuộc tuýp những cô gái mà anh ta nên lấy làm vợ. Nhưng trong một tối như buổi tối hôm nay, Viva một bên và Rose một bên, Tor cảm thấy đôi chút tự hào, cả cảm giác buồn bã và tội tệ nữa, về những gì đã xảy ra với cô, như thể một liêu ma túy đích thực.

“Tớ không cho là cậu sẽ cảm thấy choáng váng khi biết rằng ngay trong buổi tối hôm ấy, tớ đã theo anh ta về nhà”.

Sự thật, Ollie đã xui lơ ngay trên bậc cửa. Cô đã phải dìu anh ta vào nhà, thay cho anh ta bộ quần áo ngủ bằng lụa, anh ta loạng choạng đổ sập giữa sàn nhà, sau một hồi chập vạt mới lê nổi thân mình lên giường.

“Ôi không, ý tớ là chỉ đến nhà của anh ta để thưởng thức một tách cà phê thôi”, Tor tiếp tục, “rồi anh ta nấn nỉ tớ ở lại, và rồi... ừm, tớ không cảm thấy xấu hổ khi nói ra điều này, thực tình tớ đã lên giường với anh ta vài lần, bởi rõ ràng anh ta nói lời yêu tớ”.

“Và rồi sau đây?”, Viva và Rose cùng sốt ruột.

“Ôi”. Tor đột nhiên cụt hứng. “Ừm”. Cô buông một tiếng thở dài. “Sáng hôm sau, khi tớ tỉnh giấc, tớ bước vào phòng tắm và nhìn thấy vài hũ kem dưỡng da cùng một lọ nước hoa hiệu White Shoulders trong tủ thuốc. Tớ không hề có ý lục lọi nhưng quả thật tớ đã rất đau đầu khi nhìn thấy mấy thứ ấy”.

“Khi tớ hỏi Ollie liệu có phải anh ta đang có người phụ nữ khác hay không, ngay lập tức anh ta nổi cơn thịnh nộ”.

Sự thật, chuyện xảy ra τότε tệ gấp ngàn lần lời cô kể, anh ta thân nhiên trả lời cô: “Chúa ơi, em thật chán quá, Tor. Em mong chờ gì ở anh nào?”. Như thể mọi lỗi lầm chỉ thuộc về riêng cô.

“Ôi không, đừng xấu xa”, Rose giận dữ. “Đúng là một kẻ ghê tởm. Rồi chuyện gì xảy ra?”.

“Không có gì cả”. Tor cảm thấy đã cạn kiệt năng lượng để thêm mắm thêm muối vào câu chuyện của mình.

Không có gì là chính xác. Không cả những lời xin lỗi trong nhật nhòa nước mắt, không cả những cuộc gọi vào lúc nửa đêm để thì thầm hứa hẹn cùng nhau về một tình yêu bất tử. Không có gì cả.

“Nhưng có thể lọ White Shoulders là của một bà cô dì thím mợ nào đấy hay đại loại như thế thì sao?”, Rose nghi ngại.

“Không”, Tor trả lời.

Ba ngày sau, cô đánh bạo gọi điện đến văn phòng của anh ta, Tor vờ bịt mũi giả giọng Xcôt-len yêu cầu được gặp Ollie. “Phải bà Sandsdown không ạ?”, giọng nói ở đầu dây bên kia hỏi. “Không”, cô trả lời, “là Victoria Sowerby”.

“Ôi Chúa ơi! Xin lỗi!”, giọng nói trên điện thoại thảng thốt. Trước khi dập máy, Tor còn nghe thấy những tràng cười lạnh lớt ở đầu dây bên kia xoáy vào tim cô.

“Đã kết hôn!”, Rose suýt nữa thì nhảy dựng ra khỏi ghế.

“Chính xác”, Tor thảng thừng. “Cô vợ đang sống ở Anh. Tôi nghĩ tất cả mọi người đều biết, trừ mình. Không những đã kết hôn mà còn dan díu với ôi cô khác nữa. Tôi đã đại dột tin tưởng vào anh ta”.

“Nhưng nhiều người không hề biết”, Rose nói, “rồi Ci Ci sẽ cảnh báo cho cậu tránh xa khỏi những kẻ như anh ta”.

“Không quan trọng nữa”. Tor khêu xác của một con thiêu thân ra khỏi chụp đèn rồi vút vào sọt rác. “Quay trở về miền Trung Wallop với mẹ tôi. Tiếp tục phá hỏng mọi đồ đạc”, cô chua chát.

“Ôi Tor, làm ơn đừng nghĩ về bản thân mình như thế, kinh khủng lắm”. Rose an ủi bạn.

“Đấy cũng chính là những lời mà các bà già khú đê ở mấy cái câu lạc bộ ở đây gọi những cô gái như tớ đấy”, Tor nói với Rose và Viva. “Tất nhiên Ci Ci cũng sẽ vào hùa với bọn họ sau khi tớ đi. Bà ta cũng chẳng tốt đẹp gì đâu, cậu biết mà”.

“Ôi, vì Chúa, chị không chịu nổi”. Viva đứng dậy. Đôi mắt cô vụt lóe sáng dưới ánh trăng. “Em không thể để những chuyện như thế này xảy ra với mình. Không nên như thế. Ý của chị là - em có thể đến những nơi xa hơn, sâu trong nội địa và trở thành một nữ gia sư, em có thể làm giáo viên ở đấy. Chuyện này thật lố bịch”.

“Không, không, không”. Tor úp mặt vào lòng bàn tay, nước mắt tuôn rơi như mưa. “Im lặng đi được không, còn nhiều điều tồi tệ hơn thế nữa. Em chỉ còn lại ba tuần ở đây trước khi đến với những lời nguyện rửa đay nghiến. Em đang có bầu”.

Chương 31

Poona, tháng năm năm 1929

Jack đến sân bóng thuộc căn cứ quân sự Poona số 2, tại đây những quả bóng polo đã được xếp thành hàng dài dãn dặc, Jack hăm hở khi tưởng tượng ra hình ảnh những quả bóng sẽ bị cây gậy trong tay anh đánh vỡ nát như thể đang vọt mạnh vào vũ trụ để rồi tan tành thành hàng trăm hàng ngàn mảnh vụn. Bula Bula, chú ngựa Pony yêu thích của anh, sinh vật trung thành luôn sẵn sàng nã m xuống và chế t vì chủ của nó, đang hỏn hển phì phò học lên từng cơn sau mỗi tiếng thở, bọt mép sùi trắng vành miệng, mồ hôi túa ra ướt đầm cơ thể, cả Jack cũng đang ngất ngây vì cái nóng, hôm nay có điều gì như ma xui quỷ khiến đang kiểm soát hành vi của anh.

Vươn thẳng người đứng thẳng bả ng trên bàn đạp thắ ng trên yên ngựa, Jack thúc ngựa phi nước kiệu hướng đến hàng bóng nắ m cách câ u gôn chừng năm mươi mét.

Vút. Anh cúi người đánh mạnh, quả bóng bay như một viên đạn xuyên qua những cột trụ trầ y trụ.

“Cú đánh hay lắ m, thua ngài!”, Amit, gã hầ u của Jack tán dương. Tay Amit vẫn nắ m chặt dây cương chú ngựa Pony tiế p theo chờ Jack đến cười.

Nề u cuộc số ng cũng dễ dàng như bàn thắ ng á y, Jack như thầ m. Anh ghét cay ghét đắ ng cái cảm giác phải dắ n vật giữa những suy nghĩ rồ i rắ m trong lúc rạp mình trên lưng ngựa.

Jack cho ngựa phi nước đại dọc sân bóng polo thêm một vòng nữa, đứng hẳn người lên bàn đạp, nhanh nhẹn đánh gậy từ trái sang phải

cho đến khi con ngựa lông lên dựng đứng hai chân trước, những mạch máu căng phồng chạy dọc trên chiếc cổ dài ngoẵng đang rướn cao của nó.

Bình tĩnh nào, chàng trai, Jack tự nhủ khi bước về phía chuồng ngựa. Bula không có lỗi trong chuyện này.

Hay đây là lỗi của Rose. Khi anh ngẩng đầu lên, Jack bắt gặp ánh mắt cô đang nhìn mình. Rose đang ngồi trên một băng ghế cách chuồng ngựa chừng bảy, tám chục mét, một ụ mỡ ngựa thơ khoác trên mình chiếc váy bà u màu xanh, phía sau lưng là khoảng trời mênh mông vời vợi. Có điều gì đây như ngại ngùng, như thẹn thùng trong cái nhìn của cô, trong khoảnh khắc bất chợt, Jack bỗng thấy nhẹ lòng.

Không phải lỗi lầm của cô ấy khi anh đã không lường trước phí tổn cần thiết dành cho một đám cưới cộng với việc cuu mang nuôi dưỡng một bà vợ không kém phần tốn kém sau đây, hay là bởi anh sẽ bị điề u lên phía Bắc, có lẽ anh sẽ phải bán đi vài chú ngựa của mình để thanh toán mớ hóa đơn sắp đến kỳ phải trả. Hay bởi bức thư đầy bất ngờ của Sunita gửi cho anh từ tuầ n trước, trong đây cô cho biết đã kết hôn với người đàn ông yêu cô hết mực. Cô đang rất, rất hạnh phúc, trong thư Sunita viết, và hết mực điề m tĩnh. “Em hy vọng anh cũng hạnh phúc”, mấ y lời tái bút của cô ấy sao mà ngây thơ đến thế. Anh cay đắng, đôi mắt nhòa lệ khi đọc những dòng chữ thân thương của Sunita.

Anh thúc ngựa phi nước kiệ u đến trước chỗ Rose đang ngồi. Được nửa đường, Bula thông đầu cúi sát mặt đất, mép nó vẫn sụt sùi bọt, hai cánh mũi phập phồng từng cơn không ngớt.

Mặc dù chiếc bụng bà u dưới lông vải màu xanh da trời của Rose hãy còn khá nhỏ, rất khó để phát hiện ra, nhưng khi đứng dậy bước

đi bên anh về phía chuồng ngựa, khuôn mặt của Rose ửng đỏ, dáng đi đã bắt đầu lạch bạch, một lọn tóc xoăn xỏ ra dưới vành mũ.

“Hôm nay em có định đi gặp ông Patterson không?”, anh hỏi.

“Có thể”, cô trả lời. Cô nhìn anh bằng ánh mắt lo âu.

Patterson là bác sĩ quân đội, một ông già có khuôn mặt đỏ gay, sẽ là người đỡ đẻ cho cô sau bốn tháng nữa. Rose có vẻ không thích đề cập đến ông ta, cũng giống như việc anh không thích thú với ý nghĩ những ngón tay chuốt móng của viên bác sĩ từng đụng chạm vào tận góc ngách thềm kín nhốt trên cơ thể vợ mình. Khi cả hai vô tình đụng nhau tại một câu lạc bộ máy đêm trước (không thể tránh mặt ở những nơi đông như kiến thế được), Patterson, hơi căng thẳng, đã lên tiếng trước: “Cô gái duyên dáng bé bỏng của chúng ta dạo này thế nào rồi?”, rồi nháy mắt như thể cả hai đều là người sở hữu Rose. Jack thấy xấu hổ, cả giận dữ nữa - anh muốn thụi một đấm thật mạnh vào cằm của ông ta - chính là những cảm xúc mạnh mẽ nhốt của anh mỗi khi nghĩ về đứa bé. Trước đây anh chỉ có cảm giác ngạc nhiên đến rụng tóc, một cảm giác không có thực. Với đứa bé trong bụng Rose đã là một sai lầm, và sở dĩ huy đã từng ít nhiều lưu ý, rằng không hay ho gì chuyện kết hôn sớm, nhưng việc chuẩn bị có “một đứa con”, như anh trình bày, thực sự là hành động “xuất phát trước khi có hiệu lệnh”.

Không còn nghi ngờ gì nữa, buổi tối ở câu lạc bộ chính là điểu tối tệ nhất. Đây là ngày anh nhận được bức thư của Sunita. Em hy vọng anh cũng hạnh phúc. Anh đã đến câu lạc bộ, nốc uýt-ki như hũ chìm, đầu óc choáng váng, đau đốn, những cơn đau thực thụ, rất dễ dàng cảm nhận, hệt như nỗi đau thể xác khi bị gãy xương hay chiếc răng sâu đột ngột trở mặt nhức nhối.

Rose ngó i đò i diện với anh. Cái thai đã giúp cô sở hữu một thân hình tròn trịa, khuôn mặt căng tròn hơn trước, nom cô thật phúc hậu trong chiếc váy bà u màu xanh có thêu má y bông hoa. Thật phúc hậu, tốt bụng với anh làm sao, thực ra Rose vẫn rất xinh đẹp, nhưng những ý nghĩ về Sunita cứ giã ãng xé trong đầu anh hệt như đang có một đứa trẻ ngoác miệng gào lớn từng chặp không ngớt bản hợp xướng của riêng nó. Anh nhớ em, Sunita. Anh vẫn rất yêu em. Ôi những tháng ngày tươi đẹp nhất của đời anh.

“Một ly nước chanh pha sô-đa cho tôi, cảm ơn”.

Rose mỉm cười nói với bà i bàn. Người bà i bàn khẽ gật đầu rồi nhoẻn miệng đáp trả Rose, một nụ cười hệt mực dịu dàng, một nụ cười mà Jack chỉ ao ước giá anh có thể làm được như thế với cô. Một trong những điều khiến anh tôn trọng Rose chính là sự lịch thiệp và chu đáo trong giao tiếp giữa cô với mọi người. Cô rất chân tình và thẳng thắn, với tất cả mọi người xung quanh. Sunita, Sunita, xõa mái tóc dài miên man của em xuống đi. Rose không bao giờ lớn tiếng quở trách, la mắ ãng hay trừng phạt đám người làm trong nhà, cô thuộc tuýp chủ nhân tốt bụng, điều hành gia đình dựa trên nỗi cảm thông và sự tôn trọng, chính điều này đã khiến đám gia nhân luôn tỏ ra yêu mến cô hơn bao giờ hết. Thậm chí Durgabai còn phấ ãn khích hơn cả anh khi nghe tin về đứa bé trong bụng Rose.

Và Rose mỗi lúc càng tỏ ra can đảm với thái độ lúc nào cũng điềm tĩnh, nhẹ như không. Cô càng tỏ ra lặ ãng lẽ, Jack càng cảm thấy hoảng sợ - nghĩa địa ở Poona lèn chặt những mồ ãm của trẻ con người Anh, những đứa trẻ chết bởi đủ thứ bệnh: thương hàn, bệnh dại, sốt rét, và thậm chí là bởi thời tiết quá nóng. Những đứa trẻ, cả mẹ của chúng nữa. Patterson, một ông già vô cảm, có cả một kho những “câu chuyện khôi hài” để kể cho các bà mẹ đang chuẩn bị để ãn kỳ sinh nở.

“Anh sẽ gọi xe kéo”, anh há p tá p đứng dậy. “Em có thể kể với anh trên đường về nhà cũng được”.

“Tất nhiên, anh rất thích nghe em kể”. Anh nói tiếp, “em không nên giữ bí mật cho riêng mình”.

Anh xin lỗi bởi mấy lời vừa thốt ra giống như những lời trách cứ, anh đang cố gắng để đẹp dần lên trong mắt cô.

Cô chỉ kể cho anh biết, rằng Tor sẽ quay về Anh vào ngày 25 tháng Năm. Rồi cô mệt mỏi dựa lưng vào thành xe kéo. “Em nên kể cho anh nghe từ trước, nhưng dường như...”.

“Có chuyện gì vậy?”.

“Bất ngờ quá”.

“Em sẽ nhớ cô ấy”. Anh nghe thấy tiếng thở dài mỏng manh của cô trong bóng tối.

“Ừ”.

Anh chạm nhẹ vào tay cô, rồi đột nhiên nhận ra không muốn nắm lấy nó. Anh sợ những giọt nước mắt sẽ lại lăn xuống trên khuôn mặt bầu bĩnh của cô, chúng khiến anh rụt tay về.

“Nhưng anh thấy ngạc nhiên khi không có chàng trai nào chịu rước cô ấy về dinh cả”. Anh quyết định cần phải ăn nói sao cho thật khéo, đặc biệt khi nom Rose có vẻ đang ở trong tâm trạng “không được tốt lắm”.

Anh nghe thấy tiếng cô thở gập, rồi Rose quay mặt nhìn ra phía cửa sổ, khẽ lắc đầu.

“Đấy thực sự là vớ n đê của cánh đàn ông à?”. Giọng cô chua chát, cay đắng. “Tor là một cô gái vui vẻ, yêu đời, tốt bụng, và xinh đẹp nữa. Anh đã bao giờ nhìn vào mắt cô ấy chưa? Hừm!”. Cô đột nhiên dừng lại, khuôn mặt tràn trề nỗi thất vọng.

“Rose, những gì anh muốn nói, là cô ấy không hề xấu xí”, anh nói. Jack có thể nghe rõ từng lời mình nói, thâm trầm và giận dữ, đầu hiệu đẩy cô xa khỏi anh và cô sẽ nổ tung mất. Anh không hề thích những gì mình vừa được nghe thấy, nhưng đúng là cô không nên cao giọng với anh như thế. “Và dẫu sao, chúng ta cũng sẽ sớm bị tông cổ khỏi nơi này”.

Đấy chính là điều phụ nữ không thể nào hiểu được. Đã bắt đầu xuất hiện những hỗn loạn trong Quốc hội, các nghị sĩ triền miên kiện tụng chỉ trích lẫn nhau. Ở một góc nào đấy, Gandhi đang kêu gọi hòa bình, ở một góc khác, chúng lại được trả bằng máu.

“Dẫu sao thì”, Rose vẫn không chịu khuất phục, “em đã quyết định sẽ lên Bombay để tạm biệt Tor trước khi cô ấy lên tàu trở về Anh. Em phải đi”.

“Thế còn đứa bé thì sao? Anh không nghĩ sẽ hay ho với em khi bị nhiều người chứng kiến trong bộ dạng ấy”.

“Con trai có thể đi cùng em. Nếu đúng đấy là một bé trai”.

“Ừm, nghe có vẻ như em hoàn toàn tự quyết định trong chuyện này ấy nhỉ”, anh nói.

“Đúng thế, là em quyết định”.

Anh cố gắng không nổi giận - đấy không phải là chuyện Rose tự tiện quyết định khi nói với anh về địa điểm và thời gian cô ấy sẽ

đi. Rồi anh cảm thấy bứt căng thẳng hơn một chút. Đến sáng thì anh quyết định sẽ đi thăm Sunita.

Em hy vọng anh cũng hạnh phúc. Nghe mới vô vị làm sao, nhưng chúng khiến trái tim anh đau đớn. Mình sẽ không đến, Jack dặn lòng, để phá vỡ hạnh phúc của cô ấy. Anh sẽ chỉ đến để gặp Sunita lần cuối. Đội của anh sẽ lên Bombay tham dự giải đấu polo, đến lúc ấy anh sẽ gọi cho cô, chỉ thế thôi, anh không thể làm gì khác. Nếu Rose cứ khẳng quyết làm bằng được theo ý thích, thì anh cũng sẽ làm như thế.

Khuya muộn, sau những giờ đồng hồ thao thức, Jack ra khỏi giường, bước xuống nhà bếp tìm nước uống. Ngoài hiên, cậu bé giúp việc có nhiệm vụ kéo quạt đã phủ phục dưới đất ngủ từ lúc nào, sợi dây kéo cánh quạt vẫn dính chặt dưới những ngón chân. Anh đánh thức cậu bé dậy rồi bảo nó lên giường nằm.

Đã ba giờ mười lăm phút, không khí đặc quánh, những bức tường của những ngôi nhà nhỏ bé bên ngoài dường như sắp đổ sụp về phía anh, Jack cảm thấy ngột thở. Anh quay vào trong nhà, đến ngò-i trên chiếc ghế bành trong phòng khách, lúc Jack đang đọc lại bức thư thì Rose xuất hiện bên ngưỡng cửa.

Vẫn khoác trên người chiếc váy ngủ mỏng manh, Jack nhìn Rose, chiếc bụng lúm lúm ấy, cặp đùi mây mây ấy, cả đôi bầu vú đã bắt đầu căng mọng dưới làn vải mỏng nữa, mồn một trước mắt anh. Loạng choạng như một kẻ mộng du tỉnh giấc giữa đêm, cô đến ngò-i xuống chiếc ghế đối diện với anh. Rose đưa tay vén mái tóc đang lòa xòa trên cổ, rồi xổ tung ra sau lưng.

“Em không ngủ được”, cô nói, “trời nóng quá”.

Anh nhướng mắt nhìn cô, một con thằn lằn màu sắc sặc sỡ phóng mình lao vút trên bức tường phía sau lưng Rose.

“Jack”, cô hỏi, “sao anh khóc?”.

Anh không hề hay biết những giọt nước mắt đang từ từ lăn trên trên gò má mình.

“Anh khóc?”, Jack ngạc nhiên.

“Anh đang khóc kìa”.

Lúc này anh thực sự không muốn cô đến gần mình - thật không công bằng với cô khi trong đầu anh đang tràn ngập những hình ảnh của quá khứ - hoặc ngòi lên tay cầm của chiếc ghế, vuốt ve khuôn mặt anh, nhưng rồi anh nhanh chóng lấy lại can đảm, sẵn sàng đương đầu với nỗi buồn sắp bùng nổ trong lòng bởi những điều anh đã gây ra, và cô gái ngọt ngào này đang cố gắng khiến chúng trở nên dễ dàng hơn.

Anh ngòi trong câm lặng, cô cố vòng tay ôm lấy anh.

“Là lỗi của em, phải không?”, Rose thì thầm, như thể cô đã mong muốn điều này xảy ra từ lâu lắm rồi. “Em đã khiến anh thế này, em đã làm anh thất vọng, đau khổ. Em có thể cảm nhận được điều ấy”.

Anh cố gắng để nói với cô mọi chuyện không giống như cô đang nghĩ. Jack vò đầu bứt tai, cúi gằm mặt để cô không nhìn thấy nỗi hèn nhát đang ứa về trên khuôn mặt của anh. Những lúc thế này thật dễ dàng để đổ hết mọi sai lầm lên đầu cô.

“Không phải lỗi của em”, anh cố gắng giải thích. Một đôi thấn lẩn đang giao phôi với nhau trên vách tường sau lưng cô.

“Thế thì do đứa bé trong bụng em? Anh thậm chí còn không tỏ vẻ kinh ngạc khi nghe em thông báo tin vui”. Giọng cô vẫn nhẹ nhàng, không một lời chỉ trích.

Kinh ngạc! Không, không thể dùng từ ấy để diễn tả cảm xúc của anh lúc ấy. Nếu có điều gì định nói trong cái đêm hôm ấy, anh sẽ nói: Anh cảm thấy bực mình với em khi đã dẫn dắt cuộc đời anh như thế này, nó khiến anh có cảm giác rơi vào thế bị động, anh như một thằng ngốc trước miếng bọt biển thậm chí em còn không biết dùng sao cho đúng cách. Anh không muốn đôi cánh của mình bị xén bỏ như thế này. Anh không đủ sức, anh không hiểu nhiều về em. Thậm chí anh còn chưa chắc mình có yêu em hay không.

Trong một sự kiện anh buộc phải mở miệng khó nhọc thốt lên mấy lời chào hỏi rồi bước ra ngoài cụng ly, hòa mình vào đám đông đông nghịt, gần như tuyệt vọng với ý nghĩ phải trở về nhà chơi trò ông bố hạnh phúc khi mà anh ghét cay ghét đắng phải nói những lời dối trá.

“Cái gì vậy?”. Rose nhanh chóng nhặt bức thư vừa rơi từ túi áo ngủ của Jack ra ngoài khi anh thò tay lôi ra hộp thuốc lá.

“Đừng đọc nó”, anh gần như hét lên với cô. “Nó là của anh”.

“Cái gì vậy?”. Cô nhìn thấy lửa trong đôi mắt của anh. “Jack, nói cho em biết. Nói cho em biết đi. Đây là cái gì?”.

Anh nhìn cô, nhủ thầm, mình không thể làm thế với cô ấy. Không thể dẫm lên vết xe đổ của cha được. Cô ấy không xứng đáng được như thế.

“Vậy thì em cứ đọc đi”. Anh thu mình trên chiếc ghế trong lúc cô chậm rãi ngó nghiêng và đọc bức thư.

“Ai đây?”. giọng cô run rẩy. “Em không hiểu gì cả”.

Jack có cảm giác như đang rơi xuống vực thẳm, dưới kia là biển cả mênh mông đang chờ anh.

“Tên cô ấy là Sunita. Cô ấy đang sống ở Bombay, là người yêu của anh”.

“Người yêu?”. Cô cao giọng, ánh mắt Rose đột nhiên trở nên man dại. “Đã, hay đang?”.

“Anh không biết, anh không biết”.

“Cô ấy là người Ấn?”.

“Ừm”.

“Một người bản xứ”.

“Chính xác, nhưng cô ấy có giáo dục. Bố của cô ấy là một luật sư”.

“Anh có yêu cô ấy không?”.

“Anh không biết”.

“Hắn anh rất yêu cô ấy. Nếu không yêu, anh sẽ nói không ngay lập tức”.

Cô đứng dậy, đôi tay lả lã giật mình vụt đi. Mái tóc Rose xỏ tung, rôi bù như tóc trẻ con, ánh mắt cô nhìn anh xa lạ, Jack có cảm giác cô sắp giang tay tát thẳng vào mặt anh, nhưng cô chỉ ném vào anh một cái nhìn đầy xót xa, cay đắng, ánh mắt cô khiến anh muốm thét gào. Anh đúng là một kẻ vô dụng.

“Anh có yêu cô ấy không?”, cô hỏi lại lần nữa.

“Thưa ngài”, cả hai đã không nghe thấy tiếng gõ cửa nhẹ từ ngoài vọng vào. “Mọi chuyện vẫn ổn cả chứ?”. Durgabai tránh không nhìn vào bà chủ, lúc bấy giờ đang đứng cầm lặng giữa nhà, với

chiếc váy ngủ mỏng manh trên người, đôi mắt trừng trừng nhìn vào Jack, hoang dại.

“Không có gì đâu Durgabai”, anh dịu giọng. “Bà chủ sir me dard hai”. (Bà chủ đột nhiên nổi cơn đau đầu ư) “Bà ấy không sao đâu, dhanyavad” (cảm ơn).

“Em không thích anh hành động kiểu như thế”, Rose lên tiếng sau khi cánh cửa được khép lại. “Cứ như đang giấu giếm điều gì bí mật, không muốn cho em biết, cứ để mặc em phải day dứt với ý nghĩ phải chăng mình đã làm điều gì đâ y không phải. Tại sao, vì Chúa, anh không để em có cơ hội được hiểu?”.

Cô vòng tay ôm bụng như muốn che đôi tai của đứa bé.

“Anh xin lỗi, Rose”.

Cô gạt lời xin lỗi của anh sang một bên. “Anh sẽ gặp lại cô ấy?”.

“Không - dù sao thì, trung đoàn vẫn đang đặt trong tình trạng cảnh báo sẵn sàng đến Bannu”.

“Đâ y có phải là lý do duy nhất?”.

Chưa bao giờ anh chứng kiến cô nổi giận như hôm nay. “Không”.

“Chết tiệt, sẽ tốt hơn nếu ngay từ đâ u không có chuyện này”.

Anh cảm thấy nhẹ lòng khi cô kiên chế được bản thân trước khi bước ra khỏi phòng, bỏ lại sau lưng lòng tự trọng của một người con gái, không bao giờ cô chấp nhận hạ mình và dễ dàng gục ngã trước những chuyện như thế này.

Lát sau, khi chỉ còn lại một mình trong phòng, qua vách tường mỏng manh anh mơ hồ nghe thấy tiếng cô ghen ngào nức nở.

Chưa bao giờ anh căm ghét bản thân mình đến thế.

Chương 32

Gầ n trưa, Viva đ ến ngồ i dưới bóng râm của một cây me mọc giữa sân trung tâm nuôi dạy trẻ tình thương, xén gọn những mẩu giấ y thừa từ má y con diễ u mà đám trẻ đã làm sáng nay. Từ chỗ ngồ i, Viva có thể nghe rõ tiế ng đùa cợt huyền não của bọn trẻ, bắ ng đủ thứ ngôn ngữ: từ tiế ng Hindi, Marathi, tiế ng Anh đ ến một vài thứ tiế ng khác, thỉnh thoảng chêm thêm vài từ Tamil và Gujarati. Tá t cả hòa cùng tiế ng của bầ y chim bồ câu đ ồng tổ dưới mái hiên não động cả một góc phố .

Tiế ng ô n ào chợt im bật khi giọng của Daisy thánh thót vang lên, cô đang ngồ i bên cạnh trò chuyện cùng bọn trẻ trong lúc chúng làm việc.

“Chuyện ấy thật buồ n cười, đúng không nào”, Daisy nói, “chỉ rá t ít người trưởng thành thực sự dừng lại và nhìn lên bầ u trời trong xanh lồ ù ng lộng - chúng ta lúc nào cũng hỏ i há xoay mòng với lo toan, hết như lũ côn trùng. Những người thường xuyên bỏ thời gian để nhìn ngắ m bầ u trời chỉ là người điên và đám trẻ con, hay... Cháu có thể nói hộ cô được không, Neeta?”.

“Cháu không biế t”, giọng Neeta thì thầ m, một con bé nhút nhát với đôi mắ t lúc nào cũng chắ t chồ ù ng âu lo khắ c khoải.

“Những người thả diễ u”. Suday, một thắ ng bé hơi đẩy đà nhanh nhẩu lên tiế ng, hắ n nó muồ n khoe với mọi người về con diễ u trước đây của mình.

“Thế khi nhìn lên trời cao, chúng ta nhìn thấ y những gì?”.

“Bầ u trời xanh”, Neeta đã mạnh dạn hơn.

“Rất tốt, Neeta. Không chỉ có bầu trời trong xanh vời vợi, khi chúng ta ngược nhìn lên cao, đường chân trời giới hạn của chúng ta trở nên bao la hơn. Và rõ ràng chúng ta nhận ra mình chỉ là một hạt bụi trong vũ trụ mênh mông này, nhỏ bé và tầm thường, tất cả chúng ta đều tỏ ra nghiêm trọng với chính cuộc đời mình, nhưng bầu trời lại không có những ranh giới. Không có sự khác biệt về đẳng cấp, địa vị - cẩn thận với hũ keo dán, Soday - cả tôn giáo và giống loài. Bầu trời dạy cho chúng ta biết, rằng có nhiều điều đang tồn tại trên thiên đường và trong cõi nhân gian, Horatio, hơn là những thứ mà chúng ta vẫn mơ mộng mỗi ngày trong cuộc sống của mình”.

Viva đã ngả lòng khi chúng kiến lũ trẻ im phăng phắc lắng nghe như nuốt từng lời của Daisy. Thiên đường và cõi nhân gian nào chúng sẽ tìm thấy nơi đây?

Ngay sau đây, Daisy lên một sơ kế hoạch cho bọn trẻ trong ngày hôm nay: sau khi công việc dán điều đã hoàn thành, Viva sẽ dẫn chúng ra bãi biển Chowpatty để thả. Daisy vừa dứt lời, bọn trẻ đồng thanh quay đầu ra sau, những ánh mắt háo hức đổ dồn vào Viva; nhiều đứa trong bọn chúng chưa một lần được nhìn thấy biển. Bọn trẻ đang khiến cô có cảm giác mình giống như một ảo thuật gia, một thầy phù thủy.

“Nhìn cháu đây, nhìn cháu này, Wiwaji”, Talu, một cậu bé cao lêu khêu, đôi chân bị tật bước đi tập tễnh hét vang lên. Không một đứa bé nào có thể gọi đúng tên cô, chúng thường gọi Viva bằng cụm từ đầy kính trọng “Thưa quý cô”, kiểu gọi của dân Bombay dành cho những người châu Âu có địa vị ở Ấn Độ, hoặc cô Wiwa, hay đôi khi gọi cô bằng ba tiếng Wi-wa-ji trừu tượng. Một số đứa nhỏ tuổi lại gọi cô là Mabap (cô là mẹ là cha của bọn cháu), một lời ca tụng đủ khiến trái tim cô nhảy múa reo vui trong lồng ngực.

“Xem nào, có người mãi mê nhìn ngắm con bé như thể bị thôi miên ấy nhé”, Daisy lên tiếng khi tấm sari trên mình Talika xoay tròn trong gió. Viva không hề hay biết Daisy đã đến ngồi bên cạnh cô từ lúc nào.

“Thực tình, Viva này, chị muốn nói với em điều này”, Daisy dịu dàng. “Trông em hạnh phúc hơn rất nhiều so với cái ngày đầu tiên em làm việc ở đây rồi đấy”.

Đuôi điều của Talika mắc vào một cành me, Viva nhảy lên gỡ nó xuống cho con bé.

“Em rất thích nơi đây, Daisy”, Viva ngồi xuống và nói. “Em không thích trẻ con lắm, hay ít nhất em không từng nghĩ là mình sẽ thích chúng”.

“Ừm, em che giấu rất tốt”, Daisy chọc Viva. “Chị có thể đưa ra vài lời cảnh báo được không? Tất nhiên là chúng ta sẽ hạnh phúc rất nhiều khi chúng kiến những đứa trẻ được tự do vui đùa nơi đây, nhưng chúng ta vẫn phải cẩn thận, phải cực kỳ cảnh giác, bởi lúc này tai mắt gián điệp ở khắp nơi, nếu thấy cảnh tượng như vừa rồi, có thể bọn họ sẽ báo với nhà chức trách địa phương rằng chúng ta đang huấn luyện các cô gái nơi đây trở thành những kỹ nữ”.

“Phải chị đang đùa không?”.

“Không, chị ước đấy chỉ là chuyện đùa cợt - năm ngoái đã xảy ra chuyện tương tự. Nhiều người thường không hiểu những việc chúng ta đang làm. Vậy thì tại sao họ lại không hành động như thế được?”.

“Lạy Chúa lòng lành”. Trước đây Viva đã được nghe về những câu chuyện kiểu như thế, nhưng cô không tin lắm - nó giống như một trò chơi hèn nhất, luôn nhìn thấy hiểm nguy ở mọi thứ. “Con bé mới

ngây thơ làm sao, em không thể chịu được ý nghĩ buộc phải bắt nó dừng lại”.

“Chị hiểu, không ai trong chúng ta thích thú với những hành động xuyên tạc bóp méo sự thật ấy cả. Nhưng chúng ta không sống trong một thế giới hoàn hảo.

“Và lời khuyên thứ hai của chị”, Daisy nhẹ nhàng đặt tay lên vai Viva, “rằng đừng làm việc quá sức. Năm ngoái, hơn một nửa nhân viên đã đổ bệnh, năm nay bọn chị buộc phải yêu cầu tất cả nhân viên nghỉ ngơi đúng thời gian. Không phải em từng nói với chị trong lần đầu tiên gặp mặt rằng em có kế hoạch lên phía Bắc để thăm lại tổ ấm ngày nào của bố mẹ mình hay sao?”.

“Em đã kể thế à?”. Viva thoáng ngượng ngùng. “Em còn không nhớ mình đã nói như vậy nữa”.

“Ôi, chị xin lỗi”, ánh mắt của Daisy vụt sáng long lanh sau tròng kính. “Chị nghĩ là em đã nói như thế”. Cả hai nhìn nhau lạ lẫm. “Thêm một đề nghị nho nhỏ nữa, cái nóng mùa hè sẽ nhanh chóng vắt kiệt sức lực của chúng ta trước khi mùa mưa kịp đến, thế nên nếu em cảm thấy mệt mỏi, khó ở trong người, thì chị có người bạn đang quản lý một nhà nghỉ ở Ootacamund - một địa điểm cực kỳ yên tĩnh dành cho việc viết lách, giá cả không hề đắt đỏ chút nào - chị sẵn sàng hỗ trợ nếu em không đủ tiền”.

“Chị tốt bụng quá”, Viva cảm động, “nhưng nghe ra thật buồn cười, em gần như không hề có ý nghĩ mình lại có thể bỏ đi vào lúc này”.

“Ban đầu em sẽ có cảm giác như vậy”, Daisy nhẹ nhàng nói. “Lần đầu tiên trong đời, em không còn nghĩ cho bản thân mình nữa. Một sự thay đổi rất lớn, em có nhận thấy điều đấy không?”.

Khi Viva ngẩng đầu lên nhìn, Daisy đang chăm chú ghim lại một chiếc đuôi diều bị tuột, cô không bắt gặp ánh mắt của Viva.

“Em biết không”, cô nói, “những cánh diều đầu tiên được thả lên trời là vào thế kỷ XIV ở Hy Lạp để kiểm tra thị lực của một vị hoàng tử bị mù. Chị có một cuốn sách rất hay viết về câu chuyện này, nếu em thích đọc chị có thể cho mượn - Sức hấp dẫn của chủ nghĩa tôn giáo tượng trưng”.

“Em sẽ mượn”, Viva trả lời, rồi đột nhiên cô đổi chủ đề, “Daisy này, chị có cho rằng em là đứa chỉ biết nghĩ đến bản thân mình hơn bất kỳ ai khác không?”.

Daisy điềm tĩnh nhìn Viva qua đôi tròng kính dày cộp của mình, sau một hồi im lặng, cô trả lời: “Chỉ biết nghĩ đến bản thân mình, nếu hiểu theo nghĩa tiêu cực thì diều này quả thật không bình thường, lúc nào em cũng theo dõi học hỏi, tò mò và đầy hiếu kỳ, chị thích những đức tính ấy ở em; tự bảo vệ có lẽ là từ thích hợp hơn. Em luôn sống kín đáo, hoặc giả có thể em sống khép mình để phục vụ cho việc viết lách của em chẳng”. Một lần nữa Daisy lại trêu chọc Viva.

“Có lẽ thế”, Viva không muốn nổi đau ứa vết, nhưng lòng cô như có dao cắt. Nhiều khi cô thấy mệt mỏi bởi bị người khác buộc tội giấu kín những bí mật của bản thân, những bí mật mà thậm chí cô còn không hiểu nổi chúng là gì.

Suốt bữa trưa hôm nay, Viva cứ bần thần nghiên ngẫm, day dứt với câu hỏi tại sao đến giờ này cô hãy còn trào lên những cảm xúc bấn loạn mỗi khi nghĩ về quá khứ, về bố mẹ mình.

Mười tám tuổi, cô đủ lớn để cảm thấy thích thú với cuộc sống hiện tại, bắt đầu tuyệt vọng với nỗi khao khát tìm kiếm một ai đấy, bất kể là ai có thể kiên nhẫn chuyện trò cùng cô, một người

không bao giờ nổi nóng. Và rồi William chính là người mà cô tìm thấy, một món quà của thượng đế dành cho cô, anh không chỉ là người thi hành di chúc theo ý nguyện của bố mẹ cô, một anh chàng điển trai, ăn nói lưu loát - sau rớt, anh ta là một luật sư hàng đầu - giàu lòng trắc ẩn. William dành nhiều thời gian bên cô. Những bữa tối cùng nhau, những lần tản bộ dạo chơi bên nhau, những đêm dài chia nhau nhâm nhi chai vang trong căn hộ của một gã độc thân là anh ở Inner Temple.

William nhớ rất rõ về bố mẹ cô, anh kể cho cô nghe về buổi đầu gặp gỡ với họ, từng chung một khoảng sân nhỏ bé trong những tháng ngày sinh sống ở Cambridge, cả cái lần sống chung với bố mẹ Viva ở Kashmir trước khi họ sinh hạ cô.

Anh nhớ rất rõ về Josie, một cô bé hông hào, nụ cười, rất hay cười - anh và bố mẹ cô đều gọi Josie là “cô nàng quý tộc” bởi điệu bộ dựa đầu vào thành giường rồi ngả ngón tu bình sữa hết như một nhà quý tộc của chị ấy. Cái đêm anh kể cho cô nghe về Josie cũng chính là cái đêm anh âu yếm đưa tay lau khô dòng nước mắt nóng hổi đang từ từ lăn trên gò má, nhẹ nhàng, rất nhẹ nhàng, anh khẽ ly vang lên miệng cho cô nhấp một ngụm nhỏ, rồi dìu cô lên giường.

Và rồi, thật lâu sau đây, cô đã phạm phải sai lầm khá lớn khi hỏi anh về mẹ.

Khi cô và William đang ở trong thang máy trở lên căn hộ của anh, cô bất ngờ hỏi. “Mẹ em có phải là một người có trái tim yếu đuối không?”. Cô buột miệng hỏi câu ấy là bởi câu chuyện cô nghe được từ một bà xơ kể về mẹ mình.

Anh quay sang cô - cô vẫn nhớ như in phút giây ấy, cứ như nó chỉ mới xảy ra ngày hôm qua - và lạnh lùng nói: “Anh chỉ là người thực thi di chúc của bà ấy, không phải là bác sĩ đi điều trị”. Dứt lời, chiếc c

thang máy đã leng keng báo hiệu đã lên đến căn phòng ngăn nắp của anh - chỉ lát nữa thôi anh sẽ xếp gọn quần áo, cẩn thận cất những chiếc khung để ráp cổ áo sơ mi vào một chiếc hộp trước khi anh trở nên hồ hững đến lạnh lùng, nhưng vẫn trao cho cô những nụ hôn nồng cháy - anh nói: “Tóm lại là anh phải làm gì với em đây?”, cứ như thể cô là một kẻ tò mò đầy khiếm nhã về những người bạn hết sức tình cờ.

Nó khiến cô trở nên khép nép, cho đến tận bây giờ, mỗi khi nhớ lại thái độ ngoan ngoãn của mình trước những lời quở trách đáng lòng ấy, cô lại nghĩ, sao ngày ấy cô lại có thể dễ dàng chấp nhận chúng đến thế. William là một kẻ biếm khá nhiều về những từ ngữ tục tĩu, và anh ta biếm sử dụng chúng đúng lúc đúng chỗ, và rồi cô dần trở nên thận trọng trước anh, lúc nào cũng cung cúc ngoan ngoãn để bảo đến tội nghiệp.

Viva đứng dậy, nhẹ nhàng phủi những vụn bánh mì bám trên vạt váy, Talika chạy đến bên cô, giả vờ bắt chước điệu bộ nghiêm trọng của Viva bằng cách héch chiếc cằm nhỏ xíu của nó cho nhô ra phía trước rồi cười vang.

Viva chậm rãi cuốc bộ ngang qua những con phố trở về căn phòng thuê nhỏ xíu của mình, cuối chiếc u hầy còn có nắng, không khí khá trong lành. Cô cảm thấy mệt mỏi đến nỗi không thể cảm nhận được cơn đói đang sôi réo trong lòng. Ngang qua một quầy trái cây trên phố, Viva mua một trái xoài, cô sẽ ăn nó khi gõ vào bàn viết tối nay.

Mở cửa chính ngôi nhà nơi cô thuê trọ, Viva nhìn thấy ông Jamshed đang chậm rãi thả p sáng ngọn đèn dẫu rồi đặt lên một dẫu cầu thang. Khi Viva bước lên tầng trên, chiếc bóng của cô đổ dài trên vách tường, nhịp nhàng lên cao theo từng bước chân, nom hết sức sống động.

Chiếc túi thêu tay của cô căng phồng những sách, khá nặng. Giữa đường, cô dừng chân đặt nó xuống bậc cầu thang, nghỉ ngơi trong chỗ lát. Viva ngẩng đầu nhìn lên tầng trên, chỉ còn bốn bậc cầu thang nữa là đến hành lang dẫn tới phòng cô, một bóng người vụt thoáng qua trên tấm kính gắn trên cửa phòng Viva.

“Jamshed”, cô gọi lớn, “phải ông trên đây không?”.

Sáng nay ông Jamshed đã hứa với Viva cuối buổi chiều ông sẽ sang phòng cô kiểm tra vòi nước bị vỡ. Từ giữa cầu thang, cô đã nghe thấy tiếng nước chảy lộc xộc xuống. Cả tiếng lèo xèo của dầm rán và mùi hạt tiêu dậy khắp hành lang.

“Ông Jamshed, là tôi, Viva đây”, cô khẽ gọi.

Cô nhặt chiếc túi dưới chân, nhanh chóng chạy lên mở cửa phòng.

Một hình người đang nấp dài trên chiếc giường của cô, sát trong góc phòng. Chiếc bóng đứng dậy. Là Guy Glover, vẫn chiếc áo khoác màu đen dài lướt thướt trên người, nó đang chờ cô.

“Suyt, suyt, suyt”, nó khẽ ra hiệu cho Viva khi cô định hét toáng lên. “Là tôi đây”.

Trong ánh sáng nhập nhèm từ ngoài cửa sổ hắt vào, cô nhìn thấy đồ đạc áo quần lộn xộn của mình vắt đầy trên thành ghế - sáng nay vì vội vã nên cô chưa kịp thu dọn. Tiếng mèo hoang khản đặc gọi nhau vọng lên từ dưới phố, man dại.

“Cậu làm cái quái gì ở đây, Guy?”, cô hỏi. “Ai cho phép cậu vào phòng tôi?”.

Khi đã quen dần với bóng tối trong căn phòng, Viva nhận ra Guy không mặc áo sơ mi bên trong áo khoác, vòng ngực khẳng khiu

của nó đã m`đĩa m` hoi.

“Không ai cả, tôi bảo với bà chủ nhà cô là chị gái của tôi - cô thầy đã y, trong mắt bọn họ, ngoại hình của chúng ta trông chẳng khác gì nhau cả”.

Rõ i Guy nhovn miệng mỉm cười, nhìn nụ cười của nó, bao nhiêu khó chịu ùa về` trong cô: Cái giọng nói mới vỡ trong độ tuổi dậy thì khiế n người nghe không thể xác định được là của một cậu bé hay của một kẻ hách dịch. Điệu cười lạt của nó. Thậm chí là cả cái mùi b`c lên từ cơ thể thắ ng bé, đôi khi ngọt ngào nhưng nhiề u khi lại chua lòm đế n cũ mèm.

Cô thắ p một ngọn nế n, đưa mắ t quan sát xung quanh để kiểm tra xem liệu nó có thay đổi thứ gì trong phòng mình. Một h`c nhỏ lồm xu`ng trên tắ m chặn trái giường - món thừa kế duy nhắ t của b` mẹ cô để lại - nơi nó vừa nắ m cách đây ít phút.

“Nhìn xem, Guy”, cô gắ n như hét lên với nó, “tôi không biế t tại sao cậu lại đế n đây, nhưng giữa chúng ta không có gì phải nói với nhau cả, thế` nên tôi muố n cậu biế n khỏi đây ngay lập tức, trước khi tôi gọi cảnh sát”.

“Bình tĩnh đi, Viva”, thắ ng bé nói, “tôi chỉ đế n đây để trả cô tiề n, thế` thôi”.

Giọng điệu bu`n bã đế n đau đốn của Guy nhắ c cô nhớ lại những lầ n nó đã đánh lừa chặn họng cô như thế` nào, cũng bắ ng cái giọng thiếu não á y.

Cô thắ p thêm vài cây nế n nữa, ánh sáng ngập tràn căn phòng, nom cả hai lúc này đã sáng sủa hơn trước. Một chắ m mụn trứng cá trên mặt thắ ng nhóc hắ y còn rỉ máu.

“Cậu không thấ y phát sớ t với chiế c áo khoác trên người à?”, cô hỏi.

“Tấ t nhiên là tôi đang sôi lên á y chứ”. Nụ cười trên miệng nó khá bền lễn. “Nhưng tôi không thể cởi ra đượ - không phải bây giờ”.

Tinh thầ n cô bắ n loạn khi nhìn nó. Phải những gì thắ ng nhóc đang thể hiện chỉ là những nỗ lực đáng yêu của tuổi mới lớn, hay thực sự chỉ là hành độn g của một kẻ không bình thường về thầ n kinh, một thắ ng điên?

“Tại sao lại không?”.

“Bởi vì món quà của tôi dành cho cô đượ cấ t trong đầ y”.

Nó thò tay vào trong tấ m áo, lôi ra một con búp bê với chiế c váy đượ c may từ hai màu hồ ng và vàng khoác trên người, con búp bê có hàm răng trắ ng tinh đề u tằm tắ p - một món quà lòe loẹt rẻ tiề n đượ c bày bán nhan nhản trong các cửa hiệu đầ lưu niệ m.

Tại sao thắ ng bé luôn khiế n mình có cảm giác đang đóng một vai trong một vở kịch tồ i tậ thế này? Viva độn nhiên nổi giận. Tại sao nó không bao giờ sớ ng thật với con người mình? Cô muố n giáng cho nó một cái tát vào mặt.

“Tên của nó là Durga”, thắ ng nhóc nói, nhẹ nhàng đặt con búp bê vào tay cô. “Thầ n chiế n tranh - bà ta sẽ che chở cho cô”.

“Tôi có thể tự lo đượ c cho mình”. Cô đặt con búp bê xuố ng bàn.

“Nhận lấ y đi”, nó năn nỉ.

“Nghe đây Guy”, sự kiên nhẫn của cô đã hế t, “tôi không có hứng thú để tham gia vào trò chơi của cậu. Thực sự, tôi không biế t cậu có

bị thà`n kinh hay không khi đố`i xử như thế` với tôi. Cậu đã nói đố`i với bố` mẹ mình về` tôi. Tôi...”.

“Tôi đã có việc làm”, nó ngắ`t lời cô, “tôi là...”.

“Guy, tôi không quan tâm. Tôi đã không một xu dính túi khi tới đây, cảm ơn cậu vì điề`u đầ`y”.

“Cô còn may mắ`n chán vì đã mắ`t bố` mẹ”, nó ngắ`t lời cô. “Còn tôi thì chẳng có gì cả”.

“Nghe này, tôi đã kể với cậu những chuyện vớ vẩn khi còn ở trên tàu”. Nhưng rồ`i cô đột ngột thay đổi ý định. Tại sao lúc này này cô lại không ngậm miệng lại nhỉ? “Tôi thấ`y mệt. Cậu mang con bú`p bê của mình về` đi”.

“Thậm chí cô còn không muố`n biế`t tôi đang ở đâu sao?”.

“Không, Guy, tôi không quan tâm. Trách nhiệm của tôi với cậu đã chấ`m hế`t khi con tàu cập cảng Bombay”.

Im lặng. Viva có thể nghe được tiế`ng tích tắ`c của chiế`c đồ`ng trên cổ tay cô, ngay sau đầ`y là tiế`ng nước ào ào trong đường ống phía trên phòng ông Jamshed chảy xuố`ng.

“Đầ`y không phải suy nghĩ của cảnh sát”. Guy thì thầ`m, nhỏ đế`n nỗi cô gầ`n như không nghe được gì từ miệng nó. “Bọn chúng là lũ con hoang, cô có thể gặp khá nhiề`u phiề`n toái nế`u không trả hế`t nợ”.

“Vì Chúa, Guy, làm ơn đừng có diễn trò nữa”, cô bật khóc.

“Tôi không diễn”, nó lạnh lạnh. “Tôi cũng đang sợ chế`t khiế`p đây. Có một gã đang lẻo đẻo theo tôi”. Nó ngồ`i xuố`ng giường, đưa tay lên che mặt và quan sát cô từ những kẽ hở giữa các ngón tay, rồ`i

lại nuốt nước bọt và cúi đầu nhìn xuống sàn nhà. “Hắn bảo tôi đã làm anh trai của hắn đau đớn khi đi trên tàu, nên giờ hắn sẽ khiến tôi phải cảm thấy đau đớn”.

“Thế người đàn ông ấy bảo cậu đã làm gì anh trai ông ta?”.

Guy hạ giọng, thì thầm. “Hắn bảo tôi đã đánh vào tai của anh trai hắn nên giờ đây ông ta không thể nghe được nữa, nhưng rõ ràng là y đã đánh tôi trước. Đây là lý do vì sao tôi nghĩ cô cần nó”.

Nó kẹp con búp bê vào giữa hai đầu gối, cẩn thận gỡ hàng cúc phía sau thân áo, thò tay lục lọi trong người con búp bê.

“Cầm lấy”. Nó đưa cho cô một xâu những đồng rupi đã ngả màu được buộc chặt vào nhau bởi một sợi dây chun. “Cô có thể cần đến nó khi bọn họ đến đây. Cô không thể lúc nào cũng phải cảnh giác khi đi trên đường phố quanh đây”.

“Thế thì ai sẽ đến đây?”.

“Đám cảnh sát - cô hiểu không, dính dáng đến pháp luật, tôi là con của cô mà”.

Tinh thần Viva chao đảo, cô tỏ ra thận trọng với những gì đang diễn ra trước mắt. Những dự báo khủng khiếp mà Frank đã cảnh báo với cô ùa về: khả năng khủng khiếp ấy, không thể tượng tượng nổi, rã rã dưới con mắt của pháp luật, có thể thảnh thơi từng có mối liên hệ với cô?

Cô chộp lấy xâu tiền trong tay nó. Không cần đếm, cô cũng có thể đoán được có bao nhiêu trong đây, có thể là 100, cũng có thể nhiều hơn, 200 rupi. Ít nhất ngàn này cũng đủ để cô ngã giá với đám cảnh sát khi bọn họ đến đây, nhưng cô cảm thấy nghi ngờ khi

khoản tiền được trưng dưới vỏ bọc là chi phí thanh toán cho công việc bảo mẫu chăm sóc hộ tống Guy đến Ấn Độ.

“Tôi nghĩ cô nên xin lỗi tôi vì đã có thái độ khiếm nhã như vừa rồi”, nó tỏ vẻ cáu kỉnh. “Giờ thì tôi tin chắc cô đã hiểu tôi chỉ đang cố gắng giúp đỡ cô mà thôi”.

“Guy”, Viva tỏ ra cứng rắn. “Tôi không nghĩ mình phải xin lỗi về những gì thuộc về mình”.

Guy đột nhiên ngoác miệng nhăn nhó. “Thế thì, sau tất cả mọi chuyện, tôi là của cô chứ?”.

“Không. Không, không... ý tôi không phải thế. Ý tôi là”, cô nhớ lại những lời cảnh báo của Frank, “món tiền này đáng lẽ đã phải là của tôi từ trước đây”.

Nụ cười trên khuôn mặt nó vụt biến mất, nhưng cô không quan tâm.

“Ai nói cho cậu biết tôi sống ở đây?”, Viva hỏi.

“Phải mất cả đời để tìm được cô”. Khuôn mặt nó lại rầu rĩ. “Thế nên tôi đã gọi cho Tor và cô ta đã chỉ đường cho tôi”.

“Tôi hiểu”.

Guy đập nhẹ bàn chân lên sàn nhà.

“Tôi nghe nói cậu đã đi làm? Cậu đang làm ở đâu vậy?”, cô cố hỏi nó bằng giọng điệu tình cờ nhất có thể.

“Không ở đâu cả”, nó lầm bầm. “Thực ra, tôi vừa bị đuổi việc. Tôi từng làm nghề chụp ảnh cho một hãng phim. “Cái gã giám đốc chỗ tôi làm trước đây là một thằng ngu”.

“Thế bây giờ cậu đang trên đường về nhà à?”. Cô cảm thấy phẫn chí khi nghĩ đến điều ấy.

“Không”. Nó lắc đầu. “Giờ tôi sống ở đây: trên phố chính cạnh chợ trái cây”. Guy ngừng nhip chân lên sàn nhà và ngẩng đầu lên nhìn cô. “Ôi, thêm một chuyện nữa, suýt nữa tôi quên. Cô làm ơn đừng có khoe khoang với mọi người là tôi chỉ mới mười sáu tuổi khi mà tôi đã bước sang tuổi mười chín”.

“Tôi không định đánh nhau vì điều này đâu, Guy. Có gì khác không khi mà cậu không bao giờ chịu trách nhiệm trước bản thân mình?”.

“Tôi có chịu trách nhiệm về bản thân mình”.

“Không, cậu không hề, cậu chỉ là một kẻ nhu nhược”, cô liếc mắt nhìn nó, giận dữ bởi sự xuất hiện của nó đã làm mất của cô một buổi tối quý giá, “và cậu còn nói dối để tránh không phải rơi vào tình cảnh khó khăn”.

Guy lùi lại. “Những lời của cô vừa rồi thật bẩn thỉu”, nó nói. “Tôi sẽ ghi nhớ và sẵn sàng trả thù cô. Tôi sẽ chờ đến thời điểm thích hợp”.

“Thật thế sao?”. Viva thậm chí còn không buồn làm ra vẻ tin tưởng những lời nó vừa nói. “Lần tới, hãy làm cho đúng: bấm chuông và chờ tôi mở cửa cho cậu vào, nhớ đấy”.

Nói xong cô chỉ tay ra phía cửa, cô có thể cảm nhận rất rõ vết mồ hôi đang từ từ chảy xuống bắp chân mình rồi mắt hút trong đôi giày, cả cảm giác bóng râm ở về tước sau gót chân nữa.

“Đừng đến đây nữa, Guy”, cô dừng lại trước ngưỡng cửa, nói với nó.

“Không sao, không sao đâu mà”, Guy rô i rít trả lời như thể cô vừa yêu cầu một lời cam kết đến từ nó. “Tôi đã hứa là sẽ trả thù cô, và tôi sẽ thực hiện lời hứa ấy đến cùng”.

Chương 33

Sáng hôm sau, Viva giận dữ gọi điện cho Tor.

“Tor, sao em có thể? Sao em lại ngó ngán đến thế? Giờ thì nó lại trở thành nỗi ám ảnh của chị rồi đây”.

“Từ từ đã nào”, giọng Tor hãy còn ngái ngủ. “Chúng ta đang nói về ai thế?”.

“Guy, em ngó ngán quá. Sao lại cho nó địa chỉ của chị?”.

“Thì nó bảo nó đang giữ tiền của chị. Nên em nghĩ chắc chị sẽ hài lòng khi nhận được khoản tiền ấy”.

“Hài lòng! Nó khiến chị sợ đến phát khiếp. Nó vào phòng chị, nằm dài trên giường, trong bóng tối và chờ chị về, sau đây còn bảo cảnh sát đang tìm nó nữa chứ”.

Viva nghe thấy tiếng thở hổn hển của Tor ở đầu dây bên kia. “Ôi Viva, em xin lỗi. Nhưng nó bảo đã đi làm và có tiền, thế nên em đã nghĩ chị sẽ...”.

“Tor, em chẳng chịu động não tí nào cả”.

Tor khịt mũi, cô quyết định thay đổi chiến thuật, một hành động hết sức đại dột.

“Chị có nghĩ mình đang lo lắng thái quá không, Viva?”, cô hỏi. “Em lúc nào cũng thấy nó bình thường”.

“Ôi, vì Chúa, Tor”, Viva lớn tiếng. “Nó là một thằng điên, một kẻ tâm thần - đến cả Frank yêu dấu của em cũng nói như thế”.

“Khoan đã”, Tor ngắt lời Viva. “Anh ấy chưa bao giờ là Frank yêu dấu của em cả. Nếu anh ấy là người yêu dấu của một ai đấy, thì hẳn phải là của chị”.

Viva dập điện thoại, nhưng ngay lập tức cô gọi lại cho Tor.

“Chị xin lỗi, là do chị đang bực mình”, cô nói.

“Em hiểu”, giọng Tor nức nở. “Cũng là bởi em đang bấn loạn về chuyện của mình, và em hãy còn lo lắng về... về cái - điê - u - mà - chị - đã - biế - t - ấy”. Một tiếng tách lạnh lùng phát ra khi Tor đặt ống nghe xuống, cô tiếp tục sục sục. “Sao cuộc đời lại phức tạp đến thế?”, cô rên rỉ.

“Tor, em còn đấy không?”. Viva nghe thấy tiếng đé giày lộp cộp nện lên sàn gỗ, rồi tiếng của Ci Ci sắc lạnh sai bảo đám người làm lọt qua ống nghe. Một lúc sau Viva nghe thấy tiếng lạo xạo ở đầu dây bên kia, Tor tiếp tục nhặt ống nghe lên.

“Không nói chuyện tiếp được nữa”, giọng Tor thì thào. “Chúng ta có thể hẹn gặp đâu đấy uống chút gì và tiếp tục câu chuyện được không? Có thể ở Taj, Wyndham hay ở nhà chị cũng được?”.

“Chị không chắc em có thể tìm được chỗ ở của chị đâu Tor”, cô nói. “Nó nằm khá xa phố chính”.

“Tất nhiên em có thể”. Giọng Tor đã bớt căng thẳng hơn đôi chút. “Em muốn được đến thăm chỗ chị ở, em sẽ mang theo chiếc máy hát của mình tới nữa. Cảm ơn vì đã bỏ qua cho em chuyện về Guy”, im lặng vài giây, giọng Tor trở nên hào hứng, cô đùa cợt không để cho Viva kịp nói một lời nào, “nhưng ít ra bây giờ chị cũng đã có một khoản tiền nho nhỏ - em đúng là một nhà môi giới đại tài”.

Viva chỉ muốn cho con bé một cú vào đầu.

Sau khi gác máy điện thoại, Viva lúi tu trong ngăn kéo đầu giường ra gói tiền được cô cẩn thận giấu kỹ tối qua ra ngoài: ba trăm hai mươi rupi, đúng bằng một nửa món tiền cô được hứa hẹn trả công cho chuyến đi. Cô cất món tiền vào một chiếc hộp, rồi dùng một sợi dây cẩn thận buộc chặt dưới gầm giường.

Cô đã bắt đầu yêu thích nơi đây, căn phòng này dần trở nên thân thiết, đặc biệt cùng với sự hiện diện của gia đình nhà Jamshed ở tầng dưới. Nhưng giờ cô lại thấy sao mà mong manh và tạm bợ đến thế. Vách tường quá mỏng, cửa kính hoen mờ cũ kỹ dễ dàng đập vỡ.

Những lúc rơi vào trạng thái khó chịu như hôm nay, Viva chỉ ước có một người anh trai, hay một ông bố ở bên cạnh để có thể cho cô vài lời khuyên, để động viên an ủi cô không cần phải sợ hãi một thằng nhãi dở người mặt búng ra sữa, hay ai đá ý ném cho Guy một đồng 4 penni nếu nó đe dọa nghiêm trọng đến cuộc sống của cô.

Không một ai ngoài Frank, anh đã xuất hiện và yêu cầu được giúp đỡ cô. Sự xuất hiện của Frank có vẻ lại ném cô trở lại vai diễn trong vở kịch cũ mèm với William ngày nào - một thiếu nữ ngây thơ lâm vào cảnh khôn khéo, một cô gái ngờ nghệch, đang cần một bờ vai chở che của một người đàn ông, nhưng lần này thì khác, gạt sang một bên đôi chút ngưng ngừng vì đã bỏ ngoài tai lời cảnh báo và những linh cảm của Frank về Guy, rằng có thể nó không phải là một hoàng đế đang nổi giận vì bị trục xuất ra nước ngoài nhưng chắc chắn là một kẻ có tâm thần không bình thường. Và cô đã nhận món tiền từ tay nó.

Mệt mỏi, nhợt nhạt, cô nhìn vào đồng hồ đeo tay. Chín giờ kém mười. Cô cần phải tỉnh trí trước khi lên đường đến với trung tâm nuôi dạy trẻ tình thương để bắt tay vào công việc, đây mới là điều quan trọng lúc này. Cô hít đi lại trong căn phòng chật chội, đến

ngồi xuống cạnh giường, lại đứng lên, đưa tay xem đồng hồ, cuối cùng cô bước ra ngoài, đến bên một buồng điện thoại đặt trên phố, quay số của bệnh viện nơi Frank đang làm việc.

Giọng nữ nhân viên lễ tân thành thót vang lên ở đầu dây bên kia.

“Bệnh viện Gokuldas Tejpal xin nghe, chúng tôi có thể giúp được gì cho chị?”.

“Tôi cần nói chuyện với bác sĩ Frank Steadman”, Viva cố giữ giọng thật bình thản.

Có tiếng giây sột soạt vọng lại. “Tôi không biết anh ấy đang ở đâu”, giọng nói trả lời Viva sau một hồi im lặng. “Cô có thể chờ được không?”.

Cô đồng ý chờ. Năm phút sau, Frank cầm ống nghe.

“Frank, là tôi, Viva đây. Tôi sắp trễ việc rồi, nên sẽ không nói chuyện lâu được đâu. Tôi có thể hỏi xin anh vài lời khuyên đúng đắn dành cho mấy đứa trẻ đang không được bình thường ở trung tâm tình thương được không?”.

“Tôi sẽ rảnh sau bữa trưa”. Tiếng rì rẹt trên đường dây điện thoại khiến giọng nói của Frank không được bình thường. “Tôi có thể đến chỗ cô làm được chứ?”.

“Vâng”.

“Tốt. Lúc hai rưỡi được không?”.

“Được, hai rưỡi nhé. Hẹn gặp anh ở đây”.

Frank xuất hiện khi bọn trẻ đang nô đùa với nhau, tiếng cười tràn ngập khoảnh khắc nhỏ. Túi đồng hồ bác sĩ đeo trên vai. Chưa

kip ngòi niê`m vui khi được gặp lại anh, tâm trạng lo âu lại bùng lên trong lòng Viva.

“Nào các cháu”, cô nói với bọn trẻ bằ`ng tiế`ng Marathi, “ngô`i xuô`ng và giữ trật tự nhé. Chúng ta có khách đầ`y”.

“Ôi Chúa ơi”, Frank ngô`i xuô`ng bên cô, kêu lên đầ`y kinh ngạc. “Không thể tin được, tai tôi có nghe nhằ`m không nhỉ? Mắ`y câu cô vừa nói nghe sao mà hay thế”, và rô`i những tiế`ng cười khúc khích rộ lên, cả những cú thúc nhẹ bằ`ng khủy tay vào mạng sườn nhau nữa, Viva đỏ mặt, ngượng ngùng.

“Daisy Barker dạy tôi đầ`y”, cô nói, “phát âm vẫn chưa chuẩn lắ`m. Tôi chỉ có thể nói được vài câu đơn giản, như “đi nghỉ” hay “ăn nhanh lên” và “lên giường ngủ thôi”. Anh biế`t Daisy chứ? Chị ấy làm việc ở đây, ngoài ra chị ấy còn làm việc ở Trung tâm tái định cư Bombay, chắ`c hẳn anh là một trong những thành viên của tổ chức nơi Daisy làm việc”.

Cô lảm nhảm những điề`u không đầu. Bọn trẻ sồ`t ruột chờ đợi, những ánh mắ`t ngây thơ hế`t dán vào cô lại nhìn sang anh, liên tục đảo qua đảo lại như thể bọn chúng đang xem một trận bóng quầ`n vợt.

Viva nhìn đờ`ng hô` đeo tay. “Các cháu”, cô nói với bọn trẻ, “chúng ta có thể tạm nghỉ giải lao chừng ba mươi phút, các cháu có thể đi chơi. Chào tạm biệt bác sĩ Frank đi nào”.

“Tạm biệt, Doktor Frank”, bọn trẻ đờ`ng thanh hô to, rô`i kéo nhau chạy khỏi sân chơi. Một lúc sau, Talika xuấ`t hiện cùng hai ly nước chanh đặt trên một khay thiế`c cũ kỹ. Viva thận trọng dùng cả hai tay để nhắ`c từng ly nước chanh lên đặt trên mặt bàn.

“Ồ lại cô nhờ một chút, Talika”, Viva nhẹ nhàng nói với con bé. “Đây là một trong những cô bé tôi muốn nhờ anh kiểm tra”, cô nói với Frank. “Tên cô bé là Talika”. Viva siết chặt bàn tay con bé, lúc bấy giờ đang nhìn cô bằng ánh mắt sợ hãi. Cô muốn kể với Frank nhiều điều về con bé, nhưng lại sợ Talika, lúc bấy giờ khả năng nghe hiểu tiếng Anh của nó đã được cải thiện đáng kể, sẽ hiểu những gì cô nói, có thể nó sẽ cảm thấy xấu hổ, hay tệ hơn, Talika sẽ thấy bẽ bàng, tủi nhục. “Con bé không có những hành động quá tội tệ, phải thế không, Talika? Nhưng như anh thấy đây, nó gầy gò quá”.

“Tôi có thể nghe ngực nó được không?”.

Viva dẫn Frank và Talika đến sau một tấm màn che bằng vải được chằng trong một góc sân được dành cho các bác sĩ tình nguyện thực hiện các cuộc hội chẩn sức khỏe cho bọn trẻ.

“Đừng sợ, Talika”, cô nhẹ nhàng nói với con bé. Tấm màn che được quây tròn bao bọc lấy ba người, khuôn mặt của con bé trở nên xanh xao nhợt nhạt bởi màu sắc của tấm vải đang phản chiếu lên nó. “Bác sĩ Frank không làm cháu đau đâu”.

Frank lấy từ trong túi ra chiếc ống nghe, đeo vào hai bên tai và áp đầu kia vào ngực con bé, chăm chú lắng nghe. Đôi mắt to tròn đầy kinh hoàng của Talika không rời khỏi khuôn mặt Viva.

“Tim cháu hoàn toàn khỏe mạnh, ngực cũng bình thường”. Anh mỉm cười với con bé, nhưng nỗi sợ hãi vẫn tràn ngập ánh mắt Talika. “Chắc các bác sĩ khác đã loại trừ những bệnh thông thường”, Frank nói, “Viêm gan, bệnh giun - cô bé trông không yếu ớt chút nào”.

Khi Frank bỏ ống nghe ra khỏi cơ thể con bé, Talika nhanh chóng chạy vụt ra ngoài, hòa cùng bọn trẻ đang nô đùa giữa sân.

“Ngớ ngẩn quá”, Frank nói, sau khi bóng con bé đã mất hút giữa đám trẻ. “Trông nó như đang bị ám ảnh bởi điều gì đấy”.

Anh ngẩng đầu lên nhìn Viva, lúc bảy giờ đang chăm chăm dán mắt vào mình. “Cô có biết vì sao không?”.

“Thực tình tôi không biết. Mẹ con bé chết vì bệnh lao. Chúng tôi từng nghĩ chắc con bé cũng bị nhiễm bệnh từ mẹ nó, nó vẫn hy vọng mình sẽ sống sót. Một cơn lũ quét qua khu ổ chuột nơi con bé sinh sống và Talika được bỏ lại trước cổng trung tâm. Đôi khi nó tỏ ra khá linh hoạt, vui vẻ như chưa từng có gì xảy ra. Ngày hôm qua nó còn nhảy múa, nhưng rồi có điều gì đấy đã xảy ra, và con bé lại trở nên lạng lẽ không thể nào tiếp cận được, tôi không thể hiểu được vì sao”.

“Có lẽ con bé nhớ nhà”, Frank nói. Anh đang ngoi bên cô, đủ gần để có thể nhìn thấy những vì sao vụt sáng trong đôi mắt xanh thẳm của Viva.

“Cuộc sống ở những khu ổ chuột rất phong phú về mặt tinh thần - đa số những người châu Âu không hiểu được điều đấy”.

“Thế còn cô thì sao?”, Frank nhìn sâu vào mắt cô. “Cô đang làm được những gì ở đây?”.

Câu hỏi thẳng thắn của Frank kéo cô về với thực tại.

“Tôi thích nơi này”, cô nói. “Tôi thực sự thích nơi này, và tôi vẫn đang viết, thực ra, tôi cũng có vài bài đã được đăng”.

“Tuyệt! Chúc mừng nhé”. Frank nhoèn miệng mỉm cười, đấy chính là vắn đề, bất gặp nụ cười và ánh mắt anh đang nhìn mình, Viva bỗng rùng mình, lòng cô chột dậy lên niềm khao khát mãnh liệt.

“Tôi vẫn rất ổn, anh thấy đấy”. Cô vụt đứng dậy.

“Tôi biết”, anh nhẹ nhàng trả lời. “Như thế thì tốt”.

Anh cuộn chiếc công nghe y tế, cẩn thận đút vào túi.

“Ngoại trừ”, cô có cảm giác anh chuẩn bị ra về, “tôi đã có vài hành động ngu ngốc tôi qua. Guy Glover đã đến tìm tôi. Rất choáng! Nó bảo đến để trả tôi khoản tiền còn chưa thanh toán cho chuyến đi sang Ấn Độ”.

“Thế cô có nhận khoản tiền ấy không?”, giọng Frank đầy lo âu.

“Có - ít nhất cũng nhận được gần đủ”.

“Tôi tưởng chúng ta đã đồng ý với nhau từ trước, rằng cô sẽ không nhận khoản tiền ấy từ tay nó”. Frank bẻ đốt ngón tay răng rắc, rõ ràng anh đang nổi giận.

“Tôi nghĩ mình có thể cần đến chúng”. Bởi vì tôi cần giải quyết chuyện này theo cách của mình, cô muốm hét lên với anh.

“Tôi ước gì cô đã không hành động như thế”.

“Giờ thì tôi cũng đang ước như anh, nhưng tôi đã...”, cô im lặng, cố giữ bình tĩnh để tránh không tuôn ra những lời nhặng cuội. “Tôi bị nó thuyết phục, rằng có thể mai một cảnh sát sẽ đến tìm mình, và tôi cần khoản tiền ấy để đút lót cho bọn họ. Phải công nhận một điều, Frank”, có vẻ cô bắt đầu không giữ được bình tĩnh, “những gì nó nói cũng khá hợp lý”.

Nhưng khuôn mặt Frank vẫn không hề lay chuyển, giận dữ và tím tái. “Điều nó muốm nhất ở cô chính là sự quấy rầy. Tình thần thảnh nhai bị ám ảnh rất nặng nề và cô là người nằm trong danh sách quấy rầy của nó. Cái quái gì khiến cô để nó vào được phòng mình?”.

“Tôi không để nó vào - khi tôi mở cửa thì đã thấy nó trong phòng, nằ m chình ình trên giường tôi”.

Frank khẽ rên nhẹ. Anh trầ m ngâm trong thoáng chồ c rồ i lên tiế ng: “Nghe này, Viva. Tôi không muố n cô lo lắ ng nhưng chuyện vừa qua có thể dẫn đế n những tình huố ng hế t sức tồ i tệ. Cô cảm thấ y tin tưởng nhấ t vào ai ở trung tâm này?”.

“Tôi tin tưởng vào Daisy Barker”, cô trả lời. “Tuyệt đố i”.

“Ừm, thế thì kể cho cô â y nghe đi”, anh nói. “Đề đế n khi cảnh sát xuấ t hiện, cô â y sẽ cảnh báo với cô”.

“Anh thực sự nghĩ bọn họ sẽ đế n đây tìm tôi?”. Một cơn đau quặn lên trong lòng Viva.

“Có thể lắ m chứ. Có lẽ bọn họ đã để mắ t đế n các cô rồ i đầ y, một nhóm phụ nữ châu Âu điề u hành một trung tâm như thế này, trong thời điể m nhạy cảm như hiện nay, khi mà mọi việc vẫn chưa rõ ràng”.

“Ôi lạy Chúa”.

“Cũng có thể tôi đã khiế n cô hoảng sợ”, Frank dịu giọng. “Dẫu sao thì cảnh sát cũng có nhiề u việc phải làm, thế nên đừng lo lắ ng quá, nhưng vẫn phải cẩn thận, nhớ đầ y”.

Cả hai tìm thấ y Daisy đang ngồ i trong căn phòng tồ i tàn của trung tâm vẫn thường được gọi đầ u là “hậu cung” - một căn phòng tồ i tăm, ẩm thấ p nằ m dưới tâ ng hầ m của ngôi nhà, với một chiế c quạt chạy vù vù suố t ngày trên đầ u, sàn nhà lát đá. Căn phòng được trang bị một chiế c bàn, một cái ghế , một chiế c tủ đặ ng hồ sơ giấ y tờ đặ ng sát vách tường, trên đầ u chiế c tủ có treo một tờ lịch in hình một bé gái mặc bộ sari đang đứ ng trên một chiế c

thuyền trôi xuôi sông Hả`ng, với vẻ mặt hân hoan vui sướng khi được uống món sữa mà`m lúa mạch nhãn hiệu Ovaltine.

“Daisy”, Viva lên tiếng chào trước khi cả hai bước vào, cô giới thiệu. “Đây là Frank. Bác sĩ đang làm việc tại bệnh viện Gokuldas Tejpal. Bọn em quen nhau khi đi trên tàu”.

“Xin chào”, Daisy đứng dậy, bắt tay Frank. “Ôi, chưa bao giờ chúng tôi lại mong chờ món quà là một bác sĩ như lúc này - nếu anh có thời gian”. Daisy gỡ cặp kính ra khỏi khuôn mặt, nở một nụ cười đầy há`p dẫn.

“Thực sự lúc này chúng tôi đang cần sự giúp đỡ của bác sĩ, tôi qua có hai cậu bé lang thang bị bỏng được mang vào đây, một đứa bị khá nặng. Liệu anh có thể xem qua tình hình sức khỏe của chúng được không? Được chứ? Ôi, anh tốt bụng quá”.

Hai cậu bé, đều gầy trơ xương, ánh mắt khá giao hoạt, được khiêng ra. Cả hai đều từng có thời gian cư trú trong một trung tâm nuôi dạy trẻ mồ`côi địa phương. Do không thể chịu đựng được những đòn roi đánh đập ở đây, chúng đã trốn ra ngoài, tìm được một chỗ chui ra chui vào trong một nhà xưởng bỏ hoang gần đường ray xe lửa cách nhà ga Victoria vài dặm, cùng với sáu thằng bé khác. Không may, tôi qua đã xảy ra một cuộc ẩu đả ở nhà xưởng, khiến nồi cơm đang sôi trên bếp vắng tứ tung, kết quả là cả hai đứa đều bị bỏng.

Trong lúc Frank tỉ mỉ kiểm tra những vết bỏng trên người bọn trẻ, Viva chăm chú quan sát hai bàn tay của anh, hai cánh tay và những ngón dài rắ`n rồi, làn da nhuộm một màu tươi nâu khỏe khoắ`n. Từng ngón tay nhẹ nhàng kiểm tra những vết thương trên chân cậu bé.

“Những vết thương khá lành rồi đấy”, anh nói. “Cháu đã đắp cái gì lên thế?”, Frank hỏi cậu bé bằng tiếng Hindi.

Thằng bé, tên là Savit, tinh bơ trả lời, rằng nó đã dùng nước tiểu hòa với tro củi rồi đắp lên vết bỏng.

“Hắn Chúa lúc này đang ở bên cạnh cháu”, Frank nói với thằng bé, giọng anh đầy nghiêm trọng.

Sau khi đã được kiểm tra, những vết thương cuối cùng cũng đã được bôi thuốc khử trùng, cả hai cười toe toét như thể những gì Frank vừa làm cho chúng giống như một sự chăm sóc hết sức to tát. Frank quay sang Viva: “Tôi nghĩ giờ đã đến lúc cô nên kể với Daisy lý do vì sao tôi có mặt ở đây”.

“Tôi cũng đang định kể đây”, Viva hít một hơi thật sâu. “Daisy này, chị còn nhớ chút gì về thằng nhóc trên con tàu mà em từng có lần kể không? Thằng quý con chuyên mang tai họa đến cho em khi làm bảo mẫu cho nó trong chuyến đi ấy. Nó gây lộn ẩu đả với một hành khách trên con tàu, ông ta là con trai của một thương nhân Ấn Độ mới nổi. Chuyện tưởng đã được dàn xếp êm thấm trên tàu, không ai bị bắt giữ cả. Nhưng có vẻ giờ đây gia đình nạn nhân mới bắt đầu báo thù, và em vô tình bị kéo vào chuyện này”.

“Tại sao em lại bị dính líu vào?”, đôi mắt Daisy nhấp nháy liên tục sau tròng kính.

“Bởi vì nếu xét trên phương diện luật pháp, nếu giải thích một cách cụ thể thì, chuyện xảy ra trên hải phận quốc tế, và em lại là người chịu trách nhiệm trước mọi hành động của nó”.

“Toàn những chuyện ba lằng nhằng. Em có chắc mình thực sự dính vào chuyện này chứ?”.

“Không, em đang rất nghiêm túc”, Viva kêu lên. “Thằng nhóc ấy thích đóng kịch, nó toàn tưởng tượng ra đủ tình huống kỳ lạ để tự mình tham gia vào vở kịch do nó nghĩ ra, chuyện này thật ngớ ngẩn với nhiều người, nhưng vẫn đề nã m ở chỗ, một buổi tối nó đã đến tận nhà để tìm em, và khẳng khẳng về chuyện đút lót đám cảnh sát, nếu nó hoặc cảnh sát đến đây, em... ừm, Frank nghĩ em cần phải kể cho chị nghe toàn bộ sự thật”.

“Ừm, chuyện đút lót cho đám cảnh sát không phải là điều mới mẻ gì ở Bombay”. Viva cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy Daisy tỏ ra bình thản khi nghe xong chuyện của cô. “Nhưng quả thật chị không hề thích thú với ý nghĩ nó sẽ quay lại và nã m dài trên giường em. Em cần phải dứt khoát yêu cầu ông Jamshed thay đổi ổ khóa, và chị nghĩ...”, Daisy khép hờ hai mắt, “... chị nghĩ em nên đi đâu đó vài ngày để tránh xa khỏi thằng bé. Tôi đã thuyết phục cô ấy nghĩ đến chuyện đi đâu đây nghỉ ngơi từ vài tuần trước kia”, Daisy quay sang giải thích với Frank. “Trông cô ấy không được ổn cho lắm”.

Frank hờ hững liếc mắt qua cô, cái nhìn băng quơ của anh khiến Viva có cảm giác, ngay trong khoảnh khắc ấy, rằng cô đã trở thành một trong những bệnh nhân của anh.

“Em không sao mà”, cô nói.

“Thời tiết sẽ còn nóng nực hơn nữa, Viva”, Daisy nói. “Em cần phải nghỉ ngơi ít hôm. Cậu có đồng ý không, Frank?”. Viva ngạc nhiên khi thấy Daisy có vẻ đang bỡ ngỡ với Frank, chẳng lẽ cả hai đang xem cô như một món đồ sở hữu chung?

“Tôi đồng ý”, Frank trả lời, “vài ngày nghỉ ngơi là cần thiết”. Anh đứng dậy, nhặt túi xách lên. “Nhưng, thưa các quý cô”, Frank nhìn đồng hồ, “đành phải thứ lỗi với các quý cô vậy, tôi phải vào ca

lúc bốn giờ chiều. Nếu các cô cậu giúp đỡ, hãy để lại lời nhắn cho tôi ở bệnh viện”.

“Chúa ơi”, Daisy buột miệng khi bóng Frank khuất sau cửa phòng, “một chàng trai mới tốt bụng làm sao”, rồi hào hứng, “già anh ta làm việc ở Gokuldas thì tốt cho chúng ta biết mấy”.

“Vâng”, Viva vu vơ phụ họa. Sự ra đi đột ngột của Frank khiến cô hụt hẫng, có chút gì được gọi tên bằng buồn bã len lén ùa về trong cô, cảm giác như hãy còn nhiều điều cô muốn nói cùng anh. Liếc mắt về phía cánh cửa đang mở rộng, cô nhắc thấy bóng Frank nhanh nhẹn rải những bước dài ngang qua khoảng sân nhỏ trước trung tâm, đến trước cánh cửa cổng, dứt khoát bước ra ngoài và đóng chặt sau lưng.

“Chị nghĩ anh ta hoàn toàn đúng khi đồng ý với ý kiến em nên nghỉ ngơi ít hôm. Đi Ooty đi, nhé”. Daisy thuyết phục Viva. “Nơi ấy rất mát mẻ, cảnh vật rất đẹp, cái nhà nghỉ mà chị đã nói với em ấy, rất dễ thương. Em có bạn bè để cùng đi không?”.

“Ừm, có lẽ em nên đi thật”. Viva chột nghĩ đến Tor và cảm thấy áy náy vì sáng nay đã gọi điện la mắng con bé.

“Ở đây sẽ không có nhiều trò tiêu khiển nhưng là một điểm đến rất tốt”, khuôn mặt Daisy vụt bừng sáng, “đồi núi, không khí mát mẻ, những cơn gió trong lành, những ngôi nhà nghỉ bằng gỗ nhỏ bé nghiêng nghiêng ven sườn đồi, tiếng chim hót lạnh lớt trên đầu”. Nhìn Daisy mơ màng dang rộng vòng tay để diễn tả cảnh tượng đang ùa về trong đầu, Viva bỗng trào lên nỗi hoảng sợ. Bởi cô nghe Daisy nói mấy từ nhà nghỉ bằng gỗ nhỏ bé nghiêng nghiêng ven sườn đồi. Mưa rơi, một cô gái đang gò gò khóc.

“Em không sao chứ, cưng?”.

Viva ngẩng đầu nhìn lên, chiếc quạt trên trần nhà vẫn vù vù xoay, Daisy đang lo lắng nhìn cô.

“Em không sao, em ổn mà”, cô nói.

“Tốt”. Daisy đột nhiên nhìn cô cười lớn, “trông bộ dạng của em kìa, cứ như người vừa nhìn thấy ma ấy”.

Chương 34

Theo đánh giá của riêng cá nhân Tor, có vẻ Viva hơi nghiêm khắc với Guy, ngay cả khi còn đi trên tàu. Tất nhiên là thằ ng nhóc hơi ngớ ngẩn và giả tạo một chút, đôi khi khiế n mọi việc rồ i tung rồ i mù cả lên, nhưng mọi thiế u niên ở độ tuổi mười sáu như nó đư a nào chẳng thề ?

Nhưng rồ i cú điện thoại của Viva vào sáng thứ Năm để xin lỗi về những lời đã thồ t ra với cô trong cơn giận dữ bất chợt vào mắ y hôm trước đã giải tỏa những căng thẳng trong Tor. Khi Viva đề nghị cùng tham gia một kỳ nghỉ ngắ n ngày ở Ooty, Tor không ngắ n ngại gật đầ u.

“Đi nghỉ vào thời điể m này thì không thề nào hoàn hảo hơn đư oc nữa”, Viva nói.

“Chị biế t đầ y”, cô hạ giọng, thì thầ m, “nó đã tới”.

“Cái gì đã tới?”.

“Chị biế t mà, là nó. Điề u mà em từng lo lắ ng á y. Những người bạn”.

“Bạn nào?”, Viva gắ n nôi câu.

“Kinh nguyệt”. Thành thật mà nói, Viva, một cô gái thông minh, đôi khi cũng hơi chậm hiểu. “Em đã tắ m khá nhiề u nước nóng, đế n nỗi có cảm giấ c mình sắ p tan rã đế n nơi, nhưng trời ơi, đúng là nhẹ cả người. Chị Viva, đầ y là khoảng thời gian bốn tuầ n tồ i tệ nhấ t trong cuộc đời em. Em đã tưởng tượng đế n hình ảnh một thân

một mình lạch bạch bước lên tàu trở về nhà, sẵn sàng giờ đầu chịu báng”.

“On Chúa vì điều đầu y. Đúng là nhẹ cả người”.

“Đúng vậy, và em dám chắc đầu y chính là nguyên nhân khiến mình dứt ra khỏi những ý nghĩ về Guy. Em đã không tài nào chớp mắt được, thậm chí không thể nuốt nổi, chị có thể tưởng tượng được không. Ngoài ra...”. Tor im lặng, thận trọng quét mắt quanh căn phòng để kiểm tra xem liệu có người làm nào đang nghe lén câu chuyện của cô hay không, “giữa Ci Ci và em đã xảy ra xung đột hết sức nghiêm trọng. Em sẽ kể cho chị khi gặp mặt. Em bắt đầu thấy ngán nơi này đến tận cổ rồi”, Tor thì thầm. “Bà ta đang đánh đầu em mong đợi từng ngày em đặt chân bước lên tàu trở về nhà. Em chắc là bà ta đang phát điên vì cái nóng”. Tor nói trước khi gác máy, “em không thể chờ đến lúc biến khỏi ngôi nhà này được nữa”.

Mặc dù Tor đã cố tỏ ra hài hước khi kể về trận cãi vã âm ỉ giữa cô và Ci Ci, nhưng những dư âm của chúng vẫn khiến cô đau đớn mỗi khi nghĩ đến. Sau khi gác ống nghe điện thoại, đầu óc cô lại miên man suy nghĩ: cô nên kể cho Viva nghe những gì, và nên giữ kín, chôn chặt tận đáy lòng những gì.

Tình trạng căng thẳng bắt đầu xuất hiện sau khi Ci Ci trở về từ kỳ nghỉ ở Mussoree, với bộ dạng ủ rũ, mệt mỏi hơn so với ngày lên đường. Bà bắt đầu để mắt giám sát chiếc điện thoại với thái độ khá buồn cười, hút thuốc liên tục. Một lần Tor còn chứng kiến tận mắt bà tát thẳng vào má Pandit khi yêu cầu ông già mang cho mình một ly Gin&It không cần đá như thường lệ. Pandit sau vài giây yên lặng như trời trờng, miệng lại tươi cười và rồi rít xin lỗi, nhưng sau đầu y Tor đã nghe thấy tiếng ông già làm bầm trong nhà bẹp với một vết lằn đỏ hằn sâu trên má.

Tor gâ`n như tin chắ`c Ci Ci đang có nhân tình. Có lâ`n Ollie đã bộc tuệch kể với cô, rằ`ng hầ`u hế`t đám gia nhân đê`u nhìn thắ`y hai người bọn họ.

“Sau hai giờ chiề`u vào mỗi cuô`i tuầ`n, anh có thể ra khu vực đô`i Malabar”. Ollie nói, “và làm tình với bất kỳ cô gái nào mà anh muô`n, nhưng bọn họ khá tế nhạt, và rắ`t kinh khủng”.

Và rồ`i cái gã nhân tình bí mật vẫn thường gửi hoa cho Ci Ci giờ đây đã không còn gửi tặng bà nữa, và Ci Ci cũng đã thôi không còn thủ thi “anh y...ê...”,” trên điện thoại như một con chim bồ` câu mái mẫn thì. Đôi mắ`t của Ci Ci vụt trở nên hung dữ khi bà nhìn thắ`y những cuô`ng biên lai màu hỏ`ng được gửi từ bưu điện đê`n vào buổi sáng trước khi bà giận dữ ném những bức thư sang một bên. Bà đang sôi máu, và Tor là nạn nhân gâ`n bà nhắ`t lúc này.

Trận khẩu chiế`n bắ`t đầ`u nổ ra giữa đêm khuya, khi Tor đang ngồ`i bên bàn trang điểm trong phòng của cô, Ci Ci bước vào.

“Cô gái”, Ci Ci ngọt nhạt, “con còn nhớ những bộ quầ`n áo ta cho mượn từ những ngày đầ`u con mới đặt chân đê`n đây chứ? Giờ ta muô`n lắ`y lại chúng”.

“Cô muô`n lắ`y chúng ngay bây giờ sao?”. Tor lo lắ`ng, thầ`m tính toán trong đầ`u không biế`t cô có đủ thời gian để đưa vài món cho người giặt ủi dạo vẫn thường đạp xe tà` tà qua đây vào mỗi buổi sáng, nhận lắ`y mớ váy áo đã mặc trong buổi tồ`i hôm qua của Ci Ci, để rồ`i đê`n chiề`u tồ`i lại xuấ`t hiện với những món đồ` đã được giặt giũ là ủi tinh tươm. Cô đã làm sút chỉ vài đường may, ngoài ra, chiế`c áo khoác lụa Trung Hoa cũng đang dính vài vệt cao thuố`c lá trên khủy tay, sản phẩm của Ollie trong cái đêm anh ta dẫn cô ra bãi biển Juhu. Tor đã nhét chiế`c áo vào dưới đáy tủ, lúc ấy cô chỉ nghĩ sẽ giải quyế`t mắ`y vế`t bản sau.

“Không lúc nào thích hợp như lúc này”, Ci Ci mỉm cười, khuôn mặt méo mó đến độc ác. “Geoffrey vừa thông báo kể từ giờ phút này sẽ cắt giảm khoản trợ cấp dành cho xống áo, và ta nghi ngờ cô không hợp với mấy món đồ ấy đâu, đúng không nào?”.

Và Tor, chật căng trong chiếc váy ngủ không tay áo, đã phải lôi hết mở quần áo của Ci Ci từng tặng cô ra khỏi chiếc tủ rải đầy lên giường dưới con mắt cú vọ của bà ta.

“Cô gái, ta nghĩ mình cần phải nói cho cô biết chuyện này”, Ci Ci tiếp tục với giọng điệu rầu rĩ nhiều hơn là giận dữ. “Cô thấy đây, đã không có gì xảy ra với cuộc đời cô sau những ngày vô kỷ luật vừa qua cả. Ý ta là, chẳng hạn, hiện tại cô được bao nhiêu ký ròi nhi?”.

Đôi mắt bà ta lướt lên cánh tay trần núng nính của Tor, những ngón mỡ ngòn ngòn ở ngực và quanh eo. Tôi ghét bà, Tor hét thảm, tôi ghét cái cách bà nói, tôi ghét cái cách bà hút thuốc, tôi ghét cả những câu chuyện khôi hài về tôi mà bà đã kể với đám bạn của mình. Cô có thể tưởng tượng được những gì Ci Ci đã mô tả về cô với đám bạn của bà ta ở câu lạc bộ. Ú na ú nần, như một con lợn, hoặc giả, như một cái thùng phi di động, cỡ lớn ấy nhé, tôi sợ như thế lắm.

Trong khoảnh khắc ấy, thật khó cưỡng lại niềm vui sướng được tát thẳng vào nỗi buồn trong lòng Ci Ci, xua tan nụ cười hờn hĩnh trên khuôn mặt của bà ta bằng cách nói với Ci Ci, rằng không những cô đang mỗi ngày một béo nung núc, mà cô còn đang mong chờ cái ngày đưa bé ra đời, thế nên bà ta sẽ được chứng kiến nhiều điều hay ho quan trọng hơn mấy món đồ tã rách của mình.

“Sáu mươi bảy ký”, Tor trả lời. Nói dối. Cô luôn hoảng sợ khi đến bất kỳ chỗ nào xuất hiện chiếc cân. Trong hoàn cảnh như

thế này, Tor biết, hẳn Ci Ci sẽ thốt lên, tất nhiên là vẫn bằng cái giọng mỏng lét và chua như giấm áy, rằng “rồi cô sẽ phải khóc vì hời hận đây Tor. Cô có cảm thấy mình sắp cháy mỡ hay đại loại cái gì như thế từ trong người ra chưa?”. nhưng không, Ci Ci chỉ nhặt chiếc áo khoác lụa kiểu Trung Hoa lên, những móng tay của bà nhọn hoắt như móng vuốt chim đại bàng.

“Cô đã làm cái quái gì với chiếc áo thế này?”, bà ta hét lên. “Chiếc áo khoác này được thêu tay ở Paris đây”. Ci Ci tỏ ra mặt bình tĩnh, bà gào thét. “Nó đã hỏng hoàn toàn, hỏng tuyệt đối”.

“Cháu mặc nó lúc đi dạo trên bãi biển”. Tor giật mình, cố gắng định thần xác định xem tiếng gào thét vừa rồi là của ai, và cô cảm thấy bất ngờ khi nhận ra tiếng gầm lúc này chính là giọng mình.

“Chi vãi về t nhựa thuộc lá dính vào tay áo”, cô hét lên. “Sao dám mia mai mặt sát cháu như thế?”.

“Ồ vâng, thế là đúng quá rồi còn gì”, Ci Ci cũng đã gân cổ gào lên lại với cô, đôi mắt của bà trợn ngược. “Ôi, thật khoan khoái biết nhường nào! Ý ta là, những gì ta đã làm cho cô trong sáu tháng vừa qua chỉ là cho mượn quần áo và thế t đãi trọng thị, cô đúng là một con ngốc phục phịch vĩ đại”.

Khi cụm từ “con ngốc phục phịch vĩ đại” vừa thốt ra khỏi miệng Ci Ci, bà đã cố bịt miệng, nhưng đã không kịp. Dẫu sao bà cũng biết mình đã đi quá xa.

Rất nhanh sau đây, Tor đã hiểu rõ giá trị của những lời mia mai châm biếm tiếp diễn ngay sau đây. Khi cô và Ci Ci mặt đối mặt - đỏ gay, thở hổn hển - đúng lúc áy, Tor lò mò nghe thấy một tiếng nổ nhỏ nhỏ trong khoảng trống giữa hai chân, rồi cô cảm nhận được thứ chất lỏng nhầy nhụa đỏ tươi đang chảy ra từ đây. Nổi con gào thét đã làm được cái việc mà rượu gin và nước nóng đã không thể

giúp cô. Đột nhiên Tor quay ngoắt thái độ, tươi cười rạng rỡ với Ci Ci, lúc bà y giờ đang trợn mắt nhìn cô không chớp, hẳn bà ta đang nghĩ con bé đã nổi điên. “Cháu không sao!”, Tor ngấn giọng. “Cháu hoàn toàn ổn”.

Trong khoảnh khắc ấy, cô chợt nhận ra, đôi khi, không có con cũng kỳ diệu như việc ta đang mang trong mình một giọt máu.

Sau cuộc trò chuyện ngấn giọng với Viva qua điện thoại, Tor lập tức gọi cho Rose để hỏi xem liệu cô bạn thân thiết có thể cùng mình đi nghỉ ở Ooty. Viva chẳng đã bảo với cô sẽ thật tuyệt nếu cả ba lại cùng nhau đến đây.

Kế hoạch được vạch ra như sau, tối thứ Tư cả bọn sẽ tập trung tổ chức một bữa tiệc nho nhỏ ở nhà Daisy, sau đây Tor sẽ đến ở cùng Viva, hai người sẽ bắt tàu đi Ooty vào sáng hôm sau. Cả hai sẽ gặp Rose ở đây. Như vậy Ollie sẽ còn lại bốn ngày - Tor bấm đốt ngón tay trừ tính - để gọi cho cô và nói rằng, đột nhiên anh ta nhận ra mình vừa phạm phải một sai lầm nghiêm trọng, rằng anh muốn li dị người vợ đang sống ở Anh và cưới cô, hoặc giả, Tor tưởng tượng, cô sẽ gặp được ai đây thú vị ở Ooty. Một câu chuyện tuyệt vời dẫn đến một kết thúc có hậu, một tiệc cưới dành cho hai người. Thật lạ thường, khi em đã dứt khoát quyết định trở về nước, em ngẩng đầu nhìn lên khách sạn đơn sơ mà mình đã ở cùng những người bạn trong suốt mấy ngày qua, em đã bắt gặp...

Ôi, mình thật ngớ ngẩn. Tor tự nhủ, dứt mình ra khỏi cơn mơ ban ngày.

Mơ mộng chỉ càng khiến lòng ta thêm đau đớn, tốt hơn hết hãy đối diện với sự thật.

Chương 35

Giọng Tor thì thào trên điện thoại mác trước ngôi nhà, Viva ngạc nhiên khi nhìn thấy khuôn mặt hơn hở rạn rờ của cô xuất hiện trên ngưỡng cửa.

“Xin lỗi vì căn phòng của chị hơi sơ sài”, Viva nói khi dẫn Tor lên cầu thang hướng đến căn phòng của cô. “Bỏ qua đi”. Tor trả lời, “em rất nóng lòng được đến đây. Ôi không, Viva, một căn phòng tuyệt vời đấy chứ”. Tor thốt lên khi cửa phòng được mở ra. “Thật tự do. Em thích nơi này!”. Cô nhìn lên trần nhà lúc này đã được Viva trang trí bằng những cánh diều đủ màu sắc sặc sỡ do bọn trẻ ở trung tâm nuôi dạy trẻ tình thương tặng, thích thú luôn tay xuống dưới tấm khăn trải giường bằng lụa mát rượi, nhảy phắt lên giường lăn qua lăn lại hết như một đứa trẻ.

Viva pha hai ly nước chanh, cả hai bước ra ngoài hành lang, Tor khiến Viva cười sặc sụa bởi câu chuyện cô kể về trận đấu khẩu với Ci Ci.

Viva không muốn làm hỏng tâm trạng vui vẻ của Tor bằng cách kể cho cô bé nghe về nỗi cô đơn và niềm tuyệt vọng luôn thường trực trong cô khi sống trong căn phòng ngột ngạt này, cả nỗi sợ hãi ám ảnh sau lần xuất hiện đầy bất ngờ và kinh hoàng của Guy. Thay vào đấy, cô chỉ im lặng, nhấp một ngụm nước chanh.

Frank cũng có mặt tại bữa tiệc.

Daisy đã tình cờ kể lại với Viva vài ngày trước.

“Chị đã mời cả anh bạn bác sĩ dễ thương của bọn em đến nữa”, Daisy nói. “Anh ta trả lời sẽ tham gia nếu còn ở trong thành phố và

không bận việc vào tối hôm ấy”.

Sao chút thông tin mơ hồ ấy lại khiến cô bứt rứt chổ chịu trong người, Viva không thể hiểu được. Cô đã dự định sẽ bắt tay vào viết chừng một tiếng đồng hồ hoặc hơn trước khi Tor đến, nhưng rồi cô không thể nào tập trung nổi, hết đứng lên ngó xiêu trên chiếc ghế tựa cũ kỹ, lại xoay sở từ trái sang phải nhìn ngắm bóng mình phản chiếu trong tấm gương duy nhất treo đối diện với ngăn kéo trên cùng của chiếc giường.

Loạng choạng đứng trên ghế, cô thử chiếc váy tối nhất của mình - chiếc váy lụa ánh hồng rực rỡ, vạt váy dài bó sát tôn lên vòng eo nhỏ nhắn của cô, chiếc nơ hình con bướm thắt điệu đà sau lưng luôn khiến Viva mê mẩn mỗi khi ngắm nó. Mặc thêm chiếc áo khoác được thêu tay đặc biệt yêu thích bên ngoài. Sau một hồi nhìn ngắm, cô lại cởi áo khoác, chọn một cái khác nom chỉnh tề hơn, một chiếc áo bằng vải bông, mỏng và mềm như sa tanh. Trông khá xinh xắn, Viva nhủ thầm, nhưng màu sắc hơi chọi với đôi hoa tai bằng bạc màu san hô của cô.

Chưa kịp hài lòng với diện mạo mới, khuôn mặt rạng ngời hạnh phúc hiện lên trong tấm gương khiến Viva giật mình, một chút hoảng sợ. Anh ấy sẽ không đến, cô nhủ thầm. Ngay cả nếu anh ấy có đến, thì mình cũng chẳng cần.

Khi hai người đến nơi, bữa tiệc được tổ chức tại nhà Daisy đang diễn ra khá nhộn nhịp. Từ dưới phốt, Viva và Tor có thể nghe rõ mồn một tiếng cười nói xôn xao hòa cùng tiếng nhạc, một giai điệu nhạc Jazz - với những âm vực cao mà ngán ngủi, có cả tiếng huýt sáo vụng về chêm vào nữa. Một dãy đèn được thả sáng bên ngoài ban công.

“Vào đi, nhanh lên”. Daisy tươi cười rạng rỡ trong chiếc váy màu hồng nhạt, mở cửa mang theo những tiếng huyền ảo từ trong nhà ra phố, tràn ngập chỗ Viva và Tor đang đứng. Mặc dù cuộc sống của Daisy không mấy dư giả, nhưng cô rất thích tổ chức các bữa tiệc chiêu đãi bạn bè với quy mô khá hoành tráng mà không bao giờ bận rộn đến tận cuối chi phí, những bữa tiệc của Daisy luôn khiến Viva thán phục. Với Daisy, không bao giờ có ranh giới giữa những lớp người, không nhất thiết phải tỏ ra thận trọng khi sắp xếp những hạng người với nhau trong bữa tiệc của mình, khách mời của cô chính là những con người cô mến - bọn trẻ, những nhà học giả, các nhạc sĩ địa phương, láng giềng thân thuộc - cô nhóm mọi người vào một chỗ, cung cấp đủ đồ ăn thức uống cho tất cả, vặn nút chiếc máy nghe nhạc và dẫn dắt mọi người cùng nắm tay hòa vào từng giai điệu phát ra từ đài. Một bài học lớn lao trong cuộc đời.

“Vào đây đi”. Daisy dẫn Viva và Tor ra ngoài ban công, nơi những tiếng cười đang hòa cùng tiếng nhạc tạo nên âm thanh hết sức náo nhiệt. “Chị muốn giới thiệu bọn em với mọi người”.

“Mọi người” là một tập hợp với đủ mọi thành phần: là Jamshed cùng hai cô con gái xinh xắn của ông, Dolly và Kaniz - một trong hai cô đang hào hứng nhảy điệu Charleston. Một nữ nghệ sĩ điêu khắc người Thụy Điển cao lớn và đường bệ trong chiếc áo khoác dài kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, đang theo học bộ môn nghệ thuật chạm trổ tại Elephanta. Những nhân viên công tác xã hội, các viện sĩ, nhà văn, một người đàn ông béo tốt được Daisy giới thiệu là giáo sư âm nhạc, đến Bombay để ghi âm vài bản nhạc. Một số đang ngồi bên bộ tràng kỷ ngoài ban công, rôm rả chuyện trò dưới trời đêm lấp lánh ánh sao, số khác đang nhiệt tình khiêu vũ cách đây không xa.

Nửa giờ sau, Viva vẫn như một kẻ mộng du lang thang giữa đám đông, huyền thuyên cười nói, các giác quan của cô căng thẳng hướng

ra phía cửa chính. Cuộc i cùng thì anh đã không đến. Như thế cũng tốt, cô tự trấn an mình, nó sẽ khiến mọi chuyện đỡ phức tạp hơn.

“Đến đây tham gia cùng mọi người nào”, ông Jamshed tươi cười vẫy Viva và Tor. Jamshed đang ngồi xếp bằng hai chân bên cạnh một chiếc bàn bằng đồng chân thấp. Chiếc đĩa trước mặt ông ngồi ngon thức ăn, hai cô con gái quây quần bên cạnh. “Chalo jumva avoji”, ông gọi, “đến đây cùng thưởng thức với chúng tôi đi. Hai công chúa của tôi đang trêu chọc cha nó là một ông già lỗi thời đây, tôi cần cô đến cho mỗi đứa một roi xem nào”, ông già líu lo với Viva bằng thứ tiếng Anh nghe thật dễ thương của mình.

“Một bữa tiệc tuyệt, tuyệt vời”, Tor nói sau khi đã yên chỗ, “em được chứng kiến những điều kỳ lạ nhất - suốt cả tối hôm nay, đầu óc em đã không còn vương vấn hình ảnh của Ollie nữa. Đúng là thoải mái thật”.

“Chị cũng rất vui, Tor”. Suốt cả buổi tối hôm nay, Viva liên tục liếc mắt ra phía cửa chính, sốt sắng trả lời Tor như một kẻ đạo đức giả. Chốc chốc lại lén lút nhìn đồng hồ. Đã mười hai giờ kém hai mươi phút - giờ thì chắc chắn Frank sẽ không đến nữa. Hay tối nay anh quá bận, hoặc giả cũng có thể chẳng bận bịu gì đâu, chắc đang ngồi viết thư cho mấy cô gái ở Anh mà cô hoàn toàn mù tịt về bọn họ, người mà anh si mê điên cuồng ấy; hay đã ra ngoài từ lâu để tham dự cuộc vui tại một bữa tiệc nào khác. Luôn có vô số lý do để giải thích cho những điều đã không xảy ra mà bạn chắc chắn rằng chúng sẽ.

Ông Jamshed xuất hiện gần chỗ cô đang ngồi. Ông vừa nhả khói thuốc âm ỉ vừa lớn tiếng cười nói về buổi hòa nhạc sắp tới - gồm một số sáng tác mới rất tuyệt, cô cực kỳ thích nhạc của Bach bởi tính đối xứng trong từng tác phẩm của ông ta - Viva mỉm cười và

gật gù với Jamshed, nhưng gằn như cô không thể tập trung vào câu chuyện được, bỗng nhiên cô thấy mệt mỏi.

Chiếc váy đang dính chặt vào lưng, chân cô nhúc nhủi, lúc này cô chỉ muốn nhanh chóng trở về căn phòng nhỏ bé của mình, ném mình lên giường và cuộc đời sẽ lại bình lặng như bao đêm qua. Và rồi, khi cô ngẩng đầu nhìn lên, Frank đứng đấy, cao lớn trước ngưỡng cửa nhìn cô không chớp mắt.

“Tôi xin lỗi một chút”, cô nói với Jamshed, “tôi...” và vội vã rời khỏi đám đông.

Không nói một lời, Frank nắm tay cô và khẽ kéo nhẹ Viva về phía mình. “Anh đến trễ”, Frank thì thào. Lúc bấy giờ Viva mới quan sát kỹ bộ dạng của anh, đầu tóc rối bù, nhếch nhác, đôi mắt hoang dại, như thể Frank vừa trải qua một cuộc thử thách lớn lao của đời mình vài giờ trước đấy. “Và anh đang đối cô n cào”.

“Thật không?”. Cô ghét cay ghét đắng tiếng bập bùng rộn ràng trong ngực mình.

Viva nhanh chóng đi lấy cho Frank một ít đồ ăn, sau khi anh ăn xong, cả hai cùng khiêu vũ, hết bản nhạc đầu tiên, đến bản nhạc tiếp theo.

Ba rưỡi sáng, chỉ còn lại Frank, Viva và Tor ngồi bên nhau ngoài ban công.

“Giống như ngày nào”, Tor lên tiếng. “Cứ như chúng ta đang ở trên con tàu Kaiser thêm một lần nữa”.

Viva đưa mắt sang Frank, anh đang khẽ lắc đầu, hoài nghi.

Phía xa xa cuối đường chân trời, nơi mặt trời ngày mới sẽ mọc lên từ đấy, một quầng sáng yếu ớt đang dần hình thành. Những mái

nhà nhá p nhô đã dâ n hiện lên trong bóng tồ i nhạt nhòa cuố i cùng của đêm.

Viva mê mẩn nụ cười trên khuôn mặt anh - rấ t tự nhiên, và quyế n rũ - nó xua tan bao mệt mỏi trong cô. Chỉ thế thôi, cô không thể làm được gì nhiề u, ngay cả khi cô hã y còn xác định phải thật cảnh giác.

Tor bắ t đầ u mơ màng trên chiế c chõng.

“Làm thế nào để đánh thức cô ấy dậy vào sáng mai được đây?”, Viva đột nhiên nhớ ra. “Mười giờ ba mươi chuyế n tàu đế n Ooty sẽ chuyển bánh rồ i”.

“Anh hiểu”, Frank nói. “Tor cũng đã rủ anh cùng đi”.

Anh rướn người về phía trước âu yế m đưa tay gạt lọn tóc rồ i lòa xòa trên trán Viva, nhẹ nhàng gài lên sau tai cô.

“Ý em thế nào?”.

Viva lưỡng lự. “Em không biế t”, cô trả lời. Những ngón tay của anh vừa chạm vào lọn tóc đã khiế n cô bối i rồ i, Viva đang mấ t bình tĩnh, lúc này cô cảm thấ y không tự chủ được bản thân, và cô không thích điề u này một chút nào.

“Đôi khi anh cũng câ n được nghỉ ngơi, dứt khỏi những công việc bù đầ u ngập cổ ở bệnh viện”, giọng Frank bình thản. “Vả lại, sẽ tồ t hơn khi em thoát khỏi tâ m theo dõi của nó vào lúc này”.

“Ai? Là Guy à?”, cô nhanh nhẹn hỏi.

“Chính xác, trong chùng mực nào đầ y. Hai ngày trước anh vừa nhận được một bức thư của cảnh sát. Có vẻ vấ n đề đã bắ t đầ u trở

nên phức tạp rồi đây. Bọn họ muốn nói chuyện với anh về thặng nhóc”.

“Thế họ muốn gặp anh lúc nào?”.

“Tuần tới”.

“Sao anh không nói cho em biết sớm hơn?”.

“Bởi trông em đang rất hạnh phúc”.

Họ im lặng nhìn nhau trong thoáng chốc, Tor đột ngột trở mình tỉnh giấc.

“Mệt quá”, cô làm bầm, “rất, rất mệt và cực, cực kỳ nóng nữa. Hãy đến với những ngọn đồi tươi xanh màu rừng trên cao nguyên Bedfordshire”.

Viva trở về với thực tại.

“Đến lúc đây em sẽ quay về”, cô dứt khoát, khuôn mặt Viva bỗng chốc đanh lại. “Và Ooty sẽ chỉ là một chuyến đi chơi dành cho các cô gái. Em xin lỗi”.

Chương 36

Khi Viva bảo với Tor rằng cô đã đặt trước hai vé hạng ba trên chuyến tàu đi Ooty cho bọn họ, Tor chỉ trả lời, với cô như thể là khác. Cô không còn nhiều tiền, và giả dụ nếu có bị những kẻ buôn nô lệ da trắng bắt cóc thì còn vui vẻ chán so với lễ Giáng sinh ở miền Trung Wallop.

Cái nóng dữ dội của tháng Năm đầu chỉ mới đầu ngày đã khiến Viva lo ngại có thể cô đã có một lựa chọn sai lầm khi bước chân lên tàu tại nhà ga Victoria.

Tor ngồi bên cạnh cửa sổ dưới tầng, Viva ngồi ở giữa, đối diện với một bà mẹ trẻ núng nính đang ôm một bọc hành lý căng phồng trên gối. Chỉ khi con tàu từ từ lăn bánh khỏi sân ga nhận nhạo sặc mùi đầu máy, không khí trong khoang bắt đầu thoáng đãng, bớt ngột ngạt đôi chút, lúc bảy giờ Viva mới cảm thấy khuây khỏa phần nào.

Con tàu đã chạy được ba tiếng đồng hồ, cái nóng mỗi lúc một kinh khủng hơn bởi mùi mồ hôi người hòa cùng mùi thức ăn cay, cả ô kính cửa sổ cũng bắt nóng đến nỗi không thể dụi đầu lên đây được nữa. Tor hãy còn chột nh choáng bởi dư âm của những ly rượu gin tót qua, bắt đầu rên rỉ kêu than mệt mỏi.

Có vẻ Viva không buồn quan tâm đến những lời than vãn của Tor. Đây là lần đầu tiên cô rời khỏi thành phố kể từ khi đặt chân đến đây, niềm háo hức mỗi lúc một tăng lên trong cô khi Viva nhìn ra ngoài ô cửa kính con tàu, quan sát những ga xép bé nhỏ, những người đàn bà thân thiện đội những bình nước đầy ắp trên đầu, khi con tàu băng qua một cánh đồng cỏ, bóng một con lạc đà

bé nhỏ bất ngờ hiện ra rồi lại nhanh chóng mất hút giữa đám bụi không lồ.

Daisy đã đứng, thật tuyệt vời khi chúng ta lại tiếp tục chuyển động, đây chính là điệu Viva của cô lúc này.

Con tàu lọc xọc đổ xuống những dốc rãnh chật hẹp, băng qua những cánh đồng khô rang, nứt nẻ, lách cách lách cách, tiếng bánh tàu nhịp nhàng nghiêng lên đường ray át đi tiếng rì rầm trò chuyện của những hành khách Án Độ quanh cô. Viva nhắm mắt, bắt đầu mơ màng đến hình bóng William, không phải là Tor, đang bên cô trong suốt chuyến đi lần này.

Chưa bao giờ cả hai có được một kỳ nghỉ trọn vẹn. Lần đầu gặp nhau, William đã cùng cô thực hiện được hai chuyến du lịch. Chuyến đi đầu tiên - một kỳ nghỉ ở Thụy Sĩ - cả hai đã ở trong những khách sạn không thể chê vào đâu được, những người làm ở khách sạn đều biết anh. Một buổi tối - bên hồ Berne - William đột nhiên nổi cơn giận khi chỗ đã đặt trước của hai người bị hủy bởi một sai lầm nào đó.

Trong giấc mơ chật chội, cô thấy anh băng qua lối nhỏ chật chội giữa các hàng ghế trong toa tàu, đến ngồi bên cô, khuỷu tay anh hờ hững đặt lên mớ hành lý trĩu nặng của người bạn đường mới của cô. Anh tỏ vẻ giận dữ bởi cô đã đối xử với anh như vậy, chính sự hăng hái nhiệt tình của cô đã khiến anh nổi cáu. Mục đích của chuyện này là gì, cô có thể nghe được những lời gắt gỏng của anh, khi mà chúng ta có thể dễ dàng du ngoạn trong khoang hạng nhất? Em đang cố gắng chứng minh điều gì vậy? Và rồi, dần dần những háo hức vui vẻ của ngày hôm nay bắt đầu biến mất.

Frank sẽ không bao giờ ứng xử như thế. Anh luôn bị kích thích bởi những khám phá bất ngờ nho nhỏ - Frank đã rất thích tiệm cà

phê bình dân có tên Moustafa's mà cô đã dẫn anh đến trong buổi tối hôm ấy, đã kể cho cô nghe với thái độ rất phấn khích về những địa điểm đầy bất ngờ mà anh đã vô tình khám phá ra ở Bombay, như chợ bán đồ trộm cắp phi pháp chẳng hạn, và - ôi lạy Chúa. Cô chợt tỉnh giấc, đưa mắt nhìn lên những ngọn cây còi cọc loang loáng vụt qua ngoài ô cửa sổ toa tàu. Cô không nên nghĩ về anh như thế. Tối hôm qua khi cô và Frank khiêu vũ với nhau, cơ thể cô nhẹ bẫng, thơm mát. Cô ngửi thấy mùi gỗ chanh dễ chịu tỏa ra từ người anh, có điều gì đầy từ trong sâu thẳm tâm hồn cô thôi thúc Viva tiến gần hơn về phía anh.

Cô hướng tâm trí mình quay lại với những hình ảnh về William, như một sự điều chỉnh cần thiết cho bản thân.

Viva chìm ngập trong khổ đau tan nát tận nhiên u tháng trời sau khi anh rời bỏ cô, đôi khi cô thấy mình thật bản thủ, cảm giác hết như vừa trải qua một cuộc đối chác bề bàng. Tối tệ hơn thế, sau sự ra đi của bố mẹ cô, đã không còn ai thân thuộc bên cạnh Viva để giúp cô nhặt những mảnh vỡ đầy ắp buồn tủi. Cô đã đánh mất giá trị bản thân mình - lượn lờ lang thang quanh cuộc sống của anh như một con vật với bộ dạng ủ rũ đau đớn với hy vọng William sẽ lại chú ý đến cô như ngày nào, và anh sẽ nói với cô, rằng những ngày vừa qua chỉ là trò đùa cợt ngớ c nghệch nhất của anh. Nếu không có công việc - dạo ấy, cô đã là nữ đánh máy thuê cho bà Driver được vài tuần - chắc chắn cô đã phát điên.

Hãy khắc ghi những ký ức đau đớn ấy.

Con tàu lao từ miền ánh sáng vào vùng bóng tối đặc quánh, một đường hầm xuyên qua vách đá dựng đứng. Nếu Frank cũng đi Ooty (tình cờ Tor tỉnh giấc đúng vào lúc Viva dứt khoát tuyên bố với Frank rằng chuyến du lịch sẽ chỉ dành cho các cô gái, cô đã nghe lỏm được chuyện ấy và làm bầm phản đối trong cơn ngái ngủ,

rằng Frank cũng có thể tham gia cùng bọn họ, có nghiêm trọng gì đâu), nếu anh cũng đến đây, cô phải hiểu rằng Frank muốn được che chở cho cô, như một người anh. Hoặc giả anh chỉ đến Ooty vì Tor và Rose - sau rốt, thì thật tự mãn với ý nghĩ cô chính là sức hút chính đối với Frank. Cho dù có chuyện gì xảy ra, mình cũng không được đánh mất sự tự chủ, Viva nhủ thầm, không bao giờ để mình rơi vào trạng thái căm ghét oán thù như trước đây. Đây là một lời hứa.

Con tàu đã ra khỏi đường hầm, ánh nắng lại tràn ngập không gian, khoang tàu đột nhiên vang lên những tiếng hò hét, Viva choàng tỉnh, cô mở mắt. Người phụ nữ đẩy đà, lùn tịt với hàm ria lơ mờ trên mép ngói đối diện với Viva đang vỗ nhẹ vào đầu gối cô. Bà đang bày mấy hộp đồ ăn lên đùi, gồm có quả hạch và đậu xanh rang, mấy món đồ rán đang rỉ nước mỡ thơm ra ngoài lớp giấy gói tạo thành những vòng tròn nhỏ nhỏ, nom rõ kinh khủng.

“Ăn cùng chúng tôi nhé?”, người phụ nữ nói bằng tiếng Marathi. Đầu tóc áo quần, giày dép trên người khá giản dị và cũ kỹ, thuộc về những con người nghèo khổ. Khuôn mặt người phụ nữ rạng rỡ với ý nghĩ mình đang đề nghị giúp đỡ đồ ăn cho những người khách ngoại quốc xa lạ.

“Bà tốt bụng quá”, Viva cảm ơn. “Bà đang đi đâu?”.

“Chúng tôi đến từ khu vực lân cận Bombay, và đang trên đường đi Coonor, gần Madras”, người phụ nữ nói, khá phấn khích khi nhận thấy Viva có thể nói được một ít ngôn ngữ Marathi. Mục đích chính của chuyến đi đến Coonor để thăm họ hàng, nhưng còn một mục đích khác nữa, là bà hy vọng có thể được nhìn thấy tận mắt Gandhi tại cuộc mít tinh sắp diễn ra ở đây. “Tôi đã dậy từ sáng sớm để chuẩn bị mấy món đồ ăn này”. Người phụ nữ không hề ngần ngại khi chia sẻ chút đồ ăn của mình cho một người Anh. “Đặc sản

của Bombay đấ y, cô thử xem sao”. Bà bóc lớp giấ y gói dính mỡ của món bhel puris, bánh rán bột gạo nhân hành và rau mùi. Bà tiế p tục đưa cho Viva một cái bánh bao nhân nho cùng một ít khoai tây tằm tiêu cay xè.

Tor đã tỉnh ngủ, đôi mắ t cô mở to. “Viva”, cô gọi tên Viva, nở một nụ cười hướng về phía người phụ nữ xa lạ ngồ i trước mặt, “nế u chị hy vọng em sẽ chén má y món ăn đấ y thì chị sẽ phải nghĩ lại đấ y”.

Viva câ m một chiế c bánh rán lên và cắ n một miế ng. “Ngon tuyệt”, cô nói với người phụ nữ, “thật không may là bạn tôi không được khỏe lắ m. Bà có muố n thử một cái bánh xăng-đuých của chúng tôi không?”.

Viva mở hộp đồ ă n mà cô và Tor đã chuẩn bị từ sáng nay - gồ m có pho mát và bánh xăng - đuých, ăn kèm với bánh mỳ đã cũ. Người phụ nữ bó i rô i, quay mặt sang hướng khác. Có lẽ tôn giáo của bà không cho phép mình được đụng đế n đồ ă n của những người thuộc tâ ng lớp trên. Quá nhiề u con đường để dẫn đế n sai lầ m, Viva thầ m nghĩ.

Sau khi kế t thúc bữa ă n, người phụ nữ lôi từ trong túi xách của mình ra một chiế c khăn vải và lau sạch hai tay của Viva, sau đấ y chỉ vào cô bé to béo, áng chừng mười bó n, mười lăm tuổi đang nhân nha ngồ i ăn bên cạnh bà. “Con gái của tôi”, người phụ nữ nói, “nó sẽ hát tặng cô một bài”. Cô bé có giọng hát khá hay, nó có thể hát liên tục một hơi suố t bó n tiế ng đồ ng hồ liề n không nghỉ. Người phụ nữ chứng tỏ điề u bà nói bằ ng cách đặt một tay lên hông cô con gái và bảo nó hít hà lắ y hơi trước khi câ t cao giọng hát, rắ t mạnh mẽ.

“Chị muố n em tỏ ra hưởng ứng khi nói với em điề u này”, Viva nói với Tor. “Cô bé này sẽ hát tặng chúng ta và đấ y là một danh dự hế t sức to lớn đấ y nhé”.

Cô bé dán chặt đôi mắt nâu thẫm vào Viva, hít một hơi thật sâu. Nó bắt đầu hát, giọng của cô bé cao vút, nhưng hơi buồn.

Viva chỉ có thể thốt ra mấy lời: tuyệt vời, tôi rất thích, tôi muốn nghe nữa. “Đây là một bản tình ca kể về câu chuyện tình yêu của nàng Sita và thần Rama”, người mẹ hạnh diện giải thích. “Đây là món quà mà con bé dành cho hai cô”.

Cô bé, sau bài hát, đã không còn rụt rè e thẹn như mấy phút trước nữa, xích lại gần bên Viva, gần đến nỗi cô có thể nhìn thấy những nét hoa văn chạm trổ trên chiếc vòng nhỏ xíu xỏ trên cánh mũi cô bé. Chúng ta khác biệt quá, Viva như thần. Ngay cả khi mình có sống trên mảnh đất này hàng trăm năm vẫn không bao giờ hiểu được lý do vì sao.

Bài hát của cô bé lại kéo Viva quay trở về với những ký ức buồn bã với William. Hai tuần trước ngày chia tay, anh đưa cô đến một khách sạn nhỏ gần Edinburgh. Tại đây anh đã nói với cô, buồn bã nhiều hơn là giận dữ, rằng anh đã nhận ra những gì mình từng gọi cô bằng ba tiếng “nổi ám ảnh” cùng với cái công việc cô đang làm thật quá khó khăn để chịu đựng.

(Đây là lần duy nhất cô nhận ra mình không cần phải làm gì trước những điều anh nói. Một buổi tối, Viva nhận được một cú điện thoại của một người phụ nữ tự giới thiệu đến từ Bath, với giọng điệu hết sức kích động, cô gái thông báo cho Viva biết, rằng William cũng đã hứa hẹn sẽ cưới cô ấy làm vợ).

Nhưng buổi tối hôm ấy, trong khách sạn Buchan, anh đã nói với cô, nhẹ nhàng nhưng dứt khoát, rằng: cô còn rất trẻ, vàng, và mồ côi cả bố lẫn mẹ, nhưng cuộc sống vẫn phải tiếp diễn, sẽ không bao giờ có chuyện hạnh phúc lại mỉm cười với cô khi Viva không chịu học cách biết thu hút. Anh rất hài lòng vì cô đang có công việc viết

lách để làm, nhưng, nếu cô không cho anh là một kẻ lỗ mãng, thì một nữ văn sĩ không bao giờ là một điều gì đáng háp dẫn được cánh đàn ông.

Nước mắt cô giàn giụa khi nghe những lời anh nói, không phải là những giọt nước mắt ân hận, mà là những giọt nước mắt giận dữ xen lẫn hoang mang. Anh đã chẳng có lần nói với cô, rằng những gì anh nói cũng chỉ là có ý tốt cho cô, và rồi sau đấy, anh lại đề cô ra giường, nồng nhiệt làm tình với cô, và cô chấp nhận điều ấy, còn hơn phải gặm nhấm nỗi cô đơn đang chực chờ bên ngoài cửa phòng khách sạn lạnh lẽo.

Ba tuần sau, anh đã tay trong tay với bà góa trẻ giàu có và đang rất cô đơn ở Bath. Sáu tháng sau, trong bức thư viết gửi cho cô, không một lời đề cập đến việc trở lại (bao giờ chẳng thế, anh ta luôn là kẻ thông minh trong chuyện này), chỉ đơn thuần nói với cô bằng giọng điệu của một người giám hộ không chính thức, rằng giữa hai người vẫn phải xây dựng mối giao hảo, phải giữ nguyên mối quan hệ bạn bè, bởi trước bố mẹ cô, cả hai người đều nợ họ điều gì đấy.

Cô bé đã ngừng hát. Viva nói với nó: “Rất tuyệt, cảm ơn cháu”. Bà mẹ, lúc này đang theo dõi những phản ứng trên khuôn mặt của Viva, lập tức âu yếm vỗ nhẹ vào cánh tay cô con gái, miệng chum chím. Rõ ràng bà đang rất tự hào xen lẫn thán phục cô con gái tài năng của mình, lúc này đang nhún nhả với nhóm đậu xanh rang trong tay.

Tor nhón tay nhấc chiếc khăn ướt đang đắp trên thái dương ra khỏi đầu. “Đã an toàn để bỏ chiếc khăn ra chưa? Em tưởng con bé sẽ hát một mạch bốn tiếng đồng hồ liên cơ đấy”.

“Dễ thương quá”, Viva dịch lại những lời Tor vừa thốt ra cho người mẹ nghe. “Cảm ơn, rất tuyệt”.

“Em không ngủ được”, Tor thì thầm với Viva khi cả hai đã quay trở lại với thế giới của mình. “Lúc này em đang nghĩ đến chuyện quay trở về nhà và mơ màng đến Ollie, có lẽ em sẽ gửi điện cho anh ấy ngay khi chúng ta đến khách sạn. Có lẽ vợ anh ấy không hiểu gì về Ollie thật, ý em là, nếu cô ta thực sự yêu thương Ollie, cô ta sẽ không bao giờ để cho anh ấy phiêu bạt như thế được, cũng có thể anh ấy đang chờ em nói lời tha thứ cũng nên. Không còn gì để mất nữa rồi, Viva”.

Có đấy, Viva nhủ thầm, đau lòng bởi suy nghĩ đại khờ của Tor. Là giá trị của bản thân, là cả cuộc đời em.

“Chẳng nhẽ anh ta là tất cả những gì em muốn?”, cô hỏi Tor. Khuôn mặt cô bé vụt ửng đỏ, ngập tràn hy vọng.

“Chị nói đúng, rất đúng”. Tor đã p chiế c khăn ướt trở lại lên thái dương.

Vài giây sau, đôi mắt xanh biếc của Tor lại mở to, cái nhìn lầ n này đã y ấ p bô i rồ i. “Em không biế t có bao nhiêu người đang cảm nhận được tình yêu thực sự”, cô nói. “Ý em là, trong sách vở và phim ảnh, tình yêu chỉ bất ngờ xuấ t hiện trong một khoảnh khắ c vụt lóe sáng, rồ i những kẻ đang đắ m chìm trong tình yêu ấ y vội vã dắ t nhau lên tàu hay đưa nhau đi trên những chiế c thuyề n, rồ i nhạc nổi lên, và cuố i cùng là “Hế t phim”. Sao cuộc đời lại phức tạp đế n thế?”.

“Chị không biế t”, Viva trả lời, cô hoàn toàn nghiêm túc trước câu hỏi của Tor.

Chương 37

Ootcamund

Đêm trước ngày Viva và Tor khởi hành, Ooty mưa tầm tã. Khi chiếc xe ngựa chở hai người lọc cọc trên con đường dốc tuột ven sườn đồi hướng đến khách sạn Woodbriar, trên mặt đất vương vãi những cánh hoa hồng xơ xác, không khí phảng phất mùi cỏ non và mùi hương hoa hồng. Viva và Tor cùng rướn cổ hít căng lồng ngực. Sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ dán mình trên xe lửa, cơ thể của hai cô như nhô ra từng cơn. Nhưng giờ đây, thật hạnh phúc khi lại được hít thở không khí trong lành và tắm mình trong không gian xanh mát ngút ngàn màu lá.

Cuối con đường xuyên ngang rừng thông, chiếc xe ngựa lặc lè nhích từng bước lên con dốc dẫn thẳng đến trước một ngôi nhà sàn đang bông bênh ẩn hiện giữa màn sương bảng lảng trên sườn đồi. Bên hiên nhà, một bóng người mờ mờ hiện ra, rồi rít vẫy chào Viva và Tor.

“Rose!”, Tor hét vang. Cô nhảy phắt khỏi chiếc xe, suýt nữa thì va phải con ngựa, nhảy những bước dài lên những bậc cầu thang, chạy thẳng đến trước hiên nhà rồi dang rộng vòng tay ôm chặt lấy cô bạn thân.

“Rose yêu quý”. Tor rạng rỡ, rồi lại cuống quýt ôm chặt lấy Rose. “Trông cậu này! Mới to lớn làm sao”.

Cả ba đã đến nơi. Chủ khách sạn, bà Jane Stephenson và người bạn, Bunty Jackson, đều là những phụ nữ khá vui tính, cả hai là vợ góa của hai sĩ quan quân đội. Mạnh mẽ, hai người phụ nữ mát chòng ả y đã dựa vào nhau, cùng chung tay nuôi nấng bầy ngựa

núi giông Welsh, chăm sóc mảnh vườn chung và tự trồng trọt, cung cấp lương thực thực phẩm cho riêng mình - món thịt băm hầm khoai tây và trái cây trộn đại hoàng của hai người chủ khách sạn đã khiến máy người khách đến từ nước Anh sụt sùi sụt nước mắt bởi nỗi nhớ nhà da diết chợt bùng lên trong lòng.

Trong lúc quây quăn bên nhau trước hiên nhà cùng nhâm nhi những tách cà phê thơm lòng, Rose kể cho Viva và Tor nghe về chuyến đi của mình. Cô được một người bạn của Jack, đại tá Carstairs, cho đi nhờ xe đến Ooty. Cả hai cô gái cùng đồng thanh ghen tỵ với điều kiện thuận lợi trong chuyến đi lần này của Rose.

“Trông cậu tiêu tụy quá, bạn thân mến”, Rose bắt chước giọng điệu của Tor. Cô chưa bao giờ có ác ý với bất kỳ ai.

“Ôi bà bà u tọc mạch”, Tor vui vẻ phản ứng lại.

Nhưng Viva thì khác, cô nhận thấy dạo này Rose khá tiêu tụy, quầng thâm đã bắt đầu xuất hiện dưới mí mắt. Trông Rose già dặn hơn trước, rất khó phát hiện ra điều này nhưng Viva đã tinh ý nhận ra, bởi âu lo.

“Jack có phiến không khi em đến đây?”, cô hỏi Rose. Thực ra, sẽ không bình thường chút nào khi một người đàn ông đồng ý cho phép người vợ đang bụng mang dạ chửa của mình đơn độc du ngoạn trên cái đất nước Ấn Độ đông đúc này, có lẽ đây là lý do vì sao những hàng lông mày lại nhướn cao kinh ngạc khi nghe đến chuyện của Rose.

“Em không nghĩ anh ấy sẽ thấy phiến”. Rose đùa nghịch với mẩu bánh quy trong tay. “Poona giống như một cái lò thiêu, và lại lúc này anh ấy đang rất bận, hơn nữa, đây thực sự là lần cuối cùng của em... ừm, thật dễ chịu khi đến đây”.

Im lặng. Chỉ còn tiếng kèn cọt phát ra từ chiếc ghế mây mỗi khi Rose đứng đưa người.

Jane hỏi ba cô gái liệu có lấy làm phiền khi bữa tối sẽ thay đổi chút ít - Jane và Bunty đang tham gia tập vở hài kịch Cô ấy hạ mình để chinh phục, bây giờ cả hai sẽ lại phải đến chỗ tập để duyệt lại một lần nữa. Bữa tối sẽ được phục vụ trong phòng riêng, nên ba cô gái sẽ rất thoải mái vừa ăn vừa chuyện trò mà không sợ ai quấy rầy. Liệu xúp cà ri cay, cá hồ i bản địa, khoai tây trộn sữa, kem và pho mát dứt lò cùng bánh táo tráng miệng có vừa vặn cho cả ba hay không?

“Nghe đã thật ngon miệng rồi”, Rose lịch sự trả lời. “Thế những vị khách khác đang ở đâu?”.

“Ôi, tuấn này chỉ có bốn khách, tất cả đều ra ngoài đi câu và cưỡi ngựa”, Jane nói. “Ở đây chúng ta trở nên bé nhỏ, các cô rất khó phát hiện ra bọn họ, suýt nữa thì quên - tôi phải cho các cô biết chuyện này, rất có ý nghĩa đấy”. Bà biếm mạt trong phòng khách còn bảng lảng khói thuốc, rồi nhanh chóng xuất hiện trở lại với một cuốn sổ lưu niệm bìa bọc da màu xanh trong tay.

“Một vị khách ở đây từ tuấn trước cho biết cậu ta là bạn của các cô, đây này”. Jane chỉ vào chữ ký non nớt nguệch ngoạc ngay chính giữa trang giấy.

“Ôi, hờm đã...”, một người làm xuất hiện báo cho Jane biết ngựa của bà đã sẵn sàng. “Tôi sẽ muộn giờ mạt nếu không đi ngay bây giờ. Xin lỗi các cô nhé”.

“Chúa ơi”, một lọn tóc vàng rực óng ả của Rose xoa lên trang giấy, “Thật kỳ quặc làm sao. Nghe này, phong cảnh tuyệt đẹp, đồ ăn tuyệt hảo. Tôi sẽ trở lại. Guy Glover, thằng nhóc đã viết như

thế ở phần cảm tưởng đây”. Nó còn để một giọt mực dấy ra bên phải chữ ký của mình.

Viva cảm nhận được cơn choán lạnh chạy dọc cơ thể.

“Nó làm cái quái gì ở đây thế nhỉ?”, cô làm bầm, nhìn sang Tor.

“Đừng có đổ trách nhiệm cho em”, Tor phòng thủ. “Nhờ đây chỉ là một sự ngẫu nhiên thì sao? Nhiều người vẫn đến đây mỗi khi thời tiết trở nên nóng nực dấy thôi. Ci Ci cũng bảo với em bà ấy từng có lần đến đây nghỉ dưỡng cơ mà”.

“Chị không trách em”, Viva nói, dẫu sao cô vẫn cảm thấy bực bội.

“Nó có liên lạc lại với chị không?”. Tor hỏi.

“Không”, Viva trả lời cụt ngủn.

Cô nghe tiếng Tor hỏi xin thêm Rose một cái bánh nướng, tiếng kéo rèm cửa sột soạt từ tầng trên vọng xuống. Bên ngoài trời đã bắt đầu sụp tối.

“Chị hy vọng nó chỉ đến đây để chụp ảnh”, Viva thản nhiên nói với Tor và Rose.

Cô cố gắng nhớ lại thực sự đã bao nhiêu lần cả hai trao đổi với nhau về vụ xô xát xảy ra trên tàu, về đám cảnh sát. Bản năng đã giúp cô bảo vệ mình cho đến tận bây giờ.

“Nó chỉ ở đây vài ngày”, Tor thấ c mắ c. “Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra nếu thắ ng nhóc ở lâu hơn nhỉ?”.

“Chắ ng có gì xảy ra cả”. Viva cô nở một nụ cười. Tor đã đúng, không phải mọi thứ lúc nào cũng quan trọng.

Sau bữa tối, cả ba thỏa thuận với nhau, theo đó Viva sẽ sử dụng chái lô-i - một phòng nhỏ được trang bị đầy đủ đồ đạc, khá xinh xắn nằ m tách biệt với tổng thể ngôi nhà - còn Tor và Viva sẽ dùng chung căn phòng nằ m ở tầng một. Sau khi Viva đã đi ngủ, Tor và Rose cũng dắt nhau lên phòng. Sau khi đã tắm rửa, lò ng vào người chiếc áo ngủ, Rose đứ n bên cạnh cửa sổ, mở tung cánh cửa chớp.

“Nhìn xem”, cô khẽ kêu lên.

Mưa đã tạnh hẳn, mặt trăng rụt rè trải thứ ánh sáng màu xanh dịu dàng qua màn sương mờ đục giăng kín không gian, rơi xuố ng tắ m rèm che cửa sổ.

“Cậu còn nhớ”, giọng Rose nhẹ như gió thoảng, “có lâ n chúng ta đã hoàn toàn tin câu chuyện về` một người đàn ông đang số ng trên mặt trăng không?”.

“Ngày ấy chúng ta mới khờ khạo làm sao”. Tor âu yế m thúc nhẹ vào mạng sườn Rose, cô không còn tâm trạng nuố i tiể c.

Giường của Rose kê sát cửa sổ, được phủ bằ ng những tắ m chăn dệt từ loại vải lạnh tuyệt đẹp. Cả hai cùng nhảy lên giường, mở toang những ô cửa chớp, say mê nhìn ngắ m những ngọn núi tím sẫm hùng vĩ lơ mờ ẩn hiện từ đầ ng xa. Mưa đột ngột rơi xuố ng, tiể ng rơi đứ u đặn bên ngoài cửa sổ, mùi chanh hòa quện cùng hương hoa hồ ng cũ kỹ phả ng phắ t quanh căn phòng.

Rose nhắ m mắ t, kéo chiếc chăn lông vịt đắ p hờ ngang bụng.

Chiế c bụng lùm lùm của cô khẽ động đậy khi Rose lật người.

“Mọi chuyện vận ổn chứ, Rose?”, Tor hỏi.

“Tồ t cả”, Rose trả lời.

“Có con hản sẽ là điều hạnh phúc nhất trên đời”, Tor mơ màng.

“Đôi khi cũng thấy bức bối”. Tor chợt nghe thấy tiếng khăn tay sột soạt, rất mỏng. “Đấy chỉ là... chuyện vặt khi cậu cảm nhận được những cử động của đứa bé”.

“Thích chứ?”.

“Ừ”.

Tor kinh ngạc. Tại sao Rose không bao giờ nói ra khi cô ấy cảm thấy bối rối và lo lắng về chuyện gì đấy?

Tor chờ đợi, nhưng vẫn không có gì xảy ra, rồi Rose từ từ chìm vào giấc ngủ.

Tor nằm trên trục suốt máy tiếng động hồ sau đấy, đôi mắt cô chăm chăm mở to trong bóng tối, lắng nghe tiếng gió cùng tiếng hú của lũ khi từ ngoài xa vọng về. Cô nghe rõ cả tiếng thở nhẹ nhàng đều đặn của Rose. Cảm giác hụt hẫng xa lạ chợt ùa về từ trong sâu thẳm tâm hồn cô, giống như cảm giác khi bạn nhún chân xuống nước, chắc chắn rồi mình sẽ đứng trên một vị trí cao ráo và vững chắc, nhưng nước lại sâu hơn bạn tưởng, và không có gì ở dưới chân bạn.

Chương 38

Ngày hôm sau, khi bữa sáng vừa kết thúc thì Jane Stephenson xuất hiện với một chú chó xù ôm gọn trong lòng, gợi ý cả ba nên có một chuyến du ngoạn đến hồ Pykeva. Khách sạn sẵn sàng cho xe ngựa phục vụ ba cô.

“Ồ đã yên tĩnh và an toàn không?”, Rose băn khoăn.

“Chờ ng được cả bom”, bà chủ khách sạn hóm hỉnh trả lời cô.

“Xin nhớ một điều”, Jane nói tiếp, “tôi nghĩ chờ ng cô quả can đảm khi để cho vợ mình đi chơi trong hoàn cảnh như thế này”.

Tor ngồi cạnh Jane đang ngon lành nhai những mẩu bánh mì nướng, nghe đến đây lập tức tròn xoe đôi mắt, cơ thể động đậy khiến chiếc ghế lệch hẳn sang một bên.

“Thật sao?”, Rose vui vẻ.

Gã xà ích, một thanh niên bản địa khá điển trai, chiếc khăn vải dày cộp đỏ thắm đội trên đầu, những mảnh xà cạp cuồn chặt quanh bắp chân, cất tiếng chào ngay khi ba cô gái vừa bước chân lên xe. Tiếng roi da xé gió đánh đét vào cặp lông sấn chặc của chú ngựa, chiếc xe lập tức lao vun vút trên con đường ngoằn ngoèo hướng đến khu vực hồ nước nằm im lìm dưới chân núi xanh ngắt màu lá. Trên cao, bầu trời lơ lửng, trong xanh không một gợn mây.

Đến giữa trưa, gã xà ích dừng xe trước một địa điểm dã ngoại tuyệt đẹp dưới chân những tán đa rợp bóng nhìn thẳng lên đỉnh núi. Cả ba cùng lột những tờ giấy gói bên ngoài những súc bánh mì còn

tươi rói rồi xếp lên chiếc khay đã được lau sạch sẽ, xếp theo là những lát bò rô-ti được thái mỏng tang, trứng trộn cà ri, xoài tươi, một chiếc bánh xếp hiệu Victoria khá lớn cùng bình nước chanh tự làm được gói cẩn thận trong những trang báo được xé ra từ tờ Thời báo Ootacamund nhằm mục đích ngăn không để nước thấm ra ngoài.

“Đây là chuyên dã ngoại thú vị nhất mà em từng được tham gia”, Tor ngọam một miếng bánh xăng-đuých khá lớn, ngọm ngọam nói. “Mà này, sao gã xà ích lại cho chị thấy chiếc dao găm sắc lẹm của gã dắ t chặt dưới thắt lưng thế Viva?”.

“Để bảo vệ chúng ta trước badmash, những kẻ bất lương vẫn thỉnh thoảng lớn vờn quanh đây. Nhưng chúng ta được an toàn, hay ít ra như những gì anh ta nói với chị. Đây là Ooty, mảnh đất của những đua đòi chơi bời kịch cỡm, dân bản địa rất thích người Anh”.

“Cũng giống như những gì người ta vẫn nghĩ ở Amritsar”, Tor cọt nhả, “trước khi đầu mình bị cắt gọn”.

Viva trả lời: “Người ta không cắt đầu...”.

“Thôi đừng nói đến chuyện ấy nữa”, Rose đột ngột ngắt lời Viva. “Em phát ốm với những câu chuyện kiểu như thế. Chúng xảy ra mọi lúc ở Poona”.

“Cậu nói đúng đấy, Rose”, Tor rót nước chanh ra ly, “không nên u sầu về những ngày đen tối, thế nên đừng ai đề cập đến chuyện tàu xe, quê nhà hay mẹ của tớ nhé. Hãy nâng ly vì chúng ta nào. Vì những câu chuyện phiếm”.

Sau bữa trưa, Viva rút tờ tập san trong túi ra ngoài, bắt đầu nguệch ngoạc viết.

“Ôi, vì Chúa, Viva”, Tor quây rây, “đẹp mỹ thứ ấy sang một bên và hãy cư xử như một người bình thường xem nào”.

Viva không nghe lời Tor. Ngồi trong xe ngựa, đầu óc cô miên man nghĩ về Talika, không hiểu sao, vào cái đêm trước khi cô rời khỏi Bombay, Talika chợt trào lên nỗi sợ hãi, con bé có cảm giác cô sẽ không bao giờ quay trở lại nơi này nữa. Việc có cần gặp, Talika đến văn phòng tìm cô, con bé ném thân mình nhỏ thỏ gầy gò của nó vào lòng chiếc ghế đối diện với Viva, và hỏi liệu khi cô quay trở lại nơi này có thể cùng Talika ra ngoài phố để tìm lại mẹ cho nó hay không.

Viva trấn an con bé: “Chắc chắn rồi, chúng ta sẽ đi tìm bà ấy”. Sau câu trả lời, trái tim cô chợt nhói đau. Đã mấy lần Daisy thử đi tìm mẹ cho con bé nhưng đều thất bại.

Talika kể với cô về mẹ nó: “Bởi vì cháu đang bắt đầu quên mẹ”, con bé nói, đôi mắt đen láy của nó dán chặt vào Viva.

Con bé cho cô xem một bức tranh do chính tay nó vẽ, một túp lều xiêu vẹo co ro trong màn mưa.

“Nhà của cháu”, Talika nói. Ba bóng người thấp thoáng bên ngoài túp lều của Talika, với những chiếc bình đội trên đầu. “Đây là nơi mẹ nướng bánh”. Con bé chỉ vào đống lửa nhạt nhòa trên mặt đất. “Đây là cháu đang giúp mẹ. Còn kia là bà ngoại”. Talika chỉ vào một hình hài nguệch ngoạc nằm trên chiếc chõng. “Cháu đang nấu cho bà món đậu”.

Đôi mắt con bé buồn rười rượi khi kể cho Viva nghe về ký ức của mình. “Chúng là bhoot kal của cháu”. Talika gập mẩu giấy lại và cẩn thận đút sâu vào túi áo của nó.

“Bhoot kal nghĩa là gì?”. Về sau Viva thắc mắc với Daisy.

“Bóng ma thời gian”, Daisy gọn lỏn.

Viva ngừng viết. Những ngọn đèn thả ánh sáng phía đằng xa, miệng cô thoang thoảng vị chanh, mùi hương gợi lên trong cô những ký ức nhập nhòa của những ngày xa xưa, mơ hồ như một khoảng trống năm thu mình giữa màn sương mù giăng kín, đầy ắp bởi nỗi nhớ, ánh sáng, cơ hồ lúc gần gũi, khi xa lạ, từ giữa khoảng trống cô đơn ấy, cô nhìn thấy một cảnh cây khác với những con khỉ bám trên từng nhánh chạc, một người đàn bà đang kinh hoàng run rẩy trước đàn khỉ, những tiếng người đặc sệt giọng Anh rộ lên, tiếng cười nói xen lẫn với tiếng thét gào sợ hãi.

Những dòng ký ức lại nối nhau ùa về trong cô - Viva nhìn thấy mẹ đang ôm mặt khóc giữa buổi dã ngoại của gia đình. Tại sao bây giờ cô lại dẫn mẹ ra ngoài tán cây? Có phải ông ấy đang dỗ mẹ nín? Có phải ông ấy đang an ủi mẹ? Sao lòng cô lại nhói đau khi nhớ lại những kỷ niệm ngày nào?

“Viva”. Tor giật mẫu bút chì trên tay cô. “Trông vẻ mặt chị nghiêm trọng quá. Nhắm nháp một chút đi”. Tor dúi vào tay Viva một mẫu bánh ngọt.

Viva cắn một chút bánh. Ngon tuyệt - hương bơ thoang thoảng và mùi kem lòng trắng trứng hòa quyện cùng vị chanh tươi mát.

“Tuyệt vời, đúng không nào?”, Tor chăm chú nhìn Viva trong lúc cô nhả nha thưởng thức miếng bánh, mỉm cười. “Liệu nó có khiến chị ca tụng khắp nơi được không?”.

“Ngon tuyệt”. Viva mỉm cười với Tor. Một trong những điều khiến cô thích thú ở Tor, và Viva biết cô sẽ nhớ rất nhiều tính cách dễ thương ấy khi Tor quay về quê nhà, ấy là lòng nhiệt tình của Tor trước những điều tưởng chừng hết sức nhỏ nhặt - bánh chanh, thạch cuộn, những chú chó, hoàng hôn.

Lòng nhiệt tình. Viva ngẩng đầu nhìn vệt mây màu xám đang lững thững trôi ngang bầu trời. Thật mỉa mai làm sao, William, con người ít nhiệt tình nhất mà cô từng gặp, lại chính là kẻ đã giải thích cho cô hiểu ba tiếng ấy có nghĩa là gì trong một buổi thuyết giảng về ngôn ngữ Hy Lạp.

“Nó có nghĩa bị ám ảnh bởi thần linh”, William giải thích với cô, rõ ràng từng tiếng một.

Trong buổi tối hôm ấy - khi cả hai ngồi bên nhau trong nhà hàng Wheeler ở Soho, cùng thưởng thức món kem sô-cô-la, đặc sản của nhà hàng - bất chợt William thốt lên với cô, rằng khổ đau là cốt lõi của đời người. “Đấy là sự thật”, anh nói, “mà những giáo lý của đạo Phật và đạo Thiên Chúa đều có chung quan điểm”.

Khi cô hào hứng kể với anh, rằng lúc nào cô cũng có cảm hứng với những điều tưởng chừng rất nhỏ nhất trong cuộc sống, rằng nhiều khi cô có cảm giác không thể chờ đợi đến bình minh để thức dậy bất đầu một ngày mới. Anh nhắm mắt, im lặng lắng nghe cô riu rít bên mình.

“Anh không nói”, cuối cùng thì William cũng lên tiếng, khá miễn cưỡng và hơi gắt gỏng, “về những điều anh không hề biết, những con búp bê, lũ ngựa Pony, mùi vị cà phê... Đấy là những điều mọi người vẫn thường trao đổi với nhau trong các cuộc chuyện trò: là anh đang nói về thực tế và hạnh phúc lâu dài. Anh tin rằng nếu điều đấy tồn tại, chúng chỉ xuất hiện trong công việc, từ ý thức kỷ luật tự giác và không bao giờ hy vọng sẽ nhận được nhiều hơn những gì mình đã cho đi, bởi nếu không, chính niềm mong chờ ấy sẽ khiến em thất vọng tràn trề”.

Viva đuổi người trên tầm chắn, nhắm mắt và xua tan những ký ức về William đang ám ảnh trong cô. Thật dễ chịu biết bao sau khi

thoát khỏi những bận rộn và nóng nực ở Bombay, mơ màng gà gât trên một tấm chăn đơn, với những người bạn thân thiết bên cạnh, cùng nhau chia sẻ giọt nắng xuyên qua kẽ lá đậu xuống mí mắt, cùng lắng nghe tiếng gió vi vu trên những tán thông cao vút, rì rào như tiếng sóng biển vọng về từ khơi xa. Trước khi chìm sâu vào giấc ngủ, cô lờ mờ cảm nhận được vị chanh thanh thanh đọng lại trên khóe miệng, rồi bất ngờ, cô mơ màng thấy khuôn mặt của Frank đang cúi xuống nhìn cô, và đôi môi của anh từ từ lướt nhẹ lên môi cô.

“Ôi lạy Chúa!”.

Cô ngỡ ì phất dậy, va vào Tor đang nằm bên cạnh.

“Có chuyện gì vậy?”, Tor ngái ngủ hỏi. “Chị bị ong đốt à?”.

“Chị không sao”, Viva vòng tay bó gối, lẩm bẩm. “Không sao. Chị chỉ giật mình một chút ấy mà”.

Cô nằm xuống, tim đập rộn ràng như thể vừa thoát khỏi một tai nạn thảm khốc, trong đường tơ kẽ tóc.

Mình không nên nghĩ về anh như thế, Viva tự nhủ, và cố gắng tập trung tâm trí để nhớ lại những điều cô không thích ở anh. Bất đầu: quá quyên rũ, trong suy nghĩ có phần khắt khe của mình, cô sẽ cho đây là biểu hiện của tính tự cao tự đại hoặc thiếu cẩn trọng, hoặc lười biếng, bởi với lợi thế thiên phú ấy, nó giống như trò bịp bợm bói toán với năm quân bài toán học mỗi ngày trong cuộc đời, cho đến khi bạn trở nên nhạt nhòa. Viva hiểu có thể cô đã bất công khi nhìn nhận không công bằng về những nỗi đau trong cuộc đời Frank, và sự thật, anh đã rất nghiêm túc với nghề y khoa mà anh luôn tỏ thái độ chỉ xem như một cuộc dạo chơi... Và, ôi, lúc nào Frank cũng ăn mặc hết sức tuềnh toàng, đã thế tóc tai lại còn bờm xờm như thể sẵn sàng để cắt gọn đến nơi. Nhưng nụ cười ấy, nụ

cười như thiên thần ấy, cô đã nhiều lần được chứng kiến trong những ngày lên đèn trên con tàu giữa đại dương bao la, nụ cười của anh đã làm tan chảy bao trái tim thiếu nữ khờ khạo. Cô phải giữ mình tránh xa khỏi nó. Chính xác, phải thật dứt khoát ngay từ đầu; cô vẫn chưa hoàn toàn tin tưởng vào anh. Sự hấp dẫn - William cũng từng rao giảng cho cô nghe về nghĩa gốc của cụm từ này - “sự hấp dẫn”, anh nói, “không phải đề cập đến vẻ bề ngoài hay những nét hào nhoáng vụt đến vụt đi của sự vật, nó có nghĩa là khả năng thể hiện sự quyến rũ”. Có lẽ đây là những gì cô cảm nhận khi được Frank ôm gọn trong vòng tay râm nắng của anh giữa buổi tiệc khiêu vũ đêm nào, cô đã chước nh choáng, đã bối rối, nhưng không hề có động thái nào vượt quá giới hạn cho phép. Anh chỉ có thể sử dụng sự hấp dẫn của mình để quyến rũ những kẻ yếu đuối, cô như thằm, bắt đầu mơ màng ru mình vào giấc ngủ. Để tồn tại, cô cần phải vận dụng tất cả trí tuệ để đấu tranh với chính bản thân mình.

Trời đột ngột đổ mưa. Khi cô đứng dậy, gã xà ích xuất hiện trước mặt, chỉ tay sang bên kia bờ thung lũng, nơi những đám mây xám xịt đang cuộn cuộn xô nhau trôi về trời.

“Bực mình thật!”, Tor chán nản. “Chúng ta sắp ướt như chuột lột đến nơi”.

Chiếc xe ngựa phi như bay về khách sạn, khi chú ngựa ghì cương dừng trước cửa, cả ba cô gái đều ướt sũng.

Rose hốt hoảng mở cửa ô cửa đầu chạy ào vào nhà, cô chưa kịp đặt chân lên hiên đã phải giật mình đứng sững lại, mũi đập vào đầu Viva lúc bấy giờ đang chạy phía trước đã đột ngột đứng như trời trồng nhìn lên hàng hiên khách sạn.

Frank đang đứng trước ngưỡng cửa, mỉm cười với ba cô gái dưới mưa. Vẫn chiếc áo khoác may bằng vải lanh nhàu nhĩ quen thuộc, chiếc mũ cuộn tròn nằm gọn trong tay.

Tim Viva suýt nhảy khỏi lòng ngực khi cô nhìn thấy anh, trong khoảnh khắc, cô bỗng trào lên cảm giác hờn giận đến cùng cực. Không thể tưởng tượng được anh lại xuất hiện đúng vào thời điểm giữa chuyện dã ngoại như thể đây là tất cả những gì bọn cô mong muốn.

“Thưa quý bà”, anh hài hước nghiêng mình dịu dàng đặt nhẹ một nụ hôn lên bàn tay Rose. “Lắm chuyện bực mình đang diễn ra ở Bombay, và tôi nghĩ mình nên đến đây để hộ tống các cô về nhà”.

“Ôi, thôi nào, Frank”. Những giọt nước mưa vẫn còn nhỏ tong tong trên người Tor xuống đất, khuôn mặt cô ửng hồng. “Anh không thể lừa được em đâu. Em biết chính xác vì sao anh có mặt tại đây”.

Viva liếc mắt sang Tor. Cô khẽ bấm ngón tay mình vào lòng bàn tay Tor.

“Frank”, cô điềm tĩnh bắt tay anh. “Điều gì mang anh đến đây thế?”.

“Anh đã đặt trà”, anh nói với cô, “chúng ta vào phòng khách nói chuyện cho ấm cúng”.

Ba cô gái nhanh chóng chạy về phòng thay quần áo ướt, một lúc sau đã kéo nhau quay trở lại phòng khách, những tấm rèm cửa đỏ chót được kéo lên, ngoài trời giăng kín màn mưa. Frank ngó lên trên tay ghế, lưng quay về phía lò sưởi, hai chân duỗi rộng thoải mái.

Bunty đưa cho Frank tách trà đầu tiên, xắn nắn lấy mút và bánh ngọt cho anh. Viva lơ đãng lắng nghe tiếng tích tắc phát ra từ chiếc đồng hồ cũ kỹ treo gần cửa sổ, cô chợt nhận ra đôi mắt của anh đang chăm chú nhìn mình sau tách trà nghi ngút khói. Bỗng rồi, Viva quay mặt sang hướng khác, hào hứng kể cho Bunty nghe những chuyện thú vị diễn ra trong ngày hôm nay, ở khu dã ngoại. Sau đấy Viva hỏi Bunty về loài chim cổ đỏ lông xanh mà cô đọc được trong cuốn sách về các loài chim, rằng nó có xác xược như giống chim cổ đỏ ở Anh không?

Sao mà giọng gào thét, những câu chuyện vu vơ cô trao đổi với Bunty - hết như điệu bộ của một bà cô già ế chông.

“Phải, chúng rất tuyệt, rất hấp dẫn”, Bunty hồ hững đáp chuyện Viva, bà đã nghe những câu hỏi kiểu như thế hàng trăm hàng ngàn lần từ chính những vị khách lúc nào cũng hăm hở tìm hiểu mỗi khi đến nghỉ ở đây, rồi quay sang sốt sắng với Frank về những câu chuyện liên quan đến nghề bác sĩ của anh ta, khá tinh quái khi bảo: “Ý tôi là thực ra anh đang làm việc trong một bệnh viện ở Bombay?”, Bunty hỏi, cứ như thể Frank đang bước những bước cuối cùng trên nấc thang dẫn xuống địa ngục. “Dũng cảm quá! Anh có được người dân địa phương gọi bằng cái tên niswarthi không?”.

“Nó có nghĩa là gì?”, Tor huých toẹt. Cô nhìn chằm chằm vào Frank khi anh nói.

“Đấy là tiếng Hindi, ám chỉ một người giàu lòng vị tha”. Ánh mắt của Bunty rạng rỡ nhìn sang Frank.

“Ôi Chúa ơi, không, không được vậy đâu”. Frank duỗi chân, mỉm cười. “Tôi chỉ làm nghề bác sĩ vì bia và thuốc lá thôi”.

Sau khi Bunty quay trở lại với công việc, một người làm bước vào phòng khách, lẳng lặng kéo rèm lên, thả p nế n và khê u bắ c đèn cho rạng, xong xuôi lại lặng lẽ bước ra ngoài, cánh cửa được khép kín sau lưng.

“Frank này”, Rose rạng rỡ, chỉ còn lại bô n người bên nhau, “kê cho bọn em nghe về` những phiê n phức đang diễn ra ở Bombay đi, hay đấ y chỉ là cái có để được tham gia vào kỳ nghỉ của câu lạc bộ những cô gái xinh đẹp và vui vẻ?”.

“Thật không may là không như em nói”. Frank dịch ghé quay lưng ra phía cửa sổ. Vẻ hài hước biế n mắ t trên khuôn mặt anh. “Người Hồ i giáo và người Hindu đang tụ tập gây rồ i trên đường phố ở Bombay suốt hai hôm nay. Không có gì lạ cả, nhưng một số kẻ bỗng trở nên quá khích, hung dữ khác thường: anh đã nhìn thấ y chúng thiêu cháy một người đàn ông trên phố . Chúng đã tưới dầ u lên người anh ta, kẻ xấ u số đã ngùn ngụt bắ c cháy như những ngọn lửa trong đêm lễ kỷ niệm sự kiện đánh bom tòa nhà quố c hội năm nào vậy”.

“Chúa ơi”. Viva lập tức nghĩ về` mái á m tình thương nơi cô đang làm việc, về` Suday và Talika, về` Daisy và gia đình ông Jamshed.

“Cũng chưa đáng lo lắ m”, Frank tiế p tục, “khu vực quân sự quanh Mandvi vẫn bình thường. Byculla khá yên tĩnh, cả khu vực đô i Malabar cũng thế . Tấ t cả sẽ sớm hỗn loạn ngay khi tình hình trở nên phức tạp. Nhưng anh không thích ý tưởng trở về` thành phố một mình của bọn em, mà anh lại được nghỉ những hai ngày”.

Frank nhìn thẳng vào mắ t Viva như thể đang giải thích cho riêng mình cô.

“Anh nghĩ chúng ta nên quay về` vào thứ Ba - hôm á y sẽ có một cuộc mít tinh biểu dương lực lượng, chắ c chắ n sẽ có những cuộc tụ

tập gây bạo động ở khu vực quanh nhà ga VT. Bệnh viện đã sẵn sàng tăng thêm giường. Chờ em đã gọi điện cho bà Mallinson”, Frank nói với Rose. “Cậu ta dự định sẽ bắt xe lửa từ Poona đến Bombay để đón em, nhưng không thể - tất cả các chuyến tàu đều bị hủy”.

Rose đứng dậy, mái tóc dài vàng mượt của cô xoắn ngọn đèn, suýt bắt lửa. Cô than mệt và xin phép mọi người đi nghỉ. Trước khi biếm má t sau cánh cửa, Rose quay lại nói với cả ba, rằng hôm nay là một ngày tuyệt vời, cô sẽ không bao giờ quên.

“Không có gì phải lo lắng cả”, cô nhắc lại lời mình.

“Ai lo lắng kia chứ?”, Tor nói, đứng dậy. “Bắt kể chuyện gì ngăn cản chuyến trở về nhà lân này của em đều là điều tốt”. Cả ba cùng phì cười trước lời đùa cợt của Tor, nhưng cô hoàn toàn nghiêm túc.

Mưa vẫn rào rạt trên mái nhà, đập vào cửa sổ tạo nên âm thanh hết nhu tiếng của những viên đá cuội chọi nhau.

“Em chuẩn bị đi ngủ”. Viva đứng dậy.

“Ở lại một chút”, anh nói. “Anh cần nói với em chuyện này. Ngồi xuống đi”.

Frank cúi người về phía trước, nắm lấy tay cô.

“Thật không dễ dàng khi nói với em chuyện này, nên anh sẽ nói rất nhanh. Có tin đồn Guy đã bị sát hại. Anh xin lỗi”.

“Cái gì?”, cô ngẩn người nhìn anh, mãi một lúc sau Viva mới lấp bắp thốt nỗi thành lời. “Anh vừa nói cái gì?”.

“Chỉ là tin đồn”, Frank nói. “Nó có thể sai, bên cảnh sát nói họ không thấy thấy trẻ bé ở trong nhà trọ nữa, và khi bọn họ liên hệ

được với bố mẹ Guy, ông bà ấy đã bảo mấy tuấn nay họ không còn gặp Guy. Một chiếc áo choàng bị đốt cháy nam nhỏ với tên của nó viết bên trong được tìm thấy tại một góc phố gần nơi em ở. Hình như nó đã chuyển đi từ một tháng trước”.

“Tuấn trước nó vừa ở đây”. Một con co thắt quặt lên trong dạ dày Viva. “Em không hiểu gì cả”.

“Anh cũng thế”.

“Sao anh lại nói không có gì xảy ra ở Byculla?”.

“Ngoài chuyện ấy ra, thì không có gì cả”.

“Thế ông Jamshed có biết chuyện này không?”.

“Không. Ít nhất là như anh biết. Và không có gì phải lo lắng cả, nhưng anh nghĩ em nên biết chuyện này, hay ít nhất em phải được cảnh báo”.

“Ai nói với anh?”.

“Một cảnh sát, một viên cảnh sát ở Byculla. Anh ta là người duy nhất theo dõi mọi động thái của Guy”.

“Ồi không!”, Cô cảm nhận được dòng nước đang túa ra trong miệng mình. “Anh đang nói bọn họ đã thiêu sống nó?”. Cô cảm thấy buồn nôn.

Frank nhẹ nhàng ấn cô ngồi xuống ghế.

“Anh không biết”, anh trả lời.

Cô đưa tay quẹt ngang mắt, lắc đầu. “Nói cho em biết chuyện gì đã xảy ra”.

“Thực ra không ai biết chính xác, nhưng cảnh sát nói với anh, rằng người đàn ông bị Guy tấn công trên tàu có một người anh trai tên là Anwar Azim. Ông ta là một kẻ rất có thể lực, có chân trong tổ chức liên đoàn Hồi giáo toàn nước Ấn, cái tổ chức mà Guy, không hiểu vì lý do gì đã tham gia vào đây. Azim đã yêu cầu tay chân điếu tra về vụ xô xát xảy ra trên con tàu từ mấy tháng trước - có thể chúng đã hô ỉ lộ những thủy thủ người Ấn - và nhanh chóng nắm bắt được toàn bộ sự việc”.

“Nhưng chắc chắn cảnh sát sẽ làm gì đây để can thiệp chứ?”.

“Không cần thiết. Hết sức chân thành mà nói, vụ này quá lộn xộn. Nó sẽ không thể được giải quyết trong quãng thời gian tôi tệ như lúc này”.

“Như thế là tôi tệ sao?”.

Giọng cô bắt đầu run rẩy. Anh vòng tay ngang người cô, nhưng Viva đã gạt đi.

“Không một ai thực sự biết rõ tận chuyện này cả”. Anh vẫn cố xoa dịu cô.

“Không, làm ơn dừng lại”, cô phản kháng. “Đừng có thuyết phục bằng giọng điệu ấy. Hãy nói với em sự thật. Ôi, Guy!”. Đột nhiên hình ảnh thẫn ngơ ùa về trong cô: như một con búp bê vải chìm trong biển lửa.

“Anh vẫn chưa biết sự thật”, Frank nói. “Chỉ là những tin tức đồn thổi ngẫu nhiên mà thôi”.

“Chẳng hạn như?”.

“Ừm”, anh nhìn cô, lo lắng, “có thể nó đã sớm bị tách ra ở một bữa tiệc, và rồi mọi chuyện đều có thể xảy ra, hoặc không có gì cả,

không một ai biết chính xác”.

“Ai kể cho anh nghe chuyện này? Ý em là chuyện liên quan đến Guy ấy”. Đầu óc cô choáng váng.

“Cảnh sát. Họ nói với anh như thế”. Anh đưa cho cô một chiếc ví khá mỏng và một tấm ảnh. “Họ bảo chúng là của thằng bé. Họ nhờ anh gửi về cho bố mẹ nó”.

“Có lẽ chúng ta nên xem qua mấy thứ này trước đã”.

“Anh đã xem rồi. Có một tấm ảnh chụp em. Xem này”. Frank chỉ một tấm ảnh chụp Viva đang bước đi trên con phố gần trung tâm mái ấm tình thương. Trong tấm ảnh, cô mặc một chiếc váy mùa hè, mỉm cười với Parthiban, ông già bán xoài ven đường. Phía dưới tấm ảnh, một dòng chữ nguệch ngoạc, kiểu chữ của trẻ con, được viết bằng mực đen, Mataji - mẹ tôi.

Trong tấm ảnh thứ hai, cô đang ngồi trên bãi biển Chowpatty, Talika cuộn mình trên cát, im lìm ngủ bên cạnh. Bầu trời trên đầu Viva tràn ngập những cánh diều. Dưới bức ảnh, nó viết sai chính tả tên cô, Viva Hallaway, cùng một câu, Cô ấy là Cain, hay cô ấy là Abel?

“Nó đã theo dõi em”, cô nói.

“Nếu không phải là em, thì sẽ là một người khác”, Frank nói. “Nó trở nên liều lĩnh đến tuyệt vọng với những ai nó yêu mến, hoặc trách cứ”.

“Thật kinh khủng”. Cô run rẩy. “Em không hề quý mến gì thằng nhóc, thậm chí còn ghét cay ghét đắng nó. Lẽ ra em không nên nhận lời làm bảo mẫu cho nó”.

Cô cảm nhận được vòng tay của Frank quàng qua vai. “Không phải lỗi của em”, anh nhẹ nhàng nói với cô. “Nó được gửi về Anh, một thân một mình khi chỉ là một cậu bé sáu tuổi. Nó đã hư hỏng kể từ thời điểm ấy - mặc dù nó hoàn toàn nhận thức được điều ấy. Anh tin chắc nó có vấn đề về tinh thần, khá nghiêm trọng”.

Một đốm lửa bùng lên trong lò sưởi. Cô nhìn thấy khuôn mặt Guy thoắt ẩn thoắt hiện trong ngọn lửa - đôi mắt nó trùng trùng nhìn cô, hai hàm răng nhả nhở.

“Em nghĩ không nên kể với Tor và Rose khi mọi chuyện còn chưa rõ ràng”, Viva nói. “Hắn sẽ khiếm hai cô gái kinh hoàng khi chúng ta tin chắc chuyện này là thật”.

Frank khẽ lắc đầu. “Anh cũng nghĩ như vậy”, anh nói. “Nhưng như thế em sẽ phải một mình gánh vác chuyện này”.

“Chị Daisy có biết không?”.

“Vẫn chưa”.

Cô đứng dậy, định đi ngủ, nhưng đột nhiên thấy choáng váng, rơi trở lại trong vòng tay của Frank.

“Đề anh giúp em”, Frank thì thầm.

“Em ở trong chái nhà bên kia bãi cỏ”, cô nói.

Khi cả hai băng qua bãi cỏ ướt sũng nước, một cơn gió bất ngờ thổi tới thổi tung vạt áo khoác của cô, cả thảm cỏ tấp trong vầng sáng yếu ớt của những ngọn đèn ven sườn đồi hắt bóng xuống thung lũng.

“Gió mạnh đang thổi đến”, anh nói với cô.

“Kinh khủng, kinh khủng, thật kinh khủng”. Cô nức nở, đầu óc choáng ngợp hình ảnh Guy phùng phùng bốc cháy, ngọn lửa liếm trên mái tóc, lên quần áo nó. “Thằng bé không đáng bị như thế”.

Cánh tay của Frank vẫn quàng qua vai cô.

“Chúng ta vẫn chưa biết sự thật”, anh nói. “Cứ vững tâm - mảnh đất này đầy rẫy những tin đồn”.

Một tràng sấm đột ngột rền lên từ trên cao, mưa ào ạt trút xuống mỗi lúc một dày đặc, cả hai đều ướt sũng.

Tay Viva run rẩy mò mẫm lần tìm trong chiếc túi xách đeo bên mình, phải mất khá lâu cô mới tìm được chìa khóa phòng. Khi Viva ngẩng đầu lên trao chiếc chìa khóa cho Frank, chiếc sơ mi ướt sũng của anh dính bết vào người làm lộ ra những chiếc xương sườn và một mảng vai khỏe khoắn, những đường cong nơi phần eo của người đàn ông trẻ tuổi hiện rõ dưới ánh sáng chói lòa của những tia chớp.

“Em ướt sũng cả rồi, Viva”, Frank nói. Khi anh chạm vào người cô, Viva bật khóc, ngón tay anh nhẹ nhàng mân man trên người cô, bắt đầu từ hai vai, lần xuống bụng, lướt trên cánh tay mềm mại của cô. Viva nhắm mắt, gục đầu vào vai anh.

Trong căn phòng của Viva, một ngọn đèn nhỏ được đặt đầu giường ngủ. Chiếc váy của Viva rơi trên sàn nhà, máy chiếc bút chì, một bình nước và máy tờ tạp chí nằm im lìm trên mặt bàn. Anh rút một chiếc khăn bông trên giá đỡ phía đầu giường, âu yếm lau khô những giọt nước mưa dính bết trên khuôn mặt, trên mái tóc cô. Viva im lặng, nước mắt không ngừng tuôn rơi trên đôi gò má nhợt nhạt, người cô run lên từng chập. Nhẹ nhàng, anh lau khô mái tóc cô, gỡ chiếc áo khoác ướt sũng ra khỏi người cô, rồi đến chiếc

áo len chui đầu, Frank vút tất cả xuống sàn nhà. Anh quấn một chiếc khăn khô quanh người cô.

“Ở lại đây với em thêm một lúc nữa”, cô run rẩy nói với anh khi Frank dậm bước chuẩn bị quay lưng, hai hàm răng cô lập cập đánh vào nhau.

Khi Frank nắm xuống, cô vòng tay ôm chặt lấy anh như một đứa trẻ, hai mắt nhắm nghiền. Tiếng mưa vẫn đều đặn rơi lộp độp trên mái nhà, giữa tiếng gió thét gào ngoài cửa sổ, mọi thứ bỗng chốc trở nên đơn giản khi cô kéo anh nắm lên người mình: niềm khao khát cháy bỏng của cô và cơ thể cường tráng của anh đang đè nặng lên cô, đã hoàn toàn xua tan nỗi sợ hãi chết chóc trong lòng.

Khi những đam mê khao khát đã lụi tàn, anh nhìn cô. Hai người im lặng nhìn nhau, run rẩy và sợ hãi. Anh dìu cô ngồi dậy, rên nhẹ rồi khe khẽ lắc đầu.

“Đừng nói yêu em”, giọng cô run rẩy.

Chương 39

Vì sự an toàn của các cô gái, Frank yêu cầu cả nhóm cùng mua vé hạng nhất trên chuyến tàu trở lại Bombay, nhưng điều này vẫn không khiến Tor vui vẻ thêm chút nào - có vẻ mọi người đều đang rơi vào trạng thái kích động, bức bối và khó chịu trong lòng. Frank và Viva ngồi ở hai đầu băng ghế, Rose thu mình im lặng bên cửa sổ, Tor không thể bắt chuyện được với ai, bỗng chốc cô cảm thấy tinh thần kiệt quệ, bao hứng thú vụt biến mất.

Đoàn tàu vẫn xịch lao về phía trước, Tor áp má vào ô cửa kính trên toa tàu, đầu óc mông lung suy nghĩ về Ấn Độ. Chỉ còn hai tuần nữa - bầu trời trong xanh vời vọi, những túp lều với những bức vách trát bùn đang vùn vụt trôi qua trước mặt cô, con lừa ở ngoài xa kia, cả người đàn bà bé nhỏ trong bộ sari màu hồng nhạt đang giơ tay vẫy chào đoàn tàu ấy nữa - tất cả sẽ biến mất, và sẽ nhanh chóng phai nhạt trong tâm trí cô hết như những tấm hình ken dày trong một cuốn bưu ảnh. Thật bất công, tuy mọi thứ bắt đầu không còn xuôi chèo mát mái, nhưng đúng là cô rất hạnh phúc khi ở đây.

Tiếng thở dài của Tor để lại một vệt hơi nước mờ nhạt trên tấm kính cửa sổ, khi con tàu băng qua cánh đồng mía để lại những tiếng sột soạt bởi rừng lá xạc xào quẹt vào hai bên sườn tàu, Tor hoan hỉ với ý nghĩ: có thể những cuộc biểu tình bạo động ở Bombay sẽ mỗi ngày một tồi tệ hơn, và không một ai có thể rời khỏi thành phố vào thời điểm này. Nếu đúng như thế thì mọi chuyến tàu sẽ bị hủy bỏ, lúc bấy giờ cô có thể đến ở cùng Rose một thời gian, ít nhất cho đến khi Rose sinh em bé - bởi Tor thừa biết Ci Ci sẽ không muốn nhìn thấy mặt cô trong nhà bà thêm một phút giây nào nữa.

Cũng có thể Ollie sẽ, vào phút chót, bất ngờ xuất hiện giữa biển người và lao như tên bắn về phía Tor để giải thoát cho cô. Anh sẽ giằng lấy tấm vé tàu P&O trên tay cô và xé nó thành trăm mảnh rồi tung lên trời. Những vụn giấy sẽ bay lả tả theo chiều gió hệt như những cánh bướm trên cầu tàu. Rồi cả hai sẽ lại quấn chặt lấy nhau dìu theo tiếng nhạc đê mê như đêm nào ở Taj. Ollie với đôi mắt rơm rớm, thì thào vào tai cô, rằng anh là chàng trai may mắn khi được cô cho thêm cơ hội lần thứ hai.

Ồi không. Thật ngớ ngẩn. Một cú lặc của con tàu khiên Tor trượt mặt khỏi ô cửa kính đã phá hỏng giấc mơ ban ngày của cô.

Khi con tàu dừng bánh ở ga Victoria, trời đổ mưa. Geoffrey Mallinson, khuôn mặt đỏ gay, có vẻ đang kích động, một tay cầm ô che đầu, tay còn lại gạt đám đông đang òn ào như ong vỡ tổ trên sân ga tiến về phía các cô gái. Giữa những tiếng òn ào trên sân ga, Geoffrey gằn như hét lên khi giải thích với mọi người, rằng bởi vì tai vách mạch rừng, rằng ông không thể tin được đám người làm nhiều chuyện trong nhà nên mới phải tự lái chiếc Daimler đến đây. Frank ngồi ở băng ghế sau cùng Viva và Rose. Tor ngồi ở ghế trước.

Chiếc Daimler lao vun vút ra khỏi nhà ga, băng qua những vũng lầy tràn ngập băng rôn khẩu hiệu rách nát bị những người tham gia biểu tình vút lại thành đống trên đường.

“Các bạn đã chọn đúng thời điểm để rời khỏi thành phố”, Geoffrey khẽ quay đầu ra sau nói với Frank. “Bọn này phải đối mặt với đủ trò ma quỷ khi ở lại đây: đầu tiên là mưa như trút - một trăm tám mươi mi-li-mét một giờ, sau đây là các cuộc biểu tình bạo loạn. Hôm qua tôi phải mất đến hai tiếng đồng hồ mới đến được chỗ làm”.

Chiếc Daimler chòng chành khi Geoffrey đột ngột đánh tay lái tránh một chiếc xe bò trước mặt, ông bóp còi inh ỏi. “Nhanh lên, thả ng ngu!”, ông thò đầu ra ngoài cửa xe hét toáng lên. “Phải vượt qua! Phải vượt qua tình hình khó khăn này! Nhưng không được tiết lộ cho Ci Ci biết trong bữa trưa hôm nay”, ông lảm bảm khi tiếng máy xe đã nổ êm trở lại. “Nếu để bà ấy biết, sẽ kinh khủng hơn cả một cơn choáng váng đấy”.

Những giọt mồ hôi chảy thành dòng trên trán Geoffrey. Ông cúi thả đưa khăn tay lên lau trán.

“Ồi các cung”. Ci Ci ngọt ngào khi cả bốn bước vào tiền sảnh. Hôm nay bà mặc một chiếc váy lụa màu da cam, có vẻ chiếc váy thích hợp với bữa tối hơn là bữa trưa. Đôi môi được tô son đỏ hồng tía tốt, để lại một vết đỏ tươi trên má Tor khi bà ôm hôn cô.

“Rất, rất, rất hạnh phúc khi được gặp lại các cung”, Ci Ci đơn đả. “Và chàng đẹp trai này thuộc về ai thế?”. Rạng rỡ, bà nắm chặt cánh tay Frank. “Pandit”, Ci Ci gọi lớn, “tôi nghĩ chúng ta cần một chai gin cỡ lớn - nó ở trong phòng khách ấy, làm ơn lấy hộ tôi”. Bà búng ngón tay tanh tách.

“Hôm nay”, Ci Ci nói, sau khi mọi người đã nhấp xong ngụm rượu đầu tiên. “Tôi vẫn còn ngờ ỉ lại nơi đây, Chúa phù hộ cho tôi, cùng với Geoffrey, trong những ngày ít ỏi cuối cùng, những gì tôi muốn biết chính là sự thật. Hãy nói cho tôi biết chuyện gì đang xảy ra, chuyện gì mà tôi không hề hay biết ấy. Nó khiến tôi kinh ngạc”. Khuôn mặt bà nhăn nhó, đầy hiếu u kỳ.

Tor, Rose và Viva tuyệt vọng nhìn nhau. Ci Ci nở thêm một ngụm sâm banh.

“Ừm, các cô gái và chàng trai của chúng ta đã có một kỳ nghỉ vui vẻ ở Ooty, cung à”, Geoffrey gợi ý.

“Ồ, thật sao?”, bà hỏi Frank. “Có gặp ai vui vẻ ở đây trong thời gian này không?”.

“Thế còn Tor của chúng ta thì sao?”, cuối cùng thì Ci Ci cũng xoay người sang nói chuyện với Tor. “Có chàng trai nào khả dĩ ở đây không? Hay chuyế n dã ngoại chỉ toàn các cô gái chụm đầ u lại với nhau?”.

“Không có chàng trai nào cả”. Tor cảm ghét giọng điệu tục tĩu ẩn sau những câu hỏi ra vẻ quan tâm xoa dịu của bà ta. “Nhưng có vô số bánh chanh tuyệt vời ở đây”.

Trước khi về phòng nghỉ trưa, Ci Ci chợt nhớ ra có một chàng trai đã gọi cho Tor trong má y ngày cô đi vắng, không gặp được Tor nhưng anh ta đã để lại lời nhắ n.

“Ôi, ai vậy?”, Tor cô làm ra vẻ thờ ơ. Ôi, Ollie, làm ơn đi, Chúa ơi, là Ollie.

“Đề ta cô nhớ xem nào, ai được nhỉ?”, Ci Ci đặt chiếc cẩu thuố c lá xuô ng mặt bàn, dăm chiêu ra chiêu suy nghĩ. “Ôi, nhớ rồi, ta nhớ rồi. Tên của anh chàng đấ y là gì nhỉ? Toby Williamson. Cậu ta bảo đã từng gặp chúng ta ở Huntington. Ta chẳng nhớ chút nào cả. Anh chàng muố n biế t Tor của ta có bình yên trong những cơn bạo động hay không. Cậu ta còn để lại số điện thoại liên lạc đấ y”.

Lập tức Tor xiu xuô ng, tràn trề thấ t vọng. “Anh á y tô t bụng quá”, cuối cùng cô cũng lên tiế ng.

“Phải, đấ y là anh chàng tặng cung bộ sưu tập côn trùng cùng má y bài thơ phải không nhỉ?”, Ci Ci châm chọc. “Buồ n cười quá”, bà quay sang nói với những người còn lại. “Cô gái này đã đọc cho tôi nghe má y bài của anh chàng á y. Trái tim anh - công cụ, Anh chỉ là

thằng ngu...”. Ci Ci cười hoan hỷ. Đôi gò má của Tor vụt ửng hồng vì ngượng.

Ci Ci đúng là bà già độc ác khi xuyên tạc bài thơ dễ thương ấy của Toby (thực ra đây là một bài thơ về chim, trứng hay đại loại là mấy thứ liên quan đến chúng). Chắc hẳn bà ta cũng đã hóng hớt lại với mấy bà già nhiều chuyện ở câu lạc bộ. Cô gặp Toby trong một lần đến dinh thống đốc có công chuyện. Một chàng trai dễ thương, cô hãy còn nhớ, anh ta là giáo viên. Toby kể với cô về những loài chim, và rồi, cô đã nhớ, anh lại kể cho cô nghe về quần áo của phụ nữ. Và cô, lúc bấy giờ đang chìm đắm trong nỗi ám ảnh về Ollie, đã phớt lờ những lời tán tỉnh của anh ta. Tất cả những gì về Toby còn đọng lại trong tâm trí Tor lúc này chỉ là một chàng trai với nụ cười hiền từ, và, đúng rồi, cô đã nhớ ra, cả hai từng có lần chuyện trò với nhau hết sức tâm đầu ý hợp về thi ca hiện đại. Cho đến khi cô thú thật với Toby, rằng mình hoàn toàn mù tịt về thơ ca, và rằng anh phải nói chuyện với Viva về những đề tài kiểu như thế. Sẽ rất thú vị. Toby không hề tỏ thái độ xem thường Tor bởi sự kém hiểu biết của cô, anh chỉ im lặng nhìn cô, tư lự.

“Anh thầy rất ghen tỵ với em”, Toby nói: “Em là cô gái hạnh phúc khi có tất cả”.

Anh chỉ gọi đến để hỏi xem em có ổn không. Thật tốt bụng, nhưng Tor vẫn không thể hiểu nổi điều gì ẩn sau lời nhả nhủ của Toby.

Khi Ci Ci đã rời khỏi căn phòng, Rose hỏi, “Cậu sẽ gọi lại cho anh ấy chứ?”.

“Không chắc lắm”, Tor trả lời, bỗng nhiên cô thầy mệt mỏi. “Anh ấy có vẻ hơi trí thức”.

“Không có gì để mất nữa đâu”, Rose nhẹ nhàng. “Ngoại trừ tấm vé trở về nhà đã đặt sẵn của cậu”.

“Ừm”, Tor đồng ý với bạn.

“Hay chúng ta thử chơi trò sấp ngựa với chuyện này xem sao nhé?”. Rose lấy ra một đồng xu 3 rupi. “Sấp nghĩa là cậu phải gọi, ngựa cậu sẽ không gọi, đồng ý không?”.

Cô tung đồng xu lên cao, rồi nhanh tay chụp lấy khi nó rơi xuống, Rose xò rộng lòng bàn tay.

“Sấp thắng”, Rose nói.

Chương 40

Sau bữa trưa, Viva và Frank lên xe của ông bà Mallinson quay trở về nhà. Vừa chui vào chiếc xe, Viva đã kéo chiếc ghế ngăn giữa chỗ ngồi của hai người xuống.

Điều khiến cô cảm thấy bối rối chính là cảm giác xúc động mãnh liệt khi ngồi bên anh như thế này, cảm nhận được từng bắp cơ rã rời giã u mình dưới hai ống quần của anh, cánh tay anh vấp hờ trên chỗ dựa lưng của chiếc ghế nơi cô đang ngồi. Cảm giác bức bối, nóng ran đang lan nhanh khắp cơ thể cô, rất mới mẻ, đầy sai lầm và lộn xộn, bởi ý nghĩ có thể Guy đã chết đang giằng xé trong cô, và rằng sẽ tốt hơn nhiều nếu cô và anh khoác lên mặt vẻ đau thương tang tóc, hơn là để những khao khát ham muốn đầy ắp đục tính trào dâng trong lòng.

“Có không gì việc đang chờ em, gia đình ông Jamshed sống ở đây, nhìn xem”, khi chiếc xe rẽ vào đường Nữ hoàng, cô chỉ tay ra con phố yên tĩnh, với những thân cọ vươn mình trong nắng chiều, và biển hiên hòa ở ngoài xa. “Mọi thứ lại trở về với vẻ thanh bình đến hoàn hảo. Cứ như thể những cuộc bạo động chưa bao giờ xảy ra”.

Cô nghe thấy tiếng thở dài của anh rơi xuống sàn xe, Frank ngoảnh mặt sang nhìn cô, rồi lại ngoảnh ra ngoài cửa sổ, liên tục như thế.

“Anh muốn được gặp lại em”, anh nói. “Anh phải gặp lại em. Những gì đã xảy ra không hề liên quan đến những cuộc bạo động hay Guy. Em biết điều này là thật, đúng không nào?”.

Cô im lặng, bởi như vậy Viva cảm thấy an toàn.

Cô cố bám chặt lấy suy nghĩ, rằng cái đêm hôm ấy chỉ là những khoảnh khắc rồi đại tạm thời, một sai lầm, một sự mất tự chủ của bản thân. Không có gì khiến người ta phải đau đớn như tình yêu, đây là điều cô cần phải nhớ.

“Không hẳn”, cuối cùng thì cô cũng lên tiếng. “Vẫn còn quá sớm để khẳng định điều gì đây, và...”.

Chưa nói hết câu, cảm giác ghê tởm lại ủa về trong cô, mơ hồ. Điều cô muốn làm ngay bây giờ là tắm rửa sạch sẽ, lên giường đánh một giấc thật sâu, chấm dứt suy nghĩ nặng nề trong vài tiếng đồng hồ.

“Em đang lo sợ anh sẽ tìm đến nơi em ở?”.

Khi Frank nghiêng đầu đến gần đến cô, Viva có thể cảm nhận được mùi tóc, mùi thịt da của anh.

“Đúng thế”.

“Anh nghĩ em chẳng bao giờ quan tâm đến việc người khác sẽ nghĩ gì về mình. Anh thích em vì điều đây”.

Cô run rẩy khi nhìn thấy nụ cười của anh dành cho mình.

“Có chứ, em có quan tâm”, cô trả lời anh. Chiếc xe dừng trước một cột đèn giao thông, gần cổng một nhà thờ. Trên vỉa hè, cách chỗ chiếc xe đang đậu chừng mười mét, hai người đàn ông đang thân nhiên tắm gội, cả hai dùng những chiếc gáo múc nước từ một chiếc xô lớn rồi dội ào ào lên đầu. “Mọi người đều quan tâm đến kết cục, trừ phi họ là những kẻ điên hay những người yếu ớt”.

“Còn bao xa nữa thì đến bệnh viện?”, Viva buột miệng, đột nhiên cô muốn anh biến mất khỏi cuộc đời mình, sự hiện diện của anh đang là nguyên nhân gây ra nỗi bối rối trong cô.

“Qua hai phố nữa thôi”.

“Bắt đầu có cảm giác giống như đang hát bài “Mười chiếc chai xanh” cùng với sự trở về của Tor và ông bà Mallinson”.

Viva biết anh đang cố gọi chuyện với cô. “Cả em cũng rời khỏi đây chứ?”, Frank hỏi.

“Em chýa biết”, cô trả lời. “Thế còn anh?”.

“Anh được đề nghị một công việc ở Lahore”, Frank nói. “Công việc nghiên cứu mà trước đây anh đã từng có lần kể với em ấy”.

“Và anh đồng ý?”. Viva nhìn về phía trước, xa xăm.

“Anh vẫn chưa quyết định”.

Tâm trí cô nửa lạng lẽ quan sát những người bán hàng rong đang tấp tễn thu dọn quầy hàng trên phố, đèn quanh khu vực vòi phun trong vườn hoa đã được thả sáng, những dải mây mỏng tang vắt nhẹ ngang qua bầu trời nhuộm màu cà u vô ng rạng rỡ lúc cuối chiều, nửa kia miên man với suy nghĩ liệu rồi đây cô có phải hối tiếc với cả phần đời còn lại nếu cứ để yên cho anh lần mò những đầu ngón tay cô như thế. Người tài xế đỗ xe vào hè đường, cô theo chân Frank bước về phía cổng chính.

“Có lẽ em nên cảm ơn anh vì đã đến Ooty để đưa bọn em về”, Viva nói, “nhưng thực tình em không biết phải nói gì cả. Em không nghĩ mình đã nắm bắt được vấn đề”.

Frank dừng tay trên nắm đấm cửa. “Về chúng ta hay về chuyện của Guy? Làm ơn đừng quên đây chỉ là tin đồn - anh đã nói với em rồi mà”.

“Cả hai”.

Trông anh như một kẻ kiệt sức, cô nhủ thầm, xanh xao nhợt nhạt quá. Anh nhìn cô bằng ánh mắt thăm dò.”Đừng nói bất kỳ điều gì mà em chưa chắc chắn”, anh nói, “nhưng hãy hứa với anh là em sẽ không lạy làm xâu hổ. Nhé?”.

“Em không xâu hổ”, cô nói. “Em chỉ có cảm giác giống như mình vừa trải qua một trận động đất”.

Ánh mắt anh vẫn nhìn cô, kiên định. “À, giờ thì anh đã hiểu”, Frank thốt lên. Anh định nói với cô thêm một điều gì đây, nhưng Viva đã đưa tay lên miệng anh.

“Không”, cô thì thầm. “Đừng. Làm ơn. Không phải lúc này”.

Người tài xế chở Viva về nhà, có vẻ những vụ bạo động không hề xuất hiện ở Byculla. Vẫn những con phố lộ liễu ổ gà, những ngôi nhà xiêu vẹo loang lổ từng rêu cũ kỹ, những chợ cóc chợ tạm thậm thụt xen lẫn giữa những quầy hoa tươi đầy màu sắc.

Cô nhanh nhẹn bước đến trước ngôi nhà quen thuộc - mọi thứ vẫn không có gì thay đổi: những chiếc xe đạp nép mình dọc lối đi chật chội trong tiền sảnh, mùi cà ri tỏa ra từ phòng bếp của gia đình ông Jamshed phảng phất quanh khuôn viên ngôi nhà.

Ông Jamshed đang thành kính cầu nguyện trong căn phòng đầu tiên của ngôi nhà, khuôn mặt ông hướng về phía mặt trời, khoác lên mình sudreh, chiếc áo vẫn thường được Jamshed mặc cùng sợi thắt lưng bằng vải kusti quấn ba vòng thật chặt quanh

thân để nhắc nhở chính bản thân mình, như đã có lần ông giải thích với cô, rằng ba vòng dây tượng trưng cho ba nguyên tắc tôn chỉ trong cuộc sống: “Nói những lời tốt đẹp, nghĩ những điều tốt đẹp, làm những việc tốt đẹp”.

Cô đứng chờ trước ngưỡng cửa. Mỗi khi cô u nguyện, khuôn mặt vui vẻ hàng ngày của Jamshed vụt trở nên nghiêm nghị đến lạ thường, hết như một tín đồ bước ra từ kinh Cựu ước.

Tiếng kêu cọt phát ra từ cánh cửa khiến Jamshed bừng tỉnh, đôi mắt ông hé mở. “Cô Viva”.

“Xin thứ lỗi vì đã quấy rầy ông, nhưng mọi người vẫn ổn chứ?”, cô hỏi. “Tôi đã rất lo lắng cho gia đình ông”.

“Chúng tôi vẫn ổn”, Jamshed nói với cô. Rồi ông nhìn Viva, nhã nhặn. “Ơn Chúa, không có bạo loạn ngoài đường phố, và tôi cũng không nghe bất kỳ thông tin đáng tiếc nào về trung tâm hay mái ấm hay trường tình thương hay bất kỳ cái gì cô vẫn gọi tên ở cái nơi cô đang làm việc ấy”.

“Ôi, thật tốt quá. Nhẹ cả người”.

“Ừm, nhưng thực ra không phải là không có chuyện”. Ông nhìn cô bằng ánh mắt khác lạ.

“Có vài chuyện đã xảy ra và tôi rất lầy làm tiếc, không vui vẻ một chút nào cả. Đến đây”. Ông phác tay hướng đến cánh cửa đang mở rộng. “Tốt hơn hết tôi nên tự mình chỉ cho cô thấy”.

Ông xỏ chân vào đôi dép rồi cẩn thận khóa cửa nhà, điều Viva chưa bao giờ thấy Jamshed làm trước đây.

“Cô biết không”, Jamshed giải thích khi cả hai tất tả bước lên cầu thang, “trong lúc cô đi vắng, một toán người khá vô tổ chức kéo

đế n đóng trong nhà của chúng ta. Chúng bày đủ trò ma quỷ trong căn phòng của cô. Ban đầ u tôi cứ nghĩ chúng là những kẻ du côn, nhưng giờ thì tôi lại nghĩ chúng có thể là bạn bè cô”.

“Bạn tôi?”.

“Khoan đã”. Jamshed đột ngột dừng lại trước ngưỡng cửa, giơ tay ra hiệu. “Tôi sẽ giải thích cho cô hiểu sau”.

Khi ông mở cửa, Viva choáng váng. Những tâ m rèm đã được thả xuố ng, nhưng trong bóng tồ i chập choạng cô vẫn nhìn thấ y chiế c máy đánh chữ của mình nằ m chồ ng chơ giữa sàn nhà, váy áo, quầ n chề n cùng tranh ảnh vương vãi khắ p căn phòng. Một chiế c quầ n lót của cô tồ ng teng trên chiế c khung ảnh trồ ng tron treo trên vách tường.

“Ồi không!”. Cô chạy đế n bên chiế c tủ ly bằ ng gỗ thông nhỏ kê đầ u giường ngủ, nơi cô câ t những trang bản thảo đầ u tiên của cuố n sách. Ôn Chúa, nó vẫn còn trong đầ y.

Những tiế ng rít rợn người vang lên khi Jamshed kéo những tâ m rèm che cửa.

“Chưa phải là tâ t cả”, ông nói. “Nhìn kia xem”. Ông giầ chỉ tay vào vách tường. Cắ ng mắ t nhìn về ` phía Jamshed chỉ tay, đập vào mắ t Viva là bức chậ dung của cô đầ ng đứ ng dựa lưng vào thành lan can trên boong tàu Kaiser - i - Hind, đứ ng bên cặ n là Nigel, một viên chức nhà nước trẻ tuổi. Trong bức ảnh, mái tóc của cô đầ ng tung bay trước gió, và Nigel, chiế c áo cộc tay hoa hòe hoa sói khoác trên người, đầ ng cù cùi chỏ vào mạng sườn cô. Một bức ảnh khác đượ đóng đầ ng trên bức tường đầ i diện chặ cảnh cô đầ ng rời khỏi bữa tiệ c đượ tổ chức tại nhà Daisy, đầ i giầy lườ lắ ng trên tay, vớ i những bước chậ loạng choạng của một người say, khuôn mặt rạng ngời hạnh phúc. Hai chữ “Con đầ”, nguệch ngoạc dưới góc. Trong bức ảnh

thứ ba, chụp cảnh cô và Frank đang rời khỏi tiệm cà phê Moustafa's. Trên giyòng, bên cạnh chiếc búa và một nhóm đing, một bức ảnh chụp Tor và Guy đang ngò`i trên hai chiếc ghê` tựa sát bên nhau.

Viva rón rén bước những bước nhỏ quanh căn phòng của mình, tiê`ng vỡ thủy tinh lạo xạo dưới đê` dày, những ngọn nê`n cháy dở nằ`m vương vãi trên sàn nhà.

“Trên mỗi bức ảnh đê`u có một ngọn nê`n đang được thả`p sáng khi tôi vào đây”, Jamshed nói. “Ngôi nhà bé nhỏ của tôi có thể bị thiêu trụi”.

Viva đê`n ngò`i bên đò`ng quầ`n áo bà`y hằ`y giữa giyòng, khê` lắ`c đầ`u.

“Tôi biê`t kẻ nào gây ra chuyện này”, cô nói với Jamshed. “Nhưng có thể nó đã chề`t. Tôi vẫn chưa biê`t thực hư ra sao”.

Dứt lời, Viva chợt nhận ra những gì vừa thò`t ra từ miệng cô mới kỳ lạ làm sao. “Chắ`c hẳn ông sẽ nghĩ tôi bị điên”, cô nói.

“Thưa cô”, giọng Jamshed đột nhiên trịnh trọng, “tôi không nghĩ cô bị điên, nhưng tôi không cho phép cô mang hiểm nguy và những thứ khác vào nhà mình”.

“Ý ông là gì?”.

Jamshed khịt mũi, vẻ phẫ`n nộ: “Cô hiểu tôi đang nói gì. Làm thế nào mà bô` cô hay anh chị em của cô lại đò`ng ý để cô số`ng như thế`?”.

“Tôi không có bô` hay anh chị em gì cả”, Viva trả lời.

“Tôi không biê`t gì về` cô cả”, Jamshed nói. Ông đang đứng trước một bức ảnh chụp cảnh cô, Frank và Tor đang ngả`ngón cười đùa

trong một bữa tiệc, những ly rượu hãy còn sóng sánh trên tay từng người. “Tôi chưa bao giờ nói với cô về đức tin của mình, nhưng giờ thì tôi sẽ nói cho cô biết vài điều. Đáng tôi thương mà tôi vẫn căm thù khi cô bước chân vào nhà, tên của ngài là Ahura Mazda. Mọi diễn biến trong cuộc đời tôi đều xảy ra thông qua sự kiểm soát của ngài. Khi tận mắt nhìn thấy chúng”, ông khoát tay về phía những bức ảnh, chiếc quần lót, “tôi hiểu mình đành phải để ngài ra đi. Tôi như một đứa trẻ đã mang về nhà một món đồ chơi nguy hiểm. Không! Không!”. Jamshed giơ hai tay lên trời khi cô cố gắng thốt ra mấy câu phản đối. “Hãy để tôi kết thúc những gì mình cần phải nói. Chuyện này hoàn toàn do lỗi của tôi, chỉ vì mấy đứa con của tôi muốn trở thành những cô gái hiện đại giống như cô, cả tôi nữa, tôi cũng muốn chúng được học hành đến nơi đến chốn, nhưng ai mà ngờ được, chuyện này lại khá nguy hiểm. Trong tôn giáo của chúng tôi, sự trong sạch chính là những điều xuất phát từ trái tim mình, chúng tôi hành động theo những lời mách bảo của trái tim, và đây là...”, ông không thể tìm được ngôn từ thích hợp để diễn tả, bắt lực buông thõng hai tay, khuôn mặt đầy đau khổ. “Chúng khiếm ngôi nhà của tôi trở nên bản thiêu”.

“Họ là bạn của tôi”. Mặt đất như chao đảo dưới chân cô, Viva không biết phải làm gì. “Ông đã nhìn thấy chúng tôi ở bữa tiệc rồi đây, thậm chí ông còn rất thích bọn họ cơ mà”.

Jamshed nhún vai: “Tôi không biết gì về bọn họ. Cả cậu ta nữa”. Ông già chọc mạnh ngón tay vào tấm ảnh chụp chân dung Nigel. “Cậu ta là ai? Đây nữa?”. Ông chỉ vào bức ảnh chụp chân dung Guy. “Phải đây là người đàn ông đã có lần vào phòng cô không?”.

“Nó chỉ là một cậu bé. Tôi là bảo mẫu của cậu ta khi còn ở trên tàu. Tôi được trả tiền để làm việc đây. Thậm chí trước đây tôi còn chẳng biết nó là ai”.

“Cô không hề biết cậu ta”, Jamshed nói. “Và một cô gái còn trẻ như cô, lại được trả tiền để dẫn cậu ta sang đây? Không, tôi không tin. Ngay cả ở nước Anh, người ta cũng không để cho những chuyện như thế này xảy ra được”.

Hai mắt ông trợn tròn, đau khổ, vầng trán ông hằn sâu những vết nhăn.

“Thưa quý cô, tôi chỉ là một tín đồ Bái hỏa giáo bình thường, chúng tôi là những con người có tư tưởng khoáng đạt, nhưng tôi đã tìm thấy những chai rượu được giấu kín trong phòng cô. Đây! Tôi rất lo lắng cho mọi an nguy của gia đình mình. Tôi đã phải mất khá nhiều thời gian và công sức để giải thích với những người láng giềng vì đã cho phép hai cô con gái của mình theo học ở trường đại học - chúng khiến tôi cảm thấy xấu hổ. Cả những đứa trẻ mà cô đang giúp đỡ ở cái trung tâm tình thương kia nữa?”. Jamshed vụt đánh bốp vào một bên đầu của ông ta như muốn báo cho Viva biết chuyện này là không thể.

Cô cúi đầu. Những khác biệt về văn hóa đã y cuối n hút trước đây bỗng chốc trở thành vực sâu ngăn cách không thể nào vượt qua nổi.

“Ông Jamshed”, cô từ tốn nói, “tôi hiểu tâm trạng của ông lúc này, nhưng tôi tha thiết muốn hỏi ông một vấn đề. Ông có nhìn thấy cậu bé ấy xuất hiện trong ngôi nhà này không?”. Cô chỉ tay về phía bức ảnh chụp chân dung Guy.

“Cậu bé ấy?”. Jamshed đề n gần quan sát kỹ bức ảnh. “Ông bạn láng giềng Bizwaz của tôi từng miêu tả về một đứa trông giống như thế này. Ông ấy bảo thằng bé trông giống như một người Anh. Nó lao ra đường và cởi phăng áo khoác cùng đôi giày của mình

rô`i chầm lữa đố`t. Bizwaz đã la hét và đuồi theo nó nhưng thắ`ng bé đã bỏ chạy trước khi ông á`y bắ`t kịp”.

“Đúng là nó chỉ cởi áo khoác và giầy thôi chứ?”.

“Chi áo khoác và giầy thôi”.

Im lặng. Viva mãi mê với thông tin vừa nhận được

từ Jamshed.

“Ông có chắ`c không?”.

“Bizwaz không bao giờ nói đố`i”. Ánh mắ`t ông già liế`c cô sắ`c lẹm khi trả lời.

“Ôi lạy Chúa”, cô gầ`n như gào lên. “Nhưng có thể như thế` lại hay. Chúng tôi đề`u cho rằ`ng thắ`ng bé đã chề`t”.

“Cô nghĩ thắ`ng bé đã chề`t?”. Jamshed đưa tay lên gãi đầ`u như thể những ý nghĩ tồ`i tẹ đang chạy đồ`n sang ông hết như những con gián bản thủ. “Cô Daisy Barker từng bảo với tôi, rằ`ng cô là một quý cô người Anh trẻ tuổi nhưng rắ`t mực đứng đắ`n, và giờ đúng là như thế` thật”. Ông già ngừng gãi đầ`u, nhìn thẳng vào mắ`t cô. “Thứ lỗi cho tôi, cô Viva”, ông nói. “Tôi không thể để cô tiế`p tục ở lại đây nữa. Không phải bây giờ, bởi ngoài kia trời đã tồ`i, nhưng sáng mai thì cô phải đi. Cô không thể ở lại đây được nữa”.

“Ông Jamshed”, cô năn nỉ. “Làm ơn hãy để tôi giải thích tắ`t cả chuyện này, ngày mai tôi sẽ mời chị Barker đế`n đây để trình bày với ông, chị á`y...”.

“Thứ lỗi cho tôi, thưa cô”. Ông già giơ tay, cương quyế`t. “Cả hai cô đề`u là người ngoại quố`c, nên các cô không hiểu được đâu. Tôi chỉ có thể nhắ`c lại cho cô hiểu: quanh đây có những kẻ rắ`t cuồ`ng

tín. Bọn họ luôn nghĩ những cô gái kiều như cô là...” Jamshed dừng lại, không thể thốt nổi thành lời những điều ông đang nghĩ trong đầu. “Không trong sáng”, cuối cùng ông cũng lên tiếng. Đã nhiều lần tôi phải bảo vệ cho cô trước sự lên án gay gắt của bọn họ. Nhưng giờ thì tôi không thể. Chuyện này quá nguy hiểm”.

“Tôi hiểu”, Viva có thể cảm nhận được hơi nóng bốc từ dưới cổ lên mặt. “Tôi không phải là một con ngốc”.

Jamshed đột nhiên tuôn một tràng: “Tất nhiên, cô không phải là một con ngốc, và tôi cảm thấy đau lòng khi phải nói với cô những điều chướng tai gai mắt ấy, nhưng thực tình tôi không lấy làm lo lắng cho cô, mà bởi tôi đang lo lắng cho mái ấm tình thương của bọn trẻ. Cô không thể biết được những người dân bình thường quanh đây nhìn cô với ánh mắt thế nào đâu. Bọn họ có thể mỉm cười với cô nhưng ngay lập tức trở nên bối rối. Cô không có gia đình, không chồng, không con, không tiền bạc. Cô là ai? Cô là cái gì? Tin tôi đi, thưa cô, thật kinh khủng khi phải nói ra những lời này với một người xa lạ trên đất nước của mình, nhưng tôi vẫn phải nói”. Ông già cương quyết gạt đầu rồi bước về phía cửa ra vào.

“Tôi có thể chào tạm biệt bà Jamshed, Dolly và Kaniz được không?” Gia đình ông đã đổ xô xử lý tất với tôi”.

“Không”, Jamshed dứt khoát. “Tôi xin lỗi. Hai đứa con gái của tôi ở nhà nhưng tôi không muốn chúng gặp cô thêm một lần nào nữa”.

Chương 41

Viva từng có lần nghe nói đến hiện tượng xuất hiện ở một số người - những kẻ nhu nhược, cô luôn quả quyết như thế - sẽ tự kết tội chính bản thân để có cảm giác mình là những kẻ phạm tội thực thụ. Ngày hôm sau, khi vừa bước chân qua ngưỡng cửa trung tâm nuôi dạy trẻ tình thương, Viva chợt hiểu được điều đã xảy ra: cô có cảm giác như thể đang mang trong mình một quả bom trứ nặng.

Viva đẩy cánh cửa cổng được chạm trổ cầu kỳ, bước vào trong. Cảm giác nhẹ nhõm ủa về trong lòng cô khi mọi thứ vẫn nguyên vẹn như mấy ngày trước. Vẫn những căn phòng với những cánh cửa chớp đóng im im, vẻ tăm tối gợi lên trong cô những hình ảnh tội tàn quen thuộc của dãy nhà, vẫn những chú chim mỗi sáng lại kéo nhau về chí chóc trên cành me giữa sân. Bể ngang khoảng sân nhỏ, tiên đến trước hàng hiên rợp bóng, cô nghe thấy tiếng Bowden đang tập đọc cho đám trẻ tham gia vào lớp thêm của bà những vần thơ trích trong cuốn sách yêu thích bằng giọng điệu mênh mông truyền cảm của xứ Yorkshire - Những vần thơ dành cho các cô gái xứ Án.

Giọt nước bé nhỏ, đám nữ sinh nhịp nhàng đọc theo, lên trầm xuống bổng như hát.

Những hạt cát bé nhỏ

Thành đại dương bao la,

Và những miền đất hứa.

Những việc làm cao cả

Cùng những lời yêu thương

Biến tinh cà`u bé nhỏ

Thành địa đàng trà`n gian.

Viva chậm rãi bước dọc hành lang im ă`ng, mò tô`i dẫn đê`n trước văn phòng Daisy, cô cảm thấ`y căng thẳng tột độ, cảm giác chóng mặt ùa về`. Điê`u gì sẽ xảy ra nế`u Daisy không tin vào cô và Guy cùng những bức ảnh vương vãi trong căn phòng của cô tô`i hôm qua, về` vụ tự tử giả mạo của Guy và tại sao Frank lại đột nhiên xuất hiện ở Ooty? Thậm chí Viva còn có cảm giác những gì vừa xảy ra với cô chỉ là những chuyện cường điệu.

Cuô`i cùng cô cũng tìm thấ`y Daisy trong văn phòng, cô đơn và nhỏ bé sau chiế`c bàn, những lá thư xếp thành chồ`ng trước mặt. Daisy vẫn cặm cụi chú`i đầ`u vào công việc, câ`n mẫn và tập trung như một chú ong. Khi nhìn thấ`y Viva, Daisy nhanh nhẹn đứng dậy niê`m nở.

“Ôi, xin chào! Rấ`t vui khi gặp lại em. Kỳ nghỉ thú vị chứ?”. Daisy vô`n vẫ` đê`n độ` đă`ng trí gài cả cây bút chì trong tay lên búi tóc sau đầ`u.

“Rấ`t thú vị, chị Daisy”. Viva quyê`t định sẽ dừng cảm đưong đầ`u với những khó khăn trước mắ`t. “Nhưng em e là sẽ phải báo cho chị biê`t một vài tin rấ`t tô`i”.

Daisy chăm chú lắ`ng nghe trong khi Viva kể lại câu chuyện của cô, thỉnh thoảng lại tròn mắ`t thố`t lên vài từ “tuyệt vời” hay “thật thú vị”.

“Thật đáng tiê`c khi Jamshed không cho phép Dolly và Kaniz tiê`p tục đê`n trường” là phản ứng đầ`u tiên của Daisy sau khi nghe

toàn bộ câu chuyện. “Chúng là hai cô bé thông minh và rất hiếu học. Nhưng còn vấn đề khác của Guy là gì?”. Viva nhìn thấy một nốt phát ban xuất hiện trên khuôn ngực của Daisy, nhưng khuôn mặt của Daisy vẫn bừng sáng rạng rỡ. “Em có nghĩ ông ấy sẽ tiếp tục thổi bùng những tin đồn về chúng ta không? Nếu quả thật như thế thì chuyện này khá nghiêm trọng đây”.

“Ôi Daisy”. Cả hai cùng cúi xuống nhặt chiếc bút chì vừa rơi trên búi tóc của Daisy xuống sàn nhà. “Em xin lỗi, rất xin lỗi”, Viva nói. “Nếu em không ở đây, chắc chắn trung tâm sẽ không rơi vào tình cảnh này”.

“Không, chị không chấp nhận như thế. Chỉ là những lời đồn đại vô căn cứ”, Daisy kịch liệt phản đối. “Ông Jamshed nói đúng - bọn gián điệp có mặt ở khắp nơi và không một người dân địa phương nào thực sự hiểu được những điều chúng ta đang làm: tại sao bọn họ nên như thế? Từ trước đến nay người ta chưa bao giờ nhìn thấy những người phụ nữ như chúng ta”.

“Còn nữa, đường lối của ngài Gandhi là không ủng hộ bạo lực, nhưng những gì ông ta đã làm được cho người nghèo và phụ nữ, những giai cấp bị áp bức bóc lột thậm tệ đến tận hôm nay, nhưng giờ thì họ có thể tạo ra sự khác biệt. Đã trút sự giận dữ lên người Anh, con giận dữ bởi nghèo đói, họ nổi giận vì chúng ta dám giáo dục dạy dỗ phụ nữ. Chúng ta đã mắc kẹt giữa hai cuộc cách mạng và sớm hay muộn, cơn giận dữ sẽ lên đến đỉnh điểm, tất cả sẽ nổ tung, và tất nhiên, những tin đồn đang lan rộng kiểu như tin đồn về Guy của em sẽ chẳng giúp được gì nhiều. Nhưng em cũng đừng có để trí tưởng tượng của mình đi quá xa khi cho rằng thằng bé chính là tác giả của những tin đồn ấy”.

“Thế thì chúng ta có thể làm gì với những tin đồn liên quan đến nó?”, Viva thắc mắc.

“Câu hỏi rất hay. Em không thể tóm cổ một kẻ vì đã quảng áo khoác của mình vào lửa”.

“Nhưng nó đã xói tung cả phòng em lên”.

“Thế em định làm gì?”.

“Em nghĩ nên báo cho cảnh sát biết”.

“Có lẽ thế”. Daisy lưỡng lự. “Nhưng nếu chúng ta làm như thế, nghĩa là chúng ta lại tiếp tục chuôt thêm những phiên toái mới. Đám cảnh sát, như em biết đây, đều làm việc dưới áp lực từ những kẻ háp táp nóng vội trong Quốc hội mới, những kẻ đang nỗ lực tìm cách để đóng cửa những mái ấm tình thương như của chúng ta. Và lại chúng ta cũng chỉ chịu đựng được đến một giới hạn nhất định nào đây mà thôi”.

“Thế còn những đồng nghiệp của chúng ta thì sao? Họ nghĩ gì?”.

Daisy tung tẩy với mớ giầy tờ trong tay. “Lần cuối cùng một quan chức chính phủ đến đây, ông ấy đã công nhận là chúng ta đang làm những công việc có ích nhưng vẫn nghĩ chúng ta nên đóng cửa chỗ này. Ông ấy còn nói sẽ không đảm bảo cho sự an nguy của chúng ta nữa. Chuyện này diễn ra cũng khá lâu rồi, trước khi em làm việc tại đây. Có lẽ chị nên nói điếu này cho em biết”.

Daisy và Viva cùng đưa mắt nhìn nhau.

“Khi chị nói với đám người làm công và bọn trẻ, tất cả đều nức nở cầu xin chúng ta đừng bỏ đi. Thật kinh khủng, đau đớn lắm. Bọn trẻ, Viva ạ, chúng chẳng có gì cả. Chị không nói tất cả bọn chúng đều muốn được ở trong mái ấm này, chúng không thể cứ mãi ở lại trong không gian chật chội và thiếu thốn, nhưng nếu chúng ta bỏ

đi, chúng sẽ chế t hoặc k t thúc đời mình ngoài đường phố . Ai đấ y phải hiểu điề u này”.

Daisy gỡ đôi tròng kính ra khỏi cặp mắ t, trông cô già thêm vài tuổi khi không đeo kính, già dặn và đấ y lo âu.

“Chị câ n bọn trẻ nhiề u như chúng câ n chị”, giọng Daisy chan chứa tình cảm. “Đấ y là sự thật. Nhưng cũng là điề u chúng ta hướng tới”. Đôi tròng kính được Daisy đeo lên mắ t trở lại. Hãy thử đi đê n tận cùng của tình thê tiế n thoái lưỡng nan đặc biệt này. Em có nghĩ cái cậu tên Guy Glover â y sẽ lại tiế p tục giáng những đòn chí mạng vào mình, hay đấ y chỉ là một trò đùa ngớ ngẩn của cậu ta?”.

“Em không biế t”, Viva thiếu nã o. “Giá mà em có thể, điề u duy nhấ t em biế t chính xác lúc này là em ghét phải trở thành người khiế n trung tâm này phải đóng cửa”.

Im lặng. Có tiế ng chào kêu loảng xoảng từ ngoài vọng vào, ngay sau đấ y là tiế ng bọn trẻ vỡ òa bên hiên nhà, chúng đang đánh vậ n một câu thơ vẫn thường được dạy trong các nhà trẻ, Mary, oi Mary bước bình, mảnh vườn cô xanh tô t đê n nhường nào?

Tám ngày sau cuộc trò chuyện với Daisy, Viva chuyển đê n ở trong một căn phòng dưới tâ ng trệt của trung tâm cùng bọn trẻ, một căn phòng nghèo nàn đê n xơ xác, hệt như buồ ng tu khổ hạnh khép kín dành cho các vị nữ tu: một chiế c giường sắ t, một chiế c tủ quầ n áo cũ kỹ, và một chiế c bàn gỗ xiêu vẹo - được tạo thành từ hai tá m ván khá rộng ghép trên những chiế c va li hành lý - tâ t cả chỉ có thê . Nhưng Viva thích căn phòng hơn bao giờ hê t. Trông giồ ng như một phòng làm việc, thậm chí chỉ dành cho việc sá m hỏ i. Cô lại bắ t đầ u phác thảo cuộc đời mình thêm một lâ n nữa. Khi Viva rời khỏi chiế c bàn, đê n bên cánh cửa mở tung những chớp cửa môn vệt, từ đây cô có thể nhìn thấ y những tán me xanh muốt rủ bóng

ngoài hàng hiên. Có lần Daisy bảo với cô, ở miền Bắc Ấn Độ, người dân quan niệm bóng râm của những cây me thuộc về thần Krishna, vị thần là hiện thân của tình yêu được lý tưởng hóa. Thần Krishna đã ra ngồi dưới bóng cây me sau khi xa rời tình nhân của mình, thần Radha, và chiêm nghiệm niềm khoái cảm mãnh liệt của linh hồn người yêu đang xâm chiếm trong lòng người.

Nhưng Talika lại kể cho cô nghe một câu chuyện khác, hấp dẫn hơn câu chuyện của Daisy nhiều. Con bé bảo những cây me đã bị ma ám, nó chỉ cho cô thấy những lá me đã tự thu mình sụp tán rũ bóng mỗi khi màn đêm buông xuống, và rằng đây chính là chỗ trú ngụ của những hồn ma bóng quế. Mọi người đều biết rõ điều này.

Sau cuộc nói chuyện với Daisy, cả hai đã thảo luận với nhau về giờ giấc làm việc của cô. Buổi sáng cô sẽ lên lớp bốn tiếng đồng hồ, sau đây sẽ nghỉ ăn trưa, đến chiều cô sẽ bắt tay vào viết về những câu chuyện của bọn trẻ. Một công việc đau lòng, cô gằn như đã nhận thấy được điều này. Hôm qua, cô dành hai tiếng đồng hồ để trò chuyện với Prem, một cô bé người Gujarati nhỏ nhắn với đôi mắt lúc nào cũng buồn rười rượi. Prem kể cho cô nghe về trận động đất ở thị trấn quê hương của nó, Surat. Cả gia đình cô bé đã bị quét sạch trong cơn động đất như thế nào, rồi chuyện Prem may mắn được một người phụ nữ tốt bụng cứu vớt, người đã bảo nó gọi bà dì, cả việc nó được người dì tốt bụng ấy dắt lên Bombay trên một chuyến tàu chật chội, kiếm cho nó một công việc mà mọi người vẫn gọi là gái điếm - cái công việc được Prem thoát ra kèm theo một nụ cười nửa miệng đầy chua chát và gọi bà dì hai tiếng "gái đi" - chuyện nó bị đánh đập, dày vò trong bàn tay của đủ loại đàn ông ở nhà thổ như thế nào trước khi Prem chạy trốn và lê thân đến với trung tâm này.

Sau hai tiếng lắng nghe, cuối câu chuyện, Viva đề nghị được đổi tên cô bé trong câu chuyện mà nó vừa kể.

“Không”, Prem dứt khoát. “Đây là lần đầu tiên cháu kể lại câu chuyện của mình với người khác. Hãy cứ giữ nguyên tên Prem trong đây”.

Ngày hôm sau, có thêm hai cô bé lớn tuổi hơn Prem dắt díu nhau cuộc bộ từ Dhulia đến trung tâm để kể cho Viva nghe câu chuyện của họ. Hai cô bé đã bỏ trốn khi bị ép buộc làm vợ lẽ cho hai ông già độc ác trong làng mình. Khi cả hai từ chối, bọn họ đã bị những ông bố bà mẹ đánh đập tàn nhẫn không thương xót.

“Bọn cháu chỉ là những đứa con gái nhà quê, nhưng bọn cháu đang thay đổi”, cô bé lớn tuổi hơn, trông khá tự tin với chiếc mũ hé ch, nói với Viva. “Bọn cháu không đáng bị đối xử như lũ bò cái hay như những con ngựa cái”.

Vài ngày sau, một hôm khi Viva đang ngồi bên bàn làm việc, nhanh nhẹn gõ như múa trên bàn phím của chiếc máy đánh chữ, cô gái ghi lại câu chuyện của Prem trước khi bữa tối bắt đầu, bỗng có tiếng gõ cửa nhẹ từ bên ngoài vọng vào.

“Có một quý cô đến thăm, thưa cô”, Seema, một cô bé mồ côi thò đầu vào thông báo. “Tên của cô ấy là Victoria”.

Dứt lời, đã thấy Tor ào vào như một cơn lốc, cuối ng cuối ng ôm chặt lấy Viva.

“Viva”, Tor há p tá p, “em phải nói chuyện này với chị ngay lập tức. Em nghĩ mình sắp phát điên đến nơi rồi”.

“Chúa ơi”, Viva dừng công việc, ngẩng đầu hỏi. “Có chuyện gì đang xảy ra với em vậy?”.

Tor lột phăng chiếc mũ trên đầu, ném mình ngồi phịch xuống ghế, thở phì phì. “Chị có gì để uống không?”, cô hỏi. “Em

không biết phải bắt đầu từ đâu cả”.

Viva rời khỏi bàn viết rót cho Tor một ly nước lọc.

“Bắt đầu từ đâu”, cô nói.

“Ừm”, Tor bắt đầu, “chị còn nhớ cái bữa trưa kinh khủng ở nhà bà Mallinson hôm nào nữa không? Khi Geoffrey bảo với chúng ta có thể gia đình của ông ấy sẽ rời khỏi đất nước này ấy? Lúc ấy em cứ nghĩ ông ấy chỉ nói đùa cho vui, nhưng không phải như thế, chuyện ra đi là thật. Sau khi chị ra về, Ci Ci đã nốc cạn chai sâm banh mở dở, rồi tiếp tục thêm vài chai nữa, bà ta cứ nốc như thế đến mức không thể dừng lại được. Thật kinh khủng, Viva. Thực sự bà ta đã khiến em kinh hoàng suốt nhiều tháng qua, nhưng đúng là cái ngày hôm ấy mới là tận cùng của khủng khiếp đối với em”.

Tor nhanh chóng uống hết một nửa ly nước trong tay.

“Về chuyện gì kia?”.

“Ừm, buổi sáng Ci Ci đã đến câu lạc bộ, bà ta cùng bà bạn đọc địa Percy Booth đã nở ra một cuộc cãi vã om sòm về chiếc áo khoác mà Ci Ci đã cho Percy mượn từ đời tám hoành nào đấy, và giờ đây bà ta muồn lấy lại nó - đúng kiểu của Ci Ci”.

“Nhưng tuần tới em đã đi rồi còn gì! Bà ta còn có ý nghĩa gì với em nữa đâu?”, Viva nói.

“Không! Nhưng mà đúng thế, đấy chính là vấn đề”. Khuôn mặt Tor đột nhiên rạng rỡ. “Bây giờ đến phần bắt ngờ nhất đây, chị còn nhớ chàng trai tên là Toby Williamson? Chàng trai đã gọi điện cho em khi chúng ta đi nghỉ ở Ooty để hỏi thăm xem liệu em có ổn không ấy. Em gần như đã quên bém mọi thứ liên quan đến anh ấy, ngoài việc ăn mặc lôi thôi và tính cách có vẻ hơi lập dị - bởi

trong buổi tối i bọn em gặp nhau, anh ấy đã mặc chiếc áo khoác mượn của bố - thế nên trông anh ấy giống như một ông bố bận rộn ấy. Viva, đừng có cười như thế, chuyện này nghiêm túc đấy.

Sau ít ngày bị Ci Ci đẩy đến Coventry, em đã rất tuyệt vọng, một hôm em đã gọi cho anh ấy hẹn gặp ở câu lạc bộ Willoughby. Lúc bấy giờ em nghĩ mình chẳng còn gì để mất nữa, thêm bức thư của mẹ liệt kê một danh sách dài dằng dặc những món đồ mà em cần phải mua về nhà, em hiểu mình cần phải mang về cho bà ấy thật nhiều quà. Nhưng với sự ra đi của Pandit và Ci Ci luôn ém mình trong căn phòng ở ngay trên đầu, em phải cuốn gói khởi đầu càng sớm càng tốt.

Anh ấy xuất hiện ngay lập tức. Cùng với chiếc xe xập xệ của mình - chật đầy quần áo và sách vở - và Ci Ci, kẻ luôn hy vọng sẽ có trò mới trong những ngày tẻ nhạt cuối cùng, đã nhìn anh ấy bằng ánh mắt kính tởm.

Toby bố i rồi, im lặng trong thoáng chốc, còn em thì giận đến tím cả mặt. Chị biết em trông thế nào rồi đấy, Viva, như một con ngốc. Em đã thàm so sánh mình với những nhân vật mà chị vẫn gặp trên tạp chí Tatler ấy - thực sự là những kẻ ngốc, trong những bộ quần áo hào nhoáng, trong những chiếc xe cẩu cạch - những điều đấy hết sức bình thường.

Ban đầu anh ấy muốn đưa em đến một nơi gọi là Bangangla. Mới nghe qua đã thấy ngán đến tận cổ - một không gian hiu quạnh như nghĩa địa, có một cái hồ ở đấy. Rồi bọn em ăn trưa ở nhà hàng ven hồ, sau đấy lại kéo nhau ra ngồi trên những bậc thang viên quanh mép hồ, nói chuyện thâu trưa suốt chiều, bắt đầu từ công việc của anh ấy - Toby là một nhà sinh vật học, hình như là một nhà điều học hay đại loại cái gì giống như thế, nhưng hiện tại anh ấy đang làm việc trong một trường nội trú dành cho nam sinh

để kiếm sống - và rồi câu chuyện bắt đầu tiến xa hơn, trở về với thời thơ ấu của hai đứa, về bố mẹ, về những chuyện vụn vặt tưởng chừng rất bình thường mà trước đây em không bao giờ muốn tâm sự với những chàng trai kiểu như Frank hay Ollie, có lẽ bởi em thấy bọn họ mới đẹp đẽ và bóng bẩy làm sao, hơn nữa trong tâm trí em luôn lớn vờn những lời chỉ vẽ của Ci Ci hay của mẹ mình, rằng “phải thật nhanh nhẹn”, khi em trở nên quá nhiệt tình và chân thành, hoặc những khi em không hề nghĩ mình lại thích hợp với những người như bọn họ. Chị có thuốc chống đau đầu đâu không Viva? Em xin lỗi, này giờ em huyền thuyên nhiều quá, nhưng chờ chút, em sẽ đi thẳng vào vấn đề ngay đây”.

Gói thuốc bột chống đau đầu đã được hòa tan vào nước uống. Tor nhắm nghiền mắt với một chiếc khăn ướt đắp hai bên thái dương, im lặng trong chốc lát, rồi lại ngò ỉ dậy.

Đây mới là chuyện hay ho nhất”, cô nói. “Trong suốt cuộc trò chuyện, em chợt nhận ra nếu Toby cắt tóc gọn hơn một chút, chăm chút đến mình một chút thì anh ấy cũng đẹp trai không kém gì ai. Rồi anh ấy đọc cho em nghe mấy câu thơ, rồi em nói: “Nghe này! Em phải cảnh báo anh - em chỉ là một đứa con gái u tô ỉ, chỉ thuộc duy nhất một bài thơ có tên “Ithaka”, đúng là lúc đây nom em thật tầm phào”.

Viva bật cười. “Rồi cậu ta nói gì?”.

“Anh ấy hỏi, “tại sao?” và em đã trả lời như sau: Bởi vì đây chỉ là một lời nói dối. Nó chỉ nói về cuộc hành trình tìm kiếm kim cương ngọc ngà châu báu với hy vọng trở thành một kẻ giàu có, nhưng nếu không đặt chân đến Ấn Độ, em sẽ chỉ là một kẻ nghèo kiết xác; bởi vì nếu em không đến đây, em sẽ không thể biết được cuộc sống quanh mình thú vị đến nhường nào.

Rồi anh ấy im lặng, không nói một lời nào nữa. Bọn em cứ ngỡ như thể bên nhau trong im lặng. Một đoàn người đưa tang chậm rãi xuất hiện ven hồ, bọn em im lặng nhìn người đàn ông cởi chiếc quần quàng quanh mình, cẩn thận kỳ cọ cơ thể của ông ta rồi vứt tro cốt của người cha đã quá cố xuống mặt hồ. Không khí lúc bấy giờ thật trầm buồn, Toby giải thích với em rằng người đàn ông đang thực hiện nghi lễ từ biệt người chết. Thật thú vị, đúng không nào? Rồi em kể cho anh ấy nghe toàn bộ câu chuyện về Pandit, nghe xong Toby thực sự lấy làm kinh tởm.

Trên đường lái xe trở về, anh ấy bảo không đừng ý với suy nghĩ của em về “Ithaka”, rằng bài thơ không chỉ đề cập đến niềm vui được khám phá những miền đất mà chúng ta chưa bao giờ được đặt chân đến, mà đây còn là những vần thơ giúp chúng ta tìm lại chính con người mình, hay đại loại là những gì giống như thế.

Sau đây Toby dừng xe ven bãi biển Chowpatty. Mặt trời đã bắt đầu nhạt nắng, rồi anh ấy hôn em. Ôi, Viva, có phải em đã điên không nhỉ?”. Đôi mắt xanh lơ to tròn của Tor vụt sáng long lanh.

“Tiếp tục đi! Kể tiếp đi!”. Viva lúc này đã gằn như nhóm người ra khỏi ghế gỗ, còn Tor trông như đang bị thôi miên.

“Anh ấy bảo: “Anh có một kế hoạch có lẽ hơi ngớ ngẩn đối với em. Em thì không muốn quay về nhà, còn anh lại muốn kết hôn, vậy tại sao chúng ta không kết hôn với nhau nhỉ? Đây sẽ là một cuộc phiêu lưu”. Những gì anh ấy vừa nói khiến em cười lăn lộn”.

“Ôi, không, không, không!”, Viva đưa hai tay lên ôm đầu.
“Không thể như thế được”.

“Có đây”. Tor cuộn hai tay đặt lên vạt áo rồi cúi đầu nhìn xuống đất.

“Tor, em mới chỉ ở bên anh ta đúng một buổi chiều. Em không thể quyết định như thế. Em không thể”.

“Nhưng không phải như vậy”. Tor vấp tấm khăn ướt lên trán. “Chuyện này khá thú vị đấy chứ. Chị biết là đôi khi chúng ta vẫn tỏ ra thông thái đến thế nào kia mà”.

“Không, chị không biết”, Viva dứt khoát. “Chuyện này không đơn giản như thế đâu”.

“Toby bảo nó giống như một cuộc hôn nhân ở Ấn Độ, ngoại trừ chuyện bọn em tự dàn xếp với nhau”.

“Nhưng không có ai như thế cả, Tor”. Viva phản đối. “Em không biết gì về cậu ta cả, rồi bố mẹ, gia đình của cậu ta nữa, bọn họ cũng chẳng biết gì về em”.

“Em biết bố mẹ anh ấy đang sống ở Hampstead, mẹ của anh ấy là kiến trúc sư, ngoài ra bà ấy còn làm thợ, và mỗi sáng vẫn thường bơi trong một cái hồ nhỏ ở Hampstead với một chiếc ấm đun nước trong tay”.

“Ôi, tốt”. Viva nói, “giờ thì mọi chuyện đã rõ ràng”.

“Đề nước ấm hơn anh mà”, Tor giải thích.

“Rất tuyệt”.

“Ôi Viva”, Tor vỗ mạnh hai tay vào nhau như một đứa trẻ. “Cô hiểu em đi. Em không muốn quay trở về miền trung Wallop trong tình cảnh này. Em sẽ có một mái ấm của riêng mình. Anh ấy bảo với em cuộc đời của hai đứa sẽ là một cuộc hành trình đầy rẫy những khám phá - giống như những tu sĩ đạo Phật vẫn thẳng hướng rừng sâu để tìm được hát-man của bọn họ hay đại loại cái gì như thế”.

“Atman”, Viva chỉnh sửa cho Tor. “Nó có nghĩa là bản ngã bên trong, và những gì thuộc về các vị tu hành ấy rất xa lạ với cuộc sống của chị”.

“Ôi, Viva”, Tor đột nhiên nhăn nhó. “Sao mỗi lúc em càng thấy đau đầu dữ dội. Chị có gói thuốc nào nữa không?”.

Viva hòa tan một ít muối Epsom vào ly nước rồi đưa cho Tor.

“Cậu ta bao nhiêu tuổi, Tor?”, cô nhẹ nhàng hỏi. Rồi bỗng thấy ngạc nhiên với giọng điệu cảnh giác của mình.

“Hai mươi bảy tuổi rồi, lương giáo viên của anh ấy ở trường nội trú nam sinh thánh Bart đóng tại Amritsar là một ngàn rưỡi bảng một năm. Bọn em cũng sẽ có một ngôi nhà của riêng mình ở đây”.

“Chị nhớ em từng nói cậu ta trông già hơn em rất nhiều”.

“Đúng là em có nói như thế, là bởi hôm ấy Toby mặc chiếc áo khoác của bố anh ấy - chiếc áo khiến anh ấy trở nên to lớn, khuynh khoáng - nhưng thực ra trông anh ấy rất mảnh dẻ”.

“Và cậu ta đã thực sự cưới hôn em chưa?”.

Tor úp mở. “Ừm...”.

“Thôi nào, Tor, nói đi”.

Sau những phút im lặng, Tor trả lời: “Em đã đính hôn”. Rồi cô vén cổ tay áo, chìa cho Viva thấy chiếc vòng xuyên bằng bạc quanh cổ tay. “Anh ấy tặng em - theo tín ngưỡng Hindu, nó có nghĩa là “dành cho người yêu đầu”.

“Nhưng em đâu phải là người Hindu, Tor”.

“Em biết, nhưng em không thể cứ há miệng chờ sung mãi được. Hôm qua bọn em đã đến Văn phòng hộ tịch Bombay để đăng ký kết hôn, và em nhận được cái này”. Tor cho Viva thấy dải băng vàng được cô thắt trên một chiếc dây chuyền đeo trong làn váy. “Tôi nay bọn em sẽ đi khỏi đây. Em đã để lại cho Ci Ci một bức thư, cả gửi điện cho mẹ mình nữa, và điều tuyệt vời nhất trong chuyện này, Viva”, đôi mắt Tor long lanh, “chính là đã quá muộn đối với bất kỳ kẻ nào có ý định ngăn cản em”.

Chương 42

Khi Tor bỏ đi, nhanh như khi cô bé xuấ t hiện, còn lại một mình, Viva đé n ngò i trên chiế c giường bé nhỏ, rưng rời với câu chuyện Tor vừa kể. Quyế t định liê u lĩnh mà Tor đã chọn khi dâng tặng cuộc đời cô á y cho người đàn ông tên Toby khiế n cô bé tiế n gâ n hơn đé n ranh giới của cái gọi là điên rồ , là mấ t trí. Ý nghĩ chỉ ít tiế ng đò ng hò nũa thôi là Tor sẽ vi vu trên chiế c xe rách nát ngược lên phương Bắ c cùng vị hôn phu của cô khiế n Viva rùng mình kinh hãi. Cô bé đã đưa ra quyế t định hế t sức chóng vánh. Điề u duy nhấ t khiế n Viva cảm thấ y dễ chịu lúc này á y là khi Tor mãi mê tiế t lộ với cô về quyế t định liê u lĩnh của mình, Tor đã không hỏi cô bắ t kỳ điề u gì về Frank.

Viva không muố n nói về anh nữa. Tá t cả đã chấ m dứt.

Một tuầ n trước, cô đã gửi cho Frank một bức thư để báo cho anh biế t, rằ ng Guy vẫn còn số ng, có vẻ như “cái chế t” của thắ ng bé giố ng một trò chơi khăm đã cùng lúc đánh lừa được cả hai người, nhưng kế t quả của trò chơi á y, cô đã phải cuố n gói khỏi căn phòng á m cúng trong ngôi nhà của ông Jamshed.

“Anh thật tô t bụng khi đã nỗ lực hế t mình để trở thành chàng hiệp sĩ của bọn em trong bộ giáp sáng ngời”, cô đã viế t như thế trong bức thư gửi Frank, sau đấ y cô lại nghĩ những lời vừa viế t ra có vẻ hơi mĩa mai, rồ i Viva thêm vào, “đé n hộ tô ng bọn em về nhà an toàn, nhưng em nghĩ sẽ tô t hơn nế u chúng ta không còn gặp lại nhau nữa”. Trong trang bản thảo đầ u tiên, cô viế t, “ít nhấ t trong một quãng thời gian dài dằ ng đặc”, rồ i lại gạch xóa những gì mình vừa viế t, cô đã nghĩ đé n thủ pháp đột ngột kế t thúc sẽ tô t hơn so với chấ m dứt từ từ trước khi đặt dầ u chấ m hế t cho tá t cả.

“Ông Jamshed và chị Daisy” cô viết tiếp, “đã giúp em nhận thức được vấn đề, hai người bọn họ đã chỉ cho em thấy tốt hơn hết trong những thời điểm như thế này, em không nên làm điều gì tổn hại đến danh tiếng của trung tâm tình thương”. Viết đến đây lòng cô chợt nao núng, ngòi bút ngập ngừng - nếu hai người không cuốn vào nhau trong cái đêm mưa gió bão bùng ở Ooty ấy, có lẽ giờ đây cô đang viết kể cho anh nghe về sự báng bỏ đối với căn phòng của mình, cả những lời buộc tội đau đớn của Jamshed dành cho cô nữa, nhưng giờ đã khác, cảm giác xấu hổ đang ám ảnh trong cô.

“Giờ đây em chỉ muốn hoàn thành cuốn sách của mình, khi đã viết xong, em sẽ đi Simla để nhận lại chiếc rương của bố mẹ mình để lại”, cô định dừng lại ở đây, nhưng sau một hồi đắn đo cân nhắc, Viva viết tiếp. “Chúc anh gặp nhiều may mắn trong tương lai. Trân trọng, Viva”.

Những dòng cuối cùng, mấy dòng ngăn ngủi đề cập đến chuyện đi Simla để nhận lại chiếc rương, có vẻ chứa đựng khá nhiều can đảm trong từng nét bút, và có thể (cô không hề có ý nghĩ ấy khi viết ra những lời này) khiến cô cảm thấy được an ủi phần nào bởi bức thư chiêm hết của cô hơn một tiếng đồng hồ đã đắn đo cân nhắc từng câu từng chữ, đã khiến cơ thể cô ướt đẫm mồ hôi, và tâm trạng cô rối rời như búi tơ. Sau khi bỏ bức thư vào phong bì, dán kín, Viva mở cuốn sổ tay, quyết định tiếp tục với công việc còn dang dở. Nhưng cô không thể tập trung tâm trí khi ngòi vào bàn viết, cô đứng dậy thờ thẩn bước quanh căn phòng chật chội, vòng tay ôm lấy cơ thể nhỏ bé, Viva gằn như rã rời vì cảm giác đau đớn đang quặn thắt trong lòng.

Khuya muộn, khi đã nằm trên giường, cô vẫn không thể chợp mắt nổi. Những hình ảnh đau đớn trong cái đêm mưa gió ở nhà nghỉ bé nhỏ Ooty ấy lại ùa về trong cô, Viva hận chính mình. Cô đáng được tương thưởng bởi những gì đã làm, và giờ đây những ý nghĩ

nhuộm đầy nước mắt của cô, cả những tiếng rên rỉ than vãn bị ai của cô, cả cái cách cô mất hết can đảm khi bám chặt lấy anh, cự tuyệt chính bản thân mình. Tự trong sâu thẳm trái tim mình, Viva chỉ ước giá cô có thể giữ khoảng cách nhất định với anh trong cái đêm mưa gió ấy. Giữ khoảng cách không phải là điều gì quá khó khăn đối với cô. Sau sự ra đi của Josie và bố mẹ, Viva đã học được một điều - và cô đã rất thành công cho đến khi nổi ê chề trong cuộc tình đầu thất bại và cay đắng với William - rằng không nên trao hết niềm tin vào bất kỳ ai, cả không hy vọng, và trên tất cả, không được bộc lộ hết bản chất trong con người mình. Như vậy cuộc sống sẽ dễ dàng hơn rất nhiều.

Hai ngày sau, cô nhận được thư trả lời của Frank.

Viva thân mến,

Cảm ơn vì đã báo cho anh biết thông tin về Guy. Quả thật anh đã cảm thấy nhẹ nhõm khi biết rằng bé còn sống. Không còn nghi ngờ gì nữa, bây giờ thì em đã có thừa khả năng để ứng phó với những tình huống khó khăn trong cuộc sống mà không cần đến những cảnh báo của anh nữa. Về phần mình, anh cũng đã quyết định sẽ nhận công việc ở Lahore, tuần sau anh sẽ đến đây. Anh có linh cảm em sẽ nhớ về anh, nhưng em sẽ không có liên lạc với anh trước khi anh ra đi.

Thân mến,

Frank.

Viva ngồi trên giường, chậm rãi đọc không sót một từ trong bức thư của Frank. Sau đây, cô vò bức thư trong tay, ném thẳng vào thùng rác, rồi cô nhảy khỏi giường, vớ lấy chiếc chổi trong góc phòng, cuống cuồng quét những nhát dài dọc sàn nhà, mỗi nhát chổi vung lên là tâm trạng cô thêm một lần xáo động. Sau khi quét

sạch căn phòng, cô lôi nước xà phòng ra lau sạch mặt ngoài chiếc tủ quần áo to lớn, dùng những tờ giấy to bản làm lớp lót dưới đáy tủ, đoạn lôi mớ quần áo của mình ra sắp xếp tỉ mỉ thật gọn gàng. Xong xuôi cô đến bên bàn viết, sắp lại đồng hồ giấy tờ, những chiếc bút và cái máy đánh chữ, xếp chồng sổ tay của mình theo thứ tự ngày tháng, cuối cùng cô ghim tờ giấy ghi lịch làm việc lên bức tường cạnh bàn viết. Tối, cuộc đời cô đã lại trở về với những trình tự nhất định. Hãy bắt tay vào công việc.

Khuya muộn, mệt nhừ và gầy như tằm, cô nằm im trên chiếc giường sắt kê gần cửa sổ. Dậy dờ trôi vào cơn ngủ, co quắp hai tay ôm chặt cơ thể, âm thanh cuối cùng lọt vào tai Viva giữa đêm vắng là tiếng của con chim cú non đang khóc khan đòi mẹ trong chiếc tổ vắt vẻo trên cây me ngoài sân. Có lẽ Talika đã bảo với cô, tiếng cú kêu nghĩa là điếm báo về tai ương sắp giáng xuống đầu những ai nghe thấy chúng. Viva thấy mừng vì đã không tin vào những lời con bé nói.

Chương 43

Bức điện Tor gửi về nhà chỉ vắn vện mấy chữ: XIN LỖI. THAY VÌ VỀ NHÀ, CON ĐÃ KẾT HÔN. SẼ VIẾT THƯ VÀ GIẢI THÍCH SAU. ĐANG RẤT HẠNH PHÚC. YÊU NHIỀU. VICTORIA xuất hiện ngay sau khi hàng loạt bức thư và điện tín trao đổi qua lại giữa Ci Ci Mallinson và mẹ của cô được thực hiện - cả hai đều đổ lỗi cho nhau trong chuyện bỏ trốn của Tor.

Bà Jonti Sowerby mở màn bằng một loạt câu hỏi nhắm vào Ci Ci, bắt đầu bằng chuyện tại sao một con bé như Tor lại có thể tự do bỏ trốn dân thân trên cái đất nước Án Độ hoang dã rộng mênh mông như thế được. Liệu Ci Ci có biết gì về cái người tên là Toby ấy? Có ai biết đến nghề nghiệp của bố anh ta không? Sowerby yêu cầu Ci Ci đề xuất ý kiến cho biết liệu nên làm gì với tấm vé một chiều mà bà đã mua trước cho Victoria, ở tình cảnh mà gia đình bà gần như không thể có đủ khả năng để trang trải cho nó. Phí tổn, “trong trường hợp nó thực sự quan tâm”, lên đến sáu mươi bảng.

Sau đây Jonti viết thư cho mẹ của Rose, than vãn về chuyện bỏ nhà theo trai của đứa con gái, nó đã khiến “trái tim của người mẹ một đời tận tụy vì con phải tan nát”.

“Chỉ những người làm mẹ mới hiểu được tâm trạng của tôi lúc này, mới hiểu được tình cảm mà tôi dành cho Victoria yêu dấu của mình nhiều đến thế nào”. Những lời lẽ trong thư của Jonti nghe ra đầy cay đắng.

Bà Wetherby, người đã đón Tor về ở cùng Rose suốt những kỳ nghỉ hè thời thơ ấu của hai con bé, đọc bức thư mà lòng như xát

muôi, nhưng bà cũng kịp viết vài dòng an ủi Jonti và hứa sẽ viết thư cho Rose để thông báo tình hình.

“Rose”, bà Wetherby viết, “gần đây đã cùng chồng chuyển lên khu vực biên giới gần Bannu. Chúng tôi đã cố thuyết phục con bé ở lại Poona, bởi ở đây sẽ an toàn hơn, nhưng con bé vẫn cứng đầu, dứt khoát ra đi. Mà chị biết đấy, chị còn chưa đây một tháng nữa là Rose sẽ ở cũ, chắc hẳn chị sẽ sớm nhận được thư trả lời của con bé.

Vài tuần nay bọn em đã không còn nhận được bất kỳ thông tin nào về nó nữa, bên ngoài vẫn che đậy bằng vẻ hạnh phúc, nhưng kể từ khi chồng em đổ bệnh, cả nhà vẫn đang cố giấu con bé tình trạng sức khỏe tồi tệ của ông ấy - Cần phải tạo tâm lý thật thoải mái cho Rose trước khi con bé vượt cạn. Dù sao thì em cũng ghi cho chị địa chỉ mới của nó: số nhà 312, khu tập thể dành cho những người đã kết hôn, doanh trại Bannu, biên giới Tây Bắc, Ấn Độ”.

Phải mất ba tuần sau đấy, bức thư của Jonti mới đến được Bannu, thị trấn bé nhỏ tiếm ẩn nhiều mối hiểm họa nơi Rose và Jack đang sinh sống được quân đội gọi bằng cụm từ “khu vực dành cho những kẻ đã kết hôn khẩn cấp”. Sau nhiều tháng chờ đợi, cuối cùng thì Jack và hai mươi đồng đội trong Trung đoàn kỵ binh số 3 được lệnh di chuyển đến đồn trú tại một vị trí mà quân đội còn chưa xây dựng doanh trại canh giữ thuộc khu vực biên giới Tây Bắc, sau khi nơi đây xảy ra một vụ đụng độ khiến năm binh sĩ thuộc lực lượng bộ binh thiệt mạng. Jack đã năn nỉ cầu xin Rose đừng theo anh đến đây. Tất cả mọi người đều biết đến những mối hiểm nguy đang chực chờ ở mảnh đất này, là những sườn núi dốc đứng tiếp nối những hẻm núi sâu hun hút, những băng đảng tội phạm hiếu chiến, Bannu là một trong những vùng đất nguy hiểm nhất trên thế giới. Ấy thế mà Rose vẫn khẳng khái đòi đến Bannu bằng được. Ban đầu cả hai mong muốn

được ở trong khu vực doanh trại Peshawar, bởi một nhẽ ở đây gần bệnh viện quân sự. Nhưng hai tuần trước khi Rose và Jack chuyển đến Bannu, một con lũ quét đã bất ngờ cuốn trôi khoảng năm mươi căn hộ trong khu vực doanh trại, biến nơi này thành vùng đất chết. Chỉ có một lựa chọn duy nhất, đúng như viên sĩ quan trực ban đã nói, là Jack đến ở cùng đồng đội trong nhà tập thể, còn Rose quay trở về Poona.

“Cô ấy sẽ ở lại nơi đây”, Jack vụng về trả lời. “Nếu ngài có thể tìm được cho chúng tôi một ngôi nhà”. Anh biết sẽ vô ích khi tranh cãi chuyện đi ở với cô.

Trong một ngày oi bức cuối tháng Tám, đôi vợ chồng sơn được trao tận tay chùm chìa khóa của ngôi nhà cấp bốn bằng gỗ nằm trong một khu vực hiu quạnh, bao quanh là bụi cỏ và những tán cây đại lúp xúp đến hút tầm mắt. Rose choáng váng như thể vừa mới nhận một nhát búa vào đầu khi vừa bước chân ra khỏi xe và nhìn thấy ngôi nhà. Cô im lặng nhìn ra ngoài xa, nơi đường chân trời đang bừng lên thứ ánh sáng huy hoàng diệu kỳ của ngày, và rồi Rose có cảm giác quàng sáng lung linh không lồ phía xa xa ấy đang chuyển động theo từng nhịp bước chân cô. Một hồi tủa ra ướm dầm khuôn ngực lúc bấy giờ đã căng phồng như hai trái dưa đến kỳ chín mọng của Rose.

Tâm trạng Rose bỗng chốc rối loạn: trong đầu cô bắt đầu hiện lên những hình ảnh đầy máu me của chiến tranh. Có lẽ cô không nên đến đây, là lỗi của cô chứ không phải của Jack, chẳng phải anh đã nhiều lần cảnh báo và ngăn cản ý định của cô đấy thôi.

Khi vừa nhìn thấy tổ ấm mới của mình, Jack đã thốt lên: “Trời ơi, trông như một cái lò mổ bản thú”. Đây là lần đầu tiên cô chứng kiến anh chửi thề, ngay cả khi hai người đã từng có với nhau

vài trận cãi vã kịch liệt khi anh thú nhận với cô về Sunita, nhưng chưa bao giờ Jack thốt lên với cô dù chỉ một từ bậy bạ. Anh tặng lời mọi cố gắng của Rose để đưa cô về vì đã không hề mong đợi ở anh sẽ đưa cô thoát khỏi tình cảnh khó khăn trong thời điểm này.

Nếu cô không đến sông ở đây, cái liếc mắt của anh như muốn nói với cô điều đầy, thì anh có thể sẽ được tự do làm bất cứ điều gì mình muốn, tự do sống cùng đồng đội trong khu lưu trú tập thể.

Mười phút sau, có tiếng gõ cửa dè dặt từ ngoài vọng vào, rồi một người đàn bà Pathan xuất hiện, nhìn hai người bằng ánh mắt ngạc nhiên và một thái độ hết sức hòng hách. Bà ta mặc một bộ shalwar kameez màu xanh đen, trên cánh mũi xỏ một chiếc khuyên bằng vàng. Trao đổi với Jack bằng ngôn ngữ Pushto, bà giới thiệu tên của mình, Laila, đến từ ngôi làng bên cạnh. Bà sẽ giúp việc nhà cho Jack và Rose, giống như một lời tuyên bố hơn là một yêu cầu xin việc. Đứng bên cạnh là chồng của bà ta, tên là Hasan, diện mạo không khác gì bà vợ, với đôi mắt xanh sắc lẹm. Ông ta bảo sẽ là tài xế và người làm vườn cho hai người, dấu mảnh đất lớn nhỏ đá cuội bao quanh ngôi nhà gỗ thì tàn không hề có bất kỳ một dấu hiệu nào được gọi là vườn. Khi Jack hỏi thăm về gia đình, con cái của người đàn bà, bà ta trả lời mình có đến sáu đứa con nhưng ba đứa đã chết. Khi nghe lời chia buồn của Jack, người đàn bà lập tức đáp lại, rằng đầy là ý Chúa.

Rose và Laila phải mất bốn ngày kỳ cọ bằng xà phòng cùng vô số nước nóng để biến ngôi nhà mộc thối thành một nơi có thể tạm gọi là chỗ nương thân lâu dài.

Khi ngôi nhà đã sạch sẽ, hai đứa con trai của Laila tên gọi Baz và Imad, đang là thợ mộc ở Bannu, đến tận nơi lắp đặt giá gỗ, sửa lại

mộng cho chiếc giường và lắp lại bản lề cho chiếc hộp gỗ được mua để đựng quần áo của đứa bé sắp chào đời.

Và hôm nay, khi chỉ còn hai tuần nữa là đến ngày đứa bé chào đời, Rose ngồi trong căn phòng nhỏ bé được dành cho đứa con thân yêu của mình, cố gắng sắp xếp lại mớ quần áo bé xíu của nó. Đã một tuần nay cô ở nhà một mình - Jack đang hành quân tuần tra ở một ngôi làng giáp ranh với Mamash, một khu vực nơi những người dân tộc thiểu số từng có lần giết chết một người lính của quân đội. Anh hy vọng cuộc hành quân lần này sẽ chỉ kéo dài trong vài ngày, nhưng có Chúa mới biết được chuyện gì sẽ xảy ra.

Kể từ cái đêm nghe Jack thú nhận về Sunita, Rose đã không tiết lộ bất kỳ điều gì cho bố mẹ mình ở quê nhà biết. Trong những bức thư gửi cho hai người, cô chỉ vờ ra vẻ than vãn về con người mới mà mình đang trở thành: to béo và ỉ ạch, da dẻ căng mọng, đầu óc lúc nào cũng lơ mơ về mọi chuyện đang diễn ra quanh mình.

Cô bước xuống giường tìm giấy viết thư. Cô phải sớm viết thư về cho mẹ. Rose lôi nổi túi hồ xốt xa của mình trên chiếc giá gỗ kê đầu bàn viết xuống, là một chiếc hộp bằng gỗ xinh xắn đựng những bức thư của bà con, bạn bè... Những bức thư đều có chung một nội dung, ca ngợi tài lanh lợi khéo léo của cô khi đã sớm đậu thai ngay sau ngày cưới, cả những lời chúc tụng về cảm giác hạnh phúc vui sướng mà Jack và cô hẳn đang dào dạt trong lòng. Hẳn như Rose chưa bao giờ phúc đáp những bức thư từ quê nhà gửi sang. Kể từ khi Jack thú nhận về mối tình trong quá khứ của anh, đã gieo vào trong cô vết thương lòng tưởng không bao giờ hàn gắn nổi, cả cái cảm giác mất phương hướng đến chơ vơ cũng theo nhau kéo về giăng kín trong cô. Ít ra thì Jack cũng đã rất can đảm khi thú nhận với cô sự thật. Anh đã hứa với cô, rằng sẽ không bao giờ gặp lại Sunita. Có chắc lòng cô dịu đi đôi chút khi nghe những gì anh hứa?

Chưa một lần cô lên tiếng oán trách anh về điều này. Cuộc sống của cô giờ đây có quá nhiều điều phải lo lắng và Rose đã quyết định sẽ phải tự mình vượt qua nỗi đau để mạnh mẽ đương đầu với những sóng gió của cuộc đời.

Rose đã lên kế hoạch cho buổi sáng của mình. Cô sẽ ngồi bên chiếc bàn kê cạnh cửa sổ, sẽ không đi đâu cả cho đến khi trả lời xong bốn bức thư, bắt đầu từ đây đã.

Mẹ kính yêu,

Cho con lời khuyên nhanh nhé, làm ơn đi. Cô Jonti Sowerby đã viết thư sang cho con để hỏi về Tor. Tất nhiên là con hiểu được cô ấy đang lo lắng đến thế nào, nhưng vẫn để năm ở chỗ, con hầu như chẳng nghe được bất kỳ chút thông tin nào về Tor kể từ khi cô ấy bỏ đi cả.

Ý con là, cô ấy có viết cho con đôi dòng để kể về tuần trăng mật ở Kashmir và đang sinh sống cùng Toby trong một ngôi nhà gỗ ở đâu đó gần Amritsar, hai người bọn họ đang chuẩn bị chuyển lên khu vực rừng núi để bắt tay vào công việc quan sát nhận dạng và nghiên cứu các giống chim. Giọng điệu của Tor trong bức thư gửi cho con nghe ra rất hồ hởi và hạnh phúc, nhưng con không chắc cô ấy có kể những điều này cho mẹ mình hay không và con không muốn tiết lộ chuyện riêng tư thầm kín của Tor. Từ khi sang đây, tâm trí con khá hoang mang, thế nên mẹ yêu dấu, xin thứ lỗi cho con, nếu mẹ thấy thư con viết ngắn quá, thì con hứa sẽ sớm viết cho mẹ một bức thật dài. Thư sau mẹ nhớ đừng quên cho con biết thân yêu đạo này thế nào. Lâu nay mẹ không kể gì về bố cả, và điều này khiến con có thể tưởng tượng ra đủ tình huống tồi tệ đang xảy ra với bố !!!

Mẹ thương yêu,

Con rất nhớ mẹ, nhưng mẹ không phải lo lắng điều gì cho con cả. Chúng con đã đánh bại lũ kiến đói ăn và giờ đây cả hai đứa đều trở nên thông minh hơn trước rất nhiều. Tuần trước chúng con cũng đã mua một cái tủ nhiều ngăn khá vừa vặn. Jack nhờ con gửi đến mẹ tình yêu của anh ấy. Giờ đây con đã phát triển thành một chú hà mã, các bác sĩ thăm khám đều bảo cả mẹ và bé rất ổn, đừng lo nữa mẹ nhé.

Con sẽ sớm viết thư khác dài hơn về cho mẹ.

Tình yêu lớn nhất của mẹ,

Rose.

Khi cô vừa định dán kín bì thư, đột nhiên đứa bé trong bụng quẫy đạp một cú thật mạnh. Rose gập người vì đau đớn, dứt cơn đau, bao lo âu vụt ùa về trong cô. Cảm giác mệt mỏi trào lên, nhưng cô không muốn biến mình thành một con ngóc khi một thân một mình bụng mang dạ chứa lê thân đến nằm tại bệnh viện quân đội gần Peshawar quá sớm. Tuần trước cô đã đến nhờ bác sĩ đội trú trong trung đoàn kỵ binh của Jack thăm khám, cô đã đặt ra cho bác sĩ một danh sách dài dằng dặc những câu hỏi liên quan đến thai nhi và người mẹ. Liệu có bình thường không khi đứa bé thường quẫy đạp khá mạnh về đêm? Tuần trước cô rất khó ngủ. Có bất thường không khi mà thỉnh thoảng cô lại cảm thấy choáng váng và rất chóng mặt? Hai hôm trước, cô đã lả đi trong nhà bếp, lúc bấy giờ Rose đang nói chuyện với Laila, đến khi mở mắt cô đã thấy mình nằm trên chiếc tràng kỷ ngoài phòng khách.

Còn ba bức thư chưa trả lời, chỉ ba bức thư thôi, rồi cô có thể lên giường nằm nghỉ, nhưng đứa bé lại quẫy đạp, những cơn đau lại cuộn lên, đều đặn như nhịp phách trống, và buồn nôn. Rose loạng

choàng đề n trước tâ m gương, lau khô những dòng mồ hôi đang đầ m đầ trên mặt.

Khi đầ bé trong bụng ngừng quẩ đầ, Rose hít một hơi thật sâu rồi tiế p tục ngồ i xuố ng trước bàn viế t, cố gắ ng tĩnh tâm để giảm bớt cảm giác căng thẳng trong đầ u, bắ t cứ điề u gì bình thường đề u mang đầ u á n của thời buổi tân tiế n.

Hai trang giấ y trên cùng ươn ướt và ẩm mùi rêu mô c. Cô thẳng tay xé nát và ném chúng vào sọt rác.

Cô Sowerby yêu quý, cô Sowerby yêu quý, cô Sowerby yêu quý. Cảm ơn vì đầ viế t thư cho cháu. Cháu... Nế u cô cứ lặp đi lặp lại kiểu như thế chắ c hẳn sẽ nhanh chóng đầ n lời thư tiế p theo.

Cô Sowerby yêu quý,

Cháu rấ t vui khi nhận đầ được thư của cô. Gầ n đầ Tor chỉ viế t cho cháu vài dòng, nhưng giọng điề u của bạn á y nghe ra rấ t hạnh phúc. Cháu biế t lúc này cô đầ ng rấ t đầ u khổ, nhưng cháu nghĩ cô không nên lo lắ ng quá nhiề u cho Tor.

Cháu cũ ng cảm ơn cô về những lời khuyên chân thành về chuyện sinh nở của cháu. Bác sĩ khám cho cháu hy vọng đầ bé sẽ chào đầ trong hai tuầ n nữa, cháu sẽ nằ m ổ tại một bệnh viện quân đầ ở Peshawar, rấ t gầ n chỗ ở và khá tiện nghi, hơn hẳn các bệnh viện đầ phương ở quê nhà. Cháu rấ t ôn, cảm ơn cô rấ t nhiề u.

Nhà mới của vợ chồ ng cháu nằ m ở một nơi khá tách biệt và yên tĩnh. Cháu có thể nhìn thấ y những...

Rose ngừng viế t, đầ bút xuố ng bàn. Phía cuối đầ ng chân trời, ánh sáng lung linh mờ ảo đầ bắ t đầ u xuấ t hiện trên nề n trời nhập nhòa bóng tối, những giọt mồ hôi lại lắ m tâ m xuấ t hiện

trên trán Rose. Cái nóng cuối hè mỗi lúc một ngọt ngào đến nỗi nếu Jack không phải xa nhà làm nhiệm vụ, hẳn cô sẽ ra ngủ ngoài hiên, nhưng thực tình hôm nay thì cô không đủ can đảm, chỉ cần nghĩ đến mùi hôi của đám bọt xít và tiếng ộp ộp của lũ ếch cũng đủ khiến cô rùng mình.

“Thưa bà chủ”, Laila mang cho cô một ly nước chanh.

“Cảm ơn, Laila. Tôi nghĩ hôm nay chúng ta nên mở bộ tách đĩa dùng để uống trà ra dùng, được không nhỉ?”.

Cô chỉ về phía chiếc thùng đã được gói ghém cẩn thận nằm ngay ngã trong một góc hiên nhà. “Viết xong mấy bức thư, tôi sẽ ra giúp bà”.

Laila không hề hiểu dù chỉ một từ trong những gì Rose vừa nói, nhưng vẫn mỉm cười, lắng nghe hết sức chăm chú. lát sau, Rose đã ra ngoài hiên giúp Laila một tay dọn bộ đồ uống trà. Khi cô đang ngó vào xem gói chiếc tách sứ ra khỏi lớp giấy gói, đột nhiên Rose cảm giác như đang có một chiếc nút đóng đầu nắp chai bị bật tung ra ngoài giữa hai chân mình.

Rồi cảm giác ướt át do nước chảy tuôn đầy dọc trên hai chân, thấm ướt cả đôi giày của cô. Xấu hổ chưa! Cô tè dầm ra sàn nhà ngay trước mặt Laila. Phải nhanh chóng lau chùi ngay lập tức, ý nghĩ tiếp theo vụt đến trong đầu, cô muốn thở phào nhẹ nhõm - ơn Chúa vì Jack đã không chứng kiến cảnh tượng bê bết này.

Nhưng có vẻ Laila đã hiểu chuyện gì đang xảy ra với cô. Bà ân cần đỡ lấy tay cô, nụ cười trên miệng bà tươi rói.

“Đứa bé đang chào đời”, Laila bập bẹ nói với cô bằng thứ tiếng Anh không thể nào tệ hơn. “Ồn rồi, ồn rồi”. Rồi bà âu yếm vỗ nhẹ vào lưng cô.

Rose hồng hên bởi cơn choáng váng trong lần sinh nở đầu tiên, vẫn cố hít hà theo vào với Laila: “Laila, gọi bác sĩ ngay đi, làm ơn. Doktor, Doktor”.

Ít phút sau cô nhìn thầy Hassan đang vút roi đen đét lên mông chú ngựa già nua của ông ta, phi như tên bắn về phía thị trấn.

“Ngồi xuống nào, thưa bà”. Laila đã lót cho Rose một cái tổ bằng những tấm nệm ngồi mềm mại, kê đầu lên một súc thân mây của hiên nhà, bên cạnh chiếc thùng đựng đồ sứ uống trà.

“Chắc đây chỉ là tín hiệu báo động sai”, Rose theo vào nói với Laila, rồi nhướn miệng mỉm cười. “Tôi không được sắp đặt thời gian nhiều hơn hai tuần cho chuyện sinh nở”. Rồi cô chỉ tay về phía mở tách đĩa bằng sứ đang mở gói dở. “Cứ tiếp tục, tiếp tục đi”, cô nói với Laila bằng chút vốn liếng ngôn ngữ Pushto ít ỏi của mình. “Tôi không sao đâu, cảm ơn bà”.

Sau khi Laila đã hoàn tất công việc với đồng lý tách thìa đĩa bằng sứ dùng để uống trà, bà bê tất cả vào bếp. Còn lại mình Rose nằm bên hiên nhà, dưới chân núi lắng nghe tiếng gầm gào của dòng sông và tiếng chiêm chiếp của lũ chim non đang học hót trên những tán cây. Cô kéo tấm chăn lên che tận cằm, cứng rắn tự nhủ lòng không được sợ hãi, ngay cả khi đứa bé bất ngờ đập một cú thật mạnh vào thành bụng khiến cô nghiêng rú lên đầy đau đớn. Nếu đứa bé chào đời sớm hơn dự định, thì đây không phải là chuyện gì lớn lao đáng để buồn lòng. Bác sĩ sẽ đến và cô sẽ khiến Jack tròn mắt ngạc nhiên khi đón anh trở về với đứa con xinh đẹp, khỏe mạnh trong tay.

Mọi chuyện giữa hai người trở nên tồi tệ kể từ khi anh thú nhận với cô về mối quan hệ với Sunita. Cô có cảm giác giữa anh và cô chỉ còn được neo lại với nhau bằng một sợi dây hết sức mỏng manh,

móng manh đến nỗi nếu cô đưa tay giặt nhẹ một chút, nó sẽ đứt phụt và rồi tất cả sẽ chầm hết.

Rose nằm bên hiên nhà, bắt đầu quen dần với cảm giác nhói đau dịu nhẹ bởi những cơn co bóp dạ con mang lại. Cô đã nằm đây gần một tiếng đồng hồ, chờ đợi tách trà đang được Laila lục đục pha cho mình trong nhà bếp, vu vơ tự hỏi tại sao bác sĩ Patterson ở Poona lại không nói với cô chi tiết những điều dù nhỏ nhất cần phải chuẩn bị trước khi sinh nở, thậm chí cả trong cuốn sách Về đẹp người phụ nữ hiện đại và các cách vệ sinh đúng đắn mà cô đã ngấu nghiến từ nhiều tháng trời qua, không hề có lấy một dòng đề cập đến vấn đề cô đang gặp phải. Nhưng điều cô đang băn khoăn trong đầu lúc này lại là, tại sao người ta cứ phải om sòm vì những chuyện như thế này? Nó thực sự chẳng tệ hơn chu kỳ kinh nguyệt của phụ nữ là bao.

Điều quan trọng là phải giữ được bình tĩnh, cô tự dặn lòng. Những cơn đau thắt đang cuộn lên trong dạ con được Rose ví như những ngọn sóng, rất dễ dàng nhón chân nhảy qua, và khi những ngọn sóng ấy theo nhau cuốn ra xa, chúng để lại trong cô cảm giác êm mượt mịn màng như bờ cát trắng.

Khi Laila bước ra hiên nhà với một đĩa bánh quy trong tay, cô trấn an bà bằng nụ cười rạng rỡ, bằng sức chịu đựng dẻo dai của mình. Laila đang khoác trên mình bộ shalwar kameez màu xanh nhạt, Rose sẽ mãi khắc ghi hình ảnh ấy đến suốt cuộc đời. Cô ngửi thấy mùi hương thoang thoang dịu dàng của hoa hồng, mùi thơm nồng nàn của gia vị. Mười đầu móng tay của cô trắng hồng, sạch sẽ.

Cô uống cạn tách trà, nhắm mắt thiếp đi trong chốc lát, rồi cơn đau thắt lại dựng cô dậy. Mặt trời đang từ từ chìm khuất sau dãy núi trập trùng cuối tầm mắt, tiếng dòng sông gầm gào và

đổ thác từ ngoài xa vọng đến. “Hassan về nhà chưa?”, cô hỏi. “Daktar”. Cô không chắc Laila hiểu được những gì mình nói, thậm chí trách cứ bản thân mình bởi đã không cố gắng học cho được thứ ngôn ngữ của bà ta.

Laila khẽ cong người dịu dàng xúc nách cô thận trọng dìu Rose bước quanh hiên nhà. Khi cô bất ngờ gặp người vì cơn đau, Laila nhẹ nhàng xoa tay sau lưng Rose. Mặt trời vẫn là đốm chìm khuất sau đường chân trời, Rose tiếp tục nếm xuống bên hàng hiên. Lũ chim đã bắt tiếng hót. Laila mang ra cho cô một ít mơ khô, một lát bánh mì phết bơ, rồi bà động viên cô uống hết tách trà lúc này đã bắt đầu nguội lạnh trong tay. Cô cố gắng để không rên rỉ thành tiếng trước mặt Laila. Hassan sẽ sớm trở về, cũng có thể là Jack hay bác sĩ.

“Ôiiii! Ôiiii!” Cô gào lên như một con vật. “Xin lỗi, xin lỗi”, rồi cô hôn hên xin lỗi Laila khi bà chạy đến bên cạnh âu yếm vỗ về cô. “Ôiiii. Cứu với!”

Cô nhìn đồng hồ. Đã bảy giờ, bóng tối đã bao trùm lên khắp không gian, cơn mưa rào bắt chợt ập đến rào rào ngoài cửa sổ. Nỗi cô đơn giăng mắc lại dâng lên trong lòng, Rose chưa bao giờ cảm thấy cô đơn nhiều đến thế. “Hasan đâu rồi? Daktar? Cả ngài đại úy Chandler nữa?”. Cô mím môi cố không gào lên, nhưng Laila đã nhún vai đầy thờ ơ, khẽ giơ tay như thể cả hai đang dấn nhau đến trước một hẻm núi hiểm trở.

“Giúp tôi với”, Rose thều thào, vẫn gõng mình cố để không gào lên. “Tôi nghĩ đứa bé sắp chào đời”.

Laila dìu cô vào trong phòng ngủ, giúp cô ngồi xuống chiếc ghế kê gần cửa sổ, từ đây cô có thể phóng tầm mắt ra ngoài nhìn thẳng lên dãy núi mờ xa trước mặt, sau đây là bộ quần áo ngủ may

bằng vải kẻ sọc của Jack từ dưới gô i lên vắ t lên thành ghế . Bà lột tá m chắ n đắ n trái trên giường xuố ng, lột một tá m vải dầ u lên, sau đầ y lắ y một tá m chắ n khác trái lên trên.

“Đừng lo lắ ng gì cả”. Ngồ i trên ghế , Rose số t ruộ t nhìn Laila. Không còn thắ y đầ u, nhữ ng gì cô muố n lúc này chỉ là đượ c nắ m đuổ i thắ ng người trên chiế c giường êm ái. “Bá c sĩ sẽ đế n ngay thoi”.

“Bà chủ, tôi xin lỗi, xin lỗi”, Laila bô i rô i.

Không kịp mở cú c vá y, Rose ngã vậ t ra giường.

Cô gầ o lên từng chặ p không ngó t. Sao trước đây không có ai nói cho cô biế t chuyệ n này lại có thể đầ u đón đế n thế .

“Ồn thoi, không sao đầ u Laila”, cô dụ gọng khi cơn đầ u lắ ng xuố ng. “Cá m ơn bà rắ t nhiề u”. Thậ t kinh khủ ng khi bị người khác chứ ng kiế n trong hoàn cảnh này.

Một giờ trước khi bình minh ló rắ ng, khi mà Rose bắ t đầ u lò mề cảm thắ y mình sắ p chế t, đầ u bé đầ chào đờ i và một người phụ nữ khác xuấ t hiệ n, có lẽ là bà mụ trong làng - cô không bao giờ biế t bà á y là ai - ào đế n bên cô cắ t dầ y rô i cho đầ u bé.

Giữ a nhữ ng tiế ng xì xầ m, Rose lò mề nhận thắ y Laila đắ ng nhẹ nhàng đặ t đầ u bé vào vòng tay cô. Rose thố t lên: “Con của mẹ! Con trai của mẹ!”. Gọng cô nghẹn ngào, thậ m chí cô ngỡ ngàng như không muố n tin vào nhữ ng lời đầ y xúc độn g mình vừa thố t ra. Điề u kì diệu đầ u tiên của cô. Cơn đầ u vẫn còn âm i trong Rose, nhưng trong đờ i mắ t rắ ng ngò i niề m vui của cô, nó trở thành vô nghĩa. Rose nhìn ra ngoài cửa sổ, mặt trời buổi sáng như một khô i cầ u khổng lồ đắ rự c đắ ng bút mình bay lên khỏi nhữ ng đắ ng núi, cảm giá c hân hoan hồ i trầ o lên trong cô, tràn ngập, đầ y bá t ngờ. Cô muố n uố ng trầ , muố n đượ c ắ n gì đầ y, cô muố n ôm hôn

mọi người, ôm hôn vụn vặt quanh mình. Khi Laila ẵm đứa bé khỏi giường để lau rửa và bọc nó trong bộ quần áo sơ sinh bằng vải bông mềm mại, Rose nhìn bà chà những vết bẩn dính trên da đứa bé bằng một mẫu chà và mà Laila đang nhòm nhem trong miệng, cô không thể hiểu tại sao Laila lại làm như thế, nhưng giờ thì cô hoàn toàn tin tưởng vào bà.

“Trao đứa bé lại cho tôi nào Laila”. Rose mỉm cười. Bầu trời bên ngoài cửa sổ ngập tràn ánh nắng, một tách trà nghi ngút khói đặt trên chiếc khay để bên cạnh giường. Trên sàn nhà là chiếc thảm vẫn được Laila mang ra quỳ gối cầu nguyện mỗi khi đêm xuống, bộ quần áo ngủ của Jack vắt hờ trên chiếc ghế bên cạnh.

“Trao đứa bé cho tôi, trao đứa bé lại cho tôi nào”. Giọng cô ngân nga, đôi mắt như cười loáng nước, hai người đàn bà, một già một trẻ chìm ngập trong niềm hạnh phúc vô biên.

Một chòm tóc vàng hoe mịn như tơ mọc trên đỉnh đầu đứa bé, mềm mại như một nhúm lông vũ mọc trên mình lũ chim. Làn da của đứa bé hãy còn đôi vết hằn nhẵn do những nỗ lực điên cuồng của Rose trong cơn đau đẻ suốt cả đêm qua, đôi mắt đứa bé lơ đãng trong cơn ngái ngủ nhưng lập tức phản ứng, trở nên nhanh nhạy khi Rose vỗ nhẹ lên cằm nó.

Laila kê đứa bé sát bầu vú căng tròn của Rose. Cảm giác khá buồn cười, nhưng cô thích mê tiếng chọt chọt nghe sao mà đáng yêu đến thế do đứa bé phát ra khi nó mãi miết ngậm đầu vú cô mút lấy mút để dòng sữa ngọt ngào tuôn chảy từ đầu vú. Rose sẽ không bao giờ cảm thấy mệt mỏi vì nó, cô dám chắc điều đó.

“Ngủ đi, thưa bà”, Laila nhẹ nhàng nói với cô khi đứa bé miên man thiếp đi trên bầu vú cô. Bà tắt đèn, vuốt phẳng tấm chăn cho Rose, cô muôn hôn chúc bà ngủ ngon, nhưng Rose biết cô

không nên làm như thế, bởi nếu cô hôn Laila, chắc chắn bà sẽ phải mất bốn ngày trời kỳ cọ tắm rửa để tẩy sạch cơ thể. Người Án không thích được hôn, ít nhất không phải nụ hôn của những bà chủ dành cho họ.

“Cảm ơn, Laila”. Cô nói. “Tôi không biết phải cảm ơn bà bao nhiêu mới đủ”.

Laila chắp hai tay vào nhau, khẽ cúi đầu, mỉm cười với Rose, một nụ cười dịu dàng và đầy ắp niềm hạnh phúc.

Mười giờ tối hôm ấy, Jack nhẹ nhàng bước vào phòng khi cả hai mẹ con Rose đang say sưa chìm trong giấc ngủ. Anh cầm ngọn đèn để bên cạnh chiếc giường, đưa con trai đầu lòng của anh chỉ là một nhúm bé tí năm lần khuấy giữa một mớ quần áo, im lìm trong những cuộn vải. Rón rén đến gần hơn, Jack nhìn thấy một vòng hoa cúc vạn thọ quấn quanh cổ đứa bé, những bông hoa màu đỏ tía hết như khuôn mặt của một ngài đại tá thô ng lĩnh già nua với áp lực chém giết đang đè nặng trên vai, hay giống như màu trái cà chua cuối mùa chín rục. Rose nhợt nhạt năm bên cạnh ấp ủ đứa bé, những quần áo thâm xuất hiện dưới mắt cô.

“Em yêu”, Jack lay nhẹ cô. “Em yêu”. Anh âu yếm vuốt nhẹ chỏm tóc trên đầu đứa bé, bàn tay Jack chuyển sang vuốt nhẹ mái tóc ẩm ướt vì mồ hôi của Rose. Anh mê mải ngắm những ngón tay bé tí như những mầm cây mới nhú, cong cong giữa làn vải áo.

Rose mở mắt, Jack đứng đầy, cao lớn trước mắt cô, chiếc quần đi ngựa ướt sũng vẫn còn vịn trên người, hai hàng nước mắt lăn chã chạy dài trên đôi gò má. Cô nhẹ nhàng dùng vạt váy lau dòng nước mắt cho anh, Jack cúi xuống hôn lên trán cô.

“Thằng bé kháu khỉnh quá”, cuối cùng anh cũng thì thầm với cô.

Cô đặt ngón tay lên môi anh, nhắm miệng mỉm cười, rạng rỡ.

“Con trai của chúng ta đây”, cô thì thào, rồi nhẹ nhàng bế đứa bé trao vào tay anh. “Điều tuyệt vời nhất trên đời”.

Jack không tìm thấy bộ quần áo ngủ của mình, anh đành mặc mỗi chiếc quần đùi rồi nằm xuống bên cạnh hai mẹ con Rose.

“Bác sĩ sẽ sớm đến kiểm tra cho cả hai mẹ con”, anh âu yếm nói với cô. “Ông ấy đang trên đường đến đây. Có một vụ lở đất trên đường, nhưng đã được dọn sạch. Anh không thể tin được sao em lại có thể dũng cảm đến nhường ấy”.

Bàn tay anh nắm chặt tay cô, cả hai cùng nằm im trong bóng tối. Đứa bé nằm im lìm trên đầu hai người, một thiên thần đang ngủ.

“Anh đã có con trai”, Jack lầm nhảm trong bóng tối. “Anh không xứng đáng với con trai mình”.

Đứa bé khẽ ngọ nguậy, chỏm tóc mượt mà mịn như tơ trên đầu con trai khẽ cọ nhẹ vào tay anh.

Rose siết chặt những ngón tay Jack. “Có đấy, anh xứng đáng với con trai của chúng ta”.

Chương 44

Viva đang vui vẻ chơi tennis cùng cô bạn thân Eleanor thì một bà xơ xuât hiện thông báo với cô mẹ đã mất. Chị Patricia, một cô gái người Ai-len gầy gò khẽ vẩy tay ra hiệu cho cô rời khỏi sân chơi, cả hai bước dọc lối mòn dẫn đến trường học. Những gì còn đọng lại trong tâm trí Viva lúc này chỉ là cảm giác căng thẳng cố gắng không bước chân vào những vết nứt trên mặt đường, và cảm giác trống rỗng giăng kín tâm can, lèn chặt và lạnh băng như tuyết.

Viva chỉ thoáng lẩn cánn trong lòng một chút rồi thôi - những ngày này cô không muốn suy nghĩ nhiều về những điều ẩn sâu bên trong con người cô - nhưng hai ngày trước, mọi thứ bỗng chốc đổ vỡ, khi đám nữ sinh trường dòng được dẫn ra ngoài thưởng thức vở kịch Nàng Bạch Tuyết ở Chester. Viva ngồỉ trong lòng nhà hát kín bưng, với một túi kẹo cam thảo hiệu Liquorice Allsorts trong tay, say mê với những trường đoạn đang diễn ra trên sân khấu, cho đến khi hoàng tử xuât hiện, ngồỉ trên một cành cây được trang trí bằng những dây kim tuyến sáng lấp lánh, say mê hát cho Bạch Tuyết nghe “Một thiếủ nữ xinh đẹp giồỉng như một giai điệu”. Bài hát yêu thích của bôủ cô. Kếủ thúc buổi biểu diễn, Viva rời khỏi nhà hát cùng một nữ tu sĩ sống trong tu viện, cả hai hãy còn phấủn khích bởi vở kịch rấủt hiếủm hoi mới được thưởng lãm. Nữ tu sĩ cho cô mượn chiếủc khăn tay đã dùng của mình, im lặng nhìn cô đứng dưới vậủng ánh sáng đầủy màu sắủc của dây đèn màu trang trí đêm Giáng sinh bên ngoài trung tâm thương mại Debenhams, hỏủn hểủn và nứủc nỏủ, ánh mắủt vờ dắủn vào mắủy người mẫu bằủng hình nộm đứng sau ô cửa kính, cho đến khi Viva trắủn tỉnh trở lại và quay ra nhập vào đòủn nữ sinh đang đứng chờ cách đầủy không xa.

Mọi người đều nghĩ tốt hơn hết nên tặng lờ cơn xúc động mãnh liệt vừa rồi của Viva, trên xe buýt quay trở về trường, cảm giác xâu hổ chợt trào lên trong lòng Viva, và cô tự dặn lòng sẽ không bao giờ để chuyện này xảy ra thêm một lần nào nữa. Thế giới này giăng đầy những chiếc bẫy, và từ bây giờ trở đi cô phải biết cách tránh không để mình dính vào chúng, và cách tốt nhất để không dính bẫy, ấy là cô phải biết kiềm chế cảm xúc, phải thật lạnh lùng trước mọi chuyện, và đến tận giờ này, quyết định ấy luôn giúp cô an toàn trước sóng gió của cuộc đời. Chuyện này giống như một bài hát được viết từ những lời ca ủy mị và những giai điệu suốt mướt mà cô phải thật thận trọng mỗi khi quyết định ngân nga.

Giờ đây sau những bài học, những trải nghiệm thực tế đã thuyết phục được Viva mỉm cười với cuộc đời sau khi Frank rời xa cô, yên lòng sau sự ra đi của anh. Viva vui mừng vì Frank đã không có liên lạc trở lại với mình. Có lần Daisy đã tình cờ nói với cô, rằng chị nghe nói Frank đã chuyển đến làm việc tại Lahore, một công việc với những kế hoạch đầy hấp dẫn. Sốt rét là căn bệnh khủng khiếp và nhân loại phải nhanh chóng tìm ra thuốc chữa, càng sớm càng tốt.

Ngày ra đi, Frank thậm chí còn không gọi cho cô để nói lời tạm biệt. Như thế cũng tốt.

Giờ đây chỉ còn lại công việc. Mỗi đêm khi bọn trẻ đã lên giường đi ngủ, cô lại đến ngồi bên chiếc bàn nhỏ kê cạnh cửa sổ, lắng nghe tiếng róc rách trong đường ống dẫn nước cũ kỹ, tiếng cú kêu lạnh người trên những tàng cây bên ngoài cửa sổ, tiếng bọn trẻ ứ ớ gọi nhau trong cơn mê, sau đấy cô sẽ cầm bút tiếp tục công việc viết lách hãy còn dang dở. Cô miệt mài viết đến tận một, hai giờ sáng, ghi lại những câu chuyện chân thực về cuộc đời của bọn trẻ. Những đứa trẻ dưới ngòi bút của cô hiện lên đầy can đảm và kiên cường -

như chính cô đã có lần như thế - nhưng tất cả rồi sẽ phải học cách để không bước lên vết xe đổ đầy rạn vỡ của quá khứ.

Cuốn sách có vẻ khó viết hơn cô tưởng. Ngay cả khi Daisy đã nhieu lần cố gắng động viên, hâm nóng ngọn cảm hứng của cô, đầu đó giữa những mớ hỗn độn trong tâm trí cô, Viva vẫn mừng tượng rằng, được sống dưới mái ấm tình thương Tamarind, chắc hẳn với đại đa số những đứa trẻ nơi đây, phải là niềm hạnh phúc vô biên, giống như một ý niệm thoáng qua trong cuộc đời mà hẳn mọi đứa trẻ nơi đây đều từng có lần mơ mộng đến. Giờ đây cô nhìn quan niệm ấy như một điều gì đầy ảm đạm xen lẫn chút gì như ngạo mạn, kiêu căng. Một số đứa, đúng là như thế, đã rất tận tâm nguyện với đồ ăn thức uống hàng ngày cùng giường êm chăn ấm mỗi khi đêm về, những đứa còn lại đầy ắp âu lo khi phải sống ở một nơi là sự giao thoa giữa hai thế giới. Chúng nhớ cái nóng như thiêu như đốt, nhớ cuộc sống chật vật và hoang dại trong những khu ổ chuột. Chúng lo sợ dòng bào của mình vẫn mỗi ngày lê la trên phố ở ngoài kia sẽ nghĩ chúng là những kẻ “bán mình cho Chúa vì chút lợi lộc vật chất tầm thường”, sẵn sàng bán cả linh hồn mình cho một bữa ăn nóng sốt. Một số cậu bé đã thẳng thừng tuyên bố với Viva, rằng có thể lúc này chúng sống nhờ mái ấm của trung tâm này, nhưng chúng sẽ là những cậu bé đầu tiên của ngài Gandhi.

Nhưng bất cứ điều gì bọn trẻ kể ra đều được Viva quyết định ghi chép lại một cách trung thực, từng câu từng chữ một, góp nhặt ngày này qua ngày khác, những trang bản thảo mỗi ngày một dày lên trên bàn viết của cô. Daisy cũng từng gửi một số câu chuyện của bọn trẻ nơi đây cho một người bạn của cô là chủ một tòa soạn báo ở Macmillan, bạn của Daisy đã trả lời nếu cô có thể viết thêm được vài chương nữa và trau chuốt ngôn từ cho mượt mà, chắc hẳn tòa soạn sẽ sử dụng chúng.

Giờ đây cô đã hết sức chú tâm vào công việc viết lách, cô đã xác định sẽ làm chuyện này thật nghiêm túc, và rồi khi cô ghé mắt lướt qua tờ Thư tín tiên phong đọc được mẫu thông cáo về Rose, vợ của ngài đại úy Jack Chandler đã sinh hạ một cậu con trai được đặt tên là Frederick, Viva thực sự kinh ngạc và choáng váng - ừm, chuyện này là như thế nào? Cô lập tức viết thư chúc mừng Rose đã mẹ tròn con vuông, gửi kèm một chiếc tã trẻ em cực kỳ xinh xắn, do một cô bé trong trung tâm tình thương làm. Cô quay trở lại với công việc, còn rất nhiều điều để viết trong cuốn sách trước khi cô đủ tự tin để gửi cho các nhà xuất bản. Tháng Chín trượt qua, rồi tháng Mười cũng nhanh chóng rơi lại sau lưng, rồi mùa đông kéo đến ngang qua trời Bombay, mang theo những ngày nắng đẹp, ấm áp, bầu trời trong sáng đến tinh khiết, cùng những buổi chiều tà hoàng hôn buông xuống nhanh đến không ngờ, cả những đêm liu riu gió lạnh quét từ trên dãy Himalaya xuống, cuốn qua đồng bằng Deccan rộng lớn để rồi giúp Viva có thêm một tấm chăn dày nữa đắp trên mình trong những đêm nổi gió.

Đầu tháng Mười một, bọn trẻ bắt đầu háo hức bởi thời điểm trăng tròn sẽ sớm xuất hiện ở Kartika, điều này có nghĩa lễ hội lớn nhất mà chúng đang chờ đợi đang đến gần: Lễ hội Diwali, lễ hội ánh sáng của người Hindu. Diễn ra trong đêm tối trời nhất của năm, đánh dấu thời điểm bắt đầu của mùa đông, sự trở lại của hai vị thần Hindu, Sita và Sam, thời điểm đón mừng sự trở lại của ánh sáng sẽ xua tan màn đêm tăm tối.

Thứ Ba, ngày 3 tháng Mười một, đêm trước thời điểm lễ hội chính thức khai cuộc, một cậu bé tên Vijay được chọn đóng vai thần Ram, được kiệu vòng quanh căn phòng ngủ tập thể chật chội, với một thanh gươm làm từ giấy bìa cứng nắm chắc trong tay; China, một cô bé mồ côi đến từ Bandra, được chọn đóng vai nữ thần Sita.

Ít phút sau, có tiếng gõ cửa phòng Viva. Talika xuất hiện, lộng lẫy trong chiếc váy hội: bộ sari màu hồng đào, cánh tay nó đeo đầy những chiếc vòng được tết từ những nhánh cỏ, một lớp phấn đen đánh quanh mí mắt con bé. Đôi tai bé nhỏ của con bé trĩu nặng bởi những chiếc vòng gián dây vàng chen nhau đeo kín trên mình. Khuôn mặt Talika rạng rỡ, đầy tự hào xen lẫn đôi chút thẹn thùng, Viva tiến tới định ôm con bé vào lòng nhưng nó đã lùi lại, nhất định giữ khoảng cách với cô. Tuần trước, có lần Viva hỏi Talika có nhớ chút gì đến vòng tay ôm ấp của mẹ nó nữa hay không, con bé đã trả lời cô như sau, đầy quả quyết, rằng “mẹ chưa bao giờ ôm cháu vào lòng cả. Mỗi lần từ nhà máy trở về, mẹ rất mệt mỏi”. Talika như một chú mèo hoang cô đơn bước đi trên đời.

Đứng cạnh Talika là Savit bé bỏng, cậu bé có một chân bị bỏng khá nặng, hôm nay Savit mặc một chiếc kurta mới tinh, một chiếc vương miện vàng chói đội trên đầu, Neeta đứng bên cạnh mặc một bộ sari màu tím cùng một sợi dây trang sức hình lưới liềm được kết từ những hạt nhựa màu đỏ giả hồng ngọc vắn trên đầu thông xuống đung đưa ngang trán.

“Trông cháu thế nào?”, Savit hỏi cô.

“Rất tuyệt”, Viva trả lời. “Giống hệt thần Ram”.

Thằng bé cười tít mắt, rồi nặng nề lê chiếc chân tật nguyền bước đi, trông nó có vẻ đang rất phấn khích.

Viva cùng bọn trẻ lang thang giữa những quầy hàng chắt đầy kẹo ngọt, mút cà rốt tẩm mật ong và những chiếc bánh ngọt điểm hạnh nhân thơm phức. Chiếc vương miện bằng giấy bìa cứng trên đầu Savit tả tơi sau một hồi chen lấn, nhưng thằng bé vẫn không chịu cởi ra khỏi đầu. Trong lúc tập tễnh bước bên Viva xuyên qua

một đám đông huyền ảo, Savit hân hân thông báo với cô rằng Uma Ooma, vị thần nữ ánh sáng, đã hiện thân.

“Nữ thần ánh sáng xuất hiện xua tan bóng tối”, thán ngữ bé tỏ vẻ hiểu biết.

Tiếng trống chợt dậy lên râm ran khắp mọi ngõ đường, tiếp theo là tiếng kèn trum-pet chói tai vút lên, rồi bất ngờ từ giữa biển người đang đu đưa lúc lắc đầu theo điệu nhạc xuất hiện một pandal gần như nghiêng hẳn sang một bên với một vị thần được trang trí cực kỳ lộng lẫy ngời trên một chiếc kiệu, những vòng hoa mộc lan quây dài quanh cổ, điểm xuyết thêm những cánh hoa hồng và hoa nhài thơm ngát.

Một người đàn ông kiệu một đứa bé mập mạp trên vai chen lên phía trước đã cản tầm nhìn của Viva cùng những người đứng sau, không còn ai nhìn thấy thần Savit nữa, bọn trẻ vẫn kiên nhẫn chờ đợi.

Talika giật mạnh tay áo của Viva. “Mamji, Mamji”, giọng con bé hào hứng. Mỗi khi phẫn khích, Talika vẫn gọi cô bằng tiếng mẹ đẻ trĩu mến. “Lakshmi xuất hiện tối hôm nay”.

Lakshmi được xem là nữ thần tài của những người Hindu. Viva biết tối nay mọi cánh cửa ở Byculla đều mở rộng, chào đón sự viếng thăm của nữ thần Lakshmi. Rồi những chùm pháo hoa bất chợt vút lên giữa trời đêm ngập tràn ánh sáng: những vòng pháo hoa bùng nổ ngập tràn không gian về đêm đậm màu da cam, tiếp đến là tiếng đạn pháo nổ tung giữa tầng không, soi sáng khuôn mặt của những đứa trẻ đang đứng quanh cô ngựa cỗ say mê nhìn lên trời, từng khuôn mặt ngây thơ biến đổi theo sắc màu của những màn pháo hoa đang bùng nổ trên trời cao; xanh, vàng rồi chuyển sang hồng

tươi, đám đông không lơ` trên phố` cùng nghệt mặt há hờ` c miệng sững sờ trước màn pháo hoa ngập tràn màu sắc.

“Vui chứ?”, Daisy xuất hiện bên Viva từ bao giờ, lên tiếng. Một sợi kim tuyến quấn trên mũ của cô. “Chị hy vọng em sẽ đến dự bữa tiệc do chị tổ chức sau buổi tối hôm nay”.

“Chị thử cô` ngăn không cho em đến đây xem, Daisy”, cô trả lời, nhoẻn miệng mỉm cười. Sau một quãng thời gian dài vật lộn với công việc, trong buổi tối hôm nay, cô chợt thấy phấn khích, niềm hứng khởi tràn ngập trong cô, Viva có cảm giác cô đã sẵn sàng để tận hưởng niềm vui cuộc sống.

Đến nửa đêm thì không khí lễ hội trên đường phố` đã lắng xuống, cô dẫn bọn trẻ quay về` trung tâm và đôn đốc chúng lên giường đi ngủ. Sau khi bọn trẻ đã ngoan ngoãn lên giường, còn lại một mình, Viva bước ra ngoài phố`, từng tốp từng tốp người đang dật dờ kéo nhau quay về` nhà trong làn khói mỏng tang mờ hồ` bởi những màn pháo hoa đã bắn lên trời từ mấy tiếng trước hãy còn lẫn khuất trong lòng thành phố`. Một con chó hoang cụp đuôi luôn lách sục sạo giữa một đống tạp nham bầy`y dưới một chiếc bàn kê trên vỉa hè.

Vừa bước chân từ trên hè xuống lòng đường, Viva nghe thấy tiếng chuông từ góc đường đối diện vọng lại, tiếp theo là tiếng bánh xe rệu rã nghiến trên đường, rồi một bàn tay khẽ chạm nhẹ vào cánh tay cô.

“Thưa quý cô”, một ông già nhỏ thó với đôi mắt mờ đục hình quả hạnh chỉ vào chiếc xe của ông ta. “Cô Barker sai tôi đánh xe đến đón cô. Xin mời lên xe”.

Ông già đánh xe lên đường, làn da nhăn nheo của ông khẽ cựa quậy, Viva lúc bấy giờ đã thấm mệt sau một buổi tối vui chân theo

lễ hội cùng bọn trẻ, dựa lưng vào thành ghế, khép mắt mơ màng ngủ. Khi tỉnh giấc, cô khẽ kéo tấm vải màn che ô cửa sổ bé tí bên mình chiếc xe, nhìn ra ngoài đường. Chiếc xe đang lao vùn vụt trên con đường chật chội bẩn thỉu, hai bên đường phơi dày những áo quần đã được giặt sạch.

“Không phải lỗi này”, Viva đập cửa. “Cô Barker ở gần bệnh viện Mái ô kia mà. Làm ơn dừng lại”.

Nhưng chiếc xe vẫn vùn vụt lao về phía trước, ông già đánh xe vẫn ngồì im.

“Dừng lại!”, cô hét lên, đáp lại lời cô vẫn chỉ là tiếng bánh xe nghiến lên mặt đường rít rói. Tiếp theo là những tiếng động chói tai vang lên bởi va đập, tim cô đập rộn ràng khi nhìn ra ngoài, không một bóng người. “Xin lỗi! Xin lỗi”. Cô hiểu lúc này mình cần phải tỏ ra nhã nhặn với ông già đánh xe. “Đây không phải là nơi tôi muốn đến. Ông nhậm đường rôì”.

Viva cô nhòm người về phía trước, nhưng ngay lập tức cô đã bị ngã dúi về phía sau bởi ông già đánh xe lại thúc ngựa tăng tốc.

Chiếc xe tiếp tục chao đảo rẽ vào một con đường chật chội khác, bánh xe lăn lóc cóc trên những viên sỏi khiến hai hàm răng của Viva liên tục lập cập va vào nhau. Cô nhìn sang bên phải, chiếc xe đang băng qua khu ổ chuột mà người dân địa phương vẫn gọi bằng cái tên chawls, gồm những khu nhà xập xệ tạm bợ nơi đám công nhân lưu động vẫn thường trú ngụ. Ngoại trừ một ngôi nhà hầy còn le lói ánh đèn dầu tù mù hắt ra, còn lại đều chìm trong bóng tối đặc quánh. Một cú giạt mạnh kèm theo một cú xóc đến chao đảo, chiếc xe ngoặt sang bên phải, tại một góc đường Viva nhìn thấy hai cô gái mặc sari đang đứng lẫn khuất trong quầng sáng vàng vọt hắt ra từ

những ô cửa sổ có lưới sắt bao bên ngoài của tòa nhà sau lưng. Những cô gái điếm, Viva nhủ thầm.

Chiếc xe đột ngột dừng lại, đôi mắt trắng dã lơ đãng dán vào tấm màn cửa sổ, Viva nhìn thấy rõ cả hàm răng xin màu trắng đang nhăn nhó ngoài cửa xe.

Một lưỡi dao sắc lạnh dí vào thái dương Viva.

“Ra ngoài”, một giọng nói lạnh lùng vang lên.

Không có dấu hiệu nào cho thấy lễ hội Diwali từng tồn tại ở đây, không một chút màu mè trang điểm nào xuất hiện, chỉ bầu trời nhạt nhòa màu da cam bao trùm lên những ngôi nhà ổ chuột tiêu vẹo im lìm trong bóng tối.

Người đàn ông ép cô đi vào một ngõ hẹp, Viva bước phía trước ông ta. Bên tay phải là một cống thoát nước dậy mùi hôi thối của chất thải, giữa những đống rác cao ngất là những mảnh vỡ của một chiếc xe đạp năm chông chơ, thêm những khúc xương của một loài vật nào đấy có kích thước trung bình năm vương vãi xung quanh, có lẽ là xương lừa. Viva bắt gặp những ánh mắt sắc lạnh ẩn nấp sau những vách cửa dán vào mình khi cô bước ngang qua.

Viva dỏng tai, cố gắng lắng nghe những âm thanh lộn xộn phát ra sau những ô cửa sổ xập xệ hai bên ngõ hẹp: tiếng trẻ con khóc, tiếng leng keng của chai lọ va vào cạnh bàn, tiếng nhạc dậm dật... Người đàn ông liên tục thúc mũi dao vào sau lưng cô, đau điếng, miệng không ngớt lầm bầm, “Gora”, - đờng ngoại quốc - ngôn từ tục tĩu cô vẫn thường nghe máy đưa trẻ bụi đời lang thang ngoài đường phố thốt lên với những người nước ngoài.

Cuối con ngõ, ông già đánh xe dừng lại trước một ngôi nhà chật chội, cánh cửa chắc nịch đóng kín. Máy ô cửa chớp trên đầu nhờ

nhờ bụi bám, bên trong căn nhà tối i như bung.

“Dừng lại”, người đàn ông nói.

Cửa nhà được mở. Một cánh tay lồi tuột cô dọc hành lang chật chội lúc bảy giờ đã được một ngọn đèn dầu tù mù thắp sáng. Có tiếng bước chân nhẹ nhẹ lọt vào tai Viva. Ai đấy y túm lấy tóc cô giật ngược trở lại, trước khi cô kịp hét lên, một búi giẻ dậm mùi dầu máy tối ng thẳng vào miệng Viva.

Một cánh cửa được mở ra, cô bị dúi một cách thô bạo vào khoảng không tối i sẫm và ẩm ướt bên trong, đầu cô va phải vật gì đấy cứng như gỗ, có thể là một chiếc ghế hay một cánh cửa sổ. Viva nghe thấy giọng của một người đàn ông hét lên, tiếng ghế nghiêng kèn kẹt lên nên nhà khi cô ngã xuống. Điều cuối cùng cô lơ mơ nhận thấy là cảm giác thắt chặt bởi sợi dây thừng buộc cứng quanh cổ tay rồi lên tận cổ, rồi một cú đập mạnh vào đầu, trước khi chìm dần vào bóng tối i, Viva mơ hồ cảm nhận được mùi vị lạnh tanh của kim loại xộc vào mũi.

Chương 45

Khi Viva tỉnh dậy, một người đàn ông trung tuổi, trên đầu đội một chiếc mũ vải với những hoa văn thêu thùa khá cầu kỳ đang nhìn chằm chằm vào cô. Đôi mắt ông ta mở to, vàng vọt. Hơi thở sặc mùi tỏi.

“Cô à tỉnh rồi”. Người đàn ông nói bằng tiếng Hindi với kẻ nào đấy mà Viva không thể nhìn thấy.

Cô thấy lạnh. Cổ tay cô hằn lên những vết dây thắt bầm đỏ. Mảnh vải lạnh quăn sau lưng cô có mùi cây gai dầu xen lẫn mùi ẩm mốc.

“Tên tôi”, người đàn ông đội mũ thêu giới thiệu, “là Anwar Azim”.

Một gã thân mập nhưng khá rảnh rỗi, với một chiếc mũi khá lớn ngự chính giữa khuôn mặt, những chiếc răng vàng lòn nhòn trong khuôn miệng với môi dưới hơi trề khiến người đối diện có cảm giác gã từng bị dính một dao vào miệng và được khâu lại bởi một viên bác sĩ có tay nghề cực tệ. Giọng gã lạnh lùng, khà khà kiểu của những kẻ nghiện thuốc nặng, nhưng tiếng Anh của gã khá chuẩn, không hề tỏ ra chút dấu hiệu thiện chí nào. “Tôi đã muốn được diện kiến cô từ lâu”.

Gã khịt mũi, âm thanh do gã phát ra khiến cô sợ cứng cả người. Sau khi đã nhổ sạch thứ dốt dãi trong miệng vào ống nhổ bằng đồng dựng trong góc nhà, gã đứng đung nhìn Viva.

Đầu cô đau như búa bổ khiến Viva không thể tập trung quan sát kỹ khuôn mặt người đàn ông trước mặt cũng như không gian chật chội của căn phòng nơi cô đang bị giam giữ. Cô chỉ lờ mờ nhận thấy

đây là một căn phòng khá nhỏ, chỉ rộng chừng mười mét vuông, vách tường bao quanh chỉ chít những vệt như hoen ô, tằm thắm trải nhà rách như xơ mướp. Trong góc phòng, một chiếc bàn bên trên đặt một bàn thờ đầy màu sắc thờ thần Ganesh, vị thần mình người đầu voi; dưới chân bàn vương vãi những mẩu đọt thuốc lá. Một vòng hoa cúc vạn thọ đã héo rũ quăn quanh cổ vị thần, và, thật khó hiểu, một chiếc ô tô đồ chơi màu đỏ nằm gọn trong lòng bàn tay của thần Ganesh.

Đôi mắt của người đàn ông chăm chú dõi theo ánh mắt của Viva. “Đây không phải là phòng tôi”, gã giải thích với cô.

Ngay chính giữa trần gã là một vệt chàm nâu và một vệt lõm khá nông, dấu hiệu của những tín đồ Hộ giáo mộ đạo, những kẻ thường xuyên sụp đầu quỳ gối cầu nguyện vài lần mỗi ngày.

Đầu óc cô mơ màng, không còn ý thức được thế giới xung quanh. Khi cô tỉnh lại lần thứ hai, một gã trai trẻ với hàm râu lún phún trên khuôn mặt rõ chảnh rõ chít nhưng nom khá thân thiện đang chăm chú quan sát cô. Gã trai trẻ đang nấp đuổi người trên một chiếc chõng kê trước một cánh cửa đóng im ỉm. Đầu cô nhói đau khi Viva quay người lại nhìn gã.

“Tôi khát nước”, cô nhũn nhận hỏi. “Cho tôi chút gì để uống được không?”.

Thật ngạc nhiên, gã trai trẻ lập tức bật dậy.

“Tất nhiên”, gã nói, rồi nhanh nhẹn chụp lấy chiếc bình đựng thứ nước nhờn nhờn màu gỉ sắt lên rót đầy một cốc.

Gã trai trẻ nâng cốc nước lên ngang miệng cô, lập tức Viva uống ừng ực một hơi cạn cốc nước. Gã thanh niên quay mặt đi như thể Viva đang ném ánh mắt đầy giận dữ của cô vào gã.

“Tôi xin lỗi”, gã trai trẻ nhẹ nhàng nói với cô, “chỗ này hơi xập xệ. Tôi không biết chỗ này lại mất vệ sinh đến thế”.

Cô có cảm giác mình đang há hốc miệng khi nghe những lời gã thanh niên vừa thốt ra.

“Tại sao tôi lại bị bắt đến đây? Tôi phải làm gì?”.

“Tôi không thể nói cho cô biết lý do vì sao”, gã trai trẻ vẫn nhã nhặn. “Đấy không phải là trách nhiệm của tôi. Ông Azim sẽ quay lại. Trong lúc chờ đợi, cô có muốn ăn chút gì không?”.

“Tôi muốn về nhà”, giọng cô thiếu nã. “Tôi không làm chuyện gì sai trái cả”.

Đầu cô vẫn nhức nhối những cơn đau, cảm giác choáng váng lại ủa về trong Viva, mặc dù một phần trong tâm trí cô vẫn cảm nhận được tình thế nguy hiểm mà mình đang dính vào, nhưng cảm giác mệt mỏi bất hạnh đang cuộn lên trong cô như một màn sương mù đặc quánh khiến Viva chỉ muốn nhắm xuống, nhắm mắt và chìm sâu vào giấc ngủ, mặc kệ chuyện gì xảy ra vào lúc này.

Khi Viva tỉnh giấc trở lại, cô đưa mắt nhìn về phía cửa sổ, một vệt sáng mỏng manh lọt qua kẽ hở giữa những ô cửa chớp rơi thẳng vào căn phòng. Sợi dây buộc trên tay cô đã biến mất, hai cánh tay của Viva được xếp ngay ngắn trên vật áo, một vết phồng rộp nổi lên trên vòng dây da đeo quanh cổ tay cô.

Một người đàn bà đầy đà mặc một bộ sari cáu bản đứng trước mặt cô, hai tay bê một chiếc khay bên trên đựng hai chiếc bánh ngọt và một hũ nhỏ đậu lăng rang. Gã trẻ tuổi lún phún râu đã trò chuyện với cô tối hôm qua bằng thứ tiếng Anh khá lịch thiệp xuất hiện trước ngưỡng cửa, ra lệnh cho người đàn bà mang bức tượng thân đầu voi

bằ ng thạch cao đi khỗ khác. Người đàn bà ngoan ngoãn ôm bức tượng trong tay, bước ra ngoài đi xuố ng phía dưới.

Viva không có cảm giác đói bụng nhưng cô vẫn ép mình ăn một chút với hy vọng sẽ giúp tâm trí cô minh mẫn trở lại. Trong lúc nhả nha nhai, hai tai Viva vẫn dỏng lên nghe ngóng mọi động tĩnh xung quanh: tiế ng ô ng bơ leng keng lẩn lông lố c ngoài đường phố , tiế ng đóng cửa sầ m sầ m, tiế ng lóc cóc của chiế c xe ba gác, cả tiế ng kêu thảm thiế t của một chú chim lạc đàn.

Cô nhìn đờ ng hồ ̣ đeo tay - chín giờ kém hai lăm phút sáng. Giờ này chấ c hẳn mọi người đang số t ruột chờ cô ở trung tâm tình thương. Daisy đã tràn trề hy vọng cô sẽ đế n tham dự bữa tiệc, cô đã hứa sẽ không để Daisy thất vọng, nhưng rõ i những ý nghĩ tiêu cực lại ập đế n. Né u hôm nay là thứ Tư, cô gầ n như chấ c chấ n như thế , Daisy đã dạy xong một lớp buổi sáng ở trường đại học, và những người khác có thể sẽ nghĩ cô ấy đang ở cùng cô. Và lại, làm thế nào mà mọi người sẽ tìm thấ y cô ở đây được? Một căn phòng kín mít ở một xó xinh nào đầ y trong một khu ổ chuột giữa muôn ngàn khu ổ chuột giố ng nhau trong lòng thành phố rộng mênh mông này.

Trong khi Viva ăn, gã thanh niên thơ thẩn bên chiế c chõng, ánh mắ t vẫn dán chặt vào cô. Một khẩu súng để bên cạnh gã, cùng hai chiế c dao găm còn nhét trong vỏ bọc da.

Khi cô vừa kế t thúc bữa ăn, gã trẻ tuổi đột ngột bước ra khỏi căn phòng, thò đầ u xuố ng dưới câ u thang gào lên má y câu, rá t nhanh chóng người đàn bà lúc nầy xuấ t hiện, mang theo một chiế c xô dầy mùi chấ t thải. Trong lúc đi vệ sinh, Viva lờ mờ nhớ lại có lầ n ai đầ y đã nói với cô, rằ ng đàn ông Á n Độ sẽ cảm thấ y nhục nhã với ý nghĩ về ̣ những người đàn bà chỉ dùng để thực hiện các chức năng thỏa mãn thân xác.

Người đàn bà lượn tới lượn lui chờ cô xong việc, ngay lập tức thô lỗ tiếp tục quất dây trói quặt hai tay cô ra sau. Ném vào cô một cái nhìn xa lạ xen lẫn hiêu kỳ, một chút độc ác, nhưng khi nghe những tiếng bước chân thậm thịch của đám đàn ông bước lên cầu thang vọng đến, cả hai cùng cứng đờ cả người, những động tác của người đàn bà lập tức quỳnh quáng, vội vàng và hấp tấp, rõ ràng bà ta cũng đang sợ hãi đến rúm ró cả người.

Cánh cửa xịch mở, Anwar Azim bước vào.

“Xin chào, cô Viva”, giọng gã đàn ông trung tuổi nhẹ nhàng, đôi mắt gã lướt từ trên cổ xuống ngực, rồi chạy thẳng xuống giữa hai chân cô. “Tôi qua cô thế nào?”, gã khẽ nuốt nước bọt, vẻ thèm muốt.

“Rất khó chịu”, cô trả lời gã. “Tôi không hiểu tại sao mình lại bị giữ ở đây”. Cô quyết định nhìn thẳng vào mắt gã.

Gã ngoác miệng ra ngáp, răng lợi gã phơi bày trước mặt cô, mồm một. “Tôi xin lỗi nếu cô thấy bất tiện. Tôi có thể giúp được gì cho cô?”.

“Có chứ”, Viva trả lời, “tôi muốn có một tấm chăn, tôi thấy lạnh”.

“Có lạnh bằng nước Anh không?”, gã chòng gheo cô, không khí trong căn phòng lúc này khá ấm.

Rồi gã đứng dậy, kéo ghế ra sau. “Đừng lo”, gã nói. “Cô chỉ cần trả lời vài câu hỏi rất đơn giản của tôi, rồi cô có thể về nhà”.

Gã quay đầu lại nói điếu gì đấy với gã trẻ tuổi lúc bấy giờ đang đứng cách đấy không xa với một chông vải màu đen trên tay. Gã trai trẻ nghe xong lập tức rũ chông vải choàng lên những ô cửa sổ,

ánh sáng lập tức bị chặn đứng ở bên ngoài, một ngọn đèn dẫu nhanh chóng được châm lửa, mang ra đặt giữa bàn.

“Xin lỗi vì những phiền phức đã gây ra với cô”. Khi Azim tiến gần đến trước mặt và nhìn thẳng vào mắt cô, Viva chợt nhận ra đôi mắt của gã mới yêu ớt làm sao, tròn trắnng mờ đục, nhợt nhạt như lòng trắng trứng gà.

Gã lôi từ trong túi áo ra một chiếc hộp bằng ngọc, rút ra một điếu thuốc rồi nhét vào giữa đôi môi dày chẵnng chịt vết sẹo, dùng một chiếc bật lửa khá sang trọng, cô nhận ra đây là một chiếc bật lửa hiệu Dunhill, cực kỳ đắt tiền - loại bật lửa vẫn được bà Driver sử dụng để châm điếu xì gà xén tà hai đầu vào mỗi sáng sớm.

“Vậy thì”, gã đàn ông trung tuổi tiếp tục sau khi nhả ra một ngum khói màu xanh lơ đờ cuộn lên uốn éo vây quanh đầu gã. “Thực ra chuyện này khá đơn giản. Thứ nhất, tôi muốn cô cho tôi biết Guy Glover đang ở đâu, sau đây tôi muốn được nghe từ chính miệng cô kể lại những gì cô đã làm trong buổi tối thứ Sáu tại mái ấm tình thương của các cô”.

Yêu cầu của gã khiến Viva kinh ngạc. “Ông muốn biết những gì?”.

“Thằng nhãi Glover đã theo dõi mọi động tĩnh của cô ở đây bao lâu nay, ít nhất là cho đến khi chúng tôi mất dấu nó. Dẫu sao”, gã đột ngột dịu dọng trở lại, “cho tôi biết cô đã làm gì”.

“Ừm, không có gì nhiều”, cô trả lời. “Chúng tôi ăn tối cùng bọn trẻ, sau đây đọc sách cho chúng nghe rồi yêu cầu chúng lên giường đi ngủ”.

“Cô đọc chuyện gì cho bọn trẻ nghe?”.

“Nhiều chuyện: phiêu lưu mạo hiểm, thân thoại, điển tích trong kinh thánh, trong sử thi Ramayana”.

“Còn gì nữa không?”.

“Không. Chúng tôi cố tạo ra một đêm đặc biệt trong tuần, nhưng chỉ với cảm giác tất cả nhân viên cùng ăn tối với bọn trẻ. Chúng tôi đều mong muốn đi đâu đấy”.

“Vậy thì những lời đồn kiểu như ở trung tâm tình thương các cô bắt các cậu bé tắm cùng các bé gái là không đúng?”. Gã dừng lại, gỡ mấy sợi thuốc lá dính trên môi xuống. “Thế còn lời đồn xoay quanh chuyện các cô thường tắm rửa một cách lộ liễu nhằm mục đích khiêu gợi trước mặt bọn trẻ thì sao?”. Giọng của gã đàn ông đột ngột trở nên lạnh lùng như trước.

Cảm giác sợ hãi trào lên trong lòng Viva. “Phải Guy Glover nói với ông chuyện này không?”.

Azim không trả lời, gã nhìn thẳng vào mắt cô.

“Nếu đúng như thế, thì nó đã nói dối”, cô nói. “Chúng tôi tôn trọng bọn trẻ và chúng rất tôn trọng chúng tôi. Nếu muốn, ông có thể đến để chúng kiểm tra, lúc bấy giờ ông sẽ hiểu”.

“Chúng tôi luôn có tai mắt của mình ở khắp nơi”, gã trả lời rồi đưa tay quẹt ngang miệng, tiếp tục dán mắt vào cô. “Và chúng tôi đã chứng kiến tận mắt và nghe thấy những điều hết sức tồi tệ”.

“Câu hỏi tiếp theo. Tại sao cô lại chọn sống tại Byculla?”.

Cô nhìn gã, hít một hơi thật sâu. Cô thằm thằm nhăm nhăm tính, hẳn phải có đến mười hay mười hai vết khâu trên môi gã, có vẻ là những vết thương do dao gây ra, mỗi khi gã nhoẻn miệng mỉm cười, môi dưới lại méo mó đến thảm hại.

“Bởi vì tôi thích mảnh đất ấy. Tôi có việc làm ở đất ấy”.

“Tại sao cô liên tục hỏi bọn trẻ về những câu chuyện xảy ra trong cuộc đời chúng rồi đưa cả họ tên thật của bọn trẻ vào trong cuốn sách của mình?”.

Gã nhặt lấy chiếc áo khoác, cuốn sổ tay của Viva lộ ra sau lớp vải nhung lót bên trong.

“Nó là của tôi”. Khi cô vừa chồm nhóm người về phía gã, lập tức Viva nghe thấy tiếng lên đạn rôm rốp ngoài cửa. Gã bảo vệ đứng phắt dậy.

“Ngồi xuống”. Gã đàn ông trung niên ngồi trước mặt đột nhiên hét lên với cô như một con chó đại. “Trả lời câu hỏi của tôi”.

Cô lấy lại tự chủ, cô trả lời gã: “Tôi đang viết những câu chuyện về bọn trẻ”.

“Tại sao?”. Đôi mắt gã mở to.

“Bởi vì đất ấy là những câu chuyện rất thú vị”.

“Chẳng có gì thú vị cả; chúng chỉ là những đứa trẻ bụi đời, với những cuộc đời rác rưởi”. Dứt lời, gã phác một cử chỉ đặc sệt Án Độ, giơ tay phác lên một bên mặt như thể đang xua một con côn trùng chuẩn bị bám vào người. “Còn nhiều chủ đề hay hơn cho cô viết. Thế cô có những cuốn sách nào đã từng xuất bản? Tôi có thể mua chúng ở đâu?”.

“Không”, Viva trả lời gã, “đất ấy là cuốn sách đầu tiên của tôi”.

“Tiếng Anh của ông rất tốt”, cô lên tiếng khen ngợi gã sau một hồi lâu im lặng. Cô quyết định sẽ nói vài câu nịnh bợ gã, chí ít cô cũng phải thử hót vài câu đã. “Ông học ở đâu thế?”.

“Đại học Oxford, giống như anh trai tôi thôi”, đầu gã khề đùng đưa nhẹ cho thầy gã đang tỏ ra hài lòng với mấy lời tán dương vừa rồi của Viva. “trước đây là ở trường thánh Crispin”.

Cô đã từng nghe nói về ngôi trường ấy, một trong những trường công ở Á n Độ được ca ngợi là “Eton của nước Á n”. Ở đây người ta thừa hưởng phong cách giáo dục của phương Tây, dạy những giá trị thuộc về cuộc sống, những chuẩn mực và phong cách của người Anh cho con trai của các ông hoàng xứ Á n, hoặc giả là con trai của bất kỳ ai có đủ khả năng tài chính để trang trải cho con cháu mình.

“Phải đây là nơi các ông tổ chức những buổi lễ kỷ niệm sự kiện đêm Guy Fawkes?”.

Gã đứng phắt dậy, cau mặt khó chịu. “Đừng có hỏi tôi”, gã nói. “Chúng ta không có nhiều thời gian đâu”.

Khi gã háp táp rời khỏi căn phòng, Viva phỏng đoán chắc hẳn gã đang vội vã đến với lễ cầu nguyện buổi trưa. Ít phút sau cô nghe thầy tiếng nước nhỏ từng giọt tong tong lên sàn nhà, rồi tất cả lại rơi vào im lặng, Viva tưởng tượng hình ảnh gã đang phủ phục thực hiện salah, lễ cầu nguyện bắt buộc mà những đứa trẻ Hồi giáo ở trung tâm tình thương của cô vẫn thường thực hiện mỗi ngày năm lần, vào lúc bình minh, khi mặt trời đứng bóng, vào giữa chiều, lúc hoàng hôn và sau khi bóng tối đã bao trùm lên vạn vật.

Trong lúc chờ đợi, gã trẻ tuổi làm nhiệm vụ canh gác trước cửa liên tục chĩa họng súng về phía cô.

Khoảng nửa giờ đồng hồ sau, Azim quay trở lại phòng giam.

“Vừa rồi ông đi cầu nguyện à?”.

“Không”, gã trả lời. “Tôi không phải là người mộ đạo. Không ai trong số chúng tôi là những người ngoan đạo cả”.

Diều đã y có nghĩa cô đã đoán nhầm, Viva nhìn kỹ vết hằn trên trán gã, chính giữa hai mắt, hóa ra chỉ là một nếp nhăn chứ không phải là một vết lõm bởi những năm tháng đập đầu sát đất cău nguyện tạo nên.

Gã tiến đến trước mặt cô, rất gần. “Tôi sẽ giải thích cho cô hiểu vì sao chúng tôi lại giam giữ cô tại đây”, gã nói, ánh mắt lạnh lùng. “Mọi động tĩnh xảy ra trong trung tâm của bọn cô đều được giám sát chặt chẽ. Mục đích chính của chúng tôi là tìm cho ra gã bạn Guy Glover của cô”.

“Nó không phải là bạn tôi”.

“Không phải?”, Azim cao giọng hỏi lại, nhỏ mẩu thuốc lá ra khỏi miệng. “Cô từng chung buồng với nó trên con tàu Kaiser-i-Hind kia mà”.

“Tôi không ở chung buồng với nó”, cô dứt khoát. “Tôi chỉ là bảo mẫu của thằng bé”.

Vẻ mặt Azim vụt trở nên bối rối.

“Tôi được người ta trả tiền để trông nom giám sát nó trên đường sang Ấn Độ”, cô giải thích.

Azim bắt đầu đưa tay lên gãi, từ cổ đến cằm như thể những lời Viva vừa thốt ra biến thành mớ ý nghĩ phát ban bám lên mặt gã.

“Đừng có nói dối để đánh lừa tôi, cô Viva ạ”, gã cảnh cáo cô. “Tôi không muốn làm cô đau đầu”.

Cảm giác buồn nôn chợt cuộn lên trong dạ dày, lan dần lên thực quản và dòm lên trong miệng cô.

“Nó chỉ là một học sinh trung học”, cô lắp bắp trả lời, “hay ít nhất tôi nghĩ nó chỉ dừng lại ở đây. Tôi cần việc làm. Và tôi đã ở đây để chăm sóc thằng bé”.

“Ừm, thế thì cô đã không tận tụy với công việc của mình cho lắm nhỉ”, giọng gã vẫn nhẹ nhàng.

Azim lôi từ trong túi áo ra một bức ảnh chụp một thanh niên ăn bện khá bảnh bao, mái tóc đen nhánh bóng mượt sóng đầ y nghệ sĩ. Trong bức ảnh, gã thanh niên đang mặc một chiếc áo sơ mi buổi tối, ngồ i trên chiếc ghế đặt trong một buồng tàu khá sang trọng. Đôi môi gã sung phồ ng, một bên má t khép hờ bóng loáng. Một chiếc áo khoác buổi tối trải dài trên chiếc giường sau lưng gã trông giố ng như xác của một con chim cánh cụt khổng lồ . Một đôi giày trắng tinh nằ m chổng chơ trên sàn tàu.

“Đâ y là em trai tôi”, Azim nói. “Tác phẩm của Guy bạn cô đâ y”.

“Tôi biế t chuyện này”, cô thừa nhận. “Nhưng tôi không liên quan gì cả”.

“Thế tại sao cô không báo cho cảnh sát? Bởi vì nó là một thằ ng đầ n?” Gã mỉm cười nhìn cô, một nụ cười không chút thiện cảm.

“Không”. Cô nhìn thẳng vào má t gã. “Đâ y là một từ khá xúc phạm. Tôi không bao giờ sử dụng kiểu ngôn ngữ như thế bao giờ cả. Những gì tôi được kể lại lúc â y chỉ là một tình huồ ng xảy ra trong một hoàn cảnh hế t sức đặc biệt, ai cũng muố n vắ n đề trở nên đơn giản và được dàn xế p trong hòa bình”.

“Thế hoàn cảnh đặc biệt lúc bắ y giờ là gì?”.

Cô cúi đầu nhìn xuống bàn tay mình. “Tôi không biết”, giọng Viva nhẹ nhàng, gần như thì thầm.

“Thế cô có biết Guy Glover là một kẻ cắp?”.

“Tôi có biết”. Cảm giác khô khốc trong miệng lại ủa về, Viva gần như không thể thốt nổi thành lời. “Cả em trai của ông nữa. Tại sao cậu ta lại không đòi bồi thường?”.

Azim đưa máy ngón tay lên khẽ lướt nhẹ trên môi gã rồi nhìn cô chằm chằm.

“Bởi vì”, gã nói, “thay vì đòi bồi thường, chúng tôi có thể thuyết phục Guy làm việc cho mình, nhưng giờ chúng tôi đang rất giận dữ với nó vì đã nuốt lời, bỏ trốn. Chúng tôi nghe nói nó đang chuẩn bị quay về nước Anh. Thậm chí có thể giờ này nó đã trên đường về đây rồi cũng nên. Ngay khi cô giúp chúng tôi tìm ra nó, chúng tôi sẽ để cô đi”.

Dứt lời, Azim bước ra khỏi phòng, gã trẻ tuổi làm nhiệm vụ canh gác lập tức bước đến bên cạnh Viva dùng một dải lụa bịt chặt mắt cô. Viva kịp nghe tiếng đé giày của Azim nên thỉnh thoảng nhìn lên những bậc cầu thang dẫn xuống tầng dưới, tiếp theo là tiếng hơi nước rít qua kẽ nắp của chiếc nồi hơi đang sôi, tiếng vi vu của những tán thông từ ngoài xa vọng vào. Một mối vì phải lắng nghe những âm thanh hỗn loạn từ ngoài phố vọng đến, Viva cố gắng tập trung vào tiếng bánh xe rệu rã nghiêng trên mặt đường, tiếng rao mời chào thiếu não của ông già gánh nước thuê. Nhưng cô vẫn đủ sáng suốt để không gào toáng lên cầu cứu. Giờ thì cô đã thấy khiếp sợ trước Azim. Gã là một kẻ rất lạnh lùng và quyết đoán.

Tuy khiên cô hoảng sợ nhưng Viva bắt đầu nhận thấy cảm giác bất an, thiếu tự tin mà gã đang cố che giấu trong lòng. Azim kể cho cô nghe câu chuyện về một người bất ngờ bị đẩy ra giữa sân

khẩu mà không hề có một ý niệm rõ ràng nào về yêu cầu liên quan đến vai diễn anh ta phải đóng. Chủ đề của những buổi thăm vấn của gã không thể nào dự đoán được, và Viva bắt đầu hướng tâm trí cô đến chuyện quần áo, những thứ thường mang biểu tượng của vật chất, những biểu hiện bên ngoài của chúng rồi loạn tinh thần. Đôi khi gã nhẹ nhàng giáo huấn cô bằng những lời ngậm ngụa đức tin cá nhân: “Trước hết tôi là một tín đồ Hồi giáo, sau đây mới là một người Ấn Độ”, một hôm gã nói với cô. “Kinh Cô-ran dạy rằng chúng tôi có quyền được thừa hưởng và thực thi công lý, quyền được bảo vệ danh dự của chính mình, quyền được kết hôn, quyền được có lòng tự trọng và không bị báng bổ hay xúc phạm bởi bất kỳ ai”. Hôm khác gã lại nói với cô, rằng gã thuộc kiểu người chỉ tin tưởng vào duy nhất một tiến trình, không phải tôn giáo: ấy là cải cách. Đây là thời điểm, gã nói với cô, mà người dân Ấn Độ bắt đầu thôi không còn tỏ lòng biết ơn sâu sắc trước những căc lệ được người đời thừa xuống dưới chân họ, là thời điểm để người dân Ấn Độ đứng dậy chống lại lũ người Anh khốn khiếp. Đây tranh để không còn làm thân phận tôi tớ: “ôi vâng, thưa ông chủ”, gã bắt chước giọng điệu của một người đầy tớ. “Tôi đang chạy, đang nhảy, đang hết sức tìm nó về cho ngài đây”.

Đến sáng thứ Tư, Azim quay trở về với nỗi ám ảnh quen thuộc của gã.

“Các cô làm gì vào mỗi tối thứ Sáu ở cái trung tâm tình thương ấy?”.

“Không làm gì đặc biệt cả”, Viva trả lời gã. “Chúng tôi ăn tối với bọn trẻ, sau đây đọc sách cho chúng nghe trước khi lên giường đi ngủ”.

“Các cô đọc những loại sách gì cho bọn trẻ nghe?”, giọng Azim đầy nghi ngờ.

“Tôi đã nói với ông rồi, thơ, điển tích trong Kinh thánh, thỉnh thoảng bọn trẻ kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện trong Mahabharata, hoặc vài câu chuyện cổ tích mà chúng biết - đây là cách dễ dàng nhất để trao đổi giữa các nền văn hóa khác nhau”.

Gã ném vào cô một cái nhìn đầy phần nộ. “Thế cô giải thích những chuyện này với bọn trẻ như thế nào?”. Gã dí một cuốn sách sát mắt cô. “Cô có biết đây là gì không?”. Cả cơ thể gã run rẩy bởi những cảm xúc đang dồn nén trong lòng.

“Tôi hiểu. Đây là một cuốn sách rất thiêng liêng - một cuốn kinh Cô-ran”.

“Và đây nữa”, bàn tay gã run rẩy khi lật giở những trang sách. “Đây là một sự xúc phạm, một sự lăng mạ kinh khủng đối với một tín đồ Hồi giáo”. Gã túm chặt lấy mái tóc của Viva và cúi đầu cô sát rạt vào những trang sách đang được mở tung trước mặt. Lúc này Viva mới nhận ra vài trang trong cuốn kinh Cô-ran đã bị xé nham nhỏ từ bao giờ.

“Tôi biết”.

Miệng cô khô khốc, Viva không thể thốt nổi thành lời. Lần đầu tiên ý nghĩ cuốn gói rời khỏi đất nước này ngay sau khi sóng sót thoát khỏi căn phòng này ủa về trong đầu Viva.

“Chúng tôi tìm thấy cuốn sách này trong phòng cô”.

“Tôi... chúng tôi không làm chuyện này, ông Azim”, giọng cô run rẩy, cố gắng giữ bình tĩnh có thể. “Không ai trong số chúng tôi.... Chúng tôi không phải là những kẻ cực đoan”.

“Đừng có lấy vài thừa che mắt thánh, cô Viva”. Gã hét lên, nước bọt từ trong miệng gã văng tung tóe, bám lên mặt cô. “Bố tôi đã

chết trong cuộc bạo loạn năm 1922 ở Bombay nên tôi thừa biết điều gì sẽ xảy ra khi người Anh các người can thiệp vào tôn giáo của chúng tôi, không có việc gì cho các người trong chuyện này - ôi, những kẻ bản địa tởm lợm”. Giọng gã rít lên the thé, đầy kích động. “Hoang dại và không tự chủ được bản thân, nhưng các người đã chứng minh cho chúng tôi thấy chúng tôi đã cần các người nhiều đến thế nào. Các người đã làm gì với em trai tôi - vẫn kiểu đô i xử á y! Các người đang làm gì ở cái trung tâm nuôi dạy trẻ tình thương của các người - không gì khác! Hẳn các người đang nghĩ mình là điều kỳ diệu vĩ đại đang chìa tay giúp đỡ cứu vớt người dân Ấn Độ khỏi khổ ngoài kia”.

“Tôi không hề như thế bao giờ cả”, cô hét lên, rồi bả ng một nỗ lực phi thường, Viva kiêu m chế được cơn giận vừa bùng lên trong mình, bình tĩnh ngò i yên trên ghé .

“Ông Azim này”, cô nhỏ nhẹ, sau khi gã đã ngò i xuô ng ghé , “tôi thực sự lấ y làm tié c về chuyện của bố ông”.

“Đừng có nhắ c đế n ông á y nữa”, gã rít lên. “Cô làm ô ué đế n tên của ông á y đấ y”.

“Và chuyện của em trai ông nữa”, cô vẫn tié p tục, bởi Viva hiểu có thể đấ y là cơ hội duy nhấ t dành cho cô. “Thực tình tôi không hề làm cậu á y đau một chút nào, và tôi không phải là một gián điệp”.

Azim khẽ khịt mũi và lié m môi.

“Có thể ông không tin”, cô tié p tục, “nhưng ở trung tâm, tất cả chúng tôi đề u dành tình cảm hế t sức to lớn cho Gandhi; chúng tôi tin rằng đã đế n lúc Ấn Độ dành lấ y tự chủ cho riêng mình. Chúng tôi bié t chúng tôi đã gây ra những sai lầ m nghiêm trọng nhưng cũng đã làm được những điề u tô t đẹp cho đấ t nước của các ông”.

“Tôi không thích Gandhi”, gã nói với cô. “Ông ta chỉ dành cho người Hindu thôi”.

“Ừm, còn chuyện khác nữa tôi cũng muốn kể cho ông nghe”, cô nói tiếp. “Bố tôi mất ở Cawnpore vào năm 1913. Lúc ấy tôi mới chín tuổi. Ông đến đây để xây dựng một tuyến đường ray xe lửa. Không liên quan gì đến chuyện chính trị cả. Người ta kể lại với tôi là ông ấy bị bọn cướp sát hại. Ít tháng sau thì mẹ tôi cũng qua đời. Đâu chỉ riêng người Anh mới là người chịu trách nhiệm chính về cái chết của ai đấy”.

Sự im lặng bao trùm lên khắp căn phòng. Đôi mắt gã nhìn cô trống rỗng, Viva tự hỏi không biết này giờ gã có lắng nghe những gì cô nói, có lẽ Azim đang nghĩ về người bố quá cố của gã.

“Tôi quên cách câu chuyện như thế nào rồi”, gã vu vơ, lảm bảm với chính mình.

Lập tức Viva vớ được một vỏ bọc khá hoàn hảo, như thể một con côn trùng có cánh tìm được một chiếc tổ bằng hổ phách tuyệt diệu, hoặc giả như một miếng mỡ nước được lưu giữ trong một tảng băng cực kỳ vuông vắn.

Gã rướn người tiến gần hơn trước mặt cô, chiếc ghế nghiêng lên sàn nhà phát ra một tràng âm thanh chói tai. Đôi mắt gã nhắm nghiền, khẽ nhú mày suy nghĩ trước khi tiếp tục nói với cô.

“Tôi là một thành viên của tổ chức Liên đoàn Hộ ì giáo toàn Ấn”, gã giới thiệu. “Một số đồng bào của cô, những người Anh ấy, đang cộng tác với chúng tôi rất chặt chẽ. Tôi cũng đã cho gã Guy bạn cô một cơ hội để giúp đỡ tổ chức. Cô Barker bạn cô ở mái ấm tình thương rất nổi tiếng trong tổ chức của chúng tôi với vai trò là người ủng hộ thân cận của Gandhi - chúng tôi nghĩ cô ấy có thể làm được nhiều việc hơn thế. Cô giúp chúng tôi nhé?”.

“Tôi không hiểu ông đang nói gì”, Viva nghi ngại.

“Không?”.

“Không”.

Gã đứng phắt dậy. “Thật đáng tiếc”, gã nói. “Tôi nay là đêm cuối cùng của lễ hội Diwali. Cũng chính là thời điểm chúng tôi sẽ đưa ra quyết định phải làm gì với cô”.

“Tôi không phải là gián điệp”, giọng cô thiếu nã, ngay cả khi Viva thực sự chẳng buồn quan tâm đến điều gì sẽ xảy ra với cô sắp tới. “Không ai trong số chúng tôi là gián điệp cả”.

“Đừng có cô đánh lừa bọn tôi, cô Viva ạ”, gã rít lên với cô rồi quay quả bước ra ngoài, cánh cửa đóng sầm sau lưng.

Chương 46

Viva cố ru mình vào giấc ngủ hòng quên đi cảm giác sợ hãi nhưng chỉ sau hơn nửa tiếng đồng hồ chớp mắt, cô lại tỉnh giấc, cảm giác lạnh lẽo trào lên trong lòng, máy đột xương cổ mỗi nhừ, vẹo vọ. Những thời khắc cuối cùng của lễ hội Diwali đang đến gần. Giờ thì cô chỉ còn một ham muốn duy nhất, là sống sót thoát khỏi nơi giam giữ tăm tối này. Nếu Guy từng theo dõi bọn cô hàng tháng trời rờn rã để tìm cách trốn đi, có Chúa mới biết được những gì nó đã nói với Azim và đồng bọn về cô. Liệu ai sẽ nhớ đến mình nếu đêm nay là đêm cuối cùng của đời mình? Cô tự hỏi. Còn có ai trên cõi đời này quan tâm đến mình? Cô tưởng tượng đến đám tang của mình: Daisy sẽ có mặt ở đây, có thể cả Talika và Suday nữa; thêm vài đồng nghiệp tình nguyện làm việc tại mái ấm tình thương, có thể là bà Bowden, Clara, nữ y tá người Ai-len lúc nào cũng nghi ngờ và ghét bỏ cô, bởi trong mắt của cô ta, Viva chỉ là một con chiên không bao giờ ngoan đạo. Tor, cô chắc con bé sẽ hành động như thế, nó sẽ đi từ Amritsar đến, cả Rose nữa, tận Bannu xa xôi cách trở cũng sẽ bế con ra ga bắt tàu đến tiễn đưa cô lần cuối. Giờ đây Viva hiểu hơn bao giờ hết tình cảm của những người bạn thân thiết sẽ dành cho cô trong cuộc đời đầy bấp bênh và mong manh này. Ngay lúc này đây cô nhớ đến những nụ cười, cô cần biết bao tình yêu của bọn họ.

Và Frank! Thật đau đớn khi hình ảnh anh lại ùa về choán hết tâm trí cô vào lúc này. Anh sẽ đến. Cô biết chắc chắn anh sẽ đến. Cô biết anh đã nỗ lực nhiều đến thế nào để xích lại gần bên cô. Những kẻ từng bị tổn thương sâu sắc như cô hay Azim luôn xù lông để bảo vệ bản thân mình trước cuộc đời, bảo vệ gia đình, tôn giáo, niềm kiêu hãnh, và che đậy vết thương tinh thần bí mật của

chính mình. Frank đã mở rộng tâm lòng anh với cô, không hề giấu giếm cảm xúc của anh trước cô. Anh quả là một chàng trai dũng cảm.

Năm bất động giữa bóng tối đặc quánh vây quanh, cô mơ màng nhớ về những ngày êm đềm ở Cairo, cô và những người bạn thân yêu của mình đã vui vẻ biết nhường nào, đến nỗi quên bồng cả cơn giông bão đang tích tụ mây đen vần vũ trên đầu con tàu. Cô nhớ ngôi nhà nghỉ đơn sơ ở Ooty. “Xin em đừng ngưng ngưng về chuyện đã xảy ra ở đây”, về sau anh đã năn nỉ cô, gằn như khăn cà u.

Cô nhớ tiếng mưa rào rạt ngoài cửa sổ, cảm giác ẩm ướt trên từng thớ da khi được ủ trong những chiếc khăn tắm đã được vắt nước. Thật lâu về sau, trước khi cô có đủ thời gian để cảm nhận được nỗi ngưng ngưng cùng cơn choáng váng trong mình, cô và anh đã ngò i dậy, nhìn nhau rồi chợt phá lên cười như không thể tin vào những gì vừa xảy ra. Anh ôm cô vào lòng, trong ánh sáng mờ mờ của tia sáng lọt qua khe cửa, bàn tay anh dịu dàng áp trọn khuôn mặt thanh tú của cô, ánh mắt anh nhìn cô say đắm. Khẽ trở mình trong bóng đêm, cô mơ màng nhớ lại nụ cười bất đầu từ tia sáng có phần láu lỉnh lóe lên trong đôi mắt xanh biếc của anh, rồi nhanh như điện xẹt, lan xuống đôi lúm đồng tiền trên hai má, rồi khiến cô sửng sò, đông cứng cả cơ thể bởi vẻ đẹp hút hồn của nụ cười đậu lại trên khóe môi. Cả sự cố gắng ghê gớm, khi cô bắt đầu nhìn thấy hậu quả của cô giữa những giằng xé đau đớn hòng che giấu và kiềm chế những cơn bão lòng đang chực chờ bùng cháy trong cô. Hãy để cô gái khác rơi vào vòng xoáy đam mê ái y cùng anh; cô, một Viva Holloway già dặn, thừa hiểu điều đây.

Nghĩ đến đây, bất giác cô nhăn mặt, cảm phần. Mình đúng là một con ngóc, cô nhủ thâm. Cuối cùng thì một kẻ khôn khổ như cô đã phạm phải những sai lầm gì, ngoài việc tiếp tục bước chân lên

vết xe đổ mà mình đã gây ra thua nào, để giờ đây vật vã với những day dứt giữa ngã rẽ đón đau trong lòng?

Đầu óc cô vẫn mơ màng. Đúng thế, đúng thế, đúng thế, và nđề nđề ở chỗ: trên đời này không có gì là tuyệt đối cả. Anh đã đến, trút bỏ áo quần và vút chúng lại trên sàn nhà, anh đã ào vào cô như cơn đói, cả cô cũng thế. Tại sao cô lại phũ phàng nói không trong buổi sáng hôm ấy?

“Frank”, cô thì thầm gọi tên anh trong bóng tối đặc quánh. Lúc này cô chỉ muốn được ôm chặt lấy anh. Cô đã để cơ hội tuột khỏi tầm tay.

Sáng hôm sau, khi Azim xuất hiện, Viva đã quyết định sẽ hành động.

“Tôi chợt nghĩ ra”, cô nói với gã. “Có thể Guy đang lẩn nấp trong một ngôi nhà ở Byculla”.

Ánh mắt gã nhìn cô đầy nghi ngờ. “Tại sao bây giờ cô mới nói với tôi?”. Những quầng thâm xuất hiện dưới mí mắt gã cho thấy đêm qua Azim cũng chập chờn mộng mị, không yên giấc như cô.

“Tôi qua tôi đã nghĩ rất nhiều đến em trai ông”, cô nói với gã. “Hắn ông đã mong đợi lâu đến nhường nào để được gặp lại cậu ấy, và cảm giác choáng váng khi nhìn thấy gương mặt méo mó của em trai sau bao ngày xa cách. Đúng là kinh khủng”.

“Chính xác”, gã nói. “Nó không đáng bị như thế”.

Cô rướn đầu về phía trước, tiến gần hơn tới Azim, nhìn thẳng vào mắt gã.

“Tôi cũng nghĩ đến bọn trẻ ở mái ấm tình thương nữa. Tôi không phải là một kẻ ngoan đạo đặc biệt, vậy nên chắc chắn tôi

không có gì để làm với Chúa, nhưng tôi cũng đã tự hỏi mình, rằng cảm giác của tôi sẽ thế nào nếu một ngày đẹp trời, trên đất nước xinh đẹp của mình bỗng nhiên xuất hiện những toán người Ấn Độ, đến để cố gắng dạy dỗ bọn trẻ của mình theo cách của riêng họ. Chắc hẳn tôi cũng sẽ lấy làm nghi ngờ và giận dữ...”. Liệu cô có huyền thuyên nhiều quá? Ánh mắt Azim đang nhìn cô đầy hoài nghi. Gã đang đùa nghịch xoay xoay chiếc nhẫn đeo trên ngón út. Gã vẫn im lặng kiên nhẫn lắng nghe cô nói. “Nhưng sự thật là, tôi đang mệt”, cô nói. “Tôi hy vọng sau khi dẫn ông tới chỗ nghi ngờ thặng bé đang ẩn nấp, ông sẽ trả tự do cho tôi”.

“Nó sẽ trút sự giận dữ lên cô đấy. Nó không phải là một quý ông lịch thiệp biết cư xử đúng mực đâu”.

“Tôi không quan tâm. Tôi muốn ra khỏi nơi này”.

Gã nhìn cô, bĩu môi.

“Không phải là cô được giải thoát”, sau một hồi lâu im lặng, gã nói. “Mà là sự tha thứ dành cho tôi”.

“Tất nhiên”, cô đáp lại lời gã, sau khi đã cố gắng nở một nụ cười trên môi. “Tôi chỉ nghĩ đơn giản là mình có thể giúp chuyện này không trở nên ngớ ngẩn hơn thêm mà thôi”.

“Nó đang trốn ở đâu tại Byculla?”.

“Trong một căn hộ gần chợ trái cây”, cô trả lời. “Tôi không nhớ chính xác địa chỉ, nhưng nếu ông dẫn tôi đến đấy, tôi sẽ dễ dàng tìm thấy khu nhà”.

Gã nhíu mày ra chiều suy nghĩ, rồi nhìn xoáy vào cô, đầy nghi ngờ.

“Tôi sẽ quay lại lúc năm giờ rưỡi”, gã nói.

Đúng năm giờ rưỡi, gã bước vào.

“Thời gian đang cạn kiệt”. Gã ngò`i xuô`ng ghé`, chò`ng hai tay lên đùi rướn đầ`u cúi sát mặt cô.

“Chúng ta sẽ đi đâu?”. Giọng Viva run rẩy, sao mà cô chán ghét bản thân mình đé`n thế`, sao trong những thời điể`m như thế` này, lúc nào cô cũng run rẩy sợ hãi.

“Ra ngoài để xem trí nhớ của cô có mai một chút nào không”.

Cô nhìn thẳng vào mắ`t gã. “Tôi nghĩ đầ`y là một ý hay”, cô nói. “Tôi sẽ cô` hế` t sức”.

Gã nhìn cô bắ`ng ánh mắ`t nghi ngờ. “Thế` sao cô không cô` từ bây giờ? Điề`u gì khiế`n cô thay đổi vậy?”.

“Tôi mệt”, giọng cô rầ`u rĩ. “Tôi không hiểu tại sao mình lại ra thế` này”.

Gã vẫn không tin những lời cô nói. “Thắ`ng nhấi sẽ bắ`t cô phải trả giá cho chuyện này”.

“Tôi không quan tâm. Tôi muồ`n đi ngay bây giờ”.

“Tôi vẫn phải nói cho cô biế`t điề`u này”, gã nói. “Đầ`y không phải là vắ`n đề` tha thứ cho cô: là do tôi quyế`t định. Khi được ra ngoài, có thể cô sẽ chạy thẳng đé`n đầ`n cảnh sát. Nhưng những lời của tôi sẽ chồ`ng lại cô, và cứ thử xem ai sẽ thắ`ng”.

“Tầ`t nhiên”, cô từ tồ`n. “Tôi chỉ nghĩ có thể giúp được chút gì đầ`y cho ông, cũng chính là cơ hội dành cho tôi vậy”.

Azim khịt mũi, như thể đang cô` gắ`ng xua tan những nghi ngờ đang cuộn lên trong đầ`u gã. “Nhắ`c lại cho tôi biế`t thắ`ng nhấi

đang lẩn trốn ở đâu tại Byculla”, cuối cùng gã nói.

Cô nhắm mắt, ra vẻ đăm chiêu suy nghĩ.

“Trong một căn hộ chật chội gần chợ trái cây, sát ngay bên đền Jain tại hẻm Tình nhân”, cuối cùng cô nói. “Tôi là một gora”, cô sử dụng từ Hindi chỉ người ngoại quốc để nói với gã, “nên ông phải kiên nhẫn với tôi - mọi thứ đều thay đổi trong suốt thời điểm diễn ra lễ hội Diwali”.

Ánh mắt gã lạnh lẽo xoáy vào cô. “Không khác gì cả”, gã cảnh cáo. “Và Byculla không phải là một nơi rộng lớn gì cho cam. Nếu cô có tìm cách chạy trốn, tôi sẽ không ngần ngại giết chết cô đâu”. Rồi gã lẩm bẩm điếu gì đấy bằng tiếng Urdu mà cô không thể hiểu, có lẽ là một câu chửi rủa hoặc cũng có thể là một lời cầu nguyện.

“Đói với tôi”, gã nói tiếp, “giết cô không phải tội lỗi mà là danh dự. Tôi không ưa gì loại đàn bà con gái như cô. Chính các người đã mang nhục nhã và xấu xa đến với chúng tôi và bọn trẻ của mình”.

Viva cô gái không run rẩy hay nao núng trước lưỡi dao sáng quắc trong tay gã đang chĩa về phía cô.

Sợi dây thừng quấn chặt để lại ba dấu thắt lằn đỏ trên cổ tay cô.

“Không được động đậy”, gã ra lệnh khi thấy cô có xoa bóp hông xua tan máu vết bầm nơi cổ tay. Những vò vẹt ra vẻ thân ái đã biến mất. Gã nhét con dao vào lại bao da đeo bên thắt lưng.

Khi gã bước ra khỏi căn phòng, người đàn bà đẩy đà máu ngay qua vẫn mang đồ ăn cho cô bước vào giám sát cô thay quần áo bằng đôi mắt vô hồn, không hề biểu lộ chút cảm xúc, Viva cảm

thấy bực mình, mặt bình tĩnh. Sau đây cô được đưa cho một chút bánh nướng để ăn kèm theo một chút nước có vị lợ lợ cực kỳ khó chịu để uống, và rồi, bất ngờ cô bị đẩy ra khỏi căn phòng, dẫn xuống cầu thang và nhanh chóng bước ra ngoài, tắm mình dưới ánh sáng chói lòa của ngày.

Ngay khi vừa bước chân ra ngoài phố, lập tức Viva bị nhét lên một chiếc xe kéo có mui che kín mít. Ngồi sát bên cô là Azim, khuôn mặt lạnh lùng vô cảm của gã càng khiến nỗi hoảng sợ trong cô mỗi lúc một lớn thêm. Trước khi bước chân ra ngoài, gã còn chìa cho cô thấy khẩu súng giắt bên mình rồi nói: “Nếu cô gây khó khăn cho chúng tôi, chắc chắn cô sẽ thành vật hiến tế”. Lời hăm dọa ngắn gọn của gã khiến Viva nhớ đến hình ảnh chú dê già nua tội nghiệp bị trói bên ngoài hàng thịt tại phố Trung tâm chờ đến thời điểm được đưa lên bàn mổ. Thực sự, cô cũng có thể rơi vào tình cảnh như chú dê tội nghiệp ấy, không mấy khó khăn.

Đã sáu giờ, không còn cảm giác lạnh lẽo nhưng không khí vẫn còn vắng vát hơi ẩm, bầu trời tràn ngập ánh sáng. Cô nhìn thấy ánh đèn hắt ra từ những ô cửa sổ còn tươi màu sơn trở bên mình mấy ngôi nhà tồi tàn, có vẻ không khí lễ hội Diwali chỉ lác đác lùa qua góc ngách nghèo nàn này của thành phố.

“Thường thì tôi vẫn chủ động lái xe”, Azim nói với cô, vẻ sốt ruột lộ rõ trên khuôn mặt gã. “Nhưng lần này ngồi sau với cô sẽ tốt hơn cho cả hai chúng ta”. Đôi giày chuyên dụng dành cho những người đi núi dưới chân gã liên tục đập lên sàn xe. Rõ ràng gã không thích thú gì khi phải ở trong những ngôi nhà tồi tàn ấy. Gã liếc lấu thốt vài mệnh lệnh với người tài xế lúc bấy giờ nom có vẻ rất khúm núm và sợ hãi trước thị uy của gã, sau đây Azim quay sang cô.

“Giờ thì cô nhớ ra chỗ lần trốn của thằng nhãi rồi chứ?”.

“Tôi nghĩ nó đang ở gâ`n đê`n Jain”. Viva cô` giữ bình tĩnh để không phải lắ p bắ p khi trả lời gã. “Làm ơn kiên nhẫn với tôi một chút đi. Tôi mới chỉ đê`n đấ y hai lâ`n thôi”.

Gã ném vào cô một cái nhìn sắ c lẹm rô`i buông một tiế ng thờ dài, đoạn rút khẩu súng trong người ra, để vào lòng rô`i khẽ vén vạt áo của bộ kameez lên che khẩu súng.

Con đường gập ghê`nh đầ y ổ gà mà chiế c xe đang lao qua trở ng tron, phía xa xa trước hiên một ngôi nhà là một người mẹ đang quỳ chân xuô`ng đấ t, bên cạnh bà là hai cô bé đang nhắ p nhồm chông mông vẽ những hình thù gì đấ y trông giố ng như những hình mẫu của lễ hội Diwali trước ngưỡng cửa.

“Trước khi bước ra khỏi xe, cô nhớ kéo khăn lên trùm kín đầ u đấ y”, gã ra lệnh cho cô. “Và nế u tôi có hỏi cô điề u gì, thì hãy trả lời một cách bình thường nhấ t. Tôi nhắ c cho cô nhớ, tô i nay thầ n tài Lakshmi sẽ xuấ t hiện ở Byculla. Có thể chúng ta sẽ gặp may đấ y”. Gã cười phá lên, đầ y giả tạo, Viva cũng vờ nhoẽn miệng mỉm cười với gã.

Đây là những gì mà một bà vợ bị bạo hành hẳn phải lắ y làm thích thú, cô thầ m nghĩ, phải nhận thức được mọi động thái, mọi cử chỉ, cần nhắ c từng câu từng chữ. Nhưng cô buộc phải tham gia vào cuộc chơi: giữ bình tĩnh, cô` gắ ng vui vẻ nói chuyện với gã theo cách thân thiện nhấ t có thể. Nế u cô manh động, chắ c chắ n sẽ phải trả giá bằ ng chính mạng số ng của mình.

Chiế c xe băng ngang một ngã tư tiế n vào phồ` Trung tâm, bầ u trời lúc này đã chuyển sang màu tím thẳ m báo hiệu màn đêm sắ p sụp xuô`ng. Bên tay phải, chính giữa một dãy nhà xiêu vẹo, cô nhìn thấ y một điện thờ ngập tràn ánh sáng đang tỏa bóng lung linh như

một hộp châu báu đựng mùi cỏ tích thảo thoải, với hàng trăm ngọn nến được thắp sáng cả m quanh điện thờ.

Cô hít một hơi thật sâu.

“Ông Azim”, cô hỏi gã, “lễ hội sẽ diễn ra trong bao lâu?”.

Ánh mắt gã xoáy vào cô, gã khẽ nhấc một chân sang vị trí khác.

“Ở đây thì rất lâu”, gã trả lời. “Diwali là lễ hội dành cho những kẻ luôn có ý nghĩ, rằng bọn họ yêu thích trẻ con”.

Đường phố lúc này đã nhanh chóng tràn ngập đám đông xuông đường vui chơi lễ hội. “Nó chỉ dành cho trẻ con”, gã lầm bầm, đưa mắt nhìn đám trẻ giữa phố.

Viva từng thắm thía tận tâm can nổi cô đơn, giờ đây cảm giác ấy lại ùa về trong cô. Gã cũng như cô, chỉ là những kẻ xa lạ cô đơn giữa đám đông náo nhiệt trên phố.

“Thằng nhãi ở đâu?”, gã đột ngột hỏi cô.

“Tôi vẫn chưa xác định được vị trí cụ thể”, cô trả lời. “Ông có thể cho tôi biết ta đang ở đâu không?”.

“Chợ trái cây ở kia”, gã nói, chỉ tay về phía dãy nhà mọc lộn xộn kéo dài hun hút, rất khó để nhận ra sự nhếch nhác xiêu vẹo thường ngày bởi những dãy nhà đều được trang trí lộng lẫy bằng những ngọn đèn đủ màu sắc, xen kẽ giữa một rừng dây kim tuyến lóng lánh. Biển người mỗi lúc một dày lên thêm, giờ thì cô có thể nghe rất rõ, ban đầu chỉ mơ hồ vọng đến rồi mỗi lúc một rõ ràng hơn, âm thanh của tiếng la hét, tiếng cười nói đầy phấn khích của đám đông người chơi hội xen lẫn giữa tiếng kèn trum-pét đình tai nhức óc. Một thằng bé bụi đời rách rưới cuống quýt chạy theo bên hông chiếc xe cô mời chào mua máy chiếu kẹo bầu đầy ruồi nhặng

của nó. Khi Azim quất vào mặt nó, lập tức thắ`ng bé chùn chân tránh khỏi chiế`c xe.

Chiế`c xe bị biến người cuố`n đi dọc phồ` Trung tâm, hai bên đường những cửa hiệu đã sáng đèn, bầ`u trời bắ`t đầ`u rục rờ bởi ánh sáng hắ`t lên từ hàng triệu hàng triệu cây nế`n. Một đám đông đang đội trên đầ`u chiế`c kiệ`u được trang hoàng hế`t sức lộng lẫy, bên trong là hình nộm bắ`ng giá`y bô`i của một vị thầ`n có khuôn mặt tái mét nom rõ khùng khiế`p chậm rãi nhích từng bước một trước mặt khiế`n chiế`c xe không thể đi nhanh, Azim bắ`t đầ`u tỏ thái độ giận dữ.

Cô nhìn thắ`y những ngón tay của gã miế`t quanh bóng súng.

“Gandhi sẽ tàn sát chúng tôi”, gã nói. “Cùng với lòng tồ`t của ông ta. Chúng tôi đã im lặng ngoan ngoãn phục tùng quá lâu”. Khi gã quay sang nhìn thẳng vào mắ`t cô, Viva bỗng trào lên nỗi căm giận uấ`t nghẹn khi phải nhìn vào đôi mắ`t trắ`ng đã mờ đục như màn sương mù ấ`y của gã.

“Chuyện xảy ra với em trai ông chỉ là sự hiểu nhầ`m xích mích vụn vặt”, cô nói với gã, cô` giữ giọng mình sao thật bình tĩnh, bởi Viva hoàn toàn ý thức được tình trạng nguy hiểm mà cô đang mắ`c phải, gã có thể bắ`n chế`t cô ngay lập tức nế`u muố`n.

“Đây là những gì tôi vừa nhớ ra”, cô làm ra vẻ chột nhớ. “Hai lầ`n trước, khi tôi đế`n căn hộ của nó, tôi nhớ mình phải đi qua một lố`i tắ`t bên hông chợ trái cây và rồ`i... tôi xin lỗi”. Cô lắ`c đầ`u. “Tôi phải được nhìn thắ`y tận mắ`t kia”. Khi gã quay đầ`u sang nhìn cô, Viva chắ`c mắ`m gã đang đi guồ`c trong bụng cô, cơ thể gã bắ`t động, khuôn mặt đăm chiêu ra chiề`u suy nghĩ, rồ`i đôi mắ`t gã vụt lóe sáng, đoạn gã nhún vai ra vẻ thờ ơ.

“Tôi sẽ kẹp sát ngay bên cạnh cô”, gã nói, “nếu cô có ý định bỏ chạy, tôi sẽ bắn chết cô ngay lập tức, không phải bây giờ mà lát nữa kia, lúc đây thì không ai biết chuyện gì đã xảy ra với cô cả. Hiểu không?”.

“Tôi hiểu”.

Gã lớn tiếng quát người lái xe, lập tức chiếc xe dừng lại.

“Ra ngoài”, gã ra lệnh cho cô.

Ngay khi Viva vừa bước chân xuống đường, một quả pháo hoa từ đâu đó giữa đám đông chiu vút bay vút lên không trung tỏa sáng rạng rỡ một góc đường. Azim khẽ đẩy nhẹ vào lưng cô, cả hai bước qua cửa tiển vào trong chợ, tiếng cừu, dê the the gào lên từng đợt không ngớt hòa cùng tiếng đập cánh phành phạch và tiếng kêu khản đặc của lũ chim bị nhốt trong những chiếc lồng kín xoáy vào tai cô như nhói.

Cô bắt đầu hoảng sợ. Mùi tanh lạnh lùng của kim loại trào lên trong miệng cô mỗi khi Viva sợ hãi. Những âm thanh hỗn loạn trong khu chợ khiến cô nghẹt thở, cô kín đáo quét mắt qua những gương mặt xa lạ, dỏng tai lắng nghe tìm trong mớ âm thanh đặc quánh quanh mình cơ hội mong manh để chạy trốn khỏi Azim đang hệt sức cảnh giác sau lưng mình.

Hai cô gái đang đứng định bước đi trước mặt Viva, cả hai đều khoác trên mình bộ sari lộng lẫy cùng những chuỗi trang sức lóng lánh. Có vẻ hai cô gái đang rất hãnh diện với bộ sari mới tinh trên người, mồm miệng cả hai liên thoảng chào hỏi đưa đẩy với bất kỳ ai í ới với mình. Khi hai cô gái choán hết đường của Viva dẫn vào lối đi dọc giữa các gian hàng trong chợ, cô muồn nhào lên bốp nghẹt lấy cổ của hai cô gái. Azim không thể nhìn thấy cảm giác cău

bản đang hiện lên trên khuôn mặt cô, gã còn bện thúc họng súng vào xương sống của cô từ phía sau. “Jaldi, jaldi”. Gã rít vào tai cô.

“Tôi không đi nhanh được”, cô vặc lại.

Một đám đông đang kiêu một điện thờ lộng lẫy loạng choạng cuồn nhanh về phía cô, tiếng kèn nhạc vang lên inh ỏi. Giữa không khí hỗn độn chen lấn trong chợ trái cây, đám đông lèn chặt như những đợt sóng người cuồn trôi Viva tiến về phía trước, nòng súng cứng đánh vẫn gí sát sau lưng cô như cảnh báo Viva không được manh động, nhưng đến giờ phút này cô không còn sự lựa chọn nào khác, cả gã cũng thế. Một tràng cười lạnh lớt vang lên, tiếp theo cô nghe thấy những tiếng gào thét thất thanh cuộn lên, cô ngửi thấy mùi khói phảng phất trong không khí, ai đấy hét lên với cô, “jaldi!”, rồi một chiếc giày da từ đâu bay đến đập thẳng vào miệng cô, một tiếng rắc gãy gọn khô khốc vang lên. Viva cảm nhận được cơn đau buốt nhói trào lên trong đầu, như thể đang có hàng ngàn hàng vạn bàn chân dẫm đạp trong đầu cô, và rồi cô lịm dần, lịm dần, không còn cảm nhận được bất cứ động tĩnh nào quanh mình.

Chương 47

Cô tỉnh giấc, cảm giác đầu tiên Viva cảm nhận được là mùi trái cây thoai vảng vát trong miệng, tiếp theo là ý nghĩ hàm răng của mình đã gãy khỏi khoang miệng bởi cảm giác mềm nhão dưới hai vành môi. Cô đang nằm dưới một chiếc bàn, cánh tay trái mắc kẹt trong một chiếc bu gà hãy còn dính vài vệt phân cùng mấy chiếc lông vũ bạc màu dính lại trên những nan tre. Những bước chân vẫn rầm rập trên đầu cô, chỉ cách vài gang tay - đủ loại, từ những bàn chân xỏ dép cài quai đến chân trần, từ những bàn chân được nhuộm màu chàm bằng thuốc nhuộm tóc với những hoa văn hình mẫu chạm trổ chỉ chút đến những đôi giày da đen trũi của đám đàn ông, nhiều đôi còn không được thắt dây. Nhìn những bàn chân vội vã ngang qua mặt, đầu óc cô lại choáng váng, cô ngã vật giữa vũng lầy nhớp nhúa, rồi cuống cuồng chui đầu vào một chiếc bao tải rách lẩn trốn.

Trong lúc hấp tấp lồm cồm chui nhủi dưới gầm bàn, đầu cô va vào một vật cứng, lập tức một cơn đau buốt óc nhói lên. Cô đưa tay lên xoa nhẹ vào vết thương, thản nhiên nhìn vệt máu tươi nguyên dính trên đầu ngón tay như thể đây là máu của một kẻ xa lạ nào đây chứ không phải của mình.

Những bước chân vẫn rầm rập bước qua chỗ cô nằm, tiếng cười nói huyên náo xoáy vào đầu cô chao đảo, miệng cô đắng nghét, dợn mùi tỏi lợm.

Cô dặn lòng cố nằm im chờ đợi, lúc đầu chỉ năm phút, rồi mười phút trôi qua. Giữa những tiếng huyên náo, cô thà đoán chắc hẳn đám đông đã tách cô ra khỏi tầm kiểm soát của Azim vẫn còn ken dày trên đầu, nhưng cô không thể mạo hiểm lộ mình ra lúc

này để lại rơi vào tay gã thêm một lần nữa. Chờ đợi, chờ đợi, kiên nhẫn chờ đợi, cô mệt mỏi lắm lắm với chính mình, mơ màng thấy bóng mình lơ lửng chui ra khỏi đồng bàn ghé ngón ngang rồi đứng dậy bước đi.

Khi cô tỉnh dậy, chỉ có bóng tối vây quanh chỗ nằm. Cô đang ở đâu đó, trên một tấm nệm lớn nhón ruột vải. Cô đưa tay sờ nhẹ vào đầu, đầu cô được bó chặt bởi một băng vải, chân răng cô nhức nhối như thể chúng đã bị ai đập y dùng kê m nhỏ đi một cách thô bạo không hề thương tiếc. Cô hé mắt, nhưng ánh sáng của ngọn đèn vừa được thả p lên lập tức khiến mắt cô đau nhói. Một cô gái Ấn Độ trẻ măng với gương mặt phúc hậu đang nhẹ nhàng lau vâng trán cô bằng một chiếc khăn ướt.

“Mi kuthe ahe? Tôi đang ở đâu thế này?”. Cô hỏi. Khi đôi mắt đã quen với ánh sáng, cô nhận ra mình đang nằm trong một căn phòng có trần ghép bằng những giát gỗ nhỏ nhắn, một ô cửa sổ cáu bản trở trên bức vách phía đầu giường. Hẳn cô đang ở trong một khu nhà ổ chuột nào đó hay trong một gian tập thể cũ nát.

“Kai zala? Chuyện gì xảy ra với tôi vậy?”, cô tiếp tục hỏi.

“Cô bị đánh đập và bị chà đạp rất dã man”, cô gái Ấn Độ trẻ tuổi giải thích. “Đừng lo”, cô gái nói với Viva bằng tiếng Marathi, “giờ thì cô đã ổn, họ đang để đưa cô về nhà”.

Đưa cô về nhà. Mấy tiếng cuối cùng thoát ra từ miệng cô gái khiến cô có cảm giác như mình đang ngã người xuống một tấm nệm êm ái. Mình sẽ sớm được về nhà, mình sẽ sớm được về nhà. Daisy sắp đến đây đón mình.

Cô mở mắt, trần nhà với những tấm gỗ mỏng tang lúc này lại biến thành một màu vàng nhạt, nhóp nhúa. Trên đầu cô lủng lẳng một bóng đèn không có chụp, xác mấy con thiêu thân hãy còn dính

bên ngoài bóng đèn, một thanh xà gỗ` bám dầy mạng nhện. Khi cô đưa tay lên ôm đầu, Viva cảm nhận được lớp máu khô thấm ra tận mặt ngoài băng vải. Những chân răng trong miệng vẫn còn nhói buốt tận tim óc, nhưng khi cô thận trọng thử dùng đầu lưỡi nhẹ nhàng kiểm tra, Viva thở phào khi biết hàm răng của cô vẫn còn nguyên trong khoang miệng.

Cô nghe thấy tiếng mở cửa ngay đầu chỗ nằ m, rồi tiếng người nói lao xao vọng đến, cả tiếng ván sàn kéo cọt.

“Daisy?”, cô mệ t nhọc cất tiếng hỏi.

Không ai trả lời cô.

“Daisy, phải chị dầy không?”.

Khi vừa định gượng ngồ i dậy, cô nhận thấy một bàn tay đang nằ m cổ tay mình. Một khuôn mặt đang dịch chuyển sát vào mặt cô, gầ n đến nỗi cô có thể ngửi thấy mùi hương ngọt ngào xen lẫn mùi iu thôi tỏa ra từ nó.

“Là Guy”, chiếc miệng gắ n trên mặt người đang cúi sát nhìn vào mắt cô thì thằ m.

Cô nhắ m nghiề n mắt, chặt đến nỗi có thể cảm nhận được dòng máu đang rỉ ra từ vết thương thấm qua lớp băng vải trên đầu.

“Guy”, cô thề u thào, “sao cậu lại ở đây?”.

“Tôi không biết”. Nó gầ n giọng, cộc lố c. “Tôi không giúp được gì cho cô cả. Tôi không hiểu tại sao mình lại có mặt ở đây”.

“Chuyện gì đã xảy ra với tôi?”. Cô ráng hết sức nhòm người ngồ i dậy, mắ y bóng đèn đung đưa trên đầu.

“Má y thả ãng điên ngoài chợ thả y cô bị chèn đẩy xô ngã giữa đám đông”. Miệng cô há hỏ c như thể đang bị một cuộn bông căng phỏ ãng nhét chặt bên trong. “Nhũng gì cậu câ n phải làm là hãy cô quay về mái á m tình thương và báo cho Daisy Barker biế t, cô á y sẽ giúp đợc tôi”.

Cô nghe một tiế ãng thờ dài đánh thợt đế n não nề của Guy, rỏ i tiế ãng bình bịch khi nó đợa tay đấ m mạnh vào đầ u.

“Tôi không thể, bọn chúng sẽ tóm đợc tôi. “Chỉ riêng bản thân tôi thôi đã quá nhiề u phiề n toái rỏ i”.

“Guy, làm ơn đi, đầ y là tá t cả nhũng gì cậu câ n phải làm lúc này”.

“Sáng mai tôi sẽ biế n khỏi đây, nói cho cô biế t. Hãy nhờ người khác giúp đi”, nó lâ m bầ m.

Nhũng đầ u ngón tay của nó đầ u đặ gõ lên mặt bàn, miệng lắ m bắ nhũng lời không rõ ràng giớ ãng hệt như nhũng ngày còn trên tàu, khi nó rơi vào trạng thái xúc đợng tộ độ. Tâm trí cô rỏ i bời, nhưng cô buộc vẫn phải lên tiế ãng.

“Guy, tại sao tá t cả nhũng chuyện này lại xảy ra với tôi? Cậu đã làm gì?”.

Im lặng. Nó không trả lời. Trong khi chờ đợi, cô cố giữ tâm trí mình thật tỉnh táo.

“Không làm gì cả”, nó trả lời.

“Có đầ y, cậu có làm”, cô nói. “Giờ thì tôi biế t cậu đã làm gì đầ y với tôi”.

“Tôi muốn cô rời khỏi cái trung tâm ấy”, cuối cùng nó cũng dịu giọng, thì thầm. “Nó không hợp với cô, rất tệ là khác”.

Cô lắc đầu, khẽ rên rỉ: “Không”.

Đầu nó lại cúi xuống sát mặt cô, Viva ngửi thấy mùi khói thuốc hăng hắc lẫn trong hơi thở của nó. “Nghe này”, nó thì thầm. “Nghe cho kỹ nhé”. Tay nó thoa nhẹ lên thái dương cô. “Cô là mẹ tôi. Tôi đã chọn cô cho mình”. Màn nước bọt phun ra từ miệng khi nó nói bám đầy lên hai má cô.

“Không! Guy, không! Tôi không phải là mẹ cậu!”.

“Có đấy”. Hơi thở Guy trở nên gấp gáp, có vẻ nó đang chuẩn bị phát hỏa. “Cô đã nhìn thấy ngôi trường ấy. Bọn chúng đã dùng dây thừng treo tôi trên cửa sổ. Mẹ đã chọn ngôi trường ấy cho tôi. Bà ấy muốn tôi ở đấy”.

“Guy, nghe tôi này. Điều đấy là không đúng”.

“Con yêu mẹ”. Nhịp thở của nó gấp gáp, hỗn hển, cô cứng đờ cả người vì sợ hãi.

Một ý nghĩ vụt lóe lên trong đầu Viva, nó đang hận mình, cô nghĩ thầm.

“Tôi có thể kể cho cô nghe câu chuyện về mẹ mình”, Guy nói. Nó đứng thẳng người, giọng nó vụt trở nên giận dữ. “Khi tôi tròn mười hai tuổi, cả hai người bọn họ trở lại nước Anh. Tôi đã không gặp lại họ từ lâu, rất lâu rồi. Bố tôi bảo để mang lại bất ngờ thú vị cho bà ấy, tôi sẽ ăn mặc như một gã bô-đi bàn và mang bữa sáng vào cho mẹ. Một sự ngạc nhiên thú vị. Tôi bê khay đựng đồ ăn vào phòng và gọi Mẹ rồi tôi cô hôn bà”. Khuôn mặt của nó vụt trở nên nhăn nhó, méo mó. “Bà hét gọi bố tôi lúc bây giờ đang ở căn phòng bên cạnh.

Đúng là một trò đùa khôn nặn. Bà yêu tôi nhiều đến nỗi thậm chí còn không biết tôi đã hóa trang thành một thằng bô-ì bần khôn khiếp kia đâu”.
“Đâu y là lỗi của bô-ì mẹ cậu”, Viva nói. Mồ-ôi bắt đầu túa ra trên trán cô. Khi cô rướn người định nắm lấy tay nó, Guy đã nhanh nhẹn xoay người sang hướng khác. “Một trò đùa ngớ ngẩn”.

“Tôi chỉ muốn bóp chết bà ấy”, giọng nó bình thản. “Bà ấy đã làm nhiều sóng âm thanh của tôi. Đừng có nhìn tôi bằng ánh mắt ấy”, nó ra lệnh cho cô khi Viva trở người tránh không nắm đê lên cánh tay mình. “Cô đang sợ hãi. Tôi không thích nhìn thấy cô trong bộ dạng này một chút nào”.

“Nghe này”, cô nói. “Cứ quay lưng lại với tôi nếu cậu không muốn nhìn thấy vết băng trên đầu tôi, nhưng hãy lắng nghe tôi thật kỹ. Tôi biết chính xác cậu phải làm gì”.

“Ừm”. Nó quay lưng lại với cô, hai vai nó chùng xuống, hai đầu mũi giày hướng vào nhau. Nó đưa tay làm động tác bật chiếc công tắc vô hình sau tai. “Cái gì?”.

“Tôi biết bao năm qua cậu đã lo lắng đến thế nào”, cô nói. Tim Viva nhói đau khi phải thốt ra những lời trăn trụi ấy, nhưng cô buộc phải nói với nó. “Đến lúc này thì cậu cần phải dừng lại, cậu phải được nghỉ ngơi”. Cô nhìn cơ thể bất động rũ rượi của thằng bé.

“Tôi không thể”, nó trả lời. “Chúng đang bám sát sau lưng tôi. Đâu y là lý do vì sao tôi phải quay về Anh”.

“Thế cậu đã nói gì với bọn họ về tôi?”.

“Rằng cô không thể làm việc ở cái trung tâm nuôi dạy trẻ tình thương ấy được. Rằng tôi cần cô”.

“Còn nhiều điều khác nữa”, cô nói.

“Tôi không nhớ, chúng đã làm mọi chuyện rồi tung. Lão Azim đang cố làm tổn thương tôi - rõ ràng lão đang sợ tôi”.

“Những gì cậu phải làm lúc này là tìm cách trở lại mái ấm tình thương, báo cho mọi người biết chúng ta đang ở đây”.

“Tôi không thể”, giọng nó nghẹn ngào. “Bọn chúng sẽ tóm được tôi, chúng sẽ tra tấn tôi”.

“Vậy thì tìm ai đây rồi nhờ họ đến báo cho trung tâm”, cô gom chút sức mạnh ít ỏi còn lại trong người, Viva nói với nó. “Như thế sẽ tốt hơn cho hai chúng ta. Hãy bảo ai đây đến nhờ họ đón Viva, Guy, rồi sau đây, nếu muốn, cậu có thể đến ở với chúng tôi tại mái ấm tình thương, chúng tôi sẽ tìm người chăm sóc cho đến khi cậu ổn định tinh thần trở lại”.

Guy vòng tay ôm ngang hông nó, bước quanh căn phòng chật chội ra chiều suy nghĩ, rồi nói: “Cô thấy đây, tôi vẫn rất ổn, tôi không muốn lại làm rồi tinh rồi mù căn phòng của cô lên”.

“Tôi biết, tôi nghĩ chỉ là cậu đang mệt mỗi một chút thôi”.

“Không hẳn thế”, nó nói. “Đang có nhiều người dò tìm tên số của tôi lúc này. Cả bố tôi cũng đang tìm kiếm tôi”. Im lặng. Nuốt một cái, nó tiếp tục: “Ông ấy đang nổi giận. Ông ấy đã nện tôi một trận nên thân sau khi tôi rời khỏi con tàu. Ông ấy bảo tôi đã vô lễ với ông”.

“Rồi nhé”. Cô rướn người đưa tay ra sau tai nó vờ làm động tác tắt phụt cái công tắc vô hình mà thằng bé đang tưởng tượng trong đầu. “Tắt nó đi nếu cậu không muốn nghe ông ấy. Không ai ngoài cậu có thể kiểm soát được bản thân mình, nhưng cậu vẫn có thể

trả lời đồng ý hay không. Những gì tôi muốn ở cậu là hãy để tôi được giúp đỡ cậu. Tôi sẽ không khiến cậu thất vọng đâu”.

“Mọi người đều khiến tôi thất vọng. Không ai thích tôi cả”.

“Tôi biết cậu đang nghĩ như vậy, nhưng điều đấy là không đúng, đã đến lúc cậu không thể cứ nổi giận với những người khác được nữa”. Nó chăm chú lắng nghe như nuốt từng lời của cô, vẫn với đôi mắt vô hồn trông rỗng áy, bất giác trong lòng Viva trào lên cảm giác xa lạ đến tột cùng khi cô nhìn vào đôi mắt nó, trông rỗng và hoàn toàn vô cảm. Nhưng cô vẫn sáng suốt lắng nghe cảm xúc của mình bằng đôi mắt của người khác - rất tinh táo, kiên quyết đấu tranh để tồn tại.

“Đã đến lúc cuộc đời cậu bắt đầu với việc bước chân ra khỏi giường là tiến về phía trước, nếu không những gì cậu làm chỉ đem lại nỗi thất vọng. Tôi hiểu hơn ai hết chuyện này, tôi đã đấu tranh không nghỉ suốt bao năm trời ròng rã kể từ khi bố mẹ qua đời”.

“Đừng có lái nhải chuyện áy nữa”, nó co rúm toàn thân, rùng mình. “Kinh khủng quá”.

“Mọi người sẽ yêu thương cậu nếu cậu cho phép họ làm như vậy”, cô tiếp tục.

Nó quay đầu lại đối diện với cô, một bên tai vẫn dỏng lên nghe ngóng.

“Cô không thể”, nó rầu rĩ. “Tôi đã hỏi cô”.

Im lặng. “Tôi nghĩ chúng ta có thể làm bạn với nhau”, cuối cùng Viva cũng lên tiếng phá vỡ bầu không khí ngột ngạt trong phòng.

“Cùng dắt nhau tha thân dưới bóng hoàng hôn”, nó giấu cợt cô. “Tay trong tay”.

“Không, đừng có ngớ ngẩn như thế. Ý tôi là tôi sẽ lắng nghe cậu. Tôi nghĩ cậu đã thắm mệt vì chạy trốn và cậu cần phải dừng lại để nghỉ ngơi”.

Cô thắm cần cầu xin Chúa trời, mong cho máy lời mình vừa thốt ra đã nhắm đúng mục tiêu, nhưng sau những nỗ lực thuyết phục, cô đã mệt lử, đã cạn kiệt sức sống. Viva ngã vật ra giường, đầu rơi lên chiếc gối, cô nhanh chóng chìm vào giấc ngủ trước khi kịp nghe câu trả lời của thằng bé.

Chương 48

Trường thánh Bartholomew, Amritsar tháng mười hai, năm 1929

Trước lễ Giáng sinh, Daisy có vài lần viết thư cho Tor buồn bã thông báo với cô, rằng Viva vừa trải qua “một tai nạn đầy rủi ro” trong dịp lễ hội Diwali, nhưng hiện tại cô ấy đã bình phục, và đã sẵn sàng để tiếp tục du ngoạn trở lại. Bản thân Daisy cũng chuẩn bị quay về nước Anh một thời gian, cô chưa chắc là trong bao lâu, trung tâm nuôi dạy trẻ tình thương đã gập ghềnh như đóng cửa, liệu Viva có thể đến ở cùng Tor trong dịp lễ Giáng sinh được không?”. Cô ấy đang cân nhắc thay đổi không khí”, trong thư Daisy viết. Viva sẽ kể chi tiết mọi chuyện với Tor khi cả hai gặp lại nhau.

Một ý nghĩ bất chợt lóe lên trong đầu Tor: Nếu Viva đến chơi với cô trong dịp lễ Giáng sinh, tại sao Rose và Jack lại không thể nhỉ? Nhưng trước hết cô cần phải bàn chuyện này với Toby đã.

“Sao em lại bảo ở đây quá chật chội?”, anh ngạc nhiên hỏi cô. “Còn cả đồ đạc phòng ốc trống trong trường học nếu nhà mình không đủ chỗ kia mà”.

“Nhà mình”, cứ mỗi lần nghe anh thốt lên hai tiếng ấy là cô lại thấy đáng yêu đến lịm người. Căn nhà cấp bốn bằng gỗ với ba phòng ngủ của cô được cất lên dựa trên mô hình thu nhỏ của trường Thánh Bart's, vẫn được mọi người tếu táo gọi đùa là trường học, thực ra là một tổ hợp gồm những dãy nhà hộ lớn với kiến trúc kỳ cục với những mái vòm tò vò mang đậm phong cách Ba Tư, với những thanh xà rầm theo lối kiến trúc Tudor, những cửa sổ phong cách triều đại nữ hoàng Victoria, những hàng hiên được tô trét chạm trổ khá công phu, với những mái nhà dốc tuyệt như những chiếc mũ

của các bà phù thủy trong những câu chuyện cổ tích, đầy phô trương và kiêu hãnh.

Ngôi nhà cấp bốn nhỏ nhắn của vợ chồng cô nằm nép mình giữa một vườn xoài xanh um màu lá, hai bên nhà giáp với đường biên sân cric-kê của trường học và một khu vườn bỏ hoang. Chủ trước của ngôi nhà đã nghỉ không làm nông từ năm năm trước và để mặc những dàn nho mọc hoang như những lọn tóc không lộ mặc sức bám mình uốn éo leo lên tận những ô cửa sổ của ngôi nhà. Rêu mốc dần thành thảm rộng lớn trên mặt sàn ngoài hàng hiên.

May thay, nét cũ kỹ hỏng hóc của ngôi nhà đập vào mắt cô trong lần đầu tiên nhìn thấy ấy chỉ là vẻ bề ngoài. Gạt chuyện dở mớ sắp xếp đồ đạc sang một bên, Tor hăm hở tràn đầy nhiệt huyết, dành hẳn một ngày cùng với sự giúp đỡ của hai người làm mới: Jai và Benarsi, hai cậu bé mặt mũi khá sáng sủa đến từ thị trấn bên cạnh, tôn kính Toby hết mực chỉ vì anh có thể nói thành thạo tiếng Hindi và lúc nào cũng có thể khiến cả hai đứa cười lăn cười lộn với những trò đùa của mình.

“Đã đến lúc em có thể mời bọn họ đến được chưa?”, cô nhìn anh dò hỏi. Nhiều khi thật khó tin là cô đang sở hữu sự tự do kiểu thế này. Toby cúi đầu hôn nhẹ lên mũi cô.

Rất nhanh chóng, Rose đã ngay lập tức viết thư phúc đáp, cô bảo sẽ đến và Jack - đang trong đợt hành quân cùng đồng đội thực thi một số chiến dịch nguy hiểm ở khu vực miền núi hẻo lánh - sẽ cố gắng thu xếp và đến sau, ít nhất anh ấy sẽ lưu lại nhà Tor một, hai hôm gì đấy. Liệu cô có được phép ở lại lâu hơn? Lúc bấy giờ Tor dùng có xem cô như một con cá uơn trong nhà cần phải nhanh chóng thải loại ngay lập tức, Rose tếu táo trong bức thư gửi bạn. Cô đang nóng lòng để khoe với Tor về Freddie bé bỏng của mình.

Đầu tháng Mười hai, Tor bảo Toby tạm gác công việc nghiên cứu sách vở cá nhân của anh sang một bên, dành cho cô một ngày quý tha ma bất cũng được. Từ ba tuần nay, Toby đã dốc hết công sức vào công trình dang dở của anh, với hy vọng cuốn sách sẽ hoàn thành trước Giáng sinh. Anh kéo cô ngồi vào lòng, nựng nịu, “anh xin lỗi, cưng”, bằng giọng điệu của đức ông chồng bị vợ dặt mũi, rồi hôn nhẹ lên trán cô và nói. “Một ý tưởng tuyệt vời”.

Ngày hôm sau hai vợ chồng cô dắt nhau đến cửa hàng tạp hóa ở Amritsar để mua nguyên liệu làm bánh Giáng sinh. Toby vui vẻ trò chuyện với người chủ cửa hàng, sau đây người bán hàng đưa ra một danh sách dài dằng dặc đủ thứ nguyên liệu, Toby chọn nho khô không hạt, bột quế và hạt nhục đậu khấu cùng một gói lớn đồ gia vị đủ màu sắc bắt mắt. Chủ tiệm dùng một chiếc cân bằng đồng cũ kỹ cân chính xác những nguyên liệu đã được chọn, khéo léo trút vào trong những mẫu giấy gói hàng sạch sẽ.

Trên đường đến quán bar Murphy's nằm trên khu phố trung tâm để nhấm nháp vài ly giải khát, Toby dừng lại rút gọng kính trong túi áo ra đeo lên mắt, rồi giữa một đám đông huyền ảo kẻ mua người bán những đồng tiền xu cổ và những chiếc kính vỡ, anh chọn được một chiếc hộp chứa bốn quả cầu thủy tinh, mỗi quả cầu có kích thước bằng một quả trứng vịt với những hoa văn trang trí cực kỳ tinh xảo trên bề mặt. “Hãy còn mới nguyên, trông như những quả trứng Fabergé”, anh hồ hởi quay ra khoe với cô, rồi đưa tay áo lau sạch lớp bụi bám bên ngoài chiếc hộp, sau đây giờ một quả cầu ra xoay xoay giữa ánh nắng, khuôn mặt Toby lập tức nhuộm đầy màu sắc từ đỏ đến tím rồi chuyển sang xanh, nom rõ vui mắt.

“Rất hoàn hảo”, anh kết luận, “phải không cưng?”.

“Chúng ta có đủ tiền không?”, cô nghi ngại. Toby đã chẳng có lần nói với cô, rằng cuốn sách về loài chim sấp xuất bản của anh sẽ chẳng giúp hai người giàu thêm được chút nào.

“Tất nhiên”, anh trả lời cô. “Vì Giáng sinh đầu tiên của hai đứa, chúng ta có thể rộng tay mua chúng, cả rượu sâm banh nữa”.

Cô nhìn anh, nghe lòng mình phơi phới, đầy ắp niềm vui và hạnh phúc.

Những yêu thương thuần khiết.

Cô có Toby, người đàn ông mà cô hằng ao ước bao đêm trường dằng dặc, cô có một ngôi nhà của riêng mình - và trên tất cả - là cuộc đời còn nhiều điều mới mẻ thú vị đang chờ đón cô ở phía trước, dường như ngày vẫn chưa đủ, bởi ít ngày nữa thôi, Rose và Viva sẽ đến thăm cô trong mùa Giáng sinh năm nay.

Tâm trạng vui vẻ ấy chưa phải là điềm tốt cuối cùng: cách đây năm hôm, cô đã bắt đầu rơi vào cuộc vật lộn với cơn khủng hoảng nội bộ thực thụ. Cái bà già xa xưa Margaret Allsop đã viết một đoạn lưu ý ngăn ngừa in trong cuốn sách dạy nấu ăn mà cô đang gói đầu giường, rằng các bà nội trợ nên bọc chiếc bánh Giáng sinh trong một gói giấy phết mỡ lợn trước khi đặt vào chiếc hộp kín bằng thiếc ngay từ giữa tháng Mười một.

Jai và Benarsi dán mắt vào cô khi Tor khuấy đều mớ hỗn hợp nguyên liệu làm bánh, ánh mắt chúng vụt sáng như đang nhắm đểm mỗi khi cô bỏ vào tô một chút bột quế, một chút vỏ nhục đậu khấu thái nhỏ, tiếp theo là trứng gà và bơ, rồi chúng khẽ rùng mình khi thấy Tor dùng đầu móng tay của cô bóc vỏ mảy quả cam chín mọng, trong khi mắt vẫn dán vào cuốn sách hướng dẫn nấu ăn bày trước mặt. Chiếc bánh được làm mượt rồi đem gói trong một lớp giấy màu nâu. Jai cẩn trọng bê chiếc bánh bằng hai tay

đến đặt trong lò nướng rồi châm lửa. Toby quay trở lại với công việc viết lách của anh, tiếng lách cách phát ra từ chiếc máy đánh chữ bay qua bãi cỏ bên ngoài khu vườn, rơi vào gian bếp chật chội sao nghe ra như những thanh âm của sự động viên, như cổ vũ cho Tor đang đang của anh. Còn ba tiếng đồng hồ nữa mới đến thời điểm lấy bánh ra khỏi lò, Tor định bụng sẽ ra ngoài cưỡi ngựa đi dạo một chút cho khuây khỏa. Hôm nay là một ngày đẹp trời, biết đâu có thể đây là cơ hội cuối cùng để cô lang thang trên lưng ngựa trong một buổi sáng ngập tràn ánh nắng của một ngày trước Giáng sinh như ngày hôm nay.

Sau khi cưỡi ngựa trở về, Tor đứng nói chuyện với Elsa Chambers, một nữ thư ký ở trường học. Elsa là một cô gái khá to lớn đến từ Norfolk, sang Ấn Độ làm vú em cho một gia đình thượng lưu người Ấn, hào hứng kể với Tor, rằng cô đã được đi máy bay từ Bombay đến London chỉ trong vòng có hai ngày, câu chuyện đi máy bay của Elsa khiến Tor cảm thấy hết sức nể phục cô gái này, quả là một cô gái dũng cảm. Sau đây Tor đi đến chỗ người giữ ngựa lúc bây giờ đang gân cổ gọi cô đến xem một chú ngựa con cực kỳ dễ thương vừa mới được chuyển đến cho một trong những đứa con của ông hoàng địa phương trong xứ. Tor vuốt nhẹ vành tai của chú ngựa con và chuyện trò với nó trong lúc chú ngựa vẫn không ngớt phát ra những tiếng kêu the thé đến đến rộn người, rồi cô quay về nhà, băng qua mảnh sân con bước vào phòng bếp.

“Ôi trời, cái gì thế này?”, Toby xuất hiện trước ngưỡng cửa, run giọng hỏi.

Tor dán đôi mắt tròn xoe xanh biếc của cô vào anh rồi nhìn sang chiếc bánh lúc bây giờ đang nằm trên mặt bàn, giữa nghi ngút khói đen cuộn cuộn vây quanh.

“Ôi trời, ôi trời”. Toby đánh đổ những quả lý chua đã cháy đen ra sàn nhà khi anh vụng về nhấc chiếc bánh lên bằng một chiếc khăn sạch trong tay. “Ôi trời, Kurtz, ông ấy đã chết”, anh đột ngột la lên àm ỉ.

Không ai hiểu Toby đang nói gì - chỉ là cách nhìn nhận vắn đề bằng con mắt hài hước của anh nhằm mục đích tạo không khí vui vẻ trước những sai lầm ngớ ngẩn thường nhật của những người thân trong gia đình. Ban đầu chỉ Jai và Benarsi ré lên cười, rồi đến lượt Toby hòa theo cùng hò reo với cả hai đứa, đôi tay không ngớt dụi vào mắt. “Xin lỗi, xin lỗi em yêu”. Anh vờ lấp bắp. “Tôi nay anh sẽ giúp em làm một chiếc bánh khác, sau đây chúng ta có thể viết một bức thư nặc danh gửi đến Margaret Allso...”. Anh không thể dừng trò đùa của mình lại. Tor cười lẫn lộn, đến nỗi cô phải ngò xuống ghế, vòng hai tay ôm chặt lấy mình. Tor cứ cười rữ rượi cho đến khi cô dừng lại, dứ dứ chiếc thìa gỗ về phía chủ tớ nhà Toby. “Anh đúng là một kẻ hậu đậu”, rồi cô âu yếm hạ giọng, đưa tay gạt dòng nước mắt đang từ từ rỉ xuống gò má. “Cả hai cậu bé ngổc nghệch kia nữa. Memsahib tum ko zuroor kastor ile pila dena hoga”.

Tor hy vọng khi Viva và Rose đến chơi, hai người sẽ được chứng kiến một Toby, chông cô lúc nào cũng như hôm nay: rất tâm lý và cực kỳ hài hước, không chỉ có thế, anh còn ứng xử thông minh đến không ngờ - chẳng phải lúc nào anh cũng ngổn ngáu đủ mọi thể loại sách đây thôi. Tất nhiên là Viva và Rose có thể sẽ nghi ngờ Toby. Việc anh chóng vánh câu hôn cô đã khiến hai người nghĩ Toby là một kẻ liêu lĩnh, hoặc thậm chí, có thể Viva và Rose đã nghĩ anh là một tội phạm, hoặc giả là một kẻ tự tin thái quá. Hoàn toàn sai lầm, Toby không giống như những gì mọi người vẫn nghĩ. Thậm chí anh là một chàng trai khá nhút nhát, thường lúng túng đến vụng về trước những người lạ. Tor là cô gái đầu tiên anh yêu.

Sau ngày cả hai dấn nhau đến phòng đăng ký kết hôn ở Bombay, tâm trạng vô âu vô lo đến phờ phạc trước đây của Tor bỗng chốc chìm ngấm. Toby lái chiếc Talbot xộc xệch của anh chở cô ngược lên phía Bắc, ngồi trong xe, bằng giọng đều đều đến mức tế nhị, anh huyền thuyên với cô hàng giờ liền về chuyện áo quần và mua sắm. Về sau Toby thú nhận với cô, rằng có lần mẹ đã nói với anh cách ngẩn ngất để chiêm được trái tim của một cô gái chính là hãy khiến cô ấy nghĩ rằng mình có chung sở thích, chung niềm đam mê với cô ta, và anh tuyệt đối tin vào bà. Nhưng hôm ấy, khi anh huyền thuyên hỏi cô thích loại mũ chụp hình quả chuông hay mũ đính hoa, rồi cô thích màu nào nhất, hồng hay xanh lá cây... thì nỗi khiếp đảm bắt đầu gợn lên trong Tor. Toby chỉ là một kẻ ba phải! Và cô đã phạm phải sai lầm tồi tệ nhất cuộc đời mình.

Chiếc xe vẫn lịch bạch lặn trên đường, Bombay mỗi lúc bị bỏ lại một xa thêm ở sau lưng, băng qua những sa mạc bao la, những con đường chật chội đầy bụi bặm, những thành phố thị trấn lụp xụp và nhếch nhác đến những cánh đồng xám xịt, không khí trong khoang xe mỗi lúc một nóng nực, Tor mơ màng chìm vào giấc ngủ.

Tỉnh giấc, Tor nhìn thấy một chiếc nhẫn vàng ngự trên ngón tay mình, cô định bụng sẽ yêu cầu anh giải thích thật chi tiết công việc Toby đang làm. Lập tức khuôn mặt anh vụt trở nên vui vẻ. Anh đã sẵn sàng kể cho cô nghe về công việc giảng dạy bộ môn lịch sử và khoa học ở trường Thánh Bart's nhưng rồi Toby lại bảo với cô, rằng anh đang viết một cuốn sách về công việc của mình, cuốn sách về các loài chim hoang dã ở Ấn Độ, rất nhiều trong số chúng cực kỳ quý hiếm và được người dân địa phương tôn thờ như chim thần chim thánh. Rồi Toby liếc mắt nhìn trộm cô, ngập ngừng dò hỏi liệu Tor có phiền không nếu anh kể cho cô nghe một bí mật.

“Không sao đâu”, cô nói, thấ y nhẹ nhõm bởi cuối cùng không khí căng thẳng giữa hai người cũng được giải tỏa. “Em rấ t thích những bí mật”.

Câu chuyện bí mật của Toby như thế này: Một buổi sáng, khi anh đang thơ thẩn tản bộ ngang qua sân trường, anh nhìn thấ y một quả trứng nằ m chơ vơ trên thảm cỏ. Có lẽ chim mẹ đã bỏ rơi quả trứng sau khi đẻ. Sáu tuầ n sau đầ y, anh đã ấ p quả trứng trong lòng mình cho đế n một ngày, vỏ trứng rạn nứt, rồ i một cái đầ u nhỏ xíu với nhúm lông tơ mượt mà nhú ra, không được cứng cáp cho lắ m. “Thế nên anh hiểu cảm giác có con là như thế nào”, giọng anh dịu dàng, đầ y tình cảm. Tor đưa mắ t nhìn anh trong chiế c xe chật chội.

“Chúa ơi”, cô nói, “anh đúng là một người chồ ng ngọt ngào”. Nhưng trong đầ u cô lại nghĩ, cái quái quỷ gì khiế n anh kể ra câu chuyện ấ y thế nhỉ? “Một câu chuyện rấ t tuyệt”, cô khen ngợi, rồ i nhủ thầ m, sao mà giọng điệu của mình giồ ng mẹ đế n thế .

Tô i hôm ấ y, Tor cô an ủi mình, rằ ng cô câ n phải nhìn nhận cuộc hôn nhân với Toby giồ ng như một thỏa thuận thiế t thực: theo cái cách mà ai đầ y vẫn nghĩ, rằ ng mình đang đố c tiề n cho một kỳ nghỉ đúng vào những giây phút cuối cùng, hoặc đang tồ n tiề n để mua một món đồ gia dụng trong một tiệm đồ cũ: nế u không tràn trề hy vọng, thì sao có thể để xảy ra sai lầ m tô i tệ được?

Giờ đây nhớ lại quầ ng thời gian đầ u khi cô nhìn anh như một món hời nhuồ m đầ y phong vị thực tế , đã đố i xử với anh khá lạnh nhạt, Tor lại nhói đau. Câu chuyện về quả trứng bị bỏ rơi trên sân trường đã cho cô thấ y trái tim nhân hậu của anh, nó khiế n cô mỉm lòng. Giờ đây cô yêu biế t nhường nào mái tóc mê m mượt suôn đầ u như lụa của anh chảy dài trong tay cô mỗi khi Tor lùa tay lên đầ u Toby vào mỗi buổi sáng. Cả cái cách anh chìm vào giấ c ngủ khi cánh

tay vẫn ôm chặt quanh người cô. Những câu chuyện khôi hài anh kể, tách trà mỗi sáng anh vẫn mang đến tận giường cho cô. Cả đêm mê đeo đuổi đến cùng công việc của anh, những cuốn sách anh vẫn đọc hã ãng đêm để ru cô vào giấc ngủ: Joseph Conrad, Dickens, T. S. Eliot - những cuốn sách mà cô từng có lần nghĩ bụng mình sẽ không bao giờ hiểu được những gì người ta viết trong đây.

Cô hy vọng anh sẽ không sớm kể cho Viva và Rose nghe câu chuyện về chú chim non chào đời từ quả trứng được ấp ủ trong lòng anh. Cô ãn phải có thời gian để hiểu hết một con người.

Chiều muộn ngày hôm ấy, sau khi chiếc c bánh Giáng sinh mới đã hoàn thành, hai vợ chồng cô cùng bắt tay vào trang trí nhà cửa. Hai tiếng sau, mọi góc ngách trong ngôi nhà đều được trang hoàng bằng nến, đèn điện và những sợi dây kim tuyến lóng lánh.

“Anh có nghĩ chúng ta đã hơi vung tay quá trán không?”, Tor hỏi.

“Không đâu cưng”. Toby đang quãn một vòng dây kim tuyến quanh nút vặn chiếc máy hát quay ra nói với cô. “Nguyên tắc của Giáng sinh là không bao giờ được xem là đủ”.

Cô ôm chãm lấy anh và hôn lên tai Toby.

“Anh thấy thế nào?”, cô hỏi, khi cả hai âu yếm ôm chãm lấy nhau im lặng ngắm nghĩa căn phòng của mình.

“Thật lộng lẫy”, anh thì thãm với cô. “Một không gian tràn ngập niềm hạnh phúc”.

Trái tim cô đập rộn ràng, cảm giác yêu thương trào lên trong Tor. Toby chính là món quà quý giá nhất mà cuộc đời đã mang đến cho cô. Tor hy vọng Viva và Rose cũng sẽ mê ãn anh khi hai người đến đây.

Chương 49

Kể từ ngày bố cô qua đời, Viva đã trải qua những mùa Giáng sinh tại gia đình của những người bà con mà cô gần như không hề quen biết: những bà dì, ông chú, bà thím họ hàng xa. Có năm, khi không còn tìm được một người bà con xa nào đâu để xin đến ở cho qua mùa Giáng sinh, cô đã buộc phải đón những ngày Giáng sinh lạnh lẽo với gia đình người làm vườn ở trường học. Trong suốt bữa trưa ấm đạm, bà vợ với khuôn mặt sung sĩa đã rất rạch ròi với Viva khi thông báo với cô, rằng bà ta hy vọng sẽ được thanh toán cho chú gà tây mà mình đã phục vụ cô trong bữa tiệc hôm nay.

Khi nhận được bức thư kèm theo lời mời của Tor - được viết trên mẫu giấy cứng màu xanh nhạt, vền vền mấy chữ “Giáng sinh ở Amritsar - hãy đến!” - phản ứng tức thì của cô là từ chối. Cô căm ghét tận xương tủy lễ Giáng sinh cùng những bản thánh ca, những câu kinh thuật lại nỗi khổ hình của Chúa Giêsu, ngay cả khi không có những âm thanh rên rỉ ấy, cô vẫn thấy kinh hoàng mỗi khi nghĩ đến.

Cuộc chạy trốn khỏi Azim đã để lại trên mặt cô một vết rách sát mắt với năm mũi khâu, một chiếc xương sườn bị gãy, những cơn đau đầu và triền miên mất ngủ. Những vết thương đã tác động sâu sắc đến sự tự tin của cô. Không dừng lại ở đây, cô còn mất hàng tiếng đồng hồ để đăng để viên trung sĩ Barker thăm vấn. Barker, một gã gốc Xcôt-len với khuôn mặt lúc nào cũng cúi kính, mồ hôi túa ra thấm ướt cả một mảng lưng áo đồng phục, đã có ý nhắc nhở cô, rằng nếu Viva, một cô gái độc thân, chọn sống ở khu vực ngoại ô Bombay, nơi không lấy gì đảm bảo về mặt an ninh và gạt qua những khuyến cáo của chính phủ Anh, thì chuyện

vừa xảy ra với cô là hết sức bình thường, thậm chí cô phải lấy làm may mắn vì còn giữ được mạng sống.

Nhưng cuối cùng, Daisy và cô cũng đã cố gắng xoay sở để thuê cho Guy một căn phòng nhỏ tại một nhà khách ở Bombay. Bác sĩ Ratcliffe, chủ nhà khách, một người đàn ông lịch lãm, với khuôn mặt dữ tợn bởi từng có lần suýt chết trong một vụ tai nạn rò rỉ khí ga, đã rất đồng cảm và từng chữa trị thành công cho nhiều bệnh nhân có vấn đề về thần kinh. Ratcliffe cho Viva và Daisy mượn một cuốn sách có đề cập đến bệnh thần kinh do bác sĩ Boyla viết. Trong cuốn sách của ông, bác sĩ Boyla đã cho biết một trong những dấu hiệu đầu tiên thường xuất hiện ở những người bệnh tâm thần chính là những hành động quá khích, họ luôn có những phản ứng thái quá, thậm chí một số người còn có những hành động đầy lòng trắng ác. “Nhưng ngài ấy chưa đủ để kết luận”, Ratcliffe nói trong lúc dẫn hai người đi một vòng quanh ngôi nhà để giới thiệu, “đề viết lên hồ sơ bệnh án của người bệnh hai chữ “tâm thần” như nhiều đồng nghiệp của tôi đã làm, chúng ta phải tìm ra bản chất của vấn đề ngay cả khi không có thuốc chữa”.

Guy được sắp xếp ở trong một căn phòng thoáng đãng, chan hòa ánh nắng sát bên một khoảnh sân nho nhỏ. Ban đầu ông lên cho Guy một khẩu phần ăn hàng ngày khá bổ dưỡng đi kèm những bài luyện tập đặc biệt. Căn phòng của Guy nhìn ra một khu vườn nho nhỏ đầy màu xanh, luôn tạo cho nó cảm giác thích thú và dễ chịu.

Khi những vết thương trên mình Viva đã gần bình phục, cô đến thăm Guy. Hai người ngồi giữa sân nhấm nháp ly nước chanh mát rượi, lần cuối cùng cô đến, Guy đã nói: “Tôi xin lỗi vì đã làm cô bị tổn thương. Thực tình tôi không hề muốn như thế”. Lần đầu tiên nó nói với cô bằng giọng điệu bình tĩnh nhất từ trước đến giờ, rất tự chủ và tràn ngập niềm hạnh phúc.

Nhưng bốn ngày sau, bốn của Guy đã từ Assam đến gặp Daisy và Viva để nói với các cô rằng điều cuối cùng Guy cần là sự quý trọng phiến phức từ đám đàn bà con gái trút lên nó, rằng ông đã đặt sẵn cho thằng bé tám vé một chiếc quay trở về nước Anh. Một người bạn cũ của ông ta đang ở trong quân đội đã hứa sẽ tìm cho Guy một công việc thích hợp ở trung đoàn của ông ấy. Mặc kệ những gì đã xảy ra, khi Guy, trong lần cuối cùng đến thăm cô với bộ dạng gầy yếu xanh xao, niềm thương cảm chợt trào lên trong lòng Viva, cô thấy mũi lòng; khuôn mặt Guy đầy đau khổ như thể nó biết một lần nữa mình sẽ lại bị ném vào giữa bầy sói không hề thương tiếc. Hôm ấy Guy đã nhờ bác sĩ Ratcliffe đưa nó đến mái ấm tình thương để chào tạm biệt Viva. Hai người lặng lẽ ngồi bên nhau trên băng ghế dài đặt ngoài văn phòng Daisy, đột nhiên Guy ngả đầu lên vai cô như một đứa trẻ.

“Tôi không muốn quay về một chút nào”, giọng nó rầu rĩ. “Cô có thể làm gì được không?”.

“Không”, cô nhẹ nhàng, và chợt nhận ra, cuối cùng thì điều đầy ắp cũng trở thành sự thật. Cô không phải là mẹ hay người giám hộ của thằng bé. Bốn mẹ Guy đã không tin tưởng cô, thậm chí bọn họ còn không tin vào những gì bác sĩ Ratcliffe đã nói, trong mắt bọn họ, ông chỉ là một tên lang băm không hơn không kém. Guy đã bị đẩy ra khỏi tầm kiểm soát của cô. Giờ đây Viva không thể làm được gì để hàn gắn những vết thương trong tâm hồn thằng bé.

Nó vòng tay ôm chặt lấy cô thêm một lần nữa.

“Cô đẹp quá”, những lời cuối cùng nó dành cho cô nghe sao ghen đả. “Rồi có ngày tôi sẽ cưới cô làm vợ”. Mà ý lời cuối cùng của Guy khiến đầu óc cô quay cuồng.

Mấy hôm sau, Daisy trước khi quay về Anh trong kỳ nghỉ Giáng sinh, đã cố năn nỉ Viva dành chút thời gian ít ỏi cho một kỳ nghỉ ở đâu đấy. Daisy bảo với cô sẽ chỉ còn lại sáu đứa trẻ ở lại mái ấm tình thương trong dịp lễ Giáng sinh, bà Bowden và Vaibhavi cũng đã vui vẻ ở lại chăm sóc tụi nhỏ.

“Hãy dành hai tuần ấy cho nghỉ ngơi, em cần phải thê - và cần phải tránh không để đầu óc mình phải bận tâm lo lắng cho thằng bé nữa, cũng như tạm thời dẹp cuốn sách chứa đầy những phận đời bất hạnh của em lại. Lên đường!”.

Và rồi hai tuần trước Giáng sinh, khi chuyến tàu đưa cô đến sân ga Amritsar, Viva chợt nhận ra Tor luôn ở trong tâm trí cô. Cô không cần phải tìm đến với một người mới nào khác.

“Viva!”, nụ cười bừng sáng trên khuôn mặt rạng rỡ hân hoan chào đón của Tor. Cô gái dang rộng cánh tay siết chặt lấy Viva rồi tỉ mỉ xem xét đôi mắt được Viva giấu kỹ dưới vành mũ rộng của mình.

“Chúa ơi!”, Tor thốt lên. “Nhìn mắt chị này! Chuyện gì xảy ra với nó vậy?”.

“Ôi, không có gì cả, thực sự không có gì nghiêm trọng đâu”. Viva co rúm người sợ hãi mỗi khi nhớ lại chuyện ấy. Nỗi tủi hổ xót xa dường như vẫn đang đeo bám đóng thành quách thành lớp trên mắt cô, mặc dù phải sống với nỗi ám ảnh mang tên Azim nhưng cô vẫn từng ngày cố gắng để che giấu vết thương trên khuôn mặt cùng câu chuyện dài phía sau nó. “Một lần chị đi dã ngoại, rồi chẳng may trượt chân. Lúc ấy nhìn chị còn thê thảm hơn thế này nhiều. Chị sẽ kể cho em nghe chuyện này trong bữa tối”.

“Ôi không, Tor, chị không thể tin được mình lại ở đây”. Viva nắm chặt tay Tor. “Vào một ngày đẹp trời như hôm nay”.

Bầu trời trong xanh không một gợn mây, lòng lộng như một tấm gương khổng lồ.

“Ừm, Toby và em đã kiên quyết không để bất kỳ chút ánh nắng mặt trời nào phá hỏng lễ Giáng sinh của mọi người”, Tor tếu táo khi cả hai tay trong tay dắt nhau đi ra khu vực đỗ xe. “Anh ấy đã bảo với em sẽ vo những cuộn bông thành từng viên tròn rồi dàn lên tầng thượng để mọi người có cảm giác như mình đang ở nhà.

“Viva, em không thể chờ đến lúc giới thiệu anh ấy với chị được nữa”, Tor siết nhẹ bàn tay Viva. “Chị sẽ thích anh ấy. Chị sẽ thích ngay thôi”.

Viva hy vọng thế. Liệu Toby có biết chuyện cô đã kịch liệt phản đối Tor đến thế nào khi cô ấy quyết định sẽ kết hôn với cậu ta không nhỉ? Viva - chuyên gia lão luyện trong tình trường và hôn nhân! Nhưng đôi khi cô còn thấysợ cho chính bản thân mình.

Trong khi Tor lái chiếc Talbot quay về trường, Viva rửa sạch bản thân mình. Một trong những kết quả sau những ngày bị Azim giam cầm là giờ đây cô đã nếm trải cảm giác lo sợ sẽ bị giam giữ. Khi ngồi trên tàu, cảm giác ấy lại ùa về trong cô: tim đập rộn rã, mồ hôi túa ra ướt đầm lòng bàn tay, cảm giác chao đảo lộn nhào đến nghẹt thở. Khi cô đưa mắt nhìn ra ngoài cửa xe, cảm giác lo âu sợ hãi lập tức cuộn lên trong cô như một màn sương mù xám xịt. Cô căng mắt cố tập trung vào ngôi làng nhếch nhác mà chiếc xe đang lạch bạch bò ngang qua, một người đàn ông cười trên lưng một chú ngựa trắng gầy trơ xương, một bà già đang run rẩy bước trên đường với một bó củi trên đầu.

Nửa tiếng đồng hồ sau, Tor dừng xe trước một cánh cổng với một chiếc huy hiệu trường học khổng lồ dính trên đỉnh.

“Đến nơi rồi”, Tor hỏi. “Tổ ấm của bọn em đây”.

Lần đầu tiên, Viva thấy lòng mình chộn rộn đến thế, không chỉ có vậy, cảm giác hào hứng còn đọng lại khá lâu trong cô. Cứ như thể cô đang đắm thân vào một câu chuyện cổ tích dành cho đám trẻ con. Một ông già Nô-en ngồi bên lò sưởi; những ô cửa sổ lắp lánh ánh nến; những bình hoa giầy treo lúc lỉu trên cột băng, những bức tranh bằng giầy đầy màu sắc với những nét vẽ ngây ngô của trẻ con được treo trên những khoảng trống dọc hai bên hành lang. Một bức vẽ chân dung một người đàn ông khá hào ngạo với khuôn mặt sáng sủa, đầu đội một chiếc khăn xếp đính đầy đá quý; bức khác vẽ cảnh một đứa bé đang ngồi trên xe trượt được kéo bởi một đám thú dữ từ hồ, báo đến rấn rít...

Trên cánh cửa, phía ngang đầu, những chữ cái bay bướm được cắt dán từ loại giầy bạc sáng lấp lánh ghép lại với nhau thành dòng “Chúc Mừng Giáng Sinh” nom khá bắt mắt.

“Vẫn còn hơi sớm khi trang hoàng vào lúc này”, Tor phân trần, “nhưng bọn em không thể chờ thêm được nữa”.

“Tuyệt quá, Tor”, Viva cười lớn. “Thiên thần nào sống ở nơi này?”.

“Tất cả thiên linh - rất nhiều đấy nhé”. Toby xuất hiện trước ngưỡng cửa, hai chú bé người hầu ăn bận lịch sự, kính cẩn bê hai khay đồ ăn thức uống gồm một chai sâm banh và những đĩa pho mát vàng nhạt.

“Xin chào người bạn của Tor”, anh hỏi, vụng về chìa tay về phía Viva.

“Không, không, khoan! Khoan đã!”, Tor lao về phía chiếc bàn, vặn nút máy hát, ngay lập tức căn phòng tràn ngập giọng ca của Ivor Novello hân hoan với bài “Nhịp chuông ngân mãi trên cao”.

“Tôi đã phải ngăn không cho cô ấy thả p lửa đấy”, Toby nói. “Về đêm nhiệt độ xuống chỉ còn 18oC”. Nhìn khuôn mặt rạng ngời của Toby xã n nắ n bên Tor, Viva chợt nhận ra cậu ta mới trẻ trung đến nhường nào - mái tóc rỏ i bù, những ngón tay hầy còn lắ m lem về t mực, vạt áo sau còn chưa kịp nhét gọn vào quầ n - và mới nghĩ thơ làm sao: cô nghĩ hẳn cậu ta phải là một chàng trai hể t mực dịu dàng và cực kỳ nhân hậu.

“Anh”. Tor vòng tay ngang eo Toby. “Để em giới thiệu một chút trước khi chúng ta nhập cuộc vui nhé. Đây là chị Viva, người mà em đã kể rắ t nhiề u cho anh nghe đấy. Chị ấy sẽ kể cho chúng ta nghe về về t thương gầ n mắ t của mình sau, thế nên anh đừng có hỏi gì về nó ngay bây giờ nhé”.

“Chào mừng đến với tổ ấm của chúng tôi, Viva”. Toby bắt tay Viva, rắ t nhiệt tình. “Chúng ta làm một ly sâm banh nhé?”.

“Rắ t sẵn sàng”, cô vui vẻ trả lời.

“Ôi, chể t tiết!”. Khi Toby đổ c chai sâm banh đổ ra những chiế c ly, đám bọt rượu trắng xóa sủi tăm tràn ra khỏi miệng ly, Viva chợt nghĩ, cậu ta cũng thuộc kiểu người dễ bị kích thích giồ ng như mình.

Khi ly rượu được trao vào tay, cô hít một hơi thật sâu rỏ i đưa lên miệng nhắ p môi. Xem nào! Cô đã chẳng nói trước là có những điề u luôn khiế n cô sợ hãi mỗi khi nghĩ đến đấy thôi. Để xem - có ba điề u đáng để chúc mừng: thứ nhắ t cô đã thực hiện được một cuộc hành trình đến tận đắ t nước xa xôi này với chỉ một mình; thứ hai, Toby nom có vẻ không giồ ng một kẻ nghiện ngập hay một ông chồ ng vũ phu; thứ ba, đến giờ phút này vẫn không có ai hỏi han gì đến Frank, con người mà cô đã không còn muố n nhắ c đến tên của anh ta nữa. Thế nên ngay cả khi mọi thứ đã diễn ra sớm hơn so với sự mong đợi của cô, hầy để Giáng sinh bắt đầ u mang lại niề m

vui. Không rên rỉ, không ủ ê, không sợ hãi, không ngoái đầu nhìn lại, không ngẩng đầu nhìn lên.

Cô nâng ly sâm banh sóng sánh lên ngang tầm mắt, hướng về phía Tor. “Mừng Giáng sinh”, cô nói.

Chương 50

Ngày hôm sau, khi Rose xuấ t hiện cùng Freddie bé bỏng mới bốn tháng tuổi trên tay, Toby đã trêu chọc các cô gái, rằng cả ba đang dần trở thành những bà già lắm cảm. Nhưng quả thật Freddie đáng yêu vô cùng, thừa hưởng mái tóc vàng óng mượt mà của Rose, lúm đồng tiền xinh xắn trên gò má bụ bẫm, đôi mắt xanh biếc sáng ngời nom rõ thông minh. Khi Viva ôm thắ ng bé trong tay, cô choáng váng với luồ ng cảm xúc đang dào dạt tuôn trào trong mình - không phải là những cảm giác kiểu như ghen tị, cô có thể làm gì với một đứa bé đáng yêu như thế? - nhưng đúng là cô nể phục Rose bởi đã làm được một điề u kỳ diệu đé n thế, chuyện này thật hoàn hảo, thật phi thường và cô â y thật mạnh mẽ.

“Ôi Chúa ơi”, Toby vờ rề n rĩ với các cô gái khi cuố i cùng anh cũng được phép bế Freddie trên tay. “Bà chủ nhà này cũng đang muồ n sinh hạ một cậu nhóc như thế này ngay lập tức đây”, và rõ i, đúng như Tor đã dự đoán, Toby bắt đầ u kể cho Viva và Rose nghe câu chuyện về quả trứng, câu chuyện có ý nghĩa với anh biế t nhường nào.

“Chuyện gì đã xảy ra với chú chim non?”, Viva dịu dàng hỏi.

“Hai tháng sau thì chú chim qua đời, tôi đã bắt cần giẫm chân lên nó. Lúc bắ y giờ tôi mãi chạy nhanh ra ngoài để lắ y thư. Anh xin lỗi, cưng”, Toby quay sang Tor, “vì đã không kể cho em nghe điề u này. Rắ t khó khăn để kể lại chuyện này”. Giọng Toby không hề có ý đùa cợt chút nào.

“Thật kinh khủng”, giọng Viva vẫn nhẹ nhàng. “Hẳn cậu phải yêu chú chim â y đé n nhường nào”.

“Cô nói đúng”, Toby xa xăm, “tôi đã yêu chú chim non ấy biết nhường nào”.

Mặt trời đang cháy hết mình rót những tia nắng rực rỡ cuối cùng lên khoảng sân chơi rộng mênh mông trước ngôi trường, những vạt nắng kéo dài tận cánh rừng phía ngoài xa, nơi những đàn chim đang vờn vũ quay tròn trên bầu trời, những ngọn cây đang vươn mình mạnh mẽ như muốn chạm tay đến chúng. Ít phút sau, bóng tối nhanh chóng ủa về, những vì sao mọc sớm đã nhấp nháy ẩn hiện phía cuối đường chân trời. Toby bước ra ngoài hiên, ngó xuống cạnh Viva.

“Ở đây cô thấy ổn chứ?”, anh nhẹ nhàng hỏi. “Ý tôi là, nơi này quá hoang vu hay cần phải có thêm nhiều người nữa nhập cuộc?”.

“Không hoang vu chút nào đâu”, cô nói dõng dạc. “Thật bình yên khi không phải vấp vấp với những chuyện lộn xộn chốn phố hoa đô hội. Có vẻ Tor rất...”.

“Rất...”.

Cả hai cùng phá lên cười.

“Cô nói trước đi”, dứt cơn cười, Toby nói. “Cô là khách mà”.

“Ừm, tôi chỉ muốn nói, chưa bao giờ tôi thấy Tor hạnh phúc như lúc này”.

“Ôi, tôi hy vọng là thế! Thậm chí tôi còn không thể tin được chuyện này là thật”. Trông điệu bộ của Toby lúc này như một đứa trẻ lên tám. “Tôi biết là cô vẫn còn vài điều hoài nghi giấu kín trong lòng”. Nụ cười nhăn nhó của Toby vụt lóe sáng trên khóe miệng trong bóng tối nhập nhoạng lúc hoàng hôn càng khiến khuôn mặt của anh trở nên lầu lỉnh.

Viva cười, ngượng ngùng. “Ừm, công nhận là thế - chiế u theo những chuẩn mực của người Á n thì sự kế t hợp của hai người quả là chóng vánh đế n bất ngờ, và rấ t dễ thương đấ y chứ”.

“Tôi biế t”, anh nói. “Hai chúng tôi đã dấ n thân vào cuộc rủi ro lớn nhấ t đời người khi quyế t định khá chóng vánh, nhưng chuyện này đúng là điề u tuyệt vời nhấ t đấ y chứ, cô có nghĩ thế không?”.

“Tôi không biế t. Tôi không được can đảm đế n thế”.

Một tràng cười từ phòng trẻ trong nhà vọng ra khiế n cả hai bất giác cùng ngẩng đầ u lên nhìn. Có tiế ng nước bì bơm vọng ra, rồ i giọng Tor và Rose cùng hát vang: “Daisy, Daisy, hãy trả lời tôi đi...”.

Ít phút sau, Tor bế Freddie ra ngoài hiên, khuôn mặt cậu bé đỏ au sau màn tắ m nước nóng, mùi xà phòng thơm quyện với hương phấ n rôm thoa trên làn da mỏng manh của cậu tỏa khắ p hiên nhà. “Chào chú Toby và cô Viva nào, chúc hai người ngủ ngon nhé”.

Viva hôn lên trán Freddie. Làn da mịn màng trên trán đứa bé thoảng mùi cỏ non. Những ngón tay tí hon hô ãng hào của nó ngoay chạm vào phía dưới má t Viva, nơi vế t sẹo đã bắ t đầ u lên da non. Cô khẽ chùng người xuô ãng, rồ i lại rướn cổ hôn nhẹ lên trán cậu bé. “Chúc ngủ ngon, Freddie yêu quý”, Viva thì thầ m, “ngủ ngon nhé, bé yêu”.

“Chỉ câ ãn các cô được vui vẻ, đấ y là điề u tôi quan tâm”, Toby nói. “Thực lòng, thì cũng xấ u hỏ một chút khi anh bạn bác sĩ của cô không thể đế n đây dịp này. Từ Lahore đế n đây thực tình không xa xôi gì cho cam, tôi thực sự muố n được trao đổi với anh ta về căn bệnh số t rét. Một trong những căn bệnh kinh khủng nhấ t. Năm ngoái ở đây đã có dăm học sinh lìa đời vì căn bệnh quái ác này”.

“Bạn bác sĩ nào kia?”, cô rướn cặp mắt nghi ngại vào Toby. “Tôi không biết anh ta cũng được mời đến đây”. Viva đặt ly rượu xuống. “Ai mời anh ta tới vậy?”.

“Ôi Chúa ơi”, Toby vờ rên rỉ. “Tôi lại khiến cô phiền lòng rồi ư?”.

“Không, không, không, không sao đâu”, cô tuôn một tràng, nhanh đến nỗi chính cô cũng không nhận ra mình đang nói gì. “Anh ta là bạn của tất cả mọi người từng đi trên chuyến tàu. Tôi rất ít khi nghĩ đến anh ta, nhưng...”. Cô nhìn đồng hồ đeo tay. “Tôi phải về phòng nghỉ, tắm rửa rồi thay quần áo - bữa tối sắp đến rồi. Cảm ơn cậu vì đã trò chuyện với tôi hôm nay”.

“Ôi không nạn thật!”, vẻ mặt Toby đầy đau khổ. “Tôi lại huyền thuyên những chuyện không đâu mà thôi. Đúng là ngớ ngẩn quá”.

Bước vào phòng, Viva khóa cửa, giam mình trong bóng tối. Cô ngồi xồm trên giường. Cuối cùng thì điều ấy cũng đến: anh cũng được mời, nhưng đã không muốn đến. Cô còn muốn nghe điều gì rõ ràng hơn nữa? Lòng cô chợt nhói đau, cảm giác bất lực ứa về, cô không thể làm gì khác với nỗi đau đang quặn thắt trong tâm can, cứ như thể cô vừa nhận được một cú bốp như trời giáng vào hai bên mạng sườn. Đã rồi, tất cả đã kết thúc, cô nhủ thầm, anh được mời đến, nhưng đã từ chối.

Hãy nhớ lấy ngày hôm nay, cô nổi giận, nguyện rửa bản thân, mà phải nhớ không được phá hỏng một mùa Giáng sinh chỉ vì những chuyện không đâu.

Trong suốt bữa tối, Toby tiết lộ với các vị khách, rằng anh đang học nghề chạm trổ, cái nghề mà với anh giống như một gã sát nhân với đồ đạc hành nghề là những chiếc rìu, rồi anh sẽ kiếm được một công việc tử tế, Toby nhồm nhoàm nói sau khi bỏ

vào miệng một khoanh thịt bò nướng. Jai bước ra thả p sáng hàng hiên bằ ng những ngọn đèn dầ u đỏ quạch, rô i Rose mở nút chai vang loại đặc biệt mà cô đã cá t công mang theo từ nhà đê n đây, rấ t nhanh chóng, cả hội cùng nâng ly chúc mừng.

Những câu chuyện rôm rả nổ ra bên bàn ăn, bằ ng tâ t cả mọi nỗ lực của mình, Viva cô gắ ng nhập cuộc.

“Em sẽ không bao giờ chọn anh làm người đò ng hành”, Tor chọc Toby. “Bởi anh sẽ lại lom khom quỳ gồ i lẫn lê bò toài để rình mò theo dõi đám sẻ ngô lông đóm hay những loài nắ m quý hiế m hay đại loại những động thực vật bạt ngàn trong đầ y, rô i chúng ta sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi cánh rừng rậm rịt á y được. Không, em sẽ chọn Viva làm bạn đò ng hành”.

“Sao lại là chị?”, Viva thực sự muố n biế t lý do.

“Chị là một cô gái can đảm, chị không bao giờ mắ t thì giờ với những thứ như em vừa nói. Ý em là, chị sẽ mang theo câu chuyện bí mật đã xảy ra với mình ở Bombay mà chị định sẽ kể suố t cuộc hành trình trong rừng sau, lúc bắ y giờ sẽ không còn tẻ nhạt nữa. Nế u em có vài vế t chỉ khâu dưới mắ t như chị, hoặc giả từng bị hạ nô c ao đê n xây xát mặt mày như thế , em sẽ phải ăn ngoài tiệm hàng tháng trời mắ t”.

“Ôi, vế t thương này”, Viva khẽ đưa tay chạm nhẹ vào một bên mắ t. Mình đã dính bẫy. “Ừm... không có gì nghiêm trọng cả; thực ra thì có, nhưng không đê n nổi tô i tậ như thế ”.

Suố t trên chuyế n tàu tới đây, cô đã lảm nhảm kể lại chuyện đã xảy ra theo cách nhẹ nhàng nhắ t, nhưng phiên bản hơi ngả sang hướng hài hước của câu chuyện Viva bị bắ t cóc á y lại đang khiế n cô trở nên sáng chói như một ngôi sao, hết như câu chuyện về một nàng trinh nữ phải trải qua những điề u hãi hùng trong một chiế c

váy lụa đỏ chói, và Azim là một kẻ ác độc đóng vai nhân vật phản diện trong một vở kịch câm, tạo ra những nhịp thở hỗn hển gập gáp nhuốm đầy màu sắc kinh hoàng từ phía khán giả là những người đang quây quần quanh bàn ăn.

Câu chuyện chỉ kết thúc khi Tor đưa ngón tay lên môi và nhìn về phía cửa phòng nơi Freddie đang ngon giấc khẽ ra hiệu với mọi người. “Nghe nào”, cô thì thầm. Có tiếng khóc từ trong phòng vọng ra, chỉ ò ề và dè dặt, không có gì nghiêm trọng. Tất cả cùng im lặng chăm chú lắng nghe cho đến khi tiếng nô đùa lách cách đều đặn vang lên, sợi dây nô đùa từ cánh nô tới chân của người vú em khẽ đung đưa, một bài dân ca được người vú em khe khẽ ngân nga theo điệu hát ru.

“Cô ấy đang hát cái gì vậy?”, Viva hỏi Toby.

“Oi cậu chủ nhỏ, oi ông vua con, cái ngủ hãy ngủ đi nào, cái ngủ mà ngủ cho ngoan”, Toby lầm nhảm hát theo. “Thật thú vị khi biết có những phụ nữ từ một nơi nào đấy lại tỏ lòng tôn trọng những giai điệu dân gian của dân tộc mình”. Toby liếc ba cô gái bằng ánh mắt của một vị chỉ huy.

Trong lúc Toby rót vang đỏ vào ly, Viva để tâm trí mình thư giãn trong chốc lát. Câu chuyện về vụ bắt cóc đã được dàn xếp ổn thỏa, hết sức thành công, không một ai bên bàn ăn trong buổi tối hôm nay muốn biết chi tiết về cảm giác đau đớn trong những ngày bị giam hãm đã gây ra cho cô, rồi cảm giác ngớ ngẩn đang trĩu nặng trong cô, cả niềm kiêu hãnh đã bị tước đoạt một cách không thương tiếc, niềm kiêu hãnh cần thiết để có thể tạo ra sự khác biệt cho đời sống của những con người tại một đất nước cách xa hàng ngàn dặm đường so với những chuẩn mực đúng đắn mà bạn từng được dạy dỗ.

“Nhưng Viva này”, Toby đột nhiên quay sang cô, “cuộc i câu chuyện của cô. Chuyện gì đã xảy ra với cậu nhóc tên Guy ấy?”.

Viva tiếp tục kể cho mọi người nghe về bác sĩ Ratcliffe cùng ngôi nhà nghỉ kiêm nơi điều trị bệnh nhân của ông ấy. Cả chuyện Guy đã có những tiến triển khá tốt đẹp trong việc điều trị cho đến khi thảnh thơi ra đi.

“Giờ thì nó đã quay về nước Anh. Đây là điều đáng tiếc nhất. Cậu bé đã xin được cho nó một công việc trong quân đội. Nó sẽ sớm trở thành một chiến sĩ. Mọi người có thể tưởng tượng được điều gì là ít thích hợp với nó không? Người ta sẽ nhìn thấy gì khi quan sát nó?”.

“Chúng ta sẽ không thấy những điều mà mọi người vẫn thấy ở nó, nhưng đúng là chúng ta đã thấy”, giọng Toby chùng xuống. “Những điều đến từ Talmud”.

“Tôi nhận ra mình đã sai lầm trong chuyện ấy”, cô nói.

Viva nhìn hai vợ chồng Toby, cảm giác khao khát được như họ chột bùng lên trong cô. Vòng tay ôm chặt của Tor đang quấn quanh cổ Toby ấy, cả cặp mắt khép hờ của cậu ta trước khi ngã đầu vào ngực Tor.

Rose đứng dậy đi vào phòng kiểm tra giấc ngủ của Freddie, còn lại một mình Viva ngồi giữa ngón ngang bàn ghế li tách chén đĩa, nổi buồn hòa cùng niêm cô đơn thất vọng trong tim cô. Lẽ ra cô không nên đến đây, cô vẫn chưa sẵn sàng.

“Viva”, Rose đã quay lại từ bao giờ, đang đứng sau lưng cô, thì thào, “chị nghĩ sao nếu bọn em mời Frank đến đây thêm một lần nữa, không ở lại dài ngày mà chỉ cùng mọi người thưởng thức bữa tiệc Giáng sinh vào buổi trưa thôi? Anh ấy từng là bác sĩ trên tàu

tốt bụng nhất”, cô giải thích với Toby. “Cả ba bọn em đều từng phải lòng anh ấy”.

Cảm giác giận dữ chợt trào lên trong lòng Viva - thật tâm thương khi thốt ra những lời vô ý.

“Chắc hẳn Toby cũng sẽ thích anh ấy”, Tor đề vào.

Ba cô gái đưa mắt nhìn nhau, Viva nuốt nước bọt.

“Đúng hơn thì em không phải lòng anh ta”, cô nói. “Chưa bao giờ anh ta nói như thế cả”.

Câu chuyện bên bàn ăn kết thúc ở đây.

Chương 51

Sáng hôm sau, Tor đề nghị Rose và Viva nên cưới ngựa một vòng thăm thú cảnh quan quanh đây.

Thực sự là một chuyến cưới ngựa thú vị. Cảm giác hào hứng cô nào trong ruột gan cuộn lên khi Viva nghĩ đến chuyện cưới ngựa.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, cô và Rose đã thúc ngựa phi nước kiệu trên con đường hai bên ken dày những hàng dương xanh ngắt dẫn ra ngoài bìa rừng. Chú ngựa của Viva, một chú ngựa giống Ả-rập với bộ dây cương màu hồng, tỏ vẻ hiếu động khi luôn dấn cặp mắt to tròn óc nhò của chú vào muôn vật dịch chuyển quanh mình: những chú vẹt sắc sỡ, những chiếc lá rụng, những giọt nắng lọt qua kẽ lá rơi xuống mặt đường.

Cơ thể cô căng cứng vì sợ hãi.

Chỉ mấy phút trước đây thôi, khi cả hai chú ngựa bất ngờ khựng người sợ hãi trước một con chim cú đột ngột sà xuống mặt đường, suýt chút nữa thì cô ngã lộn nhào khỏi mình ngựa trong khi Rose vẫn điềm tĩnh giữ được thăng bằng và đường bộ như một nữ hoàng trên yên ngựa, cứ như thể cô ấy và chú ngựa là một.

Một trong những ký ức rõ ràng nhất mà cô còn lưu lại trong tâm trí ấy là kỷ niệm về lần cưới ngựa cùng bố ở Simla. Lúc bảy giờ cô lên ba hay bốn tuổi gì đấy. Ông rập mình trên yên, quất những cú đên đét như xé gió vào mình ngựa rồi bất ngờ bế thóc cô từ dưới đất lên, nhẹ như không, cứ như thể cô là một món đồ chơi hay một chiếc lông chim mỏng manh, ông đặt cô ngồi trong lòng mình, ngay phía trước yên rồi thúc ngựa cho phi nước kiệu nhắm hướng đường chân trời thẳng tiến, cô có cảm giác toàn bộ năng lượng toàn

tại trong mình chú ngựa đang bùng nổ, ông giữ chặt cô trong tay cứ như thể cô là trung tâm của chiếc guồng quay to đùng vững chãi.

Chút ký ức đẹp để nhớ của cô.

“Chị đang nghĩ gì thế?”, Rose lớn giọng cô bắt chuyện với cô. Ánh mắt Rose ẩn hiện dưới vành mũ bảo hiểm cô liếc sang phía Viva.

“Không có gì”.

“Ôi!”. Cái nhìn của Rose đầy hoài nghi.

Cả hai thong dong cưỡi ngựa qua một cánh cổng đan bằng những sợi liễu gai; một đàn vẹt lông xanh sà xuống cánh rừng trước mặt. Viva lơ mơ nhìn thấy con đường ngoằn ngoèo dẫn đến một con dốc thoải ẩn hiện giữa những tàng cây mờ bóng. Một nơi lý tưởng để phi nước đại, Rose hào hứng.

“Sẵn sàng chưa?”.

“Sẵn sàng”.

Rose biếc mắt trong đám bụi mịt mờ.

Khi Viva giật dây cương, chú ngựa của cô xé gió vun vút lao về phía trước như một viên hỏa tiễn, bất chợt Viva cảm thấy sợ hãi. Mình có cảm giác như đang bay, gió mạnh quạt vào mặt cô, tiếng vó ngựa dồn dập ngay dưới chân cô. Những bụi cây dại hai bên đường vèo vèo rít qua tầm mắt, sau khi vượt qua những rặng cây có mùi thơm như mùi quế, đến đoạn đường lầy lội, vài khúc gỗ chắn ngang lối đi buộc phải vượt qua, và rồi khi Viva và Rose ghìm cương dừng lại trên đỉnh dốc phía cuối cung đường, hai chú ngựa ướt đầm mồ hôi, bất giác hai cô gái cùng nhìn nhau cười vang, chưa bao giờ Viva thấy sáng khoái như lúc này.

“Ôi, thích quá!”, Rose, đôi gò má ửng hồng, mái tóc dài vàng rực xõa tung trong gió, khuôn mặt tràn ngập niềm hạnh phúc hết như một cô bé vừa chạm ngõ tuổi dậy thì. “Không thể tả xiết niềm vui như hôm nay”. Vẫn ngồì trên yên, Rose cầm dây cương điệ̀u khiển chú ngựa hồng của mình nhịp nhàng nhảy lách tách những bước ngặ́n đậ̀y hứng khởi, cả người lẫn ngựa đậ̀u rạng ngời trong nắng. Cô ấy mới xinh đẹp làm sao, Viva nhũ thậ̀m, và rậ́t can đảm.

Nghi ngời trong chộ̀c lát, tiệ́ng nước chảy róc rách rót vào tai du dương như hát, tiệ́ng thậm thịch của móng ngựa đang giẫm lên lớp bùn dày đỏ quạch ven suộ̀i. Viva và Rose dặ́t ngựa xuộ̀ng lòng suộ̀i, để mặc chúng thỏa thuê vục đậ̀u xuộ̀ng làn nước mát rượi. Một con chim diệc đang kiệ̉m ăn ở bờ bên kia giật mình bay vút lên cao. Bàn tay Rose nhẹ nhàng chạm vào tay áo của Viva.

“Trông chị khá hơn rậ́t nhiệ̀u rội đậ̀y, Viva”.

“Thật sao?”. Viva nặ́m lậy sợi dây cương. Cảm giác phòng thủ lại ùa vệ̀ trong cô khi nhìn thậ̀y nụ cười thoảng chút lo âu trên môi Rose.

“Chị đã thực sự thậ̀y ổn chưa, Viva?”.

“Rộ̀i, tật nhiên, hôm nay thật tuyệt”. Viva vuộ̀t nhẹ lên cổ chú ngựa. “Chị thậ̀y vui vì em đã quan tâm đậ̀n mình”.

“Thực sự em không có ý đậ̀y”.

“Ôi”, Viva thộ̀t lên, “cho dù có chuyện gì đi nữa, chị vẫn không sao cả. Còn em thệ̀ nào?”.

Rose nhìn Viva, lạ lẫm. “Chị muộ̀n em nói thật hay cứ vòng vo tam quộ̀c?”.

“Nói thật đi”.

“Em không biết phải bắt đầu từ đâu”, Rose nói. “Có quá nhiều thay đổi trong một năm qua”.

“Thật sao! Như thế nào?”.

Một lọn tóc vàng rực rơi xuống khuôn mặt xinh đẹp của Rose. Cô khẽ vén mũ nhét lọn tóc vào lại trên đầu.

“Hành trình đến với mảnh đất này. Đến với Ấn Độ. Mọi thứ. Em đã đến đây mà không hề đắn đo cân nhắc, dẫu chỉ một lần”.

“Rose! Điều đáng ý là không đúng. Em là cô gái nhạy cảm nhất trong ba chị em mình”.

“Ôi không, thôi nào Viva. Chị thừa biết em trẻ con đến nhường nào”. Hai vết mồ hôi từ từ lăn xuống hai bên thái dương Rose. “Như một đứa trẻ con ày”.

Bất giác Viva trở nên thận trọng. Có vẻ Rose đang rơi vào tâm trạng kích động.

“Em có nghĩ mọi thứ thực sự đã được chuẩn bị sẵn cho em ở Ấn Độ không?”, Viva hỏi. “Chuyện này giống như một củ hành không lõi áy: sau mỗi lớp vỏ được em bóc tách sẽ cho em thấy những điều mới mẻ khác mà trước đây chưa bao giờ em biết đến, hay thậm chí là hiểu về chính con người mình”.

“Em không nói về Ấn Độ”, Rose trở nên lạnh lùng. “Em đang nói đến chuyện kết hôn với Jack kia. Ban đầu đúng là kinh khủng”.

Viva choáng váng, cảm giác ớn lạnh chạy dọc sống lưng lên đến đỉnh đầu. Từ trước đến giờ cô luôn có ý nghĩ Rose sẽ không bao giờ tâm sự với mọi người về Jack bởi cô áy không muốn kể về người chồng đẹp trai của mình trước mặt Tor.

“Rất kinh khủng”, Rose quả quyết. “Em đã từng là một con bé cực kỳ nhút nhát, lúc nào cũng đau đầu nỗi nhớ nhà, đã thể lại dốc tuốt tuồn tuột ruột gan mình cho anh ấy thấy, tất cả”.

“Chúa ơi, Rose”, sau một hồi im lặng Viva cũng lên tiếng. “Thế bây giờ thì sao?”. Cũng giống như Rose, cô luôn căm ghét những điều như thế trong cuộc đời mình.

“Ừm”, Rose vu vơ nghịch với sợi dây cương trong tay, “đã tốt hơn - ít nhất là không còn khoảng cách khi ở trong phòng ngủ nữa - trước đây chuyện này có vẻ rất khiếm nhã”.

Tiếng cười của hai cô gái náo động cả mặt suốt yên tĩnh, mấy con gà gô đang im thin thít áp tổ trong đám lau lách ven bờ giật mình quang quác đập cánh căm đầu lủi sâu vào rừng.

“Nhưng hiện tại đã tốt hơn chưa?”, Viva thận trọng hỏi. “Ý chị là, mọi chuyện ấy”.

“Không hẳn - ừm, chỉ một số thôi...”, Rose đáp ứng. “Chị biết đấy, thậm chí còn tệ hơn, tệ hơn rất nhiều”.

“Như thế nào?”.

“Ừm”, Rose hít một hơi thật sâu. “Chị có phiền không khi em tâm sự những chuyện này?”.

“Tất nhiên là không”, Viva nói dõng dạc. Những chuyện như thế này rất kinh khủng, cô biết rõ vì Rose sẽ thấy hối hận vì đã tin tưởng vào cô.

“Đã có chuyện xảy ra, chuyện rất kinh khủng”. Im lặng, rất lâu sau đấy giọng Rose mới trở lại bình thường. “Đạo còn ở Poona, một hôm em đến câu lạc bộ, một mình. Hôm ấy Jack phải trực ở doanh trại. Câu lạc bộ hôm ấy chỉ có em và vài bà già cùng mấy quý cô ưa

hóng hót. Một trong số bọn họ, bà Henderson, nổi tiếng với những câu chuyện thậm thụt hóng hót đời tư của người khác, đã hào hứng bắt đầu giọng điệu dơ dáy về những chuyện thường ngày: từ nỗi bực mình với đám người hậu đến chuyện tiêu khiển giải trí của bà ta, thôi thì đủ thứ. Một nơi cực kỳ tế nhị, em gần như không để lọt vào tai những câu chuyện kiểu như thế, rồi bà ta đột nhiên trở nên thận trọng, hạ giọng gần như thì thầm lái chủ đề cùng đám đàn bà con gái hướng về cánh đàn ông, cùng những hành động chẳng khác lũ súc vật của bọn họ. Không khí đột nhiên chùng xuống, em cảm nhận được những ánh mắt đầy ái ngại đang lén lút nhắm vào mình, bỗng chốc em thấy bối rối. Một lúc sau, giọng bà H. thốt lên: “Chúa ơi, tôi có nhét vừa đôi chân cỡ sáu của mình vào đây không nhỉ?”. Bà ta quả là một mục giả xảo quyết, làm ra vẻ như mình là một kẻ chính trực giàu lòng hào hiệp không bằng. Rồi mọi người lại chuyển chủ đề”.

“Em chỉ là một con bé rất non nớt trong những chuyện kiểu như thế, nên em đã quyết định gạt phắt sang một bên, hoặc tự huyễn hoặc mình rằng bà H. chỉ là một mục giả ngớ c nghệch đần độn. Nhưng ít hôm sau, một buổi tối em bước vào phòng khách và thấy Jack đang ngồi đây đọc một lá thư, đôi mắt anh ta đỏ hoe, ngấn lệ. Khi em hỏi Jack tại sao, ừm, chị biết Jack rồi đây, ừm, thực ra chị không thể hiểu được đâu, anh ta thuộc kiểu người đôi khi trung thực một cách tởm lợm”. Rose buông một tiếng thở dài. “Anh ta thú nhận tất cả”.

“Về chuyện gì kia?”.

“Về người phụ nữ khác”.

“Ôi không”. Viva năm lây tay Rose. “Kinh khủng quá. Em nói thật đây chứ?”.

Cô đã không cần phải hỏi gì nữa - Rose khẽ cúi đầu như đang tự thú.

“Chính xác. Anh ta đã không kể với em từ trước. Thực lòng, em vẫn nghĩ như thế sẽ tốt hơn. Cho dù anh ta đã chấm dứt chuyện đi lại với cô gái ấy sau khi kết hôn với em, nhưng ngay cả khi chúng ta đang đi trên tàu, anh ta vẫn đến gặp cô ấy. Jack lý sự rằng rất khó khăn để dứt ra khỏi cô ấy một sớm một chiều. Ban đầu khi biết chuyện em đã choáng váng, đến nỗi em chỉ mong cho đứa bé trong bụng chết quách đi cho xong, sau đấy em sẽ tự tử. Em biết như thế quả có hơi bi kịch thật nhưng đúng là em đã rất sợ, bởi em hiểu mình không còn ở bên cạnh gia đình như trước nữa”.

“Em có biết cô gái ấy không?”.

“Không”. Rose hít một hơi thật sâu, run rẩy. “Tên cô ấy là Sunita. Cô ấy là người Ấn Độ. Một cô gái Bombay xinh đẹp, có học thức. Khi em hỏi liệu Jack có còn yêu cô ấy nữa không, anh ta chỉ trả lời rằng trong thâm tâm, anh ta biết ơn cô ấy vô ngần, rằng cô ấy đã dạy anh nhiều điều, rằng Sunita là một cô gái tốt. Nói trắng ra thì, anh ta đã rất yêu cô ấy”.

“Ôi Rose, chắc gì đã thế”.

“Chắc chắn”. Rose vuốt mạnh bờm ngựa, hít vào thở ra liên tục. “Đấy là chuyện tồi tệ nhất mà em gặp phải từ trước đến nay, và em thấy nhẹ nhõm vì đã tâm sự được với chị”.

Hai chú ngựa thông dong chạy những bước ngắn xuyên qua những rặng cây, vài giọt hoa nắng rơi qua kẽ lá nhảy nhót trên khuôn mặt xinh đẹp của Rose.

Đấy là lý do vì sao dạo ấy em cứ khẳng khẳng đến Ooty cùng chị bằng được. Nhưng khi đến đấy, em lại có cảm giác mình

giống như một kẻ dốt trá. Em đã khóc bao đêm ròng, và thật may mắn là em đã không bị sảy thai, đúng là chị đã khiến em rất xúc động”.

“Ôi Rose”. Viva bỗng thấy mũi lòng. “Em nên tâm sự với bọn chị. Đây là lý do vì sao người ta cần bạn bè”.

““Viva này”, Rose nhìn cô, lạ lẫm, “đây là điều tốt đẹp mà chị đã làm được cho em”.

Viva tảng lờ. “Thế em đã làm gì?”.

“Ừm, chưa bao giờ em thấy đau khổ đến thế. Đúng là em đã ghét anh ấy, từ trước đến nay chưa bao giờ em có cảm giác ghét một ai, ngoại trừ một con bé chung trường lúc nào cũng lảng lơ tục tũ với mọi người từ hôm còn đi học. Điều khiến em nổi điên hơn cả là cái cách anh ta xin lỗi em, rất bất cần, ra dáng bề trên”. Rose nhại giọng Jack. “Nhìn này, xin lỗi, Rose, nhưng đàn ông vẫn chỉ là đàn ông và những chuyện như thế vẫn thường diễn ra thôi mà”. Rồi anh ta lại trở mặt hờn dỗi như thể chuyện này hoàn toàn là lỗi của em vậy. Ôi, em tức đến tím gan bầm ruột. Em không cần anh ta phải phủ phục dưới chân mình quỳ gối van xin tha thứ, nhưng đúng là em đã đau đớn biết nhường nào, và điều tồi tệ nhất là em chợt nhận ra mình đã thực sự yêu anh ta. Không giống như trong tiểu thuyết, hay như những trò chơi tình ái, em đã yêu anh ta thực lòng chỉ từ những điều tưởng chừng nhỏ nhặt nhất: là vòng tay rắn chắc của anh ta ôm em vào lòng khi cả hai cùng nằm trên giường, em quan tâm đến cả những điều Jack căm ghét, thậm chí em còn lo lắng cho cả chúng bệnh tảo bón mà anh ta đang mắc phải nữa kia - Jack là một trong số ít người em quen ở Ấn Độ mắc phải bệnh này - đừng cười, Viva, chuyện này là thật đây”. Rose đưa tay gạt máy giọt mồ hôi đọng trên cổ ngựa xuống bãi cỏ.

Khi cả hai đến bên bờ hồ, ba chú diệc nước đang kiếm ăn ven bờ vỗ cánh vút nhẹ lên cao.

“Em hy vọng chị không lấy làm phiền khi nghe chuyện của em”.
Trông khá Rose nhợt nhạt khi cả hai ngồi bên nhau trên thảm cỏ ven hồ.

“Chị nghĩ em đã rất dũng cảm”, Viva nói. Nếu là mình, cô không bao giờ có đủ can đảm để tâm sự với bất kỳ ai những chuyện như thế.

“Không có gì gọi là can đảm hay dũng cảm trong chuyện ức chế dồn nén tình cảm cả”. Rose cởi mũ ra khỏi đầu, khẽ rũ nhẹ mái tóc của cô. “Em còn lựa chọn nào khác? Quay trở về Hampshire, ly hôn và chờ đợi ngày đưa bé chào đời? Bố mẹ em hẳn sẽ đau khổ đến nhường nào nếu biết chuyện? Hơn nữa, trong những bức thư gửi về nhà trước đây, em luôn kể cho mọi người nghe về quãng thời gian hạnh phúc kể từ ngày đặt chân sang đây. Đã có nhiều sai lầm và đau khổ ập đến với mẹ em kể từ sau chiến tranh, là cái chết của anh trai em, và rồi đến lượt bố em ngã bệnh, em nghĩ mình phải trở thành niềm vui, niềm an ủi của mẹ lúc này”. Hai hàng mi của Rose khép chặt, đau đớn. “Jack không hề biết anh ấy đã đọc ác đến nhường nào”.

“Thế anh ta có kể gì về cô gái ấy không?”.

“Không, ừm, thực ra là có, chỉ một lần duy nhất khi em cứ khăng khăng đòi biết bằng được. Anh ta không hề nói xấu cô ấy đâu chỉ một lời. Thực lòng, em đã rất nể anh ta về chuyện này. Chỉ cần nhìn vào mắt Jack là em biết anh ta có yêu cô ấy hay không, có lẽ anh ta vẫn còn yêu cô ấy”.

Viva ngạc nhiên nhìn Rose. Cô gái mới thật ngay thẳng làm sao.

“Trong em bùng lên cảm giác ghen tuông dữ dội - nếu không nghĩ đến Freddie, thì giờ này em không thể biết chuyện gì đã xảy ra với mình. Chuyện sinh nở đúng là kinh khủng - em sẽ kể cho chị và Tor nghe sau. Nó xảy ra tại nhà bởi một sai lầm nhỏ trong tính toán và do chỗ bọn em ở quá xa bệnh viện. Tối hôm ấy Jack về nhà muộn, khi anh ấy bước qua ngưỡng cửa thấy hai mẹ con em đang thiêm thiếp trên giường, Freddie nằm im trong vòng tay em, ngay lập tức anh ấy sụp xuống và khóc. Rồi Jack leo lên giường, thì thầm nói lời xin lỗi, hứa hẹn sẽ che chở mẹ con em đến trọn đời. Đúng là hơi lạc hậu khi thốt ra những lời cũ rích như thế, nhưng lại có ý nghĩa hết sức to lớn vào lúc ấy - nhưng em cũng chẳng màng”, mãi từ cuối được Rose thốt ra nhẹ như không, “lúc bây giờ em chẳng màng gì sất. Mọi thứ lại thay đổi. Anh ấy leo lên giường và ôm yêu vòng tay ôm lấy người em, Fred nằm trên đầu. Em mở mắt nhìn ra ngoài trời đêm, ôi em không biết nữa, và chợt nhận ra thế giới này mới rộng lớn làm sao - ánh trăng, những vì sao nhấp nháy tỏa sáng trên cao - em biết mình sẽ không bao giờ có được cảm giác như thế nữa. Nếu em rời xa Jack, nghĩa là em sẽ để lại một nửa cuộc đời mình, một nửa con người mình nơi đây”.

“Chúa ơi”. Viva kinh ngạc, lòng đầy hoang mang, trông Rose lúc này lại rạng ngời hạnh phúc. Hẳn cô ấy đã gạt những khổ đau ưu phiền do Jack gây ra sang một bên, nhẹ nhàng và đầy thanh thản.

Sau bữa trưa, Rose nằm trên tấm thảm dã ngoại, thiếp đi trong chốc lát với một mẫu bánh quy trong tay. Có vẻ như sự thú nhận vừa rồi đã hút hết sức lực trong cô. Viva ra bờ suối kiểm tra hai chú ngựa lúc bây giờ đang thảnh thơi nhai cỏ ven bờ, sau đấy cô quay trở lại chỗ Rose nằm, nhẹ nhàng thả người nằm xuống bên cạnh, thì thầm trách mình đã không đủ nhạy cảm để nhận ra nỗi khổ đau mà Rose phải chịu đựng trong quãng thời gian cả ba cùng đi nghỉ ở Ooty. Bao giờ chẳng thế, cô luôn nhậm lẫn trong những chuyện kiểu như

thế, và rằng thế gian này còn ôi kẻ hạnh phúc chán, như Jack và Rose chẳng hạn - được Chúa để mắt cứu rỗi, hoặc dư giả, hay ít ra cũng đủ đầy cả bố lẫn mẹ chăm nom hỏi han - những kẻ thỉnh thoảng lại trượt dài trong cuộc sống mà không cần phải đưa ra những quyết định như những người khác vẫn làm. Nhưng có vẻ không phải vậy. Mọi người đều chịu đựng những khổ đau mất mát như nhau, có điều những sắc thái đau khổ ấy chỉ không giống nhau mà thôi.

Vết sẹo trên khuôn mặt của Viva khê giật. Những gì đã xảy ra quá phức tạp. Nếu cô có thể thay đổi được những điều Rose đã tâm sự với mình thành những ý nghĩ dễ chịu - những ý nghĩ về những điều mà Viva có thể gửi trọn niềm tin của cô vào chúng, rất hoan nghênh, đúng là thật phiên lòng.

Những ngày thơ ấu, lối tư duy có khoa học của bố cô đã khiến Viva luôn rơi vào cảm giác bố rí khi ông thường xuyên trả lời câu hỏi của cô bằng một câu hỏi khác. Cô còn nhớ rất rõ, một hôm đã hỏi ông, rằng “làm thế nào để bố chế tạo được một chiếc máy bay?”.

Ông trả lời cô: “Mục đích của một chiếc máy bay là gì?”.

Cô trả lời: “để bay”. Chỉ chờ có thế, lập tức ông giải thích cho cô nghe một lô một lố những điều cần thiết để bay: cánh, trọng lượng nhẹ, tốc độ, vân vân và vân vân.

Vậy thì sự kết hợp của một người đàn ông với một người đàn bà để nhắm mục đích gì - ngoài điều cũ mèm muôn thừa là để tạo ra những đứa trẻ? Để nương tựa? Để chở che? Quyên được đi bầu cử của phụ nữ đã thay đổi nhiều phép tắc quy định trong cuộc sống. Vậy thì để giúp người ta thỏa mãn? Để tăng cường sự hiểu biết của bạn về tình yêu bằng cách mở rộng tâm lòng mình? Nhưng nếu

chỉ như thế thì nghe có vẻ lãng mạn và cao thượng quá - nhiều người đã phạm phải những sai lầm kinh khủng dẫn đến những tổn thất lớn lao cho người khác - nhưng làm thế nào mà bạn có thể thực sự biết được trước khi những tổn thương xảy ra với mình? Chuyện này giống như một ván cờ vĩ đại của cuộc đời.

Cô đã hăng hái để nghĩ về những ẩn ý đầy khó hiểu sau nụ cười của Frank - đôi lúc đôi mắt anh quyết rũ chế t người trên má anh - khiến cơ thể cô gập như đông cứng, khiến đôi mắt cô nhắm nghiền mê mệt. Cô không nên nhớ về anh như thế nữa. Cô đã để tuột khỏi tầm tay cơ hội của đời mình. Mọi chuyện đã kết thúc.

Chương 52

Khi Rose thức dậy, cô nhìn thấy Viva đang nằm bên cạnh, đôi mắt mở to, thao thức.

“Chị đang nghĩ gì thế, Viva?”, Rose hỏi.

“Có lẽ chúng ta nên quay về nhà sớm, không Tor sẽ nghĩ chúng ta đã làm mờ mắt cho lũ cá sấu trong hồ”.

Đột nhiên Rose nổi giận. Cả cô và Tor đã choáng váng và lo lắng đến nhường nào khi nhìn thấy vẻ tiều tụy của Viva. Không phải là đôi mắt thâm quầng, cả cô và Tor đều đã đồng ý với nhau; mà chính là sự nhiệt tình, vẻ hoạt bát tràn đầy sự sống trong con người Viva dường như đã biến mất. Ngay cả mái tóc của Viva nữa, cũng thôi không còn sáng bóng như ngày nào.

Cô hít một hơi thật sâu. “Thế chị không định kể với em chuyện gì à?”. Mấy lời vừa thốt ra còn chưa kịp xuất hiện trong ý nghĩ của Rose.

“Về cái gì kia?”. Dưới ánh nắng rạng rỡ, những vết thâm nhợt nhạt dưới mắt Viva hiện rõ mồn một, thậm chí Rose còn nhìn thấy những mũi khâu bé tí dọc theo vết thương đã kín miệng gần đôi mắt.

“Về chị”.

“Nhưng chị nghĩ chúng ta đang tâm sự về chuyện của em kia mà, Rose. Chị xin lỗi”.

Viva rút chiếc bút chì ra khỏi túi áo rồi kẹp giữa hai đầu ngón tay, xoay tít một cách nhịp nhàng.

“Chị thực sự không hiểu sao?”.

“Chị không hiểu em đang nói đến chuyện gì, Rose”.

“Về việc tâm sự, chia sẻ với em chuyện đã xảy ra”. Rose bước về phía trước vài bước, xa khỏi chỗ Viva đang đứng. “Chị biết đấy, bạn bè bạn hữu. Em đã kể cho chị nghe những chuyện quan trọng và bí mật của mình. Cái đấy được gọi là giải bày tâm sự sẻ chia”. Rose choáng váng khi cô nghe ra những cảm giác bực bội đến ghen lòi trong giọng nói của mình.

“Rose!”, Viva lập tức quay người sang phía Rose, nhanh đến nỗi cô sợ ý đánh rơi chai rượu nhỏ nhắn đã t bên mình. “Chị vẫn kể cho em nghe nhiều chuyện đấy thôi. Tỉnh thoảng”.

“Ôi, toàn chuyện vớ vẩn”, Rose gào lên. “Cực kỳ vớ vẩn”.

“Chuyện này không giống như ta đang chơi một ván quăn vớ”, Viva cũng gào lên. “Tại sao chị lại phải tâm sự với em chỉ vì em đã kể cho chị nghe chuyện riêng tư của mình?”.

“Thôi bỏ qua đi, Viva”, Rose dịu giọng. Hai con thiên nga đang là đà lướt ngang mặt hồ, những đôi cánh trắng muốt dang rộng như những cánh buồm; hai chú ngựa đang thông dong gặm cỏ ven bờ giạt mình ngẩng đầu, nháo nhác nhìn quanh. Nhưng Rose không thể bỏ qua chuyện này được; cô không thể nhẹ lòng khi vờ làm ra vẻ. “Thôi bỏ qua đi. Em sẽ tảng lờ đi sự thật là gần đây chị rất xanh xao, rằng suýt chút nữa thì chị đã bỏ mạng ở Bombay, và rằng chị không muốn kể về những điều ấy; cả Frank nữa, rõ ràng anh ấy đã phát điên lên vì chị, nhưng lại phũ phàng bị gạt phắt sang một bên mà không hề biết lý do vì sao, hoặc giả không phải chị muốn nói về chuyện này. Hãy cứ nói về lũ ngựa, về những chiếc bánh Giáng sinh - rằng chỉ mình con bé Rose khờ khạo đã gây ra mọi sai

lầm, và Viva, một kẻ cao thượng, vẫn đầy uy quyền đến tuyệt trần”.

“Sao em có thể thốt ra những lời như thế được”, lần đầu tiên Viva tỏ ra bối rối.

“Thế em muốn chị kể những gì?”.

Cả hai đưa mắt nhìn nhau.

“Ừm, chị có thể bắt đầu từ Frank. Đa số những người bạn cuối cùng cũng sẽ tâm sự với nhau chuyện đã xảy ra với mình”.

“Không có chuyện gì xảy ra cả”, Viva ngắn gọn. Khi cô vừa mở miệng, lập tức đã khiến Rose cảm thấy sợ hãi. “Chúng ta đã có một cuộc chuyện trò ngắn, hay bất cứ là gì nếu em muốn, nhưng chị phải làm việc, phải hoàn thành cuốn sách của mình, để tiếp tục kiếm sống. Chị không có bố mẹ bên cạnh để hỗ trợ mình những lúc khôn khó cả”.

“Không, đúng là chị không có những người thân bên cạnh”, Rose dịu giọng. “Nhưng như thế không có nghĩa là chị có thể nói dối về bản thân mình”.

“Nói dối chuyện gì?”, giọng Viva lạnh băng.

“Về cảm xúc của chị”. Rose có cảm giác miếng bánh xăng-đuych vừa nuốt khỏi cổ đang đông cứng trong dạ dày. Chưa bao giờ cô tranh cãi kịch liệt như thế với một người bạn.

“Em đang phán xét chị đấy à?”. Đôi mắt của Viva vụt đen nhánh như hai hòn than.

“Em không phán xét chị, em chỉ đang cố gắng trở thành một người bạn tốt của chị thôi. Viva, làm ơn”, Rose khẽ chạm tay vào vai

Viva, “ngô`i xuô`ng đi”.

Viva ngô`i lên một đầ`u tâ`m thăm, mắ`t nhìn xa xăm ra phía lòng hồ`.

“Nghĩ xem”, sau một hồ`i im lặng, Rose lên tiế`ng, “đây hoàn toàn không phải là chuyện giậ`n dối của đắ`m đàn bà con gái, nhưng bọn em vẫn phải quan tâm. Bọn em đã cùng chị ở Ooty - bọn em đã nhìn thắ`y chị và Frank, hai người gắ`n như phát điên lên vì nhau”.

Viva khẽ` duỗi chân, lắ`c đầ`u lia lịa, rô`i nói: “Thôi được, nế`u như nó thực sự khiế`n em cảm thắ`y dễ` chịu hơn, thì chị đã rơi vào một mớ` bong bong rô`i rắ`m không thể` tưởng tượng nổi. Giờ thì em đã thắ`y tốt` hơn rô`i chứ?”.

“Không tắ`t nhiên là không”, giọng Rose chùng xuô`ng. “Chỉ là chuyện thường tình thôi”. Cô chìa tay về` phía Viva, nhưng Viva tảng lờ.

Đột nhiên Viva vụt đứng dậy. “Chị xin lỗi, nhưng chị hoàn toàn không hy vọng gì trong chuyện này. Thực sự chị rắ`t cảm kích vì em đã cô` chia sẻ, nhưng chị nghĩ chúng ta nên quay về` nhà”.

“Nói gì đi, Viva”, Rose khắ`n khoắ`n.

“Chị không thể`. Thực ra chuyện chẳng có gì để` kể cả. Giồ`ng như một vũng lầ`y trong tâm trí chị”.

Tiế`ng thở dài nắ`n nề` của Viva hết như tiế`ng nứ`c nở` nghẹn ngào bật ra từ sâu thăm trong cõi lòng cô. Im lặng. Hai hình bóng mảnh mai ngô`i bắ`t động trong nắ`ng chiề`u.

“Thôi được”. Viva xoay lưng về` phía Rose, giọng cô nghẹn ngào. “Em còn nhớ cái đêm Frank đế`n Ooty để` cảnh báo với chúng ta về` Guy không? Sau khi bọn em về` phòng ngủ, anh ta đã đế`n phòng

chị. Anh ta ở lại cùng chị đêm ấy. Em có thấy choáng váng không?”.

“Tất nhiên là không”. Rose khẽ dúm nhẹ vào cánh tay Viva. “Mọi chuyện xảy ra ở Ấn Độ không giống như ở quê nhà, vả lại, chúng ta đều mù quáng trong tình yêu!”.

“Thật không?”, Viva miễn cưỡng ngẩng đầu nhìn lên.

“Hả rõ ỉ”.

“Thật kinh khủng”.

“Sao lại kinh khủng”.

“Bởi vì, nó thật bí ẩn”.

“Hai người bọn chị rất khác biệt, giống như đang bị bỏ bùa nhau ấy. Em nhớ cảm giác ghen tị, đã hy vọng mình cũng được nếm trải cảm giác ấy trong tuấn trắng mặt”.

“Chị lại chẳng thấy giống như đang say mê mê mẩn tạo nào, chỉ cảm thấy, ừm, mà giờ đây chẳng quan trọng nữa. Chỉ là một mớ bòng bong”.

“Nhưng”, Rose tỏ ra khó hiểu, “thứ lỗi cho em, nhưng có gì không phải đã xảy ra sao?”.

“Không”, Viva thì thầm, gằn như không thể nghe thấy. “Một đêm tuyệt vời”. Hơi thở cô đầy ắp niềm đau xót.

“Thế thì chị đã bỏ rơi anh ấy chỉ vì mọi chuyện rất tuyệt vời”.

“Chị thấy dằn vặt, thấy day dứt với chính bản thân mình - bởi vì Frank đến để cảnh báo với chị rằng Guy có thể đã bị giết chết trong cuộc bạo loạn. Lúc ấy chị tin chắc Guy đã chết”.

“Không phải lỗi của chị khi Guy làm những gì nó muốn”.

“Nghĩ mà xem, Rose”. Khuôn mặt của Viva nhợt nhạt, không một chút thân thiện. Về t s eo g a n m a t ch o t đ o r a n n h u m o t đ o a h o a n h o b e đ a n g n o i g i a n . “Chị đã bảo không muốn nói đến nó nữa, dừng lại được không?”. Cô há p t a p c h a y v e p h i a n h u n g c h u n g a , s u y t c h u t n u a t h i V i v a v a p p h a i m o t h o n đ a v e n đ u o n g . “Thực sự chị chỉ muốn về nhà, ngay bây giờ”. Cô nói.

Tor đang ở trong bếp khi Viva bước vào nhà. Cánh cửa được cô đóng s a m s a u l u n g k h i e n m o t v o n g h o a t r a n g t r i r o i x u o n g h i e n n h a . T o r n g h e t h a y t i e n g đ e g i a y c u a V i v a l o c c o c n e n m a n h l e n h a n h l a n g , t i e p t h e o l a t i e n g c u a p h o n g đ o n g m a n h .

Ngoài hành lang, Rose đang treo chiếc mũ đi ngựa lên móc, đôi m a t c o n h i n v e p h i a c u a p h o n g đ o n g k i n .

“Rose, có chuyện gì xảy ra vậy?”, Tor hỏi. Tim cô đập thình thịch.

“Thảm họa”, Rose thì thào. “Chị ấy đang giận tím gan b a m r u o t . C h i a y n o i c o n k h i p h a i n o i v e c h u y e n a y ”.

“Tớ có nên vào đây không?”, Tor buột miệng. “Tớ sẽ mang cho Viva một tách trà”. Tor v o p h a c m o t c u c h i t u o n g t u o n g đ a n g n a n g t a c h t r a l e n n g a n g m i e n g h u o n g v e p h i a R o s e .

“Tớ sẽ không vào đây đâu, cứ để chị ấy một mình”, Rose nói. “Tớ nghĩ chị ấy đang muốn được ở một mình. Tớ bé Freddie đi t a m n h e ? ” . C o l o n t i e n g c o t đ e V i v a n g h e t h a y . “Freddie yêu quý nên được t a m r u a m o t c h u t s a u k h i c u o i n g u a ”.

Một vòng hoa gi a y r o i l a t a t r e n s a n n h a , T o r c u i x u o n g n h a t c h u n g l e n v a đ e o v a o c o n h u m o t v a n h k h a n s a c s o , c a m g i a c n a n g n e b o n g c h o c u a v e t r o n g c o . T r o n g l u c V i v a v a R o s e đ i c h o i o

ngoài, Jack đã gọi điện đến và cho biết anh đã quay về, tạm thời sẽ ở tại Peshawar, nhưng không chắc là anh có thể về kịp trong mùa Giáng sinh hay không. Khi anh vừa bắt đầu giải thích thì đường dây điện thoại lại rào lên rít rói như một cánh rùng bốt lửa. Rose sẽ bốt i bốt i. Cuộc đời và tâm hồn của Viva sao mà nghiệt ngã đến thế, và trong tám ngày trước lễ Giáng sinh, Tor lặng lẽ mết phò với những kế hoạch nấu nướng cho các bữa tiệc, một bà chủ sắp kiệt sức đến nơi. Những món đồ trang trí màu mè lấp lánh mấy ngày trước còn khiến cô phẫn khích, giờ trong mắt Tor bỗng chốc trở nên ngây ngô ngớ ngẩn như mấy món đồ chơi của trẻ con - một cú thọc tay không mong muốn vào mạng sườn sẽ nhắc nhở mọi người quay trở về với niềm vui mùa lễ hội.

Toby (ôi, sao bỗng nhiên trở nên ngọt ngào và giản dị đến thế) hẳn sẽ băn khoăn tự hỏi tại sao cô lại trở nên phẫn khích khi đánh điện mời những con người đầy phức tạp đến chơi trong mùa Giáng sinh năm nay.

Những tiếng rít lạnh lốt như tiếng chim vọng ra từ phòng của Freddie bắt chợt cắt đứt dòng suy nghĩ âm thầm trong cô, tiếp theo là tiếng cười nói riu ràn ùa lên như chim vỗ tổ. Tor vui chân bước nhanh về phía căn phòng, đưa tay mở cửa. Trong tấm màn buồng trên giường, Rose đang nâng Fred lên cao âu yếm đùa nghịch với cậu bé. Đôi mắt của Freddie mở to khi nhìn thấy Tor, miệng nhoẻn cười, những ngón tay tí hon hiếu động liên tục ngo nguậy.

Tor theo Rose vào phòng tắm. Rose nhẹ nhàng mở cúc áo cho Freddie, cẩn thận nhúng tay vào nước kiểm tra trước khi đặt Freddie vào chậu.

“Freddo, ôi ngài McFred yêu quý, bé yêu xinh xắn của mẹ”, vừa ngân nga, Rose nhẹ nhàng vẩy nước rửa đôi chân bụ bẫm của cậu bé. Đôi mắt Freddie vụt sáng, miệng nhoẻn cười thích thú, rồi bắt ngờ

đạp mạnh chân vào màn nước quấy tung tóe ra sàn nhà. Sao mà đáng yêu đến thế, Tor nhủ thầm, rồi nhanh nhẹn bước đến quỳ gối một bên chậu nước, xắn tay áo, để rồi ít nhất thêm một người nữa cảm nhận được niềm vui dưới mái nhà bé nhỏ này.

“Cậu có nghĩ giờ này Viva đã trăn trĩnh lại chưa?”, cô hạ giọng hỏi Rose.

“Hy vọng là thế”, Rose thì thầm. “Nhưng thỉnh thoảng chị ấy không bình thường, dễ nổi điên. Ý tớ là, bọn tớ đã nói đôi chút về Frank, nhưng chuyện ấy với Viva thực sự giống như đang nhò rãng ấy, rồi đột nhiên chị ấy - ừm, cậu chứng kiến tiếng giậm chân của Viva rồi đấy”.

“Vậy phải làm gì bây giờ?”, Tor khẽ xuýt xoa. “Tớ sẽ phát điên nếu không một ai hé miệng nói nửa lời trong những ngày Giáng sinh ở đây mà”.

“Không thể có chuyện ấy được”, giọng Rose bình thản. “Đấy, đưa cho tớ chiếc khăn vải nào Tor. Tớ sẽ cho Fred vào nôi. Cậu để tấm khăn kia lên đùi đi, thế, tớ sẽ chuyển Fred qua cho cậu bé. Cẩn thận đấy nhé, người Fred rất ướt, này”.

Cậu bé ướt sũng được nhấc lên khỏi chậu nước, chuyển từ tay mẹ sang tay cô bạn, nằm yên trên đùi Tor.

“Con đúng là cậu bé hiếu động”, Tor âu yếm hôn nhẹ lên những ngón chân bé xíu hồng hào của Freddie, “và là một kỹ sĩ hoàn hảo”. Cô chắt lưỡi rồi nhẹ nhàng áp Freddie trong vạt áo. “Đấy là kiểu cười ngứa của một quý cô nhé, lộp cộp, lộp cộp, lộp cộp”.

Khi Tor cúi đầu định hôn Fred, một dòng nước tiểu từ người cậu bé bắn ra dây vào mắt cô. Lập tức những tiếng la hét phất kích đình tai nhức óc rộn lên khắp phòng tắm chật chội, những hơi thở

hồn hển, những tràng cười lạnh lớt. Cậu bé đã đưa cả hai về lại thời thơ ấu, thừa lên năm lên sáu. Trong lúc Tor và Rose đang cười lẫn lộn, Viva bước vào phòng và ngó lên chiếc ghế đầu bọc mút cạnh bồn tắm.

“Vui vẻ quá”, cô nói.

“Hẳn rồi”, Tor hào hứng. Cô đặt một tấm khăn bông lên lòng Viva rồi nhẹ nhàng đặt Freddie lên đây. “Cậu bé này có khả năng nhắm bắn chính xác đến chết người. Vừa mới tặng cho em một dòng nước tiểu vào mắt đây”.

Viva mỉm cười, đùa nghịch với những ngón tay bé xíu của cậu bé. Khuôn mặt cô trông như đang muốn hòa chung tiếng cười với mọi người, nhưng có vẻ Viva đã kiệt sức.

“Tor này”, cuối cùng thì cô cũng lên tiếng. “Bệnh viện nơi Frank đang làm việc cách đây bao xa?”.

Tor rạng rỡ, cô lập tức chầm dứt cơn đùa cợt cùng Rose. “Ôi, gần thôi, rất gần - khoảng nửa tiếng đồng hồ, có lẽ chỉ khoảng ba bốn khu phố gì đây”.

Rose đứng sau lưng Viva dùng tay ra hiệu với cô, “bình tĩnh”.

“Ừm...”, lần đầu tiên Tor nhìn thấy vẻ thẹn thùng trên khuôn mặt của Viva, “... Toby đã kể cho chị nghe về Giáng sinh cuối cùng của anh ta tại câu lạc bộ, chỉ có những chiếc mũ giầy bụi bặm, với rượu vang đã cũ, nghe thật kinh khủng - tất nhiên có thể giờ này Frank đã có kế hoạch khác”, Viva tiếp tục tiến xa hơn, “nhưng chị không nghĩ sẽ chẳng ảnh hưởng gì đến ai nếu mình đến đây và nói với anh ta một lời chúc mừng Giáng sinh vui vẻ - ngay cả khi chị không thể đi được nữa, thì cũng nên gửi lời chúc mừng đến anh ta”.

Cô ôm Freddie vào sâu hơn trong lòng mình, âu yếm vỗ về cậu bé.

“Bọn em nghĩ sao?”, cô nhìn Rose rồi quay sang nhìn Tor. Run rẩy.

Tor bước đến bên cạnh Viva, hôn nhẹ lên đầu cô. “Em nghĩ đây là ý định tuyệt vời”, cô nhẹ nhàng nói.

Chương 53

Ngày hôm sau, cả ba cùng trèo lên chiếc Talbot cỡ nhỏ của Toby nhắm hướng Lahore thẳng tiến, Tor cầm lái, Rose ngồi bên cạnh, tám bản đồ kẹp chặt giữa hai đùi, Viva ngồi ở băng ghế sau.

Tiếng máy xe gào thét khiến Viva không thể bắt chuyện được với hai cô gái ngồi ở hàng ghế trên, ý tưởng bắt gặp thăm Frank mà không hề báo trước của các cô gái có vẻ hơi ngớ ngẩn, và Viva cảm thấy khó chịu khi Tor đề nghị cô đi cùng. Gần một tiếng đồng hồ qua, tâm trí cô bắt đầu miên man tưởng tượng đến hình ảnh của Frank - không biết giờ này anh đang cạo râu hay chuẩn bị mặc quần áo, đang bận rộn kiểm tra bệnh nhân hay đang thanh thoi nhấm nháp tách trà nghi ngút khói - bất giác Viva thấy miệng mình khô khô c, đắng nghét.

Để thoát khỏi những ý nghĩ về Frank, cô hướng tâm trí mình vào Toby và những con chim trong cuốn sách khoa học của anh ta. Trong bữa tối ngày hôm qua, Toby đã say sưa kể với mọi người về chúng. Ban đầu, khi mới tiếp xúc, cô cho rằng Toby là một người đàn ông tốt bụng, nhưng đồng thời còn là một kẻ ưa ba hoa khoác lác, kiểu đàn ông mà nếu anh ta là một người phụ nữ, chắc hẳn mọi người sẽ gán cho Toby cụm từ “người đẹp lắm cảm”. Nhưng giờ đây, sau mấy ngày tiếp xúc trò chuyện, Viva phát hiện ra Toby còn là một người đàn ông khá hài hước, những câu chuyện của anh ta luôn chứa đựng những thông tin quý giá. Suốt mấy tuần qua, Toby luôn lăm lăm với công trình nghiên cứu những loài chim di cư, giông nhận biển Bắc cực và những đàn vịt trời, những giông chim hết như các cô nàng trong Phi đội Buông câu, đã di cư sang Ấn Độ để tránh những ngày đông tháng giá rét mướt. Toby kể cho Viva nghe chuyện những chú chim mồ côi thỉnh thoảng vẫn nhận những con chim mái

trưởng thành khác trong đàn làm mẹ kế của chúng - chỉ cần một chiếc áo len chui đầu, một cốc nước nóng, một chỗ trống dưới nách kín đáo chớ che, hay thậm chí chỉ là một chiếc tàu bay giấy - bất kể là gì còn hơn chẳng có gì.

Ngà đầu ra thành ghê, cô bắt đầu mơ màng miên man về William, như một người mẹ kế, hẳn anh ta từng có nhiều tàu bay giấy hơn những chai nước nóng. William đã bước vào đời cô trong những tuần đầu tiên khi cô còn ngơ ngác giữa London rộng lớn, cô đơn và tràn trề tuyệt vọng bởi không một người họ hàng thân thích, thậm chí cô còn không có nổi một người bạn nơi đây. Anh ta đã xuất hiện, và lịch lãm giới thiệu với Viva, rằng mình là bạn thân của bố mẹ cô, và rằng anh ta sẽ rất hân hạnh được dẫn cô đến nhà hát Covent Garden để cùng thưởng thức vở nhạc kịch Turandot nổi tiếng. Trong nhà hàng nơi anh ta dẫn cô đến, Viva đã sốt ruột đến thế nào để chờ đợi được lắng nghe câu chuyện về bố mẹ mình, về Josie, nhưng rồi cô chợt nhận ra, những cái tên của những người thân yêu đã rời khỏi cõi nhân gian dường như đã trở thành điếu cạm kỵ.

Và William không giống như một người kể chuyện chuyên nghiệp vẫn thế: anh ta thích thú với sự thật, những sự thật hoàn toàn chắc chắn. Anh ta mang đến cho cô một mớ hồ lớn những lời khuyên về vãn đề tiền bạc, làm thế nào để kiểm soát chúng, cô nên sống ở đâu, những loại người tốt hơn hết là nên tránh cho xa. Và cuối cùng, khi anh ta đã dắt được cô lên giường, khi thân hình của anh ta đổ ập lên người cô, thì những lời khuyên chân thành trước đây bỗng chốc hóa thành trò lộn sòng lập lờ đánh lộn con đen, sau cái đêm anh ta biến cô thành đàn bà áy, cả hai đều cô làm ra vẻ bình thản như không hề có chuyện gì xảy ra, nó đã khiến cô bối rối, cảm giác trống rỗng xâm chiếm toàn bộ tâm can. Chưa bao giờ William thực sự tỏ ra muốn tìm hiểu cô, ngoại trừ việc anh ta chỉ

xem cô như một kế hoạch, một dự án, một vấn đề khó xử mà anh ta cần giải quyết.

Nhưng Frank thì khác, rất khác. Giờ thì cô hoàn toàn nhận ra điều đầy ý. Cái đêm ở Ooty, anh đã đối xử với cô như một người đàn ông thực thụ, không một lời xin lỗi, không cả một nụ cười dù chỉ là một cái nhếch mép hờ hững, không nhiều nhận gì nhưng hoàn toàn tự nhiên, đầy bản năng. Nhưng điều khiến cô co mình lại ấy là khi Viva phát hiện ra cả anh và cô thực sự thấy đồng cảm khi ở bên nhau, anh đã quan tâm tới cô nhiều đến thế nào, và đầy không phải là kinh nghiệm hẹn hò của cô với hầu hết đám đàn ông. Dường như Frank muốn tìm hiểu cô theo cách riêng biệt. Điều đầy khiến cô sợ hãi - sự thật, thì đầy chính là tất cả những gì đã khiến cô phải chạy trốn bao năm qua - nhưng không kém phần kinh ngạc.

Trên băng ghế trước, Rose và Tor đang sôi nổi tranh cãi về kỹ thuật nhả số kép khi lái xe.

“Không, Rose. Nhầm cơ bản rồi”, Tor nói, tăng tốc rồi lái chiếc xe vọt lên phía trước. “Đầy là những gì cậu cần phải làm. Giậm chân xuống, nâng chân lên, giậm chân xuống, thẳng tiến”.

“Ta đang nói về việc lái xe, chứ không phải chơi trò cà kheo, Tor”, Rose cãi, đôi mắt tròn xoe nhìn vào mảnh gương chiếu hậu trước mặt, “nhưng mà tùy cậu, muốn làm gì thì làm”.

“Viva”, Tor ngoái ra sau, “chú ý nhé, làm ơn đầy ý. Khi chúng ta đến Lahore, chị muốn bọn em ở cùng hay biến đi đâu đầy ý? Chỉ là đề ủng hộ tinh thần thôi, tất cả chỉ có thế”.

“Không”, Viva nhanh chóng phản đối. “Đừng ở lại”. Cô không thể chịu nổi ý nghĩ sẽ có kẻ thứ ba chúng kiến sự thất bại sắp tới của mình. “Đi đâu đầy ý rồi quay lại đón chị lúc bốn giờ chiều, như

thê' là dư thời gian rồ'i. Chị sẽ đi dạo một vòng nê' u anh á'y không ở đấ'y", im lặng thoáng chồ'c, rồ'i cô nói tiế'p, như thể đây chỉ là một chuyê'n du ngoạn ngắ'm cảnh nhân dịp rồi rấi. "Sẽ vui về cả thôi. Tấ't nhiên, hẳn Frank cũng nhận được khồ'i lời mời đê'n dự tiệc Giáng sinh vào dịp này", cô nói, "Nhưng ít nhấ't chúng ta cũng sẽ mời anh á'y một tiế'ng xem sao".

Cô thấ'y Tor kín đáo trao đỏi với Rose một cái nhìn thật nhanh, rồ'i khe khẽ lắ'c đầ'u. Cô còn nghe được tiế'ng thở dài nhè nhẹ của Rose.

Phải mấ't hơn ba mươi phút la hét và bóp còi inh ỏi xin đường giữa biển người đông đúc qua những con phố' chật chội, cuố'i cùng chiế'c xe lọt vào một con phố' chỉ chít cửa hàng tạp hóa, bắ'm bỏ lao thẳng về' phía tòa nhà xám xịt, cũ kỹ với những vòm cửa mang đậm kiế'n trúc Mughal và những ô cửa sổ chớp kính không lồ' trở bên mình, một hàng xương rồ'ng thẳng tắ'p bám đầ'y bụi đỏ được rồ'ng dọc hai bên lồ'i mòn dẫn đê'n bậc thang phía ngoài tiề'n sảnh tòa nhà.

"Đê'n nơi". Tor nhấ'n bàn đập phanh. "Chúng ta đang đứng trước khách sạn thánh Patrick, nơi Frank làm việc. Giờ thì chị có chắ'c không cầ'n bọn em ở lại không, Viva?".

Cả hai cô gái cùng đồ'ng thanh dán những đôi mắ't đầ'y lo âu vào Viva, chờ đỏi.

"Hoàn toàn chắ'c chắ'n", cô trả lời, ngay cả khi Viva bắ't đầ'u nhận thấ'y tim mình đang đập rộn ràng trong lồ'ng ngực. "Các em biế't đấ'y, đây thực sự chỉ là chuyện đơn giản thôi mà".

"Tấ't nhiên là thê'", Rose nhẹ nhàng nói. "Bọn em hiểu điề'u đấ'y".

Tor ngoái đầu xuống rồi ra sau đặt một nụ hôn nồng ấm lên đầu Viva.

“Chỉ là một trò đùa”, cô nói. “Nhưng đầu sao cũng chúc chị may mắn”.

Trong lúc hai cô gái dán mắt vào lối mòn dẫn vào bệnh viện, Viva kín đáo liếc nhìn mình qua tấm gương nhỏ được cô mang theo trong túi xách. Khuôn mặt cô nhợt nhạt, hơi run rẩy. Cô đưa chiếc gương sát gần để nhìn mắt rồi chăm chú ngắm soi: những vết khâu đã cắt chỉ bắt đầu mờ dần nhưng vẫn còn những vết thâm tím nhạt nhòa gần khóe mắt. Nếu đứng ngược sáng, cô khẽ nghiêng mái đầu mình sang một bên, rất khó để nhìn thấy chúng.

Khi Viva ngẩng đầu lên, Tor đang nhìn cô mỉm cười. “Chị sẽ hành động cho những mục đích đã được xác định từ trước”, cô nói.

Viva mở cửa xe, đặt một chân xuống đất. “Ừm, tiến lên nào”, cô nói. “Phải thể hiện cho mọi người thấy được chí khí của mình”.

“Chính xác”, Rose phụ họa. “Đội diện với chính nó, đây là cách tốt nhất”.

“Không sao đâu”, Viva khẽ xô lại vai áo, “chị rất ổn, sẽ giải quyết mọi chuyện liên quan đến đời mình. Chị hoàn toàn có thể sống hạnh phúc mà không cần đến nó”, nhưng chiếc xe đã nhanh chóng rời ga vọt lên phía trước, bỏ lại cô lơ lửng giữa bụi đỏ mịn mù cuộn tung ngang trời.

Bên trong khuôn viên bệnh viện, một người đàn ông với hàng ria mép được tia tốt bôi sáp cẩn thận mặc đồ ngụy trang ngồi sau một chiếc bàn, phía trước bàn là một sợi dây thừng vắt thông ngăn cách với không gian bên ngoài. Khi Viva bước đến trước chiếc bàn,

người đàn ông dừng việc viết lách lại, đặt bút lên cuốn sổ ghi lịch hẹn, ngẩng đầu nhìn cô.

“Tôi có thể giúp được gì cho cô? Tôi là người giám sát ở bệnh viện”.

“Tôi đến tìm bác sĩ Frank Steadman”, cô nói, nhưng khi cô vừa dứt lời, người đàn ông lập tức lắc đầu.

“Không có ai tên là bác sĩ Frank ở đây cả. Anh ta hẳn đang ở một nơi nào đấy”. Người đàn ông giơ tay phát một cú nhẹ nhàng lên vai mình.

“Nghe đây”. Cô vụt đứng dậy và nhìn thẳng vào mắt ông ta. “Tôi không phải như ông nghĩ, đến đây để xin được điều trị”. Cô dằn từng chữ một, bằng tiếng Hindi. “Bác sĩ Frank là bạn tôi”.

“Ôi, ôi”. Khuôn mặt của người đàn ông đột nhiên giãn ra, một nụ cười xuât hiện trên khóe miệng của ông ta. “Một sự hiểu lầm ngớ ngẩn, xin lỗi, tôi rất xin lỗi thưa quý cô. Làm ơn ký tên vào đây giúp tôi một chút”.

Người đàn ông rút ra một tờ đơn, nhanh chóng đập mạnh con dấu lên trên rồi lớn giọng ra lệnh cho một cậu bé, lúc bấy giờ đang đứng sau lưng ông ta. “Dẫn quý cô đây đến văn phòng của bác sĩ Steadman”, ông ta nói. “Nhanh lên”.

“Cẩn thận đấy, thưa quý cô”, cậu bé ngoảnh đầu ra sau nói với Viva khi cả hai đã đi được nửa hành lang. Một người bị thương nặng nề lê bước ngang qua cô: một ông già, rên rỉ trong lớp băng vết thương bản thủ. Khi ông già chới ng khuỷu tay lên vách và bắt đầu nôn ra một dòng nhót dải xanh đỏ tím vàng, Viva cảm thấy miệng cô ướt nhoẹt những nước. Sao Frank có thể chịu đựng nổi những cảnh tượng như thế?

“Ồ đây ạ”. Cậu bé mở cánh cửa phía cuối hành lang, trở ra một mảnh sân con bần thiu. Một hàng dải băng màu xám treo lơ lửng trên dây phơi. “Thưa cô”, cậu bé chỉ về phía ngôi nhà màu trắng nhỏ với những vách tường trát vữa tróc nham nhỏ phía cuối sân. “Bác sĩ Steadman ở đây”.

Viva nhét vào lòng bàn tay đang mở to của cậu bé vài xu lẻ, chờ cho bóng cậu bé khuất sau hành lang, cô bước đến trước cửa ngôi nhà.

“Frank”. Cô gõ nhẹ vào cánh cửa. “Frank, là em đây. Em vào được chứ?”.

Cửa xịch mở, Frank hiện ra trước mắt cô, hãy còn ngái ngủ, mái tóc màu kẹo bơ của anh dựng đứng như một đứa trẻ. Anh đưa tay dụi mắt. Chân trần, bộ quần áo ngủ màu xanh khoác trên người.

“Viva?”, anh tròn mắt nhìn cô. “Em làm gì ở đây?”.

Có tiếng sột soạt sau cánh cửa ngoài hành lang, tiếng cành cây khô lác rác gãy đổ. Cậu bé đang ngậy người dán mắt vào Viva và Frank. Khi nghe thấy tiếng Frank cao giọng mắng mỏ, cậu bé lập tức lẩn nhanh vào bóng tối, còn lại hai người đứng nhìn nhau.

“Tốt hơn hết em nên vào nhà”, giọng anh hờ hững. “Em sẽ không chịu được khi cứ đứng ở ngoài này mãi đâu”.

Khi cánh cửa khép sau lưng, Frank nhìn cô rồi nói. “Em bị thương”.

Viva xua tay. “Chỉ là một vết bầm thôi”, cô nói.

“Sao em lại đến đây?”.

Cô cô' đã' n lòng, tỏ ra cao thượng. “Em hy vọng chúng ta có thể nói chuyện với nhau”.

“Trước hết anh phải thay quần áo đã”.

Frank lơ'ng hai ô'ng quần dài vào bộ đồ' ngủ, Viva quay mặt sang hướng khác.

Một căn phòng chật chội, đúng kiểu phòng của một kẻ lưu hương. Hai chiếc va ly to sụ còn dính nhãn vận tải hàng hải của hãng P&O bên mình được nhét trên nóc tủ quần áo.

Viva còn nhớ như in giây phút đầu tiên ánh mắt cô bắt gặp anh đang thong dong xách những chiếc vali bước trên cầu tàu hướng về phía Kaiser - những bước dài đầy kiêu hãnh, vẫn nụ cười nhếch mép đầy ngạo mạn ấy, chắc chắn đang khiến các quý bà cô đơn trên boong tàu để hồ'n phách đổ rạp theo từng bước chân anh qua (hoặc giả đầy chỉ là cảm nhận của cô tại thời điểm ấy). Không có chút manh mớ' nào được thể hiện thông qua vẻ bề' ngoài của một người đàn ông trong những sự kiện như tang lễ hay trong những thời điểm tuyệt vọng với sự khởi đầu mới của chính anh ta, và Viva, người hiểu hơn ai hết về' nghệ thuật cải trang, đã đánh giá Frank ở chính giá trị của những điề' đang hiển hiện trên khuôn mặt anh.

Những chiếc vali trên nóc tủ mang đé' n cho cô cảm giác an ủi đé' n ngậm ngùi, đượm mùi tro'ng trải đé' n hoang vắng. Frank là người đàn ông của những chuyế' n đi; rõ' i anh sẽ lại sớm từ bỏ nơi này mà đi.

Frank chậm đén, đẩy một chiếc ghé' về' phía cô.

“Tại sao em lại đé' n đây?”, giọng anh thản nhiên, nhẹ như không.

Cô hít một hơi thật sâu. Anh để n ngò i trên chiế c ghế đò i diện với cô, Viva có thể nhìn kỹ khuôn mặt anh: làn da, mái tóc, vành môi. Có điề u gì đầ y như nghẹn ngào, như đau đớn len lén ùa về trong cô, Viva có cảm giác mình sắ p khóc để n nơi trước khi cô bắ t đầ u mở miệng.

“Sao cửa sổ phòng anh lại có chấ n song?”, cô buộ t miệng hỏi.

“Ồ đây có nhiề u trộm”, anh đắ p.

Cô tiế p tục hít một hơi thật sâu, choáng váng, run rẩy, đánh má t về bình tĩnh một cách dễ dàng.

“Uớ ng chút gì thay vì những câu hỏi đượ c không?”, sau một hồ i im lặng, cô thu hế t can đắ m hỏi anh.

“Tầ t nhiên”, giọng Frank vẫn lịch sự, nhẹ nhàng. “Một chút rượu mạnh nhế?”.

“Vâng, cảm ơn”.

Anh rót rượu vào hai chiế c ly, lắ m bắ m rửa nhẹ khi sợ y rót tràn ra mặt bàn.

“Mắ t em bị sao vậy?”, anh hỏi sau khi ngò i xuồ ng ghế .

Trong một giây thoắ ng qua, cô địn h sẽ vin vào về t thương nơi khóe má t là lý do duy nhấ t để giải thích với anh về mục đích xuấ t hiện của cô nơi đây. Bắ ng cách câ u xin một chút niề m kiêu hẩ nh chuyên nghiệp trong anh, mộ i quan hệ giữa hai người có thể sẽ đượ c hàn gắ n và Frank sẽ không bao giờ biế t đượ c lý do thực sự tại sao cô lại có mặt ở đây.

“Em bị ngã”, cô nói, “trong chợ, ở Bombay, dập mặt xuồ ng lê ðườ ng. Nhưng giờ đã tồ t hơn”.

Anh rướn thẳng người về phía trước, gập n với cô, những ngón tay của anh nhẹ nhàng kiểm tra phía trên hàng lông mày của cô, ánh mắt anh vẫn nhìn thẳng vào cô.

“Daisy bảo với anh em bị bắt cóc”, Frank nói.

“Chị ấy đã kể với anh?”. Cảm giác xâu hổ trào lên trong Viva, như một ngọn lửa thiêu cháy lòng cô.

“Cô ấy đã rất đau đớn”, anh nói. “Daisy đã nghĩ em đã chết, và đây là lý do vì sao cô ấy liên lạc với anh”. Khi Frank ngẩng đầu lên, khuôn mặt anh thất thản, đau đớn. “Em có thể dễ dàng bị giết chết”.

Những tia sáng vàng vọt từ bên ngoài hắt vào căn phòng qua ô cửa sổ có chấn song, tiếng bánh xe đẩy tay nghiến lên mặt đường hòa cùng tiếng nước bắn tung tóe vọng từ ngoài xa vào, mờn một.

“Anh đã gửi hai bức thư về mái ấm tình thương, nhưng không hề nhận được bất kỳ một hồ i âm nào từ phía Daisy cũng như từ em. Sau những chờ đợi, anh đã thôi không muốn biết nữa. Nhìn xem”, Frank bỗng trở nên giận dữ, bàn tay anh xò ra như một tấm chắn nhắm thẳng vào cô. “Anh đã chấm dứt thôi không còn suy nghĩ như thế nữa. Anh không muốn như thế một chút nào. Thậm chí anh còn không hiểu tại sao em lại đến đây”.

Cô nghe thấy tiếng mình bập bẹ: “Em không hề nhận được những lá thư của anh, em thế đấy. Mọi liên lạc đều bị cắt đứt, khu vực ấy bây giờ chỉ còn lại một mớ lộn xộn. Cả mái ấm tình thương giờ đây cũng trở nên hỗn loạn - Daisy đã tính đến chuyện đóng cửa trung tâm, và thực sự chuyện ấy đã diễn ra”, đột nhiên cùng với cảm giác phẫn nộ, hai hàng nước mắt lăn dài trên đôi gò má gầy gò của Viva, “khoảng một nửa trong số bọn trẻ không thích được ở trong đây nữa”.

Im lặng. Một lúc sau Frank hỏi: “Thế em đã viết xong cuốn sách chưa?”.

“Chưa”, cô trả lời. “Gần như những trang đã đánh máy đều bị xé nát. Ôi, em vẫn còn giữ cuốn sổ tay của mình, nhưng em không nghĩ mình lại có thể đánh máy lại được nữa. Chúng ta lại gặp nhau. Em xin lỗi nếu điều này khiến anh choáng váng”.

Cô hôn hên thở như thể có ai đang thụi mạnh trong ngực mình.

Đây là lần đầu tiên cô kể với người khác về cuốn sách, khi cô bị giữ ở ngôi nhà của Azim, gần như toàn bộ những trang bản thảo đã đánh máy của cuốn sách đều bị xé nát, những trang nào không bị xé thì bị tẩy xóa bôi đen đến không thể nhận được mặt chữ. Cuốn sách trở thành một đống giấy lộn vô giá trị nằm chờ cô trên tủ ly sau khi cô trở về phòng mình. Tối hôm ấy cô đã phải nói với Toby về chuyện cuốn sách, thực sự quá đau lòng khi phải kể về chuyện này.

Không khí im lặng bao trùm khắp căn phòng.

“Em đang ở nhà Tor gần Amritsar”, cuối cùng cô lên tiếng. “Em không biết anh đã biết được bao nhiêu phần, Tor đã kết hôn với một chàng trai tên là Toby. Rose cũng đến đây cùng nhóc tỳ của cô ấy. Hai người họ muốn em thuyết phục anh đến nhà Tor chơi nhân dịp lễ Giáng sinh”.

“Anh biết”, Frank trả lời. “Tor là người đầu tiên cho anh biết em không sao”. Những thớ thịt trên khuôn mặt anh bắt đầu động đậy. “Cô ấy cũng đã mời anh, nhưng anh từ chối”.

“Anh sẽ đi đâu?”.

“Anh không biết”.

Cảm giác buồn bã lại trào lên trong cô. Mình đã mất anh, cô thậm chí nghĩ, tất cả là lỗi của mình.

“Em không trách anh đâu”, cô nói.

“Anh cũng không chịu đựng nổi ý nghĩ ấy. Thật đáng!”. Frank cố mỉm cười, rồi đưa mắt nhìn đồng hồ đeo tay như thể anh không muốn cô ở lại thêm một phút giây nào nữa.

Căn phòng chìm ngập trong nỗi đau, trĩu nặng và đặc quánh đến không thể thoát nổi thành lời. Cô đứng dậy, vòng tay ôm chặt hai bên hông mình.

“Em có thể nói gì để anh thay đổi ý định của mình được không?”, cô nói. “Chúng ta vẫn còn thời gian”.

“Không”, Frank dứt khoát. “Anh nghĩ không còn gì nữa đâu. Em biết đấy, anh không thích những kẻ giả vờ, sống không thật với lòng mình”.

Cảm giác nhói đau trào lên hai bên mạng sườn của Viva. “Em không hề giả vờ”.

“À, ừm, giờ đây mọi chuyện cũng đã trở nên tốt đẹp hơn”, giọng anh lạnh lùng.

“Thôi được. Nghe này”, cô gằn như gào lên, “em xin lỗi. Như thế đã khiến anh cảm thấy tốt hơn chưa?”.

“Không”, giọng anh buồn bã, cô hiểu Frank hoàn toàn thật lòng, anh không cố để cay nghiệt với cô. “Đủ lạ thôi, chứ chưa đủ tốt hơn được”.

Cô nắm lấy tay anh. “Nghe này, em đã không thành thật khi ở Ooty. Chuyện ấy khiến em hoảng sợ”.

“Cái gì?”, anh lắc đầu.

“Anh không hiểu sao?”.

“Không”.

Khi cô ngẩng lên nhìn anh, Viva chợt nhận ra Frank gầy gò hơn nhiều so với mấy tháng trước. Những nếp nhăn bắt đầu hiện ra lò mò hai bên khóe mắt, quanh miệng anh. Mình đã mang đến cho anh những thứ này, cô thầm nghĩ. Mình đã khiến anh già dặn hơn trước, và anh trở thành một con người đầy thận trọng.

Tiếng nước rào rạt tung tóe lên nên đất khô cứng từ bên ngoài vọng vào. Có tiếng một con chó đang dè dặt sủa. Nhìn vào mắt anh, Viva chợt hiểu, nếu cô không đứng dậy, mọi chuyện sẽ trở nên quá muộn.

“Hãy đến với bọn em trong mùa Giáng sinh năm nay, Frank”, cô khẩn khoản. “Em không thể kể với anh mọi chuyện cùng một lúc được”.

Frank đứng dậy, khẽ chạm đầu vào chần song cửa sổ.

“Không”, anh dứt khoát. “Anh không thể thay đổi tất cả chỉ vì ý thích bắt chợt như trước đây được nữa. Anh còn những bệnh nhân của mình, nhiều việc để làm”.

Nỗi đau trong cô đã được chuyển sang anh. Cô hiểu rõ điều đã xảy ra khi chứng kiến cái cách Frank căng mình cố kìm chế nỗi xúc động trong lòng, cô cảm nhận được nỗi đau đón giãנג xé trong anh khi nhìn vào mắt Frank. Chưa bao giờ cô cảm nhận rõ ràng đến thế.

“Frank này”, cô hít một hơi thật sâu rồi quyết định đột ngột thay đổi, “Em không muốn sử dụng những điều sau đây như một lời biện hộ, em không thể, nó vượt quá khả năng chịu đựng của em, sẽ khiến em thấy ghê tởm, nhưng anh còn nhớ khi chúng ta ở trên chuyến tàu Kaiser, có lần em đã kể với anh, rằng gia đình em đã tử nạn trong một vụ tai nạn xe hơi không? Điều đấy là không đúng. Những người thân trong gia đình em đều không qua đời cùng lúc”.

Cô nắm chặt thành ghế để không run rẩy hơn được nữa.

“Chị gái em chết vì bệnh viêm ruột thừa. Nếu bọn em sống gần bệnh viện chắc hẳn chị ấy sẽ không chết. Chị ấy lớn hơn em mười ba tháng tuổi, bọn em như một cặp chị em sinh đôi”.

Ánh mắt anh buồn bã nhìn cô, rất lâu sau đấy, anh lên tiếng: “Anh hiểu được nỗi đau ấy như thế nào. Em còn nhớ những gì chúng ta đã nói trên chuyến tàu?”.

“Em hiểu”.

Khuôn mặt anh nhợt nhạt khi nhớ lại những giờ phút ấy.

“Viva”, Frank vụt trở nên giận dữ, “lẽ ra em nên kể với anh, anh thừa sức hiểu những chuyện như thế này”.

“Em không thể”.

“Anh không nghĩ em có thể hiểu được khi làm như vậy, nghĩa là em đã khép chặt lòng mình đến thế nào với mọi người. Nó giống như việc em xây một tường hào vững chãi vây quanh mình. Nhưng không sao, tiếp tục đi, còn bố em thì sao?”. Anh chăm chú lắng nghe cô. “Giờ thì kể với anh được chứ?”.

Cô tiếp tục hít một hơi thật sâu. “Không lâu sau đấy, bố em bị giết chết, xác của ông được tìm thấy trên đường ray xe lửa gần

Cawnpore cùng với bảy người đồng nghiệp khác. Tất cả đều bị cắt cổ để n chết. Cảnh sát nghi ngờ những tên cướp đã làm chuyện này”.

“Ôi Chúa ơi! Kinh khủng quá”.

“Đúng thế. Có thể là điều tồi tệ nhất ấy chứ. Rất hiếm khi bố con em gặp nhau, ông ấy là một người tham công tiếc việc, nhưng em rất yêu ông ấy. Bố luôn ở trong trái tim em. Ông ấy là một người đàn ông thông minh, ông đã nỗ lực hết mình để trở thành một người bố tốt”. Ánh mắt cô nhìn anh hoang dại. “Điều kinh khủng là, giờ đây em không thể nhớ chính xác khuôn mặt của ông trông như thế nào nữa. Nếu Josie không qua đời, bọn em sẽ nhấc c nhờ nhau, cùng nhau nhớ về ông mỗi ngày, nhưng những ký ức đang dần dần phai nhạt trong tâm trí em. Em ghét điều đấy”.

“Thế còn mẹ thì sao?”.

“Không, không, mẹ em qua đời một năm sau đấy”. Cô nhắm nghiền cặp mắt.

“Nhiều người đã đề cập đến cảm giác nghẹn ngào, tan nát trong trái tim - phải chăng đấy thực sự là một dạng bệnh lý y khoa có thật?”, cô chua chát mỉm cười, nhưng Frank không hề hưởng ứng. “Và lại, dẫu sao thì hai chúng ta cũng chưa bao giờ thực sự gần gũi nhau”, cô tiếp tục. “Và em không thể nhớ nổi tại sao - có thể đấy là điều hết sức đơn giản - hẳn bà đã dành hết ưu tiên cho chị gái em”.

“Không lâu sau cái chết của bố, mẹ dẫn em ra nhà ga xe lửa ở Simla, đẩy em lên một chuyến tàu trở về trường nội trú ở nước Anh. Em không hiểu tại sao bà lại không muốn em ở bên cạnh. Kể từ đấy, không bao giờ em còn có thể gặp lại mẹ mình thêm một lần nào nữa”.

“Nhẽ ra em nên tâm sự những chuyện này từ trước”.

“Em không thể”.

“Tại sao?”.

Cô cảm thấy mệt lử. “Em không biết - có lẽ em không muốn mọi người nhìn mình bằng ánh mắt thương hại”.

“Thế em có nghĩ cái lần anh quan hệ với em ở Ooty là bởi anh thấy thương hại em hay không?”.

“Không”. Cô gằn như thê u thảo. Kỷ niệm ủa về tràn ngập tâm trí cô, đau đớn và mong manh, cả cảm giác giận dữ khi nhớ lại cái ngày mẹ gửi cô về lại nước Anh.

Khi cô ngẩng đầu lên nhìn, anh lập tức quay mặt sang hướng khác.

“Làm ơn”, cô nói, “anh hãy đến chung vui cùng mọi người trong Giáng sinh năm nay. Tất cả bọn em đều muốn anh đến”.

Anh nốc cạn ly rượu trong tay.

“Không”, Frank dứt khoát. “Anh thấy vui vì cuối cùng em cũng đã chia sẻ với anh. Nhưng anh không thể”.

Im lặng, cả hai lặng lẽ bên nhau trong căn phòng chật chội.

“Nghe này”, cuối cùng anh lên tiếng, “khi em biến mất, anh đã ngẫm nghĩ lại tất cả mọi chuyện. Ngay cả vết thương này”. Frank giận dữ chỉ ngón tay vào đôi mắt cô. “Em cũng không hề thành thật, phải vậy không? Và anh cảm thấy mệt mỏi”.

“Em...”, cô vừa mở miệng định nói điều gì đấy nhưng anh đã nhanh chóng đặt ngón tay của mình lên môi ngăn cô lại, rồi vội vã

rụt tay về` như thể cô đang bô`c cháy.

“Em đừng nói gì cả”, anh nói. “Hãy để anh kếm thúc. Chuyện xảy ra trong đêm mưa ở Ooty không hề` khiếm anh phải ngạc nhiên. Anh biếm điếm đấ`y sẽ xảy ra và anh nghĩ em cũng hiểu điếm này, nhưng sau đấ`y em lại khiếm anh có cảm giác, em đấ` khiếm anh có cảm giác...”, giọng anh vỡ òa, “... mình gióng như một kẻ phạm tội hiếm p dâm khi anh hoàn toàn yêu em thực lòng”.

“Không, không, ôi không”, cô hô`t hoảng. “Không phải thế”.

Anh kéo cô sát lại bên mình, rô`i vội vã đẩy cô ra xa.

“Em đấ` có hàng tháng trời để liên hệ với anh, thậm chí ngay cả khi em không hề` nhận được bấ`t kỳ một lá thư nào của anh. Anh đấ` chờ đợi, rấ`t lâu, rô`i anh nghĩ, mình sẽ chếm t dầ`n chếm t mòn bởi hình bóng của cô gái á`y nếm u cứ mãi số`ng như thế` này”.

Hai bàn tay cô âu yếm áp vào khuôn mặt anh, rô`i nhanh chóng rời ra. Bên ngoài cửa sổ, cô nhìn thấ`y Tor và Rose đang được cậu bé chỉ đường dẫn qua khoảng sân con.

“Không còn hy vọng gì nữa”, cô thì thầ`m. Chỉ ít phút nữa thôi, Rose và Tor sẽ bước chân vào căn phòng này, mọi thứ sẽ lại thay đổi. “Nghe em này”, cô nói nhanh, tiế`ng bước chân lạo xạo trên đá sỏi bắ`t đầ`u vọng vào mô`n một. “Em đấ` quyết định rô`i, trước Giáng sinh, em định ngược lên phía Bắ`c đi Simla. Bô` mẹ em được chôn ở đấ`y. Em nhận được một bức thư của một người phụ nữ trung tuổi đang số`ng ở Simla. Một chiếm c rương do bô` mẹ để lại em định đấ` để`n nhận từ nhiếm u năm qua. Em phải đố`i diện với điếm đấ`y, có lẽ...”.

Anh định trả lời cô thì cửa phòng vụt mở.

“Frank!”, Tor ào đến ôm chòng lấy anh. Rose theo sau với hai gói đồ trên tay. “Chúa ơi, chị không sao chứ Viva?”, Tor cuống quýt hỏi han, bằng tất cả sự tận tâm quen thuộc của mình. “Trông mặt chị trắng bệch như một tờ giấy trắng”.

Frank đến nhìn hai cô gái mới đến uống một chút gì đấy, khuôn mặt anh giãn ra, cảm thấy bớt căng thẳng khi cả hai cùng đứng thanh thản từ chối. Rose, người hiểu rõ không khí căng thẳng đang ngự trị trong ngôi nhà, bước đến bên cạnh cửa sổ, hào hứng nói cô đã nhìn thấy mấy ngôi sao mọc sớm trên bầu trời tím thẫm. Như thế sẽ an toàn hơn cho cả ba cô gái khi lái xe về nhà trước khi màn đêm ập đến.

Chương 54

Chuyện là thế .

Sáng hôm sau, khi Viva thông báo với Tor và Rose rằng cô dự định sẽ bắt tàu đi Simla để nhận lại chiếc rương của bố mẹ mình, cô cố giữ giọng thật bình thản, do đó không một ai trong hai cô gái nhận thấy cô đang hoảng loạn đến nhường nào. Khi Tor và Rose đề nghị sẽ cùng đi với cô đến đây, Viva dứt khoát từ chối, rằng cô sẽ sớm trở về để kịp đón Giáng sinh với mọi người, rằng tốt hơn hết Tor và Rose nên ở nhà để chuẩn bị.

Viva có cảm giác chuyến đi lần này thực sự giống như một thử thách của trẻ con: một cú đột kích nghệt thờ vào sào huyết của quái vật và nhanh chóng thoát ra ngoài. Phải làm thật nhanh và nhẹ nhàng, đừng để phải đau đớn, cô tự nhủ, đừng biến mình thành miếng mồi ngon lành cho nó.

Cô ngồi trên chiếc ghế bên cạnh cửa sổ của chuyến tàu mang tên Nữ hoàng Himalaya, chính bố cô đã góp tay xây dựng con tàu và hệ thống đường ray quanh co chạy men theo những chân núi dưới dãy Himalaya năm nào, xuyên qua những cánh rừng bán nhiệt đới, nhắm hướng những rặng núi chót vót quanh năm trắng xóa tuyết phủ. Con tàu nhỏ bé như một món đồ chơi trẻ em xuyên qua hết tầng hầm này đến tầng hầm khác, từ miền ánh sáng rạng rỡ rơi tòm vào khoảng không gian tối tăm sau những vách đá. Cô cố giữ lòng thật bình tĩnh. Mái ấm chỉ là một thuật ngữ. Nó không có nghĩa gì với mình nếu cô không hề muốn nó.

Một cuốn sách nhỏ nhỏ in những vần thơ của nhà thơ Tagore nằm im trong lòng Viva, cuốn sách được cô chọn ngẫu nhiên từ giá

sách của Toby - kẻ từ sau lằn bị bắt cóc, có vẻ sự tập trung trong cô gần như đã biến mất.

Viva đặt đôi bàn chân của mình trên chiếc vali cũ kỹ của mẹ để lại. Cô rất thích chiếc va-li nhếch nhác này, chiếc vali với những dây đai da chằng chịt cùng những nhãn hiệu đã mòn vết mực bởi thời gian, cùng những đường chỉ may nổi đã gần như mòn vết - có lẽ cô nên sớm thay mới nó. Bên trong, cô để chùm chìa khóa của chiếc rương, một ít áo quần và một mẫu giấy ghi địa chỉ của Mabel Waghorn: “Nhà tôi ở đằng sau một tiệm giày Trung Hoa”, được bà ghi cho cô bằng những con chữ run rẩy của người già. “Rất gần Lower Bazaar - cô không thể để lỡ dịp gặp tôi được”.

Tất nhiên, đây là một khả năng hoàn hảo, Viva nghĩ, trong lúc dựa đầu vào thành cửa sổ toa tàu, rằng Waghorn đã chết sau khi bà viết cho cô bức thư này. Khi còn là một đứa bé, cô đã một, hai lần gặp bà, chút ký ức ít ỏi về Waghorn đọng lại trong cô lúc này chỉ là một người đàn bà cao lớn, hơi đường bệ, một người phụ nữ già hơn mẹ cô.

Nếu quả thực bà Waghorn đã chết, có lẽ sẽ không còn gì chờ đợi cô ở phía trước. Ý nghĩ ấy bất giác khiến cô cảm thấy choáng váng, nhưng nó khá quan trọng trong việc giữ cho niềm hy vọng trong cô không trào dâng đến đỉnh điểm, cho dù niềm hy vọng ấy không hề đại diện cho nỗi hoảng sợ cuối cùng đang mỗi lúc một dâng cao trong cô khi con tàu vẫn rùng mình lao về phía trước.

Đoàn tàu tiếp tục bò qua những cánh rừng dày đặc hướng đến dưới chân những ngọn núi trong dãy Himalaya. Cách chỗ cô ngồi mấy ghế, giọng Anh trầm ấm của một người đàn ông chột vang lên giải thích điều gì đây - có lẽ cho vợ của anh ta hiểu - rằng đường ray xe lửa chỉ rộng đúng 60,6 cm và 6 mm; và điều thần kỳ nằm ở khâu thiết kế chế tạo, rằng một cách ngắn gọn thì hệ

thông đường ray này chạy xuyên qua một trăm lẻ hai đường hầm được nổ mìn xuyên qua những rặng núi đá không lồ. “Một trăm lẻ hai! Ôi Chúa ơi”, một giọng người tẻ nhạt, hơi giả tạo phụ họa theo. “Thật không thể tin được”.

Và rồi niềm hãnh diện của một đứa con gái thôi thúc trong cô, Viva muốn nhào đến mà khoe khoang rằng, “Đường ray xe lửa này từng có phần đóng góp công sức của bố tôi. Ông ấy là một trong những kỹ sư ngành hỏa xa giỏi nhất ở Ấn Độ”.

Nhưng giọng nói của hai con người ngồỉ cách chỗ cô không xa, chỉ vài ghế kia đã gần như mất hút giữa tiếng động cơ gầm rú của con tàu khi nó rung mình băng qua một đường hầm tối đen và lại nhanh chóng chui ra ngoài giữa ánh sáng ban ngày chói lòa.

Cô đã yêu biết nhường nào những tháng ngày rong ruổi trên những nẻo đường thời thơ ấu ấy. Cô thấy tiếc cho những đứa trẻ không bao giờ có được cảm giác khám phá những ngôi nhà mới, những đứa trẻ không bao giờ có được những hàng cây mới cho mình trèo lên tụt xuống mỗi ngày, không có những con vật nuôi mới, những bạn bè kết nghĩa trong chốc lát. Những năm tháng ấy, cô là một công chúa, cô có thể thấy rõ điếu đũa khi giờ đây nhớ lại.

Thêm những dòng ký ức ủa đến trong cô. Tổ ấm của cô, ấy là nơi có mọi người, là bố, mẹ, chị Jesie, và cô đã bay đi từ đây.

Bố, mẹ, Jesie - lâu, thật đã lâu lắm rồi cô mới đủ can đảm thì thầm cùng lúc gọi những cái tên ấy trong lòng mình. Cô xòe bàn tay gòm những ngón khắng khiu ra trước mặt nhằm tính: ấy là năm cô lên tám, không, có lẽ là chín, khi lần cuối cùng cô ngồỉ trên chuyế n tàu này cùng mọi người. Thật kỳ lạ nhường nào khi cô một mình lưu giữ những kỷ niệm cũ kỹ ấy mà không có một ai bên cạnh. Mẹ đã chuẩn bị gói ghém những món đồ quen thuộc dành cho một

chuyên dã ngoại đặc biệt: nước chanh, bánh sữa, thừa thãi bánh ngọt và bánh xăng-đuych. Trong chuyên đi cuối cùng bên nhau ấy, Josie ngồi sát bên mẹ, còn cô ngồi cạnh bố, đối diện với hai người, một vòng năng lượng lọt qua ô cửa sổ đậu xuống chỗ cô ngồi. Giờ đây cô cảm nhận được những lọn năng lượng đang đậu trên mái tóc mình, cả niềm vui sướng âm ỉ khi được ngồi bên cạnh bố trong chuyên đi lần ấy. Người đàn ông mảnh khảnh lúc nào cũng kiệm lời mà cô gọi bằng bố ấy, với đôi tay dịu dàng và khuôn mặt sáng sủa chưa bao giờ nói với cô rằng ông yêu cô, thể hiện tình yêu dành cho những cô con gái bằng ngôn từ không phải là cách của ông, nhưng rõ ràng ông yêu chúng rất nhiều, và cô hiểu hơn ai hết tất điều ấy, luôn là thế; giống như việc ta chuyển động trong vùng không gian từ trường vô hình.

Hình bóng ông lại ùa về nơi đây. Khi ánh mắt cô xa xăm nhìn ra ngoài cửa sổ toa tàu hướng đến những ngôi làng bụi bặm, những thị trấn xiêu vẹo, những cánh đồng cỏ nổi nức đầu chân chim, cô muốn ông trở về với vẻ ngoài nhiệt tình đã nhiều năm qua cô không hề nhìn thấy. Để được chuyện trò cùng ông về tuyến đường ray mà con tàu đang rung rung chạy dưới chân cô. Trong ngôi nhà nơi ông đang góp tay xây dựng với những chi tiết phức tạp trong công tác tu di bảo dưỡng, ông sẽ kéo một cái hộp bằng gỗ khá lớn, nhãn hiệu “Nữ Hoàng”, ra khỏi tủ quần áo. Ông sẽ pha chế những nguyên liệu lên trên một tấm thảm bằng cỏ theo cách mà ông đã học được: lớp vữa được tán mịn, loại vữa người ta vẫn thường sử dụng để xây nên những cây cầu ở Paris, những tảng đá, những thân cây, cả những viên đá cuội. Trong mắt cô, những thao tác khéo léo mà ông đang tạo dựng thành cuộc đời mình nhẹ nhàng như một trò chơi. Cả cái nhiệm vụ tuyệt vọng trên cung đường đầy tham vọng này cũng thế, với những vách núi dựng đứng, những đường hầm hun hút xuyên qua những thân núi khổng lồ.

Viva buông một tiếng thở dài nảo nề đến nỗi sau đây cô phải xin lỗi người đàn bà ngờ i sát bên cạnh mình. Tại sao người ta lại làm như thế khi tan nát cõi lòng? Ngoại trừ Frank, có lẽ anh không thực sự hiểu được điều đây, anh sẽ ngần ngại rửa nếu đến ga tiếp theo cô quyết định bước chân xuống khỏi con tàu, quay trở về Amritsar? Mọi dấu vết về tổ ấm ngày nào có thể sẽ được cô tô ng khứ khỏi đời mình bằng cách viết cho Mabel Waghorn một bức thư, ném chùm chìa khóa mở chiếc rương ra khỏi ô cửa sổ của con tàu đang lao vùn vụt ngoài kia.

Con tàu vẫn rùng rùng lao về phía trước, tiếng động cơ vẫn rền rĩ vang lên từng chập bất tận. Ở Kalka, một ga xép nhỏ bé dựa lưng vào một vách núi, một người đàn ông với một giỏ đồ ăn tiếp cận tới bên hông toa tàu, rồi hô i hả vừa rao vừa cuống quýt chạy như thể óng quàn của ông ta đang bắt lửa: “Nước uống, bánh trái cây đây”. Nhưng cô không thể nuốt, cô không muốn ăn gì cả.

Cô lặng lẽ quan sát chàng trai trẻ ngờ i đối diện mình nhảy khỏi toa tàu, bả bỏ chạy vụt vào sân ga, đến trước một quán cóc mua hai đĩa đậu lã. Cô vợ trẻ vẫn kiên nhẫn ngờ i chờ trong im lặng, đôi mắt của cô dán chặt vào người chõng trên sân ga.

Cuối cùng, thật đơn giản, Viva nghĩ, mình sẽ để lòng thật thanh thản khi anh quay lại.

Tổ ấm mà cô đang nghĩ đến ấy đã từng là trung tâm thế giới của một người nào khác. Cô đã đánh mất sự an toàn ấy khi bố mẹ cô qua đời. Không một ai đối xử tàn nhẫn với cô kể từ ngày bố mẹ ra đi - cô không hề bị đánh đập hay bị tô ng cổ vào trại tế bần, cô không cần đến tiếng vĩ cầm nức nở - điều thay đổi ấy chính là cô bắt đầu cảm thấy - khái niệm ấy là gì nhỉ? - thừa thãi những yêu cầu đòi hỏi.

Trong gia đình của những người bà con họ hàng, cô từng ngủ trên những chiếc giường dành cho những đứa trẻ mới lớn; từ trên nóc tủ quần áo, những con búp bê cũ kỹ và xơ xác cùng những đoàn tàu hỏa mô hình bằng gỗ của chúng giương mắt nhìn chằm chằm vào cô. Trong suốt kỳ nghỉ lễ, khi trường học đóng cửa, cô đã ở trong khuôn viên kín mít của tu viện, ở đây cô được người ta sắp xếp cho ngủ trong viện điều dưỡng, nơi luôn khiến cho bất kỳ ai từng ở đây có cảm giác nỗi cô đơn giống hệt như triệu chứng đặc biệt của một chứng bệnh bứt rứt đầy khó chịu. Ý nghĩ cuối cùng rồi cũng sẽ đủ lớn để tự tay thu vén đời mình, để lần đầu tiên sở hữu một căn buồng bé tí hìn gần quảng trường Nevern Square luôn khiến cô mê mẩn. Cuối cùng cô cũng được một mình, hoàn toàn tự do và không phải đau đầu trong lòng cảm giác biết ơn bất kỳ ai.

Trong nửa giấc mơ cũ kỹ ấy, cô dành cho Josie. Rồi cô chợt kinh hoàng khi nhận ra những ký ức về Josie trong cô đang dần dần phai nhạt giống như những giai điệu rời rạc của một bản nhạc được chơi đầy cảm xúc và hào hứng ngay từ những nốt đầu tiên, nhưng đã yếu dần, yếu dần và gần như tắt lịm ở những nốt cuối cùng. Những lọn tóc đen, đôi mắt xanh thẳm, cặp chân dài miên man bước đi như một cô dê núi lướt trên tảng đá này đến tảng đá khác. “Nhanh lên, chậm thôi cô nàng, nhảy đi!”.

Ký ức rõ ràng nhất còn lại trong cô là kỷ niệm về đợt cắm trại cùng Jesie dưới những chân núi của dãy Himalaya. Cả gia đình cô cưỡi trên lưng những chú ngựa hai bên lèn chặt những đờ đặc linh kinh nào là giường, ghế xếp, lều bạt... cùng những người hầu cằn mẫn theo sau. Cả gia đình cô ngủ trong những túp lều dưới trời đêm sáng quắc lấp lánh ánh sao, lắng nghe tiếng nhai cỏ nhóp nhéo của những chú ngựa buộc bên ngoài lều, tiếng thác nước ào ạt từ trên cao vọng xuống, bố mẹ cô nhóm một đống lửa bên ngoài túp lều, bắt đầu kể cho nhau nghe những câu chuyện cuộc đời kéo

dài dến bất tận. Câu chuyện hư cấu yêu thích của bố cô là câu chuyện về Puffington Blowfly: một cậu bé mạnh mẽ và dũng cảm, và không bao giờ kêu ca phàn nàn về bất cứ khó khăn nào trong cuộc đời.

Sau đây, gia đình cô chuyển đến Kashmir, tên chính xác của thị trấn đã bị lãng quên, cũng như bao ngôi nhà, những mái trường, bạn bè của cô đã từng rơi vào quên lãng. Cô chỉ còn nhớ có một cây cầu ở đầu đây đột nhiên đổ sụp, và người ta cần đến sự giúp đỡ của bố cô trong việc sửa chữa lại nó. Gia đình cô kết thúc kỳ nghỉ tại một cái hồ ở Srinagar, nơi bố mẹ cô đã thuê một cái nhà thuyền. Cô và Josie (cô hãy còn nhớ như in chuyện này) đã phẫn khích đến nhường nào khi nhìn thấy những tấm rèm cửa may bằng vải hoa sặc sỡ và những chiếc lông đèn bằng giấy đặt trên mặt bàn, cả những phòng ngủ với những chiếc giường xinh xắn hãy còn mới tinh màu sơn. Nhưng Viva còn mang máng nhớ cả cái lần cô khóc lóc thảm thiết đến thế nào - hình như bởi cô đã bỏ quên chú chó của mình ở nơi cũ - chú chó thân yêu bởi bản tính ham chơi sơ suất của cô chủ nhỏ nên Viva đã không bao giờ có thể gặp lại chú thêm một lần nào nữa. Để an ủi cô, mẹ cho phép hai chị em có thể ngủ trên mặt bàn nếu muốn. Cô và Josie đã ngơ ngác dựa lưng trong chiếc màn tránh muỗi say sưa nhìn ngắm ánh mặt trời đỏ rực đang từ từ chìm xuống, rồi cuối cùng để lại một vết loang khổng lồ rạn rở trên mặt hồ sau khi mặt hút cuối đường chân trời, xa tít bên kia hồ.

Có phải có lần, trong đêm yên tĩnh, Josie, cô chị gái có đầu óc tính toán nhanh nhạy hệt như bố mình, đã tính toán được sự kiện thảm họa sẽ xảy ra và một trong hai chị em cô sẽ chết trẻ, bỏ lại người kia cô đơn trên cõi đời hoang vắng?

“Cứ một trong bố n người ở Ấn Độ”, Josie đã nói với cô như thế. “Chúng ta có thể sẽ không thể sống đến lúc đầu bạc răng long”,

chị gái đã cảnh báo với cô.

Và Viva đã trả lời: “Nếu chị chết, em sẽ chết cùng chị”.

Cô đã không làm như thế, thêm những cơn choáng váng nhuộm đầy màu sắc bội phản - cô có thể sống mà không cần có chúng.

Sau cái chết của Josie, chị gái cô được chôn cất trong một nghĩa trang quân đội, suốt nhiều tháng trời, Viva bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng Josie sẽ biến thành một bộ xương khô trong năm mô hoang lạnh áy. Cô đã nhìn thấy tận mắt những ụ đất mới tinh đắp quanh những tấm mộ chí nho nhỏ. Cô đã khiến mẹ phải bực mình khi quấy rầy bà bằng những câu hỏi kiểu như có bao nhiêu đứa trẻ đã qua đời được chôn trong nghĩa trang này. Có một cậu bé, cô nhớ lại, đã bị một con rắn độc cắn chết sau khi cô chìa tay về phía nó để hỏi han kết thân, thêm một đứa bé qua đời sau ngày Josie ra đi đúng một hôm bởi căn bệnh thương hàn quái ác.

Phải chăng cô đã hỏi quá nhiều? Cô phải hỏi. Hoặc giả mẹ cô không thể chịu được hình ảnh đứa con gái còn lại giống hệt đứa con gái đã lìa trần của bà, nhưng khuôn mặt áy, nụ cười áy lại không phải là Josie yêu quý, cũng có thể bởi bà đã cương quyết từ chối chấp nhận sự thật rằng Josie đã mãi mãi ra đi. Bà đã thì thào triệu triệu lời nguyện cầu. Bà mang theo chiếc váy ngủ của Josie lên giường hàng đêm, nhét một chiếc bánh quy xuống dưới tấm chăn trải giường để khi Josie quay về, chị áy có cái bỏ bụng; rồi bà lại tất tả đến với đền chùa miếu mạo, dâng tặng cơm và hoa trước các thánh thần, cho đến khi bà buông xuôi, từ bỏ niềm tin vào họ.

Không lâu sau đây, cô bị gửi vào tu viện. Trong ký ức nhập nhòa của mình, cô nhớ cô đến đây một mình - nhưng liệu có chắc chắn là không? Cô mới mười tuổi. Hẳn phải có một người đi kèm chứ. Tại sao mẹ lại không đến đây cùng cô? Bà có hôn lên trán cô lúc từ

biệt? Có những kỷ niệm đóng kín trong tâm trí bạn từ bao năm qua, bỗng một ngày trào lên biếm bạn thành một kẻ dốt i trách trước chính mình và trước mọi người. Frank đã đứng trong chuyện này, nhưng giờ thì cô bỗng chốc thấy nổi giận với anh vì đã đâm đầu - chính xác, đâm đầu là hai tiếng đứng đắn nhất trong hoàn cảnh ấy - vào những chuyện kinh hoàng, rất chính xác.

Khi chuyến tàu chỉ còn cách ga cuối chừng hai mươi dặm, cô chợt nhận ra lòng mình đang nức nở đến nghẹn ngào. Lẽ ra cô không nên đến đây, cô hiểu điều này, cô hiểu điều này hơn ai hết. Cô còn một ít thời gian để bình tĩnh trở lại, để kiểm soát bản thân, để lau khô dòng lệ, để xua tan những cơn nức nở bằng cách vẽ ra vẻ mình đang bị những cơn hen hành hạ. Bỗng nhiên cô thấy buồn ngủ, khi tỉnh dậy, người đàn bà ngồi đối diện đang vỗ nhẹ vào cánh tay cô để đánh thức. Con tàu đã đến ga cuối. Cô đã trở về Simla.

Bước chân xuống khỏi con tàu, cô đứng lặng giữa những vệt bùn đọng lại trên sân ga. Ánh mắt cô dán vào những rặng cây trĩu nặng tuyết phủ, một chú ngựa còm cõi khoác trên mình những lớp bao bố tả tơi đứng lặng dưới gốc cây chờ đợi khách đi xe. Mảnh đất duy nhất cô không bao giờ quên lãng.

Những bông tuyết nhẹ nhàng rơi xuống đậu lại trên mái tóc cô. Viva dõi theo bóng dáng người đàn ông gốc Anh lúc bảy giờ vẫn còn khoa chân múa tay truyện đạt kiến thức với vợ, cho đến khi anh ta mất hút trong chiếc taxi đang từ từ biến mất sau những rặng núi.

Phía trước mặt cô, ngay trên sân ngoài nhà ga, một người xà ích chạy xe ngựa hai bánh đang dõi theo cô chờ đợi. Người xà ích lấy chiếc chuông bằng bạc trong tay để thu hút sự chú ý của cô.

“Cô đang chờ đợi quý ngài của mình à?”, anh ta hỏi.

“Không”, cô trả lời, “tôi đi một mình. Tôi muốn đến địa chỉ này”, cô đưa cho người xà ích xem mẫu giấy ghi địa chỉ của Mabel Waghorn, “sau đây tôi muốn đến khách sạn Cecil”.

Khẽ cau mặt, người xà ích chăm chú nghiên cứu tấm bản đồ chỉ đường đến nhà Mabel Waghorn, khuôn mặt của anh ta tái xanh vì lạnh.

“Khách sạn Cecil thì được”, anh ta nói. “Còn nơi này không tốt cho cô tí nào”. Người xà ích trả lại cho cô tấm bản đồ. “Khu vực Lower Bazaar - không có người Anh nào sinh sống ở đây cả đâu”.

“Tôi không quan tâm”. Cô nói, rồi nhấc chiếc va-li của mình lên quẳng vào trong thùng xe trước khi người xà ích kịp thay đổi ý định. “Tôi cần phải đến đây. Ngôi nhà nằm trên con phố phía sau một tiệm giày Trung Hoa”, cô nói tiếp, nhưng người xà ích đã cầm sẵn giấy cương trong tay, vụt mạnh roi da vào mông ngựa. Chiếc xe lao về phía trước.

Chiếc xe ngựa chở cô chạy dọc con phố chật chội, tiếng thì thào của khách bộ hành vắng vắng khắp không gian: một người phụ nữ da trắng to béo, khoác trên mình bộ váy áo bằng vải len với hai màu nâu trắng chủ đạo nom khá hợp mốt cùng một chiếc khăn lông cáo ấm áp quấn quanh cổ, một nhóm sĩ quan quân đội đang túm tụm bên nhau, nhưng đến giữa ngày, cô bỗng ngạc nhiên khi chợt nhận ra không khí trở nên im ắng lạ thường.

Đến ngã tư kế tiếp, chiếc xe ngựa đột ngột dừng lại. Một con bò lang với một chiếc chuông đồng lủng lẳng trên cổ đang thản nhiên dậm chân trên đường thoai mái tống những đồng chát thái trong mình ra ngoài. Viva rướn đầu ra khỏi thùng xe, đập vào mắt cô là những biển hiệu ghi tên của những cửa hàng hai bên đường: Hệ

thông cửa hiệu Hoàng đế, Tiệm may nhà Ram, Cửa hàng quân đội, Hiệu may đồ nghề phục công sở, cửa hiệu Himalaya.

“Dừng lại!”, cô đã nhìn thấy một hiệu giày đế biên “Tiệm giày Trung Hoa Ta-Tung và Co”. Trên cửa sổ ken dày những đôi giày leo núi và những đôi ủng cưỡi ngựa xinh xắn, những đôi giày chơi polo, những đôi dép lê quai nhung êm mượt, đầu mũi dép đính những chùm lông cáo tua rua bất mất. “Vui lòng khách đế n”, trên một thân cây trước cửa hiệu là một tấm biển ghi câu đố. “Vừa lòng khách đi”, tấm biển đính trên thân cây đố i diện ghi rõ vẽ còn lại.

Cô cẩn thận quan sát tấm bản đồ thêm một lần nữa.

“Tôi có thể xuống đây”, cô nói với người xà ích, móc ví trả tiền cho anh ta. “Nhà bạn tôi nằm trên con ngõ phía sau hiệu giày này”.

Người xà ích lẩm bẩm câu gì đấy trong miệng rồi khẽ lắc đầu như thể cô sẽ sớm phát hiện ra sai lầm của mình khi tìm đến địa chỉ theo lời chỉ dẫn trong tấm bản đồ vẽ tay kia.

Cô đứng lạng giữa đường, cố gắng xác định phương hướng. Bên phải cô là một con phố mang đậm kiến trúc châu Âu khang trang, được chăm chút quét dọn sạch sẽ, với những bồn hoa nhỏ trồng dọc hai bên hè đường. Phía cuối những bồn hoa, dọc theo những bậc thang uốn lượn là khu phố của người dân địa phương, với những ngôi nhà cũ kỹ mọc xiêu vẹo trên những ngõ ngách chật chội chỉ chít những cửa hiệu ngập tràn ánh sáng.

Cô bước dọc theo dãy bậc thang đầu tiên.

Mình vừa phạm phải sai lầm ngớ ngẩn, cô tự nhủ, ngó nghiêng nhìn vào một cái hồ bản thủ nơi một ông già đang ngồi bên cạnh nhưn mắt nhìn ra giữa đường. Cô tiếp tục tiến về phía trước, bước qua một cửa hàng bán len tời tàn với những bao tải căng

phòng những cuộn len sáng màu để bảo vệ con người trước giá lạnh của băng tuyết. Cô cẩn thận nghiên cứu tấm bản đồ thêm một lần nữa, run rẩy và lóng ngóng bởi cơn lạnh thấu xương đang bủa vây quanh mình.

Mabel Waghorn, cô khá tự tin vào trí nhớ của mình trong chuyện này, từng là một giáo viên, hình như bà là hiệu trưởng thì phải. Có lẽ thông tin trong tấm bản đồ không chính xác. Đường phố quá xuống cấp, cũ kỹ, dậy mùi hôi hám. Bờ rìa, cô ngờ ngợ xuống một bậc thềm, bất chợt từ đây, cô nhìn thấy một ngôi nhà nhô lên khỏi những mái nhà lợp tôn xiêu vẹo, có thể đây là ngôi nhà cô đang tìm kiếm.

Tiến gần hơn, cô dừng chân trước một ngôi nhà hai tầng năm dựa lưng vào chân một ngọn núi, cẩn thận quan sát. Có lẽ không phải. Mặt tiền của ngôi nhà hướng thẳng lên những ngọn núi ở phía ngoài xa, tường vách trát vữa đã cũ kỹ, tróc lở nham nhở, ban công bằng sắt phía trên tầng thượng ken dày những thùng xô, túi quần áo, lồng chim, có cả một cái động cơ đã hỏng hóc của một thiết bị nào đó bị thải loại năm chông chơ giữa những vật dụng không rõ hình hài.

Cô tiến gần hơn đến trước cửa ngôi nhà, vẫn chưa tin lắm vào quyết định của mình, nhưng rõ ràng, dòng chữ “số nhà 12” được viết bằng sơn xanh trên cánh cửa được bọc bên ngoài bằng một lớp lưới hoen rỉ, trông giống hệt như cánh cửa dẫn vào phòng của những vị giáo sĩ thuộc dòng tu Carmelite ngày nào. Bên phải tấm lưới là một chiếc chuông đồng thò ra một mẫu giây giạt, phía dưới chiếc chuông là dòng chữ “Tôi ở tầng một” với những nét run rẩy của Mabel Waghorn. Cô mạnh dạn giạt chuông, không có ai trả lời.

Viva đứng chờ bên ngoài chừng năm phút, liên tục nhún nhảy hai chân, trời càng về chiều càng buốt giá. Những đỉnh núi phía ngoài

xa đã gập n như biế n mắ t trong màn sương mù dày đặc, bóng một con chim đại bàng sải cánh lượn trong câ m lặ ng ngang trên đầ u cô, Viva nhìn rõ cả mắ bắ nh mì bị quắ p chặ t trong chiế c mớ sắ c nhọn của con chim, trong khoảnh khắ c tĩ nh lặ ng đế n hoàn hảo ấy, cô chợt có cảm giác như đặ ng chìm đầ n vào dòng thời gian chợt đứ ng lặ ng quanh mình.

“Xin chào”. Ánh mắ t của bà già xuấ t hiệ n trước ngưỡng cửa mơ hồ nhìn cô như thể bà ta vừa mới dứt mình ra khỏi con ngủ miê n man. Chân trầ n không có tắ t xỏ trong đôi dép lê, một cơn gió khế lùa qua, chiế c áo choàng len đặ ng khoác trên mình bà già lay nhẹ để lộ ra vạt váy ngủ mỏng manh bên trong. Hai người đư a mắ t nhìn nhau, mắ t vài giây lưỡng lự, cuố i cùng Viva bắ t đắ c dĩ đầ nh tin bà già bạc nhượ c đặ ng đứ ng trước mặt cô là Mabel Waghorn câ n tìm. Không hiể u sao trong lâ n đầ u tiên nghe đế n cái tên của bà, trong đầ u Viva đã mừng tượ ng ra hình ảnh về một người đầ n bà khỏe khoắ n với chiế c vợt tennis trong tay, với đôi giầy bắ ng da đề đầ y sinh lực dưới chân, và một trí nhớ tuyế t vời luôn sẵn sàng tồ ng tộ c với cô từng chi tiế t nhỏ nhấ t nhấ t mà Viva đặ ng háo hứ c muố n đư o c tườ ng tậ n.

“Lạy Chúa lòng lành!”. Bà già lão đầ o bước ra ban công và nhìn xuố ng dưới đườ ng. Khi một chiế c dép tặ t ra, Viva nhìn thấ y một cắ ng chân khắ ng khiu với nhữ ng chiế c móng màu hồ ng quắ p chặ t vào nhữ ng thanh sắ t chạy dọc rào chắ n.

“Lạy Chúa lòng lành!”. Hai người vẫ n đư a mắ t nhìn nhau.

“Không!”. Bà giá há hồ c miệng, trộ n mắ t nhìn cô, đầ y xúc độ ng.

“Không! Không! Không!”. Cô gào lên, để tránh một kế t cục bi thắ m. “Tên cháu là Viva - cháu là con gái của bà ấy”.

Lập tức thần thái của bà Waghorn thay đổi. Bà già bỗng nhiên cảm lạnh. Có lẽ bà vừa có cảm giác mình đã bị đánh lừa, những tưởng đã nhìn thấy người bạn quá cố của mình, hoặc giả cũng có thể bà đã quá già để ứng biến nhanh nhạy với những việc bất ngờ vượt ra khỏi thông lệ của cuộc sống.

Bà gạt gạt chiếc dép còn lại dưới chân cho đến khi nó tuột ra ngoài.

“Tôi thành thật xin lỗi”, bà già lên tiếng, “nhưng tôi đã mời cô đến đây sao?”.

Vạt áo khoác của bà già khẽ lay động, để lộ đôi chân khẳng khiu như chân chim và hai ống quần buộc túm cũ kỹ. Viva thoáng rùng mình.

“Lẽ ra cháu nên viết thư trước khi đến đây”, Viva rôi rít xin lỗi. “Bác đã bảo cháu đến đây từ nhiều năm trước”. Bà già trước mặt đột nhiên đưa hai tay lên che lấy tai, Viva buộc lòng phải hét lên, “bác có phiền nếu cháu vào trong? Cháu không ở lại đây lâu đâu. Cháu xin lỗi vì đã làm bác sợ”.

Đôi mắt bà Waghorn vẫn chằm chằm dán vào cô, cứ như thể bà đang nhìn một bóng ma.

“Vào đi”, bà già tiếp tục mở miệng sau một hồi lâu im lặng. “Tôi sẽ bảo Hari xuống đón cô”.

Vài giây sau, Hari, một cậu bé với nụ cười dễ thương với chiếc áo choàng thắt ngang lưng kiểu Ca-sơ-mia khẽ kéo tấm cửa cột kẹt sang một bên, vẫy tay ra hiệu cho cô vào trong nhà. Cậu bé xách va-li của Viva lên rồi dẫn cô đi dọc hành lang chật chội chua lèm mùi phân mèo.

“Làm ơn bước theo cháu”, cậu bé thì thào với cô bằng giọng điệu của chủ nhà, những âm thanh vừa phát ra từ miệng Hari lập tức vang vọng khắp hành lang chật chội. “Bà Waghorn đang ở trên gác nghiên cứu”.

Câu thang dẫn lên tầng trên được thắp sáng bởi những ngọn nến đang leo lét cháy trên những chân đèn treo dọc vách tường, hệt như lối vào một nhà ngục thời Trung cổ, Viva nhủ thầm. Khi bàn chân vừa chạm vào bậc thang trên cùng, cô nghe thấy tiếng sủa ăng ẳng của một chú chó con, xen lẫn giữa những tiếng sột soạt của một cây gậy đang di di trên sàn nhà.

“Hari?”. Có tiếng gọi vang lên phía sau cánh cửa. “Phải cô à ỹ không? Ta ở trong này”.

Hari trao cho cô một cái nhìn bí ẩn, láu lỉnh như muốn nói, “cô đang chuẩn bị được thiết đãi”. “Vào đi”, cậu bé nói. “Bà à ỹ đang chờ cô ở trong”.

Vừa bước chân vào, cảm giác đầu tiên trong cô là căn phòng hơi tối, Viva nhẩm chòng quành áo trên chiếc ghế trong góc là bà Waghorn. Sau một lúc điều chỉnh, khi đôi mắt cô đã quen dần với bóng tối, Viva mới nhìn thấy bà già đang ngò ỉ lù lù trước chiếc lò sưởi chạy bằng dầu hỏa. Phủ phục trong lòng bà già là một chú chó bé tí, nhăn nheo như một con dơi với đôi mắt ướt nhoẹt đang thăm thẳm nhìn cô.

“Mời vào”, bà già ra hiệu cho Viva. “Và ngò ỉ xuống chỗ nào tôi có thể nhìn thấy cô à ỹ”.

Bà chỉ tay vào chiếc tràng kỷ cũ mềm đã vỡng xuống, một chòng giá ỹ tờ sổ sách chắt ở một đầu ghế. Giọng nói của bà già, dẫu đã hỏn hỏn, nhưng vẫn đầy quyề n uy.

Hai người đàn bà đưa mắt nhìn nhau, im lặng.

Viva dặn lòng cô giữ bình tĩnh, tránh không kích động. “Cháu là con gái của Alexander và Felicity Holloway. Bác còn nhớ cháu nữa không? Bác thật tốt bụng khi nhiều năm trước đã viết thư thông báo cho cháu biết về chiếc rương mà bố mẹ đã để lại. Cháu xin lỗi vì đã lâu lắm rồi mới đến đây nhận nó”.

Ánh mắt bà già nhìn cô, thoáng sợ hãi, hệt như cái nhìn đầu tiên khi bà trông thấy cô từ trên ban công. Bàn tay bà khẽ vỗ nhẹ lên vòng cổ chú chó tí hon đang gặm gù trong lòng như thể tìm kiếm sự chở che từ nó.

Viva nhìn chằm chằm vào đôi mắt ánh nắng những nước của bà già, trong cô chợt trào lên cảm giác hào hứng muốn khơi gợi để bà già trước mặt kể cho cô nghe về công việc giáo viên của bà ta nơi đây, sau đó cô cũng sẽ kể lại cho bà nghe về mái ấm tình thương của mình ở Bombay, nhưng ý nghĩ vừa chớm dậy lên trong đầu lập tức vụt biến mất.

“Cô có lạnh không?”, ánh mắt đầy khiêu khích của bà Waghorn từ lúc Viva đặt chân vào đây đến giờ đã bớt dữ dằn hơn một chút. “Nếu thấy lạnh, cô có thể vịn lớn sợi bấc trên chiếc bệ p da, hoặc vỗ vỗ vào nó vài cái. Thực ra, cô có thể tỏ rõ thiện ý của mình. Sợi bấc cần được xén tỉa lại cho gọn gàng, gòn chỗ bệ p da có mấy cây kéo đây”.

Viva quỳ gối trên sàn nhà, cô cảm nhận được những hạt sạn vương vãi trên sàn nhà qua lớp tã lót xỏ dưới chân. Chiếc bệ p da đầy đặn và liên tục nổ lép bép, bắn ra ngoài những cuộn khói đen kịt cay xè.

“Cháu cũng có một chiếc như thế này ở London”. Cô nhấc chiếc chụp đèn thủy tinh ra ngoài và thò kéo cắt đứt phần bấc

đèn đèn xin cũ kỹ, sau đấ y vụn nát cho lửa nhỏ lại. “Việc này đòi hỏi phải khéo léo một chút. Của bác xong rồi đây”. Sau đấ y cô vụn bấ c cho sáng như cũ, một vòng lửa vàng rộm vụt trỗi dậy, rạng rỡ và ấm cúng. “Nên làm như thế”.

“Ôi, cảm ơn rất nhiều, cô gái”. Đôi mắt của bà Waghorn lại rung rung, rớm nước. “Cái loại khói dầ u khủng khiếp. Cô gái mới tốt bụng làm sao. Tôi xin lỗi vì đã khiế m nhã với cô từ đầ u. Cô biế t đấ y, người ta liên tục cử cánh đàn bà con gái ở câu lạc bộ đế n đây thuyế t phục tôi”.

Viva quay người lại đố i diện với bà già.

“Bác có chấ c là không còn nhớ cháu nữa không?”, cô hỏi. “Cháu là con gái của Felicity. Bô ́ cháu là ông Alexander Holloway, một kỹ sư hỏa xa. Lầ n đầ u tiên bác cháu mình gặp nhau là năm cháu lên tám hay chín tuổi gì đấ y. Cháu nhớ - đạo ấ y cháu hơi sợ bác bởi bác là hiệu trưởng”.

“Chính xác. Cô gái nói đúng. Tôi từng là hiệu trưởng ở đây bao nhiêu năm qua”. Nhấ c đế n trường học, đôi mắt bà già vụt sáng long lanh, thầ n thái của Waghorn trở nên hoạt bát hơn hẳn. “Chồ ng tôi, ông Arthur ấ y, hai chúng tôi đã thay nhau quản lý tấ t cả: bô ́ n mươi học sinh nội trú, ba mươi học sinh ngoại trú, bao gồ m cả trẻ Anh lẫn Á n. Ngôi trường có tên là Wildhern. Một nơi tuyệt vời. Đấ y cũng là nơi tôi gặp Hari.”. Đột nhiên bà im lặng, đưa tay chồ ng cắ m ra chiề u suy tư, đôi mắt bà già vẫn dán chặt vào cô, đầ m đầ m. Một lúc sau, bà nhấ m nghiề n cặp mắt, mơ màng. “Cô biế t không, tôi không nghĩ mình còn nhớ cô. Tôi xin lỗi. Có quá nhiề u học trò”.

“Không sao đâu ạ”, Viva nói. “Là lỗi của cháu. Tấ t cả là lỗi của cháu”.

Khuôn mặt của bà già tội nghiệp bỗng chốc trở nên đau khổ, Viva hiểu nếu cô không giúp Waghorn kiếm chế bản thân, bà già sẽ òa khóc nức nở, lúc bấy giờ không khí trong căn phòng bé nhỏ này chắc chắn sẽ không thể chịu đựng nổi.

“Bác đã cố gắng hết sức, bác đã viết thư cho cháu. Lẽ ra cháu phải đến đây sớm hơn”.

“Ôi trí nhớ tồi tệ của tôi”, bà già rên rỉ, “nhưng Felicity thì tôi nhớ. Một phụ nữ đáng yêu. Tôi sẽ kể cho cô nghe về cô ấy khi tôi hết mệt, được không?”.

Con chó của bà già bắt đầu sục sạo tìm kiếm dưới chõng nệm gỗ. Sau một hồi chúm mũi, nó lôi ra một chiếc áo nịt ngực màu hồng nhạt, một cái chuỗi dao bấm đầy bụi và một miếng mút độn ngực. Viva nhét những món đồ xuống lại dưới tấm nệm, hoan hỉ vì bà già có vẻ không nhìn thấy hành động vừa rồi của cô.

“Cháu e mình đã khiến bác mệt mỏi”, cô nói. “Có lẽ cháu sẽ quay lại vào ngày mai”.

Bà già liếc cô rồi đưa mắt nhìn chiếc đồng hồ đeo tay được bà cài trên túi áo. “Không”, bà xua tay. “Ở lại đây dùng với tôi tách trà, tí nữa Hari sẽ quay vào, nó đi đâu rồi nhỉ?”.

Waghorn bắt đầu ho rũ rượi, những âm thanh đau đớn. Viva nhìn quanh chỗ bà già ngồi, một chõng sách báo cũ, những chiếc đĩa nhạc bám đầy bụi bặm, một chiếc gạt tàn xỉn màu. Chiếc bếp dầu đã thôi không nhà khói mù mịt như trước.

“Xin lỗi cô gái”. Bà già đã dứt cơn ho, lấp bắp. Run rẩy lau miệng bằng một chiếc khăn tay khá rộng, lộ mớ đốm những vết bẩn bám trên mình, đoạn nở với cô một nụ cười đôn hậu. “Chuyện này giống như một trò đùa thú vị của số phận, một cô gái xinh đẹp

xuất hiện trước ngưỡng cửa trong một buổi chiều u ám. Thú thật với tôi đi nhé, có phải cô đang rất mệt mỏi?” Dứt lời, bà già xoay mặt vào cô như thể đang chăm chú đếm từng lỗ chân lông trên khuôn mặt của Viva. “Giờ tôi mới nhìn kỹ lại cô”, sau một hồi im lặng, bà già tiếp tục, “trông cô chẳng giống Felicity như tôi vẫn nghĩ, cô giống bố nhiều hơn”.

Viva gật đầu như nín thở, đúng lúc ấy cánh cửa bật mở, Hari xuất hiện với một khay trà trĩu nặng trên tay, bà Waghorn lập tức bị sao nhãng, đánh mất dòng suy nghĩ vừa chớm nhen lên trong đầu. “Scrummy!”, giọng bà già hơi cáu. “Đặt nó ở kia”. Bà chỉ về phía chiếc ghế đầu có thành ghế hình bưôu lạc đà.

“Ta vừa nói chuyện với cô gái trẻ này”, bà già quay sang giải thích với cậu bé, “rằng ta đã dạy cậu ở Wildhern. Giờ thì ta không thể sống mà không có cậu bé”, bà nói với Viva. “Nó là một quý ngài thuộc về tự nhiên”.

Hari bắt hai tay vào nhau, khẽ cong đầu hướng về phía bà Waghorn.

“Bà ấy là cô giáo của cháu”, cậu bé nói với Viva. “Cô giáo trọn cả cuộc đời”.

“Ôi, trà cậu bé mang cho chúng ta nom mới tuyệt vời làm sao”. Bà Waghorn có vẻ khá xúc động trước những chiếc bánh kẹp mút, hai miếng bánh ngọt trái cây, một bình trà lớn bằng bạc đã xin màu cùng hai chiếc tách bằng sứ màu ngà. “Và nhớ”, bà già nghiêm nghị, “bỏ vào khay con dao cắt bánh nữa”.

“Xin lỗi vì thiếu sót”. Bà già run rẩy rót trà vào tách rồi chuyển cho Viva. Lốp sữa lập tức tan rã thành những giọt béo ngậy. “Tôi ghét cay ghét đắng sữa trâu”, bà già nói. “Một niêm khao khát đơn giản dành cho một tách trà tao nhã. Giờ thì nói cho tôi biết vấn đề của

cô đi”, bà già lên tiếng sau khi Hari rời khỏi căn phòng, chỉ còn lại hai người. “Cô đứng về phía nào trong vấn đề Án Độ? Nhưng trước hết tôi phải nói với cô điều này”. Bà già đặt tách trà của mình xuống, đưa ngón trỏ lên ngang mặt làm ra vẻ những gì sắp được bà nói ra sau đây hết sức quan trọng. “Cô đã thấy Hari. Cô thấy nó là một thằng bé trong sáng, một gia đình tốt đẹp... Nó từng là một học sinh xuất sắc, một trong những đứa xuất sắc nhất mà chúng tôi từng đào tạo, thế nhưng công việc thích hợp mà nó nhận được kể từ khi rời khỏi trường học chỉ là nghề xà ích hoặc làm một kẻ tô tó - cô biết đấy, gia đình nó không có tiền”. Đôi mắt của bà Waghorn lại rớm nước. “Nó trăn an tôi là nó không lầy làm phiền lòng, nhưng trong thâm tâm, tôi thấy mình bị xúc phạm bởi điều này, cô có thấy thế không?”.

“Tất nhiên là cháu cũng thế”, Viva trả lời. “Đấy là sai lầm”.

“Ừm, tốt. Đồng ý với tôi trong chuyện này. Cô có thể ở lại dùng bữa tối với chúng tôi nếu thích. Tôi đã đề cập chuyện này với những bà già ở câu lạc bộ từ nhiều năm trước. Những bà già khủng khiếp. Bọn họ nghĩ tôi mới từ trong rừng ra, giờ thì bọn họ bắt đầu cho người từ bệnh viện đến thuyết phục tôi cơ đấy”.

Có vẻ như bà Waghorn bắt đầu bị xúc động trở lại.

“Cháu không liên quan gì đến bọn họ cả”, Viva dịu dàng nói. “Cháu hứa với bác, và cảm ơn nhiều về lời mời ở lại dùng bữa tối, nhưng hôm nay thì không được. Cháu phải quay về khách sạn để tắm rửa, trời đã sắp tối rồi”.

Cô nhìn qua ô cửa sổ trên đầu Mabel Waghorn, bầu trời đã chuyển sang màu tím sẫm, tuyết bắt đầu rơi dày, trắng xóa bên ngoài.

Cô rướn người về phía trước, khẽ nắ m lắ y bàn tay của bà già. Bàn tay nhắ nheo nhẹ bằng như một chiế c lá, đượ mừi khô i thuố c.

“Nế u có thể, sáng mai cháu sẽ quay lại”.

Bà già nhìn cô.

“Đừng đế n sớm quá”, bà nhắ c. “Tôi và Hari còn phải đọ sách vào buổi sáng”.

“Cháu không hề muố n gây xáo trộn thói quen hắ ng ngày của bác”. Khi Viva đứng dậy và thọc tay vào túi áo khoác, cô chạm phải chùm chìa khóa lạnh ngắ t rồ n rắ ng kêu trong đầ y. “Nhưng cháu không ở Simla lâu, nên cháu rắ t muố n đượ nhận lại chiế c rương của bố mẹ mình. Đầ y là lý do vì sao cháu đế n đây”. Cô nhìn thắ y vẻ bố i rồ i xen lẫn ngỡ ngắ p cuộn lên trong đôi mắ t mờ đục của bà già”.

“Ôi Chúa ôi, tắ t nhiên, tắ t nhiên rồ i. Chúa ơi! Để tôi nghĩ xem”.

Bà già đặt tách trà xuố ng, rồ i đư a ngón tay khắ ng khiu lên thái dương của mình ra chiề u suy nghĩ, Viva tự hỏi không biế t liệu cái bản tính hay quên vừa đượ Waghorn thể hiện có phải là chiế n thuật của bà già hay không. “Tôi hy vọng mình có thể tìm thắ y cái vật chề t tiết á y”, cuố i cùng bà già nói. “Tôi đã nói với cô về dịch kiế n lửa kinh hoàng xảy ra hầ i năm ngoá i chưa nhi?”.

Có thể lũ kiế n lửa đã gặ m nhắ m toàn bộ chiế c rương, nơi lưu giữ hàng chục năm trời kỷ niệm, nơi cá t giá u cả cuộc đời bố mẹ cô.

“Tôi nay cháu ở tại khách sạn Cecil”. Viva cô giữ bình tĩnh, chừn g mự c. “Mười một giờ sáng mai cháu quay lại có đượ không?”.

Không có câu trả lời. Mái đầ`u của bà già nghiêng ngả dụi vào cửa tủ, đôi mắ`t nhắ`m nghiê`n. Khi Viva đứng dậy, Hari đã chò sẵn trước cửa phòng để dẫn cô ra ngoài.

Chương 55

“Cô có thể giết một người nhưng cô không thể giết chết một cuộc đời”, bà Waghorn đã nói với cô như vậy vào lúc mười một giờ mười trong buổi sáng hôm sau, không lâu sau khi Viva xuất hiện trở lại trong căn phòng chật chội của bà. “Tôi và Hari”, bà già nói với cô, “vừa mới đọc xong vài chương trong cuốn sử thi Mahabharata, cuốn sách hai người vẫn cùng nhau đọc vào mỗi buổi sáng”.

“Cô có biết cuốn sách đấy không?”, bà già hỏi Viva. “Đấy ấ p những tư tưởng quý giá nhất trên cõi đời này. Không phải là chân lý của cuộc sống”, bà Waghorn nói tiếp, “nhưng nhất định là một trong những chân lý”.

Rõ ràng cuốn sách có vẻ đang gây phẫn khích cho bà. Trong buổi sáng mùa đông xám xịt như hôm nay, bà già khoác lên người một chiếc áo xuềnh xoàng loại vẫn thường mặc ở nhà màu da cam sặc sỡ, không quên thoa lên người vài giọt hồ phách thoảng hương xưa cũ. Thậm chí, bà già còn đánh nhẹ một lớp phấn hồng lên đôi má nhăn nheo của mình.

“Hôm nay tôi phải nhanh nhẹn lên mới được”, bà già nói với Viva khi tất tả tiến ra ngoài phòng khách được trang trí giản dị với một nhánh hoa giấy đỏ trên chiếc ghế tựa có lưng hình bươu lạc đà. “Hôm qua tôi đã huyền thuyên quá nhiều về bản thân mình. Hôm nay tôi muốn được nghe chuyện của cô”.

Bà già vòng hai tay trước ngực, Viva đọc được những cảm xúc bình tĩnh pha lẫn bối rối đang cuộn lên trong ánh mắt của bà Waghorn.

“Hắn hôm qua bác đã rất choáng váng”, Viva nói với bà Waghorn. “Chuyện đã xảy ra cũng là bởi sự thôi thúc của tình thế”.

Bởi sự thôi thúc của tình thế. Phải chăng đây là lỗi diễn đạt tuyệt vời nhất trong hoàn cảnh này? Có phải đây là lời của Shakespeare? Bà già khẽ héch một bên đầu lên hết như một chú chim đang chăm chú quan sát. “Xát muôi vào vết thương, bóp nghẹn trái tim người khác, khiến mọi chuyện trở nên quá xa. Liệu hôm nay cô còn muôn nó nữa không?”. Đôi mắt bà già vụt trở nên mơ màng, lơ đãng một màu khói. “Chính là điều xấu xa bản thiêu nhất nơi đây”.

“Muôn gì kia ạ?”.

“Ôi Chúa ơi, tôi quên không nói với cô à?”, giọng bà Waghorn ngập ngừng. “Chúng tôi đã tìm thấy nó. Chiếc rương ấy. Hay ít nhất thì Hari cũng cho rằng nó chính là chiếc rương cô cần tìm. Tên của mẹ cô khắc trên thân rương”.

Tim Viva đập rộn ràng. “Bác có chắc đây chính là nó không? Bác đã mở nó chưa?”.

“Không. Tất nhiên là chúng tôi không mở. Đây không phải là trách nhiệm của chúng tôi”.

“Thế bây giờ nó ở đâu?”.

“Trong phòng chứa rương hòm thùng thiếc dưới kho. Cả ngày hôm qua tôi đã rất lo lắng, Hari đã phải mất hàng tiếng đồng hồ - tất cả mọi người trong ngôi nhà này đều quẳng rác rưởi của bọn họ vào đây. Nhưng Hari đúng là một cậu bé tuyệt vời, nó không hề hé miệng phàn nàn. Chiếc rương hơi dơ dáy một chút, tôi e là vậy”.

“Không sao đâu”, Viva nói. Lúc này cô còn chẳng biết mình nên vui hay nên buồn.

“Cứ đến thời điểm gió mùa về là phòng chứa đồ lại bị ngập, tôi đã không xuống đây từ nhiều năm nay”. Bà già thở hắt.

“Làm ơn”, Viva mê mẩn, “cháu không trách cứ gì bác - bác đã rất tốt bụng khi vẫn còn giữ chiếc rương đến tận bây giờ”.

Bà già ngó xuống ghế, khẽ di di đôi dép xỏ dưới chân trên sàn nhà, tiếp tục chìm sâu vào cõi mộng của riêng bà.

“Nếu cô không phiền”, sau một hồi lâu im lặng, bà già tiếp tục lên tiếng, “tôi sẽ không xuống đây cùng cô. Hari sẽ dẫn cô đi, sau đây nếu thích cô có thể ở lại dùng bữa trưa với hai chúng tôi”.

Nghe bà già nói, Viva bỗng thấy cô nạo trong bụng. “Để cháu xem chuyện này sẽ mất bao lâu đã”, cô nói. Cô nghe thấy tiếng những que diêm sột soạt trong chiếc hộp, đôi mắt mờ đục của bà Waghorn chột long lên rồi từ từ chìm vào cõi xa vắng.

“Tất nhiên”, bà già lắm bảm. “Chúc may mắn”.

Viva theo chân Hari bước ra khỏi ngôi nhà, cô ngẩng đầu nhìn lên bầu trời bàng bạc một màu ngọc trai hoang lạnh, bóng những con quạ đen kịt vụt chao qua trong tầm mắt. “Hôm nay có vẻ trời lại tiếp tục lạnh lẽo”, cô hồ hững nói. Cô đang run rẩy, và Viva không muốn cậu bé nhìn thấy điều đó.

Hari nhẹ nhàng giải thích cho cô hiểu về căn phòng chứa đồ. “Rất nguy hiểm khi bước chân vào đây”, cậu bé nói, nhanh nhẹn bước chân qua một chiếc xe đạp. Thực ra trong khuôn viên ngôi nhà cũng có một căn phòng với chức năng tương tự. Hari dẫn cô tiến đến trước một lối mòn nham nhở ổ gà vòng quanh ngôi nhà.

Một gian nhà kho xiêu vẹo, mỏng manh xuấ t hiện trước mắ t Viva, những tá m bản lờ to bản bắ ng sắ t chắ c chắ n đính trên cánh cửa, một tá m đã rơi đính, treo lủng lẳng. Hari nâng sợi dây quấ n quanh thắ t lưng lên, lầ n tìm đế n chiế c chìa khóa buộc chặt trên đầ y và mở khóa cửa. Không gian u ám mờ tồ i bên trong gian nhà kho chật chội thum thum như mùi bùn tậ n cùng dưới đầ y ao.

“Xin lỗi, làm ơn chờ một chút”, Hari nói với cô rồ i quay ra đóng chặt cánh cửa sau lưng hai người. Xong xuôi, cậu bé quẹt diêm châm ngọn đèn dầ u mang theo trong tay. “Trong này khá tồ i, và nhan nhản những người bạn lông thú ả n nấu”.

“Cái gì kia?”, Viva ngó ngắ n hỏi lại.

“Chuột”, Hari gọn lỏ n.

Từ khi đặt chân vào nhà kho, Viva đã hắ t hơi mắ y lầ n. Khi cậu bé giơ cao ngọn đèn trong tay, cô nhìn thắ y những cuộn rơm khô nhò nhò màu vàng nhạt nắ m lẫn lỏ c giữa sàn, những cuộn rơm đố ngôn ngang vẫn còn nồ i với nhau bởi một sợi dây thừng đã mục. Một luồ ng ánh sáng yế u ớt từ bên ngoài lọt vào qua lỗ hỏ ng trên trầ n nhà, khi đôi mắ t đã quen dầ n với bóng tồ i trong nhà kho, Viva nhìn thắ y một cái thang gắ y chân đượ c chắ t trên đố ng cỏ khô phía trong góc nhà, cả những gói đen đen trông giố ng như những bọc quầ n áo.

“Làm ơn bước theo cháu”. Ngọn đèn dầ u trong tay Hari đã khuấ t sau đố ng cỏ khô, tiế n gầ n tới nửa sau của gian nhà, Viva bắ t đầ u có cảm giắ c nhầ y nhựa uớt át không rõ ràng ở dưới chân, cuố i cùng cô nhìn thắ y những vật hình khô i màu trắ ng hiện ra trong bóng tồ i, có lẽ là những món đồ ì nội thắ t cũ kỹ, bên trên đố ng đồ ì là mắ y chiế c va-li nắ m chỏ ng chơ.

“Phải những chiếc kia không?”, cô buột miệng. “Tôi được thông báo chỉ là một chiếc rương thôi mà”.

“Làm ơn”. Hari chỉ tay lên phía những chiếc va-li. “Cháu phải bỏ chúng xuống”.

Cậu bé đứng im chờ cho cô bước qua một bó câ`n câu, vài chiếc vợt tennis cũ kỹ nằ`m lẫn lóc bên cạnh. Phải mắ`t vài phút để mắ`t Viva điề`u chỉnh cho thích hợp với ánh sáng tù mù trong góc phòng. Khi đã nhìn rõ mọi vật, Viva đột nhiên thấ`y khó thở, cô hỏn hển. Chiếc rương lớn xộc xệch trước mặt cô như một cỗ quan tài vừa được moi lên từ lòng đấ`t, nằ`m im lìm trên chiếc bàn chân thấ`p đóng bằ`ng gỗ thông hay gỗ tùng gì đấ`y, bụi bặm lẫn rêu mố`c bám dày bên ngoài chiếc rương, trên nắ`p, ai đấ`y - hẳn là Hari tồ`t bụng, để tạo ra đôi chút cảm giác giố`ng như một nghi thức - đã đặt một bông cúc vạn thọ còn tươi nguyên màu nắ`ng.

Khi Hari đặt cây đèn lên nắ`p rương, cô nhìn thấ`y lớp rêu bám bên ngoài mặt rương lắ`m tắ`m ướt, nom giố`ng hết như một vật thể sô`ng.

Hari lúi xuô`ng đứng bên cạnh cô, lịch sự, bình thản. Viva hít một hơi thật sâu.

“Cuố`i cùng thì cũng tìm thấ`y”, cô nói với cậu bé. “Phải mắ`t một thời gian rấ`t lâu tôi mới chạm chân vào khoảnh khắ`c này”.

Ôi mẹ! Cả Josie yêu quý nữa - con đã để mọi người lại nơi này quá lâu.

Cô ghen ngào, nhịp thở cuố`ng quýt rồ`i loạn như có gió lùa qua những kẽ hở giữa các tế` bào phổi. Cô không hê` muố`n cảm giác mình giố`ng như một kẻ trộm mộ trào lên trong lòng mình.

Viva lôi chùm chìa khóa ra khỏi túi áo. Vật gì nom giông như một mẩu que hay phân chim đã đóng khô dính trên ổ khóa, khi cô vừa dứt chiếc chìa vào ổ, ngay lập tức nó mắc kẹt trong đây. Cô nhấc tay đẩy mạnh chiếc chìa vào sâu trong ổ, có vẻ ổ khóa chứa đầy gỉ sắt và mạt giũa.

“Tôi cần cậu giúp, Hari”, cô nói. “Ổ khóa bị kẹt”.

Có tiếng kim loại xào xạc mỏng manh vang lên trong bóng tối khi cậu bé tiến lên phía trước.

“Chuột đúng là một lũ động vật chỉ mang lại phiền hà”, Hari mê mẩn nói với cô. “Làm ơn, thưa quý cô, cần giúp ngọn đèn, tôi sẽ mở nó hộ cho cô”.

Cậu bé hết lực chiếc chìa khóa sang phải rồi lại sang trái, rồi bất ngờ nhấc mạnh tay.

“Lùi lại, thưa cô chủ, làm ơn lùi lại”, cuối cùng cậu bé nói. Hari rút con dao nhọn đang giấu trong vỏ da áp chặt bên túi áo ra ngoài rồi thọc vào dưới nắp rương. Một chân cậu bé duỗi ra sau dấn vào vách tường, Hari rướn người hướng về phía chiếc rương. Cả hai đồng thanh kêu lên khi nắp rương bật mạnh bay khỏi chiếc bàn.

Đưa mắt nhìn vào lớp áo quần cũ kỹ trong chiếc rương, Viva cố giữ lòng mình thật nhẹ nhàng và thanh thản. Cuối cùng cô cũng tìm thấy nó, sau bao nhiêu lặn lội xa xôi: chiếc rương thừa kế cũ kỹ của gia đình. Cánh chim hải âu khổng lồ của riêng cô.

“Tôi chắc là chẳng có gì ở trong này”, cô cáu kỉnh nói với Hari. “Tôi sẽ tìm xem ở dưới có gì rồi đóng lại, nhanh thôi”.

Viva muốn cậu bé để cô lại một mình trong này, nhưng Hari vẫn im lặng đứng ngay bên cạnh. Tim Viva đập rộn rã khi những ngón tay

cô chạm phải vật gì trơn ướt bên trong chiếc rương. Một chiếc áo len dài tay nhóp nháp, mấy chiếc tất đôi, một cặp quần chơi cric-kê rách tả tơi, một chiếc chăn lông vịt với những họa tiết hình cánh hoa vương vãi phân chuột trên mình. Cô thọc tay sâu hơn xuống dưới, mùi ẩm mốc lẫn với mùi long não xộc lên tận mũi, tiếp theo là mùi xú uế - mùi chuột chệch? - bốc lên nồng nặc. Tay cô chạm phải vật gì đá y cứng cứng và lạnh. Là một cái túi đeo sau yên xe đạp - của bố cô, Viva thà đoán, ngay cả khi trước đây chưa bao giờ cô nhìn thấy nó. Bên trong chiếc túi chứa một cái cuốc chim tí hon đã hoen rỉ, loại vẫn thường được dùng để cày đất đá mả c kệt giữa móng ngựa, một chuỗi hạt và một ít đồng xu đã xỉn mờ màu bạc. Bên dưới cái túi là một tấm bảng Parcheesi, ẩm ướt và mòn vẹt quanh bốn góc. Khi Viva đưa tay lên, lập tức tấm bảng vỡ vụn thành từng mảnh trong tay cô.

Ôi gia đình thân yêu, con vẫn cố hết sức để không phải phiền lòng hay khấ c khoái mỗi khi nghĩ về người. Đã quá muộn! Quá muộn mà t rồ i.

Hari nhìn cô, ánh mắt đã y lo âu.

“Cậu có thể ra ngoài để mặc tôi ở lại một mình được không?”, cô hỏi.

“Tất nhiên”, Hari trả lời. Cậu bé đã cảm thấy bứt căng thẳng. Hẳn nó phải biế t, hay ít nhấ t cũng cảm nhận được, điề u gì đang xảy ra trước mắt mình. “Cháu sẽ để đèn lại cho cô, sau đấ y ra ngoài và khóa cửa lại, cô có thể an toàn ở trong này. Khi nào thì cháu có thể vào lại?”.

“Khoảng nửa giờ thôi, cảm ơn cậu, Hari”, cô trả lời. Có gì đấ y trong cô như thôi thúc, như giục giã Viva thố t lên những lời: để cảm ơn Hari vì thái độ lịch thiệp của cậu, vì bản tính thâm trầ m ít nói của

cậu, vì đôi mắt đã y ấ p âu lo mà cậu bé đã dành cho cô... nhưng cánh cửa đã nhanh chóng khép chặt sau lưng Hari, tiếng đé giày của cậu bé mỗi lúc một nhẹ dần trên những bậc thang hướng lên trên.

Còn lại một mình trong bóng tối, cô tiếp tục đấu tranh với nỗi sợ hãi đang bóp nghẹn trong lòng. Cô đã rời xa đủ lâu để không còn thấy hoảng loạn, nhưng mùi chua nồng đang dậy lên quanh mình, những lớp quần áo ẩm ướt từng khoác trên mình những người thân yêu giờ đang chảy dài trong tay cô khiến Viva cảm thấy kinh hoàng. Những chiếc quần cưỡi ngựa với những hàng cúc sút chỉ, chiếc mũ bấc đi nắng ngả màu, chiếc áo khoác thêu chỉ kim tuyến màu xanh tuyệt đẹp với một vết ó vàng dính trên cổ áo; chiếc váy ngủ của Josie, chiếc váy ngủ may từ loại vải sa tanh đã biến chất cứng đờ trong tay cô, một hộp thiếc nhỏ nhỏ vẫn còn một mẫu nùi bông thoa phấn nặm im lìm bên trong, một gói giấy chứa những bức thư, nét mực đã ngả màu nhòe nhoẹt bởi hơi ẩm.

“Chỉ là một mớ hỗn loạn”, cô gằn như gào lên với chính mình.

Những ngón tay cô lướt quanh vật gì tròn tròn, mềm mại hết như một xác ướp, có lẽ là một cái khăn lau khô bát đĩa. Cảm giác mềm mại trong tay gợi cho cô nhớ lại cái lần đầu tiên Viva mở lớp quần áo mặc bên ngoài Susie, con búp bê yêu thích của Josie. Josie đã yêu đến nhường nào món đồ chơi nhếch nhác với đôi chân bó chặt thò ra dưới vạt váy dài may bằng loại vải bông kẻ sọc ấ y, Viva nhớ lại. Cô đã từng có lần ghen tị với nó: Josie chỉ suốt ngày huyền thuyên chuyện trò với con búp bê yêu của mình, thậm chí còn cãi vã và đánh mạnh vào đầu nó, rồi lại dễ dàng đặt nó lên toa xe đồ chơi bé tí tẹo, âu yếm đặt nó lên giường khi màn đêm buông xuống, trước khi lui gót còn kịp buông chiếc màn bé xíu che muỗi cho Susie, cứ như thể con búp bê nhà nhấ y là em gái của mình chứ không phải là cô.

Một lần Josie đã bỏ quên Susie trên xe lửa, cả gia đình cô phải chờ trên sân ga hầm hập nóng hàng tiếng đồng hồ trong khi một người hầu quay trở lại toa xe để tìm con búp bê cho chị cô. Hôm ấy, một cuộc khải chiến đã nổ ra giữa bố mẹ cô cũng chỉ vì Susie của Josie.

Viva tân ngân cầm con búp bê bé nhỏ trong tay, có những vết rách lơ xơ trên cổ tay của Susie, có lẽ là vết răng chuột cắn xé. Gần như toàn bộ lớp bông gạo lót bên trong đã chảy dòn xuống dưới hai đầu gối của Susie. Khi cô bóp chặt tay, có tiếng lép bép nổ ra kéo theo một mùi hôi thối bốc lên mũi. Thật kinh khủng. Nước bọt tứa ra trong khoang miệng cô. Vào cái đêm Josie về trời, Susie vẫn nằm gọn trong cánh tay chị cô. Đến giờ này cô vẫn còn ám ảnh bởi tiếng thét phát ra từ trên giường của Josie, tiếng thét lạnh lạnh tưởng chừng kéo dài đến bất tận, xoáy vào tai người nghe, khiến ta cảm thấy buồn nôn, tiếng thét như muốn nói “Làm gì đi, mẹ! Cứu con”. Suốt cả buổi tối hôm ấy, những bước chân rậm rạp tấp tễ lên xuống những bậc cầu thang, đến tờ mờ sáng hôm sau, tất cả đều bơ phờ đến rũ rượi. Người vú em đã đánh vật cả đêm để ngăn không cho những âm thanh giã rết gan thoát ra từ phòng Josie lọt vào tai Viva bằng cách đưa tay bịt chặt hai tai cô, nhưng rồi Viva sau một hồi giãy giụa phản đối cuối cùng đã chui tọt vào trốn trong chiếc tủ quần áo kê sát vách tường kế bên phòng ngủ của Josie. Sau này, có nhiều lúc giữa đêm khuya, cô lại vắng vắng nghe thấy những tiếng thét yếu ớt nhạt nhòa vọng đến, tiếp theo là những tiếng chửi chửi nghe giống như tiếng thỏ xoáy vào tai, rồi không gian lại im ắng đến nao lòng. Vì Chúa, ai đây hãy làm gì đi! Tiếng thét gào của mẹ cô xé tan màn đêm sâu thẳm, hét như những tiếng gào thét đau đớn của loài vật hoang vắng đêm đêm vọng ra từ trong rừng già, những âm thanh hãi hùng, đáng sợ đến tận tận lòng. Cuối cùng chỉ còn lại tiếng đóng sập đanh gọn của cánh cửa gỗ khép chặt sau lưng.

Josie, ôi Josie yêu dâ u. Con búp bê thông thạo chảy dài trên tay cô, cọ nhẹ vào vạt áo để lại một vệt bụi mờ bên ngoài chiếc áo choàng của Viva. Ôi chị tôi, chị Josie thương yêu của em.

Cô gạt con búp bê sang một bên. Hẳn phải có thứ cô đang mong chờ ở trong này. Tiếp tục thọc tay vào đào bới sâu hơn xuống dưới, cô tìm thấy một chõng thư giấ y đã ngả màu, một xấp hóa đơn, và một cuốn sổ ghi chi tiêu trong gia đình. Viva căng mắt cố đọc những nét chữ viết bằng bút chì hết sức gọn gàng của mẹ cô: Kem lạnh hiệu Daggett và Ramsdell 2/6. Kem cạo râu 3/6, hai đôi tất dài bằng len 6/6. Trong một chiếc hộp thiếc đựng một bức ảnh chụp nữ hoàng Victoria, cô lật tấm ảnh lên, phía dưới đáy hộp là một mảnh cầ u kính màu hờ ng với hai chiếc răng giả trên đầ y. Của bồ cô. Viva nhặt lấ y nhét vào túi áo của mình. Liê u thuố c gâ y mê đã hết tác dụng, cô bắt đầ u cảm nhận được những cơn đau đang cắ n xé trong lòng. Những chiếc răng của bồ cô. Phải chúng không?

Một cây nầ m màu đỏ khá lớn mọc từ dưới đầ t đâm qua lỗ thủng dưới đáy rương. Lớp quầ n áo cuố i cùng - một chiếc áo khoác tuyệt đẹp, một chiếc váy may từ loại vải sa tanh bóng mượt, ẩm ướt và dậ mùi mớ c, hoàn toàn vô giá trị, không thể mặc được nữa. Hẳn Hari sẽ nhóm được một đờ ng lửa rấ t to đây.

Tấ t cả chỉ có thế . Một sự sỉ nhục, chuyện khôi hài, một sự lãng phí thời gian kinh khủng và khờ n nạn. Cô đóng sập nắ p rương, đưa tay vịn vào thành rương, dựa đầ u vào một góc rương, lắ ng nghe những lời khuyên vô ích vò vè ong ong trong đầ u cô. Không có gì xảy ra cả, là câu đầ u tiên cô an ủi bản thân mình. Không có gì xảy ra cả. Giả dụ như có điề u gì xảy ra, thì đầ y chỉ là những vế t thương tình thầ n đang bùng số ng dậ ni non dầy vò trong lòng Viva. Cô đã mong đợi điề u gì sau bao tháng ngày đầ ng đắ ng qua? Một khoảnh khắ c mới mẻ rạng rỡ vụt lóe sáng trong cuộc đời mình? Chỉ là những

bọc quần áo cũ kỹ ẩm mốc thay vì dăm ba chỉ dẫn tài khoản cá nhân gửi tại ngân hàng quý báu? Những bức thư của bố mẹ giờ đây đã trở thành những người thiên cổ gửi lại cho cô đây rẫy những lời khuyên chân tình tràn trề niềm xúc động, những lời khuyên mách bảo cho cô làm thế nào để tiếp tục sống nốt những ngày còn lại của cuộc đời. Cô đã lãng phí quá nhiều năng lượng cho một đồng quần áo mục nát cũ kỹ - một câu chuyện hài hước của thời đại nếu ai đây thực sự nghĩ về nó.

Một đôi giày da rách của mẹ cô rơi ra ngoài năm lẫn lóc bên cạnh chiếc rương. Cô cúi xuống nhặt lên một chiếc, giơ lên ngang tầm mắt. Một đầu tàu hỏa mô hình của bố cô mắc kẹt đầu mũi giày. Đầu tàu bằng gỗ với dòng chữ “Nữ hoàng Himalaya” được viết bằng sơn màu một cách cẩn thận dọc bên mình. Cô nhét đoàn tàu mô hình bé xíu vào túi áo khoác, đề lên những chiếc răng giả của bố cô.

“Viva? Cô Holloway”. Cô giật bản cả mình bởi tiếng gọi bất ngờ vang lên từ ngoài cửa. “Cô ở trong đây không?”, bà Waghorn đang đứng trước ngưỡng cửa với một chiếc đèn bão trong tay, bóng bà già xiêu vẹo đổ lên bức vách hết như một mụ phù thủy già nua trong những câu chuyện cổ tích. “Cô không sao chứ?”.

Viva nghe thấy tiếng hắt hơi phát ra khi bà già lê chân bước qua đồng cỏ khô.

“Không sao, cảm ơn”. Giọng cô lạnh lùng. Cô ghét bị ai đây nhìn thấy trong những hoàn cảnh như thế này. Hai người đứng đối diện đưa mắt nhìn nhau.

“Làm ơn, đừng khóc”. Cô cảm nhận được bàn tay mỏng manh yếu ớt của bà già đang chạm vào mình. “Là lỗi của tôi, tôi đã tìm thấy món đồ nhẽ ra phải đưa cho cô trước đây”.

Bà già chìa tay đưa vật gì đó về phía Viva.

“Cháu không nhìn rõ”, giọng Viva lạnh lạnh. “Trong này tối quá. Sàn nhà ẩm thấp và trơn tuột, cẩn thận kẻo bác có thể ngã đấy”.

“Ừm, chúng ta xem nó sau vậy”. Giọng nói phát ra từ hình hài u ám mờ tối trước mặt cô không hề tỏ ra phật ý. “Lên phòng và uống với tôi chút gì đi. Tôi nghĩ sáng nay cô đã làm việc quá nhiều rồi”.

“Tôi không biết nhiều chuyện để có thể kể cho cô nghe”, Waghorn lên tiếng sau khi cả hai quay trở lại căn phòng lộn xộn của bà già. Bà W. ngó nghiêng về phía cửa sổ, Viva ngó nghiêng trên chiếc ghế đối diện với bà già. Hari nhẹ nhàng đặt vào tay mỗi người một ly rượu mạnh.

“Bố cháu đã chết như thế nào?”, Viva hỏi, “kể cho cháu nghe những gì bác biết đi”.

Đôi mắt bà Waghorn lộ vẻ kinh ngạc.

“Chắc chắn cô phải biết rồi chứ”.

“Không. Không chắc lắm, thông tin rất lộn xộn”.

“Ông ấy chết vì làm việc quá sức”, giọng bà già bình thản. “Ông ấy xoay như chong chóng quanh đất nước này để xây dựng những nhà ga, những hệ thống đường ray xe lửa, một buổi sáng người ta tìm thấy ông ấy tại một câu lạc bộ ở Quetta. Ông ấy đã chết”.

“Bác chắc chứ?”, Viva có cảm giác như cô đang trò chuyện với bà già từ dưới nấm mồ. “Cháu nghe người khác kể lại rằng ông ấy bị bọn cướp đường giết chết, cổ họng ông bị chúng cắt đứt”.

“Ai nói với cô điê`u đấ`y?”, khuôn mặt bà già vụt đanh lại. “Rác rưởi, bịa đặt, hoàn toàn bịa đặt. Ông â`y chấ`t trong lúc đang đi giày vào chân, rấ`t nhanh”.

“Cháu không nhớ ai đã nói với mình như thế`”, Viva trả lời. “Lúc â`y cháu đang ở trường học... giờ cháu không thể nhớ được nữa, nhưng đúng là có ai đấ`y đã nói với cháu như thế`”.

“Không câ`n thiế`t. Nhiê`u khi người lớn bịa chuyện ngay cả với những sự thật đơn giản nhấ`t trong cuộc số`ng khi phải trả lời bọn trẻ. Nhẽ ra bọn họ nên nói với cháu rằ`ng ông â`y đã ngồ`i trên một đám mây với một thiên thầ`n hay đại loại gì như thế`. Hoặc giả bọn họ có thể nói Chúa đã thả yên cương của Người xuố`ng rồ`i đặt ông â`y lên trên và kéo lên thiên đườ`ng”.

“Làm ơn”, Viva hô`i bà già, “kể cho cháu nghe tấ`t cả đi. Mọi chuyện đang trôi qua, cháu không thể chịu đựng được thêm nữa. Cháu câ`n phải biế`t sự thật và mình đã bị lừa dố`i như thế` nào”.

“Chắ`c chắ`n những người bà con họ hàng của cô ở Anh hẳn đã phải kể cho cô nghe điê`u gì đấ`y”. Bà già vẫn tỏ vẻ khá thận trọng.

“Không, hay ít nhấ`t cháu cũng chẳng nhớ nữa. Bô` mẹ cháu hầ`u như không bao giờ quan hệ với bọn họ”.

Im lặng. Thời gian vẫn chầ`m chậm trôi qua trong căn phòng chật chội.

“Nghe này. Tôi không biế`t nhiê`u về` bô` mẹ cô”, giọng bà W. trở nên thận trọng. “Nhưng chúng tôi rấ`t thân thiế`t với nhau”. Những ngón tay của bà già khẽ vạch những đường vô định lên lòng bàn tay bên kia, rõ ràng bà W. đang hế`t sức xúc động. “Tôi không biế`t phải nói thế` nào về` họ, tôi không bao giờ làm tồ`t chuyện này”.

“Làm ơn”. Viva nắm lấy cánh tay run rẩy của bà già, siết nhẹ. “Đừng sợ. Điều tôi tệ nhất đối với cháu lúc này chính là cảm giác hụt hẫng nếu bác đột ngột kết thúc câu chuyện”.

“Ừm”. Bà W. nghịch vớ vẩn với mấy điều thuộc trong tay rồi đưa lên môi một điếu, châm lửa. “Tôi đã nghĩ về chuyện này rất nhiều lần, bây giờ tôi sẽ kể về mẹ cô. Tất nhiên, ban đầu cô sẽ cảm thấy hoang mang, tâm trí cô sẽ không ngót tìm kiếm những lý do”.

“Tôi sẽ bắt đầu từ đây. Mẹ cô là một phụ nữ xinh đẹp, như cô đã thấy trong các bức ảnh rồi đây. Bố cô xem bà ấy là tài sản quý giá nhất của đời ông, nhưng tôi thì luôn nhớ về bà với hình ảnh của một đứa trẻ của ngày thứ Bảy, hoặc giả bà ấy nên như vậy. Cô biết đây, ai cũng phải làm việc cật lực để kiếm sống, nhưng việc mưu sinh càng trở nên nặng nề hơn khi bố cô cứ phiêu du quanh năm suốt tháng như thế. Và ông ấy tất nhiên”, bà W. nuốt ực một cái rồi nhìn xoáy vào cô, “và tất nhiên ông ấy là một con người phi thường. Tất cả chúng tôi đều phải lòng bố cô như điếu đổ”.

Đôi mắt đục mờ của bà W. mơ màng nhìn Viva. Bà yêu ông ấy, cả bà cũng yêu ông ấy.

“Tất nhiên với ông ấy chỉ có công việc là trên hết, đây là điều hết sức bình thường trong những năm tháng ấy trên mảnh đất này. Nhưng mẹ cô vẫn có những niềm vui của riêng bà. Bà rất có khiếu thẩm mỹ, và tất nhiên, có thể như cô đã biết, bà đã sáng tác ra một số tác phẩm rất thú vị. Cô đã bao giờ nhìn thấy chúng chưa?”.

Bà già rướn thẳng người về phía trước, dúm một vật nho nhỏ, khá cứng vào lòng bàn tay của Viva. Thoạt nhìn cô những tưởng món đồ đang nắm im trong lòng bàn tay mình chỉ là một chiếc cúc áo màu

xanh hải quân ngoại cỡ: một chiếc cúc áo hình then cài được thiết kế hết sức tinh xảo. Nhìn kỹ hơn, Viva mới nhận ra hình dáng một cô gái được quấn trong một bọc vải liệm hay một tấm khăn choàng và được chạm trên một hòn đá cẩm thạch màu xanh thẫm.

Cô nghi ngại nhìn món đồ nhỏ nhắn trong tay, tự hỏi không biết đây có phải là một giải thưởng an ủi được bà già dành cho cô sau những vật lộn tìm kiếm giữa một đống áo quần ẩm ướt và mớ cthếch. Món đồ lưu niệm phảng phất bóng dáng một con người bé nhỏ ấy nằm gọn trong lòng bàn tay, không lớn hơn ngón tay cái của cô là bao, có vẻ đã từng trải qua những tháng ngày huy hoàng của cuộc đời. Viva cảm nhận được sự quan trọng của món đồ trong tay.

“Cháu nhớ mang máng ngày xưa mẹ thường tạo ra những món đồ thủ công hết sức tinh xảo”, cuối cùng cô cũng lên tiếng. Ký ức mơ hồ gần như biến mất trong tâm trí cô lại là điều hết sức quan trọng để giữ cho bà Waghorn tiếp tục câu chuyện với bất kỳ thông tin nào mà bà già có thể hãy còn nhớ, Viva lật món đồ trong tay. “Nhưng cháu không thể tìm thấy bất kỳ một tác phẩm nào của bà để lại. Nhưng bác có chắc vật này là do một tay mẹ cháu làm không? Trông nó giống như một món đồ vẫn thường thấy trong viện bảo tàng”.

“Khi bà ấy tặng cho tôi...”, bà già lấy lại món đồ trên tay Viva, âu yếm vuốt ve như thể đây là đồ vật hết sức quan trọng đối với mình. “... bà ấy không để tôi được cảm ơn. Bà ấy nói, “đây là một tặng vật từ thần lửa”. Cô biết không, một hôm, tôi bất ngờ bước chân vào xưởng điêu khắc của bà ấy mà không hề thông báo trước. Ừm, đây hoàn toàn là một xưởng điêu khắc thực thụ, một túp lều dựng trên sân trường. Lúc bấy giờ bà ấy đang quỳ gối trên mặt đất, mắt nhòe nước trước lò nung của mình. Nhiệt độ trong lều rất cao, hàng tiếng, hàng tiếng đồng hồ miệt mài làm

việc với kết cục là một sản phẩm trông giống như một loạt những chiếc bánh nướng cháy xém. Hai chúng tôi ngò ì nhâm nhi một ít trà, và tôi đã nói với bà ấy - tôi không còn nhớ chính xác mình đã nói những gì, nhưng kết quả thành ra thế này, “như thế chẳng phải rất vui vẻ, tại sao lại phải bực mình?””.

“Ngay sau đây mẹ cô đã say sưa giải thích cho tôi nghe với tất cả niềm đam mê của bà ấy những điều tôi đã nghe bà nói không biết bao nhiêu lần trước đây, rằng thỉnh thoảng khi bạn mở nắp lò nung, bạn sẽ nhìn thấy trong đây những điều kỳ diệu, một chiếc bình, một món đồ thủ công mỹ nghệ, chúng xinh đẹp hơn nhiều so với những đồ vật mà bạn đã háo hức tưởng tượng sau bao chờ đợi”.

“Háo hức!”, Bà Waghorn cười phá lên, đầy phẫn khích. “Bà ấy bảo với tôi rằng những người thợ làm gốm gọi những tạo vật ấy - những sai lầm linh thiêng ấy - là tặng vật của thần lửa. Lý lẽ biện hộ cho lỗi lầm ngớ ngẩn đây xâu hổ của bà ấy, phải không?”.

“Cháu không biết”. Cảm giác trống rỗng trào lên trong lòng Viva, cả cảm giác bị lừa dối về những điều cô chưa bao giờ biết đến. “Thực ra cháu không chú ý nhiều đến chuyện ấy. Nhưng sao mẹ cháu lại dừng lại? Có phải sau khi bỏ qua đời không? Hay sau sự ra đi của chị Josie?”.

“Tôi không nhớ, tôi thực sự không nhớ, nhưng điều gì khiến một người ngừng công việc yêu thích của họ lại? Chờng, con, lang thang hết nơi này đến nơi khác. Những gì tôi có thể nói với cô chính là bà ấy đã nhận ra giá trị của nhiều điều, và mẹ cô đã làm việc hết mình cho những điều ấy”.

Viva vẫn còn đôi chút nghi ngờ: Bà Waghorn đột nhiên tỏ ra trôi chảy một cách bất ngờ, và những gì cô vừa được nghe có vẻ như đã

được chuẩn bị sẵn từ trước, một câu chuyện bịa đặt, một điề`u ngọt ngào dễ chịu trước khi dội những thác nguồ`n chua chát lên đầ`u cô con gái của người quá cô`.

“Trong ký ức của cháu, mẹ không như bác kể”, cô nói, “những khi cháu còn là một cô công chúa bé xíu của bồ`. Cháu chỉ nhớ mẹ, cô biế`t không, mẹ là người giải quyế`t những điề`u vặt vãnh trong cuộc số`ng của mình: nắ`u ăn, lên lịch, chuẩn bị đồ` đạc trước mỗi cuộc hành trình”.

Rấ`t ngắ`n gọn. Thật bắ`t ngờ khi cô nhớ ra những điề`u ấy. Cả những cây bút chì mới tinh và những cuố`n sách thú vị luôn xuấ`t hiện bên cạnh những món đồ` thiế`t yế`u trong những lầ`n dã ngoại, xin thề` thật lòng, những kỷ niệm ngày ấy đã khiế`n cô mê mẩn đầ`n quên cả thời gian đang trôi trên đầ`u mình.

“Bà ấy đã đổ`c hế`t sức lực của mình vào công việc - những món đồ` gồ`m thủ công mỹ nghệ, những bức tượng điêu khắ`c nhỏ nhắ`n, cả công việc trang trí họa tiế`t nữa - và rô`i mẹ cô lại thấ`y hỏ`i hận với cái công việc mà bà ấy đang làm”, Bà W. tiế`p tục câu chuyện, “Mẹ cô bắ`t đầ`u cô` gắ`ng chạy trốn khỏi nó. Lúc bắ`y giờ không phải là không có việc để làm. Vẫn còn nhiề`u việc dành cho bà, nhưng tình hình mỗi lúc một tồ`i tệ. Với cánh đàn bà con gái chúng ta thì như vậy, còn đám đàn ông thì khác, bọn họ không bao giờ chùn bước”.

“Rô`i bà ấy không thích nghi được với hoàn cảnh mới. Cả tôi cũng thề`, tôi cũng không dễ dàng gì để thích nghi với công việc ở trường học, có lẽ vì vậy mà hai chúng tôi trở nên thân thiế`t với nhau”. Bà già đột nhiên cười nắ`c nẻ, hệt như một cô gái ranh mãnh. “Bà ấy nhìn nhận và giải quyế`t mọi vấ`n đề` với con mắ`t hài hước đầ`n thú vị. Một người có tài bắ`t chươc đầ`n kinh ngạc. Một trong những điề`u tuyệt vời nhấ`t ở mẹ cô chính là không bao giờ bà để

bản thân mình rơi vào những ý nghĩ nghiêm trọng, lúc nào cũng xem nhẹ mọi chuyện. Nhưng chỉ đến khi bà ấy hoàn toàn suy sụp, già mà cô có thể hiểu được những gì tôi vừa nói”.

Không, Viva đang cố không tỏ ra ngạc nhiên khi nghe câu chuyện bà W. kể. Cuộc trò chuyện đã diễn ra trong năm phút, và cả hai đang đề cập đến một con người hoàn toàn xa lạ.

Chút ký ức ít ỏi trong cô về mẹ chỉ vón vện gói gọn trong hai hình ảnh - là tiếng sột soạt của vải lụa bóng hay của tấm váy may bằng lụa nõn, hương thơm dịu nhẹ tỏa ra từ bà, và vệt sáng lấp lánh của đôi hoa tai phản chiếu trên gương mặt của mẹ mỗi khi bà ra ngoài vào buổi tối, đến giao lưu tại một câu lạc bộ nào đấy dành cho người lớn hay trong những buổi sáng sớm, lúc nào cũng tất tả đến quánh quang, thường xuyên mệt mỏi và luôn núp sau chiếc bóng của bố cô.

“Tôi có đang nói linh tinh không nhỉ?”, bà W. bất chợt hỏi cô. “Cứ nói nếu cô muốn tôi dừng lại”.

Không, không, không, không.

“Làm ơn, xin bác đừng dừng lại”.

“Ừm”. Chú chó tí hon nhảy phóc lên lòng bà già, cuộn mình giữa hai đầu gối. Bà W. âu yếm vỗ nhẹ lên mình nó, hình ảnh về một bà già lắm cảm đến ngớ ngẩn lại hiện lên trong mắt Viva, thờ ơ, miệng làu bàu những điều chỉ mình bà già hiểu, cặp mắt mờ khói vẫn lơ đãng dán vào cô.

“Cô gái, tôi muốn hỏi cô điều này”, bà Waghorn hỏi, đôi mắt nhòe nước vẫn không rời khỏi khuôn mặt cô. “Thực ra cô đang làm gì?”.

Suýt nữa thì Viva gào lên vì sốt ruột. Cô kể ngắn gọn cho bà già nghe về công việc ở mái ấm tình thương, về bọn trẻ, cả những cố gắng trong suốt một năm qua của cô để viết một cuốn sách về chúng.

“Quả là một ý tưởng cực kỳ thú vị”, đôi mắt bà Waghorn vụt sáng long lanh. Nhưng rất nhanh chóng, bà già lại quay về với thái độ cảnh giác như ban đầu. “Tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc sẽ có ai đây để những đứa trẻ Án Độ được nói lên tiếng nói của chúng ngay từ đầu. Quả là một ý tưởng rất hay. Bao giờ thì chúng tôi có thể đọc được cuốn sách ấy của cô?”.

“Cháu đã thôi không viết nữa”.

“Không viết nữa”. Mấy từ cuối cùng được bà già lặp lại như một cú vỗ vào mặt cô. “Vì cái gì vậy?”.

“Ôi, nhiều lý do lắm”.

“Cô không nên dừng lại, đây là một ý tưởng rất đặc biệt. Tôi sẽ chắc chắn gôn như mất trí nếu tôi không tiếp tục nghề dạy học kể từ sau sự ra đi của Arthur”.

Viva không còn đủ sức lực để giải thích cho bà già hiểu về những chuyện phiến toái đã xảy ra với cô và trung tâm tình thương, cả những chuyện liên quan đến Azim và Guy.

“Đây là cả một câu chuyện rất dài”, cô nãy nê. “Kể cho cháu nghe về ngôi trường đi. Bác còn nhớ nữa không?”.

“Thật kinh khủng”, bà già nói. “Tìm được một công việc mình yêu thích cũng giống như việc chúng ta đào được một kho báu ấy, phải không? Nhưng liệu có cơ hội nào để cô bắt tay trở lại viết tiếp

cuốn sách của mình không? Hẳn bọn trẻ sẽ thích thú biết bao nếu được đọc những con chữ chứa đựng những ý nghĩ của chúng”.

“Có thể cháu sẽ viết tiếp. Một số bản thảo đã bị hỏng”.

“Ừm, chắc hẳn cô sẽ viết tiếp chứ?”, Bà già nhìn xoáy vào cô. “Khi cô cười, trông cô rất giống bà ấy”, bà già nói. “Tôi hy vọng mọi người đều nói với cô như thế”.

“Không, không ai nói với cháu điều đó cả”, Viva trả lời. “Không một ai mà cháu từng quen biết còn nhớ đến họ”.

“Ồi”, giọng bà Waghorn nãy giờ, “thật kinh khủng”. Bà già chậm một điệu thuở, khuôn mặt của bà nhanh chóng tan biến trong làn khói trắng xóa. “Khi già đi, cô sẽ thấy cuộc sống trở nên nặng nề hơn”, giọng bà già nhẹ tênh, mơ màng. “Cô sẽ sống nhiều hơn với quá khứ, giữa những ký ức”.

“Và điều khiến tôi đặt hết tâm trí của mình vào lúc này: quá khứ lúc nào cũng ủa về và tôi luôn phải cố gắng để quên chúng”.

“Tôi đã tích lũy được một kinh nghiệm quý giá từ chính mẹ mình”, giọng bà Waghorn vụt trở nên sôi nổi, “không bao giờ tôi quên được cả. Khi bố tôi chuyển đến đóng quân ở Calcutta, cứ hai năm một lần, tôi mới được gặp lại bố mẹ mình. Bà trở về nhà khi tôi cứ đinh ninh là mình đã trưởng thành, tôi cắt tóc ngắn, ra ga Thánh Pancras đứng chờ trước cửa phòng vé, mang theo một chiếc túi xách trong tay. Rồi mẹ tôi bất ngờ xuất hiện trước mặt, bước vội vã như chạy về phía tôi. Tôi vui sướng đến nghẹn ngào. Bà vẫn bước dọc theo đường ray tiến về phía tôi, đôi mắt bà hồ hững lướt qua khuôn mặt tôi rồi nhanh chóng bước qua chỗ tôi đang đứng. Tôi đã không bao giờ tha thứ cho bà về điều đó, tôi không hiểu vì sao lại như vậy. Thật không công bằng với tôi khi cô nghĩ như thế, nhưng có cái gì đó đã vỡ òa chế t nghẹn trong tôi kể từ ngày ấy”.

Bà già vỗ nhẹ vào mình chú chó trong lòng rồi ngẩng đầu lên nhìn cô. Im lặng. Viva bỗng thấy lúng túng - bà già vẫn tiếp tục quan sát và đánh giá con người cô, chờ đợi thời cơ để chui tọt vào cái vỏ bọc mà bà không biết chắc là mình có muốn ở trong đây hay không. Và rồi thời điểm ấy cũng đã đến.

“Tôi muốn uống thêm một ly rượu nữa”, bà W. lên tiếng sau một hồi im lặng. “Cô cũng nên làm thêm một ly nữa. Giờ thì, cô có phải là người thích nghe sự thật?”.

“Vâng”, Viva trả lời, “cháu muốn được nghe sự thật”. Tim cô đập loạn xạ.

“Cô chắc chứ?”.

“Vâng”.

“Cô biết đây, hôm qua tôi đã choáng váng. Tôi đã kinh ngạc đến nhường nào khi nhìn thấy cô, đến nỗi tôi đã không biết phải làm gì cả”.

“Cháu hiểu”.

“Ôi cô gái”. Bàn tay của bà Waghorn âu yếm vuốt nhẹ lên khuôn mặt cô. “Cô gái yêu quý, làm ơn đừng khóc. Không phải lỗi của cô”.

“Là lỗi của cháu”. Hai hàng nước mắt vẫn lăn dài trên đôi gò má của Viva. “Lẽ ra cháu nên tới đây sớm hơn”.

“Cô gái không cần phải cảm thấy hối lỗi như thế”. Cuối cùng bà W. cũng khó nhọc thốt lên mấy lời an ủi với Viva.

“Cô có hiểu không? Tội lỗi chính là niềm vui của gã tá điền và đây hoàn toàn không phải lỗi của cô. Bố mẹ cô gửi cô trở về nước Anh là bởi họ không muốn cô biết”.

“Biết chuyện gì?”, Viva có cảm giác cơ thể cô đang dần hóa đá.

Bà Waghorn lại rơi vào trạng thái lẫn thẩn, làm bà m trong miệng những điều chỉ mình bà hiểu.

Viva rót thêm rượu vào ly của mình.

“Nói cho cháu biết”, cô đưa tay lau mắt, căng người cố gắng tỏ ra thật bình tĩnh. Bà Waghorn vẫn không ngừng làm bà m trò chuyện với chính mình.

Đột nhiên bà già đưa ly rượu lên miệng nhấp một ngụm thật lớn rồi đặt xuống bàn.

“Mẹ cô đã tự tử”, bà già nói nhanh. “Tôi tưởng cô đã biết chuyện này”.

Tim Viva nhói đau. “Không”, cô rên rỉ. “Không”.

“Đúng thế”. Đôi mắt bà già nhòe lệ. “Nhưng tôi phải nói với cô điều này: bà ấy là người cuối cùng trên thế gian này làm điều ấy. Mẹ cô đã đứng dậy sau những thất bại, tất nhiên là bà đã làm được điều ấy, bà đã từng là một người phụ nữ nhiệt tình với cuộc sống, và quan trọng hơn cả, bà ấy rất yêu cô, nhưng vẫn có những sai lầm. Những điều tôi nói ra ấy không phải để an ủi cô, nhưng nó đã xảy ra với rất nhiều người nơi đây. Mọi người đều cảm thấy mất mát lớn lao sau cái chết của bà ấy”.

“Ôi Chúa ơi”. Viva gục đầu vào hai tay, mơ hồ thấy hồn mình trôi dạt quanh căn phòng chật chội.

“Bà chắc chắn về những gì mình vừa kể chứ?”.

“Chắc chắn”, bà Waghorn quả quyết. “Tôi là người duy nhất tìm thấy mẹ cô”.

“Tôi sẽ kể t thúc câu chuyện ở đây”, sau vài giây im lặng, bà W. lên tiế ng. Đôi mắ t bà già chuyển sang màu xanh nhợt nhạt, có lẽ bà đã bắ t đầ u ngắ m rượu. “Nhưng tự trong thâm tâm, tôi nghĩ một cuộc hôn nhân mỹ mãn không chỉ giồ ng như một đóa hoa mà câ n phải có cả người làm vườn để chăm sóc nó, giữ cho nó... từ gì nhi?... từ đầ y là gì nhi?... luôn nở bùng rạn g rở. Tôi sẽ không bao giờ có thể điề u hành đượ c ngôi trường của mình nế n không có Arthur bên cạnh - thực tế đứ ng là như vậy; không đủ niề m tin trao cho những người khác. Cô phải gánh vác chia sẻ những công việc nặng nề với mọi người”.

Nói đầ n đây, hai mí mắ t của bà già sụp xuồ ng. “Một nhiệm vụ hế t sức mệt mỏi”, đột nhiên bà già bùng tỉnh. “Ngày mai cô có thể tiế p tục đầ n đây với tôi không? Chúng ta sẽ lại nói về những ký ức đã thành tàn tro, cả những chuyện khác nữa”.

Bà già gầ n như đã kiệt sức: một cái túi giấ y nhàu nhĩ, trồ ng rỗng, nhỏ thó đầ n ám đạm, một tay vẫn nắ m chặt ly rượu.

Viva kéo chắ n đắ p lên người bà già, nhẹ nhàng gỡ ly rượu ra khỏi bàn tay của bà Waghorn. Khi cô nhón chân đi vòng quanh chỗ bà già đang nằ m, tâm trạng hẫ y còn choáng váng gầ n như mê sảng, trong cô chợt trào lên những thôi thúc mạnh mẽ muố n đượ c cú xuồ ng hôn nhẹ lên trán của bà già, nhưng những thói quen xưa cũ đã ngoan cố phắ n đố i đầ n cùng trong lòng cô, chúng khiế n cô gầ n như mệt lả đầ n không thể lê nổi bước chân mình. Cô vặ n nhỏ ngọn đèn đầ u rô i bước ra ngoài, khép hờ cánh cửa sau lưng, nói với Hari, rằ ng đã đầ n giờ bà chủ của cậu bé đi ngủ.

Chương 56

Quay trở về khách sạn, cô đồ sập thân mình xuống giường, đau đớn, mệt mỏi và choáng váng. Khi nỗi đau đã lắng dịu, cô bắt đầu nức nở từng đợt không ngớt. Bao lâu nay cô đã mang trong mình nỗi uất hận nghẹn ngào về mẹ mình mà không một lần nghĩ lại và nghĩ về bà với vai trò là một người vợ, người mẹ riêng biệt có đời sống hết sức phức tạp của riêng bà. Bỗng chốc cô thấy xót xa, cảm giác hồ thẹn xen lẫn ghê tởm cho sự ngu dại suốt bao nhiêu năm qua của mình. Sao cô có thể vấp phải sai lầm ấy lâu đến thế - mơ mộng vẽ cho mình một viễn cảnh đầy kịch tính về cái chết của bố cô, chôn vùi mẹ cô xuống sâu dưới những hận thù xưa cũ chắt chắt được nuôi dưỡng hết sức cẩn thận trong cô?

Khi cô bình tâm trở lại, kiệt sức, hai mắt đỏ hoe, bóng tối đã bao trùm lên khắp không gian, những ngôi sao bàng bạc đã lập lòe trên cao bên ngoài ô cửa sổ đầu giường ngủ trong căn phòng khách sạn nơi cô ở. Đã gần mười giờ tối.

Cô lê bước vào phòng tắm, vịn vòi nước. Cả cơ thể cô cứng đờ như thể cô vừa hứng trọn những trận đòn nặng nề buổi chiều nay, mùi ẩm mốc hòa cùng mùi long não phảng phất xen lẫn với mùi vải vóc đã đến kỳ phân hủy từ trong chiếc rương vẫn còn ám trên hai cánh tay cô.

Viva trừng mắt nhìn những bụi bặm bám trên cơ thể mình trôi tuột theo dòng nước xuống sàn nhà tắm, cảm giác như cô đang bị chôn sống. Cô nghiến răng kỳ sạch cổ, xuống đôi bảu vú, đến cánh tay và hai chân, gội xong đầu, cô nằm dưới vòi nước cho đến khi run lên vì lạnh, đầu óc cô miên man về mẹ.

Đôi khi Viva có cảm giác cô vừa được giải thoát khỏi bóng tối dày đặc quanh mình. Một cảm giác dịu êm len lén xua tan những cơn đau thối trong lòng - trống rỗng và nhẹ bẫng.

Cuối cùng cô cũng đã chạm tay vào sự thật. Trước đây, cô luôn đổ lỗi cho mẹ, thậm chí nhiều khi trong cô còn trào lên cảm giác căm thù sâu sắc: bởi bà đã không giữ bố yêu quý lại cho cô, bởi bà không hề muốn giữ cô lại bên cạnh, bởi đã tống cô khỏi Ấn Độ với bao kỷ niệm thời ấu thơ, và sự thật là sợi dây liên hệ giữa bà và hai điều quan trọng nhất của đời mình đã bị cắt đứt - là công việc và đứa con của bà.

Viva tắt vòi nước, với tay nhặt lấy chiếc khăn lau. Qua tấm gương nhòe hơi nước, khuôn mặt cô trở nên mờ ảo và nhạt nhòa. Có thể bao nhiêu năm qua cô chỉ là một hồn ma bóng quế vất vưởng trên cõi nhân gian mà không hề ý thức được thân phận của mình. Câu thơ cô đọc được từ những ngày còn mài đũa quăn trên ghế nhà trường bất chợt trở về lớn vồn trong cô, câu thơ về “một nửa tình yêu ta thanh thản đi vào cõi chết”.

Một nửa tình yêu ta thanh thản đi vào cõi chết, nửa còn lại hẳn đang phiêu dạt đâu đó không có trong con người cô, lang thang trong bóng tối trôi dạt như một cánh buồm dập dềnh trên sóng nước, tìm về nơi có Josie và bố mẹ cô đang mòn mỏi ngóng chờ.

Cô trèo lên giường, đặt món đồ mỹ nghệ trong hình hài người đàn bà màu xanh mà mẹ cô đã tạo nên trên chiếc bàn con kê đầu giường ngủ. Trước khi chìm vào giấc mộng寐 trên chiếc ghế bành cũ kỹ, bà Waghorn đã kịp dúm kỹ vật ấy vào tay cô.

“Giữ nó”. Bà già cẩn thận ép chặt những ngón tay của Viva vào món đồ. “Nó là của cô. Tôi muốn đây sẽ là vật đầu tiên cô nhìn thấy khi tỉnh giấc vào sáng ngày mai”.

Cô bà n thân quan sát thật kỹ món đồ của mẹ: chiếc khăn trùm đầu được chạm trổ hết sức khéo léo, đôi mắt thông thái pha chút giễu cợt như thể bà vừa pha trò với ai đấy. Càng nhìn, nỗi đau mỗi lúc một quặn lên trong cô, khiến cô rùng mình - sao món đồ bé nhỏ này lại có thể chứa đựng bao thăng trầm chìm nổi của cả một đời người?

Cô tắt đèn, nằm trong bóng tối suy nghĩ về những lời cuối cùng cô đã nói với bà Waghorn.

“Lần cuối cùng bên nhau, giữa cháu và mẹ đã nổ ra một cuộc cãi vã hết sức căng thẳng”, Viva thú nhận sau tuần trà. “Đến bây giờ cháu vẫn không thể nào nhớ nổi tại sao lúc ấy mình lại như thế, tại sao cháu lại nổi giận. Có lẽ lúc ấy cháu đã hét lên với mẹ, rằng cháu ghét bà ấy. Con không thể chờ đến ngày quay trở lại trường học được. Cháu muốn mẹ phải cảm thấy đau đớn như bà đã làm với cháu. Đây là lần cuối cùng cháu còn nhìn thấy bà”.

“Lúc ấy cô mới mười tuổi. Những đứa trẻ ở tuổi cô đôi khi vẫn phạm phải những lỗi lầm đáng ghét như vậy đấy”, bà Waghorn nói. “Đặc biệt khi chúng buộc phải rời khỏi gia đình. Chắc mẹ cô hiểu điều ư ả”.

“Bác không biết được đâu”.

“Có đấy”.

“Thôi nào, bác không cần phải nói như thế để khiến cháu cảm thấy nhẹ lòng hơn”.

“Tôi chỉ nói sự thật”.

Bà già trao cho cô một cái nhìn sắc như dao, tương chừng thấu tận tâm can khi thốt ra những lời vừa rồi với cô. Bà đưa tay che

miệng như thể đang được chứng kiến một tai nạn thảm khốc diễn ra trước mắt mình.

“Bà ấy đã rất đau khổ”.

“Không - đừng nói thế, bác không cần phải nói với cháu điểu u ấy”.

“Tôi vẫn phải nói. Sau khi chia tay cô, bà ấy quay trở về trường học và lôi rượu ra uống cùng tôi. Lúc bảy giờ mẹ cô đang bỏ i rô i để n cùng cực. Bà ấy biết mình đã có hành động không phải với cô, rằng bà đã để tuột tay phanh. Tôi nhớ rất rõ điểu u ấy bởi mẹ cô đã nói với tôi, “thậm chí tôi còn không thể hôn tạm biệt con bé được”, và rô i bà như chết lặng, gầ n như hóa đá - khuôn mặt bà ấy buồ n bã để n thê lương. Quá sức chịu đựng của một con người; nhưng tại sao cô lại đổ lỗi vì những chuyện như thế?”.

Lúc bảy giờ rõ ràng bà Waghorn đang rất xúc động. Hai bàn tay bà già siết chặt vào nhau, má y lầ n cô gắ ng nuố t con nghẹn ngào đang chực tuôn trào. “Cô biết không, ông ấy đã dạy tôi rất nhiề u điểu u”, bà già bắt đầ u huyền thuyên, “và ông ấy muố n mẹ cô làm việc, nhưng bà ấy đã lẩn trố n quá nhiề u và làm việc để n kiệt sức, và rô i khi ông ấy qua đời - ôi chuyện này thật ngớ ngầ n”, bà già nghẹn lời, đưa tay đầ m nhẹ lên ngực trái.

Viva gầ n như đông cứng cả cơ thể, bất động ngồ i nhìn hai hàng nước má t đang từ từ lắ n trên đôi gò má nhăn nheo của bà Waghorn rô i thấ m dầ n vào cổ áo. Cô có cảm giác những tình cảm đón đau xa xót riêng tư che giấ u bao lâu nay đang bị xâm phạm, chút tình cảm mà cô đã dành cho những bí mật đang được chôn chặt trong lòng tưởng chừng không bao giờ tìm được lộ i thoát, tìm được lời giải thích.

Khi cô đã bình tĩnh trở lại, bà W. lê chân đến bên cạnh một chiếc tủ gỗ khóa kín, lấy ra cho Viva thấy những món đồ gốm thủ công do chính tay mẹ cô tạo nên. Một chiếc ấm trà men xanh màu ngọc bích, một chiếc đĩa, một cái bát. Những món đồ cực kỳ xinh xắn và tinh xảo.

Viva say mê nhìn ngắm những món đồ kỷ niệm của mẹ để lại, những con xúc động không ngớt cuộn lên trong lòng cô.

“Sao bà ấy lại để những món đồ này lại cho bác?”, cô hỏi.

“Chúng là cả gia tài của mẹ cô, và bà ấy đã thất lạc khá nhiều món đồ sau những lần di chuyển - thế nên bà ấy muốn tôi giữ chúng”.

Không khí nặng nề trong căn phòng vụt biến mất khi bà W. liên tục rung bàn bật hai cánh tay trong khi cô cầm tách trà, tiếng ly tách lách cách chạm nhau nghe rõ vui tai. Dòng tất cả sức lực trong mình, bà cố gắng giơ tách trà và chiếc đĩa lót nhỏ bé lên ngang tầm mắt, hứng chút ánh sáng phập phồng tỏa ra từ ngọn đèn đặt trên chiếc bàn kê cạnh cửa sổ. Cảm giác buồn cười tởm liếm trong lòng Viva. “Tại sao lại là những chiếc bình mà không phải là chậu?”. Cô muốn cho bà già biết cảm giác hoang mang cùng cực đang gợn lên trong mình, nhưng rồi Viva vẫn không thể thốt nổi thành lời. Có vẻ câu hỏi suýt chút nữa thì bật ra từ miệng cô đã ấp nổi xót xa thương cảm đến trên trán cho chính số phận của mình.

“Cháu vẫn không hiểu tại sao mẹ lại gửi mình về lại nước Anh?”, cô bật ra một câu hỏi khác. “Cháu đã làm điều gì sai phải không?”.

“Không, không, không, không phải thế”, bà Waghorn chột ử rử, khề cúi đầu, suy ngẫm. Sau một hồi im lặng, bà già ngẩng đầu lên nhìn cô. “Tôi sẽ nói cho cô biết lý do vì sao. Đây hoàn toàn là lỗi của tôi, tôi sợ. Tôi đã nói, “hãy gửi con bé về lại nước Anh”. Có lẽ lúc

đây tôi đã dùng những lý lẽ như không khí trong lành, bạn bè, không phát âm đúng giọng quê hương xứ sở để thuyết phục bà ấy. Những điều tôi vẫn thường sử dụng để tác động lên những ông bố bà mẹ đang rơi vào tâm trạng lo âu, băn khoăn về tương lai của những đứa con. Sai lầm khủng khiếp nhất của đời tôi. Tất nhiên là tôi có nghĩ đến một lúc nào đây, rồi hai mẹ con cô sẽ lại hội ngộ nhau. Tôi đã không hề biết bà ấy đã tuyệt vọng đến thế. Tôi xin lỗi”, giọng bà già trở nên lí nhí.

Viva đưa mắt nhìn ra sau mái đầu đang rũ xuống của bà già, những lọn tóc trắng xóa thưa còn lại trên làn da đầu màu hồng nhạt. Cô siết chặt bàn tay của Waghorn, nhẹ nhàng nói với bà già, rằng đây không phải là lỗi của bà, rằng bà chỉ đã tuân thủ những nguyên tắc của cuộc sống... Cô cũng không quên tỏ thái độ sẵn lòng tha thứ, nhưng tự sâu thẳm trong con người mình, Viva biết trái tim cô đang tan nát.

Tâm trí cô quay về với cái ngày nổ ra cuộc cãi vã kịch liệt giữa hai mẹ con, cái ngày mà cô và mẹ bỗng chốc tan đàn xẻ nghé: những vòng tay ôm nhẹ hờ hững, những câu nói chọc cười nhàn nhạt, cả những tiếng gào thét nghẹn ngào trong đau đớn của cô ngay sau đây khi Viva trở n trong căn buồng vệ sinh chật chội tại một nhà ga xe lửa mà cô đã quên tên trên đường trở về trường học. Phải chỉ ngày ấy mẹ con cô không bao giờ cách xa nhau nghìn trùng đến thế. Tất cả đều là thực, rất đơn giản mà thật kinh hoàng.

Cuối cùng thì tất cả cũng sẽ trở về với cát bụi, không phải cùng lúc, mà từ từ từng người một, bằng cách làm tổn thương chút ít đến chính bản thân mình. Trong nỗi kinh hoàng đến cùng cực, giữa kiệt cùng tình yêu.

Bên ngoài tấm màn khê lay nhẹ bên ô cửa sổ, những ngôi sao đang trở mình nhấp nháy, mảnh trăng lưỡi liềm bàng bạc xanh như

đứng lặng giữa trời đêm sâu thẳm. Có tiếng nhạc mơ hồ từ tận dưới vọng lên, mang theo cả tiếng cười nói láo lơi của đám thực khách. Hẳn bố mẹ cô từng có lần đến nơi này dự tiệc. “Mẹ cô rất thích khiêu vũ”, bà Waghorn đã tiết lộ với cô.

Cô mơ màng nghe thấy tiếng cười của mẹ vắng vắng vọng đến, cả hình dáng mơ hồ của bà hiện lên trong chiếc váy lụa màu xanh đậm quyên rũ, đôi giày da răn tinh tế vừa khít đôi chân, mái tóc dài đen óng của bà mơ màng ôm gọn khuôn mặt, cô nhìn rõ cả chiếc áo váy hẹp thân thẳng nuốt bó quanh người bà. Giờ đây cô đã hiểu nhiều điều, và có những điều cô không bao giờ được phép quên lãng. Ấy chính là khoản tiền trong nhà băng.

Dẫu cuộc đời mẹ cô kết thúc giữa mệnh mông buồm tử, nhưng tự trong sâu thẳm tâm hồn, hẳn bà đã rất hài lòng và thanh thản: một người chồng mà bà hết mực yêu thương và kính trọng, công việc yêu thích mà bà dành hết tâm huyết vào đây, những đứa con xinh xắn. Bà Waghorn cười vang, đầy sáng khoái như một thiếu nữ khi nhớ lại quãng thời gian vui vẻ bên mẹ cô. Khi bà già kể với Viva về công việc của mẹ, trước mặt cô không còn là một Waghorn già nua héo rũ, bà già vụt trở nên tràn trề sức sống, và hình ảnh về mẹ hiện lên đầy sống động, trẻ trung - như một người phụ nữ không có tuổi, đầy ắp sinh lực với đôi bàn tay khéo léo cùng tài năng hiếm có đã tạo nên những tác phẩm tuyệt đẹp mà bà đã để lại trên cõi đời này. Tất cả những điều ấy là thực.

Khi cô tiến đến bên cạnh tấm màn cửa, Viva nhìn thấy một đám mây mỏng tang đang lững lờ kéo đến che ngang mảnh trăng, bầu trời vụt trở nên lung linh như những viên đá cẩm thạch. Một cơn gió hiu hiu thổi đến, những tấm màn trong căn phòng khẽ lay động, cô dùng tay giữ chặt tấm màn, rồi nhanh chóng đóng kín cửa sổ.

Những dự định vụt đến trong cô, rõ ràng và dứt khoát. Cô phải kể với Frank về tất cả những gì đã xảy ra trong ngày hôm nay. Nếu cô không nhanh chóng tâm sự với anh, cô sẽ tìm cách che đậy chúng và rồi sự thật sẽ nhanh chóng phai nhạt và mịn màng như những dấu chân trên cát mịn, và rồi cô và anh sẽ lại tiếp tục đi trên cuộc đời mà không cần sẻ chia tâm sự về những bí mật thâm kín trong trái tim mỗi người. Sẽ rất nguy hiểm. Thậm chí có thể dẫn đến một thảm họa. “Một chi tiết yếu ớt”, hẳn bố cô sẽ nói như vậy nếu ông còn sống.

Cô vội vã mặc quần áo, lòng nhanh đôi tất vào hai chân, chải lia lia chiếc lược lên đầu tóc. Những gì cần làm sẽ phải làm ngay bây giờ, khi mà nỗi đau trong cô đang rất thật hơn bao giờ hết - nếu chần chừ, có thể cô sẽ đánh mất tinh thần.

Viva nhìn đồng hồ đeo tay. Mười một giờ kém hai mươi. Hẳn giờ này lễ tân khách sạn đã đi nghỉ, cả người gác cổng dưới tầng sảnh cũng đã hết nhiệm vụ từ lâu. Cô lao ra khỏi phòng mình, vội vã chạy dọc hành lang vắng lặng, quăng mình vào trong thang máy. Tim cô đập rộn ràng khi cánh cửa tầng đồng thau nhanh chóng đóng chặt sau lưng.

Chiếc thang máy lơ lửng trôi xuống dưới, phải mất khá lâu cô mới xuống được mặt đất. Khi chiếc thang máy khựng lại, cô có cảm giác mình sắp gào lên. Khi cánh cửa chưa kịp mở hết, cô lách mình ra ngoài háp háp chạy dọc sàn nhà ốp gỗ tuyệt tùng bóng loáng nước sơn hướng về phía người đàn ông chút khấn đang ngồi sau bàn lễ tân.

“Tôi muốn gửi điện tín”, cô nói với ông ta, chụp lấy chiếc bút chì trên tay người đàn ông. “Đến Lahore, ngay trong tối nay”.

Người đàn ông đưa cho cô một mẫu khai.

“Mọi chuyện đã kết thúc”, cô viết. “Hết. Đã xong. Hết”. Tim cô đập rộn rã trong lồng ngực như một chú cá còn sống giãy trên thớt. “Làm ơn đến trong dịp Giáng Sinh”.

Chương 57

Bởi Tor là cô gái không bao giờ giữ được bí mật quá vài phút nên cô đã bị Rose và Toby cá m không cho ra ga đón Viva. Cuối cùng, hai người cũng phải cúi lòng nhượng bộ - xét cho cùng thì toàn bộ những chuyện này (Tor không ngần ngại nói thẳng) cũng đều là ý tưởng của cô và sẽ là không công bằng khi loại trừ cô ra khỏi những chuyện ồn ào đầy kịch động.

“Đã có chuyện gì xảy ra với chị?”, cô lập tức vô n vã ngay khi nhìn thấy Viva bước đi như chạy dọc theo đường ray xe lửa. “Trông chị rất khác”.

“Chị có cảm giác mình đang thay đổi”, lần đầu tiên Viva không hề tỏ vẻ lưỡng lự khi quàng tay qua vai Tor.

“Chị kể đi”. Tor phớt lờ cái nháy mắt của Rose nhắm vào cô. “Chiếc rương lèn chặt những báu vật? Chị có gặp người quen nào ở đây không?”.

Viva cố nheo miệng mỉm cười, rồi giả vờ nhăn mặt than mệt mỏi và đói bụng đến không thể thốt nổi thành lời lúc này, cả bọn lục tục kéo nhau đi ra bãi đậu xe. được vài bước chân, cô buột miệng làm ra vẻ tình cờ hỏi: “Ôi, quên mất, có ai để lại lời nhắn gì cho chị không nhỉ?”.

“Không”, cả ba cùng đồng thanh trả lời.

“Chị không nghĩ họ lại im lặng như thế”, Viva lẩm bẩm, rồi cô cao giọng, “không thể tin được chỉ còn hai ngày nữa là đến Giáng Sinh”, cứ như thể đây mới là chủ đề mà mọi người sẽ nói tới.

“Xin lỗi”. Tor không muốn phải chứng kiến vẻ mệt mỏi và bối rối trên khuôn mặt Viva, trong khi cô vẫn tiếp tục bước dọc đường ray, nhỏ bé và mong manh đến ngỡ ngàng.

Mái tóc của cô bám đầy bụi bặm, một lỗ thủng xuất hiện trên chiếc tất dưới chân.

Tor liếc mắt sang Rose. “Nhưng bọn em có một bất ngờ dành cho chị đây. Một món quà Giáng sinh đến sớm”.

“Thành thật mà nói, Tor ạ”. Rose lắc đầu. “Nhiều khi tớ nghĩ chắc mình sẽ hạnh phúc đến nhường nào nếu được dán băng keo vào miệng cậu đây”.

“Vì sao?”, Tor phản ứng. “Tớ đã nói gì sai à?”.

Không một ai đề cập đến điều bất ngờ thêm một lần nào nữa cho đến khi trở về nhà, và Viva đã tắm gội sạch sẽ, cả ba kéo nhau ra ngoài quây quẩn trước hiên nhà, bên những tách trà bốc khói. Khi mọi người đang im lặng nhâm nhi, đôi mắt Tor đột nhiên đảo quanh đầy khả nghi nom rõ ngó ngẩn, rồi cô nhanh chóng đề nghị cả bọn nên kéo nhau ra chuồng ngựa xem người ta cho chúng ăn. Tor còn hào hứng bảo đây là một trong những điều thú vị nhất mà cô muốn được chứng kiến vào thời điểm này.

Viva, hãy còn nhột nhạt, miễn cưỡng than phiền rằng hai chân cô vẫn còn tê dại sau những tiếng động hô hào bất động trên tàu, có lẽ ra ngoài tản bộ trong không khí thoáng đãng và mát mẻ sẽ tốt hơn. Từ lúc trở về đến giờ, cô vẫn chưa kể với mọi người một từ nào về chuyến đi đến Simla của mình, cả Tor và Rose thừa hiểu bản tính kín đáo của Viva trong những chuyện như thế này nên không ai muốn hỏi han gì nhiều gây áp lực lên cô.

Sau khi đã bàn giao Freddie lại cho người vú em, cả ba bảo với Toby sẽ ra ngoài đi dạo một chút. Trời cuối chiều đã chuyển dần sang màu tím thẫm, những vệt sơn màu vàng, da cam, đào phía cuối chân mây quyện vào nhau choáng ngợp. Ba chị em tay trong tay dắt nhau bước dọc con đường nhỏ, cả ba say mê hướng mặt đón những tia sáng yếu ớt cuối cùng của ngày, bất giác cả ba cùng cười lớn khi nhìn thấy mái tóc vàng hươm của Rose vụt biến thành màu tím mờ dưới ánh sáng ma mị của trời chiều.

Phía cuối con đường bụi đỏ, cả ba dắt nhau bước sang phải hướng về phía lối mòn ken dày những hàng dương hai bên đường dẫn tới sân polo. Xa xa sau sân bóng là ngôi trường, những cánh rừng mờ mờ màu khói, một đàn vịt ồn ào kéo nhau về tổ, những cánh chim đủ màu sắc vẫn vũ cuối bóng hoàng hôn hết như những vệt cáu vô tình tí hon.

Thơ thẩn đến cuối sân polo, cả ba dừng lại im lặng dõi theo những cánh chim dật dờ lên trên nền trời đỏ thẫm. Mấy người đàn ông chơi polo bắt đầu giăng hàng cho ngựa chạy nước kiệu dọc đường biên.

Rose nhoẻn miệng mỉm cười.

“Ấn Độ quả là mảnh đất của những điều kỳ lạ nhất trên trái đất này, phải không?”, cô buột miệng hỏi khi cả ba kéo nhau vào sân trong của dãy chuồng ngựa.

“Ý em là, trung thực nhé, đã bao giờ chị để lỡ bất kỳ điều gì ở đất nước này chưa, Viva? Thậm chí là điều tệ hại cũng được. Chị có thấy thế không?”.

“Không. Ý chị là có”. Viva gằn như không thể hiểu mình đang nói điều gì. “Chị không biết”. Tim cô bắt đầu loạn nhịp, rộn rã. Hai

con bé đang bày ra chuyện gì mà chúng cứ quả quyết là một sự ngạc nhiên dành cho cô thế này?

Cả ba tiến vào khu chuồng ngựa. Mọi thứ ở đây đều cực kỳ ngăn nắp: những bức tường quét vôi trắng tinh sạch sẽ, những vòng dây thòng lọng vắt gọn trên những chiếc móc đồ gỗ đóng bên ngoài những ô chuồng ngựa. Cảnh vật thanh bình quá đỗi, tiếng lũ ngựa nhóp nhép cỏ khô hòa cùng tiếng áo quần sột soạt của người giữ ngựa đang lẩn khuất đâu đó trong góc chuồng vắng vắng quanh không gian im vắng.

Bóng hoàng hôn mỗi lúc một đậm dần, hơn một chục chú ngựa màu hồng đang đứng trong chuồng bát giác ngẩng đầu nhìn ba cô gái bằng những ánh mắt tò mò đầy hiếu kỳ; máy cánh chim bồ câu lượn lờ trên đầu của những chú ngựa. “Một buổi chiều kỳ diệu làm sao!”, Rose thốt lên khi cả ba cùng nhau tiến gần hơn đến trước lũ ngựa. “Ngày mai trước bữa sáng em phải ra đây chọn một chú cưỡi một vòng mới được”.

Đôi mắt Tor vụt sáng long lanh. “Tớ cũng đang hào hứng chờ đến sáng mai đây”, giọng Tor đầy phấn khích.

Rose cười vang. Hai cô gái bắt đầu đọc lớn tên của từng chú ngựa được in trên tấm thẻ bài bằng gỗ đóng trên cửa chuồng: Jezri, Treasure, Ruth, Sanya... Ở ô cuối cùng của dãy chuồng, một chú ngựa đực giống Ả-rập tuyệt đẹp, hãy còn những nét hoang dã vương vãi trong từng ánh nhìn, trên mỗi cái gõ móng đứng sau một hàng rào sắt, đôi mắt trắng dã nhìn chằm chằm vào các cô gái. Những móng chân phía trước liên tục gõ碌碌 lên nền nhà bằng xi măng rần rần. Có vẻ chú ngựa không thích bị quấy rầy trong những lúc như thế này.

Tor vẫn thản nhiên thờ thần hết góc này đến góc khác trong dãy chuồng ngựa, đôi lúc cao hứng cô còn dừng lại thì thào điếu gì đây với vài chú ngựa sau chuồng, không quên nhét vào miệng chúng mấy viên đường.

Đột nhiên Tor đứng lại, quay người đối mặt với Viva.

“Đã đến lúc rồi, Viva”, cô nói. “Hãy quan sát và lắng nghe cẩn thận nhé”.

Có tiếng chuông mơ hồ thoảng qua tai Viva rồi biến mất, nhanh như khi xuất hiện, chỉ còn lại tiếng nhóp nhép nhai cỏ khô của lũ ngựa hòa cùng tiếng chổi tre quét dọn của người giữ ngựa sột soạt vọng vào tai cô.

“Lâu quá”, Rose xen ngang.

“Đủ lâu để cậu đánh được một giặc”.

“Vẫn chưa đến, bởi vì...”, Tor đột nhiên đưa tay bịt kín hai mắt của Viva, “... và đây là điếu ngựa nhiên dành cho chị”. Tor đẩy cô đến trước một ngăn chuồng ngựa “nhìn xem”, Tor thì thào vào tai cô. “Cuối cùng thì cũng đã xuất hiện”.

Tim Viva như muốn nhảy khỏi lồng ngực, những âm thanh rít rói đến nhức óc xoáy vào tai cô, nhưng khi cô mở mắt và nhìn thấy điếu ngựa nhiên dành cho mình hiện ra trước mặt, nỗi thất vọng tràn trề bỗng chốc trào lên tràn ngập trong lòng Viva.

Chỉ là một chú ngựa con. Không có gì hết ngoài một chú ngựa con mới chào đời - hãy còn ướt nhẹp sau những tháng ngày nằm trong bụng mẹ, run rẩy giữa đống rơm nhuốm đầy máu tươi. Phía trên đầu nó là một con ngựa cái gầy như đã kiệt sức, đứng bất động, mình mẩy ướt đẫm mồ hôi.

Những tưởng sau phút giây thơ thần rong ruổi dưới bóng hoàng hôn, với tâm trạng hồ i hạp và đầ y phá n kích, cô đã tưởng tượng đế n điề u á y - ôi, không có gì nghiêm trọng nề u đầ y chỉ là điề u cô tưởng tượng trong đầ u - rằ ng anh sẽ xuấ t hiện ở nơi đây, đúng vào những phút giây cuố i cùng, và rô i cô sẽ tâm sự với anh, sẽ trải lòng với anh về những chuyện đã xảy ra ở Simla, cô sẽ không quên nói với anh về những điề u mà mình đã học được sau vài ngày ngắ n ngủi tìm về mảnh đấ t với những kỷ niệm ghen ngào xưa cũ á y. Nỗi khát khao được chia sẻ với anh những thông tin mới mẻ về cuộc đời mình mà cô vừa tìm hiểu được đang tràn ngập trong lòng Viva. Cô đã tưởng tượng ra hình ảnh anh im lặng lắ ng nghe từng lời cô kể, rô i anh sẽ thầ u hiểu và tha thứ cho cô, và rô i hai người sẽ có một mùa Giáng sinh á m áp và vui vẻ bên nhau. Ngó ngắ n, khờ khạo, và ngu ngồ c làm sao.

Có cuộc đời như nó vẫn thề và cả cuộc đời như chính chúng ta đang số ng, mà cô thì lúc nào cũng ngơ ngác trước cả hai.

Chú ngựa con có bộ lông ướt mượt màu kem với đôi mắ t to tròn, đen nhánh. Chiế c đuôi lông xù trông như một cái nùi bông thoa phá n nom rõ buồ n cười. Cô cô ỏ nhovn miệng mỉm cười, một nụ cười đầ y giọng ép, dành cho Tor và Rose - trông họ mới trẻ trung làm sao - khi cả hai cùng túm chặt lắ y tay cô nhảy tung tung quanh mẹ con nhà ngựa trên đố ng rơm khô trong góc chuồ ng.

Chú ngựa con lúc bắ y giờ mới run rẩy đứng dậy, lão đảo thân mình trên bớ n chân yế u ớt, hế ch mũi hít hà những bàn tay của các cô gái. Tor vuố t ve cánh mũi tí hon với những nề p nhận thừa hưởng từ bớ mẹ của chú ngựa con, rô i hào hứng bảo với Viva và Rose, rằ ng cảm giác mượt như nhung á y.

“Ngựa mẹ đã không còn đủ sức để cho ra đời đứa con cuố i cùng của nó, thề nên chú ngựa á y giờ đã ở trên thiên đườ ng”, Tor thì

thậm. “Ngựa mẹ cũng đã vượt cạn hết sức ngoạn mục - Toby nói dòng giống của ngựa đực chỉ xuất hiện trở lại sau rất nhiều thế kỷ”.

Viva căng mình cố gắng kiềm chế cơn bão lòng. Nếu khóc lúc này, chắc chắn cô sẽ không bao giờ dừng lại và rồi mọi chuyện với cô sẽ chỉ còn lại bề bồng trong xa xót.

Những cô chân khăng khiu như những cái que thông điệu của chú ngựa con sụm xuống. Ngựa mẹ âu yếm dùng đầu mũi của nó nâng ngựa con dậy, miệng rít lên những tiếng rên rỉ nhẹ nhàng. Chú ngựa con nép mình dưới bụng mẹ, cái đầu cong cong hướng về phía những cô gái trao cho cả ba một cái nhìn đầy mê hoặc, rồi thản nhiên dụi mõm vào bầu vú mẹ nó mút lấy mút để. Ngựa mẹ nhìn các cô gái bằng ánh mắt xa lạ, đầy cảnh giác xen lẫn đôi chút kiêu hãnh. “Của tôi”, đôi mắt như muốn nói. “Của tôi, của tôi, của tôi đây. Các cô cứ ngắm nghía thỏa thuê nhưng cấm được đến gần hơn nữa”.

“Nó chào đời tôi hôm qua”, Tor nói, “nhưng đúng là bọn em đã bắt cần khi buổi sáng còn để cho Tourmaline, là tên của ngựa mẹ ấy, rong ruổi vài vòng quanh trường. Không ai nhận ra biểu hiện sắp lâm bồn của ngựa mẹ, kể cả những người giữ ngựa cũng - bởi ngựa mẹ có vẻ không muốn để cho con người biết. Đến khuya muộn hôm qua, khi em ra chuồng để đưa cho nó mấy quả táo, em đã nhìn thấy bọc nhau thai đang gần được giải phóng hoàn toàn ra khỏi bụng ngựa mẹ từ phía sau mông - ừm, chính xác thì không phải từ trên mông, hai người hiểu ý em chứ”.

“Nó không sợ hãi gì hết sao?”, Viva rùng mình. Cô có cảm giác đôi chân mình đang run rẩy hết như chú ngựa con. Ngó ngẩn, ngó ngẩn, thật ngó ngẩn. Cô phải chấm dứt chuyện này lại, không để đầu óc phải bận tâm đến nó nữa.

“Không, bọn em chẳng sợ hãi chút nào cả”. Ánh mắt Tor nhìn cô đã xa lạ.

“Bọn em thật may mắn khi có một chuyên gia xuất hiện đúng vào thời điểm ấy”. Những đầu móng tay của Rose bấm nhẹ vào lòng bàn tay Viva. Khi cô quay đầu lại, Frank đã đứng sau lưng từ bao giờ.

Trong chớp mắt, Viva đã làm cái việc không hề giống với cô chút nào, cái việc mà Tor và Rose đã không ngót trên choker cô suốt cả mấy tháng trời sau đây. “Anh”, cô gào như hét toáng lên. Cô vòng tay ôm chầm lấy anh, siết chặt. Hai hàng nước mắt tuôn trào trên khuôn mặt nhợt nhạt của Viva. Hình bóng anh cao lớn, bất động trong ánh sáng diệu kỳ chợt bùng lên lúc cuối ngày, hình ảnh tuyệt đẹp đến ngỡ ngàng mà cô chưa bao giờ được chứng kiến ấy mãi mãi không bao giờ có thể phai nhạt trong tâm trí Viva. Đôi khi bạn chợt nhận ra, rất nhanh chóng, rằng những khoảnh khắc như thế có thể khiến bạn hoảng sợ. Tâm trí bạn quay cuồng giữa một mớ lộn xộn, cố gắng để có thể xác định được tình cảm của mình dành cho chúng.

Vẫn chiếc áo khoác may bằng vải lanh sờn cũ khoác trên mình, anh mỉm cười với cô, lắc đầu như thể anh không tin vào những gì đang xảy ra trước mắt mình.

Tạ ơn Người, cô nhủ thầm khi ngả đầu và ngực anh. ngàn lần tạ ơn Người. Cảm nhận vòng tay anh đang siết chặt quanh lưng cô, nước mắt Viva lại lần nữa tuôn rơi.

Bất giác cả bốn người cùng bật cười khi nhìn thấy cảnh tượng Tourmaline đang dẫm mạnh chân trước của nó xuống nền bê tông, nghiêng người che chở cho chú ngựa con đang run rẩy chui sâu vào lòng.

“Anh nghĩ chúng ta đang khiếm n lữ ngựa hoảng sợ”, anh nói. Trái tim cô muố n nhảy ra khỏi lồng ngực khi anh nhoén miệng trao cho cô một nụ cười tưởng chừng có thể khiếm n Viva tan chảy trong tay anh.

Cảm giác ngượng ngịu chợt ùa về, bởi Viva biế t Tor và Rose đang im lặng nhìn cô và anh, cả những người giữ ngựa cũng đã dừng chôi thôi không quét dọn, ngẩng đầ u nhìn hai người. Ngượng ngịu, e thẹn và lúu hế t cả lưỡi.

“Anh nhận được điện của em”, anh nói. Lúc này cô mới nhận thấ y vạt áo của anh đã xô tung ra ngoài quầ n từ bao giờ. Một vế t xước mỏng manh hã y còn lưu lại phía dưới cắ m của anh do bất cẩn trong khi cạo râu. Hẳn anh đã phải cuố ng cuồ ng quơ tạm xô ng áo rô i phi nhanh đế n đây ngay sau khi nhận được bức điện của cô.

“Anh đã định đi Simla, nhưng rô i lại nghĩ có thể em đã rời khỏi đấ y, the ́ nên cuố i cùng anh quyế t định đế n đây”.

“Anh â y lái xe như điên để đế n đây đấ y”, Tor nước mắ t lung trờng mỉm cười hùa vào.

“Chị có the ́ là mình đã không phỏng đoán gì không nhi?”, Rose rạng rõ. “Em nghĩ quý cô Tor của chúng ta cũng khá tinh tế ́ khi nghĩ ra chuyện này đấ y chứ”.

“Chị không hê ́ phỏng đoán gì hế t. Không”. Viva nghẹn lờ i - ngầ n â y thôi cũng đã quá đủ với cô.

Tor nhìn đờ ng hồ ́ đeo tay. “Em có ý tưởng the ́ này”, cô nhanh nhẩu. “Chùng hai tiế ng nữa mới đế n bữa tồ i. Sao hai người không đi dạo bên ngoài một chút nhi? Nế u muố n hai người có thể đi xa đế n chùng nào cũng được”, cô thố t lên đầ y ngậy thơ. “Bữa tồ i sẽ lại muộn như thường lệ”.

Khi chỉ còn lại hai người, anh và cô nhìn nhau rồi bất giác cười vang, bởi cả hai vừa nghe thấy giọng Tor tự hào nói với Rose khi cả hai kéo nhau rời khỏi khu vực chuồng ngựa: “đấy cậu thấy chưa, tớ cũng biết cách cư xử sao cho khéo léo và lịch thiệp ấy chứ”.

Frank dịu dàng nắm lấy cánh tay cô.

“Chúng ta sẽ đi dạo”, anh thì thầm với cô rồi quay sang nói với hai người giữ ngựa lúc bấy giờ đang chống tay vào cán chổi, trở mắt nhìn chằm chằm vào họ. “Chee apbu lamkea? Làm ơn cho chúng tôi mượn một cây đèn được không?”

Đón cây đèn dẫu từ tay người giữ ngựa, Frank quay sang cô thì thầm: “Có một ngôi nhà mùa hè bên cạnh dòng sông - chúng ta có thể đi bộ đến đấy. Em có theo anh không?”.

“Có”, cô bẽn lễn trả lời anh. “Đấy là điều em muốn”.

Cô theo anh bước dọc lối mòn hướng ra bờ sông. Đến trước một càu tàu nhỏ nơi những con thuyền đang neo đậu dập dềnh theo sóng nước, những tia sáng yếu ớt cuối cùng trong ngày đang dát vàng giữa dòng sông. Cô nép mình vào vai anh, cả hai im lặng ngắm nhìn đám cỏ hương bồ đang nhạt màu dưới ánh sáng vàng vọt, một đàn vịt trời bóng loáng thả mình trôi lững thững theo con nước, âu yếm riu rít bên nhau. Chỉ trong chốc lát nữa thôi, những cảnh tượng như mơ trước mắt cô sẽ biến mất, bóng tối sẽ xóa nhòa tất cả.

“Em có lạnh không?”, anh hỏi, bởi cô đang run rẩy trong vòng tay anh.

“Em không lạnh”, cô thì thầm, khép hờ hàng mi. “Em đang hạnh phúc...”.

Cô nghĩ mình phải nói điê`u gì đấ`y thật mơ hồ`, một điê`u gì đấ`y thật hợp lý để giúp cô có thời gian bình tâm trở lại.

“Hạnh phúc bởi tất cả chúng ta lại có thể đón Giáng sinh bên nhau...”, nhưng vòng tay anh đã siết chặt quanh lưng cô, nhấc bổng cô lên khỏi mặt đấ`t và xoay tròn trên không.

“Không”, anh nói. “Không giớ`ng như em nghĩ đâu. Suốt bao ngày qua, anh đã luôn nghĩ về` em, lúc nào anh cũng mừng tượng đế`n hình ảnh, ở một nơi nào đấ`y em đang cô đơn đế`n cùng cực, cứ nghĩ đế`n điê`u đấ`y là anh lại thấ`y quặn lòng, không thể chịu đựng nổi”.

“Đừng nói như thế`, anh”. Cô đưa tay bịt kín miệng anh, cảm nhận được vành môi mềm mại của anh đang chạm vào thịt da cô, ngọt lịm. “Chờ đế`n khi chúng ta vào trong lê`u”, cô nói, “em sẽ cho anh biế`t mình đã trải qua những gì”.

Cả hai vội vã chạy về` phía cây câ`u gỗ được ghép từ những thanh gỗ mỏng manh, anh nắm lấy tay Viva dìu cô bước qua cây câ`u. Phía bên kia câ`y câ`u, một điện thờ nhỏ lập lòe ánh nắ`m im lìm dưới một gó`c sô`i già với những cành cây xoắn xuýt vào nhau. Một đĩa đồ` cúng đưng má`y quả cam và một ít trái cây khác đặt trước điện thờ, vài lát trái cây vương vãi dưới mặt đấ`t, có lẽ lũ sóc đã ăn chúng. Phía sau điện thờ là một bãi cỏ mơn mớn, bên kia bãi cỏ là ngôi nhà nghỉ mùa hè được làm từ những tá`m ván gỗ sơn trắng.

“Nhanh lên”. Anh kéo cô vào trong ngôi nhà rô`i đóng chặt cánh cửa sau lưng, cô có cảm giác máu nóng đang dô`n lên mặt.

Ngôi nhà nhỉnh hơn túp lê`u một chút, thoang thoang mùi thơm đặc trưng của gỗ thuyế`t tùng và mùi hương trà`m dịu nhẹ. Một chiế`c bàn đặt chính giữa căn phòng, một xấp giấ`y và vài chiế`c bút chì nắ`m im lìm trên mặt bàn, một cái chõng cũ kỹ kê sát vách

tường, một chôn g đệm đã sòn màu vải xé p chôn g trên chôn g, một bó cán gậy cric-kê dựng ngay ngắ n trong góc nhà.

“Mấ y thứ này thuộc về` một người chủ nào đấ y”, Frank nói.
“Ông á y đã đi nghỉ xa. Tor bảo với anh nơi này rấ t
an toàn”.

Khi anh châm ngọn đèn, vặ thấ p sợi bấ c, lúc bấ y giờ cô mới nhìn rõ những ngón tay rám nắ ng xương xương của anh, mái tóc màu đôn g hun khẽ lay động. Chưa bao giờ cô có cảm giấ c mấ t bình tĩnh đեն thế`.

“Ngôn i xuôn g đi em”, anh dịu dàng nói với cô. “Ồ đây, ngay bên cạnh anh”. Anh âu yế m kéo tay cô đեն ngôn i trên chiế c chôn g kê bên cạnh cửa sổ.

“Anh đã lo cho em đեն nhườn g nào”, anh thì thầ m. “Gầ n như phát điên lên đượ c, anh đã có cảm giấ c mình sẽ chề t. Anh...”.

Những ngón tay của anh lùa vào mái tóc mượt mà của cô, rôn i anh hôn nhẹ lên môi cô, ban đầ u hấ c còn rụt rề rôn i bỗng chồ c vự t trở nên cuôn g nhiệt hơn bao giờ hế t - một nụ hôn dài và sâu hut hút, đầ y ấ p niề m khao khát. Cô thở đồ c, đôi giầy tuột khỏi chân cô, cơ thể cô căng cứng, từng tề bào trong con người cô như đầ ng nhắ y múa, như đầ ng reo vui. Một cảm giấ c đề mê đեն tê dại.

Anh ngắ đầ u nắ m xuôn g bên cô, khoảnh khắ c của sự khuấ t phục trước những điề u từng sợ hãi, từng mong muôn nhấ t.

“Khoan”, đỘ t nhiên anh dừng lại. “Hấ y kể với anh. Chuyện gì đã xảy ra ở Simla?”.

Cô hít một hơi thật sâu, chậ m rãi kể cho anh nghe về` chiế c rương - cô` gắ ng kể câu chuyện liên quan đեն nó trước tiên.

“Ý em là, chỉ là chuyện khôi hài - chỉ một ít đồ đặc ẩm ướt cũ kỹ và một chiếc răng sâu của bố em trong đấ y. Và rồi em nhớ lại quãng thời gian dài dằng dặc mà mình đã trì hoãn không đến nhận lại nó”.

Cô kể với anh về ngôi nhà xưa cũ nơi gia đình cô từng chung sống năm nào - Hari dẫn cô đến đấ y trên đường ra ga tàu lửa quay trở về nhà Tor. Chỉ còn lại một mái nhà nhỏ bé ẩn mình trong sương sớm, mọi thứ đều nhuốm màu xưa cũ, điều hiu và hoang vắng đến chạnh lòng, những rùng cây cao vút bao bọc quanh ngôi nhà, hàng hiên xập xệ, trơ mòn khung gỗ. Cô đã không kể cho anh nghe về cây đu vẫn còn vắt vẻo thòng lọng từ trên một chạc cây xuống gần mặt đấ ngoài sân nhà, một gia đình nhà chim đã đóng tổ trên đấ y từ bao giờ, cây đu nơi cô và Josie đã đứng dựa bên nhau hàng tiếng đồng hồ mỗi ngày; cả căn phòng ngủ dùng chung của hai chị em với những lớp giấ dán tường lỗi mốt, về lũ chim, vườn cây ăn trái... tất cả đã tan tác, xơ xác đến tội nghiệp, nhưng vẫn còn phảng phất lưu dấu trong khu vườn bạc màu. Trên lối mòn phủ đấ cỏ dại giữa vườn, hai thân cây đổ gục chắn ngang lối đi; bên ngoài mái nhà, hệ thống máng xối chỗ thì gãy vụn, chỗ thì tắc nghẽn lèn chặt lá khô mục rữa.

Tất cả chỉ có thế. Không còn bất kỳ một người quản gia từ những tháng năm xưa cũ ấy xuất hiện để kể cho cô nghe những câu chuyện về gia đình cô trong quá khứ, không cả những người láng giềng vẫn sớm tối có nhau nhớ đến gia đình cô, không một chút manh mối, chỉ còn lại cánh rừng mịt mù dày đặc vây quanh ngôi nhà cũ nát, như thể đấ y là kết cục tất yếu dành cho nó.

Cô kể về cái ngày cuối cùng trước khi cô rời khỏi Simla, bà Waghorn đã dẫn cô ra nghĩa trang Sanjauli, ở đấ y lần đầu tiên cô được tận mắt nhìn thấy ba nấm mồ của bố, mẹ và chị Josie nằm sát bên nhau. Cảnh vật yên bình đến nao lòng. Hàng thông vi

vút vẩy gọi mỗi khi có cơn gió lùa qua, bầu trời trắng mờ màu ngọc trai. Cô nhỏ cỏ dại mọc đầy trên ba nắm mộ, cắm hoa vào một chiếc bình được cô chuẩn bị từ trước, rồi múc nước từ một dòng suối nhỏ nhỏ chảy ngang qua nghĩa trang tưới lên những ngôi mộ.

Người khấc chữ đã khấc nhậm tên mẹ cô trên mộ chí, gọi bà là Josie Josephine, cái tên mà kể từ đây đến nay chưa bao giờ cô gặp lại một ai như thế.

Anh chăm chú lắng nghe như nuốt từng lời của cô, đôi mắt xanh biếc của anh dán chặt vào cô. Khi vòng tay anh ôm chặt cô vào lòng, tim cô đập rộn ràng, và Viva đã thôi không còn cảm giác xót hổ ngượng ngùng như trước đây nữa.

“Vây”, anh lên tiếng sau khi cô kết thúc câu chuyện, “có thể cuối cùng đây là điều tốt đẹp dành cho em. Có thể nó sẽ giúp tâm trí em bình lặng trở lại, em sẽ được nghỉ ngơi - một chút thôi”, anh ngập ngừng.

Nói đến đây khuôn mặt anh thoáng chút lo âu, cô biết đã đến thời điểm quyết định. Một phần trong con người cô như muốn nói, làm ơn hãy giữ kín chuyện ấy cho riêng mình, đừng bao giờ tiết lộ với bất kỳ ai, nhưng nửa kia chợt nhận ra, rằng nếu lần này cô tiếp tục lảng tránh sự thật, cửa lòng cô sẽ khép chặt, mãi mãi.

Cô nhìn thẳng vào mắt anh. “Mẹ em đã tự tử”.

Trước khi chia tay, bà Waghorn còn tiết lộ thêm với cô nhiều chi tiết về cái chết của mẹ. Giờ đây, cô thấy lòng mình thanh thản khi kể lại với anh toàn bộ câu chuyện. “Năm em lên chín hay mười tuổi gì đấy, mẹ mắc bệnh sốt rét. Bà đã được cứu sống, nhưng sau cơn thập tử nhất sinh, tinh thần bà trở nên bệ rạc đến thâm, đầu óc lúc nào cũng miên man nhớ nhung quê nhà. Giờ đây nghĩ lại những ngày ấy, em chợt nhận ra hẳn mẹ đã gục ngã sau

cái chết của Josie, nỗi đau chưa nguôi ngoai thì nỗi đau lại dâng lên thêm trong lòng mẹ khi phải chứng kiến sự ra đi của người chồng yêu quý. Trước đây em chưa bao giờ nghĩ đến điều này.

Bà đã một mình một ngựa trèo lên đỉnh núi, ở đây người ta dựng sẵn một túp lều tạm, ngọn núi ấy cách Wildflower chừng nửa dặm về phía Bắc - một nơi tuyệt đẹp, từ đây có thể nhìn thấy dãy Himalaya ẩn hiện trong màn mây, dưới chân là hai dòng sông mềm mại như hai dải lụa. Bà vẫn thường đến đây để vẽ. Đã vài lần em được mẹ dắt lên đây. Vào mùa xuân, anh sẽ được chứng kiến đủ loại kỳ hoa dị thảo: từ cúc vạn thọ tháng Ba, anh thảo dại, dâu tây dại... chen nhau nở kín triền núi. Tại đây bà để lại một bức thư trần trụi, rằng bà rất yêu bạn em, nhưng cuộc sống hiện tại dường như quá sức chịu đựng của bà. Thực ra, “có thể chịu đựng được” có lẽ là cụm từ mà bà định sử dụng. Hẳn mẹ đã ở lại trên đỉnh núi cho đến khi cơ thể bà đông cứng lại và chìm dần vào cõi chết. Bà còn cẩn thận mang theo máy bó cỏ khô cho chú ngựa, để nó có cái lót bụng chờ đến khi có người tìm đến đây”. Ai đây sẽ tìm thấy bà, về sau khi đã bình tĩnh trở lại, Viva nghĩ hẳn đây sẽ là một con hổ hoặc một con kền kền thay vì một con người. Sau rốt thì chúng chỉ là những con vật vẫn thây nhan nhản ở Ấn Độ.

Frank vòng một tay qua người Viva, tay kia khẽ vuốt ve mái tóc cô.

“Em không biết”, cô tiếp tục câu chuyện, đôi mắt cô trở nên hoang dại. “Em đã hận bà ấy suốt bao nhiêu năm qua. Mọi chuyện không may xảy ra em đều đổ hết lỗi cho mẹ, và hậu như những gì em đã kể về bà trước đây hoàn toàn chỉ là bịa đặt. Anh đã đúng khi khuyên em nên trở về nơi ấy”.

“Thế em không nghĩ hậu hết mọi người đều kính trọng bố mẹ hay sao?”, anh hỏi. “Khi còn là một đứa trẻ, em đã chẳng thích

thứ gì khi ở bên họ, rồi sau đấy, khi đã trưởng thành nếu có đôi lần kể về họ, thì đấy cũng chỉ là những điều tôi tự mang đậm dấu ấn sai lầm. Ôi tình yêu của tôi”.

Anh nhòm người dậy âu yếm gạt dòng nước mắt đang lăn tăn tuôn rơi trên đôi gò má của cô.

“Em không cần phải kể cho anh nghe tất cả trong buổi tối hôm nay nếu chuyện ấy khiến em đau đớn đến thế”, anh dịu dàng nói với cô. “Hãy cứ chia sẻ từng chút một”.

Cô đồng ý với anh. Sẽ còn thời gian để cô sẽ chia tâm sự, cuối cùng thì, cô có thể nói ra sự thật. Về sau, khi chỉ còn lại một mình trong phòng, đầu vầng vấp trong khi hai mắt vẫn mở to thao láo, cô miên man suy nghĩ: nếu bạn may mắn, phải thật là may mắn, có được một vài người đi bên cạnh cuộc đời mình đủ tin cậy đến mức bạn có thể thổ lộ cho họ tất cả những bí mật, những sự thật về cuộc đời mình - tất cả tận tụy. Những người như Frank, như Rose và Tor, chính họ sẽ giúp Viva giữ kín những bí mật của cuộc đời cô, như bà Waghorn đã đào sâu chôn chặt sự thật về mẹ cô trong lòng bao nhiêu năm qua. Điều cuối cùng cô cần phải làm là kể với Tor và Rose toàn bộ sự thật khi màn đêm buông xuống, hoặc cô sẽ kể khi bữa tối kết thúc.

“Quay qua đây với anh nào”, anh thì thầm khi cô kết thúc câu chuyện. Anh siết chặt lấy cô, khe khẽ lặc lự.

“Nhưng vẫn đừng nằm ở chỗ”, cô đột nhiên trở nên sôi nổi, “không một ai thực sự hiểu được tại sao mẹ em lại xử sự như thế. Em chỉ muốn được nghe một lời giải thích, đâu chỉ là một lời giải thích đơn giản cũng được. Điều gì sẽ xảy ra nếu không có ai biết được bí mật ấy để nói cho em biết? Điều gì sẽ xảy ra nếu tất cả mọi người đều nói với em, rằng trong cuộc đời này, đôi khi người tốt

vẫn gặp phải những điều tồi tệ? Em nghĩ cứ buông tay sẽ tốt hơn là nỗ lực hết mình để thanh toán tất cả nợ đời”.

“Em có muốn anh kể chuyện mình với Rose và Tor không?”, anh hỏi. “Hai người đã rất lo lắng cho chuyến đi đến Simla của em, bọn họ đều có cảm giác em sẽ gặp những chuyện khó khăn như thế ở đây”.

“Làm thế nào họ biết được điều này?”, cô thốt lên đầy kinh ngạc.

“Anh không biết”, Frank trả lời. “Bạn bè luôn là những điều bí ẩn”.

“Không hẳn thế”, cô nói, nổi xúc động trào dâng trong lòng khiến cô cảm thấy chóng mặt, lão đảo. “Em muốn cho anh thấy vật này trước. Nhìn xem”.

Cô nhẹ nhàng đặt bức tượng tí hon tạc hình người phụ nữ vào lòng bàn tay anh, trên khoảng trống giữa đường chỉ tay số mệnh và ngón tay cái.

“Còn những bí mật về mẹ mà em chưa bao giờ biết đến - bà còn là một nhà điêu khắc. Chính tay mẹ đã tạc ra nó này”.

Và rồi, cô chợt nhận ra khoảnh khắc tạo thành bước ngoặt trong cuộc đời mình, ấy là khi anh giơ cao bức tượng bé nhỏ trước tầm mắt, nói với cô mấy câu lịch thiệp trong vô thức, cô không thể chịu được ý nghĩ chấp nhận đây là những cảm giác kiêu hãnh, những cảm xúc mạnh mẽ giúp cô có thể ngẩng cao đầu trong cuộc sống.

Anh vẫn giữ bức tượng tí hon trong tay, mái tóc màu đồng hun của anh ánh lên như một tấm màn che giữa cô và bức tượng người đàn bà màu xanh bí ẩn.

Nhìn cái cách anh chăm chú quan sát bức tượng, cô biế́t anh đã hiểu, và rằ`ng chừng nào còn có người thực sự bình yên trên cõi đời này, người ấy hẳn phải là cô đang bình yên trong vòng tay anh.

Chương 58

Cô và Frank quay về khi bóng tối đã tràn ngập không gian. Ánh sáng tỏa ra từ cây đèn dầu trong tay anh lướt qua những hàng dương loang loáng, bập bùng trên đỉnh điện thờ, cả một khúc sông bùng lên như dát bạc. Tay trong tay, cả hai dắt nhau trên con đường đất đỏ trở lại nhà Tor nơi mọi người đang chờ họ cùng chung vui trong bữa tối. Đến gần cây cầu gỗ, anh dừng lại kéo cô vào sau một bụi hoa nhài, đặt lên môi cô một nụ hôn ngọt ngào kéo dài tương chừng đến bất tận, ngay cả giờ đây mỗi lần nhớ lại khoảnh khắc ấy, cô vẫn còn nguyên vẹn cảm giác run rẩy nơi đầu gối, gần như quy ngã trong vòng tay anh.

Khi cả hai dắt nhau về đến nhà, ngôi nhà lúc này đang bừng sáng bởi hàng trăm ngọn đèn Giáng sinh được thắp lên trên mọi góc ngách. Có tiếng nhạc xung quanh ngôi nhà, trong ánh sáng lung linh đêm Giáng sinh và dưới tiếng nhạc du dương, ngôi nhà trông giống như một con tàu thường được dùng để du ngoạn đó đây đang chuẩn bị xuyên qua màn đêm đặc quánh với những rừng cây mơ bóng lạng im phăng phắc vây quanh.

Mọi người dùng bữa tối trong phòng ăn nhỏ, Tor và Rose đã khéo léo trang trí bằng những cây nến cùng một giỏ hoa tươi trên bàn ăn. Với những người bạn vây quanh, ly sâm banh sóng sánh trong tay và Frank rạng ngời dưới ánh nến ngời sát bên cạnh, niềm hạnh phúc trào dâng trong lòng cô.

Thật kỳ lạ, trong chính phút giây ấy, cô chợt nhận ra một điều, rằng có thể nguồn năng lượng đang tuôn trào trong thời khắc ấy chính là một phần của cô để dành cho cả quãng đời còn lại. Nó sẽ ở đây vì cô, tất nhiên không phải lúc nào cũng sẵn sàng, nhưng đây

chính là điê`u mà cô có thể quay đầ`u nhìn lại và vững tin ở nó. Những điê`u mà cô hoàn toàn hiểu được trong con người mình - cô cảm nhận được sức mạnh mãnh liệt của yêu thương đang trào dâng trong lòng mình.

Ba tuầ`n sau, cô cùng Frank chuyển đầ`n một căn hộ ở Colaba. Một căn hộ ba phòng nhỏ với giá thuê một trăm ru pi, khoảng mười bảng một tháng. Có một ban công lắ`p kính ở phía trước, đứng ở đây nế`u nhón chân nhìn sang bên phải cô có thể nhìn thấ`y biển, với những cánh buồ`m và cả hòn đảo có hình thù của một con voi mờ mờ ản hiện trong màn sương phảng phấ`t.

Đầ`y là hòn đảo nơi có những hang động hẫ`y còn lưu giữ gầ`n như nguyên vẹn những bức tượng thầ`n Shiva và Parvati được chạm khắ`c trên vách đá có từ thề` kỷ thứ VI mà Tor đã có lâ`n gọi bằ`ng hai tiế`ng “cực sô`c” khi kể cho cô nghe. Khổng lồ`, tráng lệ, những bức chạm trở các vị thầ`n đang ở các tư thề` giao hoan, chơi trò xúc xắ`c, đang cấi vẫ và đang ngườa đầ`u cười lớn. Ngay chính giữa hang là một bức tượng dương vật bằ`ng đá khổng lồ` và đầ`y ấ`p sinh khí, đã được xác nhận, không một chút ngưng ngừng xấ`u hổ: rằ`ng đầ`y chính là sự sô`ng, là nơi chúng ta xuấ`t hiện trên cõi đời này. Tại đây những người hướng dẫn đã cho đặt một cái giường khá rộng, rắ`t nhiề`u người biể`t ý nghĩa của nó, ngay cả cánh đàn bà con gái đầ`n từ nước Anh vớ`n dĩ rắ`t tề` nhị trong những vắ`n đầ`nh nhạy cảm.

Đầ`n với hệ thố`ng hang động trên hòn đảo, du khách sẽ được trải nghiệm một số` hành trình: leo núi, vượt thác và thám hiểm hang động. Không dễ dàng chút nào, nhưng cô và anh đã hai lâ`n đầ`n đầ`y, một bữa trưa ngoài trời, ngay trên đảo. Trong men say tình yêu ứng hồ`ng đôi gò má, cô âu yế`m chuẩn bị đồ` ăn cho anh, cô là ửi quầ`n áo cho anh, hôn nhẹ lên những chiế`c cổ áo, nom cô rõ buồ`n cười trong men say tình yêu.

Những ngày trời nóng, Viva ngồi trên ban công, dưới bóng mát của một khóm tre, đôi mắt ra xa qua biển nước lấp lánh ánh nắng như dát vàng nhìn về phía hòn đảo. Vừa gõ bàn phím máy chữ vừa quan sát, đôi mắt cô lướt qua hòn đảo, qua bên cảng, những con tàu tập nập vào ra.

Hoàn thành cuốn sách gần như là điều kiện của cuộc hôn nhân của cô. Cô đã bắt tay viết lại từ đầu kể từ khi ở Amritstar trở về bởi hậu hết bản thảo của cuốn sách đã bị xé nát. Anh động viên cô thử viết thêm một lần nữa.

Vài ngày sau, khi quay trở lại với công việc dang dở ở mái ấm tình thương, cô tìm thấy tập bản thảo với những trang giấy rách nát và nhàu nhĩ nằm trong ngăn kéo của chiếc bàn kê trong phòng ngủ của cô, Daisy đã cẩn thận lựa những trang bản thảo đã bị xé nát và những trang bị gạch xóa nhờ nét chữ đặt vào trong một chiếc phong bì để cô có thể dễ dàng tìm thấy chúng.

Khi bọn trẻ được thông báo những câu chuyện cuộc đời của chúng sẽ tiếp tục được viết thành sách, niềm háo hức phấn khích lập tức sống lại trong chúng, bọn trẻ lại bắt tay vào vẽ những bức tranh minh họa cho cuốn sách và miệt mài làm thơ ca ngợi. Chúng giúp cô dán lành những trang bản thảo đã rách, điền vào những chỗ trống bị khuyết chữ. Có tay bọn trẻ giúp đỡ, công việc trở nên nhẹ nhàng hơn bao giờ hết.

Đến ngày 12 tháng Tư năm 1930, cô đã đánh xong những chữ cuối cùng trong cuốn sách. Chuyện kể ở phố Hàng me: Mười đứa trẻ mồ côi ở Bombay kể chuyện đời mình.

Frank, thời điểm này đã quay lại làm việc theo ca ở bệnh viện Gokuldas Tejpal chờ dự án nghiên cứu mới của anh bắt đầu khởi động, đang nằm ngủ trong nhà khi cô đánh xong những chữ cuối

cùng của cuốn sách. Cô đứng dậy vặn vẹo cơ thể cho giãn xương cốt sau quãng thời gian ngồi làm việc dài dằng dặc. Ôm gọn tập bản thảo mới trong lòng, cô bước vào nhà, đặt cuốn sách lên bàn và leo lên giường nằm xuống cạnh anh.

“Đã xong”, cô nói. “Em đã hoàn thành cuốn sách”.

“Tuyệt”, anh khen ngợi. Frank ôm gọn lấy cô trong vòng tay rắn chắc của anh. “Tuyệt”, anh tiếp tục thì thầm với cô.

Đôi mắt anh ươn ướt, mắt cô lại dưng lên những lệ. Anh hiểu sau bao thăng trầm, cuốn sách hoàn thành có ý nghĩa với cô đến nhường nào.

Nằm gọn trong vòng tay chở che của anh, cô nghe lòng mình nhẹ bẫng. Thực sự, đây quả là một điều kỳ diệu. Cứ như thể lòng ngực cô vừa được giải thoát khỏi sức đè trĩu nặng của một tảng đá. Có quá nhiều thay đổi đã đến trong cuộc đời cô.

Sáng hôm sau, Frank phải vào ca ở bệnh viện. Cô thức giấc cùng anh lúc năm rưỡi sáng, xuống bếp chuẩn bị bữa sáng gồm mấy quả trứng bác cho anh. Sau bữa sáng, cả hai kéo nhau ra ban công ngồi nhâm nhi những tách cà phê ngút khói, im lặng ngắm những đoàn thuyền đánh cá đang lạch lè trở về neo đậu trên bến cảng sau một đêm miệt mài đánh bắt. Phía sau đoàn thuyền đánh cá, ngay trước đường chân trời, bóng dáng con tàu chở khách khổng lồ của hãng vận tải P&O đang rẽ sóng lướt những hải lý cuối cùng trong hành trình đến Ấn Độ của nó. Cứ hai tháng một lần, con tàu lại xuất hiện mang theo những hành khách mới. Bóng dáng con tàu mỗi lúc một rõ dần, cô nhớ lại cái ngày đã đứng trên boong tàu cùng với những người bạn đồng hành: Tor và Rose, Frank và Guy, cả Nigel kờ khạo nữa, chàng công chức trẻ tuổi đã đọc cho mọi người nghe những vần thơ hùng hực sức sống trong bài “Ithaka”, giờ này

đang phiêu dạt đâu đó rất xa - Nigel đã tự tử vào một ngày buồn thăm trong mùa mưa hiu hắt đến tận Chittagong, một kết cục đúng như chàng trai đã có lần dự đoán về số mệnh của mình. “Ôi xấu hổ quá, ôi thật ngượng ngùng”, hôm ấy trên boong tàu, mọi người đều đồng thanh gào toáng lên để trêu chọc Nigel.

Cô nhớ bài thánh ca mơ hồ mà cô đã hát, những âm thanh nghẹn ngào của cây đàn đập hơi, khuôn mặt xanh xao hãy còn đậm nét thơ ngây của Rose, cô nhớ cả Guy đáng thương - thật khó có thể tưởng tượng được giờ này nó đang trải qua những tháng ngày luyện tập trên thao trường ở nước Anh xa xôi.

“Anh đã chọn ra một số trang bản thảo tốt nhất để riêng trên bàn mình”, Frank nói với cô. Hai người đã trao đổi với nhau để tìm ra cách an toàn nhất gửi cuốn sách của cô về London. “Anh sẽ giúp em gói ghém cẩn thận và nếu em đồng ý, chúng ta có thể gửi qua Thomas Cook”.

“Vâng”, cô trả lời anh. Niềm hân hoan tràn ngập lòng cô, cảm giác hoan hỉ khuây khỏa bởi vừa hoàn thành xong cuốn sách. Anh nhìn thấy những gì cô cần, những điều mà cô không hề mong tượng ra được.

Ba tuần sau, cả hai đi đăng ký kết hôn ở Văn phòng đăng ký Bombay. Tất cả các nhà thờ đều đã được đặt chỗ trước vào cuối tuần, điều ấy cũng không ảnh hưởng đến hai người bởi dầu sao thì cả anh lẫn cô đều không phải là những người theo đạo một cách chính thức. Cả hai quyết định sẽ đón tiếp khách mời tại mái ấm tình thương Tamarind, nơi vẫn tiếp tục hoạt động, bởi một phép lạ nào đấy, trước những lời đe dọa đóng cửa được đưa ra từ tháng Sáu năm ngoái của các thế lực đen tối.

Buổi sáng trước lễ thành hôn, đầu óc nửa tỉnh nửa mơ, nỗi đau đón nhận thất quẹn thuộc ngày nào chợt trào lên trong cô: nhẽ ra trong ngày vui của cô, Josie và bố mẹ cô phải có mặt để chứng kiến, nhưng những khoảnh khắc đáng nhớ nhất của đời người đang trôi qua trong tĩnh lặng. Những gì đã khiến cô phải đến tận đây để tìm hiểu, những gì mà Án Độ kỳ diệu đã giúp cô tìm thấy, ấy chính là niềm thương xót tiếc nhớ không bao giờ được xem là một tội ác. Đây không phải là cảm giác đang nặng trĩu nuôi cho chính mình trong con người cô lúc này, hay trở thành một kẻ chỉ biết quan tâm đến bản thân mình một cách thái quá, đây chính là những điều mà bạn phải làm để tiếp tục trên cõi đời này.

Và cô hiểu hơn bao giờ hết, trong suốt quãng đời còn lại của mình sẽ có những khoảnh khắc - như ngày hôm nay chẳng hạn, hoặc khi những đứa con của hai người chào đời, hoặc những khi mẹ con cô quây quăn bên nhau và cô kể cho những đứa con thân yêu của mình nghe về những câu chuyện vụn vặt đã xảy ra trong cuộc đời mẹ chúng - ấy là khi yêu thương trong cô đang trào dâng đến bất tận, cô sẽ yêu những đứa trẻ của mình bằng tất cả máu thịt trong con người cô.

Ngoài cô và anh, còn có thêm ba người nữa đi cùng đến Văn phòng đăng ký kết hôn: Daisy, đội một cái mũ màu tím và đôi giày lười mốt, vợ chồng Tor và Toby đã bắt xe lửa từ Amritstar đến bởi chiếc Talbot già nua cuối cùng cũng đã biến thành một khối sắt gi vô dụng, và lại bọn họ cũng chẳng đủ tiền để lấy một chiếc xe khác khá khẩm hơn. Tor là người đầu tiên bước xuống xe ngựa, lập tức nhảy cẫng lên khi nhìn thấy Viva từ xa. Khi trao cho cô một vòng tay ôm siết chặt đầy chân tình, Tor thì thầm vào tai cô tin vui, rằng hai vợ chồng đã có em bé từ dạo tháng Mười.

Rose không thể có mặt. Trong thư phúc đáp lời mời dự lễ thành hôn của Viva, Rose cho biết cô phải lên tàu trở về nước Anh, bố cô

đã lia trăn trước lễ Giáng sinh vài ngày. Khi Rose nhận được tin từ quê nhà thì người bồ thân yêu của cô đã ra đi được sáu tuấn. Sáu tuấn! Hẳn Rose phải đau đớn đến nhường nào khi nghĩ đến cảnh mẹ cô một mình gánh chịu nỗi buồn thương suốt ngày.

“Em ở lại vài tháng để giúp mẹ gói ghém dọn dẹp cửa nhà”, trong thư Rose viết, “và để bà làm quen với Freddie”.

Jack, thư Rose viết, sẽ ở lại Ấn Độ. Rose cũng cho biết có thể anh sẽ thu xếp để đến chung vui cùng cô và Frank.

“Chắc cậu ấy sẽ không đến được”, Viva nói với Frank. “Bannu cách đây cả ngàn dặm, vả lại cậu ấy lúc nào cũng bận rộn với nhiệm vụ”.

“Em không bao giờ hiểu được đâu”, Frank nói với cô. “Cậu ấy đang rất cô đơn khi không có chúng ta bên cạnh”. Thực lòng, Viva không dám chắc về điều Frank vừa nói với cô.

Nhưng khi cô và anh dắt nhau đến buổi tiệc tiếp đón khách khứa tại mái ấm tình thương trên phố Hàng Me, Jack đã có mặt ở đây từ bao giờ. Gầy gò và trông già dặn hơn trước, Jack đứng tách biệt khỏi bọn trẻ và hai vợ chồng nhà Toby và Tor, lúc bấy giờ đang xằng xái tung liệng những cánh hoa giấy là lướt lên đầu đôi tân nương tân lang. Khi cô đưa tay khẽ vẫy chào Jack, anh bẽn lẽn đưa tay chạm nhẹ vào vành mũ chào lại, niềm vui trong lòng Viva như được nhân đôi khi cô nhìn thấy Jack tại lễ thành hôn của mình.

Không còn thời gian để trò chuyện, Talika, Suday và bọn trẻ riu rít nói cười kéo tay cô đi về căn phòng cũ cô đã ở trong những tháng ngày khó khăn nhất kể từ khi trở về Ấn Độ, nơi có ô cửa sổ nhìn ra tán me xanh mượt phía ngoài sân. Đám bé gái diện cho cô chiếc váy màu xanh lá non, râm râm dành nhau giải thích với Viva, rằng màu xanh luôn là màu hy vọng của các cô gái đến từ xứ sở Maharashtra

trong ngày trọng đại của đời mình. Chúng đeo lên cổ tay cô những xâu vòng được kết từ những hạt thủy tinh màu xanh như ngọc, nhẹ nhàng cời đôi giày kiêu phương Tây đang đi dưới chân cô, giúp cô kỳ cọ từng hạt bụi còn bám trên bàn chân rồi thận trọng đeo lên ngón chân cái của cô một chiếc nhẫn bạc xinh xắn. Sau đây chúng cẩn thận chải mái tóc vàng mượt của cô, náo nhiệt đuổi bắt nhau chạy quanh chỗ cô đang ngồi. Viva cảm thấy nhẹ lòng trở lại, như thể cô và bọn trẻ được nhấc bổng khỏi mặt đất là đà trên những tàng cây chót vót phía ngoài xa, chao liệng như những cánh diều, tự do như những cánh chim, nghe lòng phơi phới niềm vui.

Ngoài sân tiếng trống bắt đầu nổi lên, xen lẫn là những âm thanh réo rắt trầm bổng của tiếng sáo. Một đống lửa được nhóm trong lò than mang ra đặt giữa những hàng đá lát.

Talika chạy ra phía cửa sổ nhìn ra ngoài. “Mọi người đang chờ chúng ta đây”, con bé hô hào giục.

Viva nhìn con bé, nhớ lại một Talika bé tẹo gây yêu đến thâm khi cô cô tắm cho nó trong ngày thứ hai con bé ở nhà tình thương. Con bé đáng thương, vào cái ngày mà tã thấm kịch đồ xuống, nó đã phải gồng mình đến thế nào để gánh vác nỗi bất hạnh to lớn gập đôi cơ thể nhỏ bé đang đè nặng lên đôi vai mảnh mai của nó, cũng chính từ khoảnh khắc ấy, cô đã xác định mình phải làm điều gì đây giúp chúng.

Đôi mắt Talik vụt rạng rỡ khi con bé nhẹ nhàng nâng cao vạt sari của cô. Trên đường dẫn cô dâu ra ngoài, con bé phải nói nhanh cho cô biết thông tin mới. Talika tiết lộ với Viva, rằng nó đã bí mật tiến hành một buổi cầu nguyện thần Shiva và mong cho Viva có thể tìm được một người chồng tốt bụng, sẽ yêu thương cô suốt đời, cả chuyện nó đã vẽ một bức tranh dành tặng cô và hy vọng bức tranh sẽ được cô đưa vào trong cuốn sách. Nhìn sâu vào đôi mắt đầy ắp

niềm háo hức mong đợi ấy, trong phút giây thoáng qua, Viva chợt nhận ra, cô nợ bọn trẻ nơi đây nhiều đến nhường nào, dưới mái ấm đơn sơ này, cô đã học được những bài học cuộc đời quý giá từ chúng.

Thêm một ngạc nhiên nữa dành cho Viva khi cô bước chân ra ngoài sân: Ông Jamshed, trông hào hơn trước, xúng xính trong chiếc áo khoác dài khuy tay thêu thùa hoa văn sắc sảo từ trong đám đông khách khứa bước ra tiến về phía trước, trao tặng cô một bó hoa cùng một hộp quà gói theo phong cách Thổ Nhĩ Kỳ nom rõ vui mắt. Đứng bên cạnh ông là bà Jamshed đang kính cẩn bê trên tay một đĩa đồ ăn trông giống như một đĩa cơm thập cẩm được chuẩn bị hết sức cầu kỳ, nấp sau lưng bà là hai cô con gái Dolly và Kaniz, mái tóc mới tỉa đầy sức sống, xinh đẹp như những người mẫu vừa bước chân từ trên trang bìa của tạp chí Vogue xuống trong những chiếc váy lụa và những đôi giày khuy bấm tao nhã. Hai cô gái rướn đầu về phía trước, miệng cười toe toét.

Không hiểu vì lý do nào đấy, gia đình ông bà Jamshed đã tha thứ cho cô. Hơn cả sự tha thứ. Daisy tiết lộ với Viva, sáng hôm nay bà Jamshed đã có mặt ở mái ấm từ rất sớm để giúp cô giám sát công việc bếp núc: món cá tẩm bột cà ri dọn trên những khoanh lá chuối tươi xanh như ngọc, đầy đủ các loại bánh pakwan, các món ngọt, modak và bánh bao cùng cơm dừa, tất cả được bày biện trên một dãy bàn kéo dài đến tận cuối sân.

Bữa tiệc kéo dài suốt hai tiếng đồng hồ, kết thúc bữa tiệc, phía sau tấm màn trúc mỏng manh che hồ trước hiên chợt vang lên tiếng cười nói khúc khích xen lẫn với tiếng cãi cọ xôn xao, rồi Talika nhanh chóng xuất hiện trước đông đủ khách mời, rạng rỡ trong bộ sari màu vỏ quýt.

Con bé khẽ háng giọng.

“Thưa cô Wiwa, sau đây là món quà bọn cháu dành tặng riêng cô, một điệu múa tập thể đã được bọn cháu bí mật luyện tập suốt mấy ngày qua”. Talika nghiêm sắc mặt khẽ liếc mắt vào trong cánh gà, nơi nhóm múa gồm những cô bé trạc tuổi nó đang sẵn sàng bước ra sân khấu biểu diễn. Các cô bé xúng xính trong những bộ sari màu đỏ tươi, màu hồ phách hay màu da cam. Hàng chục chiếc chuông nhỏ xíu đeo quanh cổ chân chúng đồng thanh ngân lên tạo thành những tràng âm thanh lạnh lốt đến lạnh sống lưng khi bọn trẻ dàn hàng rồi quay tròn quanh khoảng trống dưới một gốc me. Các cậu bé đi phía trước mở đường cho đội múa. Âm nhạc chợt nổi lên: Soday mĩm mĩm chơi trống com, một nhạc công chơi kèn trum-pét được mời từ Byculla đến. Rất nhanh chóng, tiếng nhạc và những bước chân rộn rã như muôn nổ tung cả khoảng sân chật chội, các cô gái bắt đầu nhún nhảy và xoay tròn theo điệu nhạc, những bàn tay búp măng thon dài cong cong khẽ vờn trong gió. Khi tiếng nhạc nhỏ dần, tiếng hát non nớt của Talika ngân lên mang theo bao kỷ niệm ùa về trong lòng Viva:

Aaja Sajan, oi Aaja.

Aaja Sajan, oi Aaja.

Hãy đến bên anh, người yêu đầu đời

Hãy đến bên anh, người yêu đầu đời

Hãy đến bên anh...

Bàn tay Frank tìm đến nắm chặt bàn tay cô, Viva biết anh đang muốn trao cho cô một nụ hôn chan chứa yêu thương, nhưng cả hai đành dằn lòng kiềm chế, bởi không muốn bọn trẻ nhìn thấy những hình ảnh thuộc về người lớn và rồi chúng có thể choáng váng. Chân trần, cả hai sánh bước bên nhau quanh đồng lửa linh

thiên bố n lầ n, thầ m nguyện câ u cho nhau về một cuộc đời bình an, vững bền, thanh bình và đầ y ấ p yêu thương.

Sau nghi lễ, Viva định bụng sẽ đầ n bên Jack, lúc bắ y giờ đang ngô ì tách biệt khỏi đám đông, về mặt đầ y thận trọng, để hỏi thăm anh chàng vài câu. Nhưng khi cô vừa ngô ì xuô ng bên cạnh Jack, cô chợt nhận ra chàng quân nhân người Anh trước mặt mình thực sự đang gồ ng mình cố gắ ng kiểm soát những cảm xúc mạnh mẽ chực bùng lên trong lòng. Không ngớt nuô t nước bọt và hắ ng giọng liên tục, hai cánh tay rắ n rời của Jack vặ chặ t vào nhau, mồ hôi túa ra ướt đầ m cả vạt lưng áo rộng lớn.

“Rầ t tồ t”, Jack nghiê n rắ ng nói với cô. “Hạ ng nhầ t đầ y nhế”.

“Tôi ước gì hôm nay Rose có thể có mặt ở đây”, cô phớt lờ mắ y lời vừa thồ t ra từ miệng Jack. “Tôi không nghĩ mình lại có thể có ngày hôm nay mà không có mặt Rose chung vui”.

“À, tồ t”. Jack liê c nhanh sang cô. “Cô có nhận được thông tin gì về cô ấ y không?”, Jack hỏi. Miê ng bánh mì nướng vỡ vụn trong lòng bàn tay anh.

“Không nghiê u nhận gì”, cô trả lời. “Chỉ vài dòng ngắ n gửi đầ n từ tuầ n trước”. Với những nét chữ nguệc ngoạc, hắ p tá p, lắ m lem màu mực.

Viva yêu quý. Em thắ y mừng và hạnh phúc cho chị. Em nhớ tầ t cả mọi người. Yêu nghiê u. Rose. Một bức thư theo kiểu cho tròn trách nhiệm, không tin tức, khiê n Viva có cảm giác Rose vẫn bình thường và đã thực sự trở lại với vỏ bọc ngày nào của cô.

“Cô ấ y không kể gì nghiê u”.

“Không”. Jack dán mắt vào chầm đên trên đầu cô. “Giai đoạn khó khăn. Tôi nghĩ thời điểm này mẹ của Rose đang rất cần cô ấy ở bên cạnh, mà nhiệm vụ ở trung đoàn mỗi ngày một nặng nề, thế nên tôi gần như không thể thu xếp để quay về nước Anh một thời gian. Thế ...”, Jack nhìn thẳng vào mắt cô. “Còn cô thì sao? Vợ chồng cô định sẽ sống ở đâu?”.

Cô kể với Jack về dự định chuyển đến sống tại Lahore - ngay sau khi tiến bản quyết định cuối của cô được gửi sang, dự án nghiên cứu căn bệnh sốt rét của Frank sẽ tiếp tục được tiến hành trở lại trong mùa hè này. “Tôi đã”, Viva quả quyết, “xác định sẽ theo Frank đến đâu” - giờ thì cô có thể làm việc ở bất cứ nơi đâu.

“Ừ, hãy cứ đi”, Jack lẩm bẩm, đôi mắt anh nhìn cô đầy ngạc nhiên. “Sẽ là vô nghĩa khi mỗi người một nơi. Hai người phải sống bên nhau. Tôi đã không làm được điều ấy. Tôi...”, mấy lời cuối cùng Jack lung búng trong miệng nên Viva không thể nghe rõ. Tiếng trống đột ngột dậy lên khiến cả hai sao nhãng. Giữa sân Soday bắt đầu quay cuồng với chiếc trống cơm trong tay; bọn trẻ đồng thanh phùng mang trợn mắt ghé miệng thổi mạnh vào những ống tiêu trong tay để phụ họa cho thừng bé, mấy đứa còn lại túm tụm quanh chú ngựa hình nộm làm bằng giấy bìa bình phẩm, thậm chí có đứa còn lôi một chiếc lược ra chải bờm cho chú ngựa giấy. Frank tiến về phía cô, anh cười lớn, đặt một tay quanh eo cô, tim Viva lại bùng dậy đập rộn ràng trong lồng ngực, cô cảm nhận được ngồn ngồn mạnh mẽ đang trào dâng trong lòng mình.

Ánh nắng phản chiếu lấp lánh trên cặp mắt kính của Daisy, cô đang đứng trên một chiếc hộp gỗ được trang trí bởi những hoa văn bằng giấy kẻ p đủ màu sắc sặc sỡ. Khuôn mặt Daisy bùng lên rạng rỡ, cô gõ nhẹ chiếc thìa quấy trà trong tay lên chiếc ly thủy tinh theo nhịp trống của Soday. Tor đứng bên cạnh Daisy khẽ nháy mắt với Viva.

“Xin lỗi mọi người, cho phép tôi được làm phiê`n một chút”. Daisy, đầ`u ngẩng cao, kêu vẳng lên rồ`i im lặng chờ cho đám đông khách khứa ổn định trở lại. “Hôm nay là một ngày tràn ngập những tin tốt”, Daisy tiế`p tục nói lớn. “Bác sĩ Frank và cô Viva chính thức trở thành vợ chồ`ng, mặt trời rạng rỡ hơn bao giờ hế`t, chúng ta đang được thưởng thức bữa tiệc của cuộc đời. Thời điểm khó khăn rồ`i sẽ đế`n”. Dứt lời, Daisy nhắ`m nghiê`n hai má`t, mọi người đề`u hiểu cô đang dành hế`t tâm trí của mình cho số` phận của mái á`m. “Nhưng chúng ta sẽ không bao giờ đơn độc trong cuộc đời”.

“Yên nghe! Nghe nào!”, Toby la lớn.

“Chúng ta mắ`c nợ nhau nhiê`u lắ`m”, giọng Daisy đột nhiên chùng xuố`ng. “Chúng ta nợ các cháu rắ`t nhiê`u”, cô hướng về` phía bọn trẻ.

Và Talika, sau khi nhận được vài cú thúc khích lệ từ sau lưng của bà Bowman, rụt rè đứng dậy bước chân lên chiế`c hộp gỗ lúc bắ`y giờ đã được Daisy nhường chổ.

“Tiế`p theo cháu xin đọc một bài thơ bắ`ng tiế`ng Phạn”, con bé nói, rồ`i rướn cổ hít một hơi thật sâu.

Hãy nhớ ngày hôm nay, giọng Talika lạnh lốt vang lên.

Vì tình yêu cuộc số`ng.

Giữa những lời dồ`i trá

Về` sự thật cuộc đời.

Vì hôm qua chỉ còn là kỷ niệm

Vì ngày mai, những viễn cảnh của tương lai.

Một cơn gió bất ngờ thổi từ trên những tán me xanh um xuống cuốn bài thơ của Talika đi xa, chỉ còn lại tiếng hàng me xạc xào trong nắng, vài giây sau chợt dậy lên những tiếng rổn rinh tai của một chú lừa từ ngoài phố vọng vào, bất giác bọn trẻ cùng cười vang.

“Hãy nhớ ngày hôm nay”. Talika cố rướn cổ ngân dài câu thơ cuối cùng với hy vọng mọi người có thể nghe rõ những gì nó nói, không gian trong sân chợt chùng xuống, im ắng đến nao lòng.

Tất cả chợt vỡ òa, mọi người đồng thanh dành tặng Talika những tràng pháo tay vang dội. Con bé nhảy khỏi chiếc hộp, nhét đôi cánh tay khẳng khiu vào trong vạt sari, đôi má vụt ửng hồng, mái đầu con gái khẽ lắc lư thẹn thùng.

Viva đưa mắt nhìn Tor lúc bấy giờ đang liếc về phía cô, miệng nhoẻn cười hạnh phúc. Hình ảnh những con sóng duềnh dàng cuộn lên giữa biển nước mênh mang, bầu trời trong xanh lơng lơng trên cao chợt ùa về trong cô. Những tháng ngày kỷ niệm đã trôi qua không bao giờ trở lại, bất chợt Talika từ phía sau chạy đến rụt rè nắm lấy những ngón tay cô giật nhẹ. Mọi người tiếp tục ào ra sân nhảy múa, cuộc vui chỉ mới bắt đầu.

1. Trích từ bài từ Điệp luyện hoa của Âu Dương Tu (đời Tống).

1. Rượu vang Laleur: Một loại rượu vang rất đắt, nổi tiếng thế giới của Pháp

1. An là “bình an”, Duyệt là “vui vẻ”, Sinh là “sinh ra”, vì thế Phong Bình mới cảm thấy tên của An Duyệt Sinh mang đầy niềm vui.

2. Tiểu thư táo: Biệt danh của Phong Bình khi còn nhỏ, người bạn thân Phương Quân Hạo và anh họ cô Bình hìn đều gọi như vậy.

3. Lolita: Nhân vật trong tiểu thuyết nổi tiếng cùng tên của nhà văn Nga Vladimis Nabokov, kể lại câu chuyện một giáo sư đại học yêu một cô gái mười hai tuổi. Từng được dựng thành phim, trong phim nhân vật Lolita được sửa thành mười lăm tuổi. Về sau, những nhân vật chính trong phim có khí chất đặc biệt thì được gọi là Lolita hoặc Loli.

1. Vua Salomon trong Kinh thánh nổi tiếng là một người khôn ngoan, thông thái, là người xây dựng ngôi đền đầu tiên của người Do hái ở Jerusalem, sở hữu một kho vàng khổng lồ. Kho báu của Salomon đã được viết thành tiểu thuyết, dựng thành phim

1. Câu thơ Kinh Kha đã ngâm khi tiễn biệt bên bờ sông Dịch, vào nước Tần để hành thích Tần Vương. Kinh Kha một đi không trở lại, nhưng tác giả mượn điển tích và ví von một cách thật hài hước: Phong Bình sẽ quay trở lại nơi này để “rửa hận”.

2. Zoro: Nhân vật người anh hùng trong bộ phim bom tấn Mặt nạ của Zoro.

1. Tiền Chung hư, tên thật là Ngưỡng Tiên, tự là Triết Lương, hiệu là Hòe Tụ, từng dùng bút danh Trung hư Quân, là nhà văn, nhà nghiên cứu văn học nổi tiếng của Trung Quốc.

2. Oscar Wilder (1854-1900) là nhà soạn kịch, nhà thơ, nhà văn nổi tiếng người Ireland.

1. Một hãng kem nổi tiếng - thuộc tập đoàn Nestlé

2. Carat là đơn vị đo khối lượng sử dụng trong ngành đá quý, nó tương đương với 200miligam.

1. Diệc hư (1946 - nay) là nữ nhà văn nổi tiếng người hượng Hải, còn có bút danh khác là Y Sa Bối. Bà tinh thông nhiều lĩnh vực, kiến thức uyên bác nên được mọi người tôn là “sư thái” - mang hàm ý vui đùa, thân thiết.

1 Tiểu lý tàng đao: trong nụ cười ẩn giấu lưỡi dao.

1 Trong tiếng Trung, Cai Cai (猜猜) phát âm gần giống với Thái Thái (菜菜).

1 Có nghĩa: đời người không thiếu chốn để gặp nhau.

1. Tống Ngọc (301-240TCN), đại phu nước Sở thời Xuân Thu Chiến Quốc nổi tiếng vì rất đẹp trai và tài hoa. Dịch nghĩa: Đêm qua gió thổi vào phòng, gột rửa trái tim con người, xóa hết mọi ưu phiền.

1. Trần Thế Mỹ - một nhân vật trong tích Bao Thanh Thiên xử án, thi đỗ trạng nguyên, vì được chọn làm phò mã, ham vinh hoa phú quý nên đã vứt bỏ vợ con chốn quê nhà.

1. Đồi vật vì ít nên mới trở nên quý hiếm (BTV)

2. Bồn địa Talimu nằm ở Tân Cương, là bồn địa có diện tích lớn nhất Trung Quốc (BTV).

1. 16. Câu chuyện ngọc bích họ Hòa được chép trong sách Hàn Phi Tử.

Người họ Hòa từng dâng khối đá có ngọc quý đến cho Vệ Vương nước Sở và Vũ Vương, nhưng gặp người thợ không biết xem ngọc, coi đó là đá thô, nên bị chặt hai chân. Đến thời Văn Vương, họ Hòa lại ôm đá ngọc khóc ở núi Sở, khóc chảy cả máu mắt. Văn Vương cho xem lại, quả là ngọc báu, mới đặt tên là Ngọc bích họ Hòa. Về sau, nó trở thành quốc bảo của nước Sở và được khắc thành ngọc tử truyền quốc (BTV).

1. Biện pháp chiết trung: Biện pháp điều hòa, đứng ở giữa không theo bên nào. (BTV)

1. Ca sĩ giọng cao nổi tiếng người Nga (BTV).

2. IKEA: Một thương hiệu đồ nội thất nổi tiếng thế giới, có xuất xứ từ Thụy Điển (BTV).

3. Bài từ Ngu mỹ nhân của nhà thơ Tần Quán (1049-1100) – một tác gia nổi tiếng thời Bắc Tống. Dịch nghĩa: Bích đào vốn trồng trên thượng giới, không phải loại hoa bình thường. Nhưng giờ lại nở ở chốn rừng sâu núi thẳm, không biết cành hoa như họa ấy nở vì ai? (BTV)

4. Dịch nghĩa: Rét mướt mưa bay tình vô hạn, chớ nói xuân khó màng, vì chàng thiếp say đâu có sao, chỉ sợ đến khi tình rượu, lại tan nát cõi lòng (BTV).

5. Ca sĩ nổi tiếng Đài Loan (BTV).

6. Vu Đan: Phó viện trưởng Học viện Nghệ thuật và Truyền thông, Đại học sư phạm Bắc Kinh, thạc sĩ văn học cổ đại Trung Quốc, tiến sĩ văn học... Bà có các tác phẩm tiêu biểu như “Luận ngữ tâm đắc”, “Trang tử tâm đắc”... Chương trình “Cuộc đời nghệ thuật của bà được đông đảo khán giả truyền hình mến mộ.

9. Xe Smart là loại ô tô cỡ nhỏ hai chỗ. Xe Karting là loại xe đua cỡ nhỏ có đặc điểm là bánh xe hở, một chỗ ngồi, rất thấp (BTV).

1. Trong mười loại tạn, đảm (mật) là trước tiên (BTV).

1. Nhị thập ngũ hiếu: Giới trẻ Trung Quốc hay nói, nhị thập tứ hiếu là hai mươi tư tấm gương hiếu thảo với cha mẹ, còn trường hợp thứ hai mươi lăm là “hiếu thuận” với người yêu (BTV).

1: Linus Torvalds (1969): nhà khoa học máy tính người Phần Lan, nổi tiếng với việc phát triển hệ điều hành Linux, một ví dụ nổi bật về phần mềm tự do và phát triển mã nguồn mở. Anh từng là sinh viên trường Đại học Helsinki.

4. Một kiểu bánh mì không có bột nở, khô, đặc và ít ngọt hơn, thường được ăn với bơ và mứt.

5. Pháo đài phòng thủ đầu tiên được xây dựng chạy ngang nước Anh dưới thời trị vì của hoàng đế Hadrian năm 122 sau Công Nguyên.

6. Nguyên văn câu trước Charles nói là “... have a nip”, có nghĩa là uống ngụm nhỏ, nhưng Ellie chơi chữ, dùng “nip” là động từ, có nghĩa là cầu, véo.

7. Bài xì lát (xì dách).

1. Nguyên văn tiếng Pháp: Ngược lại.

2. Lụa Đa-mát (damask) là loại lụa nổi tiếng thời kỳ Trung cổ, tên bắt nguồn từ thành phố Damascus - một thành phố lớn và náo nhiệt (là một phần của con đường tơ lụa) chuyên sản xuất và trao đổi buôn bán tơ lụa.

3. Oliver Cromwell (25/4/1599 - 3/9/1658) là một nhà lãnh đạo chính trị và quân sự người Anh, đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập nền cộng hòa ở Anh và sau đó là Huân tước bảo hộ của Anh, Scotland và Ireland.

- 1 Audrey Hepburn: Một diễn viên điện ảnh huyền thoại của những thập niên 1950-1960. Qua các cuộc bầu chọn, bà thường được xem là một trong những phụ nữ đẹp nhất thế kỷ 20.
- 2 Grace Kelly: Một diễn viên điện ảnh nổi tiếng người Mỹ.
- 3 Calvin & Hobbes: Một bộ truyện tranh hài nhiều tập nói về những cuộc phiêu lưu của chú bé sáu tuổi Calvin và con hổ Hobbes. Bộ truyện cực kỳ nổi tiếng và được in trên 2400 tờ báo trên khắp thế giới vào cuối thập niên 80 đến đầu thập niên 90.
- 4 Small Business Administration: Một tiểu ban của chính phủ Mỹ có nhiệm vụ hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ.
- 5 Nguyên văn là “blue chips”: Một loại cổ phiếu chất lượng cao do các công ty lớn có tiếng phát hành.
- 6 Nguyên văn là “Father of the year”: Giải thưởng hàng năm ở Mỹ dành cho những ông bố. Bertram Svenson là bố của Kate.
- 7 Leona và Harry Helmsley: Hai vợ chồng ông vua bất động sản lớn nhất ở Mỹ trong thế kỷ 20.
8. Donna Reed: Nữ diễn viên tài năng của Mỹ đã từng đạt giải của Viện Hàn lâm Mỹ và giải Quả cầu vàng.
- 1 Nguyên văn là “Wet-T-shirt Wednesdays”: Bữa tiệc trong đó người tham dự mặc áo phông mỏng và té nước vào người nhau, một loại hình giải trí quen thuộc của người dân Mỹ.¹, mà chỉ có cái biển cũ kỹ “Xin mời vào” màu trắng sơn bằng tay trên cánh cửa gỗ thông đầy mắt. Ngay cả các quán bar trong thị trấn này cũng sạch sẽ và xinh xắn. Cô đã hạ cánh xuống Disneyland ở Kentucky mất rồi.
- 2 Ca-bin: Loại nhà tương tự như nhà gỗ một tầng trong các khu nghỉ dưỡng, được làm bằng gỗ ghép và chỉ có một tầng, được chia ra làm phòng ngủ, phòng khách, phòng bếp đầy đủ tiện nghi cho các vị khách giàu có trong các khu nghỉ dưỡng đắt tiền.
3. Abraham Lincoln: Tổng thống thứ 16 của nước Mỹ.
- 4 Frank Lloyd Wright: Kiến trúc sư nổi tiếng người Mỹ sống từ nửa cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20, là nhà thiết kế nội thất, đồng thời là nhà văn và

nhà giáo.

5 Croquet: loại trò chơi vừa mang tính chất giải trí vừa có tính thi đấu, bao gồm có gậy đánh bằng gỗ, bóng nhựa và một cái vợt, cần phải đánh bóng chui qua những cái vành được gắn trên sân cỏ để ghi điểm.

6 Luau: bữa tiệc kiểu Hawaii.

7 Kate chơi chữ, trong tiếng Anh, “frank” có nghĩa là ngay thẳng.

8 Frank chơi chữ, lei có nghĩa là vòng hoa, đồng âm với lay, nghĩa là quan hệ tình dục.

9 Andrew Dice Clay: diễn viên hài người Mỹ trong thế kỷ 20.

10 Polo: trò chơi mà người chơi cưỡi ngựa dùng chày có cán dài đánh bóng vào cầu môn để ghi điểm.

1 Ở đây tác giả chơi chữ từ “ground”, nguyên văn câu nói của Mark là “from the ground up”, nghĩa là “từ thấp lên cao”, còn nguyên văn câu nói của Kate là “the ground here certainly goes up”, nghĩa là “mặt đất ở đây rõ là đi lên rồi”.

2 Nguyên văn là “swing”, một cú xuynh gậy bao gồm các chuyển động trước, trong và sau khi gậy người chơi tiếp xúc với bóng.

1 Nguyên văn là “correspondence courses”, nghĩa là các lớp học gửi sách, bài tập... qua đường bưu điện.

2 Taj Mahal: khu lăng tẩm được xây dựng ở Agra, Ấn Độ bởi Mughal Emperor Shah Jahan để tưởng nhớ người vợ mà mình yêu thương nhất.

3 Đây lại là một cách chơi chữ của nhân vật. Trong kinh tế, từ “liquid” có nghĩa là có tính thanh khoản (dễ chuyển thành tiền mặt). Nhưng nghĩa gốc của từ “liquid” là chất lỏng. Vì thế Kate mới nói rằng dù khoản đầu tư đó có bốc hơi thì cô cũng không quan tâm.

4 Nguyên văn là “Paint By Numbers”: một cách vẽ tranh. Bộ sản phẩm này bao gồm: giấy cứng chuyên dụng, cọ vẽ, bản hướng dẫn và màu tô có đánh số. Có kèm theo hướng dẫn cách pha màu, tô màu theo từng số cụ thể. Trong giấy cứng có phân ô theo số. Chỉ cần tô màu theo bản hướng dẫn là sẽ có một bức tranh như mẫu. Đây là cách vẽ tranh cho những người nghiệp dư.

5 Annie Oakley: sống trong giai đoạn cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, là người bắn súng thiện xạ của Mỹ. Tài năng kỳ diệu của cô và sự nổi tiếng đúng lúc đã làm cô trở thành nữ siêu sao đầu tiên ở Mỹ. Hình ảnh cô thường xuất hiện với hai bím tóc tết hai bên và đội một chiếc mũ rộng vành.

6 Daiquiri: hỗn hợp đồ uống gồm rượu rum, nước chanh và đường ướp lạnh.

7 Stetson: một nhãn hiệu mũ cao bồi.

1 Một người bình thường nhịp tim ở vào khoảng 60-100.

2 Nguyên văn là “fly-fishing”, một cách câu cá bằng ruồi nhân tạo thay vì môi câu thông thường.

3 Touchdown: phương pháp ghi bàn chính trong bóng bầu dục ở Mỹ và Canada. Một touchdown được tính 6 điểm, đội nào ghi được touchdown sẽ có cơ hội ghi thêm điểm. Một cầu thủ ghi được touchdown khi anh ta ôm bóng và chạy qua vạch cầu môn (đường cấm địa) của đối phương.

4 Nguyên văn là “mortgage”: khoản vay để mua bất động sản và rồi dùng chính bất động sản đó làm vật thế chấp cho khoản vay.

5 MBA, viết tắt của Master of Business Administration: Thạc sĩ quản trị kinh doanh.

1 Tiffany: thường là biểu tượng cho những cô gái Mỹ 'ngực to, hông to nhưng đầu rộng tuếch'.

2 Twits 'R' Us: một cách chơi chữ của Toy 'R' Us – là chuỗi cửa hàng bán đồ chơi trẻ em nổi tiếng. Twits thường chỉ những người vô dụng, ngu ngơ.

3 Kate chơi chữ, cậu của Jake tên Early, nghĩa là 'sớm'.

1 Lord Byron: tên thật là George Gordon Byron, nhà thơ nổi tiếng người Anh cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19. Ngoài việc nổi tiếng vì là một nhà thơ lớn, ông còn nổi tiếng với cuộc sống riêng tư vốn đầy rẫy những xì căng đan, những câu chuyện tình ái, nghi ngờ, rồi chia tay. Ông được Quý bà Caroline Lamb miêu tả bằng một cụm từ nổi tiếng là 'mad, bad and dangerous to know'. Lúc này Kate mượn cụm này để nói về bản thân mình.

2 A-mi-ăng: một loại khoáng chất được sử dụng làm các vật liệu chống cháy, khi hít phải hạt a-mi-ăng sẽ dễ bị bệnh viêm phổi hoặc ung thư phổi.

3 Calamine: một loại thuốc mỡ bôi da dùng để làm dịu các vết sưng tấy.

1 Godzilla: con quái vật xấu xa khổng lồ trong một bộ phim của Nhật Bản, là sự kết hợp giữa khí đột và cá voi.

2 Hallelujah: thán từ có ý nghĩa ca ngợi Chúa.

3 LBO, nguyên văn là “Leveraged buyouts”: hình thức mua lại và sát nhập các doanh nghiệp bằng nguồn tài chính đi vay. Từ năm 1980, LBO nổi lên như một chiến lược mua lại rất quan trọng.

4 Securities Exchange Commision: Ủy ban chứng khoán Hoa Kỳ, là cơ quan đầu não kiểm duyệt mọi hoạt động mua bán trên thị trường chứng khoán Mỹ, có ảnh hưởng cực lớn đến phố Wall và thị trường chứng khoán thế giới.

Bài từ nổi tiếng của Lục Du (1125-1209), nhà thơ thời Nam Tống. Bài từ xuất phát từ bi kịch của cuộc đời ông. Ông kết hôn với người em họ Đường Uyển. Mẹ ông không thích Đường Uyển và cũng không tán thành cuộc hôn nhân này nên đã chia cách họ. Mười năm sau, hai người gặp lại nhau ở Thẩm Viên, Lục Du viết lên tường một bài từ rất bi phần là Thoa đầu phượng. Không lâu sau, Đường Uyển chết, Lục Du vẫn còn lưu luyến mãi, viết bài thơ tình nổi tiếng Thẩm viên được truyền tụng đến nay.

Bài thơ của Tô Thức (Tô Đông Pha) (1037-1101), nhà văn, nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc đời Tống.

Tên tập truyện của nữ văn sĩ nổi tiếng Quỳnh Dao.

Còn gọi là Nguyệt Lão, vị thần chuyên quản việc hôn nhân theo truyền thuyết Trung Quốc.

Nhà vật lý học nổi tiếng, người Hoa đầu tiên được nhận giải Nobel. Ông kết hôn với Ông Phàm (28 tuổi) năm ông 82 tuổi.

Liễu Hạ Huệ (720-621 TCN): người nước Lỗ, thời Xuân Thu, nổi tiếng là một chính nhân quân tử.

Nhân vật nữ không có thực trong Xạ điêu tam bộ khúc (Anh hùng xạ điêu, Thần điêu hiệp lữ, Ý thiên Đồ Long ký) của Kim Dung.

Một hình phạt dã man thời phong kiến: tứ chi của phạm nhân bị cột vào bốn sợi dây buộc vào bốn con ngựa, con ngựa thứ năm cột vào cổ phạm nhân.

rai : 1 ha = 6,25 rai, 1 rai = 1.600m²

tapioca : Các sản phẩm sơ chế từ sắn (như sắn lát, bột sắn...)

giáp: Một cách đo lường thời gian ở một số nước Á Đông, 1 giáp bằng 12 năm

Soi : Hẻm

easy open : Loại hộp có móc khoén ở trên nắp, ễ giật lên và mở hộp dễ dàng

Kinh lạc là đường khí huyết vận hành trong cơ thể, đường chính của nó gọi là kinh, nhánh của nó gọi là lạc, kinh với lạc liên kết đan xen ngang dọc, liên thông trên dưới trong ngoài, là cái lưới liên lạc toàn thân.

Nửa khắc: Tâm mười lăm phút.

Mắt hạnh: Mắt hình quả hạnh đào, là kiểu mắt tròn và có phần đuôi mắt dài, hình mẫu mắt lý tưởng của các cô gái.

Nguyên mạt: Chiếc khăn lụa dính máu của người con gái trong lần đầu tiên vào đêm động phòng.

Bình thê: Trong chế độ một chồng nhiều vợ, có từ hơn một chính thất trở nên thì gọi là bình thê. Có nghĩa là cả hai (hoặc nhiều) bà vợ đều là vợ cả, chính thất.

Chữ “Hầu” trong Hầu phủ đọc đồng âm với từ “con khi”.

Nhu động: Cử động như giun đất bò.

Chữ Xuyên tiếng Trung viết là: 川|.

Tức là gọi trai bao.

A hoàn bồi giá: Là a hoàn của nhà mẹ đẻ được gả đi theo khi tiểu thư lấy chồng.

Đường huynh: Anh họ đấng nội.

Trong tiếng Trung, Sính Đình có nghĩa là tha thướt (chỉ người con gái xinh đẹp thướt tha).

Khế đất: Văn tự ruộng đất.

Cáo mệnh: Phụ nữ được phong hiệu.

Văn phòng tứ bảo là bốn vật dụng thiết yếu của người học thư pháp, bao gồm: Bút, nghiên, giấy và mực.

Bệnh tiêu khát: Trong Đông y chỉ chứng uống nhiều nước, tiểu tiện nhiều, bao gồm các bệnh đái đường, tháo nhạt... Thời cổ đại chưa có khái niệm về bệnh tiểu đường.

Viên phòng: Chỉ việc bắt đầu cuộc sống vợ chồng.

Đây là hai câu thơ trong bài “Ý Hoài” kỳ thứ mười lăm của Hoàng Cảnh Nhân (Nhà thơ thời Thanh). Dịch nghĩa là: Sao đêm nay đã không còn là sao của đêm trước, vì ai mà vẫn đứng trong gió sương này?

kinh lạc: Đông y chỉ mạch chủ và mạch nhánh.

Hung hữu thành trúc: Làm gì cũng phải có tính toán kĩ càng.

Quý nhĩ tiện mục: Trọng những gì mình nghe thấy hơn là nhìn thấy.

Mục vô dư tử: Chỉ trong mắt không có ai, là người tự cao tự đại.

Tử hư ô hữu: Chỉ chuyện tào lao, chuyện bịa.

Hữu mục cộng đồ: Chuyện ai cũng biết, ai có mắt cũng thấy.

Đồ vật tư nhân: Nhìn vật lại nhớ tới người.

Nhân trung kì kí: Chỉ người tài, người xuất chúng.

Kí tự long văn: Chỉ thần đồng, anh tài.

Văn chất bản bản: Nho nhã, lễ phép.

Bản bản hữu lễ: Cũng cùng nghĩa với văn chất bản bản.

Cầm(琴)sất(瑟)tỳ(瑟)bà(瑟) là bốn loại nhạc cụ, phía trên bốn chữ này đều có bộ hai chữ vương, tổng cộng là tám chữ Vương (Bát đại vương).

Đào phi kí: Phi tần bỏ trốn.

Thứ tử: Con của thiếp thất.

Đích tử: Con của chính thất.

Bả tổng: Một chức quan.

Sát có nghĩa là hung dữ.

Quế Cầm: Tên của Vương thị.

Lôi Phong: Một chiến sĩ của Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc, anh được miêu tả là người vị tha, khiêm tốn, hết lòng vì Đảng và chủ tịch Mao Trạch Đông, anh còn trở thành đề tài cho cuộc vận động toàn quốc có tên “Noi theo tấm gương đồng chí Lôi Phong”.

Tứ năm hành tinh: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ xếp thẳng hàng. Hay còn gọi là ngũ tinh tụ.

biên tu: Là một chức quan.

Hai câu đầu trong Hậu đình hoa (Hoa nở sân sau) của Triệu Mãnh (Đời Nguyên). Nghĩa là: Một chiếc thuyền lá trên khe suối, bên bờ phù dung nở rộ.

Đây là một câu đối với ý là: “Ánh trăng trên mặt nước khiến màn đêm trở nên đẹp lung linh, hoa mai bên suối như được trang điểm nhẹ nhàng.”

Đông xưởng là một trong bốn cơ quan giám sát được Hoàng đế thời nhà Minh thành lập nhằm giám sát hành vi, cử chỉ của các quan lại thuộc mọi cấp. Bốn cơ quan đó gồm: Cấm y vệ, Đông xưởng, Tây xưởng và Nội hành xưởng. Danh từ chung để gọi bốn cơ quan đó là Xưởng vệ.

Ngỗ tác: Tên một chức lại để xét nghiệm tử thi.

Tống Từ (tiếng Trung: 宋慈) (1186 - 1249), tự Huệ Phủ, người huyện Kiến Dương, tỉnh Phúc Kiến thời Tống. Ông là nhà pháp y học trứ danh đời cổ xưa của Trung Quốc và cũng là của thế giới. Ông viết quyển “Tẩy Oan Tập Lục” (洗冤集录), một quyển sách chuyên môn về pháp y học sớm nhất trên toàn thế giới.

Phong quan: là vân ngang nằm giữa đốt thứ nhất và đốt thứ hai của ngón cái trong lòng bàn tay.

Nhị công chúa An Ninh.

Ý chỉ việc lập gia đình riêng sau khi hủy hôn.

Chữ 好Hào (Tốt) được ghép bởi hai chữ 女(Nữ, con gái) và chữ 子 (Nam, con trai).

Chung đậu: Nghĩa là cách chùng ngừa đậu mùa.

Quan phu: Ở đây chỉ người góa vợ.

Là câu nói của Triệu Vân trong Tam Quốc Diễn Nghĩa. Cả câu là: “Đại trượng phu chỉ hoạn công danh bất lập, hà hoạn vô thân”. Ý muốn nói rằng: Thứ mà đàn ông cần quan tâm là công danh sự nghiệp, chứ không phải việc thành gia lập thất.

Văn Tử Hăng đọc phiên âm giống với Văn Tử Hanh. Mà Văn Tử trong lời của Tử San có nghĩa là con muỗi, còn “hanh” là kêu rên. Nên Tưởng Nhược Nam mới ví von như vậy.

Là chứng bị khí hư và ngoại tà xâm nhập, biểu hiện trên lâm sàng đều có triệu chứng khí hư như thở gấp, ngại nói, tự chảy mồ hôi và biểu chứng sốt rét, đau mình, đau đầu, ngạt mũi.

Trong y học cổ truyền, bệnh viêm tắc động mạch chi dưới được mô tả trong phạm vi các chứng “Thoát thu”, “Thoát cốt thu”, “Mạch tý”, “Thập chỉ linh lạc”.

Tam phục thiên: Khoảng thời gian từ tháng Sáu đến tháng Chín dương lịch. Đông y gọi các thứ bệnh đau buồn trong lòng là can khí.

Tương phi trúc: Trong lịch sử Trung Quốc, vào thời Ngũ Đế có Nga Hoàng và Nữ Anh đều là con gái của Đế Nghiêu và cùng là vợ của Đế Thuấn. Lần Đế Thuấn đến đất Thương Ngô bên bờ sông Tương thì ngã bệnh qua đời, hai bà ngồi cạnh mộ bên bờ sông Tương khóc ròng rã suốt bảy ngày bảy đêm. Chỗ nước mắt của hai bà rơi xuống mọc ra bụi trúc nên người đời gọi luôn đó là “Tương phi trúc”, sau khi khóc than thì Nga Hoàng cùng Nữ Anh đều trầm mình xuống sông để tuân tiết theo chồng.

Loại cảm ứng này là...

Sự kiện Phong trào Nghĩa Hòa Đoàn năm 1900. Sau khi Liên quân tám nước Anh, Pháp, Nhật, Nga, Đức, Mỹ, Italia, Áo đánh vào Bắc Kinh, Từ Hy Thái Hậu đã bắt lặc, chấp nhận ký bản Hiệp ước Tân Sửu với 11 nước Anh, Pháp, Nhật, Nga, Đức, Mỹ, Italia, Áo, Tây Ban Nha, Bỉ, Hà Lan. Đây là một hiệp ước bất bình đẳng, là hiệp ước bán nước nhục nhã xưa nay chưa từng có của xã hội Trung Quốc.

Điều may mắn không đến hai lần cùng lúc, tai họa không bao giờ đến một mình.

Pardon: là “Xin lỗi?”, ý hỏi một cách lịch sự đối phương vừa nói gì khi không nghe rõ.

Bandari: nhóm nhạc nổi tiếng của Thụy Sĩ được thành lập vào năm 1990. Bandari tạo riêng cho mình một nét nhạc rất độc đáo: đưa thiên nhiên vào âm nhạc.

Shakespeare (1564-1616): nhà văn, nhà viết kịch vĩ đại người Anh.

Wordsworth (1770-1850): nhà thơ lãng mạn người Anh.

Chỉ vợ chồng không hợp nhau.

Valentin Louis Georges Eugène Marcel Proust (10/7/1871 - 18/11/1922): nhà văn người Pháp, được biết đến nhiều nhất với tác phẩm Đi tìm thời gian đã mất (*À la recherche du temps perdu*).

Chính xác.

Vì điều gì?

Hiểu không?

Thì sao cơ?

Nhân Vương kinh, hay còn gọi là Bát Nhã Nhân Vương kinh, tên đầy đủ là Bát Nhã Nhân Vương hộ quốc thần bảo ký kinh, là một bộ kinh bao gồm khoảng 40 bài kinh Đại thừa được gọi chung dưới tên này với nội dung, mục đích hướng dẫn hành giả đạt được trí Bát Nhã, thành tựu Bát Nhã Ba La Mật Đa. Bộ kinh này là một phần quan trọng của bộ Kinh Phương đẳng, được ghi lại từ thế kỷ thứ nhất trước công nguyên đến khoảng thế kỷ thứ năm trước công nguyên.

Thiên điều: là một loại cây thân thảo, có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Phi và châu Mỹ nhiệt đới. Hoa bao gồm ba lá đài màu da cam rực rỡ, ba cánh hoa màu lam ánh tím. Tràng hoa màu lam sẫm, nhụy màu trắng. Hai trong số ba cánh hoa hợp lại thành tuyến mật hình mũi tên.

Vương Lão Cát: một loại đồ uống giải nhiệt của Trung Quốc, thành phần gồm: thiên thảo, đàn hoa, hoa cúc, kim ngân hoa, hạ khô thảo, cam thảo.

Bài hát chủ đạo trong một bộ phim truyền hình về tình yêu học đường lần đầu tiên được làm theo thể sitcom, có trong album Mùa đông ở Bắc Kinh do hãng Warner Music phát hành vào 1/1/2010.

“Lá sen xanh biếc liền trời thăm. Nắng chiếu hoa sen lạ sắc hồng.” Hai câu thơ trích trong Hiếu xuất Tĩnh Từ Tự tống Lâm Tử Phương (Buổi sớm ra chùa Tĩnh Từ tiền Lâm Tử Phương) của nhà thơ Dương Vạn Lý thời Nam Tống, Trung Quốc.

“Hồng nhan thắm thoát xuân qua, Hoa tàn người vắng ai mà biết ai.” Trích bài Táng hoa từ (Bài từ chôn hoa) trong tiểu thuyết nhà của Tào Tuyết Cần đời Thanh, Trung Quốc.

Blue trong tiếng Anh vừa có nghĩa là màu xanh da trời vừa có nghĩa là nỗi buồn.

Sherry, cô không sao chứ?

CBD: viết tắt của Central Business District, khu trung tâm hành chính và thương mại của một quốc gia hay một thành phố.

Immanuel Kant (1724 - 1804): triết gia nổi tiếng người Đức.

Câu lưu: một hình thức bắt giữ tạm thời, trong khoảng một thời gian ngắn để điều tra.

Cây cầu độc mộc: chỉ chiếc cầu làm từ thân cây khô, bắc qua sông, qua rạch.

Viêm Đế: một vị vua huyền thoại của các dân tộc, chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa, một trong Tam Hoàng và được coi là anh hùng văn hóa Trung Hoa. Câu nói này ý chỉ Trung Hoa là một đất nước trọng văn hóa, lễ nghĩa.

Tiếng địa phương của người Tứ Xuyên, tương đương với “kiểu quái gì”.

Penthouse là căn hộ nằm trên tầng cao nhất của một tòa nhà, người ta còn gọi là căn hộ thông tầng.

Sát thủ chuyên nghiệp.

Tử kinh: là một loài cây thân gỗ, các lá to và dày cùng các hoa đỏ ánh tía nổi bật. Hoa tử kinh cũng là biểu tượng trên lá cờ Hồng Kông.

Đã bất hạnh rồi thì cũng phải bất hạnh một cách tốt nhất.

(1) Một kiểu nhân vật trong truyện manga, bề ngoài hiền lành nhưng trong lòng rất xấu xa.

(2) Ý chỉ khái niệm “ngược” trong truyện ngôn tình.

(3) Viết tắt của Central Business District: khu trung tâm hành chính và thương mại của một quốc gia hay thành phố.

(4) Một vị thuốc giúp thanh nhiệt, giải độc, lợi yết hầu.

(5) Ý của câu thành ngữ này là chỉ lâu đài gần bờ nước sẽ được ánh trăng chiếu sáng trước tiên, thường dùng để ví với việc ở gần thì được ưu tiên.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu: “Cận thủy lâu đài” để ví với việc ở gần thì được ưu tiên trước.

(6) Grandet: nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết 'Eugénie Grandet' của Honoré de Balzac, nổi tiếng vì sự giàu có, khôn ngoan và đặc biệt là vô cùng keo kiệt.

(7) Trong thần thoại Hy Lạp, Medusa là một con quỷ trong ba chị em quỷ có tên chung là Gorgon.

(8) Có nghĩa là cảm giác không chân thực.

(9) Ý chỉ người có nhiều tài năng.

(10) Nữ nhà văn Trung Quốc với những tác phẩm tiêu biểu như: 'Bá vương biệt cơ, Thanh xà, Cây cầu sinh tử...'

(11) Có nghĩa là: sống ngày nào vui ngày ấy.

(12) Viết tắt của tên Cố Bình An: Gu Ping An.

(13) Có nghĩa là: Cố công chúa, / Em đồng ý lấy anh nhé? / Thẩm

Thu Cúc: Tên nhân vật chính trong bộ phim Thu Cúc đi kiện của đạo diễn Trương Nghệ Mưu.

Chu Bát Bì: Tên địa chủ gian ác trong tác phẩm Bán dạ kê khứu của nhà văn Cao Ngọc Bảo. Tên địa chủ này thường giả tiếng gà gáy để bắt người ở dậy sớm làm việc.

Nhân vật “Tiểu Thanh” trong Bạch xà truyện.

THỐI SÁO Vua Tuyên Vương nước Tề thích nghe sáo, và lúc nào muốn nghe, bắt ba trăm người cùng thổi một loạt. Trong ba trăm người ấy, có Đông Quách tiên sinh không biết thổi sáo, nhưng cũng lạm dự vào đây để kiếm lương ăn. Đến khi vua Tuyên Vương mất, vua Mẫn Vương nối ngôi, cũng thích nghe sáo. Nhưng chỉ muốn nghe riêng từng người một mà thôi. Đông Quách tiên sinh thấy thế, tìm đường trốn trước. (Hàn Phi Tử)

Lâm Ngữ Đường (10/10/1895 – 26/3/1976), tên chữ Ngọc Đường, là nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc. Ông được xem là người có công lớn trong việc giới thiệu văn hóa Trung Quốc ra thế giới, với những cuốn sách bằng tiếng Anh, nói về nghệ thuật, văn hóa và nhân sinh quan của người Trung Quốc.

“Such a fruitcake! ” là một câu chữ có nghĩa là “Đồ gay!” hoặc “Đồ điên!”

Thái tang tử - Tân Khí Tật Nguyên văn Niên thiếu bất thức sâu tư vị, ái thượng tầng lầu. Ái thượng tầng lầu, vi phú tân từ cường thuyết sâu. Nhi kim thức tấn sâu tư vị, dục thuyết hoàn hưu. Dục thuyết hoàn hưu, khước đạo thiên lương hảo cá thu Văn dịch Người đang còn trẻ thì không rõ cảm giác ưu sầu, thích đăng cao nhìn về nơi xa. Thích đăng cao nhìn về nơi xa,

vì ngâm phú tân từ mà miễn cưỡng nói sầu. Mà hiện tại nếm hết cảm giác ưu sầu muốn nói rồi lại không nói gì. Muốn nói mà không nói gì, lại chỉ nói: “Mùa thu mát mẻ làm sao!”

Tương: Tên gọi khác của tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc

Công tước xứ Windsor: Chuyện tình của Edward VIII nước Anh và những ngày hạnh phúc bên người phụ nữ của mình - Wallis Simpson.

“Ngư Dương bề cổ động địa lai” trong tác phẩm “Trường hận ca” của Bạch Cư Dị. Vu Dương và Ngư Dương đều có phiên âm là Yu Yang.

Raphael, Titian là những họa sỹ nổi tiếng thời kì phục hưng ở Tây Âu.

Albrecht Dürer (1471 - 1528): Họa sỹ người Đức

Năm sản xuất của xe.

Tên viết tắt của loại xe Thunderbird do hãng Ford sản xuất.

Dòng xe ô-tô đặc trưng của Mỹ có vẻ ngoài được thiết kế nam tính và mạnh mẽ, là biểu tượng và phong cách của người Mỹ những năm 70-80 thế kỷ trước, tiêu biểu với các dòng Ford Mustang, Chevrolet Camaro và Dodge Challenger/Charger...

Một loại dầu chống gỉ.

Một môn thể thao được cải biên từ bóng chày để dành cho trẻ con chơi.

Thú có vú thuộc họ Dasypodidae ở miền nam Bắc Mỹ và Nam Mỹ.

Một cách gọi xe Cadillac.

Chỉ những người ở khu vực Đông Bắc của Mỹ

Một ban nhạc rock của Mỹ được thành lập vào năm 1995, đã từng có ba albums liên tiếp xếp hạng nhất trên Billboard 200.

Chữ cái đầu của một từ chửi bậy trong tiếng Anh, còn dùng để chỉ hành động quan hệ tình dục.

Ở đây Nathan dùng câu nói “If it harelips the governor” có nghĩa là bất chấp hậu quả, một câu mà người Texas hay nói.

Nekkid Boobs and Butts Club (tiếng Anh)

Kiểu tóc chia nhọn giữa đầu, hai bên được cạo sạch tóc.

Tên một công ty của Canada được thành lập năm 1930, cung cấp miễn phí dịch vụ chào đón những gia đình sắp có sự thay đổi trong lối sống, như là chuyển nhà, tổ chức đám cưới, sắp sinh con, v.v...

Một loại nút thắt có thể trượt đi trên dây để điều chỉnh độ rộng của vòng dây.

Kí hiệu của Thang độ Fujita hay Thang độ Fujita–Pearson, một thang đo sức gió và khu vực ảnh hưởng của lốc xoáy được lập bởi nhà khí tượng học Fujita Tetsuya của Đại học Chicago năm 1971. Chúng gồm 6 cấp độ từ 0 đến 5. Cấp 0 là cấp thấp nhất.

Internal Revenue Service: Tổng cục thuế Mỹ

Một loại thuốc kháng sinh dành cho trẻ em

Big D: biệt danh của Dallas

Mullet có nghĩa là cá đối (tiếng Anh)

Đơn vị km/h

Một món ăn Mexico làm từ ngũ cốc, thịt băm, ớt, dầu, rồi đem hấp.

Một loại xe ô-tô mà các hàng ghế sau ghế lái xe có thể bỏ ra hoặc gấp lại, và khoang chứa đồ sau ghế hành khách cũng được nới rộng hơn so với các loại xe khác, mục đích ban đầu của dòng xe này là để chở đồ.

Điểm khác biệt giữa trò bóng bầu dục cờ và bóng bầu dục thông thường là thay vì giành bóng trực tiếp từ đối thủ, người ta gỡ lá cờ trên thân người cầm bóng.

Một kiểu ghi điểm trong môn bóng bầu dục.

Một ban nhạc Alternative rock của Mỹ.

1. Ý muốn nói một việc gì nhỏ nhặt đến mấy xảy ra đều không phải tình cờ.
2. Nguyễn Đắc Xuân, Từ Phú Xuân đến Huế (Hồi ký), Nhà xuất bản Trẻ, 2012.
3. Không rõ sau này về nước, “anh Khê” có đem 17 các-tông ấy về không. Xem danh sách trên 500 các-tông di sản của Trần Văn Khê tặng cho Thành phố Hồ Chí Minh để tại tầng 1 dãy nhà sau 32 Huỳnh Đình Hai, quận Bình Thạnh, không thấy đề cập đến 17 các-tông vật dụng riêng của cô Đoan.
4. Không ngờ sau đó không lâu, cô Ngọc Hân, một trong những thư ký của Trần Văn Khê, đã tìm được tiền tài trợ và cũng đã tìm được người dịch. Trước khi qua đời Trần Văn Khê đã xem qua một số trang bản dịch rồi. Hiện nay (3/2016) việc dịch Trần Văn Khê et le Vietnam sắp hoàn thành.
5. Sài Gòn Tiếp Thị, số ra ngày 29/8/2012.

6. Lời đề tặng Marrisonettes sur eau du Viet Nam, Huế 3/11/1993.
7. Lời đề tặng ngày 12/4/2001, Hồi ký Trần Văn Khê, Tập I.
8. Lời đề tặng Tự truyện Trần Văn Khê, Những câu chuyện từ trái tim, ngày 8/3/2011.
9. Lời đề tặng Tính dân tộc trong âm nhạc Phạm Duy & Tình bạn Duy-Khê, ngày 4/10/2013.
10. Trích bài hát Người tình già trên đầu non, Phạm Duy.
1. Trích Hồi ký Đãi cát tìm vàng, Trần Văn Khê.
11. Trích bài Trăng thu dạ khúc, Hải Đăng.
12. Cần bổ sung một số chi tiết của công trình của Lê Mạnh Thát, Vài tư liệu mới cho việc nghiên cứu âm nhạc Việt Nam trước năm 939, công bố năm 1970 tại Sài Gòn và tái bản năm 2001 tại Việt Nam với tựa đề Lịch sử âm nhạc Việt Nam từ thời Hùng Vương đến Lý Nam Đế.
13. Thầy có ưu ái viết vài trang về chuyện này trong Hồi ký Trần Văn Khê tập 5, Đãi cát tìm vàng, với tựa đề Lấy Luật học nuôi Nghệ thuật vì sự thật là tôi mưu sinh bằng nghề luật sư để có phương tiện nghiên cứu âm nhạc.
14. Thanh điệu tiếng Việt và âm nhạc cổ truyền của tác giả Hoàng Kiều, Viện Âm Nhạc, 2002.
15. Gagaku và Nhã nhạc của tác giả Văn Minh Hương, Nhà xuất bản Thanh Niên, 2003.
16. Bến Cũ Văn Lâu tại Thùỵ Khương trang
17. Hồi ký Trần Văn Khê xuất bản lần đầu năm 2005 gồm năm tập với 20.000 bản. Năm 2010 và 2013, hồi ký được tái bản, chắt lọc lại còn hai tập với số lượng in mỗi lần là 10.000 bản (BT).
18. Những chuyện trên thuật lại từ Hồi ký Trần Văn Khê (Công ty văn hóa Phương Nam và Nhà xuất bản Thời đại phát hành).
19. Trên thực tế là Biên bản làm việc.
20. Nhà báo Nguyễn Thế Thanh soạn lời mở đầu cho cụm bài này và chọn 11 bài thơ xướng họa trong cuốn sách Cung đàn tri kỷ tri âm do gia đình nhà thơ Tôn Nữ Kỳ Khương cung cấp.
21. Tên thật là Nguyễn Phúc Ứng Bình (1877 - 1961) cháu nội của Tuy lý vương Miên Trinh, từng được triều đình nhà Nguyễn phong nhiều chức

quan trọng đó có Thượng thư trí sử (1933) và Hiệp tá Đại học sỹ (1943).
Lễ kỷ niệm ngày dân tộc Do Thái vượt qua Hồng Hải.

Một loại cổ chua.

Dân Do Thái kỷ niệm ngày ra khỏi Ai Cập

Ngày lễ cuối tuần của người Do Thái.

(1) Một số người sẽ nhầm lẫn khái niệm cổ tức với khái niệm lợi nhuận mà chúng ta đang thảo luận trong chương này. Lợi nhuận là số tiền mà công ty kiếm được hàng năm sau khi đã trừ đi tất cả các chi phí và thuế. Cổ tức là khoản tiền mà công ty trả cho các cổ đông trên cơ sở lợi nhuận chia theo cổ phần mà họ đóng góp. Một công ty có thể có lợi nhuận khổng lồ tuy nhiên không nhất thiết phải trả cổ tức.

(1) Đây là một chỉ số quan trọng trong chính sách kinh tế - tiền tệ của một quốc gia.

(1). Stephen King: nhà văn chuyên viết truyện kinh dị nổi tiếng của Mỹ.

(*) Danh sách này không bao gồm các công ty đã sáp nhập vào công ty khác.

(1) Home run: khái niệm trong bóng chày, cú đánh cho phép người đánh chạy quanh ghi điểm mà khỏi phải dừng lại.

(2) Trong cuốn sách này, chúng ta sẽ gặp một số vấn đề phức tạp xuất hiện khi các công ty chia nhỏ cổ phiếu của họ - chia một cổ phiếu thành hai cổ phiếu, chia một cổ phiếu thành ba, v.v... Nếu bạn đầu tư 1.000 đô la vào 100 cổ phiếu của công ty X, mỗi cổ phiếu có giá 10 đô la, sau đó một cổ phiếu được chia nhỏ thành hai cổ phiếu, và bạn ngẫu nhiên có 200 cổ phiếu với giá 5 đô la một cổ phiếu. Hai năm sau, giả định giá cổ phiếu tăng lên 10 đô la và bạn sẽ có số tiền lớn gấp đôi. Tuy nhiên, với một người không biết gì về chia nhỏ cổ phiếu, anh ta sẽ cho rằng bạn chẳng được thêm gì, vì cổ phiếu bạn mua với giá 10 đô la lại bán ra với giá 10 đô la. Trong trường hợp của Subaru, cổ phiếu thực sự chưa bao giờ được bán với giá 312 đô la. Cổ phiếu đã được chia nhỏ từ một cổ phiếu thành tám cổ phiếu trước khi giá tăng, vì vậy thực chất giá cổ phiếu tại thời điểm đó chỉ có 39 đô la (312:8). Để phù hợp với mức giá này, tất cả các số liệu trước khi chia nhỏ đều phải chia cho 8. Đặc biệt mức giá thấp 2 đô la vào năm 1977 sau

khi được “điều chỉnh chia nhỏ” chỉ còn 25 xu một cổ phiếu ($2:8=0,25$ đô la), mặc dù thực chất cổ phiếu không bao giờ bán ở mức giá 25 xu. Các công ty nói chung không muốn giá cổ phiếu của họ tính theo đô la quá cao, đó là lý do vì sao các công ty chia nhỏ cổ phiếu.

1. Tác phẩm *Recherches sur l’Origine du Langage et de la Conscience* được dịch giả Đoàn Văn Chúc dịch sang tiếng Việt, với tựa đề: *Tìm cội nguồn ngôn ngữ và ý thức* [THẢO, Trần Đức (1973 (1996))]. Tuy nhiên, sau khi đọc các Báo cáo (I, II) của Giáo sư Trần Đức Thảo gửi Trung ương về tác phẩm này, thì tôi thấy rằng, chữ *Langage* trong nguyên bản tiếng Pháp phải được dịch là tiếng nói. Vì vậy, tên đúng của tác phẩm này trong tiếng Việt phải là: *Những nghiên cứu về nguồn gốc tiếng nói và ý thức*. Từ đây, mỗi khi đề cập đến tên tiếng Việt của tác phẩm ấy, tôi sẽ sử dụng cái tên này, còn khi đề cập đến bản dịch tiếng Việt cụ thể của dịch giả Đoàn Văn Chúc, thì tôi sẽ sử dụng lại tên cũ của dịch giả. (BS)
2. Tôi in nghiêng (NTC).
3. KANT, I. [1781] (2004). *Phê phán lý tính thuần túy*. Bùi Văn Nam Sơn dịch. Hà Nội: Nxb Văn học, tr. 1176.
4. HƯNG, Phạm Thành (2013).
5. “The ideas of economists and political philosophers, both when they are right and when they are wrong, are more powerful than is commonly understood. Indeed the world is ruled by little else” (KEYNES, J. M. (1936). *The General Theory of Employment, Interest and Money*. Cambridge, UK: Cambridge University Press, p. 204).
6. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1984b). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)
7. Tác giả có chút nhầm lẫn. Trên thực tế, Edmund Husserl mất năm 1938. (BS)
8. Nước Pháp được giải phóng khỏi phát-xít Đức vào mùa Thu năm 1944. (BS)
9. Tác phẩm *Erfahrung und Urteil: Untersuchungen zur Genealogie der Logik* [Kinh nghiệm và phán đoán: Những nghiên cứu về niên đại học của logic] của Husserl, được xuất bản năm 1939, sau khi Husserl qua đời. (BS)

10. Husserl tự phân loại các bản thảo của mình thành năm nhóm, được xếp từ Nhóm A đến Nhóm E, trong đó Nhóm D gồm các bản thảo cuối đời, đề cập nhiều đến vấn đề “primordiale Konstitution” (kiến tạo nguyên thủy).

(BS)

11. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1982). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

12. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1987a). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

13. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1989a). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

14. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1989b). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

15. Năm Stalin xuất bản tác phẩm *Диалектический материализм и исторический материализм* [Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử]. (BS)

16. Người Khéo (*homo habilis*) tồn tại trong khoảng thời gian cách đây từ 2,3 triệu tới 1,4 triệu năm, thể tích não bộ tăng dần từ 530 cm³ tới 660 cm³. Người Khôn (*homo sapiens*) xuất hiện cách đây khoảng 600.000 – 400.000 năm, thể tích não bộ tăng dần từ 1.100 cm³ tới 1.400 cm³. Người Tinh Khôn (*homo sapiens sapiens*) xuất hiện cách đây khoảng 200.000 năm, thể tích não bộ tăng dần từ 1.000 cm³ tới 1.850 cm³. (BS)

17. Phạm Trọng Luật dịch. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1946b] (2004).

18. Thuật ngữ *phénoménologie* được Giáo sư Trần Đức Thảo dịch là hiện tượng luận, luận hiện tượng, hiện tượng học... Tuy nhiên, sau khi đọc kỹ di cảo của Giáo sư và trao đổi với các chuyên gia, tôi thấy cách dịch thuật ngữ này thành hiện tượng luận là chính xác hơn cả, vì *phénoménologie*, trước hết và quan trọng nhất, là một cách lập luận về hiện tượng, để qua đó mở ra con đường mới cho nhận thức (Từ điển bách khoa *Britannica Encyclopedia* định nghĩa hiện tượng luận như là một phương pháp mô tả và phân tích ý thức để qua đó triết học cố gắng trở thành một khoa học chính xác). Vì vậy, từ đây về sau, trừ khi thuật ngữ hiện tượng học xuất hiện trong các tác

phẩm tiếng Việt của Giáo sư Trần Đức Thảo, còn lại đều được biên tập thành hiện tượng luận. (BS)

19. Trần Đức Thảo rất kín đáo về việc tiếp thu chủ nghĩa Marx. Tuy nhiên, đây không phải là vấn đề khó trả lời. Một giáo sư Mỹ viết về ông khẳng định Trần Đức Thảo đã từng gia nhập Đảng Cộng sản Pháp trong thập niên 1940 [FEDERICI, S. (1970)]. Dù thông tin trên đúng hay không, Đảng Cộng sản Pháp đương nhiên là nơi đã đào tạo rất nhiều trí thức theo chủ nghĩa Marx tại đây, trong số đó hẳn cũng có Trần Đức Thảo.

20. BARTHES, R. (1951b).

21. NAVILLE, P. (1947). Marx ou Husserl. Nguồn: Les Conditions de la Liberté. Paris: Ed. du Sagittaire, pp. 162–167.

22. MARX, K. [1844] (1968). Manuscripts de 1844. Présent., trad. et notes de Emile Bottigelli. Paris: Ed. sociales, p. 91.

23. Sđd., tr. 93.

24. Đây là từ đã nhảy mất trong nguyên bản. Bản dịch của Laura Lafargue mà Trần Đức Thảo sử dụng ghi là “art”, theo bản in của K. Kautsky; bản dịch sau của Maurice Husson và Gilbert Badia ghi là “mythologie”, và giải thích là dựa trên bản in ở Moscou (1939). Chúng tôi cũng nghĩ rằng “mythologie” đúng hơn, vì mấy câu kế tiếp đều nêu danh các vị thần Hy Lạp. Nguồn: MARX, K. (1957), Contribution à la Critique de l’Economie Politique [Góp phần phê phán kinh tế chính trị học]. Trad. de l’allemand par Maurice Husson et Gilbert Badia. Paris: Ed. sociales, p. 174.

25. Sđd., tr. 174

26. Sđd., tr. 175

27. Tất nhiên, không nên lẫn lộn sự hưởng thụ cái tuyệt đối do con người sản sinh ra một cách ý thức với tình cảm thụ động về tính đồng nhất chung chung của vạn vật. Ở một nơi như Ấn Độ, thứ cảm thức sau tương ứng với loại trình độ kỹ thuật lạc hậu và bất lực, không làm chủ nổi thiên nhiên phong phú (Chú thích của Trần Đức Thảo).

28. Phạm Trọng Luật dịch. Nguồn: THAO, Trần Đức [1949a] (2004).

29. Phê phán giấc ngủ giáo điều của Đảng Cộng sản Pháp, Sartre viết năm 1956: “Đã đến lúc [tư duy vô sản] phải lật ngược các triết thuyết tư sản

cuối cùng, giải thích nó, phá vỡ cái vỏ ngoài để sáp nhập phần tinh túy bên trong. Còn chờ đợi gì? Người duy nhất ở Pháp đã thử đấu tranh với đối phương trên lãnh địa của nó là Trần Đức Thảo...; người duy nhất ở châu Âu đã thử giải thích nguyên nhân của các trào lưu tư tưởng hiện đại là Lukács, nhà cộng sản Hungary mà tác phẩm mới nhất cũng chưa được phiên dịch..”. (SARTRE, J.-P. (1956). “Le Réformisme et les Fétiches”. Les Temps modernes, n° 122, pp. 1153–1164). Nói về Sartre với Phan Huy Đường, Trần Đức Thảo cho rằng: “Sartre là nhà triết học duy nhất đã đặt ra những câu hỏi đáng đặt” (ĐẠO, Trần [1993] (2004)).

30. Descartes phân biệt hai thực thể: vật hữu tri (res cogitans) và vật hữu hình (res corporex). Thuộc tính chính của vật hữu tri là tư duy, của vật hữu hình là quảng tính hay hậu lượng (étendue). Vì tất cả những phẩm chất khác ở mỗi thực thể đều là thứ yếu nên gọi là phẩm chất hàng hai. Từ sau Locke, phẩm chất hàng một chỉ những thuộc tính khách quan gắn liền với vật thể (quảng tính, hình thể, vận động), trong khi phẩm chất hàng hai chỉ tồn tại nhờ và cho chủ thể nhận thức (màu sắc, mùi, vị...).

31. Dasein: hữu thể, một khái niệm cơ bản trong triết học hiện sinh của Martin Heidegger. (BS)

32. Summum jus, summa injuria = comble de justice, comble d’injustice: người ta có thể gây ra nhiều bất công khi áp dụng luật pháp một cách quá khắt khe.

33. Trần Đức Thảo nhắc đến một luận điểm trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản – một luận điểm có ý nghĩa rất quan trọng trong sự chuyển dịch của ông từ hiện tượng luận sang chủ nghĩa duy vật biện chứng, định hướng sự phát triển của tư tưởng triết học và sự dẫn thân chính trị của ông: “Vào thời kỳ mà cuộc đấu tranh giai cấp đi đến lúc quyết định, thì quá trình tan rã bên trong tầng lớp thống trị, bên trong toàn bộ xã hội cũ mang một tính chất mạnh mẽ và triệt để đến mức một bộ phận của tầng lớp thống trị sẽ tự rời bỏ giai cấp mình và liên kết với tầng lớp, với giai cấp cách mạng, tầng lớp nắm giữ tương lai trong tay họ... Cũng tương tự như trước đây, một bộ phận quý tộc chuyển qua giai cấp tư sản, ngày nay cũng tương tự như vậy, một bộ phận tư sản sẽ chuyển qua giai cấp vô sản. Đặc biệt hơn, một bộ

phận những nhà tư tưởng tư sản với sức mạnh công việc của mình, họ có thể nổi lên do am hiểu về lý luận toàn bộ quá trình vận động của lịch sử”. (MARX, K., & F. Engels (1848), Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1984b)). (BS)

34. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1950b] (2013). Bản sử dụng ở đây đã được sửa chữa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BT)

35. Từ đây trở đi, các chữ trong ngoặc vuông do triethoc.edu.vn thêm vào cho rõ nghĩa.

36. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1956e] (2005). Bản sử dụng ở đây đã được sửa chữa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. Do khuôn khổ của cuốn sách, nên bản sử dụng ở đây chỉ công bố một phần của tác phẩm này. Bản đầy đủ sẽ được công bố trong Tổng tập Trần Đức Thảo. (BS)

37. Tài liệu [B].

38. Bản A.

39. trường quan sát. (BS)

40. Bản A.

41. Tài liệu [B].

42. Tài liệu [B].

243. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1977b). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

460. Nguồn: TRUYỀN, Triệu Tử (2011). Do khuôn khổ của cuốn sách, bản sử dụng ở đây có lược bớt một số ý nhỏ, và chỉnh sửa một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)

461. RICŒUR, P., “Sur la phénoménologie”, *Esprit*, 12/1952, p. 827. Cao Việt Dũng trích dịch trong bài viết tưởng niệm triết gia Trần Đức Thảo của Michel Kail trên tờ *Les Temps modernes* số 568, tháng 11/1993, năm thứ 49. Như vậy là có cấp bậc, và niềm tin của Trần Đức Thảo được đặt dứt khoát nơi chủ nghĩa Marx chứ không phải trên hiện tượng luận: ngay cả khi được trình bày trong sáng như trong suốt phần một của tác phẩm, hiện tượng luận vẫn là bất cập; trái lại chủ nghĩa Marx thì hoàn chỉnh và chỉ nhận từ hiện tượng luận một thứ thiết bị kỹ thuật. Thật ra, đây là một hành trình: hiện tượng luận trao đũa thiêng lại cho chủ nghĩa Marx cùng với

loại từ vựng cho phép nó mô tả sự vận động của ý thức và những huyền thoại của Lịch Sử (trích bài điểm sách của Roland Barthes, đăng trên Combat, ngày 11/10/1951, và in lại trong Roland Barthes toàn tập, quyển 1, 1993, tr. 107. Bản dịch của Phạm Trọng Luật). Jean-François Revel đã chỉ trích Patrick Kéchichian vì đã viết Trần Đức Thảo là triết gia mác-xít đăng trên Le Monde des livre, lúc Trần Đức Thảo từ trần, lẽ ra phải viết: “Ông ấy là nhà hiện tượng luận”...

462. Nguyên lý bất định là một nguyên lý nguyên nhân quan trọng của cơ học lượng tử, do Werner Heisenberg đưa ra, phát biểu rằng người ta không bao giờ có thể xác định chính xác cả vị trí lẫn vận tốc (hay động lượng, hoặc xung lượng) của một hạt vào cùng một lúc. Nếu ta biết một đại lượng càng chính xác thì ta biết đại lượng kia càng kém chính xác.

463. “Nhưng chúng tôi còn xin nói một điều nữa cho ổn và cho đầy đủ: có bạn sẽ hỏi rằng hiện tượng luận có phải là một chủ thuyết đúng không... và các nhà trí thức dùng phương pháp hiện tượng luận để diễn giảng, để mô tả... như vậy có đúng không... Vậy chúng tôi chỉ còn có thể mạn phép trả lời thế này: hiện tượng luận là một chủ thuyết triết học mới nhất của cả nền triết học thế giới, hợp thời thượng và nhiều tính chất cách mạng nhất – đã vượt gần hết tất cả các hệ thống cổ điển, thì tất nhiên nó đúng và chân xác hơn hết với cái nghĩa là giữa lúc mà các hệ thống duy lý (trong đó có duy tâm) và kể cả duy vật và hai hệ thống duy thực và duy nghiệm truyền thống – xin nói – truyền thống – làm căn bản triết lý cho chính khoa học, đã không đóng đầy đủ và trọn vai trò nhận thức của họ – kể cả nhận thức khung cảnh cũng bị hiện tượng luận vượt: khoa học đây là các khoa học và những thuyết về khoa học lý (epistémologie) đã quy định ra chủ nghĩa khoa học “scientisme” trước đây chẳng hạn”. (Tam Ích, Văn học hiện tượng luận có phải là văn học khiêu dâm không?. Tạp chí Văn, 1967).

464. “Trái với hai phái duy tâm và duy thực truyền thống đã siêu cực hóa (extrapolation) sự nhận thức, hiện tượng luận chủ trương rằng Ý thức bao giờ cũng là ý thức về một cái gì. (La conscience est toujours la conscience de quelque chose). Nói một cách khác, ở hiện tượng luận, giữa khái niệm chủ thể và đối tượng có một tương quan giao hỗ (corrélacion). Ý thức chủ

quan gọi là noème, đối tượng ý thức là noèse – và sự tương quan giao hỗ gọi là “corrélat noé – tico – noématique”. Thực ra, hiện tượng luận cũng có chứa một mẫu màu sắc duy tâm chủ quan của Berkeley, Fichte hay Vương Dương Minh – chính Merleau–Ponty đôi khi cũng ngờ ngợ rằng trên một phương diện nào đó, ông duy tâm hay duy ngã (solipsisme)?” (Tam Ích, tài liệu đã dẫn).

519. Phạm Trọng Luật dịch và chú thích. Nguồn: BARTHES, R. [1951] (2004).

520. Trong số các bài điểm sách về tác phẩm trên của Trần Đức Thảo, đây là bài ngắn mà sát nhất, đăng trên Combat, ngày 11/10/1951, và in lại trong Roland Barthes Toàn tập, quyển 1, 1993, tr. 107.

521. Mỗi sinh vật là trung tâm của những chuỗi vận động và hành vi liên tục. Hành vi mới nối tiếp hành vi cũ, và ý thức xuất hiện đúng vào lúc hành vi cũ vừa khởi hiện đã bị hành vi mới lấn át. Chính những phác thảo vận động bị trấn áp này tạo nên ý thức như dữ kiện nghiệm trái. Như thế, nghiệm sinh luôn luôn trễ hơn hành vi thực sự một bước. Ý thức luôn luôn chạy theo hiện thực, bởi vì sự thật là hiện thực quy định ý thức chứ ý thức không quy định hiện thực.

735. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2011b).

736. THẢO, Trần Đức (1954c).

737. THẢO, Trần Đức (1955a).

738. THẢO, Trần Đức (1956d).

739. THAO, Trần Đức (1973) Bản dịch tiếng Việt: THẢO, Trần Đức [1973] (1996).

740. THẢO, Trần Đức (1990). Thư gửi Lucien Sève (1–11–1990). Bản thảo viết tay, tiếng Pháp. Trần Đức Tùng dịch.

741. Cái mình sinh thức là con người cá thể cá nhân – nhân cách cụ thể đang trực tiếp lao động sản xuất trong đời sống thực tế.

742. THAO, Trần Đức (1946a)

743. Báo Nhân dân, thứ Bảy, ngày 26 tháng 1 năm 1991.

849. Tặng các con, với trọn vẹn tình thương yêu của Ba Mẹ. Hi vọng thế hệ các con sẽ được sống trong một thế giới của Hòa bình, Tự do, Dân chủ,

Nhân văn, Nhân bản, Khoan dung, Tiến bộ và Khai sáng. (LV)

850. “Ja! Ich weiß, woher ich stamme! Ungesättigt gleich der Flamme, glühe und verzehr’ ich mich. Licht wird alles, was ich fasse, Kohle alles, was ich lasse: Flamme bin ich sicherlich!” (Trần Thanh Hà dịch)

851. “Szabadság, szerelem! E kettő kell nekem. Szerelmemért föláldozom. Az életet, Szabadságért föláldozom, Szerelmemet”. (Xuân Diệu dịch)

905. Nguồn: HƯNG, Phạm Thành & Trần Ngọc Hà (2006).

Nguồn: THÀNH, Nguyễn Đức (2016).

Một phần trong số các tài liệu tham khảo này đang được cập nhật lên tài khoản oogle Drive của cuốn sách này. (Địa chỉ truy cập: drive.google.com; Username: tdthaoreading; Password: 19171993).

43. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1956a). Bài báo nổi tiếng này của Giáo sư Trần Đức Thảo được công bố trên Tập san Đại học (Văn khoa) năm 1956. Gần 10 năm sau, theo gợi ý của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, bài báo này đã được Giáo sư Trần Đức Thảo dịch sang tiếng Pháp. Sau đó, đích thân ông Phạm Văn Đồng, theo đường ngoại giao, đã gửi đăng bản dịch tiếng Pháp này trên tạp chí La Pensée, tạp chí triết học uy tín lớn của Pháp. Việc đăng bản dịch này trên La Pensée đánh dấu sự trở lại của Giáo sư Trần Đức Thảo với nền triết học Pháp và thế giới, sau 15 năm “bặt vãng”. (Bài báo cuối cùng Giáo sư công bố trên tạp chí Pháp trước khi trở về Việt Nam tham gia kháng chiến chống Pháp là bài: Le Origines de la Reduction Phénoménologique chez Husserl [Nguồn gốc của phép quy giản hiện tượng luận ở Husserl], tóm tắt bản luận án cao học của ông). Việc làm này của ông Phạm Văn Đồng có ý nghĩa rất quan trọng, vì nó là tiền đề để Giáo sư tiếp tục công bố các nghiên cứu mới của mình về nguồn gốc của tiếng nói và ý thức, cũng trên tạp chí La Pensée, và kết tinh lại thành tác phẩm Recherches sur l’origine du langage et de la conscience [Những nghiên cứu về nguồn gốc tiếng nói và ý thức] (1973), do Éditions Sociale (Nhà xuất bản Xã hội của Đảng Cộng sản Pháp) xuất bản. Bên cạnh đó, sự kiện này cũng cho thấy tình bạn đẹp đẽ, sự cảm thông sâu sắc, và sự “gạt đờ” của Thủ tướng Phạm Văn Đồng dành cho Giáo sư. Ngoài ra, thông qua phần phê phán Hegel, chúng ta cũng bắt nhận được những dự cảm ban đầu của

Trần Đức Thảo đối với sự phôi thai đầu tiên của một loạt những tư tưởng lớn được ông cụ thể hóa trong các tác phẩm sau này: sự hình thành con người, sở hữu thời khởi nguyên, biện chứng của quá trình chuyển dịch từ Tự nhiên lên Văn hóa, đặc biệt là biện chứng của quá trình tiến hóa của sự sống – một trăn trở lớn của Trần Đức Thảo, được ông cụ thể hóa trong hai tác phẩm cuối đời, *Rercherches Dialectiques* (Những nghiên cứu về các mối liên hệ biện chứng), và *La Logique du Présent Vivant* (Sự logic của thời Hiện tại sống động). (BS)

44. MARX, K. Tư Bản Luận. Bài của bản in lần thứ hai.

45. ENGELS, F. Ludwig Feuerbach và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức. II

46. ENGELS, F. Cuốn “Góp phần phê phán kinh tế chính trị học” của Karl Marx. II

47. MARX, K. Tư Bản Luận. Bài của bản in lần thứ hai.

48. Những đoạn giới thiệu dưới đây in bằng chữ ngả, vì viết theo quan điểm duy tâm của Hegel. Trong ấy chúng tôi cũng có thêm một vài danh từ cụ thể cho dễ hiểu. Để tiện cho việc theo dõi, chúng tôi sẽ phê phán từng bước, tuy như thế phần nào cũng có mất liên tục.

49. HEGEL, G.W.F [1807] (1937). *Phanomenologie des Geistes* [Hiện tượng luận của Tinh Thần]. Leipzig: Herausgegeben von J. Hoffmeister, p. 139.

50. Sđd., tr. 139.

51. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1955d). Bản sử dụng ở đây đã được hiệu đính lại dựa trên những sửa chữa của tác giả, và chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

52. Tác phẩm *Ludwig Feuerbach und der Ausgang der klassischen deutschen Philosophie* (Ludwig Feuerbach và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức) (1886). (BS)

53. Những chữ trong ngoặc vuông được người biên soạn thêm vào để làm rõ thêm ý của tác giả. (BS)

54. chân giả. (BS)

55. bọt bể = bọt biển, nước bể = nước biển, v.v... (BS)

56. rượn mình trong. (BS)
57. trường quan sát. (BS)
58. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1955c). Bản sử dụng trong sách này đã được hiệu đính lại dựa trên những sửa chữa của tác giả. (BS)
59. Các tua để giúp cho tế bào chuyển động. (BS)
60. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1973] (2015).
61. Bản dịch tiếng Việt tác phẩm kinh điển xuất bản năm 1973 này của Giáo sư Trần Đức Thảo là một nỗ lực to lớn của dịch giả Đoàn Văn Chúc. Tuy vậy, do sự khác biệt về ngôn ngữ và văn phong của dịch giả đối với đông đảo bạn đọc ngày nay, nên bản sử dụng ở đây có hiệu đính một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung, đồng thời điều chỉnh một chút về văn phong để nhất quán với hình thức của toàn bộ cuốn sách, trên cơ sở đối chiếu với bản gốc [THAO, Trần Đức (1973)] và bản dịch tiếng Anh [THAO, Trần Đức [1973] (1984)]. Mọi sai sót về chuyên môn có thể có trong bản sử dụng ở đây đều thuộc về trách nhiệm của người biên soạn. (BS)
62. MARX: Tư bản, Editions Sociales (E.S.), Paris, L 1.1, t. 1, tr. 181.
63. IAKIMOV, V.P. U istokov chelovechestva [Les Origines de l'humanité]. Moscow, 1964.
64. ENGELS, F. (1975). Dialectique de la nature. Paris: Editions Sociales, p. 175. [Ngô Minh Tuấn dịch, URL = <<http://www.marxist.com/what-makes-us-human-vi.htm>>]. (BS)
65. Boulenger: Les singes, Payot, Paris, p. 41.
66. Người vượn (préhominiens): giống vượn đã thành người nhưng chưa hoàn toàn mất tính vượn, rất gần với con người hiện nay, song chưa hoàn toàn như con người hiện nay, gồm cả người vượn Java (pithécantrophe) và người vượn Bắc Kinh (sinathrope). (ND)
67. V. P. Iakimov, đã dẫn.
68. Tlđđ.
69. “L’homme se voit lui-même tout d’abord dans l’autre homme comme dans un miroir”. Marx: Le Capital. E. S., Paris, t. 1, p. 67, note 2.
70. Một loài tinh tinh ở Trung Phi. (BS)

71. Kohler: *L'intelligence des singes supérieures* (Trí thông minh của những con khỉ cao cấp), Paris, 1927, tr. 303 – 304.
72. N.A.Tikh, trong A.Spirkine: “*Origine de la conscience*,” Moscow, 1950, note. Công trình nguyên tác (tiếng Nga) của N.A.Tikh đã được xuất bản trong luận văn tiến sĩ của ông, lưu trữ tại Viện Pavlov (Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô), Maxkova, 1950, 36 trang.
73. Kohler, *Sđd.*, tr. 274.
74. Tức cái đã từng trải qua. (ND)
75. Marx, *La Capital*, E. S., L. 1, p. 67, Note 2.
76. Sự miêu tả này chỉ có giá trị đầy đủ trong những điều kiện ban đầu của quá trình tiến hóa lên loài Người, hoặc sự thai nghén của giống Homo (người). Trong phần thứ hai của Kỷ nhân sinh, tức “Quá trình tiến hóa thành Người” (sapieniation) hoặc sự hình thành Người Khôn (homo sapiens), sự vận động mang tính hướng nội, để sau đó mang những hình thức vô cùng phức tạp.
77. Kohler, *Sđd.*, tr. 269 – 270.
78. “*simple conscience grégaire*”, hay “*conscience moutonnaire*”. Marx–Engels: *L'idéologie allemande*, E.S., 1972, tr. 64.
79. Marx, *Sđd.*, tr. 50.
80. Marx, “*Gia đình thần thánh*”.
81. Marx, “*L'idéologie allemande*” (Hệ tư tưởng Đức), E.S., tr. 59.
82. “*Die Produktion der Ideen, Vorstellungen, des Bewusstseins ist zunächst unmittelbar verflochten in die materielle Tätigkeit und den materiellen Verkehr der Menschen, ist Sprache des wirklichen Lebens. Das Vorstellen, Denken, der geistige Verkehr der Menschen erscheinen hier noch als direkter Ausfluss ihres materiellen Verhaltens*”.
83. Marx, *Tư bản*, E.S., t. 1, tr. 66.
84. Marx, *Sđd.*, tr. 92, chú thích.
85. ‘*The Works of B. Franklin*’, edited by Sparks. Boston, 1836, v.II, p. 267
86. Marx, *Sđd.*, t. 23, tr. 65, chú thích 17a. Chúng tôi nhấn mạnh.
87. Marx, *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị*. E. S., tr. 33.
88. A. Sirkine: “*Nguồn gốc của ý thức*” (tiếng Nga), Moscow, 1950.

89. signification tendancielle.
90. milieu immanent.
91. Lénine: Oeuvres. E.S., t. 14, “Matérialisme et empiriocriticisme”, tr. 50.
92. Marx: “Grundrisse der Kritik der politischen Ökonomie,” Dietz–Verlag, Berlin, 1953, tr. 390.
93. l’ensemble verbal.
94. Kant: Kritik der reinen Vernunft (Phê phán lý tính thuần túy), Reclam, Leipzig, tr. 209.
95. Lénine: Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, tr. 152.
96. Lénine, Sđd., tr. 152.
97. Lénine, Sđd., tr. 91.
98. Lénine, Sđd., tr. 253.
99. Marx, Sđd.
100. Marx: Hệ tư tưởng Đức, tiếng Pháp, E. S., tr. 59.
101. Engels, Phép biện chứng của tự nhiên, E. S., tr. 43, tiếng Pháp.
102. Engels, Chống Dühring, E.S., tr. 393, tiếng Pháp.
103. Lénine toàn tập, t. 38, Bút ký triết học, bản dịch tiếng Pháp. E.S., tr. 172.
104. Engels, Phép biện chứng của tự nhiên, tr. 383. Chống Dühring.
105. Engels, Sđd., tr. 41, tiếng Pháp.
106. Marx, Góp phần phê phán kinh tế, chính trị học. E.S. tr.150, tiếng Pháp.
107. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1973] (2015).
108. Bản dịch tiếng Việt tác phẩm kinh điển xuất bản năm 1973 này của Giáo sư Trần Đức Thảo là một nỗ lực to lớn của dịch giả Đoàn Văn Chúc. Tuy vậy, do sự khác biệt về ngôn ngữ và văn phong của dịch giả đối với đông đảo bạn đọc ngày nay, nên bản sử dụng ở đây có hiệu đính một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung, đồng thời điều chỉnh một chút về văn phong để nhất quán với hình thức của toàn bộ cuốn sách, trên cơ sở đối chiếu với bản gốc [THAO, Trần Đức (1973)] và bản dịch tiếng Anh [THAO, Trần Đức [1973] (1984)]. Mọi sai sót về chuyên môn có thể có

trong bản sử dụng ở đây đều thuộc về trách nhiệm của người biên soạn.

(BS)

109. Tam giác Ædipe: một thuật ngữ phân tâm của Freud, chỉ mối quan hệ tay ba: con trai có “ham muốn tính dục” với mẹ và “ghét” bố, con gái có “ham muốn tính dục” với bố và “ghét” mẹ, hệ quả của phức cảm Ædipe, phát triển mạnh ở trẻ em thời kỳ 3 – 5 tuổi, tương ứng với sự phát triển của loài người trong Kỷ nguyên Chellean, với sự ra đời của Người Khéo (homo habilis) cùng sự chế tác các công cụ lao động và những hình thái lao động tập thể đầu tiên. (BS)

110. André Green. [Nguồn tài liệu không được trích dẫn đầy đủ]. Green là tác giả của tác phẩm *Le discours vivant: la conception psychanalytique de l'affect* (Paris: Presses universitaires de France, 1973), và *Un Œil en trop, le complexe Ædipe dans la tragedie* (Paris: Editions de minuit, 1969).

111. Thèrèse Gouin–Decarie: “Intelligence et affectivité chez le jeune enfant: estude experimentale de la notion d’object chez Jean Piaget et de la relation objectale”. (Neuchâte: Delachaux et Niestlé, 1962), p. 111.

112. FREUD, S. (1969), p. 126.

113. Ibid., p. 130.

114. Ibid., p. 125.

115. Ibid., p. 83.

116. ENGELS, Friedrich [1884] (1971), pp. 43 – 43.

117. Ibid., p. 43.

118. Ibid., p. 44.

119. ENGELS, F. [1883] (1971), p. 174.

120. Toàn tập, t. 46, p. 232.

121. Ibid., t. 33, p. 10.

122. Thời kỳ thứ nhất của tiền sử, đặc định bởi sự xuất hiện và phát triển của công nghệ chế tác đá, và bởi nền kinh tế săn bắt. Thời Đá cũ kéo dài từ kỉ thứ 4 (3 triệu năm) đến Thống Holocène (thiên niên kỷ thứ X) được chia làm 3 kỳ, sơ kỳ, trung kỳ, và hậu kỳ, tùy theo trình độ phức tạp của công cụ. Đá cũ hậu kỳ được đánh dấu bằng sự xuất hiện của Người Khôn (Homo sapiens) và sự sản xuất những đồ vật có tính cách nghệ thuật. (ND)

123. Xem thư mục và phân tích các quan niệm trong Séménov: “Nhân loại đã ra đời như thế nào” (tiếng Nga) (Moscou), tr. 18–33.
124. Moustérien, một dạng văn hóa của thời Đá cũ trung kỳ, đặc định bởi những mũi lao hình tam giác và những cái nạo làm từ những mảnh tước sửa sang một mặt (70.000 đến 30.000 năm trước CN). (ND)
125. Ris và Wirm, kỳ đóng băng thứ 3 và thứ 4 (cuối cùng) của kỷ Đệ tứ ở châu Âu–alpin mà kỷ Đệ tứ của tuổi Trái Đất được đặc trưng bởi bốn kỳ sông băng lớn, cùng sự xuất hiện và tiến hóa của loài người. (ND)
126. BOURDIER, F. (1967), pp. 193, 195, 215.
127. ENGELS, Friedrich [1884] (1971), p. 63.
128. SPENCER, B. & F.J. Gillen [1899] (1966). The Native Tribes of Central Australia. New York, NY: Dover, pp. 60 ff.
129. Để đơn giản hóa trong trình bày, chúng tôi không nói đến quy tắc chỉ là nupa những chị em do các anh của mẹ sinh hay do các chị của bố sinh ra.
130. Séménov: “Nhân loại đã ra đời như thế nào” (tiếng Nga) (Moscou), tr. 130.
131. VAOLIS, Henri V. “The social life of early man: the evidence of skeletons”. Nguồn: WASHBURN, S. L. (1961). Social Life of Early Man. Chicago: Aldine. tr. 225, bảng 4.
132. Ngược lại, hình như rất khó sử dụng các sư tập của thời Đá cũ sơ kỳ. Sự hợp thành của sư tập Người vượn Bắc Kinh, 10 đàn ông cho 3 đàn bà, không thể tương ứng với hiện trạng dân số vào thời điểm đó, bởi người ta không thấy được trong những điều kiện như thế, làm thế nào mà các nhóm có thể tái sinh sản một cách bình thường. Còn như sư tập Ngang–dong, 4 đàn ông cho 6 đàn bà, thì theo ý kiến chung, nó đại diện, cho những tàn dư của tục ăn thịt người mang tính nghi thức. Königswald coi trầm tích ấy có thể được so sánh với những bàn thờ đầu lâu nay còn thấy ở Mélanésie. Dù thế nào, cũng chắc chắn, như chúng tôi sẽ chỉ ra ở sau, sự mất cân đối dân số giữa các giới, được nhận thấy ở thời kỳ Moustérien, đã tồn tại trong thời Đá cũ sơ kỳ.
133. Xem: VAOLIS, Henri V., Tlđđ., tr. 224, bảng 3.

134. Xem Boriskowsky: “Les problèmes de la genèse de la société humaine et les découvertes archéologiques de ces dix dernières années”, trong: “Les idées léninistes dans l’étude de l’histoire de la société primitive, l’esclavagisme et le féodalisme” (tiếng Nga), Moscou, tr. 72.
135. ENGELS, F. [1884] (1971), p. 40.
136. SPENCER, B. & F.J. Gillen [1899] (1966), pp. 558–559.
137. Xem: Sherwood Larned Washburn: “Tools and Human Evolution”, và John Napier: “The Antiquity of Human Walking”. Nguồn: LAUGHLIN, W.S & R.H. Osborne (1967).
138. Người ta chia ra phôi (embryon) và thai (fœtus); ở người sau ba tháng thụ tinh, phôi mới thành thai, nghĩa là mang hình hài của giống người, và nó giữ như thế đến khi ra đời. (ND)
139. John Napier: “The Antiquity of Human Walking”. Nguồn: LAUGHLIN, W.S & R.H. Osborne (1967), p. 126.
140. Oldoway (hoặc Olduvai) thuộc xứ Tanzania (Đông Phi), ở gần hồ Eyasi, nơi phong phú về hóa thạch tiền sử. Những hài cốt cổ nhất cách đây trên 1 triệu năm (tầng 1– horizon 1) mà nhà khảo cổ học người Anh Leakey (1903 – 1972) đã tìm thấy (1959) là Zinjathrope và Homo Habilien, cách đây 1.750.000 năm và 1.850.000 năm. (ND)
141. VAOLIS, H.V., “The social life of early man: the evidence of skeletons”. Nguồn: WASHBURN, S.L. (1961), đã dẫn, pp. 223 – 228.
142. Di chỉ Chelléen thuộc tỉnh Seine & Marne (Đông thành phố Paris) có khu di chỉ tiền sử thuộc thời Đá cũ. (ND)
143. M. D. Leakey, trong tạp chí Nature, 1966, t. 210, số 5035. Hình in lại chiếc rìu nguyên sơ trong tập 212, số 5062, trang 579 (trong bài báo của bà Leakey: ‘Primitive Artefacts from Kanapoi Valley’).
144. Acheuléen, Saint–Acheul, thuộc ngoại vi tỉnh Amiens, Pháp, là một diện mạo văn hóa chính của thời Đá cũ sơ kỳ, được đặc trưng bởi rìu sắc hai mặt đều đặn được ghè đẽo bằng dụng cụ kim loại mềm (pèreuteur tendre). (ND)
145. Tất cả phần này, xin xem Séménov, Sđd., tr. 191– 195.

146. Người vượn Java (*Pithecanthrope*) giống cổ nhất lùi về tới 1,9 triệu năm, mới nhất 100.000 năm. Nằm trong nhóm *archanthropien* hóa thạch của thời Pleistocène–trung, nói chung thuộc giống Người đứng thẳng (*Homo erectus*) nói riêng gồm: người vượn Java, người vượn Bắc Kinh, Người vượn Đại Tây dương và người Manuer (một làng thuộc Odenwald, Đức, năm 1907, người ta phát hiện một hàm dưới người có thể so sánh với người vượn Java, cũng gọi là người Heidelberg (Pléistocène cũ). (ND)

147. Alberto C. Blanc, “Some evidence for the ideologies of early man”.
Nguồn: WASHBURN, S.L. (1961), đã dẫn, p. 133.

148. FREUD, S. (1969). p. 118.

149. ABRAHAM, K. (1966). *Oeuvres complètes*; t. II: Développement de la libido, formation du caractère, étude cliniques. Paris: Payot, pp. 103–104.

150. BOURDIER, F. (1967), p. 174.

151. ABRAHAM, K. (1966), *Ibid.*, p. 115.

152. Neanderthal, khu di chỉ Đá cũ trung kỳ ở Đức, người ta tìm thấy ở đây loại hình *Homo Sapiens* (Người Khôn), néandersthalien là một di chủng. (ND)

153. Về phương diện phát sinh loài Người, sự cấm dục áp đặt vào thanh niên Néanderthalien đã có thể tạo thuận lợi cho thuyết “thanh niên luận” (le “juvénisme”), trong đó nhiều tác giả thấy đó là một trong những lý do của sự chuyển từ một số hình thức Néanderthalien tiến bộ sang Người Khôn (*Homo sapiens*): “Nếu những đặc điểm của hình thức ấu thơ đã tồn tại dai dẳng trong tuổi già, bằng hình thái học hàm dưới và hình thái não bộ của nó, đứa trẻ Néanderthalien của La Chaise hẳn sẽ có một số điểm tương đồng nào đó với người hiện đại” (J. Piveteau, nguồn: BOURDIER, F. (1967), p. 206). Tất nhiên, cũng giống như sự trụ thai, thanh niên luận đã chỉ có thể đóng vai trò gia tốc, bởi động lực chủ yếu của sự Người hóa, hay sự hình thành giống Người Khôn (*Homo sapiens*), tất nhiên là sự phát triển của lao động và tiếng nói.

154. Vallois, Sđd., tr. 230.

155. *Ibid.*, p. 244.

156. LAPLANCHE, J. & J. –B. Pontalis (1967), p. 76.
157. STREHLOW, Carl, Die Arunta und Ioritha-Stämme in Zentral-Australien, IV, Teil, I Abteilung, tr. 10–12.
158. SPENCER, B. & F.J. Gillen [1899] (1966), p. 246.
159. Ibid., pp. 398–399
160. FREUD, S. (1969), p. 119.
161. Ibid., p.127.
162. Ibid., p. 117.
163. Ibid., p. 121.
164. Ibid., p. 130.
165. Ibid., p. 122.
166. Ibid., p. 131, 122.
167. ‘Aurignaciennes’ (tên riêng bắt nguồn từ tên của một cái hang tại Aurignac, Haute-Garonne, Pháp) chỉ giai đoạn sơ khai nhất của nghệ thuật tượng hình thời cổ đại tại châu Âu, ví dụ như, hội họa của thời Đá cũ hậu kỳ, khoảng 30.000 năm trước Công nguyên. ‘Vénus’ là thuật ngữ của lịch sử nghệ thuật tượng hình, dùng để chỉ các tượng phụ nữ nhỏ của thời kỳ này. Kể từ khi những bức tượng nhỏ này, với phần ngực và bụng được nhô cao lên (trong một số trường hợp, bức tượng được bắt đầu từ phần eo lưng), thì người ta cho rằng, ‘Vénus’, biểu tượng của sự mãn dục ở phụ nữ, được sử dụng như hình ảnh của một nữ thần. [Nguồn: Mục từ ‘Prehistory’, Encyclopedia of World Art (New York: McGraw-Hill, 1966)].
168. SPENCER, B. & F.J. Gillen [1899] (1966), pp. 388–420.
169. KABO, Vladimir Rafailovich (1969). L’origine et l’histoire ancienne des premiers habitants de l’Australie (Tiếng Nga). Moscow, 1969.
170. Đạo Chaman: một tín ngưỡng chuyển thông với các linh hồn bằng những thuật nhập định và lên đồng (gọi hồn) được quy vào các thực hành ma thuật, ngày nay còn thấy ở một số vùng thuộc Bắc Á và Bắc Mỹ. (BS)
171. Freud, “Abrégé de psychanalyse” (Giản yếu luận phân tâm).
172. Freud, “Neue Folge der Vorlesungen für Einführung in die Psychoanalyse”. Nguồn: LAPLANCHE, J. & J. –B. Pontalis (1967). p. 362.

173. Sigmund Freud, ‘Some Psychological Consequences of the Anatomical Distinction between the Sexes’, p. 250.
174. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1975b). Bản sử dụng ở đây đã được hiệu đính lại dựa trên những sửa chữa của tác giả, và chỉnh sửa một số lỗi đánh máy. (BS)
175. THAO, Trần Đức (1973).
176. THẢO, Trần Đức [1973] (1996).
177. Introduction à la genèse de l’Homme (Giới thiệu về sự phát sinh loài người). La naissance du premier homme (Nguồn gốc của loài người nguyên thủy).
178. Drei Abhandlungen zur Sexualtheorie (1905), một tác phẩm quan trọng Sigmund Freud, đã được dịch sang tiếng Việt với nhan đề Ba tiểu luận về tính dục. (BS)
179. Nhưng trẻ em được quá nuông chiều, thì đã đi đến những đòi hỏi quá đáng, không thể thỏa mãn được, do đấy mà trở thành bất mãn, tự ái, tự ty, tự cao. Trong gia đình, quan hệ giữa anh chị em ở tuổi nhi đồng có khi lại quan trọng hơn là quan hệ với cha mẹ.
180. Tư bản, trong Marx–Engels Werke, T. 23, tr. 193. Dietz–Verlag, Berlin.
181. Phạm Trọng Luật dịch. Trích dịch từ tiểu luận De la phénoménologie à la dialectique matérialiste de la conscience (1) [Từ hiện tượng luận đến biện chứng duy vật của ý thức (1)]. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1974] (2004). (Các chú thích đều là của người dịch). (BS)
182. SAUSSURE, F. de (1967). Cours de linguistique générale. Publié par Charles Bally et Albert Sechehaye, avec la collab. de Albert Riedlinger. Paris: Payot. Được xây dựng từ giáo trình của Saussure trong ba năm học (1906–1911), và xuất bản năm 1915, sau khi tác giả mất hai năm.
183. Thuật ngữ signe [sign] trong tiếng Pháp có thể được dịch là ký hiệu trong nghĩa hẹp [như trong signe linguistique = ký hiệu ngôn ngữ] hoặc biểu hiệu hay dấu hiệu trong nghĩa rộng. Ở đây, dựa trên ngữ cảnh, signe sẽ được dịch bằng từ trước hay các từ sau, tùy mức độ từ hẹp nhất đến rộng nhất. Theo Saussure, signe luôn luôn gồm có hai mặt mà ông gọi là

signifiant [signifier] và signifié [signified] (xem chú thích số 02 [tr. 260] bên dưới), được kết hợp trong một quan hệ “độc đoán”. Về điểm này, đối với nhà ngôn ngữ học Emile Benveniste, nếu signifiant và signifié có quan hệ bất khả phân như mặt phải và mặt trái của một tờ giấy theo chính thí dụ của Saussure, thì quan hệ giữa hai yếu tố này không thể nào là “độc đoán”, mà phải được xem là tất yếu (làm gì có một tờ giấy chỉ có mặt phải, không có mặt trái!). Nói cách khác, Saussure đã lẫn lộn quan hệ giữa hai mặt của ký hiệu với quan hệ giữa ký hiệu với vật quy chiếu [référent = referent], bởi vì đúng thật là không có một quan hệ thiết yếu nào giữa âm hoặc từ chớ với con chớ ngoài đời, khi người Pháp gọi cùng một sinh vật này là chien, người Anh là dog, người Đức là Hund, v.v...

184. Trong tiếng Pháp, verbal chỉ tất cả những gì được diễn đạt bằng ngôn từ hơn là bằng các dấu hiệu khác, tuy langage verbal thường được dịch chính xác nhưng hạn hẹp là ngôn ngữ nói. Ở đây, vì verbal còn thường được dùng kèm với nhiều từ khác nữa, để có thể dịch nhất quán tất cả các trường hợp trên, chúng tôi thử nghiệm dịch là âm từ, để có thêm ngoài ngôn ngữ âm từ (ngôn ngữ được xây dựng bằng lời nói và chữ viết, trên âm vị và từ vị), các cụm từ khác như khác biệt âm từ [différenciations verbales], ký hiệu âm từ [signes verbaux], ý nghĩa âm từ [signification verbale], cấu trúc âm từ [structure verbale], v.v...

185. Sémiologie [semiology] thường được dịch là triệu chứng học trong bối cảnh y học, và ký hiệu học trong ngôn ngữ học. Ở đây, chúng tôi sử dụng lại từ dịch đã trở thành quen thuộc là ký hiệu học chung cho cả hai trường hợp. Sau Saussure, nhưng xuất phát từ dự án sémiologie của ông, còn xuất hiện một môn học khác mang tên là sémiotique [semiotics, dù đôi khi vẫn còn tiếp tục được gọi là sémiologie]. Từ chối cho ký hiệu âm từ quy chế ưu đãi (giống như Trần Đức Thảo ở đây), bộ môn này lấy mọi phương thức biểu nghĩa làm đối tượng (thời trang, văn học, huyền thoại, văn bản, v.v...), do đó, tùy sở thích của mỗi tác giả, cũng phát triển theo nhiều chiều hướng khác nhau.

186. Symboles [symbols] có thể được dịch là ký hiệu như trong ký hiệu hóa học hay biểu trưng như trong biểu trưng của công lý. Ở đây, để đầy đủ,

chúng tôi dùng cả hai.

187. Signifiant, signifié thường được dịch là cái biểu đạt và cái được biểu đạt, tuy đôi khi cũng có người dùng cái lập (tạo) nghĩa và cái thụ nghĩa. Ở đây, để tránh sự lặp lại, chúng tôi dùng cả hai. Mặt khác, quan niệm của Saussure về signifiant, và về ký hiệu ngôn ngữ như sự kết hợp giữa một signifiant với một signifié không phải là không đặt vấn đề. Ký hiệu ngôn ngữ nói đây có phải là từ chẳng? Trong trường hợp này, nếu lấy thí dụ ở tiếng Pháp chẳng hạn, phải xem hai signifiants khác nhau như cheval và chevaux là biểu hiện của cùng một từ như table và tables chẳng? Nó có thể là đơn vị nhỏ hơn từ như tiền tố néo- [tân-] chẳng, bởi vì tiền tố này cũng kết hợp một signifiant với một signifié như mọi ký hiệu khác? Nó có thể là từ sáp nhập như au (à le) và aux (à les) chẳng, khi cùng một signifiant bất khả phân này lại tương ứng với hai signifiés, nghĩa là phải kết hợp với hai khái niệm khác nhau?

188. “Dans la langue, comme dans tout système sémiologique, ce qui distingue un signe, voilà tout ce qui le constitue” (Saussure, Sđd., tr. 168). Đối với Saussure, ngôn ngữ âm từ là một hệ thống ký hiệu, và ký hiệu không phải là vật thể, mà là quan hệ: trong một trạng thái ngôn ngữ, tất cả tùy thuộc vào những quan hệ (hoặc đối lập, hoặc khác biệt, hoặc kết hợp) giữa các ký hiệu âm từ hay đơn vị ngôn ngữ. Trong quá trình tạo câu chẳng hạn, một đơn vị ngôn ngữ (âm hay từ) chỉ có thể được nhận diện bởi sự khác biệt với nó của những đơn vị đi trước hay đi sau trên trục ngữ đoạn [syntagmatique = syntagmatic, trục phân bố vị trí các đơn vị], và bởi những đơn vị có thể hoán vị với nó trên trục ngữ hình [paradigmatique = paradigmatic, trục chọn lựa giữa các đơn vị cùng tập hợp]. “Tôi yêu em” chỉ có nghĩa chính xác nếu người nghe phân biệt được “yêu” với “tôi” và “em” trong đoạn âm thanh này và trên các vị trí này (bởi vì “tôi yêu em” khác với “em yêu tôi”, và “yêu em tôi”), đồng thời biết rằng “yêu” khác với “thương”, “mến”, “thích”, “ưa”, “quý”,... trong cùng tập hợp “tình cảm tích cực” chẳng hạn.

189. Signification [signification, meaning] và sens [meaning, significance] đều được dịch là nghĩa hay ý nghĩa, mặc dù hai từ này thường được phân

biệt hơn là sử dụng như từ đồng nghĩa trong tiếng Pháp. Ở Saussure, không có định nghĩa rõ ràng về sens, và từ này có thể được tiếp cận, hoặc như kết quả của một sự cắt xén (từ một dòng tư tưởng, một mảng chữ viết hay một khối âm thanh còn bất định) hay một hiện tượng kết hợp, hoặc như một giá trị xuất phát từ hệ thống ngôn ngữ. Ở các nhà ngữ học khác (Leonard Bloomfield, Zellig S. Harris, Stephen Ullmann, André Martinet...), sự phân biệt cũng không thống nhất. Do đó, cách đối lập phổ biến nhất hiện nay trong bối cảnh ngôn ngữ học có lẽ vẫn là: a) hoặc nhìn nhận hai loại quan hệ khác nhau, và xem signification như thuộc về quan hệ biểu đạt [rapport de signification, xuất phát từ sự đối lập giữa các từ vựng trong cùng một hệ thống ngôn ngữ], còn sens như thuộc về quan hệ chỉ định [rapport de désignation, xuất phát từ liên hệ giữa ký hiệu với vật quy chiếu bên ngoài]; b) hoặc chấp nhận thông kiến xem signification như ý nghĩa của một từ, khác với sens là ý nghĩa của một đoạn văn hay một văn bản.

190. “Prenons d’abord la signification telle qu’on se la représente et telle que nous l’avons figurée... Elle n’est... que la contre-partie de l’image auditive” (Saussure, Sdd., tr. 158). Ở đây, chúng tôi mạn phép dịch contre-partie là mặt trái, vì Saussure thường dùng hình ảnh mặt phải và mặt trái của một tờ giấy để diễn tả tính bất khả phân của hai yếu tố cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong ký hiệu ngôn ngữ.

191. Langage và langue [language] đều được dịch là ngôn ngữ, còn parole [speech] là lời nói. Trong tiếng Pháp, langage vừa chỉ khả năng đặc thù của con người là khả năng giao tiếp hay hiệp thông bằng một hệ thống ký hiệu âm từ, vừa chỉ bất kỳ một hệ thống ký hiệu nào đã được xã hội quy tắc hóa (ngôn ngữ của người câm điếc chẳng hạn), trong đó có các hệ thống ký hiệu âm từ riêng của mỗi cộng đồng dân tộc gọi là langue. Như vậy langage [ngôn ngữ theo nghĩa rộng], với tư cách là một đặc tính chung của loài người, xuất phát từ khả năng biểu trưng của con người, và bao gồm hai bộ phận: langue [tiếng nói hay ngôn ngữ theo nghĩa hẹp] và parole [lời nói]. Langue là một sản phẩm xã hội, là cái phần của langage tồn tại trong ý thức của mọi thành viên thuộc một cộng đồng ngôn ngữ nhất định, là tổng số những dấu ấn do thực tiễn xã hội để lại trong trí óc của mỗi cá nhân qua vô

số hành vi ngôn ngữ cụ thể. Trái lại, parole là phần ngôn ngữ được vận dụng thực sự bởi mỗi cá nhân, là phần hành vi ngôn ngữ cụ thể ở mỗi người.

192. “Thật ra, kinh tế chính trị học thông tục chỉ lý thuyết hóa và hệ thống hóa những biểu thị của các tác nhân sản xuất còn bị tù túng trong quan hệ sản xuất tư sản, và biện hộ cho loại ý tưởng này. Do đó, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi nó cảm thấy hoàn toàn thoải mái trong chính cái phần ngoại hiện tha hóa của những quan hệ kinh tế ấy – điều hiển nhiên là phi lý và cực kỳ mâu thuẫn, bởi vì nếu phần ngoại hiện với bản chất của sự vật chẳng khác gì nhau thì có khoa học cũng bằng thừa! Vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi kinh tế chính trị học thông tục cảm thấy hoàn toàn tự nhiên ở đây, và những ràng buộc bên trong càng bị che giấu kỹ bao nhiêu, thì các quan hệ bên ngoài này càng có vẻ hiển nhiên đối với nó bấy nhiêu, đồng thời trở thành quan hệ hiện hành trong cách biểu thị thông thường của người đời về kinh tế” (MARX, K. Le Capital. Livre troisième: le procès d’ensemble de la production capitaliste. Paris: Ed. sociales, 1950–1960. Q. 8, tr. 196).

193. craindre: sợ hãi; redouter: vô cùng sợ hãi. (BS)

194. “Một mặt, Destutt de Tracy nói rõ ràng rằng những sự vật cấu thành của cái biểu hiện phần lao động đã tạo ra chúng; mặt khác, ông lại cho rằng hai loại giá trị khác nhau của chúng (giá trị sử dụng và giá trị trao đổi) đều được rút ra từ giá trị của lao động. Như vậy, ông rơi xuống trình độ tầm thường của kinh tế [chính trị] thông tục, khi nó chấp nhận trước giá trị của một thứ hàng hóa (lao động, chẳng hạn) để xác định giá trị của những món hàng khác” (MARX, K. Le Capital. Livre premier: le développement de la production capitaliste. Paris: Ed. sociales, 1950–1960. Q. 1, tr. 92).

195. “Xin lưu ý một lần dứt khoát rằng: tôi gọi là kinh tế chính trị học cổ điển bất cứ thứ kinh tế nào, từ William Petty trở đi, tìm cách thâm nhập vào cái tổng thể hiện thực và mật thiết của những quan hệ sản xuất trong xã hội tư sản, tương phản với thứ kinh tế chỉ dừng lại trên những biểu hiện bên ngoài là kinh tế thông tục. Để thỏa mãn nhu cầu riêng và phổ biến một cách dung tục những hiện tượng thô lậu nhất, thứ kinh tế sau không ngừng nhai đi nhá lại những tư liệu đã được soạn thảo trước nó, rồi tự giới hạn như các

nhà thông thái rờm vào việc dựng thành hệ thống, đồng thời tôn xưng như chân lý vĩnh cửu, loại ảo tưởng mà giai cấp tư sản ựa thả vào thế giới của hần, cái thế giới [coi như] tốt đẹp nhất có thể tồn tại” (MARX, K. Le Capital. Livre premier: le développement de la production capitaliste. Paris: Ed. sociales, 1950–1960. Q. 1, tr. 83).

196. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1993c] (2013). Các chú thích là của người dịch. Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)

197. Những chữ trong ngoặc vuông được dịch giả thêm vào để làm rõ ý của tác giả. (BS)

198. Tức khi bước sang khoa học xã hội, nhân văn.

199. Khoảnh khắc là mẫu chốt của quan điểm thời gian của Aristotle. Khoảnh khắc phân chia dòng chuyển động, thành trước và sau. Mặt khác, hai khoảnh khắc, một trước một sau, cho ra một khoảng thời gian, có thể đo lường được bằng một con số.

200. Vì muốn có “trở thành”, phải có chuyển động.

201. Husserl, C2I – 1932–1933. Dẫn bởi: THAO, Trần Đức (1951), p. 143, Note.

202. Thuyết nhân quả, trong dạng đơn giản nhất của nó, quan niệm những tương quan theo một đường thẳng, theo kiểu: “vì có A, nên có B”. Nó có thể trở thành phức tạp hơn một chút: “vì có A, hay A’, nên có B”. Tuy nhiên, ít khi nào hệ quả lại không tác động ngược lại trên nguyên nhân, theo mô hình: “A cho ra B, B cho ra A’, A’ cho ra B’ v.v..”. dẫn đến “nhân quả xoay tròn”, trong thực tế là những vòng xoắn ốc. Nếu các “vòng” ấy có thể tự xoay chuyển, bất chấp những yếu tố khác, thì người ta có một “hệ thống nhân quả”. Nhưng nếu hệ thống phải chịu ảnh hưởng của những yếu tố bất định do môi trường, hoàn cảnh bên ngoài,... ảnh hưởng vào, thì hệ thống nhân quả ấy trở thành phức biến (mà không thành một hệ thống lớn hơn, với nhiều yếu tố hơn, vì các yếu tố vừa nêu được coi như “bất định”, đi ngược lại với tính “phân định”, phải có, của “nhân quả”).

203. Yếu tố “môi trường, hoàn cảnh” nói trong chú thích trên.

204. Theo Sartre, l'Être en soi – hiện hữu tự thân – là sự hiện hữu bị quy định: cây xoài chỉ có thể “làm” cây xoài, Đạt Lai Lạt Ma “làm” Đạt Lai Lạt Ma,... nên cũng có thể được dịch là “hiện hữu thường hữu”, với ý nghĩa nó bị gò bó không thể thay đổi. L'Être pour soi – hiện hữu vị kỷ, còn có thể được dịch là “hiện hữu tự hữu”, tức là sự hiện hữu do “tôi” chọn lựa, như Đạt Lai Lạt Ma có thể chọn nhảy rock, mặc dù nhảy rock không thuộc về “hiện hữu tự thân” của một Đạt Lai Lạt Ma. L'Être pour l'autre – hiện hữu vị tha – là sự hiện hữu tùy thuộc vào người khác, vì cái nhìn của người khác ngăn cản tôi làm những gì tôi chọn lựa (Sartre: “địa ngục là kẻ khác”), hay vì cái nhìn của họ phản chiếu lại hình ảnh về tôi mà tôi muốn họ nhận thấy (Ricoeur), hay vì ý thức nhân bản chính là ý thức trách nhiệm đối với tha nhân (“nhân bản qua tha nhân” – Lévinas), nên cần sự đối diện với một tha nhân cụ thể để hiện hữu. Trong một dịp khác tôi sẽ khai triển những ứng dụng đối với Sự logic của thời Hiện tại sống động trong các vấn đề được nêu lên trong đoạn này.

205. Khoa học là “thực tế có giá trị tổng quát”. Thí dụ như định luật Boyle Mariotte: $P \times V = \text{hằng lượng}$. Định luật này áp dụng cho tất cả các chất hơi, ở bất cứ đâu, bất kể đang hiện hữu, đã hiện hữu, hay sẽ hiện hữu. “Xe mình hết xăng” cũng là một thực tế, nhưng nó chỉ áp dụng cho một trường hợp cá biệt (xe mình), vào một thời điểm giới hạn, nên không thể là “khoa học”. “Thực tế khoa học” là một thực tế không hiện hữu. Vì không có gì hiện hữu được trong tổng quát. Mọi sự vật cụ thể đều hiện hữu tại một nơi chốn, trong một thời gian rõ rệt. Mặt khác, cách nhìn tổng quát không cho phép phân tích tường tận một hiện hữu cá biệt, nên trên quan điểm của khoa học, thì hiện hữu là cái không thể định nghĩa được một cách toàn diện: “Omne individuum ineffabile”. Vấn nạn này đưa đến một khó khăn khác, khi buộc phải công nhận là người ta đạt đến quy luật khoa học với giá trị tổng quát của nó bằng sự quan sát các trường hợp cá biệt. Tức là đi từ hiện hữu đến không hiện hữu, từ cái “không thể là khoa học” (vì tính cá biệt), để xây dựng nền tảng của khoa học (mang tính tổng quát)!

206. Logic hình thức, mô tả “hình thức” tư duy làm sao cho đúng đắn, chứ không nhằm vào những đối tượng cụ thể của tư duy. Nó như một loại “văn

phạm” của tư duy. Văn phạm không cần biết anh nói lời yêu thương hay mắng chửi. Nhưng, trong mọi trường hợp, anh đều phải tuân theo những quy luật của nó. Logic tiên nghiệm nhằm vào những phạm trù tàng ẩn đằng sau các nhận thức thông thường. Khi nói “con ngựa trắng lớn” thì đằng sau đó, đã phải có sẵn khái niệm động vật với những phân chia theo loài, giống,... đồng thời với khái niệm về tính chất (lớn, trắng). Nếu tôi nói “một con ngựa trắng trong nhiều con ngựa đen” thì đằng sau đã phải có sẵn các khái niệm đơn vị, số ít, số nhiều, cá thể, toàn thể,... Tức là đối với những cảm nhận thông thường thì các khái niệm ấy đã được “nghiệm” trước (tiên nghiệm). Ở đây, Husserl tách khỏi quan điểm của triết học thời ông, đặc biệt là quan điểm của Kant, khi ông từ chối xem logic hình thức như tự nó không có đối tượng (chỉ có hình thức, không có nội dung), cũng như phủ nhận việc cho là logic tiên nghiệm chỉ có đối tượng là các phạm trù biểu trưng cho những gì có thể “nghiệm” được bằng cảm quan. Husserl cho rằng logic hình thức có thể có đối tượng là những khái niệm thuần túy. Ta thử lấy công thức: “A cho ra B, vậy phải chăng không B cho ra không A?”. Tức là ta đã biến công thức này thành một đối tượng logic, có thể phân tích, sử dụng cách này, cách kia, mặc dù nó chỉ là khái niệm thuần túy. Mặt khác, logic tiên nghiệm không chỉ là vận dụng những “phạm trù biểu trưng cho thực tại” nữa, mà là đạt đến những khái niệm trừu tượng qua tư duy logic. Nói cách khác, logic tiên nghiệm, đối với Kant, là đưa các phạm trù biểu trưng cho thực tế vào logic hình thức để giới hạn logic hình thức trong thực tại. Còn đối với Husserl thì logic tiên nghiệm là nền tảng để đi lên phạm trù khái niệm từ logic hình thức. Trước một khái niệm, thay vì đặt câu hỏi “đối với tôi nó biểu trưng cho cái gì trong thực tế” (tức từ khái niệm “đi xuống” thực tại), Husserl tự hỏi: “tôi hiểu nó như thế nào?” (tức đặt vấn đề ý nghĩa thay vì biểu trưng, cũng là “đi lên” một khái niệm cao hơn, “tiên nghiệm” hơn). Logic tiên nghiệm, như thế, không tách biệt với logic hình thức, mà là khởi điểm của logic hình thức. Để rồi, với “logic Hình Thức và Tiên Nghiệm”, người ta có thể “hiểu” tự thân sự vật qua một sự “hiểu biết cảm thông” như sẽ được bàn đến ở phần sau.

207. “Individualité” (tính cá thể) khi được dùng để chỉ một hiện hữu cụ thể, thì được dịch là tính cá thể. Vì khi ấy, cái “tính” được nhìn qua “thể”, và dùng cái “thể” này để tượng trưng cho nó. Cũng tương tự như chữ “personnalité” (cá tính của một người) được dịch là “nhân vật” khi chỉ những con người cụ thể (“personnalités” politiques = “nhân vật” chính trị).
208. Thu nạp các chất dinh dưỡng để cá thể sinh học có thể hóa thành chính nó.
209. Giữa chức năng tồn đọng và chức năng hướng đến tương lai.
210. “Vẫn còn hiện hữu” vì vẫn giữ những đặc tính của nó.
211. Nisus: khuynh hướng nỗ lực hiện thực hóa cái mục tiêu đề ra. (BS)
212. Appetitus: khuynh hướng bẩm sinh của một sự vật nhằm giúp chính nó tiếp tục tồn tại và phát triển. Appetitus có nguồn gốc Ấn-Âu: “pete-” có nghĩa là “lao tới”. (BS)
213. “Hiểu biết cảm thông” – “Connaissance compréhensive” – là hiểu biết xây dựng trên trực giác, chú trọng vào sự cảm thông, thay vì giải thích. Vấn đề của nó không phải là nhận biết các dữ kiện mà là cảm thông ý nghĩa của các dữ kiện ấy. Khi đã được hấp thụ đúng mức, thì “biện chứng sinh học hội nhập thời gian” ảnh hưởng như một phương pháp “tiên nghiệm” (xem chú thích (2), tr. 132) nâng các dữ kiện sinh học lên trình độ ý nghĩa, có thể cảm thông trực tiếp, mà không cần phải phân giải bằng trí năng nữa.
214. Tức là duy trì những đặc tính đủ để người ta vẫn nhận ra “nó là nó”.
215. “Nó là nó”, nhưng cũng “không còn là nó”, cho phép sự tiến hóa thành những sinh vật mới, phát triển hơn.
216. Thu nạp chất dinh dưỡng để biến hóa thành chính nó.
217. Bằng các chất dinh dưỡng lấy từ môi trường.
218. Như con sứa.
219. Sự thống nhất của cặp mâu thuẫn “tồn đọng – hướng tới tương lai” bao giờ cũng thể hiện thực tại, tức cái hiện trạng trong lúc này. Trong trường hợp sinh vật mà ta đang quan sát, cái “hiện trạng lúc này” ấy là sự co thắt. Hiện trạng ấy tổng hợp hai “tiến trình chuyển biến bao hàm đối nghịch”, do sự phân chia cấu trúc “thần kinh – cơ bắp” của nó thành hai loại, tương lực và từng kỳ. Tương tự như thế, sự đối kháng giữa hai phạm

trừ “tồn đọng” và “hướng hướng tới tương lai” triệt tiêu cái thực tại vừa nói, tức sự co thắt, để cho ra giai đoạn thư giãn, nghỉ ngơi, như Trần Đức Thảo sẽ nói tiếp ở câu sau.

220. “Tự thân” (corps propre), là một khái niệm được mô tả ra bởi một số triết gia như Merleau-Ponty (Phénoménologie de la Perception), để chỉ hình ảnh chủ quan của thân thể. Nó tạo ra cảm giác “chính mình”, “là mình”, “tự mình” cùng với những gì “mình” có thể làm, hay có thể cảm nhận.

221. Gọi là “hình ảnh thần kinh”.

222. Chứ không phải vào hình ảnh của chuột.

223. Vì không có thực.

224. Vì vượt ra ngoài giới hạn bản thân.

225. Tương đương với “khoảng miêng” của trẻ nhỏ.

226. Chỉ hiện hữu nơi con người.

227. Như Trần Đức Thảo đã phân tích trong nhiều tài liệu, ở trẻ em, tiếng gọi, rồi tiếng nói bên ngoài kích thích sự hình thành của tiếng nói bên trong. Tiếng nói bên trong được lập lại rồi khai triển thành ý thức. Với sự ý thức qua tiếng nói bên trong ấy, những cảm giác được ý thức, được trừu tượng hóa, đồng thời với ý muốn, chủ ý hành động,... Con vật chỉ có “cảm giác bản thân”, để phân biệt những gì “thuộc về nó” và “không phải nó”. Cảm giác về “nó” là cảm giác về một sự vật cụ thể, cũng như cảm giác đối với những sự vật “không phải nó”. Ở con người thì khả năng trừu tượng hóa làm cho ý thức của hãnh không chỉ hướng đến sự vật hay cảm giác cụ thể mà vượt lên phạm trù trừu tượng. Thí dụ con vật chỉ ham muốn một sự vật cụ thể, như thức ăn, đối tượng giao hợp,... Trong khi đó, con người, trong sự ham muốn thực sự “người” của mình, thì ham muốn một hình ảnh chủ quan của đối tượng mà mình ham muốn, hoặc ham muốn chính sự ham muốn, như huy chương, bằng cấp, nhà to, xe đẹp, vì chúng chứa đựng sự ham muốn của người khác, hay khi giao hợp, thì muốn đối tượng cũng ham muốn giao hợp với mình... Trong điều kiện ấy, ý thức bản ngã nơi con người cũng hướng vào một “cái tôi” trừu tượng, được cấu tạo qua một “câu chuyện” được thường xuyên cập nhật, mà mình tự kể với mình, đồng thời

thể hiện hình ảnh mà mình muốn người khác nhận biết nơi mình. Ý thức, như thế, bắt buộc phải có ngôn ngữ. Xem (tiếng Pháp):[http://nguyenhoaiivan.com/default.asp?](http://nguyenhoaiivan.com/default.asp?do=news_detail&id=167&kind=20)

[do=news_detail&id=167&kind=20](http://nguyenhoaiivan.com/default.asp?do=news_detail&id=167&kind=20) (đoạn “conscience et langage”).

228. Được ý thức, qua “tiếng nói bên trong”.

229. Tính chủ thể ở động vật được hình thành qua tập hợp cảm giác, trực giác, bản năng, của nó. Ở con người tính chủ thể bao hàm thêm tất cả những gì hẳn “biết”, qua kinh nghiệm, học hỏi, suy tư, v.v... và qua những gì hẳn dự phóng cho tương lai. Ngôn ngữ ở đây cũng đóng một vai trò then chốt, qua chức năng truyền đạt các hiểu biết, suy nghĩ và kinh nghiệm, cũng như xây dựng các dự phóng... Như Marx đã nhận xét: sự khác biệt giữa một kiến trúc sư kém cỏi nhất và con ong tài ba nhất, là người kiến trúc sư xây dựng công trình của mình trong trí óc, trước khi thực hiện nó trong thực tế. Chúng ta cũng đã nhận xét rằng con người luôn tự kể “tiểu sử” của mình, một tiểu sử không ngừng được phóng chiếu vào tương lai (“tôi là người sẽ...”), với những cập nhật đều đặn. Tính chủ thể nơi con người thể hiện qua ý thức mình là nhân vật chính của “tiểu sử” ấy.

230. Hylè là chất liệu của cảm giác, trước khi nó được cảm giác, để rồi, từ cảm giác, trở thành tri giác. Husserl đã có những do dự quanh vấn nạn làm thế nào để Hylè trở thành tri giác (sự kết hợp giữa Hylè và Morphè – hình thái). Sau cùng, quan điểm của ông là khi hội nhập thời gian, thì, cùng với sự vận động của thời gian qua mâu thuẫn tồn đọng và áp lực hướng đến tương lai, Hylè tự nó mang tính năng kích động cơ thể, đưa đến sự bổ túc các cảm giác đã nhận được bằng những tư thế nối tiếp nhau để tiếp tục nhận được những cảm giác mới về cùng một sự vật. Như một người vừa đi quanh một bức tượng, vừa nghiêng đầu để nhìn nó dưới nhiều khía cạnh. Đồng thời với những tư thế này, hệ thần kinh liên tục tổng hợp những cảm giác thu nhận được, dựa vào quá khứ, và hướng đến tương lai, làm thành một dòng tri giác. Như thế, Hylè, tức chất liệu của cảm nhận, tự nó hướng đến Morphè, hình thái. Mỗi cảm giác tự nó mang những phương tiện để được nhận thức đầy đủ hơn, và trong mỗi sự vật được cảm nhận trực tiếp đã

có sẵn động lực để liên kết chúng thành một tập hợp hình ảnh hiểu được, “cảm thông được”, của thế giới.

231. Như Hylè, nó mang trong nó động lực tự bổ sung và hướng đến hành động.

232. Tương tự như “khoảng chân – tua” nơi loài Ruột Khoang, cho ra “vùng phụ cận” ở các trình độ tiến hóa cao hơn, trò chơi phân định một khoảng trống trung gian giữa “trong” và “ngoài” một cá thể. Cá thể ấy có khả năng tác động trên khoảng trống này, như thể thuộc về nó, mặc dù khoảng trống kia vẫn được cảm nhận như bên ngoài nó. Trong trò chơi, nó tác động trên những sự vật trung gian, để tăng cường cảm giác hiệu năng của nó trên khoảng trung gian vừa nói. Điều này cũng làm gia tăng cảm giác tự thân của nó, và là một bước tiến hóa dẫn đến việc phát triển các “trung gian thực dụng”, vẫn để tăng cường hiệu năng tác động trên “vùng phụ cận”, thường trùng hợp với khoảng trung gian của trò chơi. Các “trung gian thực dụng” ấy là các công cụ lấy trực tiếp từ thiên nhiên, trước khi tiến lên giai đoạn dụng cụ được chế tác.

233. Lời Cuối: Chỉ trong vài trang, chúng ta đã đi qua một quãng đường dài với Trần Đức Thảo. Khởi đầu bằng một phương pháp lý luận, ông dẫn chúng ta “hội nhập thời gian”, để hiểu được sự chuyển động của một hiện hữu trong thời gian. Rồi ông đưa chúng ta vào trong mỗi hiện hữu, để chỉ ra cá tính của nó, luôn tồn đọng, dù không ngừng chuyển biến, bất kể nó là một hạt cát, một sinh vật, hay toàn vũ trụ. Sau hết, vì hiện hữu mang tiềm năng kết hợp với những hiện hữu khác, làm thành những cá thể phức hợp, những hệ thống bao gồm nhiều tầng lớp, từ con sứa đến xã hội loài người, nên Trần Đức Thảo mời gọi chúng ta quay về quá khứ, tìm hiểu bản thân của tính kết hợp, qua những nền tảng đơn sơ nhất của nó. Từ thời buổi xa xưa ấy, những trang sử lý kỳ của Thiên Nhiên được lật nhanh, cho đến sự xuất hiện của xã hội tính và nhân tính, vạch ra một tiến trình từ sự co thắt cho đến các hành vi được ý thức nơi mỗi người chúng ta. Sự logic của thời Hiện tại sống động đã là ánh sáng chiếu soi cho chúng ta trên suốt con đường ấy, khiến chúng ta có được một cái nhìn nhất quán về lịch sử của

Thiên Nhiên từ nguyên thủy cho đến hiện tại, với tất cả những gì con người đã, và sẽ, biết được.

234. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1989c). Bản sử dụng ở đây đã sửa chữa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

235. Di chỉ khảo cổ học nổi tiếng ở miền Tây nước Pháp. (BS)

236. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1991b). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

237. Xem Ph. Ăng-ghen: Chống Duy-rinh, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 35–37.

238. Xem Ph. Ăng-ghen, Sách đã dẫn, tr. 36.

239. Chú thích của người biên tập: Tiếp sau phần hình thể cộng sản nguyên thủy, tác giả đã phân tích những nấc thang tiến hóa của lịch sử phát triển loài người. Vì khung khổ bài báo có hạn, rất tiếc chúng tôi không đăng được phần đó. Mong tác giả và bạn đọc thể tất. Dưới đây là phần tiếp.

240. Mác: Tư bản, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, Q1, T3, tr. 351–352.

241. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1977a). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

242. Trưng thu và cống nạp. (BS)

244. Hoàng Tuấn Anh dịch. Dịch từ nguyên bản tiếng Anh. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1947b] (2012). Bản sử dụng ở đây có biên tập một số chữ, và sửa chữa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

245. Giáo sư Trần Đức Thảo là nhà triết học lớn. Bên cạnh đó, với lòng yêu nước nồng nàn, ông còn là một nhà trí thức dân thân chính trị từ khi còn rất trẻ. Năm 1944, khi mới 27 tuổi, ông đã được bầu làm Tổng Phái đoàn của người Đông Dương ở Pháp (Délégation générale des Indochinois en France), phụ trách nghiên cứu các vấn đề chính trị. Trên cương vị này, bên cạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, ông còn diễn thuyết, viết báo và vận động chính trị cho nền độc lập và dân chủ ở Đông Dương, hưởng cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc theo hướng dân chủ-xã hội. Bài báo tiếng Anh này phản ánh tinh thần của bài báo tiếng Pháp của Giáo sư, Sur l'Indochine [Về Đông Dương]. Bài báo tiếng Pháp này được viết trong 4 tháng tại xà lim ở nhà tù Prison de la Santé (tháng 9–12/1945), sau khi ông bị bắt vì các

phát ngôn ủng hộ nền độc lập ở Đông Dương, sau đó được đăng trên tạp chí *Les Temps modernes*, diễn đàn của giới triết học và trí thức cánh tả tại Pháp, do Maurice Merleau-Ponty, Jean-Paul Sartre, Raymond Aron và Simone de Beauvoir chủ trương. (BS)

246. Nay là Sri Lanka (ND).

247. Nguyễn Trung Kiên dịch. Nguồn: HERMAN, Daniel J. [1997] (2013). Tên bài do người dịch tạm đặt. Người dịch xin cảm ơn sự chỉ dẫn quý báu của Giáo sư Trần Hữu Dũng, Tiến sĩ Cù Huy Chử, Luật sư Cù Huy Song Hà và Tiến sĩ Nguyễn An Nguyên để bản dịch này được hoàn thiện. Đây là bài giới thiệu cho bản dịch tiếng Anh của Daniel J. Herman, *Dialectical logic as the General logic of Temporalization* [Logic biện chứng như là logic tổng quát của vận động thời gian], sau đó được tác giả sửa chữa và công bố trong *The Encyclopedia of Phenomenology* [EMBREE, Lester, et al (1997)]. Bản gốc tiếng Pháp của bài nghiên cứu này của Giáo sư Trần Đức Thảo là: *La dialectique logique comme dialectique générale de la temporalisation*. Đây là chương 2 của tác phẩm *La Logique du Présent vivant* [Sự logic của thời Hiện tại sống động] (1993), gồm 4 chương, của Giáo sư Trần Đức Thảo. Tác phẩm này, cùng với tác phẩm *Recherches Dialectiques* [Những nghiên cứu về các mối liên hệ biện chứng] (1992), là hai tác phẩm cuối đời do Giáo sư Trần Đức Thảo viết tại Paris, Cộng hòa Pháp. Hai tác phẩm cuối đời này đã đưa sự nghiệp nghiên cứu và sáng tạo triết học của Giáo sư Trần Đức Thảo lên tới đỉnh cao, và khẳng định triết học của ông là chủ nghĩa duy vật biện chứng nhân bản, đúng như mơ ước ông gửi gắm trong bản Hồi ký Triết học (1989): “Trên cơ sở tiếng gọi của cái hình ảnh xã hội bên trong, ý thức cá nhân tự gọi bản thân mình, qua đó xác định sự đòi hỏi đạo đức trong hành động, chân lý trong nhận thức, và thẩm mỹ trong sự hoàn thành các quá trình sống động và sinh thức... Ý thức chuyển hóa thế giới tự nhiên thành một thế giới có tính Người, có giá trị đối với con người”. (ND)

248. Tài liệu tham khảo: CAVEING, M. (1974); LYOTARD, J.-F. (1992); RICCEUR, P. (1974); ROUSSET, B. (1984); THAO, Trần Duc (1946b), (1948), (1950b), [1951] (1971), [1951] (1970), [1951] 1986), [1956a]

(1965), (1966b), (1969a), (1969b), (1970), [1985f] (1986), (1986a), (1992a), [1992c] (1995), (1992e), [1992e] (1995), (1993a).

249. THAO, Trân Duc (1951), (1986a).

250. Xem Phụ lục A [THAO, Trân Duc (1992a)].

251. HUSSER, E. (1936). Die Krisis der europäischen Wissenschaften und die transzendente Phänomenologie: Eine Einleitung in die phänomenologische Philosophie [Sự khủng hoảng của các ngành khoa học tại châu Âu và Hiện tượng luận tiên nghiệm: Giới thiệu về Triết học tiên nghiệm] (ND)

252. THAO, Trân Duc (1991c).

253. THAO, Trân Duc (1973), [1973] (1984).

254. “Tiếng nói của đời sống thực tế” là một thuật ngữ của Karl Marx. “Sự sản xuất những ý kiến, những ý tưởng, sự sản xuất ý thức lúc đầu là trực tiếp quần quện trong hoạt động vật chất mà trong những quan hệ vật chất của những con người, trong tiếng nói của đời sống thực tế (Sprache des wirklichen Lebens). Ý tưởng, tư duy, những quan hệ tinh thần của người ta ở đây là còn xuất hiện theo lối như toát ra từ cử chỉ vật chất của họ” (MARX, K., Hệ tư tưởng Đức, Dietz-Verlag, tr. 22) [Nguồn: THẢO, Trần Đức (1989b)] (ND).

255. Ví dụ như hòn đá (ND).

256. Ví dụ như hòn đá mài (ND).

257. Sự phân biệt này đã bị Jane Goodall, người sử dụng những khái niệm này mà không kèm trích dẫn, bác bỏ hoàn toàn. Không nên ngạc nhiên! Được đào tạo trong chuyên ngành của mình, bà đã được thừa hưởng không chỉ các nghiên cứu nhân chủng học của Thảo mà còn các nghiên cứu của Köehler. Nhiều năm trước, Köehler, trong một thí nghiệm mang tính kinh điển của mình, đã chỉ ra rằng khi không đuôi không có khả năng tự diễn đạt cho mình về một đối tượng vắng mặt, do đó nó không có khả năng suy nghĩ, nếu suy nghĩ phải tồn tại ít nhất là một khoảng cách giữa người suy nghĩ và đối tượng được suy nghĩ.

258. THẢO, Trần Đức, “Một hành trình ”, đã dẫn.

259. Năm 1968 được mở đầu với sự kiện Mùa xuân Praha, khi vào ngày 5 tháng Giêng, Alexander Dubček được bầu làm Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Tiệp Khắc, mở đầu quá trình ngăn ngừa nhằm tự do hóa chính trị, cải cách dân chủ và phi tập trung hóa nền kinh tế tại Tiệp Khắc, và kéo dài đến ngày 21 tháng Tám, khi Liên Xô và các nước đồng minh trong Khối Vác-sa-va xâm lược Tiệp Khắc nhằm ngăn chặn các cải cách cấp tiếp này.

(Nguồn: Wikipedia) (ND)

260. Daniel J. Herman có chút nhầm lẫn. Trên thực tế, Trần Đức Thảo trở lại Paris vào tháng Ba năm 1991 (ND).

261. THAO, Trần Duc [1992c] (1993).

262. Bao gồm: 1. Quy luật đồng nhất (cái gì tồn tại thì tồn tại); 2. Quy luật không mâu thuẫn (cái gì không tồn tại thì không tồn tại); 3. Quy luật loại trừ cái thứ ba (cái gì vừa là A, vừa không phải là A, thì không có cái thứ ba) (ND).

263. Heraclitus (kh. 535 duy vật của Hy Lạp cổ đại, được coi là ông tổ của phép biện chứng. Những tư tưởng biện chứng của ông rất sâu sắc, tuy vậy cách thức thể hiện lại rất phức tạp và khó hiểu. Dưới con mắt của Heraclitus, mọi sự vật trong thế giới của chúng ta luôn luôn thay đổi, vận động, phát triển không ngừng. Thế giới như một dòng chảy, cứ trôi đi mãi. Từ đó, ông đưa ra luận điểm nổi tiếng: “Không ai có thể tắm hai lần trên cùng một dòng sông”. Không có gì thường xuyên biến đổi như một dòng sông nhưng cũng không có gì ổn định như dòng sông. Bởi khi nó vận động cũng là khi nó đứng im. Nói cách khác, tính biến đổi của dòng sông không loại trừ sự đứng im, tức là cái mà nhờ đó dòng sông là xác định, ổn định và bất biến. Heraclitus đã tiếp cận được với những tư tưởng rất cơ bản của phép biện chứng. Ông nói: “Trong cùng một dòng sông ấy chúng ta lội xuống và không lội xuống, chúng ta có và không có”. Đó chính là những tư tưởng về mối liên hệ phổ biến của quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập (ND).

264. THAO, Trần Duc [1992a] (1993).

265. Thảo đã quên mất Bergson, người đã phân biệt giữa thời gian của cái đồng hồ với thời gian thực, mà rõ ràng là đã chịu ảnh hưởng bởi Husserl.

266. Đây là luận điểm triết học rất quan trọng của Trần Đức Thảo. Luận điểm này còn nguyên giá trị thời sự đối với quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền và phát triển xã hội dân sự trong các nước chuyển đổi, trong đó có Trung Quốc và Việt Nam. Bên cạnh đó, luận đề triết học này còn tạo ra những nhận thức mới để thúc đẩy tiến trình “hòa hợp” và “hòa giải” giữa các quốc gia và dân tộc đang phải sống trong sự chia rẽ và hận thù bởi các di sản của quá khứ. (ND)

267. THAO, Trần Duc (1993a).

268. Đây là một thành tựu triết học rất quan trọng của Trần Đức Thảo. Ông đã sử dụng phép biện chứng của Hegel để loại bỏ yếu tố siêu hình trong khái niệm thời gian của Aristotle, và nội dung duy tâm trong khái niệm các khoảnh khắc bất động của Husserl. Qua đó, Trần Đức Thảo đã phát triển khái niệm sự vận động của các khoảnh khắc trên tinh thần của chủ nghĩa duy vật biện chứng, và sử dụng khái niệm đó để diễn giải quá trình phát triển biện chứng của lịch sử tự nhiên, xã hội và ý thức, ngôn ngữ của con người – một quá trình phát triển từ thú tính đến nhân tính sang sử tính (Phan Huy Đường). Sự diễn giải đó được thể hiện trong hai tác phẩm cuối đời của Trần Đức Thảo: *Recherches Dialectiques*, và *La Logique du Présent vivant*. Hai tác phẩm này, bên cạnh việc tạo cảm hứng cho các thế hệ sau kế thừa và phát triển các thành tựu triết học của Trần Đức Thảo, còn khẳng định vị trí quan trọng của ông trong triết học phương Tây hiện đại. (ND)

269. Nguyễn Đức Truyền lược dịch, Nguyễn Trung Kiên biên tập. Nguồn: FÉRON, A. (2014a).

270. Với các thông tin về tiểu sử, chúng tôi dựa trên hai văn bản tự thuật của Trần Đức Thảo, THAO, Trần Duc [1984b] (1993), Lời nói đầu [THAO, Trần Duc (1986a)], và nghiên cứu của Daniel Hemery [HÉMERY, D. (2013)]; một văn bản được đăng lại trong: BENSOST, J. & M. Espagne (2013); và THAO, Trinh Van (2004).

271. Cùng năm với Louis Althusser.

272. Sau đây là lời bình của Jean Cavailles: “Ông Thảo đã đọc tất cả các tác phẩm đã xuất bản của Husserl, một số chưa được công bố, và những lời

bình luận quan trọng. Bản thân công trình của ông là một trong những nghiên cứu bằng tiếng Pháp tốt nhất về Husserl và cao hơn hẳn trình độ của bằng tốt nghiệp thông thường. Nó cho thấy những kiến thức rất phong phú và một tư duy triết học sâu sắc” [ISRAËL, S. (2005)]. Khóa luận này được lưu hành rộng rãi trong các sinh viên Trường ENS vào thời điểm đó và đã có ảnh hưởng lớn đến cách tiếp nhận hiện tượng luận ở Pháp. Xin chỉ nêu những cái tên nổi bật như Jacques Derrida, Lyotard, Bourdieu, và cả Louis Althusser.

273. ISRAËL, Stéphane, Ibid., Chương 2.

274. Trong bài báo của mình, Sur l’Indochine [Về Đông Dương], Trần Đức Thảo gợi lên hiện trạng của phần tử “tinh hoa” trí thức: ”... thành viên cấp thấp [của cộng đồng Pháp], người mà, nhờ một ân sủng đặc biệt, được đối xử như một thành viên cao cấp và do đó phải có một lòng biết ơn sâu sắc đối với quyền lực chi phối cộng đồng [...] thay vì sử dụng nó, thì trái lại, người ta đã làm cho tranh thủ nó để trục lợi... Bằng một ân sủng của quyền lực, anh ta đã được nâng đỡ từ giai cấp bị trị lên giai cấp thống trị; từ đó trở đi, anh ta là một thành viên của nó và ý định quay trở về với những người bị bóc lột là phản quốc”. (THAO, Trần Đức (1946a), pp. 896–897).

275. Sau đoạn văn được trích dẫn trong ghi chép trên đây, Trần Đức Thảo khẳng định: “Nhưng người Annam, ở chân trời riêng của mình, chỉ có thể tự xem mình như một công dân của Việt Nam. [...] Từ bỏ đồng bào của mình vì lợi ích cá nhân chính là định nghĩa về khái niệm phản quốc”. (Ibid., p. 897).

276. Ví dụ đó là sự lựa chọn của Phạm Duy Khiêm (vào trường ENS vào năm 1931, đậu thạc sĩ, ông được huy động vào năm 1939 và trở thành đại sứ của Tổng thống Diệm từ 1955–1957). So sánh giữa Phạm Duy Khiêm và Trần Đức Thảo: xem bài viết của Daniel Hemery và công trình của Trịnh Văn Thảo.

277. Ibid., p. 890.

278. Chúng tôi dựa trên các thông tin của Daniel Hemery trong bài viết của ông được trích dẫn ở trên.

279. Cũng vào thời điểm này, ông đã gặp Daniel Guérin và Pierre Naville.

280. Xem các bài được đăng lại trong tác phẩm của Merleau-Ponty, *Sens et non sens* [Có nghĩa và vô nghĩa].
281. THAO, Trân Dục (1986a), p. 6.
282. Ibid.
283. ANDERSON, P. (1977).
284. THAO, Trân Dục (1946b), cũng như một số văn bản khác bằng tiếng Pháp và tiếng Việt, luôn sẵn có trên trang Web: studies.info/TDThao/
285. Văn bản đầu tiên này là một phần của một cuộc tranh luận được tổ chức bởi *Revue internationale* về mối quan hệ giữa chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa hiện sinh. Người ta còn thấy có sự đóng góp của Jean Domarchi, Pierre Naville và Merleau-Ponty.
286. *l'expérience antéprédicative*.
287. *Contribution à la critique de l'économie politique*, "Introduction de 1857" [Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị, "Lời nói đầu, 1857"], p. 175.
288. "Tính ưu việt của nền kinh tế không thủ tiêu được tính xác thực của các kiến trúc thượng tầng, mà trả nó về với nguồn gốc thực sự của nó trong sự tồn tại được trải nghiệm. Các kiến tạo ý thức hệ đều có liên hệ với phương thức sản xuất, không phải vì chúng phản ánh nó – đó là một điều vô nghĩa, mà đơn giản chỉ vì chúng tạo lập được ý nghĩa của chúng từ một kinh nghiệm tương ứng, nơi các giá trị "tâm linh" không được tái hiện nhưng được trải nghiệm và cảm nhận, và tất cả những kinh nghiệm đặc thù đều tham gia vào trong kinh nghiệm tổng thể của con người trong thế giới. Vì nó luôn được định nghĩa tại mỗi thời điểm trong những đường nét chung nhất của nó, qua các quan hệ kinh tế đang tồn tại và một sự thay đổi trong các quan hệ này sẽ kéo theo một sự tái cấu trúc của tổng thể, nên khi cho rằng sự vận động của lịch sử, xét cho cùng, luôn được quy chiếu vào các điều kiện của đời sống vật chất. Mỗi tình trạng mới của kỹ thuật đều ám chỉ đến một "văn hóa" mới, không phải là cái văn hóa này phải phản ánh nó, mà vì vì nó chỉ có thể đích thực là văn hóa nếu nó thể hiện những trực giác ban đầu mà những điều kiện sống mới tiết lộ". [THAO, Trân Dục (1946b), p. 4].

289. “Bài viết Về Đông Dương của tôi đã được viết trong xà lim, nơi tôi bị giam một mình trong nhà tù Santé. Tôi đã sử dụng thời gian rỗi bắt buộc để kiểm tra ý thức của tôi về hiện tượng luận. Bài viết của tôi là theo chủ nghĩa hiện sinh”. (THAO, Trân Duc [1984b] (1993), p. 148).

290. THAO, Trân Duc (1946a), p. 898 (nhấn mạnh của chúng tôi). Trước đó, Thảo đã lưu ý trong bài viết: “Ý nghĩa của những tồn tại có trước các lý lẽ, mà nhờ chúng người ta có thể biện minh cho nó. Khái niệm về trách nhiệm không có nghĩa gì ngoài một cộng đồng mà hiện tại người ta đang thuộc về nó. Người ta không thể thuyết phục được ai đó gia nhập vào một cộng đồng bởi vì tất cả những lý do mà người ta có thể đưa ra để giải thích về điều đó đều tiên giả định rằng anh ta đã tham gia vì nó. Cái dự án được hình thành trước anh ta, như thể có một ý nghĩa cho anh ta, chỉ có thể nhằm vào cộng đồng, trong đó anh ta cảm thấy mình tồn tại. Một cảm giác như vậy xác định chính bản chất của sự tồn tại của anh ta, việc anh ta sống cho bản thân mình, chính là điều nếu không có nó anh ta sẽ không tồn tại” (p. 897).

291. Ibid., pp. 885–886.

292. Ibid., p. 900.

293. Les faits [Các sự kiện], p. 362. Một câu chuyện tương tự: “Trong chốn riêng tư, Thảo nói với chúng tôi: ‘Tất cả các bạn đều là những cái tôi – bình đẳng siêu nghiệm’. Ông luôn mỉm cười, nhưng chân lý thật sâu sắc!” (ALTHUSSER, L. (1992), p. 201).

294. Trong tạp chí Les Temps Modernes, số 19, tháng 3/1947, với chuyên đề: “Hồ sơ về Đông Dương”, bao gồm chủ yếu một bài viết của Merleau-Ponty (“SOS Indochine”), một bài viết của Trần Đức Thảo [THAO, Trân Duc (1947a)], và bài viết của Claude Lefort (Les pays coloniaux: analyse structurelle et stratégie révolutionnaire [Các nước thuộc địa: phân tích cấu trúc và chiến lược cách mạng]).

295. THAO, Trân Duc (1947c). Đây cũng là bài viết cuối cùng về Đông Dương mà ông công bố trên tạp chí Les Temps Modernes; bài viết sau về vấn đề này sẽ được công bố trên tạp chí La Pensée.

296. Chúng ta phải nhớ rằng chính là vào thời điểm này mà nhóm Les Temps Modernes, và nhất là Sartre và Merleau-Ponty, khởi xướng việc xây dựng Tập hợp Dân chủ cách mạng (RDR), phong trào tập hợp một số nhân vật theo khuynh hướng tờ-rốt-kít và mong muốn trở thành một “con đường thứ ba” mang tính cách mạng giữa Liên Xô và Hoa Kỳ.
297. “Phần thứ hai của Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng (1951) đã đi đến một bế tắc mà tôi hy vọng tìm thấy con đường dẫn đến các giải pháp trong cách mạng Việt Nam” [THAO, Trân Dục (1986a), p. 1].
298. Sự công thức hóa của tính chính thống triết học được thực hiện trong tác phẩm của Stalin, Matérialisme dialectique et matérialisme historique [Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử] (1937). Về vấn đề này, tham khảo: LABICA, G. (1984). Le Marxisme-léninisme. Paris: Bruno Huisman.
299. GOUARNÉ, I. (2013).
300. THAO, Trân Dục (1986a).
301. THAO, Trân Dục (1948).
302. Cũng phải nhắc đến vai trò của sự thất bại trong năm cuộc đối thoại của Thảo với Jean-Paul Sartre trong quá trình này về mối quan hệ giữa chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa hiện sinh.
303. Đó là điều mà Vincent Descombes đã chỉ ra. Tham khảo: DESCOMBES, V. (1979).
304. Phần đầu tiên là một trong những trình bày sáng tỏ nhất về triết học của Husserl, trong đó ông phân tích sự phát triển biện chứng trong tư tưởng của ông này và chỉ ra sự cần thiết phải vượt qua quan điểm hiện tượng luận đến chủ nghĩa duy vật biện chứng.
305. Marx, IA, p. 42–43.
306. Ibid., p. 51.
307. Tôi sử dụng từ “ý thức”, nhưng phải chú ý rằng tùy theo loại sinh vật, thuật ngữ này có một ý nghĩa rất khác biệt. Con cá không có ý thức về thế giới cùng cách với các động vật có vú, và nhất là với con người.
308. Về chủ đề này, xem bài viết của Jocelyn Benoist, “Une première naturalisation de laphénoménologie?” [Một sự tự nhiên hóa đầu tiên của

- hiện tượng luận?]. Nguồn: BENSIOIST, J. & M. Espagne (2013), pp. 25–46. (Bài thuyết trình này có thể truy cập theo địa chỉ: <http://savoirs.ens.fr/expose.php?id=830>).
309. THAO, Trần Duc [1984b] (1993).
310. THAO, Trần Duc (1986a) p. 1
311. Trong giai đoạn này của cuộc đời ông, chúng tôi chỉ có những thông tin rất không đầy đủ. Chúng tôi đã sử dụng các văn bản tự truyện của Trần Đức Thảo (đã đề cập ở trên), kể cả tham luận của Philippe Papin trong hội thảo chuyên đề về Trần Đức Thảo (<http://savoirs.ens.fr/expose.php?id=832>); trong tài liệu: “Itinéraire II. Les exils intérieurs”, nguồn: BENSIOIST, J. & M. Espagne (2013); tác phẩm của Trịnh Văn Thảo (trích dẫn ở trên); và bài viết của McHale, nguồn: McHALE, S. (2002).
312. Khu vực phía bắc của Hà Nội, được dùng làm căn cứ địa cho Việt Minh.
313. Một công trình đã được công bố theo ghi chép về các bài giảng của các sinh viên của ông năm 1955 Ông lấy lại những nét lớn trong một tác phẩm mà ông đã công bố. bằng tiếng Việt ở Paris năm 1950, Triết lý đã đi đến đâu. Về vấn đề này, xem các công trình của Trịnh Văn Thảo.
314. Không có bài viết nào trong số này được dịch [sang tiếng Pháp].
315. Oliver Todd (1929): nhà văn và nhà báo Pháp cánh tả, theo khuynh hướng tờ-rốt-kít, chịu ảnh hưởng bởi truyền thống triết học phân tích, từng cộng tác với nhóm Temps Modernes của Jean-Paul Sartre. (BS)
316. THAO, Trần Duc (1966), p. 4.
317. THAO, Trần Duc (1974).
318. Ibid.
319. THAO, Trần Duc (1965).
320. THAO, Trần Duc (1973), p. 13.
321. Xuất bản ở Éditions sociales năm 1973 [THAO, Trần Duc (1973)]. Ông đăng lại các bài viết đã được xuất bản trong tạp chí La Pensée (1966–1970), và một nghiên cứu chưa được công bố về mối quan hệ giữa phân tâm luận và chủ nghĩa Marx.

322. Đây có lẽ là lý do tại sao Althusser, khi đọc những bài viết trong *La Pensée*, đã nhận xét rằng, Trần Đức Thảo, qua sự quan tâm của ông về nguồn gốc và sự hình thành ý thức, vẫn chịu ảnh hưởng của Husserl”.

(ALTHUSSER, L. (1992), p. 362)

323. Marx, IA, p. 50.

324. Ibid..

325. Tác phẩm này nhằm chống lại Althusser và thông qua ông này chống lại tư tưởng Mao–ít và phái Khmer đỏ.

326. THAO, Trần Duc (1986b).

327. Có thể xem về chủ đề này qua nhân chứng Thierry Marchaisse trong văn bản của ông, *Tombeau sur la mort de Trần Đức Thảo* (Nguồn:

BENSOIST, J. & M. Espagne (2013),pp. 254–257).

328. THAO, Trần Duc [1993b] (1993), pp. 154–168.

329. Nguồn: LUẬT, Phạm Trọng (2004). Do khuôn khổ của cuốn sách, bản sử dụng ở đây có lược bớt một số chi tiết trong nguyên bản, và biên tập một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)

330. Đây chủ yếu là bài tưởng niệm Trần Đức Thảo đã đăng trên *Hợp Lưu*, số 79 (10-11/2004). Vì phải tôn trọng thời hạn nộp bài để kịp ra báo, tôi đã để lại một vài sai sót, xin thành thật cáo lỗi cùng quý độc giả. Những sơ suất ấy nay đã được khắc phục; tôi cũng nhân tiện bổ túc bài viết ở một vài đoạn trước đây không kịp triển khai (về phức cảm *Cedipe*, về một số biên khảo của tác giả từ thời Đổi mới năm 1986 đến cuối đời). Và xin xác định thêm: vì triết gia còn là “kẻ lạ” đối với phần lớn người Việt, bài Tổng quan này sẽ nghiêng về phần trình bày hơn là bình luận các trước tác của ông. Mặt khác, Trần Đức Thảo là một tác giả không dễ đọc: về tư tưởng, ông vừa là nhà hiện tượng luận, vừa là nhà duy vật biện chứng; lập luận của ông lại được xây dựng trên những kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau (triết học, tâm lý học, nhân chủng học, sử học, sinh học...), và trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng vượt xa khả năng của kẻ viết bài này. Dù hết sức cố gắng, chắc chắn là tôi đã không thể hiểu hết, do đó, có thể cũng vẫn còn không ít sai sót chưa nhìn thấy ở đây. Rất mong được sự trợ giúp của quý

độc giả, hầu sửa sai cho lần cập nhật sau, hoặc khi có dịp trở lại trên các vấn đề đã được trình bày trong bài.

331. THAO, Trần Duc [1984b] (1993).

332. Aristote (1992). Ethique de Nicomaque. Jean Voilquin dịch, đề tựa và chú giải. Paris: GF-Flammarion, p. 230.

333. QUYẾN, Nguyễn (2002).

334. Về thuật ngữ triết học nói chung, thứ tiếng Việt của Trần Đức Thảo trong tác phẩm “Triết lý đã đi đến đâu?” ngày nay không còn ai dùng, và bản thân tác giả cũng đã tiến hóa nhanh chóng sau khi về nước. Ở đây, chúng tôi ưu tiên dùng thuật ngữ của Trần Đức Thảo, trong trường hợp dùng thuật ngữ khác, cũng sẽ ghi lại từ ông dùng trong ngoặc [...] nếu biết. Riêng về hiện tượng học, trong khi chưa nhận được bản dịch tiếng Việt của Hiện tượng luận và Chủ nghĩa Duy vật Biện chứng, chúng tôi chủ yếu dựa trên trước tác của Cao Xuân Huy (Tư tưởng phương Đông gọi những điểm nhìn tham chiếu. Nguyễn Huệ Chi soạn, chú thích, giới thiệu. Hà Nội: NXB. Văn Học, 1995). Bởi vì, theo sự ghi chú ở trang 173 của tác phẩm này, thì “Chương viết về Husserl và hiện tượng học (Phần thứ nhất, tr. 150-174) là tóm tắt theo sách “Phénoménologie et Matérialisme Dialectique” [THAO, Trần Duc (1951)]. Mặt khác, bên cạnh các từ sử dụng, chúng tôi cũng ghi lại trong ngoặc [...] thuật ngữ của Trung Hoa hay những tác giả khác nếu có. Thí dụ: quy giản [réduction = hoàn nguyên (Trung Hoa), dẫn thoái (Cao Xuân Huy)], giảm trừ (Đặng Phùng Quân)], chú thị [visée, Cao Xuân Huy].

335. Hiroshima University, Hiroshima (Nhật Bản). URL = <http://home.hiroshima-u.ac.jp/orient/VSD.xls>.

336. Jean Cavaillès (1903-1944). Triết gia và nhà toán học Pháp. Ông đỗ đầu vào Đại học Sư phạm phố d’Ulm năm 1923, đậu thạc sĩ triết học năm 1927, từ năm 1929 đến năm 1935, ông làm phụ đạo [répétiteur] tại đây. Được học bổng của Viện Rockefeller năm 1930, ông có dịp sang Đức nhiều lần để chuẩn bị luận án, và chứng kiến tận mắt những hành động ghê tởm của chế độ quốc xã. Là giáo sư trung học tại Amiens (1936), ông trình luận án toán học năm 1938, rồi làm phó giáo sư [maître de conférences] môn

triết học và logic học tại Đại học Strasbourg. Trong chiến tranh, ông là trung úy bộ binh. Ông bị bắt năm 1940, song trốn thoát về được Clermont-Ferrand, nơi Đại học Strasbourg lánh nạn, để tiếp tục dạy học. Được bổ nhiệm giáo sư tại Sorbonne năm 1941, ông rời Clermont-Ferrand về Paris, tiếp tục vừa dạy học vừa hoạt động kháng chiến bí mật. Bị bắt lần đầu tháng 9 năm 1942, ông vượt ngục sang London gặp tướng De Gaulle. Bị bắt lần thứ nhì tháng 8 năm 1943, ông bị Đức Quốc xã xử bắn vào tháng 2 năm 1944. Về học thuật, Jean Cavailles còn để lại nhiều tác phẩm rất giá trị trong lĩnh vực chuyên môn của ông: Nhận xét quanh Lý thuyết trừu tượng về Tập hợp [Remarques sur la Théorie Abstraite des Ensembles, 1938], Tiểu luận về Nền tảng của Toán học [Essai sur le Fondement des Mathématiques, 1938], Siêu hạn và Liên Tục [Transfini et Continu, 1938], Về Logic học và Lý thuyết về Khoa học [Sur la Logique et la Théorie de la Science, 1947].

337. THAO, Trân Duc (1950a), pp. 128-142.

338. Ba lối quy giản: ở Descartes (trở về chủ thể tư duy, để từ tính bất khả hoặc của cái tôi tư duy ấy, song song với tính hiệu chân của Thượng Đế, xác lập sự tồn tại của ngoại giới); ở Kant (trở về với chủ thể như môi trường của của mọi kinh nghiệm, để từ những cái khuôn tiên thiên ở chủ thể, xác lập tính khách quan và tính khả tri của thế giới hiện tượng) và ở Husserl (trở về với ý thức của chủ thể, như luôn luôn là ý thức về một đối tượng nào đó, để xác lập đồng thời trong cùng một chú thị trực quan [visée intuitive], cả chủ thể lẫn đối tượng của ý thức). Tất nhiên, “cái tôi tư duy” của Descartes và “cái chủ thể thuần túy” của hiện tượng luận cũng không nhất thiết phải hoàn toàn trùng hợp (Ibid., pp. 128-138).

339. Ibid., p. 139.

340. THAO, Trân Duc (1946b).

341. Ibid., p. 174.

342. LYOTARD, J.-F. (1999), pp. 112-115.

343. THAO, Trân Duc (1974). pp. 37-42.

344. Ibid., p. 37.

345. “Tiếng nói của đời sống thực tế” là một thuật ngữ của Karl Marx. “Sự sản sinh ra những ý tưởng, biểu tượng và ý thức trước hết đã hòa lẫn một cách trực tiếp và mật thiết vào sinh hoạt và trao đổi vật chất giữa những con người, nó là tiếng nói của đời sống thực tế. Mọi biểu tượng, ý tưởng, trao đổi trí thức giữa con người với nhau cũng hiện ra, ngay cả ở đây, như xuất phát trực tiếp từ hành vi vật chất của họ”. Nguồn: MARX, K. & F. Engels [1846] (1975), *L’Idéologie Allemande*. Paris: Ed. sociales, p. 50. (BS)

346. THAO, Trần Duc (1974), p. 38.

347. Alexandre Kojève (1902-1968). Triết gia Pháp gốc Nga. Ông theo học tại Đại học Heidelberg (Đức), trình luận án năm 1931 dưới sự hướng dẫn của Karl Jaspers, về Triết lý Tôn giáo của Vladimir Solovyov (một triết gia tôn giáo Nga chịu ảnh hưởng sâu đậm của Hegel). Đối quốc tịch, ông định cư tại Paris và hướng dẫn một lớp nghiên cứu chuyên đề về Hegel tại École Pratique des Hautes Études từ 1933 đến 1939. Được xuất bản dưới tựa đề *Introduction à la Lecture de Hegel* (1947), loạt bài giảng của ông đã ảnh hưởng sâu đậm lên giới trí thức và triết học Pháp đương thời cũng như thuộc thế hệ sau (như Sartre, Merleau-Ponty, Lacan, Bataille, Althusser, Queneau, Aron, Breton...). Qua Léo Strauss và bản dịch *Introduction to the Reading of Hegel* (1969), tư tưởng của Kojève còn lan sang nhiều nhà tư tưởng Hoa Kỳ, đặc biệt là Allan Bloom và Francis Fukuyama. Sau Đại chiến thế giới Hai, Kojève trở thành công chức cao cấp tại Bộ Kinh Tế, và đóng một vai trò quan trọng trong các cuộc thương thuyết quốc tế của Pháp, cho đến khi mất năm 1968. Tiếp tục viết về triết học, ông còn để lại nhiều tác phẩm khác (phần lớn chỉ được xuất bản sau khi qua đời), về: các triết gia tiền Socrate, Kant, ảnh hưởng của Ki-tô Giáo đến khoa học phương Tây và chủ nghĩa cộng sản, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, v.v... Có thể liệt kê: *Lịch Sử Biện Giải về Triết Lý Đa Thần* [*Essai d’une Histoire Raisonnée de la Philosophie Païenne*, 1968-1973]; *Kant* (1973); *Phác Thảo về Một Hiện Tượng Luận Pháp Lý* [*Esquisse d’une Phénoménologie du Droit*, 1981]; *Bạo Quyền và Minh Đạo* [*Tyrannie et Sagesse*, 1983]; *Khái Niệm, Thời Gian và Biểu Văn* [*Le Concept, le Temps et le Discours*; 1990]; *Quyết Định Luận trong Vật Lý Học Cổ Điển và Vật Lý Học Hiện*

Đại [L’Idée du Déterminisme dans la Physique Classique et dans la Physique Moderne, 1990]; Ý Niệm về Quyền Uy [La Notion de l’Autorité, 2004]...

348. JARCZYK, G. & P.-J. Labarrière (1996), p. 29.

349. Maurice Merleau-Ponty (1908-1961). Triết gia Pháp. Ông đỗ vào Đại học Sư phạm phố d’Ulm năm 1924, đỗ thạc sĩ triết học năm 1930. Ông là giáo sư triết học cấp trung học ở Chartres, rồi làm phụ đạo tại Đại học Sư phạm phố d’Ulm. Ông đỗ tiến sĩ Văn khoa với 2 tác phẩm quan trọng Cấu trúc của Hành vi [La Structure du Comportement, 1942] và Hiện tượng luận về Nhận thức [La Phénoménologie de la Perception, 1945]. Cũng trong năm này, cùng với Jean-Paul Sartre và Simone de Beauvoir, sáng lập tạp chí Les Temps Modernes mà ông rời bỏ năm 1952 sau 7 năm cộng tác đặc lực. Ông là giáo sư triết tại Đại học Lyon (1945 – 1948), rồi môn tâm lý trẻ em và khoa sư phạm ở Đại học Sorbonne (1949 - 1952). Cuối cùng, ông là người trẻ nhất được cử giữ ghế giáo sư triết tại Collège de France từ 1952 cho đến khi mất vì bệnh tim năm 1961. Tác phẩm của ông, ngoài 2 tựa đề kể trên, còn có Cuộc phiêu lưu của Biện chứng pháp [Les Aventures de la Dialectique, 1945], Nghĩa và Vô nghĩa (Sens et Non-Sens, 1948), Dấu hiệu [(Signes, 1960), Hữu hình và Vô hình [Le Visible et l’Invisible, 1964].

350. THAO, Trân Dục (1948).

351. Ibid., p. 492.

352. KOJÈVE, A. & Trân Dục Thao [1948] (1990).

353. Ibid., p. 134.

354. Jean-Paul Sartre (1905-1980). Triết gia, nhà văn, nhà báo Pháp. Ông đỗ vào Đại học Sư phạm phố d’Ulm năm 1924, là bạn đồng song với Raymond Aron, Paul Nizan và Maurice Merleau-Ponty; đỗ đầu thạc sĩ triết học năm 1929, Simone de Beauvoir đỗ thứ nhì và trở thành bạn đời của ông. Ông được bổ nhiệm giáo sư tại Havre (1931), rồi Viện Berlin [Institut de Berlin, 1933]. Ông bị động viên năm 1940, bị bắt và vượt ngục năm 1941. Ông kết bạn với Albert Camus từ năm 1944, đến khi tác phẩm Người Nổi Loạn [L’Homme Révolté] của Camus ra đời và bị Sartre cùng nhóm

Les Temps Modernes đã kích dữ dội, hai bên đoạn tuyệt năm 1952. Tạp chí Les Temps Modernes được sáng lập năm 1945, với sự cộng tác đặc lực của Merleau-Ponty, nhưng sau đó hai bên cũng chia tay (1954). Về chính trị, ông là biểu tượng của trí thức dẫn thân: Sartre đã hợp tác với nhật báo La Gauche (1948) và với Đảng Cộng sản Pháp (1950-1968); ký "Tuyên Ngôn 121" về quyền bất phục tùng (trước lệnh động viên sang Algérie, 1960); đỡ đầu tuần báo Nouvel Observateur cùng với Pierre Mendès France (1964); ủng hộ cuộc nổi dậy của sinh viên (1968); lập thông tấn xã Libération với Maurice Clavel và nhận làm chủ nhiệm tờ báo cực tả đã bị đóng cửa Libération (1973); cùng với Raymond Aron, bạn đồng song đồng thời là địch thủ chính trị chính của ông (1976). Mất ngày 15/4/1980 tại Bệnh viện Broussais, đám táng ông quy tụ cả chục ngàn người đưa tiễn. Về triết học, Sartre để lại những tác phẩm chính sau đây: Trí tưởng tượng [Imagination, 1936], Phác thảo một Lý thuyết về Cảm xúc [Esquisse d'une Théorie de l'Emotion, 1939], Ảo tượng [L'Imaginaire, 1940], Hữu thể và Hư vô [L'Être et le Néant, 1939-1943], Chủ nghĩa hiện sinh là một Chủ nghĩa nhân bản [L'Existentialisme est un Hummanisme, 1946], Vấn đề Phương pháp [Question de Méthode, 1957], Phê phán Lý trí biện chứng I [Critique de la Raison Dialectique I, 1957-1960], Phê phán Lý trí biện chứng II [Critique de la Raison Dialectique II, chưa hoàn tất, 1985]... Về văn học, ông cũng để lại một sự nghiệp đồ sộ, với cao điểm là Giải Nobel mà ông từ chối năm 1964: Buồn nôn [La Nausée, 1938], Bức tường [Le Mur, 1939], Ruồi nhặng [Les Mouches, 1943], Xử kín [Huis Clos, 1944], Những ngã đường tự do [Les Chemins de la Liberté, 1945], Không mộ phần [Morts sans Sépulture, 1946], Con điếm kính cẩn [La Putain Respectueuse, 1946], Baudelaire (1947), Những bàn tay bẩn [Les Mains Sales, 1948], Chết trong tâm hồn [La Mort dans l' Âme, 1949], Ác quỷ và Thượng đế [Le Diable et le Bon Dieu, 1951], Saint-Genet (1952), Nekrassov (1956), Nekrassov (1956), Những kẻ giam thân ở Altona [Les Séquestrés d'Altona, 1960], Từ ngữ [Les Mots, 1963], Thằng ngu trong nhà [L'Idiot de la Famille, 1971-1972], v.v...

355. THAO, Trần Duc (1949).

356. Ibid., p. 322.

357. MICKUNAS, Algis. Marxisme. Nguồn: EMBREE, Lester, et al (1997), pp. 435-439.

358. STALIN, I. V. (1971).

359. Louis Althusser (1918-1990). Triết gia Pháp, sinh tại Alger. Ông học và sau dạy tại Đại học Sư phạm phố d'Ulm. Gia nhập Đảng Cộng sản Pháp năm 1948, ông là một triết gia uy tín của Đảng. Mặt khác, khi trào lưu cấu trúc [structuralisme] tràn ngập các ngành học thuật Pháp từ khoảng 1960 (Roman Jakobson trong ngôn ngữ học, Roland Barthes trong lý luận văn học, Jacques Lacan trong phân tâm học, Levi-Strauss trong nhân chủng học), thì Louis Althusser và học trò của ông, Michel Foucault, cũng thuộc khuynh hướng này. Althusser được xem là đầu đàn của trường phái Marx cấu trúc [marxisme structuraliste], còn Michel Foucault thì rẽ sang hướng khác, khi trường phái cấu trúc nổ thành nhiều mảnh “hậu cấu trúc” khoảng 1970. Về mặt tư tưởng, chủ nghĩa Marx cấu trúc được xem là giải đáp cho hai mối nguy đang đe dọa dự án cách mạng xã hội chủ nghĩa lúc ấy: chủ nghĩa kinh nghiệm đang ào ạt trở về trong các khoa học xã hội, và khuynh hướng dân chủ, nhân bản trong phương hướng của các chính đảng tả khuynh. Althusser giết vợ năm 1980, và bị giam giữ trong nhà thương điên cho đến khi mất năm 1990, để lại một số tác phẩm: Vì Marx [Pour Marx, 1965], Đọc Tư bản luận [Lire le Capital, đồng tác giả, 1965], Lênin và Triết học & Marx và Lênin trước Hegel [Lénine et la Philosophie & Marx et Lénine devant Hegel, 1969], Trả lời John Lewis [Réponse à John Lewis, 1973]...

360. “Vì thế, như đã viết trong bài tựa quyển “Pour Marx”, tôi không có ai là bậc thầy thực sự trong triết học hết, không có sự phụ nào cả trừ Thảo, nhưng ông lại sớm bỏ chúng tôi để về Việt Nam...”. Nguồn: ALTHUSSER, L. (1992), p. 172.

361. ALTHUSSER, L. (1973), p. 33.

362. THẢO, Trần Đức (1989), tr. 105-106.

363. Nói thật tóm tắt, nét độc đáo của phương thức sản xuất Á Châu nằm ở sự lệ thuộc của người lao động vào nhà nước, nghĩa là vào “giai cấp quan

lại”, xuất phát từ sự thiết yếu của những công trình xây dựng lực lượng sản xuất quá lớn (như hệ thống dẫn thủy), và sự thiếu vắng của chế độ tư hữu đất đai. Ở Liên Xô, các cuộc tranh luận gay gắt về đề tài này kéo dài cho đến năm 1931, sau đó cả khái niệm lẫn mọi tranh luận liên hệ đều bị xóa bỏ từ năm 1938. Ở Trung Hoa, từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1928), khái niệm trên cũng đã được thay thế bằng thuật ngữ “quan liêu phong kiến” (bureaucratie féodale). Xem: *Mode de Production Asiatique*. Nguồn: ENSUSSAN, Gérald & Georges Labica (1985), pp. 592-595.

364. Trên thực tế, một công trình nghiên cứu cụ thể về hình thái kinh tế xã hội của Việt Nam từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ thứ XIX đã dẫn đến sự bác bỏ cả 2 mô hình lý thuyết nói trên. Nguồn: KHÔI, Lê Thành (1973).

365. Về chế độ phong kiến, ông Lê Thành Khôi đã kết luận: “Tóm lại, theo ý chúng tôi, không thể gọi Việt Nam xưa là “phong kiến”, do sự thiếu vắng của chế độ chừa hầu và cấp đất, của loại tổ chức xã hội và chính trị đặt trên một mạng lưới lệ thuộc cá nhân và sự chia chác quyền hành giữa vô số lãnh chúa” (Ibid., p. 133). Về phương thức sản xuất châu Á, ông viết: “Để kết luận, những sửa đổi cần phải mang đến cho khái niệm “phương thức sản xuất châu Á” [nếu áp dụng vào trường hợp Việt Nam] nhiều và thiết yếu đến nỗi, theo chúng tôi, tốt hơn nên từ bỏ nó và lập ra một khái niệm khác, khi nào sự phân tích các xã hội ngoài châu Âu đã đủ sâu để cho phép” (Ibid., p. 140).

366. THẢO, Trần Đức (1954a), tr. 33.

367. THẢO, Trần Đức (1956d), tr. 40.

368. Được đề xuất lần đầu tiên bởi nhà động vật học Đức Ernst Haeckel (1834-1919) vào thế kỷ XIX, “quy luật tóm tắt” [loi de récapitulation] hay “quy luật tái lập” [loi de répétition] cho rằng sự phát triển của cá thể thật ra chỉ là sự tóm tắt quá trình phát triển của chủng loại. Vẫn còn được phổ biến cho đến nay như một giả định phong phú, “quy luật” trên cũng thường là đối tượng của không ít nghi hoặc và chất vấn khoa học.

369. “Tôi thú thực vẫn chưa hiểu nổi những biến cố của sự tiến hóa xã hội thời Đồ đá đã được ghi lại trong di sản chủng loại của loài người như thế nào để sinh ra ở đời bé những phức cảm như đã được đề cập. Tôi hy vọng

rằng tác giả sẽ cho chúng ta những giải thích chi tiết hơn về các hiện tượng này, chưa sáng tỏ lắm đối với loại không-chuyên gia như tôi”. Nguồn: HAUDRICOURT, A. (1974). Câu hỏi chung không chỉ cho Trần Đức Thảo mà cho cả Haeckel, Engels lẫn Freud này, triết gia đã thử trả lời trong Formation de l’Homme (THAO, Trần Duc (1986a), pp. 12-16). Xin nhường việc đánh giá giải đáp của ông lại cho các chuyên gia di truyền học.

370. THAO, Trần Duc (1973), p. 340.

371. FEDERICI, S. (1970).

372. HERMAN, D.J. [1993] (1997), p. 704.

373. THAO, Trần Duc (1986a) pp. 4-5.

374. Ibid., p. 5.

375. Khái niệm “luyện ái” được đề cập đến ở đây xuất phát từ nhà tâm lý học trẻ em John Bowlby (1907-1990); trở thành học thuyết vững vàng từ năm 1958, nó được xây dựng trên sự quyến luyến tự nhiên của đứa bé với bà mẹ (hay kẻ thế chỗ), rồi từ đó lan sang những người thân cận, trước khi phát triển theo tuổi dưới những dạng khác (tra gái). Theo những người chủ trương, đây là một nhu cầu sinh lý bẩm sinh chứ không phải thứ phát, nghĩa là không xuất phát từ sự luyện tập mà được ghi khắc trong sự cấu tạo con người; nói cách khác, đây là một nhu cầu xã hội tự nhiên vì nó xuất hiện ngay từ đầu đời.

376. CAVING, M. (1974).

377. THÚY, Đỗ Lai (1996), tr. 18.

378. ĐƯỜNG, Phan Huy (1993).

379. THAO, Trần Duc [1992f] (1995).

380. HERMAN, D.J. [1993] (1997), p. 707.

381. THAO, Trần Duc [1992a] (1993).

382 THAO, Trần Duc [1992c] (1993).

383. THAO, Trần Duc [1993a] (1993).

384 THAO, Trần Duc (1993b)

385. THAO, Trần Duc (1986a), p. 6.

386. Trong phần ghi chú, ông đã trích dẫn tác phẩm của Richard Leakey, Yves Coppens... và những công trình nghiên cứu khác của Peter Andrews,

Marcel Blanc, Jerold M. Lowenstein, Brigitte Senut, Tobias, Tim White...
đăng trên các tạp chí chuyên môn như Anthropologie, Archeologia, La
Recherche, Science News, trong khoảng 1980-1984...

387. Theo Charles Darwin, bốn đặc tính sau của giống Homo đã xuất hiện
cùng một lúc: sự đi đứng trên hai chân, sự chế tác công cụ, sự thu nhỏ răng
nanh, và sự phát triển của não bộ.

388. MARX, K. (1976). *Théories sur la plus-value*. Paris: Ed. sociales,
Q. 3, p. 579.

389. MARX, K. & F. Engels [1846] (1975).

390. THAO, Trần Duc (1986a), p. 27.

391. MARX, K. [1867] (1950).

392. HUOT, Jean-Louis, et al (1990). *Naissance des Cités*. Paris: Nathan.

393. THAO, Trần Duc [1992e] (1995).

394. THAO, Trần Duc (1984a).

395. “Theologic học của Hegel, bước chuyển từ lượng sang phẩm được
thực hiện qua trung giới kép của cái hạn định và cái siêu hạn(...)Hạn định
là sự hợp nhất trực tiếp của phẩm và lượng, nó là “cái lượng tử phẩm chất
tiên khởi với tư cách là cái tức thời, nghĩa là thứ lượng tử gắn liền với một
sự hiện diện hay một phẩm chất”. Khía cạnh kép này của hạn định dẫn đến
hệ quả là, một mặt, những xác định về lượng của một sự vật có thể biến
thiên mà không gây thay đổi gì về phẩm, nhưng mặt khác, sự tăng hay giảm
bất kỳ này cũng có một giới hạn mà sự vượt qua sẽ làm thay đổi cả phẩm
chất”. (Ibid., pp. 80-81).

396. THAO, Trần Duc (1991e).

397. Ở Hegel, “hiện thực” [Realität, réalité] chỉ bất kỳ một dạng hình ngoại
hiện nào, trong khi “thực hiệu” [Wirklichkeit, effectivité] chỉ giai đoạn sự
tồn tại và lý do tồn tại của cái hiện thực ấy đã được thống nhất biện chứng
bởi Lý trí. Vì thế, “cái thực hiệu là cái hợp lý” và “cái hợp lý là cái thực
hiệu” (mọi hiện thực chân thật đều chỉ là những biểu hiện, một giai đoạn
phát triển của Lý trí; những biểu hiện tất yếu của Lý trí sớm muộn gì rồi
cũng phải thành hiện thực).

398. THAO, Trần Duc (1992b), p. 24.

399. Henri Wallon (1879-1962). Triết gia, nhà tâm lý, nhà tâm thần bệnh học, nhà giáo, nhà chính trị Pháp. Ông chịu ảnh hưởng của Lucien Lévy-Bruhl về dân tộc học trước khi chuyên về tâm lý trẻ em. Sau luận án tiến sĩ về trẻ hiếu động năm 1925, ông dựng lên Phòng Xét nghiệm Sinh-Tâm lý Trẻ em. Trở thành Giám đốc Viện Tâm lý, Đại học Paris, ông lập ra tạp chí Trẻ Em năm 1948. Điều khiển Ủy ban Cải tổ Giáo dục với Paul Langevin, ông là đồng tác giả của dự án Langevin-Wallon năm 1945. Về lý thuyết, bài bác học thuyết Freud và phương pháp nội quan trong tâm lý học, ông dựa vào chủ nghĩa duy vật biện chứng và sự quan sát ở phòng bệnh để xác định điều kiện cho một khoa học khách quan về ý thức và sự phát triển tâm lý của trẻ em. Sự nghiệp của ông được xem như thuộc ngành tâm sinh lý học mà cốt lõi là sự so sánh các giai đoạn phát triển ở trẻ em bình thường và những bế tắc hay bất cập ở trẻ em tật bệnh.

400. THAO, Trần Duc (1992g).

401. Jean-François Revel (1924). Triết gia Pháp. Đổ vào Trường Đại học Sư phạm phố d'Ulm năm 1943. Sau khi đỗ thạc sĩ triết học, ông đã dạy học ở nhiều nơi trên đất Pháp cũng như ở nước ngoài, nhưng rời đại học năm 1963 để theo viết văn và viết báo. Sau khi cộng tác với nhiều nhà xuất bản (René Julliard, Jean-Jacques Pauvert, Robert Laffont), ông làm giám đốc tờ tuần báo Express trong 4 năm (1978-1981); từ 1982 viết thời luận cho Le Point, đồng thời cộng tác với nhiều đài phát thanh (Europe 1, RTL). Jean-François Revel được bầu vào Viện Hàn lâm Pháp năm 1997. Bạn đồng song với Trần Đức Thảo, ông xem ông Thảo là nhà hiện tượng học và là “một triết gia thuần túy, theo nghĩa là người không bao giờ tự hỏi về tính đúng hay sai của một triết thuyết” (“c’était un pur philosophe, en ce sens qu’il ne se demandait jamais si une philosophie était vraie ou fausse”). Khi Trần Đức Thảo mất, ông đã kích Patrick Kéchichian, cho rằng tác giả này đã không làm phận sự khi gọi ông Thảo (trong phụ trang của nhật báo Le Monde về sách mới) là triết gia mác-xít.

402. HERMAN, D.J. [1993] (1997), p. 707.

403. Nguồn: QUÂN, Đặng Phùng (1994). Do khuôn khổ của cuốn sách, bản sử dụng ở đây có lược bớt một số chi tiết trong nguyên bản, và biên tập

- một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)
404. Sartre, J. P. Question de méthode (collection Idées, tr. 26).
405. Auguste Cornu (1888–1981): nhà lịch sử tư tưởng người Pháp, học giả đầu tiên về chủ nghĩa Marx tại Pháp. Các công trình của ông về những tác phẩm của Marx và Engels thời trẻ đã tạo ra tranh luận sâu rộng trong những thập niên 1960. Bản luận án của ông tại Đại học Sorbonne mang tên: “Karl Marx l’homme et l’oeuvre de l’hégélianisme au matérialisme historique” [Karl Marx: con người và tác phẩm về chủ nghĩa duy vật biện chứng kiểu Hegel]. (BS)
406. THAO, Trân Duc (1951).
407. MARCUSE, H. (1928). Beitrage zu einer Phanomenologie des historischen Materialismus. Berlin: Philosophische Hefte.
408. Sđd., tr. 5.
409. MERLEAU-PONTY, M. Humanisme et Terreur (bản tiếng Anh, tr. 153).
410. THAO, Trân Duc (1948)
411. HUSSERL, E. Ideen I, tr. 139, dẫn trong PMD, tr. 8.
412. PMD, tr. 296 – 7.
413. Sđd., tr. 51.
414. Sđd., tr. 228.
415. Sđd., tr. 227.
416. Sđd., tr. 247.
417. Sđd., tr. 238.
418. Sđd., tr. 256 và 262.
419. Sđd., tr. 266.
420. Sđd., tr. 286.
421. Sđd., tr. 306.
422. THAO, Trân Duc (1973).
423. ROLC, tr. 35.
424. Khi dẫn đoạn văn của Lenin trong “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán”, Trần Đức Thảo nhấn mạnh ở từ “những dấu chỉ”, và ghi chú bản dịch tiếng Pháp lần thứ tư của Editions Sociales đã từng

dùng từ chứng cứ (témoignage) thay từ dấu chỉ (les indications), cho nên ông đã chưa thêm tiếng Nga pokasaniiam ở nguyên tác. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên chú ý là những bản dịch chính thức của nhà xuất bản ngoại văn Liên Xô đều dùng từ chứng cứ. Xem bản tiếng Anh: “Acceptance or rejection of the concept matter is a question of the confidence man places in the evidence of this sense organs, a question of the source of our knowledge” (Materialism and Empirio–criticism [Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán], tr. 114), bản tiếng Tây Ban Nha: “El admitir o rechazar el concepto de materia es un problema de confianza del hombre en el testimonio de sus órganos de los sentidos, es la cuestión del origen de nuestro consciencia” (Obras escogidas. Tomo IV, tr. 119).

425. THAO, Tran Duc (1973), p. 76.

426. ENGELS, F (1971). Dialectique de la nature [Biện chứng của tự nhiên]. Paris: Editions Sociales, p. 18.

427. THAO, Tran Duc (1973), p. 96 bắt nguồn từ khái niệm “khả năng biểu đạt cảm xúc” của Hegel trong Hiện tượng luận về tinh thần, hình thái nguyên ủy của ý thức, hay mục tiêu định hướng của “cái này”.

428. Ibid, p. 123.

429. Ibid, p. 123.

430. MARX, K. Manuscripts de 1848, ES, p. 63.

431. THAO, Tran Duc (1973), p. 257.

432. SAFOUAN, M. (1968). De la structure en psychanalyse in Qu’est ce que le structuralisme?. Paris: Editions du Seuil, p. 241.

433. DELEUZE, G. & F. Guattari, L’Anti-Œdipe, Editions de Minuit 1972; X. phê phán tác phẩm này trong: QUÂN, Đặng Phùng (1974). Triết học và văn chương. Sài Gòn: Lửa Thiêng, tr. 181–197.

434. THAO, Tran Duc (1973), pp. 263 – 265.

435. Ibid., pp. 268 – 269.

436. FREUD, S. La vie sexuelle, P.U.F., tr. 118.

437. THAO, Tran Duc (1973), p. 297. Trần Đức Thảo dẫn chứng Forrer đã phát hiện trong di tích thời Acheuléen ở Burbach, những nửa mảnh răng ở hàm trước của loài trâu nước có hình dạng dương vật, và theo ông nếu giả

thuyết của ông đúng thì những rặng hình dương vật này có thể do những bà nội trợ mang theo người vào thời kỳ này như tín hiệu của sự cấm đoán tính dục yên ổn cho họ trong công tác phục vụ cộng đồng.

438. Ibid, p. 301

439. Ibid., p. 331.

440. Ibid., p. 335.

441. Ibid., p. 340.

442. THAO, Tran Duc (1951), pp. 94 – 95.

443. Ibid., tr. 318.

444. Ibid., tr. 319.

445. THAO, Tran Duc (1973), p. 295.

446. PIAGET, J. Le structuralisme, P.U.F. 1968

447. HABERMAS, J., Zur Rekonstruktion des Historischen Materialismus, Suhrkamp Verlag 1976, PACI, E., Funzione delle Scienze e Significato dell'Uomo, bản dịch tiếng Anh 1972.

448. Xem thêm Triết lý đã đi đến đâu của Trần Đức Thảo; luận điểm này là thái độ chung của người cộng sản dưới thời Stalin, chẳng hạn Lukács, Die Zerstörung der Vernunft, Gesamtausgabe Bd 9. Trong Vorwort 1967, lời mở đầu tác phẩm Geschichte und Klassenbewusstsein (1923), Lukács có thái độ cởi mở như khi ông coi giữa Heidegger và ông, vấn đề đi trước và ảnh hưởng không đáng quan tâm mà quan trọng là sự tha hóa của con người là vấn đề then chốt của thời đại đối với mọi nhà tư tưởng tư sản cũng như vô sản.

449. X. Phê phán hệ tư tưởng mác-xít.

450. Herder, Abhandlung uber den Ursprung der Sprache (1772).

451. LÉVI-STRAUSS, C. Mythologiques. Le Cru et le Cuit.

452. THAO, Tran Duc (1973), pp. 150 – 151. Trần Đức Thảo chú thích ico maka sang tiếng Pháp là Enco lait và câu nói đúng cú pháp là: “encore du lait”.

453. THAO, Tran Duc (1951), p. 365 và THAO, Tran Duc (1973), p. 339.

454. Nguồn: TÔN, Cao (2005). Bản sử dụng ở đây đã được biên tập một số từ ngữ và thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)

455. LYOTARD, J. F. (1954). *La phénoménologie*. Paris: Presses universitaires de France.
456. THAO, Trần Đức (1951).
457. Lời nói đầu. THẢO, Trần Đức (1988a).
458. THẢO, Trần Đức (1989b).
459. QUÂN, Đặng Phùng. P. Ricœur, nhà hiện tượng luận của đầu thế kỷ XX, *talawas*, 24/8/2005.
465. Nguồn: QUANG, Trần Ngọc (2015).
466. Nguồn: AMTÔ, Giôdép A. (1985). *Lời phán quyết về Việt Nam: Tiếng nói của một công dân*. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.
467. Là năm Robert Langlands 36 tuổi, vừa được công nhận giáo sư tại viện IAS.
468. Nguồn: TÂM, Nguyễn Đức (2015). *Nhân đọc: Sự logic của thời Hiện tại sống động* (Trần Đức Thảo); *Những bước tiến hóa của hệ thần kinh* (Trần Đức Thảo); *Chống Dühring* (F. Engels); *The Tao of Physics* (F. Capra).
469. Tài liệu tham khảo chính: ĂNG-GHEN, Ph. (1976); ĂNG-GHEN, Ph. (1991); BAAREN, T.V. (2002); CAPRA, F. (1991); CAPRA, F. [1991] (1999); CẦN, Nguyễn Duy (1992); CẦN, Nguyễn Duy (1996); CHÍNH, Doãn (2003); CHÍNH, Đào & Doan Nghiêm (2006); COOMARASWAMY, A. K. (1999); DŨNG, Hoàng (1999); DURANT, W. [1926] (1994); DURANT, W. [1930] (2003); ĐẠT LAI LẠT MA XIV [2005] (2007); ĐẠT LAI LẠT MA XIV (2008); ĐÀN, Nguyễn Đức (1998); ĐỈNH, Trần Thái (2005a); ĐỈNH, Trần Thái (2005b); ĐỈNH, Trần Thái (2007); ĐÌNH, Phan Quang (2008); GREENE, B. (2006); GUNARATANA, B.H. (2007a); GUNARATANA, B.H. (2007b); HẢI, Nguyễn Ngọc (2002); HALL, D.G.E. (1997); HAWKING, S. (1991); HAWKING, S. [1991] (2008); HIẾU, Minh (1999); HUY, Lê Tuấn (2006); HUY, Nguyễn Hoàng (2002); HỮU, Nguyễn Khắc, et al (2005); KÌ, Hoàng Thọ & Trương Thiện Văn (2007); KIM, Trần Trọng (2002); KHEMA, A. (2007); LÃO TỬ (1998); LAWHEAD, W.F. (2012); LÊ, Nguyễn Hiến (1994); LIÊN, Trần Duy (2008); LỰC, Thích Duy (1999); MÁC, C. & Ph. Ăng-ghen (1977);

MERTON, T., et al (2008); MINH, Hà Thúc (1996a); MINH, Hà Thúc (1996b); MONGAITO, A.L. (1977); NGUYỄN, Mộng Bồi (1998); NHIỀU TÁC GIẢ (2004); NINH, Lương, et al (2004); NINH, Vũ Dương & Nguyễn Văn Hồng (2004); PHƯƠNG, Hoàng (1996); REDDING, P. (2006); SANH, Nguyễn Xuân (2007); SÂYDAW, Pa-auk (2006); SHIK, A.Y. (2002); SON, Dam Thanh, et al (2011); SUSSKIN, Leonard (2010); THI, Nguyễn Văn (biên dịch) (2001); THIÊN, Thích Chơn (2010); THIÊN, Thích Tâm (2000); THUẬN, Trịnh Xuân (2006); TỐ, Ngô Tất (1957); TRANG TỬ (1992); TUẤN, Lý Minh (2005); TỪ, Thích Thanh (2004); UGAROV, V. A. (1979); URQUAHART, C. (2009); ƯỚC, Nguyễn (2009); VIVEKANANDA, S. (2000); Гегель, Вильгельм Георг фридрих (1972); Гегель, Вильгельм Георг фридрих (1975).

470. Nhòe lượng tử: vì một lượng tử khi vận động có thể vận động được theo nhiều quỹ đạo cùng một lúc, vì nó vừa là “hạt” vừa là “sóng”, tính chất “sóng” của nó hiện ra thì lúc nó vận động là thành ra một bước sóng, tức là đến nhiều nơi cùng một lúc, tùy người quan sát quan sát ở tư thế nào, trạng thái nào mà có thể nhìn thấy nó theo cách nào, bắt được nó như thế nào, nó hiện ra như thế nào, chứ không dứt khoát là nhìn thấy một hình nhất định có tính “định xứ” như ta thấy một cuốn sách trên bàn, v.v... Ví dụ như sự vận động và xuất hiện của electron trên H. 5 (H.5a và H.5b). Một lượng tử cứ như “nhòe” ra, chứ không rõ ràng như các vật ta thường thấy.

471. “Chống Duhring”. Nguồn: Tuyển tập Mác - Ăng-ghen. Hà Nội: NXB. Sự thật, 1983, t. 5, tr. 73.

472. Tlđđ, tr. 77.

473. Tlđđ.

474. Tlđđ, tr. 71 - 72.

475. Tlđđ, tr. 71.

476. Tlđđ.

477. Vận động enblock: Là tất cả vận động xảy ra cùng một lúc, không tuần tự từ cái này rồi đến cái kia theo thời gian, không có quan hệ nhân quả theo thời gian (vì trong môi trường đó thời gian = 0), giống như ta: trong một cuộc họp chẳng hạn, người thì báo cáo, người thì nghe, người thì đang

đọc báo, người thì lại đang nói chuyện riêng, chẳng liên quan gì với nhau, không có quan hệ nhân quả theo thời gian, như sáng dậy ta rửa mặt rồi mới ăn sáng, rồi mới đi làm, v.v...

478. Tlđđ, tr. 80.

479. Quanta năng lượng: năng lượng truyền đi không phải thành dòng liên tục mà là từng đợt, như đợt sóng, mỗi đợt người ta gọi là một bó sóng, tức là một portion hay một mồi. Tức là năng lượng truyền đi vừa có tính chất sóng lại vừa có tính chất hạt. Một quanta là một “lượng tử” (chữ quanta do A.Einstein đặt ra). Tóm lại, một quanta năng lượng là một “lượng tử năng lượng”, ví dụ sóng ánh sáng truyền đi là các lượng tử ánh sáng hay quanta ánh sáng truyền đi.

480. Alaxander Friedmann (1888 – 1925): nhà toán học Nga - Liên Xô.

481. Liên tục Dedekin: Thuật ngữ “liên tục Dedekin” do tác giả bài này đặt ra để nói về lý thuyết của Dedekin. Dedekin chứng minh trục số toán học mà chúng ta đang dùng là liên tục từ âm vô cực đến dương vô cực, gồm các số hữu tỷ và các số vô tỷ. Tác giả bài này gọi sự liên tục ấy là “liên tục Dedekin” – có tính triết học. Tuy nhiên tùy cách nhìn mà con người thấy “vũ trụ liên tục” - “liên tục kiểu Dedekin” (cách nói của tác giả) – “liên tục theo cách nhìn của Đức Phật, hoặc “vũ trụ đứt đoạn” - “đứt đoạn kiểu cổ Hy Lạp” (cách nói của tác giả) - theo cách nhìn của Democritus - cổ Hy Lạp.

482. Không gian Calabi-Yau: Con người chỉ cảm nhận được có 3 chiều không gian x, y, z , các chiều không gian này duỗi ra. Còn hiện tại người ta đã tìm ra được thêm 7 chiều không gian nữa, các chiều này không duỗi ra mà cuộn tròn lại một điểm, cái không gian 10 chiều cuộn tròn lại này gọi là không gian Calabi-Yau (Calabi-Yau manifold). Eugenio Calabi (1932) là nhà toán học người Mỹ gốc Ý; Shing-Tung Yau (1949) là nhà toán học người Mỹ gốc Trung Quốc.

483. Lỗ sâu đục: hay lỗ giun, tức là lỗ chui từ chiều không gian này sang chiều không gian khác, thuật ngữ khoa học chính thức là “quantum tunnel” (đường hầm lượng tử). Trong môi trường của không gian Calabi-Yau, năng lượng vận động với tốc độ rất cao, đục xuyên từ chiều không gian này sang

chiều không gian khác thành các “đường hầm lượng tử” mà thường khi người ta cứ gọi là “lỗ sâu đục” hay “lỗ giun”, tiếng Anh là “worm hole”.

484. Thời gian Plank: Có hai thứ Plank là thời gian Plank và không gian Plank. Không gian Plank là kích thước không gian (độ dài) bằng 10-35 cm. Còn thời gian Plank là đoạn thời gian ngắn nhất, bằng 10-44 giây.

485. Thí nghiệm giả tưởng EPR: đây chỉ là một thí nghiệm giả tưởng để lấy làm ví dụ mà giải thích, chứ không phải thí nghiệm làm thật, của Einstein, Podolski và Rosen: Giả sử có 2 hạt làm thành 1 cặp, trong đó một cái quay xuôi, một cái quay ngược, khi đưa 2 hạt đó ra xa cách nhau rất xa (xa vô cực) nhưng khi 1 hạt đổi chiều quay ngược lại thì hạt kia cũng tức thì đổi chiều quay ngược lại để cho cái cặp 2 hạt ấy là luôn quay ngược chiều nhau. Như vậy khi một hạt đổi chiều quay thì cứ như có thông tin từ nó đến hạt kia ngay tức thì thì hạt kia mới biết mà đổi chiều, nhưng khoảng cách vô cực thì hóa ra thông tin bay với tốc độ vô cực, lớn hơn tốc độ ánh sáng? Sai với thuyết tương đối là tốc độ V của bất kỳ vật nào cũng không thể lớn hơn tốc độ ánh sáng C. Nếu quả thật xảy ra thế thì là vì “cả vũ trụ chỉ có một điểm” và “dung thông với nhau” chứ không phải vũ trụ là rộng mênh mông như ta thấy. Thí nghiệm giả tưởng này là cái ví dụ đầu tiên cho thấy vũ trụ là liên hoàn - dung thông không phải có khoảng cách như ta vẫn thấy, vẫn đo đạc được. Đó là điều (nghịch lý) mà Einstein đã không nhận ra khi bị thuyết tương đối của chính mình ánh ảnh và giữ chặt lại, chỉ có sau này dần dần người ta mới hiểu ra.

486. Vũ trụ song song: Hiện tại có người cho rằng có nhiều vũ trụ sinh ra và tồn tại song song với nhau chứ không phải tất cả chỉ có một vũ trụ của chúng ta mà ta thường thấy. Từ lý thuyết về sự hình thành vũ trụ là từ Big Bang sinh ra vũ trụ, vậy thì có thể sinh ra nhiều vũ trụ và chúng tồn tại song song bên nhau chứ không phải chỉ sinh ra duy nhất vũ trụ của chúng ta. Kinh Phật nói: “Vũ trụ nhiều như cát sông Hằng”.

487. Tấm lưới Indra: trong kinh Hoa Nghiêm có nhắc đến hình ảnh “tấm lưới Indra”: Trên bầu trời Đế Thích có một tấm lưới gọi là “tấm lưới Indra”, dệt toàn các hạt ngọc. Các hạt ngọc bố trí sao cho một hạt có trong tất cả các hạt, mà tất cả các hạt lại có trong một hạt. Hình ảnh này là để

chứng tỏ: không gian bằng 0, tất cả không gian chỉ là một không điểm, tất cả vũ trụ lồng vào nhau tại một điểm mà thôi, không có cái này nằm cạnh cái kia như trong vũ trụ của ta.

488. Từ đây các câu nói của các nhà vật lý, các thiền sư được trích từ tác phẩm The Tao of physics của Fritjof Capra.

489. David Bohm (1917 – 1992): một trong những nhà vật lý lý thuyết người Mỹ ảnh hưởng nhất trong thế kỷ XX. Ông có những đóng góp quan trọng cho lý thuyết lượng tử, tâm lý học não bộ và triết học về tư duy, đồng thời có những đóng góp đột phá cho lý thuyết vũ trụ toàn ảnh. Mô hình vũ trụ toàn ảnh mà ông xây dựng cho phép hiểu được một loạt những điều bí ẩn trong vật lý, trong thần giao cách cảm (telepathy), tiên tri (precognition), sự thống nhất con người và vũ trụ (oneness), động học tâm lý (psychokinesis),... (BS)

490. Điểm kỳ dị: Hồi đầu có người (Stephen Hawking, v.v...) nói rằng ở tâm hố đen có một điểm đặc biệt gọi là “điểm kỳ dị” nơi do trọng trường lớn vô cực mà không gian co về = 0, thời gian co về = 0. Tại đây mọi lý thuyết khoa học hết giá trị, không thể biết được qua bên kia cái điểm ấy là gì, không thể lý giải tiếp cho bên kia điểm này, không thể liên hệ sang thế giới khác qua điểm này. Về sau ý này thay đổi dần. Theo tác giả bài này thì ngay từ đầu đã cảm thấy rằng “điểm kỳ dị” chỉ là ảo giác trên phương trình toán của thuyết tương đối mà thôi, cũng giống như nhiều trường hợp khác (qua 2 điểm chỉ có thể vẽ được 1 đường thẳng, v.v...), chứ không có thật, hố đen không thể kết thúc một cách “chết cứng lạnh buốt” như vậy, nó phải liên thông – liên kết sang các miền khác, ví dụ theo con đường qua “môi trường lượng tử” sang “VŨ TRỤ LƯỢNG TỬ” vượt ra ngoài logic của “thuyết tương đối” của A. Einstein.

491. Richard Phillips Feynman (1918 – 1988, nhà vật lý người Mỹ gốc Do Thái, nhận Giải thưởng Nobel vật lý năm 1965.

492. SUSSKIN, L. (2010), tr. 391.

493. SON, Dam Thanh, et al (2011).

494. Quark gluon plasma: là trạng thái vật chất chỉ có các hạt quark và chất kết dính (gluon - chất lầy nhầy dạng keo). Lý thuyết của Đàm Thanh Sơn

và một số nhà vật lý học khác gọi đó là “độ nhớt của hố đen”.

495. Alfred Korzybski (1879 – 1950): học giả độc lập người Mỹ gốc Ba Lan, phát triển một ngành riêng được gọi là ngữ nghĩa học tổng quát (general semantics). Ông khẳng định rằng những hiểu biết của con người về thế giới bị giới hạn bởi cả bộ não của con người lẫn các loại hình ngôn ngữ mà con người phát triển để mô tả thế giới ấy; và do vậy, con người không thể nắm bắt được thực tại giống như nó đang hiện hữu, bởi những gì chúng ta biết được đã bị bộ não của chúng ta “lọc bớt”, do khả năng giới hạn của bộ não khi “phản ánh” hiện thực khách quan. (BS).

496. Nguồn: KIÊN, Nguyễn Trung (2012).

497. Chân Phương dịch. Nguồn: KOJÈVE, A. & Trần Đức Thảo [1948] (2004).

498. Trần Đức Thảo muốn nhấn mạnh đến sự sụp đổ của chủ nghĩa phát-xít, sự thất bại của chủ nghĩa thực dân cũng như sự trỗi dậy của chủ nghĩa đế quốc, với những thay đổi mang tính tất yếu trong sự phát triển của các khuynh hướng, trường phái và trào lưu triết học tại Pháp sau chiến tranh. (BS)

499. THẢO, Trần Đức (1989b).

500. THAO, Trần Duc (1948).

501. THAO, Trần Duc (1951).

502. Sự ý thức sâu sắc này được Trần Đức Thảo thể hiện rõ hơn ở bài báo nổi tiếng của ông xuất bản tại Hà Nội năm 1956: “Hạt nhân duy lý” trong triết học Hegel [THẢO, Trần Đức (1956a)]. Bản dịch tiếng Pháp của bài báo này được công bố trên tờ La Pensée năm 1965 [THAO, Trần Duc [1956a] (1965)], ít năm trước khi Kojève qua đời.

503. HUSSERL, E. [1936] (1970).

504. MAJKUT, P. (2003).

505. VŨ, Trần Tri (2008).

506. THAO, Trần Duc (1946a).

507. Ibid.

508. “Il fallait mettre la vie en accord avec la philosophie, accomplir un acte réel qui réponde aux conclusions théoriques de mon livre”. THAO,

- Trân Duc [1984b] (1993). Tác phẩm mà ông nói đến ở đây chính là Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng(1951). (BS)
509. Nguồn: TÔN, Cao (2005).
510. Die Krisis der europäischen Wissenschaften und die transzendente Phänomenologie: Eine Einleitung in die phänomenologische Philosophie [Sự khủng hoảng của các khoa học châu Âu và triết học tiên nghiệm: Giới thiệu về hiện tượng luận tiên nghiệm] (1936).
- 511 ĐOÀN, Trần Văn (2004).
512. CHỦ, Cù Huy & Cù Huy Song Hà (2011c).
513. Ý kiến của nhà văn Nguyễn Đình Chính trong các trao đổi về triết học Trần Đức Thảo với tác giả [Nguồn: CHÍNH, Nguyễn Đình (2007)].
514. HERMAN, Daniel J. [1997] (2013).
515. Chữ dùng đầy hóm hỉnh của Phạm Trọng Luật.
516. ALTHUSSER, L. (1982), p. 172.
517. Nguồn: NAM, Trần Văn (2013). Bản sử dụng ở đây có lược bỏ một số chi tiết của nguyên bản, và biên tập một số chữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)
518. Trọn tập sách “Triết Lý Đã Đi Đến Đâu?” có thể tìm đọc trong “triethoc.com.vn”.
522. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2010).
523. THẢO, Trần Đức (1989b).
524. THAO, Trân Duc (1951).
525. THAO, Trân Duc (1948).
526. Tham khảo: KIÊN, Nguyễn Trung (2012a).
527. THẢO, Trần Đức [1986b] (2004), tr. 110 – 111.
528. THẢO, Trần Đức (1956a).
529. THẢO, Trần Đức (1955b), (1955c).
530. THẢO, Trần Đức (1973). Tác phẩm này đã được Trần Đức Thảo sửa chữa rất nhiều. Đây là tác phẩm được Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học và Công nghệ (Đợt II), năm 2000.
531. THAO, Trân Duc (1991c), (1992b)
532. THAO, Trân Duc (1993c).

533. Nguồn: TUẤN, Nguyễn Anh (2011). Do khuôn khổ của cuốn sách, bản sử dụng ở đây có lược bỏ một số chi tiết nhỏ, đồng thời chỉnh sửa một số thuật ngữ và từ vựng để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)

534. Johann Heinrich Lambert (1728 – 1777): nhà triết học, toán học, vật lý học và thiên văn học người Đức, nổi tiếng với công trình chứng minh tính vô tỷ của số π . Qua tác phẩm New Organon [Bộ công cụ mới](1764), ông đã đề ra các quy tắc để phân biệt tính chủ thể và tính khách thể, làm nền tảng để hình thành những ý tưởng đầu tiên về hiện tượng luận. (BS)

535. THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr. 86.

536. Sđd., tr. 176.

537. Sđd., tr. 111.

538. Sđd., tr. 32 – 33.

539. Sđd., tr. 35.

540. Sđd., tr. 48.

541. Sđd., tr. 60.

542. Sđd., tr. 73 – 74.

543. Sđd., tr. 75.

544. Sđd., tr. 76.

545. Sđd., tr. 71.

546. Sđd., tr. 84.

547. Sđd., tr. 89 – 90.

548. Sđd., tr. 50

549. Sđd., tr. 54.

550. Sđd., tr. 157.

551. Kaarlo Hintikka (1929 – 2015): nhà triết học và logic học Phần Lan. (BS)

552. Sđd., tr. 98.

553. Sđd., tr. 105.

554. Sđd., tr. 107.

555. Sđd., tr. 108.

556. Sđd., tr. 16.

557. Sđd., tr. 16 – 17.

558. Nguồn: ĐOÀN, Trần Văn (2004). Bản sử dụng ở đây có lược bớt vài chi tiết, và chỉnh sửa một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn cuốn sách. (BS)

559. “Hiện tượng luận tại Việt Nam” vốn là bài báo cáo khoa học viết bằng Anh ngữ hoàn tất vào tháng 8.2004 (Phenomenology in Vietnam –A Panaromic Review). Thực ra, vào năm 1983, dịp Hội Nghị Quốc Tế lần Thứ Nhất tại Viễn Đông về Hiện tượng luận (ĐH Đông Hải, Đài Trung, Đài Loan), tôi đã nhận lời mời của Tập san Nghiên cứu Phenomenological Information (Boston) viết một tiểu luận ngắn về hiện tượng luận tại Trung Hoa và Việt Nam, nhằm bổ túc vào tập The Phenomenological Movement của Giáo sư Herbert Spiegelberg (ĐH Washington, St. Louis). Nhưng vì thiếu tài liệu, nên không thể hoàn tất. Năm 2003, tại Đại hội Triết học Thế giới lần thứ XXI tại Istanbul, Giáo sư Tiến sĩ Anna–Teresa Tymieniecka (Chủ tịch Viện Hiện tượng luận Quốc tế, Boston), chủ biên kho tài liệu nghiên cứu Hiện tượng luận Husserliana, mời tôi như là một thành viên danh dự của Ban Tổ chức (Honorary Organizer) Hội nghị Quốc tế về Hiện tượng luận tại ĐH Oxford, tháng 7 năm 2004. Bà cũng đề nghị tôi trình bày Hiện tượng luận tại Viễn Đông cho toàn thể hội nghị. Dịp này buộc tôi phải đọc lại các tác phẩm của các Giáo sư Trần Đức Thảo, Trần Thái Đình, Lương Kim Định, Cao Xuân Huy, Lê Tôn Nghiêm, Vũ Kim Chính và của vài vị mà gần đây tôi mới biết hay để ý đến như Tiến sĩ Đặng Phùng Quân, Trần Công Tiến và cả Giáo sư Nguyễn Văn Trung. Đặc biệt, Khoa Triết học (Đại học Khoa học xã Hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) ủy thác chúng tôi hiệu đính lại bản dịch Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng của Giáo sư Trần Đức Thảo. Dịp này, người viết đã tìm hiểu thêm về triết gia họ Trần. Tác giả chân thành cảm tạ Tiến sĩ Trịnh Trí Thức (Chủ nhiệm, Khoa Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội), Giáo sư, Viện sĩ Dương Thụ Tử (Viện Hàn lâm Khoa Trung Hoa, Hiệu Trưởng ĐH Hoa Trung) và Giáo sư, Tiến sĩ Âu Dương Khang (Phó Hiệu trưởng ĐH Hoa Trung), cũng như Giáo sư, Tiến sĩ Tymieniecka đã có nhã ý tạo cơ hội giúp chúng tôi hoàn tất bài viết.

560. THAO, Trần Đức (1951), phần “La méthode phénoménologique et son contenu effectivement réel”. Bản dịch Việt ngữ: THẢO, Trần Đức [1951] (2004). (Nhà xuất bản Minh Tân do một nhóm Việt kiều tại Pháp xuất bản cách sách của Hoàng Xuân Hãn, Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo,...) Tập sách này vốn gồm hai phần chính. Phần thứ nhất về hiện tượng luận, vốn là luận án Tốt nghiệp Sư phạm (agrégation) được tác giả viết quãng năm 1941–1943, đệ trình năm 1943 tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm, và được giới học giả chú ý một cách đặc biệt. Phần thứ hai về Biện chứng Duy vật được viết vào quãng năm 1948–1949, sau 5 cuộc “gặp gỡ” (chứ không phải tranh luận, débats) với Jean–Paul Sartre. G.S. Thảo tự thuật trong Niên biểu: “Sartre đã mời tôi đến những cuộc gặp gỡ này...”, “Trong năm cuộc gặp gỡ tôi đã chỉ cho ông rằng chính xác là phải coi trọng chủ nghĩa Marx cả về triết học”. [THẢO, Trần Đức [1984b] (1993)].

561. Spiegelberg, ctr. 431 – 32.

562. Do chúng tôi dịch.

563. Về phương pháp, ta thấy trong Chương 1, phần 1 về “Kỹ thuật biến hóa” (La technique de la variation), pp. 23 – 27. Và rất miễn cưỡng, pp. 34 – 38, về “Trở lại Chủ thể” (Le retour du sujet). Về sự khám phá phương pháp giản hóa, giản lược, truy nguyên (réduction), pp. 51 – 66; và về mô tả hiện tượng luận (la description phénoménologique), pp. 160 – 163.

564. Đây có lẽ là một loại “hiện tượng luận” của Pháp, đặc biệt của Jean–Paul Sartre thời đó. Giáo sư Thảo khi phê bình hiện tượng luận, ông nhằm lẫn với chủ nghĩa hiện sinh (existentialisme) của Sartre. Chủ nghĩa hiện sinh của Sartre đã dùng lối miêu tả, diễn tả (descriptive) để phân tích những dữ kiện (données) của hiện thể (existence), và đứng khựng lại ở giai đoạn này.

565. Trần Đức Thảo, tr. 6: “Việc duyệt xét kỹ lưỡng bản thảo chứng tỏ một cách rõ rệt rằng những phân tích cụ thể thật ra đã đi theo một đường hướng không hợp với những nguyên lý thuần lý thuyết, mà chính ở trong lòng của những lý thuyết này những phân tích cụ thể từng được phát triển ra” (bản dịch của chúng tôi). Về điểm này, ta thấy Giáo sư Thảo theo Karl Marx (Luận đề về Feuerbach, Luận đề 11) khi chỉ trích giới triết học tư sản “chỉ

giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau”. Họ quên cái điểm chính yếu, đó là triết học phải cụ thể và thực tiễn nhằm “cải tạo thế giới.”

566. Maurice Merleau-Ponty, người được coi như là một triết gia hiện tượng luận sáng giá nhất của Pháp. Cùng với Trần Đức Thảo, Merleau-Ponty từng nghiên cứu tại Thư khố Husserl tại ĐH Louvain (Bi), và được Giáo sư Léo Van Breda (một linh mục dòng Phan Sinh), Giám đốc Thư khố, ủy thác thành lập Thư khố Husserl ở Pháp. Merleau-Ponty đã cố động giới trí thức Pháp ký bản kiến nghị yêu cầu chính phủ Pháp phóng thích Giáo sư Thảo khỏi nhà ngục vào tháng Chạp năm 1945). Giáo sư Thảo bị chính quyền Pháp bắt giam quăng 3 tháng vì “tội” đấu tranh dành độc lập cho Việt Nam và chống thực dân Pháp.

567. THAO, Trần Duc, Préface, p. 19: “Cependant nous avons cru utile de donner dans la première partie de cette ouvrage des études purement phénoménologiques et largement dépassées...”

568. Bắt chước ngôn ngữ và cách diễn tả đầy tính châm biếm của Karl Marx (trong Die Heilige Familie [Gia đình thần thánh]), Trần Đức Thảo viết, tr. 19: “Dans le marxisme la philosophie bourgeoise trouve la forme de sa suppression: mais la suppression enveloppe le mouvement même de ce dont elle est suppression, en tant qu’elle l’actualise en le supprimant”. (Chính trong chủ thuyết mác-xít mà nền triết học tư sản mới nhận ra cái hình dạng của sự tự áp bức: tuy nhiên sự áp bức (này) bao gồm quá trình sinh hoạt, ngay cả của chính cái quá trình mà sự áp bức thuộc về chính nó, (và như vậy nó) tự tạo ra mình bằng cách đàn áp mình). (Bản dịch của chúng tôi)

569. LUKÁŠ, G. (1922). Geschichte und Klassenbewusstsein. Bản Anh ngữ của Livingstone: History and Class Consciousness [Lịch sử và ý thức giai cấp] (Cambridge: MIT Press, 1971), phần 2:” What is Orthodox Marxism?”.

570. Xin tham khảo KOLAKOWSKI, L. (1978). The Main Currents of Marxism (Oxford: Oxford University Press), Tập 3, chương 7, ctr. 253 vtth. Ảnh hưởng của Lukács trên trường phái Frankfurt và những triết gia như Ernst Bloch... Các chương sau, đặc biệt chương thứ năm.

571. Ta biết, lối giải thích Marx theo hệ thống của Hegel, hay ngược lại, từng là một trào lưu bắt nguồn từ nhà triết học người Pháp gốc Nga Alexandre Kojève (1902–1968) với những bài giảng về Hegel tại Học viện Cao đẳng (École des Hautes Études) vào những năm 1933–1939. Xin tham khảo: KOJÈVE, A., Introduction à la Lecture de Hégel [Giới thiệu về Bài giảng Hegel] (Paris: Gallimard, 1947). Bản dịch Anh ngữ của James H. Nichols, Jr.: Introduction to the Reading of Hegel (New York: Cornell University Press, 1980). Kojève là người đầu tiên đã đọc Hegel theo lối nhìn của Heidegger, cũng như đọc Marx theo lối nhìn của Hegel. Ông gây được một ảnh hưởng sâu rộng trên những người chủ trương hai tập san nghiên cứu Les Temps modernes (Merleau–Ponty, Sartre, Trần Đức Thảo), và L’Esprit (Emmanuel Mounier, Maurice Nédoncelle, và cả Paul Ricœur). Trần Đức Thảo, theo lời yêu cầu của Merleau–Ponty, đã viết một bài điểm sách của Kojève đăng trên Les Temps modernes (1948). Với bài này, theo lời tự thuật của mình (1984), Trần Đức Thảo đã nhìn ra sự thiếu sót của hiện tượng luận, và định cho ông chiều hướng theo Marx.

572. Tác phẩm: GARAUDY, R. (1961). Perspectives de l’homme [Viễn cảnh của con người]. (Paris: P.U.F.), được Giáo sư Trần Đức Thảo dịch sang tiếng Việt theo lời đề nghị của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. (BS)

573. Hai câu dẫn trên trích lại từ tập Tự điển Phê phán về Chủ nghĩa Marx (Kritisches Woerterbuch des Marxismus, chb. bản Đức ngữ: Wolfgang Fritz Haug, Berlin: Argument Verlag, 1986), thuật ngữ “Kiến trúc thượng tầng”, tập 4.

574. Jean–François Lyotard, một nhà hiện tượng luận và phần nào bị ảnh hưởng của chủ nghĩa Marx, đã nhận ra điều này trong Postmodernisme – Un rapport du savoir (Paris, 1978).

575. Cuộc tranh luận về vai trò của trí thức trong Đảng Cộng sản vào đầu thế kỷ XX tại Đức đã khiến Đảng Cộng sản Đức phân lìa... Xin tham khảo Kolakowski, Sdd.; và Predrag Vranicki, Geschichte des Marxismus, 2 Tập (Frankfurt a. M.: Suhrkamp, 1972 / 1974), ctr. 251 – 276. Bản dịch của Stanislava Rummel và Vjekoslava Wiedmann từ tiếng Nam Tư, Historija marksizma (Zagreb 1961 / 1971).

576. Trong lịch sử chủ nghĩa cộng sản, cuộc tranh luận về vai trò của giới trí thức đã từng xảy ra ở Đức (chú thích trên), Pháp và Hungary. Kết quả là những người chủ trương vai trò của giới trí thức đã từng hoặc bị ám sát (Rosa Luxemburg), hoặc bị trục xuất khỏi đảng (Karl Kautsky, Roger Garaudy, Gyory Lukács...). Tại Đông Âu vào thập niên 1960s, đa số bị trục xuất khỏi Đảng như Leslev Kolakowski, Predrag Vranicki, Adam Schaff, Pedro Gazovic,...

577. THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr. 179: “Cho nên toàn bộ công trình cấu tạo thế giới (Weltkonstitution) sụp đổ trong sự nhận thấy một sự ngẫu nhiên triệt để... Cùng với nó truyền thống vĩ đại của chủ nghĩa duy tâm đã kết thúc, vì nó tự xóa bỏ mình trong khi thực hiện chính mình”. Cũng xin tham khảo chú thích ở trên.

578. Theo một số bạn hữu của Giáo sư Thảo tại Paris như Tiến sĩ Ngô Mạnh Lan, Tiến sĩ Jean-François Revel (*Mémoires – Le voleur dans la maison vide*. Paris: Plon, 1997, tr. 124), Giáo sư Thảo vào những năm cuối đời đã “trở lại với hiện tượng luận và chủ thuyết nhân bản thấy trong (tác phẩm) *Krisis*, và vội vã phát triển quan niệm về Hiện tại sống động của Husserl”. (Lá thư của Ngô Mạnh Lan gửi Revel: “It était revenu à la phénoménologie et à l’humanisme de la *Krisis* et travaillait d’arrache – pied à développer le concept husserlien de *Présent vivant*”). Trước khi qua đời, Giáo sư Thảo đã gửi cho ông Vincent von Wroblewsky 3 chương đầu của tập sách ông đang soạn dở dang *La Logique du Présent vivant* (viết vào năm 1993 tại Paris). Xin tham khảo: THAO, Trần Đức (1993c).

579. Nguyễn Văn Trung, trong *Đối Thoại* (Houston, 1996). Tựa đề bài viết tôi không nhớ chính xác.

580. Chủ nghĩa Marx-Lenin do Joseph Stalin “khai sinh” vào năm 1927, khi ông đã hoàn toàn nắm vững quyền hành như là người kế vị Lenin (qua đời năm 1924). Theo chủ nghĩa Marx-Lenin này, giới vô sản là một giai cấp cách mạng mang tính chất sinh động và bản chất thực hành (Praxis), có mục đích chiếm quyền và xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa (socialist society), và Đảng Cộng sản như là một vũ khí của họ giúp đạt tới mục đích trên. Trên thực tế, Stalin coi chủ nghĩa Marx-Lenin như là “lý thuyết và

chiến lược đặc biệt cho vô sản chuyên chế” (trong Foundations of Leninism), và biến thành một ý thức hệ để hợp pháp hóa vai trò của giới vô sản, dưới sự lãnh đạo của Liên Xô. Xin tham khảo J. Stalin, “Foundations of Leninism” (1934), và “Problems of Leninism”, trong B. Franklin, ed. The Essential Stalin; D. Lane, Leninism: A Sociological Interpretation (1981).

581. Đây là chủ trương của những triết gia như Merleau–Ponty. Spiegelberg nhận xét rất đúng về thái độ của Merleau–Ponty: “Những phương thức biện chứng có thể giúp chúng ta tránh được những khẳng định chưa chín chắn, nhưng không thể làm ta tránh được việc phải trực diện với hiện tượng” (Spiegelberg, tr. 573 – 74). Jean–Paul Sartre trong tác phẩm Critique de la raison dialectique (Paris: Gallimard, 1969) đã áp dụng hiện tượng luận để tìm lại nền tảng cho chủ thuyết mác-xít. Kết quả một phân tích hiện tượng như vậy khiến Sartre kết luận là chỉ có một chủ nghĩa Marx chân thật của Marx chứ không thể có chủ nghĩa duy vật biện chứng (như thấy trong Friedrich Engels và những người theo ông).

582. Jean–Paul Sartre, Critique de la raison dialectique, Sđd., Lời nói đầu, tr. I

583. Xin tham khảo MOUNIER, E. (1947). Introduction à l’Existentialisme. Paris: P.U.F.

584. Đặc biệt, với các tác phẩm của Heidegger (Sein und Zeit, 1927), của Sartre (L’être et le néant, 1943). Đối với Sartre, thì thuật từ “chủ nghĩa hiện sinh” có nghĩa là một sự hòa hợp giữa Hiện tượng luận và chủ thuyết hiện sinh mà ông còn gọi là “một nền hữu thể hiện tượng”.

585. Xin tham khảo Trần Thái Đình, Triết học Hiện sinh (Sài Gòn, 1967). Đây là một tập sách giới thiệu và phê bình nền triết học hiện sinh khá nghiêm túc, có tinh chất khoa học, khách quan và tương đối đầy đủ. Sách của Giáo sư Trần Thái Đình thuần túy hàn lâm, không có mùi vị tuyên truyền như nhiều người (vì không đọc) lầm tưởng. Trong tập sách này, tác giả đặc biệt trình bày tư tưởng của Søren Kierkegaard (1813–1855), đại biểu cho nền triết học hiện sinh hữu thần), Friedrich Nietzsche (1844–1900), đại biểu cho nền triết học hiện sinh vô thần) và những người bị ảnh

hưởng của hai ông, như Heidegger, Karl Jaspers (Đức, 1883–1969), Sartre, Gabriel Marcel (Pháp, 1889–1973)...

586. THAO, Trần Duc (1951), p. 23. (Bản dịch của chúng tôi).

587. Sartre từng kiêu hãnh gắn liền chủ nghĩa hiện sinh của mình với hiện tượng luận, mặc dù người bạn cũ của ông, Giáo sư Raymond Aron, một nhà xã hội học nổi tiếng của Pháp, đã từng tiết lộ là Sartre chẳng hiểu hiện tượng luận là gì, và cái mà Sartre tự xưng là hiện tượng luận, thực ra là hiện tượng luận theo kiểu của Sartre (Xem ARON, R. (1976). *History and The Dialectic of Violence – An Analysis of Sartre’s “Critique de la Raison Dialectique”*, bản dịch Anh ngữ của Barry Cooper, New York: Harper & Row, Preface, tr. xii). Khoảng giữa cuối thập niên 1940 – đầu thập niên 1950, ta thấy có một sự thù nghịch giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa hiện sinh. Giới trí thức cộng sản trẻ tuổi coi hiện sinh như là một hình thức của chủ thuyết duy tâm và là tột điểm của sự tha hóa tư sản (décadence bourgeoise). Giáo sư Thảo được coi như là một trong những người chủ trương lối nhìn của những nhà trí thức cộng sản trẻ tuổi tại Pháp.

588. Trong *Fruehe Schriften*, Tập. 1 (Stuttgart, 1962). Ba bản dịch Anh ngữ khác nhau của T.B. Bottomore, *Economic and Philosophic Manuscripts of 1844* (New York, 1963), của Martin Milligan (Moscow, 1959), và của Ria Stone (1949). Về nền triết học của “Marx trẻ” xin tham khảo: Trần Văn Toàn, *Triết học Karl Marx* (Sài Gòn: Nam Sơn, 1965). Đây là một tập sách về Marx rất nghiêm túc xuất bản tại miền Nam.

589. Đối với những nhà mác-xít hiện tượng luận như Maurice Merleau-Ponty, Roger Garaudy, và cả Jean-François Lyotard và có lẽ, một phần nào đó Louis Althusser, thì nhà triết học Marx khác với người cộng sản Marx của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản và của Tư bản luận. Riêng Althusser coi Marx như là nhà khoa học trong tác phẩm *Tư bản luận*. Nói chung, những triết gia trên chủ trương, cái tinh hoa của Marx nằm trong những tác phẩm của người thanh niên Marx, mà trong đó Marx chủ trương là “con người là nguồn gốc của tất cả mọi sự” (man is the root of everything). Giáo sư Spiegelberg nhận xét, tr. 445: “Chính cái loại chủ thuyết nhân bản mác-xít này làm họ phát hiện một lối thông diễn, và sát hợp hiện sinh với mác-

xít, như đặc biệt thấy trong các tác phẩm đầu tay của Merleau–Ponty. Nó giúp ta nhận ra một tình huống lịch sử hiện sinh của con người trong cuộc đấu tranh giai cấp”.

590. Trung thực hơn, Giáo sư Trần Thái Đình (trong tập Hiện tượng luận là gì?, Sài Gòn: Thời Mới, 1968) viết về Hiện tượng luận như sau, tr. 16:

“Hiện tượng luận là khoa nghiên cứu về những bản chất, và đối với khoa học này thì tất cả mọi vấn đề đều quy về việc xác định những bản chất...”;

tr. 19: “Vây mục đích của Hiện tượng luận là đạt được những bản chất cụ thể, tức hình ảnh trung thực của những kinh nghiệm sống”;

tr. 22: “Điều can hệ là: Hiện tượng luận đề cao ý thức chưa phản tỉnh, coi đó là sự gặp gỡ đầu tiên giữa ta và thế giới.”

591. Lối thông diễn sáng tạo này, như Heidegger chủ trương, nhằm tìm ra điều mà tác giả đã nghĩ mà không diễn tả được, hay chưa nghĩ tới, nhưng giúp độc giả nghĩ ra.

592. Xin tham khảo Phần giới thiệu của chúng tôi cho cuốn Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng của Trần Đức Thảo, đang sửa soạn cho bản tái bản.

593. REVEL, J.–F., Mémoires – Le Voleur dans la maison vide, tr. 121.

594. Nguồn: GIANG, Ngô Hương (2013). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách.

595. HERICK, T. (2005).

596. MAJKUT, P. (2003).

597. “Hiện tượng luận đã bắt đầu bằng bản thể học. Ngoài những diễn giải tâm lý học biến cái thực thành một tập hợp các trạng thái ý thức, vấn đề ở chỗ phải quay trở lại với chính các sự vật và tìm thấy lại ý nghĩa của bản thể trong sự phong phú về chân lý của nó” (THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr.31).

598. HEIDEGGER, M. Về thể tính của chân lý. Phạm Công Thiện dịch. Sài Gòn: Nxb Hoàng Đông Phương, 1968, tr. XXV.

599. Sđd., tr. XXV.

600. Sđd., tr. XXIII.

601. THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr.17.

602. Năm 1936, Husserl xuất bản tác phẩm *Die Krisis der europäischen Wissenschaften und die transzendente Phänomenologie: Eine Einleitung in die phänomenologische Philosophie* (Sự khủng hoảng của các khoa học châu Âu và Hiện tượng luận tiên nghiệm: Giới thiệu về Triết học tiên nghiệm), chính thức đưa ra viễn cảnh về sự cáo chung của lịch sử triết học phương Tây. Thế nhưng, có thể chính Husserl cũng không nhận ra rằng, ngay từ năm 1845 (nghĩa là khoảng cách về mặt thời gian tính cho đến trước thời điểm Husserl tuyên bố sự cáo chung của tư tưởng phương Tây đúng 91 năm (1936 – 1845)), K. Marx đã tiên liệu viễn cảnh phá sản ấy của tư tưởng phương Tây, khi ông viết *The German Ideology* (Hệ tư tưởng Đức) và *Theses on Feuerbach* (Luận cương về Feuerbach), trong đó định đề được các học giả trích dẫn nhiều nhất, đáng quan tâm nhất là: “Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới”. Chính cái “cải tạo thế giới” này là “điểm bùng nổ” mạnh mẽ nhất mà K. Marx đặt ra nhằm xác lập lại toàn bộ hệ thống tư tưởng phương Tây, tiên liệu cho một sự phá sản tất yếu của nó. “Cải tạo thế giới” cũng đồng nghĩa với việc loài người sẽ phải bắt đầu một dấu mốc mới của tư tưởng bên trong một thế giới mới được dựng lên, thông qua hoạt động thực tiễn kinh nghiệm. Trong đó, ý niệm về một thế giới mới luôn phải bắt đầu từ sự trăn trở của ý thức kiếm tìm đường hướng khai phá nó. Và, mọi sự trăn trở của ý thức kiếm tìm đường hướng khai phá thế giới mới ấy cần phải được khởi đầu từ cái căn nguyên, cội rễ là tính vật chất ôm chứa trong nó.

603. Ở đây, chúng ta cần phân định rạch ròi giữa hai khái niệm Tính vật chất (materiality) với Vật chất (matter). Tính vật chất là cái làm cho “vật chất” trở nên có nghĩa như một tồn tại trong thế giới, còn vật chất là hình thức biểu hiện một phần nào đó tính vật chất thông qua hoạt động sáng tạo tự do.

604. Sản xuất trong trường hợp này không được xem là hoạt động sáng tạo, vì giai cấp làm thuê đã không được thiết lập thế giới dựa trên nền tảng tính vật chất một cách tự do. Họ bị giai cấp chủ nô cai quản ý hướng tự do cấp

nghĩa, dựa trên sự tự do hủy thể hình thức cũ ôm chứa tính vật chất ấy, theo đó, thế giới mà họ kiến lập dựa trên tính vật chất chẳng qua chỉ là thế giới ngụy tạo, xa lạ dựa trên hình thức tưởng như hợp thức của hoạt động sáng tạo. Thế giới mà người lao động tạo ra đó không phải là chân lý, mà chỉ là sự ngụy trang của chân lý, vì thể tính chân lý của thế giới ấy không nằm ở sự tự do chọn lựa phương thức sáng tạo dựa trên cái tiên khởi là tính vật chất, mà, họ làm việc ấy thụ động như một con ong cần mẫn mang mật về theo sự điều phối của con ong Chúa. Và, cái tổ ong ấy là thước đo chuẩn mực do con ong chúa dựng lên, bằng những thủ đoạn “khéo léo” của quyền lực, cũng giống như thế giới loài người do bàn tay người nô lệ tạo dựng, về thực chất, chỉ là hình thức của “sáng tạo” do chủ nô tiến hành theo những “thủ đoạn” của vật linh hoặc thần quyền, chứ không thể xem là quá trình sáng tạo theo ý hướng chủ quan, hoàn toàn tự do của giai cấp bị bóc lột.

605. “Nhưng người ta đi đến không làm rõ được sự khác nhau, bởi vì một lần nữa đây không phải là một hệ thống các tổng hợp trong đó khách thể cuối cùng chỉ là cái tương liên của sự diễn biến các điều tôi đã sống trải, khi chúng kết hợp gắn bó với nhau: nó là sự thống nhất ý niệm được nhắm tới trong phạm vi riêng của tôi” (Trần Đức Thảo. Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng. Sđd., tr. 99 – 100).

606. “Tính vật chất là tầng cơ bản, nên đời sống động vật được tạo lập trên tính vật chất ấy. Ở đây không chỉ nói đến những động vật thực sự mà cả con người cũng là tồn tại của tự nhiên. Tâm hồn, đối tượng của tâm lý học, là một tầng “được dựa vào” cơ thể, mà nhờ vào mối quan hệ “dựa vào” ấy nó mới được xen vào thế giới không gian – thời gian” (THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr.103 –104).

607. “Bây giờ ta hiểu ý nghĩa của sự hiểu lầm đã đối lập các môn đồ với kẻ học sách vở khi xuất bản tập thứ nhất của tác phẩm “Các ý niệm”, làm ảnh hưởng tai hại đến số phận của trường phái hiện tượng luận. Thí dụ đặc cách về sự tạo lập vật đã làm cho chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm bị coi là phủ định sự tồn tại tuyệt đối của khách thể. Một sự phủ định như vậy xuất hiện là trái với các chủ định sâu xa của học thuyết. Nó làm cho hiện tượng luận

xích lại gần với chủ nghĩa phê phán, hơn nữa chưa được gắn bó chặt chẽ, vì ý thức mà ta trở lại là một ý thức nhất thời” (Sđd., tr. 101).

608. Sđd., tr. 105

609. Bản chất là theo cách gọi của chúng tôi, còn Thể tính là theo cách gọi của Phạm Công Thiện. Cả hai cách gọi đều xuất phát từ cách dịch thuật ngữ essence. Trong bài, chúng tôi sử dụng cách gọi bản chất khi đưa ra diễn giải của mình về essence của cái gì đó, và sử dụng cách gọi Thể tính khi đưa ra quan điểm phản biện lại quan điểm của Phạm Công Thiện khi phê phán Trần Đức Thảo. Bản chất/ essence: Nghĩa là cái mà giúp cho sự vật bộc lộ ra là nó để ta có thể hiểu được. Để hiểu được, thì chủ thể nhận thức phải cho sự vật nghĩa, giúp cho nó phơi bày bản chất trước ta như là nó. Vì vậy, bản chất của sự vật là cái nghĩa mà chủ thể cấp cho nó, gán cho nó, và nó trong quan hệ với chủ thể nhận thức là một hành động “chào đón”, “mở ra”, “thu nhận vào”. Nhờ việc cấp nghĩa cho sự vật để sự vật có “ý nghĩa” ấy, thì cũng cùng lúc, chủ thể tự tạo ra “ý nghĩa” của chính mình. Nói ra sự hiểu đúng đắn của mình về sự vật đúng như sự vật “cho ta” (nghĩa là mô tả hiện tượng luận), thì đó là ý nghĩa độc lập, là lập thức, là bản chất của chủ thể được phơi bày ra thế giới.

610. “Các sự vật không tự xác định đối với tôi bằng đặc tính vật chất mà bằng các dạng đã sống trải của chúng, với các tiền đề về giá trị và hành động. Chúng chỉ tồn tại đối với tôi, khi tôi tri giác chúng, với ý nghĩa chúng có đối với cuộc sống thực tế của tôi, và tất cả sự tồn tại tinh thần của chúng là ở nghĩa đó” (Sđd., tr. 104 – 105.)

611. Xem: HEGEL, G. W. F. (2008). Khoa học logic. Hà Nội: Nxb Tri thức.

612. HEIDEGGER, M., Về thể tính của chân lý. Sđd., tr. XXIII.

613. THẢO, Trần Đức [1951] (2004). Sđd., tr.105.

614. Dẫn theo ÍCH, Tam (1969). Sartre và Heidegger trên thảm xanh. Sài Gòn: Nxb Hồng Đức, tr. 216–217.

615. Năm 1927, Heidegger cho xuất bản phần 1 của Sein und Zeit nhưng chỉ giới hạn tới mục thứ 2 của phần Những nền tảng phá hủy hiện tượng luận lịch sử hữu thể học trên sự dẫn nhập của khả thể nghi vấn thời tính là:

“Hiện hữu hiển thể và thời tính”. Trong đó, mục thứ 3 của phần này: Zeit und Sein/ “Thời gian và Hữu thể” thì vào năm 1962, nghĩa là 35 năm sau lần xuất bản cuốn Sein und Zeit, Heidegger mới đề cập trong một bài diễn thuyết cùng tên. Điều đó cho thấy, kể từ đó đến nay, nó chưa từng được viết ra và chưa từng được xuất bản hay công bố rộng rãi dưới dạng văn bản. Rất có thể Trần Đức Thảo chưa được biết đến bài diễn thuyết này của Heidegger, khi ông cho công bố Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng bằng tiếng Pháp năm 1951 tại nhà Minh Tân. Trong tác phẩm này, Trần Đức Thảo đã tìm ra tính cụ thể của hiện hữu bên trong khái niệm sử tính và thời tính của Heidegger (nghĩa là sau 24 năm khi Hữu thể và Thời gian xuất bản (1927 – 1951)), và củng cố, rồi đi đến khẳng định lý luận ấy trong tác phẩm cuối đời Sự logic của thời Hiện tại sống động (xuất bản năm 1993). Nghĩa là, Trần Đức Thảo đã góp phần hoàn thiện ý tưởng về Thời gian và Hữu thể / Zeit und Sein – phần II tác phẩm Sein und Zeit của Heidegger đúng 66 năm (1927 – 1993)), dù rằng tác phẩm này của Trần Đức Thảo cũng dở dang giống như Hữu thể và thời gian của Heidegger. Nhưng điều này lại chứng minh Trần Đức Thảo không những hiểu Heidegger nói gì, mà ông còn có công bổ sung chính tác phẩm của Heidegger, khi mà nhân loại chưa được biết đến di cảo cuối cùng Thời gian và Hữu thể của ông.

616. Theo Đặng Phùng Quân thì “Friedrich–Wilhelm von Hermann, người cộng sự của Heidegger trong việc chuẩn bị cho công việc xuất bản Toàn tập GA, đã viết tham luận cho Hội nghị kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Heidegger tổ chức tại Chicago năm 1989, với tiêu đề SuZ và Những vấn đề cơ sở của Hiện tượng luận kể lại khi đưa in tác phẩm SuZ, Heidegger có kèm bản viết Thời gian và Hữu thể cho phân đoạn 3/Dritter Abschnitt, phần 1/Erster Teil nhưng sau đó ông rút lại đoạn văn này, với ý định sẽ khai triển tư tưởng phần này để xuất bản thành tập 2 của SuZ; quá trình ấy là thành quả cơ sở của giáo trình 1927” (Luận về khái niệm Destruktion của Heidegger).

617. THAO, Trần Đức (1993b).

618. Nguyễn Đức Truyền dịch, Nguyễn Trung Kiên hiệu đính. Nguồn: BENSOIST, J. & M. Espagne (2013).

619. Tài liệu tham khảo: CLAESGES, U. (1972); FEDERICI, S. (1970); HABERMAS, J. (1973), (1987); HEIDEGGER, M. (1993); HUSSERL, E. (1976a), (1976b); JANSSEN, P. (2008); LANDGREBE, L. (1977) PERREAU, L. (2000); STOKOE, W. C. (1996); THAO, Tran Duc [1951] (1992); THAO, Trần Duc (1973).

620. Sau khi Hội thảo quốc tế L'itinéraire de Tran Duc Thao: Phénoménologie et transfert culturel [Hành trình của Trần Đức Thảo – Hiện tượng luận và tiếp biến văn hóa] diễn ra tại Trường Đại học Sư phạm phố d'Ulm vào tháng 5/2012, tôi đã gửi thư tới Giáo sư Masoud P. Tochahi (Đại học Paris III), xin phép sử dụng bài tham luận của ông tại cuộc Hội thảo trên cho cuốn sách này. Một thời gian ngắn sau, ông phản hồi và nói rất vinh dự khi bài tham luận này được giới thiệu rộng rãi tới các độc giả Việt Nam. Giới thiệu bản dịch tiếng Việt bài tham luận này của ông, tôi kỳ vọng sẽ mở ra được mối quan hệ hợp tác trong việc dịch thuật và xuất bản Tổng tập Trần Đức Thảo trong tương lai. (BS)

621. Husserl thường nói về “đời sống thực tiễn trong tính tổng thể của nó”. Xem, ví dụ, HUSSERL, E. [1936] (1976). Die Krisis der europäischen Wissenschaften und die transzendente Phänomenologie [Sự khủng hoảng của các khoa học châu Âu và triết học tiên nghiệm], 2. Auflage, hrsg. von. Walter Biemel, Haag: Martinus Nijhoff, p. 124.

622. Ibid., p. 51.

623. Ở một đoạn trong Krisis, Husserl đã đề cập đến những khó khăn này: “Một trong những khó khăn lớn của cách tư duy luôn cố gắng khai thác mọi lúc và mọi nơi, ‘sự cấu thành nguyên thủy’, tức thế giới đời sống trước và ngoài khoa học, bao gồm trong bản thân nó toàn bộ đời sống hiện tại (gồm cả đời sống của tư tưởng khoa học) và nuôi dưỡng nó với tư cách nguồn gốc của những hình thái ý nghĩa đã được phát triển – một trong những khó khăn của cách tư duy này, như tôi đã nói, là phải chọn cách nói hồn nhiên về đời sống nhưng cũng phải điều chỉnh nó như một công cụ ở chỗ bằng chứng của các chứng minh đòi hỏi”, Ibid. p. 9 & 68; cũng tham

khảo: “Thế giới đời sống”, trong: BENSOST, J. & V. Gerard (eds.) (2010). Husserl. Paris: Elipses p. 252.

624. Ibid, p. 59.

625. Ibid, p. 34, 51.

626. WALDENFELS, B., “Lebenswelt und zwischen Alltäglichem Unalltäglichem”, trong: Phänomenologie im Widerstreit Zum 50. Todestag Edmund Husserls, HRSG. ch von und O. Jamme Pöggeler, Frankfurt am Main: Suhrkamp, 1989, p. 107.

627. Husserl, Krisis, p. 378, 381.

628. Husserl nói: “Thế giới–đời sống, tập hợp trong bản thân nó một cách tuyệt đối mọi hình thái thực tiễn (ngay cả các khoa học khách quan với tư cách các sự kiện văn hóa trong khi tránh tham gia vào những lợi ích của họ) chắc chắn có liên quan đến tính chủ quan trong sự thay đổi thường xuyên của các tính tương đối. “Husserl, Krisis, tr. 176, fr. p. 197.

629. Ibid.

630. Ibid., o. 183 và 204.

631. Ludwig Landgrebe, “Lebenswelt und Geschichtlichkeit của menschlichen Daseins” [Thế giới đời sống và sử tính trong sự tồn tại của hữu thể người], trong: Phänomenologie und Marxismus [Hiện tượng luận và chủ nghĩa Marx], HRSG. Bernard von Waldenfels a. a, Frankfurt am Main. Suhrkamp 1977, p. 18

632. Trong đoạn này của tác phẩm Logic của các khoa học xã hội, chúng ta tìm thấy một bản tóm tắt về sự phê phán của Habermas: “Tuy nhiên, các nhà hiện tượng luận luôn xuất phát từ kinh nghiệm của thế giới được cảm nhận có tính cá nhân của họ để đạt được, nhờ trừu tượng hóa và khái quát hóa, những hiệu năng của tính chủ quan tạo lập của ý nghĩa. Chúng ta chắc chắn có thể nghiên cứu theo cách này sự hình thành của thế giới được cảm nhận theo tính khái quát trừu tượng của nó. Nhưng kết quả là chúng ta không gặp bất kỳ thế giới được cảm nhận nào mang tính lịch sử và cụ thể, trừ thế giới của chính nhà hiện tượng luận. Chắc chắn, chúng ta có thể tiến hành một mô tả hiện tượng luận vì ở đó chỉ có, theo cách chung, những thế giới được cảm nhận mang tính cá nhân không thể quy giản. Nhưng nhận

định trừu tượng này vẫn chưa giúp chúng ta vượt qua hàng rào ngăn cách một mô tả hiện tượng luận về cấu trúc của thế giới được cảm nhận chỉ mang tính xã hội, và sự lo sợ của mọi thế giới được cảm nhận có thể mang tính cá nhân, cho dù đó có thể là thế giới của một cá nhân hay thế giới của một nhóm xã hội. Trong trường hợp này, chúng ta không còn có thể bằng lòng với sự khái quát từ kinh nghiệm cá nhân, mà ở đó Schutz luôn luôn dừng lại, làm một đệ tử tốt của Husserl như ông đã là như vậy”.

HABERMAS, J. (1973). Zur Logik der Sozialwissenschaften [Logic của các khoa học xã hội], 3. Auflage, Frankfurt am Main: Suhrkamp, p. 214, 148.

633. Về vấn đề này, Heidegger nhấn mạnh: “Bằng cách này, ông đã được chỉ ra rằng hiện tượng luận đang phải vật lộn với một nghịch lý thường trực mà chúng ta sẽ xem như nghịch lý có nguồn gốc từ cuộc sống tự và cho nó”. Heidegger, Grundprobleme der Phänomenologie [Những vấn đề cơ bản của hiện tượng luận], tr. 2. Cái mà, trái lại, là một cuộc sống tự nó (Leben an sich), Heidegger định nghĩa nó như: “cái gần gũi với chúng ta đến mức chúng ta không thể tương tác với nó một cách biểu cảm và cái mà trong quan hệ với nó chúng ta không còn thậm chí cả khoảng cách để có thể nhìn nó trong “tính tuyệt đối” của nó, và cái khoảng cách mà trong quan hệ với nó là thiếu vì bản thân chúng ta là nó và chúng ta chỉ nhìn chính mình qua cuộc sống, mà chúng ta là, một cuộc sống thuộc về chúng ta (theo cách chỉ đối tượng của hành động), và thông qua những hướng riêng của nó”. Ibid., tr. 29.

634. Ibid., p. 27, 81.

635. Ibid., p. 35.

636. Ibid., p. 42.

637. Ibid., p. 59.

638. Ibid., p. 62.

639. Ibid., p. 64.

640. Heidegger đã đặt câu hỏi một cách triệt để, nếu “ý tưởng của hiện tượng luận như một khoa học về nguồn gốc của đời sống – một khoa học chặt chẽ và triệt để nhất – không mâu thuẫn trong bản thân nó, trong chừng

mức như một khoa học chặt chẽ nhất và triệt để nhất về đời sống, đưa đời sống theo cách triệt để nhất vào trong một sự hủy diệt khách thể hóa và khoa học và còn kết thúc theo cách triệt để nhất và bất cần nhất...”. Xem Tlđđ., tr. 78. Ngoài mâu thuẫn này, Heidegger còn nhấn mạnh hai vấn đề khác hình thành nên hiện tượng luận như một khoa học. Nói cách khác, làm thế nào để thực hiện một khoa học về đời sống khi đời sống này với tư cách là một tổng thể không bao giờ được đưa ra về mặt sự kiện... Trái lại, tất cả các khoa học với sự chuyên môn hóa và tập trung của chúng vào một lĩnh vực cụ thể của đời sống dường như luôn xem nó như một tổng thể. Vì vậy, việc coi đời sống như một tổng thể bởi một khoa học về nguồn gốc là hiện tượng luận có thể là không cần thiết. Để tránh loại vấn đề như vậy, Heidegger nhấn mạnh về mối quan hệ của thế giới của đời sống với nguồn gốc của nó và thực tế là thế giới–đời sống trở thành đối tượng của hiện tượng luận với tư cách cái gì đó “được bắt nguồn” (entspringend) từ một nguồn gốc. Xu hướng này của việc nghiên cứu về nguồn gốc đồng thời ngăn cản sự chông chéo với những khoa học khác và biện minh cho logic của một khoa học về nguồn gốc.

641. Heidegger, *Grundprobleme der Phänomenologie*, p. 83.

642. THAO, *Trần Dục* (1951), p. 6.

643. Landgrebe, “*Lebenswelt und Geschichtlichkeit des menschlichen Daseins*” [Thế giới–đời sống và sử tính của sự tồn tại người], p. 14.

644. THAO, *Trần Dục* (1951), p. 7–8.

645. Đoạn này được dùng làm dẫn chứng: “Nếu chúng ta nhớ rằng những hiện thực tâm lý, được xác định trên bình diện cá nhân, có trước sự nhận thức của người khác, tương ứng với kinh nghiệm của đời sống loài vật, chúng ta thấy rằng cái ,cấu thành siêu nghiệm”, như thể hiện của phần còn lại chính thiên hướng của các phân tích về sự cấu thành trong bản thảo của tác phẩm *Ideen II*, chỉ làm việc lấy lại trên bình diện trừu tượng của sự cảm nhận, sự biến đổi hiện thực từ vật chất đến cuộc sống, và từ cuộc sống đến tinh thần, được hiểu như là sự tồn tại xã hội”. Tlđđ., p. 8.

646. THAO, *Trần Dục* (1951), p. 238–241.

647. THAO, *Trần Dục* (1951), p. 9.

648. Tlđđ.

649. Đối với mọi cái thuộc về sự đoạn tuyệt, Thảo dường như chưa quyết định. Trong một đoạn văn trong phần giới thiệu Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng, ông khẳng định đã có ý định “hoàn tất các mô tả có chủ ý bằng các phân tích khách quan “nhưng do sự không tương thích” giữa “các dữ liệu thực tế trong ý thức về thực tế của họ” và “cái tuyệt đối mang tính hiện tượng luận của các ý định được cảm nhận”, ông coi nó như là không thể. Tuy nhiên, cũng cần ghi nhận rằng Thảo vẫn hoàn toàn trung thành với những nguyên tắc của hiện tượng luận khi sử dụng các thuật ngữ có tính kỹ thuật như “tính chủ đích”, “diễn ngôn nội tại”, “cảm nhận”, “hành động”, v.v. Xem: THAO, Trân Duc (1951), p. 18; và THAO, Trân Duc (1973), p. 18, 19.

650. THAO, Trân Duc (1951), p. 9.

651. Khi đọc Thảo, chúng ta dần dần gặp những đoạn mà ông nói về triết học một cách khinh miệt: “Vì vậy, các vấn đề truyền thống đã được đề cập đầy đủ trong khuôn khổ của chủ nghĩa Marx và không có lý do gì để ngần ngại rút ra từ những khó khăn kỹ thuật mà chúng ta gặp phải trong hiện tượng luận, những hậu quả hoàn toàn mang tính triết học của chúng” (THAO, Trân Duc (1951), p. 18).

652. THAO, Trân Duc (1951), p. 12; cũng xem, Ibid., p. 16.

653. Tuy nhiên, dần dần Thảo cũng đưa ra những ví dụ không chỉ không tương thích với cái mà ông đã thiết lập như các lĩnh vực nghiên cứu của mình, mà đôi khi chúng cũng tỏ ra chủ quan nhằm làm rõ cái mà ông tìm cách giải thích. Chúng ta có thể đưa ra ví dụ về một thủy thủ, khi đang thoát ra khỏi một cơn bão và tiếp cận bờ biển, “chỉ ngón trỏ vào hướng đất liền,” bởi vì “độ dài bất thường của cuộc hành trình phải chăng đã chia cắt người thủy thủ đang nóng lòng tìm lại đất liền”. Những giải thích này và chẳng cũng không thuyết phục lắm: “Khi bờ biển xuất hiện, cảm xúc làm cho anh hoàn tất cái cử chỉ mà thông thường nó chỉ vừa mới được phác họa. Do đó khi ngoại quan hóa sự vận động, anh ta đã củng cố sự tin chắc có thể cảm nhận được của mình về đối tượng, vì sự tin chắc này chính xác là ở

trong cử chỉ được cảm nhận của hành động chỉ cho chính bản thân mình”.

Xem: THAO, Trân Duc (1973), p. 33.

654. Ibid., p.12.

655. Ibid., p. 30.

656. Ibid., p. 34.

657. Ibid., p. 39.

658. Việc đọc tác phẩm của Thảo có những khó khăn riêng của nó. Ông trình bày các ý tưởng của mình theo cách xoay vòng, tức là ông không ngại lấy lại một cách không đúng lúc mọi cái mà ông đã xử lý trước đó. Với mọi cái thuộc mối quan hệ từ ý thức đến vật chất và các quan hệ của những cái này với ngôn ngữ, ông cũng nói muộn hơn một chút, nhưng cái cách mà ông bàn về chúng vẫn ít nhiều tương tự. Ibid., p. 49–57.

659. Ibid., p. 34.

660. Ibid., p. 13.

661. Ibid., p. 14.

662. Thảo định nghĩa ý thức theo cách sau: “Vì thế chính bản thân phép biện chứng này nơi sự có đi có lại của dấu hiệu bị biến mất trong hình thức của bản sắc, cái làm nảy sinh cấu trúc của sự cảm nhận mà ở đó hình thành mối quan hệ với bản thân với tư cách là ý thức. Ý thức được thể hiện theo cách đồng nhất như ý thức về đối tượng và ý thức về bản thân. Với tư cách là ý thức về đối tượng, nó là hình ảnh của đối tượng được đặt như ở bên ngoài nó. Với tư cách là ý thức về bản thân, nó là hình ảnh của hình ảnh này hay hình ảnh của bản thân nó trong bản thân nó”. Ibid., p. 25.

663. Ibid., p. 16.

664. Ibid., p. 17.

665. Ibid., p. 18, cũng xem p. 40.

666. Ibid., p. 40–42.

667. Tlđđ., tr. 108–109.

668. Ibid., p. 43.

669. Ibid., p. 46.

670. Ibid., p. 49.

671. Ibid., p. 53.

672. Ibid., p. 241.

673. Bài viết nhân dịp xét truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh cho Giáo sư Trần Đức Thảo. Nguồn: NGỌC, Phan (2000). Bản sử dụng ở đây có chỉnh sửa một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách.

(BS)

674. Trên thực tế, bản gốc tiếng Pháp của tác phẩm này, có sửa chữa của tác giả, hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Cù Huy Chử & Cù Huy Song Hà. (BS)

675. Năm Freud xuất bản tác phẩm Wandlungen und Symbole der Libido [Những biến thể và tượng trưng của libido]. (BS)

676. Nguồn: THÚY, Đỗ Lai (1996).

677. Nguyễn Trung Kiên lược dịch. Nguồn: FEDERICI, S. (1970).

678. THAO, Trần Duc (1966).

679. THAO, Trần Duc (1969b).

680. Ibid., p. 6 – 7.

681. Ibid.

682. Ibid., p. 7.

683. Ibid., p. 8 – 9.

684. Ibid., p. 11 – 12.

685. Ibid., p. 13.

686. Ibid., p. 14.

687. Ibid., p. 20.

688. Ibid., p. 21.

689. Ibid., p. 23.

690. THAO, Trần Duc (1969a), p. 6.

691. Ibid., p. 9.

692. Ibid., p. 9–10.

693. Ibid., p. 10–15.

694. Đây là thuật ngữ của Trần Đức Thảo mượn của Husserl, cùng với khung khái niệm của Husserl.

695. THAO, Trần Duc (1969a), p. 25.

696. Ibid., p. 36.

697. THAO, Trần Duc (1969b), p. 82.

698. Ibid., p. 36.

699. Nguyễn Trung Kiên dịch. Bài điểm sách; nguồn: BARBIBEAU, J. (1963).

700. THAO, Trần Duc [1973] (1984). Bản gốc: THAO, Trần Duc (1973).

701. A. Spirkin (1918–2004): nhà triết học, tâm lý học và nhân chủng học Xô–viết Ông nghiên cứu chuyên sâu về nguồn gốc của ý thức và tự ý thức, và ngành điều khiển học (cybernetics). Ông là Phó Chủ tịch Hội nghiên cứu Triết học Xô–viết, và thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học Xô–viết. (BS)

702. Iakimov, V.P., The Origins of Man [Những nguồn gốc của Con người], Moscow (1964). Spirkin, A., The Origin of Consciousness [Nguồn gốc của Ý thức], Moscow (1960). (Thảo đã sống tại Pháp một vài năm, ở đây ông cũng giới thiệu các tác giả Xô–viết này đến độc giả Pháp).

703. V.P. Iakimov: nhà nhân chủng học Liên Xô nổi tiếng. Ông có nhiều đóng góp quan trọng để xây dựng và phát triển ngành nhân chủng học Xô–viết nói chung và khảo cổ học Xô–viết nói riêng, với nhiều thành tựu quan trọng. (BS)

704. Trong thập niên 1950, Thảo đã viết một vài nghiên cứu chuyên đề về Husserl và Marx, bao gồm tác phẩm Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng (1951). Trong thập niên 1960, ông cố gắng phát triển phương pháp hiện tượng luận, trên cơ sở cố gắng loại bỏ triết để chủ nghĩa duy tâm của Husserl, để có thể tổng hợp phương pháp này với phép duy vật biện chứng. Cuốn sách này cũng cố gắng hướng đến mục đích đó. Phản ánh lý thuyết của Spirkin về những nguồn gốc của ý thức và ngôn ngữ, và các nghiên cứu về chuyên ngành ký hiệu học và ngôn ngữ học từ mô hình của Ferdinand de Saussure (Cours de Linguistique [Giáo trình ngôn ngữ học], Payot. Paris: 1915), Trần Đức Thảo đã hướng tới một ngành ký hiệu học biện chứng thông qua sự phê phán hiện tượng luận Husserl.

705. Lý thuyết duy vật lịch sử về tự nhận thức dựa trên sự trao đổi qua lại lẫn nhau của các mối quan hệ xã hội; trong hoạt động lao động tập thể, người lao động chỉ ra đối tượng cho nhau trên cơ sở những nỗ lực chung của họ. Mỗi người lần lượt, thậm chí đồng thời, vừa là người nhận chỉ dẫn,

vừa là người gửi chỉ dẫn; hẳn vừa là người hướng dẫn, vừa là người được hướng dẫn. Nói cách khác, mỗi người nhìn thấy trong người khác một sinh thể tương tự như hẳn, thực hiện động tác chỉ dẫn giống hẳn, và rõ ràng là hẳn nhìn thấy chính mình ở trong người khác, nên cái hình ảnh kéo dài của môi trường xã hội cho phép hẳn, khi ở một mình, sử dụng cái nhìn của những người đó – những người đồng thời là một cái tôi khác của hẳn, để chỉ ra đối tượng cho chính hẳn.

706. SOKOLOV, E.N., Inner Speech and Thought [Tiếng nói bên trong và Tư duy], New York: Plenum (1972). (Sokolov cung cấp một phân tích giải phẫu thần kinh về cơ sở vật chất của ngôn ngữ bên trong).

707. Trong tác phẩm Materialism and Empirio-criticism [Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán] (tr. 51), cảm giác được định nghĩa là hình thức đơn giản nhất của ý thức. Trong tác phẩm “Philosophical Notebooks” [Bút ký triết học] (tr. 182), Lenin giải thích kỹ hơn là: “Ý thức chính là bộ não trong sự vận động tư duy của chúng. Do đó ý thức không chỉ đơn giản là sự vận động sinh hóa. Đó là sự vận động sinh lý thần kinh phức tạp nhất của não bộ cấu thành nên những hình thức của các động tác chỉ dẫn và các dấu hiệu ngôn ngữ, những yếu tố được định hình và phản ánh các hình thái tương tác xã hội của con người”.

708. PIAGET, J. (1976), The Child’s Construction of Reality [Sự xây dựng tính hiện thực ở trẻ em], London: Routledge and Kegan Paul. (Dịch từ tác phẩm: Piaget, J. (1937). La construction du reel chez l’enfant. Neuchatel: Delachaux et Niestle.)

709. Homo faber (Người chế tác) là một khái niệm triết học do Hannah Arendt và Max Scheler hình thành và phát triển, nhằm chỉ những giống người có khả năng kiểm soát môi trường thông qua các công cụ lao động. [Nguồn: Wikipedia] (ND)

710. Therese Gouin-Décairie (1923): Nhà nghiên cứu tâm lý trẻ em nổi tiếng. Là người chịu ảnh hưởng nhiều bởi Jean Piaget, bà tốt nghiệp tiến sĩ tại Đại học Montréal và giảng dạy nhiều năm tại đây. Bà cũng tiến hành nghiên cứu và thực hành tâm lý tại Boston (Mỹ) và Paris (Pháp). Giáo sư

Trần Đức Thảo đã tham khảo kết quả nghiên cứu của bà để xây dựng lý thuyết của ông về động tác chỉ dẫn (ND).

711. GOUIN-DÉCARIE, T. [1962] (1964). Intelligence and Affectivity in Early Childhood [Trí thông minh và Tính dễ xúc động trong thời kỳ thơ ấu của trẻ em]. New York: International University Press. (Nguyên tác: Gouin-Décarie, T. (1962). Intelligence et affectivité chez le jeune enfant; étude expérimentale de la notion d'objet chez Jean Piaget et de la relation objectale. Neuchâtel: Delachaux et Niestlé).

712. Ở người vượn, đó có thể là báo hiệu cho đồng loại về dấu vết của con mồi, hay báo hiệu về sự nguy hiểm đang rình rập... (ND).

713. Phức hợp công cụ Kafuan (Kafuan tool complex): thuật ngữ nhân chủng học, dùng để chỉ loại công cụ đơn giản nhất từ đá cuội, là những viên đá được mài sắc ở một mặt, xuất hiện ở Kỷ nguyên Pleistocene Hạ (kéo dài trong khoảng từ 2,6 triệu năm đến 1,7 triệu năm trước đây). Phức hợp công cụ Kafuan tiến hóa thành Phức hợp công cụ Oldowan (cách đây khoảng 2,5 triệu năm), khi những viên đá cuội được mài sắc ở cả hai mặt. Tên gọi Kafuan và Oldowan bắt nguồn từ tên gọi của các di chỉ khảo cổ học tại miền Nam châu Phi, nơi các bằng chứng khảo cổ học về thời kỳ này được phát hiện: Kafu là tên một con sông ở Uganda, còn Olduvai là tên hẻm núi ở Tanzania. Những thuật ngữ này được nhà khảo cổ học và tự nhiên học người Anh vĩ đại Louis Leakey (1903–1972) đặt ra từ thập niên 1930 sau những phát hiện khảo cổ học mang tính cách mạng của ông về các công cụ lao động của Thời kỳ Đá đẽo, củng cố thêm cho giả thuyết về nguồn gốc và sự phát tích từ châu Phi của loài người (ND).

714. Nguồn: CĂN, Lê Nguyên (2014). Bản sử dụng ở đây có chỉnh sửa một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)

715. THAO, Trần Đức (1973). Các trích dẫn liên quan đến quan điểm của tác giả Trần Đức Thảo trong bài viết của chúng tôi đều được lấy trực tiếp từ bản tiếng Pháp và do chúng tôi chuyển dịch sang tiếng Việt.

716. Dẫn theo Lời hậu bạt của nhà nghiên cứu Vasile Dem. Zamfirescu trong cuốn *Direck Van Der Sterren: Luận phân tâm văn học: Opedipe vua (De Lotgevallen van Koning Oedipus)*. Bản tiếng Rumani. Người dịch sang

- tiếng Rumani: Paul Voicu–Dohotaru. Editura Univers, Bucureșt, 1996, tr. 139.
717. Marthe Robert: Romanul inceputurilor și începuturile romanului. Bản tiếng Rumani. Người dịch sang tiếng Rumani: Paula Voicu–Dohotaru. Editura Univers, București, 1986, tr. 86.
718. THAO, Trần Duc (1973), tr. 248.
719. Albert Jaquart: Con người và gene (Les hommes et leurs genes). Bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Ngọc Thuần, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2010, tr. 3.
720. Dẫn theo Lời hậu bạt của nhà nghiên cứu Vasile Dem. Zamfirescu trong cuốn Direck Van Der Sternen: De Lotgevallen van Koning Oedipus. Tlđđ., tr. 138.
721. THAO, Trần Duc (1973), tr. 245–340.
722. Tlđđ., tr. 263.
723. Tlđđ., tr. 296.
724. Tlđđ., tr. 302.
725. Tlđđ., tr. 307.
726. Tlđđ., tr. 308.
727. Tlđđ., tr. 309.
728. Tlđđ., tr. 314–315.
729. Tlđđ., tr. 316.
730. Tlđđ., tr. 329.
731. Tlđđ., tr. 336.
732. Tlđđ., tr. 337.
733. Tlđđ., tr. 340.
734. Tlđđ., tr. 330.
744. Nguồn: CHỬ, Cù Huy & Cù Huy Song Hà (2011e).
745. Về tác phẩm Hồi ký, chúng tôi đã có lời giới thiệu ngắn và giới thiệu toàn văn trên ba số liên tiếp của Tạp chí Xưa & Nay (cơ quan ngôn luận của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam), từ số 376 (3/2011).
746. Tuyên bố Thượng Hải năm 1972: một văn kiện ngoại giao quan trọng được ký kết giữa Tổng thống Richard Nixon (Hoa Kỳ) và Thủ tướng Chu Ân Lai (Trung Quốc) trong chuyến thăm chính thức Trung Quốc của

Nixon, báo hiệu sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh trong các thập niên tiếp theo. (BS)

747. THẢO, Trần Đức (1978a), (1978b), (1978c), (1979).

748. THẢO, Trần Đức (1991c), (1991d).

749. Marx, Gründrisse der Kritik der Politischen Okonomie (Lời nói đầu của cuốn Phê phán kinh tế chính trị), tr. 391 – 392, bản tiếng Pháp. Trích theo Trần Đức Thảo trong Một hành trình. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1986] (2004), tr. 20.

750. THẢO, Trần Đức [1986] (2004), tr. 25.

751. THẢO, Trần Đức [1986] (2004).

752. Xem: Nhật ký hành trình của Hồ Chủ tịch – Bốn tháng sang Pháp, trong Toàn tập Hồ Chí Minh, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, năm 2000, tr. 350.

753. Marx, Sự khốn cùng của triết học, bản tiếng Pháp, Ed. Giarad, tr. 197. Dẫn theo: THẢO, Trần Đức, Nói rõ thêm một số luận điểm trong cuốn Vấn đề con người và chủ nghĩa “lý luận không có con người”, Tạp chí Giáo dục lý luận, tháng 5/1990, tr. 21.

754. Lenin, Toàn tập, tập 29, Nhà xuất bản Tiến bộ và Nhà xuất bản Sự thật, Mát-xcơ-va và Hà Nội, 1981, tr. 381 (đối chiếu với bản tiếng Nga, tr. 321).

755. Engels, Biện chứng của tự nhiên. Dẫn theo: THẢO, Trần Đức [1986] (2004), tr. 30.

756. THẢO, Trần Đức [1986] (2004), tr. 30 – 32.

757. Lenin, Bút ký triết học, bản tiếng Nga, tr. 203, 227. Đối chiếu với bản tiếng Việt: Lenin toàn tập, tập 29, Nhà xuất bản Tiến bộ, 1981, Hà Nội, tr. 240, 268.

758. Lenin, Bút ký triết học, bản tiếng Nga, tr. 227.

759. Marx, Gründrisse der Kritik der Politischen Okonomie, Lời nói đầu của cuốn Phê phán kinh tế chính trị, tr. 391 – 392, bản tiếng Pháp. Dẫn theo: THẢO, Trần Đức (1989c).

760. Các Mác, Hệ tư tưởng Đức. Bản tiếng Đức, tr. 16. Dẫn theo Trần Đức Thảo, Sự phát sinh của hệ thống lịch sử giống người.

761. Xem: Các Mác, Thư gửi An–nen–cốp. Nguồn: Các Mác và Phri–đrich Engels, Tuyển tập, tập 1. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 786 – 803.
762. C. Mác và Ph. Ăng–ghen, Toàn tập, t. 23. Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 1993, tr. 87.
763. THẢO, Trần Đức (1955b), (1955c).
764. THẢO, Trần Đức (kh. 1963). Sur l’origine de chimpanzés. Hà Nội: Văn bản viết tay.
765. THAO, Trần Duc (1966).
766. THAO, Trần Duc (1969a), (1969b), (1970).
767. THAO, Trần Duc (1973).
768. THẢO, Trần Đức [1986] (2004), tr. 103.
769. Leibniz, Lời tựa cuốn ‘Những tiểu luận mới về lý trí con người’. Tlđđ., tr. 103.
770. Engels. Biện chứng của tự nhiên. Bản tiếng Pháp, Ed. Sociales, tr. 174. Trích theo Trần Đức Thảo.
771. Xem: Ăng–ghen, Thư gửi Pi–ốt La–vrô–vích La–vrốp. Nguồn: Các Mác và Phri–đrich Ăng–ghen, Tuyển tập, tập 4. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 598 – 599.
772. Trong những lần chúng tôi đi theo Trần Đức Thảo đến các nhà trẻ ở Hà Nội, Trần Đức Thảo đã có nhận xét như trên. Ông còn giải thích cho chúng tôi, tại sao đứa trẻ chỉ cười rún rẩy khi nhìn thấy chiếc mặt nạ có hình ảnh cái trán và đôi mắt, chứ không cười và rún rẩy khi cái mặt nạ bị che đi cái trán và đôi mắt. Sở dĩ thế vì trong các tập đoàn động vật, từ con bò, và đặc biệt đến con khỉ, khi hoạt động, đặc biệt khi kiếm ăn, thì những con khác chỉ nhận ra đồng loại của mình ở cái trán và đôi mắt, điều ấy trở thành phản xạ mang tính bẩm sinh trong con người. Trần Đức Thảo nói thêm với chúng tôi: Người bảo mẫu thường dỗ đứa trẻ đang khóc bằng cách bế một đứa trẻ khác lên trước mặt nó, lập tức đứa trẻ sẽ trở nên vui vẻ hơn, bởi cái phản xạ bẩm sinh trong nó được thức dậy. Ông nói, điều đó như là sự giao thoa của các luồng ánh sáng trên cái nền của một bức tường, cái phản xạ bẩm sinh được phóng chiếu làm cho tâm lý đứa trẻ trở nên hoạt bát và phong phú.

773. THẢO, Trần Đức [1986] (2004), tr. 112.

774. Một giai đoạn trong Thời kỳ Đồ đá Cũ, cách đây khoảng 1,76 triệu năm. Đây là giai đoạn hình thành Người đứng thẳng (*Homo erecta*), và sau đó là Người khôn tối cổ (*archaic Homo sapiens*). Trong giai đoạn này, con người đã bắt đầu biết đứng thẳng và giải phóng hai chi trên để hình thành đôi tay, qua đó biết chế tác dụng cụ thành công cụ. Tên Acheuléen được hình thành từ địa danh Saint–Acheul (vùng ngoại ô của thành phố Amiens (miền Bắc nước Pháp), cách Amiens khoảng 3 km về phía Đông Nam), nơi các bằng chứng khảo cổ về giai đoạn này được phát hiện, với niên đại khoảng 1,4 triệu năm. (BS)

775. THAO, Trần Duc (1966).

776. THẢO, Trần Đức (1969a), (1969b), (1970).

777. THẢO, Trần Đức (1955b), (1955c).

778. THAO, Trần Duc (1973).

779. THAO, Trần Duc (1988c), (1988d).

780. THẢO, Trần Đức (1978a), (1978b), (1978c), (1979).

781. THẢO, Trần Đức (1988a).

782. THẢO, Trần Đức (2004a). Cần nói rõ thêm, với tác phẩm này, Trần Đức Thảo để lại 11 bản thảo. Việc chọn dịch tùy thuộc vào sự tiếp cận bản thảo nào của Nhà xuất bản.

783. Để hoàn thành bài viết này, chúng tôi đã tham khảo các tài liệu của Daniel J. Herman và Trần Tri Vũ.

784. Achille: anh hùng trong thần thoại Hy Lạp, nhân vật chính trong sử thi Iliad của Homer, là một kiện tướng chạy nhanh. Trong nghịch lý Achille và con rùa của nhà toán học Hy Lạp cổ đại Zeno (kh. 490 – 430), Achille đứng tại điểm A và con rùa đứng tại điểm B. Cùng một lúc, Achille chạy về phía B để bắt con rùa, còn con rùa chạy cùng chiều với Achille trên đường thẳng AB. Để đến được điểm B, Achille phải lần lượt vượt qua một số vô hạn các trung điểm $C_1, C_2, \dots, C_n, \dots$ của các đoạn $AB, C_1B, \dots, C_{n-1}B, \dots$; việc này không thể làm được trong một khoảng thời gian hữu hạn. Vì vậy, dù Achille có chạy nhanh đến đâu cũng không thể đạt tới điểm B, nên càng không thể đuổi kịp con rùa. Nghịch lý Achille và con rùa là cơ sở để xây

- dựng khái niệm tổng vô hạn, làm tiền đề để phát triển lý thuyết chuỗi và ngành giải tích. (BS)
785. THẢO, Trần Đức [1993c] (1997).
786. HERMAN, D.J. (1993).
787. THẢO, Trần Đức [1958a] (1995).
788. Có sự khác biệt trong nhịp điệu của thời gian giữa thời gian vật lý, thời gian sinh học, thời gian tâm lý, thời gian văn hóa...
789. VŨ, Trần Tri (2008).
790. Tlđđ.
791. Trần Đức Thảo, đã dẫn.
792. THẢO, Trần Đức [1993c] (1997).
793. Nisus: khuynh hướng nỗ lực hiện thực hóa cái mục tiêu đề ra. (BS)
794. Appetitus: khuynh hướng bẩm sinh của một sự vật nhằm giúp chính nó tiếp tục tồn tại và phát triển. (BS)
795. MINH, Hồ Chí (2000). Toàn tập. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia–Sự thật, Tập 9, tr. 589.
796. Bài viết này sử dụng bản dịch tiếng Việt: THẢO, Trần Đức [1993c] (1997).
797. Nguồn: THAO, Trần Đức (1993c).
798. Tonic (hay trương lực, thể chậm), trong sinh lý học, dùng để chỉ trạng thái phản ứng sinh lý chậm. Khái niệm này thường được dùng để đối chọi với trạng thái phản ứng sinh lý nhanh (phasic). Ví dụ, trong giải phẫu, các cơ tonic thì tương phản với các cơ co giật, vốn nhanh hơn và phổ biến hơn. Trong thần kinh học (neurology), các múi thần kinh cảm giác tonic tương phản với các múi thần kinh cảm giác phasic. (Nguồn: Wikipedia) (BS)
799. Phasic (hay pha, thể nhanh), trong sinh lý học, dùng để chỉ trạng thái phản ứng nhanh chóng và mạnh mẽ với kích thích. Phasic có chu kỳ kích thích ngắn và có tính thích ứng nhanh. (Nguồn: Merriam – Webster Dictionary) (BS)
800. Nguồn: LIÊM, Nguyễn Hữu (2004).
801. Hegel, G. F., *Philosophy of History*. Trans. by J. Sibree. The Colonial Press, 1899.

802. W. Whitman, Democratic Vistas. The Little Library of Liberal Arts.
803. HEGEL, G.W.F., The Phenomenology of Mind. Trans. J.B. Baillie. Humanities Press, 1964. Bản dịch Việt Ngữ của Bùi Văn Nam Sơn từ nguyên bản tiếng Đức, Phanomenologie des Geists, đã được xuất bản ở Việt Nam.
804. MARX, K., A Contribution to the Critique of Hegel's Philosophy of Right. Trans. & Edited. by J. O'Malley. Cambridge University Press, 1970.
805. CLEON-SKOUSON, W. (1961), The Naked Communist. Riverton, UT: Ensign Publishing.
806. THAO, Trần Đức (1986a). Bản Việt ngữ: THẢO, Trần Đức [1986a] (2004).
807. Sđd.
808. THẢO, Trần Đức [1958a] (1995).
809. THAO, Trần Đức (1986a).
810. Lý Đông A, Huyết Hoa, Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt, California, 1986.
811. Để có một cái nhìn về lịch sử, chẳng hạn, trên bình diện siêu nghiệm, xin đọc DeMotte, Charles (1977). The Inner Side of History. New York: Source Publications.
812. Nguồn: NGUYỄN, Luân (2013). Bản sử dụng ở đây đã được biên tập một số từ ngữ và thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)
813. Arthur M. Schlesinger (1888–1965): nhà sử học Hoa Kỳ, James V. Schall (1928): nhà triết học, nhà văn và linh mục Hoa Kỳ. (BS)
814. Tác giả có một chút nhầm lẫn. Trên thực tế, Trần Đức Thảo sinh tại Thái Bình.
815. “Très brillante, la démonstration de Thao a le mérite immense de faire rentrer l'évolution des idées et des mythes dans l'évolution d'une Histoire profonde, quy est celle de la propriété, ou mieux encore de l'idée de la propriété”. Nguồn: BARTHES, R. (1951a).
816. Nguồn: GIAO, Nguyễn Ngọc (2012)
817. THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr. 18

818. THẢO, Trần Đức (1991b).
819. THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr. 17, 20.
820. THẢO, Trần Đức [1993c] (2012).
821. Tlđđ.
822. Tlđđ.
823. Nhiều tác giả (1986), Lịch sử phép biện chứng mác-xít, từ khi xuất hiện chủ nghĩa Marx đến giai đoạn Lenin, Nxb. Tiến bộ, Maxcova.
824. Số liệu thực nghiệm.
825. Tlđđ.
826. THẢO, Trần Đức [1993c] (2012).
827. Tlđđ.
828. Tlđđ.
829. Mác, C. & Ph. Ăng-ghe-n (1994). Toàn tập, tập 20. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, tr. 173 – 174.
830. Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô (1956).
831. LUẬT, Phạm Trọng (2004).
832. THẢO, Trần Đức (1988a).
833. Mác, C. & Ph. Ăng-ghe-n (1980). Tuyển tập, Tập 1. Hà Nội: Nhà xuất bản Sự thật, tr. 257.
834. THẢO, Trần Đức (1956b).
835. Mác, C. & Ph. Ăng-ghe-n (1993). Tuyển tập, Tập 5. Hà Nội: Nxb. Sự thật, tr. 164.
836. Mác, C. & Ph. Ăng-ghe-n (1995). Toàn tập, Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, tr. 100.
837. THẢO, Trần Đức (1991f).
838. CHỦ, Cù Huy và Cù Huy Song Hà (2011e).
839. Theo Nguyễn Thanh Giang, khi Phạm Trọng Luật gặp Trần Đức Thảo ở Paris, hỏi về những tác phẩm trước đó của ông, ông chỉ khoát tay và cho xem bản thảo tác phẩm mới. Đó chính là tác phẩm Sự logic của thời Hiện tại sống động. Cũng theo Nguyễn Thanh Giang, năm 1981, ông vô tình nắm điều trị cùng phòng với Giáo sư Trần Đức Thảo tại Bệnh viện Việt – Xô (Trong vụ Nhân văn – Giai phẩm, triết gia thuộc diện “được”... chính

huấn về tư tưởng xã hội chủ nghĩa, phải nhờ sự can thiệp của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, ông mới được điều trị tại đây): “Cả tuần lễ hầu như không có ai vào thăm ông. Ông nằm thui thủi và thường quay mặt vào tường. Thỉnh thoảng lại giơ bàn tay trái lên, nhìn chăm chăm qua kẽ tay lấm bầm một câu tiếng Pháp: “Une goutte d’eau claire est en train de tomber doucement” (Một giọt nước trong suốt đang từ từ rơi). Rồi ông khóc rưng rức, nho nhỏ”.

840. Bài viết này là một ghi chép vội những cảm xúc hình thành ở trong tôi trong quá trình biên soạn cuốn sách này. Do vậy, mong bạn đọc hãy coi bài viết này như là lời gợi mở cho những nghiên cứu so sánh về Jan Patočka và Trần Đức Thảo trong tương lai, đồng thời cũng là một lời gợi ý và sự mong muốn các dịch giả và giới nghiên cứu quan tâm nhiều hơn đến việc dịch và nghiên cứu triết học của Jan Patočka – một trong những nhà triết học tiêu biểu nhất của nền triết học Tiệp Khắc và triết học châu Âu hiện đại.

841. HERMAN, D.J. (1993).

842. THẢO, Trần Đức (1989b).

843. KOJÈVE, A. & Trần Đức Thảo [1948] (2004).

844. THAO, Trần Duc (1948).

845. THẢO, Trần Đức (1956a).

846. THẢO, Trần Đức (1989b).

847. Tlđđ.

848. MARX, K. (1844). *Ökonomisch – philosophische Manuskripte* [Bản thảo kinh tế – triết học]. Nguồn: MARX, K. (1968). *Manuscripts de 1844. Présent.*, trad. et notes de Emile Bottigelli. Paris: Ed. sociales, p. 91. Dẫn theo: THAO, Trần Duc [1946b] (2004).

852. Nguyễn Trung Kiên lược dịch. Nguồn: SPIRE, A. [1993] (2013).

853. Hai ngày sau khi Giáo sư Trần Đức Thảo qua đời, vào ngày Thứ Hai (26/4/1993), báo l’Humanité [Nhân đạo], cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp, đã đăng tin buồn kèm theo một bài báo ngắn về Giáo sư, của nhà báo và nhà triết học mác-xít Arnaud Spire, một nhà báo kỳ cựu trong làng báo chí cánh tả tại Pháp. Bài báo này là một trong những bài đầu tiên, mở đầu một loạt tin, bài trên báo và tạp chí của Pháp và của thế giới

(Le Monde, New York Times...) về Giáo sư Trần Đức Thảo sau khi ông mất, trong đó có số chuyên đề về Giáo sư Trần Đức Thảo của tạp chí Les Temps modernes, vào tháng 11/1993, đăng tải ba chương đầu của tác phẩm gồm bốn chương, được Giáo sư hoàn thành vài ngày trước khi mất tại Paris, La Logique du Présent vivant (Sự logic của thời Hiện tại sống động) (ND).

854. Xuân Lộc dịch. Nguồn: JOVARY, J.-P. (1993).

855. Do tình hình chiến tranh thế giới (ND).

856. Hội nghị do Đảng Cộng sản Pháp khởi xướng, bàn về những khuynh hướng mới của chủ nghĩa Marx, đặc biệt là sự ảnh hưởng của luận phân tâm. Từ đây, bắt đầu xuất hiện sự khác biệt trong khuynh hướng chính trị và tư tưởng giữa các nhà triết học mác-xít và trí thức cánh tả tại châu Âu. (BS)

857. Nguồn: THI, Nguyễn Đình (1993).

858. Nguồn: GIÀU, Trần Văn (1993).

859. Cao thượng. (BS)

860. Nguồn: TRƯỜNG, Hà Xuân (1993).

861. Nguồn: HIỀN, Nguyễn Đức (1993).

862. Nguồn: CHÚ, Nguyễn Đình (1993).

863. Nguồn: HOÀI, Tô (1992), (1999). Tên bài do người biên soạn tạm đặt. (BS)

864. Nguồn: GIAO, Nguyễn Ngọc (2011). Do khuôn khổ của cuốn sách, bản sử dụng ở đây đã lược bớt một số chi tiết trong nguyên bản. (BS)

865. Françoise Corrèze: nhà dân tộc học và sử học Pháp, người bạn lớn của Việt Nam, người bạn thân thiết của hai Giáo sư Trần Đức Thảo và Nguyễn Khắc Viện. Với tình cảm yêu quý và trân trọng văn hóa, văn học và con người Việt Nam, bà đã cộng tác với nhà văn hóa Hữu Ngọc và nhiều chuyên gia của Việt Nam để giới thiệu văn học, ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam tới độc giả Pháp ngữ. Bà cũng là tác giả của nhiều biên khảo công phu về ba nước Đông Dương. Tác phẩm: Anthologie de la littérature populaire du Viêt – nam (Hợp tuyển văn học dân gian Việt Nam), soạn chung với nhà văn hóa Hữu Ngọc. (BS)

866. Laurent Schwartz (1915–2002): nhà toán học Pháp, giải thưởng Field năm 1950, có nhiều đóng góp lớn cho ngành giải tích toán học. (BS)
867. Georges Boudarel (1926–2003): nhà sử học và quân nhân Pháp. Năm 1949, Boudarel bỏ dạy học triết học ở Đà Lạt để gia nhập Việt Minh, được ông Phạm Ngọc Thạch phân công làm việc tại Địch vận Việt Minh. Sau Hiệp định Genève (1954), ông rời Việt Nam sang Tiệp Khắc một thời gian trước khi trở về Pháp đi học và bảo vệ luận án tiến sĩ sử học về Phan Bội Châu. (BS)
868. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2011a), (2011c), (2011d), (2011e), (2011f) (2011g).
869. Ngũ Huyện Khê: một chi lưu của sông Đuống, khởi nguồn từ núi Tam Đảo. (BS)
870. CHỦ, Cù Huy & Cù Huy Song Hà (2012).
871. Tức ông Phạm Văn Đồng.
872. Xem: Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 4. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2000, tr. 387.
873. Nguyễn Duy Trinh: "Phát triển chế độ dân chủ nhân dân và bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân", trong đó có đoạn: "Chúng ta cần cải biến tư tưởng và tác phong cũ, đồng thời xem xét chu đáo tình hình chính trị và quan hệ giai cấp trong nước và nước ngoài hiện nay, để mở rộng sinh hoạt dân chủ một cách đúng mức, có lãnh đạo, nhằm phát huy hơn nữa bản chất tốt của chế độ ta" (Tạp chí Học tập, số 10, tháng 10–1956, tr. 29).
874. THẢO, Trần Đức (1989a).
875. THẢO, Trần Đức (1956b).
876. THẢO, Trần Đức (1956c).
877. THẢO, Trần Đức (1958b).
878. Bộ trưởng Bộ Giáo dục.
879. Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Giáo dục.
880. Tức ông Trường Chinh.
881. Louis Althusser (1918–1990), phụ trách Ban Tuyên huấn của Đảng Cộng sản Pháp.

882. Lucien Sève (1926), phụ trách Nhà xuất bản Xã hội của Đảng Cộng sản Pháp.
883. THAO, Trần Duc [1956a] (1965).
884. Tức quyển Mao Trạch Đông ngữ lục.
885. THẢO, Trần Đức (1964).
886. THẢO, Trần Đức (1991a), (1991b).
887. Gồm các bài: THẢO, Trần Đức (1978a), (1978b), (1978c), (1979).
888. THAO, Trần Duc (1973).
889. THẢO, Trần Đức (1987b).
890. THẢO, Trần Đức (1975b)
891. Tức Trường Chinh.
892. Tức tư duy siêu hình.
893. Tức Cù Huy Chứ.
894. THAO, Trần Duc (1966).
895. THAO, Trần Duc (1969a) (1969b), (1970)
896. Roger Garaudy (1964).
897. DŨNG, Hoàng Quốc (2000). ”Đồng chí Phạm Văn Đồng – người bạn lớn của giới trí thức”. Lê Thọ Bìnhghi. Báo Pháp luật TP. Hồ Chí Minh, ngày 9/5/2000, tr. 3.
898. Năm 1934, Nguyễn Văn Huyền là người Việt Nam đầu tiên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ văn khoa tại Đại học Sorbonne (Paris) với luận án chính “Hát đối đáp nam nữ thanh niên ở An Nam” và luận án phụ “Nhập môn nghiên cứu nhà sàn ở Đông Nam Á”. (Nguồn: Wikipedia) (BS)
899. Ngày 11/7/1993, ít tháng sau khi triết gia Trần Đức Thảo qua đời, nhà thơ Huy Cận đã xúc động viết bài thơ tặng người bạn tâm giao của ông, với tựa đề Nhà triết học và lời đề tặng “Tặng hương hồn Trần Đức Thảo”:
“Anh sinh ra ở miền Kinh Bắc, Đất nước thâm trầm nuôi dưỡng anh, Cha ông sông lằng dòng sâu sắc, Suy ngẫm nhân sinh tập đại thành. Cổ kim suy tưởng ôm hành động, Chân lý rèn trong lửa cuộc đời, Thế kỷ hai mươi hồn mở rộng, Gốc xưa nhựa ấm bật cành tươi. Chao ôi dao động, lòng chao đảo, Ai héo Nhân văn, xấu kiếp người! Đã có giữa đời Trần Đức Thảo, Người ơi vững gót trụ đất trời. Triết nhân tẩn mẫn như con trẻ, Từ tiếng u ơ

tìm lại nguồn, Ngôn ngữ lắng trầm nghìn thế hệ, Giọng người đâu phải tiếng chim muông. Triết nhân có phải tăng nguồn sống, Cho mỗi hồn ta, cho thể nhân, Vất vả đường ai, nhưng gió lộng, Nâng chân muôn dặm bước hài vãn”. Nguồn: KHUÊ, Phan Ngọc (2014). (BS)

900. Báo Nhân dân, thứ Bảy ngày 26/1/1991, số 13240.

901. Do tôi nhấn mạnh (CHC).

902. Alexandre Kojève (1902–1968) là nhà triết học lớn, đã sáng lập ra trường phái Hegel học ở Pháp. Bài giảng của ông về Hegel được coi là giáo trình chính thức của tất cả các trường Đại học Pháp trong nhiều thập kỷ. A. Kojève bao trùm lên nền triết học Pháp đầu thế kỷ XX. Trần Đức Thảo đã viết bài phê bình công trình về Hegel của Kojève; bởi vậy, mới có cuộc trao đổi thư từ trên. Khi ấy Kojève hơn Trần Đức Thảo 15 tuổi. Tham khảo: KIÊN, Nguyễn Trung (2012).

903. Các Mác. Tư bản – Phê phán khoa kinh tế chính trị. Tập thứ 3, Quyển 3, tr. 437 – 438. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987.

904. Tiểu sử tự thuật. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1984b).

906. Nguồn: VŨ, Thái (2007). Do khuôn khổ của cuốn sách, bản sử dụng ở đây là bản tóm lược của nguyên bản. (BS)

907. Cái gì có lý, cái ấy tồn tại, cái gì tồn tại, cái ấy có lý. (BS)

908. Tôi tư duy, vậy tôi tồn tại. (BS)

909. Nguồn: CHÍNH, Nguyễn Đình (2007). Bản sử dụng ở đây có bổ sung một số chi tiết so với nguyên bản. (BS)

910. Nguồn: CHUẨN, Nguyễn Trọng (2013). Bản sử dụng trong cuốn sách này đã được biên tập một số từ ngữ và thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)

911. Thư Trần Đức Thảo gửi Hà Xuân Trường ngày 18/1/1989: “Báo cáo về vấn đề Nhân văn”. Những tài liệu này ông Hà Xuân Trường trao lại cho GS. TS. Trương Gia Long, hiện là Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

912. THẢO, Trần Đức (1951).

913. Thư Trần Đức Thảo gửi Hà Xuân Trường ngày 18/1/1989, tài liệu đã dẫn.

914. Thư Trần Đức Thảo gửi Hà Xuân Trường ngày 15/6/1989, tài liệu đã dẫn.
915. Tlđd.
916. Thư Trần Đức Thảo gửi Hà Xuân Trường ngày 21/8/1989.
917. Tôi cũng không tiện nêu tên.
918. Thư Trần Đức Thảo gửi Hà Xuân Trường, ngày 15/06/1989: “Báo cáo về vấn đề Nhân văn”. Tài liệu đã dẫn.
919. Ví dụ, vấn đề đánh giá học thuyết Freud; vấn đề nguồn gốc loài người...
920. THẢO, Trần Đức (1984b).
921. Nguồn: HÀ, Thu (2006)..
922. Nguồn: KIÊN, Nguyễn Trung (2007a).
923. Nguồn: KIÊN, Nguyễn Trung (2007b). Bản sử dụng trong cuốn sách này này là bản đầy đủ, và có bổ sung, sửa chữa một số chi tiết so với bản đã công bố. (BS)
924. VŨ, Thái (2007).
925. F. Engels, Biện chứng của tự nhiên (dẫn theo Trần Đức Thảo)
926. Lời Trần Đức Thảo trả lời một phóng viên Pháp, sau khi được hỏi: “Người Đông Dương sẽ làm gì khi quân viễn chinh Pháp đổ bộ?”
927. Theo Kinh Thánh.
928. Theo đài Pháp RFI, sáng 28/4/1993, nhà nước Pháp dự kiến mai táng triết gia Trần Đức Thảo tại Nghĩa trang Père Lachaise tại Paris, nơi yên nghỉ của các danh nhân Pháp; nhưng phía Việt Nam đã yêu cầu hỏa táng và đưa tro về nước. Đến tháng 6/1993, Giáo sư Trần Đức Thảo đã được an táng tại Khu A, Nghĩa trang Văn Điển (Hà Nội). Nghĩa trang Père Lachaise được thành lập từ năm 1804. Đây cũng là địa danh khép lại bộ tiểu thuyết Những người khốn khổ của đại văn hào Victor Hugo: Père Lachaise là nơi yên nghỉ của Jean Valjean – người tù khổ sai, chiến binh của Công xã Paris, nhân vật chính của tiểu thuyết. Trên mộ Jean Valjean có đề mấy dòng thơ, mà theo thời gian đã bị “cỏ che, mưa xóa”: Il dort. Quoique le sort fut pour lui bien étrange, Il vivait. Il mourut quand il n’eut plus son ange. La chose simplement d’elle – même arriva, Comme la nuit se fait lorsque le jour s’en

va (Người nơi đây yên nghỉ, Thân thể lăm đặng cay, Vãn cam sống bấy chầy..., Thiên thần một sớm bay, Người chết, đơn giản lăm, Như đêm nối tiếp ngày...) [Rút từ sổ tay của nhà văn Thái Vũ]. (BS)

929. Nguồn: LAN, Hương (2010).

930. Ngày 22 – 23/6/2012, Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm đã tổ chức Hội thảo quốc tế về Giáo sư Trần Đức Thảo, với chủ đề “L’itinéraire de Tran Duc Thao / Phénoménologie et transfert culturel” (Hành trình của Trần Đức Thảo / Hiện tượng luận và Chuyển giao văn hóa). Hội thảo này đã thu hút được nhiều chuyên gia trong ngành triết học và các ngành khoa học xã hội khác tại Pháp, Bỉ và Canada cùng tham dự. Giới thiệu nội dung buổi hội thảo này, tôi hi vọng chúng ta sẽ sớm tập hợp được bản sao của những tham luận tại hội thảo, nhằm tiến hành dịch thuật và xuất bản để giới thiệu với độc giả trong nước trong thời gian gần nhất. Đồng thời, Hội thảo này cũng mở ra cơ hội lớn trong việc thiết lập quan hệ hợp tác Pháp – Việt để xuất bản Tổng tập Trần Đức Thảo trong tương lai. (BS)

931. Giáo sư Jean-François Courtine (sinh năm 1944), là nhà hiện tượng luận và nhà lịch sử triết học. Ông từng giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm (Paris) và là Giám đốc Thư khố Husserl tại Paris từ năm 1987 tới năm 2009. Hiện ông đang giảng dạy về triết học đương đại tại Đại học Paris IV. Email: jean-francois.courtine@paris – sorbonne.fr.

932. Jocelyn Benoist sinh năm 1968, cựu sinh viên trường Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm (Paris), hiện đang giảng dạy triết học tại Đại học Paris 1, và là thành viên của Institut Universitaire de France. Ông hiện đang thỉnh giảng tại Khoa Triết học, Đại học Chicago (Hoa Kỳ). Email: benoist@uchicago.edu.

933. Jérôme Melançon đã bảo vệ luận án tiến sĩ triết học về Maurice Merleau-Ponty, hiện đang giảng dạy triết học tại Đại học Alberta (Canada). Email: jerome.melancon@augustana.ca.

934. Daniel Hémery là sử gia Pháp, chuyên gia hàng đầu về Đông Dương thời kỳ thuộc địa, hiện đang giảng dạy sử học tại Đại học Paris VII.

935. Philippe Papin sinh năm 1967, là sử gia người Pháp. Hiện ông đang công tác tại Viện Viễn Đông Bác Cổ (Hà Nội).

936. Giáo sư Tiến sĩ Trịnh Văn Thảo sinh năm 1938 tại Sài Gòn. Hiện ông đang giảng dạy sử học và xã hội học tại Đại học tổng hợp Aix–Marseilles.
937. Masoud Pourahmadali Tochahi hiện đang giảng dạy Triết học tại Đại học Paris III. Email: mptochahi@yahoo.fr.
938. Daniel Giovannangeli, quốc tịch Bỉ, sinh tại Sài Gòn. Hiện ông đang giảng dạy triết học tại Đại học Liege và là chuyên gia về triết học của Derrida. Email: D.Giovannangeli@ulg.ac.be.
939. Raoul Moati hiện đang giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm (Paris).
940. Alexandre Feron là nghiên cứu sinh về triết học tại Đại học Paris I, dưới sự hướng dẫn của Giáo sư Renaud Barbaras. Ông nghiên cứu mối quan hệ giữa chủ nghĩa Marx và hiện tượng luận trong triết học Pháp, đặc biệt là về những tương đồng và khác biệt trong tư tưởng triết học của Sartre, Merleau–Ponty và Trần Đức Thảo. Email: Alexandre.Feron@univ–paris1.fr.
941. Perrine Simon – Nahum (sinh năm 1960) là sử gia Pháp, bà là nghiên cứu viên tại Trung tâm nghiên cứu khoa học quốc gia Pháp, chuyên nghiên cứu về lịch sử đạo Do Thái và cộng đồng người Do Thái tại Pháp. Email: pnahum@ehess.fr.
942. Hoai Huong Nguyen – Aubert hiện đang là giáo sư trợ giảng về văn học châu Á tại Đại học Versailles – Saint Quentin. Bà nghiên cứu chuyên sâu về văn học so sánh, và mối quan hệ văn hóa giữa phương Tây và vùng Viễn Đông. Email: HoaiHuong.Nguyen–Aubert@iut–velizy.uvsq.fr.
943. Michel Espagne (sinh năm 1952) là nhà ngôn ngữ học Pháp. Ông hiện đang giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm (Paris). Ông nghiên cứu chuyên sâu về quá trình chuyển giao văn hóa giữa hai dân tộc Pháp và Đức. Email: michel.espagne @ens.fr.
944. Nguồn: GIAO, Nguyễn Ngọc (2012).
945. Theo Jocelyn Benoist, tạp chí Les Temps modernes không lưu trữ được tài liệu này. Về phía Trần Đức Thảo, trước khi về nước năm 1952, ông đã trao những bản tốc ký cho ông Nguyễn Văn Chi; rất tiếc ông bà Nguyễn Văn Chi đã từ trần, không có hậu duệ.

946. GIAO, Nguyễn Ngọc (2011).
947. Nguồn: PHƯƠNG, Nguyễn Thụy (2012).
948. Nguồn: ĐẦU, Nguyễn Mạnh (2013). Ngay sau khi Hội thảo khoa học quốc tế “Tư tưởng triết học và giáo dục của Trần Đức Thảo” được tổ chức tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội vào ngày 7/5/2013, Ban tổ chức Hội thảo đã nhận được rất nhiều thư cảm ơn tới lãnh đạo Nhà trường và khoa Triết học. Để cuốn sách thêm phong phú, người biên soạn trân trọng xin phép Ban Tổ chức Hội thảo và tác giả giới thiệu bài viết này. (BS)
949. Bài phản biện bản thảo Triết gia Trần Đức Thảo: Di cảo, Khảo luận, Kỷ niệm (Nguyễn Trung Kiên sưu tầm và biên soạn). Tên bài do người biên soạn tạm đặt. (BS)
950. Giáo sư Bùi Đăng Duy yêu cầu tôi nên cân nhắc khi lựa chọn hướng nghiên cứu của luận án, theo Giáo sư nghiên cứu về phương Tây không thuận lợi vì một bộ phận các nhà khoa học vẫn cho rằng nghiên cứu về phương Tây là xa xỉ phẩm, không gắn với thực tế.
951. ĐÌNH, Trần Thái (2005), tr. 8.
952. Tố Hữu, Tiễn đưa (Bài thơ viết tặng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh tháng 9/1964 trước lúc Đại tướng vào chiến trường miền Nam).
953. Cái gì có lý, cái ấy tồn tại, cái gì tồn tại, cái ấy có lý.
954. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2011a)
955. Xem: ĐỒNG, Lưu Phóng (1994), và: ĐỒNG, Lưu Phóng (2004). Từ những năm 1990, ở Việt Nam đã có chuyển mình tích cực trong nghiên cứu về hiện tượng luận, nhiều luận văn, luận án đã lấy hiện tượng luận làm đề tài như: Nguyễn Trọng Nghĩa (2008), Hiện tượng học của Edmund Husserl và sự hiện diện của nó ở Việt Nam.
956. Trong bản tự thuật 1987, Trần Đức Thảo viết: “Sartre mời tôi trao đổi ý kiến vì ông muốn chứng minh rằng chủ nghĩa hiện sinh rất có thể cùng tồn tại hòa bình với học thuyết Marx. Sartre không hiểu giá trị chủ nghĩa Marx về chính trị và lịch sử xã hội, ngay cả ý nghĩa triết học Marx, ông cũng không hiểu một cách nghiêm túc. Ông đề xuất một sự phân chia khu vực ảnh hưởng. Chủ nghĩa Marx có thẩm quyền chừng mực nào đó về các vấn đề xã hội, còn chỉ có chủ nghĩa hiện sinh mới khả dĩ có giá trị về mặt

triết học. Tôi chỉ ra rằng cần hiểu nghiêm túc đầy đủ ý nghĩa triết học của chủ nghĩa Marx. Trong bài nói chuyện thứ 5 về những vấn đề cơ bản của triết học, mối quan hệ giữa ý thức và vật chất đã khai thông sự suy xét một vấn đề chủ yếu. Sartre không biết rõ những điều mới lạ của Husserl. Do đó mà cuộc nói chuyện phải chấm dứt”.

957. Là khái niệm nổi bật của chủ nghĩa hiện sinh và là mục đích hướng tới của chủ nghĩa hiện sinh hướng tới trong quan niệm về con người. Xem: DŨNG, Nguyễn Tiến (1999).

958. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2011a).

959. Tác giả thêm vào.

960. Nguồn: GIÀU, Trần Văn (1993).

961. Lênin đã để lại một nhận xét có tính phương pháp luận:” Chủ nghĩa duy tâm thông minh gần với chủ nghĩa duy vật thông minh hơn chủ nghĩa duy vật ngu xuẩn”. V. I. Lê-nin (1981), Toàn tập. Nxb. Tiến bộ, M., t. 29, tr. 293.

962. “Đừng bao giờ nói là điều không thể vì không ai biết giới hạn tận cùng của khả năng” (William James).

963. Nguồn: CHÚ, Nguyễn Đình (1993).

964. TS. Cù Huy Chử viết: “Trần Đức Thảo không bao giờ tự vừa lòng với những gì ông đã sáng tạo, đã công hiến. Có lẽ vì vậy trong cuộc sống, ít nhiều ông cảm thấy cô đơn”. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2011a).

965. Nguồn: DŨNG, Nguyễn Tiến (2003).

966. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2011a).

967. Nguồn: VŨ, Anh (2013).

Nguồn: KIÊN, Nguyễn Trung (2016). Các tài liệu tham khảo chính:

ALEXANDER, J.C. & P. Smith (eds.) (2005); AMERIKS, K. (ed.) (2000); AUDI, R. (1999); BALDWIN, T. (ed.) (2003); BARING, E. (2011);

BEANEY, M. (ed.) (2013); BEISER, F.C. (ed.) (1993); BEISER, F.C. (ed.) (2008); BENSUSSAN, G. & G. Labica (1985); BIDET, J. & S. Kouvelakis (eds.) (2008); BIRD, G. (ed.) (2006); BOUNDAS, C.V. (ed.) (2007);

BRADATAN, C. & S.A. Oushakine (eds.) (2010); BORCHERT, D.M.

(eds.) (2006); BROWN, S. & D. Collinson (eds.) (1995); BROWN, S., et al

(eds.) (1998); BUNNIN, N. & E. P. Tsui–James (eds.) (2003); BUNNIN, N. & J. Yu (2004); CARD, C. (ed.) (2003); CARVER, T. (ed.) (1991); CHAMBERLAIN, L. (2007); CHRISTIAN, J. L. (2012) CHỦ, Cù Huy (2007); COLETE, J. (2011); COLLISON, D. & K. Plant (2006); COCHRAN, M. (ed.) (2010); CRAIG, E. (ed.) (2005); DIREK, Z. & L. Lawlor (eds.) (2014); DOSSE, F. [1992] (1997); DOSTAL, R.J. (ed.) (2002); DREYFUS, H.L. & M.A. Wrathall (eds.) (2005), (2006); EMBREE, L., et al (eds.) (1997); EMBREE, L. (2006); FROLOV, I. (ed.) [1967] (1984); GRIFFITHS, A.P. (1987); GUIGNON, C.B. (ed.) (1993); GUTTING, G. (ed.) (2005); GUYER, P. (ed.) (2006); HANNAY, A. & G.D. Marino (eds.) (1998); HONDERICH, T. (ed.) (2005); HOULGATE, S. & M. Baur (eds.) (2011); HUSSERL, E.[1929] (2011); JAMES, I. (2012); JARCZYK, G. & P.-J. Labarrière (1996); KHOA, Lê Xuân (2011); KLEINBERG, E. (2005); LAWLOW, L. (2012); LOEWER, B. & J. Schaer (eds.) (2015); LU T, Ph m Tr ng (2006); LUFT, S. & S. Overgaard (eds.) (2012); MAGNUS, B & K. Higgins (eds.) (1996); MALPAS, S. & P. Wake (eds.) (2006); MARTINICH, A.P. & D. Sosa (eds.) (2001); MILKOV, N. (2003); MORAN, D. (2008); MULLARKEY, J. & B. Lord (eds.) (2009); NADLER, S. (ed.) (2002); NAM, T.Q. (2013); NEU, J. (ed.) (1991); PEARSON, K.A. (ed.) (2006); PEDEN, K. (2014); POIDEVIN, R.L., et al (eds.) (2009); PHƯƠNG, Hu nh Nh (2008); PROTEVI, J. (2003); PROUDFOOT, M. & A.R. Lacey (2010); RABATÉ, J.-M. (ed.) (2003); RICKETTS, T. & M. Potter (eds.) (2010); ROCKMORE, T. (1995); RUNES, D. D. (ed.) (1942); RUSH, F.R. (ed.) (2004); QUÂN, ng Phùng (2004), (2010); RUTHERFORD, D. (ed.) (2006); SCHRIFT, A.D. (2006); SCOTT, C.E., et al (eds.) (2001); SHOOK, J.R. & J. Margolis (eds.) (2006); SLUGA, H.D. & D.G. Stern (eds.) (1996); SMITH, D.W. & H. Somers-Hall (eds.) (2012); SMITH, D.W. (2007); SMITH, S.B. (ed.) (2009); SOAMES, S. (2003), (2014); STEWART, J. (2010); STROLL, A. (2000); TYMIENIECKA, A.-T. (ed.) (2009); VANDENABEELE, B. (ed.) (2012); WALL, S. (ed.) (2015); WICKS, R. (2003); WIKIPEDIA (2006–2016); WOHL, R. (1979); WRATHALL, M.A. (2006); WHITE, S.K. (ed.)

(1995); WICKS, R. (2003); YOUNG-EISENDRATH, P. & T. Dawson (eds.) (2008); ZALTA, E.N. (ed.) (2002).

Friedrich Nietzsche (1844 – 1900): nhà triết học Đức gốc Ba Lan, đồng thời là nhà phê bình văn hóa, nhà thơ, nhà soạn nhạc, học giả về La-tinh và Hy Lạp. Sinh ra trong gia đình Tin Lành ngoan đạo, sớm mồ côi cha, ông đã phải nếm trải một cuộc đời đầy nhọc nhằn: nghèo túng, cô đơn, bệnh tật, đau khổ, bị phủ định và bị chối từ... Ông chịu ảnh hưởng bởi chủ nghĩa bi quan trong triết học của Schopenhauer, kết thân với nhà soạn nhạc vĩ đại Richard Wagner và chịu nhiều ảnh hưởng bởi Wagner. Với tuyên bố “Thượng đế đã chết” nhằm phủ định những nền tảng cơ bản của đạo đức Ki-tô giáo, cho rằng đó là nền đạo đức của kẻ hèn yếu, thù ghét và sợ hãi sức mạnh, sự kiêu hãnh và sự tự khẳng định, Nietzsche đã giúp hồi sinh chủ nghĩa thế tục thời kỳ Khai Sáng trong diễn trình triết học của thế kỷ XX. Ông để lại nhiều tác phẩm gây nhiều tranh cãi về các đề tài tôn giáo, luân lý, triết học, khoa học..., đồng thời tạo ra các khái niệm mới mẻ như ý chí quyền lực, đạo đức chủ nô-nô lệ, siêu nhân... Các tư tưởng triết học chính của ông được tập hợp trong tác phẩm ông xuất bản năm 1883, *Also sprach Zarathustra* [Zarathustra đã nói như thế]. Với quan điểm chống chủ nghĩa bài Do Thái và chủ nghĩa dân tộc Đức, ông là một trong những triết gia có ảnh hưởng lớn nhất tới nhiều trường phái, khuynh hướng lớn của triết học hiện đại, đặc biệt là trong truyền thống triết học lục địa như chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa hậu hiện đại, luận phân tâm... Nhà triết học Richard Rorty từng tuyên bố: toàn bộ triết học thế kỷ XX là triết học của “kỷ nguyên hậu-Nietzsche”.

Các thông tin về tiểu sử trong phần này chủ yếu được tham khảo từ các nguồn: AUDI, R. (ed.) (1999); BALDWIN, T. (ed.) (2003), BROWN, S., et al (eds.) (1998), HONDERICH, T. (ed.) (2005), và SCHRIFT, A.D. (2006). Tác phẩm này cùng những tác phẩm quan trọng khác (nguyên bản và bản dịch) đều có thể được tìm thấy trên các Cơ sở dữ liệu sách điện tử miễn phí trên mạng Internet, trong đó phong phú nhất có lẽ là trang Book4You (www.book4you.org). Trang Web này cũng lưu trữ bản dịch tiếng Anh hai tác phẩm của Giáo sư Trần Đức Thảo, *Phénoménologie et Matérialisme*

Dialectique, do Daniel J. Herman và D. V. Morano dịch, với tựa đề Phenomenology and Dialectical Materialism; và tác phẩm Recherches sur l'origine du langage et de la conscience, do Daniel J. Herman và R. L. Armstrong dịch, với tựa đề Investigations into the Origin of Language and Consciousness. Ngoài ra, các tác phẩm được giới thiệu trong bản Biên niên sự kiện này và phần Tài liệu khuyến nghị đọc thêm ở cuối sách cũng được cập nhật thường xuyên trên tài khoản Google Drive của cuốn sách này. (Địa chỉ: drive.google.com, Username: tdthaoreading; Password: 19171993).

Friedrich W. J. Schelling (1775–1854): nhà triết học Đức, bạn học thời đại học, và sau này là người đối đầu về tư tưởng với Hegel. Cuối đời, ông sáng tác nhiều tác phẩm về huyền thoại học và tôn giáo học. Tác phẩm Naturphilosophie [Triết học tự nhiên] của ông đánh dấu bước phát triển quan trọng của chủ nghĩa duy tâm Đức.

Bertrand Russell (1872–1970): nhà triết học, logic học, toán học, sử học, nhà phê bình xã hội và nhà hoạt động chính trị người Anh. Xuất thân trong gia đình quý tộc lâu đời, ông là một trong những người ủng hộ nền hòa bình, tự do dân chủ, giải trừ vũ khí hạt nhân và chống chủ nghĩa đế quốc nổi bật nhất của thế kỷ XX. Chịu ảnh hưởng lớn bởi Gottfried Leibniz, ông được coi là một trong ba trụ cột của truyền thống triết học phân tích, cùng với Gottlob Frege và Ludwig Wittgenstein. Ông cùng với G. E. Moore tham gia tích cực vào “cuộc nổi dậy chống lại chủ nghĩa duy tâm”, để lại ảnh hưởng lớn tới chủ nghĩa thực chứng logic của Nhóm Vienna sau này. Ông xem logic hình thức và khoa học là các công cụ cơ bản của triết học. Các tác phẩm của ông ảnh hưởng sâu rộng tới các ngành triết học về toán học, triết học ngôn ngữ, nhận thức luận, siêu hình học, đạo đức học, logic học, toán học, logic toán, lý thuyết tập hợp, ngôn ngữ học, khoa học máy tính, khoa học nhận thức, trí tuệ nhân tạo... Ông cũng nổi tiếng với những phê phán đối với chủ nghĩa phát-xít và chủ nghĩa toàn trị của Stalin. Ông cùng với Jean–Paul Sartre ngồi ghế chánh án trong phiên tòa xét xử tội ác trong chiến tranh Việt Nam. Ông được trao giải thưởng Nobel văn chương

năm 1950 vì các tư tưởng nhân văn và sự đấu tranh cho tự do tư tưởng của con người.

Édouard Le Roy (1870 – 1954): nhà triết học Pháp. Ông nghiên cứu triết học sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ toán học. Là bạn của Teilhard de Chardin và Henri Bergson, ông đã được Bergson chỉ định kế nhiệm chức Chủ nhiệm Khoa Triết học Hy Lạp và La-tinh tại Collège de France. Kế thừa tư tưởng của Bergson, Le Roy đã nghiên cứu sâu về mối quan hệ giữa khoa học và luân lý – những ý tưởng được định hình trong quá trình thảo luận với các nhà khoa học lớn cùng thời với ông như Henri Poincaré và Pierre Duhem. Ông cũng có nhiều đóng góp cho ngành triết học về tôn giáo.

Giuseppe Peano (1858 – 1932): nhà toán học và logic học người Ý, tác giả của hơn 200 cuốn sách và công trình nghiên cứu về toán học và logic học. Ông là người đưa ra hệ tiên đề cho dãy số tự nhiên, ngày nay mang tên hệ tiên đề Peano. Ông cũng là người đi tiên phong trong việc truyền bá logic ký hiệu.

Wilhelm Dilthey (1833–1911): nhà sử học, tâm lý học, xã hội học và triết học người Đức, từng làm Chủ nhiệm Khoa Triết học tại Đại học Berlin. Ông sớm nhận ra những hạn chế của việc ứng dụng thực chứng luận trong khoa học xã hội và nhân văn. Ông ủng hộ chủ nghĩa kinh nghiệm và phê phán chủ nghĩa duy tâm. Ông nỗ lực xây dựng phương pháp luận thống nhất cho các khoa học tinh thần, xác lập nên trường phái lịch sử tinh thần, hay triết học văn hóa, vì ông tin rằng phương pháp khoa học tự nhiên không thích hợp với các khoa học xã hội-nhân văn. Theo ông, vì ngôn ngữ là sự diễn tả trọn vẹn nhất về đời sống nội tâm của con người, nên ngôn ngữ nói chung và thông diễn học nói riêng là một công cụ quan trọng nhất của các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Ông có ảnh hưởng lớn đến các nhà triết học hiện sinh thế hệ sau, đặc biệt là Heidegger.

Edmund Husserl (1859–1938): nhà triết học và toán học Đức, gốc Do Thái. Thời trẻ, ông theo học toán học với Karl Weierstrass và triết học với Franz Brentano & Carl Stumpf, bảo vệ luận án tiến sĩ toán tại Đại học Halle, rồi giảng dạy triết học tại các Đại học Göttingen và Freiburg. Thời gian đầu, ông nỗ lực kết hợp toán học với tâm lý học và triết học để tạo ra nền tảng

mới, chắc chắn hơn cho toán học. Sau nhiều năm nghiên cứu để tiếp thu tiến bộ và phê phán hạn chế của các ngành toán học, logic học, lý thuyết về tri thức, bản thể luận, tâm lý học mô tả..., tiếp thu triết học Kant và khái niệm ý hướng tính (intentionality) của Franz Brentano, Husserl đã hình thành và phát triển hiện tượng luận (phenomenology), trên cơ sở phê phán chủ nghĩa tâm lý & chủ nghĩa duy sử, cũng như sự đoạn tuyệt với định hướng thực chứng trong khoa học và triết học của thời đại mình, qua đó đưa triết học trở thành một khoa học chính xác, với lời kêu gọi: “Quay trở về với chính sự vật”. Các tác phẩm của Husserl nỗ lực xác định nên cấu trúc lý tưởng và thiết yếu của ý thức, nhằm nhận thức một cách đầy đủ và chính xác nhất về bản chất của tất cả các sự vật, hiện tượng. Ông nỗ lực kết hợp triết học duy chủ thể và triết học duy nghiệm để hoàn thiện hiện tượng luận nhằm khẳng định hai luận đề quan trọng: 1) ý thức bao giờ cũng là ý thức về một cái gì đó; và 2) đối tượng bao giờ cũng là đối tượng cho một ý thức nào đó. Phương pháp của ông là “cho vào ngoặc đơn” các dữ kiện của ý thức bằng cách để lơ lửng mọi tri giác, đặc biệt những tri giác rút tĩa từ “điểm quan sát mang tính tự nhiên chủ nghĩa”. Từ đó, ông kết luận rằng ý thức không có đời sống tách biệt với các đối tượng được nó xem xét. Trong các tác phẩm về sau, ông chuyển hướng sang chủ nghĩa duy tâm và không chấp nhận quan điểm cho rằng các đối tượng hiện hữu bên ngoài ý thức. Phương pháp quy giản hiện tượng luận do ông đề xuất đã trở thành nền tảng để thiết lập các tư tưởng mới trong triết học và logic học hiện đại. Các tư tưởng của ông về tính ý hướng đã góp phần khắc phục những hạn chế của chủ nghĩa nhị nguyên của Descartes về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Ông xây dựng và hoàn thiện một loạt khái niệm quan trọng của hiện tượng luận như trực giác bản chất, ý thức về thời gian hướng nội, hiện tại sống động, thế giới-đời sống..., qua đó mở ra nhiều hướng nghiên cứu mới cho triết học và khoa học để thâm nhập sâu hơn vào thế giới tinh thần của con người hiện đại, nắm bắt và mô tả cơ cấu của ý thức cá nhân ở tất cả những hình thức hoạt động thực tiễn đa dạng, và khách quan hóa nó trong đời sống xã hội. Để lại cho hậu thế khoảng 40.000 trang bản thảo, ông trở thành một trong số các nhà triết học vĩ đại có ảnh hưởng nhất trong thế kỷ

XX, ảnh hưởng sâu đậm đến không chỉ các trường phái, khuynh hướng, trào lưu trong triết học đương đại, mà còn tới tâm lý học phân tích, khoa học nhận thức, trí tuệ nhân tạo... Một số triết gia thế hệ sau chịu ảnh hưởng của ông gồm Heidegger, Fink, E. Lévinas, J.-P. Sartre, Merleau-Ponty, G. Marcel, Trần Đức Thảo...

Alexander Pfänder (1870–1941): nhà hiện tượng luận Đức, một trong những sáng lập viên của Nhóm hiện tượng luận Munich. Chịu ảnh hưởng của Schopenhauer và Nietzsche, ông sử dụng những tiến bộ trong nghiên cứu tâm lý học để phát triển hiện tượng luận theo hướng mới, khác biệt với hiện tượng luận tiên nghiệm của Husserl. Các bài giảng của ông trong nhiều thập niên tại Đại học Munich và các đại học lớn của châu Âu đã góp phần hoàn thiện nền móng cho hiện tượng luận, logic, nhận thức luận cũng như bộ môn tâm lý học hiện tượng luận (phenomenological psychology), và để lại ảnh hưởng đến các triết gia thế hệ sau như H. Spiegelberg, Karl Schuhmann, Paul Ricoeur...

Eduard von Hartmann (1842–1906): nhà triết học Đức. Ông để lại nhiều nghiên cứu giá trị về siêu hình học, đạo đức học và mỹ học. Gọi triết học của mình là chủ nghĩa duy thực tiên nghiệm (transcendental realism), trên tinh thần kế thừa triết học thực chứng của Schelling, đồng thời phê phán những hạn chế trong siêu hình học của Hegel và Schopenhauer, ông đưa ra nhiều kiến giải mới mẻ về sự tiến hóa của ý thức và vai trò của cái vô thức trong quá trình tiến hóa của loài người, qua đó ảnh hưởng tới tư tưởng của Freud và trường phái tâm lý học Zurich. Cho rằng cái ác là cần thiết cho sự tồn tại, và hạnh phúc của con người là một ảo tưởng không thể đạt được, triết học của ông chịu ảnh hưởng bởi chủ nghĩa bi quan.

Max Scheler (1874–1928): nhà triết học đạo đức và triết học xã hội người Đức, gốc Do Thái. Ông giảng dạy triết học tại nhiều trường đại học lớn của Đức và thỉnh giảng tại nhiều nước trên thế giới. Tư tưởng triết học của ông được định hình trên cơ sở tổng hợp những nội dung tiến bộ của đạo đức học, siêu hình học, nhận thức luận, tôn giáo học, xã hội học về tri thức..., qua đó tạo ra dấu ấn lớn trong triết học Đức hiện đại nói riêng và châu Âu nói chung, mặc dù các tác phẩm của ông bị cấm suốt thời kỳ phát-xít Đức

lên cầm quyền. Scheler đã tạo dựng những nền tảng quan trọng để Husserl tiếp thu nhằm phát triển hiện tượng luận lên tầm cao mới. Đưa ra những phê phán gay gắt đối với hiện tượng luận của Husserl, nghi ngờ tuyên bố của Husserl cho rằng hiện tượng luận sẽ giúp triết học trở thành một khoa học chính xác, Scheler khẳng định hiện tượng luận của Husserl cần được củng cố bởi các định luật nghiêm ngặt của logic học trước khi trở thành nền tảng cho các khoa học định lượng và khoa học nhân văn. Các quan điểm triết học về đời sống của Scheler (về ý nghĩa của sự hiện hữu làm người, về giá trị và về tình cảm yêu/ghét...), trên tinh thần kế thừa tư tưởng triết học của Plato và đạo đức Thiên Chúa giáo (yêu thương đồng nghĩa với cho đi), đã ảnh hưởng lớn tới các nhà triết học hiện sinh thế hệ sau. Ông cũng để lại nhiều công trình giá trị về các hiện tượng tâm lý của con người (oán giận, xấu hổ, khiêm tốn, lòng sùng kính...), về luân lý trong chính trị, và về bản chất của chủ nghĩa tư bản... Một số công trình cuối đời của ông về nhân chủng triết học (philosophical anthropology) - một bộ môn mà ông chủ xướng, kế thừa những thành tựu lớn của các ngành khoa học như sinh học, tâm lý học, xã hội học... nhằm mô tả tiến trình vĩ đại, tự diễn ra từ từ để hình thành nên sự thống nhất của con người và định mệnh con người trong vũ trụ, đã góp phần khẳng định các giá trị tiến bộ phổ quát của nhân loại, đồng thời phê phán quan điểm cực đoan của Nietzsche về diễn trình tư tưởng của loài người. Husserl từng tuyên bố rằng tất cả các triết gia của thế kỷ XX đều “mắc nợ” với tư tưởng triết học của Scheler.

Karl Vorländer (1860–1928): nhà triết học Đức thuộc trường phái Kant mới Marburg, và là một chuyên gia hàng đầu về triết học Kant. Ông ủng hộ phong trào xã hội chủ nghĩa theo hướng dân chủ xã hội.

Émile Boutroux (1845–1921): nhà triết học Pháp xuất sắc, có nhiều đóng góp trong triết học về khoa học và triết học về tôn giáo. Chịu ảnh hưởng của triết học cổ điển Đức, ông đã phát triển tư tưởng của Kant trong những công trình triết học về khoa học của mình. Ông phản đối chủ nghĩa duy vật trong khoa học, đồng thời kêu gọi sự “hòa giải” giữa khoa học và tôn giáo.

Henri Bergson (1859–1941): nhà triết học, nhà văn Pháp, gốc Do Thái, Giải thưởng Nobel Văn chương năm 1927. Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ triết học tại

Đại học Sư phạm phố d'Ulm ở tuổi 22, ông giảng dạy triết học một thời gian trước khi bắt đầu khởi thảo một loạt ý tưởng triết học quan trọng. Ông là người khởi xướng “triết học tiến trình”, vốn phản bác những giá trị tĩnh tại và ủng hộ những giá trị của sự vận động, thay đổi và tiến hóa. Ông cũng phát triển thuyết “trực giác”, một luận thuyết ảnh hưởng lớn đến triết học và văn chương. Ông cho rằng sự tiến hóa không đơn giản là quá trình thích ứng cơ học thụ động của các cá thể đối với môi trường sống, mà là một quá trình sáng tạo có định hướng. Việc nắm bắt và hiểu cuộc sống không chỉ dựa vào tư duy logic và phương pháp phân tích lí tính. Theo ông, chỉ có bằng lí hội trực giác mới nắm được hiện thực, phải phân biệt “thời gian toán học” đo bằng đồng hồ và “thời gian trực cảm” (duree) của đời sống nội tâm luôn luôn vận động trong một chỉnh thể thống nhất. Về quan niệm sự sống, ông chủ trương thuyết sức sống, “sự tiến hóa sáng tạo” mà cơ sở là “đà sống” (élan vital). Nhờ William James, các tác phẩm triết học xuất sắc của Bergson bắt đầu được biết đến và đánh giá cao tại Anh và Hoa Kỳ. Bergson đã đưa vào triết học cảm hứng và sự quan tâm đến giá trị và tính duy nhất không thể thay thế của cá nhân con người.

Émile Durkheim (1858 – 1917): nhà xã hội học Pháp, đặt nền móng xây dựng chủ nghĩa chức năng (functionism) và chủ nghĩa cấu trúc (structuralism), đóng góp lớn cho sự phát triển của xã hội học và nhân chủng học. Những nỗ lực của ông đã giúp xã hội học trở thành một môn khoa học xã hội được chấp nhận trong giới hàn lâm. Ông đã thuyết trình và xuất bản nhiều công trình về các chủ đề như giáo dục, tội phạm, tôn giáo, tự tử và nhiều mặt khác của xã hội.

Lucien Lévy-Bruhl (1857 – 1939): nhà triết học, xã hội học và nhân chủng học người Pháp. Ông để lại nhiều nghiên cứu đặc biệt giá trị về nhân chủng học và dân tộc học thời kỳ nguyên thủy, trong đó có nhiều tác phẩm được đánh giá cao hơn cả Claude Lévi-Strauss. Ông từng cộng tác với nhà xã hội học Émile Durkheim. Ông để lại nhiều ảnh hưởng đến Carl Jung.

Jules de Gaultier (1858 – 1942): nhà triết học Pháp, chịu ảnh hưởng của Schopenhauer và Nietzsche.

Léon Brunschvicg (1869–1944): nhà triết học duy tâm người Pháp. Ông giảng dạy triết học tại Đại học Sorbonne trong giai đoạn 1909–1940. Cùng với Henri Bergson, ông có ảnh hưởng đặc biệt tới triết học Pháp trong khoảng ba thập niên đầu tiên của thế kỷ XX. Những công trình nghiên cứu của ông về triết học của Pascal, Spinoza và Descartes đã đưa chủ nghĩa duy tâm tại Pháp phát triển lên tầm cao mới. Ông cũng có nhiều khảo cứu giá trị trong triết học về khoa học và triết học về tôn giáo.

Sigmund Freud (1856 – 1939): bác sĩ thần kinh và nhà tâm lý học người Áo. Sau khi nghiên cứu về chứng liệt não, chứng mất ngôn ngữ và giải phẫu thần kinh vi mô tại Bệnh viện Đa khoa Vienna, ông bảo vệ luận án tiến sĩ, bắt đầu giảng dạy đại học và xây dựng những nền móng đầu tiên của luận phân tâm. Để hoàn thiện kỹ thuật phân tích tâm lý, một phương pháp lâm sàng để điều trị các bệnh rối loạn tâm thần bằng cách tiến hành các cuộc đối thoại giữa bệnh nhân và nhà phân tâm, Freud đã phát triển nhiều kỹ thuật trị liệu mới mẻ, đặc biệt là kỹ thuật tự do liên tưởng. Việc tái xác lập vai trò của tính dục trong thời kỳ thơ ấu đã giúp ông hoàn thiện khái niệm phức cảm Oedipe - một khái niệm nền tảng của luận phân tâm. Phân tích của ông về giấc mơ như là sự giải tỏa uẩn ức được hình thành bởi các mong muốn chưa được thỏa mãn đã giúp ông xác lập nên các mô thức để phân tích lâm sàng về sự hình thành và cơ chế của hiện tượng dồn nén tâm lý, qua đó giúp ông hoàn thiện lý thuyết về cái vô thức. Ông phát hiện ra sự tồn tại của libido - xung năng tính dục được cấu thành bởi các yếu tố sinh học, tâm lý và xã hội, giúp hình thành tình cảm luyến ái, sự thèm khát nhục dục cũng như các triệu chứng loạn thần kinh chức năng. Ông chia sự phát triển của libido ở người thành năm giai đoạn: 1,5-3 tuổi (khoái cảm khi bú mẹ); 3-5 tuổi (khoái cảm khi trẻ đi đại tiện); 5-7 tuổi (khoái cảm trẻ thơ khi con trai thì yêu mẹ và con gái thì yêu bố); 7-12 tuổi (cảm giác thích những bạn khác giới); sau 12 tuổi (khoái cảm nhục dục). Trong các tác phẩm cuối đời, ông đưa ra nhiều phê phán sắc sảo về tôn giáo và văn hóa. Mặc dù tạo ra nhiều tranh cãi quyết liệt, nhưng luận phân tâm của Freud đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của triết học và khoa học xã hội-nhân văn

trong các thập niên sau, và giúp ông trở thành một trong những nhà tư tưởng có ảnh hưởng nhất của thế kỷ XX.

FREUD, S. [1900] (2005). Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ. Nguyễn Hữu Tâm và cộng sự dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

Carl Jung (1875–1961): bác sĩ tâm thần và nhà tâm lý học trị liệu người Thụy Sĩ. Ông sáng lập trường phái Tâm lý học phân tích, trong đó có nhiều khác biệt so với luận phân tâm của Freud. Khái niệm cốt lõi của tâm lý học phân tích là cá tính hóa - một tiến trình tâm lý tích hợp các mặt đối lập, trong đó có cả hữu thức và vô thức, đồng thời vẫn duy trì sự độc lập tương đối của các mặt đối lập ấy. Ông coi cá tính hóa đóng vai trò trung tâm trong sự phát triển của con người. Tuy không phải là người đầu tiên nghiên cứu về giấc mơ nhưng ông đã có nhiều phát kiến quan trọng trong lĩnh vực này. Ông xây dựng nhiều khái niệm quan trọng như archetype (cổ mẫu);

introvert–extrovert (hướng nội – hướng ngoại), mid–life crisis (khủng hoảng tuổi trung niên)... Các tác phẩm của ông đã ảnh hưởng lớn tới triết học, nhân chủng học, khảo cổ học, văn chương và nghiên cứu tôn giáo.

Harald Høffding (1843-1931): nhà triết học Đan Mạch, chịu ảnh hưởng của Kant, Kierkegaard, Auguste Comte và Herbert Spencer. Ông theo chủ nghĩa vị lợi Anh và ủng hộ chủ nghĩa nhân văn tự do. Các tác phẩm của ông đề cập đến nhiều vấn đề rộng lớn của triết học và tâm lý học. Về nhận thức luận, ông chịu ảnh hưởng của toán học và cơ học cổ điển.

Kazimierz Twardowski (1866–1938): nhà triết học và logic học Ba Lan. Ông từng là học trò của Franz Brentano tại Đại học Vienna trước khi về nước thành lập Trường phái triết học Lvov–Warsaw, với sự tham gia của các nhà triết học hàng đầu như Roman Ingarden... Ông đóng góp nhiều trong việc phát triển ngành tâm lý học tại Ba Lan.

Benedetto Croce (1866–1952): nhà triết học duy tâm người Ý. Ông xuất thân trong gia đình Công giáo giàu có và đầy thế lực. Ông chịu ảnh hưởng của Hegel và các nhà duy tâm Đức từ thời trẻ. Ông xem tôn giáo là một thể chế mà qua đó sức mạnh sáng tạo của con người được thể hiện. Ông nỗ lực “hòa giải” những xung đột giữa chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý bằng cách nhấn mạnh vai trò của trải nghiệm cá nhân. Cho rằng triết học là

một khoa học về tinh thần, ông đề nhiều khảo cứu giá trị về triết học, logic học, mỹ học và lịch sử. Tư tưởng tự do của ông đã ảnh hưởng lớn đến giới trí thức Ý thế hệ sau, trong đó có Antonio Gramsci.

Aleksey Khomyakov (1804-1860): nhà thần học, triết học và nhà thơ Nga. Theo ông, phương Tây đã thất bại trong việc giải quyết các vấn đề tinh thần của con người bởi nó đề cao cạnh tranh thay vì hợp tác. Tư tưởng của ông ảnh hưởng lớn đến Giáo hội Chính thống giáo Nga và các triết gia, văn nghệ sĩ thế hệ sau như Dostoyevsky, Solovyov. Herzen...

Vasilii Vasil'evich Rozanov (1856-1919): nhà triết học, nhà phê bình tôn giáo và văn hóa người Nga. Ông từng phải nếm trải nhiều đau khổ trong hôn nhân và đời sống gia đình: ông kết hôn với Appolinaria Suslova, hơn ông 24 tuổi và từng là tình nhân của Dostoevsky, và mặc dù không cùng chung sống với Suslova kể từ năm 1887, nhưng vì bà không đồng ý ly dị với ông, nên ông phải cưới người vợ thứ hai, Varvara Butiagina, trong bí mật, và các con của ông với Butiagina không được Nhà thờ Chính thống giáo của Nga thừa nhận. Là một trong số những triết gia tiên phong chống lại chủ nghĩa nhị nguyên của Descartes, ông đề xuất các luận điểm mới mẻ về nhận thức luận trên cơ sở “hòa giải” giữa khoa học và triết học. Ông để lại nhiều tác phẩm giá trị về “siêu hình học về tính dục”, nhấn mạnh các giá trị tinh thần của đời sống tính dục. Các tác phẩm triết học của ông bị quên lãng trong thời gian dài và mới chỉ giành lại được sự quan tâm của cộng đồng triết học kể từ cuối thập niên 1980.

Rosa Luxemburg (1871–1919): nhà triết học mác-xít, nhà kinh tế học và nhà cách mạng người Đức gốc Ba Lan, theo đạo Do Thái. Bà là đảng viên của Đảng Xã hội Dân chủ và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Đức. Thông qua những phê phán sâu sắc đối với chủ nghĩa Marx-Lenin và chủ nghĩa xã hội, bà nỗ lực đưa chủ nghĩa Marx–Lenin theo hướng dân chủ xã hội, qua đó ảnh hưởng lớn đến phong trào cánh tả trên thế giới.

PLATO & XENOPHON (2006). Socrates tự biện. Nguyễn Văn Khoa dịch, tiểu dẫn, chú thích. Hà Nội: Nxb. Tri thức; PLATO (2011). Đối thoại Socratic 1. Nguyễn Văn Khoa dịch, chú giải và dẫn nhập. Hà Nội: Nxb. Tri

thức; PLATO (2013). Ngày cuối trong đời Socrates. Đỗ Khánh Hoan dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới & Công ty Sách Alpha.

Paul Deussen (1845–1919): nhà triết học và học giả về phương Đông người Đức. Là học trò của Schopenhauer và bạn của F. Nietzsche, ông đồng thời cũng là chuyên gia hàng đầu về đạo Hindu và ngôn ngữ Sanskrit. Ông có công lớn trong việc truyền bá triết học của Schopenhauer cho các thế hệ sau.

Paul Natorp (1854–1924): nhà triết học và giáo dục học người Đức, thành viên chính của Trường phái Kant mới Marburg, và là một chuyên gia hàng đầu về triết học Plato. Ông có ảnh hưởng lớn đến các nhà hiện tượng luận sau này như Husserl, Cassirer...

FREUD, S. [1901] (2002). Bệnh lý học tinh thần trong đời sống hàng ngày. Trần Khang dịch. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.

J. M. E. McTaggart (1866 – 1925): nhà siêu hình học duy tâm người Anh, dành gần trọn cuộc đời dạy học tại Trinity College (Cambridge). Ông là một học giả hàng đầu về Hegel và là một trong những nhà triết học duy tâm Anh xuất sắc nhất.

Xavier Léon (1868–1953): nhà triết học người Pháp. Ông để lại nhiều tác phẩm giá trị về lịch sử triết học, đặc biệt là triết học của Fichte.

André Lalande (1867–1963): nhà triết học người Pháp. Ông có nhiều năm giảng dạy tại Đại học Sorbonne và Trường Đại học Sư phạm phố d'Ulm. Ông có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của chủ nghĩa duy lý tại Pháp.

Josiah Royce (1855–1916): nhà triết học duy tâm người Mỹ. Ông có nhiều đóng góp quan trọng cho ngành triết học về toán học và triết học về logic trong thời gian giảng dạy tại Đại học Harvard.

Élie Halévy (1870 – 1937): nhà triết học và nhà sử học về chủ nghĩa tự do người Pháp gốc Do Thái, xuất thân trong gia đình có truyền thống học thuật. Sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm phố d'Ulm, ông nghiên cứu sâu về siêu hình học và triết học của Plato. Là người ủng hộ nhiệt thành cho chủ nghĩa tự do, ông là một trong những triết gia Pháp đầu tiên cảnh báo về chủ nghĩa phát-xít và chủ nghĩa cộng sản.

Georges Palante (1862 –1925): nhà triết học và xã hội học Pháp, ủng hộ chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tinh hoa. Ông từng theo học tại Đại học Sorbonne nhưng bỏ dở việc bảo vệ luận án tiến sĩ. Các tác phẩm của ông đề cập nhiều đến những mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội trên cơ sở kế thừa tư tưởng của Nietzsche và Freud.

Dmitry Merzhkovsky (1866–1941): nhà tiểu thuyết, nhà thơ, nhà phê bình văn học và nhà tư tưởng tôn giáo người Nga. Ông thành công trong việc thể hiện tư tưởng tôn giáo và triết học (đặc biệt là chủ nghĩa duy tâm) trong các sáng tác văn chương của mình. Cuối đời, ông lên tiếng phản đối chủ nghĩa toàn trị của Stalin. Ông bị gạt sang bên lề trong đời sống văn học Xô–viết và được phục hồi sau khi Liên Xô sụp đổ.

Nicolas Berdyaev (1874 – 1948): nhà triết học Thiên Chúa giáo người Pháp gốc Nga. Ông là một trong những đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa hiện sinh Thiên Chúa giáo. Theo ông, từ khởi thủy, Thượng đế đã sáng tạo ra con người cùng với trạng thái tự do tuyệt đối của nó. Tự do có thể dẫn tới cả cái tốt lẫn cái xấu. Cái xấu xuất hiện khi tự do quay lại chống lại chính nó, và cầm tù con người trong những thứ “xuân ngục” của nghệ thuật, khoa học và tôn giáo – những thứ vốn cấu thành nên các loại thể chế khác nhau như xã hội, nhà nước, quốc gia, giáo hội... Ông chống lại chủ nghĩa duy lý, vì theo ông, mục đích tối hậu của sự tồn tại người là giải phóng và tự giải phóng, thông qua sự minh triết và tình yêu, để đạt tới tự do. Các tác phẩm của ông là vũ khí chống lại những hình thái xã hội không tưởng đầy cam bẫy của quá khứ và tương lai.

Peter Kropotkin (1842–1921): nhà triết học, sinh vật học, địa lý học, nhà cách mạng và hoạt động xã hội người Nga.

Franz Brentano (1838–1917): nhà triết học và tâm lý học Đức, có vai trò rất quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của hiện tượng luận tại Đức. Chịu ảnh hưởng của triết học Aristotle, ông đã giải quyết triệt để vấn đề mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, và phân biệt các hiện tượng vật lý và các hiện tượng tâm thần. Ông cũng có nhiều đóng góp cho ngành triết học về nhận thức. Brentano đã làm phục sinh khái niệm ý hướng tính thông qua

các bài giảng của mình. Tư tưởng triết học của ông đã hình thành nên trường phái Brentano và ảnh hưởng lớn đến thế hệ sau.

Hans Vaihinger (1852-1933): nhà triết học Đức, chuyên gia hàng đầu về triết học Kant, đồng sáng lập tạp chí Kant-Studien [Nghiên cứu Kant] và Annalen der Philosophie [Niên giám triết học]. Ông cho rằng sẽ không thể tìm ra mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Ông chịu ảnh hưởng của tiến hóa luận và xem loài người là “một loài khi phải chịu đau khổ bởi mắc chứng hoang tưởng tự đại”.

Ernst Cassirer (1874–1945): nhà triết học Đức, một đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa duy tâm Đức hiện đại. Ông giảng dạy tại Đại học Berlin và Đại học Hamburg trước khi di cư sang Mỹ để giảng dạy tại Đại học Yale và Columbia. Ông có nhiều đóng góp trong triết học về khoa học và triết học về văn hóa, cũng như những phê phán về nhà nước hiện đại. Ông để lại nhiều khảo cứu giá trị về Plato, Descartes, Leibniz, Kant, Rousseau. Toàn tập Cassirer gồm 18 tập đã được xuất bản liên tục trong giai đoạn 1995–2010, tập hợp hơn 120 tác phẩm và nhiều bài nghiên cứu chưa công bố của ông.

Hermann Cohen (1842–1918): nhà triết học Đức gốc Do Thái, được xem là một trong những nhà triết học Do Thái quan trọng nhất của thế kỷ XIX. Là chuyên gia hàng đầu về triết học Kant, ông cũng là một trong những sáng lập viên của Trường phái Kant mới Marburg.

Emil Lask (1875–1915): nhà triết học Đức, một thành viên quan trọng của Trường phái Kant mới. Ông để lại nhiều ảnh hưởng đến Heidegger và Lukács.

Axel Hägerström (1868– 1939): nhà triết học và luật học Thụy Điển. Ông tốt nghiệp tại Đại học Uppsala và giảng dạy tại đây cho đến năm 1933. Ông được coi là người sáng lập trường phái triết học thực chứng Uppsala, chia sẻ nhiều tương đồng với truyền thống triết học phân tích Anh-Mỹ và chủ nghĩa thực chứng logic của Nhóm Vienna.

Heinrich Rickert (1863–1936): nhà triết học Đức, thành viên chủ chốt của Trường phái Kant mới tại Baden (Baden School of Neo-Kantians). Tư tưởng của ông ảnh hưởng lớn đến Max Weber, Heidegger và Lukács.

Gaston Milhaud (1858-1918): nhà triết học Pháp. Chịu ảnh hưởng bởi Émile Boutroux, ông cùng với một nhóm triết gia Pháp gồm Henri Poincaré, Pierre Duhem, và Édouard Le Roy phản đối sự võ đoán trong khoa học, đồng thời nhấn mạnh vai trò của trực giác và sự ngẫu nhiên trong quá trình xây dựng các lý thuyết khoa học.

Henri Poincaré (1854 – 1912): nhà toán học, vật lý lý thuyết, kỹ sư và triết học về khoa học người Pháp, có nhiều đóng góp đặc biệt quan trọng trong toán học lý thuyết, toán học tô pô, toán lý và cơ học thiên thể.

Alfred Fouillée (1838 – 1912): nhà triết học Pháp, có nhiều nghiên cứu giá trị về lịch sử triết học phương Tây và triết học Pháp.

William James (1842–1910): nhà triết học và tâm lý học người Mỹ, một trong những nhà triết học hàng đầu của Mỹ và được coi là “cha đẻ của ngành tâm lý học Mỹ”. Cùng với, Charles Sanders Peirce và John Dewey, ông được xem là một trong những gương mặt tiêu biểu nhất của chủ nghĩa thực dụng và chủ nghĩa kinh nghiệm cấp tiến. Tư tưởng của ông ảnh hưởng lớn đến nhiều thế hệ triết gia sau này, trong đó có Durkheim, Husserl, Russell, Wittgenstein, Richard Rorty...

Georges Sorel (1847 – 1922): nhà triết học và xã hội học Pháp, nổi tiếng với lý thuyết về chủ nghĩa công đoàn cách mạng, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Marx vào Pháp. Là học trò của Henri Bergson tại Collège de France, ông chịu ảnh hưởng của Proudhon, Marx, và Lenin. Ông cũng tham gia cộng tác với các tạp chí mác-xít và cánh tả đầu tiên của Pháp như L'Ère nouvelle, Le Devenir social, và L'Humanité nouvelle. Những công trình của ông đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của chủ nghĩa Marx ở nhiều nước phương Tây và các nước thuộc thế giới thứ ba.

Antonio Labriola (1843–1904): nhà lý thuyết mác-xít người Ý. Tư tưởng của ông cởi mở và hướng về tự do nhiều hơn so với các nhà mác-xít chính thống như Karl Kautsky. Ông có nhiều ảnh hưởng tới các nhà mác-xít và cộng sản Ý thế hệ sau, trong đó có Antonio Gramsci.

Karl Kautsky (1854–1938): nhà triết học, nhà lý thuyết Mác-xít nhà báo và người Đức gốc Séc, theo khuynh hướng dân chủ xã hội. Ông được thừa

nhận là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa Mác chính thống sau khi Engels qua đời, được các học giả mệnh danh là “vị giáo chủ của chủ nghĩa Marx”. Nổi tiếng bởi các cuộc bút chiến sắc sảo với những người Bolshevik, ông công khai phê phán Cách mạng tháng Mười Nga và những người tiến hành cuộc cách mạng này, trong đó có Lenin và Trotsky, đồng thời thể hiện sự bất đồng chính kiến đối với nhà nước Xô-viết. Ông có ảnh hưởng lớn đến phong trào dân chủ xã hội tại Đức và Đông Âu.

Sergei Bulgakov (1871–1944): nhà thần học Chính thống giáo, triết học và kinh tế học người Nga. Ông chịu ảnh hưởng bởi Schelling, Tolstoy, Dostoyevsky, Solovyov. Lenin gọi triết học của ông là “tự do phản cách mạng”. Năm 1922, ông cùng với hơn 160 trí thức lớn của Nga bị chính phủ Bolshevik của Lênin trục xuất khỏi Liên Xô. Các tác phẩm về thần học và triết học của ông tạo ra sự tranh luận rộng rãi.

Gottlob Frege (1848 – 1925): nhà toán học, logic học và triết học Đức. Ông là người sáng lập ngành logic học hiện đại và gia cố nền móng cho nền tảng của toán học hiện đại, đồng thời là người khai sinh triết học phân tích. Ông cũng có nhiều đóng góp quan trọng cho ngành triết học về ngôn ngữ.

Johannes Daubert (1877–1947): nhà hiện tượng luận Đức. Ông có nhiều thời gian sinh sống và nghiên cứu triết học tại Monaco. Thời trẻ, ông từng tham dự các bài giảng và thảo luận với Edmund Husserl, được Husserl gửi gắm nhiều kỳ vọng.

Adolf Reinach (1883–1917): nhà triết học Đức, thành viên tiêu biểu của trường phái hiện tượng luận Munich. Ông có nhiều đóng góp cho ngành triết học về luật pháp.

Friedrich Rittelmeyer (1872 – 1938): nhà thần học người Đức, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Thiên Chúa giáo tại Đức. Xuất thân trong gia đình có truyền thống Thiên Chúa giáo lâu đời, ông chịu ảnh hưởng của triết học Nietzsche và từng cộng tác với Rudolf Steiner.

Charles Renouvier (1815–1903): nhà triết học duy tâm Pháp, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của triết học Pháp. Ông kế thừa triết học của Kant và Leibniz để phát triển quan điểm triết học của mình nhằm bảo vệ tự do của con người.

G. E. Moore (1873 – 1958): nhà triết học Anh, giảng dạy lâu năm tại Đại học Cambridge. Ông được thừa nhận là một trong những nhà sáng lập của truyền thống triết học phân tích, cùng với Russell, Wittgenstein và Frege. Ông có nhiều đóng góp quan trọng cho ngành đạo đức học, nhận thức luận và siêu hình học.

F. C. S. Schiller (1864-1937): nhà triết học Anh gốc Đức, theo chủ nghĩa thực dụng. Ông cho rằng “chân lý” chỉ là sản phẩm của sự sáng tạo của con người, và mọi tri thức của con người đều mang tính chủ quan. Ông ủng hộ thuyết duy ngã, vốn cho rằng con người chỉ có thể hiểu được chính bản thân mình. Luận điểm siêu hình học của ông là sự dung hòa giữa chủ nghĩa duy tâm chủ quan và thuyết tiến hóa. Về cuối đời, ông ủng hộ chủ nghĩa phát-xít, coi đó là một công cụ để tạo ra con người “siêu nhân”.

Charles Sanders Peirce (1839 – 1914): nhà triết học Hoa Kỳ, cha đẻ của chủ nghĩa thực dụng và ngành ký hiệu học. Ông có nhiều đóng góp to lớn cho các ngành logic học, toán học, ký hiệu học, nhận thức luận, triết học về ngôn ngữ, triết học về khoa học và phương pháp luận khoa học. Ông được coi là nhà tư tưởng lỗi lạc và nhà logic học ảnh hưởng nhất tại Hoa Kỳ trong suốt thế kỷ XX.

John Dewey (1859–1952): nhà triết học, tâm lý học và cải cách giáo dục người Mỹ, đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa thực dụng Mỹ, có ảnh hưởng lớn đến giáo dục và cải cách xã hội. Ông cũng để lại nhiều khảo cứu giá trị về siêu hình học, nhận thức luận, đạo đức học, mỹ học, nghệ thuật, logic học. Theo ông, trường học, xã hội dân sự và công luận tự do là các thể chế nền tảng để xây dựng nền dân chủ. Ông khuyến khích các hình thức truyền thông hiệu quả giữa công dân, chuyên gia và chính trị gia để tạo ra đồng thuận trong quá trình lập định chính sách công.

Lev Shestov (1866–1938): nhà triết học hiện sinh người Nga gốc Do Thái. Chịu ảnh hưởng của Dostoyevski và Nietzsche, thời trẻ ông sinh hoạt chung với các trí thức lớn của Nga. Năm 1921 ông di cư sang Pháp và mất tại Paris. Ông từng thảo luận triết học với Husserl và giảng dạy về hiện tượng luận tại Đại học Sorbonne. Các tác phẩm của ông (hiện đang lưu trữ

tại Đại học Sorbonne, trong đó có nhiều tác phẩm chưa xuất bản) thể hiện sự chối từ tính duy lý và siêu hình học để đến với chủ nghĩa hư vô.

Max Weber (1864–1920): nhà kinh tế chính trị học và xã hội học Đức, một trong những người sáng lập ngành xã hội học và quản trị công đương đại. Ông là người am tường nền chính trị Đức, từng là cố vấn cho các nhà thương thuyết Đức tại Hòa ước Versailles và tham gia soạn thảo Hiến pháp Weimar. Theo ông, tôn giáo là một trong những nhân tố quan trọng cấu thành sự dị biệt văn hóa giữa phương Đông và phương Tây. Tại phương Tây, đạo Tin Lành khổ hạnh là một trong những nhân tố chính giúp phát triển chủ nghĩa tư bản, hệ thống hành chính, và xã hội dân sự.

WEBER, M. [1905] (2008). Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản. Bùi Văn Nam Sơn dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

Victor Basch (1863 – 1944): nhà triết học người Pháp gốc Hungary, theo đạo Do Thái. Sau khi tốt nghiệp tại Đại học Sorbonne, ông giảng dạy về mỹ học và ngôn ngữ Đức. Những năm trong chiến tranh, ông tham gia các hoạt động chính trị, xã hội theo khuynh hướng cánh tả, bảo vệ nhân quyền và quyền công dân. Khi phát-xít Đức tràn vào Paris, ông đã bị chúng truy lùng và sát hại. Ông để lại một số tác phẩm giá trị về mỹ học Kant và triết học cổ điển Đức.

Célestin Bouglé (1870 – 1940): nhà triết học và xã hội học người Pháp. Ông giảng dạy xã hội học tại Đại học Sorbonne từ năm 1901 cho đến năm 1935 rồi chuyển sang dạy học tại Đại học Sư phạm phố d’Ulm. Ông đã nỗ lực “gia cố” nền móng cho xã hội học bằng việc bổ sung tinh thần tự do và yếu tố của nền luân lý thế tục. Là người ủng hộ nhiệt thành cho chủ nghĩa thực chứng theo truyền thống của Auguste Comte, ông còn tham gia nhiều hoạt động xã hội trên tinh thần ủng hộ nền Cộng hòa.

Georgi Plekhanov (1856–1918): nhà cách mạng và lý thuyết mác-xít người Nga, sáng lập phong trào dân chủ xã hội tại Nga. Ông được xem là cha đẻ của chủ nghĩa Mác-xít Nga và một nhà triết học lớn của nước Nga.

DIDEROT, D. [1805] (2006). Cháu ông Rameau. Phùng Văn Tửu dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Ernst Mach (1838 – 1916): nhà vật lý học và triết học Áo. Ông có nhiều ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của chủ nghĩa thực chứng logic và chủ nghĩa thực dụng. Ông phê phán cơ học cổ điển của Newton và tạo nền tảng để hình thành thuyết tương đối của Einstein.

Karl Joel (1864 – 1934): nhà triết học Đức, giảng dạy nhiều năm tại Đại học Basel. Ông gọi triết học của mình là “chủ nghĩa duy tâm mới” trên cơ sở “đoạn tuyệt” với chủ nghĩa thực chứng và chủ nghĩa tự nhiên.

FREUD, S. [1905] 2003. Ba tiểu luận về tính dục. Nguồn: Đỗ Lai Thúy (2003).

Benedetto Croce (1866 – 1952): nhà triết học, sử học và chính trị gia Ý. Các tác phẩm của ông trải rộng trên nhiều đề tài: triết học, mỹ học, sử học. Mặc dù theo chủ nghĩa tự do, nhưng ông phản đối nền thương mại tự do. Ông từng làm Chủ tịch Văn bút Quốc tế (PEN International). Tư tưởng của ông ảnh hưởng đến các nhà mác-xít thế hệ sau, trong đó có Antonio Gramsci.

George Santayana (1863 – 1952): nhà triết học và nhà văn Hoa Kỳ gốc Tây Ban Nha. Sinh ra và lớn lên tại Hoa Kỳ, ông giảng dạy tại Đại học Harvard đến năm 1912 rồi trở về châu Âu và qua đời tại Rome (Italy). Là học trò của William James, tư tưởng của ông có nhiều điểm tương đồng với John Dewey. Mặc dù theo chủ nghĩa tự nhiên, nhưng ông lại xem các tư tưởng tôn giáo là nền tảng của mọi sáng tạo trong văn chương.

James Mark Baldwin (1861 – 1934): nhà triết học và tâm lý học người Mỹ. Ông có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ngành tâm lý học, tâm thần học và lý thuyết tiến hóa.

György Lukács (1885–1971): nhà triết học, mỹ học, lịch sử và phê bình văn học Hungary. Ông sáng lập chủ nghĩa Marx phương Tây (Western Marxism), và được thừa nhận là một trong những nhà triết học mác-xít ảnh hưởng nhất trong thế kỷ XX. Trong triết học, bên cạnh Hegel, Marx và Engels, ông còn chịu ảnh hưởng của Plekhanov. Trong mỹ học và văn chương, ông chịu ảnh hưởng của Dostoyevsky. Ông xuất bản nhiều tác phẩm về triết học mác-xít.

Martin Heidegger (1889 – 1976): nhà triết học Đức. Ông từng là học trò và là trợ giảng cho Husserl, sau đó đã kế tục Husserl giảng dạy triết học tại Đại học Freiburg (Đức). Sau khi nghiên cứu triết học Brentano, ông quyết định tìm hiểu ý nghĩa của khái niệm tồn tại và cấu trúc bản thể của tồn tại người. Ông phân biệt hiện hữu là khác với tồn tại, hiện hữu là một cái gì đó được hình thành và có được bằng một cách nào đó. Bản thân hiện hữu có tính hữu hạn và tính đặc thù. Hiện hữu có nền tảng là tồn tại người. Hiện hữu là đối tượng của các khoa học tự nhiên (vật lý, hóa học, sinh học,...) và các khoa học xã hội nhân văn (sử học, xã hội học, nhân học,...), trong khi đó chỉ có tồn tại người mới là đối tượng của triết học.

Charles Blondel (1876 – 1939): nhà triết học, tâm lý học và tâm lý trị liệu người Pháp. Ông tốt nghiệp Đại học Sư phạm phố d'Ulm và là học trò của Lucien Lévy– Bruhl, sau đó giảng dạy về tâm lý học thực nghiệm tại Đại học Strasbourg, chủ nhiệm Bộ môn Tâm lý bệnh học tại đây. Nhiều triết gia lớn thế hệ sau như Emmanuel Lévinas, Maurice Blanchot và Henri Ellenberger đã tham dự các bài giảng của ông.

Maurice Blondel (1861 – 1949): nhà triết học Pháp. Chịu ảnh hưởng của triết học Thiên Chúa giáo, ông đã nỗ lực tổng hợp tư tưởng của Plato với chủ nghĩa thực dụng hiện đại. Sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm phố d'Ulm, ông giảng dạy triết học và tiếp tục các công trình về triết học tôn giáo.

Han Ryner (1861 – 1938): nhà triết học, nhà báo và nhà hoạt động vì hòa bình người Pháp, chịu ảnh hưởng bởi triết học cổ đại, đặc biệt là chủ nghĩa khắc kỷ. Ryner cho rằng, khi trở nên khôn ngoan, con người sẽ biết cách chấp nhận cái tất yếu, vốn không thể thay đổi hay chống đỡ được. Ông khuyến khích một sự giải phóng “từ bên trong” linh hồn con người, thay vì hướng tới các cuộc cách mạng xã hội tập thể đầy bạo lực. Các tác phẩm của ông rất phong phú và đa dạng, từ triết học, chính trị học đến xã hội học.

Alfred North Whitehead (1861–1947): nhà toán học và triết học Anh, sáng lập trường phái “triết học tiến trình”, qua đó ảnh hưởng đến thần học và hàng loạt các ngành khoa học khác nhau. Ông còn có nhiều đóng góp quan trọng cho ngành triết học về khoa học. Tác phẩm Principia

Mathematica ông viết chung với Bertrand Russell được coi là tác phẩm kinh điển quan trọng bậc nhất của ngành logic toán.

HEGEL, G. W. F. [1807] (2006). Hiện tượng học tinh thần. Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú thích. Hà Nội: Nxb. Văn học.

Roman Ingarden (1893–1970): một tên tuổi lớn của hiện tượng luận tại Ba Lan. Ông có nhiều nghiên cứu về bản thể luận và mỹ học. Ông phản đối chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm của Husserl, hướng hiện tượng luận về với bản thể luận.

Edith Stein (1891–1942): nhà triết học Đức gốc Do Thái. Bà bảo vệ luận án tiến sĩ dưới sự hướng dẫn của Edmund Husserl tại Đại học Göttingen và từng là trợ giảng cho Husserl. Cuối đời, bà theo Dòng tu kín Carmelite và mất trong trại tập trung Auschwitz (Ba Lan) khi phát-xít Đức đưa bà cùng chị gái về đây.

Alexius Meinong (1853 – 1920): nhà triết học Áo, học trò của Franz Brentano, chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa kinh nghiệm Anh (British empiricism), nghiên cứu về bản thể luận, triết học về tư duy, triết học về ngôn ngữ và tâm lý học thực nghiệm. Ông ảnh hưởng đến nhiều triết gia thế hệ sau, trong đó có Gilbert Ryle và Russell.

Georg Simmel (1858 – 1918): nhà xã hội học, triết học người Đức. Ông sử dụng cách tiếp cận của trường phái Kant mới để xây dựng nền tảng cho xã hội học Đức. Tư tưởng của ông ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của Trường phái Lý thuyết phê phán Frankfurt.

Carl Stumpf (1848 – 1936): nhà triết học và tâm lý học người Đức, học trò của Franz Brentano. Nhiều học trò của ông trở thành trụ cột của ngành tâm lý học Đức.

Otto Neurath (1882–1945): nhà triết học về khoa học và xã hội học người Áo, thành viên sáng lập của Nhóm Vienna.

Ferdinand de Saussure (1857–1913): nhà ngôn ngữ học Thụy Sĩ. Ý tưởng của ông đã đặt nền tảng cho những thành tựu phát triển của ngành ngôn ngữ học trong thế kỷ XX. Với tác phẩm kinh điển, Cours de linguistique générale [Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương], ông tạo ra bước ngoặt trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ học. Ông phát hiện bản chất hệ thống của

ngôn ngữ và sự quy định lẫn nhau của ngôn ngữ trong một hệ thống. Ông nâng vị trí nghiên cứu ngôn ngữ lên ngang tầm với các lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn khác.

H. L. Mencken (1880 – 1956): người Mỹ gốc Đức, nhà báo, nhà phê bình văn hóa, nhà văn trào phúng và chuyên gia hàng đầu về tiếng Anh kiểu Mỹ (American English). Ông là nhà văn Mỹ có ảnh hưởng lớn nhất trong nửa đầu thế kỷ XX.

Wilhelm Ostwald (1853–1932): nhà hóa học Đức, Giải thưởng Nobel Hóa học năm 1909. Ông ủng hộ thuyết duy thực, vốn cho rằng nhà khoa học có thể rút ra quy luật từ các sự kiện có thể quan sát.

René Berthelot (1872–1960): nhà triết học Pháp, chịu ảnh hưởng của Plato và Hegel. Ông có nhiều nghiên cứu giá trị về chủ nghĩa thực dụng.

Émile Meyerson (1859– 1933): nhà triết học Pháp gốc Ba Lan. Ông theo chủ nghĩa Kant mới và chống lại chủ nghĩa thực chứng. Ông có nhiều khảo cứu giá trị về nhận thức luận và triết học về khoa học. Ông có nhiều ảnh hưởng tới Koyré.

Gabriel Marcel (1889–1973): nhà triết học, nhà viết kịch và phê bình âm nhạc người Pháp. Ông đã đưa ra khái niệm chủ nghĩa hiện sinh sau Đại chiến thế giới lần thứ Nhất, dù lúc đó ông còn là một người vô thần. Ông tập trung vào cuộc đấu tranh của cá nhân trong một xã hội công nghệ phi nhân tính. Mặc dù thường được coi là hiện sinh Pháp đầu tiên, ông không liên hệ mình với các nhân vật như Jean–Paul Sartre, thay vì đó ông thích dùng thuật ngữ triết học hiện sinh để xác định tư tưởng riêng của mình. Các bản thảo viết tay của ông hiện được lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Pháp ở Paris.

Edward A. Westermarck (1862–1939): nhà triết học và xã hội học Phần Lan, chịu ảnh hưởng của Charles Darwin. Ông có nhiều đóng góp cho sự phát triển của xã hội học tại Anh trong những thập niên đầu thế kỷ XX.

Karl Abraham (1877–1925): nhà luận phân tâm người Đức thuộc “thế hệ thứ hai”, học trò xuất sắc của Sigmund Freud. Ông có nhiều nghiên cứu giá trị về vai trò của tính dục trong sự hình thành nhân cách ở trẻ em.

FREUD, S. [1909] (2002). Phân tích một ca ám sợ ở một bé trai 5 tuổi: Chuyện bé Hans. Lưu Huy Khánh dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

H. A. Prichard (1871 – 1947): nhà triết học Anh, giảng dạy triết học lâu năm tại Đại học Oxford, và là người sáng lập “Trường phái Trực giác Oxford”. Ông có nhiều đóng góp quan trọng về nhận thức luận và luân lý học trên tinh thần của chủ nghĩa duy thực (realism).

Albert Leclere (1867 – 1920): nhà triết học Pháp, quan tâm đến mối quan hệ giữa triết học và tôn giáo. Ông có nhiều nghiên cứu giá trị về lịch sử triết học Hy Lạp cổ đại, về đạo đức học và bản thể luận.

Georges-Henri Luquet (1876-1965): nhà triết học Pháp, bạn học của Bergson và Lucien Lévy-Bruhl tại Đại học Sư phạm phố d’Ulm. Các tác phẩm của ông đề cập đến nhiều vấn đề rộng lớn: triết học về khoa học, triết học xã hội, triết học luân lý, tâm lý học nhận thức, nhân chủng học, dân tộc học, lịch sử các tôn giáo, các nền văn hóa và các nền nghệ thuật... Ông sưu tập hơn 1.700 bức tranh của con gái mình vẽ suốt 10 năm kể từ khi cô bé bắt đầu lên bảy tuổi để viết luận án tiến sĩ nghệ thuật học về hội họa ở trẻ em. Ông cũng để lại nhiều khảo cứu giá trị về mỹ thuật thời cổ đại.

Jean Hering (1890-1966): nhà triết học Pháp, có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của hiện tượng luận tại Pháp trong những thập niên đầu thế kỷ XX. ời trẻ, ông nghiên cứu về thần học tại Đại học Strasbourg. Sau đó, ông sang Đức theo học với Husserl, trở thành thành viên chính của Nhóm Göttingen nghiên cứu về hiện tượng luận do Husserl chủ trì.

Dominique Parodi (1870 – 1955): nhà triết học Pháp gốc Ý. Sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm phố d’Ulm, ông giảng dạy triết học tại nhiều trường trung học nổi tiếng của Paris, tham gia dịch các tác phẩm của George Berkeley sang tiếng Pháp. Ông có nhiều nghiên cứu công phu về triết học chính trị và đạo đức học.

BERKELEY, G. [1710] (2013). Một nghiên cứu về các nguyên tắc nhận thức của con người. Đinh Hồng Phúc dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

Victor Delbos (1862 – 1916): nhà triết học Pháp. Ông giảng dạy tại Đại học Sorbonne. Ông có nhiều nghiên cứu về triết học của Spinoza, Kant và

Husserl.

DEWEY, J. [1910] (2013). Cách ta nghĩ. Vũ Đức Anh dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Max Adler (1873 – 1937): nhà triết học xã hội và chính trị gia người Áo, thuộc trường phái mác-xít Áo. Ông nỗ lực tổng hợp các luận đề của triết học mác-xít với chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm của Kant.

Bernard Bosanquet (1848 – 1923): nhà triết học Anh. Cùng với F. H. Bradley, ông là người ủng hộ nhiệt thành cho chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối, và là đại diện tiêu biểu của “phong trào Hegel mới” tại Anh. Ông nghiên cứu rộng về logic học, siêu hình học, mỹ học và chính trị học. Ông để lại nhiều ảnh hưởng tới các nhà triết học Anh thế hệ sau, trong đó có Russell, Dewey và William James.

Alexandre Koyré (1892 – 1964): nhà triết học và nhà lịch sử khoa học người Pháp gốc Nga. Thời trẻ, ông sang Đức theo học tại Đại học Göttingen, tham dự các bài giảng của Edmund Husserl và David Hilbert. Sau khi tốt nghiệp, ông trở về Paris giảng dạy lịch sử triết học. Ông chia sẻ quan điểm với Gaston Bachelard về tính không liên tục trong lịch sử phát triển của khoa học, đồng thời phê phán cách tiếp cận của chủ nghĩa thực chứng đối với khoa học và lịch sử phát triển của khoa học. Chịu nhiều ảnh hưởng của Bergson, ông được coi là “cây cầu” cho quá trình tiếp biến của hai nền triết học Pháp và Đức, cũng như giữa tư tưởng triết học của Bergson và Husserl. Ông để lại ảnh hưởng lớn cho tiến trình tiếp nhận hiện tượng luận tại Pháp của các triết gia thế hệ sau, trong đó có A. Kojève, J. Hering, B. Groethuysen, G. Gurvitch...

Ludwig Wittgenstein (1889 – 1951): nhà triết học Áo, có nhiều đóng góp quan trọng trong logic, triết học về toán, triết học tinh thần và triết học về ngôn ngữ. Ông được coi là một trong những nhà triết học quan trọng nhất của thế kỷ XX và một trong những trụ cột của truyền thống triết học phân tích. Trước khi qua đời, cuốn sách duy nhất ông cho xuất bản là Tractatus Logico-Philosophicus (1921). Cuốn Nghiên cứu triết học [Philosophische Untersuchungen], được xuất bản một thời gian ngắn sau khi ông mất, có ảnh hưởng lớn tới triết học phân tích và chủ nghĩa thực chứng logic.

Berdyayev, N. A. [1911] (2016). Triết học của tự do. Đỗ Minh Hợp dịch, Nguyễn Trọng Chuẩn hiệu đính. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Alfred Adler (1870-1937): bác sĩ, nhà tâm lý học trị liệu người Áo, sáng lập trường phái tâm lý học cá nhân. Khởi đầu sự nghiệp với chuyên ngành nhãn khoa, ông được công nhận là một trong ba nhà tâm lý học vĩ đại nhất của thế kỷ XX, cùng với Freud và Jung. Ông cùng Freud xây dựng nền tảng ban đầu cho ngành phân tâm học, và trở thành trụ cột của Trường phái Phân tâm học Vienna. Chịu ảnh hưởng bởi Kant, Nietzsche và Dostoevsky, ông cho rằng phức cảm tự ti (inferiority complex) đóng vai trò chủ yếu trong quá trình phát triển cá tính của mỗi cá nhân. Ông kế thừa khái niệm “ý chí quyền lực” của Nietzsche để phân tích sức mạnh sáng tạo của mỗi cá nhân cải thiện hoàn cảnh của mình.

Charles Andler (1866 – 1933): nhà triết học Pháp, có nhiều nghiên cứu đặc biệt giá trị về triết học Đức, đặc biệt là triết học của Marx và Nietzsche. Ông là một trong những giáo sư hàng đầu về triết học Đức tại Đại học Sorbonne từ năm 1901, và có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Marx vào Pháp.

Julien Benda (1867 – 1956): nhà triết học và nhà văn Pháp gốc Do Thái. Ông nghiên cứu rộng nhiều vấn đề của triết học, đồng thời tham gia viết sách, báo về các vấn đề của châu Âu hiện đại.

Johann Gottfried von Herder (1744 – 1803): nhà triết học, thần học, nhà thơ và phê bình văn học người Đức. Ông là tên tuổi lớn của truyền thống học thuật Đức giai đoạn chuyển tiếp từ Thời kỳ Lãng mạn sang Thời kỳ Cổ điển. Tác phẩm *Abhandlung über den Ursprung der Sprache* [Luận về nguồn gốc của ngôn ngữ](1772) của ông góp phần quan trọng để hoàn thiện nền móng của ngành ngôn ngữ học.

Tác phẩm này được Beatrice M. Hinkle dịch sang tiếng Anh vào năm 1916 với tựa đề *Psychology of the Unconscious: a study of the transformations and symbolisms of the libido, a contribution to the history of the evolution of thought* [Tâm lý học của cái vô thức: Nghiên cứu về các quá trình chuyển dịch và các biểu tượng của libido, một đóng góp về lịch sử tiến hóa của tư tưởng].

Carl Siegel (1872 – 1943): nhà toán học và triết học Áo. Ông nghiên cứu rộng về triết học, sử học, phương pháp luận khoa học và nhận thức luận. “Triết học lục địa” là một tập hợp các truyền thống triết học hình thành và phát triển tại lục địa châu Âu trong thế kỷ XIX và XX. Triết học lục địa ngả theo khuynh hướng “khoa học vạn năng” (scientism), xem khoa học tự nhiên là cách duy nhất hoặc chính xác nhất để hiểu các hiện tượng. Triết học lục địa gồm các trào lưu chính: chủ nghĩa duy tâm Đức, hiện tượng luận, chủ nghĩa hiện sinh và các “biến thể” của nó (như triết học của Kierkegaard và Nietzsche), thông diễn học, chủ nghĩa cấu trúc, chủ nghĩa hậu–cấu trúc, thuyết bình quyền nữ giới Pháp (French feminism), luận phân tâm, lý thuyết phê phán của trường phái Frankfurt, và các trường phái chính của chủ nghĩa Marx phương Tây (Western Marxism).

“Triết học phân tích” là truyền thống triết học phổ quát tại các quốc gia nói tiếng Anh ở châu Âu và Bắc Mỹ, nhấn mạnh đến sự trong sáng và rõ ràng thông qua các lập luận vốn được hình thành bởi logic hình thức & phân tích ngôn ngữ. Triết học phân tích chịu nhiều ảnh hưởng bởi chủ nghĩa thực chứng logic.

André Falconet (1881 – 1965): nhà triết học Pháp, một trong những chuyên gia hàng đầu về ngôn ngữ và văn chương Đức trong thế hệ ông. Ông để lại nhiều nghiên cứu giá trị về mỹ học và triết học Đức hiện đại.

Giovanni Gentile (1875–1944): nhà triết học duy tâm người Ý, thuộc trường phái Hegel mới. Ông tự coi mình là “triết gia của chủ nghĩa phát-xít”. Ông có nhiều ảnh hưởng trong thời gian nhà độc tài Benito Mussolini lên cầm quyền ở Ý.

FREUD, S. [1913] (2000). Nguồn gốc của văn hóa và tôn giáo: Vật tổ và cấm kỵ. Lương Văn Kế dịch và giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Jacques Maritain (1882–1973): nhà triết học và thần học Pháp, có nhiều nghiên cứu giá trị về siêu hình học, mỹ học, triết học về khoa học và các vấn đề thần học. Ông từng tham gia soạn thảo Tuyên ngôn toàn cầu về các quyền con người (The Universal Declaration of Human Rights). Ông cũng là người gần gũi với Giáo hoàng Paul VI và Công đồng Vatican II.

WOHL, R. (1979).

SAUSSURE, F. [1915] (1973). Giáo trình ngôn ngữ học đại cương. Khoa Ngữ văn Đại học Tổng hợp Hà Nội dịch. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Tái bản: SAUSSURE, F. [1916] (2005). Giáo trình ngôn ngữ học đại cương. Cao Xuân Hạo dịch. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Antonie Pannekoek (1873 – 1960): nhà lý thuyết mác-xít người Hà Lan. Ông đến với triết học trên nền tảng vững chắc của khoa học tự nhiên, với khuynh hướng cánh tả cấp tiến.

DEWEY, J. [1916] (2008). Dân chủ và giáo dục: một dẫn nhập vào triết lý giáo dục. Phạm Anh Tuấn dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

FREUD, S. [1917] (1970). Phân tâm học nhập môn. Nguyễn Xuân Hiếu dịch. Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí. In lại: S. Freud [1917] (2001). Phân tâm học nhập môn. Nguyễn Xuân Hiếu dịch. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

HEGEL, G. W. F. [1817] (2008). Khoa học lôgic (Bách khoa thư các khoa học triết học I). Bùi Văn Nam Sơn dịch, chú giải. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

MARX, K. [1863] (1959). Tư bản – Phê phán khoa kinh tế chính trị. Hà Nội: Nxb. Sự thật.

Arthur Schopenhauer (1788–1860): nhà siêu hình học vĩ đại người Đức, nổi tiếng với các phê phán về triết học Kant. Các tác phẩm của ông đã giúp củng cố lại nền móng cho đạo đức học, mỹ học, chính trị học, tâm lý học, vào tạo khởi nguồn cho chủ nghĩa hiện sinh. Ông để lại ảnh hưởng sâu đậm về tư tưởng đến các triết gia lớn thế hệ sau, trong đó có Nietzsche, Freud, Wittgenstein...

Ernst Bloch (1885 – 1977): nhà triết học mác-xít người Đức. Ông chịu ảnh hưởng của Hegel và Marx. Ông có nhiều quan hệ học thuật với các thành viên chính của trường phái Lý thuyết phê phán. Ông cũng được xem nhà một trong những nhà không tưởng chủ nghĩa vĩ đại nhất.

Moriz Schlick (1882–1936): nhà triết học Đức, sáng lập chủ nghĩa thực chứng logic. Ông là học trò của Max Planck. Ông kế tục Ernst Mach làm Chủ nhiệm Khoa Triết học tại Đại học Vienna, và là thành viên quan trọng

của Nhóm Vienna (cùng với Carnap, Gödel, Neurath...). Ông chống lại tri thức tiên nghiệm và khẳng định rằng chân lý phải được kiểm nghiệm bởi các bằng chứng định lượng.

Louis Lavelle (1883 – 1951): một trong những nhà siêu hình học hàng đầu của Pháp trong thế kỷ XX, có nhiều đóng góp quan trọng trong ngành triết học về tư duy. Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ tại Sorbonne, ông tham gia nhiều sinh hoạt triết học quan trọng tại Paris. Cùng thời với Bergson, nhưng ông tiếp cận với chủ nghĩa duy tâm theo những hướng mới mẻ và độc đáo.

Félicien Challaye (1875 – 1967): nhà triết học Pháp, nhà báo theo khuynh hướng chống chủ nghĩa thực dân. Sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm phố d'Ulm, ông sang Đức tiếp tục nghiên cứu triết học một thời gian ngắn, rồi bắt đầu chuyến khám phá phương Đông: Ấn Độ, Java, Đông Dương, Ai Cập, Nhật Bản để thu thập tư liệu cho những khảo cứu địa phương rất giá trị, trước khi trở về Pháp giảng dạy triết học. Cuối đời, ông xuất bản một số công trình về tâm lý học và luận phân tâm.

HEGEL, G. W. F. [1821] (2010). Các nguyên lý của triết học pháp quyền hay đại cương pháp quyền tự nhiên và khoa học về nhà nước. Bùi Văn Nam Sơn dịch, chú giải. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

WITTGENSTEIN, L. [1921] (2010). Tractatus Logico–Philosophicus. Cao Dao dịch. Nguồn: talawas blog. URL = <<http://www.talawas.org/?p=25042>>.

Émile Bréhier (1876 – 1952): nhà triết học, sử học và nhà văn Pháp. Ông nổi tiếng với những công trình về lịch sử triết học Hy Lạp và triết học trung đại. Ông từng giảng dạy triết học tại Đại học Sorbonne. Sau khi Bergson mất, ông được kế thừa ghế Viện sĩ của Bergson tại Viện Hàn lâm về các khoa học luân lý và chính trị.

Nikolai Bukharin (1888–1938): nhà triết học và chính trị gia Nga. Ông là thành viên trong nội các của chính phủ Liên bang Xô–viết thời kỳ đầu. Sau khi Lenin mất, ông bộc lộ sự bất đồng chính kiến với Stalin và sau đó bị thủ tiêu.

Henri Delacroix (1873 – 1937): nhà triết học và tâm lý học Pháp. Ông có nhiều đóng góp quan trọng cho ngành tâm lý học tại Pháp trong giai đoạn

sơ kỳ.

Hajime Tanabe (1885–1962): nhà triết học Nhật Bản, thành viên sáng lập của Trường phái triết học Tokyo, cùng với Kitaro Nishida và Keiji Nishitani. Ông từng giảng dạy tại Đại học Đế quốc Nhật Bản (Kyoto Imperial University), cùng Nishida đấu tranh cho quyền tự do học thuật. Là người ủng hộ nhiệt thành cho chủ nghĩa hiện sinh, quan điểm triết học của ông gần gũi với truyền thống triết học lục địa, đặc biệt là Kierkegaard, Nietzsche và Heidegger.

Kitarō Nishida (1870–1975): nhà triết học Nhật Bản xuất sắc, người sáng lập Trường phái triết học Kyoto, và là biểu tượng của tiến trình đối thoại triết học và tôn giáo Đông – Tây. Trong gần 3 thập niên giảng dạy tại Đại học Kyoto, ông đã nỗ lực xây dựng một nền logic thống nhất và phi nhị nguyên, trên cơ sở tích hợp tư tưởng của Thiên tông với logic phương Tây của Aristotle, Kant và Hegel. Ông cũng là người truyền bá hiện tượng luận Husserl tại Nhật Bản. Các tác phẩm của ông được hệ thống hóa trong Toàn tập Nishida (gồm 18 tập).

Shūzō Kuki (1888–1941): nhà triết học Nhật Bản xuất sắc, có nhiều đóng góp quan trọng trong sự phát triển của hiện tượng luận tại Nhật Bản. Trong tác phẩm kinh điển của mình, *The Structure of “Iki”* (1930), ông đã sử dụng các phân tích hiện tượng luận để phân tích các đặc trưng độc đáo của văn hóa Nhật Bản. Trong thời gian giảng dạy tại Đại học Kyoto, ông đã có nhiều bài giảng và xuất bản nhiều công trình về triết học Đức đương đại, trong đó có tác phẩm nghiên cứu về Martin Heidegger bằng tiếng Nhật đầu tiên.

Leo Robin (1866 – 1947): nhà lịch sử triết học cổ đại, được xem như là “nhà Plato học” hàng đầu tại Pháp. Ông tốt nghiệp Đại học Sorbonne và sau đó giảng dạy triết học tại đây. Ông để lại nhiều công trình nghiên cứu rất chuẩn mực về triết học cổ đại, đồng thời dịch nhiều tác phẩm của Plato sang tiếng Pháp.

Nabert Jean (1881 – 1960): nhà triết học Pháp. Tư tưởng của ông về luân lý và siêu hình học, trên cơ sở phê phán ý thức tiên nghiệm kiểu Kant

(conscience transcendantale kantienne), đã để lại nhiều ảnh hưởng đến triết gia thế hệ sau, trong đó có Paul Ricœur.

Henri Gouhier (1898 – 1994): nhà triết học, sử học và phê bình sân khấu người Pháp, chịu ảnh hưởng của truyền thống thần học Thiên Chúa giáo.

Jean–Paul Sartre (1905–1980): nhà triết học, nhà văn, nhà báo Pháp, nhân vật trụ cột của chủ nghĩa hiện sinh tại Pháp. Ông đỗ đầu thạc sĩ triết học tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm năm 1929, Simone de Beauvoir đỗ thứ nhì và trở thành bạn đời của ông. Ông từng tuyên bố: “L’homme n’est rien d’autre que ce qu’il se fait” (Con người không là gì ngoài điều con người tự tạo), và coi đó là nguyên lý đầu tiên của chủ nghĩa hiện sinh. Ông tham gia sáng lập tạp chí Les Temps modernes vào năm 1945. Về chính trị, Sartre là biểu tượng của trí thức dẫn thân. Đám táng ông quy tụ cả chục ngàn người đưa tiễn. [LUẬT, Phạm Trọng (2004)].

Raymond Aron (1905–1983): nhà triết học, xã hội học, khoa học chính trị và nhà báo Pháp, bạn thân của Jean–Paul Sartre. Ông bảo vệ luận án tiến sĩ sử học tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm năm 1930, sau đó giảng dạy xã hội học tại các trường đại học lớn của Pháp từ sau Đại chiến thế giới II. Ông là người có công lớn trong việc đưa xã hội học của Max Weber vào nước Pháp. Ông cũng là nhà báo đầy ảnh hưởng cho hai tờ Le Figaro và L’Express.

Georges Canguilhem (1904–1995): nhà triết học Pháp, có nhiều đóng góp quan trọng cho nhận thức luận và triết học về khoa học, đặc biệt là triết học về sinh học và triết học về y học. Ông là bạn cùng lớp với Jean–Paul Sartre. Ông để lại dấu ấn lớn trong công việc giảng dạy triết học, và ảnh hưởng đến các triết gia thế hệ sau, đặc biệt là Derrida, Foucault và Althusser.

Daniel Lagache (1903–1972): nhà tâm lý học và luận phân tâm tiêu biểu của Pháp. Ông là bạn học của Jean–Paul Sartre và Raymond Aron. Ông làm chủ nhiệm Khoa tâm lý học và trị liệu tâm lý tại Đại học Sorbonne. Ông là một trong những chuyên gia hàng đầu về Freud tại Pháp.

Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm: thành lập năm 1794, mang theo tinh thần Tự do – Bình đẳng – Bác ái của cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789) và tinh thần Khai sáng, trên cơ sở phát huy triệt để truyền thống tự do học

thuật và tự do nghiên cứu. Đây là một trong những trường đại học lâu đời và danh giá nhất của nước Pháp, đào tạo nhiều trí thức lớn và chính khách cho nước Pháp và thế giới. Khoa Triết học của Trường cũng là “cái nôi” đào tạo nhiều nhà triết học lớn cho nước Pháp và thế giới, với những tên tuổi như Jean–Paul Sartre, Raymond Aron, Jean Hyppolite, Maurice Merleau–Ponty, Trần Đức Thảo, Simone Weil, Louis Althusser, Michel Foucault, Pierre Bourdieu...

Décades de Pontigny: cuộc gặp thường niên trong giai đoạn 1910–1914 và 1922–1939, do nhà báo Paul Desjardins tổ chức, trên tinh thần tôn trọng tự do tư tưởng, bàn về nhiều vấn đề lớn của tôn giáo, triết học, văn chương, về giáo dục, nhân quyền..., với sự tham gia của các nhà triết học và nhà văn hàng đầu của Pháp như Andre Gide, François Mauriac, Saint–Exupéry, André Malraux, Raymond Aron, Brunschvicg, Bachelard, Nicolas Berdyaev, Jean–Paul Sartre...

Antonio Gramsci (1891–1937): nhà triết học, xã hội học, nhà văn, chính trị gia và nhà lý thuyết chính trị người Ý. Ông là một trong những nhà tư tưởng mác-xít quan trọng nhất của thế kỷ XX. Ông nổi tiếng với lý thuyết “thống trị về văn hóa” (cultural hegemony), nhằm mô tả nhà nước đã sử dụng các thể chế văn hóa như thế nào để duy trì quyền lực trong các xã hội tư bản.

Leo Trotsky (1879 – 1940): nhà Mácxít và lý luận cách mạng Bolshevik. Cùng với Lenin, ông là một trong những lãnh đạo của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Ông là một trong những thành viên đầu tiên của Bộ chính trị của Đảng Cộng sản Liên Xô. Sau khi lãnh đạo một cuộc đấu tranh thất bại của phái Cánh Tả đối lập chống lại các chính sách và sự thăng tiến của Joseph Stalin trong thập niên 1920, Trotsky bị đưa ra khỏi Đảng Cộng sản và trục xuất khỏi Liên Xô. Với tư cách người lãnh đạo Đệ Tứ Quốc tế, Trotsky, trong tình trạng bị trục xuất, tiếp tục phản đối chính sách quan liêu Stalin tại Liên Xô, và cuối cùng bị ám sát tại Mexico bởi một điệp viên Liên Xô.

Helene Deutsch (1884–1982): nhà luận phân tâm người Mỹ gốc Áo, theo đạo Do Thái. Bà là một trong những nhà luận phân tâm “thế hệ thứ hai”

đầu tiên chuyên nghiên cứu về tâm lý phụ nữ và tính dục nữ. Bà là học trò và đồng nghiệp của Freud, và cùng ông thành lập Hội Luận phân tâm Vienna.

Bernard Groethuysen (1880 – 1946): nhà triết học và nhà văn Pháp gốc Hà Lan. Thời trẻ, ông sang học tại Ý và Đức, là học trò của Georg Simmel và Wilhelm Dilthey, kết giao với nhiều triết gia lớn và văn sĩ lớn của Pháp như Bergson và Charles Du Bois. Những năm 1920, ông giảng dạy triết học ở Đức rồi trở lại Pháp khi phát-xít Đức lên nắm quyền, với lời tạ từ nổi tiếng: “Intellectuels de tous les pays, unissez-vous!” (Hỡi giới trí thức của tất cả các quốc gia, hãy liên hiệp lại!). Với tri thức uyên bác và tầm nhìn phóng khoáng, ông trở thành một trong những trí thức châu Âu tiêu biểu của nửa đầu thế kỷ XX. Ông có công lớn trong việc dịch các tác phẩm của Goethe và Kafka sang tiếng Pháp. Ông để lại nhiều nghiên cứu giá trị về lịch sử triết học và tư tưởng chính trị thế kỷ XVIII của Montesquieu, Rousseau, Diderot và các nhà Cách mạng Pháp.

Jean Baruzi (1881 – 1953): nhà triết học và lịch sử tôn giáo người Pháp. Ông từng tham gia giảng dạy ở Collège de France. Ông để lại nhiều công trình giá trị về triết học tôn giáo và triết học Trung đại. Jacques Lacan là một học trò xuất sắc của ông.

Pierre Naville (1904–1993): nhà triết học, xã hội học và nhà văn thuộc trường phái siêu thực của Pháp. Xuất thân từ giới thượng lưu, ông ngả theo khuynh hướng mác-xít và gia nhập Đảng Cộng sản Pháp. Sau khi gặp Trotsky, ông ngả theo hướng Tờ-rốt-kít, tham gia sáng lập và cộng tác với nhiều tờ báo và tạp chí cánh tả tại Pháp. Sau chiến tranh, ông cộng tác với nhà xã hội học Pháp Georges Friedmann tại Centre d'études sociologiques (Trung tâm Nghiên cứu Xã hội học), phê phán chủ nghĩa hiện sinh.

Kiyoshi Miki (三木 清, 1897–1945): nhà triết học Nhật Bản. Thời trẻ, ông sang Đức nghiên cứu sâu về các đại biểu thời kỳ đầu của triết học hiện sinh. Sau đó, ông tham gia sinh hoạt triết học với các thành viên của Trường phái triết học Kyoto. Ý tưởng của ông về “Khởi thịnh vượng chung Đại Đông Á” đã bị phát-xít Nhật lợi dụng để biện minh cho hành vi xâm lược các quốc gia láng giềng trong Đại chiến thế giới lần thứ Hai. Do bất

đồng chính trị với nhà cầm quyền, ông đã bị bỏ tù và mất trong tù do các điều kiện lao tù khắc nghiệt. Các trí thức Nhật Bản thế hệ sau ca ngợi ông là “nhân vật trung tâm của phong trào nhân văn tại Nhật Bản”.

HEIDEGGER, M. [1927] (1973). Hữu thể và thời gian. Trần Công Tiến dịch, Lê Tôn Nghiêm giới thiệu. Sài Gòn: Quê Hương.

Aleksei F. Losev (1893 – 1988): nhà triết học và lý thuyết văn hóa Nga xuất sắc. Sau Cách mạng tháng Tám, ông giảng dạy triết học tại nhiều trường đại học, đồng thời chống khuynh hướng toàn trị và giáo điều.

Eugen Fink (1905–1975): nhà triết học Đức, trợ lý của Edmund Husserl, và là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa duy tâm hiện tượng luận (phenomenological idealism). Ông đề cao vai trò của bản thể luận trong nghiên cứu triết học. Ông đã thực hiện một số thảo luận chuyên đề về triết học với Martin Heidegger và nhiều nhà triết học lớn. Ông có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Husserl trong những năm cuối đời của Husserl.

Herbert Marcuse (1898–1979): nhà triết học, xã hội học và lý thuyết chính trị người Đức, một tên tuổi lớn của trường phái Lý thuyết phê phán Frankfurt, và là gương mặt tiêu biểu của phong trào Cánh tả Mới tại phương Tây. Các tác phẩm của ông đưa ra những cảnh báo về các tác động của chủ nghĩa tư bản và công nghệ hiện đại sẽ làm xói mòn các giá trị nhân văn, nhân bản của xã hội loài người. Những luận điểm này đã ảnh hưởng lớn tới giới trí thức và các nhà hoạt động chính trị trong những thập niên 1960–1970. Tác phẩm tiêu biểu: *Eros and Civilization* [Thần ái tình và nền văn minh] (1955), *One-Dimensional Man* [Con người một chiều kích] (1964).

Hans Reichenbach (1891–1953): nhà triết học về khoa học hàng đầu của Đức, có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của chủ nghĩa thực chứng logic, và là thành viên sáng lập của Nhóm Berlin, cùng với Kurt Greling, David Hilbert...

Emmanuel Lévinas (1906–1995): nhà triết học Pháp, gốc Do Thái. Ông là một trong những học trò của Edmund Husserl, và là người dịch tác phẩm của Husserl sang tiếng Pháp. Ông đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong tiến trình tiếp nhận hiện tượng luận của Husserl và Heidegger tại Pháp từ

sau thập niên 1930, đặc biệt là quá trình tiếp xúc với hiện tượng luận của Sartre và Merleau-Ponty. Ông có nhiều nghiên cứu quan trọng về luân lý học, trên tinh thần phê phán những hạn chế của siêu hình học.

Pierre Janet (1859 – 1947): nhà tâm lý học, tâm lý trị liệu và triết học người Pháp. Ông được thừa nhận là một trong ba người sáng lập ngành tâm lý học, cùng với William James và Wilhelm Wundt. Carl Jung từng là học trò và chịu nhiều ảnh hưởng của ông.

Maurice Merleau-Ponty (1908 – 1961): nhà hiện tượng luận xuất sắc người Pháp, học trò và người chịu nhiều ảnh hưởng của Husserl. Ông tốt nghiệp tại Đại học Sư phạm phố d'Ulm năm 1930. Ông quan tâm sâu sắc đến quá trình cấu thành ý nghĩa của sự tồn tại người. Khác với truyền thống lâu đời của triết học phương Tây coi ý thức là nguồn gốc của tri thức, ông coi cơ thể con người mới là nguồn gốc đích thực của tri thức. Các tư tưởng về hiện tượng luận đầy tính tiên phong được ông trình bày trong các tác phẩm về nghệ thuật, văn chương, ngôn ngữ và chính trị. Ông đọc triết học Marx từ hồi trẻ và đồng thuận với triết học mác-xít, tuy vẫn giữ sự bất đồng với chủ nghĩa cộng sản. Ông tham gia sáng lập và phụ trách về chính trị cho tờ tạp chí cánh tả Les Temps Modernes cùng với Jean-Paul Sartre và nhiều nhà triết học lớn của Pháp. Ông đã để lại dấu ấn sâu đậm trong một loạt vấn đề quan trọng của hiện tượng luận, triết học về nhận thức, triết học ngôn ngữ..., và qua đó ảnh hưởng lâu dài đến các thế hệ triết gia sau này. Ông có nhiều mối liên hệ về triết học và hoạt động chính trị-xã hội với Giáo sư Trần Đức Thảo trong thời kỳ Giáo sư học tập, nghiên cứu và hoạt động tại Pháp và cộng tác với Les Temps Modernes trong giai đoạn 1942-1951.

Gaston Bachelard (1884-1962): nhà triết học Pháp. Ông đưa ra khái niệm *obstacle épistémologique* và *rupture épistémologique*, trên tinh thần phê phán chủ nghĩa thực chứng, để chỉ ra sự không liên tục trong các tiến bộ của khoa học. Các công trình nghiên cứu của ông trong lĩnh vực triết học về khoa học và triết học về văn chương đã ảnh hưởng sâu đậm lên các triết gia thế hệ sau này, trong đó có Michel Foucault, Louis Althusser và Jacques Derrida.

Jean Cavailles (1902–1944): nhà triết học và toán học Pháp. Thời trẻ, ông từng sang Đức theo học Husserl và làm việc chung với nhiều nhà toán học Đức xuất sắc. Ông giảng dạy triết học tại Đại học Sorbonne từ năm 1941. Trong chiến tranh, ông tham gia kháng chiến chống phát-xít Đức xâm lược nước Pháp. Vì các hoạt động kháng chiến, ông đã bị bắt và bỏ tù. Trong tù, ông đã viết tác phẩm *Sur la logique et la theorie de la science* (Về logic và lý thuyết về khoa học). Ông bị phát-xít Đức sát hại và hi sinh anh dũng vào tháng 2–1944. Hiện nay, tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm có một trung tâm nghiên cứu về lịch sử khoa học và triết học về khoa học mang tên ông.

Wilhelm Reich (1897 – 1957): nhà luận phân tâm Áo, thuộc “thế hệ thứ hai” sau Sigmund Freud. Các tác phẩm của ông ảnh hưởng lớn tới phong trào sinh viên trong thập niên 1960.

Max Horkheimer (1895–1973): nhà triết học và xã hội học Đức, có nhiều đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của Lý thuyết phê phán (critical theory) và Trường phái Frankfurt. Các nghiên cứu của ông nhấn mạnh đến sự liên kết giữa các cấu trúc và mạng lưới xã hội, cũng như sự ảnh hưởng trở lại của những liên kết này tới hành vi của cá nhân. Ông có nhiều mối liên hệ học thuật với các nhà tư tưởng cùng thời, như Herbert Marcuse, Erich Fromm, Theodor Adorno và Walter Benjamin.

Jean Wahl (1888–1974): nhà triết học Pháp. Ông chịu ảnh hưởng của Henri Bergson, William James và George Santayana. Ông là một trong những người giới thiệu tư tưởng triết học Hegel vào Pháp từ thập niên 1930, đồng thời là một chuyên gia về Kierkegaard. Ông có nhiều ảnh hưởng đến các nhà triết học lớn của Pháp thế hệ sau, trong đó có Emmanuel Lévinas và Jean–Paul Sartre.

Valentin Voloshinov (1895 – 1936): nhà ngôn ngữ học Nga, có ảnh hưởng lớn đến lĩnh vực lý thuyết về văn chương và lý thuyết về ý thức hệ mác-xít. Trong tác phẩm quan trọng xuất bản năm 1927 này, ông đã cố gắng tích hợp lĩnh vực ngôn ngữ học với chủ nghĩa Marx, trên cơ sở kế thừa tư tưởng của Wilhelm von Humboldt và Ferdinand de Saussure, để chỉ ra rằng ngôn ngữ là một thực thể vật chất, một hệ thống ký hiệu mang tính xã hội cao,

được hình thành bởi tiến trình tổng hợp liên tục và mang tính sáng tạo, đồng thời là cơ sở để hình thành ý thức. Bên cạnh đó, ngôn ngữ còn là công cụ quan trọng nhất để định hình và bành trướng các loại hình ý thức hệ. Tư tưởng của ông đã dự báo sự ra đời của chủ nghĩa hậu cấu trúc nhiều thập niên sau, và ảnh hưởng tới ngành nhân chủng ngôn ngữ học.

Jørgen Jørgensen (1894–1969): nhà triết học Đan Mạch, đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa thực chứng logic. Ông chịu ảnh hưởng của Russell và Carnap.

Étienne Gilson (1884 – 1978): nhà triết học và sử học Pháp. Là một chuyên gia hàng đầu về lịch sử triết học trung đại, ông từng theo học với Victor Delbos, Durkheim và Levy–Bruhl, sau đó giảng dạy về triết học thời kỳ Trung đại tại Sorbonne, Collège de France, Đại học Harvard... Ông bảo vệ sự trong sáng của truyền thống triết học Thiên Chúa giáo trước sự “tấn công” của chủ nghĩa hiện sinh. Ông từng là cố vấn cho Chính phủ Pháp trong Hội nghị San Francisco (1945) thành lập Liên Hợp Quốc.

Martial Gueroult (1891 – 1976): nhà triết học và lịch sử triết học Pháp. Ông có nhiều đóng góp đặc biệt quan trọng trong nghiên cứu về lịch sử triết học. Tốt nghiệp Đại học Sư phạm phố d’Ulm, ông giảng dạy tại Sorbonne rồi chuyển sang làm Chủ nhiệm Bộ môn “Lịch sử và công nghệ của các hệ thống triết học” tại Collège de France. Ông có nhiều kiến giải độc đáo về triết học thời kỳ trung đại và triết học Descartes.

Arthur O. Lovejoy (1873–1962): nhà triết học và lịch sử tri thức người Mỹ, sáng lập ngành lịch sử tư tưởng, nổi tiếng với những phê phán về chủ nghĩa thực dụng.

FREUD, S. [1930] (2009). Cảm giác bất ổn với văn hóa. Lê Thị Kim Tuyền dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

KANT, I. [1781] (2004). Phê phán lý tính thuần túy. Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú thích. Hà Nội: Nxb. Văn học.

Henry Corbin (1903 – 1978): nhà triết học, dịch giả và nhà nghiên cứu phương Đông người Pháp, học giả hàng đầu về Hồi giáo và các tôn giáo vùng Trung Đông. Ông từng sang Đức để trao đổi triết học với Heidegger.

Lucien Barbedette (1890 – 1942): nhà triết học theo chủ nghĩa vô chính phủ người Pháp. Ông có nhiều nghiên cứu giá trị về tâm lý học và triết học thời trung đại.

Emmanuel Mounier (1905–1950): nhà triết học Pháp, thủ lĩnh tinh thần của chủ nghĩa nhân vị tại Pháp, sáng lập viên và giám đốc của tạp chí *Espirit*. Sau khi tốt nghiệp với thành tích xuất sắc tại Đại học Sorbonne, ông tham gia giảng dạy và viết sách. Tác phẩm *The Personalist Manifesto* [Tuyên ngôn của chủ nghĩa nhân vị] tạo được ảnh hưởng lớn từ những thập niên 1930. Ông cũng thẳng thắn lên án chủ nghĩa toàn trị và sự dính líu của Vatican vào nền chính trị quốc tế.

Alexandre Kojève (1902–1968): nhà triết học Pháp gốc Nga. Các bài giảng triết học của ông đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của các thể hệ triết gia Pháp sau chiến tranh, trong đó có Jean–Paul Sartre, Maurice Merleau–Ponty, Jacques Lacan... Ông còn có đóng góp đặc biệt quan trọng thông qua việc dịch các tác phẩm triết học của Hegel từ tiếng Đức sang tiếng Pháp. [Tham khảo: KIÊN, Nguyễn Trung (2012a)].

Valentino F. Asmus (1894 – 1975): nhà triết học Nga. Ông là một trong số ít các nhà triết học độc lập với trường phái mác-xít chính thống, và duy trì được truyền thống triết học cổ điển châu Âu trong thời kỳ đầu của nền triết học thuật Xô–viết. Các nghiên cứu của ông về triết học Kant được đánh giá cao.

Berdyayev, N. A. [1939] (2015). *Con người trong thế giới tinh thần: Trải nghiệm triết học cá biệt luận*. Nguyễn Văn Trọng dịch, giới thiệu và chú giải. Hà Nội, Nxb Tri thức.

Otto Fenichel (1897–1946): nhà luận phân tâm người Áo, thuộc thế hệ thứ hai. Ông thuộc trường phái “luận phân tâm mác-xít”, cùng với nhiều thành viên quan trọng khác như Erich Fromm, Wilhelm Reich, Ernst Simmel...

Karl Popper (1902–1994): nhà triết học Anh gốc Áo. Ông được xem là một trong những nhà triết học về khoa học vĩ đại nhất trong thế kỷ XX. Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của phương pháp thử và sai trong quá trình phát triển của khoa học. Ông cũng để lại nhiều nghiên cứu đặc biệt giá trị về triết học xã hội và triết học chính trị. Ông là người ủng hộ nhiệt thành cho nền

dân chủ tự do, và những nguyên lý về phê bình xã hội của ông đã trở thành nền tảng cho việc xây dựng xã hội mở và đa nguyên.

NIETZSCHE, F. [1885] (1999). Zarathustra đã nói như thế. Trần Xuân Kiêm dịch, Quang Chiến giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Văn học (Tủ sách Nghiên cứu).

Alfred Delp (1907 – 1945): nhà nghiên cứu triết học Đức, từng bị đi tù vì lãnh đạo phong trào chống Đức Quốc xã trong những năm chiến tranh.

NIETZSCHE, F. [1886] (2008). Bên kia thiện ác. Nguyễn Tường Văn dịch. Hà Nội: Nxb. Văn hóa thông tin.

Walter Benjamin (1892–1940): nhà triết học, phê bình văn học, phê bình xã hội người Đức, một trong những trụ cột của trường phái Frankfurt. Thông qua việc kết hợp chủ nghĩa duy tâm Đức với chủ nghĩa duy vật lịch sử và huyền thoại Do Thái giáo, ông đã để lại những đóng góp đặc biệt quan trọng cho ngành mỹ học và chủ nghĩa Marx tại phương Tây. Benjamin tự tử vào năm 1940 khi cố gắng trốn thoát khỏi phát-xít Đức.

Tham khảo: KIÊN, Nguyễn Trung (2012b).

Anna Freud (1895–1982): nhà luận phân tâm Áo, con gái của Sigmund Freud. Bà có công trong việc ứng luận phân tâm để phân tích tâm lý trẻ em và những nghiên cứu về tầm quan trọng của bản ngã.

Alfred Ayer (1910–1989): nhà triết học Anh, đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa thực chứng logic. Ông giảng dạy logic học trong nhiều năm tại University College London và Đại học Oxford.

FROMM, E. (2012). Phân tâm học và tôn giáo. Lưu Văn Hy dịch. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa.

KANT, I. [1788] (2007). Phê phán lý tính thực hành: Đạo đức học. Bùi Văn Nam Sơn dịch, chú giải. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Bản dịch tiếng Anh của tác phẩm này đã được Nxb. Đại học Northwestern (Mỹ) ấn hành vào năm 1970 (David Carr dịch), bản dịch tiếng Pháp được Nxb. Gallimard (Pháp) ấn hành vào năm 1976 (G. Granel dịch).

Karl Jaspers (1883–1969): nhà triết học và tâm thần học người Đức, có ảnh hưởng lớn đến triết học và tâm thần học hiện đại. Ông có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của chủ nghĩa hiện sinh tại Đức.

SARTRE, J. P. [1938] (1967). Buồn nôn. Phùng Thăng dịch. Sài Gòn: An Tiêm. Tái bản: SARTRE, J. P. [1938] (2008). Buồn nôn. Phùng Thăng dịch. TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Văn hóa Sài Gòn.

BACHELARD, G. [1938] (2009). Sự hình thành tinh thần khoa học: Góp phần luận phân tâm về sự hiểu biết khách quan. Hà Dương Tuấn dịch; Nguyễn Văn Khoa hiệu đính. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Henri Lefebvre (1901–1991): nhà triết học và xã hội học mác-xít người Pháp, nổi tiếng với những phê phán về đời sống thường ngày, và khái niệm kiến tạo không gian xã hội, bên cạnh các tác phẩm về phép biện chứng, về sự tha hóa và những phê phán đối với chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa cấu trúc.

Norbert Guterman (1900–1984): học giả và dịch giả người Pháp, theo đạo Do Thái. Ông cộng tác với nhà lý thuyết mác-xít Henri Lefebvre để dịch sang tiếng Pháp các tác phẩm của Marx thời trẻ. Sau đó, ông di cư sang Mỹ và trở thành biên tập viên của tạp chí cánh tả Monthly Review.

Ludwig Feuerbach (1804–1872): nhà triết học và nhân chủng học người Đức, ảnh hưởng lớn đến Karl Marx và Friedrich Engels. Ông ủng hộ chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa duy vật, đồng thời phê phán những mặt trái của tôn giáo. Ông được coi là một trong những “cây cầu” về tư tưởng giữa Hegel và Marx.

Thư khố Husserl: được thành lập bởi Linh mục Herman Van Breda (1911–1974), một tu sĩ dòng Thánh Francis, khi đó là nghiên cứu sinh tại Viện Triết học Cao cấp Leuven thuộc Đại học Công giáo Louven, tại Thành phố Louven (Bỉ), nơi vợ chồng ông bà Husserl tị nạn chính trị trước sự truy bức của phát-xít Đức. Năm 1938, khi Husserl qua đời, trước mối đe dọa về sự phá hoại của phát-xít Đức đối với di cảo của Husserl, với sự đồng ý của người vợ Husserl và sự cố vấn của Maurice Merleau-Ponty, Breda và cộng sự đã di dời toàn bộ di cảo của Husserl (gồm hơn 40.000 trang bản thảo viết tay của Husserl) về Viện Triết học Cao cấp Leuven, và lưu trữ di cảo của Husserl từ đó cho đến nay. Để làm được việc này, Breda đã phải vận động Thủ tướng Bỉ khi đó là Paul-Henri Spaak để mang di cảo của Husserl từ thành phố Freiburg (Đức) (nơi Husserl sống và làm việc những năm cuối

đời) tới Đại sứ quán Bỉ tại Đức rồi vận chuyển về Bỉ theo đường ngoại giao, vượt qua sự kiểm soát của quân đội phát-xít Đức, làm cơ sở để bảo tồn nguyên vẹn di sản của Husserl và xuất bản Toàn tập Husserl (Husserliana) trong những năm sau chiến tranh, gồm 30 tập, xuất bản liên tục trong giai đoạn 1962–1996, với sự cộng tác đặc lực của Merleau–Ponty, Ludwig Landgrebe, Eugen Fink và Trần Đức Thảo. Họ cũng tham gia vào các hoạt động của Thư khố Husserl trong thời kỳ đầu. Thư khố Husserl ở Paris tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm được thành lập năm 1988, do Jean–François Courtine làm giám đốc. [Nguồn: LUẬT, Phạm Trọng (2004)].

Tạp chí triết học bằng tiếng Pháp xuất bản tại Bỉ, với sự cộng tác và hỗ trợ của Karl Popper và Bertrand Russell.

Jean Hyppolite (1907–1968): nhà triết học Pháp, có công lớn trong việc dịch và truyền bá triết học Hegel vào Pháp. Sau khi tốt nghiệp tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm cùng thời điểm với Jean–Paul Sartre, ông đã tự học tiếng Đức để đọc và sau đó dịch tác phẩm kinh điển của Hegel, Hiện tượng luận Tinh thần, từ tiếng Đức sang tiếng Pháp. Những bài giảng và công trình nghiên cứu về Hegel và Karl Marx của ông tại các trường đại học đã góp phần quan trọng để hình thành nên một thế hệ triết gia Pháp mới, với nhiều tên tuổi lớn, trong đó có Trần Đức Thảo, Michel Foucault, Gilles Deleuze, Jacques Derrida và Étienne Balibar.

Nicola Abbagnano (1901-1990): nhà triết học hiện sinh người Ý. Ông ủng hộ chủ nghĩa duy nghiệm. Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi Husserl, Kierkegaard, Heidegger và Jaspers, nhưng tư tưởng triết học của ông có nhiều điểm gần gũi với các nhà triết học hiện sinh Pháp.

BERDYAEV, N. A. [1939] (2015). Con người trong thế giới tinh thần: Trải nghiệm triết học cá biệt luận. Nguyễn Văn Trọng dịch, giới thiệu và chú giải. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

KANT, I. [1790] (2007). Phê phán năng lực phán đoán: Mỹ học và mục đích luận. Bùi Văn Nam Sơn dịch, chú giải. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

TOCQUEVILLE, A. [1840] (2007). Nền dân trị Mỹ. Phạm Toàn dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính, giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Marvin Farber (1901 – 1980): nhà triết học Mỹ, có công đầu trong sự phát triển của hiện tượng luận tại lục địa Bắc Mỹ. Ông phụ trách tờ tạp chí *Philosophy and Phenomenological Research* trong hơn 40 năm.

DESCARTES, R. [1641] (1972). *Những suy niệm siêu hình học*. Trần Thái Đình dịch và chú giải. Sài Gòn: Ra khơi xuất bản.

Gaston Berger (1896 – 1960): nhà triết học và tương lai học người Pháp sinh tại Senegal, nổi tiếng với nghiên cứu về triết học Husserl. Thời trẻ, sau khi phục vụ quân đội, ông theo học tại Đại học Aix-en-Provence và là học trò của Maurice Blondel, để lại nhiều nghiên cứu giá trị về tâm lý học và tương lai học. Ông có nhiều đóng góp lớn đối với quá trình hiện đại hóa hệ thống đại học Pháp vào những thập niên sau chiến tranh. Ông cũng có vai trò quan trọng trong trao đổi văn hóa giữa Pháp và Hoa Kỳ.

Albert Camus (1913–1960): nhà văn, nhà báo và nhà triết học hiện sinh Pháp. Ông là một trong những đại diện tiêu biểu nhất của chủ nghĩa hiện sinh trong văn chương. Tiếp thu truyền thống nhân văn của văn chương Pháp và chịu ảnh hưởng của khuynh hướng mác-xít, các tác phẩm của ông thể hiện sự tranh đấu chống lại chủ nghĩa hư vô và bảo vệ tự do của con người, mà tiểu luận *L'Homme révolte* [Sự nổi loạn của con người] là một minh chứng tiêu biểu. Ông cũng là người bạn vong niên thân thiết của Jean-Paul Sartre. Ông được nhận giải thưởng Nobel Văn chương năm 1957.

THI, Nguyễn Đình: *Triết học Nietzsche* (1942), *Triết học Kant* (1942), *Triết học Descartes* (1943), *Siêu hình học* (1943), *Triết học Einstein* (1943). Hà Nội: Tân Việt (Tủ sách triết học)

Georges Bataille (1897–1962): nhà triết học và nghiên cứu văn học Pháp. Ông nghiên cứu rộng, từ triết học, xã hội học, kinh tế học, nhân chủng học tới văn chương và lịch sử nghệ thuật. Ông đặc biệt thành công với các tác phẩm nghiên cứu về dâm tính trong văn học. Những nghiên cứu của ông về chủ nghĩa duy vật dựa trên kinh nghiệm (thay vì theo hướng duy lý hóa) đã ảnh hưởng lớn đến các triết gia thế hệ sau, đặc biệt là Jacques Derrida.

SARTRE, J. P. [1943] (1968). *Hữu thể và hư vô*. Sài Gòn: Giao Điểm.

Simone Weil (1909–1943): nhà triết học và nhà hoạt động chính trị người Pháp. Là một thần đồng, bà đã tự nghiên cứu triết học Hy Lạp từ năm 12 tuổi. Khi mới 10 tuổi, bà từng tuyên bố theo chủ nghĩa Bolshevik, và ít năm sau, bà tham gia các phong trào của công nhân. Bà là nữ sinh đầu tiên của Khoa Triết thuộc Đại học Sư phạm phố d’Ulm. Sau khi tốt nghiệp tại d’Ulm, bà dạy học một thời gian trước khi tự nguyện vào làm công nhân cho tập đoàn ô-tô Renault để hiểu thêm về đời sống công nhân. Bà mất trong chiến tranh vì bệnh lao, để lại sự nghiệp dang dở và niềm thương tiếc sâu sắc. Albert Camus từng ca ngợi bà là “tâm hồn vĩ đại duy nhất của thời đại chúng ta”.

Enzo Paci (1911–1976): nhà triết học Ý. Ông là đại diện tiêu biểu nhất của chủ nghĩa hiện sinh ở Ý. Ông đã truyền bá tư tưởng của nhà triết học của Edmund Husserl và triết học của Jean–Paul Sartre vào nền triết học Ý. Tác phẩm: *Esistenzialismo e storicismo* [Chủ nghĩa hiện sinh và Chủ nghĩa lịch sử] (1950), *Fenomenologia e dialettica* [Hiện tượng luận và truyền thống duy vật] (1974)...

Theodor W. Adorno (1903–1969): nhà xã hội học, triết học và âm nhạc học người Đức, nổi tiếng với lý thuyết phê phán xã hội và các tư tưởng về mỹ học. Ông là thành viên chủ chốt của trường phái Frankfurt. Trưởng thành trong những thập niên bùng nổ của chủ nghĩa hiện sinh và chủ nghĩa thực chứng, ông và cộng sự đã sử dụng các tác phẩm của Hegel, Marx, Freud và truyền thống triết học Đức để phê phán chủ nghĩa phát-xít, xã hội công nghiệp hiện đại và nền văn hóa phương Tây đương đại. Tác phẩm *Dialektik der Aufklärung* [Biện chứng của Khai sáng] của ông ảnh hưởng sâu sắc tới phong trào cánh tả tại châu Âu.

Friedrich August von Hayek (1899 – 1992): nhà kinh tế học và nhà khoa học chính trị người Anh gốc Áo nổi tiếng. Hayek được biết đến qua lập luận ủng hộ cho chủ nghĩa tư bản trên thị trường tự do. Ông và Gunnar Myrdal nhận Giải thưởng Nobel Kinh tế học năm 1974.

HAYEK, F. A. [1944] (2009). *Đường về nô lệ*. Phạm Nguyên Trường dịch, Đinh Tuấn Minh hiệu đính, giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

NIETZSCHE, F. [1895] (2011). Kẻ phản Ki-tô: Thử đưa ra một phê bình Ki-tô giáo. Hà Vũ Trọng dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

COMTE, A. [1895] (1993). Các quy tắc của phương pháp xã hội học. Nguyễn Gia Lộc dịch. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Simone de Beauvoir (1908–1986): nhà văn, nhà triết học hiện sinh, nhà lý thuyết xã hội theo khuynh hướng mác-xít, nhà hoạt động chính trị người Pháp nổi tiếng. Bà là bạn thân và sau đó là vợ của Jean–Paul Sartre. Tác phẩm của bà rất đa dạng về đề tài và thể loại, nhưng bà thành công nhất với các tiểu thuyết. Tiểu thuyết *Les Mandarins* (1954), phản ánh vai trò và ảnh hưởng của giới trí thức Pháp trong những năm sau chiến tranh, đã được giải thưởng Prix Goncourt – giải thưởng văn học danh giá của Pháp.

Tạp chí chính trị, văn chương và triết học của Pháp, do Jean–Paul Sartre, Maurice Merleau–Ponty, Ramond Aron và Simone de Beauvoir thành lập năm 1945, quy tụ nhiều trí thức và văn nghệ sĩ hàng đầu của Pháp, bên cạnh bốn sáng lập viên, còn có những tên tuổi như Maurice Merleau–Ponty, Albert Camus, André Malraux, Jean Paulhan... Thời gian đầu, *Les Temps modernes* ảnh hưởng nhiều bởi chủ nghĩa hiện sinh của Sartre. Đến nay, tạp chí này đã phát hành được gần 600 số thường kỳ và rất nhiều số chuyên đề. Roger Garaudy (1913–2012): nhà triết học mác-xít người Pháp. Ông tham gia kháng chiến chống lại sự xâm lược nước Pháp của phát-xít Đức trong Đại chiến thế giới II, và bị bắt làm tù binh. Sau chiến tranh, ông gia nhập Đảng Cộng sản Pháp, được bầu làm nghị sĩ quốc hội, đại diện cho tiếng nói của Đảng Cộng sản và các lực lượng cánh tả Pháp. Năm 1970, ông rời bỏ Đảng Cộng sản Pháp sau sự kiện Mùa Xuân Praha. Tác phẩm của ông tạo ra tranh luận sôi nổi.

POPPER, K. [1945] 2004. Xã hội mở và những kẻ thù của nó. Nguyễn Quang A dịch. Hà Nội: Tủ sách SOS2.

John Lewis (1889–1976): nhà triết học mác-xít người Anh. Ông nghiên cứu rộng, gồm cả nhân chủng học và tôn giáo. Ông để lại nhiều khảo cứu giá trị về triết học mác-xít. Ông cũng tham gia hoạt động chính trị với tư cách một trí thức cánh tả nhiệt thành.

Søren Kierkegaard (1813–1855): nhà triết học Đan Mạch, người khởi xướng thuyết hiện sinh Ki-tô giáo. Ông là cầu nối giữa triết học Hegel với chủ nghĩa hiện sinh. Ông để lại nhiều nghiên cứu giá trị về bản chất của niềm tin, đạo đức học và thần học Ki-tô giáo, trên cơ sở phê phán triết học Hegel. Triết học hiện sinh của ông được xây dựng trên nền tảng hữu thần, khác với triết học của Nietzsche hay Jean-Paul Sartre vốn được xây dựng trên nền tảng vô thần. Ludwig Wittgenstein ca ngợi ông là “nhà tư tưởng sâu sắc nhất của thế kỷ XIX”.

Georges Friedmann (1902 – 1977): nhà xã hội học Pháp. Ông tham gia kháng chiến và dạy học tại Đại học Sư phạm phố d’Ulm sau chiến tranh, tiếp nhận ảnh hưởng của chủ nghĩa Marx và có nhiều liên hệ với Đảng Cộng sản Pháp. Ông là cầu nối giữa xã hội học với truyền thống siêu hình học của triết học Pháp. Ông nhấn mạnh sự khác biệt giữa truyền thông và văn hóa đại chúng.

SARTRE, J. P. [1946] (1968). Hiện sinh – một nhân bản thuyết. Thụ Nhân dịch. Sài Gòn: Thế sự; SARTRE, J. P. [1946] (2015). Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản. Đinh Hồng Phúc dịch dịch. Hà Nội: Nxb Tri thức.

Louis Althusser (1918–1990): nhà triết học Pháp. Ông học và sau dạy tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm. Gia nhập Đảng Cộng sản Pháp năm 1948, ông là một triết gia uy tín của Đảng. Khi trào lưu cấu trúc (structuralisme) tràn ngập các ngành học thuật Pháp từ thập niên 1960 (Roman Jakobson trong ngôn ngữ học, Roland Barthes trong lý luận văn học, Jacques Lacan trong luận phân tâm, Lévi-Strauss trong nhân chủng học), thì Louis Althusser và học trò của ông, Michel Foucault, cũng thuộc khuynh hướng này. Althusser được xem là đầu đàn của trường phái Marx cấu trúc (marxisme structuraliste), còn Michel Foucault thì rẽ sang hướng khác, khi trường phái cấu trúc nổ thành nhiều mảnh “hậu cấu trúc” vào khoảng những năm 1970. Về mặt tư tưởng, chủ nghĩa Marx cấu trúc được xem là giải đáp cho hai mối nguy đang đe dọa dự án cách mạng xã hội chủ nghĩa lúc ấy: chủ nghĩa kinh nghiệm đang ào ạt trở về trong các khoa học xã hội, và khuynh hướng dân chủ, nhân bản trong phương hướng của các

chính đảng tả khuynh. Althusser giết vợ năm 1980, bị giam giữ trong nhà thương điên cho đến khi mất năm 1990. (Nguồn: Phạm Trọng Luật (2004)). Mikel Dufrenne (1910 – 1995): nhà triết học Pháp, tốt nghiệp Đại học sư phạm phố d’Ulm, từng làm Chủ tịch Hội mỹ học Pháp. Ông làm phong phú truyền thống mỹ học Pháp bằng các nghiên cứu mỹ học dựa trên cách tiếp cận của hiện tượng luận.

Jean-François Lyotard (1924–1998): nhà triết học, xã hội học và lý thuyết văn chương Pháp, xu hướng cánh tả. Ông có đóng góp đặc biệt đối với sự phát triển của chủ nghĩa hậu hiện đại, và sự phân tích những tác động của tính hiện đại tới hoàn cảnh con người. Ông là một trong những triết gia phương Tây tiên phong nghiên cứu về các truyền thống tôn giáo, triết học phương Đông như Phật giáo, Lão giáo, chủ nghĩa khắc kỷ... Ông cùng Jacques Derrida, Gilles Deleuze thành lập Trường Cao đẳng Triết học quốc tế(International College of Philosophy).

C. Montesquieu [1748] 1996. Tinh thần pháp luật (Trích dịch 166 chương cùng các tiểu dẫn và phụ lục). Hoàng Thanh Đạm dịch. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

MARX, K. & F. Engels. [1848] 1946. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản. Thép Mới dịch. Hà Nội: Nxb. Sự thật (Tủ sách mác-xít).

A. I. Herzen (1812–1870): nhà tư tưởng và nhà văn Nga, được coi là “cha đẻ của chủ nghĩa xã hội Nga”. Ông lên tiếng tố cáo chế độ nông nô của Nga và bảo vệ mạnh mẽ sự tự do của con người, đặc biệt là tự do tư tưởng.

Tham khảo: KIÊN, Nguyễn Trung (2012a).

Claude Lévi-Strauss (1908–2009): nhà nhân chủng học, dân tộc học và triết học nổi tiếng người Pháp, thường được coi là “cha đẻ nhân chủng học hiện đại”. Ông lập luận rằng, tinh thần “dã man” có cùng cấu trúc như tinh thần “văn minh”, và các đặc điểm con người là như nhau ở mọi nơi. Những quan sát như vậy thể hiện rõ trong tác phẩm kinh điển của ông, Tristes Tropique [Nhiệt đới buồn] (1955). Ông là một trong đại diện tiêu biểu của trường phái cấu trúc luận, ảnh hưởng đến triết học và nhiều ngành khoa học nhân văn khác nhau, trong đó các tác phẩm Race et histoire [Chủng tộc và

lịch sử] (1952), *Anthropologie structurale* [Nhân chủng học cấu trúc luận] (1958) trở thành kinh điển cho nhiều ngành, đặc biệt là nhân chủng học.

Jean Lacroix (1900 – 1986): nhà triết học Pháp. Ông kêu gọi vượt qua những “giới hạn” của chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa hiện sinh để đến với chủ nghĩa nhân cách (personalisme), trong đó đức tin tôn giáo đóng vai trò quan trọng trong quá trình hoàn thiện thế giới quan và nhân sinh quan.

Cornelius Castoriadis (1922 – 1997): nhà triết học, kinh tế học, luận phân tâm và phê bình xã hội người Pháp gốc Hy Lạp. Ông chịu ảnh hưởng của tư tưởng mác-xít từ khi còn rất trẻ, cũng như tư tưởng của triết học Hy Lạp cổ đại và luận phân tâm của Freud. Ông lên tiếng tố cáo những tội ác của chủ nghĩa toàn trị tại Liên Xô thời Stalin. Các tác phẩm của ông về khuynh hướng tự trị và các thể chế xã hội có ảnh hưởng lớn tới giới học thuật và các nhà hoạt động chính trị.

Guy Debord (1931-1994): nhà lý thuyết Mác-xít, nhà văn và nhà làm phim người Pháp, một trí thức cánh tả tiêu biểu của Pháp giai đoạn sau Chiến tranh. Ông tỏ ý quan ngại sâu sắc đối với sự thống trị của các chính phủ và giới truyền thông trong đời sống thường ngày thông qua sản xuất và tiêu thụ hàng loạt. Chịu ảnh hưởng bởi Marx và Lukács, ông phê phán cả chủ nghĩa tư bản phương Tây lẫn chủ nghĩa cộng sản độc tài tại Đông Âu, cho rằng cả hai thể chế này đều thiếu không gian tự trị dành cho cá nhân. Ông cho rằng sự “tha hóa” của con người đã quay trở lại dưới hình thức mới thông qua “diễn cảnh”, trong đó các mối quan hệ xã hội được “ngụy trang” bởi truyền thông đại chúng, quảng cáo và văn hóa đại chúng.

René Le Senne (1882 – 1954): nhà siêu hình học và tâm lý học người Pháp, có nhiều đóng góp quan trọng cho ngành triết học về giá trị và các nghiên cứu về quyền lực tâm linh. Sau khi tốt nghiệp tại Đại học Sư phạm phố d’Ulm, ông giảng dạy tại Đại học Sorbonne. Kế thừa tư tưởng của Kant và phê phán Bergson, các tác phẩm của ông hướng đến chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối, với phát biểu nổi tiếng: “Je souffre, donc je suis” (Tôi đau khổ, vậy tôi tồn tại).

HERZEN, A. I. [1950] 2102. Từ bờ bên kia. Nguyễn Văn Trọng dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

JASPER, K. [1950] (1960). *Triết học nhập môn*. Lê Tôn Nghiêm dịch. Huế: Nxb. Đại học. Tái bản: Sài Gòn: Ca Dao, 1974.

Paul Ricœur (1913–2005): nhà triết học Pháp. Ông nổi tiếng với những công trình tích hợp hiện tượng luận vào ngành chú giải học, kế thừa tư tưởng của Martin Heidegger và Hans–Georg Gadamer. Ông là một trong những chuyên gia hàng đầu về triết học Husserl tại Pháp, và là người dịch tác phẩm của Husserl từ tiếng Đức sang tiếng Pháp. Ông cũng có nhiều đóng góp cho ngành triết học ngôn ngữ. Jacques Derrida đã từng làm phụ tá cho ông.

Éric Weil (1904–1977): nhà triết học người Pháp gốc Đức, chịu ảnh hưởng của khuynh hướng mác-xít. Ông là học trò của nhà triết học Đức Ernst Cassirer. Ông cùng với Georges Bataille và Alexandre Koyré sáng lập tạp chí *Critique*. Ông có ảnh hưởng lớn đối với sự hình thành của ngành Hegel học tại Pháp vào những thập niên sau chiến tranh. Ông cũng để lại nhiều khảo cứu giá trị về triết học Kant.

Ferdinand Alquié (1906 – 1985): nhà triết học và nhà văn Pháp. Thời trẻ, ông chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa siêu thực trong văn chương. Sau khi tốt nghiệp tại Đại học Sorbonne, ông giảng dạy triết học tại Paris. Ông có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của chủ nghĩa siêu thực ở Pháp. Ông cũng để lại nhiều nghiên cứu giá trị về triết học của Descartes, Spinoza và Kant. Gilles Deleuze từng là học trò của ông.

Erich Fromm (1900–1980): nhà tâm lý xã hội, luận phân tâm, xã hội học, triết học nhân văn và nhà dân chủ xã hội người Đức. Ông có nhiều ảnh hưởng đến trường phái “Lý thuyết phê phán Frankfurt”.

FROMM, E. [1950] (1968). *Tâm phân học và tôn giáo*. Trí Hải dịch. Sài Gòn: Tu thư Đại học Vạn Hạnh.

Fritz Heinemann (1889–1970): nhà triết học Đức, xuất thân trong gia đình Do Thái thượng lưu. Khi phát-xít Đức lên cầm quyền và cấm ông giảng dạy tại các trường đại học của Đức, ông đã di cư sang Pháp và tiếp tục dạy học tại Đại học Sorbonne, kết bạn với Gabriel Marcel và Nicolai Berdyaev. Các tác phẩm của ông là lời phê phán đanh thép đối với chủ nghĩa hiện sinh.

Hannah Arendt (1906–1975): nhà lý thuyết chính trị người Mỹ gốc Đức, học trò của Heidegger. Các tác phẩm của bà đề cập đến bản chất của quyền lực chính trị, chủ nghĩa toàn trị, nền dân chủ trực tiếp và các đề tài quan trọng khác của chính trị học hiện đại.

Sau này, Trần Đức Thảo nói rõ: Ông trở về Việt Nam tham gia kháng chiến là để thấu hiểu chủ nghĩa Marx – Lenin và khắc phục những khuynh hướng phát triển không đúng với tinh thần của Marx, Engels và Lenin, mà ông thấy đã chớm nở từ sau khi tư tưởng Stalin thống trị học thuyết mác-xít, cụ thể là tư tưởng siêu hình, tuyệt đối hóa đấu tranh giai cấp, đối lập một cách siêu hình giữa các hệ thống triết học, giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, không nhận thức được quy luật biện chứng trong sự kế thừa [Nguồn: CHỦ, Cù Huy & Cù Huy Song Hà (2011)].

Yvon Belaval (1908 – 1988): nhà triết học và ngữ văn người Pháp, chuyên gia về Leibniz và triết học thế kỷ XVIII, chịu ảnh hưởng của truyền thống siêu hình học Đức. Ông có đóng góp lớn trong việc phục hồi các bản thảo chưa được xuất bản của Leibniz. Ông để lại nhiều công trình giá trị về triết học của Voltaire, Diderot và Hegel. Ông giảng dạy nhiều năm tại Đại học Lille. Michel Foucault từng làm trợ lý cho ông.

Frantz Fanon (1925–1961): nhà triết học và hoạt động chính trị cấp tiến người Pháp, theo khuynh hướng mác-xít. Ông có nhiều ảnh hưởng trong các nghiên cứu về lý thuyết phê phán, các vấn đề thuộc địa và hậu thuộc địa. Ông lên tiếng mạnh mẽ ủng hộ phong trào giải phóng thuộc địa, đặc biệt là các thuộc địa của Pháp trên toàn thế giới. Ông là một trong những nhà triết học chịu ảnh hưởng của Trần Đức Thảo.

Kuroda Kan'ichi (1927–2006): nhà triết học và lý thuyết xã hội Nhật Bản. Ông chịu ảnh hưởng của triết học mác-xít từ trẻ, sau đó theo học các nhà triết học nổi tiếng như Umemoto Katsumi và Uno Kōzō. Ông phê phán “chủ nghĩa duy vật máy móc” và phát triển lý thuyết riêng về “tính khách quan duy vật biện chứng” (Materialist Subjectivity). Ông để lại nhiều khảo cứu giá trị về lịch sử văn hóa Nhật Bản.

EINSTEIN, A. [1953] (2005). Thế giới như tôi thấy. Đinh Bá Anh, et al dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh

hoa Tri thức Thế giới).

Roland Barthes (1915–1980): nhà văn, nhà phê bình và lý luận văn học Pháp. Nghiên cứu của ông trải rộng và ảnh hưởng đến nhiều trường phái, lý thuyết như chủ nghĩa cấu trúc, ký hiệu học, nhân chủng học, chủ nghĩa hậu cấu trúc... Thời trẻ, ông đọc Sartre, Marx, Lénine và Trotsky, sau đó tiếp xúc với ngôn ngữ học cấu trúc (Saussure, Jakobson...) và trở thành đại biểu chính của cấu trúc luận trong văn học. Ông còn hoạt động tích cực trong nhiều lĩnh vực văn hóa khác như sân khấu, báo chí, xuất bản...

BARTHES, R. [1953] (1997). *Độ không của lối viết*. Nguyễn Ngọc dịch và giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Hội nhà văn.

Raymond Bayer (1898–1960): nhà triết học Pháp, từng giảng dạy tại Đại học Sorbonne. Ông để lại nhiều nghiên cứu giá trị về mỹ học.

Jacques Lacan (1901–1981): nhà luận phân tâm và tâm lý học trị liệu nổi tiếng người Pháp. Ông phủ định luận điểm vốn vẫn được thừa nhận rộng rãi rằng ngôn ngữ có thể mô tả hiện thực. Với những bài giảng trong giai đoạn 1953–1981, ông đã có nhiều ảnh hưởng tới giới trí thức Pháp trong những thập niên 1960–1970, đặc biệt là các nhà triết học thuộc trường phái hậu cấu trúc, đồng thời thúc đẩy tiến trình tiếp nhận triết học Heidegger tại Pháp. Lý thuyết của ông còn ảnh hưởng tới sự phát triển của xã hội học, văn học và điện ảnh. Ông là một trong những người gây tranh cãi nhất trong lịch sử luận phân tâm.

Guy Besse (1919–2004): nhà triết học mác-xít và chính trị gia người Pháp, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Pháp. Ông tham gia các hoạt động trong phong trào cộng sản tại Pháp từ thời trẻ. Ông từng giảng dạy triết học tại Sorbonne, nghiên cứu tại CNRS và làm giám đốc Édition Sociales (Nhà xuất bản Xã hội). Cùng với Roger Garaudy, ông có nhiều ảnh hưởng đến hoạt động lý luận của Đảng Cộng sản Pháp.

Maurice Caveing (1923): nhà triết học và lịch sử toán học người Pháp.

Chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa thực chứng và chủ nghĩa nhân văn, ông đã đưa ra những kiến giải mới mẻ về lịch sử toán học. Ông từng làm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia (CNRS).

Jules Vuillemin (1920 – 2001): nhà triết học Pháp, có nhiều đóng góp đặc biệt quan trọng cho lý thuyết về tri thức. Ông là bạn thân của Giáo sư Trần Đức Thảo tại Đại học Sư phạm phố d’Ulm, cùng tốt nghiệp cử nhân triết học với Trần Đức Thảo tại đây vào năm 1943. Ông là chủ nhiệm bộ môn “Triết học về tri thức” tại Collège de France trong giai đoạn 1962–1990, sinh hoạt triết học chung với các đồng nghiệp nổi tiếng như Michel Foucault và Pierre Bourdieu. Ông là một trong những triết gia Pháp đầu tiên có nhiều đóng góp quan trọng cho ngành triết học phân tích thông qua việc truyền bá các tác phẩm của Bertrand Russell, Rudolf Carnap và W. v. O. Quine vào nền triết học Pháp.

Johann Gottlieb Fichte (1762–1814): nhà triết học Đức, người sáng lập chủ nghĩa duy tâm Đức trên tinh thần kế thừa di sản triết học Kant. Fichte được xem là “cầu nối” giữa Kant và Hegel. Ông có nhiều nghiên cứu quan trọng về quá trình tự ý thức. Ông được coi là một trong những người hình thành và phát triển chủ nghĩa dân tộc tại Đức.

Henri Arvon (1914–1992): nhà lịch sử tư tưởng người Pháp, viết nhiều tác phẩm về lịch sử của chủ nghĩa vô chính phủ. Ông để lại một số nghiên cứu giá trị về chủ nghĩa Marx, mĩ học mác-xít và các nhà mác-xít Nga. Ông còn có công lớn trong việc truyền bá Phật giáo vào Pháp và châu Âu. Tác phẩm “Le Bouddhisme” [Phật giáo] do ông biên soạn, trong bộ sách Que sais-je? [Tôi biết gì] nổi tiếng, đã được tái bản hơn 20 lần.

Gustav Bergmann (1906 – 1987): nhà triết học Áo. Ông là thành viên của nhóm “Vienna Circle”, vốn ủng hộ mạnh mẽ cho chủ nghĩa thực chứng logic.

Jean Beaufret (1907–1982): nhà triết học Pháp, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc truyền bá triết học Heidegger tại Pháp. Là người rất thành công trong sự nghiệp giảng dạy triết học, ông đã cùng với các sinh viên của mình thảo luận triết học với Heidegger vào những năm sau chiến tranh.

CHARDIN, P. T. C. [1955] (2014). Hiện tượng con người. Đặng Xuân Thảo dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

LÉVI-STRAUSS, C. [1955] 2009. Nhiệt đới buồn. Ngô Bình Lâm dịch; Nguyễn Ngọc hiệu đính. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

Sidney Hook (1902 – 1989): nhà triết học Hoa Kỳ thuộc trường phái thực dụng. Ông có nhiều đóng góp trong triết học về lịch sử, triết học về giáo dục và đạo đức học. Ông nổi tiếng với những phê phán về chủ nghĩa toàn trị và chủ nghĩa phát-xít. Ông cũng là thành viên tích cực của Đảng Cộng sản Hoa Kỳ.

Joachim Ritter (1903–1974): nhà triết học Đức. Là bạn học của Martin Heidegger, ông bảo vệ luận án tiến sĩ triết học năm 1925 dưới sự hướng dẫn của Ernst Cassirer. Là một trong những triết gia Đức ảnh hưởng nhất trong những thập niên sau chiến tranh, ông cho rằng “xã hội dân sự” có chức năng “mỹ hóa” các mối quan hệ giữa người với người, giúp giải phóng con người khỏi những ràng buộc của các mối quan hệ xã hội mang tính “truyền thống” để thích ứng với xã hội hiện đại.

POPPER, K. [1957] (2010). Sự nghèo nàn của thuyết sử luận. Chu Lan Đình dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

BATAILLE, G. [1957] (2013). Văn học và cái ác. Phạm Xuân Nguyên dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

Milovan Đilas (1911 – 1995): chính trị gia người Nam Tư, theo khuynh hướng “xã hội chủ nghĩa dân chủ”. Ông hoạt động chính trị tích cực từ trẻ, đi nhiều và giao du với nhiều nhân vật quan trọng của “khối Cộng sản”, trong đó có Stalin.

Elizabeth Anscombe (1919 – 2001): nhà triết học phân tích người Anh. Bà là học trò và là chuyên gia hàng đầu về triết học của Ludwig Wittgenstein. Bà nghiên cứu rộng: triết học về tư duy, triết học về ngôn ngữ, đạo đức học, logic triết học... Trong tác phẩm Intention [Ý hướng tính], bà khẳng định ý hướng tính là cơ sở để chúng ta tự nhận thức về bản thân mình.

Alain Badiou (1937): nhà triết học mác-xít người Pháp, gương mặt tiêu biểu của giới trí thức cánh tả. Ông từng làm Chủ nhiệm Khoa Triết tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm. Lĩnh vực nghiên cứu triết học của ông trải rộng: từ chủ nghĩa Marx, bản thể luận, đạo đức học đến triết học về

toán học... Ông cũng từng là lãnh tụ của L'Organisation Politique, đấu tranh cho quyền lợi của tầng lớp lao động bình dân và người nhập cư.

BARTHES, R. [1958] 2008. Những huyền thoại. Phùng Văn Tửu dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa tri thức Nhân loại).

Raya Dunayevskaya (1910–1987): nhà triết học Mỹ gốc Nga, theo đạo Do Thái. Bà từng làm thư ký cho Leon Trotsky trong thời gian ông bị trục xuất sang Mexico. Bà được xem là người sáng lập chủ nghĩa nhân văn mác-xít tại Mỹ vì có nhiều đóng góp quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Marx nhân văn tại đây.

CHÂU, Nguyễn Nam (1958). Sứ mệnh văn nghệ. Huế: Nxb. Đại học.

Các bài tiêu biểu: Vấn đề giải thoát con người trong Phật Giáo và tư tưởng J.P Sartre (Nguyễn Văn Trung); Thời gian Hiện sinh trong 'Đoạn Trường Tân Thanh' (Lê Tuyên); Vài cảm nghĩ về tình cảm phi lý của kẻ lưu đày (Nguyễn Văn Trung); Từ tri thức phản kháng đến tình liên đới nhân loại (Lê Tuyên); Vị trí trào lưu hiện sinh trong lịch sử Triết học (Trần Văn Toàn); Giới thiệu Triết học Merleau-Ponty (Trần Thái Đình); G. Marcel hay con người là một huyền niệm (Thân Văn Tường); Vấn đề con người trong tư tưởng Karl Jaspers (Lê Tôn Nghiêm); Cuộc đời như một tra hỏi (Nguyễn Văn Trung); Karl Jaspers hay là thảm trạng của tri thức trong thân phận con người (Thân Văn Tường); M. Heidegger là triết gia của Hữu thể hay của Hư vô (Thân Văn Tường); Thi ca và triết học (Nguyễn Văn Trung); Yếu tính của tha nhân (Trần Thái Đình); Tôi với người khác (Cung Giũ Nguyễn); Tha nhân, thành phần của bản thân tôi (Trần Văn Toàn); Heidegger và bản chất của thi ca (Trần Thái Đình)...

DARWIN, C. [1859] (2009). Nguồn gốc các loài qua con đường chọn lọc tự nhiên hay sự bảo tồn những nòi ưu thế trong đấu tranh sinh tồn. Trần Bá Tín dịch, Nguyễn Duy Long hiệu đính, Bùi Văn Nam Sợng giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

MILL, J. S. [1859] (2005). Bàn về tự do. Nguyễn Văn Trọng dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

Lucien Goldmann (1913–1970): nhà triết học Pháp, sinh tại Rumani, gốc Do Thái. Ông là nhà triết học mác-xít đầy ảnh hưởng, được các nhà triết

học cùng thời ca ngợi là “nhà mác-xít tuyệt vời và thông minh nhất của thời đại”, một đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa cấu trúc. Chịu ảnh hưởng của Blaise Pascal, ông tự đánh giá các tác phẩm của mình là mang tính “duy vật” và “nhân bản”.

Gustav Gustavovich Shpet (1879 – 1937): nhà hiện tượng luận người Nga xuất sắc, và nhà bác ngữ (ông thông thạo 17 ngôn ngữ khác nhau). Ông có nhiều nghiên cứu giá trị về triết học, mỹ học và ngôn ngữ Nga. Ông từng là học trò và bạn vong niên của Husserl. Ông đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong tiến trình tiếp nhận hiện tượng luận tại Nga và Liên Xô. Ông nỗ lực tổng hợp hiện tượng luận của Husserl với triết học Plato và tư tưởng của Chính Thống giáo. Năm 1935, ông bị chính quyền Stalin bắt giam, và trong thời gian lao tù, ông đã hoàn thiện bản dịch tác phẩm Hiện tượng luận tinh thần từ tiếng Đức sang tiếng Nga. Ông bị xử tử năm 1937.

Hans-Georg Gadamer (1900–2002): nhà triết học Đức, một tên tuổi lớn của truyền thống triết học lục địa. Qua tác phẩm Wahrheit und Methode [Chân lý và Phương pháp], ông đã đưa ngành thông diễn học phát triển lên tầm cao mới. Ông cũng phê phán khuynh hướng áp dụng phương pháp luận của khoa học tự nhiên vào các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

SA, Nguyễn (1960). Quan điểm văn học và triết học. Sài Gòn: Nam Sơn.

Michel Foucault (1926–1984): nhà triết học, lý thuyết xã hội, lịch sử tư tưởng và phê bình văn học nổi tiếng người Pháp. Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm, ông là học trò của Jean Hyppolite và Louis Althusser. Ông có ảnh hưởng lớn tới triết học và nhiều ngành khoa học xã hội khác nhau thông qua sự phân tích về các cơ chế sử dụng tri thức như là một công cụ kiểm soát xã hội, những nghiên cứu phê phán về các thể chế xã hội, nhân chủng xã hội học về y khoa, nghiên cứu về các hệ thống nhà tù, và lịch sử giới tính của con người. Ông cũng tham gia nhiều hoạt động chính trị, xã hội với tư cách một trí thức cánh tả nhiệt thành.

GARAUDY, R. [1961] (1964). Viễn cảnh của con người. Trần Đức Thảo dịch. Bản thảo đánh máy, 426 trang. Ký hiệu biên mục: VV70.01026 – VV70.01027. Hà Nội: Thư viện Quốc gia Việt Nam.

JUNG, C. G. [1961] (1967). Thăm dò tiềm thức. Vũ Đình Lưu dịch. Sài Gòn: Hoàng Phương Đông xuất bản. In lại: Thúy, Đỗ Lai (2004), tr. 101 – 210. Tái bản: JUNG, C. G. [1961] (2007). Thăm dò tiềm thức. Vũ Đình Lưu dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).
ROUSSEAU, J. J. [1762] (2008). Émile hay là về giáo dục. Lê Hồng Sâm, Trần Quốc Dương dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới)

Jürgen Habermas (1929): nhà xã hội học và triết học người Đức, nổi tiếng với các đóng góp về thuyết phê phán và chủ nghĩa thực dụng. Ông được biết đến với nghiên cứu khái niệm không gian công trong tác phẩm *Strukturwandel der Öffentlichkeit* [Sự chuyển dịch cấu trúc của không gian công]. Các tác phẩm của ông tập trung vào cơ sở của lý thuyết xã hội và nhận thức luận, những phân tích về các xã hội tư bản tiên tiến và nền dân chủ, pháp quyền trong phạm vi phát triển văn hóa-xã hội và chính trị đương thời, đặc biệt là chính trị Đức.

Thomas Kuhn (1922–1996): nhà vật lý học, sử học và triết học về khoa học người Mỹ, nổi tiếng với tác phẩm *The Structure of Scientific Revolutions* [Cấu trúc của các cuộc cách mạng khoa học], tạo ra một cuộc cách mạng lớn trong nhận thức luận khoa học, trong đó ông đưa ra khái niệm “paradigm shift” (chuyển dịch hệ hình), ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của khoa học xã hội nửa cuối thế kỷ XX.

KUHN, T. S. [1962] 2008. Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học. Chu Lan Đình dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

Lucien Sève (1926): nhà triết học mác-xít nổi tiếng của Pháp. Ông là Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, phụ trách Nhà xuất bản Xã hội (thuộc Đảng Cộng sản Pháp). Ông chia sẻ nhiều quan điểm triết học với Giáo sư Trần Đức Thảo. Ông có công trong việc giới thiệu tác phẩm *Những nghiên cứu về nguồn gốc tiếng nói và ý thức* của Giáo sư Trần Đức Thảo cho độc giả Pháp ngữ.

SÈVE, L. [1962] 1967. Triết học hiện đại Pháp và nguồn gốc của nó từ năm 1789 đến nay. Phong Hiêndịch. Hà Nội: Nxb. Khoa học.

Jacques Derrida (1930–2004): nhà triết học Pháp. Ông phát triển lý thuyết phê phán được biết đến là giải cấu trúc (deconstruction). Các tác phẩm của ông, được gọi là hậu cấu trúc luận và gắn với triết học hậu hiện đại, ảnh hưởng lớn tới nhân chủng học, xã hội học, luật học, ký hiệu học, lý thuyết văn học và những nghiên cứu về văn hóa. Ông là nhân vật được bàn luận nhiều trong bản thể luận, nhận thức luận, đạo đức học, mỹ học, thông diễn học và triết học ngôn ngữ. Các tác phẩm của ông cũng gây ảnh hưởng tới kiến trúc, âm nhạc, phê bình nghệ thuật... Tầm ảnh hưởng rộng lớn khiến Derrida trở thành một nhân vật văn hóa nổi tiếng.

Gilles Deleuze (1925–1995): nhà triết học Pháp, có nhiều ảnh hưởng lớn trong triết học và các ngành nghệ thuật khác như văn chương, điện ảnh, hội họa. Ông là học trò của các triết gia hàng đầu của Pháp Georges Canguilhem, Jean Hyppolite, Ferdinand Alquié trong thời gian học tập tại Đại học Sorbonne. Các tác phẩm của ông có thể chia làm hai nhóm: các công trình diễn giải tác phẩm của các triết gia lớn và nhà văn lớn (Spinoza, Leibniz, Hume, Kant, Nietzsche, Bergson, Foucault, Proust, Kafka...), và các công trình viết về các khái niệm quan trọng (khác biệt, cảm giác, tâm thần phân liệt, điện ảnh...). Hai tác phẩm lớn của ông, viết chung với Félix Guattari là *Capitalism and Schizophrenia: Anti-Oedipus* (1972) và *A Thousand Plateaus* (1980).

DELEUZE, G. [1962] 2010. Nietzsche và triết học. Nguyễn Thị Từ Huy dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

GIÁNG, Bùi (1962). Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại. Sài Gòn: Vĩnh Phước. Tái bản: Bùi Giáng [1962] (2001). Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại: Sartre, Marcel, Camus, Faulkner. Hà Nội: Nxb. Văn học.

Jean–Toussaint Desanti (1914–2002): nhà triết học và toán học Pháp, học trò của Jean Cavailles, giáo sư tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm và Đại học Sorbonne, và là một trong những chuyên gia hàng đầu về hiện tượng luận Husserl tại Pháp. Ông tham gia kháng chiến chống phát-xít Đức vào năm 1940, gia nhập Đảng Cộng sản Pháp vào năm 1943, và là bạn chiến đấu của André Malraux. Jacques Derrida và Louis Althusser là hai

trong nhiều học trò nổi tiếng của ông. Ông là bạn cũ của Giáo sư Trần Đức Thảo trong thập niên 1940 tại Paris, và là người giúp đỡ Giáo sư trong những năm tháng cuối đời của Giáo sư tại Paris.

Ludwig Landgrebe (1902–1991): nhà hiện tượng luận người Áo, từng là trợ lý cho Edmund Husserl, và làm Giám đốc Thư khố Husserl từ năm 1954. Ông chịu ảnh hưởng của Max Scheler nhiều hơn, và có nhiều quan điểm khác biệt với Husserl, thể hiện lập trường triết học gần gũi hơn với chủ nghĩa hiện sinh và siêu hình học.

Hal Draper (1914–1990): nhà triết học và nhà hành động theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa người Mỹ. Ông có nhiều tác phẩm giá trị về lịch sử và ý nghĩa của tư tưởng Karl Marx.

William Alston (1921 – 2009): nhà triết học Mỹ, có nhiều đóng góp lớn cho các ngành triết học ngôn ngữ, nhận thức luận và triết học Thiên Chúa giáo. Ông nhấn mạnh đến vai trò của các trải nghiệm huyền bí trong quá trình nhận thức.

Étienne Balibar (1942): nhà triết học mác-xít người Pháp, học trò của Louis Althusser, tham gia các buổi seminar của Althusser về tác phẩm Tư bản của Marx. Ông có nhiều năm giảng dạy triết học tại Đại học Paris X và các đại học lớn của Pháp. Sau khi Althusser mất, ông được coi như là một trong những nhà triết học mác-xít quan trọng nhất của triết học Pháp đương đại. CAMUS, A. [1942] (1965). Người xa lạ. Võ Lang dịch. Sài Gòn: Thời Mới.

TOÀN, Trần Văn (1965a). Triết học Karl Marx. Sài Gòn: Nam Sơn xuất bản.

TOÀN, Trần Văn (1965b). Hành trình đi vào triết học. Sài Gòn: Nam Sơn xuất bản.

TOÀN, Trần Văn (1965c). Xã hội và con người. Sài Gòn: Nam Sơn xuất bản.

TOÀN, Trần Văn (1967). Tìm hiểu đời sống xã hội. Sài Gòn: Nam Sơn xuất bản.

THIỆN, Phạm Công (1965). Ý thức mới trong văn nghệ và triết học. Sài Gòn: An Tiêm.

La Pensée: tạp chí đa chuyên ngành uy tín hàng đầu tại Pháp, do một nhóm trí thức cánh tả thành lập năm 1939, gồm Henri Wallon, Frédéric Joliot–Curie (Nobel Vật lý học), Marcel Prenant, Georges Cogniot... Tên đầy đủ của tạp chí này là Tạp chí về Chủ nghĩa duy lý hiện đại, Khoa học, Triết học và Nghệ thuật. Thời gian đầu, tạp chí xuất bản định kỳ 2 tháng một kỳ, sau đó chuyển thành tạp chí hàng quý.

Tiêu biểu là các bài: Lý Chánh Trung, “E. Mounier, con người của đối thoại”, Hành trình số 9, tháng 12/1965; Vũ Đình Lưu, “Nền tảng đạo đức luận của Sartre và Camus”, Văn số 25, Sài Gòn, 1965, tr. 39; Nguyễn Văn Trung, “Sartre trong đời tôi”, Bách Khoa số 267–268, ngày 15/2 và 01/3/1968; số 269–270, ngày 15/3 và 01/4/1968; Nguyễn Trọng Văn, “Những người con hoang của Nguyễn Văn Trung”, Bách Khoa số 264, Sài Gòn, ngày 01/01/1968; Thế Nguyên, “Nghĩ về “văn chương hiện sinh” hay là tính chất “sì–nớp–bít” của xã hội miền Nam”, Nghiên cứu văn học số 6, Sài Gòn, tháng 6/1968.

Mario Tronti (1931): nhà triết học xuất sắc người Ý, tham gia Đảng Cộng sản Ý từ trẻ. Ông có nhiều nghiên cứu giá trị về triết học Hegel và Marx. Các tác phẩm của ông ảnh hưởng lớn đến phong trào công nhân và cánh tả tại Ý.

DEBORD, G. [1967] (2014). Xã hội diễn cảnh. Nguyễn Tùng dịch, chú thích, giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

. Ivan Sviták (1925–1994): nhà triết học và nhà thơ Tiệp Khắc, một gương mặt nổi bật của chủ nghĩa nhân văn mác-xít tại châu Âu. Trong các tác phẩm của mình, ông cố gắng thống nhất triết học với chính trị và văn chương, văn phong gần gũi với chủ nghĩa siêu thực.

ĐỈNH, Trần Thái (1967). Triết học Kant. Sài Gòn: Cơ–sở xuất–bản Phạm Quang Khai. Tái bản: ĐỈNH, Trần Thái [1967] (2005). Triết học Kant. Hà Nội: Nxb. Văn hóa–Thông tin.

THIỆN, Phạm Công (1967a). Im lặng hổ thẹn. Sài Gòn: An Tiêm.

THIỆN, Phạm Công (1967a). Hổ thẹn của tư tưởng. Sài Gòn: An Tiêm.

THIỆN, Phạm Công (1967c). Ý thức bùng vỡ. Sài Gòn: An Tiêm.

THIỆN, Phạm Công (1967d). Mặt trời không bao giờ có thực. Sài Gòn: An Tiêm.

Nguyễn Văn Trung (1930): giáo sư triết học Việt Nam. Ông là một trong những nhà triết học Việt Nam được đào tạo bài bản. Các tác phẩm tiêu chính: Hành Trình Trí Thức Của Karl Marx (1966), Ca Tụng Thân Xác (1967), Ngôn Ngữ Và Thân Xác (1968)...

TRUNG, Nguyễn Văn (1967). Ca tụng thân xác. Sài Gòn: Nam Sơn xuất bản.

Các bài nghiên cứu về triết học phương Tây trên tạp chí Tư tưởng:

“Heidegger và cuộc khủng hoảng của siêu hình học” (H. Hohl): số 1/1967;
“Schopenhauer hay con người vô duy” (Huyền Trang Tâm): số 2 & 3/1968;
“Thời gian qua Kant, Hegel và Husserl” (Ngô Trọng Anh), “Cách mạng siêu hình học từ Kant đến Heidegger” (Lê Tôn Nghiêm): số 4&5/1968; “Hiện tượng học về Hiện tượng học của Husserl” (Phạm Công Thiện), “Vấn đề thực tại trong hiện tượng học của Husserl” (Ngô Trọng Anh), “Môi trường tiên nghiệm trong hiện tượng học của Husserl về cuối đời” (Lê Tôn Nghiêm): số 1/1969; “Sự thất bại của xã hội học Tây Phương và con đường tư tưởng Việt Nam” (Phạm Công Thiện): số 3/1969; “Vị trí vô thể Heidegger trong tư tưởng Đại thừa” (Ngô Trọng Anh), “Heidegger trước sự phá sản của tư tưởng Tây Phương” (Lê Tôn Nghiêm), “Từ Heidegger I đến Heidegger II” (Trần Công Tiến); “Sự thất bại toàn diện của Heidegger và con đường tư tưởng Việt Nam (Phê bình Sein Und Zeit-1927 và Zeit Und Sein-1692 của Heidegger)” (Phạm Công Thiện): số 5/1969; “Đảng thời Lévi-Strauss” (Ngô Trọng Anh), “Sự thất bại của việc giải thích cơ cấu và con đường tư tưởng Việt Nam” (Thích Nguyên Tánh), “Sự thất bại của cơ cấu luận (Phê bình Lévi-Strauss và Jacques Derrida)” (Phạm Công Thiện), “Cơ cấu ngôn ngữ của Michel Foucault” (Tuệ Sỹ): số 6/1969; “Sự vận hành hệ thống Hegel (Bài giảng mở đầu trọn năm dạy về Hegel cho lớp cử nhân triết học Tây phương của Viện Đại học Vạn Hạnh niên khóa 1969-1970)” (Phạm Công Thiện): số 2/1970; “Luận lý thực nghiệm và luận lý nhân minh trong vấn đề nghịch kiến” (Ngô Trọng Anh): số 3/1970 & số 4/1970; “Đức Phật và Nietzsche” (Chơn Hạnh), “Nietzsche và Mật Tông” (Ngô Trọng

Anh), “Triết lý giờ Ngọ của Nietzsche trong viễn ảnh một vũ trụ tuần hoàn” (Lê Tôn Nghiêm), “Tiếng hát của Nietzsche một lần trước khi đi vào im lặng trong mười năm cuối cùng” (Phạm Công Thiện): số 5/1970; “Trầm tư về cái chết trong tư tưởng Heidegger và Phật giáo” (Chơn Hạnh): số 1/1971; “Khổ để Phật giáo và những hoàn cảnh giới hạn trong triết học K. Jaspers” (Lê Mạnh Thát): số 2/1971; “Cuộc tình của Kiekegaard” (Chơn Hạnh): số 5/1971; “Bản thuyết trình về tình yêu trong tư tưởng Kiekegaard” (Lê Tôn Nghiêm): số 8/1971; “Từ dự phóng triết học Husserl đến dự phóng triết học Heidegger” (Trần Công Tiến): số 10/1971; “Vấn đề hóa giải trong tư tưởng Đông Tây” (Ngô Trọng Anh): số 2/1975.

Karel Kosik (1926 – 2003): nhà triết học Tiệp Khắc, thuộc trường phái “Mác-xít mới”. Ông nỗ lực thống nhất hiện tượng luận của Heidegger với những tư tưởng thời trẻ của Marx. Các tác phẩm của ông phê phán gay gắt những mặt trái của xã hội hiện đại trên quan điểm của một trí thức cánh tả. François Châtelet (1925 – 1985): triết học và tư tưởng chính trị người Pháp. Ông có nhiều năm cộng tác với Michel Foucault và Gilles Deleuze trong các sinh hoạt triết học quan trọng tại Paris. Ông nhấn mạnh vai trò của triết học trong quá trình hình thành tính duy lý của châu Âu hiện đại.

Merab Mamardashvili (1930–1990): nhà triết học Xô–viết gốc Georgia, giảng dạy triết học lâu năm tại Trường Đại học Quốc gia Nga. Chịu ảnh hưởng của triết học cổ điển Đức, ông có nhiều đóng góp cho triết học về nhận thức, về mối quan hệ giữa ý thức, ngôn ngữ và mỹ học... Thông qua hình thức “đối thoại”, ông đã làm sống lại truyền thống Socrates trong các sinh hoạt triết học của nền triết học Xô–viết.

ĐÌNH, Trần Thái (1968a). Triết học hiện sinh. Sài Gòn: Thời Mới.

ĐÌNH, Trần Thái (1968b). Hiện tượng học là gì. Sài Gòn: Thời Mới.

HEIDEGGER, M. (1968). Về thể tính của chân lý. Phạm Công Thiện dịch. Sài Gòn: Nxb. Phương Đông.

TRUNG, Nguyễn Văn (1967). Ngôn ngữ và thân xác. Sài Gòn: Trình bày.

Isaiah Berlin (1909–1997): nhà triết học, lý thuyết chính trị và lịch sử tư tưởng Anh gốc Nga, theo đạo Do Thái. Ông là một cây bút chính luận và nhà thuyết trình xuất sắc, lên tiếng bảo vệ quyền tự do cá nhân và sự đa

dạng về giá trị, đồng thời lên án nền độc tài chuyên chế. Ông giảng dạy lý thuyết xã hội và chính trị tại Đại học Oxford. Ông là Chủ tịch Viện Hàn lâm Anh quốc và Chủ tịch Hội nghiên cứu Aristotle. Bài giảng thường niên của ông tại Đại học Oxford vào năm 1958, “Two Concepts of Liberty” [Hai khái niệm về tự do] đã giúp giới thiệu lại các phương pháp của triết học phân tích trong nghiên cứu triết học chính trị. Ông cũng khuyến khích sự tôn trọng các giá trị khác nhau của con người như là một nền tảng cơ bản để xây dựng một xã hội hòa bình và tự do.

BERLIN, I. [1969] (2014). Bốn tiểu luận về tự do. Nguyễn Văn Trọng dịch. Hà Nội: Tri thức (Tủ sách Tinh hoa).

Ralph Miliband (1924 – 1994): nhà xã hội học Ba Lan, sống và làm việc chủ yếu ở Anh. Cùng với Eric Hobsbawm và Perry Anderson, ông được xem là một trong những nhà khoa học xã hội xuất sắc nhất của truyền thống học thuật mác-xít tại Anh. Ông cũng có vai trò quan trọng trong các hoạt động chính trị của Công Đảng tại Anh.

TRI, Lê Thành (1969). Hiện tượng luận về hiện sinh. Sài Gòn: Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa.

QUÂN, Đặng Phùng (1969). Hiện hữu tha nhân với Gabriel Marcel. Sài Gòn: Đêm Trắng.

NIETZSCHE, Friedrich [1888] (1969). Tôi là ai?. Phạm Công Thiện dịch. Sài Gòn: Phạm Hoàng.

Vincent Descombes (1943): nhà triết học Pháp, có nhiều đóng góp trong triết học về ngôn ngữ & triết học về tư duy. Trong tác phẩm *Le même et l'autre*, ông nhấn mạnh đến sự chuyển dịch trọng tâm nghiên cứu của giới triết học Pháp kể từ thập niên 1960, từ ba “ông vắn H”: Hegel, Husserl và Heidegger, sang “ba bậc thầy của sự nghi ngờ”: Marx, Nietzsche và Freud. Ông nhấn mạnh vai trò của Kojève đối với sự phát triển của triết học Pháp: ông gọi sự phát triển của triết học Pháp kể từ sau thập niên 1930 là “diễn trình hậu-Kojève” (post-Kojévian discourse), bởi sự ảnh hưởng lớn của chuỗi bài giảng về tác phẩm “Hiện tượng học tinh thần” của Hegel mà Kojève tiến hành tại Paris trong giai đoạn 1933-1939. Ông là thành viên

của Socialisme ou Barbarie, nhóm trí thức cấp tiến theo khuynh hướng chủ nghĩa xã hội tự do.

Jean-François Revel (1924–2006): nhà triết học, nhà văn, nhà báo Pháp nổi tiếng, một người bạn tư tưởng của Giáo sư Trần Đức Thảo. Ông ủng hộ mạnh mẽ cho chủ nghĩa tự do truyền thống và kinh tế học về thị trường tự do trong bối cảnh giới trí thức Pháp bị cuốn vào làn sóng lớn của chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa Mao trong những thập niên 1960–1970. Tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm phố d'Ulm, ông giảng dạy triết học tại nhiều nước trước khi trở lại Pháp, làm Viện trưởng Viện Lịch sử Xã hội. Con trai của ông, Matthieu Ricard, là nhà sinh học xuất sắc trước khi sang Tây Tạng tu tập theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng và trở thành thị giả của Đạt Lai Lạt Ma. Ông và con trai ông cùng xuất bản cuốn sách nổi tiếng, *Le moine et le philosophe – Un père et son fils débattent du sens de la vie* [Thầy tu và nhà triết học – Cha và con đối thoại về ý nghĩa của cuộc sống] (1997), ghi lại những đối thoại giữa hai cha con, đại diện cho hai thế hệ trí thức Pháp trưởng thành trước và sau Đại chiến thế giới II, bàn về nhiều vấn đề quan trọng của triết học, tôn giáo và quá trình giao thoa tư tưởng Đông–Tây.

MOUNIER, E. [1946] (1970). Những chủ đề hiện sinh. Thụ Nhân dịch. Sài Gòn: Nhị Nùng xuất bản.

NGHIÊM, Lê Tôn (1970a). Heidegger trước sự phá sản của tư tưởng Tây phương. Sài Gòn: Lá Bối.

NGHIÊM, Lê Tôn (1970b). Đây là căn nguyên tư tưởng hay con đường triết lý từ Kant đến Heidegger. Sài Gòn: Trình Bầy.

. Pierre-Félix Guattari (1930–1992): nhà triết học Pháp. Cùng với Gilles Deleuze, ông có nhiều đóng góp quan trọng cho luận phân tâm, thông qua các phẩm viết chung: *Capitalism and Schizophrenia* (1972), *A Thousand Plateaus* (1980)...

NGHIÊM, Lê Tôn (1971). Những vấn đề triết học hiện đại. Sài Gòn: Ra Khơi.

TRỊ, Lê Thành (1971). Đường vào triết học. Sài Gòn: Tủ sách Triết học.

SARTRE, J. P. [1947] (1972). Văn học của những tình thế cực đoan. Đỗ Long Vân dịch. Sài Gòn: Tạp chí Trình Bày, số 42, ngày 02–9–1972.

Jean Baudrillard (1929–2007): nhà xã hội học, triết học, lý thuyết văn hóa và bình luận chính trị người Pháp. Ông là một trong những nhân vật đầy ảnh hưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại và chủ nghĩa hậu cấu trúc. Ông cũng để lại nhiều bình luận chính trị sắc sảo về các vấn đề lớn của thời đại như tác động của công nghệ tới đời sống xã hội, đại dịch HIV/AIDS, nhân bản vô tính, chủ nghĩa khủng bố... Các tư tưởng của ông ảnh hưởng lớn đến thế hệ triết gia Pháp sau chiến tranh, như: Deleuze, Lyotard, Foucault, Derrida, Lacan và Žižek.

Henri Desroches (1914 – 1994): nhà xã hội học, triết học và thần học người Pháp. Xuất thân bình dân, ông chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Marx từ trẻ, và đạt được nhiều thành tựu học thuật quan trọng trong ngành xã hội học, đặc biệt là xã hội học tôn giáo.

ĐÌNH, Trần Thái (1973). Biện chứng pháp là gì. Sài Gòn: Văn mới.

Pierre Bourdieu (1930–2002): nhà xã hội học, nhân chủng học, triết học Pháp. Là bạn học cùng lớp triết với Louis Althusser, ông tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm phố d'Ulm, sau đó giảng dạy tại nhiều trường đại học của Pháp trước khi làm Chủ nhiệm Khoa Xã hội học tại Collège de France. Ông đã tiếp nhận truyền thống phong phú của triết học xã hội, nhân chủng học, xã hội học Pháp và phương Tây từ Pascal, Marx, Durkheim, Weber, Marcel Mauss, Lévi-Strauss, Husserl, Heidegger, Merleau-Ponty, Wittgenstein... để xây dựng các khái niệm mới mẻ như vốn xã hội, vốn văn hóa, vốn biểu tượng, lý thuyết trường... , qua đó đưa ngành xã hội học văn hóa phát triển lên tầm cao mới. Chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cấu trúc, ông có nhiều kiến giải mới mẻ về cách thức qua đó quyền lực được trao truyền, các cấu trúc xã hội được tái sản sinh và trật tự xã hội được duy trì qua các thế hệ. Ông sáng lập tạp chí Actes de la recherche en sciences sociales [Các hoạt động nghiên cứu trong các ngành khoa học xã hội], đưa xã hội học phát triển lên tầm cao mới. Ông và Giáo sư Trần Đức Thảo đã có nhiều trao đổi triết học.

DELEUZE, G. & F. Guattari [1975] (2013). Kafka - Vì một nền văn học thiểu số. Nguyễn Thị Từ Huy dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính. Hà Nội:

Nxb. Tri thức.

Anna–Teresa Tymieniecka (1923): nhà triết học người Mỹ gốc Ba Lan. Bà là một trong những nhà hiện tượng luận xuất sắc nhất trong nửa sau của thế kỷ XX. Bà là sáng lập viên và chủ tịch Viện Hiện tượng luận thế giới, đồng thời là biên tập viên chính của chuỗi ấn phẩm *Analecta Husserliana*, tập hợp các nghiên cứu mới nhất về hiện tượng luận và xuất bản đều đặn từ cuối thập niên 1960 cho tới nay.

Leszek Kołakowski (1927–2009): nhà triết học và lịch sử tư tưởng người Ba Lan. Ông bảo vệ luận án tiến sĩ về Spinoza tại Đại học Warsaw. Ông nổi tiếng với các công trình phân tích phê phán về chủ nghĩa Marx và các công trình về chủ nghĩa Mác trên tinh thần chủ nghĩa nhân văn. Trong các tác phẩm về sau, ông nghiên cứu về các vấn đề tôn giáo. Ông từng tuyên bố: “Chúng ta học lịch sử không phải để biết cách hành xử hay đạt tới thành công, mà để biết chúng ta là ai”.

Perry R. Anderson (1938): nhà sử học và nhà bình luận chính trị người Anh, chuyên gia về lịch sử tri thức, và là gương mặt tiêu biểu của “chủ nghĩa Marx phương Tây”. Ông là em trai của nhà khoa học chính trị Benedict Anderson (1936-2015) - tác giả của công trình nổi tiếng *Imagined Communities* [Các cộng đồng tưởng tượng]. Ông giảng dạy về lịch sử và xã hội học tại New School for Social Research (New York) và Đại học California ở Los Angeles (Hoa Kỳ), và là biên tập viên chính trong suốt 20 năm của *New Left Review*, tạp chí học thuật nổi tiếng theo khuynh hướng cánh tả.

Edgar Morin (1924): nhà triết học và xã hội học Pháp gốc Do Thái, và là một trí thức cánh tả nhiệt thành, gia nhập Đảng Cộng sản Pháp từ thời trẻ. Ông từng đảm nhiệm Giám đốc nghiên cứu tại Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia Pháp (CNRS). Không chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại và chủ nghĩa hậu cấu trúc như các triết gia cùng thời, ông sáng lập trường phái tư duy phức hợp và gây được ảnh hưởng lớn. Tác phẩm của ông, *Methodé* (Phương pháp), gồm 6 tập, xuất bản đều đặn từ năm 1977 đến năm 2004, được hình thành từ những nghiên cứu liên ngành: nhận thức luận, đạo đức học, logic học, sinh học, ngôn ngữ học, nhân chủng học, tâm

lý học, lý thuyết thông tin, lý thuyết hệ thống... đã gây tiếng vang lớn và được dịch ra nhiều thứ tiếng. Trong tác phẩm này, ông kêu gọi xây dựng tư duy phức hợp như là một giải pháp để nhận dạng và giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ông kính trọng đạo Phật vì đó là một tôn giáo không có thượng đế. Đối với ông, tư duy là tài sản giá trị nhất của mọi cá nhân và xã hội. Ông đã cống hiến cả cuộc đời vì một châu Âu và một thế giới hòa bình, thịnh vượng, tự do và dân chủ. Ông và Trần Đức Thảo có nhiều trao đổi triết học qua thư từ.

MORIN, E. [1986] (2006). Phương pháp 3: Tri thức về tri thức – Nhân học về tri thức. Lê Diên dịch; Phạm Khiêm Ích biên tập, giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội; MORIN, E. [1991] (2008). Phương pháp 4: Tư tưởng. Chu Tiến Ánh dịch. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội; MORIN, E. [2011] (2015). Phương pháp 5: Nhân loại về nhân loại: Bản sắc nhân loại. Chu Tiến Ánh dịch, Phạm Khiêm Ích biên tập và giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Tri thức; MORIN, E. [2004] (2012). Phương pháp 6: Đạo đức học. Chu Tiến Ánh dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

LYOTARD, J. [1979] (2007). Hoàn cảnh hậu hiện đại. Ngân Xuyên dịch; Bùi Văn Sơn Nam hiệu đính. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

Slavoj Žižek (1949): nhà triết học, phân tâm luận, nhà phê bình văn hóa, học giả Mác-xít và trí thức cánh tả người Slovenia. Ông nổi tiếng với các công trình nghiên cứu về Hegel và các phân tích về văn hóa đại chúng dựa trên phân tâm học của Lacan. Ông nghiên cứu và giảng dạy về nhiều đề tài, từ triết học, lý thuyết chính trị, lý thuyết văn hóa, phê bình điện ảnh, thần học tới luận phân tâm. Cùng với Althusser, ông phê phán khái niệm “ý thức hệ” của Marx, cho rằng sự phụ thuộc vào “ý thức hệ” sẽ dẫn chúng ta đến nhận thức sai lầm về bản chất con người và tiến trình lịch sử. Ông lên tiếng phê phán chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa tân tự do và ủng hộ Phong trào Cánh tả trên tinh thần cấp tiến. Ông có nhiều bình luận sắc sảo về toàn cầu hóa, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa hậu hiện đại, chủ nghĩa đa văn hóa, chủ nghĩa Marx... Ông cũng là một trong số rất ít người có hẳn một tạp chí riêng nghiên cứu về tư tưởng của mình ngay khi còn sống, đó là tạp chí

International Journal of Žižek Studies. Tạp chí Foreign Policy (Hoa Kỳ) xếp ông vào danh sách 100 nhà tư tưởng ảnh hưởng nhất thế giới.

Eric Hobsbawm (1917 – 2012): nhà sử học người Anh theo khuynh hướng mác-xít. Ông để lại nhiều tác phẩm giá trị về lịch sử của chủ nghĩa tư bản công nghiệp, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa dân tộc. Về chính trị, ông là một trí thức cánh tả nhiệt thành. Ông là đảng viên kỳ cựu của Đảng Cộng sản Anh và là một trong những lãnh tụ của phong trào cộng sản tại các nước Tây Âu. Ông cộng tác lâu năm với nhiều báo và tạp chí cánh tả tại Anh. Ông từng ký tên phản đối cuộc xâm lược Hungary của Liên Xô năm 1956.

Các tác phẩm bằng tiếng Pháp và tiếng Đức tiêu biểu: La crise du mode de production esclavagiste dans L'Empire Romain (Sự khủng hoảng trong phương thức sản xuất của chế độ nô lệ tại Đế chế La Mã); La dialectique générale des forces productives dans le passage d'une formation sociale à une autre plus élevée (Biện chứng tổng quát về các lực lượng sản xuất trong sự chuyển đổi từ một hình thái xã hội đến một hình thái khác cao hơn); Introduction à la genèse de l'Homme (Giới thiệu sự phát sinh loài người); La naissance du premier homme (Sự ra đời của loài người nguyên thủy); Introduction à l'origine de la société, du langage et de la conscience (Giới thiệu về nguồn gốc xã hội, tiếng nói và ý thức); La Formation de l'Homme (Sự hình thành con người); La dialectique de l'aliénation et le développement humain (Biện chứng của sự tha hóa và sự phát triển của con người); La double signification du mouvement révolutionnaire (Ý nghĩa kép của phong trào cách mạng); La Méthode de Pensée de Staline (Phương pháp tư tưởng của Staline); Die Bewegung des Zeigens als Konstitution der sinnlichen GewiBheit (Động tác chỉ dẫn – hình thái của cảm quan xác thực)...

RICŒUR, P. [1990] 2002. Chính mình như người khác. Trịnh Văn Tùng tái biên và diễn dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

Marshall Berman (1940 – 2013): nhà triết học, nhà văn Hoa Kỳ theo chủ nghĩa nhân văn mác-xít. Ông ủng hộ chủ nghĩa hiện đại, phê phán chủ nghĩa hậu hiện đại.

Báo cáo đề dẫn của Tiến sĩ Nguyễn Vũ Hào, Phó Chủ nhiệm Khoa Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn có tiêu đề: “Con người và di sản Trần Đức Thảo trong dòng chảy lịch sử tư tưởng Việt Nam thế kỷ XX”. Xem: Tài liệu tham khảo.

Les Lettres Françaises: tạp chí văn chương uy tín của Pháp, theo xu hướng cánh tả, thành lập năm 1941, với sự cộng tác và hỗ trợ của nhiều nhà văn, nhà thơ hàng đầu của Pháp, như: Louis Aragon, François Mauriac... Tạp chí này là chuyên san của báo L’Humanité [Nhân đạo], cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp.

Diễn giả là ông Jean–François Poirier, dịch giả, nhà triết học, nhà văn, chuyên gia về triết học Đức và Pháp, và ông Jean–Pierre Han, nhà phê bình văn học và sân khấu.

BENOIST, Jocelyn & Michel Espagne (2013). L’itinéraire de Tran Duc Thao: Phénoménologie et transfert culturel. Paris: Armand Colin.

CHÚ, Nguyễn Đình, et al (2015).

Danh sách này được sắp xếp theo thứ tự Alphabet của họ tên. Do thời gian có hạn, tôi chưa tra cứu được các tác giả và dịch giả: Cao Tôn, Kiến Văn, Trần Văn Nam và Xuân Lộc. Kính mong nhận được sự lượng thứ và chỉ giáo của các tác giả, dịch giả và bạn đọc gần xa. (BS)

1. Tác phẩm Recherches sur l’Origine du Langage et de la Conscience được dịch giả Đoàn Văn Chúc dịch sang tiếng Việt, với tựa đề: Tìm cội nguồn ngôn ngữ và ý thức [THẢO, Trần Đức (1973 (1996))]. Tuy nhiên, sau khi đọc các Báo cáo (I, II) của Giáo sư Trần Đức Thảo gửi Trung ương về tác phẩm này, thì tôi thấy rằng, chữ Langage trong nguyên bản tiếng Pháp phải được dịch là tiếng nói. Vì vậy, tên đúng của tác phẩm này trong tiếng Việt phải là: Những nghiên cứu về nguồn gốc tiếng nói và ý thức. Từ đây, mỗi khi đề cập đến tên tiếng Việt của tác phẩm ấy, tôi sẽ sử dụng cái tên này, còn khi đề cập đến bản dịch tiếng Việt cụ thể của dịch giả Đoàn Văn Chúc, thì tôi sẽ sử dụng lại tên cũ của dịch giả. (BS)

2. Tôi in nghiêng (NTC).

3. KANT, I. [1781] (2004). Phê phán lý tính thuần túy. Bùi Văn Nam Sơn dịch. Hà Nội: Nxb Văn học, tr. 1176.

4. HƯNG, Phạm Thành (2013).
5. “The ideas of economists and political philosophers, both when they are right and when they are wrong, are more powerful than is commonly understood. Indeed the world is ruled by little else” (KEYNES, J. M. (1936). *The General Theory of Employment, Interest and Money*. Cambridge, UK: Cambridge University Press, p. 204).
6. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1984b). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)
7. Tác giả có chút nhầm lẫn. Trên thực tế, Edmund Husserl mất năm 1938. (BS)
8. Nước Pháp được giải phóng khỏi phát-xít Đức vào mùa Thu năm 1944. (BS)
9. Tác phẩm *Erfahrung und Urteil: Untersuchungen zur Genealogie der Logik* [Kinh nghiệm và phán đoán: Những nghiên cứu về niên đại học của logic] của Husserl, được xuất bản năm 1939, sau khi Husserl qua đời. (BS)
10. Husserl tự phân loại các bản thảo của mình thành năm nhóm, được xếp từ Nhóm A đến Nhóm E, trong đó Nhóm D gồm các bản thảo cuối đời, đề cập nhiều đến vấn đề “primordiale Konstitution” (kiến tạo nguyên thủy). (BS)
11. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1982). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)
12. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1987a). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)
13. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1989a). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)
14. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1989b). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)
15. Năm Stalin xuất bản tác phẩm *Диалектический материализм и исторический материализм* [Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử]. (BS)
16. Người Khéo (*homo habilis*) tồn tại trong khoảng thời gian cách đây từ 2,3 triệu tới 1,4 triệu năm, thể tích não bộ tăng dần từ 530 cm³ tới

660 cm³. Người Khôn (homo sapiens) xuất hiện cách đây khoảng 600.000 – 400.000 năm, thể tích não bộ tăng dần từ 1.100 cm³ tới 1.400 cm³. Người Tinh Khôn (homo sapiens sapiens) xuất hiện cách đây khoảng 200.000 năm, thể tích não bộ tăng dần từ 1.000 cm³ tới 1.850 cm³. (BS)

17. Phạm Trọng Luật dịch. Nguồn: THAO, Trần Đức [1946b] (2004).

18. Thuật ngữ phénoménologie được Giáo sư Trần Đức Thảo dịch là hiện tượng luận, luận hiện tượng, hiện tượng học... Tuy nhiên, sau khi đọc kỹ di cảo của Giáo sư và trao đổi với các chuyên gia, tôi thấy cách dịch thuật ngữ này thành hiện tượng luận là chính xác hơn cả, vì phénoménologie, trước hết và quan trọng nhất, là một cách lập luận về hiện tượng, để qua đó mở ra con đường mới cho nhận thức (Từ điển bách khoa Britannica Encyclopedia định nghĩa hiện tượng luận như là một phương pháp mô tả và phân tích ý thức để qua đó triết học cố gắng trở thành một khoa học chính xác). Vì vậy, từ đây về sau, trừ khi thuật ngữ hiện tượng học xuất hiện trong các tác phẩm tiếng Việt của Giáo sư Trần Đức Thảo, còn lại đều được biên tập thành hiện tượng luận. (BS)

19. Trần Đức Thảo rất kín đáo về việc tiếp thu chủ nghĩa Marx. Tuy nhiên, đây không phải là vấn đề khó trả lời. Một giáo sư Mỹ viết về ông khẳng định Trần Đức Thảo đã từng gia nhập Đảng Cộng sản Pháp trong thập niên 1940 [FEDERICI, S. (1970)]. Dù thông tin trên đúng hay không, Đảng Cộng sản Pháp đương nhiên là nơi đã đào tạo rất nhiều trí thức theo chủ nghĩa Marx tại đây, trong số đó hẳn cũng có Trần Đức Thảo.

20. BARTHES, R. (1951b).

21. NAVILLE, P. (1947). Marx ou Husserl. Nguồn: Les Conditions de la Liberté. Paris: Ed. du Sagittaire, pp. 162–167.

22. MARX, K. [1844] (1968). Manuscripts de 1844. Présent., trad. et notes de Emile Bottigelli. Paris: Ed. sociales, p. 91.

23. Sđd., tr. 93.

24. Đây là từ đã nhảy mất trong nguyên bản. Bản dịch của Laura Lafargue mà Trần Đức Thảo sử dụng ghi là “art”, theo bản in của K. Kautsky; bản dịch sau của Maurice Husson và Gilbert Badia ghi là “mythologie”, và giải

thích là dựa trên bản in ở Moscou (1939). Chúng tôi cũng nghĩ rằng “mythologie” đúng hơn, vì mấy câu kế tiếp đều nêu danh các vị thần Hy Lạp. Nguồn: MARX, K. (1957), Contribution à la Critique de l’Economie Politique [Góp phần phê phán kinh tế chính trị học]. Trad. de l’allemand par Maurice Husson et Gilbert Badia. Paris: Ed. sociales, p. 174.

25. Sđd., tr. 174

26. Sđd., tr. 175

27. Tất nhiên, không nên lẫn lộn sự hưởng thụ cái tuyệt đối do con người sản sinh ra một cách ý thức với tình cảm thụ động về tính đồng nhất chung chung của vạn vật. Ở một nơi như Ấn Độ, thứ cảm thức sau tương ứng với loại trình độ kỹ thuật lạc hậu và bất lực, không làm chủ nổi thiên nhiên phong phú (Chú thích của Trần Đức Thảo).

28. Phạm Trọng Luật dịch. Nguồn: THAO, Trần Duc [1949a] (2004).

29. Phê phán giấc ngủ giáo điều của Đảng Cộng sản Pháp, Sartre viết năm 1956: “Đã đến lúc [tư duy vô sản] phải lật ngược các triết thuyết tư sản cuối cùng, giải thích nó, phá vỡ cái vỏ ngoài để sáp nhập phần tinh túy bên trong. Còn chờ đợi gì? Người duy nhất ở Pháp đã thử đấu tranh với đối phương trên lãnh địa của nó là Trần Đức Thảo...; người duy nhất ở châu Âu đã thử giải thích nguyên nhân của các trào lưu tư tưởng hiện đại là Lukács, nhà cộng sản Hungary mà tác phẩm mới nhất cũng chưa được phiên dịch..”. (SARTRE, J.-P. (1956). “Le Réformisme et les Fétiches”. Les Temps modernes, n° 122, pp. 1153–1164). Nói về Sartre với Phan Huy Đường, Trần Đức Thảo cho rằng: “Sartre là nhà triết học duy nhất đã đặt ra những câu hỏi đáng đặt” (ĐẠO, Trần [1993] (2004)).

30. Descartes phân biệt hai thực thể: vật hữu tri (res cogitans) và vật hữu hình (res corporex). Thuộc tính chính của vật hữu tri là tư duy, của vật hữu hình là quảng tính hay hậu lượng (étendue). Vì tất cả những phẩm chất khác ở mỗi thực thể đều là thứ yếu nên gọi là phẩm chất hàng hai. Từ sau Locke, phẩm chất hàng một chỉ những thuộc tính khách quan gắn liền với vật thể (quảng tính, hình thể, vận động), trong khi phẩm chất hàng hai chỉ tồn tại nhờ và cho chủ thể nhận thức (màu sắc, mùi, vị...).

31. Dasein: hữu thể, một khái niệm cơ bản trong triết học hiện sinh của Martin Heidegger. (BS)
32. Summum jus, summa injuria = comble de justice, comble d'injustice: người ta có thể gây ra nhiều bất công khi áp dụng luật pháp một cách quá khắt khe.
33. Trần Đức Thảo nhắc đến một luận điểm trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản – một luận điểm có ý nghĩa rất quan trọng trong sự chuyển dịch của ông từ hiện tượng luận sang chủ nghĩa duy vật biện chứng, định hướng sự phát triển của tư tưởng triết học và sự dẫn thân chính trị của ông: “Vào thời kỳ mà cuộc đấu tranh giai cấp đi đến lúc quyết định, thì quá trình tan rã bên trong tầng lớp thống trị, bên trong toàn bộ xã hội cũ mang một tính chất mạnh mẽ và triệt để đến mức một bộ phận của tầng lớp thống trị sẽ tự rời bỏ giai cấp mình và liên kết với tầng lớp, với giai cấp cách mạng, tầng lớp nắm giữ tương lai trong tay họ... Cũng tương tự như trước đây, một bộ phận quý tộc chuyển qua giai cấp tư sản, ngày nay cũng tương tự như vậy, một bộ phận tư sản sẽ chuyển qua giai cấp vô sản. Đặc biệt hơn, một bộ phận những nhà tư tưởng tư sản với sức mạnh công việc của mình, họ có thể nổi lên do am hiểu về lý luận toàn bộ quá trình vận động của lịch sử”. (MARX, K., & F. Engels (1848), Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1984b)). (BS)
34. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1950b] (2013). Bản sử dụng ở đây đã được sửa chữa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BT)
35. Từ đây trở đi, các chữ trong ngoặc vuông do triethoc.edu.vn thêm vào cho rõ nghĩa.
36. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1956e] (2005). Bản sử dụng ở đây đã được sửa chữa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. Do khuôn khổ của cuốn sách, nên bản sử dụng ở đây chỉ công bố một phần của tác phẩm này. Bản đầy đủ sẽ được công bố trong Tổng tập Trần Đức Thảo. (BS)
37. Tài liệu [B].
38. Bản A.
39. trường quan sát. (BS)
40. Bản A.

41. Tài liệu [B].

42. Tài liệu [B].

243. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1977b). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

460. Nguồn: TRUYỀN, Triệu Tử (2011). Do khuôn khổ của cuốn sách, bản sử dụng ở đây có lược bớt một số ý nhỏ, và chỉnh sửa một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)

461. RICŒUR, P., “Sur la phénoménologie”, *Esprit*, 12/1952, p. 827. Cao Việt Dũng trích dịch trong bài viết tưởng niệm triết gia Trần Đức Thảo của Michel Kail trên tờ *Les Temps modernes* số 568, tháng 11/1993, năm thứ 49. Như vậy là có cấp bậc, và niềm tin của Trần Đức Thảo được đặt dứt khoát nơi chủ nghĩa Marx chứ không phải trên hiện tượng luận: ngay cả khi được trình bày trong sáng như trong suốt phần một của tác phẩm, hiện tượng luận vẫn là bất cập; trái lại chủ nghĩa Marx thì hoàn chỉnh và chỉ nhận từ hiện tượng luận một thứ thiết bị kỹ thuật. Thật ra, đây là một hành trình: hiện tượng luận trao đũa thiêng lại cho chủ nghĩa Marx cùng với loại từ vựng cho phép nó mô tả sự vận động của ý thức và những huyền thoại của Lịch Sử (trích bài điểm sách của Roland Barthes, đăng trên *Combat*, ngày 11/10/1951, và in lại trong Roland Barthes toàn tập, quyển 1, 1993, tr. 107. Bản dịch của Phạm Trọng Luật). Jean-François Revel đã chỉ trích Patrick Kéchichian vì đã viết Trần Đức Thảo là triết gia mác-xít đăng trên *Le Monde des livre*, lúc Trần Đức Thảo từ trần, lẽ ra phải viết: “Ông ấy là nhà hiện tượng luận”...

462. Nguyên lý bất định là một nguyên lý nguyên nhân quan trọng của cơ học lượng tử, do Werner Heisenberg đưa ra, phát biểu rằng người ta không bao giờ có thể xác định chính xác cả vị trí lẫn vận tốc (hay động lượng, hoặc xung lượng) của một hạt vào cùng một lúc. Nếu ta biết một đại lượng càng chính xác thì ta biết đại lượng kia càng kém chính xác.

463. “Nhưng chúng tôi còn xin nói một điều nữa cho ổn và cho đầy đủ: có bạn sẽ hỏi rằng hiện tượng luận có phải là một chủ thuyết đúng không... và các nhà trí thức dùng phương pháp hiện tượng luận để diễn giảng, để mô tả... như vậy có đúng không... Vậy chúng tôi chỉ còn có thể mạn phép trả

lời thế này: hiện tượng luận là một chủ thuyết triết học mới nhất của cả nền triết học thế giới, hợp thời thượng và nhiều tính chất cách mạng nhất – đã vượt gần hết tất cả các hệ thống cổ điển, thì tất nhiên nó đúng và chân xác hơn hết với cái nghĩa là giữa lúc mà các hệ thống duy lý (trong đó có duy tâm) và kể cả duy vật và hai hệ thống duy thực và duy nghiệm truyền thống – xin nói – truyền thống – làm căn bản triết lý cho chính khoa học, đã không đóng đầy đủ và trọn vai trò nhận thức của họ – kể cả nhận thức khung cảnh cũng bị hiện tượng luận vượt: khoa học đây là các khoa học và những thuyết về khoa học lý (epistémologie) đã quy định ra chủ nghĩa khoa học “scientisme” trước đây chẳng hạn”. (Tam Ích, Văn học hiện tượng luận có phải là văn học khiêu dâm không?. Tạp chí Văn, 1967).

464. “Trái với hai phái duy tâm và duy thực truyền thống đã siêu cực hóa (extrapolation) sự nhận thức, hiện tượng luận chủ trương rằng Ý thức bao giờ cũng là ý thức về một cái gì. (La conscience est toujours la conscience de quelque chose). Nói một cách khác, ở hiện tượng luận, giữa khái niệm chủ thể và đối tượng có một tương quan giao hỗ (corrélacion). Ý thức chủ quan gọi là noème, đối tượng ý thức là noèse – và sự tương quan giao hỗ gọi là “corrélat noé – tico – noématique”. Thực ra, hiện tượng luận cũng có chứa một mẫu màu sắc duy tâm chủ quan của Berkeley, Fichte hay Vương Dương Minh – chính Merleau-Ponty đôi khi cũng ngờ ngợ rằng trên một phương diện nào đó, ông duy tâm hay duy ngã (solipsisme)?” (Tam Ích, tài liệu đã dẫn).

519. Phạm Trọng Luật dịch và chú thích. Nguồn: BARTHES, R. [1951] (2004).

520. Trong số các bài điểm sách về tác phẩm trên của Trần Đức Thảo, đây là bài ngắn mà sát nhất, đăng trên Combat, ngày 11/10/1951, và in lại trong Roland Barthes Toàn tập, quyển 1, 1993, tr. 107.

521. Mỗi sinh vật là trung tâm của những chuỗi vận động và hành vi liên tục. Hành vi mới nối tiếp hành vi cũ, và ý thức xuất hiện đúng vào lúc hành vi cũ vừa khởi hiện đã bị hành vi mới lấn át. Chính những phác thảo vận động bị trấn áp này tạo nên ý thức như dữ kiện nghiệm trái. Như thế, nghiệm sinh luôn luôn trễ hơn hành vi thực sự một bước. Ý thức luôn luôn

chạy theo hiện thực, bởi vì sự thật là hiện thực quy định ý thức chứ ý thức không quy định hiện thực.

735. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2011b).

736. THẢO, Trần Đức (1954c).

737. THẢO, Trần Đức (1955a).

738. THẢO, Trần Đức (1956d).

739. THAO, Trần Đức (1973) Bản dịch tiếng Việt: THẢO, Trần Đức [1973] (1996).

740. THẢO, Trần Đức (1990). Thư gửi Lucien Sève (1–11–1990). Bản thảo viết tay, tiếng Pháp. Trần Đức Tùng dịch.

741. Cái mình sinh thức là con người cá thể cá nhân – nhân cách cụ thể đang trực tiếp lao động sản xuất trong đời sống thực tế.

742. THAO, Trần Đức (1946a)

743. Báo Nhân dân, thứ Bảy, ngày 26 tháng 1 năm 1991.

849. Tặng các con, với trọn vẹn tình thương yêu của Ba Mẹ. Hi vọng thế hệ các con sẽ được sống trong một thế giới của Hòa bình, Tự do, Dân chủ, Nhân văn, Nhân bản, Khoan dung, Tiến bộ và Khai sáng. (LV)

850. “Ja! Ich weiß, woher ich stamme! Ungesättigt gleich der Flamme, glühe und verzehr’ ich mich. Licht wird alles, was ich fasse, Kohle alles, was ich lasse: Flamme bin ich sicherlich!” (Trần Thanh Hà dịch)

851. “Szabadság, szerelem! E kettő kell nekem. Szerelmemért föláldozom. Az életet, Szabadságért föláldozom, Szerelmemet”. (Xuân Diệu dịch)

905. Nguồn: HƯNG, Phạm Thành & Trần Ngọc Hà (2006).

Nguồn: THÀNH, Nguyễn Đức (2016).

Một phần trong số các tài liệu tham khảo này đang được cập nhật lên tài khoản oogle Drive của cuốn sách này. (Địa chỉ truy cập: drive.google.com; Username: tdthaoreading; Password: 19171993).

43. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1956a). Bài báo nổi tiếng này của Giáo sư Trần Đức Thảo được công bố trên Tập san Đại học (Văn khoa) năm 1956. Gần 10 năm sau, theo gợi ý của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, bài báo này đã được Giáo sư Trần Đức Thảo dịch sang tiếng Pháp. Sau đó, đích thân ông Phạm Văn Đồng, theo đường ngoại giao, đã gửi đăng bản dịch tiếng Pháp

này trên tạp chí La Pensée, tạp chí triết học uy tín lớn của Pháp. Việc đăng bản dịch này trên La Pensée đánh dấu sự trở lại của Giáo sư Trần Đức Thảo với nền triết học Pháp và thế giới, sau 15 năm “bặt vãng”. (Bài báo cuối cùng Giáo sư công bố trên tạp chí Pháp trước khi trở về Việt Nam tham gia kháng chiến chống Pháp là bài: Le Origines de la Reduction Phénoménologique chez Husserl [Nguồn gốc của phép quy giản hiện tượng luận ở Husserl], tóm tắt bản luận án cao học của ông). Việc làm này của ông Phạm Văn Đồng có ý nghĩa rất quan trọng, vì nó là tiền đề để Giáo sư tiếp tục công bố các nghiên cứu mới của mình về nguồn gốc của tiếng nói và ý thức, cũng trên tạp chí La Pensée, và kết tinh lại thành tác phẩm Recherches sur l’origine du langage et de la conscience [Những nghiên cứu về nguồn gốc tiếng nói và ý thức] (1973), do Éditions Sociale (Nhà xuất bản Xã hội của Đảng Cộng sản Pháp) xuất bản. Bên cạnh đó, sự kiện này cũng cho thấy tình bạn đẹp đẽ, sự cảm thông sâu sắc, và sự “gạt đờ” của Thủ tướng Phạm Văn Đồng dành cho Giáo sư. Ngoài ra, thông qua phần phê phán Hegel, chúng ta cũng bắt nhận được những dự cảm ban đầu của Trần Đức Thảo đối với sự phôi thai đầu tiên của một loạt những tư tưởng lớn được ông cụ thể hóa trong các tác phẩm sau này: sự hình thành con người, sở hữu thời khởi nguyên, biện chứng của quá trình chuyển dịch từ Tự nhiên lên Văn hóa, đặc biệt là biện chứng của quá trình tiến hóa của sự sống – một trăn trở lớn của Trần Đức Thảo, được ông cụ thể hóa trong hai tác phẩm cuối đời, Recherches Dialectiques (Những nghiên cứu về các mối liên hệ biện chứng), và La Logique du Présent Vivant (Sự logic của thời Hiện tại sống động). (BS)

44. MARX, K. Tư Bản Luận. Bài của bản in lần thứ hai.

45. ENGELS, F. Ludwig Feuerbach và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức. II

46. ENGELS, F. Cuốn “Góp phần phê phán kinh tế chính trị học” của Karl Marx. II

47. MARX, K. Tư Bản Luận. Bài của bản in lần thứ hai.

48. Những đoạn giới thiệu dưới đây in bằng chữ ngả, vì viết theo quan điểm duy tâm của Hegel. Trong ấy chúng tôi cũng có thêm một vài danh từ

cụ thể cho dễ hiểu. Để tiện cho việc theo dõi, chúng tôi sẽ phê phán từng bước, tuy như thế phần nào cũng có mất liên tục.

49. HEGEL, G.W.F [1807] (1937). *Phänomenologie des Geistes* [Hiện tượng luận của Tinh Thần]. Leipzig: Herausgegeben von J. Hoffmeister, p. 139.

50. Sđd., tr. 139.

51. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1955d). Bản sử dụng ở đây đã được hiệu đính lại dựa trên những sửa chữa của tác giả, và chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

52. Tác phẩm *Ludwig Feuerbach und der Ausgang der klassischen deutschen Philosophie* (Ludwig Feuerbach và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức) (1886). (BS)

53. Những chữ trong ngoặc vuông được người biên soạn thêm vào để làm rõ thêm ý của tác giả. (BS)

54. chân giả. (BS)

55. bọt bể = bọt biển, nước bể = nước biển, v.v... (BS)

56. rướn mình trong. (BS)

57. trường quan sát. (BS)

58. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1955c). Bản sử dụng trong sách này đã được hiệu đính lại dựa trên những sửa chữa của tác giả. (BS)

59. Các tua để giúp cho tế bào chuyển động. (BS)

60. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1973] (2015).

61. Bản dịch tiếng Việt tác phẩm kinh điển xuất bản năm 1973 này của Giáo sư Trần Đức Thảo là một nỗ lực to lớn của dịch giả Đoàn Văn Chúc. Tuy vậy, do sự khác biệt về ngôn ngữ và văn phong của dịch giả đối với đông đảo bạn đọc ngày nay, nên bản sử dụng ở đây có hiệu đính một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung, đồng thời điều chỉnh một chút về văn phong để nhất quán với hình thức của toàn bộ cuốn sách, trên cơ sở đối chiếu với bản gốc [THẢO, Trần Đức (1973)] và bản dịch tiếng Anh [THẢO, Trần Đức [1973] (1984)]. Mọi sai sót về chuyên môn có thể có trong bản sử dụng ở đây đều thuộc về trách nhiệm của người biên soạn. (BS)

62. MARX: Tư bản, Editions Sociales (E.S.), Paris, L 1.1, t. 1, tr. 181.
63. IAKIMOV, V.P. U istokov chelovechestva [Les Origines de l'humanité]. Moscow, 1964.
64. ENGELS, F. (1975). Dialectique de la nature. Paris: Editions Sociales, p. 175. [Ngô Minh Tuấn dịch, URL = <<http://www.marxist.com/what-makes-us-human-vi.htm>>]. (BS)
65. Boulenger: Les singes, Payot, Paris, p. 41.
66. Người vượn (préhominiens): giống vượn đã thành người nhưng chưa hoàn toàn mất tính vượn, rất gần với con người hiện nay, song chưa hoàn toàn như con người hiện nay, gồm cả người vượn Java (pithécantrophe) và người vượn Bắc Kinh (sinathrope). (ND)
67. V. P. Iakimov, đã dẫn.
68. Tlđđ.
69. “L’homme se voit lui-même tout d’abord dans l’autre homme comme dans un miroir”. Marx: Le Capital. E. S., Paris, t. 1, p. 67, note 2.
70. Một loài tinh tinh ở Trung Phi. (BS)
71. Kohler: L’intelligence des singes supérieures (Trí thông minh của những con khỉ cao cấp), Paris, 1927, tr. 303 – 304.
72. N.A.Tikh, trong A.Spirkine: “Origine de la conscience,” Moscow, 1950, note. Công trình nguyên tác (tiếng Nga) của N.A.Tikh đã được xuất bản trong luận văn tiến sĩ của ông, lưu trữ tại Viện Pavlov (Viện hàn lâm Khoa học Liên Xô), Maxkova, 1950, 36 trang.
73. Kohler, Sđđ., tr. 274.
74. Tức cái đã từng trải qua. (ND)
75. Marx, La Capital, E. S., L. 1, p. 67, Note 2.
76. Sự miêu tả này chỉ có giá trị đầy đủ trong những điều kiện ban đầu của quá trình tiến hóa lên loài Người, hoặc sự thai nghén của giống Homo (người). Trong phần thứ hai của Kỷ nhân sinh, tức “Quá trình tiến hóa thành Người” (sapientiation) hoặc sự hình thành Người Khôn (homo sapiens), sự vận động mang tính hướng nội, để sau đó mang những hình thức vô cùng phức tạp.
77. Kohler, Sđđ., tr. 269 – 270.

78. “simple conscience grégaire”, hay “conscience moutonnaire”. Marx–Engels: L’idéologie allemande, E.S., 1972, tr. 64.
79. Marx, Sđd., tr. 50.
80. Marx, “Gia đình thần thánh”.
81. Marx, “L’idéologie allemande” (Hệ tư tưởng Đức), E.S., tr. 59.
82. “Die Produktion der Ideen, Vorstellungen, des Bewusstseins ist zunächst unmittelbar verflochten in die materielle Tätigkeit und den materiellen Verkehr der Menschen, ist Sprache des wirklichen Lebens. Das Vorstellen, Denken, der geistige Verkehr der Menschen erscheinen hier noch als direkter Ausfluss ihres materiellen Verhaltens”.
83. Marx, Tư bản, E.S., t. 1, tr. 66.
84. Marx, Sđd., tr. 92, chú thích.
85. ‘The Works of B. Franklin’, edited by Sparks. Boston, 1836, v.II, p. 267
86. Marx, Sđd., t. 23, tr. 65, chú thích 17a. Chúng tôi nhấn mạnh.
87. Marx, Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị. E. S., tr. 33.
88. A. Sirkine: “Nguồn gốc của ý thức” (tiếng Nga), Moscow, 1950.
89. signification tendancielle.
90. milieu immanent.
91. Lénine: Oeuvres. E.S., t. 14, “Matérialisme et empiriocriticisme”, tr. 50.
92. Marx: “Grundrisse der Kritik der politischen Ökonomie,” Dietz–Verlag, Berlin, 1953, tr. 390.
93. l’ensemble verbal.
94. Kant: Kritik der reinen Vernunft (Phê phán lý tính thuần túy), Reclam, Leipzig, tr. 209.
95. Lénine: Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, tr. 152.
96. Lénine, Sđd., tr. 152.
97. Lénine, Sđd., tr. 91.
98. Lénine, Sđd., tr. 253.
99. Marx, Sđd.
100. Marx: Hệ tư tưởng Đức, tiếng Pháp, E. S., tr. 59.
101. Engels, Phép biện chứng của tự nhiên, E. S., tr. 43, tiếng Pháp.
102. Engels, Chống Dühring, E.S., tr. 393, tiếng Pháp.

103. Lénine toàn tập, t. 38, Bút ký triết học, bản dịch tiếng Pháp. E.S., tr. 172.

104. Engels, Phép biện chứng của tự nhiên, tr. 383. Chống Dühring.

105. Engels, Sđd., tr. 41, tiếng Pháp.

106. Marx, Góp phần phê phán kinh tế, chính trị học. E.S. tr.150, tiếng Pháp.

107. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1973] (2015).

108. Bản dịch tiếng Việt tác phẩm kinh điển xuất bản năm 1973 này của Giáo sư Trần Đức Thảo là một nỗ lực to lớn của dịch giả Đoàn Văn Chúc. Tuy vậy, do sự khác biệt về ngôn ngữ và văn phong của dịch giả đối với đông đảo bạn đọc ngày nay, nên bản sử dụng ở đây có hiệu đính một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung, đồng thời điều chỉnh một chút về văn phong để nhất quán với hình thức của toàn bộ cuốn sách, trên cơ sở đối chiếu với bản gốc [THAO, Trần Đức (1973)] và bản dịch tiếng Anh [THAO, Tran Duc [1973] (1984)]. Mọi sai sót về chuyên môn có thể có trong bản sử dụng ở đây đều thuộc về trách nhiệm của người biên soạn. (BS)

109. Tam giác Ædipe: một thuật ngữ phân tâm của Freud, chỉ mối quan hệ tay ba: con trai có “ham muốn tính dục” với mẹ và “ghét” bố, con gái có “ham muốn tính dục” với bố và “ghét” mẹ, hệ quả của phức cảm Ædipe, phát triển mạnh ở trẻ em thời kỳ 3 – 5 tuổi, tương ứng với sự phát triển của loài người trong Kỷ nguyên Chellean, với sự ra đời của Người Khéo (homo habilis) cùng sự chế tác các công cụ lao động và những hình thái lao động tập thể đầu tiên. (BS)

110. André Green. [Nguồn tài liệu không được trích dẫn đầy đủ]. Green là tác giả của tác phẩm *Le discours vivant: la conception psychanalytique de l'affect* (Paris: Presses universitaires de France, 1973), và *Un Æil en trop, le complexe Ædipe dans la tragedie* (Paris: Editions de minuit, 1969).

111. Thèrèse Gouin–Decarie: “Intelligence et affectivité chez le jeune enfant: estude experimentale de la notion d’object chez Jean Piaget et de la relation objectale”. (Neuchâte: Delachaux et Niestlé, 1962), p. 111.

112. FREUD, S. (1969), p. 126.

113. Ibid., p. 130.
114. Ibid., p. 125.
115. Ibid., p. 83.
116. ENGELS, Friedrich [1884] (1971), pp. 43 – 43.
117. Ibid., p. 43.
118. Ibid., p. 44.
119. ENGELS, F. [1883] (1971), p. 174.
120. Toàn tập, t. 46, p. 232.
121. Ibid., t. 33, p. 10.
122. Thời kỳ thứ nhất của tiền sử, đặc định bởi sự xuất hiện và phát triển của công nghệ chế tác đá, và bởi nền kinh tế săn bắt. Thời Đá cũ kéo dài từ kỉ thứ 4 (3 triệu năm) đến Thống Holocène (thiên niên kỷ thứ X) được chia làm 3 kỳ, sơ kỳ, trung kỳ, và hậu kỳ, tùy theo trình độ phức tạp của công cụ. Đá cũ hậu kỳ được đánh dấu bằng sự xuất hiện của Người Khôn (Homo sapiens) và sự sản xuất những đồ vật có tính cách nghệ thuật. (ND)
123. Xem thư mục và phân tích các quan niệm trong Séménov: “Nhân loại đã ra đời như thế nào” (tiếng Nga) (Moscou), tr. 18–33.
124. Moustérien, một dạng văn hóa của thời Đá cũ trung kỳ, đặc định bởi những mũi lao hình tam giác và những cái nạo làm từ những mảnh tước sửa sang một mặt (70.000 đến 30.000 năm trước CN). (ND)
125. Ris và Wirm, kỳ đóng băng thứ 3 và thứ 4 (cuối cùng) của kỷ Đệ tứ ở châu Âu– alpin mà kỷ Đệ tứ của tuổi Trái Đất được đặc trưng bởi bốn kỳ sông băng lớn, cùng sự xuất hiện và tiến hóa của loài người. (ND)
126. BOURDIER, F. (1967), pp. 193, 195, 215.
127. ENGELS, Friedrich [1884] (1971), p. 63.
128. SPENCER, B. & F.J. Gillen [1899] (1966). The Native Tribes of Central Australia. New York, NY: Dover, pp. 60 ff.
129. Để đơn giản hóa trong trình bày, chúng tôi không nói đến quy tắc chỉ là nupa những chị em do các anh của mẹ sinh hay do các chị của bố sinh ra.
130. Séménov: “Nhân loại đã ra đời như thế nào” (tiếng Nga) (Moscou), tr. 130.

131. VAOLIS, Henri V. “The social life of early man: the evidence of skeletons”. Nguồn: WASHBURN, S. L. (1961). *Social Life of Early Man*. Chicago: Aldine. tr. 225, bảng 4.

132. Ngược lại, hình như rất khó sử dụng các sùu tập của thời Đá cũ sơ kỳ. Sự hợp thành của sùu tập Người vượn Bắc Kinh, 10 đàn ông cho 3 đàn bà, không thể tương ứng với hiện trạng dân số vào thời điểm đó, bởi người ta không thấy được trong những điều kiện như thế, làm thế nào mà các nhóm có thể tái sinh sản một cách bình thường. Còn như sùu tập Ngang–dong, 4 đàn ông cho 6 đàn bà, thì theo ý kiến chung, nó đại diện, cho những tàn dư của tục ăn thịt người mang tính nghi thức. Königswald coi trầm tích ấy có thể được so sánh với những bàn thờ đầu lâu nay còn thấy ở Mélanésie. Dù thế nào, cũng chắc chắn, như chúng tôi sẽ chỉ ra ở sau, sự mất cân đối dân số giữa các giới, được nhận thấy ở thời kỳ Moustérien, đã tồn tại trong thời Đá cũ sơ kỳ.

133. Xem: VAOLIS, Henri V., Tlđđ., tr. 224, bảng 3.

134. Xem Boriskowsky: “Les problèmes de la genèse de la société humaine et les découvertes archeologiques de ces dix dernières années”, trong: “Les idées léninistes dans l’étude de l’histoire de la société primitive, l’esclavagisme et le féodalisme” (tiếng Nga), Moscou, tr. 72.

135. ENGELS, F. [1884] (1971), p. 40.

136. SPENCER, B. & F.J. Gillen [1899] (1966), pp. 558–559.

137. Xem: Sherwood Larned Washburn: “Tools and Human Evolution”, và John Napier: “The Antiquity of Human Walking”. Nguồn: LAUGHLIN, W.S & R.H. Osborne (1967).

138. Người ta chia ra phôi (embryon) và thai (fœtus); ở người sau ba tháng thụ tinh, phôi mới thành thai, nghĩa là mang hình hài của giống người, và nó giữ như thế đến khi ra đời. (ND)

139. John Napier: “The Antiquity of Human Walking”. Nguồn: LAUGHLIN, W.S & R.H. Osborne (1967), p. 126.

140. Oldoway (hoặc Olduvai) thuộc xứ Tanzania (Đông Phi), ở gần hồ Eyasi, nơi phong phú về hóa thạch tiền sử. Những hài cốt cổ nhất cách đây trên 1 triệu năm (tầng 1– horizon 1) mà nhà khảo cổ học người Anh Leakey

(1903 – 1972) đã tìm thấy (1959) là Zinjathrope và Homo Habilien, cách đây 1.750.000 năm và 1.850.000 năm. (ND)

141. VAOLIS, H.V., “The social life of early man: the evidence of skeletons”. Nguồn: WASHBURN, S.L. (1961), đã dẫn, pp. 223 – 228.

142. Di chỉ Chelléen thuộc tỉnh Seine & Marne (Đông thành phố Paris) có khu di chỉ tiền sử thuộc thời Đá cũ. (ND)

143. M. D. Leakey, trong tạp chí Nature, 1966, t. 210, số 5035. Hình in lại chiếc rìu nguyên sơ trong tập 212, số 5062, trang 579 (trong bài báo của bà Leakey: ‘Primitive Artefacts from Kanapoi Valley’).

144. Acheuléen, Saint–Acheul, thuộc ngoại vi tỉnh Amiens, Pháp, là một diện mạo văn hóa chính của thời Đá cũ sơ kỳ, được đặc trưng bởi rìu sắc hai mặt đều đặn được ghè đẽo bằng dụng cụ kim loại mềm (pereuteur tendre). (ND)

145. Tất cả phần này, xin xem Séménov, Sđd., tr. 191– 195.

146. Người vượn Java (Pithécanthrope) giống cổ nhất lùi về tới 1,9 triệu năm, mới nhất 100.000 năm. Nằm trong nhóm archanthropien hóa thạch của thời Pleistocène–trung, nói chung thuộc giống Người đứng thẳng (Homo erectus) nói riêng gồm: người vượn Java, người vượn Bắc Kinh, Người vượn Đại Tây dương và người Manuer (một làng thuộc Odenwald, Đức, năm 1907, người ta phát hiện một hàm dưới người có thể so sánh với người vượn Java, cũng gọi là người Heidelberg (Pléistocène cũ). (ND)

147. Alberto C. Blanc, “Some evidence for the ideologies of early man”. Nguồn: WASHBURN, S.L. (1961), đã dẫn, p. 133.

148. FREUD, S. (1969). p. 118.

149. ABRAHAM, K. (1966). Oeuvres completes; t. II: Développement de la libido, formation du caractère, étude cliniques. Paris: Payot, pp. 103–104.

150. BOURDIER, F. (1967), p. 174.

151. ABRAHAM, K. (1966), Ibid., p. 115.

152. Neanderthal, khu di chỉ Đá cũ trung kỳ ở Đức, người ta tìm thấy ở đây loại hình Homo Sapiens (Người Khôn), néandersthalien là một di chủng. (ND)

153. Về phương diện phát sinh loài Người, sự cấm dục áp đặt vào thanh niên Néanderthalien đã có thể tạo thuận lợi cho thuyết “thanh niên luận” (le “juvénisme”), trong đó nhiều tác giả thấy đó là một trong những lý do của sự chuyển từ một số hình thức Néanderthalien tiến bộ sang Người Khôn (Homo sapiens): “Nếu những đặc điểm của hình thức ấu thơ đã tồn tại dai dẳng trong tuổi già, bằng hình thái học hàm dưới và hình thái não bộ của nó, đứa trẻ Néanderthalien của La Chaise hẳn sẽ có một số điểm tương đồng nào đó với người hiện đại” (J. Piveteau, nguồn: BOURDIER, F. (1967), p. 206). Tất nhiên, cũng giống như sự trụ thai, thanh niên luận đã chỉ có thể đóng vai trò gia tốc, bởi động lực chủ yếu của sự Người hóa, hay sự hình thành giống Người Khôn (Homo sapiens), tất nhiên là sự phát triển của lao động và tiếng nói.

154. Vallois, Sđd., tr. 230.

155. Ibid., p. 244.

156. LAPLANCHE, J. & J. –B. Pontalis (1967), p. 76.

157. STREHLOW, Carl, Die Arunta und Ioritfa–stamme in Zentral–Australien, IV, Teil, I Abteilung, tr. 10–12.

158. SPENCER, B. & F.J. Gillen [1899] (1966), p. 246.

159. Ibid., pp. 398–399

160. FREUD, S. (1969), p. 119.

161. Ibid., p.127.

162. Ibid., p. 117.

163. Ibid., p. 121.

164. Ibid., p. 130.

165. Ibid., p. 122.

166. Ibid., p. 131, 122.

167. ‘Aurignaciennes’ (tên riêng bắt nguồn từ tên của một cái hang tại Aurignac, Haute-Garonne, Pháp) chỉ giai đoạn sơ khai nhất của nghệ thuật tượng hình thời cổ đại tại châu Âu, ví dụ như, hội họa của thời Đá cũ hậu kỳ, khoảng 30.000 năm trước Công nguyên. ‘Vénus’ là thuật ngữ của lịch sử nghệ thuật tượng hình, dùng để chỉ các tượng phụ nữ nhỏ của thời kỳ này. Kể từ khi những bức tượng nhỏ này, với phần ngực và bụng được nhô

- cao lên (trong một số trường hợp, bức tượng được bắt đầu từ phần eo lưng), thì người ta cho rằng, ‘Vénus’, biểu tượng của sự mắn đẻ ở phụ nữ, được sử dụng như hình ảnh của một nữ thần. [Nguồn: Mục từ ‘Prehistory’, Encyclopedia of World Art (New York: McGraw-Hill, 1966)].
168. SPENCER, B. & F.J. Gillen [1899] (1966), pp. 388–420.
169. KABO, Vladimir Rafailovich (1969). L’origine et l’histoire ancienne des premiers habitants de l’Australie (Tiếng Nga). Moscow, 1969.
170. Đạo Chaman: một tín ngưỡng chuyển thông với các linh hồn bằng những thuật nhập định và lên đồng (gọi hồn) được quy vào các thực hành ma thuật, ngày nay còn thấy ở một số vùng thuộc Bắc Á và Bắc Mỹ. (BS)
171. Freud, “Abrége de psychanalyse” (Giản yếu luận phân tâm).
172. Freud, “Neue Folge der Vorlesungen für Einführung in die Psychoanalyse”. Nguồn: LAPLANCHE, J. & J. –B. Pontalis (1967). p. 362.
173. Sigmund Freud, ‘Some Psychical Consequences of the Anatomical Distinction between the Sexes’, p. 250.
174. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1975b). Bản sử dụng ở đây đã được hiệu đính lại dựa trên những sửa chữa của tác giả, và chỉnh sửa một số lỗi đánh máy. (BS)
175. THAO, Trần Đức (1973).
176. THẢO, Trần Đức [1973] (1996).
177. Introduction à la genèse de l’Homme (Giới thiệu về sự phát sinh loài người). La naissance du premier homme (Nguồn gốc của loài người nguyên thủy).
178. Drei Abhandlungen zur Sexualtheorie (1905), một tác phẩm quan trọng Sigmund Freud, đã được dịch sang tiếng Việt với nhan đề Ba tiểu luận về tính dục. (BS)
179. Nhưng trẻ em được quá nuông chiều, thì đã đi đến những đòi hỏi quá đáng, không thể thỏa mãn được, do đấy mà trở thành bất mãn, tự ái, tự ty, tự cao. Trong gia đình, quan hệ giữa anh chị em ở tuổi nhi đồng có khi lại quan trọng hơn là quan hệ với cha mẹ.
180. Tư bản, trong Marx–Engels Werke, T. 23, tr. 193. Dietz–Verlag, Berlin.

181. Phạm Trọng Luật dịch. Trích dịch từ tiểu luận De la phénoménologie à la dialectique matérialiste de la conscience (1) [Từ hiện tượng luận đến biện chứng duy vật của ý thức (1)]. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1974] (2004). (Các chú thích đều là của người dịch). (BS)

182. SAUSSURE, F. de (1967). Cours de linguistique générale. Publié par Charles Bally et Albert Sechehaye, avec la collab. de Albert Riedlinger. Paris: Payot. Được xây dựng từ giáo trình của Saussure trong ba năm học (1906–1911), và xuất bản năm 1915, sau khi tác giả mất hai năm.

183. Thuật ngữ signe [sign] trong tiếng Pháp có thể được dịch là ký hiệu trong nghĩa hẹp [như trong signe linguistique = ký hiệu ngôn ngữ] hoặc biểu hiệu hay dấu hiệu trong nghĩa rộng. Ở đây, dựa trên ngữ cảnh, signe sẽ được dịch bằng từ trước hay các từ sau, tùy mức độ từ hẹp nhất đến rộng nhất. Theo Saussure, signe luôn luôn gồm có hai mặt mà ông gọi là signifiant [signifier] và signifié [signified] (xem chú thích số 02 [tr. 260] bên dưới), được kết hợp trong một quan hệ “độc đoán”. Về điểm này, đối với nhà ngôn ngữ học Emile Benveniste, nếu signifiant và signifié có quan hệ bất khả phân như mặt phải và mặt trái của một tờ giấy theo chính thí dụ của Saussure, thì quan hệ giữa hai yếu tố này không thể nào là “độc đoán”, mà phải được xem là tất yếu (làm gì có một tờ giấy chỉ có mặt phải, không có mặt trái!). Nói cách khác, Saussure đã lẫn lộn quan hệ giữa hai mặt của ký hiệu với quan hệ giữa ký hiệu với vật quy chiếu [réfèrent = referent], bởi vì đúng thật là không có một quan hệ thiết yếu nào giữa âm hoặc từ chó với con chó ngoài đời, khi người Pháp gọi cùng một sinh vật này là chien, người Anh là dog, người Đức là Hund, v.v...

184. Trong tiếng Pháp, verbal chỉ tất cả những gì được diễn đạt bằng ngôn từ hơn là bằng các dấu hiệu khác, tuy langage verbal thường được dịch chính xác nhưng hạn hẹp là ngôn ngữ nói. Ở đây, vì verbal còn thường được dùng kèm với nhiều từ khác nữa, để có thể dịch nhất quán tất cả các trường hợp trên, chúng tôi thử nghiệm dịch là âm từ, để có thêm ngoài ngôn ngữ âm từ (ngôn ngữ được xây dựng bằng lời nói và chữ viết, trên âm vị và từ vị), các cụm từ khác như khác biệt âm từ [différenciations

verbales], ký hiệu âm từ [signes verbaux], ý nghĩa âm từ [signification verbale], cấu trúc âm từ [structure verbale], v.v...

185. Sémiologie [semiology] thường được dịch là triệu chứng học trong bối cảnh y học, và ký hiệu học trong ngôn ngữ học. Ở đây, chúng tôi sử dụng lại từ dịch đã trở thành quen thuộc là ký hiệu học chung cho cả hai trường hợp. Sau Saussure, nhưng xuất phát từ dự án sémiologie của ông, còn xuất hiện một môn học khác mang tên là sémiotique [semiotics, dù đôi khi vẫn còn tiếp tục được gọi là sémiologie]. Từ chối cho ký hiệu âm từ quy chế ưu đãi (giống như Trần Đức Thảo ở đây), bộ môn này lấy mọi phương thức biểu nghĩa làm đối tượng (thời trang, văn học, huyền thoại, văn bản, v.v...), do đó, tùy sở thích của mỗi tác giả, cũng phát triển theo nhiều chiều hướng khác nhau.

186. Symboles [symbols] có thể được dịch là ký hiệu như trong ký hiệu hóa học hay biểu trưng như trong biểu trưng của công lý. Ở đây, để đầy đủ, chúng tôi dùng cả hai.

187. Signifiant, signifié thường được dịch là cái biểu đạt và cái được biểu đạt, tuy đôi khi cũng có người dùng cái lập (tạo) nghĩa và cái thụ nghĩa. Ở đây, để tránh sự lặp lại, chúng tôi dùng cả hai. Mặt khác, quan niệm của Saussure về signifiant, và về ký hiệu ngôn ngữ như sự kết hợp giữa một signifiant với một signifié không phải là không đặt vấn đề. Ký hiệu ngôn ngữ nói đây có phải là từ chẳng? Trong trường hợp này, nếu lấy thí dụ ở tiếng Pháp chẳng hạn, phải xem hai signifiants khác nhau như cheval và chevaux là biểu hiện của cùng một từ như table và tables chẳng? Nó có thể là đơn vị nhỏ hơn từ như tiền tố néo- [tân-] chẳng, bởi vì tiền tố này cũng kết hợp một signifiant với một signifié như mọi ký hiệu khác? Nó có thể là từ sáp nhập như au (à le) và aux (à les) chẳng, khi cùng một signifiant bất khả phân này lại tương ứng với hai signifiés, nghĩa là phải kết hợp với hai khái niệm khác nhau?

188. “Dans la langue, comme dans tout système sémiologique, ce qui distingue un signe, voilà tout ce qui le constitue” (Saussure, Sđd., tr. 168). Đối với Saussure, ngôn ngữ âm từ là một hệ thống ký hiệu, và ký hiệu không phải là vật thể, mà là quan hệ: trong một trạng thái ngôn ngữ, tất cả

tùy thuộc vào những quan hệ (hoặc đối lập, hoặc khác biệt, hoặc kết hợp) giữa các ký hiệu âm từ hay đơn vị ngôn ngữ. Trong quá trình tạo câu chẳng hạn, một đơn vị ngôn ngữ (âm hay từ) chỉ có thể được nhận diện bởi sự khác biệt với nó của những đơn vị đi trước hay đi sau trên trục ngữ đoạn [syntagmatique = syntagmatic, trục phân bố vị trí các đơn vị], và bởi những đơn vị có thể hoán vị với nó trên trục ngữ hình [paradigmatique = paradigmatic, trục chọn lựa giữa các đơn vị cùng tập hợp]. “Tôi yêu em” chỉ có nghĩa chính xác nếu người nghe phân biệt được “yêu” với “tôi” và “em” trong đoạn âm thanh này và trên các vị trí này (bởi vì “tôi yêu em” khác với “em yêu tôi”, và “yêu em tôi”), đồng thời biết rằng “yêu” khác với “thương”, “mến”, “thích”, “ưa”, “quý”,... trong cùng tập hợp “tình cảm tích cực” chẳng hạn.

189. Signification [signification, meaning] và sens [meaning, significance] đều được dịch là nghĩa hay ý nghĩa, mặc dù hai từ này thường được phân biệt hơn là sử dụng như từ đồng nghĩa trong tiếng Pháp. Ở Saussure, không có định nghĩa rõ ràng về sens, và từ này có thể được tiếp cận, hoặc như kết quả của một sự cắt xén (từ một dòng tư tưởng, một mảng chữ viết hay một khối âm thanh còn bất định) hay một hiện tượng kết hợp, hoặc như một giá trị xuất phát từ hệ thống ngôn ngữ. Ở các nhà ngữ học khác (Leonard Bloomfield, Zellig S. Harris, Stephen Ullmann, André Martinet...), sự phân biệt cũng không thống nhất. Do đó, cách đối lập phổ biến nhất hiện nay trong bối cảnh ngôn ngữ học có lẽ vẫn là: a) hoặc nhìn nhận hai loại quan hệ khác nhau, và xem signification như thuộc về quan hệ biểu đạt [rapport de signification, xuất phát từ sự đối lập giữa các từ vựng trong cùng một hệ thống ngôn ngữ], còn sens như thuộc về quan hệ chỉ định [rapport de désignation, xuất phát từ liên hệ giữa ký hiệu với vật quy chiếu bên ngoài]; b) hoặc chấp nhận thông kiến xem signification như ý nghĩa của một từ, khác với sens là ý nghĩa của một đoạn văn hay một văn bản.

190. “Prenons d’abord la signification telle qu’on se la représente et telle que nous l’avons figurée... Elle n’est... que la contre-partie de l’image auditive” (Saussure, Sdd., tr. 158). Ở đây, chúng tôi mạn phép dịch contre-partie là mặt trái, vì Saussure thường dùng hình ảnh mặt phải và mặt trái

của một tờ giấy để diễn tả tính bất khả phân của hai yếu tố cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong ký hiệu ngôn ngữ.

191. Langage và langue [language] đều được dịch là ngôn ngữ, còn parole [speech] là lời nói. Trong tiếng Pháp, langage vừa chỉ khả năng đặc thù của con người là khả năng giao tiếp hay hiệp thông bằng một hệ thống ký hiệu âm từ, vừa chỉ bất kỳ một hệ thống ký hiệu nào đã được xã hội quy tắc hóa (ngôn ngữ của người câm điếc chẳng hạn), trong đó có các hệ thống ký hiệu âm từ riêng của mỗi cộng đồng dân tộc gọi là langue. Như vậy langage [ngôn ngữ theo nghĩa rộng], với tư cách là một đặc tính chung của loài người, xuất phát từ khả năng biểu trưng của con người, và bao gồm hai bộ phận: langue [tiếng nói hay ngôn ngữ theo nghĩa hẹp] và parole [lời nói]. Langue là một sản phẩm xã hội, là cái phần của langage tồn tại trong ý thức của mọi thành viên thuộc một cộng đồng ngôn ngữ nhất định, là tổng số những dấu ấn do thực tiễn xã hội để lại trong trí óc của mỗi cá nhân qua vô số hành vi ngôn ngữ cụ thể. Trái lại, parole là phần ngôn ngữ được vận dụng thực sự bởi mỗi cá nhân, là phần hành vi ngôn ngữ cụ thể ở mỗi người.

192. “Thật ra, kinh tế chính trị học thông tục chỉ lý thuyết hóa và hệ thống hóa những biểu thị của các tác nhân sản xuất còn bị tù túng trong quan hệ sản xuất tư sản, và biện hộ cho loại ý tưởng này. Do đó, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi nó cảm thấy hoàn toàn thoải mái trong chính cái phần ngoại hiện tha hóa của những quan hệ kinh tế ấy – điều hiển nhiên là phi lý và cực kỳ mâu thuẫn, bởi vì nếu phần ngoại hiện với bản chất của sự vật chẳng khác gì nhau thì có khoa học cũng bằng thừa! Vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi kinh tế chính trị học thông tục cảm thấy hoàn toàn tự nhiên ở đây, và những ràng buộc bên trong càng bị che giấu kỹ bao nhiêu, thì các quan hệ bên ngoài này càng có vẻ hiển nhiên đối với nó bấy nhiêu, đồng thời trở thành quan hệ hiện hành trong cách biểu thị thông thường của người đời về kinh tế” (MARX, K. Le Capital. Livre troisième: le procès d’ensemble de la production capitaliste. Paris: Ed. sociales, 1950–1960. Q. 8, tr. 196).

193. craindre: sợ hãi; redouter: vô cùng sợ hãi. (BS)

194. “Một mặt, Destutt de Tracy nói rõ ràng rằng những sự vật cấu thành của cải biểu hiện phần lao động đã tạo ra chúng; mặt khác, ông lại cho rằng hai loại giá trị khác nhau của chúng (giá trị sử dụng và giá trị trao đổi) đều được rút ra từ giá trị của lao động. Như vậy, ông rơi xuống trình độ tầm thường của kinh tế [chính trị] thông tục, khi nó chấp nhận trước giá trị của một thứ hàng hóa (lao động, chẳng hạn) để xác định giá trị của những món hàng khác” (MARX, K. *Le Capital. Livre premier: le développement de la production capitaliste*. Paris: Ed. sociales, 1950–1960. Q. 1, tr. 92).

195. “Xin lưu ý một lần dứt khoát rằng: tôi gọi là kinh tế chính trị học cổ điển bất cứ thứ kinh tế nào, từ William Petty trở đi, tìm cách thâm nhập vào cái tổng thể hiện thực và mật thiết của những quan hệ sản xuất trong xã hội tư sản, tương phản với thứ kinh tế chỉ dừng lại trên những biểu hiện bên ngoài là kinh tế thông tục. Để thỏa mãn nhu cầu riêng và phổ biến một cách dung tục những hiện tượng thô lậu nhất, thứ kinh tế sau không ngừng nhai đi nhá lại những tư liệu đã được soạn thảo trước nó, rồi tự giới hạn như các nhà thông thái rơm vào việc dựng thành hệ thống, đồng thời tôn xưng như chân lý vĩnh cửu, loại ảo tưởng mà giai cấp tư sản ưả thả vào thế giới của hần, cái thế giới [coi như] tốt đẹp nhất có thể tồn tại” (MARX, K. *Le Capital. Livre premier: le développement de la production capitaliste*. Paris: Ed. sociales, 1950–1960. Q. 1, tr. 83).

196. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1993c] (2013). Các chú thích là của người dịch. Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)

197. Những chữ trong ngoặc vuông được dịch giả thêm vào để làm rõ ý của tác giả. (BS)

198. Tức khi bước sang khoa học xã hội, nhân văn.

199. Khoảnh khắc là mẫu chốt của quan điểm thời gian của Aristotle. Khoảnh khắc phân chia dòng chuyển động, thành trước và sau. Mặt khác, hai khoảnh khắc, một trước một sau, cho ra một khoảng thời gian, có thể đo lường được bằng một con số.

200. Vì muốn có “trở thành”, phải có chuyển động.

201. Husserl, C2I – 1932–1933. Dẫn bởi: THAO, Trân Duc (1951), p. 143, Note.

202. Thuyết nhân quả, trong dạng đơn giản nhất của nó, quan niệm những tương quan theo một đường thẳng, theo kiểu: “vì có A, nên có B”. Nó có thể trở thành phức tạp hơn một chút: “vì có A, hay A’, nên có B”. Tuy nhiên, ít khi nào hệ quả lại không tác động ngược lại trên nguyên nhân, theo mô hình: “A cho ra B, B cho ra A’, A’ cho ra B’ v.v..”. dẫn đến “nhân quả xoay tròn”, trong thực tế là những vòng xoắn ốc. Nếu các “vòng” ấy có thể tự xoay chuyển, bất chấp những yếu tố khác, thì người ta có một “hệ thống nhân quả”. Nhưng nếu hệ thống phải chịu ảnh hưởng của những yếu tố bất định do môi trường, hoàn cảnh bên ngoài,... ảnh hưởng vào, thì hệ thống nhân quả ấy trở thành phức biến (mà không thành một hệ thống lớn hơn, với nhiều yếu tố hơn, vì các yếu tố vừa nêu được coi như “bất định”, đi ngược lại với tính “phân định”, phải có, của “nhân quả”).

203. Yếu tố “môi trường, hoàn cảnh” nói trong chú thích trên.

204. Theo Sartre, l’Etre en soi – hiện hữu tự thân – là sự hiện hữu bị quy định: cây xoài chỉ có thể “làm” cây xoài, Đạt Lai Lạt Ma “làm” Đạt Lai Lạt Ma,... nên cũng có thể được dịch là “hiện hữu thường hữu”, với ý nghĩa nó bị gò bó không thể thay đổi. L’Etre pour soi – hiện hữu vị kỷ, còn có thể được dịch là “hiện hữu tự hữu”, tức là sự hiện hữu do “tôi” chọn lựa, như Đạt Lai Lạt Ma có thể chọn nhảy rock, mặc dù nhảy rock không thuộc về “hiện hữu tự thân” của một Đạt Lai Lạt Ma. L’Etre pour l’autre – hiện hữu vị tha – là sự hiện hữu tùy thuộc vào người khác, vì cái nhìn của người khác ngăn cản tôi làm những gì tôi chọn lựa (Sartre: “địa ngục là kẻ khác”), hay vì cái nhìn của họ phản chiếu lại hình ảnh về tôi mà tôi muốn họ nhận thấy (Ricoeur), hay vì ý thức nhân bản chính là ý thức trách nhiệm đối với tha nhân (“nhân bản qua tha nhân” – Lévinas), nên cần sự đối diện với một tha nhân cụ thể để hiện hữu. Trong một dịp khác tôi sẽ khai triển những ứng dụng đối với Sự logic của thời Hiện tại sống động trong các vấn đề được nêu lên trong đoạn này.

205. Khoa học là “thực tế có giá trị tổng quát”. Thí dụ như định luật Boyle Mariotte: $P \times V = \text{hằng lượng}$. Định luật này áp dụng cho tất cả các chất

hơi, ở bất cứ đâu, bất kể đang hiện hữu, đã hiện hữu, hay sẽ hiện hữu. “Xe mình hết xăng” cũng là một thực tế, nhưng nó chỉ áp dụng cho một trường hợp cá biệt (xe mình), vào một thời điểm giới hạn, nên không thể là “khoa học”. “Thực tế khoa học” là một thực tế không hiện hữu. Vì không có gì hiện hữu được trong tổng quát. Mọi sự vật cụ thể đều hiện hữu tại một nơi chốn, trong một thời gian rõ rệt. Mặt khác, cách nhìn tổng quát không cho phép phân tích tường tận một hiện hữu cá biệt, nên trên quan điểm của khoa học, thì hiện hữu là cái không thể định nghĩa được một cách toàn diện: “Omne individuum ineffabile”. Vấn nạn này đưa đến một khó khăn khác, khi buộc phải công nhận là người ta đạt đến quy luật khoa học với giá trị tổng quát của nó bằng sự quan sát các trường hợp cá biệt. Tức là đi từ hiện hữu đến không hiện hữu, từ cái “không thể là khoa học” (vì tính cá biệt), để xây dựng nền tảng của khoa học (mang tính tổng quát)!

206. Logic hình thức, mô tả “hình thức” tư duy làm sao cho đúng đắn, chứ không nhằm vào những đối tượng cụ thể của tư duy. Nó như một loại “văn phạm” của tư duy. Văn phạm không cần biết anh nói lời yêu thương hay mắng chửi. Nhưng, trong mọi trường hợp, anh đều phải tuân theo những quy luật của nó. Logic tiên nghiệm nhằm vào những phạm trù tàng ẩn đằng sau các nhận thức thông thường. Khi nói “con ngựa trắng lớn” thì đằng sau đó, đã phải có sẵn khái niệm động vật với những phân chia theo loài, giống,... đồng thời với khái niệm về tính chất (lớn, trắng). Nếu tôi nói “một con ngựa trắng trong nhiều con ngựa đen” thì đằng sau đã phải có sẵn các khái niệm đơn vị, số ít, số nhiều, cá thể, toàn thể,... Tức là đối với những cảm nhận thông thường thì các khái niệm ấy đã được “nghiệm” trước (tiên nghiệm). Ở đây, Husserl tách khỏi quan điểm của triết học thời ông, đặc biệt là quan điểm của Kant, khi ông từ chối xem logic hình thức như tự nó không có đối tượng (chỉ có hình thức, không có nội dung), cũng như phủ nhận việc cho là logic tiên nghiệm chỉ có đối tượng là các phạm trù biểu trưng cho những gì có thể “nghiệm” được bằng cảm quan. Husserl cho rằng logic hình thức có thể có đối tượng là những khái niệm thuần túy. Ta thử lấy công thức: “A cho ra B, vậy phải chẳng không B cho ra không A?”. Tức là ta đã biến công thức này thành một đối tượng logic, có thể phân tích, sử

dụng cách này, cách kia, mặc dù nó chỉ là khái niệm thuần túy. Mặt khác, logic tiên nghiệm không chỉ là vận dụng những “phạm trù biểu tượng cho thực tại” nữa, mà là đạt đến những khái niệm trừu tượng qua tư duy logic. Nói cách khác, logic tiên nghiệm, đối với Kant, là đưa các phạm trù biểu tượng cho thực tế vào logic hình thức để giới hạn logic hình thức trong thực tại. Còn đối với Husserl thì logic tiên nghiệm là nền tảng để đi lên phạm trù khái niệm từ logic hình thức. Trước một khái niệm, thay vì đặt câu hỏi “đối với tôi nó biểu tượng cho cái gì trong thực tế” (tức từ khái niệm “đi xuống” thực tại), Husserl tự hỏi: “tôi hiểu nó như thế nào?” (tức đặt vấn đề ý nghĩa thay vì biểu tượng, cũng là “đi lên” một khái niệm cao hơn, “tiên nghiệm” hơn). Logic tiên nghiệm, như thế, không tách biệt với logic hình thức, mà là khởi điểm của logic hình thức. Để rồi, với “logic Hình Thức và Tiên Nghiệm”, người ta có thể “hiểu” tự thân sự vật qua một sự “hiểu biết cảm thông” như sẽ được bàn đến ở phần sau.

207. “Individualité” (tính cá thể) khi được dùng để chỉ một hiện hữu cụ thể, thì được dịch là tính cá thể. Vì khi ấy, cái “tính” được nhìn qua “thể”, và dùng cái “thể” này để tượng trưng cho nó. Cũng tương tự như chữ “personnalité” (cá tính của một người) được dịch là “nhân vật” khi chỉ những con người cụ thể (“personnalités” politiques = “nhân vật” chính trị).

208. Thu nạp các chất dinh dưỡng để cá thể sinh học có thể hóa thành chính nó.

209. Giữa chức năng tồn động và chức năng hướng đến tương lai.

210. “Vẫn còn hiện hữu” vì vẫn giữ những đặc tính của nó.

211. Nisus: khuynh hướng nỗ lực hiện thực hóa cái mục tiêu đề ra. (BS)

212. Appetitus: khuynh hướng bẩm sinh của một sự vật nhằm giúp chính nó tiếp tục tồn tại và phát triển. Appetitus có nguồn gốc Ấn-Âu: “pete-” có nghĩa là “lao tới”. (BS)

213. “Hiểu biết cảm thông” – “Connaissance compréhensive” – là hiểu biết xây dựng trên trực giác, chú trọng vào sự cảm thông, thay vì giải thích. Vấn đề của nó không phải là nhận biết các dữ kiện mà là cảm thông ý nghĩa của các dữ kiện ấy. Khi đã được hấp thụ đúng mức, thì “biện chứng sinh học hội nhập thời gian” ảnh hưởng như một phương pháp “tiên nghiệm” (xem

chú thích (2), tr. 132) nâng các dữ kiện sinh học lên trình độ ý nghĩa, có thể cảm thông trực tiếp, mà không cần phải phân giải bằng trí năng nữa.

214. Tức là duy trì những đặc tính đủ để người ta vẫn nhận ra “nó là nó”.

215. “Nó là nó”, nhưng cũng “không còn là nó”, cho phép sự tiến hóa thành những sinh vật mới, phát triển hơn.

216. Thu nạp chất dinh dưỡng để biến hóa thành chính nó.

217. Bằng các chất dinh dưỡng lấy từ môi trường.

218. Như con sứa.

219. Sự thống nhất của cặp mâu thuẫn “tồn đọng – hướng tới tương lai” bao giờ cũng thể hiện thực tại, tức cái hiện trạng trong lúc này. Trong trường hợp sinh vật mà ta đang quan sát, cái “hiện trạng lúc này” ấy là sự co thắt. Hiện trạng ấy tổng hợp hai “tiến trình chuyển biến bao hàm đối nghịch”, do sự phân chia cấu trúc “thần kinh – cơ bắp” của nó thành hai loại, tương lực và từng kỳ. Tương tự như thế, sự đối kháng giữa hai phạm trù “tồn đọng” và “hướng hướng tới tương lai” triệt tiêu cái thực tại vừa nói, tức sự co thắt, để cho ra giai đoạn thư giãn, nghỉ ngơi, như Trần Đức Thảo sẽ nói tiếp ở câu sau.

220. “Tự thân” (corps propre), là một khái niệm được mô tả ra bởi một số triết gia như Merleau-Ponty (Phénoménologie de la Perception), để chỉ hình ảnh chủ quan của thân thể. Nó tạo ra cảm giác “chính mình”, “là mình”, “tự mình” cùng với những gì “mình” có thể làm, hay có thể cảm nhận.

221. Gọi là “hình ảnh thần kinh”.

222. Chứ không phải vào hình ảnh của chuột.

223. Vì không có thực.

224. Vì vượt ra ngoài giới hạn bản thân.

225. Tương đương với “khoảng miệng” của trẻ nhỏ.

226. Chỉ hiện hữu nơi con người.

227. Như Trần Đức Thảo đã phân tích trong nhiều tài liệu, ở trẻ em, tiếng gọi, rồi tiếng nói bên ngoài kích thích sự hình thành của tiếng nói bên trong. Tiếng nói bên trong được lập lại rồi khai triển thành ý thức. Với sự ý thức qua tiếng nói bên trong ấy, những cảm giác được ý thức, được trừu

tượng hóa, đồng thời với ý muốn, chủ ý hành động... Con vật chỉ có “cảm giác bản thân”, để phân biệt những gì “thuộc về nó” và “không phải nó”. Cảm giác về “nó” là cảm giác về một sự vật cụ thể, cũng như cảm giác đối với những sự vật “không phải nó”. Ở con người thì khả năng trừu tượng hóa làm cho ý thức của hãnh không chỉ hướng đến sự vật hay cảm giác cụ thể mà vượt lên phạm trù trừu tượng. Thí dụ con vật chỉ ham muốn một sự vật cụ thể, như thức ăn, đối tượng giao hợp,... Trong khi đó, con người, trong sự ham muốn thực sự “người” của mình, thì ham muốn một hình ảnh chủ quan của đối tượng mà mình ham muốn, hoặc ham muốn chính sự ham muốn, như huy chương, bằng cấp, nhà to, xe đẹp, vì chúng chứa đựng sự ham muốn của người khác, hay khi giao hợp, thì muốn đối tượng cũng ham muốn giao hợp với mình... Trong điều kiện ấy, ý thức bản ngã nơi con người cũng hướng vào một “cái tôi” trừu tượng, được cấu tạo qua một “câu chuyện” được thường xuyên cập nhật, mà mình tự kể với mình, đồng thời thể hiện hình ảnh mà mình muốn người khác nhận biết nơi mình. Ý thức, như thế, bắt buộc phải có ngôn ngữ. Xem (tiếng

Pháp):[http://nguyenhoaivan.com/default.asp?](http://nguyenhoaivan.com/default.asp?do=news_detail&id=167&kind=20)

do=news_detail&id=167&kind=20 (đoạn “conscience et langage”).

228. Được ý thức, qua “tiếng nói bên trong”.

229. Tính chủ thể ở động vật được hình thành qua tập hợp cảm giác, trực giác, bản năng, của nó. Ở con người tính chủ thể bao hàm thêm tất cả những gì hãnh “biết”, qua kinh nghiệm, học hỏi, suy tư, v.v... và qua những gì hãnh dự phóng cho tương lai. Ngôn ngữ ở đây cũng đóng một vai trò then chốt, qua chức năng truyền đạt các hiểu biết, suy nghĩ và kinh nghiệm, cũng như xây dựng các dự phóng... Như Marx đã nhận xét: sự khác biệt giữa một kiến trúc sư kém cỏi nhất và con ong tài ba nhất, là người kiến trúc sư xây dựng công trình của mình trong trí óc, trước khi thực hiện nó trong thực tế. Chúng ta cũng đã nhận xét rằng con người luôn tự kể “tiểu sử” của mình, một tiểu sử không ngừng được phóng chiếu vào tương lai (“tôi là người sẽ...”), với những cập nhật đều đặn. Tính chủ thể nơi con người thể hiện qua ý thức mình là nhân vật chính của “tiểu sử” ấy.

230. Hylè là chất liệu của cảm giác, trước khi nó được cảm giác, để rồi, từ cảm giác, trở thành tri giác. Husserl đã có những do dự quanh vấn nạn làm thế nào để Hylè trở thành tri giác (sự kết hợp giữa Hylè và Morphè – hình thái). Sau cùng, quan điểm của ông là khi hội nhập thời gian, thì, cùng với sự vận động của thời gian qua mâu thuẫn tồn đọng và áp lực hướng đến tương lai, Hylè tự nó mang tính năng kích động cơ thể, đưa đến sự bổ túc các cảm giác đã nhận được bằng những tư thế nối tiếp nhau để tiếp tục nhận được những cảm giác mới về cùng một sự vật. Như một người vừa đi quanh một bức tượng, vừa nghiêng đầu để nhìn nó dưới nhiều khía cạnh. Đồng thời với những tư thế này, hệ thần kinh liên tục tổng hợp những cảm giác thu nhận được, dựa vào quá khứ, và hướng đến tương lai, làm thành một dòng tri giác. Như thế, Hylè, tức chất liệu của cảm nhận, tự nó hướng đến Morphè, hình thái. Mỗi cảm giác tự nó mang những phương tiện để được nhận thức đầy đủ hơn, và trong mỗi sự vật được cảm nhận trực tiếp đã có sẵn động lực để liên kết chúng thành một tập hợp hình ảnh hiểu được, “cảm thông được”, của thế giới.

231. Như Hylè, nó mang trong nó động lực tự bổ sung và hướng đến hành động.

232. Tương tự như “khoảng chân – tua” nơi loài Ruột Khoang, cho ra “vùng phụ cận” ở các trình độ tiến hóa cao hơn, trò chơi phân định một khoảng trống trung gian giữa “trong” và “ngoài” một cá thể. Cá thể ấy có khả năng tác động trên khoảng trống này, như thể thuộc về nó, mặc dù khoảng trống kia vẫn được cảm nhận như bên ngoài nó. Trong trò chơi, nó tác động trên những sự vật trung gian, để tăng cường cảm giác hiệu năng của nó trên khoảng trung gian vừa nói. Điều này cũng làm gia tăng cảm giác tự thân của nó, và là một bước tiến hóa dẫn đến việc phát triển các “trung gian thực dụng”, vẫn để tăng cường hiệu năng tác động trên “vùng phụ cận”, thường trùng hợp với khoảng trung gian của trò chơi. Các “trung gian thực dụng” ấy là các công cụ lấy trực tiếp từ thiên nhiên, trước khi tiến lên giai đoạn dụng cụ được chế tác.

233. Lời Cuối: Chỉ trong vài trang, chúng ta đã đi qua một quãng đường dài với Trần Đức Thảo. Khởi đầu bằng một phương pháp lý luận, ông dẫn

chúng ta “hội nhập thời gian”, để hiểu được sự chuyển động của một hiện hữu trong thời gian. Rồi ông đưa chúng ta vào trong mỗi hiện hữu, để chỉ ra cá tính của nó, luôn tồn đọng, dù không ngừng chuyển biến, bất kể nó là một hạt cát, một sinh vật, hay toàn vũ trụ. Sau hết, vì hiện hữu mang tiềm năng kết hợp với những hiện hữu khác, làm thành những cá thể phức hợp, những hệ thống bao gồm nhiều tầng lớp, từ con sứa đến xã hội loài người, nên Trần Đức Thảo mời gọi chúng ta quay về quá khứ, tìm hiểu bản thân của tính kết hợp, qua những nền tảng đơn sơ nhất của nó. Từ thời buổi xa xưa ấy, những trang sử ly kỳ của Thiên Nhiên được lật nhanh, cho đến sự xuất hiện của xã hội tính và nhân tính, vạch ra một tiến trình từ sự co thắt cho đến các hành vi được ý thức nơi mỗi người chúng ta. Sự logic của thời Hiện tại sống động đã là ánh sáng chiếu soi cho chúng ta trên suốt con đường ấy, khiến chúng ta có được một cái nhìn nhất quán về lịch sử của Thiên Nhiên từ nguyên thủy cho đến hiện tại, với tất cả những gì con người đã, và sẽ, biết được.

234. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1989c). Bản sử dụng ở đây đã sửa chữa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

235. Di chỉ khảo cổ học nổi tiếng ở miền Tây nước Pháp. (BS)

236. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1991b). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

237. Xem Ph. Ăng-ghen: Chống Duy-rinh, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 35–37.

238. Xem Ph. Ăng-ghen, Sách đã dẫn, tr. 36.

239. Chú thích của người biên tập: Tiếp sau phần hình thể cộng sản nguyên thủy, tác giả đã phân tích những nấc thang tiến hóa của lịch sử phát triển loài người. Vì khung khổ bài báo có hạn, rất tiếc chúng tôi không đăng được phần đó. Mong tác giả và bạn đọc thể tất. Dưới đây là phần tiếp.

240. Mác: Tư bản, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, Q1, T3, tr. 351–352.

241. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1977a). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

242. Trưng thu và cống nạp. (BS)

244. Hoàng Tuấn Anh dịch. Dịch từ nguyên bản tiếng Anh. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1947b] (2012). Bản sử dụng ở đây có biên tập một số chữ, và sửa chữa một số lỗi đánh máy của nguyên bản. (BS)

245. Giáo sư Trần Đức Thảo là nhà triết học lớn. Bên cạnh đó, với lòng yêu nước nồng nàn, ông còn là một nhà trí thức dân thân chính trị từ khi còn rất trẻ. Năm 1944, khi mới 27 tuổi, ông đã được bầu làm Tổng Phái đoàn của người Đông Dương ở Pháp (Délégation générale des Indochinois en France), phụ trách nghiên cứu các vấn đề chính trị. Trên cương vị này, bên cạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, ông còn diễn thuyết, viết báo và vận động chính trị cho nền độc lập và dân chủ ở Đông Dương, hướng cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc theo hướng dân chủ-xã hội. Bài báo tiếng Anh này phản ánh tinh thần của bài báo tiếng Pháp của Giáo sư, Sur l'Indochine [Về Đông Dương]. Bài báo tiếng Pháp này được viết trong 4 tháng tại xà lim ở nhà tù Prison de la Santé (tháng 9-12/1945), sau khi ông bị bắt vì các phát ngôn ủng hộ nền độc lập ở Đông Dương, sau đó được đăng trên tạp chí Les Temps modernes, diễn đàn của giới triết học và trí thức cánh tả tại Pháp, do Maurice Merleau-Ponty, Jean-Paul Sartre, Raymond Aron và Simone de Beauvoir chủ trương. (BS)

246. Nay là Sri Lanka (ND).

247. Nguyễn Trung Kiên dịch. Nguồn: HERMAN, Daniel J. [1997] (2013). Tên bài do người dịch tạm đặt. Người dịch xin cảm ơn sự chỉ dẫn quý báu của Giáo sư Trần Hữu Dũng, Tiến sĩ Cù Huy Chử, Luật sư Cù Huy Song Hà và Tiến sĩ Nguyễn An Nguyên để bản dịch này được hoàn thiện. Đây là bài giới thiệu cho bản dịch tiếng Anh của Daniel J. Herman, Dialectical logic as the General logic of Temporalization [Logic biện chứng như là logic tổng quát của vận động thời gian], sau đó được tác giả sửa chữa và công bố trong The Encyclopedia of Phenomenology [EMBREE, Lester, et al (1997)]. Bản gốc tiếng Pháp của bài nghiên cứu này của Giáo sư Trần Đức Thảo là: La dialectique logique comme dialectique générale de la temporalisation. Đây là chương 2 của tác phẩm La Logique du Présent vivant [Sự logic của thời Hiện tại sống động] (1993), gồm 4 chương, của Giáo sư Trần Đức Thảo. Tác phẩm này, cùng với tác phẩm Recherches

Dialectiques [Những nghiên cứu về các mối liên hệ biện chứng] (1992), là hai tác phẩm cuối đời do Giáo sư Trần Đức Thảo viết tại Paris, Cộng hòa Pháp. Hai tác phẩm cuối đời này đã đưa sự nghiệp nghiên cứu và sáng tạo triết học của Giáo sư Trần Đức Thảo lên tới đỉnh cao, và khẳng định triết học của ông là chủ nghĩa duy vật biện chứng nhân bản, đúng như mơ ước ông gửi gắm trong bản Hồi ký Triết học (1989): “Trên cơ sở tiếng gọi của cái hình ảnh xã hội bên trong, ý thức cá nhân tự gọi bản thân mình, qua đó xác định sự đòi hỏi đạo đức trong hành động, chân lý trong nhận thức, và thẩm mỹ trong sự hoàn thành các quá trình sống động và sinh thức... Ý thức chuyển hóa thế giới tự nhiên thành một thế giới có tính Người, có giá trị đối với con người”. (ND)

248. Tài liệu tham khảo: CAVEING, M. (1974); LYOTARD, J.-F. (1992); RICŒUR, P. (1974); ROUSSET, B. (1984); THAO, Trần Duc (1946b), (1948), (1950b), [1951] (1971), [1951] (1970), [1951] 1986), [1956a] (1965), (1966b), (1969a), (1969b), (1970), [1985f] (1986), (1986a), (1992a), [1992c] (1995), (1992e), [1992e] (1995), (1993a).

249. THAO, Trần Duc (1951), (1986a).

250. Xem Phụ lục A [THAO, Trần Duc (1992a)].

251. HUSSER, E. (1936). Die Krisis der europäischen Wissenschaften und die transzendente Phänomenologie: Eine Einleitung in die phänomenologische Philosophie [Sự khủng hoảng của các ngành khoa học tại châu Âu và Hiện tượng luận tiên nghiệm: Giới thiệu về Triết học tiên nghiệm] (ND)

252. THAO, Trần Duc (1991c).

253. THAO, Trần Duc (1973), [1973] (1984).

254. “Tiếng nói của đời sống thực tế” là một thuật ngữ của Karl Marx. “Sự sản xuất những ý kiến, những ý tưởng, sự sản xuất ý thức lúc đầu là trực tiếp quán quện trong hoạt động vật chất mà trong những quan hệ vật chất của những con người, trong tiếng nói của đời sống thực tế (Sprache des wirklichen Lebens). Ý tưởng, tư duy, những quan hệ tinh thần của người ta ở đây là còn xuất hiện theo lối như toát ra từ cử chỉ vật chất của họ”

(MARX, K., Hệ tư tưởng Đức, Dietz–Verlag, tr. 22) [Nguồn: THẢO, Trần Đức (1989b)] (ND).

255. Ví dụ như hòn đá (ND).

256. Ví dụ như hòn đá mài (ND).

257. Sự phân biệt này đã bị Jane Goodall, người sử dụng những khái niệm này mà không kèm trích dẫn, bác bỏ hoàn toàn. Không nên ngạc nhiên! Được đào tạo trong chuyên ngành của mình, bà đã được thừa hưởng không chỉ các nghiên cứu nhân chủng học của Thảo mà còn các nghiên cứu của Köehler. Nhiều năm trước, Köehler, trong một thí nghiệm mang tính kinh điển của mình, đã chỉ ra rằng khỉ không đười đười không có khả năng tự diễn đạt cho mình về một đối tượng vắng mặt, do đó nó không có khả năng suy nghĩ, nếu suy nghĩ phải tồn tại ít nhất là một khoảng cách giữa người suy nghĩ và đối tượng được suy nghĩ.

258. THẢO, Trần Đức, “Một hành trình”, đã dẫn.

259. Năm 1968 được mở đầu với sự kiện Mùa xuân Praha, khi vào ngày 5 tháng Giêng, Alexander Dubček được bầu làm Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Tiệp Khắc, mở đầu quá trình ngăn ngui nhằm tự do hóa chính trị, cải cách dân chủ và phi tập trung hóa nền kinh tế tại Tiệp Khắc, và kéo dài đến ngày 21 tháng Tám, khi Liên Xô và các nước đồng minh trong Khối Vác-sa–va xâm lược Tiệp Khắc nhằm ngăn chặn các cải cách cấp tiếp này.

(Nguồn: Wikipedia) (ND)

260. Daniel J. Herman có chút nhầm lẫn. Trên thực tế, Trần Đức Thảo trở lại Paris vào tháng Ba năm 1991 (ND).

261. THẢO, Trần Đức [1992c] (1993).

262. Bao gồm: 1. Quy luật đồng nhất (cái gì tồn tại thì tồn tại); 2. Quy luật không mâu thuẫn (cái gì không tồn tại thì không tồn tại); 3. Quy luật loại trừ cái thứ ba (cái gì vừa là A, vừa không phải là A, thì không có cái thứ ba) (ND).

263. Heraclitus (kh. 535 duy vật của Hy Lạp cổ đại, được coi là ông tổ của phép biện chứng. Những tư tưởng biện chứng của ông rất sâu sắc, tuy vậy cách thức thể hiện lại rất phức tạp và khó hiểu. Dưới con mắt của Heraclitus, mọi sự vật trong thế giới của chúng ta luôn luôn thay đổi, vận

động, phát triển không ngừng. Thế giới như một dòng chảy, cứ trôi đi mãi. Từ đó, ông đưa ra luận điểm nổi tiếng: “Không ai có thể tắm hai lần trên cùng một dòng sông”. Không có gì thường xuyên biến đổi như một dòng sông nhưng cũng không có gì ổn định như dòng sông. Bởi khi nó vận động cũng là khi nó đứng im. Nói cách khác, tính biến đổi của dòng sông không loại trừ sự đứng im, tức là cái mà nhờ đó dòng sông là xác định, ổn định và bất biến. Heraclitus đã tiếp cận được với những tư tưởng rất cơ bản của phép biện chứng. Ông nói: “Trong cùng một dòng sông ấy chúng ta lội xuống và không lội xuống, chúng ta có và không có”. Đó chính là những tư tưởng về mối liên hệ phổ biến của quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập (ND).

264. THAO, Trần Duc [1992a] (1993).

265. Thảo đã quên mất Bergson, người đã phân biệt giữa thời gian của cái đồng hồ với thời gian thực, mà rõ ràng là đã chịu ảnh hưởng bởi Husserl.

266. Đây là luận điểm triết học rất quan trọng của Trần Đức Thảo. Luận điểm này còn nguyên giá trị thời sự đối với quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền và phát triển xã hội dân sự trong các nước chuyển đổi, trong đó có Trung Quốc và Việt Nam. Bên cạnh đó, luận đề triết học này còn tạo ra những nhận thức mới để thúc đẩy tiến trình “hòa hợp” và “hòa giải” giữa các quốc gia và dân tộc đang phải sống trong sự chia rẽ và hận thù bởi các di sản của quá khứ. (ND)

267. THAO, Trần Duc (1993a).

268. Đây là một thành tựu triết học rất quan trọng của Trần Đức Thảo. Ông đã sử dụng phép biện chứng của Hegel để loại bỏ yếu tố siêu hình trong khái niệm thời gian của Aristotle, và nội dung duy tâm trong khái niệm các khoảnh khắc bất động của Husserl. Qua đó, Trần Đức Thảo đã phát triển khái niệm sự vận động của các khoảnh khắc trên tinh thần của chủ nghĩa duy vật biện chứng, và sử dụng khái niệm đó để diễn giải quá trình phát triển biện chứng của lịch sử tự nhiên, xã hội và ý thức, ngôn ngữ của con người – một quá trình phát triển từ thú tính đến nhân tính sang sử tính (Phan Huy Đường). Sự diễn giải đó được thể hiện trong hai tác phẩm cuối đời của Trần Đức Thảo: *Recherches Dialectiques*, và *La Logique du*

Présent vivant. Hai tác phẩm này, bên cạnh việc tạo cảm hứng cho các thế hệ sau kế thừa và phát triển các thành tựu triết học của Trần Đức Thảo, còn khẳng định vị trí quan trọng của ông trong triết học phương Tây hiện đại.

(ND)

269. Nguyễn Đức Truyền lược dịch, Nguyễn Trung Kiên biên tập. Nguồn: FÉRON, A. (2014a).

270. Với các thông tin về tiểu sử, chúng tôi dựa trên hai văn bản tự thuật của Trần Đức Thảo, THAO, Trân Duc [1984b] (1993), Lời nói đầu [THAO, Trân Duc (1986a)], và nghiên cứu của Daniel Hemery [HÉMERY, D. (2013)]; một văn bản được đăng lại trong: BENSOST, J. & M. Espagne (2013); và THAO, Trinh Van (2004).

271. Cùng năm với Louis Althusser.

272. Sau đây là lời bình của Jean Cavailles: “Ông Thảo đã đọc tất cả các tác phẩm đã xuất bản của Husserl, một số chưa được công bố, và những lời bình luận quan trọng. Bản thân công trình của ông là một trong những nghiên cứu bằng tiếng Pháp tốt nhất về Husserl và cao hơn hẳn trình độ của bằng tốt nghiệp thông thường. Nó cho thấy những kiến thức rất phong phú và một tư duy triết học sâu sắc” [ISRAËL, S. (2005)]. Khóa luận này được lưu hành rộng rãi trong các sinh viên Trường ENS vào thời điểm đó và đã có ảnh hưởng lớn đến cách tiếp nhận hiện tượng luận ở Pháp. Xin chỉ nêu những cái tên nổi bật như Jacques Derrida, Lyotard, Bourdieu, và cả Louis Althusser.

273. ISRAËL, Stéphane, Ibid., Chương 2.

274. Trong bài báo của mình, Sur l’Indochine [Về Đông Dương], Trần Đức Thảo gợi lên hiện trạng của phần tử “tinh hoa” trí thức: “... thành viên cấp thấp [của cộng đồng Pháp], người mà, nhờ một ân sủng đặc biệt, được đối xử như một thành viên cao cấp và do đó phải có một lòng biết ơn sâu sắc đối với quyền lực chi phối cộng đồng [...] thay vì sử dụng nó, thì trái lại, người ta đã làm cho tranh thủ nó để trục lợi... Bằng một ân sủng của quyền lực, anh ta đã được nâng đỡ từ giai cấp bị trị lên giai cấp thống trị; từ đó trở đi, anh ta là một thành viên của nó và ý định quay trở về với những người bị bóc lột là phản quốc”. (THAO, Trân Duc (1946a), pp. 896–897).

275. Sau đoạn văn được trích dẫn trong ghi chép trên đây, Trần Đức Thảo khẳng định: “Nhưng người Annam, ở chân trời riêng của mình, chỉ có thể tự xem mình như một công dân của Việt Nam. [...] Từ bỏ đồng bào của mình vì lợi ích cá nhân chính là định nghĩa về khái niệm phản quốc”. (Ibid., p. 897).

276. Ví dụ đó là sự lựa chọn của Phạm Duy Khiêm (vào trường ENS vào năm 1931, đậu thạc sĩ, ông được huy động vào năm 1939 và trở thành đại sứ của Tổng thống Diệm từ 1955–1957). So sánh giữa Phạm Duy Khiêm và Trần Đức Thảo: xem bài viết của Daniel Hemery và công trình của Trịnh Văn Thảo.

277. Ibid., p. 890.

278. Chúng tôi dựa trên các thông tin của Daniel Hemery trong bài viết của ông được trích dẫn ở trên.

279. Cũng vào thời điểm này, ông đã gặp Daniel Guérin và Pierre Naville.

280. Xem các bài được đăng lại trong tác phẩm của Merleau-Ponty, *Sens et non sens* [Có nghĩa và vô nghĩa].

281. THAO, Trần Duc (1986a), p. 6.

282. Ibid.

283. ANDERSON, P. (1977).

284. THAO, Trần Duc (1946b), cũng như một số văn bản khác bằng tiếng Pháp và tiếng Việt, luôn sẵn có trên trang Web: studies.info/TDThao/

285. Văn bản đầu tiên này là một phần của một cuộc tranh luận được tổ chức bởi *Revue internationale* về mối quan hệ giữa chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa hiện sinh. Người ta còn thấy có sự đóng góp của Jean Domarchi, Pierre Naville và Merleau-Ponty.

286. *l'expérience antéprédicative*.

287. *Contribution à la critique de l'économie politique*, "Introduction de 1857" [Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị, "Lời nói đầu, 1857"], p. 175.

288. “Tính ưu việt của nền kinh tế không thủ tiêu được tính xác thực của các kiến trúc thượng tầng, mà trả nó về với nguồn gốc thực sự của nó trong sự tồn tại được trải nghiệm. Các kiến tạo ý thức hệ đều có liên hệ với

phương thức sản xuất, không phải vì chúng phản ánh nó – đó là một điều vô nghĩa, mà đơn giản chỉ vì chúng tạo lập được ý nghĩa của chúng từ một kinh nghiệm tương ứng, nơi các giá trị “tâm linh” không được tái hiện nhưng được trải nghiệm và cảm nhận, và tất cả những kinh nghiệm đặc thù đều tham gia vào trong kinh nghiệm tổng thể của con người trong thế giới. Vì nó luôn được định nghĩa tại mỗi thời điểm trong những đường nét chung nhất của nó, qua các quan hệ kinh tế đang tồn tại và một sự thay đổi trong các quan hệ này sẽ kéo theo một sự tái cấu trúc của tổng thể, nên khi cho rằng sự vận động của lịch sử, xét cho cùng, luôn được quy chiếu vào các điều kiện của đời sống vật chất. Mỗi tình trạng mới của kỹ thuật đều ám chỉ đến một “văn hóa” mới, không phải là cái văn hóa này phải phản ánh nó, mà vì vì nó chỉ có thể đích thực là văn hóa nếu nó thể hiện những trực giác ban đầu mà những điều kiện sống mới tiết lộ”. [THAO, Trân Dục (1946b), p. 4].

289. “Bài viết Về Đông Dương của tôi đã được viết trong xà lim, nơi tôi bị giam một mình trong nhà tù Santé. Tôi đã sử dụng thời gian rỗi bắt buộc để kiểm tra ý thức của tôi về hiện tượng luận. Bài viết của tôi là theo chủ nghĩa hiện sinh”. (THAO, Trân Dục [1984b] (1993), p. 148).

290. THAO, Trân Dục (1946a), p. 898 (nhấn mạnh của chúng tôi). Trước đó, Thảo đã lưu ý trong bài viết: “Ý nghĩa của những tồn tại có trước các lý lẽ, mà nhờ chúng người ta có thể biện minh cho nó. Khái niệm về trách nhiệm không có nghĩa gì ngoài một cộng đồng mà hiện tại người ta đang thuộc về nó. Người ta không thể thuyết phục được ai đó gia nhập vào một cộng đồng bởi vì tất cả những lý do mà người ta có thể đưa ra để giải thích về điều đó đều tiên giả định rằng anh ta đã tham gia vì nó. Cái dự án được hình thành trước anh ta, như thể có một ý nghĩa cho anh ta, chỉ có thể nhằm vào cộng đồng, trong đó anh ta cảm thấy mình tồn tại. Một cảm giác như vậy xác định chính bản chất của sự tồn tại của anh ta, việc anh ta sống cho bản thân mình, chính là điều nếu không có nó anh ta sẽ không tồn tại” (p. 897).

291. Ibid., pp. 885–886.

292. Ibid., p. 900.

293. Les faits [Các sự kiện], p. 362. Một câu chuyện tương tự: “Trong chốn riêng tư, Thảo nói với chúng tôi: ‘Tất cả các bạn đều là những cái tôi – bình đẳng siêu nghiệm’. Ông luôn mỉm cười, nhưng chân lý thật sâu sắc!”

(ALTHUSSER, L. (1992), p. 201).

294. Trong tạp chí Les Temps Modernes, số 19, tháng 3/1947, với chuyên đề: “Hồ sơ về Đông Dương”, bao gồm chủ yếu một bài viết của Merleau-Ponty (“SOS Indochine”), một bài viết của Trần Đức Thảo [THAO, Trần Duc (1947a)], và bài viết của Claude Lefort (Les pays coloniaux: analyse structurelle et stratégie révolutionnaire [Các nước thuộc địa: phân tích cấu trúc và chiến lược cách mạng]).

295. THAO, Trần Duc (1947c). Đây cũng là bài viết cuối cùng về Đông Dương mà ông công bố trên tạp chí Les Temps Modernes; bài viết sau về vấn đề này sẽ được công bố trên tạp chí La Pensée.

296. Chúng ta phải nhớ rằng chính là vào thời điểm này mà nhóm Les Temps Modernes, và nhất là Sartre và Merleau-Ponty, khởi xướng việc xây dựng Tập hợp Dân chủ cách mạng (RDR), phong trào tập hợp một số nhân vật theo khuynh hướng tờ-rốt-kít và mong muốn trở thành một “con đường thứ ba” mang tính cách mạng giữa Liên Xô và Hoa Kỳ.

297. “Phần thứ hai của Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng (1951) đã đi đến một bế tắc mà tôi hy vọng tìm thấy con đường dẫn đến các giải pháp trong cách mạng Việt Nam” [THAO, Trần Duc (1986a), p. 1].

298. Sự công thức hóa của tính chính thống triết học được thực hiện trong tác phẩm của Stalin, Matérialisme dialectique et matérialisme historique [Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử] (1937). Về vấn đề này, tham khảo: LABICA, G. (1984). Le Marxisme-léninisme. Paris: Bruno Huisman.

299. GOUARNÉ, I. (2013).

300. THAO, Trần Duc (1986a).

301. THAO, Trần Duc (1948).

302. Cũng phải nhắc đến vai trò của sự thất bại trong năm cuộc đối thoại của Thảo với Jean-Paul Sartre trong quá trình này về mối quan hệ giữa chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa hiện sinh.

303. Đó là điều mà Vincent Descombes đã chỉ ra. Tham khảo:
DESCOMBES, V. (1979).
304. Phần đầu tiên là một trong những trình bày sáng tỏ nhất về triết học của Husserl, trong đó ông phân tích sự phát triển biện chứng trong tư tưởng của ông này và chỉ ra sự cần thiết phải vượt qua quan điểm hiện tượng luận đến chủ nghĩa duy vật biện chứng.
305. Marx, IA, p. 42–43.
306. Ibid., p. 51.
307. Tôi sử dụng từ “ý thức”, nhưng phải chú ý rằng tùy theo loại sinh vật, thuật ngữ này có một ý nghĩa rất khác biệt. Con cá không có ý thức về thế giới cùng cách với các động vật có vú, và nhất là với con người.
308. Về chủ đề này, xem bài viết của Jocelyn Benoist, “Une première naturalisation de laphénoménologie?” [Một sự tự nhiên hóa đầu tiên của hiện tượng luận?]. Nguồn: BENSIOIST, J. & M. Espagne (2013), pp. 25–46. (Bài thuyết trình này có thể truy cập theo địa chỉ:
<http://savoirs.ens.fr/expose.php?id=830>).
309. THAO, Trần Duc [1984b] (1993).
310. THAO, Trần Duc (1986a) p. 1
311. Trong giai đoạn này của cuộc đời ông, chúng tôi chỉ có những thông tin rất không đầy đủ. Chúng tôi đã sử dụng các văn bản tự truyện của Trần Đức Thảo (đã đề cập ở trên), kể cả tham luận của Philippe Papin trong hội thảo chuyên đề về Trần Đức Thảo (<http://savoirs.ens.fr/expose.php?id=832>); trong tài liệu: “Itinéraire II. Les exils intérieurs”, nguồn: BENSIOIST, J. & M. Espagne (2013); tác phẩm của Trịnh Văn Thảo (trích dẫn ở trên); và bài viết của McHale, nguồn: McHALE, S. (2002).
312. Khu vực phía bắc của Hà Nội, được dùng làm căn cứ địa cho Việt Minh.
313. Một công trình đã được công bố theo ghi chép về các bài giảng của các sinh viên của ông năm 1955 Ông lấy lại những nét lớn trong một tác phẩm mà ông đã công bố. bằng tiếng Việt ở Paris năm 1950, Triết lý đã đi đến đâu. Về vấn đề này, xem các công trình của Trịnh Văn Thảo.
314. Không có bài viết nào trong số này được dịch [sang tiếng Pháp].

315. Oliver Todd (1929): nhà văn và nhà báo Pháp cánh tả, theo khuynh hướng tờ-rốt-kít, chịu ảnh hưởng bởi truyền thống triết học phân tích, từng cộng tác với nhóm Temps Modernes của Jean-Paul Sartre. (BS)
316. THAO, Trần Duc (1966), p. 4.
317. THAO, Trần Duc (1974).
318. Ibid.
319. THAO, Trần Duc (1965).
320. THAO, Trần Duc (1973), p. 13.
321. Xuất bản ở Éditions sociales năm 1973 [THAO, Trần Duc (1973)]. Ông đăng lại các bài viết đã được xuất bản trong tạp chí La Pensée (1966–1970), và một nghiên cứu chưa được công bố về mối quan hệ giữa phân tâm luận và chủ nghĩa Marx.
322. Đây có lẽ là lý do tại sao Althusser, khi đọc những bài viết trong La Pensée, đã nhận xét rằng, Trần Đức Thảo, qua sự quan tâm của ông về nguồn gốc và sự hình thành ý thức, vẫn chịu ảnh hưởng của Husserl”. (ALTHUSSER, L. (1992), p. 362)
323. Marx, IA, p. 50.
324. Ibid..
325. Tác phẩm này nhằm chống lại Althusser và thông qua ông này chống lại tư tưởng Mao-ít và phái Khmer đỏ.
326. THAO, Trần Duc (1986b).
327. Có thể xem về chủ đề này qua nhân chứng Thierry Marchaisse trong văn bản của ông, Tombeau sur la mort de Trần Đức Thảo (Nguồn: BENSOST, J. & M. Espagne (2013),pp. 254–257).
328. THAO, Trần Duc [1993b] (1993), pp. 154–168.
329. Nguồn: LUẬT, Phạm Trọng (2004). Do khuôn khổ của cuốn sách, bản sử dụng ở đây có lược bớt một số chi tiết trong nguyên bản, và biên tập một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)
330. Đây chủ yếu là bài tưởng niệm Trần Đức Thảo đã đăng trên Hợp Lưu, số 79 (10-11/2004). Vì phải tôn trọng thời hạn nộp bài để kịp ra báo, tôi đã để lại một vài sai sót, xin thành thật cáo lỗi cùng quý độc giả. Những sơ suất ấy nay đã được khắc phục; tôi cũng nhân tiện bổ túc bài viết ở một

vài đoạn trước đây không kịp triển khai (về phức cảm Œdipe, về một số biên khảo của tác giả từ thời Đổi mới năm 1986 đến cuối đời). Và xin xác định thêm: vì triết gia còn là “kẻ lạ” đối với phần lớn người Việt, bài Tổng quan này sẽ nghiêng về phần trình bày hơn là bình luận các trước tác của ông. Mặt khác, Trần Đức Thảo là một tác giả không dễ đọc: về tư tưởng, ông vừa là nhà hiện tượng luận, vừa là nhà duy vật biện chứng; lập luận của ông lại được xây dựng trên những kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau (triết học, tâm lý học, nhân chủng học, sử học, sinh học...), và trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng vượt xa khả năng của kẻ viết bài này. Dù hết sức cố gắng, chắc chắn là tôi đã không thể hiểu hết, do đó, có thể cũng vẫn còn không ít sai sót chưa nhìn thấy ở đây. Rất mong được sự trợ giúp của quý độc giả, hầu sửa sai cho lần cập nhật sau, hoặc khi có dịp trở lại trên các vấn đề đã được trình bày trong bài.

331. THAO, Trần Duc [1984b] (1993).

332. Aristote (1992). Ethique de Nicomaque. Jean Voilquin dịch, đề tựa và chú giải. Paris: GF-Flammarion, p. 230.

333. QUYẾN, Nguyễn (2002).

334. Về thuật ngữ triết học nói chung, thứ tiếng Việt của Trần Đức Thảo trong tác phẩm “Triết lý đã đi đến đâu?” ngày nay không còn ai dùng, và bản thân tác giả cũng đã tiến hóa nhanh chóng sau khi về nước. Ở đây, chúng tôi ưu tiên dùng thuật ngữ của Trần Đức Thảo, trong trường hợp dùng thuật ngữ khác, cũng sẽ ghi lại từ ông dùng trong ngoặc [...] nếu biết. Riêng về hiện tượng học, trong khi chưa nhận được bản dịch tiếng Việt của Hiện tượng luận và Chủ nghĩa Duy vật Biện chứng, chúng tôi chủ yếu dựa trên trước tác của Cao Xuân Huy (Tư tưởng phương Đông gọi những điểm nhìn tham chiếu. Nguyễn Huệ Chi soạn, chú thích, giới thiệu. Hà Nội: NXB. Văn Học, 1995). Bởi vì, theo sự ghi chú ở trang 173 của tác phẩm này, thì “Chương viết về Husserl và hiện tượng học (Phần thứ nhất, tr. 150-174) là tóm tắt theo sách “Phénoménologie et Matérialisme Dialectique” [THAO, Trần Duc (1951)]. Mặt khác, bên cạnh các từ sử dụng, chúng tôi cũng ghi lại trong ngoặc [...] thuật ngữ của Trung Hoa hay những tác giả khác nếu có. Thí dụ: quy giản [réduction = hoàn nguyên (Trung Hoa), dẫn

thoái (Cao Xuân Huy)], giám trừ (Đặng Phùng Quân)], chú thị [visée, Cao Xuân Huy].

335. Hiroshima University, Hiroshima (Nhật Bản). URL =

<http://home.hiroshima-u.ac.jp/orient/VSD.xls>.

336. Jean Cavaillès (1903-1944). Triết gia và nhà toán học Pháp. Ông đỗ đầu vào Đại học Sư phạm phố d'Ulm năm 1923, đậu thạc sĩ triết học năm 1927, từ năm 1929 đến năm 1935, ông làm phụ đạo [répétiteur] tại đây. Được học bổng của Viện Rockefeller năm 1930, ông có dịp sang Đức nhiều lần để chuẩn bị luận án, và chứng kiến tận mắt những hành động ghê tởm của chế độ quốc xã. Là giáo sư trung học tại Amiens (1936), ông trình luận án toán học năm 1938, rồi làm phó giáo sư [maître de conférences] môn triết học và logic học tại Đại học Strasbourg. Trong chiến tranh, ông là trung úy bộ binh. Ông bị bắt năm 1940, song trốn thoát về được Clermont-Ferrand, nơi Đại học Strasbourg lánh nạn, để tiếp tục dạy học. Được bổ nhiệm giáo sư tại Sorbonne năm 1941, ông rời Clermont-Ferrand về Paris, tiếp tục vừa dạy học vừa hoạt động kháng chiến bí mật. Bị bắt lần đầu tháng 9 năm 1942, ông vượt ngục sang London gặp tướng De Gaulle. Bị bắt lần thứ nhì tháng 8 năm 1943, ông bị Đức Quốc xã xử bắn vào tháng 2 năm 1944. Về học thuật, Jean Cavaillès còn để lại nhiều tác phẩm rất giá trị trong lĩnh vực chuyên môn của ông: Nhận xét quanh Lý thuyết trừu tượng về Tập hợp [Remarques sur la Théorie Abstraite des Ensembles, 1938], Tiểu luận về Nền tảng của Toán học [Essai sur le Fondement des Mathématiques, 1938], Siêu hạn và Liên Tục [Transfini et Continu, 1938], Về Logic học và Lý thuyết về Khoa học [Sur la Logique et la Théorie de la Science, 1947].

337. THAO, Trần Duc (1950a), pp. 128-142.

338. Ba lối quy giản: ở Descartes (trở về chủ thể tư duy, để từ tính bất khả hoặc của cái tôi tư duy ấy, song song với tính hiểu chân của Thượng Đế, xác lập sự tồn tại của ngoại giới); ở Kant (trở về với chủ thể như môi trường của của mọi kinh nghiệm, để từ những cái khuôn tiên thiên ở chủ thể, xác lập tính khách quan và tính khả tri của thế giới hiện tượng) và ở Husserl (trở về với ý thức của chủ thể, như luôn luôn là ý thức về một đối

tượng nào đó, để xác lập đồng thời trong cùng một chú thị trực quan [visée intuitive], cả chủ thể lẫn đối tượng của ý thức). Tất nhiên, “cái tôi tư duy” của Descartes và “cái chủ thể thuần túy” của hiện tượng luận cũng không nhất thiết phải hoàn toàn trùng hợp (Ibid., pp. 128-138).

339. Ibid., p. 139.

340. THAO, Trân Duc (1946b).

341. Ibid., p. 174.

342. LYOTARD, J.-F. (1999), pp. 112-115.

343. THAO, Trân Duc (1974). pp. 37-42.

344. Ibid., p. 37.

345. “Tiếng nói của đời sống thực tế” là một thuật ngữ của Karl Marx. “Sự sản sinh ra những ý tưởng, biểu tượng và ý thức trước hết đã hòa lẫn một cách trực tiếp và mật thiết vào sinh hoạt và trao đổi vật chất giữa những con người, nó là tiếng nói của đời sống thực tế. Mọi biểu tượng, ý tưởng, trao đổi trí thức giữa con người với nhau cũng hiện ra, ngay cả ở đây, như xuất phát trực tiếp từ hành vi vật chất của họ”. Nguồn: MARX, K. & F. Engels [1846] (1975), *L’Idéologie Allemande*. Paris: Ed. sociales, p. 50. (BS)

346. THAO, Trân Duc (1974), p. 38.

347. Alexandre Kojève (1902-1968). Triết gia Pháp gốc Nga. Ông theo học tại Đại học Heidelberg (Đức), trình luận án năm 1931 dưới sự hướng dẫn của Karl Jaspers, về Triết lý Tôn giáo của Vladimir Solovyov (một triết gia tôn giáo Nga chịu ảnh hưởng sâu đậm của Hegel). Đối quốc tịch, ông định cư tại Paris và hướng dẫn một lớp nghiên cứu chuyên đề về Hegel tại École Pratique des Hautes Études từ 1933 đến 1939. Được xuất bản dưới tựa đề *Introduction à la Lecture de Hegel* (1947), loạt bài giảng của ông đã ảnh hưởng sâu đậm lên giới trí thức và triết học Pháp đương thời cũng như thuộc thế hệ sau (như Sartre, Merleau-Ponty, Lacan, Bataille, Althusser, Queneau, Aron, Breton...). Qua Léo Strauss và bản dịch *Introduction to the Reading of Hegel* (1969), tư tưởng của Kojève còn lan sang nhiều nhà tư tưởng Hoa Kỳ, đặc biệt là Allan Bloom và Francis Fukuyama. Sau Đại chiến thế giới Hai, Kojève trở thành công chức cao cấp tại Bộ Kinh Tế, và đóng một vai trò quan trọng trong các cuộc thương thuyết quốc tế của

Pháp, cho đến khi mất năm 1968. Tiếp tục viết về triết học, ông còn để lại nhiều tác phẩm khác (phần lớn chỉ được xuất bản sau khi qua đời), về: các triết gia tiền Socrate, Kant, ảnh hưởng của Ki-tô Giáo đến khoa học phương Tây và chủ nghĩa cộng sản, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, v.v... Có thể liệt kê: Lịch Sử Biện Giải về Triết Lý Đa Thần [Essai d'une Histoire Raisonnée de la Philosophie Païenne, 1968-1973]; Kant (1973); Phác Thảo về Một Hiện Tượng Luận Pháp Lý [Esquisse d'une Phénoménologie du Droit, 1981]; Bạo Quyền và Minh Đạo [Tyrannie et Sagesse, 1983] ; Khái Niệm, Thời Gian và Biểu Văn [Le Concept, le Temps et le Discours ; 1990]; Quyết Định Luận trong Vật Lý Học Cổ Điển và Vật Lý Học Hiện Đại [L'Idée du Déterminisme dans la Physique Classique et dans la Physique Moderne, 1990]; Ý Niệm về Quyền Uy [La Notion de l'Autorité, 2004]...

348. JARCZYK, G. & P.-J. Labarrière (1996), p. 29.

349. Maurice Merleau-Ponty (1908-1961). Triết gia Pháp. Ông đỗ vào Đại học Sư phạm phố d'Ulm năm 1924, đỗ thạc sĩ triết học năm 1930. Ông là giáo sư triết học cấp trung học ở Chartres, rồi làm phụ đạo tại Đại học Sư phạm phố d'Ulm. Ông đỗ tiến sĩ Văn khoa với 2 tác phẩm quan trọng Cấu trúc của Hành vi [La Structure du Comportement, 1942] và Hiện tượng luận về Nhận thức [La Phénoménologie de la Perception, 1945]. Cũng trong năm này, cùng với Jean-Paul Sartre và Simone de Beauvoir, sáng lập tạp chí Les Temps Modernes mà ông rời bỏ năm 1952 sau 7 năm cộng tác đắc lực. Ông là giáo sư triết tại Đại học Lyon (1945 – 1948), rồi môn tâm lý trẻ em và khoa sư phạm ở Đại học Sorbonne (1949 - 1952). Cuối cùng, ông là người trẻ nhất được cử giữ ghế giáo sư triết tại Collège de France từ 1952 cho đến khi mất vì bệnh tim năm 1961. Tác phẩm của ông, ngoài 2 tựa đề kể trên, còn có Cuộc phiêu lưu của Biện chứng pháp [Les Aventures de la Dialectique, 1945], Nghĩa và Vô nghĩa (Sens et Non-Sens, 1948), Dấu hiệu [(Signes, 1960), Hữu hình và Vô hình [Le Visible et l'Invisible, 1964].

350. THAO, Trần Duc (1948).

351. Ibid., p. 492.

352. KOJÈVE, A. & Trần Duc Thao [1948] (1990).

353. Ibid., p. 134.

354. Jean-Paul Sartre (1905-1980). Triết gia, nhà văn, nhà báo Pháp. Ông đỗ vào Đại học Sư phạm phố d'Ulm năm 1924, là bạn đồng song với Raymond Aron, Paul Nizan và Maurice Merleau-Ponty; đỗ đầu thạc sĩ triết học năm 1929, Simone de Beauvoir đỗ thứ nhì và trở thành bạn đời của ông. Ông được bổ nhiệm giáo sư tại Havre (1931), rồi Viện Berlin [Institut de Berlin, 1933]. Ông bị động viên năm 1940, bị bắt và vượt ngục năm 1941. Ông kết bạn với Albert Camus từ năm 1944, đến khi tác phẩm Người Nổi Loạn [L'Homme Révolté] của Camus ra đời và bị Sartre cùng nhóm Les Temps Modernes đả kích dữ dội, hai bên đoạn tuyệt năm 1952. Tạp chí Les Temps Modernes được sáng lập năm 1945, với sự cộng tác đặc lực của Merleau-Ponty, nhưng sau đó hai bên cũng chia tay (1954). Về chính trị, ông là biểu tượng của trí thức dẫn thân: Sartre đã hợp tác với nhật báo La Gauche (1948) và với Đảng Cộng sản Pháp (1950-1968); ký "Tuyên Ngôn 121" về quyền bất phục tùng (trước lệnh động viên sang Algérie, 1960); đỡ đầu tuần báo Nouvel Observateur cùng với Pierre Mendès France (1964); ủng hộ cuộc nổi dậy của sinh viên (1968); lập thông tấn xã Libération với Maurice Clavel và nhận làm chủ nhiệm tờ báo cực tả đã bị đóng cửa Libération (1973); cùng với Raymond Aron, bạn đồng song đồng thời là địch thủ chính trị chính của ông (1976). Mất ngày 15/4/1980 tại Bệnh viện Broussais, đám táng ông quy tụ cả chục ngàn người đưa tiễn. Về triết học, Sartre để lại những tác phẩm chính sau đây: Trí tưởng tượng [Imagination, 1936], Phác thảo một Lý thuyết về Cảm xúc [Esquisse d'une Théorie de l'Emotion, 1939], Ảo tượng [L'Imaginaire, 1940], Hữu thể và Hư vô [L'Être et le Néant, 1939-1943], Chủ nghĩa hiện sinh là một Chủ nghĩa nhân bản [L'Existentialisme est un Hummanisme, 1946], Vấn đề Phương pháp [Question de Méthode, 1957], Phê phán Lý trí biện chứng I [Critique de la Raison Dialectique I, 1957-1960], Phê phán Lý trí biện chứng II [Critique de la Raison Dialectique II, chưa hoàn tất, 1985]... Về văn học, ông cũng để lại một sự nghiệp đồ sộ, với cao điểm là Giải Nobel mà ông từ chối năm 1964: Buồn nôn [La Nausée, 1938], Bức tường [Le Mur, 1939],

Ruồi nhặng [Les Mouches, 1943], Xứ kín [Huis Clos, 1944], Những ngã đường tự do [Les Chemins de la Liberté, 1945], Không mộ phần [Morts sans Sépulture, 1946], Con điếm kính cẩn [La Putain Respectueuse, 1946], Baudelaire (1947), Những bàn tay bẩn [Les Mains Sales, 1948], Chết trong tâm hồn [La Mort dans l' Âme, 1949], Ác quỷ và Thượng đế [Le Diable et le Bon Dieu, 1951], Saint-Genet (1952), Nekrassov (1956), Nekrassov (1956), Những kẻ giam thân ở Altona [Les Séquestrés d'Altona, 1960], Từ ngữ [Les Mots, 1963], Thăng ngu trong nhà [L'Idiot de la Famille, 1971-1972], v.v...

355. THAO, Trần Duc (1949).

356. Ibid., p. 322.

357. MICKUNAS, Algis. Marxisme. Nguồn: EMBREE, Lester, et al (1997), pp. 435-439.

358. STALIN, I. V. (1971).

359. Louis Althusser (1918-1990). Triết gia Pháp, sinh tại Alger. Ông học và sau dạy tại Đại học Sư phạm phố d'Ulm. Gia nhập Đảng Cộng sản Pháp năm 1948, ông là một triết gia uy tín của Đảng. Mặt khác, khi trào lưu cấu trúc [structuralisme] tràn ngập các ngành học thuật Pháp từ khoảng 1960 (Roman Jakobson trong ngôn ngữ học, Roland Barthes trong lý luận văn học, Jacques Lacan trong phân tâm học, Levi-Strauss trong nhân chủng học), thì Louis Althusser và học trò của ông, Michel Foucault, cũng thuộc khuynh hướng này. Althusser được xem là đầu đàn của trường phái Marx cấu trúc [marxisme structuraliste], còn Michel Foucault thì rẽ sang hướng khác, khi trường phái cấu trúc nổ thành nhiều mảnh “hậu cấu trúc” khoảng 1970. Về mặt tư tưởng, chủ nghĩa Marx cấu trúc được xem là giải đáp cho hai mối nguy đang đe dọa dự án cách mạng xã hội chủ nghĩa lúc ấy: chủ nghĩa kinh nghiệm đang ào ạt trở về trong các khoa học xã hội, và khuynh hướng dân chủ, nhân bản trong phương hướng của các chính đảng tả khuynh. Althusser giết vợ năm 1980, và bị giam giữ trong nhà thương điên cho đến khi mất năm 1990, để lại một số tác phẩm: Vì Marx [Pour Marx, 1965], Đọc Tư bản luận [Lire le Capital, đồng tác giả, 1965], Lênin và Triết học & Marx và Lênin trước Hegel [Lénine et la Philosophie & Marx et

Lénine devant Hegel, 1969], Trả lời John Lewis [Réponse à John Lewis, 1973]...

360. “Vì thế, như đã viết trong bài tựa quyển “Pour Marx”, tôi không có ai là bậc thầy thực sự trong triết học hết, không có sư phụ nào cả trừ Thảo, nhưng ông lại sớm bỏ chúng tôi để về Việt Nam...”. Nguồn: ALTHUSSER, L. (1992), p. 172.

361. ALTHUSSER, L. (1973), p. 33.

362. THẢO, Trần Đức (1989), tr. 105-106.

363. Nói thật tóm tắt, nét độc đáo của phương thức sản xuất Á Châu nằm ở sự lệ thuộc của người lao động vào nhà nước, nghĩa là vào “giai cấp quan lại”, xuất phát từ sự thiết yếu của những công trình xây dựng lực lượng sản xuất quá lớn (như hệ thống dẫn thủy), và sự thiếu vắng của chế độ tư hữu đất đai. Ở Liên Xô, các cuộc tranh luận gay gắt về đề tài này kéo dài cho đến năm 1931, sau đó cả khái niệm lẫn mọi tranh luận liên hệ đều bị xóa bỏ từ năm 1938. Ở Trung Hoa, từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1928), khái niệm trên cũng đã được thay thế bằng thuật ngữ “quan liêu phong kiến” (bureaucratie féodale). Xem: Mode de Production Asiatique. Nguồn: ENSUSSAN, Gérald & Georges Labica (1985), pp. 592-595.

364. Trên thực tế, một công trình nghiên cứu cụ thể về hình thái kinh tế xã hội của Việt Nam từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ thứ XIX đã dẫn đến sự bác bỏ cả 2 mô hình lý thuyết nói trên. Nguồn: KHÔI, Lê Thành (1973).

365. Về chế độ phong kiến, ông Lê Thành Khôi đã kết luận: “Tóm lại, theo ý chúng tôi, không thể gọi Việt Nam xưa là “phong kiến”, do sự thiếu vắng của chế độ chur hầu và cấp đất, của loại tổ chức xã hội và chính trị đặt trên một mạng lưới lệ thuộc cá nhân và sự chia chác quyền hành giữa vô số lãnh chúa” (Ibid., p. 133). Về phương thức sản xuất châu Á, ông viết: “Để kết luận, những sửa đổi cần phải mang đến cho khái niệm “phương thức sản xuất châu Á” [nếu áp dụng vào trường hợp Việt Nam] nhiều và thiết yếu đến nỗi, theo chúng tôi, tốt hơn nên từ bỏ nó và lập ra một khái niệm khác, khi nào sự phân tích các xã hội ngoài châu Âu đã đủ sâu để cho phép” (Ibid., p. 140).

366. THẢO, Trần Đức (1954a), tr. 33.

367. THẢO, Trần Đức (1956d), tr. 40.

368. Được đề xuất lần đầu tiên bởi nhà động vật học Đức Ernst Haeckel (1834-1919) vào thế kỷ XIX, ”quy luật tóm tắt” [loi de récapitulation] hay ”quy luật tái lập” [loi de répétition] cho rằng sự phát triển của cá thể thật ra chỉ là sự tóm tắt quá trình phát triển của chủng loại. Vẫn còn được phổ biến cho đến nay như một giả định phong phú, ”quy luật” trên cũng thường là đối tượng của không ít nghi hoặc và chất vấn khoa học.

369. ”Tôi thú thực vẫn chưa hiểu nổi những biến cố của sự tiến hóa xã hội thời Đồ đá đã được ghi lại trong di sản chủng loại của loài người như thế nào để sinh ra ở đứa bé những phức cảm như đã được đề cập. Tôi hy vọng rằng tác giả sẽ cho chúng ta những giải thích chi tiết hơn về các hiện tượng này, chưa sáng tỏ lắm đối với loại không-chuyên gia như tôi”. Nguồn: HAUDRICOURT, A. (1974). Câu hỏi chung không chỉ cho Trần Đức Thảo mà cho cả Haeckel, Engels lẫn Freud này, triết gia đã thử trả lời trong Formation de l’Homme (THAO, Trần Đức (1986a), pp. 12-16). Xin nhường việc đánh giá giải đáp của ông lại cho các chuyên gia di truyền học.

370. THAO, Trần Đức (1973), p. 340.

371. FEDERICI, S. (1970).

372. HERMAN, D.J. [1993] (1997), p. 704.

373. THAO, Trần Đức (1986a) pp. 4-5.

374. Ibid., p. 5.

375. Khái niệm ”luyện ái” được đề cập đến ở đây xuất phát từ nhà tâm lý học trẻ em John Bowlby (1907-1990); trở thành học thuyết vững vàng từ năm 1958, nó được xây dựng trên sự quyến luyến tự nhiên của đứa bé với bà mẹ (hay kẻ thế chỗ), rồi từ đó lan sang những người thân cận, trước khi phát triển theo tuổi dưới những dạng khác (trao gái). Theo những người chủ trương, đây là một nhu cầu sinh lý bẩm sinh chứ không phải thứ phát, nghĩa là không xuất phát từ sự luyện tập mà được ghi khắc trong sự cấu tạo con người; nói cách khác, đây là một nhu cầu xã hội tự nhiên vì nó xuất hiện ngay từ đầu đời.

376. CAVING, M. (1974).

377. THÚY, Đỗ Lai (1996), tr. 18.

378. ĐUỜNG, Phan Huy (1993).
379. THAO, Tran Duc [1992f] (1995).
380. HERMAN, D.J. [1993] (1997), p. 707.
381. THAO, Trân Duc [1992a] (1993).
- 382 THAO, Trân Duc [1992c] (1993).
383. THAO, Trân Duc [1993a] (1993).
- 384 THAO, Trân Duc (1993b)
385. THAO, Trân Duc (1986a), p. 6.
386. Trong phần ghi chú, ông đã trích dẫn tác phẩm của Richard Leakey, Yves Coppens... và những công trình nghiên cứu khác của Peter Andrews, Marcel Blanc, Jerold M. Lowenstein, Brigitte Senut, Tobias, Tim White... đăng trên các tạp chí chuyên môn như Anthropologie, Archeologia, La Recherche, Science News, trong khoảng 1980-1984...
387. Theo Charles Darwin, bốn đặc tính sau của giống Homo đã xuất hiện cùng một lúc: sự đi đứng trên hai chân, sự chế tác công cụ, sự thu nhỏ răng nanh, và sự phát triển của não bộ.
388. MARX, K. (1976). Théories sur la plus-value. Paris: Ed. socialiales, Q. 3, p. 579.
389. MARX, K. & F. Engels [1846] (1975).
390. THAO, Trân Duc (1986a), p. 27.
391. MARX, K. [1867] (1950).
392. HUOT, Jean-Louis, et al (1990). Naissance des Cités. Paris: Nathan.
393. THAO, Tran Duc [1992e] (1995).
394. THAO, Trân Duc (1984a).
395. “Theologic học của Hegel, bước chuyển từ lượng sang phẩm được thực hiện qua trung giới kép của cái hạn định và cái siêu hạn(...)Hạn định là sự hợp nhất trực tiếp của phẩm và lượng, nó là “cái lượng tử phẩm chất tiên khởi với tư cách là cái tức thời, nghĩa là thứ lượng tử gắn liền với một sự hiện diện hay một phẩm chất”. Khía cạnh kép này của hạn định dẫn đến hệ quả là, một mặt, những xác định về lượng của một sự vật có thể biến thiên mà không gây thay đổi gì về phẩm, nhưng mặt khác, sự tăng hay giảm

bất kỳ này cũng có một giới hạn mà sự vượt qua sẽ làm thay đổi cả phẩm chất”. (Ibid., pp. 80-81).

396. THAO, Trân Duc (1991e).

397. Ở Hegel, ”hiện thực” [Realität, réalité] chỉ bất kỳ một dạng hình ngoại hiện nào, trong khi ”thực hiệu” [Wirklichkeit, effectivité] chỉ giai đoạn sự tồn tại và lý do tồn tại của cái hiện thực ấy đã được thống nhất biện chứng bởi Lý trí. Vì thế, ”cái thực hiệu là cái hợp lý” và ”cái hợp lý là cái thực hiệu” (mọi hiện thực chân thật đều chỉ là những biểu hiện, một giai đoạn phát triển của Lý trí; những biểu hiện tất yếu của Lý trí sớm muộn gì rồi cũng phải thành hiện thực).

398. THAO, Trân Duc (1992b), p. 24.

399. Henri Wallon (1879-1962). Triết gia, nhà tâm lý, nhà tâm thần bệnh học, nhà giáo, nhà chính trị Pháp. Ông chịu ảnh hưởng của Lucien Lévy-Bruhl về dân tộc học trước khi chuyên về tâm lý trẻ em. Sau luận án tiến sĩ về trẻ hiếu động năm 1925, ông dựng lên Phòng Xét nghiệm Sinh-Tâm lý Trẻ em. Trở thành Giám đốc Viện Tâm lý, Đại học Paris, ông lập ra tạp chí Trẻ Em năm 1948. Điều khiển Ủy ban Cải tổ Giáo dục với Paul Langevin, ông là đồng tác giả của dự án Langevin-Wallon năm 1945. Về lý thuyết, bài bác học thuyết Freud và phương pháp nội quan trong tâm lý học, ông dựa vào chủ nghĩa duy vật biện chứng và sự quan sát ở phòng bệnh để xác định điều kiện cho một khoa học khách quan về ý thức và sự phát triển tâm lý của trẻ em. Sự nghiệp của ông được xem như thuộc ngành tâm sinh lý học mà cốt lõi là sự so sánh các giai đoạn phát triển ở trẻ em bình thường và những bế tắc hay bất cập ở trẻ em tật bệnh.

400. THAO, Trân Duc (1992g).

401. Jean-François Revel (1924). Triết gia Pháp. Đổ vào Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm năm 1943. Sau khi đỗ thạc sĩ triết học, ông đã dạy học ở nhiều nơi trên đất Pháp cũng như ở nước ngoài, nhưng rời đại học năm 1963 để theo viết văn và viết báo. Sau khi cộng tác với nhiều nhà xuất bản (René Julliard, Jean-Jacques Pauvert, Robert Laffont), ông làm giám đốc tờ tuần báo Express trong 4 năm (1978-1981); từ 1982 viết thời luận cho Le Point, đồng thời cộng tác với nhiều đài phát thanh (Europe 1, RTL). Jean-

François Revel được bầu vào Viện Hàn lâm Pháp năm 1997. Bạn đồng song với Trần Đức Thảo, ông xem ông Thảo là nhà hiện tượng học và là “một triết gia thuần túy, theo nghĩa là người không bao giờ tự hỏi về tính đúng hay sai của một triết thuyết” (“c’était un pur philosophe, en ce sens qu’il ne se demandait jamais si une philosophie était vraie ou fausse”). Khi Trần Đức Thảo mất, ông đã kích Patrick Kéchichian, cho rằng tác giả này đã không làm phận sự khi gọi ông Thảo (trong phụ trang của nhật báo Le Monde về sách mới) là triết gia mác-xít.

402. HERMAN, D.J. [1993] (1997), p. 707.

403. Nguồn: QUÂN, Đặng Phùng (1994). Do khuôn khổ của cuốn sách, bản sử dụng ở đây có lược bớt một số chi tiết trong nguyên bản, và biên tập một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)

404. Sartre, J. P. Question de méthode (collection Idées, tr. 26).

405. Auguste Cornu (1888–1981): nhà lịch sử tư tưởng người Pháp, học giả đầu tiên về chủ nghĩa Marx tại Pháp. Các công trình của ông về những tác phẩm của Marx và Engels thời trẻ đã tạo ra tranh luận sâu rộng trong những thập niên 1960. Bản luận án của ông tại Đại học Sorbonne mang tên: “Karl Marx l’homme et l’oeuvre de l’hégélianisme au matérialisme historique” [Karl Marx: con người và tác phẩm về chủ nghĩa duy vật biện chứng kiểu Hegel]. (BS)

406. THAO, Trần Duc (1951).

407. MARCUSE, H. (1928). Beitrage zu einer Phanomenologie des historischen Materialismus. Berlin: Philosophische Hefte.

408. Sđd., tr. 5.

409. MERLEAU-PONTY, M. Humanisme et Terreur (bản tiếng Anh, tr. 153).

410. THAO, Trần Duc (1948)

411. HUSSERL, E. Ideen I, tr. 139, dẫn trong PMD, tr. 8.

412. PMD, tr. 296 – 7.

413. Sđd., tr. 51.

414. Sđd., tr. 228.

415. Sđd., tr. 227.

416. Sđd., tr. 247.
417. Sđd., tr. 238.
418. Sđd., tr. 256 và 262.
419. Sđd., tr. 266.
420. Sđd., tr. 286.
421. Sđd., tr. 306.
422. THAO, Trần Duc (1973).
423. ROLC, tr. 35.
424. Khi dẫn đoạn văn của Lenin trong “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán”, Trần Đức Thảo nhấn mạnh ở từ “những dấu chỉ”, và ghi chú bản dịch tiếng Pháp lần thứ tư của Editions Sociales đã từng dùng từ chứng cứ (témoignage) thay từ dấu chỉ(les indications), cho nên ông đã chưa thêm tiếng Nga pokasaniiam ở nguyên tác. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên chú ý là những bản dịch chính thức của nhà xuất bản ngoại văn Liên Xô đều dùng từ chứng cứ. Xem bản tiếng Anh: “Acceptance or rejection of the concept matter is a question of the confidence man places in the evidence of this sense organs, a question of the source of our knowledge” (Materialism and Empirio–criticism [Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán], tr. 114), bản tiếng Tây Ban Nha: “El admitir o rechazar el concepto de materia es un problema de confianza del hombre en el testimonio de sus órganos de los sentidos, es la cuestión del origin de nuestro conscimiento” (Obras escogidas. Tomo IV, tr. 119).
425. THAO, Tran Duc (1973), p. 76.
426. ENGELS, F (1971). Dialectique de la nature [Biện chứng của tự nhiên]. Paris: Editions Sociales, p. 18.
427. THAO, Tran Duc (1973), p. 96 bắt nguồn từ khái niệm “khả năng biểu đạt cảm xúc” của Hegel trong Hiện tượng luận về tinh thần, hình thái nguyên ủy của ý thức, hay mục tiêu định hướng của “cái này”.
428. Ibid, p. 123.
429. Ibid, p. 123.
430. MARX, K. Manuscrits de 1848, ES, p. 63.
431. THAO, Tran Duc (1973), p. 257.

432. SAFOUAN, M. (1968). De la structure en psychanalyse in Qu'est ce que le structuralisme?. Paris: Editions du Seuil, p. 241.
433. DELEUZE, G. & F. Guattari, L'Anti-Œdipe, Editions de Minuit 1972; X. phê phán tác phẩm này trong: QUÂN, Đặng Phùng (1974). Triết học và văn chương. Sài Gòn: Lửa Thiêng, tr. 181–197.
434. THAO, Tran Duc (1973), pp. 263 – 265.
435. Ibid., pp. 268 – 269.
436. FREUD, S. La vie sexuelle, P.U.F., tr. 118.
437. THAO, Tran Duc (1973), p. 297. Trần Đức Thảo dẫn chứng Forrer đã phát hiện trong di tích thời Acheuléen ở Burbach, những nửa mảnh răng ở hàm trước của loài trâu nước có hình dạng dương vật, và theo ông nếu giả thuyết của ông đúng thì những răng hình dương vật này có thể do những bà nội trợ mang theo người vào thời kỳ này như tín hiệu của sự cấm đoán tính dục yên ổn cho họ trong công tác phục vụ cộng đồng.
438. Ibid, p. 301
439. Ibid., p. 331.
440. Ibid., p. 335.
441. Ibid., p. 340.
442. THAO, Tran Duc (1951), pp. 94 – 95.
443. Ibid., tr. 318.
444. Ibid., tr. 319.
445. THAO, Tran Duc (1973), p. 295.
446. PIAGET, J. Le structuralisme, P.U.F. 1968
447. HABERMAS, J., Zur Rekonstruktion des Historischen Materialismus, Suhrkamp Verlag 1976, PACI, E., Funzione delle Scienze e Significato dell'Uomo, bản dịch tiếng Anh 1972.
448. Xem thêm Triết lý đã đi đến đâu của Trần Đức Thảo; luận điểm này là thái độ chung của người cộng sản dưới thời Stalin, chẳng hạn Lukács, Die Zerstörung der Vernunft, Gesamtausgabe Bd 9. Trong Vorwort 1967, lời mở đầu tác phẩm Geschichte und Klassenbewusstsein (1923), Lukács có thái độ cởi mở như khi ông coi giữa Heidegger và ông, vấn đề đi trước và ảnh hưởng không đáng quan tâm mà quan trọng là sự tha hóa của con

người là vấn đề then chốt của thời đại đối với mọi nhà tư tưởng tư sản cũng như vô sản.

449. X. Phê phán hệ tư tưởng mác-xít.

450. Herder, Abhandlung uber den Ursprung der Sprache (1772).

451. LÉVI-STRAUSS, C. Mythologiques. Le Cru et le Cuit.

452. THAO, Tran Duc (1973), pp. 150 – 151. Trần Đức Thảo chú thích ico maka sang tiếng Pháp là Enco lait và câu nói đúng cú pháp là: “encore du lait”.

453. THAO, Tran Duc (1951), p. 365 và THAO, Tran Duc (1973), p. 339.

454. Nguồn: TÔN, Cao (2005). Bản sử dụng ở đây đã được biên tập một số từ ngữ và thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)

455. LYOTARD, J. F. (1954). La phénoménologie. Paris: Presses universitaires de France.

456. THAO, Trần Duc (1951).

457. Lời nói đầu. THẢO, Trần Đức (1988a).

458. THẢO, Trần Đức (1989b).

459. QUÂN, Đặng Phùng. P. Ricœur, nhà hiện tượng luận của đầu thế kỷ XX, talawas, 24/8/2005.

465. Nguồn: QUANG, Trần Ngọc (2015).

466. Nguồn: AMTÔ, Giôdép A. (1985). Lời phán quyết về Việt Nam: Tiếng nói của một công dân. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân.

467. Là năm Robert Langlands 36 tuổi, vừa được công nhận giáo sư tại viện IAS.

468. Nguồn: TÂM, Nguyễn Đức (2015). Nhân đọc: Sự logic của thời Hiện tại sống động (Trần Đức Thảo); Những bước tiến hóa của hệ thần kinh (Trần Đức Thảo); Chống Dühring (F. Engels); The Tao of Physics (F. Capra).

469. Tài liệu tham khảo chính: ĂNG-GHEN, Ph. (1976); ĂNG-GHEN, Ph. (1991); BAAREN, T.V. (2002); CAPRA, F. (1991); CAPRA, F. [1991] (1999); CẦN, Nguyễn Duy (1992); CẦN, Nguyễn Duy (1996); CHÍNH, Doãn (2003); CHÍNH, Đào & Doan Nghiêm (2006); COOMARASWAMY, A. K. (1999); DŨNG, Hoàng (1999); DURANT, W. [1926] (1994);

DURANT, W. [1930] (2003; ĐẠT LAI LẠT MA XIV [2005] (2007); ĐẠT LAI LẠT MA XIV (2008); ĐÀN, Nguyễn Đức (1998); ĐỈNH, Trần Thái (2005a); ĐỈNH, Trần Thái (2005b); ĐỈNH, Trần Thái (2007); ĐÌNH, Phan Quang (2008); GREENE, B. (2006); GUNARATANA, B.H. (2007a); GUNARATANA, B.H. (2007b); HẢI, Nguyễn Ngọc (2002); HALL, D.G.E. (1997); HAWKING, S. (1991); HAWKING, S. [1991] (2008); HIẾU, Minh (1999); HUY, Lê Tuấn (2006); HUY, Nguyễn Hoàng (2002); HỮU, Nguyễn Khắc, et al (2005); KÌ, Hoàng Thọ & Trương Thiện Văn (2007); KIM, Trần Trọng (2002); KHEMA, A. (2007); LÃO TỬ (1998); LAWHEAD, W.F. (2012); LÊ, Nguyễn Hiến (1994); LIÊN, Trần Duy (2008); LỰC, Thích Duy (1999); MÁC, C. & Ph. Ăng-ghen (1977); MERTON, T., et al (2008); MINH, Hà Thúc (1996a); MINH, Hà Thúc (1996b); MONGAITO, A.L. (1977); NGUYỄN, Mộng Bôi (1998); NHIỀU TÁC GIẢ (2004); NINH, Lương, et al (2004); NINH, Vũ Dương & Nguyễn Văn Hồng (2004); PHƯƠNG, Hoàng (1996); REDDING, P. (2006); SANH, Nguyễn Xuân (2007); SÂYDAW, Pa-auk (2006); SHIK, A.Y. (2002); SON, Dam Thanh, et al (2011); SUSSKIN, Leonard (2010); THI, Nguyễn Văn (biên dịch) (2001); THIÊN, Thích Chơn (2010); THIÊN, Thích Tâm (2000); THUẬN, Trịnh Xuân (2006); TỐ, Ngô Tất (1957); TRANG TỬ (1992); TUẤN, Lý Minh (2005); TỬ, Thích Thanh (2004); UGAROV, V. A. (1979); URQUAHART, C. (2009); ƯỚC, Nguyễn (2009); VIVEKANANDA, S. (2000); Гегель, Вильгельм Георг фридрих (1972); Гегель, Вильгельм Георг фридрих (1975).

470. Nhòe lượng tử: vì một lượng tử khi vận động có thể vận động được theo nhiều quỹ đạo cùng một lúc, vì nó vừa là “hạt” vừa là “sóng”, tính chất “sóng” của nó hiện ra thì lúc nó vận động là thành ra một bước sóng, tức là đến nhiều nơi cùng một lúc, tùy người quan sát quan sát ở tư thế nào, trạng thái nào mà có thể nhìn thấy nó theo cách nào, bắt được nó như thế nào, nó hiện ra như thế nào, chứ không dứt khoát là nhìn thấy một hình nhất định có tính “định xứ” như ta thấy một cuốn sách trên bàn, v.v... Ví dụ như sự vận động và xuất hiện của electron trên H. 5 (H.5a và H.5b). Một lượng tử cứ như “nhòe” ra, chứ không rõ ràng như các vật ta thường thấy.

471. “Chống Duhrinh”. Nguồn: Tuyển tập Mác - Ăng-ghe-n. Hà Nội: NXB. Sự thật, 1983, t. 5, tr. 73.

472. Tlđđ, tr. 77.

473. Tlđđ.

474. Tlđđ, tr. 71 - 72.

475. Tlđđ, tr. 71.

476. Tlđđ.

477. Vận động enblock: Là tất cả vận động xảy ra cùng một lúc, không tuần tự từ cái này rồi đến cái kia theo thời gian, không có quan hệ nhân quả theo thời gian (vì trong môi trường đó thời gian = 0), giống như ta: trong một cuộc họp chẳng hạn, người thì báo cáo, người thì nghe, người thì đang đọc báo, người thì lại đang nói chuyện riêng, chẳng liên quan gì với nhau, không có quan hệ nhân quả theo thời gian, như sáng dậy ta rửa mặt rồi mới ăn sáng, rồi mới đi làm, v.v...

478. Tlđđ, tr. 80.

479. Quanta năng lượng: năng lượng truyền đi không phải thành dòng liên tục mà là từng đợt, như đợt sóng, mỗi đợt người ta gọi là một bó sóng, tức là một portion hay một môi. Tức là năng lượng truyền đi vừa có tính chất sóng lại vừa có tính chất hạt. Một quanta là một “lượng tử” (chữ quanta do A.Einstein đặt ra). Tóm lại, một quanta năng lượng là một “lượng tử năng lượng”, ví dụ sóng ánh sáng truyền đi là các lượng tử ánh sáng hay quanta ánh sáng truyền đi.

480. Alexander Friedmann (1888 – 1925): nhà toán học Nga - Liên Xô.

481. Liên tục Dedekin: Thuật ngữ “liên tục Dedekin” do tác giả bài này đặt ra để nói về lý thuyết của Dedekin. Dedekin chứng minh trục số toán học mà chúng ta đang dùng là liên tục từ âm vô cực đến dương vô cực, gồm các số hữu tỷ và các số vô tỷ. Tác giả bài này gọi sự liên tục ấy là “liên tục Dedekin” – có tính triết học. Tuy nhiên tùy cách nhìn mà con người thấy “vũ trụ liên tục” - “liên tục kiểu Dedekin” (cách nói của tác giả) – “liên tục theo cách nhìn của Đức Phật, hoặc “vũ trụ đứt đoạn” - “đứt đoạn kiểu cổ Hy Lạp” (cách nói của tác giả) - theo cách nhìn của Democritus - cổ Hy Lạp.

482. Không gian Calabi-Yau: Con người chỉ cảm nhận được có 3 chiều không gian x, y, z , các chiều không gian này duỗi ra. Còn hiện tại người ta đã tìm ra được thêm 7 chiều không gian nữa, các chiều này không duỗi ra mà cuộn tròn lại một điểm, cái không gian 10 chiều cuộn tròn lại này gọi là không gian Calabi-Yau (Calabi-Yau manifold). Eugenio Calabi (1932) là nhà toán học người Mỹ gốc Ý; Shing-Tung Yau (1949) là nhà toán học người Mỹ gốc Trung Quốc.

483. Lỗ sâu đục: hay lỗ giun, tức là lỗ chui từ chiều không gian này sang chiều không gian khác, thuật ngữ khoa học chính thức là “quantum tunnel” (đường hầm lượng tử). Trong môi trường của không gian Calabi-Yau, năng lượng vận động với tốc độ rất cao, đục xuyên từ chiều không gian này sang chiều không gian khác thành các “đường hầm lượng tử” mà thường khi người ta cứ gọi là “lỗ sâu đục” hay “lỗ giun”, tiếng Anh là “worm hole”.

484. Thời gian Plank: Có hai thứ Plank là thời gian Plank và không gian Plank. Không gian Plank là kích thước không gian (độ dài) bằng 10-35 cm. Còn thời gian Plank là đoạn thời gian ngắn nhất, bằng 10-44 giây.

485. Thí nghiệm giả tưởng EPR: đây chỉ là một thí nghiệm giả tưởng để lấy làm ví dụ mà giải thích, chứ không phải thí nghiệm làm thật, của Einstein, Podolski và Rosen: Giả sử có 2 hạt làm thành 1 cặp, trong đó một cái quay xuôi, một cái quay ngược, khi đưa 2 hạt đó ra xa cách nhau rất xa (xa vô cực) nhưng khi 1 hạt đổi chiều quay ngược lại thì hạt kia cũng tức thì đổi chiều quay ngược lại để cho cái cặp 2 hạt ấy là luôn quay ngược chiều nhau. Như vậy khi một hạt đổi chiều quay thì cứ như có thông tin từ nó đến hạt kia ngay tức thì thì hạt kia mới biết mà đổi chiều, nhưng khoảng cách vô cực thì hóa ra thông tin bay với tốc độ vô cực, lớn hơn tốc độ ánh sáng? Sai với thuyết tương đối là tốc độ V của bất kỳ vật nào cũng không thể lớn hơn tốc độ ánh sáng C . Nếu quả thật xảy ra thế thì là vì “cả vũ trụ chỉ có một điểm” và “dung thông với nhau” chứ không phải vũ trụ là rộng mênh mông như ta thấy. Thí nghiệm giả tưởng này là cái ví dụ đầu tiên cho thấy vũ trụ là liên hoàn - dung thông không phải có khoảng cách như ta vẫn thấy, vẫn đo đạc được. Đó là điều (nghịch lý) mà Einstein đã không nhận ra khi

bị thuyết tương đối của chính mình ánh ảnh và giữ chặt lại, chỉ có sau này dần dần người ta mới hiểu ra.

486. Vũ trụ song song: Hiện tại có người cho rằng có nhiều vũ trụ sinh ra và tồn tại song song với nhau chứ không phải tất cả chỉ có một vũ trụ của chúng ta mà ta thường thấy. Từ lý thuyết về sự hình thành vũ trụ là từ Big Bang sinh ra vũ trụ, vậy thì có thể sinh ra nhiều vũ trụ và chúng tồn tại song song bên nhau chứ không phải chỉ sinh ra duy nhất vũ trụ của chúng ta. Kinh Phật nói: “Vũ trụ nhiều như cát sông Hằng”.

487. Tấm lưới Indra: trong kinh Hoa Nghiêm có nhắc đến hình ảnh “tấm lưới Indra”: Trên bầu trời Đế Thích có một tấm lưới gọi là “tấm lưới Indra”, dệt toàn các hạt ngọc. Các hạt ngọc bố trí sao cho một hạt có trong tất cả các hạt, mà tất cả các hạt lại có trong một hạt. Hình ảnh này là để chứng tỏ: không gian bằng 0, tất cả không gian chỉ là một không điểm, tất cả vũ trụ lồng vào nhau tại một điểm mà thôi, không có cái này nằm cạnh cái kia như trong vũ trụ của ta.

488. Từ đây các câu nói của các nhà vật lý, các thiền sư được trích từ tác phẩm The Tao of physics của Fritjof Capra.

489. David Bohm (1917 – 1992): một trong những nhà vật lý lý thuyết người Mỹ ảnh hưởng nhất trong thế kỷ XX. Ông có những đóng góp quan trọng cho lý thuyết lượng tử, tâm lý học não bộ và triết học về tư duy, đồng thời có những đóng góp đột phá cho lý thuyết vũ trụ toàn ảnh. Mô hình vũ trụ toàn ảnh mà ông xây dựng cho phép hiểu được một loạt những điều bí ẩn trong vật lý, trong thần giao cách cảm (telepathy), tiên tri (precognition), sự thống nhất con người và vũ trụ (oneness), động học tâm lý (psychokinesis),... (BS)

490. Điểm kỳ dị: Hồi đầu có người (Stephen Hawking, v.v...) nói rằng ở tâm hố đen có một điểm đặc biệt gọi là “điểm kỳ dị” nơi do trọng trường lớn vô cực mà không gian co về = 0, thời gian co về = 0. Tại đây mọi lý thuyết khoa học hết giá trị, không thể biết được qua bên kia cái điểm ấy là gì, không thể lý giải tiếp cho bên kia điểm này, không thể liên hệ sang thế giới khác qua điểm này. Về sau ý này thay đổi dần. Theo tác giả bài này thì ngay từ đầu đã cảm thấy rằng “điểm kỳ dị” chỉ là ảo giác trên phương trình

toán của thuyết tương đối mà thôi, cũng giống như nhiều trường hợp khác (qua 2 điểm chỉ có thể vẽ được 1 đường thẳng, v.v...), chứ không có thật, hố đen không thể kết thúc một cách “chết cứng lạnh buốt” như vậy, nó phải liên thông – liên kết sang các miền khác, ví dụ theo con đường qua “môi trường lượng tử” sang “VŨ TRỤ LƯỢNG TỬ” vượt ra ngoài logic của “thuyết tương đối” của A. Einstein.

491. Richard Phillips Feynman (1918 – 1988, nhà vật lý người Mỹ gốc Do Thái, nhận Giải thưởng Nobel vật lý năm 1965.

492. SUSSKIN, L. (2010), tr. 391.

493. SON, Dam Thanh, et al (2011).

494. Quark gluon plasma: là trạng thái vật chất chỉ có các hạt quark và chất kết dính (gluon - chất lầy nhầy dạng keo). Lý thuyết của Đàm Thanh Sơn và một số nhà vật lý học khác gọi đó là “độ nhớt của hố đen”.

495. Alfred Korzybski (1879 – 1950): học giả độc lập người Mỹ gốc Ba Lan, phát triển một ngành riêng được gọi là ngữ nghĩa học tổng quát (general semantics). Ông khẳng định rằng những hiểu biết của con người về thế giới bị giới hạn bởi cả bộ não của con người lẫn các loại hình ngôn ngữ mà con người phát triển để mô tả thế giới ấy; và do vậy, con người không thể nắm bắt được thực tại giống như nó đang hiện hữu, bởi những gì chúng ta biết được đã bị bộ não của chúng ta “lọc bớt”, do khả năng giới hạn của bộ não khi “phản ánh” hiện thực khách quan. (BS).

496. Nguồn: KIÊN, Nguyễn Trung (2012).

497. Chân Phương dịch. Nguồn: KOJÈVE, A. & Trần Đức Thảo [1948] (2004).

498. Trần Đức Thảo muốn nhấn mạnh đến sự sụp đổ của chủ nghĩa phát-xít, sự thất bại của chủ nghĩa thực dân cũng như sự trỗi dậy của chủ nghĩa đế quốc, với những thay đổi mang tính tất yếu trong sự phát triển của các khuynh hướng, trường phái và trào lưu triết học tại Pháp sau chiến tranh. (BS)

499. THẢO, Trần Đức (1989b).

500. THAO, Trần Duc (1948).

501. THAO, Trần Duc (1951).

502. Sự ý thức sâu sắc này được Trần Đức Thảo thể hiện rõ hơn ở bài báo nổi tiếng của ông xuất bản tại Hà Nội năm 1956: “Hạt nhân duy lý” trong triết học Hegel [THẢO, Trần Đức (1956a)]. Bản dịch tiếng Pháp của bài báo này được công bố trên tờ La Pensée năm 1965 [THAO, Trần Đức [1956a] (1965)], ít năm trước khi Kojève qua đời.
503. HUSSERL, E. [1936] (1970).
504. MAJKUT, P. (2003).
505. VŨ, Trần Tri (2008).
506. THAO, Trần Đức (1946a).
507. Ibid.
508. “Il fallait mettre la vie en accord avec la philosophie, accomplir un acte réel qui réponde aux conclusions théoriques de mon livre”. THAO, Trần Đức [1984b] (1993). Tác phẩm mà ông nói đến ở đây chính là Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng(1951). (BS)
509. Nguồn: TÔN, Cao (2005).
510. Die Krisis der europäischen Wissenschaften und die transzendente Phänomenologie: Eine Einleitung in die phänomenologische Philosophie [Sự khủng hoảng của các khoa học châu Âu và triết học tiên nghiệm: Giới thiệu về hiện tượng luận tiên nghiệm] (1936).
511. ĐOÀN, Trần Văn (2004).
512. CHỦ, Cù Huy & Cù Huy Song Hà (2011c).
513. Ý kiến của nhà văn Nguyễn Đình Chính trong các trao đổi về triết học Trần Đức Thảo với tác giả [Nguồn: CHÍNH, Nguyễn Đình (2007)].
514. HERMAN, Daniel J. [1997] (2013).
515. Chữ dùng đầy hóm hỉnh của Phạm Trọng Luật.
516. ALTHUSSER, L. (1982), p. 172.
517. Nguồn: NAM, Trần Văn (2013). Bản sử dụng ở đây có lược bỏ một số chi tiết của nguyên bản, và biên tập một số chữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)
518. Trọn tập sách “Triết Lý Đã Đi Đến Đâu?” có thể tìm đọc trong “triethoc.com.vn”.
522. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2010).

523. THẢO, Trần Đức (1989b).
524. THAO, Trần Duc (1951).
525. THAO, Trần Duc (1948).
526. Tham khảo: KIÊN, Nguyễn Trung (2012a).
527. THẢO, Trần Đức [1986b] (2004), tr. 110 – 111.
528. THẢO, Trần Đức (1956a).
529. THẢO, Trần Đức (1955b), (1955c).
530. THẢO, Trần Đức (1973). Tác phẩm này đã được Trần Đức Thảo sửa chữa rất nhiều. Đây là tác phẩm được Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học và Công nghệ (Đợt II), năm 2000.
531. THAO, Trần Duc (1991c), (1992b)
532. THAO, Trần Duc (1993c).
533. Nguồn: TUẤN, Nguyễn Anh (2011). Do khuôn khổ của cuốn sách, bản sử dụng ở đây có lược bỏ một số chi tiết nhỏ, đồng thời chỉnh sửa một số thuật ngữ và từ vựng để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)
534. Johann Heinrich Lambert (1728 – 1777): nhà triết học, toán học, vật lý học và thiên văn học người Đức, nổi tiếng với công trình chứng minh tính vô tỷ của số π . Qua tác phẩm New Organon [Bộ công cụ mới](1764), ông đã đề ra các quy tắc để phân biệt tính chủ thể và tính khách thể, làm nền tảng để hình thành những ý tưởng đầu tiên về hiện tượng luận. (BS)
535. THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr. 86.
536. Sđd., tr. 176.
537. Sđd., tr. 111.
538. Sđd., tr. 32 – 33.
539. Sđd., tr. 35.
540. Sđd., tr. 48.
541. Sđd., tr. 60.
542. Sđd., tr. 73 – 74.
543. Sđd., tr. 75.
544. Sđd., tr. 76.
545. Sđd., tr. 71.

546. Sđd., tr. 84.
547. Sđd., tr. 89 – 90.
548. Sđd., tr. 50
549. Sđd., tr. 54.
550. Sđd., tr. 157.
551. Kaarlo Hintikka (1929 – 2015): nhà triết học và logic học Phần Lan.
(BS)
552. Sđd., tr. 98.
553. Sđd., tr. 105.
554. Sđd., tr. 107.
555. Sđd., tr. 108.
556. Sđd., tr. 16.
557. Sđd., tr. 16 – 17.
558. Nguồn: ĐOÀN, Trần Văn (2004). Bản sử dụng ở đây có lược bớt vài chi tiết, và chỉnh sửa một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn cuốn sách. (BS)
559. “Hiện tượng luận tại Việt Nam” vốn là bài báo cáo khoa học viết bằng Anh ngữ hoàn tất vào tháng 8.2004 (Phenomenology in Vietnam –A Panaromic Review). Thực ra, vào năm 1983, dịp Hội Nghị Quốc Tế lần Thứ Nhất tại Viễn Đông về Hiện tượng luận (ĐH Đông Hải, Đài Trung, Đài Loan), tôi đã nhận lời mời của Tập san Nghiên cứu Phenomenological Information (Boston) viết một tiểu luận ngắn về hiện tượng luận tại Trung Hoa và Việt Nam, nhằm bổ túc vào tập The Phenomenological Movement của Giáo sư Herbert Spiegelberg (ĐH Washington, St. Louis). Nhưng vì thiếu tài liệu, nên không thể hoàn tất. Năm 2003, tại Đại hội Triết học Thế giới lần thứ XXI tại Istanbul, Giáo sư Tiến sĩ Anna–Teresa Tymieniecka (Chủ tịch Viện Hiện tượng luận Quốc tế, Boston), chủ biên kho tài liệu nghiên cứu Hiện tượng luận Husserliana, mời tôi như là một thành viên danh dự của Ban Tổ chức (Honorary Organizer) Hội nghị Quốc tế về Hiện tượng luận tại ĐH Oxford, tháng 7 năm 2004. Bà cũng đề nghị tôi trình bày Hiện tượng luận tại Viễn Đông cho toàn thể hội nghị. Dịp này buộc tôi phải đọc lại các tác phẩm của các Giáo sư Trần Đức Thảo, Trần Thái Đình,

Lương Kim Định, Cao Xuân Huy, Lê Tôn Nghiêm, Vũ Kim Chính và của vài vị mà gần đây tôi mới biết hay để ý đến như Tiến sĩ Đặng Phùng Quân, Trần Công Tiến và cả Giáo sư Nguyễn Văn Trung. Đặc biệt, Khoa Triết học (Đại học Khoa học xã Hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) ủy thác chúng tôi hiệu đính lại bản dịch Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng của Giáo sư Trần Đức Thảo. dịp này, người viết đã tìm hiểu thêm về triết gia họ Trần. Tác giả chân thành cảm tạ Tiến sĩ Trịnh Trí Thức (Chủ nhiệm, Khoa Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội), Giáo sư, Viện sĩ Dương Thụ Tử (Viện Hàn lâm Khoa Trung Hoa, Hiệu trưởng ĐH Hoa Trung) và Giáo sư, Tiến sĩ Âu Dương Khang (Phó Hiệu trưởng ĐH Hoa Trung), cũng như Giáo sư, Tiến sĩ Tymieniecka đã có nhã ý tạo cơ hội giúp chúng tôi hoàn tất bài viết.

560. THAO, Trần Đức (1951), phần “La méthode phénoménologique et son contenu effectivement réel”. Bản dịch Việt ngữ: THẢO, Trần Đức [1951] (2004). (Nhà xuất bản Minh Tân do một nhóm Việt kiều tại Pháp xuất bản cách sách của Hoàng Xuân Hãn, Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo,...) Tập sách này vốn gồm hai phần chính. Phần thứ nhất về hiện tượng luận, vốn là luận án Tốt nghiệp Sư phạm (agrégation) được tác giả viết quãng năm 1941–1943, đệ trình năm 1943 tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm, và được giới học giả chú ý một cách đặc biệt. Phần thứ hai về Biện chứng Duy vật được viết vào quãng năm 1948–1949, sau 5 cuộc “gặp gỡ” (chứ không phải tranh luận, débats) với Jean–Paul Sartre. G.S. Thảo tự thuật trong Niên biểu: “Sartre đã mời tôi đến những cuộc gặp gỡ này...”, “Trong năm cuộc gặp gỡ tôi đã chỉ cho ông rằng chính xác là phải coi trọng chủ nghĩa Marx cả về triết học”. [THẢO, Trần Đức [1984b] (1993)].

561. Spiegelberg, ctr. 431 – 32.

562. Do chúng tôi dịch.

563. Về phương pháp, ta thấy trong Chương 1, phần 1 về “Kỹ thuật biến hóa” (La technique de la variation), pp. 23 – 27. Và rất miễn cưỡng, pp. 34 – 38, về “Trở lại Chủ thể” (Le retour du sujet). Về sự khám phá phương pháp giản hóa, giản lược, truy nguyên (réduction), pp. 51 – 66; và về mô tả hiện tượng luận (la description phénoménologique), pp. 160 – 163.

564. Đây có lẽ là một loại “hiện tượng luận” của Pháp, đặc biệt của Jean–Paul Sartre thời đó. Giáo sư Thảo khi phê bình hiện tượng luận, ông nhằm lẫn với chủ nghĩa hiện sinh (existentialisme) của Sartre. Chủ nghĩa hiện sinh của Sartre đã dùng lối miêu tả, diễn tả (descriptive) để phân tích những dữ kiện (données) của hiện thể (existence), và đứng khựng lại ở giai đoạn này.

565. Trần Đức Thảo, tr. 6: “Việc duyệt xét kỹ lưỡng bản thảo chứng tỏ một cách rõ rệt rằng những phân tích cụ thể thật ra đã đi theo một đường hướng không hợp với những nguyên lý thuần lý thuyết, mà chính ở trong lòng của những lý thuyết này những phân tích cụ thể từng được phát triển ra” (bản dịch của chúng tôi). Về điểm này, ta thấy Giáo sư Thảo theo Karl Marx (Luận đề về Feuerbach, Luận đề 11) khi chỉ trích giới triết học tư sản “chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau”. Họ quên cái điểm chính yếu, đó là triết học phải cụ thể và thực tiễn nhằm “cải tạo thế giới.”

566. Maurice Merleau–Ponty, người được coi như là một triết gia hiện tượng luận sáng giá nhất của Pháp. Cùng với Trần Đức Thảo, Merleau–Ponty từng nghiên cứu tại Thư khố Husserl tại ĐH Louvain (Bi), và được Giáo sư Léo Van Breda (một linh mục dòng Phan Sinh), Giám đốc Thư khố, ủy thác thành lập Thư khố Husserl ở Pháp. Merleau–Ponty đã cổ động giới trí thức Pháp ký bản kiến nghị yêu cầu chính phủ Pháp phóng thích Giáo sư Thảo khỏi nhà ngục vào tháng Chạp năm 1945). Giáo sư Thảo bị chính quyền Pháp bắt giam quăng 3 tháng vì “tội” đấu tranh dành độc lập cho Việt Nam và chống thực dân Pháp.

567. THAO, Trần Duc, Préface, p. 19: “Cependant nous avons cru utile de donner dans la première partie de cette ouvrage des études purement phénoménologiques et largement dépassées...”

568. Bắt chước ngôn ngữ và cách diễn tả đầy tính châm biếm của Karl Marx (trong Die Heilige Familie [Gia đình thần thánh]), Trần Đức Thảo viết, tr. 19: “Dans le marxisme la philosophie bourgeoise trouve la forme de sa suppression: mais la suppression enveloppe le mouvement même de ce dont elle est suppression, en tant qu’elle l’actualise en le supprimant”. (Chính trong chủ thuyết mác-xít mà nền triết học tư sản mới nhận ra cái hình dạng

của sự tự áp bức: tuy nhiên sự áp bức (này) bao gồm quá trình sinh hoạt, ngay cả của chính cái quá trình mà sự áp bức thuộc về chính nó, (và như vậy nó) tự tạo ra mình bằng cách đàn áp mình). (Bản dịch của chúng tôi) 569. LUKÁŠ, G. (1922). *Geschichte und Klassenbewusstsein*. Bản Anh ngữ của Livingstone: *History and Class Consciousness* [Lịch sử và ý thức giai cấp] (Cambridge: MIT Press, 1971), phần 2:” What is Orthodox Marxism?”.

570. Xin tham khảo KOLAKOWSKI, L. (1978). *The Main Currents of Marxism* (Oxford: Oxford University Press), Tập 3, chương 7, ctr. 253 vtth. Ảnh hưởng của Lukács trên trường phái Frankfurt và những triết gia như Ernst Bloch... Các chương sau, đặc biệt chương thứ năm.

571. Ta biết, lối giải thích Marx theo hệ thống của Hegel, hay ngược lại, từng là một trào lưu bắt nguồn từ nhà triết học người Pháp gốc Nga Alexandre Kojève (1902–1968) với những bài giảng về Hegel tại Học viện Cao đẳng (École des Hautes Études) vào những năm 1933–1939. Xin tham khảo: KOJÈVE, A., *Introduction à la Lecture de Hégel* [Giới thiệu về Bài giảng Hegel] (Paris: Gallimard, 1947). Bản dịch Anh ngữ của James H. Nichols, Jr.: *Introduction to the Reading of Hegel* (New York: Cornell University Press, 1980). Kojève là người đầu tiên đã đọc Hegel theo lối nhìn của Heidegger, cũng như đọc Marx theo lối nhìn của Hegel. Ông gây được một ảnh hưởng sâu rộng trên những người chủ trương hai tập san nghiên cứu *Les Temps modernes* (Merleau–Ponty, Sartre, Trần Đức Thảo), và *L’Esprit* (Emmanuel Mounier, Maurice Nédoncelle, và cả Paul Ricœur). Trần Đức Thảo, theo lời yêu cầu của Merleau–Ponty, đã viết một bài điểm sách của Kojève đăng trên *Les Temps modernes* (1948). Với bài này, theo lời tự thuật của mình (1984), Trần Đức Thảo đã nhìn ra sự thiếu sót của hiện tượng luận, và định cho ông chiều hướng theo Marx.

572. Tác phẩm: GARAUDY, R. (1961). *Perspectives de l’homme* [Viễn cảnh của con người]. (Paris: P.U.F.), được Giáo sư Trần Đức Thảo dịch sang tiếng Việt theo lời đề nghị của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. (BS)

573. Hai câu dẫn trên trích lại từ tập *Tự điển Phê phán về Chủ nghĩa Marx* (*Kritisches Woerterbuch des Marxismus*, chb. bản Đức ngữ: Wolfgang Fritz

Haug, Berlin: Argument Verlag, 1986), thuật ngữ “Kiến trúc thượng tầng”, tập 4.

574. Jean–François Lyotard, một nhà hiện tượng luận và phần nào bị ảnh hưởng của chủ nghĩa Marx, đã nhận ra điều này trong Postmodernisme – Un rapport du savoir (Paris, 1978).

575. Cuộc tranh luận về vai trò của trí thức trong Đảng Cộng sản vào đầu thế kỷ XX tại Đức đã khiến Đảng Cộng sản Đức phân li... Xin tham khảo Kolakowski, Sdd.; và Predrag Vranicki, Geschichte des Marxismus, 2 Tập (Frankfurt a. M.: Suhrkamp, 1972 / 1974), ctr. 251 – 276. Bản dịch của Stanislava Rummel và Vjekoslava Wiedmann từ tiếng Nam Tư, Historija marksizma (Zagreb 1961 / 1971).

576. Trong lịch sử chủ nghĩa cộng sản, cuộc tranh luận về vai trò của giới trí thức đã từng xảy ra ở Đức (chú thích trên), Pháp và Hungary. Kết quả là những người chủ trương vai trò của giới trí thức đã từng hoặc bị ám sát (Rosa Luxemburg), hoặc bị trục xuất khỏi đảng (Karl Kautsky, Roger Garaudy, Gyory Lukács...). Tại Đông Âu vào thập niên 1960s, đa số bị trục xuất khỏi Đảng như Leslev Kolakowski, Predrag Vranicki, Adam Schaff, Pedro Gazovic,...

577. THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr. 179: “Cho nên toàn bộ công trình cấu tạo thế giới (Weltkonstitution) sụp đổ trong sự nhận thấy một sự ngẫu nhiên triệt để... Cùng với nó truyền thống vĩ đại của chủ nghĩa duy tâm đã kết thúc, vì nó tự xóa bỏ mình trong khi thực hiện chính mình”. Cũng xin tham khảo chú thích ở trên.

578. Theo một số bạn hữu của Giáo sư Thảo tại Paris như Tiến sĩ Ngô Mạnh Lan, Tiến sĩ Jean–François Revel (Mémoires – Le voleur dans la maison vide. Paris: Plon, 1997, tr. 124), Giáo sư Thảo vào những năm cuối đời đã “trở lại với hiện tượng luận và chủ thuyết nhân bản thấy trong (tác phẩm)Krisis, và vội vã phát triển quan niệm về Hiện tại sống động của Husserl”. (Lá thư của Ngô Mạnh Lan gửi Revel: “It était revenu à la phénoménologie et à l’humanisme de la Krisis et travaillait d’arrache – pied à développer le concept husserlien de Présent vivant”). Trước khi qua đời, Giáo sư Thảo đã gửi cho ông Vincent von Wroblewsky 3 chương đầu

của tập sách ông đang soạn dở dang *La Logique du Présent vivant* (viết vào năm 1993 tại Paris). Xin tham khảo: THAO, Trân Duc (1993c).

579. Nguyễn Văn Trung, trong *Đối Thoại* (Houston, 1996). Tựa đề bài viết tôi không nhớ chính xác.

580. Chủ nghĩa Marx–Lenin do Joseph Stalin “khai sinh” vào năm 1927, khi ông đã hoàn toàn nắm vững quyền hành như là người kế vị Lênin (qua đời năm 1924). Theo chủ nghĩa Marx–Lenin này, giới vô sản là một giai cấp cách mạng mang tính chất sinh động và bản chất thực hành (Praxis), có mục đích chiếm quyền và xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa (socialist society), và Đảng Cộng sản như là một vũ khí của họ giúp đạt tới mục đích trên. Trên thực tế, Stalin coi chủ nghĩa Marx–Lenin như là “lý thuyết và chiến lược đặc biệt cho vô sản chuyên chế” (trong *Foundations of Leninism*), và biến thành một ý thức hệ để hợp pháp hóa vai trò của giới vô sản, dưới sự lãnh đạo của Liên Xô. Xin tham khảo J. Stalin, “*Foundations of Leninism*” (1934), và “*Problems of Leninism*”, trong B. Franklin, ed. *The Essential Stalin*; D. Lane, *Leninism: A Sociological Interpretation* (1981).

581. Đây là chủ trương của những triết gia như Merleau–Ponty.

Spiegelberg nhận xét rất đúng về thái độ của Merleau–Ponty: “Những phương thức biện chứng có thể giúp chúng ta tránh được những khẳng định chưa chín chắn, nhưng không thể làm ta tránh được việc phải trực diện với hiện tượng” (Spiegelberg, tr. 573 – 74). Jean–Paul Sartre trong tác phẩm *Critique de la raison dialectique* (Paris: Gallimard, 1969) đã áp dụng hiện tượng luận để tìm lại nền tảng cho chủ thuyết mác-xít. Kết quả một phân tích hiện tượng như vậy khiến Sartre kết luận là chỉ có một chủ nghĩa Marx chân thật của Marx chứ không thể có chủ nghĩa duy vật biện chứng (như thấy trong Friedrich Engels và những người theo ông).

582. Jean–Paul Sartre, *Critique de la raison dialectique*, Sđd., Lời nói đầu, tr. I

583. Xin tham khảo MOUNIER, E. (1947). *Introduction à l’Existentialisme*. Paris: P.U.F.

584. Đặc biệt, với các tác phẩm của Heidegger (Sein und Zeit, 1927), của Sartre (L'Être et le néant, 1943). Đối với Sartre, thì thuật từ “chủ nghĩa hiện sinh” có nghĩa là một sự hòa hợp giữa Hiện tượng luận và chủ thuyết hiện sinh mà ông còn gọi là “một nền hữu thể hiện tượng”.

585. Xin tham khảo Trần Thái Đình, Triết học Hiện sinh (Sài Gòn, 1967). Đây là một tập sách giới thiệu và phê bình nền triết học hiện sinh khá nghiêm túc, có tinh chất khoa học, khách quan và tương đối đầy đủ. Sách của Giáo sư Trần Thái Đình thuần túy hàn lâm, không có mùi vị tuyên truyền như nhiều người (vì không đọc) lầm tưởng. Trong tập sách này, tác giả đặc biệt trình bày tư tưởng của Søren Kierkegaard (1813–1855), đại biểu cho nền triết học hiện sinh hữu thần), Friedrich Nietzsche (1844–1900), đại biểu cho nền triết học hiện sinh vô thần) và những người bị ảnh hưởng của hai ông, như Heidegger, Karl Jaspers (Đức, 1883–1969), Sartre, Gabriel Marcel (Pháp, 1889–1973)...

586. THAO, Trần Dục (1951), p. 23. (Bản dịch của chúng tôi).

587. Sartre từng kiêu hãnh gắn liền chủ nghĩa hiện sinh của mình với hiện tượng luận, mặc dù người bạn cũ của ông, Giáo sư Raymond Aron, một nhà xã hội học nổi tiếng của Pháp, đã từng tiết lộ là Sartre chẳng hiểu hiện tượng luận là gì, và cái mà Sartre tự xưng là hiện tượng luận, thực ra là hiện tượng luận theo kiểu của Sartre (Xem ARON, R. (1976). History and The Dialectic of Violence – An Analysis of Sartre’s “Critique de la Raison Dialectique”, bản dịch Anh ngữ của Barry Cooper, New York: Harper & Row, Preface, tr. xii). Khoảng giữa cuối thập niên 1940 – đầu thập niên 1950, ta thấy có một sự thù nghịch giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa hiện sinh. Giới trí thức cộng sản trẻ tuổi coi hiện sinh như là một hình thức của chủ thuyết duy tâm và là tội điểm của sự tha hóa tư sản (décadence bourgeoise). Giáo sư Thảo được coi như là một trong những người chủ trương lối nhìn của những nhà trí thức cộng sản trẻ tuổi tại Pháp.

588. Trong Fruehe Schriften, Tập. 1 (Stuttgart, 1962). Ba bản dịch Anh ngữ khác nhau của T.B. Bottomore, Economic and Philosophic Manuscripts of 1844 (New York, 1963), của Martin Milligan (Moscow, 1959), và của Ria Stone (1949). Về nền triết học của “Marx trẻ” xin tham khảo: Trần Văn

Toàn, Triết học Karl Marx (Sài Gòn: Nam Sơn, 1965). Đây là một tập sách về Marx rất nghiêm túc xuất bản tại miền Nam.

589. Đối với những nhà mác-xít hiện tượng luận như Maurice Merleau-Ponty, Roger Garaudy, và cả Jean-François Lyotard và có lẽ, một phần nào đó Louis Althusser, thì nhà triết học Marx khác với người cộng sản Marx của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản và của Tư bản luận. Riêng Althusser coi Marx như là nhà khoa học trong tác phẩm Tư bản luận. Nói chung, những triết gia trên chủ trương, cái tinh hoa của Marx nằm trong những tác phẩm của người thanh niên Marx, mà trong đó Marx chủ trương là “con người là nguồn gốc của tất cả mọi sự” (man is the root of everything). Giáo sư Spiegelberg nhận xét, tr. 445: “Chính cái loại chủ thuyết nhân bản mác-xít này làm họ phát hiện một lối thông diễn, và sát hợp hiện sinh với mác-xít, như đặc biệt thấy trong các tác phẩm đầu tay của Merleau-Ponty. Nó giúp ta nhận ra một tình huống lịch sử hiện sinh của con người trong cuộc đấu tranh giai cấp”.

590. Trung thực hơn, Giáo sư Trần Thái Đình (trong tập Hiện tượng luận là gì?, Sài Gòn: Thời Mới, 1968) viết về Hiện tượng luận như sau, tr. 16: “Hiện tượng luận là khoa nghiên cứu về những bản chất, và đối với khoa học này thì tất cả mọi vấn đề đều quy về việc xác định những bản chất...”; tr. 19: “Vậy mục đích của Hiện tượng luận là đạt được những bản chất cụ thể, tức hình ảnh trung thực của những kinh nghiệm sống”; tr. 22: “Điều can hệ là: Hiện tượng luận đề cao ý thức chưa phản tỉnh, coi đó là sự gặp gỡ đầu tiên giữa ta và thế giới.”

591. Lối thông diễn sáng tạo này, như Heidegger chủ trương, nhằm tìm ra điều mà tác giả đã nghĩ mà không diễn tả được, hay chưa nghĩ tới, nhưng giúp độc giả nghĩ ra.

592. Xin tham khảo Phần giới thiệu của chúng tôi cho cuốn Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng của Trần Đức Thảo, đang sửa soạn cho bản tái bản.

593. REVEL, J.-F., Mémoires – Le Voleur dans la maison vide, tr. 121.

594. Nguồn: GIANG, Ngô Hương (2013). Bản sử dụng ở đây đã được chỉnh sửa một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn

sách.

595. HERICK, T. (2005).

596. MAJKUT, P. (2003).

597. “Hiện tượng luận đã bắt đầu bằng bản thể học. Ngoài những diễn giải tâm lý học biến cái thực thành một tập hợp các trạng thái ý thức, vấn đề ở chỗ phải quay trở lại với chính các sự vật và tìm thấy lại ý nghĩa của bản thể trong sự phong phú về chân lý của nó” (THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr.31).

598. HEIDEGGER, M. Về thể tính của chân lý. Phạm Công Thiện dịch. Sài Gòn: Nxb Hoàng Đông Phương, 1968, tr. XXV.

599. Sđd., tr. XXV.

600. Sđd., tr. XXIII.

601. THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr.17.

602. Năm 1936, Husserl xuất bản tác phẩm *Die Krisis der europäischen Wissenschaften und die transzendente Phänomenologie: Eine Einleitung in die phänomenologische Philosophie* (Sự khủng hoảng của các khoa học châu Âu và Hiện tượng luận tiên nghiệm: Giới thiệu về Triết học tiên nghiệm), chính thức đưa ra viễn cảnh về sự cáo chung của lịch sử triết học phương Tây. Thế nhưng, có thể chính Husserl cũng không nhận ra rằng, ngay từ năm 1845 (nghĩa là khoảng cách về mặt thời gian tính cho đến trước thời điểm Husserl tuyên bố sự cáo chung của tư tưởng phương Tây đúng 91 năm (1936 – 1845)), K. Marx đã tiên liệu viễn cảnh phá sản ấy của tư tưởng phương Tây, khi ông viết *The German Ideology* (Hệ tư tưởng Đức) và *Theses on Feuerbach* (Luận cương về Feuerbach), trong đó định đề được các học giả trích dẫn nhiều nhất, đáng quan tâm nhất là: “Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới”. Chính cái “cải tạo thế giới” này là “điểm bùng nổ” mạnh mẽ nhất mà K. Marx đặt ra nhằm xác lập lại toàn bộ hệ thống tư tưởng phương Tây, tiên liệu cho một sự phá sản tất yếu của nó. “Cải tạo thế giới” cũng đồng nghĩa với việc loài người sẽ phải bắt đầu một dấu mốc mới của tư tưởng bên trong một thế giới mới được dựng lên, thông qua hoạt động thực tiễn kinh nghiệm. Trong đó, ý niệm về một thế giới mới luôn phải bắt đầu

từ sự trần trở của ý thức kiếm tìm đường hướng khai phá nó. Và, mọi sự trần trở của ý thức kiếm tìm đường hướng khai phá thế giới mới ấy cần phải được khởi đầu từ cái căn nguyên, cội rễ là tính vật chất ôm chứa trong nó.

603. Ở đây, chúng ta cần phân định rạch ròi giữa hai khái niệm Tính vật chất (materiality) với Vật chất (matter). Tính vật chất là cái làm cho “vật chất” trở nên có nghĩa như một tồn tại trong thế giới, còn vật chất là hình thức biểu hiện một phần nào đó tính vật chất thông qua hoạt động sáng tạo tự do.

604. Sản xuất trong trường hợp này không được xem là hoạt động sáng tạo, vì giai cấp làm thuê đã không được thiết lập thế giới dựa trên nền tảng tính vật chất một cách tự do. Họ bị giai cấp chủ nô cai quản ý hướng tự do cấp nghĩa, dựa trên sự tự do hủy thể hình thức cũ ôm chứa tính vật chất ấy, theo đó, thế giới mà họ kiến lập dựa trên tính vật chất chẳng qua chỉ là thế giới ngụy tạo, xa lạ dựa trên hình thức tưởng như hợp thức của hoạt động sáng tạo. Thế giới mà người lao động tạo ra đó không phải là chân lý, mà chỉ là sự ngụy trang của chân lý, vì thể tính chân lý của thế giới ấy không nằm ở sự tự do chọn lựa phương thức sáng tạo dựa trên cái tiên khởi là tính vật chất, mà, họ làm việc ấy thụ động như một con ong cần mẫn mang mật về theo sự điều phối của con ong Chúa. Và, cái tổ ong ấy là thước đo chuẩn mực do con ong chúa dựng lên, bằng những thủ đoạn “khéo léo” của quyền lực, cũng giống như thế giới loài người do bàn tay người nô lệ tạo dựng, về thực chất, chỉ là hình thức của “sáng tạo” do chủ nô tiến hành theo những “thủ đoạn” của vật linh hoặc thần quyền, chứ không thể xem là quá trình sáng tạo theo ý hướng chủ quan, hoàn toàn tự do của giai cấp bị bóc lột.

605. “Nhưng người ta đi đến không làm rõ được sự khác nhau, bởi vì một lần nữa đây không phải là một hệ thống các tổng hợp trong đó khách thể cuối cùng chỉ là cái tương liên của sự diễn biến các điều tôi đã sống trải, khi chúng kết hợp gắn bó với nhau: nó là sự thống nhất ý niệm được nhắm tới trong phạm vi riêng của tôi” (Trần Đức Thảo. Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng. Sđd., tr. 99 – 100).

606. “Tính vật chất là tầng cơ bản, nên đời sống động vật được tạo lập trên tính vật chất ấy. Ở đây không chỉ nói đến những động vật thực sự mà cả con người cũng là tồn tại của tự nhiên. Tâm hồn, đối tượng của tâm lý học, là một tầng “được dựa vào” cơ thể, mà nhờ vào mối quan hệ “dựa vào” ấy nó mới được xen vào thế giới không gian – thời gian” (THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr.103 –104).

607. “Bây giờ ta hiểu ý nghĩa của sự hiểu lầm đã đối lập các môn đồ với kẻ học sách vở khi xuất bản tập thứ nhất của tác phẩm “Các ý niệm”, làm ảnh hưởng tai hại đến số phận của trường phái hiện tượng luận. Thí dụ đặc cách về sự tạo lập vật đã làm cho chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm bị coi là phủ định sự tồn tại tuyệt đối của khách thể. Một sự phủ định như vậy xuất hiện là trái với các chủ định sâu xa của học thuyết. Nó làm cho hiện tượng luận xích lại gần với chủ nghĩa phê phán, hơn nữa chưa được gắn bó chặt chẽ, vì ý thức mà ta trở lại là một ý thức nhất thời” (Sđd., tr. 101).

608. Sđd., tr. 105

609. Bản chất là theo cách gọi của chúng tôi, còn Thể tính là theo cách gọi của Phạm Công Thiện. Cả hai cách gọi đều xuất phát từ cách dịch thuật ngữ essence. Trong bài, chúng tôi sử dụng cách gọi bản chất khi đưa ra diễn giải của mình về essence của cái gì đó, và sử dụng cách gọi Thể tính khi đưa ra quan điểm phản biện lại quan điểm của Phạm Công Thiện khi phê phán Trần Đức Thảo. Bản chất/ essence: Nghĩa là cái mà giúp cho sự vật bộc lộ ra là nó để ta có thể hiểu được. Để hiểu được, thì chủ thể nhận thức phải cho sự vật nghĩa, giúp cho nó phơi bày bản chất trước ta như là nó. Vì vậy, bản chất của sự vật là cái nghĩa mà chủ thể cấp cho nó, gán cho nó, và nó trong quan hệ với chủ thể nhận thức là một hành động “chào đón”, “mở ra”, “thu nhận vào”. Nhờ việc cấp nghĩa cho sự vật để sự vật có “ý nghĩa” ấy, thì cũng cùng lúc, chủ thể tự tạo ra “ý nghĩa” của chính mình. Nói ra sự hiểu đúng đắn của mình về sự vật đúng như sự vật “cho ta” (nghĩa là mô tả hiện tượng luận), thì đó là ý nghĩa độc lập, là lập thức, là bản chất của chủ thể được phơi bày ra thế giới.

610. “Các sự vật không tự xác định đối với tôi bằng đặc tính vật chất mà bằng các dạng đã sống trải của chúng, với các tiền đề về giá trị và hành

động. Chúng chỉ tồn tại đối với tôi, khi tôi tri giác chúng, với ý nghĩa chúng có đối với cuộc sống thực tế của tôi, và tất cả sự tồn tại tinh thần của chúng là ở nghĩa đó” (Sđd., tr. 104 – 105.)

611. Xem: HEGEL, G. W. F. (2008). Khoa học logic. Hà Nội: Nxb Tri thức.

612. HEIDEGGER, M., Về thể tính của chân lý. Sđd., tr. XXIII.

613. THẢO, Trần Đức [1951] (2004). Sđd., tr.105.

614. Dẫn theo ÍCH, Tam (1969). Sartre và Heidegger trên thảm xanh. Sài Gòn: Nxb Hồng Đức, tr. 216–217.

615. Năm 1927, Heidegger cho xuất bản phần 1 của Sein und Zeit nhưng chỉ giới hạn tới mục thứ 2 của phần Những nền tảng phá hủy hiện tượng luận lịch sử hữu thể học trên sự dẫn nhập của khả thể nghi vấn thời tính là: “Hiện hữu hiển thể và thời tính”. Trong đó, mục thứ 3 của phần này: Zeit und Sein/ “Thời gian và Hữu thể” thì vào năm 1962, nghĩa là 35 năm sau lần xuất bản cuốn Sein und Zeit, Heidegger mới đề cập trong một bài diễn thuyết cùng tên. Điều đó cho thấy, kể từ đó đến nay, nó chưa từng được viết ra và chưa từng được xuất bản hay công bố rộng rãi dưới dạng văn bản. Rất có thể Trần Đức Thảo chưa được biết đến bài diễn thuyết này của Heidegger, khi ông cho công bố Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng bằng tiếng Pháp năm 1951 tại nhà Minh Tân. Trong tác phẩm này, Trần Đức Thảo đã tìm ra tính cụ thể của hiện hữu bên trong khái niệm sử tính và thời tính của Heidegger (nghĩa là sau 24 năm khi Hữu thể và Thời gian xuất bản (1927 – 1951)), và củng cố, rồi đi đến khẳng định lý luận ấy trong tác phẩm cuối đời Sự logic của thời Hiện tại sống động (xuất bản năm 1993). Nghĩa là, Trần Đức Thảo đã góp phần hoàn thiện ý tưởng về Thời gian và Hữu thể / Zeit und Sein – phần II tác phẩm Sein und Zeit của Heidegger đúng 66 năm (1927 – 1993)), dù rằng tác phẩm này của Trần Đức Thảo cũng dở dang giống như Hữu thể và thời gian của Heidegger. Nhưng điều này lại chứng minh Trần Đức Thảo không những hiểu Heidegger nói gì, mà ông còn có công bổ sung chính tác phẩm của Heidegger, khi mà nhân loại chưa được biết đến di cảo cuối cùng Thời gian và Hữu thể của ông.

616. Theo Đặng Phùng Quân thì “Friedrich–Wilhem von Hermann, người cộng sự của Heidegger trong việc chuẩn bị cho công việc xuất bản Toàn tập GA, đã viết tham luận cho Hội nghị kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Heidegger tổ chức tại Chicago năm 1989, với tiêu đề SuZ và Những vấn đề cơ sở của Hiện tượng luận kể lại khi đưa in tác phẩm SuZ, Heidegger có kèm bản viết Thời gian và Hữu thể cho phân đoạn 3/Dritter Abschnitt, phần 1/Erster Teil nhưng sau đó ông rút lại đoạn văn này, với ý định sẽ khai triển tư tưởng phần này để xuất bản thành tập 2 của SuZ; quá trình ấy là thành quả cơ sở của giáo trình 1927” (Luận về khái niệm Destruktion của Heidegger).

617. THAO, Trần Duc (1993b).

618. Nguyễn Đức Truyền dịch, Nguyễn Trung Kiên hiệu đính. Nguồn: BENSOIST, J. & M. Espagne (2013).

619. Tài liệu tham khảo: CLAESGES, U. (1972); FEDERICI, S. (1970); HABERMAS, J. (1973), (1987); HEIDEGGER, M. (1993); HUSSERL, E. (1976a), (1976b); JANSSEN, P. (2008); LANDGREBE, L. (1977) PERREAU, L. (2000); STOKOE, W. C. (1996); THAO, Tran Duc [1951] (1992); THAO, Trần Duc (1973).

620. Sau khi Hội thảo quốc tế L’itinéraire de Tran Duc Thao: Phénoménologie et transfert culturel [Hành trình của Trần Đức Thảo – Hiện tượng luận và tiếp biến văn hóa] diễn ra tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm vào tháng 5/2012, tôi đã gửi thư tới Giáo sư Masoud P. Tochahi (Đại học Paris III), xin phép sử dụng bài tham luận của ông tại cuộc Hội thảo trên cho cuốn sách này. Một thời gian ngắn sau, ông phản hồi và nói rất vinh dự khi bài tham luận này được giới thiệu rộng rãi tới các độc giả Việt Nam. Giới thiệu bản dịch tiếng Việt bài tham luận này của ông, tôi kỳ vọng sẽ mở ra được mối quan hệ hợp tác trong việc dịch thuật và xuất bản Tổng tập Trần Đức Thảo trong tương lai. (BS)

621. Husserl thường nói về “đời sống thực tiễn trong tính tổng thể của nó”. Xem, ví dụ, HUSSERL, E. [1936] (1976). Die Krisis der europäischen Wissenschaften und die transzendente Phänomenologie [Sự khủng hoảng

của các khoa học châu Âu và triết học tiên nghiệm], 2. Auflage, hrsg. von Walter Biemel, Haag: Martinus Nijhoff, p. 124.

622. Ibid., p. 51.

623. Ở một đoạn trong *Krisis*, Husserl đã đề cập đến những khó khăn này: “Một trong những khó khăn lớn của cách tư duy luôn cố gắng khai thác mọi lúc và mọi nơi, ‘sự cấu thành nguyên thủy’, tức thế giới đời sống trước và ngoài khoa học, bao gồm trong bản thân nó toàn bộ đời sống hiện tại (gồm cả đời sống của tư tưởng khoa học) và nuôi dưỡng nó với tư cách nguồn gốc của những hình thái ý nghĩa đã được phát triển – một trong những khó khăn của cách tư duy này, như tôi đã nói, là phải chọn cách nói hồn nhiên về đời sống nhưng cũng phải điều chỉnh nó như một công cụ ở chỗ bằng chứng của các chứng minh đòi hỏi”, Ibid. p. 9 & 68; cũng tham khảo: “Thế giới đời sống”, trong: BENSOST, J. & V. Gerard (eds.) (2010). Husserl. Paris: Elipses p. 252.

624. Ibid, p. 59.

625. Ibid, p. 34, 51.

626. WALDENFELS, B., “Lebenswelt und zwischen Alltäglichem Unalltäglichem”, trong: *Phänomenologie im Widerstreit Zum 50. Todestag Edmund Husserls*, HRSG. ch von und O. Jamme Pöggeler, Frankfurt am Main: Suhrkamp, 1989, p. 107.

627. Husserl, *Krisis*, p. 378, 381.

628. Husserl nói: “Thế giới–đời sống, tập hợp trong bản thân nó một cách tuyệt đối mọi hình thái thực tiễn (ngay cả các khoa học khách quan với tư cách các sự kiện văn hóa trong khi tránh tham gia vào những lợi ích của họ) chắc chắn có liên quan đến tính chủ quan trong sự thay đổi thường xuyên của các tính tương đối. “Husserl, *Krisis*, tr. 176, fr. p. 197.

629. Ibid.

630. Ibid., o. 183 và 204.

631. Ludwig Landgrebe, “Lebenswelt und Geschichtlichkeit của menschlichen Daseins” [Thế giới đời sống và sử tính trong sự tồn tại của hữu thể người], trong: *Phänomenologie und Marxismus* [Hiện tượng luận

và chủ nghĩa Marx], HRSG. Bernard von Waldenfels a. a, Frankfurt am Main. Suhrkamp 1977, p. 18

632. Trong đoạn này của tác phẩm *Logic của các khoa học xã hội*, chúng ta tìm thấy một bản tóm tắt về sự phê phán của Habermas: “Tuy nhiên, các nhà hiện tượng luận luôn xuất phát từ kinh nghiệm của thế giới được cảm nhận có tính cá nhân của họ để đạt được, nhờ trừu tượng hóa và khái quát hóa, những hiệu năng của tính chủ quan tạo lập của ý nghĩa. Chúng ta chắc chắn có thể nghiên cứu theo cách này sự hình thành của thế giới được cảm nhận theo tính khái quát trừu tượng của nó. Nhưng kết quả là chúng ta không gặp bất kỳ thế giới được cảm nhận nào mang tính lịch sử và cụ thể, trừ thế giới của chính nhà hiện tượng luận. Chắc chắn, chúng ta có thể tiến hành một mô tả hiện tượng luận vì ở đó chỉ có, theo cách chung, những thế giới được cảm nhận mang tính cá nhân không thể quy giản. Nhưng nhận định trừu tượng này vẫn chưa giúp chúng ta vượt qua hàng rào ngăn cách một mô tả hiện tượng luận về cấu trúc của thế giới được cảm nhận chỉ mang tính xã hội, và sự lo sợ của mọi thế giới được cảm nhận có thể mang tính cá nhân, cho dù đó có thể là thế giới của một cá nhân hay thế giới của một nhóm xã hội. Trong trường hợp này, chúng ta không còn có thể bằng lòng với sự khái quát từ kinh nghiệm cá nhân, mà ở đó Schutz luôn luôn dừng lại, làm một đệ tử tốt của Husserl như ông đã là như vậy”.

HABERMAS, J. (1973). *Zur Logik der Sozialwissenschaften* [Logic của các khoa học xã hội], 3. Auflage, Frankfurt am Main: Suhrkamp, p. 214, 148.

633. Về vấn đề này, Heidegger nhấn mạnh: “Bằng cách này, ông đã được chỉ ra rằng hiện tượng luận đang phải vật lộn với một nghịch lý thường trực mà chúng ta sẽ xem như nghịch lý có nguồn gốc từ cuộc sống tự và cho nó”. Heidegger, *Grundprobleme der Phänomenologie* [Những vấn đề cơ bản của hiện tượng luận], tr. 2. Cái mà, trái lại, là một cuộc sống tự nó (*Leben an sich*), Heidegger định nghĩa nó như: “cái gần gũi với chúng ta đến mức chúng ta không thể tương tác với nó một cách biểu cảm và cái mà trong quan hệ với nó chúng ta không còn thậm chí cả khoảng cách để có thể nhìn nó trong “tính tuyệt đối” của nó, và cái khoảng cách mà trong quan

hệ với nó là thiếu vì bản thân chúng ta là nó và chúng ta chỉ nhìn chính mình qua cuộc sống, mà chúng ta là, một cuộc sống thuộc về chúng ta (theo cách chỉ đối tượng của hành động), và thông qua những hưởng riêng của nó”.Ibid., tr. 29.

634. Ibid., p. 27, 81.

635. Ibid., p. 35.

636. Ibid., p. 42.

637. Ibid., p. 59.

638. Ibid., p. 62.

639. Ibid., p. 64.

640. Heidegger đã đặt câu hỏi một cách triết để, nếu “ý tưởng của hiện tượng luận như một khoa học về nguồn gốc của đời sống – một khoa học chặt chẽ và triết để nhất – không mâu thuẫn trong bản thân nó, trong chừng mực như một khoa học chặt chẽ nhất và triết để nhất về đời sống, đưa đời sống theo cách triết để nhất vào trong một sự hủy diệt khách thể hóa và khoa học và còn kết thúc theo cách triết để nhất và bất cần nhất...”. Xem Tlđđ., tr. 78. Ngoài mâu thuẫn này, Heidegger còn nhấn mạnh hai vấn đề khác hình thành nên hiện tượng luận như một khoa học. Nói cách khác, làm thế nào để thực hiện một khoa học về đời sống khi đời sống này với tư cách là một tổng thể không bao giờ được đưa ra về mặt sự kiện... Trái lại, tất cả các khoa học với sự chuyên môn hóa và tập trung của chúng vào một lĩnh vực cụ thể của đời sống dường như luôn xem nó như một tổng thể. Vì vậy, việc coi đời sống như một tổng thể bởi một khoa học về nguồn gốc là hiện tượng luận có thể là không cần thiết. Để tránh loại vấn đề như vậy, Heidegger nhấn mạnh về mối quan hệ của thế giới của đời sống với nguồn gốc của nó và thực tế là thế giới–đời sống trở thành đối tượng của hiện tượng luận với tư cách cái gì đó “được bắt nguồn” (entspringend) từ một nguồn gốc. Xu hướng này của việc nghiên cứu về nguồn gốc đồng thời ngăn cản sự chông chéo với những khoa học khác và biện minh cho logic của một khoa học về nguồn gốc.

641. Heidegger, Grundprobleme der Phänomenologie, p. 83.

642. THAO, Trần Duc (1951), p. 6.

643. Landgrebe, “Lebenswelt und Geschichtlichkeit des menschlichen Daseins” [Thế giới–đời sống và sử tính của sự tồn tại người], p. 14.

644. THAO, Trân Dục (1951), p. 7–8.

645. Đoạn này được dùng làm dẫn chứng: “Nếu chúng ta nhớ rằng những hiện thực tâm lý, được xác định trên bình diện cá nhân, có trước sự nhận thức của người khác, tương ứng với kinh nghiệm của đời sống loài vật, chúng ta thấy rằng cái ,cấu thành siêu nghiệm”, như thể hiện của phần còn lại chính thiên hướng của các phân tích về sự cấu thành trong bản thảo của tác phẩm Ideen II, chỉ làm việc lấy lại trên bình diện trừu tượng của sự cảm nhận, sự biến đổi hiện thực từ vật chất đến cuộc sống, và từ cuộc sống đến tinh thần, được hiểu như là sự tồn tại xã hội”. Tlđđ., p. 8.

646. THAO, Trân Dục (1951), p. 238–241.

647. THAO, Trân Dục (1951), p. 9.

648. Tlđđ.

649. Đối với mọi cái thuộc về sự đoạn tuyệt, Thảo dường như chưa quyết định. Trong một đoạn văn trong phần giới thiệu Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng, ông khẳng định đã có ý định “hoàn tất các mô tả có chủ ý bằng các phân tích khách quan “nhưng do sự không tương thích” giữa “các dữ liệu thực tế trong ý thức về thực tế của họ” và “cái tuyệt đối mang tính hiện tượng luận của các ý định được cảm nhận”, ông coi nó như là không thể. Tuy nhiên, cũng cần ghi nhận rằng Thảo vẫn hoàn toàn trung thành với những nguyên tắc của hiện tượng luận khi sử dụng các thuật ngữ có tính kỹ thuật như “tính chủ đích”, “diễn ngôn nội tại”, “cảm nhận”, “hành động”, vv. Xem: THAO, Trân Dục (1951), p. 18; và THAO, Trân Dục (1973), p. 18, 19.

650. THAO, Trân Dục (1951), p. 9.

651. Khi đọc Thảo, chúng ta dần dần gặp những đoạn mà ông nói về triết học một cách khinh miệt: “Vì vậy, các vấn đề truyền thống đã được đề cập đầy đủ trong khuôn khổ của chủ nghĩa Marx và không có lý do gì để ngần ngại rút ra từ những khó khăn kỹ thuật mà chúng ta gặp phải trong hiện tượng luận, những hậu quả hoàn toàn mang tính triết học của chúng” (THAO, Trân Dục (1951), p. 18).

652. THAO, Trân Duc (1951), p. 12; cũng xem, Ibid., p. 16.

653. Tuy nhiên, dần dần Thảo cũng đưa ra những ví dụ không chỉ không tương thích với cái mà ông đã thiết lập như các lĩnh vực nghiên cứu của mình, mà đôi khi chúng cũng tỏ ra chủ quan nhằm làm rõ cái mà ông tìm cách giải thích. Chúng ta có thể đưa ra ví dụ về một thủy thủ, khi đang thoát ra khỏi một cơn bão và tiếp cận bờ biển, “chỉ ngón trỏ vào hướng đất liền,” bởi vì “độ dài bất thường của cuộc hành trình phải chăng đã chia cắt người thủy thủ đang nóng lòng tìm lại đất liền”. Những giải thích này và chẳng cũng không thuyết phục lắm: “Khi bờ biển xuất hiện, cảm xúc làm cho anh hoàn tất cái cử chỉ mà thông thường nó chỉ vừa mới được phác họa. Do đó khi ngoại quan hóa sự vận động, anh ta đã củng cố sự tin chắc có thể cảm nhận được của mình về đối tượng, vì sự tin chắc này chính xác là ở trong cử chỉ được cảm nhận của hành động chỉ cho chính bản thân mình”. Xem: THAO, Trân Duc (1973), p. 33.

654. Ibid., p.12.

655. Ibid., p. 30.

656. Ibid., p. 34.

657. Ibid., p. 39.

658. Việc đọc tác phẩm của Thảo có những khó khăn riêng của nó. Ông trình bày các ý tưởng của mình theo cách xoay vòng, tức là ông không ngại lấy lại một cách không đúng lúc mọi cái mà ông đã xử lý trước đó. Với mọi cái thuộc mối quan hệ từ ý thức đến vật chất và các quan hệ của những cái này với ngôn ngữ, ông cũng nói muộn hơn một chút, nhưng cái cách mà ông bàn về chúng vẫn ít nhiều tương tự. Ibid., p. 49–57.

659. Ibid., p. 34.

660. Ibid., p. 13.

661. Ibid., p. 14.

662. Thảo định nghĩa ý thức theo cách sau: “Vì thế chính bản thân phép biện chứng này nơi sự có đi có lại của dấu hiệu bị biến mất trong hình thức của bản sắc, cái làm nảy sinh cấu trúc của sự cảm nhận mà ở đó hình thành mối quan hệ với bản thân với tư cách là ý thức. Ý thức được thể hiện theo cách đồng nhất như ý thức về đối tượng và ý thức về bản thân. Với tư cách

là ý thức về đối tượng, nó là hình ảnh của đối tượng được đặt như ở bên ngoài nó. Với tư cách là ý thức về bản thân, nó là hình ảnh của hình ảnh này hay hình ảnh của bản thân nó trong bản thân nó”. Ibid., p. 25.

663. Ibid., p. 16.

664. Ibid., p. 17.

665. Ibid., p. 18, cũng xem p. 40.

666. Ibid., p. 40–42.

667. Tlđđ., tr. 108–109.

668. Ibid., p. 43.

669. Ibid., p. 46.

670. Ibid., p. 49.

671. Ibid., p. 53.

672. Ibid., p. 241.

673. Bài viết nhân dịp xét truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh cho Giáo sư Trần Đức Thảo. Nguồn: NGỌC, Phan (2000). Bản sử dụng ở đây có chỉnh sửa một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách.

(BS)

674. Trên thực tế, bản gốc tiếng Pháp của tác phẩm này, có sửa chữa của tác giả, hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Cù Huy Chử & Cù Huy Song Hà. (BS)

675. Năm Freud xuất bản tác phẩm Wandlungen und Symbole der Libido [Những biến thể và tượng trưng của libido]. (BS)

676. Nguồn: THÚY, Đỗ Lai (1996).

677. Nguyễn Trung Kiên lược dịch. Nguồn: FEDERICI, S. (1970).

678. THAO, Trần Duc (1966).

679. THAO, Trần Duc (1969b).

680. Ibid., p. 6 – 7.

681. Ibid.

682. Ibid., p. 7.

683. Ibid., p. 8 – 9.

684. Ibid., p. 11 – 12.

685. Ibid., p. 13.

686. Ibid., p. 14.
687. Ibid., p. 20.
688. Ibid., p. 21.
689. Ibid., p. 23.
690. THAO, Trần Duc (1969a), p. 6.
691. Ibid., p. 9.
692. Ibid., p. 9–10.
693. Ibid., p. 10–15.
694. Đây là thuật ngữ của Trần Đức Thảo mượn của Husserl, cùng với khung khái niệm của Husserl.
695. THAO, Trần Duc (1969a), p. 25.
696. Ibid., p. 36.
697. THAO, Trần Duc (1969b), p. 82.
698. Ibid., p. 36.
699. Nguyễn Trung Kiên dịch. Bài điểm sách; nguồn: BARBIBEAU, J. (1963).
700. THAO, Trần Duc [1973] (1984). Bản gốc: THAO, Trần Duc (1973).
701. A. Spirkin (1918–2004): nhà triết học, tâm lý học và nhân chủng học Xô–viết Ông nghiên cứu chuyên sâu về nguồn gốc của ý thức và tự ý thức, và ngành điều khiển học (cybernetics). Ông là Phó Chủ tịch Hội nghiên cứu Triết học Xô–viết, và thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học Xô–viết. (BS)
702. Iakimov, V.P., The Origins of Man [Những nguồn gốc của Con người], Moscow (1964). Spirkin, A., The Origin of Consciousness [Nguồn gốc của Ý thức], Moscow (1960). (Thảo đã sống tại Pháp một vài năm, ở đây ông cũng giới thiệu các tác giả Xô–viết này đến độc giả Pháp).
703. V.P. Iakimov: nhà nhân chủng học Liên Xô nổi tiếng. Ông có nhiều đóng góp quan trọng để xây dựng và phát triển ngành nhân chủng học Xô–viết nói chung và khảo cổ học Xô–viết nói riêng, với nhiều thành tựu quan trọng. (BS)
704. Trong thập niên 1950, Thảo đã viết một vài nghiên cứu chuyên đề về Husserl và Marx, bao gồm tác phẩm Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng (1951). Trong thập niên 1960, ông cố gắng phát triển phương

pháp hiện tượng luận, trên cơ sở cố gắng loại bỏ triệt để chủ nghĩa duy tâm của Husserl, để có thể tổng hợp phương pháp này với phép duy vật biện chứng. Cuốn sách này cũng cố gắng hướng đến mục đích đó. Phản ánh lý thuyết của Spirkin về những nguồn gốc của ý thức và ngôn ngữ, và các nghiên cứu về chuyên ngành ký hiệu học và ngôn ngữ học từ mô hình của Ferdinand de Saussure (Cours de Linguistique [Giáo trình ngôn ngữ học], Payot. Paris: 1915), Trần Đức Thảo đã hướng tới một ngành ký hiệu học biện chứng thông qua sự phê phán hiện tượng luận Husserl.

705. Lý thuyết duy vật lịch sử về tự nhận thức dựa trên sự trao đổi qua lại lẫn nhau của các mối quan hệ xã hội; trong hoạt động lao động tập thể, người lao động chỉ ra đối tượng cho nhau trên cơ sở những nỗ lực chung của họ. Mỗi người lần lượt, thậm chí đồng thời, vừa là người nhận chỉ dẫn, vừa là người gửi chỉ dẫn; hãn vừa là người hướng dẫn, vừa là người được hướng dẫn. Nói cách khác, mỗi người nhìn thấy trong người khác một sinh thể tương tự như hãn, thực hiện động tác chỉ dẫn giống hãn, và rõ ràng là hãn nhìn thấy chính mình ở trong người khác, nên cái hình ảnh kéo dài của môi trường xã hội cho phép hãn, khi ở một mình, sử dụng cái nhìn của những người đó – những người đồng thời là một cái tôi khác của hãn, để chỉ ra đối tượng cho chính hãn.

706. SOKOLOV, E.N., Inner Speech and Thought [Tiếng nói bên trong và Tư duy], New York: Plenum (1972). (Sokolov cung cấp một phân tích giải phẫu thần kinh về cơ sở vật chất của ngôn ngữ bên trong).

707. Trong tác phẩm Materialism and Empirio-criticism [Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán] (tr. 51), cảm giác được định nghĩa là hình thức đơn giản nhất của ý thức. Trong tác phẩm “Philosophical Notebooks” [Bút ký triết học] (tr. 182), Lenin giải thích kỹ hơn là: “Ý thức chính là bộ não trong sự vận động tư duy của chúng. Do đó ý thức không chỉ đơn giản là sự vận động sinh hóa. Đó là sự vận động sinh lý thần kinh phức tạp nhất của não bộ cấu thành nên những hình thức của các động tác chỉ dẫn và các dấu hiệu ngôn ngữ, những yếu tố được định hình và phản ánh các hình thái tương tác xã hội của con người”.

708. PIAGET, J. (1976), *The Child's Construction of Reality* [Sự xây dựng tính hiện thực ở trẻ em], London: Routledge and Kegan Paul. (Dịch từ tác phẩm: Piaget, J. (1977). *La construction du réel chez l'enfant*. Neuchatel: Delachaux et Niestle.)

709. Homo faber (Người chế tác) là một khái niệm triết học do Hannah Arendt và Max Scheler hình thành và phát triển, nhằm chỉ những giống người có khả năng kiểm soát môi trường thông qua các công cụ lao động. [Nguồn: Wikipedia] (ND)

710. Therese Gouin–Décarie (1923): Nhà nghiên cứu tâm lý trẻ em nổi tiếng. Là người chịu ảnh hưởng nhiều bởi Jean Piaget, bà tốt nghiệp tiến sĩ tại Đại học Montréal và giảng dạy nhiều năm tại đây. Bà cũng tiến hành nghiên cứu và thực hành tâm lý tại Boston (Mỹ) và Paris (Pháp). Giáo sư Trần Đức Thảo đã tham khảo kết quả nghiên cứu của bà để xây dựng lý thuyết của ông về động tác chỉ dẫn (ND).

711. GOUIN-DÉCARIE, T. [1962] (1964). *Intelligence and Affectivity in Early Childhood* [Trí thông minh và Tính dễ xúc động trong thời kỳ thơ ấu của trẻ em]. New York: International University Press. (Nguyên tác: Gouin–Décarie, T. (1962). *Intelligence et affectivité chez le jeune enfant; étude expérimentale de la notion d'objet chez Jean Piaget et de la relation objectale*. Neuchatel: Delachaux et Niestle).

712. Ở người vượn, đó có thể là báo hiệu cho đồng loại về dấu vết của con mồi, hay báo hiệu về sự nguy hiểm đang rình rập... (ND).

713. Phức hợp công cụ Kafuan (Kafuan tool complex): thuật ngữ nhân chủng học, dùng để chỉ loại công cụ đơn giản nhất từ đá cuội, là những viên đá được mài sắc ở một mặt, xuất hiện ở Kỷ nguyên Pleistocene Hạ (kéo dài trong khoảng từ 2,6 triệu năm đến 1,7 triệu năm trước đây). Phức hợp công cụ Kafuan tiến hóa thành Phức hợp công cụ Oldowan (cách đây khoảng 2,5 triệu năm), khi những viên đá cuội được mài sắc ở cả hai mặt. Tên gọi Kafuan và Oldowan bắt nguồn từ tên gọi của các di chỉ khảo cổ học tại miền Nam châu Phi, nơi các bằng chứng khảo cổ học về thời kỳ này được phát hiện: Kafu là tên một con sông ở Uganda, còn Olduwai là tên hẻm núi ở Tanzania. Những thuật ngữ này được nhà khảo cổ học và tự nhiên học

người Anh vĩ đại Louis Leakey (1903–1972) đặt ra từ thập niên 1930 sau những phát hiện khảo cổ học mang tính cách mạng của ông về các công cụ lao động của Thời kỳ Đá đẽo, củng cố thêm cho giả thuyết về nguồn gốc và sự phát tích từ châu Phi của loài người (ND).

714. Nguồn: CĂN, Lê Nguyên (2014). Bản sử dụng ở đây có chỉnh sửa một số thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)

715. THAO, Trần Duc (1973). Các trích dẫn liên quan đến quan điểm của tác giả Trần Đức Thảo trong bài viết của chúng tôi đều được lấy trực tiếp từ bản tiếng Pháp và do chúng tôi chuyển dịch sang tiếng Việt.

716. Dẫn theo Lời hậu bạt của nhà nghiên cứu Vasile Dem. Zamfirescu trong cuốn *Direck Van Der Sternen: Luận phân tâm văn học: Opedipe vua (De Lotgevallen van Koning Oedipus)*. Bản tiếng Rumani. Người dịch sang tiếng Rumani: Paul Voicu–Dohotaru. Editura Univers, Bucureșt, 1996, tr. 139.

717. Marthe Robert: *Romanul inceputurilor și începuturile romanului*. Bản tiếng Rumani. Người dịch sang tiếng Rumani: Paula Voicu–Dohotaru. Editura Univers, București, 1986, tr. 86.

718. THAO, Trần Duc (1973), tr. 248.

719. Albert Jaquart: *Con người và gene (Les hommes et leurs genes)*. Bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Ngọc Thuần, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2010, tr. 3.

720. Dẫn theo Lời hậu bạt của nhà nghiên cứu Vasile Dem. Zamfirescu trong cuốn *Direck Van Der Sternen: De Lotgevallen van Koning Oedipus*. Tlđđ., tr. 138.

721. THAO, Trần Duc (1973), tr. 245–340.

722. Tlđđ., tr. 263.

723. Tlđđ., tr. 296.

724. Tlđđ., tr. 302.

725. Tlđđ., tr. 307.

726. Tlđđ., tr. 308.

727. Tlđđ., tr. 309.

728. Tlđđ., tr. 314–315.

729. Tlđđ., tr. 316.

730. Tlđđ., tr. 329.
731. Tlđđ., tr. 336.
732. Tlđđ., tr. 337.
733. Tlđđ., tr. 340.
734. Tlđđ., tr. 330.
744. Nguồn: CHỦ, Cù Huy & Cù Huy Song Hà (2011e).
745. Về tác phẩm Hồi ký, chúng tôi đã có lời giới thiệu ngắn và giới thiệu toàn văn trên ba số liên tiếp của Tạp chí Xưa & Nay (cơ quan ngôn luận của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam), từ số 376 (3/2011).
746. Tuyên bố Thượng Hải năm 1972: một văn kiện ngoại giao quan trọng được ký kết giữa Tổng thống Richard Nixon (Hoa Kỳ) và Thủ tướng Chu Ân Lai (Trung Quốc) trong chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Nixon, báo hiệu sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh trong các thập niên tiếp theo. (BS)
747. THẢO, Trần Đức (1978a), (1978b), (1978c), (1979).
748. THẢO, Trần Đức (1991c), (1991d).
749. Marx, Gründrisse der Kritik der Politischen Okonomie (Lời nói đầu của cuốn Phê phán kinh tế chính trị), tr. 391 – 392, bản tiếng Pháp. Trích theo Trần Đức Thảo trong Một hành trình. Nguồn: THẢO, Trần Đức [1986] (2004), tr. 20.
750. THẢO, Trần Đức [1986] (2004), tr. 25.
751. THẢO, Trần Đức [1986] (2004).
752. Xem: Nhật ký hành trình của Hồ Chủ tịch – Bốn tháng sang Pháp, trong Toàn tập Hồ Chí Minh, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, năm 2000, tr. 350.
753. Marx, Sự khốn cùng của triết học, bản tiếng Pháp, Ed. Giarad, tr. 197. Dẫn theo: THẢO, Trần Đức, Nói rõ thêm một số luận điểm trong cuốn Vấn đề con người và chủ nghĩa “lý luận không có con người”, Tạp chí Giáo dục lý luận, tháng 5/1990, tr. 21.
754. Lenin, Toàn tập, tập 29, Nhà xuất bản Tiến bộ và Nhà xuất bản Sự thật, Mát-xcơ-va và Hà Nội, 1981, tr. 381 (đối chiếu với bản tiếng Nga, tr. 321).

755. Engels, Biện chứng của tự nhiên. Dẫn theo: THẢO, Trần Đức [1986] (2004), tr. 30.
756. THẢO, Trần Đức [1986] (2004), tr. 30 – 32.
757. Lenin, Bút ký triết học, bản tiếng Nga, tr. 203, 227. Đối chiếu với bản tiếng Việt: Lenin toàn tập, tập 29, Nhà xuất bản Tiến bộ, 1981, Hà Nội, tr. 240, 268.
758. Lenin, Bút ký triết học, bản tiếng Nga, tr. 227.
759. Marx, Gründrisse der Kritik der Politischen Okonomie, Lời nói đầu của cuốn Phê phán kinh tế chính trị, tr. 391 – 392, bản tiếng Pháp. Dẫn theo: THẢO, Trần Đức (1989c).
760. Các Mác, Hệ tư tưởng Đức. Bản tiếng Đức, tr. 16. Dẫn theo Trần Đức Thảo, Sự phát sinh của hệ thống lịch sử giống người.
761. Xem: Các Mác, Thư gửi An–nen–cốp. Nguồn: Các Mác và Phri–đrích Engels, Tuyển tập, tập 1. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 786 – 803.
762. C. Mác và Ph. Ăng–ghen, Toàn tập, t. 23. Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 1993, tr. 87.
763. THẢO, Trần Đức (1955b), (1955c).
764. THẢO, Trần Đức (kh. 1963). Sur l'origine de chimpanzés. Hà Nội: Văn bản viết tay.
765. THAO, Trần Đức (1966).
766. THAO, Trần Đức (1969a), (1969b), (1970).
767. THAO, Trần Đức (1973).
768. THẢO, Trần Đức [1986] (2004), tr. 103.
769. Leibniz, Lời tựa cuốn 'Những tiểu luận mới về lý trí con người'. Tlđđ., tr. 103.
770. Engels. Biện chứng của tự nhiên. Bản tiếng Pháp, Ed. Sociales, tr. 174. Trích theo Trần Đức Thảo.
771. Xem: Ăng–ghen, Thư gửi Pi–ốt La–vrô–vích La–vrốp. Nguồn: Các Mác và Phri–đrích Ăng–ghen, Tuyển tập, tập 4. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 598 – 599.
772. Trong những lần chúng tôi đi theo Trần Đức Thảo đến các nhà trẻ ở Hà Nội, Trần Đức Thảo đã có nhận xét như trên. Ông còn giải thích cho

chúng tôi, tại sao đứa trẻ chỉ cười rún rẩy khi nhìn thấy chiếc mặt nạ có hình ảnh cái trán và đôi mắt, chứ không cười và rún rẩy khi cái mặt nạ bị che đi cái trán và đôi mắt. Sở dĩ thế vì trong các tập đoàn động vật, từ con bò, và đặc biệt đến con khỉ, khi hoạt động, đặc biệt khi kiếm ăn, thì những con khỉ chỉ nhận ra đồng loại của mình ở cái trán và đôi mắt, điều ấy trở thành phản xạ mang tính bẩm sinh trong con người. Trần Đức Thảo nói thêm với chúng tôi: Người bảo mẫu thường dỗ đứa trẻ đang khóc bằng cách bế một đứa trẻ khác lên trước mặt nó, lập tức đứa trẻ sẽ trở nên vui vẻ hơn, bởi cái phản xạ bẩm sinh trong nó được thức dậy. Ông nói, điều đó như là sự giao thoa của các luồng ánh sáng trên cái nền của một bức tường, cái phản xạ bẩm sinh được phóng chiếu làm cho tâm lý đứa trẻ trở nên hoạt bát và phong phú.

773. THẢO, Trần Đức [1986] (2004), tr. 112.

774. Một giai đoạn trong Thời kỳ Đồ đá Cũ, cách đây khoảng 1,76 triệu năm. Đây là giai đoạn hình thành Người đứng thẳng (*Homo erecta*), và sau đó là Người khôn tối cổ (*archaic Homo sapiens*). Trong giai đoạn này, con người đã bắt đầu biết đứng thẳng và giải phóng hai chi trên để hình thành đôi tay, qua đó biết chế tác dụng cụ thành công cụ. Tên Acheuléen được hình thành từ địa danh Saint-Acheul (vùng ngoại ô của thành phố Amiens (miền Bắc nước Pháp), cách Amiens khoảng 3 km về phía Đông Nam), nơi các bằng chứng khảo cổ về giai đoạn này được phát hiện, với niên đại khoảng 1,4 triệu năm. (BS)

775. THAO, Trần Đức (1966).

776. THẢO, Trần Đức (1969a), (1969b), (1970).

777. THẢO, Trần Đức (1955b), (1955c).

778. THAO, Trần Đức (1973).

779. THAO, Trần Đức (1988c), (1988d).

780. THẢO, Trần Đức (1978a), (1978b), (1978c), (1979).

781. THẢO, Trần Đức (1988a).

782. THẢO, Trần Đức (2004a). Cần nói rõ thêm, với tác phẩm này, Trần Đức Thảo để lại 11 bản thảo. Việc chọn dịch tùy thuộc vào sự tiếp cận bản thảo nào của Nhà xuất bản.

783. Để hoàn thành bài viết này, chúng tôi đã tham khảo các tài liệu của Daniel J. Herman và Trần Tri Vũ.

784. Achille: anh hùng trong thần thoại Hy Lạp, nhân vật chính trong sử thi Iliad của Homer, là một kiện tướng chạy nhanh. Trong nghịch lý Achille và con rùa của nhà toán học Hy Lạp cổ đại Zeno (kh. 490 – 430), Achille đứng tại điểm A và con rùa đứng tại điểm B. Cùng một lúc, Achille chạy về phía B để bắt con rùa, còn con rùa chạy cùng chiều với Achille trên đường thẳng AB. Để đến được điểm B, Achille phải lần lượt vượt qua một số vô hạn các trung điểm $C_1, C_2, \dots, C_n, \dots$ của các đoạn $AB, C_1B, \dots, C_{n-1}B, \dots$; việc này không thể làm được trong một khoảng thời gian hữu hạn. Vì vậy, dù Achille có chạy nhanh đến đâu cũng không thể đạt tới điểm B, nên càng không thể đuổi kịp con rùa. Nghịch lý Achille và con rùa là cơ sở để xây dựng khái niệm tổng vô hạn, làm tiền đề để phát triển lý thuyết chuỗi và ngành giải tích. (BS)

785. THẢO, Trần Đức [1993c] (1997).

786. HERMAN, D.J. (1993).

787. THẢO, Trần Đức [1958a] (1995).

788. Có sự khác biệt trong nhịp điệu của thời gian giữa thời gian vật lý, thời gian sinh học, thời gian tâm lý, thời gian văn hóa...

789. VŨ, Trần Tri (2008).

790. Tlđđ.

791. Trần Đức Thảo, đã dẫn.

792. THẢO, Trần Đức [1993c] (1997).

793. Nisus: khuynh hướng nỗ lực hiện thực hóa cái mục tiêu đề ra. (BS)

794. Appetitus: khuynh hướng bẩm sinh của một sự vật nhằm giúp chính nó tiếp tục tồn tại và phát triển. (BS)

795. MINH, Hồ Chí (2000). Toàn tập. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia–Sự thật, Tập 9, tr. 589.

796. Bài viết này sử dụng bản dịch tiếng Việt: THẢO, Trần Đức [1993c] (1997).

797. Nguồn: THAO, Trần Đức (1993c).

798. Tonic (hay trương lực, thể chậm), trong sinh lý học, dùng để chỉ trạng thái phản ứng sinh lý chậm. Khái niệm này thường được dùng để đối chọi với trạng thái phản ứng sinh lý nhanh (phasic). Ví dụ, trong giải phẫu, các cơ tonic thì tương phản với các cơ co giật, vốn nhanh hơn và phổ biến hơn. Trong thần kinh học (neurology), các múi thần kinh cảm giác tonic tương phản với các múi thần kinh cảm giác phasic. (Nguồn: Wikipedia) (BS)
799. Phasic (hay pha, thể nhanh), trong sinh lý học, dùng để chỉ trạng thái phản ứng nhanh chóng và mạnh mẽ với kích thích. Phasic có chu kỳ kích thích ngắn và có tính thích ứng nhanh. (Nguồn: Merriam – Webster Dictionary) (BS)
800. Nguồn: LIÊM, Nguyễn Hữu (2004).
801. Hegel, G. F., *Philosophy of History*. Trans. by J. Sibree. The Colonial Press, 1899.
802. W. Whitman, *Democratic Vistas*. The Little Library of Liberal Arts.
803. HEGEL, G.W.F., *The Phenomenology of Mind*. Trans. J.B. Baillie. Humanities Press, 1964. Bản dịch Việt Ngữ của Bùi Văn Nam Sơn từ nguyên bản tiếng Đức, *Phänomenologie des Geists*, đã được xuất bản ở Việt Nam.
804. MARX, K., *A Contribution to the Critique of Hegel's Philosophy of Right*. Trans. & Edited. by J. O'Malley. Cambridge University Press, 1970.
805. CLEON-SKOUSON, W. (1961), *The Naked Communist*. Riverton, UT: Ensign Publishing.
806. THAO, Trần Đức (1986a). Bản Việt ngữ: THẢO, Trần Đức [1986a] (2004).
807. Sđd.
808. THẢO, Trần Đức [1958a] (1995).
809. THAO, Trần Đức (1986a).
810. Lý Đông A, *Huyết Hoa*, Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt, California, 1986.
811. Để có một cái nhìn về lịch sử, chẳng hạn, trên bình diện siêu nghiệm, xin đọc DeMotte, Charles (1977). *The Inner Side of History*. New York: Source Publications.

812. Nguồn: NGUYỄN, Luân (2013). Bản sử dụng ở đây đã được biên tập một số từ ngữ và thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)
813. Arthur M. Schlesinger (1888–1965): nhà sử học Hoa Kỳ, James V. Schall (1928): nhà triết học, nhà văn và linh mục Hoa Kỳ. (BS)
814. Tác giả có một chút nhầm lẫn. Trên thực tế, Trần Đức Thảo sinh tại Thái Bình.
815. “Très brillante, la démonstration de Thao a le mérite immense de faire rentrer l’évolution des idées et des mythes dans l’évolution d’une Histoire profonde, quy est celle de la propriété, ou mieux encore de l’idée de la propriété”. Nguồn: BARTHES, R. (1951a).
816. Nguồn: GIAO, Nguyễn Ngọc (2012)
817. THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr. 18
818. THẢO, Trần Đức (1991b).
819. THẢO, Trần Đức [1951] (2004), tr. 17, 20.
820. THẢO, Trần Đức [1993c] (2012).
821. Tlđđ.
822. Tlđđ.
823. Nhiều tác giả (1986), Lịch sử phép biện chứng mác-xít, từ khi xuất hiện chủ nghĩa Marx đến giai đoạn Lenin, Nxb. Tiến bộ, Maxcova.
824. Số liệu thực nghiệm.
825. Tlđđ.
826. THẢO, Trần Đức [1993c] (2012).
827. Tlđđ.
828. Tlđđ.
829. Mác, C. & Ph. Ăng-ghen (1994). Toàn tập, tập 20. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, tr. 173 – 174.
830. Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô (1956).
831. LUẬT, Phạm Trọng (2004).
832. THẢO, Trần Đức (1988a).
833. Mác, C. & Ph. Ăng-ghen (1980). Tuyển tập, Tập 1. Hà Nội: Nhà xuất bản Sự thật, tr. 257.

834. THẢO, Trần Đức (1956b).
835. Mác, C. & Ph. Ăng-ghe-n (1993). Tuyển tập, Tập 5. Hà Nội: Nxb. Sự thật, tr. 164.
836. Mác, C. & Ph. Ăng-ghe-n (1995). Toàn tập, Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, tr. 100.
837. THAO, Trần Đức (1991f).
838. CHỦ, Cù Huy và Cù Huy Song Hà (2011e).
839. Theo Nguyễn Thanh Giang, khi Phạm Trọng Luật gặp Trần Đức Thảo ở Paris, hỏi về những tác phẩm trước đó của ông, ông chỉ khoát tay và cho xem bản thảo tác phẩm mới. Đó chính là tác phẩm Sự logic của thời Hiện tại sống động. Cũng theo Nguyễn Thanh Giang, năm 1981, ông vô tình nằm điều trị cùng phòng với Giáo sư Trần Đức Thảo tại Bệnh viện Việt – Xô (Trong vụ Nhân văn – Giai phẩm, triết gia thuộc diện “được”... chỉnh huấn về tư tưởng xã hội chủ nghĩa, phải nhờ sự can thiệp của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, ông mới được điều trị tại đây): “Cả tuần lễ hầu như không có ai vào thăm ông. Ông nằm thui thủi và thường quay mặt vào tường. Thỉnh thoảng lại giơ bàn tay trái lên, nhìn chăm chăm qua kẽ tay nắm một câu tiếng Pháp: “Une goutte d’eau claire est en train de tomber doucement” (Một giọt nước trong suốt đang từ từ rơi). Rồi ông khóc rưng rức, nho nhỏ”.
840. Bài viết này là một ghi chép vội những cảm xúc hình thành ở trong tôi trong quá trình biên soạn cuốn sách này. Do vậy, mong bạn đọc hãy coi bài viết này như là lời gợi mở cho những nghiên cứu so sánh về Jan Patočka và Trần Đức Thảo trong tương lai, đồng thời cũng là một lời gợi ý và sự mong muốn các dịch giả và giới nghiên cứu quan tâm nhiều hơn đến việc dịch và nghiên cứu triết học của Jan Patočka – một trong những nhà triết học tiêu biểu nhất của nền triết học Tiếp Khắc và triết học châu Âu hiện đại.
841. HERMAN, D.J. (1993).
842. THẢO, Trần Đức (1989b).
843. KOJÈVE, A. & Trần Đức Thảo [1948] (2004).
844. THAO, Trần Đức (1948).
845. THẢO, Trần Đức (1956a).

846. THẢO, Trần Đức (1989b).
847. Tlđđ.
848. MARX, K. (1844). *Ökonomisch – philosophische Manuskripte* [Bản thảo kinh tế – triết học]. Nguồn: MARX, K. (1968). *Manuscripts de 1844. Présent.*, trad. et notes de Emile Bottigelli. Paris: Ed. sociales, p. 91. Dẫn theo: THAO, Trần Đức [1946b] (2004).
852. Nguyễn Trung Kiên lược dịch. Nguồn: SPIRE, A. [1993] (2013).
853. Hai ngày sau khi Giáo sư Trần Đức Thảo qua đời, vào ngày Thứ Hai (26/4/1993), báo l'Humanité [Nhân đạo], cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp, đã đăng tin buồn kèm theo một bài báo ngắn về Giáo sư, của nhà báo và nhà triết học mác-xít Arnaud Spire, một nhà báo kỳ cựu trong làng báo chí cánh tả tại Pháp. Bài báo này là một trong những bài đầu tiên, mở đầu một loạt tin, bài trên báo và tạp chí của Pháp và của thế giới (Le Monde, New York Times...) về Giáo sư Trần Đức Thảo sau khi ông mất, trong đó có số chuyên đề về Giáo sư Trần Đức Thảo của tạp chí Les Temps modernes, vào tháng 11/1993, đăng tải ba chương đầu của tác phẩm gồm bốn chương, được Giáo sư hoàn thành vài ngày trước khi mất tại Paris, *La Logique du Présent vivant* (Sự logic của thời Hiện tại sống động) (ND).
854. Xuân Lộc dịch. Nguồn: JOVARY, J.–P. (1993).
855. Do tình hình chiến tranh thế giới (ND).
856. Hội nghị do Đảng Cộng sản Pháp khởi xướng, bàn về những khuynh hướng mới của chủ nghĩa Marx, đặc biệt là sự ảnh hưởng của luận phân tâm. Từ đây, bắt đầu xuất hiện sự khác biệt trong khuynh hướng chính trị và tư tưởng giữa các nhà triết học mác-xít và trí thức cánh tả tại châu Âu. (BS)
857. Nguồn: THI, Nguyễn Đình (1993).
858. Nguồn: GIÀU, Trần Văn (1993).
859. Cao thượng. (BS)
860. Nguồn: TRƯỜNG, Hà Xuân (1993).
861. Nguồn: HIỀN, Nguyễn Đức (1993).
862. Nguồn: CHÚ, Nguyễn Đình (1993).

863. Nguồn: HOÀI, Tô (1992), (1999). Tên bài do người biên soạn tạm đặt. (BS)
864. Nguồn: GIAO, Nguyễn Ngọc (2011). Do khuôn khổ của cuốn sách, bản sử dụng ở đây đã lược bớt một số chi tiết trong nguyên bản. (BS)
865. Françoise Corrèze: nhà dân tộc học và sử học Pháp, người bạn lớn của Việt Nam, người bạn thân thiết của hai Giáo sư Trần Đức Thảo và Nguyễn Khắc Viện. Với tình cảm yêu quý và trân trọng văn hóa, văn học và con người Việt Nam, bà đã cộng tác với nhà văn hóa Hữu Ngọc và nhiều chuyên gia của Việt Nam để giới thiệu văn học, ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam tới độc giả Pháp ngữ. Bà cũng là tác giả của nhiều biên khảo công phu về ba nước Đông Dương. Tác phẩm: Anthologie de la littérature populaire du Viêt – nam (Hợp tuyển văn học dân gian Việt Nam), soạn chung với nhà văn hóa Hữu Ngọc. (BS)
866. Laurent Schwartz (1915–2002): nhà toán học Pháp, giải thưởng Field năm 1950, có nhiều đóng góp lớn cho ngành giải tích toán học. (BS)
867. Georges Boudarel (1926–2003): nhà sử học và quân nhân Pháp. Năm 1949, Boudarel bỏ dạy học triết học ở Đà Lạt để gia nhập Việt Minh, được ông Phạm Ngọc Thạch phân công làm việc tại Địch vận Việt Minh. Sau Hiệp định Genève (1954), ông rời Việt Nam sang Tiệp Khắc một thời gian trước khi trở về Pháp đi học và bảo vệ luận án tiến sĩ sử học về Phan Bội Châu. (BS)
868. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2011a), (2011c), (2011d), (2011e), (2011f) (2011g).
869. Ngũ Huyện Khê: một chi lưu của sông Đuống, khởi nguồn từ núi Tam Đảo. (BS)
870. CHỦ, Cù Huy & Cù Huy Song Hà (2012).
871. Tức ông Phạm Văn Đồng.
872. Xem: Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 4. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2000, tr. 387.
873. Nguyễn Duy Trinh: "Phát triển chế độ dân chủ nhân dân và bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân", trong đó có đoạn: "Chúng ta cần cải biến tư tưởng và tác phong cũ, đồng thời xem xét chu đáo tình hình chính

trị và quan hệ giai cấp trong nước và nước ngoài hiện nay, để mở rộng sinh hoạt dân chủ một cách đúng mức, có lãnh đạo, nhằm phát huy hơn nữa bản chất tốt của chế độ ta” (Tạp chí Học tập, số 10, tháng 10–1956, tr. 29).

874. THẢO, Trần Đức (1989a).

875. THẢO, Trần Đức (1956b).

876. THẢO, Trần Đức (1956c).

877. THẢO, Trần Đức (1958b).

878. Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

879. Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Giáo dục.

880. Túc ông Trường Chinh.

881. Louis Althusser (1918–1990), phụ trách Ban Tuyên huấn của Đảng Cộng sản Pháp.

882. Lucien Sève (1926), phụ trách Nhà xuất bản Xã hội của Đảng Cộng sản Pháp.

883. THAO, Trần Đức [1956a] (1965).

884. Túc quyền Mao Trạch Đông ngữ lục.

885. THẢO, Trần Đức (1964).

886. THẢO, Trần Đức (1991a), (1991b).

887. Gồm các bài: THẢO, Trần Đức (1978a), (1978b), (1978c), (1979).

888. THAO, Trần Đức (1973).

889. THẢO, Trần Đức (1987b).

890. THẢO, Trần Đức (1975b)

891. Túc Trường Chinh.

892. Túc tư duy siêu hình.

893. Túc Cù Huy Chử.

894. THAO, Trần Đức (1966).

895. THAO, Trần Đức (1969a) (1969b), (1970)

896. Roger Garaudy (1964).

897. DŨNG, Hoàng Quốc (2000). ”Đồng chí Phạm Văn Đồng – người bạn lớn của giới trí thức”. Lê Thọ Bìnhghi. Báo Pháp luật TP. Hồ Chí Minh, ngày 9/5/2000, tr. 3.

898. Năm 1934, Nguyễn Văn Huyền là người Việt Nam đầu tiên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ văn khoa tại Đại học Sorbonne (Paris) với luận án chính “Hát đối đáp nam nữ thanh niên ở An Nam” và luận án phụ “Nhập môn nghiên cứu nhà sàn ở Đông Nam Á”. (Nguồn: Wikipedia) (BS)

899. Ngày 11/7/1993, ít tháng sau khi triết gia Trần Đức Thảo qua đời, nhà thơ Huy Cận đã xúc động viết bài thơ tặng người bạn tâm giao của ông, với tựa đề Nhà triết học và lời đề tặng “Tặng hương hồn Trần Đức Thảo”:

“Anh sinh ra ở miền Kinh Bắc, Đất nước thâm trầm nuôi dưỡng anh, Cha ông sông lãng dòng sâu sắc, Suy ngẫm nhân sinh tập đại thành. Cổ kim suy tưởng ôm hành động, Chân lý rèn trong lửa cuộc đời, Thế kỷ hai mươi hồn mở rộng, Gốc xưa nhựa ấm bật cành tươi. Chao ôi dao động, lòng chao đảo, Ai héo Nhân văn, xấu kiếp người! Đã có giữa đời Trần Đức Thảo, Người ơi vững gót trụ đất trời. Triết nhân tấn mẫn như con trẻ, Từ tiếng u ơ tìm lại nguồn, Ngôn ngữ lãng trầm nghìn thế hệ, Giọng người đâu phải tiếng chim muông. Triết nhân có phải tặng nguồn sống, Cho mỗi hồn ta, cho thế nhân, Vất vả đường ai, nhưng gió lộng, Nâng chân muôn dặm bước hài văn”. Nguồn: KHUÊ, Phan Ngọc (2014). (BS)

900. Báo Nhân dân, thứ Bảy ngày 26/1/1991, số 13240.

901. Do tôi nhấn mạnh (CHC).

902. Alexandre Kojève (1902–1968) là nhà triết học lớn, đã sáng lập ra trường phái Hegel học ở Pháp. Bài giảng của ông về Hegel được coi là giáo trình chính thức của tất cả các trường Đại học Pháp trong nhiều thập kỷ. A. Kojève bao trùm lên nền triết học Pháp đầu thế kỷ XX. Trần Đức Thảo đã viết bài phê bình công trình về Hegel của Kojève; bởi vậy, mới có cuộc trao đổi thư từ trên. Khi ấy Kojève hơn Trần Đức Thảo 15 tuổi. Tham khảo: KIÊN, Nguyễn Trung (2012).

903. Các Mác. Tư bản – Phê phán khoa kinh tế chính trị. Tập thứ 3, Quyển 3, tr. 437 – 438. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987.

904. Tiểu sử tự thuật. Nguồn: THẢO, Trần Đức (1984b).

906. Nguồn: VŨ, Thái (2007). Do khuôn khổ của cuốn sách, bản sử dụng ở đây là bản tóm lược của nguyên bản. (BS)

907. Cái gì có lý, cái ấy tồn tại, cái gì tồn tại, cái ấy có lý. (BS)

908. Tôi tư duy, vậy tôi tồn tại. (BS)
909. Nguồn: CHÍNH, Nguyễn Đình (2007). Bản sử dụng ở đây có bổ sung một số chi tiết so với nguyên bản. (BS)
910. Nguồn: CHUẨN, Nguyễn Trọng (2013). Bản sử dụng trong cuốn sách này đã được biên tập một số từ ngữ và thuật ngữ để thống nhất với nội dung của toàn bộ cuốn sách. (BS)
911. Thư Trần Đức Thảo gửi Hà Xuân Trường ngày 18/1/1989: “Báo cáo về vấn đề Nhân văn”. Những tài liệu này ông Hà Xuân Trường trao lại cho GS. TS. Trương Gia Long, hiện là Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.
912. THẢO, Trần Đức (1951).
913. Thư Trần Đức Thảo gửi Hà Xuân Trường ngày 18/1/1989, tài liệu đã dẫn.
914. Thư Trần Đức Thảo gửi Hà Xuân Trường ngày 15/6/1989, tài liệu đã dẫn.
915. Tlđd.
916. Thư Trần Đức Thảo gửi Hà Xuân Trường ngày 21/8/1989.
917. Tôi cũng không tiện nêu tên.
918. Thư Trần Đức Thảo gửi Hà Xuân Trường, ngày 15/06/1989: “Báo cáo về vấn đề Nhân văn”. Tài liệu đã dẫn.
919. Ví dụ, vấn đề đánh giá học thuyết Freud; vấn đề nguồn gốc loài người...
920. THẢO, Trần Đức (1984b).
921. Nguồn: HÀ, Thu (2006)..
922. Nguồn: KIÊN, Nguyễn Trung (2007a).
923. Nguồn: KIÊN, Nguyễn Trung (2007b). Bản sử dụng trong cuốn sách này này là bản đầy đủ, và có bổ sung, sửa chữa một số chi tiết so với bản đã công bố. (BS)
924. VŨ, Thái (2007).
925. F. Engels, Biện chứng của tự nhiên (dẫn theo Trần Đức Thảo)
926. Lời Trần Đức Thảo trả lời một phóng viên Pháp, sau khi được hỏi: “Người Đông Dương sẽ làm gì khi quân viễn chinh Pháp đổ bộ?”
927. Theo Kinh Thánh.

928. Theo đài Pháp RFI, sáng 28/4/1993, nhà nước Pháp dự kiến mai táng triết gia Trần Đức Thảo tại Nghĩa trang Père Lachaise tại Paris, nơi yên nghỉ của các danh nhân Pháp; nhưng phía Việt Nam đã yêu cầu hỏa táng và đưa tro về nước. Đến tháng 6/1993, Giáo sư Trần Đức Thảo đã được an táng tại Khu A, Nghĩa trang Văn Điển (Hà Nội). Nghĩa trang Père Lachaise được thành lập từ năm 1804. Đây cũng là địa danh khép lại bộ tiểu thuyết Những người khốn khổ của đại văn hào Victor Hugo: Père Lachaise là nơi yên nghỉ của Jean Valjean – người tù khổ sai, chiến binh của Công xã Paris, nhân vật chính của tiểu thuyết. Trên mộ Jean Valjean có đề mấy dòng thơ, mà theo thời gian đã bị “cỏ che, mưa xóa”: Il dort. Quoique le sort fut pour lui bien étrange, Il vivait. Il mourut quand il n’eut plus son ange. La chose simplement d’elle – même arriva, Comme la nuit se fait lorsque le jour s’en va (Người nơi đây yên nghỉ, Thân thể lăm đặng cay, Vãn cam sống bấy chầy..., Thiên thần một sớm bay, Người chết, đơn giản lăm, Như đêm nối tiếp ngày...) [Rút từ sổ tay của nhà văn Thái Vũ]. (BS)

929. Nguồn: LAN, Hương (2010).

930. Ngày 22 – 23/6/2012, Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm đã tổ chức Hội thảo quốc tế về Giáo sư Trần Đức Thảo, với chủ đề “L’itinéraire de Tran Duc Thao / Phénoménologie et transfert culturel” (Hành trình của Trần Đức Thảo / Hiện tượng luận và Chuyển giao văn hóa). Hội thảo này đã thu hút được nhiều chuyên gia trong ngành triết học và các ngành khoa học xã hội khác tại Pháp, Bỉ và Canada cùng tham dự. Giới thiệu nội dung buổi hội thảo này, tôi hi vọng chúng ta sẽ sớm tập hợp được bản sao của những tham luận tại hội thảo, nhằm tiến hành dịch thuật và xuất bản để giới thiệu với độc giả trong nước trong thời gian gần nhất. Đồng thời, Hội thảo này cũng mở ra cơ hội lớn trong việc thiết lập quan hệ hợp tác Pháp – Việt để xuất bản Tổng tập Trần Đức Thảo trong tương lai. (BS)

931. Giáo sư Jean-François Courtine (sinh năm 1944), là nhà hiện tượng luận và nhà lịch sử triết học. Ông từng giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm (Paris) và là Giám đốc Thư khố Husserl tại Paris từ năm 1987 tới năm 2009. Hiện ông đang giảng dạy về triết học đương đại tại Đại học Paris IV. Email: jean-francois.courtine@paris – sorbonne.fr.

932. Jocelyn Benoist sinh năm 1968, cựu sinh viên trường Trường Đại học Sư phạm phố d'Ulm (Paris), hiện đang giảng dạy triết học tại Đại học Paris 1, và là thành viên của Institut Universitaire de France. Ông hiện đang thỉnh giảng tại Khoa Triết học, Đại học Chicago (Hoa Kỳ). Email: benoist@uchicago.edu.

933. Jérôme Melançon đã bảo vệ luận án tiến sĩ triết học về Maurice Merleau-Ponty, hiện đang giảng dạy triết học tại Đại học Alberta (Canada). Email: jerome.melancon@augustana.ca.

934. Daniel Hémery là sử gia Pháp, chuyên gia hàng đầu về Đông Dương thời kỳ thuộc địa, hiện đang giảng dạy sử học tại Đại học Paris VII.

935. Philippe Papin sinh năm 1967, là sử gia người Pháp. Hiện ông đang công tác tại Viện Viễn Đông Bác Cổ (Hà Nội).

936. Giáo sư Tiến sĩ Trịnh Văn Thảo sinh năm 1938 tại Sài Gòn. Hiện ông đang giảng dạy sử học và xã hội học tại Đại học tổng hợp Aix-Marseilles.

937. Masoud Pourahmadali Tochahi hiện đang giảng dạy Triết học tại Đại học Paris III. Email: mptochahi@yahoo.fr.

938. Daniel Giovannangeli, quốc tịch Bỉ, sinh tại Sài Gòn. Hiện ông đang giảng dạy triết học tại Đại học Liege và là chuyên gia về triết học của Derrida. Email: D.Giovannangeli@ulg.ac.be.

939. Raoul Moati hiện đang giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm phố d'Ulm (Paris).

940. Alexandre Feron là nghiên cứu sinh về triết học tại Đại học Paris I, dưới sự hướng dẫn của Giáo sư Renaud Barbaras. Ông nghiên cứu mối quan hệ giữa chủ nghĩa Marx và hiện tượng luận trong triết học Pháp, đặc biệt là về những tương đồng và khác biệt trong tư tưởng triết học của Sartre, Merleau-Ponty và Trần Đức Thảo. Email: Alexandre.Feron@univ-paris1.fr.

941. Perrine Simon – Nahum (sinh năm 1960) là sử gia Pháp, bà là nghiên cứu viên tại Trung tâm nghiên cứu khoa học quốc gia Pháp, chuyên nghiên cứu về lịch sử đạo Do Thái và cộng đồng người Do Thái tại Pháp. Email: pnahum@ehess.fr.

942. Hoai Huong Nguyen – Aubert hiện đang là giáo sư trợ giảng về văn học châu Á tại Đại học Versailles – Saint Quentin. Bà nghiên cứu chuyên sâu về văn học so sánh, và mối quan hệ văn hóa giữa phương Tây và vùng Viễn Đông. Email: HoaiHuong. Nguyen–Aubert@iut–velizy.uvsq.fr.
943. Michel Espagne (sinh năm 1952) là nhà ngôn ngữ học Pháp. Ông hiện đang giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm (Paris). Ông nghiên cứu chuyên sâu về quá trình chuyển giao văn hóa giữa hai dân tộc Pháp và Đức. Email: michel.espagne @ens.fr.
944. Nguồn: GIAO, Nguyễn Ngọc (2012).
945. Theo Jocelyn Benoist, tạp chí Les Temps modernes không lưu trữ được tài liệu này. Về phía Trần Đức Thảo, trước khi về nước năm 1952, ông đã trao những bản tốc ký cho ông Nguyễn Văn Chi; rất tiếc ông bà Nguyễn Văn Chi đã từ trần, không có hậu duệ.
946. GIAO, Nguyễn Ngọc (2011).
947. Nguồn: PHƯƠNG, Nguyễn Thụy (2012).
948. Nguồn: ĐẦU, Nguyễn Mạnh (2013). Ngay sau khi Hội thảo khoa học quốc tế “Tư tưởng triết học và giáo dục của Trần Đức Thảo” được tổ chức tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội vào ngày 7/5/2013, Ban tổ chức Hội thảo đã nhận được rất nhiều thư cảm ơn tới lãnh đạo Nhà trường và khoa Triết học. Để cuốn sách thêm phong phú, người biên soạn trân trọng xin phép Ban Tổ chức Hội thảo và tác giả giới thiệu bài viết này. (BS)
949. Bài phản biện bản thảo Triết gia Trần Đức Thảo: Di cảo, Khảo luận, Kỷ niệm (Nguyễn Trung Kiên sưu tầm và biên soạn). Tên bài do người biên soạn tạm đặt. (BS)
950. Giáo sư Bùi Đăng Duy yêu cầu tôi nên cân nhắc khi lựa chọn hướng nghiên cứu của luận án, theo Giáo sư nghiên cứu về phương Tây không thuận lợi vì một bộ phận các nhà khoa học vẫn cho rằng nghiên cứu về phương Tây là xa xỉ phẩm, không gắn với thực tế.
951. ĐÌNH, Trần Thái (2005), tr. 8.
952. Tố Hữu, Tiễn đưa (Bài thơ viết tặng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh tháng 9/1964 trước lúc Đại tướng vào chiến trường miền Nam).
953. Cái gì có lý, cái ấy tồn tại, cái gì tồn tại, cái ấy có lý.

954. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2011a)

955. Xem: ĐỒNG, Lưu Phóng (1994), và: ĐỒNG, Lưu Phóng (2004). Từ những năm 1990, ở Việt Nam đã có chuyển mình tích cực trong nghiên cứu về hiện tượng luận, nhiều luận văn, luận án đã lấy hiện tượng luận làm đề tài như: Nguyễn Trọng Nghĩa (2008), Hiện tượng học của Edmund Husserl và sự hiện diện của nó ở Việt Nam.

956. Trong bản tự thuật 1987, Trần Đức Thảo viết: “Sartre mời tôi trao đổi ý kiến vì ông muốn chứng minh rằng chủ nghĩa hiện sinh rất có thể cùng tồn tại hòa bình với học thuyết Marx. Sartre không hiểu giá trị chủ nghĩa Marx về chính trị và lịch sử xã hội, ngay cả ý nghĩa triết học Marx, ông cũng không hiểu một cách nghiêm túc. Ông đề xuất một sự phân chia khu vực ảnh hưởng. Chủ nghĩa Marx có thẩm quyền chừng mực nào đó về các vấn đề xã hội, còn chỉ có chủ nghĩa hiện sinh mới khả dĩ có giá trị về mặt triết học. Tôi chỉ ra rằng cần hiểu nghiêm túc đầy đủ ý nghĩa triết học của chủ nghĩa Marx. Trong bài nói chuyện thứ 5 về những vấn đề cơ bản của triết học, mối quan hệ giữa ý thức và vật chất đã khai thông sự suy xét một vấn đề chủ yếu. Sartre không biết rõ những điều mới lạ của Husserl. Do đó mà cuộc nói chuyện phải chấm dứt”.

957. Là khái niệm nổi bật của chủ nghĩa hiện sinh và là mục đích hướng tới của chủ nghĩa hiện sinh hướng tới trong quan niệm về con người. Xem: DŨNG, Nguyễn Tiến (1999).

958. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2011a).

959. Tác giả thêm vào.

960. Nguồn: GIÀU, Trần Văn (1993).

961. Lênin đã để lại một nhận xét có tính phương pháp luận:” Chủ nghĩa duy tâm thông minh gần với chủ nghĩa duy vật thông minh hơn chủ nghĩa duy vật ngu xuẩn”. V. I. Lê-nin (1981), Toàn tập. Nxb. Tiến bộ, M., t. 29, tr. 293.

962. “Đừng bao giờ nói là điều không thể vì không ai biết giới hạn tận cùng của khả năng” (William James).

963. Nguồn: CHÚ, Nguyễn Đình (1993).

964. TS. Cù Huy Chử viết: “Trần Đức Thảo không bao giờ tự vừa lòng với những gì ông đã sáng tạo, đã công hiến. Có lẽ vì vậy trong cuộc sống, ít nhiều ông cảm thấy cô đơn”. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2011a).

965. Nguồn: DŨNG, Nguyễn Tiến (2003).

966. Nguồn: CHỦ, Cù Huy (2011a).

967. Nguồn: VŨ, Anh (2013).

Nguồn: KIÊN, Nguyễn Trung (2016). Các tài liệu tham khảo chính:

ALEXANDER, J.C. & P. Smith (eds.) (2005); AMERIKS, K. (ed.) (2000); AUDI, R. (1999); BALDWIN, T. (ed.) (2003); BARING, E. (2011); BEANEY, M. (ed.) (2013); BEISER, F.C. (ed.) (1993); BEISER, F.C. (ed.) (2008); BENSUSSAN, G. & G. Labica (1985); BIDET, J. & S. Kouvelakis (eds.) (2008); BIRD, G. (ed.) (2006); BOUNDAS, C.V. (ed.) (2007); BRADATAN, C. & S.A. Oushakine (eds.) (2010); BORCHERT, D.M. (eds.) (2006); BROWN, S. & D. Collinson (eds.) (1995); BROWN, S., et al (eds.) (1998); BUNNIN, N. & E. P. Tsui–James (eds.) (2003); BUNNIN, N. & J. Yu (2004); CARD, C. (ed.) (2003); CARVER, T. (ed.) (1991); CHAMBERLAIN, L. (2007); CHRISTIAN, J. L. (2012) CHỦ, Cù Huy (2007); COLETE, J. (2011); COLLISON, D. & K. Plant (2006); COCHRAN, M. (ed.) (2010); CRAIG, E. (ed.) (2005); DIREK, Z. & L. Lawlor (eds.) (2014); DOSSE, F. [1992] (1997); DOSTAL, R.J. (ed.) (2002); DREYFUS, H.L. & M.A. Wrathall (eds.) (2005), (2006); EMBREE, L., et al (eds.) (1997); EMBREE, L. (2006); FROLOV, I. (ed.) [1967] (1984); GRIFFITHS, A.P. (1987); GUIGNON, C.B. (ed.) (1993); GUTTING, G. (ed.) (2005); GUYER, P. (ed.) (2006); HANNAY, A. & G.D. Marino (eds.) (1998); HONDERICH, T. (ed.) (2005); HOULGATE, S. & M. Baur (eds.) (2011); HUSSERL, E.[1929] (2011); JAMES, I. (2012); JARCZYK, G. & P.-J. Labarrière (1996); KHOA, Lê Xuân (2011); KLEINBERG, E. (2005); LAWLOW, L. (2012); LOEWER, B. & J. Schaer (eds.) (2015); LU T, Ph m Tr ng (2006); LUFT, S. & S. Overgaard (eds.) (2012); MAGNUS, B & K. Higgins (eds.) (1996); MALPAS, S. & P. Wake (eds.) (2006); MARTINICH, A.P. & D. Sosa (eds.) (2001); MILKOV, N. (2003); MORAN, D. (2008); MULLARKEY, J. & B. Lord

(eds.) (2009); NADLER, S. (ed.) (2002); NAM, T.Q. (2013); NEU, J. (ed.) (1991); PEARSON, K.A. (ed.) (2006); PEDEN, K. (2014); POIDEVIN, R.L., et al (eds.) (2009); PHƯƠNG, Huỳnh (2008); PROTEVI, J. (2003); PROUDFOOT, M. & A.R. Lacey (2010); RABATÉ, J.-M. (ed.) (2003); RICKETTS, T. & M. Potter (eds.) (2010); ROCKMORE, T. (1995); RUNES, D. D. (ed.) (1942); RUSH, F.R. (ed.) (2004); QUÂN, Nguyễn Phùng (2004), (2010); RUTHERFORD, D. (ed.) (2006); SCHRIFT, A.D. (2006); SCOTT, C.E., et al (eds.) (2001); SHOOK, J.R. & J. Margolis (eds.) (2006); SLUGA, H.D. & D.G. Stern (eds.) (1996); SMITH, D.W. & H. Somers-Hall (eds.) (2012); SMITH, D.W. (2007); SMITH, S.B. (ed.) (2009); SOAMES, S. (2003), (2014); STEWART, J. (2010); STROLL, A. (2000); TYMIENIECKA, A.-T. (ed.) (2009); VANDENABEELE, B. (ed.) (2012); WALL, S. (ed.) (2015); WICKS, R. (2003); WIKIPEDIA (2006–2016); WOHL, R. (1979); WRATHALL, M.A. (2006); WHITE, S.K. (ed.) (1995); WICKS, R. (2003); YOUNG-EISENDRATH, P. & T. Dawson (eds.) (2008); ZALTA, E.N. (ed.) (2002).

Friedrich Nietzsche (1844 – 1900): nhà triết học Đức gốc Ba Lan, đồng thời là nhà phê bình văn hóa, nhà thơ, nhà soạn nhạc, học giả về La-tinh và Hy Lạp. Sinh ra trong gia đình Tin Lành ngoan đạo, sớm mồ côi cha, ông đã phải nếm trải một cuộc đời đầy nhọc nhằn: nghèo túng, cô đơn, bệnh tật, đau khổ, bị phủ định và bị chối từ... Ông chịu ảnh hưởng bởi chủ nghĩa bi quan trong triết học của Schopenhauer, kết thân với nhà soạn nhạc vĩ đại Richard Wagner và chịu nhiều ảnh hưởng bởi Wagner. Với tuyên bố “Thượng đế đã chết” nhằm phủ định những nền tảng cơ bản của đạo đức Ki-tô giáo, cho rằng đó là nền đạo đức của kẻ hèn yếu, thù ghét và sợ hãi sức mạnh, sự kiêu hãnh và sự tự khẳng định, Nietzsche đã giúp hồi sinh chủ nghĩa thế tục thời kỳ Khai Sáng trong diễn trình triết học của thế kỷ XX. Ông để lại nhiều tác phẩm gây nhiều tranh cãi về các đề tài tôn giáo, luân lý, triết học, khoa học..., đồng thời tạo ra các khái niệm mới mẻ như ý chí quyền lực, đạo đức chủ nô-nô lệ, siêu nhân... Các tư tưởng triết học chính của ông được tập hợp trong tác phẩm ông xuất bản năm 1883, *Also sprach Zarathustra* [Zarathustra đã nói như thế]. Với quan điểm chống chủ

nghĩa bài Do Thái và chủ nghĩa dân tộc Đức, ông là một trong những triết gia có ảnh hưởng lớn nhất tới nhiều trường phái, khuynh hướng lớn của triết học hiện đại, đặc biệt là trong truyền thống triết học lục địa như chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa hậu hiện đại, luận phân tâm... Nhà triết học Richard Rorty từng tuyên bố: toàn bộ triết học thế kỷ XX là triết học của “kỷ nguyên hậu-Nietzsche”.

Các thông tin về tiểu sử trong phần này chủ yếu được tham khảo từ các nguồn: AUDI, R. (ed.) (1999); BALDWIN, T. (ed.) (2003), BROWN, S., et al (eds.) (1998), HONDERICH, T. (ed.) (2005), và SCHRIFT, A.D. (2006). Tác phẩm này cùng những tác phẩm quan trọng khác (nguyên bản và bản dịch) đều có thể được tìm thấy trên các Cơ sở dữ liệu sách điện tử miễn phí trên mạng Internet, trong đó phong phú nhất có lẽ là trang Book4You (www.book4you.org). Trang Web này cũng lưu trữ bản dịch tiếng Anh hai tác phẩm của Giáo sư Trần Đức Thảo, *Phénoménologie et Matérialisme Dialectique*, do Daniel J. Herman và D. V. Morano dịch, với tựa đề *Phenomenology and Dialectical Materialism*; và tác phẩm *Recherches sur l'origine du langage et de la conscience*, do Daniel J. Herman và R. L. Armstrong dịch, với tựa đề *Investigations into the Origin of Language and Consciousness*. Ngoài ra, các tác phẩm được giới thiệu trong bản Biên niên sự kiện này và phần Tài liệu khuyến nghị đọc thêm ở cuối sách cũng được cập nhật thường xuyên trên tài khoản Google Driver của cuốn sách này. (Địa chỉ: drive.google.com, Username: tdthaoreading; Password: 19171993).

Friedrich W. J. Schelling (1775–1854): nhà triết học Đức, bạn học thời đại học, và sau này là người đối đầu về tư tưởng với Hegel. Cuối đời, ông sáng tác nhiều tác phẩm về huyền thoại học và tôn giáo học. Tác phẩm *Naturphilosophie* [Triết học tự nhiên] của ông đánh dấu bước phát triển quan trọng của chủ nghĩa duy tâm Đức.

Bertrand Russell (1872–1970): nhà triết học, logic học, toán học, sử học, nhà phê bình xã hội và nhà hoạt động chính trị người Anh. Xuất thân trong gia đình quý tộc lâu đời, ông là một trong những người ủng hộ nền hòa bình, tự do dân chủ, giải trừ vũ khí hạt nhân và chống chủ nghĩa đế quốc

nổi bật nhất của thế kỷ XX. Chịu ảnh hưởng lớn bởi Gottfried Leibniz, ông được coi là một trong ba trụ cột của truyền thống triết học phân tích, cùng với Gottlob Frege và Ludwig Wittgenstein. Ông cùng với G. E. Moore tham gia tích cực vào “cuộc nổi dậy chống lại chủ nghĩa duy tâm”, để lại ảnh hưởng lớn tới chủ nghĩa thực chứng logic của Nhóm Vienna sau này. Ông xem logic hình thức và khoa học là các công cụ cơ bản của triết học. Các tác phẩm của ông ảnh hưởng sâu rộng tới các ngành triết học về toán học, triết học ngôn ngữ, nhận thức luận, siêu hình học, đạo đức học, logic học, toán học, logic toán, lý thuyết tập hợp, ngôn ngữ học, khoa học máy tính, khoa học nhận thức, trí tuệ nhân tạo... Ông cũng nổi tiếng với những phê phán đối với chủ nghĩa phát-xít và chủ nghĩa toàn trị của Stalin. Ông cùng với Jean–Paul Sartre ngồi ghế chánh án trong phiên tòa xét xử tội ác trong chiến tranh Việt Nam. Ông được trao giải thưởng Nobel văn chương năm 1950 vì các tư tưởng nhân văn và sự đấu tranh cho tự do tư tưởng của con người.

Édouard Le Roy (1870 – 1954): nhà triết học Pháp. Ông nghiên cứu triết học sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ toán học. Là bạn của Teilhard de Chardin và Henri Bergson, ông đã được Bergson chỉ định kế nhiệm chức Chủ nhiệm Khoa Triết học Hy Lạp và La-tinh tại Collège de France. Kế thừa tư tưởng của Bergson, Le Roy đã nghiên cứu sâu về mối quan hệ giữa khoa học và luân lý – những ý tưởng được định hình trong quá trình thảo luận với các nhà khoa học lớn cùng thời với ông như Henri Poincaré và Pierre Duhem. Ông cũng có nhiều đóng góp cho ngành triết học về tôn giáo.

Giuseppe Peano (1858 – 1932): nhà toán học và logic học người Ý, tác giả của hơn 200 cuốn sách và công trình nghiên cứu về toán học và logic học. Ông là người đưa ra hệ tiên đề cho dãy số tự nhiên, ngày nay mang tên hệ tiên đề Peano. Ông cũng là người đi tiên phong trong việc truyền bá logic ký hiệu.

Wilhelm Dilthey (1833–1911): nhà sử học, tâm lý học, xã hội học và triết học người Đức, từng làm Chủ nhiệm Khoa Triết học tại Đại học Berlin. Ông sớm nhận ra những hạn chế của việc ứng dụng thực chứng luận trong khoa học xã hội và nhân văn. Ông ủng hộ chủ nghĩa kinh nghiệm và phê

phán chủ nghĩa duy tâm. Ông nỗ lực xây dựng phương pháp luận thống nhất cho các khoa học tinh thần, xác lập nên trường phái lịch sử tinh thần, hay triết học văn hóa, vì ông tin rằng phương pháp khoa học tự nhiên không thích hợp với các khoa học xã hội-nhân văn. Theo ông, vì ngôn ngữ là sự diễn tả trọn vẹn nhất về đời sống nội tâm của con người, nên ngôn ngữ nói chung và thông diễn học nói riêng là một công cụ quan trọng nhất của các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Ông có ảnh hưởng lớn đến các nhà triết học hiện sinh thế hệ sau, đặc biệt là Heidegger.

Edmund Husserl (1859–1938): nhà triết học và toán học Đức, gốc Do Thái. Thời trẻ, ông theo học toán học với Karl Weierstrass và triết học với Franz Brentano & Carl Stumpf, bảo vệ luận án tiến sĩ toán tại Đại học Halle, rồi giảng dạy triết học tại các Đại học Göttingen và Freiburg. Thời gian đầu, ông nỗ lực kết hợp toán học với tâm lý học và triết học để tạo ra nền tảng mới, chắc chắn hơn cho toán học. Sau nhiều năm nghiên cứu để tiếp thu tiến bộ và phê phán hạn chế của các ngành toán học, logic học, lý thuyết về tri thức, bản thể luận, tâm lý học mô tả..., tiếp thu triết học Kant và khái niệm ý hướng tính (intentionality) của Franz Brentano, Husserl đã hình thành và phát triển hiện tượng luận (phenomenology), trên cơ sở phê phán chủ nghĩa tâm lý & chủ nghĩa duy sử, cũng như sự đoạn tuyệt với định hướng thực chứng trong khoa học và triết học của thời đại mình, qua đó đưa triết học trở thành một khoa học chính xác, với lời kêu gọi: “Quay trở về với chính sự vật”. Các tác phẩm của Husserl nỗ lực xác định nên cấu trúc lý tưởng và thiết yếu của ý thức, nhằm nhận thức một cách đầy đủ và chính xác nhất về bản chất của tất cả các sự vật, hiện tượng. Ông nỗ lực kết hợp triết học duy chủ thể và triết học duy nghiệm để hoàn thiện hiện tượng luận nhằm khẳng định hai luận đề quan trọng: 1) ý thức bao giờ cũng là ý thức về một cái gì đó; và 2) đối tượng bao giờ cũng là đối tượng cho một ý thức nào đó. Phương pháp của ông là “cho vào ngoặc đơn” các dữ kiện của ý thức bằng cách để lơ lửng mọi tri giác, đặc biệt những tri giác rút tĩa từ “điểm quan sát mang tính tự nhiên chủ nghĩa”. Từ đó, ông kết luận rằng ý thức không có đời sống tách biệt với các đối tượng được nó xem xét. Trong các tác phẩm về sau, ông chuyển hướng sang chủ nghĩa duy tâm và không

chấp nhận quan điểm cho rằng các đối tượng hiện hữu bên ngoài ý thức. Phương pháp quy giản hiện tượng luận do ông đề xuất đã trở thành nền tảng để thiết lập các tư tưởng mới trong triết học và logic học hiện đại. Các tư tưởng của ông về tính ý hướng đã góp phần khắc phục những hạn chế của chủ nghĩa nhị nguyên của Descartes về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Ông xây dựng và hoàn thiện một loạt khái niệm quan trọng của hiện tượng luận như trực giác bản chất, ý thức về thời gian hướng nội, hiện tại sống động, thế giới-đời sống..., qua đó mở ra nhiều hướng nghiên cứu mới cho triết học và khoa học để thâm nhập sâu hơn vào thế giới tinh thần của con người hiện đại, nắm bắt và mô tả cơ cấu của ý thức cá nhân ở tất cả những hình thức hoạt động thực tiễn đa dạng, và khách quan hóa nó trong đời sống xã hội. Để lại cho hậu thế khoảng 40.000 trang bản thảo, ông trở thành một trong số các nhà triết học vĩ đại có ảnh hưởng nhất trong thế kỷ XX, ảnh hưởng sâu đậm đến không chỉ các trường phái, khuynh hướng, trào lưu trong triết học đương đại, mà còn tới tâm lý học phân tích, khoa học nhận thức, trí tuệ nhân tạo... Một số triết gia thế hệ sau chịu ảnh hưởng của ông gồm Heidegger, Fink, E. Lévinas, J.-P. Sartre, Merleau-Ponty, G. Marcel, Trần Đức Thảo...

Alexander Pfänder (1870–1941): nhà hiện tượng luận Đức, một trong những sáng lập viên của Nhóm hiện tượng luận Munich. Chịu ảnh hưởng của Schopenhauer và Nietzsche, ông sử dụng những tiến bộ trong nghiên cứu tâm lý học để phát triển hiện tượng luận theo hướng mới, khác biệt với hiện tượng luận tiên nghiệm của Husserl. Các bài giảng của ông trong nhiều thập niên tại Đại học Munich và các đại học lớn của châu Âu đã góp phần hoàn thiện nền móng cho hiện tượng luận, logic, nhận thức luận cũng như bộ môn tâm lý học hiện tượng luận (phenomenological psychology), và để lại ảnh hưởng đến các triết gia thế hệ sau như H. Spiegelberg, Karl Schuhmann, Paul Ricoeur...

Eduard von Hartmann (1842–1906): nhà triết học Đức. Ông để lại nhiều nghiên cứu giá trị về siêu hình học, đạo đức học và mỹ học. Gọi triết học của mình là chủ nghĩa duy thực tiên nghiệm (transcendental realism), trên tinh thần kế thừa triết học thực chứng của Schelling, đồng thời phê phán

những hạn chế trong siêu hình học của Hegel và Schopenhauer, ông đưa ra nhiều kiến giải mới mẻ về sự tiến hóa của ý thức và vai trò của cái vô thức trong quá trình tiến hóa của loài người, qua đó ảnh hưởng tới tư tưởng của Freud và trường phái tâm lý học Zurich. Cho rằng cái ác là cần thiết cho sự tồn tại, và hạnh phúc của con người là một ảo tưởng không thể đạt được, triết học của ông chịu ảnh hưởng bởi chủ nghĩa bi quan.

Max Scheler (1874–1928): nhà triết học đạo đức và triết học xã hội người Đức, gốc Do Thái. Ông giảng dạy triết học tại nhiều trường đại học lớn của Đức và thỉnh giảng tại nhiều nước trên thế giới. Tư tưởng triết học của ông được định hình trên cơ sở tổng hợp những nội dung tiến bộ của đạo đức học, siêu hình học, nhận thức luận, tôn giáo học, xã hội học về tri thức..., qua đó tạo ra dấu ấn lớn trong triết học Đức hiện đại nói riêng và châu Âu nói chung, mặc dù các tác phẩm của ông bị cấm suốt thời kỳ phát-xít Đức lên cầm quyền. Scheler đã tạo dựng những nền tảng quan trọng để Husserl tiếp thu nhằm phát triển hiện tượng luận lên tầm cao mới. Đưa ra những phê phán gay gắt đối với hiện tượng luận của Husserl, nghi ngờ tuyên bố của Husserl cho rằng hiện tượng luận sẽ giúp triết học trở thành một khoa học chính xác, Scheler khẳng định hiện tượng luận của Husserl cần được củng cố bởi các định luật nghiêm ngặt của logic học trước khi trở thành nền tảng cho các khoa học định lượng và khoa học nhân văn. Các quan điểm triết học về đời sống của Scheler (về ý nghĩa của sự hiện hữu làm người, về giá trị và về tình cảm yêu/ghét...), trên tinh thần kế thừa tư tưởng triết học của Plato và đạo đức Thiên Chúa giáo (yêu thương đồng nghĩa với cho đi), đã ảnh hưởng lớn tới các nhà triết học hiện sinh thế hệ sau. Ông cũng để lại nhiều công trình giá trị về các hiện tượng tâm lý của con người (oán giận, xấu hổ, khiêm tốn, lòng sùng kính...), về luân lý trong chính trị, và về bản chất của chủ nghĩa tư bản... Một số công trình cuối đời của ông về nhân chủng triết học (philosophical anthropology) - một bộ môn mà ông chủ xướng, kế thừa những thành tựu lớn của các ngành khoa học như sinh học, tâm lý học, xã hội học... nhằm mô tả tiến trình vĩ đại, tự diễn ra từ từ để hình thành nên sự thống nhất của con người và định mệnh con người trong vũ trụ, đã góp phần khẳng định các giá trị tiến bộ phổ quát của nhân loại,

đồng thời phê phán quan điểm cực đoan của Nietzsche về diễn trình tư tưởng của loài người. Husserl từng tuyên bố rằng tất cả các triết gia của thế kỷ XX đều “mắc nợ” với tư tưởng triết học của Scheler.

Karl Vorländer (1860–1928): nhà triết học Đức thuộc trường phái Kant mới Marburg, và là một chuyên gia hàng đầu về triết học Kant. Ông ủng hộ phong trào xã hội chủ nghĩa theo hướng dân chủ xã hội.

Émile Boutroux (1845–1921): nhà triết học Pháp xuất sắc, có nhiều đóng góp trong triết học về khoa học và triết học về tôn giáo. Chịu ảnh hưởng của triết học cổ điển Đức, ông đã phát triển tư tưởng của Kant trong những công trình triết học về khoa học của mình. Ông phản đối chủ nghĩa duy vật trong khoa học, đồng thời kêu gọi sự “hòa giải” giữa khoa học và tôn giáo.

Henri Bergson (1859–1941): nhà triết học, nhà văn Pháp, gốc Do Thái, Giải thưởng Nobel Văn chương năm 1927. Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ triết học tại Đại học Sư phạm phố d’Ulm ở tuổi 22, ông giảng dạy triết học một thời gian trước khi bắt đầu khởi thảo một loạt ý tưởng triết học quan trọng. Ông là người khởi xướng “triết học tiến trình”, vốn phản bác những giá trị tĩnh tại và ủng hộ những giá trị của sự vận động, thay đổi và tiến hóa. Ông cũng phát triển thuyết “trực giác”, một luận thuyết ảnh hưởng lớn đến triết học và văn chương. Ông cho rằng sự tiến hóa không đơn giản là quá trình thích ứng cơ học thụ động của các cá thể đối với môi trường sống, mà là một quá trình sáng tạo có định hướng. Việc nắm bắt và hiểu cuộc sống không chỉ dựa vào tư duy logic và phương pháp phân tích lí tính. Theo ông, chỉ có bằng lí hội trực giác mới nắm được hiện thực, phải phân biệt “thời gian toán học” đo bằng đồng hồ và “thời gian trực cảm” (duree) của đời sống nội tâm luôn luôn vận động trong một chỉnh thể thống nhất. Về quan niệm sự sống, ông chủ trương thuyết sức sống, “sự tiến hóa sáng tạo” mà cơ sở là “đà sống” (élan vital). Nhờ William James, các tác phẩm triết học xuất sắc của Bergson bắt đầu được biết đến và đánh giá cao tại Anh và Hoa Kỳ. Bergson đã đưa vào triết học cảm hứng và sự quan tâm đến giá trị và tính duy nhất không thể thay thế của cá nhân con người.

Émile Durkheim (1858 – 1917): nhà xã hội học Pháp, đặt nền móng xây dựng chủ nghĩa chức năng (functionlism) và chủ nghĩa cấu trúc

(structuralism), đóng góp lớn cho sự phát triển của xã hội học và nhân chủng học. Những nỗ lực của ông đã giúp xã hội học trở thành một môn khoa học xã hội được chấp nhận trong giới hàn lâm. Ông đã thuyết trình và xuất bản nhiều công trình về các chủ đề như giáo dục, tội phạm, tôn giáo, tự tử và nhiều mặt khác của xã hội.

Lucien Lévy-Bruhl (1857 – 1939): nhà triết học, xã hội học và nhân chủng học người Pháp. Ông để lại nhiều nghiên cứu đặc biệt giá trị về nhân chủng học và dân tộc học thời kỳ nguyên thủy, trong đó có nhiều tác phẩm được đánh giá cao hơn cả Claude Lévi-Strauss. Ông từng cộng tác với nhà xã hội học Émile Durkheim. Ông để lại nhiều ảnh hưởng đến Carl Jung.

Jules de Gaultier (1858 – 1942): nhà triết học Pháp, chịu ảnh hưởng của Schopenhauer và Nietzsche.

Léon Brunschvicg (1869–1944): nhà triết học duy tâm người Pháp. Ông giảng dạy triết học tại Đại học Sorbonne trong giai đoạn 1909–1940. Cùng với Henri Bergson, ông có ảnh hưởng đặc biệt tới triết học Pháp trong khoảng ba thập niên đầu tiên của thế kỷ XX. Những công trình nghiên cứu của ông về triết học của Pascal, Spinoza và Descartes đã đưa chủ nghĩa duy tâm tại Pháp phát triển lên tầm cao mới. Ông cũng có nhiều khảo cứu giá trị trong triết học về khoa học và triết học về tôn giáo.

Sigmund Freud (1856 – 1939): bác sĩ thần kinh và nhà tâm lý học người Áo. Sau khi nghiên cứu về chứng liệt não, chứng mất ngôn ngữ và giải phẫu thần kinh vi mô tại Bệnh viện Đa khoa Vienna, ông bảo vệ luận án tiến sĩ, bắt đầu giảng dạy đại học và xây dựng những nền móng đầu tiên của luận phân tâm. Để hoàn thiện kỹ thuật phân tích tâm lý, một phương pháp lâm sàng để điều trị các bệnh rối loạn tâm thần bằng cách tiến hành các cuộc đối thoại giữa bệnh nhân và nhà phân tâm, Freud đã phát triển nhiều kỹ thuật trị liệu mới mẻ, đặc biệt là kỹ thuật tự do liên tưởng. Việc tái xác lập vai trò của tính dục trong thời kỳ thơ ấu đã giúp ông hoàn thiện khái niệm phức cảm Oedipe - một khái niệm nền tảng của luận phân tâm. Phân tích của ông về giấc mơ như là sự giải tỏa uẩn ức được hình thành bởi các mong muốn chưa được thỏa mãn đã giúp ông xác lập nên các mô thức để phân tích lâm sàng về sự hình thành và cơ chế của hiện tượng dồn nén

tâm lý, qua đó giúp ông hoàn thiện lý thuyết về cái vô thức. Ông phát hiện ra sự tồn tại của libido - xung năng tính dục được cấu thành bởi các yếu tố sinh học, tâm lý và xã hội, giúp hình thành tình cảm luyến ái, sự thèm khát nhục dục cũng như các triệu chứng loạn thần kinh chức năng. Ông chia sự phát triển của libido ở người thành năm giai đoạn: 1,5-3 tuổi (khoái cảm khi bú mẹ); 3-5 tuổi (khoái cảm khi trẻ đi đại tiện); 5-7 tuổi (khoái cảm trẻ thơ khi con trai thì yêu mẹ và con gái thì yêu bố); 7-12 tuổi (cảm giác thích những bạn khác giới); sau 12 tuổi (khoái cảm nhục dục). Trong các tác phẩm cuối đời, ông đưa ra nhiều phê phán sắc sảo về tôn giáo và văn hóa. Mặc dù tạo ra nhiều tranh cãi quyết liệt, nhưng luận phân tâm của Freud đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của triết học và khoa học xã hội-nhân văn trong các thập niên sau, và giúp ông trở thành một trong những nhà tư tưởng có ảnh hưởng nhất của thế kỷ XX.

FREUD, S. [1900] (2005). Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ. Nguyễn Hữu Tâm và cộng sự dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

Carl Jung (1875–1961): bác sĩ tâm thần và nhà tâm lý học trị liệu người Thụy Sĩ. Ông sáng lập trường phái Tâm lý học phân tích, trong đó có nhiều khác biệt so với luận phân tâm của Freud. Khái niệm cốt lõi của tâm lý học phân tích là cá tính hóa - một tiến trình tâm lý tích hợp các mặt đối lập, trong đó có cả hữu thức và vô thức, đồng thời vẫn duy trì sự độc lập tương đối của các mặt đối lập ấy. Ông coi cá tính hóa đóng vai trò trung tâm trong sự phát triển của con người. Tuy không phải là người đầu tiên nghiên cứu về giấc mơ nhưng ông đã có nhiều phát kiến quan trọng trong lĩnh vực này. Ông xây dựng nhiều khái niệm quan trọng như archetype (cổ mẫu); introvert–extrovert (hướng nội – hướng ngoại), mid–life crisis (khủng hoảng tuổi trung niên)... Các tác phẩm của ông đã ảnh hưởng lớn tới triết học, nhân chủng học, khảo cổ học, văn chương và nghiên cứu tôn giáo.

Harald Høffding (1843-1931): nhà triết học Đan Mạch, chịu ảnh hưởng của Kant, Kierkegaard, Auguste Comte và Herbert Spencer. Ông theo chủ nghĩa vị lợi Anh và ủng hộ chủ nghĩa nhân văn tự do. Các tác phẩm của ông đề cập đến nhiều vấn đề rộng lớn của triết học và tâm lý học. Về nhận thức luận, ông chịu ảnh hưởng của toán học và cơ học cổ điển.

Kazimierz Twardowski (1866–1938): nhà triết học và logic học Ba Lan. Ông từng là học trò của Franz Brentano tại Đại học Vienna trước khi về nước thành lập Trường phái triết học Lvov–Warsaw, với sự tham gia của các nhà triết học hàng đầu như Roman Ingarden... Ông đóng góp nhiều trong việc phát triển ngành tâm lý học tại Ba Lan.

Benedetto Croce (1866–1952): nhà triết học duy tâm người Ý. Ông xuất thân trong gia đình Công giáo giàu có và đầy thế lực. Ông chịu ảnh hưởng của Hegel và các nhà duy tâm Đức từ thời trẻ. Ông xem tôn giáo là một thể chế mà qua đó sức mạnh sáng tạo của con người được thể hiện. Ông nỗ lực “hòa giải” những xung đột giữa chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa duy lý bằng cách nhấn mạnh vai trò của trải nghiệm cá nhân. Cho rằng triết học là một khoa học về tinh thần, ông đề nhiều khảo cứu giá trị về triết học, logic học, mỹ học và lịch sử. Tư tưởng tự do của ông đã ảnh hưởng lớn đến giới trí thức Ý thế hệ sau, trong đó có Antonio Gramsci.

Aleksey Khomyakov (1804-1860): nhà thần học, triết học và nhà thơ Nga. Theo ông, phương Tây đã thất bại trong việc giải quyết các vấn đề tinh thần của con người bởi nó đề cao cạnh tranh thay vì hợp tác. Tư tưởng của ông ảnh hưởng lớn đến Giáo hội Chính thống giáo Nga và các triết gia, văn nghệ sĩ thế hệ sau như Dostoyevsky, Solovyov. Herzen...

Vasilii Vasil'evich Rozanov (1856-1919): nhà triết học, nhà phê bình tôn giáo và văn hóa người Nga. Ông từng phải nếm trải nhiều đau khổ trong hôn nhân và đời sống gia đình: ông kết hôn với Appolinaria Suslova, hơn ông 24 tuổi và từng là tình nhân của Dostoevsky, và mặc dù không cùng chung sống với Suslova kể từ năm 1887, nhưng vì bà không đồng ý ly dị với ông, nên ông phải cưới người vợ thứ hai, Varvara Butiagina, trong bí mật, và các con của ông với Butiagina không được Nhà thờ Chính thống giáo của Nga thừa nhận. Là một trong số những triết gia tiên phong chống lại chủ nghĩa nhị nguyên của Descartes, ông đề xuất các luận điểm mới mẻ về nhận thức luận trên cơ sở “hòa giải” giữa khoa học và triết học. Ông để lại nhiều tác phẩm giá trị về “siêu hình học về tính dự”, nhấn mạnh các giá trị tinh thần của đời sống tính dự. Các tác phẩm triết học của ông bị quên

lãng trong thời gian dài và mới chỉ giành lại được sự quan tâm của cộng đồng triết học kể từ cuối thập niên 1980.

Rosa Luxemburg (1871–1919): nhà triết học mác-xít, nhà kinh tế học và nhà cách mạng người Đức gốc Ba Lan, theo đạo Do Thái. Bà là đảng viên của Đảng Xã hội Dân chủ và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Đức. Thông qua những phê phán sâu sắc đối với chủ nghĩa Marx-Lenin và chủ nghĩa xã hội, bà nỗ lực đưa chủ nghĩa Marx–Lenin theo hướng dân chủ xã hội, qua đó ảnh hưởng lớn đến phong trào cánh tả trên thế giới.

PLATO & XENOPHON (2006). Socrates tự biện. Nguyễn Văn Khoa dịch, tiểu dẫn, chú thích. Hà Nội: Nxb. Tri thức; PLATO (2011). Đối thoại Socratic 1. Nguyễn Văn Khoa dịch, chú giải và dẫn nhập. Hà Nội: Nxb. Tri thức; PLATO (2013). Ngày cuối trong đời Socrates. Đỗ Khánh Hoan dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới & Công ty Sách Alpha.

Paul Deussen (1845–1919): nhà triết học và học giả về phương Đông người Đức. Là học trò của Schopenhauer và bạn của F. Nietzsche, ông đồng thời cũng là chuyên gia hàng đầu về đạo Hindu và ngôn ngữ Sanskrit. Ông có công lớn trong việc truyền bá triết học của Schopenhauer cho các thế hệ sau.

Paul Natorp (1854–1924): nhà triết học và giáo dục học người Đức, thành viên chính của Trường phái Kant mới Marburg, và là một chuyên gia hàng đầu về triết học Plato. Ông có ảnh hưởng lớn đến các nhà hiện tượng luận sau này như Husserl, Cassirer...

FREUD, S. [1901] (2002). Bệnh lý học tinh thần trong đời sống hàng ngày. Trần Khang dịch. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.

J. M. E. McTaggart (1866 – 1925): nhà siêu hình học duy tâm người Anh, dành gần trọn cuộc đời dạy học tại Trinity College (Cambridge). Ông là một học giả hàng đầu về Hegel và là một trong những nhà triết học duy tâm Anh xuất sắc nhất.

Xavier Léon (1868–1953): nhà triết học người Pháp. Ông để lại nhiều tác phẩm giá trị về lịch sử triết học, đặc biệt là triết học của Fichte.

André Lalande (1867–1963): nhà triết học người Pháp. Ông có nhiều năm giảng dạy tại Đại học Sorbonne và Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm.

Ông có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của chủ nghĩa duy lý tại Pháp.

Josiah Royce (1855–1916): nhà triết học duy tâm người Mỹ. Ông có nhiều đóng góp quan trọng cho ngành triết học về toán học và triết học về logic trong thời gian giảng dạy tại Đại học Harvard.

Élie Halévy (1870 – 1937): nhà triết học và nhà sử học về chủ nghĩa tự do người Pháp gốc Do Thái, xuất thân trong gia đình có truyền thống học thuật. Sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm phố d’Ulm, ông nghiên cứu sâu về siêu hình học và triết học của Plato. Là người ủng hộ nhiệt thành cho chủ nghĩa tự do, ông là một trong những triết gia Pháp đầu tiên cảnh báo về chủ nghĩa phát-xít và chủ nghĩa cộng sản.

Georges Palante (1862 –1925): nhà triết học và xã hội học Pháp, ủng hộ chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tinh hoa. Ông từng theo học tại Đại học Sorbonne nhưng bỏ dở việc bảo vệ luận án tiến sĩ. Các tác phẩm của ông đề cập nhiều đến những mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội trên cơ sở kế thừa tư tưởng của Nietzsche và Freud.

Dmitry Merzhekovsky (1866–1941): nhà tiểu thuyết, nhà thơ, nhà phê bình văn học và nhà tư tưởng tôn giáo người Nga. Ông thành công trong việc thể hiện tư tưởng tôn giáo và triết học (đặc biệt là chủ nghĩa duy tâm) trong các sáng tác văn chương của mình. Cuối đời, ông lên tiếng phản đối chủ nghĩa toàn trị của Stalin. Ông bị gạt sang bên lề trong đời sống văn học Xô–viết và được phục hồi sau khi Liên Xô sụp đổ.

Nicolas Berdyaev (1874 – 1948): nhà triết học Thiên Chúa giáo người Pháp gốc Nga. Ông là một trong những đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa hiện sinh Thiên Chúa giáo. Theo ông, từ khởi thủy, Thượng đế đã sáng tạo ra con người cùng với trạng thái tự do tuyệt đối của nó. Tự do có thể dẫn tới cả cái tốt lẫn cái xấu. Cái xấu xuất hiện khi tự do quay lại chống lại chính nó, và cầm tù con người trong những thứ “xuân ngục” của nghệ thuật, khoa học và tôn giáo – những thứ vốn cấu thành nên các loại thể chế khác nhau như xã hội, nhà nước, quốc gia, giáo hội... Ông chống lại chủ nghĩa duy lý, vì theo ông, mục đích tối hậu của sự tồn tại người là giải phóng và tự giải phóng, thông qua sự minh triết và tình yêu, để đạt tới tự do. Các tác phẩm của ông

là vũ khí chống lại những hình thái xã hội không tương đầy cạm bẫy của quá khứ và tương lai.

Peter Kropotkin (1842–1921): nhà triết học, sinh vật học, địa lý học, nhà cách mạng và hoạt động xã hội người Nga.

Franz Brentano (1838–1917): nhà triết học và tâm lý học Đức, có vai trò rất quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của hiện tượng luận tại Đức. Chịu ảnh hưởng của triết học Aristotle, ông đã giải quyết triệt để vấn đề mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, và phân biệt các hiện tượng vật lý và các hiện tượng tâm thần. Ông cũng có nhiều đóng góp cho ngành triết học về nhận thức. Brentano đã làm phục sinh khái niệm ý hướng tính thông qua các bài giảng của mình. Tư tưởng triết học của ông đã hình thành nên trường phái Brentano và ảnh hưởng lớn đến thế hệ sau.

Hans Vaihinger (1852-1933): nhà triết học Đức, chuyên gia hàng đầu về triết học Kant, đồng sáng lập tạp chí Kant-Studien [Nghiên cứu Kant] và Annalen der Philosophie [Niên giám triết học]. Ông cho rằng sẽ không thể tìm ra mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Ông chịu ảnh hưởng của tiến hóa luận và xem loài người là “một loài khỉ phải chịu đau khổ bởi mắc chứng hoang tưởng tự đại”.

Ernst Cassirer (1874–1945): nhà triết học Đức, một đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa duy tâm Đức hiện đại. Ông giảng dạy tại Đại học Berlin và Đại học Hamburg trước khi di cư sang Mỹ để giảng dạy tại Đại học Yale và Columbia. Ông có nhiều đóng góp trong triết học về khoa học và triết học về văn hóa, cũng như những phê phán về nhà nước hiện đại. Ông để lại nhiều khảo cứu giá trị về Plato, Descartes, Leibniz, Kant, Rousseau. Toàn tập Cassirer gồm 18 tập đã được xuất bản liên tục trong giai đoạn 1995–2010, tập hợp hơn 120 tác phẩm và nhiều bài nghiên cứu chưa công bố của ông.

Hermann Cohen (1842–1918): nhà triết học Đức gốc Do Thái, được xem là một trong những nhà triết học Do Thái quan trọng nhất của thế kỷ XIX. Là chuyên gia hàng đầu về triết học Kant, ông cũng là một trong những sáng lập viên của Trường phái Kant mới Marburg.

Emil Lask (1875–1915): nhà triết học Đức, một thành viên quan trọng của Trường phái Kant mới. Ông để lại nhiều ảnh hưởng đến Heidegger và Lukács.

Axel Hägerström (1868– 1939): nhà triết học và luật học Thụy Điển. Ông tốt nghiệp tại Đại học Uppsala và giảng dạy tại đây cho đến năm 1933. Ông được coi là người sáng lập trường phái triết học thực chứng Uppsala, chia sẻ nhiều tương đồng với truyền thống triết học phân tích Anh-Mỹ và chủ nghĩa thực chứng logic của Nhóm Vienna.

Heinrich Rickert (1863–1936): nhà triết học Đức, thành viên chủ chốt của Trường phái Kant mới tại Baden (Baden School of Neo-Kantians). Tư tưởng của ông ảnh hưởng lớn đến Max Weber, Heidegger và Lukács.

Gaston Milhaud (1858-1918): nhà triết học Pháp. Chịu ảnh hưởng bởi Émile Boutroux, ông cùng với một nhóm triết gia Pháp gồm Henri Poincaré, Pierre Duhem, và Édouard Le Roy phản đối sự võ đoán trong khoa học, đồng thời nhấn mạnh vai trò của trực giác và sự ngẫu nhiên trong quá trình xây dựng các lý thuyết khoa học.

Henri Poincaré (1854 – 1912): nhà toán học, vật lý lý thuyết, kỹ sư và triết học về khoa học người Pháp, có nhiều đóng góp đặc biệt quan trọng trong toán học lý thuyết, toán học tô pô, toán lý và cơ học thiên thể.

Alfred Fouillée (1838 – 1912): nhà triết học Pháp, có nhiều nghiên cứu giá trị về lịch sử triết học phương Tây và triết học Pháp.

William James (1842–1910): nhà triết học và tâm lý học người Mỹ, một trong những nhà triết học hàng đầu của Mỹ và được coi là “cha đẻ của ngành tâm lý học Mỹ”. Cùng với, Charles Sanders Peirce và John Dewey, ông được xem là một trong những gương mặt tiêu biểu nhất của chủ nghĩa thực dụng và chủ nghĩa kinh nghiệm cấp tiến. Tư tưởng của ông ảnh hưởng lớn đến nhiều thế hệ triết gia sau này, trong đó có Durkheim, Husserl, Russell, Wittgenstein, Richard Rorty...

Georges Sorel (1847 – 1922): nhà triết học và xã hội học Pháp, nổi tiếng với lý thuyết về chủ nghĩa công đoàn cách mạng, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Marx vào Pháp. Là học trò của Henri Bergson tại Collège de France, ông chịu ảnh hưởng của Proudhon, Marx, và

Lenin. Ông cũng tham gia cộng tác với các tạp chí mác-xít và cánh tả đầu tiên của Pháp như *L'Ère nouvelle*, *Le Devenir social*, và *L'Humanité nouvelle*. Những công trình của ông đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của chủ nghĩa Marx ở nhiều nước phương Tây và các nước thuộc thế giới thứ ba.

Antonio Labriola (1843–1904): nhà lý thuyết mác-xít người Ý. Tư tưởng của ông cởi mở và hướng về tự do nhiều hơn so với các nhà mác-xít chính thống như Karl Kautsky. Ông có nhiều ảnh hưởng tới các nhà mác-xít và cộng sản Ý thế hệ sau, trong đó có Antonio Gramsci.

Karl Kautsky (1854–1938): nhà triết học, nhà lý thuyết Mác-xít nhà báo và người Đức gốc Séc, theo khuynh hướng dân chủ xã hội. Ông được thừa nhận là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa Mác chính thống sau khi Engels qua đời, được các học giả mệnh danh là “vị giáo chủ của chủ nghĩa Marx”. Nổi tiếng bởi các cuộc bút chiến sắc sảo với những người Bolshevik, ông công khai phê phán Cách mạng tháng Mười Nga và những người tiến hành cuộc cách mạng này, trong đó có Lenin và Trotsky, đồng thời thể hiện sự bất đồng chính kiến đối với nhà nước Xô-viết. Ông có ảnh hưởng lớn đến phong trào dân chủ xã hội tại Đức và Đông Âu.

Sergei Bulgakov (1871–1944): nhà thần học Chính thống giáo, triết học và kinh tế học người Nga. Ông chịu ảnh hưởng bởi Schelling, Tolstoy, Dostoyevsky, Solovyov. Lenin gọi triết học của ông là “tự do phản cách mạng”. Năm 1922, ông cùng với hơn 160 trí thức lớn của Nga bị chính phủ Bolshevik của Lênin trục xuất khỏi Liên Xô. Các tác phẩm về thần học và triết học của ông tạo ra sự tranh luận rộng rãi.

Gottlob Frege (1848 – 1925): nhà toán học, logic học và triết học Đức. Ông là người sáng lập ngành logic học hiện đại và gia cố nền móng cho nền tảng của toán học hiện đại, đồng thời là người khai sinh triết học phân tích. Ông cũng có nhiều đóng góp quan trọng cho ngành triết học về ngôn ngữ.

Johannes Daubert (1877–1947): nhà hiện tượng luận Đức. Ông có nhiều thời gian sinh sống và nghiên cứu triết học tại Monaco. Thời trẻ, ông từng tham dự các bài giảng và thảo luận với Edmund Husserl, được Husserl gửi gắm nhiều kỳ vọng.

Adolf Reinach (1883–1917): nhà triết học Đức, thành viên tiêu biểu của trường phái hiện tượng luận Munich. Ông có nhiều đóng góp cho ngành triết học về luật pháp.

Friedrich Rittelmeyer (1872 – 1938): nhà thần học người Đức, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Thiên Chúa giáo tại Đức. Xuất thân trong gia đình có truyền thống Thiên Chúa giáo lâu đời, ông chịu ảnh hưởng của triết học Nietzsche và từng cộng tác với Rudolf Steiner.

Charles Renouvier (1815–1903): nhà triết học duy tâm Pháp, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của triết học Pháp. Ông kế thừa triết học của Kant và Leibniz để phát triển quan điểm triết học của mình nhằm bảo vệ tự do của con người.

G. E. Moore (1873 – 1958): nhà triết học Anh, giảng dạy lâu năm tại Đại học Cambridge. Ông được thừa nhận là một trong những nhà sáng lập của truyền thống triết học phân tích, cùng với Russell, Wittgenstein và Frege. Ông có nhiều đóng góp quan trọng cho ngành đạo đức học, nhận thức luận và siêu hình học.

F. C. S. Schiller (1864-1937): nhà triết học Anh gốc Đức, theo chủ nghĩa thực dụng. Ông cho rằng “chân lý” chỉ là sản phẩm của sự sáng tạo của con người, và mọi tri thức của con người đều mang tính chủ quan. Ông ủng hộ thuyết duy ngã, vốn cho rằng con người chỉ có thể hiểu được chính bản thân mình. Luận điểm siêu hình học của ông là sự dung hòa giữa chủ nghĩa duy tâm chủ quan và thuyết tiến hóa. Về cuối đời, ông ủng hộ chủ nghĩa phát-xít, coi đó là một công cụ để tạo ra con người “siêu nhân”.

Charles Sanders Peirce (1839 – 1914): nhà triết học Hoa Kỳ, cha đẻ của chủ nghĩa thực dụng và ngành ký hiệu học. Ông có nhiều đóng góp to lớn cho các ngành logic học, toán học, ký hiệu học, nhận thức luận, triết học về ngôn ngữ, triết học về khoa học và phương pháp luận khoa học. Ông được coi là nhà tư tưởng lỗi lạc và nhà logic học ảnh hưởng nhất tại Hoa Kỳ trong suốt thế kỷ XX.

John Dewey (1859–1952): nhà triết học, tâm lý học và cải cách giáo dục người Mỹ, đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa thực dụng Mỹ, có ảnh hưởng lớn đến giáo dục và cải cách xã hội. Ông cũng để lại nhiều khảo cứu giá trị

về siêu hình học, nhận thức luận, đạo đức học, mỹ học, nghệ thuật, logic học. Theo ông, trường học, xã hội dân sự và công luận tự do là các thể chế nền tảng để xây dựng nền dân chủ. Ông khuyến khích các hình thức truyền thông hiệu quả giữa công dân, chuyên gia và chính trị gia để tạo ra đồng thuận trong quá trình lập định chính sách công.

Lev Shestov (1866–1938): nhà triết học hiện sinh người Nga gốc Do Thái. Chịu ảnh hưởng của Dostoyevski và Nietzsche, thời trẻ ông sinh hoạt chung với các trí thức lớn của Nga. Năm 1921 ông di cư sang Pháp và mất tại Paris. Ông từng thảo luận triết học với Husserl và giảng dạy về hiện tượng luận tại Đại học Sorbonne. Các tác phẩm của ông (hiện đang lưu trữ tại Đại học Sorbonne, trong đó có nhiều tác phẩm chưa xuất bản) thể hiện sự chối từ tính duy lý và siêu hình học để đến với chủ nghĩa hư vô.

Max Weber (1864–1920): nhà kinh tế chính trị học và xã hội học Đức, một trong những người sáng lập ngành xã hội học và quản trị công đương đại. Ông là người am tường nền chính trị Đức, từng là cố vấn cho các nhà thương thuyết Đức tại Hòa ước Versailles và tham gia soạn thảo Hiến pháp Weimar. Theo ông, tôn giáo là một trong những nhân tố quan trọng cấu thành sự dị biệt văn hóa giữa phương Đông và phương Tây. Tại phương Tây, đạo Tin Lành khổ hạnh là một trong những nhân tố chính giúp phát triển chủ nghĩa tư bản, hệ thống hành chính, và xã hội dân sự.

WEBER, M. [1905] (2008). Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản. Bùi Văn Nam Sơn dịch. Hà Nội: Nxb.. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

Victor Basch (1863 – 1944): nhà triết học người Pháp gốc Hungary, theo đạo Do Thái. Sau khi tốt nghiệp tại Đại học Sorbonne, ông giảng dạy về mỹ học và ngôn ngữ Đức. Những năm trong chiến tranh, ông tham gia các hoạt động chính trị, xã hội theo khuynh hướng cánh tả, bảo vệ nhân quyền và quyền công dân. Khi phát-xít Đức tràn vào Paris, ông đã bị chúng truy lùng và sát hại. Ông để lại một số tác phẩm giá trị về mỹ học Kant và triết học cổ điển Đức.

Célestin Bouglé (1870 – 1940): nhà triết học và xã hội học người Pháp. Ông giảng dạy xã hội học tại Đại học Sorbonne từ năm 1901 cho đến năm

1935 rồi chuyển sang dạy học tại Đại học Sư phạm phố d'Ulm. Ông đã nỗ lực “gia cố” nền móng cho xã hội học bằng việc bổ sung tinh thần tự do và yếu tố của nền luân lý thế tục. Là người ủng hộ nhiệt thành cho chủ nghĩa thực chứng theo truyền thống của Auguste Comte, ông còn tham gia nhiều hoạt động xã hội trên tinh thần ủng hộ nền Cộng hòa.

Georgi Plekhanov (1856–1918): nhà cách mạng và lý thuyết mác-xít người Nga, sáng lập phong trào dân chủ xã hội tại Nga. Ông được xem là cha đẻ của chủ nghĩa Mácxít Nga và một nhà triết học lớn của nước Nga.

DIDEROT, D. [1805] (2006). Cháu ông Rameau. Phùng Văn Tửu dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Ernst Mach (1838 – 1916): nhà vật lý học và triết học Áo. Ông có nhiều ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của chủ nghĩa thực chứng logic và chủ nghĩa thực dụng. Ông phê phán cơ học cổ điển của Newton và tạo nền tảng để hình thành thuyết tương đối của Einstein.

Karl Joel (1864 – 1934): nhà triết học Đức, giảng dạy nhiều năm tại Đại học Basel. Ông gọi triết học của mình là “chủ nghĩa duy tâm mới” trên cơ sở “đoạn tuyệt” với chủ nghĩa thực chứng và chủ nghĩa tự nhiên.

FREUD, S. [1905] 2003. Ba tiểu luận về tính dục. Nguồn: Đỗ Lai Thúy (2003).

Benedetto Croce (1866 – 1952): nhà triết học, sử học và chính trị gia Ý. Các tác phẩm của ông trải rộng trên nhiều đề tài: triết học, mỹ học, sử học. Mặc dù theo chủ nghĩa tự do, nhưng ông phản đối nền thương mại tự do. Ông từng làm Chủ tịch Văn bút Quốc tế (PEN International). Tư tưởng của ông ảnh hưởng đến các nhà mácxít thế hệ sau, trong đó có Antonio Gramsci.

George Santayana (1863 – 1952): nhà triết học và nhà văn Hoa Kỳ gốc Tây Ban Nha. Sinh ra và lớn lên tại Hoa Kỳ, ông giảng dạy tại Đại học Harvard đến năm 1912 rồi trở về châu Âu và qua đời tại Rome (Italy). Là học trò của William James, tư tưởng của ông có nhiều điểm tương đồng với John Dewey. Mặc dù theo chủ nghĩa tự nhiên, nhưng ông lại xem các tư tưởng tôn giáo là nền tảng của mọi sáng tạo trong văn chương.

James Mark Baldwin (1861 – 1934): nhà triết học và tâm lý học người Mỹ. Ông có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ngành tâm lý học, tâm thần học và lý thuyết tiến hóa.

György Lukács (1885–1971): nhà triết học, mỹ học, lịch sử và phê bình văn học Hungary. Ông sáng lập chủ nghĩa Marx phương Tây (Western Marxism), và được thừa nhận là một trong những nhà triết học mác-xít ảnh hưởng nhất trong thế kỷ XX. Trong triết học, bên cạnh Hegel, Marx và Engels, ông còn chịu ảnh hưởng của Plekhanov. Trong mỹ học và văn chương, ông chịu ảnh hưởng của Dostoyevsky. Ông xuất bản nhiều tác phẩm về triết học mác-xít.

Martin Heidegger (1889 – 1976): nhà triết học Đức. Ông từng là học trò và là trợ giảng cho Husserl, sau đó đã kế tục Husserl giảng dạy triết học tại Đại học Freiburg (Đức). Sau khi nghiên cứu triết học Brentano, ông quyết định tìm hiểu ý nghĩa của khái niệm tồn tại và cấu trúc bản thể của tồn tại người. Ông phân biệt hiện hữu là khác với tồn tại, hiện hữu là một cái gì đó được hình thành và có được bằng một cách nào đó. Bản thân hiện hữu có tính hữu hạn và tính đặc thù. Hiện hữu có nền tảng là tồn tại người. Hiện hữu là đối tượng của các khoa học tự nhiên (vật lý, hóa học, sinh học,...) và các khoa học xã hội nhân văn (sử học, xã hội học, nhân học,...), trong khi đó chỉ có tồn tại người mới là đối tượng của triết học.

Charles Blondel (1876 – 1939): nhà triết học, tâm lý học và tâm lý trị liệu người Pháp. Ông tốt nghiệp Đại học Sư phạm phố d'Ulm và là học trò của Lucien Lévy– Bruhl, sau đó giảng dạy về tâm lý học thực nghiệm tại Đại học Strasbourg, chủ nhiệm Bộ môn Tâm lý bệnh học tại đây. Nhiều triết gia lớn thế hệ sau như Emmanuel Lévinas, Maurice Blanchot và Henri Ellenberger đã tham dự các bài giảng của ông.

Maurice Blondel (1861 – 1949): nhà triết học Pháp. Chịu ảnh hưởng của triết học Thiên Chúa giáo, ông đã nỗ lực tổng hợp tư tưởng của Plato với chủ nghĩa thực dụng hiện đại. Sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm phố d'Ulm, ông giảng dạy triết học và tiếp tục các công trình về triết học tôn giáo.

Han Ryner (1861 – 1938): nhà triết học, nhà báo và nhà hoạt động vì hòa bình người Pháp, chịu ảnh hưởng bởi triết học cổ đại, đặc biệt là chủ nghĩa khắc kỷ. Ryner cho rằng, khi trở nên khôn ngoan, con người sẽ biết cách chấp nhận cái tất yếu, vốn không thể thay đổi hay chống đỡ được. Ông khuyến khích một sự giải phóng “từ bên trong” linh hồn con người, thay vì hướng tới các cuộc cách mạng xã hội tập thể đầy bạo lực. Các tác phẩm của ông rất phong phú và đa dạng, từ triết học, chính trị học đến xã hội học.

Alfred North Whitehead (1861–1947): nhà toán học và triết học Anh, sáng lập trường phái “triết học tiến trình”, qua đó ảnh hưởng đến thần học và hàng loạt các ngành khoa học khác nhau. Ông còn có nhiều đóng góp quan trọng cho ngành triết học về khoa học. Tác phẩm Principia Mathematica ông viết chung với Bertrand Russell được coi là tác phẩm kinh điển quan trọng bậc nhất của ngành logic toán.

HEGEL, G. W. F. [1807] (2006). Hiện tượng học tinh thần. Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú thích. Hà Nội: Nxb. Văn học.

Roman Ingarden (1893–1970): một tên tuổi lớn của hiện tượng luận tại Ba Lan. Ông có nhiều nghiên cứu về bản thể luận và mỹ học. Ông phản đối chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm của Husserl, hướng hiện tượng luận về với bản thể luận.

Edith Stein (1891–1942): nhà triết học Đức gốc Do Thái. Bà bảo vệ luận án tiến sĩ dưới sự hướng dẫn của Edmund Husserl tại Đại học Göttingen và từng là trợ giảng cho Husserl. Cuối đời, bà theo Dòng tu kín Carmelite và mất trong trại tập trung Auschwitz (Ba Lan) khi phát-xít Đức đưa bà cùng chị gái về đây.

Alexius Meinong (1853 – 1920): nhà triết học Áo, học trò của Franz Brentano, chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa kinh nghiệm Anh (British empiricism), nghiên cứu về bản thể luận, triết học về tư duy, triết học về ngôn ngữ và tâm lý học thực nghiệm. Ông ảnh hưởng đến nhiều triết gia thế hệ sau, trong đó có Gilbert Ryle và Russell.

Georg Simmel (1858 – 1918): nhà xã hội học, triết học người Đức. Ông sử dụng cách tiếp cận của trường phái Kant mới để xây dựng nền tảng cho xã

hội học Đức. Tư tưởng của ông ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của Trường phái Lý thuyết phê phán Frankfurt.

Carl Stumpf (1848 – 1936): nhà triết học và tâm lý học người Đức, học trò của Franz Brentano. Nhiều học trò của ông trở thành trụ cột của ngành tâm lý học Đức.

Otto Neurath (1882–1945): nhà triết học về khoa học và xã hội học người Áo, thành viên sáng lập của Nhóm Vienna.

Ferdinand de Saussure (1857–1913): nhà ngôn ngữ học Thụy Sĩ. Ý tưởng của ông đã đặt nền tảng cho những thành tựu phát triển của ngành ngôn ngữ học trong thế kỷ XX. Với tác phẩm kinh điển, Cours de linguistique générale [Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương], ông tạo ra bước ngoặt trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ học. Ông phát hiện bản chất hệ thống của ngôn ngữ và sự quy định lẫn nhau của ngôn ngữ trong một hệ thống. Ông nâng vị trí nghiên cứu ngôn ngữ lên ngang tầm với các lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn khác.

H. L. Mencken (1880 – 1956): người Mỹ gốc Đức, nhà báo, nhà phê bình văn hóa, nhà văn trào phúng và chuyên gia hàng đầu về tiếng Anh kiểu Mỹ (American English). Ông là nhà văn Mỹ có ảnh hưởng lớn nhất trong nửa đầu thế kỷ XX.

Wilhelm Ostwald (1853–1932): nhà hóa học Đức, Giải thưởng Nobel Hóa học năm 1909. Ông ủng hộ thuyết duy thực, vốn cho rằng nhà khoa học có thể rút ra quy luật từ các sự kiện có thể quan sát.

René Berthelot (1872–1960): nhà triết học Pháp, chịu ảnh hưởng của Plato và Hegel. Ông có nhiều nghiên cứu giá trị về chủ nghĩa thực dụng.

Émile Meyerson (1859– 1933): nhà triết học Pháp gốc Ba Lan. Ông theo chủ nghĩa Kant mới và chống lại chủ nghĩa thực chứng. Ông có nhiều khảo cứu giá trị về nhận thức luận và triết học về khoa học. Ông có nhiều ảnh hưởng tới Koyré.

Gabriel Marcel (1889–1973): nhà triết học, nhà viết kịch và phê bình âm nhạc người Pháp. Ông đã đưa ra khái niệm chủ nghĩa hiện sinh sau Đại chiến thế giới lần thứ Nhất, dù lúc đó ông còn là một người vô thần. Ông tập trung vào cuộc đấu tranh của cá nhân trong một xã hội công nghệ phi

nhân tính. Mặc dù thường được coi là hiện sinh Pháp đầu tiên, ông không liên hệ mình với các nhân vật như Jean–Paul Sartre, thay vì đó ông thích dùng thuật ngữ triết học hiện sinh để xác định tư tưởng riêng của mình. Các bản thảo viết tay của ông hiện được lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Pháp ở Paris.

Edward A. Westermarck (1862–1939): nhà triết học và xã hội học Phần Lan, chịu ảnh hưởng của Charles Darwin. Ông có nhiều đóng góp cho sự phát triển của xã hội học tại Anh trong những thập niên đầu thế kỷ XX.

Karl Abraham (1877–1925): nhà luận phân tâm người Đức thuộc “thế hệ thứ hai”, học trò xuất sắc của Sigmund Freud. Ông có nhiều nghiên cứu giá trị về vai trò của tính dục trong sự hình thành nhân cách ở trẻ em.

FREUD, S. [1909] (2002). Phân tích một ca ám sợ ở một bé trai 5 tuổi: Chuyện bé Hans. Lưu Huy Khánh dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

H. A. Prichard (1871 – 1947): nhà triết học Anh, giảng dạy triết học lâu năm tại Đại học Oxford, và là người sáng lập “Trường phái Trực giác Oxford”. Ông có nhiều đóng góp quan trọng về nhận thức luận và luân lý học trên tinh thần của chủ nghĩa duy thực (realism).

Albert Leclere (1867 – 1920): nhà triết học Pháp, quan tâm đến mối quan hệ giữa triết học và tôn giáo. Ông có nhiều nghiên cứu giá trị về lịch sử triết học Hy Lạp cổ đại, về đạo đức học và bản thể luận.

Georges-Henri Luquet (1876-1965): nhà triết học Pháp, bạn học của Bergson và Lucien Lévy-Bruhl tại Đại học Sư phạm phố d’Ulm. Các tác phẩm của ông đề cập đến nhiều vấn đề rộng lớn: triết học về khoa học, triết học xã hội, triết học luân lý, tâm lý học nhận thức, nhân chủng học, dân tộc học, lịch sử các tôn giáo, các nền văn hóa và các nền nghệ thuật... Ông sưu tập hơn 1.700 bức tranh của con gái mình vẽ suốt 10 năm kể từ khi cô bé bắt đầu lên bảy tuổi để viết luận án tiến sĩ nghệ thuật học về hội họa ở trẻ em. Ông cũng để lại nhiều khảo cứu giá trị về mỹ thuật thời cổ đại.

Jean Hering (1890-1966): nhà triết học Pháp, có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của hiện tượng luận tại Pháp trong những thập niên đầu thế kỷ XX. ời trẻ, ông nghiên cứu về thần học tại Đại học Strasbourg. Sau

đó, ông sang Đức theo học với Husserl, trở thành thành viên chính của Nhóm Göttingen nghiên cứu về hiện tượng luận do Husserl chủ trì.

Dominique Parodi (1870 – 1955): nhà triết học Pháp gốc Ý. Sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm phố d’Ulm, ông giảng dạy triết học tại nhiều trường trung học nổi tiếng của Paris, tham gia dịch các tác phẩm của George Berkeley sang tiếng Pháp. Ông có nhiều nghiên cứu công phu về triết học chính trị và đạo đức học.

BERKELEY, G. [1710] (2013). Một nghiên cứu về các nguyên tắc nhận thức của con người. Đinh Hồng Phúc dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

Victor Delbos (1862 – 1916): nhà triết học Pháp. Ông giảng dạy tại Đại học Sorbonne. Ông có nhiều nghiên cứu về triết học của Spinoza, Kant và Husserl.

DEWEY, J. [1910] (2013). Cách ta nghĩ. Vũ Đức Anh dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Max Adler (1873 – 1937): nhà triết học xã hội và chính trị gia người Áo, thuộc trường phái mác-xít Áo. Ông nỗ lực tổng hợp các luận đề của triết học mác-xít với chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm của Kant.

Bernard Bosanquet (1848 – 1923): nhà triết học Anh. Cùng với F. H. Bradley, ông là người ủng hộ nhiệt thành cho chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối, và là đại diện tiêu biểu của “phong trào Hegel mới” tại Anh. Ông nghiên cứu rộng về logic học, siêu hình học, mỹ học và chính trị học. Ông để lại nhiều ảnh hưởng tới các nhà triết học Anh thế hệ sau, trong đó có Russell, Dewey và William James.

Alexandre Koyré (1892 – 1964): nhà triết học và nhà lịch sử khoa học người Pháp gốc Nga. Thời trẻ, ông sang Đức theo học tại Đại học Göttingen, tham dự các bài giảng của Edmund Husserl và David Hilbert. Sau khi tốt nghiệp, ông trở về Paris giảng dạy lịch sử triết học. Ông chia sẻ quan điểm với Gaston Bachelard về tính không liên tục trong lịch sử phát triển của khoa học, đồng thời phê phán cách tiếp cận của chủ nghĩa thực chứng đối với khoa học và lịch sử phát triển của khoa học. Chịu nhiều ảnh hưởng của Bergson, ông được coi là “cây cầu” cho quá trình tiếp biến của

hai nền triết học Pháp và Đức, cũng như giữa tư tưởng triết học của Bergson và Husserl. Ông để lại ảnh hưởng lớn cho tiến trình tiếp nhận hiện tượng luận tại Pháp của các triết gia thế hệ sau, trong đó có A. Kojève, J. Hering, B. Groethuysen, G. Gurvitch...

Ludwig Wittgenstein (1889 – 1951): nhà triết học Áo, có nhiều đóng góp quan trọng trong logic, triết học về toán, triết học tinh thần và triết học về ngôn ngữ. Ông được coi là một trong những nhà triết học quan trọng nhất của thế kỷ XX và một trong những trụ cột của truyền thống triết học phân tích. Trước khi qua đời, cuốn sách duy nhất ông cho xuất bản là *Tractatus Logico-Philosophicus* (1921). Cuốn *Nghiên cứu triết học* [*Philosophische Untersuchungen*], được xuất bản một thời gian ngắn sau khi ông mất, có ảnh hưởng lớn tới triết học phân tích và chủ nghĩa thực chứng logic.

Berdyayev, N. A. [1911] (2016). *Triết học của tự do*. Đỗ Minh Hợp dịch, Nguyễn Trọng Chuẩn hiệu đính. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Alfred Adler (1870-1937): bác sĩ, nhà tâm lý học trị liệu người Áo, sáng lập trường phái tâm lý học cá nhân. Khởi đầu sự nghiệp với chuyên ngành nhãn khoa, ông được công nhận là một trong ba nhà tâm lý học vĩ đại nhất của thế kỷ XX, cùng với Freud và Jung. Ông cùng Freud xây dựng nền tảng ban đầu cho ngành phân tâm học, và trở thành trụ cột của Trường phái Phân tâm học Vienna. Chịu ảnh hưởng bởi Kant, Nietzsche và Dostoevsky, ông cho rằng phức cảm tự ti (*inferiority complex*) đóng vai trò chủ yếu trong quá trình phát triển cá tính của mỗi cá nhân. Ông kế thừa khái niệm “ý chí quyền lực” của Nietzsche để phân tích sức mạnh sáng tạo của mỗi cá nhân cải thiện hoàn cảnh của mình.

Charles Andler (1866 – 1933): nhà triết học Pháp, có nhiều nghiên cứu đặc biệt giá trị về triết học Đức, đặc biệt là triết học của Marx và Nietzsche. Ông là một trong những giáo sư hàng đầu về triết học Đức tại Đại học Sorbonne từ năm 1901, và có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Marx vào Pháp.

Julien Benda (1867 – 1956): nhà triết học và nhà văn Pháp gốc Do Thái. Ông nghiên cứu rộng nhiều vấn đề của triết học, đồng thời tham gia viết sách, báo về các vấn đề của châu Âu hiện đại.

Johann Gottfried von Herde (1744 – 1803): nhà triết học, thần học, nhà thơ và phê bình văn học người Đức. Ông là tên tuổi lớn của truyền thống học thuật Đức giai đoạn chuyển tiếp từ Thời kỳ Lãng mạn sang Thời kỳ Cổ điển. Tác phẩm *Abhandlung über den Ursprung der Sprache* [Luận về nguồn gốc của ngôn ngữ](1772) của ông góp phần quan trọng để hoàn thiện nền móng của ngành ngôn ngữ học.

Tác phẩm này được Beatrice M. Hinkle dịch sang tiếng Anh vào năm 1916 với tựa đề *Psychology of the Unconscious: a study of the transformations and symbolisms of the libido, a contribution to the history of the evolution of thought* [Tâm lý học của cái vô thức: Nghiên cứu về các quá trình chuyển dịch và các biểu tượng của libido, một đóng góp về lịch sử tiến hóa của tư tưởng].

Carl Siegel (1872 – 1943): nhà toán học và triết học Áo. Ông nghiên cứu rộng về triết học, sử học, phương pháp luận khoa học và nhận thức luận. “Triết học lục địa” là một tập hợp các truyền thống triết học hình thành và phát triển tại lục địa châu Âu trong thế kỷ XIX và XX. Triết học lục địa ngả theo khuynh hướng “khoa học vạn năng” (scientism), xem khoa học tự nhiên là cách duy nhất hoặc chính xác nhất để hiểu các hiện tượng. Triết học lục địa gồm các trào lưu chính: chủ nghĩa duy tâm Đức, hiện tượng luận, chủ nghĩa hiện sinh và các “biến thể” của nó (như triết học của Kierkegaard và Nietzsche), thông diễn học, chủ nghĩa cấu trúc, chủ nghĩa hậu-cấu trúc, thuyết bình quyền nữ giới Pháp (French feminism), luận phân tâm, lý thuyết phê phán của trường phái Frankfurt, và các trường phái chính của chủ nghĩa Marx phương Tây (Western Marxism).

“Triết học phân tích” là truyền thống triết học phổ quát tại các quốc gia nói tiếng Anh ở châu Âu và Bắc Mỹ, nhấn mạnh đến sự trong sáng và rõ ràng thông qua các lập luận vốn được hình thành bởi logic hình thức & phân tích ngôn ngữ. Triết học phân tích chịu nhiều ảnh hưởng bởi chủ nghĩa thực chứng logic.

André Falconet (1881 – 1965): nhà triết học Pháp, một trong những chuyên gia hàng đầu về ngôn ngữ và văn chương Đức trong thế hệ ông. Ông để lại nhiều nghiên cứu giá trị về mỹ học và triết học Đức hiện đại.

Giovanni Gentile (1875–1944): nhà triết học duy tâm người Ý, thuộc trường phái Hegel mới. Ông tự coi mình là “triết gia của chủ nghĩa phát-xít”. Ông có nhiều ảnh hưởng trong thời gian nhà độc tài Benito Mussolini lên cầm quyền ở Ý.

FREUD, S. [1913] (2000). Nguồn gốc của văn hóa và tôn giáo: Vật tổ và cấm kỵ. Lương Văn Kế dịch và giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Jacques Maritain (1882–1973): nhà triết học và thần học Pháp, có nhiều nghiên cứu giá trị về siêu hình học, mỹ học, triết học về khoa học và các vấn đề thần học. Ông từng tham gia soạn thảo Tuyên ngôn toàn cầu về các quyền con người (The Universal Declaration of Human Rights). Ông cũng là người gần gũi với Giáo hoàng Paul VI và Công đồng Vatican II.

WOHL, R. (1979).

SAUSSURE, F. [1915] (1973). Giáo trình ngôn ngữ học đại cương. Khoa Ngữ văn Đại học Tổng hợp Hà Nội dịch. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Tái bản: SAUSSURE, F. [1916] (2005). Giáo trình ngôn ngữ học đại cương. Cao Xuân Hạo dịch. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Antonie Pannekoek (1873 – 1960): nhà lý thuyết mác-xít người Hà Lan. Ông đến với triết học trên nền tảng vững chắc của khoa học tự nhiên, với khuynh hướng cánh tả cấp tiến.

DEWEY, J. [1916] (2008). Dân chủ và giáo dục: một dẫn nhập vào triết lý giáo dục. Phạm Anh Tuấn dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

FREUD, S. [1917] (1970). Phân tâm học nhập môn. Nguyễn Xuân Hiếu dịch. Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí. In lại: S. Freud [1917] (2001). Phân tâm học nhập môn. Nguyễn Xuân Hiếu dịch. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

HEGEL, G. W. F. [1817] (2008). Khoa học lôgic (Bách khoa thư các khoa học triết học I). Bùi Văn Nam Sơn dịch, chú giải. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

MARX, K. [1863] (1959). Tư bản – Phê phán khoa kinh tế chính trị. Hà Nội: Nxb. Sự thật.

Arthur Schopenhauer (1788–1860): nhà siêu hình học vĩ đại người Đức, nổi tiếng với các phê phán về triết học Kant. Các tác phẩm của ông đã giúp củng cố lại nền móng cho đạo đức học, mỹ học, chính trị học, tâm lý học, vào tạo khởi nguồn cho chủ nghĩa hiện sinh. Ông để lại ảnh hưởng sâu đậm về tư tưởng đến các triết gia lớn thế hệ sau, trong đó có Nietzsche, Freud, Wittgenstein...

Ernst Bloch (1885 – 1977): nhà triết học mác-xít người Đức. Ông chịu ảnh hưởng của Hegel và Marx. Ông có nhiều quan hệ học thuật với các thành viên chính của trường phái Lý thuyết phê phán. Ông cũng được xem là một trong những nhà không tưởng chủ nghĩa vĩ đại nhất.

Moriz Schlick (1882–1936): nhà triết học Đức, sáng lập chủ nghĩa thực chứng logic. Ông là học trò của Max Planck. Ông kế tục Ernst Mach làm Chủ nhiệm Khoa Triết học tại Đại học Vienna, và là thành viên quan trọng của Nhóm Vienna (cùng với Carnap, Gödel, Neurath...). Ông chống lại tri thức tiên nghiệm và khẳng định rằng chân lý phải được kiểm nghiệm bởi các bằng chứng định lượng.

Louis Lavelle (1883 – 1951): một trong những nhà siêu hình học hàng đầu của Pháp trong thế kỷ XX, có nhiều đóng góp quan trọng trong ngành triết học về tư duy. Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ tại Sorbonne, ông tham gia nhiều sinh hoạt triết học quan trọng tại Paris. Cùng thời với Bergson, nhưng ông tiếp cận với chủ nghĩa duy tâm theo những hướng mới mẻ và độc đáo.

Félicien Challaye (1875 – 1967): nhà triết học Pháp, nhà báo theo khuynh hướng chống chủ nghĩa thực dân. Sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm phố d'Ulm, ông sang Đức tiếp tục nghiên cứu triết học một thời gian ngắn, rồi bắt đầu chuyến khám phá phương Đông: Ấn Độ, Java, Đông Dương, Ai Cập, Nhật Bản để thu thập tư liệu cho những khảo cứu địa phương rất giá trị, trước khi trở về Pháp giảng dạy triết học. Cuối đời, ông xuất bản một số công trình về tâm lý học và luận phân tâm.

HEGEL, G. W. F. [1821] (2010). Các nguyên lý của triết học pháp quyền hay đại cương pháp quyền tự nhiên và khoa học về nhà nước. Bùi Văn Nam Sơn dịch, chú giải. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

WITTGENSTEIN, L. [1921] (2010). *Tractatus Logico–Philosophicus*. Cao Dao dịch. Nguồn: talawas blog. URL = <<http://www.talawas.org/?p=25042>>.

Émile Bréhier (1876 – 1952): nhà triết học, sử học và nhà văn Pháp. Ông nổi tiếng với những công trình về lịch sử triết học Hy Lạp và triết học trung đại. Ông từng giảng dạy triết học tại Đại học Sorbonne. Sau khi Bergson mất, ông được kế thừa ghế Viện sĩ của Bergson tại Viện Hàn lâm về các khoa học luân lý và chính trị.

Nikolai Bukharin (1888–1938): nhà triết học và chính trị gia Nga. Ông là thành viên trong nội các của chính phủ Liên bang Xô–viết thời kỳ đầu. Sau khi Lenin mất, ông bộc lộ sự bất đồng chính kiến với Stalin và sau đó bị thủ tiêu.

Henri Delacroix (1873 – 1937): nhà triết học và tâm lý học Pháp. Ông có nhiều đóng góp quan trọng cho ngành tâm lý học tại Pháp trong giai đoạn sơ kỳ.

Hajime Tanabe (1885–1962): nhà triết học Nhật Bản, thành viên sáng lập của Trường phái triết học Tokyo, cùng với Kitaro Nishida và Keiji Nishitani. Ông từng giảng dạy tại Đại học Đế quốc Nhật Bản (Kyoto Imperial University), cùng Nishida đấu tranh cho quyền tự do học thuật. Là người ủng hộ nhiệt thành cho chủ nghĩa hiện sinh, quan điểm triết học của ông gần gũi với truyền thống triết học lục địa, đặc biệt là Kierkegaard, Nietzsche và Heidegger.

Kitarō Nishida (1870–1975): nhà triết học Nhật Bản xuất sắc, người sáng lập Trường phái triết học Kyoto, và là biểu tượng của tiến trình đối thoại triết học và tôn giáo Đông – Tây. Trong gần 3 thập niên giảng dạy tại Đại học Kyoto, ông đã nỗ lực xây dựng một nền logic thống nhất và phi nhị nguyên, trên cơ sở tích hợp tư tưởng của Thiên tông với logic phương Tây của Aristotle, Kant và Hegel. Ông cũng là người truyền bá hiện tượng luận Husserl tại Nhật Bản. Các tác phẩm của ông được hệ thống hóa trong Toàn tập Nishida (gồm 18 tập).

Shūzō Kuki (1888–1941): nhà triết học Nhật Bản xuất sắc, có nhiều đóng góp quan trọng trong sự phát triển của hiện tượng luận tại Nhật Bản. Trong

tác phẩm kinh điển của mình, *The Structure of "Iki"* (1930), ông đã sử dụng các phân tích hiện tượng luận để phân tích các đặc trưng độc đáo của văn hóa Nhật Bản. Trong thời gian giảng dạy tại Đại học Kyoto, ông đã có nhiều bài giảng và xuất bản nhiều công trình về triết học Đức đương đại, trong đó có tác phẩm nghiên cứu về Martin Heidegger bằng tiếng Nhật đầu tiên.

Leo Robin (1866 – 1947): nhà lịch sử triết học cổ đại, được xem như là “nhà Plato học” hàng đầu tại Pháp. Ông tốt nghiệp Đại học Sorbonne và sau đó giảng dạy triết học tại đây. Ông để lại nhiều công trình nghiên cứu rất chuẩn mực về triết học cổ đại, đồng thời dịch nhiều tác phẩm của Plato sang tiếng Pháp.

Nabert Jean (1881 – 1960): nhà triết học Pháp. Tư tưởng của ông về luân lý và siêu hình học, trên cơ sở phê phán ý thức tiên nghiệm kiểu Kant (conscience transcendante kantienne), đã để lại nhiều ảnh hưởng đến triết gia thế hệ sau, trong đó có Paul Ricœur.

Henri Gouhier (1898 – 1994): nhà triết học, sử học và phê bình sân khấu người Pháp, chịu ảnh hưởng của truyền thống thần học Thiên Chúa giáo.

Jean-Paul Sartre (1905–1980): nhà triết học, nhà văn, nhà báo Pháp, nhân vật trụ cột của chủ nghĩa hiện sinh tại Pháp. Ông đỗ đầu thạc sĩ triết học tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm năm 1929, Simone de Beauvoir đồng thứ nhì và trở thành bạn đời của ông. Ông từng tuyên bố: “L’homme n’est rien d’autre que ce qu’il se fait” (Con người không là gì ngoài điều con người tự tạo), và coi đó là nguyên lý đầu tiên của chủ nghĩa hiện sinh. Ông tham gia sáng lập tạp chí *Les Temps modernes* vào năm 1945. Về chính trị, Sartre là biểu tượng của trí thức dẫn thân. Đám táng ông quy tụ cả chục ngàn người đưa tiễn. [LUẬT, Phạm Trọng (2004)].

Raymond Aron (1905–1983): nhà triết học, xã hội học, khoa học chính trị và nhà báo Pháp, bạn thân của Jean-Paul Sartre. Ông bảo vệ luận án tiến sĩ sử học tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm năm 1930, sau đó giảng dạy xã hội học tại các trường đại học lớn của Pháp từ sau Đại chiến thế giới II. Ông là người có công lớn trong việc đưa xã hội học của Max Weber vào

nước Pháp. Ông cũng là nhà báo đầy ảnh hưởng cho hai tờ Le Figaro và L'Express.

Georges Canguilhem (1904–1995): nhà triết học Pháp, có nhiều đóng góp quan trọng cho nhận thức luận và triết học về khoa học, đặc biệt là triết học về sinh học và triết học về y học. Ông là bạn cùng lớp với Jean–Paul Sartre. Ông để lại dấu ấn lớn trong công việc giảng dạy triết học, và ảnh hưởng đến các triết gia thế hệ sau, đặc biệt là Derrida, Foucault và Althusser.

Daniel Lagache (1903–1972): nhà tâm lý học và luận phân tâm tiêu biểu của Pháp. Ông là bạn học của Jean–Paul Sartre và Raymond Aron. Ông làm chủ nhiệm Khoa tâm lý học và trị liệu tâm lý tại Đại học Sorbonne. Ông là một trong những chuyên gia hàng đầu về Freud tại Pháp.

Trường Đại học Sư phạm phố d'Ulm: thành lập năm 1794, mang theo tinh thần Tự do – Bình đẳng – Bác ái của cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789) và tinh thần Khai sáng, trên cơ sở phát huy triệt để truyền thống tự do học thuật và tự do nghiên cứu. Đây là một trong những trường đại học lâu đời và danh giá nhất của nước Pháp, đào tạo nhiều trí thức lớn và chính khách cho nước Pháp và thế giới. Khoa Triết học của Trường cũng là “cái nôi” đào tạo nhiều nhà triết học lớn cho nước Pháp và thế giới, với những tên tuổi như Jean–Paul Sartre, Raymond Aron, Jean Hyppolite, Maurice Merleau–Ponty, Trần Đức Thảo, Simone Weil, Louis Althusser, Michel Foucault, Pierre Bourdieu...

Décades de Pontigny: cuộc gặp thường niên trong giai đoạn 1910–1914 và 1922–1939, do nhà báo Paul Desjardins tổ chức, trên tinh thần tôn trọng tự do tư tưởng, bàn về nhiều vấn đề lớn của tôn giáo, triết học, văn chương, về giáo dục, nhân quyền..., với sự tham gia của các nhà triết học và nhà văn hàng đầu của Pháp như Andre Gide, François Mauriac, Saint–Exupéry, André Malraux, Raymond Aron, Brunschvicg, Bachelard, Nicolas Berdyaev, Jean–Paul Sartre...

Antonio Gramsci (1891–1937): nhà triết học, xã hội học, nhà văn, chính trị gia và nhà lý thuyết chính trị người Ý. Ông là một trong những nhà tư tưởng mác-xít quan trọng nhất của thế kỷ XX. Ông nổi tiếng với lý thuyết “thống trị về văn hóa” (cultural hegemony), nhằm mô tả nhà nước đã sử

dụng các thể chế văn hóa như thế nào để duy trì quyền lực trong các xã hội tư bản.

Leo Trotsky (1879 – 1940): nhà Mác-xít và lý luận cách mạng Bolshevik. Cùng với Lenin, ông là một trong những lãnh đạo của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Ông là một trong những thành viên đầu tiên của Bộ chính trị của Đảng Cộng sản Liên Xô. Sau khi lãnh đạo một cuộc đấu tranh thất bại của phái Cánh Tả đối lập chống lại các chính sách và sự thăng tiến của Joseph Stalin trong thập niên 1920, Trotsky bị đưa ra khỏi Đảng Cộng sản và trục xuất khỏi Liên Xô. Với tư cách người lãnh đạo Đệ Tứ Quốc tế, Trotsky, trong tình trạng bị trục xuất, tiếp tục phản đối chính sách quan liêu Stalin tại Liên Xô, và cuối cùng bị ám sát tại Mexico bởi một điệp viên Liên Xô.

Helene Deutsch (1884–1982): nhà luận phân tâm người Mỹ gốc Áo, theo đạo Do Thái. Bà là một trong những nhà luận phân tâm “thế hệ thứ hai” đầu tiên chuyên nghiên cứu về tâm lý phụ nữ và tính dục nữ. Bà là học trò và đồng nghiệp của Freud, và cùng ông thành lập Hội Luận phân tâm Vienna.

Bernard Groethuysen (1880 – 1946): nhà triết học và nhà văn Pháp gốc Hà Lan. Thời trẻ, ông sang học tại Ý và Đức, là học trò của Georg Simmel và Wilhelm Dilthey, kết giao với nhiều triết gia lớn và văn sĩ lớn của Pháp như Bergson và Charles Du Bois. Những năm 1920, ông giảng dạy triết học ở Đức rồi trở lại Pháp khi phát-xít Đức lên nắm quyền, với lời tạ từ nổi tiếng: “Intellectuels de tous les pays, unissez-vous!” (Hỡi giới trí thức của tất cả các quốc gia, hãy liên hiệp lại!). Với tri thức uyên bác và tầm nhìn phóng khoáng, ông trở thành một trong những trí thức châu Âu tiêu biểu của nửa đầu thế kỷ XX. Ông có công lớn trong việc dịch các tác phẩm của Goethe và Kafka sang tiếng Pháp. Ông để lại nhiều nghiên cứu giá trị về lịch sử triết học và tư tưởng chính trị thế kỷ XVIII của Montesquieu, Rousseau, Diderot và các nhà Cách mạng Pháp.

Jean Baruzi (1881 – 1953): nhà triết học và lịch sử tôn giáo người Pháp. Ông từng tham gia giảng dạy ở Collège de France. Ông để lại nhiều công

trình giá trị về triết học tôn giáo và triết học Trung đại. Jacques Lacan là một học trò xuất sắc của ông.

Pierre Naville (1904–1993): nhà triết học, xã hội học và nhà văn thuộc trường phái siêu thực của Pháp. Xuất thân từ giới thượng lưu, ông ngả theo khuynh hướng mác-xít và gia nhập Đảng Cộng sản Pháp. Sau khi gặp Trotsky, ông ngả theo hướng Tờ–rốt–kít, tham gia sáng lập và cộng tác với nhiều tờ báo và tạp chí cánh tả tại Pháp. Sau chiến tranh, ông cộng tác với nhà xã hội học Pháp Georges Friedmann tại Centre d'études sociologiques (Trung tâm Nghiên cứu Xã hội học), phê phán chủ nghĩa hiện sinh.

Kiyoshi Miki (三木 清, 1897–1945): nhà triết học Nhật Bản. Thời trẻ, ông sang Đức nghiên cứu sâu về các đại biểu thời kỳ đầu của triết học hiện sinh. Sau đó, ông tham gia sinh hoạt triết học với các thành viên của Trường phái triết học Kyoto. Ý tưởng của ông về “Khối thịnh vượng chung Đại Đông Á” đã bị phát-xít Nhật lợi dụng để biện minh cho hành vi xâm lược các quốc gia láng giềng trong Đại chiến thế giới lần thứ Hai. Do bất đồng chính trị với nhà cầm quyền, ông đã bị bỏ tù và mất trong tù do các điều kiện lao tù khắc nghiệt. Các trí thức Nhật Bản thế hệ sau ca ngợi ông là “nhân vật trung tâm của phong trào nhân văn tại Nhật Bản”.

HEIDEGGER, M. [1927] (1973). Hữu thể và thời gian. Trần Công Tiến dịch, Lê Tôn Nghiêm giới thiệu. Sài Gòn: Quê Hương.

Aleksei F. Losev (1893 – 1988): nhà triết học và lý thuyết văn hóa Nga xuất sắc. Sau Cách mạng tháng Tám, ông giảng dạy triết học tại nhiều trường đại học, đồng thời chống khuynh hướng toàn trị và giáo điều.

Eugen Fink (1905–1975): nhà triết học Đức, trợ lý của Edmund Husserl, và là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa duy tâm hiện tượng luận (phenomenological idealism). Ông đề cao vai trò của bản thể luận trong nghiên cứu triết học. Ông đã thực hiện một số thảo luận chuyên đề về triết học với Martin Heidegger và nhiều nhà triết học lớn. Ông có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Husserl trong những năm cuối đời của Husserl.

Herbert Marcuse (1898–1979): nhà triết học, xã hội học và lý thuyết chính trị người Đức, một tên tuổi lớn của trường phái Lý thuyết phê phán Frankfurt, và là gương mặt tiêu biểu của phong trào Cánh tả Mới tại

phương Tây. Các tác phẩm của ông đưa ra những cảnh báo về các tác động của chủ nghĩa tư bản và công nghệ hiện đại sẽ làm xói mòn các giá trị nhân văn, nhân bản của xã hội loài người. Những luận điểm này đã ảnh hưởng lớn tới giới trí thức và các nhà hoạt động chính trị trong những thập niên 1960–1970. Tác phẩm tiêu biểu: *Eros and Civilization* [Thần ái tình và nền văn minh] (1955), *One-Dimensional Man* [Con người một chiều kích] (1964).

Hans Reichenbach (1891–1953): nhà triết học về khoa học hàng đầu của Đức, có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của chủ nghĩa thực chứng logic, và là thành viên sáng lập của Nhóm Berlin, cùng với Kurt Greling, David Hilbert...

Emmanuel Lévinas (1906–1995): nhà triết học Pháp, gốc Do Thái. Ông là một trong những học trò của Edmund Husserl, và là người dịch tác phẩm của Husserl sang tiếng Pháp. Ông đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong tiến trình tiếp nhận hiện tượng luận của Husserl và Heidegger tại Pháp từ sau thập niên 1930, đặc biệt là quá trình tiếp xúc với hiện tượng luận của Sartre và Merleau-Ponty. Ông có nhiều nghiên cứu quan trọng về luân lý học, trên tinh thần phê phán những hạn chế của siêu hình học.

Pierre Janet (1859 – 1947): nhà tâm lý học, tâm lý trị liệu và triết học người Pháp. Ông được thừa nhận là một trong ba người sáng lập ngành tâm lý học, cùng với William James và Wilhelm Wundt. Carl Jung từng là học trò và chịu nhiều ảnh hưởng của ông.

Maurice Merleau-Ponty (1908 – 1961): nhà hiện tượng luận xuất sắc người Pháp, học trò và người chịu nhiều ảnh hưởng của Husserl. Ông tốt nghiệp tại Đại học Sư phạm phố d'Ulm năm 1930. Ông quan tâm sâu sắc đến quá trình cấu thành ý nghĩa của sự tồn tại người. Khác với truyền thống lâu đời của triết học phương Tây coi ý thức là nguồn gốc của tri thức, ông coi cơ thể con người mới là nguồn gốc đích thực của tri thức. Các tư tưởng về hiện tượng luận đầy tính tiên phong được ông trình bày trong các tác phẩm về nghệ thuật, văn chương, ngôn ngữ và chính trị. Ông đọc triết học Marx từ hồi trẻ và đồng thuận với triết học mác-xít, tuy vẫn giữ sự bất đồng với chủ nghĩa cộng sản. Ông tham gia sáng lập và phụ trách về chính trị cho tờ tạp

chí cánh tả Les Temps Modernes cùng với Jean–Paul Sartre và nhiều nhà triết học lớn của Pháp. Ông đã để lại dấu ấn sâu đậm trong một loạt vấn đề quan trọng của hiện tượng luận, triết học về nhận thức, triết học ngôn ngữ..., và qua đó ảnh hưởng lâu dài đến các thế hệ triết gia sau này. Ông có nhiều mối liên hệ về triết học và hoạt động chính trị–xã hội với Giáo sư Trần Đức Thảo trong thời kỳ Giáo sư học tập, nghiên cứu và hoạt động tại Pháp và cộng tác với Les Temps Modernes trong giai đoạn 1942–1951. Gaston Bachelard (1884–1962): nhà triết học Pháp. Ông đưa ra khái niệm *obstacle épistémologique* và *rupture épistémologique*, trên tinh thần phê phán chủ nghĩa thực chứng, để chỉ ra sự không liên tục trong các tiến bộ của khoa học. Các công trình nghiên cứu của ông trong lĩnh vực triết học về khoa học và triết học về văn chương đã ảnh hưởng sâu đậm lên các triết gia thế hệ sau này, trong đó có Michel Foucault, Louis Althusser và Jacques Derrida.

Jean Cavailles (1902–1944): nhà triết học và toán học Pháp. Thời trẻ, ông từng sang Đức theo học Husserl và làm việc chung với nhiều nhà toán học Đức xuất sắc. Ông giảng dạy triết học tại Đại học Sorbonne từ năm 1941. Trong chiến tranh, ông tham gia kháng chiến chống phát–xít Đức xâm lược nước Pháp. Vì các hoạt động kháng chiến, ông đã bị bắt và bỏ tù. Trong tù, ông đã viết tác phẩm *Sur la logique et la theorie de la science* (Về logic và lý thuyết về khoa học). Ông bị phát–xít Đức sát hại và hi sinh anh dũng vào tháng 2–1944. Hiện nay, tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm có một trung tâm nghiên cứu về lịch sử khoa học và triết học về khoa học mang tên ông.

Wilhelm Reich (1897 – 1957): nhà luận phân tâm Áo, thuộc “thế hệ thứ hai” sau Sigmund Freud. Các tác phẩm của ông ảnh hưởng lớn tới phong trào sinh viên trong thập niên 1960.

Max Horkheimer (1895–1973): nhà triết học và xã hội học Đức, có nhiều đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của Lý thuyết phê phán (*critical theory*) và Trường phái Frankfurt. Các nghiên cứu của ông nhấn mạnh đến sự liên kết giữa các cấu trúc và mạng lưới xã hội, cũng như sự ảnh hưởng trở lại của những liên kết này tới hành vi của cá nhân. Ông có nhiều mối

liên hệ học thuật với các nhà tư tưởng cùng thời, như Herbert Marcuse, Erich Fromm, Theodor Adorno và Walter Benjamin.

Jean Wahl (1888–1974): nhà triết học Pháp. Ông chịu ảnh hưởng của Henri Bergson, William James và George Santayana. Ông là một trong những người giới thiệu tư tưởng triết học Hegel vào Pháp từ thập niên 1930, đồng thời là một chuyên gia về Kierkegaard. Ông có nhiều ảnh hưởng đến các nhà triết học lớn của Pháp thế hệ sau, trong đó có Emmanuel Lévinas và Jean–Paul Sartre.

Valentin Voloshinov (1895 – 1936): nhà ngôn ngữ học Nga, có ảnh hưởng lớn đến lĩnh vực lý thuyết về văn chương và lý thuyết về ý thức hệ mác-xít. Trong tác phẩm quan trọng xuất bản năm 1927 này, ông đã cố gắng tích hợp lĩnh vực ngôn ngữ học với chủ nghĩa Marx, trên cơ sở kế thừa tư tưởng của Wilhelm von Humboldt và Ferdinand de Saussure, để chỉ ra rằng ngôn ngữ là một thực thể vật chất, một hệ thống ký hiệu mang tính xã hội cao, được hình thành bởi tiến trình tổng hợp liên tục và mang tính sáng tạo, đồng thời là cơ sở để hình thành ý thức. Bên cạnh đó, ngôn ngữ còn là công cụ quan trọng nhất để định hình và bành trướng các loại hình ý thức hệ. Tư tưởng của ông đã dự báo sự ra đời của chủ nghĩa hậu cấu trúc nhiều thập niên sau, và ảnh hưởng tới ngành nhân chủng ngôn ngữ học.

Jørgen Jørgensen (1894–1969): nhà triết học Đan Mạch, đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa thực chứng logic. Ông chịu ảnh hưởng của Russell và Carnap.

Étienne Gilson (1884 – 1978): nhà triết học và sử học Pháp. Là một chuyên gia hàng đầu về lịch sử triết học trung đại, ông từng theo học với Victor Delbos, Durkheim và Levy–Bruhl, sau đó giảng dạy về triết học thời kỳ Trung đại tại Sorbonne, Collège de France, Đại học Harvard... Ông bảo vệ sự trong sáng của truyền thống triết học Thiên Chúa giáo trước sự “tấn công” của chủ nghĩa hiện sinh. Ông từng là cố vấn cho Chính phủ Pháp trong Hội nghị San Francisco (1945) thành lập Liên Hợp Quốc.

Martial Gueroult (1891 – 1976): nhà triết học và lịch sử triết học Pháp. Ông có nhiều đóng góp đặc biệt quan trọng trong nghiên cứu về lịch sử triết học. Tốt nghiệp Đại học Sư phạm phố d’Ulm, ông giảng dạy tại Sorbonne rồi

chuyển sang làm Chủ nhiệm Bộ môn “Lịch sử và công nghệ của các hệ thống triết học” tại Collège de France. Ông có nhiều kiến giải độc đáo về triết học thời kỳ trung đại và triết học Descartes.

Arthur O. Lovejoy (1873–1962): nhà triết học và lịch sử tri thức người Mỹ, sáng lập ngành lịch sử tư tưởng, nổi tiếng với những phê phán về chủ nghĩa thực dụng.

FREUD, S. [1930] (2009). Cảm giác bất ổn với văn hóa. Lê Thị Kim Tuyền dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

KANT, I. [1781] (2004). Phê phán lý tính thuần túy. Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú thích. Hà Nội: Nxb. Văn học.

Henry Corbin (1903 – 1978): nhà triết học, dịch giả và nhà nghiên cứu phương Đông người Pháp, học giả hàng đầu về Hồi giáo và các tôn giáo vùng Trung Đông. Ông từng sang Đức để trao đổi triết học với Heidegger.

Lucien Barbedette (1890 – 1942): nhà triết học theo chủ nghĩa vô chính phủ người Pháp. Ông có nhiều nghiên cứu giá trị về tâm lý học và triết học thời trung đại.

Emmanuel Mounier (1905–1950): nhà triết học Pháp, thủ lĩnh tinh thần của chủ nghĩa nhân vị tại Pháp, sáng lập viên và giám đốc của tạp chí *Espirit*. Sau khi tốt nghiệp với thành tích xuất sắc tại Đại học Sorbonne, ông tham gia giảng dạy và viết sách. Tác phẩm *The Personalist Manifesto* [Tuyên ngôn của chủ nghĩa nhân vị] tạo được ảnh hưởng lớn từ những thập niên 1930. Ông cũng thẳng thắn lên án chủ nghĩa toàn trị và sự dính líu của Vatican vào nền chính trị quốc tế.

Alexandre Kojève (1902–1968): nhà triết học Pháp gốc Nga. Các bài giảng triết học của ông đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của các thế hệ triết gia Pháp sau chiến tranh, trong đó có Jean–Paul Sartre, Maurice Merleau–Ponty, Jacques Lacan... Ông còn có đóng góp đặc biệt quan trọng thông qua việc dịch các tác phẩm triết học của Hegel từ tiếng Đức sang tiếng Pháp. [Tham khảo: KIÊN, Nguyễn Trung (2012a)].

Valentino F. Asmus (1894 – 1975): nhà triết học Nga. Ông là một trong số ít các nhà triết học độc lập với trường phái mác-xít chính thống, và duy trì được truyền thống triết học cổ điển châu Âu trong thời kỳ đầu của nền triết

học thuật Xô–viết. Các nghiên cứu của ông về triết học Kant được đánh giá cao.

Berdyaev, N. A. [1939] (2015). Con người trong thế giới tinh thần: Trải nghiệm triết học cá biệt luận. Nguyễn Văn Trọng dịch, giới thiệu và chú giải. Hà Nội, Nxb Tri thức.

Otto Fenichel (1897–1946): nhà luận phân tâm người Áo, thuộc thế hệ thứ hai. Ông thuộc trường phái “luận phân tâm mác-xít”, cùng với nhiều thành viên quan trọng khác như Erich Fromm, Wilhelm Reich, Ernst Simmel...

Karl Popper (1902–1994): nhà triết học Anh gốc Áo. Ông được xem là một trong những nhà triết học về khoa học vĩ đại nhất trong thế kỷ XX. Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của phương pháp thử và sai trong quá trình phát triển của khoa học. Ông cũng để lại nhiều nghiên cứu đặc biệt giá trị về triết học xã hội và triết học chính trị. Ông là người ủng hộ nhiệt thành cho nền dân chủ tự do, và những nguyên lý về phê bình xã hội của ông đã trở thành nền tảng cho việc xây dựng xã hội mở và đa nguyên.

NIETZSCHE, F. [1885] (1999). Zarathustra đã nói như thế. Trần Xuân Kiêm dịch, Quang Chiến giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Văn học (Tủ sách Nghiên cứu).

Alfred Delp (1907 – 1945): nhà nghiên cứu triết học Đức, từng bị đi tù vì lãnh đạo phong trào chống Đức Quốc xã trong những năm chiến tranh.

NIETZSCHE, F. [1886] (2008). Bên kia thiện ác. Nguyễn Tường Văn dịch. Hà Nội: Nxb. Văn hóa thông tin.

Walter Benjamin (1892–1940): nhà triết học, phê bình văn học, phê bình xã hội người Đức, một trong những trụ cột của trường phái Frankfurt. Thông qua việc kết hợp chủ nghĩa duy tâm Đức với chủ nghĩa duy vật lịch sử và huyền thoại Do Thái giáo, ông đã để lại những đóng góp đặc biệt quan trọng cho ngành mỹ học và chủ nghĩa Marx tại phương Tây. Benjamin tự tử vào năm 1940 khi cố gắng trốn thoát khỏi phát-xít Đức.

Tham khảo: KIÊN, Nguyễn Trung (2012b).

Anna Freud (1895–1982): nhà luận phân tâm Áo, con gái của Sigmund Freud. Bà có công trong việc ứng luận phân tâm để phân tích tâm lý trẻ em và những nghiên cứu về tầm quan trọng của bản ngã.

Alfred Ayer (1910–1989): nhà triết học Anh, đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa thực chứng logic. Ông giảng dạy logic học trong nhiều năm tại University College London và Đại học Oxford.

FROMM, E. (2012). Phân tâm học và tôn giáo. Lưu Văn Hy dịch. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa.

KANT, I. [1788] (2007). Phê phán lý tính thực hành: Đạo đức học. Bùi Văn Nam Sơn dịch, chú giải. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Bản dịch tiếng Anh của tác phẩm này đã được Nxb. Đại học Northwestern (Mỹ) ấn hành vào năm 1970 (David Carr dịch), bản dịch tiếng Pháp được Nxb. Gallimard (Pháp) ấn hành vào năm 1976 (G. Granel dịch).

Karl Jaspers (1883–1969): nhà triết học và tâm thần học người Đức, có ảnh hưởng lớn đến triết học và tâm thần học hiện đại. Ông có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của chủ nghĩa hiện sinh tại Đức.

SARTRE, J. P. [1938] (1967). Buồn nôn. Phùng Thăng dịch. Sài Gòn: An Tiêm. Tái bản: SARTRE, J. P. [1938] (2008). Buồn nôn. Phùng Thăng dịch. TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Văn hóa Sài Gòn.

BACHELARD, G. [1938] (2009). Sự hình thành tinh thần khoa học: Góp phần luận phân tâm về sự hiểu biết khách quan. Hà Dương Tuấn dịch; Nguyễn Văn Khoa hiệu đính. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Henri Lefebvre (1901–1991): nhà triết học và xã hội học mác-xít người Pháp, nổi tiếng với những phê phán về đời sống thường ngày, và khái niệm kiến tạo không gian xã hội, bên cạnh các tác phẩm về phép biện chứng, về sự tha hóa và những phê phán đối với chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa cấu trúc.

Norbert Guterman (1900–1984): học giả và dịch giả người Pháp, theo đạo Do Thái. Ông cộng tác với nhà lý thuyết mác-xít Henri Lefebvre để dịch sang tiếng Pháp các tác phẩm của Marx thời trẻ. Sau đó, ông di cư sang Mỹ và trở thành biên tập viên của tạp chí cánh tả Monthly Review.

Ludwig Feuerbach (1804–1872): nhà triết học và nhân chủng học người Đức, ảnh hưởng lớn đến Karl Marx và Friedrich Engels. Ông ủng hộ chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa duy vật, đồng thời phê phán những mặt trái của

tôn giáo. Ông được coi là một trong những “cây cầu” về tư tưởng giữa Hegel và Marx.

Thư khố Husserl: được thành lập bởi Linh mục Herman Van Breda (1911–1974), một tu sĩ dòng Thánh Francis, khi đó là nghiên cứu sinh tại Viện Triết học Cao cấp Leuven thuộc Đại học Công giáo Louven, tại Thành phố Louven (Bỉ), nơi vợ chồng ông bà Husserl tị nạn chính trị trước sự truy bức của phát-xít Đức. Năm 1938, khi Husserl qua đời, trước mối đe dọa về sự phá hoại của phát-xít Đức đối với di cảo của Husserl, với sự đồng ý của người vợ Husserl và sự cố vấn của Maurice Merleau-Ponty, Breda và cộng sự đã di dời toàn bộ di cảo của Husserl (gồm hơn 40.000 trang bản thảo viết tay của Husserl) về Viện Triết học Cao cấp Leuven, và lưu trữ di cảo của Husserl từ đó cho đến nay. Để làm được việc này, Breda đã phải vận động Thủ tướng Bỉ khi đó là Paul-Henri Spaak để mang di cảo của Husserl từ thành phố Freiburg (Đức) (nơi Husserl sống và làm việc những năm cuối đời) tới Đại sứ quán Bỉ tại Đức rồi vận chuyển về Bỉ theo đường ngoại giao, vượt qua sự kiểm soát của quân đội phát-xít Đức, làm cơ sở để bảo tồn nguyên vẹn di cảo của Husserl và xuất bản Toàn tập Husserl (Husserliana) trong những năm sau chiến tranh, gồm 30 tập, xuất bản liên tục trong giai đoạn 1962–1996, với sự cộng tác đặc lực của Merleau-Ponty, Ludwig Landgrebe, Eugen Fink và Trần Đức Thảo. Họ cũng tham gia vào các hoạt động của Thư khố Husserl trong thời kỳ đầu. Thư khố Husserl ở Paris tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm được thành lập năm 1988, do Jean-François Courtine làm giám đốc. [Nguồn: LUẬT, Phạm Trọng (2004)].

Tạp chí triết học bằng tiếng Pháp xuất bản tại Bỉ, với sự cộng tác và hỗ trợ của Karl Popper và Bertrand Russell.

Jean Hyppolite (1907–1968): nhà triết học Pháp, có công lớn trong việc dịch và truyền bá triết học Hegel vào Pháp. Sau khi tốt nghiệp tại Trường Đại học Sư phạm phố d’Ulm cùng thời điểm với Jean-Paul Sartre, ông đã tự học tiếng Đức để đọc và sau đó dịch tác phẩm kinh điển của Hegel, Hiện tượng luận Tinh thần, từ tiếng Đức sang tiếng Pháp. Những bài giảng và công trình nghiên cứu về Hegel và Karl Marx của ông tại các trường đại

học đã góp phần quan trọng để hình thành nên một thế hệ triết gia Pháp mới, với nhiều tên tuổi lớn, trong đó có Trần Đức Thảo, Michel Foucault, Gilles Deleuze, Jacques Derrida và Étienne Balibar.

Nicola Abbagnano (1901-1990): nhà triết học hiện sinh người Ý. Ông ủng hộ chủ nghĩa duy nghiệm. Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi Husserl, Kierkegaard, Heidegger và Jaspers, nhưng tư tưởng triết học của ông có nhiều điểm gần gũi với các nhà triết học hiện sinh Pháp.

BERDYAEV, N. A. [1939] (2015). Con người trong thế giới tinh thần: Trải nghiệm triết học cá biệt luận. Nguyễn Văn Trọng dịch, giới thiệu và chú giải. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

KANT, I. [1790] (2007). Phê phán năng lực phán đoán: Mỹ học và mục đích luận. Bùi Văn Nam Sơn dịch, chú giải. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

TOCQUEVILLE, A. [1840] (2007). Nền dân trị Mỹ. Phạm Toàn dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính, giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

Marvin Farber (1901 – 1980): nhà triết học Mỹ, có công đầu trong sự phát triển của hiện tượng luận tại lục địa Bắc Mỹ. Ông phụ trách tờ tạp chí Philosophy and Phenomenological Research trong hơn 40 năm.

DESCARTES, R. [1641] (1972). Những suy niệm siêu hình học. Trần Thái Đình dịch và chú giải. Sài Gòn: Ra khơi xuất bản.

Gaston Berger (1896 – 1960): nhà triết học và tương lai học người Pháp sinh tại Senegal, nổi tiếng với nghiên cứu về triết học Husserl. Thời trẻ, sau khi phục vụ quân đội, ông theo học tại Đại học Aix-en-Provence và là học trò của Maurice Blondel, để lại nhiều nghiên cứu giá trị về tâm lý học và tương lai học. Ông có nhiều đóng góp lớn đối với quá trình hiện đại hóa hệ thống đại học Pháp vào những thập niên sau chiến tranh. Ông cũng có vai trò quan trọng trong trao đổi văn hóa giữa Pháp và Hoa Kỳ.

Albert Camus (1913–1960): nhà văn, nhà báo và nhà triết học hiện sinh Pháp. Ông là một trong những đại diện tiêu biểu nhất của chủ nghĩa hiện sinh trong văn chương. Tiếp thu truyền thống nhân văn của văn chương Pháp và chịu ảnh hưởng của khuynh hướng mác-xít, các tác phẩm của ông thể hiện sự tranh đấu chống lại chủ nghĩa hư vô và bảo vệ tự do của con người, mà tiểu luận L'Homme révolte [Sự nổi loạn của con người] là một

minh chứng tiêu biểu. Ông cũng là người bạn vong niên thân thiết của Jean–Paul Sartre. Ông được nhận giải thưởng Nobel Văn chương năm 1957.

THI, Nguyễn Đình: Triết học Nietzsche (1942), Triết học Kant (1942), Triết học Descartes (1943), Siêu hình học (1943), Triết học Einstein (1943). Hà Nội: Tân Việt (Tủ sách triết học)

Georges Bataille (1897–1962): nhà triết học và nghiên cứu văn học Pháp. Ông nghiên cứu rộng, từ triết học, xã hội học, kinh tế học, nhân chủng học tới văn chương và lịch sử nghệ thuật. Ông đặc biệt thành công với các tác phẩm nghiên cứu về dâm tính trong văn học. Những nghiên cứu của ông về chủ nghĩa duy vật dựa trên kinh nghiệm (thay vì theo hướng duy lý hóa) đã ảnh hưởng lớn đến các triết gia thế hệ sau, đặc biệt là Jacques Derrida. SARTRE, J. P. [1943] (1968). Hữu thể và hư vô. Sài Gòn: Giao Điểm.

Simone Weil (1909–1943): nhà triết học và nhà hoạt động chính trị người Pháp. Là một thần đồng, bà đã tự nghiên cứu triết học Hy Lạp từ năm 12 tuổi. Khi mới 10 tuổi, bà từng tuyên bố theo chủ nghĩa Bolshevik, và ít năm sau, bà tham gia các phong trào của công nhân. Bà là nữ sinh đầu tiên của Khoa Triết thuộc Đại học Sư phạm phố d’Ulm. Sau khi tốt nghiệp tại d’Ulm, bà dạy học một thời gian trước khi tự nguyện vào làm công nhân cho tập đoàn ô-tô Renault để hiểu thêm về đời sống công nhân. Bà mất trong chiến tranh vì bệnh lao, để lại sự nghiệp dang dở và niềm thương tiếc sâu sắc. Albert Camus từng ca ngợi bà là “tâm hồn vĩ đại duy nhất của thời đại chúng ta”.

Enzo Paci (1911–1976): nhà triết học Ý. Ông là đại diện tiêu biểu nhất của chủ nghĩa hiện sinh ở Ý. Ông đã truyền bá tư tưởng của nhà triết học của Edmund Husserl và triết học của Jean–Paul Sartre vào nền triết học Ý. Tác phẩm: Esistenzialismo e storicismo [Chủ nghĩa hiện sinh và Chủ nghĩa lịch sử] (1950), Fenomenologia e dialettica [Hiện tượng luận và truyền thống duy vật] (1974)...

Theodor W. Adorno (1903–1969): nhà xã hội học, triết học và âm nhạc học người Đức, nổi tiếng với lý thuyết phê phán xã hội và các tư tưởng về mỹ học. Ông là thành viên chủ chốt của trường phái Frankfurt. Trưởng thành

trong những thập niên bùng nổ của chủ nghĩa hiện sinh và chủ nghĩa thực chứng, ông và cộng sự đã sử dụng các tác phẩm của Hegel, Marx, Freud và truyền thống triết học Đức để phê phán chủ nghĩa phát-xít, xã hội công nghiệp hiện đại và nền văn hóa phương Tây đương đại. Tác phẩm *Dialektik der Aufklärung* [Biện chứng của Khai sáng] của ông ảnh hưởng sâu sắc tới phong trào cánh tả tại châu Âu.

Friedrich August von Hayek (1899 – 1992): nhà kinh tế học và nhà khoa học chính trị người Anh gốc Áo nổi tiếng. Hayek được biết đến qua lập luận ủng hộ cho chủ nghĩa tư bản trên thị trường tự do. Ông và Gunnar Myrdal nhận Giải thưởng Nobel Kinh tế học năm 1974.

HAYEK, F. A. [1944] (2009). Đường về nô lệ. Phạm Nguyên Trường dịch, Đinh Tuấn Minh hiệu đính, giới thiệu. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

NIETZSCHE, F. [1895] (2011). Kẻ phản Ki-tô: Thử đưa ra một phê bình Ki-tô giáo. Hà Vũ Trọng dịch. Hà Nội: Nxb. Tri thức (Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới).

COMTE, A. [1895] (1993). Các quy tắc của phương pháp xã hội học. Nguyễn Gia Lộc dịch. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Simone de Beauvoir (1908–1986): nhà văn, nhà triết học hiện sinh, nhà lý thuyết xã hội theo khuynh hướng mác-xít, nhà hoạt động chính trị người Pháp nổi tiếng. Bà là bạn thân và sau đó là vợ của Jean-Paul Sartre. Tác phẩm của bà rất đa dạng về đề tài và thể loại, nhưng bà thành công nhất với các tiểu thuyết. Tiểu thuyết *Les Mandarins* (1954), phản ánh vai trò và ảnh hưởng của giới trí thức Pháp trong những năm sau chiến tranh, đã được giải thưởng Prix Goncourt – giải thưởng văn học danh giá của Pháp.

Tạp chí chính trị, văn chương và triết học của Pháp, do Jean-Paul Sartre, Maurice Merleau-Ponty, Ramond Aron và Simone de Beauvoir thành lập năm 1945, quy tụ nhiều trí thức và văn nghệ sĩ hàng đầu của Pháp, bên cạnh bốn sáng lập viên, còn có những tên tuổi như Maurice Merleau-Ponty, Albert Camus, André Malraux, Jean Paulhan... Thời gian đầu, *Les Temps modernes* ảnh hưởng nhiều bởi chủ nghĩa hiện sinh của Sartre. Đến nay, tạp chí này đã phát hành được gần 600 số thường kỳ và rất nhiều số chuyên đề.

Roger Garaudy (1913–2012): nhà triết học mác-xít người Pháp. Ông tham gia kháng chiến chống lại sự xâm lược nước Pháp của phát-xít Đức trong Đại chiến thế giới II, và bị bắt làm tù binh. Sau chiến tranh, ông gia nhập Đảng Cộng sản Pháp, được bầu làm nghị sĩ quốc hội, đại diện cho tiếng nói của Đảng Cộng sản và các lực lượng cánh tả Pháp. Năm 1970, ông rời bỏ Đảng Cộng sản Pháp sau sự kiện Mùa Xuân Praha. Tác phẩm của ông tạo ra tranh luận sôi nổi.

POPPER, K. [1945] 2004. Xã hội mở và những kẻ thù của nó. Nguyễn Quang A dịch. Hà Nội: Tủ sách SOS2.

John Lewis (1889–1976): nhà triết học mác-xít người Anh. Ông nghiên cứu rộng, gồm cả nhân chủng học và tôn giáo. Ông để lại nhiều khảo cứu giá trị về triết học mác-xít. Ông cũng tham gia hoạt động chính trị với tư cách một trí thức cánh tả nhiệt thành.

Søren Kierkegaard (1813–1855): nhà triết học Đan Mạch, người khởi xướng thuyết hiện sinh Ki-tô giáo. Ông là cầu nối giữa triết học Hegel với chủ nghĩa hiện sinh. Ông để lại nhiều nghiên cứu giá trị về bản chất của niềm tin, đạo đức học và thần học Ki-tô giáo, trên cơ sở phê phán triết học Hegel. Triết học hiện sinh của ông được xây dựng trên nền tảng hữu thần, khác với triết học của Nietzsche hay Jean-Paul Sartre vốn được xây dựng trên nền tảng vô thần. Ludwig Wittgenstein ca ngợi ông là “nhà tư tưởng sâu sắc nhất của thế kỷ XIX”.

Georges Friedmann (1902 – 1977): nhà xã hội học Pháp. Ông tham gia kháng chiến và dạy học tại Đại học Sư phạm phố d’Ulm sau chiến tranh, tiếp nhận ảnh hưởng của chủ nghĩa Marx và có nhiều liên hệ với Đảng Cộng sản Pháp. Ông là cầu nối giữa xã hội học với truyền thống siêu hình học của triết học Pháp. Ông nhấn mạnh sự khác biệt giữa truyền thông và văn hóa đại chúng.

SARTRE, J. P. [1946] (1968). Hiện sinh – một nhân bản thuyết. Thụ Nhân dịch. Sài Gòn: Thế sự; SARTRE, J. P. [1946] (2015). Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản. Đinh Hồng Phúc dịch dịch. Hà Nội: Nxb Tri thức.

Danh sách này được sắp xếp theo thứ tự Alphabet của họ tên. Do thời gian có hạn, tôi chưa tra cứu được các tác giả và dịch giả: Cao Tôn, Kiến Văn,

Trần Văn Nam và Xuân Lộc. Kính mong nhận được sự lượng thứ và chỉ giáo của các tác giả, dịch giả và bạn đọc gần xa. (BS)

(1) Trong nguyên văn tiếng Trung là “Hạ ca”, cách gọi này thường dùng để chỉ tôn trọng trong các bậc đàn anh, chính vì thế khi Phúc Sinh nghe thấy liền có cảm giác Hạ Trường Ninh là xã hội đen (BTV)

(2) Vương Hy Phượng, còn gọi là Phượng ót – một nhân vật nổi tiếng sắc sảo, ghe gớm trong tiểu thuyết Hồng lâu mộng của Tào Tuyết Cần (BTV)

(3) Thím Tường Lâm là nhân vật trong truyện ngắn Lễ cầu phúc của Lỗ Tấn (BTV)

(1) Trong hệ thống giáo dục Trung Quốc có một trường dạy cho những người trưởng thành. Đối tượng đến học là những người đã thành niên nhưng chưa có đầy đủ kiến thức của các cấp. Trường này dạy đủ trình độ các cấp như cao đẳng, đại học, thạc sĩ (BTV)

(2) Tôm chân mềm: Chỉ người nhát gan (BTV)

(1) Nạp Tây: Một dân tộc thiểu số ở vùng Lệ Giang, sống chủ yếu ở khu vực thành cổ của thành phố Lệ Giang, tỉnh Vân Nam (BTV)

(2) Đào Tiềm (365-427) từng than rằng: “Ngã khởi năng vị ngô đầu mễ chiết yêu” (Sao ta lại có thể vì năm đấu gạo mà chịu khom lưng). Người đời sau dùng điển này để chỉ việc người quân tử không chịu vì lợi lộc mà luôn cúi kẻ tiểu nhân, có quyền thế, hoặc con người luôn phải canh cánh nỗi lo cơm áo gạo tiền (BTV)

(3) Biện Hòa: Xưa nước Sở có người tên Biện Hòa, tìm được viên đá ngọc quý bèn dâng cho Sở Lệ Vương, Lệ Vương đưa cho thợ làm ngọc xem, thợ nói: “chỉ là đá”. Vương bèn sai chặt chân trái Hòa. Lệ Vương mất, Hòa lại dâng lên Vũ Vương, Vũ Vương đưa cho thợ làm ngọc, lại nói rằng: “chỉ là đá”. Vũ Vương sai người chặt chân phải của Hòa. Vũ Vương chết, Văn Vương kế vị, Hòa ôm đá ngọc đến chân núi Sở khóc ba ngày ba đêm, lệ cạn mà chảy ra máu. Văn Vương nghe thấy, sai người hỏi nguyên do, bèn cho thợ làm ngọc xem kỹ, gia công được kho báu, bèn cho đặt là Ngọc Biện Hòa. Về sau, những viên ngọc tuyệt thế đều được gọi là ngọc Biện Hòa (BTV)

(4) Thơ ty: Chức quan thể tập của thủ lĩnh các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc thời Nguyên, Minh, Thanh; ở Việt Nam thời trước cách mạng tháng Tám (BTV)

(1) Trích trong sách Liệt tử, thiên Hoàng đế, có nghĩa là: Ai coi trọng bề ngoài thì nội tâm nhất định sẽ kém cỏi (ND)

(1) Trích trong “Thư gửi Trần Bá Chi” của Khuưu Trì (464-508, tác gia thời Nam Bắc Triều) dịch nghĩa: Mùa xuân tháng ba, cỏ cây Giang Nam tươi tốt, hoa cỏ sinh sôi, bầy oanh chao liệng (BTV)

(2) Trà viên thường có hai loại, một là nơi trồng trà, hai là nơi uống trà giải trí. Trà viên ở trong truyện bao gồm cả hai hình thức trên (BTV)

(3) Trích trong bài từ Thoa đầu phong của Lục Du, nghĩa là: Đôi tay xinh đẹp của nàng nâng chén rượu ngon. Bài từ được làm khi Lục Du và người vợ bị bắt ép phải ly biệt là Đường Uyển trùng phùng ở vườn thăm, ông đề bài từ lên tường, Đường Uyển cũng họa lại một bài, không lâu sau nàng u uất mà chết (BTV)

(4) Thâu đắc phù sinh bán nhật nhân: Câu thơ trong bài Đề Hạc Lâm tự bích (Đề trên tường chùa Hạc Lâm) của nhà thơ đời Đường, Lý Thiệp, nghĩa câu thơ là giải thoát bản thân khỏi sự phiền não, buồn chán để bản thân tới một nơi thoát tục, tu dưỡng tâm hồn (ND)

(1) Trích trong sách Mạch Tử, thiên Cáo Tử thứ mười lăm, có nghĩa là: Phàm những người nhận nhiệm vụ của trời ban thì bản thân phải chịu vất vả, tôi rèn tâm chí trước tiên (ND)

(2) Super Boy: Một cuộc thi giọng hát hay dành cho nam giới của đài truyền hình Hồ Nam, tổ chức hai năm một lần (ND)

(1) Những trợ từ trong Hán văn cổ (BTV)

(2) Ba Y: Trong tiếng của dân tộc Duy Ngô Nhĩ và Kazakhstan có nghĩa là tài chủ, chỉ những người tiêu tiền (ND)

(3) Túy Ông đình ký: Một bài văn nổi tiếng của Âu Dương tu (BTV)

(4) Effendi: Một nhân vật nổi tiếng thông minh, tài trí trong truyền thuyết của dân tộc Đột Quyết ở Tân Cương (BTV)

(1) Lúc này tình cảm và cách nhìn nhận của Ninh Phúc Sinh đối với Hạ Trường Ninh có sự thay đổi, nên người dịch cũng thay đổi ngôi thứ ba

(ND)

(1) Là ép thành từng bánh hình tròn (BTV)

(1) Trong tiếng Trung, cụm từ “ăn đậu phụ” còn chỉ hành vi thân mật nam và nữ (BTV)

(1) Nghĩa là sau khi thất bại liền cảm thấy bất lực. Sau này dùng để chỉ tính cách mạnh mẽ, ương ngạnh trở nên dịu dàng, mềm mỏng (ND)

(1) Trong tiếng Trung, từ “cố lên” có nghĩa đen là “thêm dầu”(BTV)

(2) Diệt Tuyệt sư thái: Chương môn phái Nga My trong tiểu thuyết Ý Thiên Đồ Long Ký của Kim Dung. Trong ngôn ngữ giới trẻ Trung Quốc phụ nữ được gọi là Diệt Tuyệt sư thái thường có học vị Tiến sĩ, tính tình nghiêm khắc (BTV)

(3) Đê Tô Công là một trong mười cảnh đẹp của Tây Hồ. Con đê rộng ba mươi sáu mét, phong cảnh rất đẹp (ND)

(4) Đôn Hoàng: Là một thị xã thuộc thành phố Tửu Tuyền, tỉnh Cam Túc (ND)

(5) Tả quyển là những sách vở còn lại ở di chỉ Đôn Hoàng. Tục văn hay còn gọi là thông tục văn, thường là những sáng tác thơ, văn, ca phú (ND)

(6) Đoàn từ: Một hình thức nghệ thuật dân gian vừa hát vừa nói, lưu hành ở các tỉnh miền Nam, Trung Quốc vào thời Thanh (ND)

(1) Em Lâm: Ý chỉ Lâm Đại Ngọc, một nhân vật trong tiểu thuyết Hồng Lô Mộng là tri âm tri kỷ của Giả Bảo Ngọc (ND)

(2) Châu Bát Bì: Là một địa chủ ác bá, một nhân vật phản diện điển hình dưới ngòi bút của nhà văn nổi tiếng Cao Ngọc Bảo, tên thật là Châu Xuân Phú (ND)

(1) Câu thơ của Ngô Xương Thạc – bậc thầy về thơ pháp, kim thạch thời cận đại; nghĩa là “hoa mai mười dặm thơm cả biển thuyết, giữa chốn đầy hoa mai, tựa mình như nhành lan” (BTV)

(2) Ninh Phúc Sinh xử xiên dáng vẻ Chanh Đa giống như Phan Kim Liên chờ Tây Môn Khánh (BTV)

(3) Hoàng phong vĩ hậu châm, tối độc phụ nhân tâm: Ong vàng kim châm sau đuôi, còn ác độc nhất chính là trái tim phụ nữ (ND)

(4) Vương Bảo Xuyên, nhân vật thời cổ đại, là con gái của tể tướng Vương Doãn dưới triều Đường ý Tông, không nghe lời cha mẹ dạy, lấy Tiết Quý Bình nghèo khó. Sau khi bị đuổi ra khỏi nhà, Tiết Quý Bình xung quân, Vương Bảo Xuyên một mình sống khổ cực suốt mười tám năm ở Hàn Dao. Sau này Tiết Quý Bình trở thành quan lớn trong triều đã đón Vương Bảo Xuyên về phủ, nhưng nàng chỉ hưởng cuộc sống hạnh phúc đúng mười tám ngày thì chết (BTV)

(5) Chữ bằng do hai bộ nhục tạo thành, ở đây Hạ Trường Ninh chơi chữ, nhục có nghĩa là thịt (ND)

(1) Bàn giặt quần áo: trước đây khi chồng có lỗi với vợ thường bị vợ phạt quỳ trước bàn giặt quần áo

(1) Tahiti: Tahiti là đảo lớn nhất của của Polynésie thuộc Pháp, nằm ở phía nam Thái Bình Dương. Đây là trung tâm kinh tế văn hóa và chính trị của Polynésie thuộc Pháp (ND)

(1) Cho tôm vào rượu, tôm sẽ say cho đến chết (ND)

(1) Câu chuyện về ngư phủ và vị thần trong Nghìn lẻ một đêm (BTV)

(2) Rượu nước hai: Rượu nước đầu là loại 75 độ, rượu nước hai có nồng độ nhẹ hơn

(3) Trong tiếng Trung từ “mất mặt” có nghĩa là không biết xấu hổ, không có thể diện, nghĩa mặt chữ là “đánh mất mặt” vì thế Phúc Sinh mới mắng Hạ Trường Ninh là đồ không cần mặt mũi, không cần da (BTV)

(1) Ngụ ý câu này là: Phật là bậc đại từ, đại bi và đại năng, là đấng giác ngộ, vì thế đâu cần nén hương của con người. Trong trường hợp này, Ninh Phúc Sinh vừa tự cổ vũ bản thân, vừa thầm mắng Ngũ Nguyệt Vy không xứng để cô phải tranh giành (BTV).

Quasimodo: Anh gù trong tiểu thuyết Nhà thờ Đức Bà Paris, còn được biết đến với tên “Thằng gù ở nhà thờ Đức Bà”.

Hai nữ minh tinh nổi tiếng của thập niên 80, 90 thế kỷ trước.

Hai người phụ nữ được biết đến với gương mặt không mấy xinh đẹp.

Nê và Nghê là hai từ đồng âm.

Nam uống hoócmon và chuyển đổi giới tính thành nữ.

“Ăn dấm” còn có nghĩa bóng là “ghen”.

“Trường hận ca” của Bạch Cư Dị.

Vong Xuyên: dòng sông dưới Địa ngục.

Gia, nghĩa gốc là ông, ở đây dùng để chỉ người có địa vị cao.

Dùng thủ đoạn phi pháp đối phó với chuyện phi pháp.

Người mặc áo xanh.

Đêm cói.

Cái bóng, ở đây ý chỉ về cái bóng đã xuất hiện bên Tinh Hồn lúc mới tới thế giới này.

Phòng ngách, phòng bên.

Kẻ biết võ.

Nam chính trong bộ phim “Bá Vương Biệt Cơ”, thừa nhỏ Trình Điệp Y bị bán tới đoàn kịch, trưởng đoàn đã đào tạo Trình Điệp Y thành hoa đán (diễn viên nam đóng vai nữ trong kinh kịch).

Vật dụng trong thư phòng: Giấy, nghiên, bút, mực.

Bài thơ “Oán tình” của Lý Bạch, Tản Đà dịch.

Một tổ hợp gồm nhà, sân, vườn.

Loại cây song tử điệp ở miền Đông Bắc, Trung Quốc.

Ông ngoại.

Trích đoạn trong bài “Liên vũ độc âm” của Đào Uyên Minh.

Tử khí đông lai nghĩa là “Mây tía từ phía đông đến”, mây tía chỉ sự may mắn phúc trạch.

Câu này ám chỉ những người con trai chuyên sống dựa dẫm vào con gái, là một câu mang nghĩa xấu.

Người điên.

Cách gọi anh em thân thiết trong nhà.

Con do chính thất sinh ra.

Tiểu di: Dì út.

Chỗ ngồi đặc biệt sang trọng.

Con trai của thân vương hay con trai của Thái tử cũng đều gọi là “Thế tử”.

Y phục theo hình con rắn dùng cho các vị thân vương, hoàng tử.

Trang phục hoàng cung.

Cây ngọc đón gió.

Trúng tiếng sét ái tình.

Mãng bào tứ trảo: Áo bào thêu hình mãnh xà bốn vuốt, biểu thị cho địa vị thân vương.

Trước đây Vĩnh Dạ xưng hô không rõ giới tính là dụng ý của tác giả.

Mình chàng đi xuống sông. Vĩnh Dạ có trăng song hành.

Đình xây giữa hồ.

Loại côn trùng có độc.

“Hồng” trong “hồng bài”, “quan” trong “tiểu quan”, “hồng quan” được hiểu là nam kỹ có địa vị nhất.

Hồng Hạnh là một nhân vật thời cổ đại của Trung Quốc đã trèo tường ra ngoài ngoại tình.

Người không có con là bất hiếu với tổ tiên.

Người bỏ tiền ra thuê.

Tiểu đình nằm cách cổng thành mười dặm.

Thái tử phi tương lai.

Trích bài thơ “Giang tuyết” của Liễu Tông Nguyên.

Miếng ngọc tròn, ở giữa rộng như đồng xu, từ tâm hướng ra có một khe hồng.

Chữ “phẩm” 品

Thiếp ghi ngày tháng năm sinh.

Chữ Tù: 囚

Chữ Khốn: 困 (nghĩa là “nhốt”).

Bằng 1/10 của một đấu.

Cầm sống: Vắn chuộc lại được; Cầm chết: bán đứt.

Người thuê mình.

Y phục ngày xưa thường có nhiều lớp, trung y là lớp áo mặc ở giữa.

Dịch nghĩa: Ráng chiều rơi xuống, cùng cánh cò đơn chiếc đều bay.

Cúng tế vào mùa thu.

Những vật tổ được coi như biểu tượng của một gia đình hoặc một tộc người.

Kim kê độc lập: Một thế võ mà người thi triển co một chân, đứng trên một chân.

Y phục mang lại sự may mắn.

Nhân vật Lỗ Chí Thâm trong Thủy Hử.

Lầu Hái Sao.

Thời phong kiến, họ đặt ra thất xuất đối với một người vợ để bó buộc người phụ nữ trong khuôn khổ gia đình. Thất xuất gồm có: Không con, tà dâm, không thờ cha mẹ chồng, lăm điều, trộm cắp, ghen tuông, bị bệnh khó chữa.

Mình chàng đi xuống sông. Vĩnh Dạ có trăng song hành.

Mãng phục: Một thứ phẩm phục, trên áo thêu như rồng nhưng kém rồng một vuốt.

Chữ ‘hồi’: 回

Nơi ngắm mặt trời lặn.

Cách gọi trang trọng.

Lều bày tỏ lòng hiếu kính với Tiên hoàng dành cho các quan.

Ngõ phía Đông.

Nơi giặt quần áo.

Non-player character.

Viết tắt của Personal Handy-phone System.

Nhân vật địa chủ ác bá trong tác phẩm “Gà gáy lúc nửa đêm” của nhà văn nổi tiếng Trung Quốc Cao Ngọc Bảo.

Âm người Trung Quốc dịch ra từ chữ Coca-cola.

Âm người Trung Quốc dịch ra từ chữ Pepsi.

Dân lấy việc ăn uống làm trọng.

Người Trung Quốc hay ví ngược người phụ nữ với đậu phụ.

Pethidine Hydrochloride : thuốc giảm đau tổng hợp, có tính chất giống morphin, nhưng Pethidine có tác dụng nhanh hơn và thời gian tác dụng ngắn hơn so với morphin.

Một dự án công ích xã hội do hội Thanh Cơ Trung Quốc khởi xướng, giúp đỡ các em nhỏ thất học ở những vùng nghèo khó được quay lại trường học, xây dựng nên Tiểu học Hy vọng, cải thiện điều kiện học tập cho trẻ em.

Audrey Hepburn (1929-1993) : diễn viên điện ảnh huyền thoại của những thập niên 1950, 1960, bà thường được xem là một trong những phụ nữ đẹp

nhất thế kỷ 20.

Cindy Crawford (20/2/1966): người mẫu nổi tiếng của Mỹ.

Thương hiệu Fast food nổi tiếng ở Bắc Kinh.

Richard Clayderman: (28/12/1953 -): Nhà diễn tấu đàn dương cầm nổi tiếng người Pháp.

Ý là đôi mắt thâm quầng giống như gấu trúc.

Một khu du lịch nổi tiếng ở đảo Hải Nam, Trung Quốc.

Hãng thời trang nam cao cấp nổi tiếng của Ý.

Trong tiếng Hán, âm đọc hai chữ “Chương Ngữ” và “cá mực” gần giống nhau, nên đã có sự nhầm lẫn.

Huyết áp cao, mỡ trong máu cao, đường trong nước tiểu cao.

Trong tiếng Hán, chữ co-la được phiên âm thành chữ “khả lạc”, cho nên, chỉ cần nghe tên Khả Lạc, mọi người đều liên tưởng ngay đến co-la.

Đông Dương, còn được gọi là bán đảo Trung-Ấn (Indochine) là khu vực Đông Nam Á lục địa, gồm: (1) Đông Dương thuộc Anh: Miến Điện, Mã Lai; (2) Xiêm; (3) Đông Dương thuộc Pháp (Đông Pháp): Việt Nam, Ai Lao, Cao Miên. Tên “Xứ Đông Dương” thường được dùng để chỉ Đông Dương thuộc Pháp. (HĐ)

2. Nguyên Giám đốc Học viện Ngoại giao, từng là: - Tham tán Công sứ Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp - Đại sứ Việt Nam tại Singapour - Đại sứ Việt Nam tại UNESCO và Tổ chức quốc tế Pháp ngữ.

1. Émile Chautemps (1850-1918): người giữ một số cương vị quan trọng trong chính phủ Pháp bấy giờ, bao gồm chức Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp năm 1895.

2. Armand Rousseau (1835-1896): Toàn quyền Đông Dương. Năm 1871 Rousseau bước chân vào chính trị, ông làm Ủy viên Hội đồng chung của cảng Brest (1871-1895), Thứ trưởng Công nghiệp (30/1-7/8/1882; dưới thời Thủ tướng C. de Freycinet), Chủ tịch Quốc hội (1883-1894), Thứ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc Địa (28/4-9/11/1885, dưới thời chính phủ Henri Brisson), Ủy viên Hội đồng Nhà nước (1885-1896), Thượng nghị sĩ Đảng Cộng hòa (1895-1896), Toàn quyền Đông Dương (12/1894-12/1896).

Ông mất ở Hà Nội khi còn đương nhiệm Toàn quyền Đông Dương (10/12/1896).

3. Finistère là một tỉnh của Pháp, thuộc vùng hành chính Bretagne, tỉnh lỵ Quimper.

4. Alexandre-Félix-Joseph Ribot (1842-1923): bốn lần giữ chức Thủ tướng Pháp (các nhiệm kỳ: 12/1892-4/1893, 1/1895-11/1895, 9/6/1914-13/6/1914, 3/1917-9/1917). * Các chú thích của tác giả sẽ được ghi tắt '(TG)', của dịch giả sẽ được ghi tắt '(DG)', của người hiệu đính sẽ được ghi tắt '(HĐ)' ở cuối chú thích, các chú thích còn lại là của nhóm biên tập OMEGA-Alpha Books.

5. Léon Victor Auguste Bourgeois (1851 -1925): kế nhiệm Ribot làm Thủ tướng Pháp từ tháng 11/1895-4/1896.

6. Pierre-Paul Guieysse (1841-1914): Bộ trưởng Thuộc địa trong nội các của Léon Bourgeois (1895-1896).

7. Charles Camille Julien Krantz (1848-1924): Bộ trưởng Công chính, Bộ trưởng Chiến tranh (5/1893-6/1893) trong nội các của Charles Dupuy (1898-1899).

8. Étienne Antoine Guillaume Richaud (1841-1889): từng giữ chức Chánh văn phòng của Bộ trưởng Bộ Thương mại và Thuộc địa, Tổng đốc Ấn Độ thuộc Pháp. Đầu năm 1888, ông được Chính phủ Pháp điều sang Đông Dương để tạm thời giữ chức Thống sứ Bắc Kỳ trước khi được bổ nhiệm làm Toàn quyền Đông Dương vào tháng 4/1888 thay cho Ernest Constans. Ngày 25/5/1889 ông được triệu hồi về nước. Khi tới vịnh Bengale, ông bị dịch tả và chết trên boong tàu Caledonia.

9. Paul Bert (1833-1886): nhà động vật học, sinh lý học người Pháp. Ông là nhà khoa học nổi tiếng, đã từng giữ chức Bộ trưởng Giáo dục của Pháp (1881-1882). Đầu năm 1886, ông được bổ nhiệm làm Toàn quyền Lưỡng kỳ (Bắc – Trung) tại Đông dương và mất tháng 11 cùng năm vì bệnh kiết lỵ.

10. Palais Bourbon là tên thường gọi của tòa nhà Quốc hội Pháp hiện nay, công trình nằm bên bờ sông Seine, thuộc Quận 7 thành phố Paris. Được nữ Công tước Louise Françoise de Bourbon - con gái vua Louis XIV - cho xây

dựng từ năm 1722, Palais Bourbon tiếp tục được người cháu nội là Hoàng thân Louis V Joseph de Bourbon-Condé mở rộng trong nhiều năm. Tới thời kỳ Cách mạng Pháp, cung điện được chọn làm trụ sở của quốc hội và giữ vai trò này hầu như liên tục đến tận ngày nay.

11. André Lebon (1859-1938): Bộ trưởng Thương mại, Công nghiệp và Bưu chính (1/1895-10/1895), Bộ trưởng Thuộc địa (1896-1898).

12. Điện Élysée (tiếng Pháp: Palais de l'Élysée) là dinh Tổng thống Cộng hòa Pháp, nhiệm sở chính thức của tổng thống kể từ khi bắt đầu nền Đệ nhị Cộng hòa Pháp vào năm 1848. Nó nằm ở số 55 phố Faubourg-Saint-Honoré, gần đại lộ Champs-Élysées phía quảng trường Concorde, thuộc quận 8 thành phố Paris.

13. Raymond Poincaré (1860-1934): Chính khách Pháp, năm lần giữ chức Thủ tướng và là Tổng thống Đệ tam cộng hòa Pháp (18 /2/1913-18/2/1920). Ông thuộc Liên minh dân chủ.

14. Paul Delombre (1848-1933): Luật sư, Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp, Bưu chính (1898-1899).

15. Louis Adolphe Cochery (1819-1900): Thượng nghị sĩ Pháp.

16. Étienne Clémentel (1864-1936): Thượng nghị sĩ người Pháp, Bộ trưởng Thuộc địa (1905-1906).

17. Félix Jules Méline (1838-1925): Thủ tướng Pháp (1896-1898).

18. Emmanuel Arène (1856-1908): Chính khách kiêm nhà văn người Pháp.

19. Jean Louis Barthou (1862-1934): Thủ tướng Pháp (3/1913-9/1913).

20. Georges Leygues (1857-1933): Thủ tướng Pháp kiêm Bộ trưởng Ngoại giao (1920-1921).

21. Léon Victor Auguste Bourgeois (1851-1925): Thủ tướng Pháp (1895-1896).

22. Eugène Henri Brisson (1835-1912): hai lần giữ chức Thủ tướng Pháp (1885-1886 và 6/1898-11/1898).

23. Fernand Faure (1853-1929): Nghị sĩ Quốc hội Pháp, Thượng nghị sĩ Pháp thời Đệ tam Cộng hòa.

24. Henri Maurice Berteaux (1852-1911): Bộ trưởng Quốc phòng Pháp (1904-1905).

25. Pierre Adolphe Émile Maruéjols (1835-1908): từng giữ chức Bộ trưởng một số bộ trong thời Đế tam Cộng hòa.
26. Charles Dupuy (1851-1923): ba lần giữ chức Thủ tướng Pháp (4/1893-12/1893, 1894-1895 và 1898-1899).
27. Một xã thuộc địa phận Asine vùng Picardy, miền Bắc nước Pháp.
28. Nguyên văn: ‘coloniaux’, ở đây chỉ giới quân sự và dân sự người Pháp đã từng làm việc, sinh sống tại thuộc địa.
29. Montmartre và La Madeleine là hai địa điểm đều ở Paris. Câu này hàm ý thuyền trưởng Malaval thông thạo và thường xuyên đi lại trên tuyến hàng hải viễn dương Marseille – Yokohama (Nhật Bản) cũng như người dân Paris đi dạo từ Montmartre đến quảng trường La Madeleine.
30. Dặm biển (hải lý), 1 hải lý = 1,852 cây số.
31. Eo giữa đảo Corse của Pháp ở phía Bắc và đảo Sardinia của Ý ở phía Nam. (DG)
32. Sémillante: một tháp làm bằng đá, được dựng lên để tưởng nhớ thảm họa đắm tàu Sémillante của Pháp. Năm 1855, con tàu chiến Sémillante của Pháp chở 600 binh lính đã gặp phải một trận bão lớn khiến tàu va vào đá, khiến toàn bộ binh lính trên tàu thiệt mạng.
33. Tác phẩm L’agonie de la Sémillante (tạm dịch: Sémillante hấp hối) của văn hào Pháp Alphonse Daudet (1840-1897).
34. Eo biển nằm giữa một bên là thành phố Messina trên đảo Sicily của Ý ở phía tây và một bên là thành phố Reggio Calabria cũng của Ý trên đất liền ở phía đông. (DG)
35. Sicile: tên tiếng Anh là Sicily.
36. Núi lửa ở phía đông bắc đảo Sicile. (DG)
37. Homer (khoảng thế kỷ VIII trước công nguyên): là một trong những nhà thơ Hy Lạp cổ đại, tác giả của hai tác phẩm Illiad và Odyssey nổi tiếng thế giới..
38. Hai quái vật trong thần thoại Hy Lạp chuyên hút nước biển vào rồi phun ra những xoáy nước mạnh, gây nguy hiểm cho thuyền bè qua lại.
39. Chỉ Napoléon Bonaparte trong chiến dịch Ai Cập giai đoạn 1798-1801. (DG)

40. Khi tác giả viết cuốn hồi ký này, Ai Cập đang là thuộc địa của Anh. (DG)
41. Cảng, đồng thời là mỏm cực Bắc của Tunisia ở Bắc Phi trông ra Địa Trung Hải. (DG)
42. Thuộc địa của Anh ở mỏm cực Nam Tây Ban Nha, trông sang châu Phi. (DG)
43. Crète có nhiều dân tộc và nhiều tôn giáo. (DG)
44. Được cổ vũ bởi thành công của kênh đào Suez, người Pháp, dưới sự chỉ huy của Ferdinand de Lesseps, đã bắt đầu xây dựng một kênh đào ngang mực nước biển thông qua tỉnh Panama vào ngày 1/1/1880. Năm 1893, sau khi đã thực hiện một khối lượng công việc lớn, người Pháp đã phải từ bỏ kế hoạch của mình do bệnh tật và khó khăn, thiệt hại lớn về nhân lực cũng là một trong các yếu tố chính của thất bại này: ước tính có tới 22.000 công nhân đã chết trong thời gian xây dựng công trình này (1881-1889).
45. Charles de Freycinet (1828-1923): bốn lần giữ chức Thủ tướng của Pháp (1879-1880, 1882-1882, 1886-1886 và 1900-1902), hai lần giữ chức Bộ trưởng Bộ Chiến tranh (1888-1893 và 1898-1899). Sự kiện kênh Suez rơi vào tay Anh và Pháp mất dần quyền kiểm soát kênh diễn biến như sau: Kênh Suez được xây dựng từ năm 1859 tới năm 1869 bằng vốn của các công ty tư nhân Pháp. Kết thúc công trình, Ai Cập nắm giữ 44% giá trị, phần còn lại do 21.000 người Pháp cùng nắm giữ. Năm 1875, Ai Cập bán phần của mình cho Anh. Năm 1882, Anh đưa quân đội đến đóng trên các bờ kênh, chiếm được quyền kiểm soát kênh đào này. (DG)
46. Tức Chủ tịch Công ty Kênh đào Suez. (DG)
47. Chi Biển Đỏ vì biển này dài và hẹp như một con lạch.
48. Vịnh thuộc Pháp ở Đông Phi; bờ vịnh phía bắc có thành phố Tadjoura, bờ phía nam có thành phố Djibouti. (DG)
49. Trên lãnh thổ Ethiopie. (DG)
50. Abyssinie hay Đế quốc Ethiopie là tên gọi một quốc gia xưa mà lãnh thổ nay là Eritrea và nửa Bắc của Ethiopie ở Đông Phi. Abyssinie cũng là tên cổ xưa của nước Ethiopie hiện nay. (DG)

51. Nguyên văn ‘le roi Ménélick’: tức Hoàng đế Menelik Đế nhị của Ethiopia (1844-1913), người đã mở mang bờ cõi Ethiopia và kiến lập đế chế mới, năm 1896 ông chiến thắng Ý ở Eritria và Ý buộc phải ký hiệp ước công nhận độc lập và chủ quyền toàn vẹn của Ethiopia. Ở chương 5 tác giả giải thích quan điểm của người Pháp lúc bấy giờ chỉ gọi những người cai trị của những dân tộc thuộc địa hoặc nhược tiểu ở các châu lục khác là vua (roi), không gọi là Hoàng đế (empereur).
52. Djibouti nằm bên Biển Đỏ, do đó thông ra đường hàng hải đi qua kênh đào Suez.
53. Mũi cực đông của “Sừng châu Phi” thuộc Somalia. (DG)
54. Đảo trong vịnh Aden và thuộc Nam Yemen. (DG)
55. Cape Comorin (tên cũ), nay là Kanyakumari, điểm cực nam của bán đảo Ấn Độ.
56. Tức Sri Lanka ngày nay.
57. Nguyên văn ‘La mer de Chine’ (Biển Trung Hoa hoặc Biển Nam Trung Hoa): địa danh cũ chỉ Biển Đông; ngày nay Việt Nam gọi là Biển Đông, nhiều nước khác gọi là Biển Đông Nam Á.
58. Eo biển nằm giữa bán đảo Mã Lai và đảo Sumatra của Indonesia.
59. Tức Thái Lan.
60. Tức Hong Kong.
61. Tức Bangkok.
62. Các Thuộc địa Eo biển: chỉ một nhóm các thuộc địa của Anh ở Đông Nam Á, được thành lập vào năm 1826 bao gồm 4 khu định cư riêng biệt là Malacca, Dinding, Penang và Singapour.
63. Thời Paul Doumer, người ta chưa phân biệt Đông Bắc Á và Đông Nam Á mà gọi chung là Đông Á.
64. Nguyên văn ‘Poulo-Condore’: còn gọi là đảo Côn Lôn hoặc Côn Đảo, một quần đảo ngoài khơi bờ biển Nam Kỳ.
65. Nguyên văn: ‘Cap Saint-Jacques’ (Mũi Saint Jacques) là tên người Pháp đặt cho Vũng Tàu từ năm 1775 khi tàu thuyền của Bồ Đào Nha và Pháp bắt đầu ra vào vùng biển Vũng Tàu để buôn bán, trao đổi hàng hóa.

Người Pháp nói ‘au Cap Saint-Jacques’, tức là ‘ở Mũi Saint Jacques’ hoặc nói tắt là ‘au Cap’, dân ta đọc trại cụm ‘au Cap’ thành tên Ô Cấp.

66. Nguyên văn: 'Ti-Ouane'. Theo Trương Vĩnh Ký, đây là núi Tuy Vân, tức Thùy Vân (mây rủ), nay gọi là núi Minh Đạm, thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Núi nằm ở bờ biển, thuộc huyện Long Điền, cách thành phố Vũng Tàu 30km về phía Đông Bắc, nơi có bãi tắm Long Hải.

67. Nay gọi là núi Dinh Cố.

68. Tên cũ của Bãi Trước, Vũng Tàu.

69. Nguyên văn ‘administrateur’ (quan cai trị): ở đây chỉ quan chức người Pháp đứng đầu một hạt, một tỉnh. Sau khi chiếm xong ba tỉnh miền Đông gồm Gia Định, Định Tường, Biên Hòa (1862) và ba tỉnh miền Tây gồm Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên (1867), thực dân Pháp xóa bỏ cách phân chia địa giới hành chính cũ của triều Nguyễn. Lúc đầu Pháp gọi département thay cho phủ, gọi arrondissement thay cho huyện. Tuy nhiên, các cấp hành chính dưới cấp huyện thì vẫn được giữ nguyên như thời nhà Nguyễn độc lập là hai cấp: cấp tổng (tiếng Pháp là canton) và cấp làng xã (cấp tổng còn được duy trì tới tận năm 1945). Khoảng năm 1868, Nam Kỳ có 27 inspection (tiếng Việt gọi là “hạt thanh tra”, “địa hạt thanh tra”, “khu thanh tra” hay “tiểu khu thanh tra”, do Thanh tra cai trị). Về sau, inspection đổi thành arrondissement (tiếng Việt gọi là “hạt tham biện”, “khu tham biện” hay “hạt”). Đứng đầu arrondissement là administrateur, tiếng Việt gọi là Chánh tham biện. Dinh hành chính gọi là Tòa Tham biện nhưng dân cũng quen gọi là Tòa BỐ (giống như dinh quan BỐ chánh của nhà Nguyễn). Tham biện dưới quyền Phó Toàn quyền đóng ở Sài Gòn. Sau nữa “hạt” được đổi thành “tỉnh”, và chức Tham biện đổi thành Chủ tỉnh [Tỉnh trưởng] (Chef-province hay Chef de la province).

70. Nguyên văn ‘Lieutenant-Gouverneur’. Chức Thống đốc Nam Kỳ bị hủy bỏ theo sắc lệnh ngày 12-4-1888, thay thế bằng chức Phó Toàn quyền (Lieutenant-Gouverneur), trực tiếp đặt dưới quyền và thay mặt Toàn quyền Đông Dương, đặc trách cai trị xứ Nam Kỳ. (Sài Gòn là trụ sở thứ hai của Phủ Toàn quyền Đông Dương, sau Hà Nội). Tuy nhiên, trong dân gian vẫn thường quen gọi là ngài “Thống đốc Nam Kỳ”.

71. Xuồng tam bản giống như ghe câu, nhưng lớn hơn, có bốn bơi chèo, dùng để chuyên chở nhẹ, thường sử dụng để đi lại trên sông rạch. Tam bản xuất xứ từ tiếng Hoa “sàn bản” (tam bản = 3 tấm ván ghép), người Pháp phiên âm thành “sampan”.
72. Nguyên văn: Résident-Maire (Công sứ hoặc Đốc lý), tương đương với chức thị trưởng; cơ cấu chính quyền ở nước ta thời Đông dương thuộc Pháp được mô tả như sau: Đứng đầu hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn là viên Thị trưởng người Pháp (Maire). Hai thành phố Hà Nội và Hải Phòng tại Bắc Kỳ cùng thành phố Tourane (Đà Nẵng) tại Trung Kỳ, đứng đầu là viên Đốc lý người Pháp (Résident-maire). Bên cạnh viên Thị trưởng hay Đốc lý là Hội đồng thành phố (Conseil Municipal) đối với thành phố loại I hoặc Ủy hội thành phố (Commission Municipale) đối với thành phố loại II. Thành viên của Hội đồng hoặc Ủy hội gồm cả người Pháp lẫn người Việt; Hội đồng thành phố Sài Gòn được lập năm 1869, Ủy hội thành phố Chợ Lớn lập năm 1879, Hội đồng thành phố Hà Nội và Hải Phòng lập năm 1888 và Ủy hội thành phố Tourane lập năm 1908.
73. Tức Thủ đô Phnom Penh của Campuchia.
74. Tức Myanmar.
75. Tức Lào.
76. Trấn Ninh: là đất của Lào, có thời là lãnh thổ phiên thuộc của Đại Việt thời Hậu Lê và thời Nguyễn.
77. Ngày nay gọi là Vịnh Bắc Bộ.
78. Tức sông Hàn (nguyên tác dùng tên Tourane, tên gọi của Đà Nẵng thời Pháp thuộc.)
79. Chỉ các dân tộc của các quốc gia trong vùng Đông Nam Á.
80. Ngụ ý các cố vấn Pháp giúp Gia Long thống nhất đất nước. (DG)
81. Tác giả thêm tính từ “mới” để phân biệt với Đông Dương trước khi thuộc Pháp. (DG)
82. Đảo của Pháp trong Địa Trung Hải. (DG)
83. Nơi này người Pháp gọi là đồi Hải cốt (Ossuaire), còn người dân địa phương gọi là nghĩa trang Y Pha Nho (Tây Ban Nha). Nghĩa trang nằm trên

một quả đồi nhỏ gần cảng Tiên Sa thuộc bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng ngày nay.

84. Chi Đệ nhị Đế chế dưới thời Napoléon III. (DG)

85. Quân cảng bờ tây bắc nước Pháp. (DG)

86. Mũi cực nam của châu Phi. (DG)

87. Nguyên văn: 'absinthe', một loại rượu mùi có nguồn gốc từ Thụy Sĩ.

88. Norodom (1834-1904), còn có tên là Ang Vody (Norodom là tên hiệu khi lên ngôi), là vua Campuchia từ năm 1860 đến năm 1904.

89. Các tài liệu khác đều ghi 'Doudart de Lagrée'. (HĐ)

90. Hòa Mộc: một địa điểm bên bờ sông Lô cách thành Tuyên Quang vài dặm đường về phía đông nam. Trận Hòa Mộc năm 1885 là cuộc chiến quyết liệt trong cuộc chiến Pháp – Thanh, trong trận này quân Thanh vây hãm thành Tuyên Quang hơn một tháng trời, khiến Pháp phải kéo quân tới giải vây. Tuy bị thiệt hại nặng do bị quân Thanh tấn công, song cuối cùng quân Pháp đã phá vỡ được vòng vây và củng cố được vị trí chiến lược của mình ở khu vực sông Lô.

91. Bấy giờ là thời vua Quang Tự, Thanh Đức Tông nhà Thanh.

92. Đây chỉ trận đánh Trấn Nam Quan trong chiến tranh Pháp-Thanh, xảy ra ngày 23-24/3/1885, trong đó quân Pháp đại bại. (HĐ)

93. Jules François Camille Ferry (1832-1893): hai lần giữ chức Thủ tướng Pháp (9/1880-11/1881 và 2/1883-4/1885).

94. Chỉ việc Pháp không hoàn toàn làm chủ được Bắc Kỳ do sự chiếm cứ các vùng núi phía Bắc bởi các toán quân Cờ Đen, Cờ Vàng...

95. Auguste Jean Marie Pavie (1847-1925): là công chức dân sự thuộc địa người Pháp, nhà thám hiểm và nhà ngoại giao, người đóng vai trò trọng yếu trong việc thiết lập quyền kiểm soát của Pháp tại Lào trong hai thập kỷ cuối của thế kỷ XIX. Pavie trở thành Phó công sứ Pháp tại Luang Prabang năm 1885, và cuối cùng là Thống đốc và Đặc nhiệm Toàn quyền Pháp tại Lào.

96. Tức Quảng Châu Loan. (HĐ)

97. Đất có thể chia ra thành hai lớp tổng quát hay tầng: tầng đất bề mặt, là lớp trên cùng nhất, ở đó phần lớn các loại rễ cây, vi sinh vật và sinh vật

khác cư trú, và tầng đất cái, tầng này nằm sâu hơn và thông thường dày đặc, chặt hơn cũng như ít các chất hữu cơ hơn.

98. Đón tại địa điểm mà nay là Xí nghiệp liên hợp Ba Son. Năm 1774, Nguyễn Ánh chiếm lại Sài Gòn. Song song với việc xây thành Bát Quái (Quy thành - 1790), Nguyễn Ánh đã cho lập xưởng Chu Sư (Thủy xưởng). Đến những năm đầu thế kỷ XIX xưởng đã mở rộng thành một công trường thủ công lớn là nơi sản xuất, sửa chữa mọi loại chiến hạm, nơi đặt lò đúc các hạng súng lớn nhỏ bằng đồng hay bằng gang, nơi tập trung hàng nghìn công nhân với nhiều ngành chuyên môn khác nhau. Năm 1861 Pháp chiếm Sài Gòn. Ngày 28/4/1863 chính phủ Pháp đã ký quyết định chính thức thành lập Thủy xưởng Ba Son, đặt trực thuộc Bộ Hải quân Pháp. Vì tầm quan trọng của xưởng này, năm 1884 chính phủ Pháp cho xây dựng thêm một ụ tàu lớn nữa để làm căn cứ sửa chữa tàu cho các hạm đội quân Pháp ở vùng Viễn Đông.

99. Công nho: do đọc trại chữ “công nhu” là quỹ dành cho việc chung, nhu cầu chung của làng, tức là công quỹ làng xã.

100. Dải đất nhô lên giữa sông.

101. Nguyên văn ‘tirailleurs annamites’ (lính khố đỏ An Nam): lính khố đỏ là lực lượng vũ trang của chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương, dùng người bản xứ làm quân đội chính quy trong việc đánh dẹp. Danh từ “lính khố đỏ” xuất phát từ quân phục của nhóm này gồm quần áo chèn, nón dẹp (sau đổi nón chóp) và dải thắt lưng màu đỏ buộc ở bụng, đầu dải buông thông ở bên giống như cái khố nên người dân Việt mới gọi là “khố đỏ” tuy thực tế người lính mặc quần chứ không phải khố. Lực lượng lính khố đỏ phân theo địa phương gồm lính khố đỏ Nam Kỳ, lính khố đỏ Bắc Kỳ (tirailleurs tonkinois) và lính khố đỏ Cao Miên (tirailleurs cambodgiens). Ngoài ra, thời bấy giờ còn có lính khố xanh (milicien à ceinture bleu, garde provincial) và lính khố vàng (milicien à ceinture jaune, garde royal à Hué) với nhiệm vụ bảo vệ an ninh, tuần tra. Lính khố xanh đóng ở các tỉnh, còn lính khố vàng đóng ở kinh đô Huế, lính khố lục canh gác phủ, huyện. Lính khố đỏ và lính khố xanh được gọi chung là lính tập.

102. Nguyên văn “Grand Phu Lang Giang” (“Phu Lang Giang Đại nhân”). Một số tên riêng và địa danh trong sách này bị phiên âm từ tiếng Việt ra tiếng Pháp không chính xác đã được căn cứ vào ngữ cảnh để chuyển ngữ ngược lại tiếng Việt. Ngữ cảnh dưới đây cho thấy nhân vật này chính là Phan Thanh Giản.

103. Thường được gọi là “ba tỉnh miền Đông”.

104. Thường được gọi là “ba tỉnh miền Tây”.

105. Nguyên văn ‘les chefs de canton’. Bộ máy hành chính từ cấp tỉnh trở xuống thời phong kiến được mô tả như sau: Đứng đầu tỉnh là Tổng đốc (mỗi người phụ trách hai, ba tỉnh và chuyên trách một tỉnh) và Tuần phủ (dưới Tổng đốc, chỉ phụ trách một tỉnh). Giúp việc có Bố chánh sứ ti lo về thuế khóa, hộ khẩu, hành chính; Án sát sứ ti lo về an ninh, luật pháp. Phụ trách về quân sự có chức lãnh binh. Tất cả các quan chức đứng đầu tỉnh đều do chính quyền trung ương trực tiếp bổ nhiệm. Dưới tỉnh là phủ, huyện, châu, tổng và xã. Quan chức của triều đình chỉ phân ra tới phủ huyện, từ tổng trở xuống thuộc về quyền tự trị của dân. Người dân tự lựa chọn lấy người của mình cử ra quản trị mọi việc tại địa phương được quan tỉnh sở tại duyệt y. Tổng gồm có vài làng hay xã, có một chánh tổng (cai tổng) và một phó tổng do Hội đồng Kỳ dịch (Kỳ mục) của các làng cử ra quản lý thuế khóa, đê điều và trị an trong tổng.

106. Trong những di sản văn hóa do triều Nguyễn để lại, có một loại cổ vật có giá trị lịch sử, mỹ thuật và văn hóa rất cao, được làm bằng nhiều chất liệu khác nhau, được gọi chung là thẻ bài. Từ tên chung là thẻ bài, tùy theo chất liệu làm nên chiếc thẻ mà có sự phân biệt là: kim bài (bài bằng vàng), ngân bài (bài bằng bạc), mộc bài (bài bằng gỗ), thạch bài (bài bằng đá)...; hay tùy theo công năng của từng chiếc thẻ mà gọi là: bội bài (bài để đeo), tín bài (bài làm tín vật), lệnh bài (bài giao việc)... Những thẻ bài này là vật dụng đặc biệt, dùng để ghi công hay để phân biệt danh tính, phẩm hàm, địa vị, chức phận của các hạng quý tộc, quan binh thời Nguyễn. Khởi thủy, vua Gia Long (1802-1820) cấp cho các quan trong Cơ Mật Viện một ngân bài (bài bằng bạc) để ra vào Đại nội. Năm 1834, vua Minh Mạng (1820-1841) bắt đầu cho làm các thẻ bài bằng vàng, gọi là kim bài, có đề bốn chữ Hán:

Cơ Mật Đại Thần để ban cho các quan lại cấp cao được sung vào Cơ Mật Viện. Tùy theo chức tước và phận sự, các thẻ bài do triều Nguyễn ban cho các quan được làm bằng vàng, bằng bạc mạ vàng hay bằng bạc. Từ năm Thành Thái thứ 16 (1906) trở đi, quan lại văn võ từ hàm thất phẩm trở lên nhận thẻ bài làm bằng ngà, từ thất phẩm trở xuống nhận thẻ bài làm bằng sừng trâu. (Nguồn: Bài Trang sức của quyền uy và ân thưởng của Trần Đức Anh Sơn đăng trên Trần Đức Anh Sơn's Cultural History and Scholarship Blog).

107. Trần Bá Lộc (1839-1899): là tay sai đắc lực của thực dân Pháp trong việc đàn áp nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân ở miền Nam Việt Nam vào những năm cuối thế kỷ XIX. Trong số những người bản xứ cộng tác với Pháp, viên Toàn quyền Paul Doumer ưu ái Bá Lộc hơn hết. Chính quyền Bảo hộ của Pháp biết tên này tàn ác song vẫn trọng dụng để thi hành sách lược dùng người bản xứ trị người bản xứ. Chức Tổng đốc Thuận Khánh là do Lộc tiếm xưng rồi Pháp thuận cho, nhưng sau khi đàn áp xong những cuộc khởi nghĩa ở Trung Kỳ và Nam Kỳ, chức danh này của Lộc bị thay bằng chức Tổng đốc danh dự Cái Bè (một huyện phía Tây tỉnh Tiền Giang). Sĩ phu Nam Kỳ vô cùng bỉ báng tên này, dù y có công trong việc làm hệ thống kênh đào ở Đồng Tháp Mười khiến việc giao thương nông sản hàng hóa dễ dàng và tăng cường khả năng tiêu nước vào mùa lũ.

108. Chức quan đứng đầu bộ máy cai trị một quận ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc.

109. Nguyên văn ‘Phủ’, ‘Huyện’: cách gọi tắt các chức vụ này. Tri phủ đứng đầu một phủ, Tri huyện đứng đầu một huyện.

110. Nguyên văn ‘Chevalier de la Légion d’honneur’: Bắc đẩu Bội tinh là huân chương cao quý nhất của Pháp do Napoléon Bonaparte đặt ra, gồm năm hạng: hạng nhất là Grand-croix de la Légion d’honneur (Đại Thập Tự), hạng nhì là Grand officier de la Légion d’honneur (Đại sĩ quan), hạng ba là Commandeur de la Légion d’honneur (Chỉ huy), hạng tư là Officier de la Légion d’honneur (Sĩ quan), hạng năm là Chevalier de la Légion d’honneur (Hiệp sĩ).

111. Nhân vật khổng lồ phàm ăn trong cuốn tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Pháp F. Rabelais (1494-1553).

112. Nguyên văn ‘reINETTE grise’: giống táo màu nâu nhạt, quả nhỏ, hương vị thơm ngon nổi tiếng, có xuất xứ từ Anh, được trồng ở nhiều nước châu Âu.

113. Đá ong.

114. Nguyên văn: ‘Les Moïs’ (nôm na là người Mọi, tức người Thượng): chỉ những tộc dân sinh sống tại Miền Thượng, sau này cũng gọi là Cao nguyên Trung Phần, hay Tây Nguyên, gồm những nhóm sắc tộc bản địa như Ba Na, Jarai, Ê đê, Cơ Ho, Mạ, Xơ Đăng, Mơ Nông...

115. Trước đây từ Sài Gòn vào Chợ Lớn có hai đường bộ: Một là “route haute” có nghĩa là “đường cao”, dân chúng gọi là đường trên, nay là Lý Tự Trọng và Nguyễn Trãi. Hai là “route basse” có nghĩa là “đường thấp”, dân chúng gọi là đường dưới, nay là đường Võ Văn Kiệt.

116. Nay là Xô viết Nghệ Tĩnh, Nguyễn Thị Minh Khai và Hùng Vương.

117. Tức Đỗ Hữu Vị (1883-1916): con trai út của Tổng đốc Phương, một phi công người Việt phục vụ trong Quân đội Pháp. Nhiều tài liệu cho rằng Đỗ Hữu Vị “là người Việt Nam đầu tiên lái máy bay chiến đấu”.

118. Vào thời này Nam Kỳ thịnh hành hai loại hình sân khấu là đờn ca tài tử và hát bội (hát tuồng).

119. Nguyên văn ‘Petchili’: Bắc Trục Lệ, một địa danh của Trung Hoa. Trục Lệ nghĩa là “trực tiếp bị kiểm soát”, biểu thị cho vùng đất nằm dưới quyền kiểm soát trực tiếp của triều đình trung ương Trung Hoa. Trục Lệ được thành lập từ thời nhà Minh, vào thời điểm kinh đô còn nằm ở Nam Kinh dọc Trường Giang. Năm 1403, Minh Thành Tổ dời đô về Bắc Bình, sau đó đổi tên thành Bắc Kinh. Khu vực Bắc Trục Lệ, giản xưng là “Bắc Trục” bao gồm lãnh thổ đại bộ phận tỉnh Hà Bắc và một phần nhỏ các tỉnh Hà Nam, Sơn Đông, cùng Bắc Kinh và Thiên Tân ngày nay. Ngược lại, khu vực quanh Nam Kinh được gọi là Nam Trục Lệ, giản xưng là “Nam Trục” bao gồm Thượng Hải, Giang Tô và An Huy hiện nay.

120. Bộ com-lê đuôi tôm của nam giới.

121. Nay là trụ sở Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh, đường Hàm Nghi, Quận 1.
122. Nay là Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.
123. Nay là Sở Giao thông Vận tải tại góc đường Pasteur-Lý Tự Trọng.
124. Trong ngữ cảnh này được hiểu là Bộ trưởng Thuộc địa.
125. Một lãnh thổ trực thuộc liên bang (Union Territory) của Ấn Độ. Đây là một vùng thuộc địa cũ của Pháp. Vào tháng 12 năm 2006, vùng này đổi tên chính thức từ Pondicherry thành tên gốc tiếng địa phương là Puducherry, có nghĩa là Làng Mới.
126. Đường bộ.
127. Tức Dinh Thống đốc.
128. Chúng tôi cố gắng bảo toàn phong cách của tác giả bằng cách giữ nguyên lời tự nhận mình là một con bạc tinh quái (partenaire malin). (DG)
129. Tức một năm trước khi Paul Doumer được bổ nhiệm làm Toàn quyền Đông Dương.
130. Trước khi là nghị sĩ Nam Kỳ, ông này là Thống đốc dân sự đầu tiên của Nam Kỳ.
131. Tên ông này được đặt cho công viên nay là Công trường Quách Thị Trang, trước chợ Bến Thành.
132. Đô đốc Émile de La Bédollière (1838-1901): quân nhân Pháp, giữ chức vụ Chuẩn Đô đốc trong giai đoạn 1893-1899. Tuy nhiên, trong giai đoạn này ông từng làm chỉ huy Sư đoàn Hải quân Viễn Đông và đảm nhiệm vai trò quyền Đô đốc trên chiến hạm Bayard.
133. Nelson (1758-1805), Đô đốc Anh đã thắng nhiều trận hải chiến chống hải quân của Napoléon. Ông tử trận trong trận hải chiến cuối cùng ở Trafalgar năm 1805.
134. Các pháo đài Vauban là 12 công trình phòng thủ do Nguyên soái Sébastien Le Prestre de Vauban, nhà công trình sư quân sự lỗi lạc của Pháp thiết kế vào nửa cuối thế kỷ XVII, nằm dọc theo biên giới nước Pháp. Vua Gia Long và các vua Nguyễn sau này đã học tập cách xây thành Vauban kiểu mới này từ người Pháp.
135. Nay là đảo Long Châu.

136. Lạch ở phía đông đảo Cát Bà.

137. Typhon (tiếng Anh: Typhoon): bão lớn Thái Bình Dương, là tên gọi chung những xoáy thuận nhiệt đới hình thành và phát triển ở vùng tây bắc Thái Bình Dương, một trong những trung tâm bão của trái đất; typhon chỉ loại bão có cường độ rất mạnh. Từ typhon có nguồn gốc từ tiếng Hán là “đài phong” hoặc từ touffon của tiếng Ba Tư (nghĩa là bão lớn); một vài nước khác trong khu vực Thái Bình Dương cũng có từ phát âm tương tự để chỉ loại bão này, người châu Âu gọi typhon hoặc typhoon là phỏng theo phiên âm của từ này (cũng như từ tsunami của Nhật); vì xuất xứ của từ typhon như vậy nên trong cuốn này nó được giữ nguyên không dịch.

138. Tên cảng Hải Khẩu theo hệ ngôn ngữ Á-Phi.

139. Tức vụ chiêm .

140. Tức vụ mùa.

141. Như nguyên văn, có thể là Vạn Chài (Đồ Sơn, Hải Phòng).

142. Nguyên văn “Pakhoi”.

143. Jean Marie Antoine de Lanessan: Toàn quyền Đông Dương giai đoạn 1891-1894.

144. Thuộc địa phận tỉnh Hải Dương.

145. Đây là Phủ Toàn quyền cũ gần bờ sông, nằm trên địa điểm ngày nay là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. (HĐ)

146. Nguyên văn ‘évêque in partibus’: Giám mục hiệu toà là Giám mục không có giáo phận. Chính xác hơn, vị Giám mục này đứng đầu một giáo phận chỉ có trên danh nghĩa, thường là một thành phố cổ đã từng có tòa Giám mục, vì lý do nào đó nay không còn. Giám mục hiệu toà thường thực hiện nhiệm vụ là một Giám mục phụ tá. Trong Công giáo Rôma, Giám mục hiệu toà nếu không là Giám mục phụ tá thì thường là sứ thần Tòa thánh hoặc người đứng đầu một cơ quan trong Giáo triều.

147. Nguyên văn ‘d’Excellence’: Đức ông hoặc Ngài; là cách gọi những người có tước vị cao như bộ trưởng, đại sứ, tổng giám mục... Hoàng Cao Khải (1850-1933) là nhà văn, nhà sử học và là đại thần thời vua Thành Thái triều Nguyễn. Hoàng Cao Khải được thăng chức Khâm sai Kinh lược Bắc Kỳ, tước phong Duyên Mậu quận công (1890). Năm 1897, Nha Kinh lược

Bắc Kỳ bị bãi bỏ, Hoàng Cao Khải được điều về Huế lãnh chức Thượng thư Bộ Binh và làm Phụ chính đại thần cho vua Thành Thái, hàm Thái tử Thái phó, Văn minh điện Đại học sĩ. Như vậy, Hoàng Cao Khải là viên Kinh lược sứ Bắc Kỳ cuối cùng của triều Nguyễn. Hoàng Cao Khải nổi tiếng là nhân vật thân Pháp, năm 1884 Pháp chiếm Bắc Kỳ, trong khi các phong trào chống Pháp nổi dậy Hoàng Cao Khải đã bắt tay với Pháp để đàn áp các phong trào này, điển hình là cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy.

148. Trên thực tế, người Bồ Đào Nha tuy có buôn bán, nhưng không đặt thương điểm ở Kẻ Chợ (Hà Nội). (HĐ)

149. Đại La, còn có các tên gọi khác là Đại La thành, Thành Đại La, La Thành, là tên gọi trước đây của Hà Nội trong hai thế kỷ VIII và IX. Dalila còn là tên một phụ nữ đẹp nổi tiếng trong Kinh Thánh.

150. Nay là hồ Hoàn Kiếm.

151. Nay là phố Tràng Tiền.

152. Vườn hoa Paul Bert, vườn hoa Chí Linh, nay là vườn hoa Lý Thái Tổ.

153. Nguyên văn “Résident général”: Chức vụ Tổng Trú sứ Trung-Bắc Kỳ (Résident général de l’Annam et du Tonkin) được đặt ra để thay mặt cho Chính phủ Pháp chủ trì mọi công việc đối ngoại của triều đình Việt Nam ở cả Bắc và Trung Kỳ. Tiếng Việt vào thời điểm Hòa ước Quý Mùi, 1883 được ký kết không quen dùng “trú sứ” hay “lưu trú quan” để dịch chữ résident, nhân lại sẵn có chữ consul nên mới gọi viên chức ấy là “công sứ”. Chức vụ này cũng thường được gọi ngắn gọn là “Tổng sứ” hay gọi là “Toàn quyền Lưỡng Kỳ” hoặc “Toàn quyền Trung-Bắc Kỳ”. Năm 1885, tướng Philippe Marie André Roussel de Courcy được cử sang Việt Nam với quyền hạn cai quản cả Bắc lẫn Trung Kỳ. Năm sau đó, Paul Bert được cử sang kế nhiệm. Trong dân gian, người ta thường gọi là Toàn quyền Paul Robert. Năm 1887 khi Liên bang Đông Dương hình thành thì chức vụ Toàn quyền Đông Dương được lập nên, nắm toàn quyền cai quản cả Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và Cao Miên; tới năm 1889 chức vụ Tổng sứ Trung Kỳ-Bắc Kỳ bị bãi bỏ. Trước đó, vào năm 1886, chức vụ Thống sứ Bắc Kỳ (Résident supérieur du Tonkin) và Khâm sứ Trung Kỳ (Résident supérieur de l’Annam) được đặt ra, khi đó còn dưới quyền trực tiếp của Tổng Trú sứ.

154. Nguyên văn: 'Rue des Cercueils'. Chính là phố Lò Sũ xưa kia chuyên đóng và bán áo quan (còn được gọi là Hàng Sũ), thế nhưng đến thờ nghề sũ trên phố lại thờ ông tổ nghề mộc và nghề rèn. Sở dĩ như vậy vì những người thợ sũ đều xuất thân từ nghề mộc và nghề rèn. Dân phường Hàng Sũ phần lớn từ làng Liễu Viên, Phương Dực (Thường Tín, Hà Tây cũ) đến thành Thăng Long cách đây hơn 200 năm. Tuy nhiên, nghề hàng sũ trên phố nay không còn, chỉ còn lại tên gọi mà thôi.

155. Nguyên văn 'nielleurs', từ này từ điển cho nghĩa “thợ khảm men huyền”, một loại thợ chạm hoặc dát vàng bạc.

156. Nguyên văn 'bois de fer', dịch chữ là “gỗ sắt”; ở Việt Nam có nhóm gỗ được gọi là tứ thiết gồm bốn loại gỗ quý và cứng như sắt là đinh, lim, sến, táu. Gỗ trắc còn có tên gọi là cấm lai, không nằm trong hàng tứ thiết, tuy nó là một loại gỗ quý ở Nam Kỳ; không hiểu vì sao tác giả lại mô tả đồ chạm khảm của Bắc Kỳ được làm trên nền gỗ trắc, vì thời đó Bắc Kỳ thịnh hành gỗ gụ, đồ gỗ truyền thống thường được gọi chung là sập gụ tủ chè.

157. Chi xã Kiêu Kỳ trước thuộc phủ Thuận Thành, Bắc Ninh, nay thuộc Gia Lâm, Hà Nội.

158. Các kỳ thi Nho học ở Việt Nam thời bấy giờ gồm thi Hương, thi Hội và thi Đình. Thi Hương là cấp thấp nhất, được tổ chức ở một số vùng, thi Hương có bốn kỳ: kỳ I: kinh nghĩa, thư nghĩa; kỳ II: chiếu, chế, biểu; kỳ III: thơ phú; kỳ IV: văn sách. Thi qua ba kỳ thì đỗ Tú tài (trước 1828 gọi là Sinh đồ), thường mỗi khoa lấy đỗ 72 người. Tuy có tiếng thi đỗ nhưng thường không được bổ dụng. Thi qua cả bốn kỳ thì đỗ Cử nhân (trước 1828 gọi là Hương cống). Thường mỗi khoa lấy đỗ 32 người, được bổ dụng làm quan nhỏ ở các địa phương, sau dần dần mới được thăng lên các chức cao hơn.

159. Kỳ Đồng tên thật là Nguyễn Văn Cầm (1875-1929), người làng Trung Lập, phủ Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên nay là xã Văn Cầm, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Ông vốn có tư chất thông minh từ nhỏ lại được cha, là nhà nho giỏi, dạy dỗ. Ông được chính phủ Pháp cấp học bổng sang học Trường trung học Alger, tốt nghiệp Tú tài khoa học và văn chương. Ông có lẽ là

người Việt đầu tiên đỗ Tú tài Pháp. Ở chương VII, tác giả sẽ nói rõ thêm về nhân vật này.

160. Độc giả có thể hình dung cảnh dựng lều thi của các sĩ tử qua đoạn văn này trong cuốn Lều chõng của Ngô Tất Tố: "... Vân Hạc mừng quá, chàng vội đeo các đồ đạc lại chỗ gần lều Khắc Mẫn. Nhanh nhẩu, Khắc Mẫn dỡ bộ lều chõng trên vai Vân Hạc xuống đất. Cởi hết mấy nuộc dây chằng, thầy lấy sáu chiếc gọng lều cắm làm hai hàng, để cho Vân Hạc vít những đầu gọng sâu vào các ống rỗng rọc. Rồi một người trải áo lều lợp lên, một người đem đôi áo tơ che kín hai đầu. Bốn phía góc lều đã được Khắc Mẫn đóng bốn cái cọc nho nhỏ và neo bốn chiếc gọng lều vào đó, cho khi có gió, lều khỏi lay chuyển. Vân Hạc liền đem cái chõng kê vào trong lều, rồi chàng sang lều Khắc Mẫn, giở bộ đá lửa đánh lửa hút thuốc...'

161. Thống sứ Bắc Kỳ: là viên chức người Pháp đứng đầu xứ bảo hộ Bắc Kỳ dưới thời Pháp thuộc. Chức vị này được lập ra vào năm 1886 (Thống sứ Paulin Vial) để điều hành việc cai trị Bắc Kỳ.

162. Sau khi thí sinh đỗ kỳ thi Hương năm sau mới được dự thi kỳ thi Hội. Thi đỗ khóa thi Hội rồi mới được phép dự thi Đình. Kỳ thi Hội cũng có bốn kỳ như thi Hương. Khoa thi này được gọi là "Hội thi Cử nhân" hoặc "Hội thi Cống sĩ" (các Cử nhân, Cống sĩ, tức là người đã đỗ thi Hương ở các địa phương, tụ hội lại ở kinh đô để thi) do đó gọi là thi Hội. Trước năm 1442 thí sinh đỗ cả 4 kỳ được công nhận là trúng cách thi Hội, nhưng không có học vị gì. Nếu không tiếp tục thi Đình thì vẫn chỉ có học vị Hương cống hoặc Cử nhân. Chỉ sau khi thi Đình, người trúng cách thi Hội mới được xếp loại đỗ và mới được công nhận là có học vị các loại Tiến sĩ. Chính thức từ năm 1442 trở đi thí sinh đỗ thi Hội mới có học vị Tiến sĩ (tức Thái học sinh, dân gian gọi là ông Nghè). Người đỗ đầu khoa thi Hội gọi là Hội nguyên.

163. Nguyên văn: 'celui qui en faisait fonctions': người thực hiện những chức năng của vị Thống sứ, ý nói quyền Thống sứ hoặc một quan chức được Thống sứ ủy nhiệm. (HĐ)

164. Đồng bạc Đông dương (tiếng Pháp: piastre): đơn vị tiền tệ người Pháp cho phát hành và lưu thông tại Đông Dương thuộc Pháp trong thời gian từ

năm 1885 đến năm 1954. Tiền Đông Dương gồm các đơn vị: piastre-đồng, cent (xen) hoặc centime (xăng-tim) – xu và sapèque-kẽm. Một đồng piastre bằng 100 xăng-tim (xu), một xăng-tim bằng 2-6 đồng kẽm (đồng trinh) tùy theo triều đại.

165. Để tách Bắc Kỳ khỏi quyền kiểm soát trực tiếp của triều đình Huế, người Pháp ép vua Đồng Khánh ra chỉ dụ lập Nha Kinh lược sứ Bắc Kỳ vào tháng 6/1886; tháng 2/1888 khánh thành trụ sở Nha (nay là Thư viện Quốc gia ở phố Tràng Thi, Hà Nội). Về danh nghĩa, đứng đầu Nha này là viên Kinh lược sứ Bắc Kỳ của triều đình nhà Nguyễn nhưng trên thực tế, quyền lực thuộc về Thống sứ Bắc Kỳ của người Pháp. Tháng 7/1897 vua Thành Thái bãi bỏ Nha này và quyền lực của Kinh Lược sứ Bắc Kỳ được chuyển giao cho Thống sứ Bắc Kỳ; Hoàng Cao Khải là viên Kinh lược sứ cuối cùng của Nha này.

166. Nguyên văn tiếng La-tinh “modus vivendi”: hòa ước tạm thời, tạm ước.

167. Cửa Thuận An, trước còn được gọi là cửa Eo, cửa Nộn, là một cửa biển quan trọng ở Trung Kỳ thuộc tỉnh Thừa Thiên. Cửa này là thủy lộ chính thông sông Hương qua phá Tam Giang ra biển Đông. Vì là nút giao thông nối liền vùng cận duyên và lưu vực sông Hương, cửa Thuận An đóng vai trò trọng yếu đối với cố đô Huế về mặt chiến lược, thương mại, cũng như kinh tế.

168. Ngụ ý trận Trấn Hải Thành (1883), quân triều đình thất thủ trước sự tấn công của quân Pháp, nhiều tướng lĩnh và quân sĩ triều đình đã anh dũng hy sinh trong trận chiến này, trong đó có Trần Thúc Nhẫn, Nguyễn Trung, Lê Chuẩn, Lâm Hoàn...

169. Khâm sứ Trung Kỳ (tiếng Pháp: Résident supérieur de l’Annam) là viên chức người Pháp đại diện cho chính quyền bảo hộ ở Trung Kỳ dưới thời Pháp thuộc. Trên danh nghĩa viên chức này không nắm quyền nội trị nhưng thực chất là Khâm sứ Trung Kỳ điều hành việc cai trị. Trước năm 1887 theo Hòa ước Giáp Tuất 1874 thì Pháp được quyền bổ nhiệm một Công sứ (Trú sứ) (résident) ở Huế.

170. Lính của triều đình Huế.

171. Ernest Albert Brière là Khâm sứ Trung Kỳ giai đoạn 1891-1897.

172. Nguyên văn ministre plénipotentiaire, thường được dịch là ‘Đặc sứ’ hoặc hiện nay là ‘đại sứ đặc mệnh toàn quyền’; trước năm 1887, chức danh này được gọi là Tổng Trú sứ; sau năm 1887 chức danh này được gọi là Khâm sứ.

173. Nơi các vua Nguyễn thiết triều, tiếp kiến sứ giả các nước.

174. Nhiều sự kiện diễn ra trong khoảng thời gian này có liên quan đến điều tác giả đề cập ở đây, nổi bật là việc triều đình nhà Nguyễn ký với Pháp Hòa ước Quý Mùi (25/8/1883) hay còn gọi là Hòa ước Harmand, chấp thuận chế độ Bảo hộ của Pháp ở An Nam, và Trận Kinh thành Huế (5/7/1885) do Tôn Thất Thuyết chỉ huy quân triều đình đánh vào lực lượng Pháp nhưng thất bại.

175. Tức Tuy Lý Vương Miên Trinh (Nguyễn Phúc Thư, 1820-1897), ông là con thứ 11 của vua Minh Mạng. Năm 1889, Thành Thái nguyên niên, ông được cử làm Đệ nhất Phụ chính thân thần.

176. Nguyễn Trọng Hợp (1820-1902) là danh thần triều Nguyễn. Ông đỗ Tiến sĩ khóa Ất Sửu (1865), làm quan dưới bảy đời vua từ Tự Đức đến Thành Thái, giữ các chức từ Tri phủ đến chức Kinh lược Bắc Kỳ (1886), Thượng thư Bộ Lại (1887), Tổng tài Quốc sử quán, Đại thần Cơ Mật viện, Văn Minh Đại học sĩ, Phụ chính Đại thần của vua Thành Thái (1889-1897).

177. Đây là 36 bài thơ được dịch từ tập Tây tra thi thảo, gồm 68 bài thơ, của Nguyễn Trọng Hợp làm trong khi đi sứ Pháp, vịnh phong cảnh cửa biển Cần Thơ, Singapour, Colombo, Hồng Hải, Kênh đào Suez, Paris, xem mặt trời mọc v.v.. Ba mươi sáu bài này được dịch sang tiếng Pháp và in ở Hà Nội năm 1897.

178. Nguyên tác viết ‘Dinh-Hoan-Chi-Luoc’, có thể là cuốn dư địa chí Doanh Hoàn Chí lược. Cuốn sách về địa lý thế giới này được biên soạn vào năm thứ 28 (Kỷ Dậu, 1849), niên hiệu Đạo Quang, triều vua Thanh Tuyên tông (Mân Ninh, 1821-1851), in vào đời vua Quang Tự nhà Thanh (1875-1909), Trung Hoa.

179. Những bài thơ này trích trong tập Tây tra thi thảo đã được dịch ra tiếng Pháp và được tác giả trích dẫn ở đây; tuy vậy bản dịch tiếng Pháp đã

chuyển những bài thất ngôn tứ tuyệt này thành những bài thơ sáu câu, Alpha Books đã tra cứu và dịch nghĩa từ nguyên bản tiếng Hán. Tài liệu tham khảo: Nguyễn Trọng Hợp, Tây tra thi thảo, Sách in năm 1884. Ký hiệu: VHv 1411, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

180. Clovis I (466-511): Vua của Vương quốc Frank có lãnh thổ bao trùm Tây Âu. Năm 486, sau chiến thắng Syagrius trong trận Soissons, sự thống trị của Clovis I mở rộng ra toàn miền bắc xứ Gaule. Thập niên 490, lãnh địa của Clovis mở rộng thêm về phía Địa Trung Hải. Năm 508 ông lấy Paris làm kinh đô của vương quốc mình.

181. Nguyên văn ‘chasse de Truong-Duong’, năm 32 trước Công nguyên là năm Hán Thành đế trị vì.

182. La Phù là một trong thập đại danh sơn của Trung Hoa, thuộc địa phận huyện Bác La, Huệ Châu, bên bờ Đông giang, miền trung tỉnh Quảng Đông. Núi này có nhiều cảnh đẹp, được xem là chốn thần tiên thường giáng hạ.

183. Tiếng Pháp những cây thuộc họ tre như trúc, tre, nứa, vầu... đều gọi chung là bambou, nhưng theo truyền thống văn hóa phương Đông thì cây trúc mới là biểu tượng của người quân tử; tuy vậy, do đoạn dưới có liên quan với đoạn này lại đề cập đến cây tre theo cách gọi chung của người Pháp nên chỗ này được để là tre.

184. Nguyên văn ‘Namty’: sông Nậm Thi hay sông Ngừ, Trung Hoa gọi là sông Nam Khê, hợp lưu với sông Hồng tại Hà Khẩu, Lào Cai.

185. Nguyễn Thân (1840-?) là võ quan nhà Nguyễn, người gốc Quảng Ngãi, con của Nguyễn Tấn, một võ quan thời Tự Đức. Sau này Nguyễn Thân trở thành một tướng lĩnh quan trọng dưới triều Đồng Khánh, và là cộng sự đắc lực của thực dân Pháp vào những năm cuối thế kỷ XIX tại Việt Nam, nổi tiếng với công trạng đánh dẹp các cuộc nổi dậy sau 1885. Nguyễn Thân bị các chí sĩ của ta thời đó, nhất là Phan Bội Châu, phê phán rất kịch liệt vì tội đánh lại đồng chủng, đồng bào.

186. Cuộc tấn công của Tôn Thất Thuyết vào quân Pháp, được sử sách ghi lại như sau: Đêm 22 rạng 23 tháng 5 âm lịch (tức ngày 4, 5 tháng 7 năm 1885), Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, vì thấy người Pháp khinh

mạn vua mình như vậy, nên quyết định ra tay trước: đem quân tấn công trại binh của Pháp ở đồn Mang Cá. Đến sáng thì quân Pháp phản công, quân triều Nguyễn thua chạy, rời bỏ Kinh thành Huế. Tôn Thất Thuyết vào cung cấp báo việc giao chiến trong đêm và mời vị Hoàng đế trẻ Hàm Nghi cùng Tam cung lên đường.

187. Túc Lê Trung Đình (1863-1885), hiệu Long Cang, là một chí sĩ yêu nước đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Quảng Ngãi trong phong trào Cần Vương.

188. Túc Nguyễn Tự Tân (1848-1885) là Phó quản lực lượng hương binh trong phong trào Cần Vương tại Quảng Ngãi.

189. Mai Xuân Thưởng (1860-1887), lúc nhỏ tên là Phạm Văn Siêu, là sĩ phu và là lãnh tụ phong trào kháng Pháp cuối thế kỷ XIX ở Bình Định.

190. Chức của Trần Bá Lộc trước khi được thăng lên Tổng đốc; nhờ đánh dẹp các cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ, Trần Bá Lộc được thăng các chức: Tri phủ (1867), Đốc phủ sứ (1868), Tổng đốc Thuận Khánh (24 tháng 7 năm 1886).

191. Túc Nguyễn Duy Hiệu (1847-1887), có sách ghi là Nguyễn Hiệu, tục gọi Hường Hiệu, là một chí sĩ và là một lãnh tụ trong phong trào Cần Vương tại Quảng Nam.

192. Jules Georges Piquet (1839-1923) là một chính trị gia người Pháp. Ông từng là Toàn quyền Đông Dương, thời gian tại vị từ 3/5/1889 đến 18/4/1891. Ngoài ra, ông còn làm Toàn quyền ở vùng Ấn Độ thuộc Pháp, thời gian tại vị từ năm 1888 đến 1889.

193. Séraphin Hector: Khâm sứ Trung Kỳ giai đoạn 1889-1891.

194. Phan Đình Phùng (1847-1895): hiệu Châu Phong, là nho sĩ, nhà thơ và là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885-1896) trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở cuối thế kỷ XIX.

195. Nguyễn Thân được phong tước Diên Lộc Quận công.

196. Nguyễn Văn ‘premier ministre’. Ở đây chỉ “Thượng thư Bộ Lại”, nhưng trong tiểu sử Nguyễn Thân không thấy ghi việc này.

197. Thành Thái (1879-1954) hay Nguyễn Phúc Bửu Lân (Nguyễn Phúc Chiêu) là vị Hoàng đế thứ 10 của triều đại nhà Nguyễn, tại vị từ 1889 đến

1907. Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân nổi tiếng là ba vị vua yêu nước, chống Pháp. Ông từng bị lưu đày sang đảo Réunion (châu Phi).

198. Tức vua Dục Đức – Nguyễn Cung Tông (1852-1883), vị Hoàng đế thứ năm của nhà Nguyễn. Ông là con của Thoại Thái vương Nguyễn Phúc Hồng Y được Tự Đức chọn làm người kế vị; ông lên ngôi theo di chiếu, nhưng các quan Phụ chính là Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết dâng tờ hạch lên Hoàng Thái hậu Từ Dụ hạch tội Dục Đức, rồi nhân đó tống giam ông, bỏ đói ông đến chết. Chỉ lên ngôi mấy ngày nên ông còn chưa kịp đặt niên hiệu, Dục Đức chỉ là tên gọi nơi ông ở là Dục Đức đường. Sau này con ông là Hoàng đế Thành Thái đã truy tôn phụ hoàng là Cung Tông Huệ Hoàng đế.

199. Theo sử gia Phạm Văn Sơn, thì đang khi vua Dục Đức hết sức đau đớn vì đói khát, Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đã sai người giết vua bằng thuốc độc vì sợ để lâu sẽ sinh biến (Việt sử tân biên, quyển 5, tập thượng, 1962).

200. Ở đây có lẽ tác giả đề cập đến Victor Olivier de Puymanel (1768-1799), còn có tên là Nguyễn Văn Tín, ông là một sĩ quan công binh và hải quân, một nhà phiêu lưu người Pháp, người có một vai trò khá quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Ông đóng vai trò chủ chốt trong việc người Pháp giúp hiện đại hóa lực lượng của Nguyễn Ánh. Tuy vậy đến nay, vai trò của Olivier trong việc xây dựng kinh thành Huế vẫn là một chủ đề gây tranh cãi.

201. Thường gọi là quần lá tọa.

202. Đàn Nam Giao triều Nguyễn được xây dựng ở xã Dương Xuân, về phía nam của kinh thành Huế, nay thuộc địa phận phường Trường An, thành phố Huế.

203. Đàn hình vuông mà tác giả nói đến chính là Phương Đàn, đàn hình tròn được gọi là Viên Đàn.

204. Nơi nhà vua thanh tịnh trai giới trước khi hành lễ tế Nam Giao, đó là một tổng thể kiến trúc khép kín nằm ở góc tây nam của khuôn viên đàn Nam Giao.

205. Nghi Thiên Chương Hoàng hậu (1810-1902), hay Từ Dụ hoàng Thái hậu. Bà tại vị như một bà hoàng đức cao vọng trọng nhất của triều đình Huế trong vòng 55 năm.

206. Lệ Thiên Anh Hoàng hậu (1828-1903) húy là Vũ Thị Duyên, con của Thái tử Thái Bảo, Đông Các Đại học sĩ, kiêm quản Quốc Tử Giám sự vụ Vũ Xuân Cẩn. Bà thường được gọi với hiệu Trang Ý Hoàng Thái hậu hoặc Khiêm Hoàng hậu.

207. Chính là Từ Minh Huệ Hoàng hậu Phan Thị Điều (1855-1906), người huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên, con gái của Phù Quốc công Phan Đình Bình.

208. Gavroche là nhân vật trong cuốn tiểu thuyết Những người khốn khổ của Victor Hugo, điển hình cho những cậu bé lang thang đường phố, láu lỉnh, phóng túng.

209. Lăng Minh Mạng hay Hiếu Lăng do vua Thiệu Trị cho xây dựng, nằm trên núi Cẩm Khê.

210. Dịch nguyên văn chú thích của tác giả dưới bức ảnh này: ‘Un tombeau d’empereur à Hue’; tuy vậy công trình trong ảnh trông giống Chùa Thiên Mụ.

211. Khu sân có tượng đá này gọi là Bái Đình, lát bằng gạch Bát Tràng, không phải bằng đá.

212. Đây chính là Bi Đình có bia “Thánh đức thần công” bằng đá xanh ghi bài văn bia của vua Thiệu Trị viết về tiểu sử và công đức của vua cha, nằm trên Phụng Thần Sơn.

213. Tức Triều Thành Thái. (HĐ)

214. Tức là Thần Đạo, trục trung tâm của các công trình trong lăng.

215. Tức Đại Hồng Môn.

216. Tức Bửu Thành, đây là một ngọn đồi thông hình tròn có tường thành bao quanh, sâu bên dưới là mộ vua.

217. Nguyên văn: ‘route mandarin’. Tức đường cái quan hay đường thiên lý, cũng có khi gọi là đường quan lộ, hay đường quan báo là một con đường dài chạy từ miền Bắc Việt Nam đến miền Nam Việt Nam, chủ yếu đắp vào đầu thế kỷ XIX.

218. Một hòn đảo tưởng tượng trong Gulliver du ký của Jonathan Swift. Hàm ý người lính An Nam nhỏ bé như người tí hon. (DG)
219. Bờ biển phía đông vùng Trung Hải thuộc Pháp.
220. Nouvelle-Calédonie là thuộc địa của Pháp tại châu Đại Dương. Đối với người Việt, từ thời Pháp thuộc, Nouvelle-Calédonie còn được gọi là Tân Thế giới.
221. Eo biển Manche là một đoạn eo biển dài thuộc Đại Tây Dương xen giữa đảo Anh và bờ biển phía bắc của Pháp, liền với Bắc Hải.
222. Tức đảo Lý Sơn.
223. Nguyên văn: ‘Baie de Hon-Kohe’. Ngày nay thuộc vịnh Vân Phong (Khánh Hòa).
224. Hiện nay là cảng Vân Phong (Khánh Hòa).
225. Alexandre Émile Jean Yersin (1863-1943): bác sĩ y khoa, nhà vi khuẩn học, và nhà thám hiểm người Pháp gốc Thụy Sĩ. Ông là người khám phá cao nguyên Lâm Viên và vạch ra một con đường bộ từ Trung Kỳ sang Cao Miên, cũng là người thành lập và là hiệu trưởng đầu tiên của Trường Y Đông Dương (tiền thân của Đại học Y Hà Nội).
226. Khi chưa có người Việt định cư, người Chăm gọi vùng đất này là “Hamu Lithít” – “Hamu” là xóm ruộng bằng, “Lithít” là ở gần biển. Khi bắt đầu có người Việt định cư, vẫn chưa ai có ý định đặt ngay cho vùng đất này một tên gọi mới bằng tiếng Việt. Lâu dần, âm cuối “Lithít” lại được gắn liền với âm “Phan” tách từ phiên âm của tên hai vùng Phan Rang, Phan Rí và Phan Thiết (tên gọi cũ) và sau này người ta gọi chuẩn với cái tên Phan Thiết.
227. Louis Vuillaume: tức Cố Đền cha sở nhà thờ Tấn Tài (Phan Rang) giai đoạn 1885-1889.
228. Đơn vị đo lường Trung Quốc, tương đương với khoảng 60 ki-lô-gam. (TG)
229. Nguyên văn: “des Khas”. Người Kháng, còn gọi là Xá Khao, Quảng Lâm, là dân tộc cư trú tại bắc Việt Nam và Ai Lao. Họ nói tiếng Kháng, là ngôn ngữ thuộc ngữ chi Khơ Mú của ngữ tộc Môn-Khmer.

230. Battambang: thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Battambang, Campuchia, phiên âm tiếng Việt là Bát-tam-bang hoặc Bát-đom-boong. Sử Việt thế kỷ XIX gọi tỉnh này là Bát Tầm Bôn.

231. Angkor là tên thường gọi của một khu vực tại Cao Miên đã từng là kinh đô của Đế quốc Khơ-me và đã phát triển rực rỡ vào khoảng thế kỷ IX đến thế kỷ XV. Từ “Angkor” xuất phát từ tiếng Phạn nagara và có nghĩa là “thành phố”.

232. Nguyên gốc tiếng Pháp: Indo-Chine, nghĩa là Ấn-Trung (Ấn Độ - Trung Hoa). (DG)

233. Biển Hồ Cao Miên: một hệ thống kết hợp giữa hồ và sông có tầm quan trọng to lớn đối với Cao Miên. Đây là hồ nước ngọt lớn nhất Đông Nam Á. Trong sách này dùng Biển Hồ để chỉ vùng hợp lưu giữa các con sông còn Tonlé-sap là tên một dòng sông.

234. Vào mùa mưa bắt đầu từ tháng Sáu, thay vì sông Tonlé-sap rút nước từ hồ ra sông Mê Kông thì sông chảy ngược dòng, tiếp nước vào hồ khiến mực nước hồ dâng cao và tăng diện tích hồ. Đến tháng Mười thì nước hồ lại rút xuống và theo sông Tonlé-sap đổ ra sông Mê Kông.

235. Sông Bassac hay sông Ba Thắc là cách gọi theo tiếng Khơ-me. Ở Việt Nam gọi sông Bassac là sông Hậu và sông Mỹ Tho là sông Tiền, còn sông Mỹ Tho ở Việt Nam lại chỉ là một nhánh của sông Tiền.

236. Từ năm 1887, đại diện Pháp ở Cao Miên được gọi là Khâm sứ Cao Miên.

237. Một trò chơi kiểu xổ số được sinh ra ở An Nam, nhưng trở nên phổ biến ở Cao Miên: Chủ trò làm một tấm ván, hay tấm thảm, với tên tiếng Hoa của 36 loài thú khác nhau: hổ, khỉ, rắn, công... Cùng lúc, chủ trò treo giữa phòng chơi một tấm bảng có ghi tên một loại thú, được phủ kín. Người chơi đặt cược trên một hoặc nhiều tên loài thú. Khi tất cả các tên đã được đặt kín, chủ trò công bố tên loài thú ghi trên tấm bảng, và người thắng giành được gấp nhiều lần giá trị đặt cược. (DG)

238. Tên bài Quốc ca Pháp.

239. Ở Cao Miên, cả nam và nữ thường dùng một miếng vải hình chữ nhật dài khoảng ba mét và rộng một mét quấn quanh eo, phần đuôi ở hai đầu sẽ

được thắt vào với nhau ở giữa hai chân rồi được cố định bởi một thắt lưng bằng kim loại, được gọi là sampot. Sampot gần giống với một chiếc quần hơn là váy.

240. Một loại đăng ten được làm bằng tay, phổ biến ở Pháp từ thế kỷ XVII, đặc biệt thường được sản xuất từ vùng Chantilly.

241. Một loại hộp quay tay tạo ra một giai điệu được thiết lập từ trước, mỗi hộp nhạc chỉ có thể phát ra một vài giai điệu nhất định.

242. Ý nói các điệu múa này diễn lại những tích trong sử thi Ramayana của Ấn Độ.

243. Chỉ hoàng thân Sisowath, sau trở thành nhà vua Cao Miên (trị vì: 1904 – 1927). Do việc tranh chấp cung đình, Sisowath đã bị anh trai của mình là vua Norodom trục xuất ra nước ngoài. Sau với sức ép của người Pháp, Norodom đã phải dàn hòa với Sisowath, phong tước hiệu cho em mình là Obbareach (Obbarach) có quyền kế vị. Xem: Sakou Samoth, Hommes et histoire du Cambodge, Paris 2012, p.233. (HĐ)

244. Nguyên văn: 'Excursions et Reconnaissance'.

245. Nguyên văn: L'Archaeological Survey.

246. Nguyên văn: Linguistic Survey.

247. Java (tiếng Indonesia: Jawa): đảo lớn nhất của Indonesia, hiện nay là đảo có mật độ dân số cao nhất toàn cầu, nơi sinh sống của 60% dân số nước này.

248. James Darmesteter, Ngữ văn học và khai thác thuộc địa, đăng trên báo Critique et Politique [Phân tích và chính trị] (TG).

249. Dự thảo về điều lệ được chuẩn bị bởi ngài Barth, Bréal và Sénart, được thỏa thuận với Doumer, và được duyệt bởi Viện Hàn lâm vào ngày 9/12/1898, trở thành nghị định từ 15/12/1898. (TG)

250. Xiêm Riệp: hay Siem Reap, tỉnh lỵ ở tây bắc Cao Miên. Địa danh này theo tiếng Miên nghĩa là “Xiêm bại trận”.

251. Kompong Chnang (tiếng Việt: Công-pông Chơ-năng): một tỉnh miền Trung của Campuchia.

252. Một quận thuộc Berlin, Đức.

253. Rama V: hay Chulalongkorn Đại vương (tên hoàng gia: Phra Chula Chomklao Chaoyuhua, 1853-1910), vị vua thứ năm của nhà Chakri trong lịch sử Thái Lan. Ông được xem là một trong những ông vua kiệt xuất của vương quốc Xiêm La và cũng được thần dân gọi là “Đức vua vĩ đại kính yêu”.
254. Hay Savannakhet (tiếng Việt: Xa Vãn Na Khẹt): một tỉnh thuộc miền Trung của Ai Lao. Ngày nay có thể từ Quảng Trị đi qua đường 9 để đến Savannakhet.
255. Một hệ thác rất lớn có dạng hẻm vực dài 150 cây số ở hữu ngạn của đoạn trung lưu sông Mê Kông chảy qua Thái Lan.
256. Hay Luangprabang: một tỉnh ở Bắc Lào, phiên âm kiểu Việt Nam là Luông Pra Băng, Luông Pha Băng hay Luống Phạ Bang; phiên âm Latinh kiểu phương Tây: Luang Prabang hay Louangphrabang).
257. Năm 1904 tỉnh này đổi tên thành Sơn La.
258. Một đảo thuộc tỉnh Chăm Pa Săc (Champasack) ở tây nam Lào.
259. Hay còn gọi là sông Mun, một nhánh của sông Mê Kông ở Thái Lan.
260. Một huyện (mường) thuộc tỉnh Champasack ở hạ Lào.
261. Nhà trường Athénée ở Rome (La Mã cổ đại). (HĐ)
262. Đây là một câu thơ nổi tiếng mô tả cảnh rặng đông trong tác phẩm Odyssey của Homère. (HĐ)
263. Cao nguyên Boloven thuộc tỉnh Champasack ngày nay.
264. Hay còn gọi là sông Dôn, một sông nhánh của Mê Kông.
265. Một vùng ở Nam Lào ngày nay, cách Viên Chăn khoảng 435 cây số về phía đông nam.
266. Saravane: hay thành phố Salavan, tỉnh lỵ của tỉnh Salavan ở miền Nam Lào.
267. Có thể hiểu là Bộ trưởng Bộ Thuộc địa.
268. Quảng Châu Loan: là vùng đất ở miền nam Trung Hoa, thuộc tỉnh Quảng Đông. Đây từng là một lãnh thổ thuộc Liên bang Đông Dương.
269. Xem các báo cáo của ông Paul Doumer, đính kèm các biên bản phiên họp ngày 28 tháng Ba và 29 tháng Sáu, và báo cáo của ông Camille Krantz, trong biên bản phiên họp ngày 27 tháng Mười hai năm 1895. (TG)

270. Một công ty xây dựng của Pháp, tiền thân là công ty Daydé do Henri Daydé (1847-1924) thành lập, năm 1880 công ty này có tên là Pillé&Daydé, năm 1882 đổi tên thành Daydé&Pillé, cuối cùng năm 1903 lấy tên lại thành Daydé.

271. Nguyên văn ‘caisson’: một cấu trúc dạng thùng hoặc khối hộp lớn, kín nước, dùng để thi công các hạng mục dưới nước như xây cầu, đóng tàu...

272. Tức cầu Long Biên.

273. Tức cầu Tràng Tiền

274. Đây là công ty Société de Construction Levallois-Perret, do Maurice Koechlin làm Giám đốc điều hành. Tiền thân của nó là công ty Compagnie des Etablissements Eiffel.

275. Tức cầu Hàm Rồng.

276. Trên thực tế, dự án này không được thực hiện. (HĐ)

277. Nguyên văn: ‘l’îlot de l’Observatoire’ (Đảo nhỏ đài Quan sát), nay thuộc cảng Tiên Sa. (HĐ)

278. Sự kiện Fachoda (Fashoda): Chính sách bành trướng thuộc địa theo chiều ngang Đông–Tây của Pháp xung đột với chính sách bành trướng thuộc địa theo chiều dọc Bắc–Nam của Anh và điểm tập trung sự xung đột là Sudan. Năm 1894, Pháp cử quân tới chiếm Fachoda ở thượng lưu sông Nil làm xứ bảo hộ của mình. Anh liền hậu thuẫn cho một lực lượng bản xứ Sudan chống lại quân Pháp. Chiến tranh gần như sắp nổ ra. Sau đó, Pháp buộc phải nhượng bộ và từ bỏ Đông Phi.

279. Vụ Dreyfus là một cuộc xung đột chính trị–xã hội nghiêm trọng trong nền Đệ tam cộng hòa Pháp vào cuối thế kỷ XIX, xoay quanh cáo buộc tội phản quốc đối với Đại úy Alfred Dreyfus, một người Pháp gốc Alsace theo Do Thái giáo, người mà cuối cùng được tuyên bố vô tội. Nó đã khuấy đảo xã hội Pháp một cách sâu sắc trong suốt 12 năm (1895-1906), trong đó hầu như toàn thể các giới trong xã hội Pháp chia thành hai phe ủng hộ Dreyfus (dreyfusard) và chống Dreyfusard (anti-dreyfusard) và dẫn đến nhiều hệ lụy với nước Pháp về sau.

280. Pursat: một tỉnh của Campuchia, còn phiên âm là Puốc-xát, hay Phúc-túc theo sử cũ thời nhà Nguyễn. Bản đồ thời nhà Nguyễn còn gọi đây là

trấn Gò Sắt.

281. Hay Át Ta Pư, một tỉnh ở đông nam Lào ngày nay.

282. Khorat: Cao nguyên Khorat hay Cò Rạt nằm ở phía Đông Bắc của Thái Lan.

283. Nay là Nghi Tân, Tứ Xuyên.

284. Kampot là một tỉnh phía nam Campuchia, thời Nguyễn còn gọi là Cần-bột.

285. Một tỉnh cũ của Việt Nam được thành lập vào năm 1831 và là một trong 13 tỉnh được thành lập sớm nhất ở Bắc Kỳ. Năm 1884, quân Pháp đánh chiếm thành Hưng Hóa, sau đó cắt đặt lại tỉnh này. Năm 1903, tỉnh này được đổi tên thành tỉnh Phú Thọ.

286. Đề Kiêu: tên thật là Hoàng Văn Thúy (1855-1915), người Hưng Hóa. Ông thuộc về những người đầu tiên tham gia phong trào Cần Vương và cũng nằm trong những người cuối cùng hạ giáo.

287. Hoàng Hoa Thám (1836-1913): còn gọi là Đề Dương, Đề Thám hay Hùm xám Yên Thế, là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế chống Pháp (1884-1913).

288. Đây chính là giai đoạn hòa hoãn lần thứ hai của nghĩa quân Đề Thám (1897-1909) để chuẩn bị lực lượng và mở rộng căn cứ, địa bàn hoạt động. Đến năm 1908, Đề Thám chỉ đạo vụ Hà Thành đầu độc nổi tiếng. Khởi nghĩa Yên Thế chấm dứt năm 1913.

289. Thuộc Hải Nam.

290. Sự kiện đáng lưu ý nhất của nhà Thanh trước 1897 là Chiến tranh Trung - Nhật (1894-1895).

291. Còn gọi là Chiến tranh Nhật-Thanh (theo cách gọi ở Nhật Bản), hay Chiến tranh Giáp Ngọ (theo cách gọi cũ ở Trung Hoa), là một cuộc chiến tranh giữa Đại Thanh và Đế quốc Nhật Bản diễn ra từ 1/8/1894 đến 17/5/1895. Cuộc chiến tranh này đã trở thành biểu tượng về sự suy yếu của nhà Thanh và chứng tỏ sự thành công của quá trình hiện đại hóa do công cuộc Minh Trị duy tân mang lại so với Phong trào Dương vụ ở Trung Hoa. Kết quả chủ yếu của cuộc chiến này là việc chuyển dịch sự chi phối khu

vực châu Á từ Trung Hoa sang Nhật Bản và là một đòn chí mạng vào nhà Thanh và truyền thống cổ truyền Trung Hoa.

292. Mãn Châu Lý: nay là một thành phố cấp huyện thuộc Nội Mông. Năm 1901, tuyến đường sắt Viễn Đông Trung Hoa được hoàn thành theo thỏa thuận của Hiệp ước mật Trung-Nga năm 1896, kết nối Siberi, Mãn Châu, và Viễn Đông Nga. Một điểm dân cư sau đó được hình thành quanh ga Manchzhuriya, điểm dừng đầu tiên tại Mãn Châu với những người Nga.

293. Hải chiến cảng Lữ Thuận nổ ra giữa Hải quân Đế quốc Nga và Hải quân Đế quốc Nhật (1904). Cảng Lữ Thuận hay Lữ Thuận Khẩu Khu thuộc tỉnh Liêu Ninh, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngày nay.

294. Năm 1898, chiến tranh Tây Ban Nha-Hoa Kỳ bùng nổ, kết quả là Tây Ban Nha đã mất nốt những thuộc địa cuối cùng của mình là Philippines, Guam ở châu Á và Cuba, Puerto Rico ở biển Caribbean.

295. Vào năm 1900, ở Trung Hoa, có Phong trào Nghĩa Hòa Đoàn hay Khởi nghĩa Nghĩa Hòa Đoàn (1899-1901). Tháng 6 năm 1900, quân Nghĩa Hòa chiếm đóng Bắc Kinh và giết 230 người ngoại quốc. Hàng chục nghìn tín đồ Cơ Đốc giáo Trung Hoa, gồm Công giáo và Tin Lành đều bị giết, phần lớn tại hai tỉnh Sơn Đông và Sơn Tây, như là một phần hệ quả của cuộc nổi dậy. Chính quyền của Từ Hy Thái hậu tỏ ra bất lực khi các nhà ngoại giao và binh sĩ cũng như thường dân nước ngoài và một vài tín đồ Cơ Đốc giáo người Hoa phải rút lui vào các tòa Công sứ và cầm cự 55 ngày cho đến khi liên quân 8 nước gửi 20.000 quân tới giải cứu. Liên quân đánh bại quân chính quy nhà Thanh, chiếm đóng Bắc Kinh ngày 14 tháng 8, giải vây khu lãnh sự, tiếp đó cướp phá Bắc Kinh và các khu vực lân cận, hành quyết các tù binh tình nghi là thành viên Nghĩa Hòa bị bắt.

(1) Dụng tâm lương khổ: thành ngữ, ý muốn nói đến việc lao tâm khổ tứ, chịu khó suy nghĩ về chuyện gì đó.

(1) BA: người quản lý.

(1) Thành ngữ “thêu hoa trên gấm”: ý chỉ việc làm thừa thãi.

(2) Estée Lauder và Shiseido là hai nhãn hiệu mỹ phẩm nổi tiếng của Mỹ và Nhật Bản.

(3) Đồng sự: thành viên hội đồng quản trị.

(4) Sữa tươi tưới lên đầu: nguyên văn là “thế hồ quán đỉnh”, trong Phật giáo chỉ sự giác ngộ một cách triệt để.

(5) Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn: là thuyết trong Phật giáo, có nghĩa là: Trên trời, dưới đất chỉ một mình ta mà thôi.

(1) Tổng giám tài vụ: tiếng Anh là CFO, trong tiếng Việt là giám đốc tài chính.

(1) Brunch: bữa ăn giữa bữa sáng và bữa trưa.

(2) CBD viết tắt của từ Central Business District, khu trung tâm hành chính và thương mại của một quốc gia hay một thành phố.

(3) Bộ phim này có tên là _Cuộc sống tươi đẹp (Life is beautiful),_ tác phẩm điện ảnh kinh điển của Ý năm 1998. Phim đoạt ba giải Oscar và năm mươi hai giải thưởng khác.

(1) Thế thái viêm lương: lòng người thay đổi, thói đời đen bạc.

CBD: viết tắt của Central business district. Ngày nay, CBD được hiểu là khu vực có xu hướng phát triển mang tính chuyên môn hóa cao, là trung tâm bán lẻ, trung tâm thương vụ, trung tâm dịch vụ và cũng là trung tâm văn hóa, hành chính, thông tin...

(1) Đập nổi chìm thuyền có nghĩa “quyết đánh đến cùng”, dựa theo điển tích: Hạng Vũ đem quân đi đánh Cự Lộc, sau khi qua sông, ông ra lệnh chìm hết thuyền, đập vỡ hết nổi niêu để binh sĩ thấy không có đường lui, phải quyết tâm đánh thắng.

(1) Kỳ kinh bát mạch: Theo người xưa, bốn khí dương từ trên đi xuống (thiên khí) và bốn khí âm (địa khí) từ dưới đi lên, tám dòng khí hóa trên giao lưu qua cơ thể con người, tạo thành tám kinh, gọi là “kỳ kinh bát mạch”. Kỳ kinh bát mạch gồm: Nhâm mạch, Đốc mạch, Dương duy mạch, Âm duy mạch, Dương kiêu (kiểu) mạch, Âm kiêu (kiểu) mạch, Xung mạch và Đái (Đới) mạch. Trong tám mạch, trừ hai mạch Nhâm và Đốc có huyết riêng, còn sáu mạch khác không có huyết riêng, có thể dùng một số huyết của các kinh chính (huyết hội với tám mạch) để điều hòa mạch khí của sáu mạch này.

(1) Long Island là một hòn đảo nằm ở phía đông nam New York, Hoa Kỳ.

(2) Cửa hàng flagship: Trong lĩnh vực thời trang, flagship có vai trò như một lời tuyên ngôn và thể hiện rõ nhất tính cách thương hiệu. Flagship thường có mặt bằng rộng hơn hẳn các cửa hàng trong cùng hệ thống. Bên cạnh việc bán hàng, vai trò quan trọng hơn của flagship chính là thể hiện sức mạnh, cá tính thương hiệu qua show window, trưng bày sản phẩm, hiệu ứng âm thanh, ánh sáng, kiến trúc nội, ngoại thất...

(1) Địa lão thiên hoang: dài đằng đẵng.